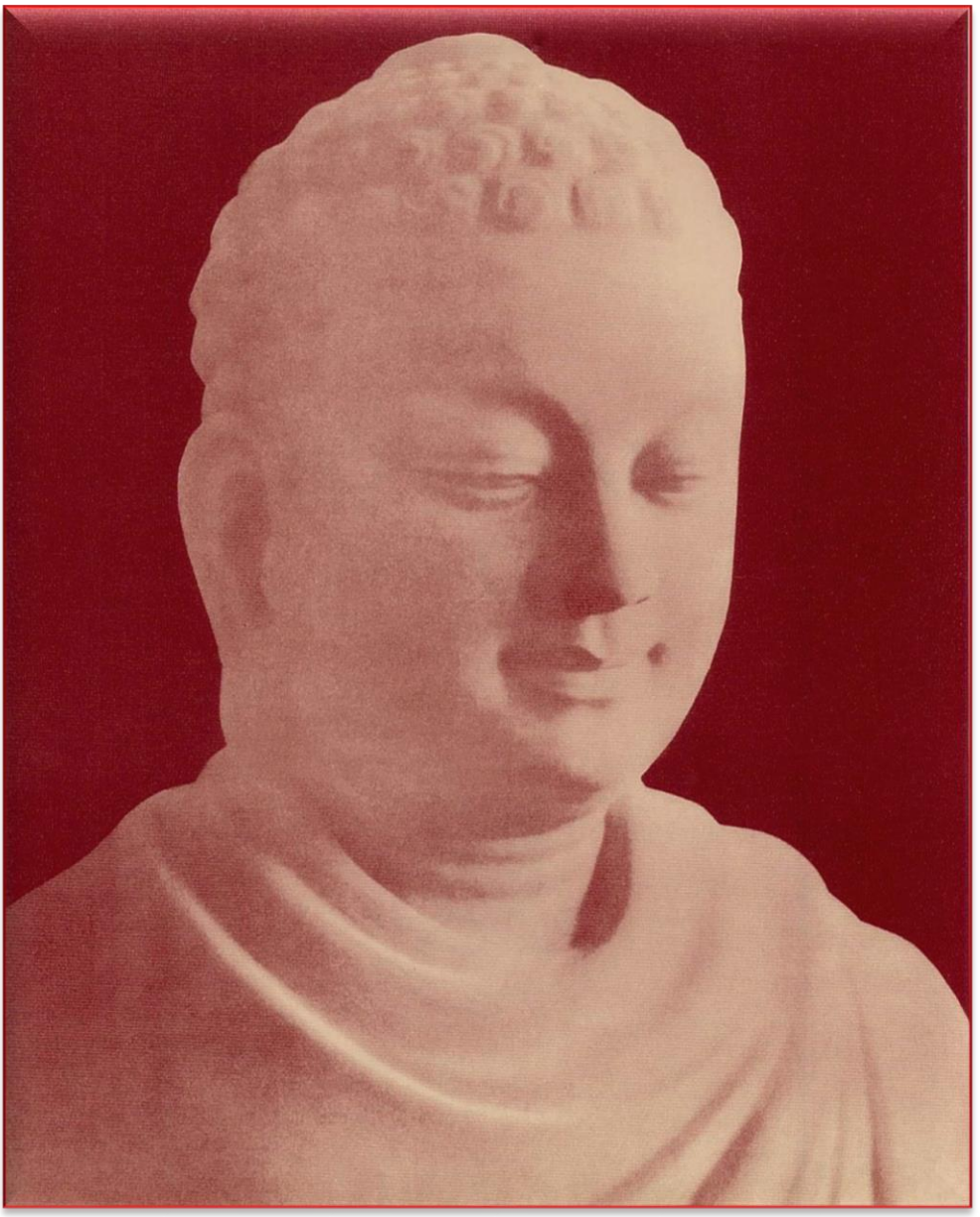

NAM – MÔ BỔN – SƯ THỊCH – CA MẬU – NI PHẬT

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

Tập 94

BỘ A TỲ ĐÀM

VI

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

NHỮNG QUY ƯỚC THỐNG NHẤT TRONG LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

I- <u>Viết hoa toàn bộ</u>:

1. **Tên người**: (Phật) Vô Lượng, (vua) Tự Đức, (Thiền sư) Vạn Hạnh, (Bồ-tát) Quán Thế Âm...
2. **Tên nước:** Việt Nam, Trung Hoa, Thái Lan, Đài Loan...
3. **Tôn xưng danh hiệu Phật**: Đức Như Lai, Bậc Chúng Hựu, Đấng Tối Chánh Giác...
4. **Tác phẩm, kinh sách**: luận Trung Quán, kinh Diệu Pháp Liên Hoa, kinh Trường A-hàm...

II- Viết hoa chữ đầu:

1. **Địa danh**: thành Vương xá, chùa Ấn quang, rừng Thi lợi...
2. **Thuật ngữ Phật học được nhấn mạnh**: bốn Niệm xứ, bốn Chánh cần, Khổ xuất yếu thánh đế...
3. **Phẩm bậc, quả vị tôn kính**: Hòa thượng, Thanh văn, Duyên giác, Thái tử (nói về Phật, Bồ-tát thị hiện độ sanh; ví dụ: Thái tử Tỳ-bà-thi), Tôn giả...
4. Chủng loại: chư Thiên
5. **Phương hướng**: phương Đông nam, hướng Tây bắc, phía Đông thành Vương xá...

III- <u>Viết hoa chữ đầu + gạch nối</u>: (những từ được phiên âm từ Pāli)

1. **Nhân danh:** Mãn-độ-ma, Xà-ni-sa, Xá-lợi-phất...
2. **Địa danh**: nước Bạt-kỳ, thành Xá-vệ, cõi Diêm-phù-đề...
3. **Thuật ngữ Phật học được nhấn mạnh**: A-lại-da, Tam-phật-đà, Ba-la-đề-mục-xoa...
4. **Phẩm bậc, quả vị**: Tỳ-kheo, Ưu-bà-di, A-la-hán...
5. **Chủng loại**: A-tu-la, La-sát, Càn-thát-bà...

IV- <u>Gạch nối</u>: (danh từ chung được phiên âm từ Pāli)

<u>ví dụ</u>: đàn-việt, na-do-tha, do-tuần...

V- Số:

1. **Viết thành chữ:** (những số quá lớn nên chú thích thêm số)

   ví dụ: hai trăm năm mươi (giới), ba mươi hai (tướng tốt), mười lăm ức bảy ngàn sáu mươi vạn (1.570.600.000)...

2. **Viết thành số**: số hiệu kinh, số trang dẫn

   ví dụ: Đại I, trang 15, cht. 52 ...

VI- Đặc biệt:

- ✓ **Âm "y" và "i"**: dù đứng một mình, đứng đầu từ hoặc ở giữa từ, hoặc sau các phụ âm: K, L, M, T, Q vẫn viết theo thói quen cũ.

  ví dụ: kỷ cương, lý luận, hoàn mỹ, quy định, li ti, hoan hỷ...
- ✓ 梵 viết là "**Phạm**" không viết là "**Phạn**" (phát âm theo chữ Brahma).
- ✓ 慧 viết là "**Tuệ**" không viết là "**Huệ**".

Chùa Pháp Bảo-Thủ Đức, ngày 8 tháng 9 năm 2000

*Sa môn **THÍCH TỊNH HẠNH***

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

TẬP 94

BỘ A-TỲ-ĐÀM
VI

SỐ 151 → 200

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

MỤC LỤC
BỘ A-TỲ-ĐÀM 6 – T094

SỐ 1545 ..... **3**
LUẬN A TỲ ĐẠT MA ĐẠI TỲ BÀ SA **3**
QUYỂN 151 ..... **3**
CHƯƠNG VI: CĂN UẨN (Tiếp Theo) 3
Phẩm Thứ Tư: LUẬN VỀ ĐẲNG TÂM (Phần 1) 3
QUYỂN 152 ..... **19**
LUẬN VỀ ĐẲNG TÂM (Phần 2) 19
QUYỂN 153 ..... **36**
LUẬN VỀ ĐẲNG TÂM (Phần 3) 36
QUYỂN 154 ..... **52**
LUẬN VỀ ĐẲNG TÂM (Phần 4) 52
QUYỂN 155 ..... **70**
LUẬN VỀ ĐẲNG TÂM (Phần 5) 70
CHƯƠNG VI: CĂN UẨN (Tiếp Theo) 73
Phẩm Thứ Năm: LUẬN VỀ NHẤT TÂM 73
LUẬN VỀ NHẤT TÂM (Phần 1) 73
QUYỂN 156 ..... **88**
LUẬN VỀ NHẤT TÂM (Phần 2) 88
CHƯƠNG VI: CĂN UẨN (Tiếp Theo) 92
Phẩm Thứ Sáu: LUẬN VỀ NGƯ 92
CHƯƠNG VI: CĂN UẨN Tiếp Theo) 104
Phẩm Thứ Bảy: LUẬN VỀ NHÂN DUYÊN 104
QUYỂN 157 ..... **106**
CHƯƠNG VII: ĐỊNH UẨN 106
Phẩm Thứ Nhất: LUẬN VỀ ĐẮC 106
LUẬN VỀ ĐẮC (Phần 1) 106
QUYỂN 158 ..... **124**
LUẬN VỀ ĐẮC (Phần 2) 124
QUYỂN 159 ..... **144**
LUẬN VỀ ĐẮC (Phần 3) 144
QUYỂN 160 ..... **161**
LUẬN VỀ ĐẮC (Phần 4) 161
QUYỂN 161 ..... **178**
LUẬN VỀ ĐẮC (Phần 5) 178
QUYỂN 162 ..... **195**
LUẬN VỀ ĐẮC (Phần 6) 195

CHƯƠNG VII: ĐỊNH UẨN (Tiếp Theo) 205
Phẩm Thứ Hai: LUẬN VỀ DUYÊN 205
LUẬN VỀ DUYÊN (Phần 1) 205
QUYỂN 163 215
LUẬN VỀ DUYÊN (Phần 2) 215
QUYỂN 164 229
LUẬN VỀ DUYÊN (Phần 3) 229
QUYỂN 165 244
LUẬN VỀ DUYÊN (Phần 4) 244
QUYỂN 166 261
CHƯƠNG VII: ĐỊNH UẨN (Tiếp Theo) 261
Phẩm Thứ Ba: LUẬN VỀ NHIẾP 261
LUẬN VỀ NHIẾP (Phần 1) 261
QUYỂN 167 278
LUẬN VỀ NHIẾP (Phần 2) 278
QUYỂN 168 293
LUẬN VỀ NHIẾP (Phần 3) 293
QUYỂN 169 309
LUẬN VỀ NHHIẾP (Phần 4) 309
QUYỂN 170 325
LUẬN VỀ NHIẾP (Phần 5) 325
QUYỂN 171 341
LUẬN VỀ NHIẾP (Phần 6) 341
QUYỂN 172 358
LUẬN VỀ NHIẾP (Phần 7) 358
QUYỂN 173 376
LUẬN VỀ NHIẾP (Phần 8) 376
QUYỂN 174 392
CHƯƠNG VII: ĐỊNH UẨN (Tiếp Theo) 392
Phẩm Thứ Tư: LUẬN VỀ BẤT HOÀN 392
LUẬN VỀ BẤT HOÀN (Phần 1) 392
QUYỂN 175 408
LUẬN VỀ BẤT HOÀN (Phần 2) 408
QUYỂN 176 426
LUẬN VỀ BẤT HOÀN (Phần 3) 426
QUYỂN 177 443
LUẬN VỀ BẤT HOÀN (Phần 4) 443
QUYỂN 178 460
LUẬN VỀ BẤT HOÀN (Phần 5) 460

QUYỂN 179 477
LUẬN VỀ BẤT HOÀN (Phần 6) 477
QUYỂN 180 497
LUẬN VỀ BẤT HOÀN (Phần 7) 497
QUYỂN 181 516
LUẬN VỀ BẤT HOÀN (Phần 8) 516
QUYỂN 182 535
LUẬN VỀ BẤT HOÀN (Phần 9) 535
QUYỂN 183 551
LUẬN VỀ BẤT HOÀN (Phần 10) 551
CHƯƠNG VII: ĐỊNH UẨN (Tiếp Theo) 562
Phẩm Thứ Năm: LUẬN VỀ NHẤT HÀNH 562
LUẬN VỀ NHẤT HÀNH (Phần 1) 562
QUYỂN 184 567
LUẬN VỀ NHẤT HÀNH (Phần 2) 567
QUYỂN 185 585
LUẬN VỀ NHẤT HÀNH (Phần 3) 585
QUYỂN 186 602
LUẬN VỀ NHẤT HÀNH (Phần 4) 602
QUYỂN 187 627
CHƯƠNG VIII: KIẾN UẨN 627
Phẩm Thứ Nhất: LUẬN VỀ NIỆM TRÚ 627
LUẬN VỀ NIỆM TRÚ (Phần 1) 627
QUYỂN 188 643
LUẬN VỀ NIỆM TRU (Phần 2) 643
QUYỂN 189 658
LUẬN VỀ NIỆM TRU (Phần 3) 658
QUYỂN 190 675
LUẬN VỀ NIỆM TRÚ (Phần 4) 675
QUYỂN 191 691
LUẬN VỀ NIỆM TRU (Phần 5) 691
QUYỂN 192 709
LUẬN VỀ NIỆM TRU (Phần 6) 709
CHƯƠNG VIII: KIẾN UẨN (Tiếp Theo) 716
Phẩm Thứ Hai: LUẬN VỀ TAM HỮU 716
LUẬN VỀ TAM HỮU (Phần 1) 716
QUYỂN 193 729
LUẬN VỀ TAM HỮU (Phần 2) 729
QUYỂN 194 747

LUẬN VỀ TAM HỮU (Phần 3) 747
QUYỂN 195 765
LUẬN VỀ TAM HỮU (Phần 4) 765
CHƯƠNG VIII: KIẾN UẨN (Tiếp Theo) 769
Phẩm Thứ Ba: LUẬN VỀ TƯỞNG 769
LUẬN VỀ TƯỞNG (Phần 1) 769
QUYỂN 196 785
LUẬN VỀ TƯỞNG (Phần 2) 785
CHƯƠNG VIII: KIẾN UẨN (Tiếp Theo) 791
Phẩm Thứ Tư: LUẬN VỀ TRÍ 791
LUẬN VỀ TRÍ (Phần 1) 791
QUYỂN 197 802
LUẬN VỀ TRÍ (Phần 2) 802
QUYỂN 198 819
CHƯƠNG VIII: KIẾN UẨN (Tiếp Theo) 819
Phẩm Thứ Năm: LUẬN VỀ KIẾN 819
LUẬN VỀ KIẾN (Phần 1) 819
QUYỂN 199 839
LUẬN VỀ KIẾN (Phần 2) 839
QUYỂN 200 859
LUẬN VỀ KIẾN (Phần 3) 859

-oOo-

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

TẬP 94

LUẬN
A TỲ ĐẠT MA ĐẠI TỲ BÀ SA

SỐ 1545

(QUYỂN 151 → 200)

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢ

SỐ 1545

LUẬN A TỲ ĐẠT MA ĐẠI TỲ BÀ SA

Năm trăm Đại A-la-hán cùng tạo luận.
Tam Tạng Pháp Sư Huyền Trang
dịch Phạn sáng Há

QUYỂN 151

CHƯƠNG VI: CĂN UẨN (Tiếp Theo)

Phẩm Thứ Tư: LUẬN VỀ ĐẲNG TÂM (Phần 1)

Tâm của tất cả hữu tình nên nói là khởi như nhau, trú như nhau, diệt như nhau chăng? Những chương như vậy và giải thích về nghĩa của từng chương đã lĩnh hội rồi, tiếp theo nên phân biệt rộng ra.

Hỏi: Vì sao soạn ra phần luận này?

Đáp: Bởi vì muốn làm cho người nghi ngờ có được quyết định. Đó là các loài hữu tình, hoặc có loài thân hình to lớn, hoặc có loài thân hình nhỏ bé. Loài thân hình to lớn, như trong biển rộng có các hữu tình đã mang lấy tự Thể, thân lượng ấy to lớn, hoặc là một trăm Du-thiện-na, hoặc là hai-ba-bốn-năm-sáu-bảy trăm Du-thiện-na, hoặc là cho đến hai ngàn một trăm Du-thiện-na, như hình lượng to lớn của Hạt-la-hô vua A- tố-lạc; cao mười sáu ngàn Du-thiện-na, như thân lượng của trời Sắc Cứu Cánh. Thân hình nhỏ bé, như muỗi-kiến-rận-rệp và các loại vi trùng, những người mắt sáng tuy tác ý đến mức cuối cùng mà cũng không thể nào nhìn thấy. Đừng có sinh lòng nghi ngờ, thân to lớn thì tâm cũng to lớn, thân nhỏ bé thì tâm cũng nhỏ bé! Muốn làm cho mối nghi này được quyết định, hiển bày về các loài hữu tình do Đại chủng mà tạo ra sắc, tuy có nhiều-ít mà tâm đều như nhau, cho nên soạn ra phần luận này.

Lại nữa, các loài hữu tình, hoặc có loài đi lại chuyển động nhanh chóng, hoặc có loài đi lại chuyển động chậm chạp. Loài đi lại chuyển động nhanh chóng, như ngựa-hươu nai-chồn sói… Loài đi lại chuyển động chậm chạp, như sâu bọ-giun trùng… Đừng có sinh lòng nghi ngờ, đi lại chuyển động nhanh chóng thì tâm sinh diệt nhanh chóng, đi lại chuyển động chậm

chạp thì tâm sinh diệt chậm chạp! Vì làm cho mối nghi này được quyết định, hiển bày về các loài hữu tình tuy do Đại chủng mà tạo ra sắc, chuyển động có nhanh chậm, nhưng tâm sinh diệt thì tất cả đều như nhau.

Lại nữa, các loài hữu tình, hoặc có oai nghi tùy tiện vội vàng giống như gió bão, Giác Tuệ chuyển dời trôi nổi như mặt trời trên sóng; hoặc có oai nghi chậm rãi sâu nặng giống như ngọn núi, Giác Tuệ vắng lặng chìm sâu như ngọn đèn trong nhà kín. Đừng có sinh lòng nghi ngờ, oai nghi tùy tiện vội vàng-Giác Tuệ chuyển dời trôi nổi thì tâm sinh diệt mau chóng, oai nghi chậm rãi sâu nặng-Giác Tuệ vắng lặng chìm sâu thì tâm sinh diệt chậm chạp! Vì làm cho mối nghi này được quyết định, hiển bày về các loài hữu tình tuy oai nghi có nặng-nhẹ, Giác Tuệ có chìm-nổi, mà tâm sinh diệt thì tất cả đều như nhau.

Hỏi: Nếu tâm của các hữu tình sinh diệt như nhau, thì tại sao oai nghi có nặng-nhẹ, Giác Tuệ có chìm-nổi?

Đáp: Có các hữu tình đối với nhiều cảnh giới có nhiều tâm khởi lên, có các hữu tình đối với một cảnh giới có nhiều tâm khởi lên. Nếu các hữu tình đối với nhiều cảnh giới khởi lên nhiều tâm, thì oai nghi tùy tiện vội vàng-Giác Tuệ chuyển dời trôi nổi; nếu các hữu tình đối với một cảnh giới khởi lên nhiều tâm, thì oai nghi chậm rãi sâu nặng-Giác Tuệ vắng lặng chìm sâu. Bởi vì những nhân duyên như vậy, cho nên soạn ra phần luận này.

Hỏi: Tâm của tất cả hữu tình nên nói là khởi như nhau, trú như nhau, diệt như nhau chăng?

Đáp: Đúng như vậy.

Hỏi: Là tâm của tất cả hữu tình sinh như nhau-diệt như nhau, tất cả tâm ấy một sát-na sinh, một sát-na diệt chăng? Hay không phải là tâm của tất cả hữu tình sinh như nhau-diệt như nhau, cũng không phải là tất cả tâm ấy một sát-na sinh, một sát-na diệt chăng? Giả sử như vậy thì có gì sai? Nếu tâm của tất cả hữu tình sinh như nhau-diệt như nhau, tất cả tâm ấy một sát-na sinh, một sát-na diệt, phần vị có tâm thì có thể như vậy, phần vị không có tâm thì thế nào? Đó là lúc tiến vào Định Vô tưởng-Định Diệt tận, tâm của hữu tình khác cũng sinh cũng diệt, tâm ấy diệt mà không sinh; lúc ra khỏi Định Vô tưởng-Định Diệt tận, tâm của hữu tình khác cũng diệt cũng sinh, tâm ấy sinh mà không diệt; lúc trú trong Định Vô tưởng-Định Diệt tận, tâm của hữu tình khác cũng sinh cũng diệt, tâm ấy không sinh-không diệt, tại sao có thể nói là tâm sinh diệt như nhau cùng trong một sát-na? Nếu không phải là tâm của tất cả hữu tình sinh như nhau-diệt như nhau, cũng không phải là tất cả tâm ấy một sát-na sinh, một sát-na diệt, thì trong

này đã nói nên hiểu thế nào? Đó là tâm của tất cả hữu tình khởi như nhau-trú như nhau-diệt như nhau.

Đáp: Nên đưa ra cách nói này: Tâm của tất cả hữu tình sinh như nhau-diệt như nhau, tất cả tâm ấy một sát-na sinh, một sát-na diệt.

Hỏi: Phần vị có tâm thì có thể như vậy, phần vị không có tâm thì thế nào?

Đáp: Phần vị có tâm thì có thể như vậy, phần vị không có tâm cũng có thể như vậy. Nghĩa là lúc tiến vào Định Vô tưởng-Định Diệt tận, như tâm của hữu tình khác sinh ra, tâm của Định ấy trong sát-na đầu tiên cũng sinh ra; như tâm của hữu tình khác diệt đi, tâm tiến vào Định ấy cũng diệt đi. Lúc ra khỏi Định Vô tưởng-Định Diệt tận, như tâm của hữu tình khác sinh ra, tâm ra khỏi Định ấy cũng sinh ra; như tâm của hữu tình khác diệt đi, tâm của Định ấy trong sát-na cuối cùng cũng diệt đi. Lúc trú trong Định Vô tưởng-Định Diệt tận, như tâm của hữu tình khác cũng sinh cũng diệt trong từng sát-na, tâm trong thời gian của Định ấy cũng sinh cũng diệt qua từng sát-na. Vì vậy, phần vị có tâm-không có tâm đều có thể như vậy.

Có Sư khác nói: Không phải là tâm của tất cả hữu tình sinh như nhau-diệt như nhau, cũng không phải là tất cả tâm ấy một sát-na sinh, một sát-na diệt. Nghĩa là có lúc tâm của hữu tình diệt mà không sinh, như lúc tiến vào Định Vô tưởng-Định Diệt tận; hoặc có lúc tâm của hữu tình sinh mà không diệt, như lúc ra khỏi Định Vô tưởng-Định Diệt tận; hoặc có lúc tâm của hữu tình không sinh-không diệt, như lúc trú trong Định Vô tưởng-Định Diệt tận; hoặc có lúc tâm của hữu tình cũng sinh- cũng diệt, như lúc trú trong phần vị có tâm.

Hỏi: Trong này đã nói nên hiểu thế nào?

Đáp: Trong này dựa vào số lượng như nhau mà nói, đừng có cho rằng bởi vì tâm hoặc là lớn-hoặc là nhỏ cho nên nói tâm của tất cả hữu tình đều như nhau.

Nói như vậy thì tâm của tất cả hữu tình khởi như nhau-diệt như nhau, tất cả tâm ấy một sát-na sinh, một sát-na diệt, bởi vì pháp hữu vi từ duyên sinh ra rồi đều lập tức diệt đi.

Hỏi: Tâm có tham-tâm lìa tham, nên nói là khởi như nhau, trú như nhau, diệt như nhau chăng?

Đáp: Đúng như vậy.

Hỏi: Tâm có sân-lìa sân, có si-lìa si, qua loa-phân tán, xuống thấp-lên cao, to lớn-nhỏ bé, trạo cử-không trạo cử, không vắng lặng-vắng lặng, không định-định, không tu-tu, không giải thoát-giải thoát, nên nói là khởi

như nhau, trú như nhau, diệt như nhau chăng?

Đáp: Đúng như vậy.

Hỏi: Vì sao soạn ra phần luận này?

Đáp: Các tâm nhiễm ô thì tánh ấy nặng nề chìm xuống, các tâm thiện thì tánh ấy nhẹ nhàng lên cao. Đừng có sinh lòng nghi ngờ cho rằng tâm nhiễm sinh diệt chậm chạp, tâm thiện sinh diệt mau chóng! Vì làm cho mối nghi này được quyết định, mà hiển bày về hai loại tâm có thời gian sinh diệt như nhau.

Do hai nghĩa cho nên tâm gọi là có tham:

1. Tương ưng với tham.
2. Bị tham ràng buộc.

Nếu chỉ tương ưng với tham cho nên gọi là tâm có tham, thì phẩm tương ưng với sân…, và thiện hữu lậu-vô phú vô ký phải gọi là tâm lìa tham. Nhưng mà những loại ấy cũng gọi là tâm có tham, bởi vì tham đã ràng buộc. Tuy do hai nghĩa cho nên tâm gọi là có tham, mà trong này chỉ dựa vào nghĩa Tương ưng để nói, bởi vì không có tạp loạn.

Cũng do hai nghĩa cho nên tâm gọi là lìa tham:

1. Không tương ưng với tham.
2. Là đối trị với tham.

Nếu chỉ là không tương ưng với tham cho nên gọi là tâm lìa tham, thì phẩm tương ưng với sân…, cũng phải gọi là tâm lìa tham. Nhưng mà những loại ấy không nên gọi là tâm lìa tham, bởi vì có nhiễm ô. Tuy do hai nghĩa cho nên tâm gọi là lìa tham, mà trong này chỉ dựa vào Đối trị với tham để nói, bởi vì không có tạp loạn. Có sân-lìa sân… đều dựa theo đây mà biết. Vì thế cho nên trong này phải đưa ra cách nói này: Tâm có tham, đó là tương ưng với tham. Tâm lìa tham, đó là đối trị với tham. Tâm có sân, đó là tương ưng với sân. Tâm lìa sân, đó là đối trị với sân. Tâm có si, đó là tương ưng với si. Tâm lìa si, đó là đối trị với si. Tâm qua loa, đó là tâm thiện thâu nhiếp theo cảnh. Tâm phân tán, đó là tâm nhiễm phóng túng theo cảnh.

Các Luận sư của nước Kiện-đà-la nói: Tâm tương ưng với ngủ gọi là sơ lược. Bởi vì Đức Thế Tôn nói ngủ gọi là tâm sơ lược. Như trong kinh nói: "Thế nào là ngủ mê? Đó là ở phần vị ngủ mê, tâm tụ vào tản ra qua loa."

Hỏi: Làm thế nào giải thích thông suốt trong chương Kiến Uẩn đã nói? Chương ấy nói: "Bốn trí nhận biết như thật về tâm qua loa, đó là Pháp trí-Loại trí-Đạo trí-Thế tục trí. Một trí nhận biết như thật về tâm phân tán,

đó là Thế tục trí.”

Đáp: Chương ấy nói không cần phải thông hiểu, bởi vì ngược với cách nói của người khác mà soạn luận. Nếu muốn thông hiểu thì nên sửa lại văn ấy: Tâm qua loa-tâm phân tán-tâm xuống thấp cùng một trí nhận biết như thật, đó là trí Thế tục. Tâm lên cao, bốn trí cùng nhận biết như thật, nói như trước. Cách nói ấy phi lý. Nếu nói như vậy thì tâm ngủ nhiễm ô, lẽ ra cũng qua loa cũng phân tán, bởi vì tương ưng với ngủ là nhiễm ô. Muốn làm cho không có sai lầm như vậy, cho nên như trước đã nói là hợp lý.

Tâm xuống thấp, đó là tâm nhiễm ô tương ưng với giải đãi. Tâm lên cao, đó là tâm thiện tương ưng với tinh tiến. Tâm nhỏ bé, đó là tâm nhiễm ô, bởi vì nhỏ bé mà sinh ra thói quen. Tâm to lớn, đó là tâm thiện, bởi vì to lớn mà sinh ra thói quen.

Hỏi: Thói quen của vô lượng hữu tình là các hành ác chứ không phải là các hành diệu, tâm nhiễm ô hiện rõ trước mắt không phải là các tâm thiện, tại sao gọi là tâm nhiễm ô bởi vì nhỏ bé mà sinh ra thói quen, tâm thiện bởi vì to lớn mà sinh ra thói quen?

Đáp: Không bởi vì số nhiều mà lập ra tên gọi to lớn-nhỏ bé. Trong này, nếu có thể tu hành pháp thiện thì gọi là to lớn, còn lại gọi là nhỏ bé. Trong ba cõi chỉ có một Đức Phật mà gọi là to lớn, bởi vì có đủ pháp thiện; những loại khác tuy nhiều mà gọi là nhỏ bé, bởi vì các pháp thiện không đầy đủ.

Có người nói: Tâm nhiễm ô gọi là nhỏ bé, bởi vì đạt được giá trị nhỏ bé, nghĩa là tâm nhiễm ô không nhờ vào gia hạnh, không cần đến của cải châu báu, chỉ khởi lên một chút tác ý phi lý, liền nối tiếp nhau chuyển biến như dòng sông lớn tuôn chảy. Tâm thiện gọi là to lớn, bởi vì đạt được giá trị to lớn, nghĩa là các tâm thiện cần phải nhờ vào gia hạnh, và nhiều gia hạnh, tuy bỏ ra trăm ngàn châu báu, mà có lúc có thể hiện rõ trước mắt, có lúc không hiện rõ trước mắt.

Có người nói: Tâm nhiễm ô gọi là nhỏ bé, bởi vì tương ưng với ít căn, nghĩa là các tâm nhiễm ô hoặc là tương ưng với chỉ một căn, hoặc là tương ưng với hai căn, chứ không có đủ ba căn. Tâm thiện gọi là to lớn, bởi vì tương ưng với nhiều căn, nghĩa là các tâm thiện đều tương ưng với ba căn, chứ không có thiếu hụt.

Có người nói: Tâm nhiễm ô gọi là nhỏ bé, bởi vì ít tùy chuyển, nghĩa là các tâm nhiễm ô chỉ có ba Uẩn tùy chuyển. Tâm thiện gọi là to lớn, bởi vì nhiều tùy chuyển, nghĩa là các tâm thiện, hoặc có ba Uẩn- hoặc có bốn Uẩn tùy chuyển.

Có người nói: Tâm nhiễm ô gọi là nhỏ bé, bởi vì ít quyến thuộc, nghĩa là các tâm nhiễm ô không có tu thuộc vị lai. Tâm thiện gọi là to lớn, bởi vì nhiều quyến thuộc, nghĩa là các tâm thiện có tu thuộc vị lai.

Có người nói: Tâm nhiễm ô gọi là nhỏ bé, bởi vì ít đối trị, nghĩa là nhiều phiền não nối tiếp nhau hiện rõ trước mắt, đoạn một ít căn thiện rồi sau đó trở lại nối tiếp nhau. Tâm thiện gọi là to lớn, bởi vì nhiều đối trị, như khởi lên một niệm Khổ pháp trí nhẫn, lập tức đoạn mười loại tùy miên do kiến Khổ mà đoạn của cõi Dục khiến cho vĩnh viễn không khởi lên.

Có người nói: Tâm nhiễm ô gọi là nhỏ bé, bởi vì dẫn đầu kém cỏi. Như thế nào gọi là tâm nhiễm ô dẫn đầu kém cỏi? Đó là các Vô minh. Như nói Vô minh là pháp dẫn đầu, cho nên liền khởi lên vô lượng pháp ác bất thiện, và có thể dẫn dắt sinh ra không có Tàm-không có Quý; giống như chủ buôn không có mắt-không có chân, khiến cho sự mong cầu của những người buôn không được toại nguyện. Tâm thiện gọi là to lớn, bởi vì dẫn đầu hơn hẳn. Như thế nào gọi là tâm thiện dẫn đầu? Đó là các Tuệ sáng suốt. Như nói Tuệ sáng suốt dẫn đầu là pháp dẫn đầu, cho nên liền khởi lên vô lượng pháp thiện tuyệt vời, lại có thể dẫn dắt sinh ra Tàm-Quý thù thắng, giống như chủ buôn có mắt-có chân, khiến cho sự mong cầu của những người buôn đạt được kết quả như ý.

Có người nói: Tâm nhiễm ô gọi là nhỏ bé, bởi vì uy lực nhỏ bé; tâm thiện gọi là to lớn, bởi vì uy lực to lớn. Nghĩa là từ vô thỉ đến nay đã quen theo pháp ác, pháp thiện vừa mới khởi lên đều làm cho tất cả pháp ác xa lìa. Như trải qua thời gian dài quen theo ý tưởng không có muối, lúc vừa mới ăn muối thì ý tưởng không có muối đều rời bỏ. Lại như trong ngôi nhà trải qua thời gian dài tối tăm, ngọn đèn sáng vừa mới đến thì bóng tối ấy liền trừ hết. Vả lại, pháp thiện đoạn bỏ pháp ác vĩnh viễn làm cho không sinh ra, pháp ác đoạn bỏ pháp thiện sau đó nhất định phải nối tiếp nhau.

Bởi vì những nhân duyên như vậy, cho nên tâm nhiễm ô gọi là nhỏ bé, tâm thiện gọi là to lớn.

Tâm trạo cử, đó là tâm nhiễm ô tương ưng với trạo cử. Tâm không trạo cử, đó là tâm thiện tương ưng với hành Xả. Tâm bất tịnh, đó là tâm nhiễm ô tương ưng với không vắng lặng, tất cả phiền não đều là tánh không vắng lặng. Tâm vắng lặng, đó là tâm thiện tương ưng với vắng lặng, tất cả pháp thiện đều là tánh vắng lặng. Tâm không định, đó là tâm nhiễm ô tương ưng với tán loạn. Tâm định, đó là tâm thiện tương ưng với Đẳng trì. Tâm không tu, đó là tâm đều không tu đối với được tu- tập tu. Tâm tu, đó là tâm đối với được tu- tập tu tùy theo một, hoặc là cùng tu cả hai. Tâm không giải

thoát, đó là tâm không giải thoát đối với tự tánh giải thoát- nối tiếp nhau giải thoát. Tâm giải thoát, đó là tâm giải thoát đối với tự tánh giải thoát - nối tiếp nhau giải thoát, tùy theo một hoặc là cả hai.

Hỏi: Thọ lượng nên nói là tùy tâm chuyển, hay là không tùy tâm chuyển?

Đáp: Không tùy tâm chuyển.

Hỏi: Vì sao soạn ra phần luận này?

Đáp: Muốn ngăn chặn tông chỉ của người khác, hiển bày về nghĩa lý của mình, đó là Luận giả Phân Biệt nói thọ lượng tùy tâm chuyển.

Hỏi: Vì sao vị ấy đưa ra cách nói này?

Đáp: Bởi vì dựa vào kinh. Như trong kinh nói: "Ba pháp Thọ- Noãn- Thức hòa hợp chứ không phải là không hòa hợp, ba pháp như vậy không có thể thi thiết tách biệt khác nhau." Vì vậy chứng minh biết là thọ lượng tùy tâm chuyển. Vì ngăn chặn cách nói ấy, hiển bày về thọ lượng không tùy tâm chuyển, cho nên soạn ra phần luận này.

Hỏi: Vì sao thọ lượng không tùy tâm chuyển?

Đáp: Pháp tùy tâm chuyển quyết định cùng với tâm khởi như nhau, trú như nhau, diệt như nhau; thọ lượng không phải là cùng với tâm quyết định khởi như nhau, trú như nhau, diệt như nhau.

Có người nói: Pháp tùy tâm chuyển quyết định cùng với tâm có quả như nhau, đẳng lưu như nhau, dị thục như nhau; thọ lượng không phải là cùng với tâm quyết định có quả như nhau, đẳng lưu như nhau, dị thục như nhau.

Có người nói: Pháp tùy tâm chuyển quyết định cùng sinh với tâm, thọ lượng không phải là quyết định cùng sinh với tâm.

Có người nói: Pháp tùy tâm chuyển, pháp vốn như vậy, nếu tâm thiện thì pháp ấy cũng thiện, bất thiện- vô ký cũng như vậy. Thọ lượng chỉ là vô ký, nếu tùy tâm chuyển thì lúc tâm vô ký hiện rõ ở trước mắt, thọ lượng có thể chuyển; lúc tâm thiện-bất thiện hiện rõ ở trước mắt, thì thọ lượng phải đoạn mất.

Có người nói: Pháp tùy tâm chuyển, pháp vốn như vậy, nếu tâm hệ thuộc cõi Dục thì pháp ấy cũng hệ thuộc cõi Dục, hệ thuộc cõi Sắc- Vô sắc và không hệ thuộc cũng như vậy. Thọ lượng chỉ hệ thuộc ba cõi mà tùy theo cõi sinh ra, cõi này có thọ lượng của cõi này chứ không phải là cõi khác. Nếu tùy tâm chuyển thì sinh ở cõi Dục, lúc tâm của cõi Dục hiện rõ ở trước mắt, thọ lượng có thể chuyển; lúc tâm của cõi Sắc... hiện rõ ở trước

mắt, thì thọ lượng phải đoạn mất. Cho đến sinh ở cõi Vô sắc, nói cũng như vậy.

Có người nói: Pháp tùy tâm chuyển, pháp vốn như vậy, nếu tâm là Học thì pháp ấy cũng là Học, Vô học-Phi học phi vô học cũng như vậy. Thọ lượng chỉ là Phi học phi vô học, nếu tùy tâm chuyển thì lúc tâm Phi học phi vô học hiện rõ ở trước mắt, thọ lượng có thể chuyển; lúc tâm Học-tâm Vô học hiện rõ ở trước mắt, thì thọ lượng phải đoạn mất.

Có người nói: Pháp tùy tâm chuyển, pháp vốn như vậy, nếu tâm do kiến mà đoạn thì pháp ấy cũng do kiến mà đoạn, do tu mà đoạn và không đoạn cũng như vậy. Thọ lượng chỉ là do tu mà đoạn, nếu tùy tâm chuyển thì lúc tâm do tu mà đoạn hiện rõ ở trước mắt, thọ lượng có thể chuyển; lúc tâm do kiến mà đoạn… hiện rõ ở trước mắt, thì thọ lượng phải đoạn mất.

Có người nói: Pháp tùy tâm chuyển, pháp vốn như vậy, tâm có thì pháp ấy có, tâm không có thì pháp ấy không có. Nếu thọ lượng tùy tâm chuyển, thì lúc có tâm, thọ lượng có thể chuyển; lúc không có tâm, thì thọ lượng phải đoạn mất. tức là trú trong Đẳng chí Vô tưởng-Diệt tận, và sinh ở cõi Vô tưởng, lúc tâm không hiện hành, phải gọi là chết, bởi vì không có Mạng căn. Muốn làm cho không có sai lầm như vậy, cho nên thọ lượng không tùy tâm chuyển.

Hỏi: Kinh mà Luận giả Phân Biệt đã dẫn chứng phải hiểu thế nào? Như nói: "Ba pháp Thọ-Noãn-Thức hòa hợp chứ không phải là không hòa hợp…"

Đáp: Tôn giả Thế Hữu nói rằng: "Đây là dựa theo một sở y-một sự nối tiếp nhau mà nói, nghĩa là ba pháp này ở trong một sở y-một sự nối tiếp nhau đều có thể đạt được đầy đủ, chứ không nói là ba pháp nhất định phải tùy chuyển lẫn nhau. Nếu như lấy điều đã nói làm quyết định, thì không nên thi thiết Uẩn- Xứ- Giới khác nhau, bởi vì kinh ấy nói: "Ba pháp như vậy không có thể thi thiết tách biệt khác nhau." Nhưng Thọ là do Hành uẩn-Pháp giới-Pháp xứ thâu nhiếp, Noãn là do Sắc uẩn-Xúc giới-Xúc xứ thâu nhiếp, Thức là do Thức uẩn-bảy Tâm giới- Ý xứ thâu nhiếp. Vì vậy không cần phải như văn mà chọn lấy. Vả lại, ba pháp này nếu nhất định hòa hợp, thì cõi Vô sắc phải có Noãn, trong loài phi tình phải có Thọ-Thức, Định Vô tưởng… phải có Thức hiện hành. Nếu chấp nhận thì trái với Chánh lý của Thánh giáo. Vì vậy không thể tùy theo văn mà quyết định chọn lấy. Cần phải biết văn này là dựa vào nghĩa có thể có mà nói về hòa hợp…"

Hỏi: Thọ lượng nên nói là tùy theo sự nối tiếp nhau mà chuyển, hay là vừa khởi lên liền trú?

Đáp: Nếu hữu tình cõi Dục không trú trong Đẳng chí Vô tưởng- Diệt tận, thì nên nói là tùy theo sự nối tiếp nhau mà chuyển. Nếu trú trong Đẳng chí Vô tưởng-Diệt tận, và hữu tình cõi Sắc-Vô sắc, thì nên nói là vừa khởi lên liền trú.

Hỏi: Vì sao soạn ra phần luận này?

Đáp: Muốn ngăn chặn tông chỉ của người khác, hiển bày về nghĩa lý của mình. Đó là phái Thí Dụ không chấp nhận có sự mạng chung không phải lúc. Nguyên cớ thế nào? Bởi vì như kinh nói: "Thọ lượng kết thúc không thể cứu được." Vì vậy cho nên biết là không có cái chết không phải lúc. Vì ngăn chặn ý đó để hiển bày là có sự mạng chung không phải lúc, cho nên soạn ra phần luận này.

Hỏi: Vì sao gọi là tùy theo sự nối tiếp nhau mà chuyển?

Đáp: Có người nói: Tai họa bất ngờ gọi là sự nối tiếp nhau, nghĩa là sinh ở cõi Dục không trú trong Đẳng chí Vô tưởng-Diệt tận, thọ lượng tùy theo tai họa bất ngờ nối tiếp nhau mà chuyển. Nguyên cớ thế nào? Bởi vì nếu có người đối với thọ lượng không luôn luôn tạo tác, không luôn luôn chuyển đổi, không nhận lấy tạo tác, không nhận lấy chuyển đổi, đi không đúng lúc, đi không đúng chỗ, không tu phạm hạnh, ăn không phù hợp, ăn không đúng mức, sống thì không chín, chín thì giữ lấy; đối với điều thích hợp-không phải là thích hợp, không có thể quán sát, không uống thuốc thang chữa bệnh, không cần lời khuyên của thầy thuốc, không tránh tai họa nguy hiểm, làm những trò chơi hung ác. Vì những điều này cho nên thọ lượng đã bị rút ngắn. Nếu có người đối với thọ lượng luôn luôn tạo tác, luôn luôn chuyển đổi, nhận lấy tạo tác, nhận lấy chuyển đổi, đi đúng lúc, đi đúng chỗ, tu phạm hạnh, ăn phù hợp, ăn đúng mức, sống thì làm cho chín, chín thì vứt bỏ; đối với điều thích hợp-không phải là thích hợp, có thể quán sát kỹ càng, uống thuốc thang chữa bệnh, sử dụng lời khuyên của thầy thuốc, tránh tai họa nguy hiểm, xa rời trò chơi hung ác. Nhờ vào những điều này cho nên thọ lượng không bị rút ngắn.

Có người nói: Sắc thân gọi là sự nối tiếp nhau, nghĩa là sinh ở cõi Dục không trú trong Đẳng chí Vô tưởng-Diệt tận, thọ lượng tùy theo sắc thân nối tiếp nhau mà chuyển. Nguyên cớ thế nào? Bởi vì nếu thân thường xuyên hài hòa thì thọ lượng không rút ngắn, nếu thân suy giảm hư hoại thì thọ lượng bị rút ngắn.

Có người nói: Thân khác gọi là sự nối tiếp nhau, nghĩa là sinh ở cõi Dục không trú trong Đẳng chí Vô tưởng-Diệt tận, thọ lượng tùy theo thân khác nối tiếp nhau mà chuyển. Nguyên cớ thế nào? Bởi vì nếu có thân khác

đối với thọ mạng của mình không làm cho tổn hại thì thọ lượng không rút ngắn, nếu làm cho tổn hại thì thọ lượng bị rút ngắn.

Hỏi: Vì sao gọi là vừa khởi lên liền trú?

Đáp: Tùy theo nhân khởi lên rồi liền nối tiếp nhau mà trú, không tùy theo tai họa bất ngờ làm hại thân mình-thân khác mà chuyển. Nghĩa là sinh ở cõi Dục đang trú trong Đẳng chí Vô tưởng-Diệt tận, và sinh ở cõi trên, thọ lượng đều không tùy theo duyên bên ngoài mà chuyển.

Hỏi: Cõi Dục không tiến vào hai Định không có tâm, cũng có thọ lượng không tùy theo duyên mà chuyển, vì sao không nói?

Đáp: Cần phải nói mà không nói thì nên biết là nghĩa này có khác.

Có người nói: Trong này nói về quyết định, nghĩa là nếu trú trong hai Định không có tâm thì thọ lượng hiện hành quyết định không tùy duyên mà chuyển, còn lại thì hoặc là tùy duyên, vì vậy không nói đến. Có người nói: Cõi Dục tuy là còn có lúc không tùy duyên mà chuyển, nhưng bởi vì hiển bày rõ ràng về uy lực của hai Định, cho nên chỉ nói đến hai Định.

Như trong kinh nói: "Hữu tình đã đạt được tự Thể có bốn loại:

1. Có loại đã đạt được tự Thể, có thể vì mình làm hại chứ không bị loài khác làm hại.
2. Có loại đã đạt được tự Thể, có thể bị loài khác làm hại chứ không vì mình làm hại.
3. Có loại đã đạt được tự Thể, có thể vì mình làm hại cũng bị loài khác làm hại.
4. Có loại đã đạt được tự Thể, không vì mình làm hại cũng không bị loài khác làm hại.

Thế nào là hữu tình đã đạt được tự Thể, có thể vì mình làm hại chứ không bị loài khác làm hại? Đó là có chư Thiên cõi Dục bởi vì vui chơi mà quên, luôn luôn thích trang điểm thân mình, say mê vui đùa vượt quá thời gian, hết sức mệt mỏi thất niệm mà chết. Lại có chư Thiên cõi Dục bởi vì ý giận dữ, có lúc căm hận liếc mắt nhìn nhau, giận dữ lâu ngày không kìm nổi, từ đó mà chết đi. Lại có một loại, hoặc là rồng và chim cánh vàng, hoặc là quỷ và người, hoặc là những loài khác, có thể vì mình làm hại chứ không phải là bị loài khác làm hại.

Thế nào là hữu tình đã đạt được tự Thể, có thể bị loài khác làm hại chứ không vì mình làm hại? Đó là ở trong vỏ trứng, hoặc là trong thai tạng, các căn chưa đầy đủ, các căn chưa thành thục. Lại có một loại, hoặc là rồng và chim cánh vàng, hoặc là quỷ và người, hoặc là những loài khác, có thể bị loài khác làm hại chứ không phải là vì mình làm hại.

Thế nào là hữu tình đã đạt được tự Thể, có thể vì mình làm hại cũng bị loài khác làm hại? Đó là các loài chim-thú, hoặc là rồng và chim cánh vàng, hoặc là quỷ và người, hoặc là những loài khác, có thể vì mình làm hại cũng bị loài khác làm hại.

Thế nào là hữu tình đã đạt được tự Thể, không vì mình làm hại cũng không bị loài khác làm hại? Đó là sinh ở cõi Sắc-Vô sắc, tất cả Trung Hữu, tất cả địa ngục; trú trong Định Vô tưởng-Định Diệt tận- Định Từ, Tùy tín hành-Tùy pháp hành; Bồ-tát ở thân cuối cùng, mẹ của Bồ-tát, lúc Bồ-tát ở trong thai; Chuyển Luân Vương, mẹ của Luân Vương, lúc Luân Vương ở trong thai. Vua- Tiên-sứ giả của Phật, người được Phật thọ ký, như Trưởng giả tử Căng-kỳ-la-thù-để-sắc-ca, Trưởng giả tử Ốt-đát-la, Trưởng giả tử Đạt-nhĩ-la, thầy trò Trị-xa-thắng-nga, Thời-phược-ca, Cưu-ma-la…

Người được Phật thọ ký, đó là Bổ-đặc-già-la ở thân cuối cùng chưa làm xong những việc làm, người ở châu Bắc Câu-lô thời kỳ bắt đầu của kiếp, Long vương Ai-la-phạt-noa, Long vương Thiện trú, Diệm Ma vương…, và một loại khác đều không làm hại. Đó gọi là bốn loại đã đạt được tự Thể.

Đức Thế Tôn nói có loại đã đạt được tự Thể, không vì mình làm hại cũng không bị loài khác làm hại. Lúc ấy Tôn giả Xá-lợi-tử, từ chỗ ngồi mà đứng dậy, trệch áo bày một vai, đầu gối chân phải sát đất, chắp tay cung kính mà thưa với Đức Phật rằng: Như thế nào là hữu tình đã đạt được tự Thể, không vì mình làm hại cũng không bị loài khác làm hại? Đức Phật bảo với Xá-lợi-tử: Hữu tình ở Phi tưởng phi phi tưởng xứ, không vì mình làm hại cũng không bị loài khác làm hại.”

Hỏi: Dựa vào luận mà sinh ra luận, Tôn giả Xá-lợi-tử đối với điều đã hỏi này là biết rõ ràng hay không? Nếu biết rõ ràng thì tại sao còn hỏi? Nếu không biết rõ ràng thì làm sao được gọi là Thanh văn đến bậc cuối cùng? Sao nói là Đức Thế Tôn không thể ở nơi không phải là ruộng đất, không phải là đồ đựng mà rưới làn mưa giáo pháp, khiến cho pháp đã nói ra trống rỗng, không có kết quả?

Đáp: Có người nói: Tôn giả biết rõ ràng. Hỏi: Nếu như vậy thì tại sao còn hỏi?

Đáp: Cũng có lúc biết mà cố tình hỏi. Như trong Tỳ-nại-da nói: “Lúc bấy giờ Đức Thế Tôn biết mà cố ý hỏi, bởi vì làm cho điều đã nói được rõ ràng.” Vả lại, Tôn giả ấy tuy tự mình biết rõ ràng, nhưng vì lợi ích thêm cho người khác, vì vậy cho nên thưa hỏi. Nghĩa là ở trong chúng hội có người chưa biết rõ ràng, nhưng bởi vì không có lực Vô úy cho nên không

thể nào thưa hỏi Đức Phật, Tôn giả Xá-lợi-tử thành tựu lực Vô úy, vì lợi ích của mọi người cho nên tuy biết mà vẫn hỏi.

Có người nói: Tôn giả cũng không biết rõ ràng.

Hỏi: Nếu như vậy thì làm sao được gọi là Thanh văn đến bậc cuối cùng?

Đáp: Không nói thì không biết, nói rồi thì biết, điều này có gì sai lầm?

Hỏi: Sao nói là không thể ở nơi không phải là ruộng đất, không phải là đồ đựng mà rưới làn mưa giáo pháp, khiến cho pháp đã nói ra trống rỗng, không có kết quả?

Đáp: Tôn giả Xá-lợi-tử tuy không biết rõ ràng, mà ở trong chúng có người khác có thể biết, như Bồ-tát Từ Thị…, cho nên không phải là không có kết quả. Nếu là Tuệ vô lậu thì tuy lúc bấy giờ Xá-lợi-tử hơn hẳn, nhưng nếu như Tuệ thế tục thì Bồ-tát Từ Thị hơn hẳn, cho nên Đức Phật trong một lúc cùng với Bồ-tát Từ Thị luận về Thế tục đế, mà các Đại Thanh văn như Xá-lợi-tử… không có ai có thể hiểu được.

Hỏi: Tự Thể của địa dưới cũng có loại không vì mình làm hại cũng không bị loài khác làm hại, vì sao chỉ nói đến Phi tưởng phi phi tưởng xứ?

Đáp: Nêu ra loại sau để hiển bày loại trước, cho nên đưa ra cách nói này. Đức Thế Tôn có nơi nêu ra phần sau để hiển bày phần trước, như văn này… Có nơi nêu ra phần trước để hiển bày phần sau, như nói lìa pháp ác bất thiện có Tầm-có Tứ của cõi Dục, trú đầy đủ trong địa Ly sinh hỷ lạc của Tĩnh lự thứ nhất…

Như nêu ra phần sau để hiển bày phần trước, nêu ra phần cuối cùng để hiển bày phần bắt đầu, nêu ra phần rời khỏi để hiển bày phần tiến vào, nêu ra phần cứu cánh để hiển bày phần gia hạnh, nên biết cũng như vậy.

Có người nói: Địa dưới không nhất định, vì vậy không nói đến. Nghĩa là hữu tình ở địa dưới đã đạt được tự Thể, hoặc là không có tai họa bất ngờ, như trú trong Định Vô tưởng…, hoặc là có tai họa bất ngờ, như chư Thiên vui chơi quên hết…, Phi tưởng phi phi tưởng xứ nhất định không có tai họa bất ngờ, cho nên chỉ nói đến địa ấy.

Có người nói: Trong bốn Tĩnh lự-ba Vô sắc cũng có sự việc vui chơi quên hết mà chết… như cõi Dục, Phi tưởng phi phi tưởng xứ hoàn toàn không có sự việc này, cho nên chỉ nói đến địa ấy.

Có người nói: Hữu tình ở địa dưới đều có phiền não với thế lực tăng cao, nếu phiền não ấy hiện rõ trước mắt thì thường chết yểu, Phi tưởng phi phi tưởng xứ không có phiền não này, vì vậy Đức Thế Tôn chỉ nói đến địa

ấy.

Tôn giả Pháp Cứu đưa ra cách giải thích này: "Trong này vì mình làm hại, nghĩa là vì đạo đối trị của địa mình làm hại; bị nơi khác làm hại, nghĩa là bị đạo đối trị thuộc phạm vi của địa trên làm hại. Tự Thể của Tĩnh lự thứ nhất vì mình làm hại, nghĩa là Thánh đạo của địa mình; bị nơi khác làm hại, nghĩa là đạo thế tục thuộc phạm vi của Tĩnh lự thứ hai. Cho đến tự Thể của Vô sở hữu xứ vì mình làm hại, nghĩa là Thánh đạo của địa mình; bị nơi khác làm hại, nghĩa là đạo thế tục thuộc phạm vi của Phi tưởng phi phi tưởng xứ. Tự Thể của Phi tưởng phi phi tưởng xứ không phải là do chính mình làm hại, bởi vì địa của mình không có Thánh đạo; cũng không phải là do nơi khác làm hại, bởi vì không có đạo thế tục thuộc phạm vi của địa trên. Vì vậy chỉ nói là Phi tưởng phi phi tưởng xứ, đã đạt được tự Thể không phải là do mình và nơi khác làm hại."

Hỏi: Trú trong Đẳng chí Vô tưởng-Diệt tận, thọ lượng nên nói là chuyển hay là trú?

Đáp: Đên nói là chuyển.

Hỏi: Vì sao soạn ra phần luận này?

Đáp: Bởi vì làm cho người nghi ngờ có được quyết định. Nghĩa là trú trong Đẳng chí Vô tưởng-Diệt tận, các tâm - tâm sở đều không hiện hành, lúc bấy giờ tâm - tâm sở pháp không khởi-không diệt, đừng cho rằng phần vị này vốn có thọ lượng hiện hành, như tâm - tâm sở cũng không khởi-không diệt, chỉ ngưng lại như vậy mà trú. Bởi vì loại trừ mối nghi này để hiển bày về thọ lượng của phần vị này khởi-diệt trong từng niệm, cho nên soạn ra phần luận này.

Hỏi: Vì sao gọi là chuyển?

Đáp: Khởi-diệt nối tiếp nhau trong từng sát-na cho nên gọi là chuyển, tức là nghĩa của sự chuyển dời chứ không phải là dừng lại.

Như Đức Thế Tôn nói: "Thọ lượng của con người từ từ hết như nước của dòng sông nhỏ."

Hỏi: Nếu thọ lượng của các hữu tình khởi lên liền trú, thì vì sao biết thọ lượng ấy từ từ hết?

Đáp: Bởi vì đời hết-kiếp hết.

Hỏi: Vì sao soạn ra phần luận này?

Đáp: Bởi vì làm cho người nghi ngờ có được quyết định. Nghĩa là văn trước nói nếu hữu tình trú trong Đẳng chí Vô tưởng-Diệt tận, và ở cõi Sắc-Vô sắc, thì thọ lượng nên nói là vừa khởi lên liền trú. Hoặc có người

cho rằng thọ lượng ấy vừa khởi lên thì không diệt. Bởi vì loại trừ mối nghi này để hiển bày về thọ lượng hiện hành ấy, lìa tai họa bất ngờ cho nên nói là vừa khởi lên liền trú, mà thật sự có sinh-có diệt trong từng sát-na, khiến cho thọ lượng từ từ hết, vì vậy mà soạn ra phần luận này.

Hỏi: Năm Uẩn đều từ từ hết, vì sao chỉ nói đến thọ lượng?

Đáp: Trong này Đức Thế Tôn nêu ra thọ lượng từ từ hết để hiển bày về năm Uẩn đều có nghĩa của từ từ hết.

Có người nói: Thọ lượng mạnh hơn, ở trong này Đức Phật nêu ra pháp mạnh hơn để hiển bày về pháp yếu kém, cho nên chỉ nói đến thọ lượng không còn.

Có người nói: Thọ lượng có năng lực duy trì năm Uẩn, nếu nói thọ lượng không còn thì nên biết là đã nói về nghĩa của năm Uẩn không còn.

Có người nói: Thọ lượng đoạn dứt thì Chúng đồng phần cũng đoạn dứt, Chúng đồng phần đoạn dứt thì năm Uẩn cũng đoạn dứt. Đức Phật tùy theo căn bản mà nói, cho nên nói đến thọ lượng không còn.

Có người nói: Thọ lượng có tăng-có giảm, có thịnh-có suy, cho nên Đức Phật chỉ nói đến thọ lượng.

Hỏi: Các nẻo đều có nghĩa về thọ lượng từ từ hết, vì sao chỉ nói thọ lượng của con người từ từ hết?

Đáp: Bởi vì Đức Phật vào lúc bấy giờ vì loài người mà nói.

Có người nói: Ý Đức Phật lấy loài người làm đầu, hiển bày về thọ lượng trong các nẻo đều từ từ hết.

Có người nói: Bởi vì Đức Phật là đồng loại của loài người, cho nên pháp đã nói ra phần nhiều tùy thuận với loài người.

Có người nói: Bởi vì thọ lượng của loài người có nghĩa tăng-giảm-thịnh-suy cao nhất, nghĩa là lúc bắt đầu của kiếp thì tuổi thọ của loài người là vô lượng, sau đó từ từ giảm đến tám vạn tuổi, về sau lại tiếp tục giảm cho đến chỉ còn mười tuổi. Nghĩa về thọ lượng của loài người từ từ hết, rõ ràng có thể biết; nẻo khác thì không như vậy, cho nên Đức Phật chỉ nói đến loài người.

Hỏi: Nước của những dòng sông lớn cũng có nghĩa từ từ hết, vì sao chỉ nói là như nước của dòng sông nhỏ?

Đáp: Dòng sông lớn thường xuyên tuôn chảy không có thể biết được sự từ từ khô hết của nó, không giống như nước của những dòng sông nhỏ, có lúc tràn đầy như lúc mùa Hạ tuôn mưa, có lúc khô cạn như đến mùa giá rét. Dòng sông thọ lượng của các loài hữu tình cũng như vậy, có lúc tràn

đầy như phần vị thác sinh trong thai mẹ (kiết sinh), có lúc hoàn toàn không còn như lúc xả bỏ thân mạng, vì vậy Đức Thế Tôn dùng dòng sông nhỏ làm ví dụ.

Nếu thọ lượng của các hữu tình khởi lên liền trú, nghĩa là hữu tình trú trong hai Định không có tâm, và hữu tình ở cõi trên. Đời hết-kiếp hết, có người nói: Vô thường vi tế gọi là đời hết, Vô thường thô thiển gọi là kiếp hết.

Có người nói: Vô thường trong từng sát-na gọi là đời hết, Vô thường trong một thời kỳ gọi là kiếp hết.

Có người nói: Vô thường của vật thuộc về số hữu tình gọi là đời hết, Vô thường của vật thuộc về số phi hữu tình gọi là kiếp hết.

Có người nói: Vô thường thuộc về pháp bên trong gọi là đời hết, Vô thường thuộc về pháp bên ngoài gọi là kiếp hết.

Hỏi: Tiến vào Định Vô tưởng có mấy căn diệt? Cho đến nói rộng ra.

Hỏi: Vì sao soạn ra phần luận này?

Đáp: Bởi vì cần phải ngăn chặn tông chỉ của người khác để hiển bày nghĩa lý của mình. Đó là Luận sư Phân Biệt thuộc phái Thí Dụ chấp rằng: Định Vô tưởng là tâm vi tế, không thể diệt được. Vị ấy đưa ra cách nói này: Nếu Định Vô tưởng hoàn toàn không có tâm, thì Mạng căn đoạn rồi phải gọi là chết, không gọi là Định. Vì ngăn chặn ý đó để hiển bày về Định Vô tưởng hoàn toàn không có tâm. Có người chấp: Định này tuy không có tâm nhưng lìa nhiễm cõi Dục thì có thể hiện khởi, bởi vì cõi như nhau. Vì ngăn chặn ý đó để hiển bày về Định Vô tưởng lìa nhiễm của cõi Biến Tịnh thì mới có thể hiện rõ trước mắt, bởi vì cần phải dùng Tĩnh lự thứ tư làm Đẳng vô gián duyên.

Vì vậy Tôn giả Thế Hữu đưa ra cách nói như vậy: "Thế nào là Định Vô tưởng? Đó là đã lìa nhiễm của cõi Biến Tịnh, chưa lìa nhiễm của cõi trên, tác ý rời khỏi Tưởng làm đầu tiên, tâm - tâm sở pháp diệt đi thì gọi là Định Vô tưởng." Bởi vì nhân duyên này, cho nên soạn ra phần luận này.

Hỏi: Tiến vào Định Vô tưởng có mấy căn diệt?

Đáp: Bảy căn, đó là Ý căn-Xả căn và năm căn như Tín…

Hỏi: Tâm-tâm sở hệ thuộc nơi nào diệt đi?

Đáp: Hệ thuộc cõi Sắc, đây là dựa vào tướng chung thuộc chủng loại của cõi mà nói, nhưng chỉ hệ thuộc vào địa Tĩnh lự thứ tư.

Hỏi: Rời khỏi Định Vô tưởng có mấy căn hiện rõ trước mắt?

Đáp: Bảy căn, như trước nói.

Hỏi: Tâm-tâm sở hệ thuộc nơi nào hiện rõ trước mắt?

Đáp: Hệ thuộc cõi Sắc, ở đây cũng dựa vào tướng chung thuộc chủng loại của cõi mà nói, nhưng chỉ hệ thuộc vào địa Tĩnh lự thứ tư. Do đó đã nói chứng được Định Vô tưởng thì quyết định là không có tâm. Bởi vì lúc tiến vào Định chỉ nói đến các căn và tâm - tâm sở pháp diệt đi, mà không nói đến khởi lên; vào lúc rời khỏi Định chỉ nói đến các căn và tâm - tâm sở pháp khởi lên, mà không nói đến diệt đi.

-oOo-

LUẬN A TỲ ĐẠT MA ĐẠI TỲ BÀ SA

QUYỂN 152

LUẬN VỀ ĐẲNG TÂM (Phần 2)

Hỏi: Tự tánh của Định Vô tưởng là gì?

Đáp: Hành uẩn không tương ưng làm tánh, là do Định ấy thâu nhiếp. Cõi thì thuộc về cõi Sắc, địa thì thuộc về địa Căn bản của Tĩnh lự thứ tư.

Hỏi: Vì sao địa dưới không có Định này?

Đáp: Bởi vì không phải là ruộng đất, không phải là đồ đựng, cho đến nói rộng ra. Vả lại, bởi vì Định Vô tưởng diệt hết tâm - tâm sở, đạt được địa dưới không thuận với tâm - tâm sở diệt hết.

Hỏi: Vì sao Tĩnh lự thứ tư thuận với tâm - tâm sở diệt hết, chứ không phải là địa dưới?

Đáp: Những người muốn tiến vào Định ấy, trước tiên khởi lên tâm thiện của cõi Dục, tiếp theo tiến vào Tĩnh lự thứ nhất, tiếp theo tiến vào Tĩnh lự thứ hai, tiếp theo tiến vào Tĩnh lự thứ ba, sau cùng tiến vào Tĩnh lự thứ tư. Đối với tâm thuộc phẩm Thượng-Trung-Hạ của Tĩnh lự thứ tư, từ phẩm Thượng tiến vào phẩm Trung, từ phẩm Trung tiến vào phẩm Hạ, tâm thuộc phẩm Hạ đoạn rồi tiến vào Định Vô tưởng. Ví như người nữ kéo lông làm sợi, trừ bỏ sợi thô kéo lấy sợi mịn, cho đến gần hết thì dùng tay ngắt đi. Tiến vào Định Vô tưởng, nên biết cũng như vậy, bởi vì từ thô tiến vào tế cho đến hoàn toàn diệt đi, cho nên Định này chỉ thuộc về Tĩnh lự thứ tư.

Vả lại, các địa dưới có hành tướng thô động của cảm thọ vui mừng-lo buồn, khó có thể trừ diệt; Tĩnh lự thứ tư chỉ có hành tướng vi tế của cảm thọ ở mức trung bình, dễ dàng có thể đoạn diệt. Vì vậy trong địa dưới không có Định Vô tưởng.

Hỏi: Vì sao cõi Vô sắc không có Định ấy?

Đáp: Chỉ có dị sinh chấp rằng luyện tập Định này để làm năng lực chứng được Niết-bàn Vô tưởng, trong cõi Vô sắc không có dị thục Vô tưởng có thể chấp vào, cho nên Định Vô tưởng ở cõi ấy cũng không có.

Vả lại, các dị sinh sợ hãi đoạn diệt, cõi ấy không có sắc nếu lại diệt

tâm thì trở thành đoạn diệt, bởi vì nỗi sợ ấy cho nên trong cõi ấy không có Định Vô tưởng.

Hỏi: Định Vô tưởng này ở nơi nào có thể khởi lên?

Đáp: Có người đưa ra cách nói này: Chỉ khởi lên ở cõi Dục, bởi vì tâm của cõi Dục mạnh mẽ.

Có Sư khác nói: Bao gồm cõi Dục và ba Tĩnh lự khởi lên, do thế lực của tâm đã từng tu gia hạnh, cho nên cũng có thể khởi lên.

Lại có người nói: Tĩnh lự thứ tư cũng có thể hiện khởi, trừ ra cõi trời Vô tưởng, bởi vì ban đầu quả và nhân áp sát nhau hết sức, cho nên ở cõi ấy chết đi nhất định sẽ sinh vào cõi Dục.

Hỏi: Định Vô tưởng này do ai mà khởi lên?

Đáp: Chỉ có dị sinh khởi lên, bởi vì dấy lên ý tưởng xuất ly (Niết-bàn); bậc Thánh không có ý tưởng xuất ly đối với pháp có.

Hỏi: Khởi lên Định này, về sau có người nào có thể tiến vào Kiến đạo hay không?

Đáp: Có người nói: Không thể nào, bởi vì Định này là Định của dị sinh, nếu khởi lên Định này về sau có thể tiến vào Kiến đạo, thì có lúc Thánh giả thành tựu Định này, không nên gọi là Định của dị sinh.

Có người nói: Khởi lên Định này về sau cũng có thể tiến vào Kiến đạo.

Hỏi: Nếu như vậy thì tại sao gọi là Định của dị sinh?

Đáp: Thánh giả tuy thành tựu mà không hiện hành, đó là dựa vào hiện hành cho nên gọi là Định của dị sinh.

Vì vậy cho nên Tôn giả Diệu Âm nói rằng: "Bổ-đặc-già-la đạt được Định này, có người có thể tiến vào Chánh tánh ly sinh, phải nói là lui sụt mất đi Định này, vào lúc ấy hết sức chán ngán cho nên không hiện hành, mạng chung sinh vào Tĩnh lự thứ tư, bởi vì ở nơi ấy dung nạp tất cả."

Nói như vậy thì cách nói trước là hợp lý.

Hỏi: Định Vô tưởng này là gia hạnh đạt được, hay là lìa nhiễm đạt được?

Đáp: Là gia hạnh đạt được chứ không phải là lìa nhiễm đạt được, bởi vì lúc lìa nhiễm của Tĩnh lự thứ ba thì không đạt được. Nếu lìa nhiễm đạt được thì lúc Thánh giả lìa nhiễm của Tĩnh lự thứ ba cũng phải đạt được, vậy thì không nên gọi là Định của dị sinh.

Hỏi: Định Vô tưởng này cũng đạt được ở quá khứ-tu ở vị lai chăng?

Đáp: Có người nói: Không thể như vậy, chỉ riêng Định có tâm có thể

có điều này, không phải là đối với Định không có tâm mà có nghĩa đạt được do tu. Hoặc là đưa ra cách nói này: Định trong sát-na thứ nhất chỉ thành tựu hiện tại, Định trong những sát-na khác thành tựu quá khứ- hiện tại, rời khỏi Định này rồi chỉ thành tựu quá khứ.

Có người nói: Định này có tu vị lai, bởi vì pháp do gia hạnh đạt được có tu vị lai, cho nên Định này chắc chắn nhờ vào lực tác ý gia hạnh cao nhất mà đạt được, tại sao không có tu vị lai? Hoặc là đưa ra cách nói này: Định trong sát-na thứ nhất thành tựu vị lai-hiện tại, Định trong những sát-na khác thành tựu ba đời, rời khỏi Định này rồi thành tựu quá khứ-vị lai.

Hỏi: Nếu như có tâm-có đạt được do tu, lúc Thánh giả lìa nhiễm của Tĩnh lự thứ ba với đạo vô gián thứ chín, thì như đạt được Tĩnh lự thứ tư cùng với quyến thuộc cũng phải đạt được Định này, vậy thì không nên gọi là Định của dị sinh?

Đáp: Trước đây nói Định này chỉ có gia hạnh đạt được, vì vậy lúc dị sinh và Thánh giả lìa nhiễm của Tĩnh lự thứ ba đều không đạt được. Chỉ có các dị sinh lìa nhiễm ấy rồi, dùng lực gia hạnh thì mới đạt được, vì vậy không có lỗi gì.

Nói như vậy thì phải như cách nói thứ nhất, bởi vì Định có tâm thì có thể tu vị lai, Định này không có tâm thì không có nghĩa về tu vị lai, do đó quá khứ cũng không có lý đạt được. Như luật nghi Biệt giải thoát, điều này cũng như vậy.

Hỏi: Định Vô tưởng này có thối chuyển hay không?

Đáp: Định này không có thối chuyển. Tại sao biết như vậy? Bởi vì từng nghe: "Có Tỳ kheo đạt được Định Vô tưởng, rời khỏi Định này rồi các căn vắng lặng, oai nghi đi đứng-nói năng trò chuyện-khoác mặc y phục, tiếp nhận các thức ăn uống, thảy đều tường tận kỹ càng. Có vị A-la-hán trước đó đạt được Nguyện trí, thấy rồi nghĩ rằng: Người thiện nam này, chắc chắn đạt được pháp thù thắng, mình nên quán xét phạm vi mà người ấy đã chứng! Nghĩ rồi tiến vào Định dùng lực của Nguyện trí thấy Tỳ kheo ấy đạt được Định Vô tưởng, liền từ trong Định đứng dậy mà nói với Tỳ kheo ấy rằng: Pháp mà ông đã chứng rất là sai trái, tại sao gặp kho báu công đức của Phật mà rời bỏ, để lầm lẫn chọn lấy pháp Định xấu xa thuộc pháp Học của ngoại đạo như vậy? Nay ông cần phải lập tức rời bỏ! Tỳ kheo nghe rồi tác ý rời bỏ, nhưng Định này bám theo không thể nào rời ra được, thậm chí bỏ đạo trở về nhà cũng không thể rời ra được, sau đó mạng chung rồi sinh đến cõi trời Vô tưởng." Vì vậy biết rằng Định này không có thể thối chuyển.

Phái Thí Dụ nói: "Định này có thối chuyển, bởi vì tất cả các nghiệp đều có thể chuyển, thậm chí là nghiệp vô gián nếu gặp được duyên thù thắng thì cũng có nghĩa về chuyển. Nếu nghiệp vô gián không có thể chuyển, thì lẽ ra không có ai có thể vượt qua nghiệp nhân và quả báo thứ nhất (đệ nhất hữu)."

Nói như vậy thì cách nói trước là hợp lý.

Hỏi: Định Vô tưởng này đối với Chúng đồng phần, là có thể dẫn dắt, hay là chỉ đầy đủ?

Đáp: Chỉ có thể đầy đủ chứ không có thể dẫn dắt, bởi vì Chúng đồng phần chỉ do nghiệp dẫn dắt, mà Định này không phải là nghiệp.

Hỏi: Định Vô tưởng này là nhận lấy thuận theo pháp hiện tại, là nhận lấy thuận theo đời kế tiếp, là nhận lấy thuận theo đời kế tiếp thứ hai, hay là nhận lấy thuận theo không nhất định?

Đáp: Chỉ nhận lấy thuận theo pháp của đời kế tiếp, không phải là nhận lấy thuận theo pháp hiện tại… Không phải là nhận lấy thuận theo pháp hiện tại, bởi vì ở nơi khác tu Định này rồi sinh đến cõi trời Vô tưởng mới mang lại quả. Không phải là nhận lấy thuận theo đời kế tiếp thứ hai, bởi vì Định này mạnh mẽ sắc bén nhanh chóng mang lại quả. Không phải là nhận lấy thuận theo không nhất định, bởi vì không có thể thối chuyển.

Hỏi: Định này ở nơi nào nhận lấy quả dị thục nào?

Đáp: Ở cõi trời Vô tưởng nhận lấy quả dị thục của năm Uẩn. Tiến vào Định Diệt tận có mấy căn diệt? Cho đến nói rộng ra. Hỏi: Vì sao soạn ra phần luận này?

Đáp: Vì ngăn chặn tông chỉ của người khác để hiển bày về nghĩa lý của mình. Đó là Luận sư Phân Biệt thuộc phái Thí Dụ chấp rằng: Định Diệt tận là tâm vi tế, không thể diệt được. Vị ấy nói không có hữu tình nào mà không có sắc, cũng không có Định nào mà không có tâm. Nếu Định không có tâm thì Mạng căn phải đoạn dứt, nên gọi là chết chứ không nói là thuộc về Định. Vì ngăn chặn ý chấp ấy để hiển bày về Định Diệt tận hoàn toàn không có tâm. Có người chấp: Định này tuy không có tâm, nhưng lìa nhiễm cõi Sắc thì có thể hiện khởi, bởi vì cõi như nhau. Vì ngăn chặn ý chấp ấy để hiển bày về Định Diệt tận cần phải lìa nhiễm của Vô sở hữu xứ mới có thể hiện rõ trước mắt, bởi vì tâm của Phi tưởng phi phi tưởng xứ làm Đẳng vô gián duyên.

Vì vậy Tôn giả Thế Hữu nói rằng: "Thế nào là Định Diệt tận? Đó là đã lìa nhiễm của Vô sở hữu xứ, tác ý dừng lại Tưởng làm đầu tiên, diệt hết tâm - tâm sở pháp, đó gọi là Định Diệt tận. Bởi vì nhân duyên này, cho nên

soạn ra phần luận này.”

Hỏi: Tiến vào Định Diệt tận có mấy căn diệt?

Đáp: Bảy căn, đó là Ý căn-Xả căn và năm căn như Tín… Hỏi: Tâm-tâm sở hệ thuộc nơi nào diệt đi?

Đáp: Hệ thuộc cõi Vô sắc, đây là dựa vào tướng chung thuộc chủng loại của cõi mà nói, nhưng chỉ hệ thuộc vào Phi tưởng phi phi tưởng xứ.

Hỏi: Rời khỏi Định Diệt tận có mấy căn hiện rõ trước mắt?

Đáp: Hoặc là bảy, hoặc là tám, tâm hữu lậu là bảy, tâm vô lậu là tám. Nghĩa là nếu tâm thuộc Phi tưởng phi phi tưởng xứ rời khỏi, thì bảy căn hiện rõ ở trước mắt, như trước nói. Nếu tâm thuộc Vô sở hữu xứ rời khỏi, thì tám căn hiện rõ ở trước mắt, đó là bảy căn trước và Dĩ tri căn- Cụ tri căn tùy theo một căn.

Hỏi: Tâm-tâm sở hệ thuộc nơi nào hiện rõ trước mắt?

Đáp: Hoặc là hệ thuộc cõi Vô sắc, hoặc là không hệ thuộc. Nghĩa là nếu tâm thuộc Phi tưởng phi phi tưởng xứ rời khỏi thì hệ thuộc cõi Vô sắc, nếu tâm thuộc Vô sở hữu xứ rời khỏi thì không hệ thuộc. Vì vậy mà nói chứng được Định Diệt tận thì quyết định là không có tâm. Bởi vì lúc tiến vào Định, chỉ nói đến các căn và tâm - tâm sở pháp diệt đi, mà không nói đến khởi lên; vào lúc rời khỏi Định, chỉ nói đến các căn và tâm - tâm sở pháp khởi lên, mà không nói đến diệt đi.

Hỏi: Tự tánh của Định Diệt tận là gì?

Đáp: Hành uẩn không tương ưng làm tánh, là do Định ấy thâu nhiếp. Cõi thì thuộc về cõi Vô sắc, địa thì thuộc về địa Căn bản của Phi tưởng phi phi tưởng xứ.

Hỏi: Vì sao địa dưới không có Định này?

Đáp: Bởi vì không phải là ruộng đất, không phải là đồ đựng, cho đến nói rộng ra. Vả lại, đạt được Định Diệt tận bởi vì diệt hết tâm - tâm sở vi tế nhất, địa dưới không thuận theo diệt hết tâm - tâm sở vi tế nhất. Hỏi: Vì sao Phi tưởng phi phi tưởng xứ thuận theo diệt hết tâm-

tâm sở vi tế nhất, chứ không phải là địa dưới?

Đáp: Những người muốn tiến vào Định ấy, đầu tiên khởi lên tâm thiện của cõi Dục, tiếp theo tiến vào Tĩnh lự thứ nhất, tiếp theo tiến vào Tĩnh lự thứ hai, như vậy cho đến tiến vào Vô sở hữu xứ, tiếp theo tiến vào Phi tưởng phi phi tưởng xứ. Đối với tâm thuộc phẩm Thượng-Trung- Hạ của Phi tưởng phi phi tưởng xứ, từ phẩm Thượng tiến vào phẩm Trung, từ phẩm Trung tiến vào phẩm Hạ, tâm thuộc phẩm Hạ đoạn hết, tiến vào Định

Diệt tận. Thí dụ đã nói như trước nên biết. Vì vậy Định này chỉ thuộc về Phi tưởng phi phi tưởng xứ.

Vả lại, các địa dưới đều gọi là Hữu tưởng, hành tướng thô động khó có thể dừng lại; địa này gọi là Phi tưởng phi phi tưởng, hành tướng vi tế dễ dàng có thể dừng lại. Vì vậy trong địa dưới không có Định Diệt tận.

Có người nói: Hai Định đều không có tâm, cho nên đều thiết lập ở phạm vi của một cõi, nghĩa là Định Vô tưởng thiết lập ở phạm vi của cõi có Sắc, Định Diệt tận thiết lập ở phạm vi của cõi không có Sắc.

Có người nói: Hai Định đều không có tâm, cho nên đều thiết lập ở phạm vi của một địa, nghĩa là Định Vô tưởng thiết lập dựa vào phạm vi của địa có Sắc, Định Diệt tận thiết lập dựa vào phạm vi của địa không có Sắc.

Có người nói: Hai Định đều không có tâm, cho nên đều thiết lập ở phạm vi của một tụ, nghĩa là Định Vô tưởng thiết lập ở phạm vi của tụ Đại chủng sở tạo sắc, Định Diệt tận thiết lập ở phạm vi của tụ Tâm- tâm sở pháp.

Có người nói: Tất cả các địa đều có hai loại lỗi lầm:

Lỗi lầm do tham dục.

Lỗi lầm do trú xứ.

Địa Tĩnh lự thứ nhất có lỗi lầm do tham dục, đó là Thánh đạo của địa mình; lỗi lầm do trú xứ, đó là Tĩnh lự thứ hai. Cho đến Vô sở hữu xứ có lỗi lầm do tham dục, đó là Thánh đạo của địa mình và địa dưới; lỗi lầm do trú xứ, đó là Phi tưởng phi phi tưởng xứ. Phi tưởng phi phi tưởng xứ có lỗi lầm do tham dục, đó là Thánh đạo của địa dưới; lỗi lầm do trú xứ, đó là Đẳng chí Diệt tận. Nếu địa dưới có Định Diệt tận, thì các địa dưới phải có ba loại lỗi lầm, hoặc là hai loại lỗi lầm; Phi tưởng phi phi tưởng xứ chỉ có một loại lỗi lầm. Bởi vì không có lỗi lầm không bình đẳng như vậy, cho nên Định Diệt tận không phải là có ở địa dưới.

Có người nói: Định này do hai nhân duyên mà thiết lập làm giải thoát:

Rời bỏ tất cả sở duyên.

Đoạn hết giới hạn của tâm.

Nếu địa dưới có Định Diệt tận, thì không phải là rời bỏ tất cả sở duyên, bởi vì chưa buông bỏ sở duyên phía trên; cũng không thể nói là đoạn hết giới hạn của tâm, bởi vì đoạn hết tâm trung gian không phải là giới hạn.

Có người nói: Bởi vì Định này là phần sau cuối trong thứ tự của Định, cho nên cần phải thuận theo Phi tưởng phi phi tưởng xứ không gián đoạn mà tiến vào.

Bởi vì những nhân duyên như vậy, cho nên ở các địa dưới không có Định Diệt tận, chỉ có ở cõi Hữu Đảnh.

Như Đức Thế Tôn nói: "Như thế nào gọi là Đẳng chí Diệt tận? Đó là bởi vì vượt qua tất cả Phi tưởng phi phi tưởng xứ, trú đầy đủ trong Tưởng-Thọ diệt-Thân tác chứng."

Hỏi: Đẳng chí Diệt tận tức là hệ thuộc Phi tưởng phi phi tưởng xứ, vì sao Đức Phật nói là vượt qua tất cả Phi tưởng phi phi tưởng xứ?

Đáp: Tuy chính là hệ thuộc cõi ấy, nhưng mà vắng lặng hơn hẳn, cho nên Đức Phật nói là vượt qua cõi ấy. Ví như chốn A-luyện-nhã gần bên thôn xóm, tuy chính là trong phạm vi thôn xóm, nhưng cũng bởi vì vắng lặng cho nên nói là tách lìa thôn xóm.

Lại có hai loại Phi tưởng phi phi tưởng xứ:

Có tâm.

Không có tâm.

Bởi vì vượt qua tất cả Phi tưởng phi phi tưởng xứ, là dựa vào Phi tưởng phi phi tưởng có tâm mà nói; trú đầy đủ trong Tưởng-Thọ diệt- Thân tác chứng, là dựa vào Phi tưởng phi phi tưởng xứ không có tâm mà nói. Như có tâm-không có tâm, tương ưng-không tương ưng, có sở y-không có sở y, có hành tướng-không có hành tướng, có tác ý-không có tác ý, có sở duyên-không có sở duyên, nên biết cũng như vậy.

Lại có hai loại Phi tưởng phi phi tưởng xứ:

Nhiễm ô.

Không nhiễm ô.

Bởi vì vượt qua tất cả Phi tưởng phi phi tưởng xứ, là dựa vào nhiễm ô mà nói; trú đầy đủ trong Tưởng-Thọ diệt-Thân tác chứng, là dựa vào không nhiễm ô mà nói. Như nhiễm ô-không nhiễm ô, do kiến mà đoạn-do tu mà đoạn, cũng như vậy.

Lại có hai loại Phi tưởng phi phi tưởng xứ:

Đã từng đạt được.

Chưa từng đạt được.

Bởi vì vượt qua tất cả Phi tưởng phi phi tưởng xứ, là dựa vào đã từng đạt được mà nói; trú đầy đủ trong Tưởng-Thọ diệt-Thân tác chứng, là dựa vào chưa từng đạt được mà nói. Như đã từng đạt được-chưa từng đạt được, cọng-bất cọng cũng như vậy.

Lại có hai loại Phi tưởng phi phi tưởng xứ:

Lìa nhiễm đạt được.

Gia hạnh đạt được.

Bởi vì vượt qua tất cả Phi tưởng phi phi tưởng xứ, là dựa vào lìa nhiễm đạt được mà nói; trú đầy đủ trong Tưởng-Thọ diệt-Thân tác chứng, là dựa vào gia hạnh đạt được mà nói.

Lại dựa vào địa theo thứ tự vượt qua mà nói, vượt qua tất cả Vô sở hữu xứ. Tiến vào trú đầy đủ trong Phi tưởng phi phi tưởng xứ, là dựa vào vượt qua tham dục của địa dưới mà nói, bởi vì vượt qua tất cả Phi tưởng phi phi tưởng xứ; trú đầy đủ trong Tưởng-Thọ diệt-Thân tác chứng, là vượt qua trú xứ có tâm của địa mình mà nói.

Hỏi: Những người Vô học, có thể nói là vượt qua tất cả Phi tưởng phi phi tưởng xứ, bởi vì họ vượt qua đầy đủ hai loại tham dục và trú xứ của cõi Hữu Đảnh; những người Học ở cõi ấy chỉ có một loại vượt qua, làm sao có thể nói là vượt qua tất cả?

Đáp: Tất cả có hai loại:

Tất cả của tất cả;

Tất cả của phần ít.

Trong này, người Học dựa vào phần ít mà nói, cho nên không có lỗi.

Có người nói: Trong này chỉ dựa vào vượt qua trú xứ mà nói, nghĩa là những người Học tuy đối với tham dục do tu mà đoạn của cõi Hữu Đảnh chưa có thể vượt qua tất cả, nhưng đối với trú xứ của cõi Hữu Đảnh thì có thể vượt qua tất cả.

Có người nói: Trong này dựa vào tạm thời vượt qua mà nói, nghĩa là những người Học tạm thời vượt qua tất cả phần vị có tâm, bởi vì cõi Hữu Đảnh rời khỏi có tâm-tiến vào không có tâm.

Hỏi: Trong Định Diệt tận, diệt hết tất cả tâm - tâm sở pháp, vì sao chỉ nói đến Tưởng-Thọ diệt chứ không nói đến tâm…?

Đáp: Phái Thí Dụ nói: Định này có tâm, chỉ diệt Tưởng-Thọ.

Hỏi: Nay không hỏi về điều đó, chỉ hỏi là nói không có tâm thì vì sao như vậy?

Đáp: Nói đến Tưởng-Thọ diệt là hiển bày về loại khác cũng diệt, bởi vì không phải là pháp tương ưng khác tách lìa Tưởng-Thọ mà khởi lên.

Có người nói: Trong này nói đến pháp mạnh nhất, bởi vì các phẩm tâm thì Tưởng-Thọ là mạnh nhất, bởi vì diệt hơn hẳn cho nên pháp khác cũng diệt theo.

Có người nói: Bởi vì trong này nêu rõ về môn loại-nêu rõ về phương thức-nêu rõ về nẻo tiến vào, nghĩa là trong tụ tâm có loại là tánh của căn,

có loại không phải là tánh của căn. Nếu nói về Thọ thì nên biết đã nói đến loại là tánh của căn, nếu nói về Tưởng thì nên biết đã nói đến loại không phải là tánh của căn. Như tánh của căn-không phải là tánh của căn, có minh-không có minh, có hiện thấy-không có hiện thấy, nên quán sát-không nên quán sát, vi diệu-không phải là vi diệu, tôn quý-không phải là tôn quý, thù thắng-không phải là thù thắng, nên biết cũng như vậy.

Có người nói: Tưởng-Thọ là pháp mà các Sư Du-già hết sức lo sợ chán ngán. Bởi vì lực của Thọ mà khiến cho các hữu tình cõi Sắc phải chịu đựng tai họa, bởi vì lực của Tưởng mà khiến cho các hữu tình cõi Vô sắc phải chịu đựng tai họa, vì vậy Đức Thế Tôn nói đến Tưởng-Thọ diệt.

Có người nói: Tưởng-Thọ hơn hẳn trong hai cõi, Thọ hơn hẳn ở trong cõi Sắc, Tưởng hơn hẳn ở trong cõi Vô sắc.

Có người nói: Bởi vì Thọ mà đam mê vui thích, bởi vì Tưởng mà chấp trước điên đảo, khiến cho các hữu tình luân hồi trong sinh tử, nhận chịu mọi điều khổ não.

Có người nói: Tưởng-Thọ khác nhau mà lập ra Uẩn và lập ra Thức trú.

Có người nói: Tưởng-Thọ có thể dấy khởi hai loại phiền não là Ái và Kiến, bởi vì lực của Thọ cho nên dấy khởi Ái, bởi vì lực của Tưởng cho nên dấy khởi Kiến, tất cả phiền não lấy hai loại này làm đầu.

Có người nói: Tưởng-Thọ là hai căn tranh chấp, do Thọ mà đắm say các dục lạc, khiến cho hàng tại gia khởi lên những sự đấu tranh; do Tưởng mà đắm say các kiến giải, khiến cho hàng xuất gia khởi lên những sự đấu tranh. Như hai căn tranh chấp, hai phía, hai mũi tên, hai hý luận, hai ngã sở, hai tạp nhiễm, nên biết cũng như vậy.

Có người nói: Bởi vì hành giả chán ghét Tưởng-Thọ, cho nên tiến vào Định Diệt tận. Do nghĩa như vậy cho nên Đức Phật chỉ nói diệt hai pháp này.

Như luận Thi Thiết nói: "Vì sao gia hạnh khởi lên Đẳng chí về Diệt? Đó là người bắt đầu sự nghiệp tu tập, đối với tất cả các hành không tạo tác gia hạnh, không muốn tư duy về những gì mình vốn có, Tưởng-Thọ chưa sinh khởi nên làm cho không sinh khởi, Tưởng-Thọ đã sinh khởi nên làm cho nhanh chóng diệt đi. Nếu vào lúc bấy giờ tất cả Tưởng-Thọ chưa sinh khởi thì không sinh khởi, đã sinh khởi thì diệt đi, đó gọi là Diệt. Vì sao Diệt này gọi là Đẳng chí? Đó là đối với pháp Diệt tự tại hiện thấy không có chướng ngại-không có trái ngược, do tự thân mà chứng được cho nên gọi là Đẳng chí. Bởi vì điều này cho nên Đức Thế Tôn nói là Diệt chỉ có một

sát-na, Đẳng chí thì nối tiếp nhau."

Hỏi: Khiến cho tâm bình đẳng gọi là Đẳng chí, trong Định này không có tâm thì vì sao gọi là Đẳng chí?

Đáp: Đẳng chí có hai loại:

Khiến cho tâm bình đẳng.

Khiến cho Đại chủng bình đẳng.

Định Vô tưởng-Diệt tận, tuy đoạn tâm bình đẳng khiến cho không nối tiếp nhau, mà dẫn dắt Đại chủng bình đẳng khiến cho hiện rõ ở trước mắt, cho nên gọi là Đẳng chí.

Hỏi: Vì sao trong hai Định không có tâm, chỉ riêng Định Diệt tận thiết lập làm Giải thoát chứ không phải là Định Vô tưởng?

Đáp: Hiếp Tôn giả nói: "Đức Phật thông suốt rõ ràng đến tận cùng Thể tướng và tác dụng của các pháp, người khác không thể nào biết được. Nếu pháp có tướng Giải thoát thì sẽ thiết lập, không có thì không thiết lập."

Lại nữa, Định Diệt tận chỉ có ở pháp bên trong, cho nên thiết lập Giải thoát; Định Vô tưởng chỉ có ở pháp bên ngoài, cho nên không thiết lập Giải thoát. Như pháp bên trong-pháp bên ngoài, Thánh giả-dị sinh cũng như vậy.

Lại nữa, Định Diệt tận chỉ rời bỏ tạp nhiễm-hướng về thanh tịnh, trong sự nối tiếp nhau có thể đạt được, cho nên thiết lập Giải thoát; Định Vô tưởng chỉ rời bỏ thanh tịnh-hướng về tạp nhiễm, trong sự nối tiếp nhau có thể đạt được, cho nên không thiết lập Giải thoát. Như rời bỏ tạp nhiễm-hướng về tạp nhiễm, rời bỏ sinh tử-hướng về sinh tử, rời bỏ lưu chuyển-hướng về lưu chuyển, nên biết cũng như vậy.

Lại nữa, Định Diệt tận chỉ rời bỏ Ngã kiến-hướng về không có Ngã kiến, trong sự nối tiếp nhau có thể đạt được, cho nên thiết lập Giải thoát; Định Vô tưởng chỉ rời bỏ không có Ngã kiến-hướng về Ngã kiến, trong sự nối tiếp nhau có thể đạt được, cho nên không thiết lập Giải thoát.

Lại nữa, Định Diệt tận chỉ rời bỏ Tát-ca-da kiến, hướng về quán Không, trong sự nối tiếp nhau có thể đạt được, cho nên thiết lập Giải thoát; Định Vô tưởng chỉ rời bỏ quán Không, hướng về Tát-ca-da kiến, trong sự nối tiếp nhau có thể đạt được, cho nên không thiết lập Giải thoát.

Lại nữa, trước đây nói Định Diệt tận do hai nhân duyên cho nên thiết lập làm Giải thoát:

Rời bỏ tất cả sở duyên.

Đoạn hết giới hạn của tâm.

Định Vô tưởng thì cả hai việc đều không có, vì vậy không thiết lập.

Lại nữa, Định Diệt tận chỉ ngăn cản các cõi-các nẻo-các sinh loại, trong sự nối tiếp nhau có thể đạt được, cho nên thiết lập Giải thoát; Định Vô tưởng chỉ không ngăn cản các cõi-các nẻo-các sinh loại, trong sự nối tiếp nhau có thể đạt được, cho nên không thiết lập Giải thoát.

Lại nữa, rời bỏ các nghiệp nhân-quả báo gọi là Giải thoát, Định Diệt tận rời bỏ các cõi-các nẻo-các sinh loại, giác ngộ sinh tử lưu chuyển; Định Vô tưởng thì không như vậy.

Bởi vì những duyên này, cho nên trong hai Định không có tâm, chỉ riêng Định Diệt tận thiết lập làm Giải thoát chứ không phải là Định Vô tưởng.

Hỏi: Định Vô tưởng và Định Diệt tận có gì sai biệt?

Đáp: Tên gọi tức là sai biệt, gọi là Định Vô tưởng, gọi là Định Diệt tận.

Lại nữa, cõi cũng có sai biệt, Định Vô tưởng hệ thuộc cõi Sắc, Định Diệt tận hệ thuộc cõi Vô sắc.

Lại nữa, địa cũng có sai biệt, Định Vô tưởng thuộc về Tĩnh lự thứ tư, Định Diệt tận thuộc về Phi tưởng phi phi tưởng xứ.

Lại nữa, nối tiếp nhau cũng có sai biệt, Định Vô tưởng thuộc về sự nối tiếp nhau của dị sinh, Định Diệt tận thuộc về sự nối tiếp nhau của Thánh giả.

Lại nữa, lúc tiến vào Định Vô tưởng thì dấy lên Tưởng rời khỏi, lúc tiến vào Định Diệt tận thì dấy lên Tưởng dừng lại.

Lại nữa, lúc tiến vào Định Vô tưởng thì chỉ chán ngán đối với Tưởng, lúc tiến vào Định Diệt tận thì chán ngán cả Tưởng và Thọ.

Lại nữa, lúc tiến vào Định Vô tưởng thì chỉ muốn diệt Tưởng, lúc tiến vào Định Diệt tận thì muốn diệt cả Tưởng và Thọ.

Lại nữa, lúc tiến vào Định Vô tưởng thì diệt tâm - tâm sở pháp hệ thuộc cõi Sắc, lúc tiến vào Định Diệt tận thì diệt tâm - tâm sở pháp hệ thuộc cõi Vô sắc.

Lại nữa, lúc tiến vào Định Vô tưởng thì diệt tâm - tâm sở pháp của Tĩnh lự thứ tư, lúc tiến vào Định Diệt tận thì diệt tâm - tâm sở pháp của Phi tưởng phi phi tưởng xứ.

Lại nữa, Định Vô tưởng dẫn đến dị thục của cõi Sắc, Định Diệt tận dẫn đến dị thục của cõi Vô sắc.

Lại nữa, Định Vô tưởng dẫn đến dị thục của Tĩnh lự thứ tư, Định Diệt tận dẫn đến dị thục của Phi tưởng phi phi tưởng xứ.

Lại nữa, Định Vô tưởng chỉ thuận theo sinh ra mà nhận lấy dị thục, Định Diệt tận thuận theo sau khi sinh ra không nhất định nhận lấy dị thục, cho nên có sai biệt.

Tôn giả Thế Hữu đưa ra câu hỏi này: "Định Vô tưởng và Định Diệt tận sai biệt thế nào?

Trả lời: Một loại gọi là Định Vô tưởng, một loại gọi là Định Diệt tận, cho nên có sai biệt. Lại nữa, cõi-địa-nối tiếp nhau-dấy lên tưởng- chán ngán-mong muốn-đã diệt-dị thục, đều có sai biệt, nói rộng ra như trên. Lại nữa, dị sinh tiến vào Định Vô tưởng cảm đến quả của cõi Vô tưởng, Thánh giả tiến vào Định Diệt tận cảm đến quả của cõi Hữu Đảnh. Lại nữa, Định Vô tưởng khiến cho các dị sinh nhận lấy quả dị thục của cõi Sắc, Định Diệt tận khiến cho những người Học nhận lấy quả dị thục của cõi Vô sắc, khiến cho người Vô học nhận lấy quả đẳng lưu của cõi Vô sắc. Đó gọi là sự sai biệt giữa Định Vô tưởng và Định Diệt tận."

Hỏi: Trong tám Giải thoát vì sao Đức Thế Tôn chỉ nói Giải thoát thứ ba-thứ tám gọi là Thân tác chứng, chứ không phải là loại khác? Như trong kinh nói: "Tịnh giải thoát Thân tác chứng, Tưởng-Thọ diệt giải thoát Thân tác chứng."

Đáp: Có kinh khác đối với tám Giải thoát, Đức Thế Tôn đều nói là Thân tác chứng. Như trong kinh Đại Nhân Duyên, Đức Phật đối với tám Giải thoát, tất cả đều nói là trú đầy đủ trong Thân tác chứng.

Hỏi: Tuy trong một số kinh đối với tám Giải thoát nói là Thân tác chứng, nhưng ở trong nhiều kinh chỉ nói hai loại gọi là Thân tác chứng, vì sao như vậy?

Đáp: Hai loại Giải thoát này có danh-nghĩa thù thắng nhất trong tám loại Giải thoát, cho nên chỉ nói đến hai loại.

Có người nói: Bởi vì hai loại Giải thoát này đều dùng công lực của gia hạnh mà chứng.

Có người nói: Hai loại này đều ở phạm vi của một cõi, đó là Tịnh giải thoát ở phạm vi của cõi Sắc, Tưởng-Thọ diệt giải thoát ở phạm vi của cõi Vô sắc.

Có người nói: Hai Giải thoát này đều ở phạm vi của một địa, đó là Tịnh giải thoát thuộc về phạm vi của Tĩnh lự thứ tư, Tưởng-Thọ diệt giải thoát thuộc về phạm vi của Phi tưởng phi phi tưởng xứ.

Có người nói: Tịnh giải thoát đối với phạm vi của tụ sắc do Đại chủng đã tạo ra mà thiết lập, Tưởng-Thọ diệt giải thoát đối với phạm vi của tụ tâm - tâm sở pháp mà thiết lập.

Có người nói: Tịnh giải thoát tuy giữ lấy tướng thanh tịnh của sắc, mà không khởi lên phiền não, bởi vì thù thắng. Đức Thế Tôn an lập Thân tác chứng gọi là Tưởng-Thọ diệt giải thoát, bởi vì không có tâm. Thuộc về thân chứ không phải là tâm, do lực của thân mà khởi lên chứ không phải là lực của tâm, vì vậy Đức Thế Tôn nói là Thân chứng.

Có người nói: Ở trong kinh nói tám Giải thoát là Thân tác chứng, đều bởi vì hai Giải thoát này cho nên được gọi là Thân chứng.

Bởi vì những nghĩa này, cho nên chỉ có hai loại nói là Thân tác chứng.

Cụ túc trú (trú đầy đủ), có nhiều nơi nói đến thanh âm Cụ túc trú, đó là hoặc có nơi đối với phần ít của Sắc uẩn nói là Cụ túc trú, hoặc có nơi đối với năm Uẩn thiện nói là Cụ túc trú, hoặc có nơi đối với bốn Uẩn thiện nói là Cụ túc trú, hoặc có nơi đối với một phần của Hành uẩn không tương ưng nói là Cụ túc trú, hoặc có nơi đối với Niết-bàn tịch diệt nói là Cụ túc trú.

Đối với phần ít của Sắc uẩn nói là Cụ túc trú, như bài kệ nói: "Đối với diệu Tuệ và Thánh giáo, an trú đầy đủ trong Thi-la,

Tất cả đều thật sự hiền thiện, kho tàng quý báu nhiều công đức."

Đối với năm Uẩn thiện nói là Cụ túc trú, như nói: "Trú đầy đủ trong Tĩnh lự thứ nhất cho đến Tĩnh lự thứ tư." Đối với bốn Uẩn thiện nói là Cụ túc trú, như nói: "Trú đầy đủ trong Không vô biên xứ cho đến Phi tưởng phi phi tưởng xứ." Đối với một phần của Hành uẩn không tương ưng nói là Cụ túc trú, như trong tám Giải thoát này, nói trú đầy đủ trong Tưởng-Thọ diệt giải thoát Thân tác chứng. Đối với Niết-bàn tịch diệt nói là Cụ túc trú, như nói: "Trú đầy đủ vào Niết-bàn Thân tác chứng."

Hỏi: Định Diệt tận có mấy chủng loại?

Đáp: Có người nói: Có bốn, đó là người có đủ phiền não (cụ phược) đã khởi lên, người lìa ba phẩm Thượng đã khởi lên, người lìa ba phẩm Trung đã khởi lên, người lìa ba phẩm Hạ đã khởi lên, bởi vì chủng loại khác nhau.

Lại có người nói: Bốn loại, đó là người lìa nhiễm thuộc phẩm sáu-bảy-tám-chín đã khởi lên, mỗi một phẩm lấy làm một loại. Người ấy nói bởi vì người có đủ phiền não, cho đến người lìa nhiễm thuộc phẩm năm, đều chưa có thể khởi lên Định này.

Có người nói: Định này có chín loại, đó là người lìa phẩm Thượng Thượng đã khởi lên, cho đến người lìa phẩm Hạ Hạ đã khởi lên, bởi vì chỉ riêng người có đủ phiền não không có thể khởi lên.

Có người nói: Định này có mười loại, đó là người có đủ phiền não đã

khởi lên, cho đến người lìa phẩm Hạ Hạ đã khởi lên.

Hỏi: Nếu người có đủ phiền não mà có thể khởi lên Định này, thì các loại dị sinh vì sao không có thể khởi lên?

Đáp: Phiền não có hai loại, một là do kiến mà đoạn, hai là do tu mà đoạn. Ở trong cõi Hữu Đảnh, nếu thiếu phiền não do kiến mà đoạn, có đủ phiền não do tu mà đoạn, thì có thể khởi lên Định này, có đủ hai loại phiền não thì không có thể khởi lên.

Nói như vậy thì Định Diệt tận này có mười một loại, đó là người có đủ phiền não đã khởi lên, người lìa phẩm Thượng Thượng đã khởi lên, cho đến người lìa phẩm Hạ Hạ đã khởi lên, A-la-hán Thời giải thoát luyện căn đạt được Bất động đã khởi lên.

Hỏi: Thể của mười một loại này có khác nhau chăng? Đáp: Có người nói: Không khác.

Hỏi: Nếu như vậy thì tại sao nói là mười một?

Đáp: Do phần vị khác nhau chứ không phải là Thể có khác nhau. Có người nói: Thể của mười một loại này đều khác nhau.

Hỏi: Nếu như vậy thì người có đủ phiền não đã khởi lên, cho đến A-la-hán Thời giải thoát luyện căn đạt được Bất động đã khởi lên, sai biệt như thế nào?

Đáp: Có người vào lúc có đủ phiền não khởi lên Định Diệt tận, chính người ấy vào lúc tiến lên đoạn nhiễm thuộc một phẩm, lại khởi lên Định Diệt tận, người ấy vào lúc bấy giờ, trước đây đã khởi lên là đạt được mà không thuộc về thân, thành tựu mà không hiện rõ trước mắt; nay đã khởi lên là đạt được mà cũng thuộc về thân, thành tựu mà cũng hiện rõ trước mắt. Chính người ấy cho đến từ Thời giải thoát luyện căn đạt được Bất động, người ấy vào lúc bấy giờ ở trong các phần vị trước đã khởi lên Định Diệt tận, đạt được mà không thuộc về thân, thành tựu mà không hiện rõ trước mắt; nay ở phần vị Bất động đã khởi lên Định Diệt tận, đạt được cũng thuộc về thân, thành tựu cũng hiện rõ trước mắt. Vì vậy nên biết là Thể và chủng loại đều khác nhau.

Hỏi: Định này có chủng loại khác nhau về phẩm Thượng-Trung- Hạ hay không? Nếu có thì luận Thi Thiết nói nên hiểu thế nào? Như luận ấy nói: "Diệt không có sai biệt." Nếu không có thì Phật-Độc giác- Thanh văn đã khởi lên không có hơn-kém hay sao?

Đáp: Có người nói: Định này không có Thượng-Trung-Hạ.

Hỏi: Luận Thi Thiết nói Diệt không có sai biệt, tuy đã dễ dàng hiểu

được, nhưng Phật-Độc giác-Thanh văn đã khởi lên không có hơn- kém hay sao?

Đáp: Thể không có hơn-kém, bởi vì đều lấy diệt tâm - tâm sở làm tánh của Định ấy, nhưng bởi vì gia hạnh cho nên nói có sai biệt, nghĩa là Phật khởi lên Định này không nhờ vào gia hạnh, Độc giác nhờ vào gia hạnh bậc Hạ, Thanh văn nhờ vào gia hạnh bậc Trung-hoặc là bậc Thượng.

Nói như vậy thì Định Diệt tận này có phẩm loại Thượng-Trung- Hạ sai biệt.

Hỏi: Ba Thừa đã khởi lên có hơn-có kém, tuy đã dễ dàng hiểu được, nhưng luận Thi Thiết nói Diệt không có sai biệt nên hiểu thế nào?

Đáp: Dựa vào nghĩa có thể đoạn diệt tâm - tâm sở pháp không có sai biệt mà nói là không có sai biệt, nhưng Định Diệt tận là hữu vi, có Thượng-Trung-Hạ như pháp hữu vi khác, bởi vì tùy theo căn tánh-phần vị cho nên có khác nhau. Nghĩa là Phật đã đạt được là bậc Thượng, Độc giác đã đạt được là bậc Trung, Thanh văn đã đạt được là bậc Hạ. Trong Thanh văn Thừa có nhiều sai biệt, lại có phần vị Học có đủ phiền não mà khởi lên là Hạ Hạ, cho đến đoạn tám phẩm mà khởi lên là Thượng Thượng; trong phần vị Vô học, chủng tánh Thối pháp mà khởi lên là Hạ Hạ, cho đến mới đạt được chủng tánh Bất động mà khởi lên là Thượng Hạ, vốn có đạt được chủng tánh Bất động mà khởi lên là Thượng Trung, Thanh văn Ba-la-mật-đa mà khởi lên là Thượng Thượng. Căn tánh sai biệt trong mỗi một chủng tánh đã khởi lên, đều có phẩm loại Thượng- Trung-Hạ sai biệt, vì vậy Định Diệt tận có nhiều phẩm loại.

Hỏi: Định Diệt tận này lấy mấy pháp làm Thể?

Đáp: Có người nói: Định này lấy một pháp làm Thể, bởi vì nếu Diệt hiện rõ trước mắt thì gọi là không có tâm.

Hỏi: Vì sao Diệt trong một sát-na hiện rõ trước mắt thì gọi là không có tâm?

Đáp: Như Thọ trong một sát-na hiện rõ trước mắt thì gọi là có Thọ, Tưởng trong một sát-na hiện rõ trước mắt thì gọi là có Tưởng, Thức trong một sát-na hiện rõ trước mắt thì gọi là có Thức, như vậy Diệt trong một sát-na hiện rõ trước mắt thì gọi là không có tâm, điều này có gì sai?

Có người nói: Định này lấy mười một pháp làm Thể, bởi vì Diệt mười pháp Đại địa và tâm.

Có người nói: Định này lấy hai mươi mốt pháp làm Thể, bởi vì Diệt mười pháp Đại địa-mười pháp Đại thiện địa và tâm.

Nói như vậy là hễ diệt bao nhiêu tâm - tâm sở pháp, thì có bấy nhiêu pháp hiện rõ trước mắt lấy làm Thể của Định này.

Hỏi: Tự tánh của Định Diệt tận này đã như vậy, tướng của Định ấy như thế nào?

Đáp: Tự Thể tức là tướng, tướng tức là tự Thể, bởi vì tất cả các pháp không thể nào tách rời Thể mà nói riêng về tướng của nó.

Tôn giả Thế Hữu đưa ra cách nói như vậy: "Định Diệt tận này lấy giải thoát làm tướng, cho nên đưa ra cách nói này: Trú trong Định này thì tâm - tâm sở pháp giải thoát, giải thoát hơn hẳn, giải thoát hơn hẳn cao nhất; lìa hệ thuộc, lìa hệ thuộc hơn hẳn, lìa hệ thuộc hơn hẳn cao nhất."

Hỏi: Định này không có thể đoạn các phiền não, làm sao có thể nói là trú trong Định này thì tâm - tâm sở pháp giải thoát…?

Đáp: Trú trong Định này thì tâm - tâm sở pháp tạm thời được giải thoát, cho đến tạm thời lìa hệ thuộc hơn hẳn cao nhất, cho nên nói như vậy chứ không phải là nói Định này có thể đoạn các phiền não.

Có người nói như vậy: Nếu pháp lấy Tưởng-Vi tế làm Nhân, thì Vi vi làm Đẳng vô gián, không đi cùng với pháp ấy, không phải là không thành tựu, đó gọi là giải thoát.

Hỏi: Đây là nói đến pháp nào?

Đáp: Có người nói: Đây là nói về Định Diệt tận.

Nếu đưa ra cách nói này: Đây là nói về Định Diệt tận, thì điều ấy nói Định này lấy Tưởng-Vi tế làm Nhân, đó là một Nhân, tức là nhân Đồng loại; Vi vi cũng cùng làm Nhân, đó là một Nhân, tức là nhân Đồng loại, cũng cùng làm Đẳng vô gián duyên.

Nếu đưa ra cách nói này: Đây là nói về Định Diệt tận, thì điều ấy nên nói: Nếu pháp lấy Tưởng-Vi tế làm Nhân, thì Vi vi làm Đẳng vô gián. Không nên nói: Không đi cùng với pháp ấy, bởi vì Định Diệt tận kia đang hiện rõ trước mắt. Nên nói: Không phải là không thành tựu, bởi vì lúc trú trong Định thì lúc ấy thành tựu về Định.

Có người nói: Đây là nói về tâm rời khỏi Định.

Nếu đưa ra cách nói này: Đây là nói về tâm rời khỏi Định, thì điều ấy nói tâm rời khởi Định này lấy Tưởng-Vi tế làm Nhân, đó là một Nhân, tức là nhân Đồng loại; Vi vi cũng cùng làm Nhân, đó là một Nhân, tức là nhân Đồng loại, cũng cùng làm Đẳng vô gián duyên.

Nếu đưa ra cách nói này: Đây là nói về tâm rời khỏi Định, thì điều ấy nên nói: Nếu pháp lấy Tưởng-Vi tế làm Nhân, thì Vi vi làm Đẳng vô gián.

Nên nói: Không đi cùng với pháp ấy, bởi vì lúc trú trong Định thì tâm rời khỏi Định ấy không hiện rõ trước mắt. Nên nói: Không phải là không thành tựu, bởi vì lúc trú trong Định thì lúc ấy thành tựu tâm rời khỏi Định.

Vì vậy chứng minh biết rằng đó là trước kia đạt được tâm rời khỏi Định.

Có người nói: Đây là nói về tâm tiến vào Định.

Nếu đưa ra cách nói này: Đây là nói về tâm tiến vào Định, thì điều ấy nói: Tâm tiến vào Định này lấy Tưởng làm Nhân, đó là một Nhân, tức là nhân Đồng loại; Vi vi cũng cùng làm Nhân, đó là một Nhân, tức là nhân Đồng loại, cũng cùng làm Đẳng vô gián duyên.

Nếu đưa ra cách nói này: Đây là nói về tâm tiến vào Định, thì điều ấy nên nói: Nếu pháp lấy Tưởng làm Nhân, Vi tế làm Đẳng vô gián. Nên nói: Không đi cùng với pháp ấy, bởi vì lúc trú trong Định thì tâm tiến vào Định ấy không hiện rõ trước mắt. Nên nói: Không phải là không thành tựu, bởi vì lúc trú trong Định thì lúc ấy thành tựu tâm tiến vào Định.

-oOo-

LUẬN A TỲ ĐẠT MA ĐẠI TỲ BÀ SA

QUYỂN 153

LUẬN VỀ ĐẲNG TÂM (Phần 3)

Hỏi: Trong này, thế nào là Tưởng, thế nào là Vi tế, thế nào là Vi vi?

Đáp: Có người nói: Không vô biên xứ-Thức vô biên xứ là Tưởng, Vô sở hữu xứ là Vi tế, Phi tưởng phi phi tưởng xứ là Vi vi.

Có người nói: Không vô biên xứ-Thức vô biên xứ-Vô sở hữu xứ là Tưởng, Phi tưởng phi phi tưởng xứ là Vi tế, nếu tâm - tâm sở pháp làm Đẳng vô gián duyên tiến vào Định Diệt tận thì đó là Vi vi.

Có người nói: Phi tưởng phi phi tưởng xứ cũng là Tưởng, cũng là Vi tế, cũng là Vi vi. Nguyên cớ thế nào? Bởi vì Phi tưởng phi phi tưởng xứ có Thượng-Trung-Hạ, Thượng gọi là Tưởng, Trung gọi là Vi tế, Hạ gọi là Vi vi.

Hỏi: Nếu cùng một địa thì có gì sai biệt?

Đáp: Có người nói: Tên gọi tức là sai biệt, đó là pháp này gọi là Tưởng, pháp này gọi là Vi tế, pháp này gọi là Vi vi.

Có người nói: Phẩm cũng có sai biệt, đó là phẩm Thượng thì gọi là Tưởng, phẩm Trung thì gọi là Vi tế, phẩm Hạ thì gọi là Vi vi.

Có người nói: Lúc Tưởng-Vi tế hiện rõ ở trước mắt thì có thể tu Thánh đạo vị lai, lúc Vi vi hiện rõ ở trước mắt thì không tu.

Có người nói: Lúc Tưởng-Vi tế hiện rõ ở trước mắt thì bốn Niệm trú tùy theo một loại tu ở hiện tại, bốn loại tu ở vị lai; lúc Vi vi hiện rõ ở trước mắt thì Pháp niệm trú tu ở hiện tại, ba loại tu ở vị lai, trừ ra Thân niệm trú.

Có người nói: Tưởng-Vi tế có lúc đã từng đạt được, có lúc chưa từng đạt được; Vi vi chỉ là chưa từng đạt được.

Hỏi: Trong này dựa vào luận mà phát sinh luận, vì sao tâm tiến vào Định Diệt tận bao gồm đã từng đạt được và chưa từng đạt được, tâm rời khỏi Định Diệt tận chỉ là đã từng đạt được?

Đáp: Bởi vì tâm tiến vào Định cần nhiều gia hạnh, sử dụng công lực tác ý cao nhất mà khởi lên, cho nên bao gồm đã từng đạt được và chưa từng đạt được; tâm rời khỏi Định cùng với trên trái ngược nhau, cho nên chỉ có đã từng đạt được.

Có người nói: Bởi vì tâm tiến vào Định có thể thúc đẩy tăng thêm để phát khởi đối với Định, cho nên bao gồm đã từng đạt được và chưa từng đạt được; tâm rời khỏi Định cùng với điều này trái ngược nhau, cho nên chỉ

có đã từng đạt được.

Có người nói: Bởi vì tâm tiến vào Định chỉ là hữu lậu, cho nên bao gồm đã từng đạt được và chưa từng đạt được; tâm rời khỏi Định bao gồm hữu lậu và vô lậu, cho nên chỉ có đã từng đạt được.

Hỏi: Trong này dựa vào luận mà phát sinh luận, vì sao tâm tiến vào Định chỉ là hữu lậu, tâm rời khỏi Định bao gồm hữu lậu và vô lậu?

Đáp: Tâm tiến vào Định tùy thuận với tâm đoạn cho nên chỉ là hữu lậu, bởi vì tâm này không vững bền-không mạnh mẽ, không có thế lực tồn tại lâu dài, không làm cho tâm khác không gián đoạn mà khởi lên, như hạt giống hư hoại cho nên đối với tâm đoạn là tùy thuận nhất; tâm rời khỏi Định cùng với điều này trái ngược nhau, cho nên bao gồm hữu lậu và vô lậu.

Có người nói: Tâm tiến vào Định lấy Định làm vắng lặng, không phải là đạo vô lậu lấy hữu vi làm vắng lặng, cho nên chỉ là hữu lậu.

Có người nói: Bởi vì Định này là Định theo thứ tự, thuận theo tâm của địa Phi tưởng phi phi tưởng không gián đoạn mà khởi lên, Thánh đạo cuối cùng đến Vô sở hữu xứ, cho nên tâm tiến vào Định chỉ là hữu lậu.

Hỏi: Tâm tiến vào Định Diệt tận là duyên với nơi nào, tâm rời khỏi Định Diệt tận là duyên với nơi nào?

Đáp: Tâm tiến vào Định thì duyên với Định, tâm rời khỏi Định cũng như vậy.

Hỏi: Nếu tâm tiến vào Định duyên với Định, tâm rời khỏi Định cũng như vậy, thì làm sao không thể là lúc tiến vào lập tức rời ra, lúc rời ra lập tức tiến vào?

Đáp: Lúc tiến vào Định thì tâm đợi chờ muốn tiến vào, lúc rời khỏi Định thì tâm đợi chờ muốn rời khỏi, bởi vì tâm đợi chờ cho nên không có rối loạn. Vả lại, tâm tiến vào Định thì duyên với Định thuộc vị lai, tâm rời khỏi Định thì duyên với Định thuộc quá khứ, bởi vì sở duyên cho nên cũng không có rối loạn.

Hỏi: Nếu tâm tiến vào Định thì duyên với Định thuộc vị lai, là duyên với bao nhiêu Định thuộc vị lai?

Đáp: Có người nói: Chỉ duyên với Định trong sát-na thứ nhất.

Có người nói: Cùng duyên với thuận theo nối tiếp nhau khởi lên.

Lời bình: Nên nói tâm tiến vào Định này duyên với Định thuộc vị lai, mà không thể nói là duyên với sát-na nào, không duyên với sát-na nào, bởi vì Định thuộc vị lai có nhiều sát-na, chưa có trước-sau cho nên trú xen

tạp lẫn nhau.

Hỏi: Nếu tâm rời khỏi Định thì duyên với Định thuộc quá khứ, là duyên với bao nhiêu định thuộc quá khứ?

Đáp: Có người nói: Chỉ duyên với Định trong sát-na cuối cùng. Có người nói: Cùng duyên với đã từng nối tiếp nhau khởi lên.

Lời bình: Nên nói tâm rời khỏi Định này duyên với Định thuộc quá khứ, mà không thể nói là duyên với sát-na nào, không duyên với sát-na nào, bởi vì Định thuộc quá khứ có nhiều sát-na cho nên trú xen tạp lẫn nhau.

Hỏi: Lúc tiến vào Định Diệt tận, diệt những tâm - tâm sở pháp nào, là quá khứ, là vị lai, hay là hiện tại? Nếu là quá khứ thì quá khứ đã diệt, còn gì mà diệt? Nếu là vị lai thì vị lai chưa đến, làm sao có thể diệt? Nếu là hiện tại thì hiện tại không dừng, lại diệt thế nào? Giả sử không phải là lực của Định thì cũng tự diệt mất.

Đáp: Nên đưa ra cách nói này: Diệt ở vị lai. Hỏi: Vị lai chưa đến thì làm sao có thể diệt?

Đáp: Trú trong đời hiện tại, ngăn chặn tâm - tâm sở pháp ở vị lai, khiến cho không nối tiếp nhau, cho nên nói là Diệt. Như dựng cột-đóng cửa-chặn đường vào thành, không để cho mọi người ra vào, thì nói là trừ giặc; ở đây cũng như vậy.

Có người nói: Cùng diệt cả vị lai và hiện tại.

Hỏi: Hiện tại chắc chắn không dừng, lại diệt thế nào? Giả sử không phải là lực của Định thì cũng tự diệt mất.

Đáp: Tâm-tâm sở pháp của đời hiện tại trước đây, khiến cho pháp có duyên nối tiếp khởi lên mà diệt mất; tâm - tâm sở pháp của đời hiện tại bây giờ, không khiến cho pháp có duyên nối tiếp khởi lên mà diệt mất. Đây là do lực nào? Đó gọi là Định Diệt.

Hỏi: Lúc rời khỏi Định Diệt tận, những tâm - tâm sở pháp nào hiện rõ ở trước mắt?

Đáp: Có người đưa ra cách nói này: Tâm-tâm sở pháp của đời vị lai dừng lại mà trước đây đã ngăn chặn, nay hiện rõ ở trước mắt.

Có Sư khác nói: Tâm-tâm sở pháp còn lại của đời vị lai nay hiện rõ ở trước mắt, trú vào pháp không sinh mà trước đây đã ngăn chặn, không có thể tiếp tục khởi lên.

Lời bình: Nên nói là tâm - tâm sở pháp của đời vị lai khởi lên, mà không thể nói là khởi lên những gì, không khởi lên những gì, bởi vì đời vị lai có nhiều sát-na, chưa có trước sau cho nên trú xen tạp lẫn nhau.

Hỏi: Định Diệt tận có đạt được ở quá khứ, tu ở vị lai chăng?

Đáp: Có người nói: Định này không có đạt được ở quá khứ và tu ở vị lai, như Thiên nhãn-Thiên nhĩ.

Nếu đưa ra cách nói này: Không có đạt được ở quá khứ và tu ở vị lai, thì điều ấy nói chắc chắn sát-na thứ nhất chỉ thành tựu Định thuộc hiện tại, những sát-na khác thành tựu quá khứ-hiện tại, rời khỏi Định này rồi chỉ thành tựu quá khứ.

Có người nói: Định này có đạt được ở quá khứ và tu ở vị lai, như Tha tâm trí-Túc trú tùy niệm trí…

Nếu đưa ra cách nói này: Có đạt được ở quá khứ và tu ở vị lai, thì điều ấy nói chắc chắn sát-na thứ nhất thành tựu Định thuộc vị lai-hiện tại, những sát-na khác thành tựu ba đời, rời khỏi Định này rồi thành tựu quá khứ-vị lai.

Nói như vậy thì phải như cách nói thứ nhất. Nếu nói là Định này có đạt được ở quá khứ và tu ở vị lai, thì lúc lui sụt Định này rồi sau lại khởi lên, phải nói là trở lại đạt được pháp mà trước đây đã đạt được, nhưng thật sự lúc Định này lui sụt rồi lại khởi lên, gọi là đạt được Định chưa từng đạt được. Như không phạm tội nặng mà trở về nhà, sau lại xuất gia gọi là đạt được giới chưa từng đạt được; điều ấy cũng như vậy.

Hỏi: Định Diệt tận này ở nơi nào khởi lên?

Đáp: Ở cõi Dục-Sắc chứ không phải là cõi Vô sắc. Nếu ban đầu khởi lên thì chỉ ở cõi Dục. Nếu ở đây khởi lên rồi lui sụt đối với Định này, mạng chung sinh ở trong cõi Sắc, thì do lực luyện tập thành thục lại có thể hiện khởi, nơi khác thì không có thể. Vì sao biết như vậy? Bởi vì như trong kinh nói: "Tôn giả Xá-lợi-tử nói với chúng Tỳ kheo rằng: Nếu Tỳ kheo nào đầy đủ Giới-Định-Tuệ, có thể thường xuyên vào-ra Định diệt Tưởng-Thọ, người ấy đối với pháp hiện tại và lúc sắp chết, nếu không thể nào hiểu được Thánh chỉ của Như Lai, mạng chung vượt qua cõi trời Đoàn Thực, sinh vào trong cõi trời Ý Thành Thân, ở đó lại có thể thường xuyên vào-ra Định diệt Tưởng-Thọ, thì điều này là có, cần phải biết như thật. Lúc ấy Tỳ kheo Ô-đà-di, ngồi ở trong hội ấy, nói với Tôn giả Xá-lợi-tử rằng: Tỳ kheo ấy sinh vào cõi trời Ý Thành Thân, có thể thường xuyên vào-ra Định diệt Tưởng-Thọ, điều này là không có. Lần thứ hai-thứ ba cũng nói như vậy."

Hỏi: Vì sao Tỳ kheo Ô-đà-di nhiều lần nói ngược lại với Tôn giả Xá-lợi-tử?

Đáp: Vị ấy đã nghi ngờ không phải là không có xứ sở. Vị ấy dấy lên nghĩ rằng: Đạt được Định này thì chắc chắn đã lìa nhiễm của Vô sở hữu

xứ, mạng chung phải sinh đến Phi tưởng phi phi tưởng xứ, ở nơi ấy chắc chắn không có lý nào khởi lên Định này. Vả lại, vị ấy không hiểu ý của Xá-lợi-tử, vì vậy nhiều lần nói ngược lại ngay trước mặt.

Hỏi: Xá-lợi-tử có ý gì, Tỳ kheo ấy vì sao không hiểu?

Đáp: Xá-lợi-tử nói người sinh ở cõi Sắc, Ô-đà-di nói người sinh ở cõi Vô sắc; Xá-lợi-tử nói người lui sụt, Ô-đà-di nói người không lui sụt. Vì vậy không hiểu ý cho nên ba lần nói ngược lại.

Hỏi: Vì sao Tôn giả không khai ngộ cho vị ấy, mà khiến cho nhiều lần nói ngược lại?

Đáp: Tôn giả nghĩ rằng: Ai có thể khai ngộ cho người ngu si chấp mình là đúng như vậy?

Có người nói: Tôn giả nghĩ là muốn khai ngộ, nhưng bởi vì nhiều lần nói ngược lại cho nên ý nghĩ ấy liền dừng lại. Như kinh Tiễn Dụ nói: "Có rất nhiều Tỳ kheo tăng thượng mạn, ở trước Đức Phật đều tự ca ngợi về mình: Đời sống của tôi đã hết… Lúc ấy Đức Phật muốn vì họ nói về pháp đoạn trừ Ngã mạn, nhưng bởi vì các Tỳ kheo tự ca ngợi về mình không ngớt, cho nên tâm ấy liền dừng lại." Đức Thế Tôn đầy đủ Đại Bi duyên với tất cả, hãy còn dừng lại tâm nói pháp đối với người Ngã mạn, hướng là Tôn giả Xá-lợi-tử hay sao?

Có người nói: Tôn giả dấy lên ý nghĩ như vậy: "Sự việc đã luận bàn này chắc chắn nghe từ Đức Phật, Đức Phật sẽ vì điều này mà quở trách Ô-đà-di và A-nan-đà, sẽ làm cho lời khuyên nhủ này trải qua ngàn năm, khiến cho người không có trí không dám làm trái những điều mà người trí đã nói. Tôn giả lại nghĩ: Tỳ kheo như vậy ở trong Đại chúng nhiều lần nói ngược lại với mình rồi, không có người cùng chung phạm hạnh nào tùy hỷ với điều mình đã nói, nay phải đến nơi Đức Phật để quyết định rõ ràng sự việc này. Nghĩ rồi ngay lập tức đi đến nơi Đức Phật, đầu lạy sát hai chân Đức Phật xong lui về ngồi một phía, nói với chúng Tỳ kheo rằng: Nếu Tỳ kheo nào đầy đủ Giới-Định-Tuệ… Lúc ấy Ô-đà-di cũng ở trong hội ấy, lại đưa ra lời nói ngược lại như trước. Lúc bấy giờ Tôn giả dấy lên ý nghĩ như vậy: Tỳ kheo ấy cố tình ở trước đấng Đại Sư nói trái lại với điều mình nói, lại không có Tỳ kheo cùng chung phạm hạnh nào ca ngợi tán thưởng đối với mình, mình vào lúc này chỉ cần im lặng. Lúc ấy Xá-lợi-tử liền đứng im lặng. Lúc bấy giờ Đức Phật bảo với Ô-đà-di rằng: Ông cho rằng như thế nào là cõi trời Ý Thành Thân, lẽ nào không phải là muốn nói đến Phi tưởng phi phi tưởng xứ hay sao? Tỳ kheo ấy thưa rằng: Đúng như vậy. Đức Thế Tôn bảo rằng: Ông là người ngu, đui mù không có Tuệ nhãn, làm sao cùng

với hàng Tỳ kheo Thượng tọa luận bàn về A-tỳ-đạt-ma rất sâu xa được? Đức Phật vào lúc bấy giờ quở trách ngay trước mặt Ô-đà-di rồi, lại quở trách Tỳ kheo A-nan-đà rằng: Ông thấy người ngu xúc phạm làm phiền hàng Thượng tọa, vì sao bỏ qua mà không hề chỉ trích ngăn chặn? Lúc bấy giờ Đức Thế Tôn quở trách như vậy rồi, liền đi vào tịnh thất mà an trú vắng lặng.

Hỏi: Bởi vì Ô-đà-di có lỗi cho nên Đức Thế Tôn quở trách, Tỳ kheo A-nan-đà có lỗi gì mà bị quở trách?

Đáp: Ô-đà-di là đệ tử cùng ở chung với A-nan-đà, cho nên Đức Phật quở trách vì không khéo dạy dỗ.

Lại nữa, Ô-đà-di là đồ chúng thuộc về A-nan-đà, cho nên Đức Phật quở trách vị ấy về sự chỉ bày không đúng như pháp.

Lại nữa, Tôn giả A-nan-đà là đồ chúng thuộc về Đức Phật, cho nên Đức Phật quở trách rằng: Sao ông không biết người nào nói đúng như pháp, người nào nói không đúng như pháp?

Lại nữa, những Đối Pháp(A-tỳ-đạt-ma) đã nói rất sâu xa, không phải là sự nhận biết của nhiều người, chỉ trừ ra Đức Phật và Xá-lợi-tử, A-nan cũng dùng lực Đa văn mà nhận biết, cho nên Đức Phật quở trách rằng: Ông nhận biết nghĩa này sao không ca ngợi tán thưởng điều mà hàng Thượng tọa đã nói để thâu nhiếp tiếp nhận bạn bè học pháp?

Bởi vì những duyên này, cho nên Đức Phật quở trách.

Bởi vì nghĩa này cho nên biết Định Diệt tận ban đầu khởi lên ở cõi Dục, lui sụt sinh ở cõi Sắc lại có thể hiện rõ trước mắt, nơi khác thì không có thể khởi lên được.

Hỏi: Vì sao sinh trong cõi Sắc, có thể ban đầu khởi lên là Tĩnh lự và Vô sắc mà không phải là Định Diệt tận?

Đáp: Tĩnh lự do ba duyên cho nên ban đầu khởi lên:

1. Do lực của nhân.
2. Do lực của nghiệp.
3. Do lực của pháp vốn như vậy.

Do lực của nhân, nghĩa là bởi vì ở đời khác đã từng tiếp cận khởi lên Diệt thuộc Tĩnh lự này. Do lực của nghiệp, nghĩa là bởi vì địa ấy thuận theo nghiệp quyết định nhận lấy, đã tạo tác-tăng trưởng sắp mang lại quả. Do lực của pháp vốn như vậy, nghĩa là bởi vì lúc thế giới hủy hoại thì hữu tình ở địa dưới nhất định phải sinh lên địa trên.

Vô sắc do hai duyên cho nên ban đầu khởi lên:

1. Do lực của nhân;
2. Do lực của nghiệp.

Do lực của nhân, nghĩa là bởi vì trong đời khác đã từng tiếp cận khởi lên Diệt thuộc Vô sắc này. Do lực của nghiệp, nghĩa là bởi vì địa ấy thuận theo nghiệp quyết định nhận lấy, đã tạo tác-tăng trưởng sắp mang lại quả. Không do lực của pháp vốn như vậy, bởi vì Tĩnh lự thứ tư trở lên không có tai họa do thế giới hủy hoại.

Định Diệt tận do một duyên cho nên ban đầu khởi lên, đó là do lực của thuyết giảng, bởi vì chỉ trong cõi Dục có Đức Phật thuyết giảng, cho nên có thể khởi lên hiện rõ trước mắt. Không do lực của nhân, bởi vì trong đời khác chưa từng khởi lên Diệt của Định Diệt tận này. Không do lực của nghiệp, bởi vì tánh của Định này không phải là thuộc về nghiệp. Không do lực của pháp vốn như vậy, bởi vì trong Vô sắc không có tai họa do thế giới hủy hoại.

Hỏi: Vì sao sinh ở cõi Dục-Sắc có thể khởi lên Định Diệt tận, chứ không phải là cõi Vô sắc?

Đáp: Mạng căn dựa vào hai pháp mà chuyển:

1. Sắc.

2.Tâm.

Định này không có đoạn tâm và khởi tâm, cho nên sinh ở cõi Dục-Sắc lúc khởi lên Định này, tâm tuy đoạn nhưng Mạng căn dựa vào sắc mà chuyển; sinh ở cõi Vô sắc, sắc tuy đoạn nhưng Mạng căn dựa vào tâm mà chuyển. Nếu sinh ở cõi Vô sắc khởi lên Định này, sắc-tâm đều không có, Mạng căn không có nơi nương tựa cho nên sẽ đoạn, thì phải gọi là chết chứ không phải là tiến vào Định. Vì vậy cho nên sinh ở cõi Vô sắc không khởi lên.

Hỏi: Lui sụt Định này rồi mạng chung có sinh ở ba Vô sắc dưới hay không?

Đáp: Có người nói: Không sinh. Nguyên cớ thế nào? Bởi vì lui sụt Định này rồi có thể sinh ở hai nơi:

1. Nơi có thể khởi lên Định này.
2. Nơi nhận lấy dị thục của Định này.

Cõi Sắc tuy không phải là nơi nhận lấy dị thục của Định này, mà chính là nơi có thể khởi lên Định này; Phi tưởng phi phi tưởng xứ tuy không phải là nơi có thể khởi lên Định này, mà là nơi nhận lấy dị thục của Định này. Bởi vì ba Vô sắc dưới cả hai sự việc đều không có, cho nên lui sụt Định này thì không có thể sinh ở nơi ấy.

Có người nói: Cũng sinh, nhưng sinh ở nơi ấy không gọi là Thân chứng và Câu giải thoát. Nếu đưa ra cách nói này thì dễ dàng hiểu được cách nói trong Tỳ-mộc-sai-la, như nói: "Thân chứng đối với Tịnh thì bốn Định Vô sắc, hoặc là thành tựu một, hoặc là thành tựu bốn. Thế nào là một? Đó là sinh ở Phi tưởng phi phi tưởng xứ. Thế nào là bốn? Đó là sinh ở cõi Dục-Sắc. Như Thân chứng, Câu giải thoát cũng như vậy. Ba Vô sắc dưới, chắc chắn không thành tựu Định Diệt tận, cho nên không có được hai tên gọi."

Lời bình: Nên biết trong này thì cách nói thứ nhất là hợp lý. Hỏi: Trú trong Định Diệt tận có thể trải qua thời gian bao lâu?

Đáp: Đại chủng các căn của hữu tình cõi Dục nhờ vào Đoàn thực mà tồn tại, nếu ở lâu trong Định thì lúc ở trong Định tuy thân không có tổn hại, nhưng lúc rời khỏi Định thì thân sẽ hủy hoại phân tán, cho nên trú trong Định này chỉ thích hợp với thời gian ngắn, lâu nhất không có thể vượt quá bảy ngày đêm, bởi vì Đoàn thực không còn. Vì sao biết như vậy? Bởi vì từng nghe ở trong một Già-lam Tăng, có một Tỳ kheo đạt được Định Diệt tận, giờ ăn sắp đến, khoác y bưng bát đi đến trong nhà ăn. Hôm ấy đánh kiền-chùy hơi muộn, Tỳ kheo ấy bởi vì thường xuyên chịu khó, cho nên dấy lên ý nghĩ này: Sao mình để cho thời gian trôi qua vô ích, lúc này không tu pháp thiện thì không nhìn thấy đời sau. Ngay lúc ấy lập thệ nguyện tiến vào Định Diệt tận, cho đến lúc đánh kiền-chùy sẽ rời khỏi Định. Lúc ấy Già-lam Tăng có sự việc khó khăn xảy ra, các Tỳ kheo đều phân tán đi đến nơi khác. Trải qua ba tháng sự việc khó khăn mới giải quyết được, Tỳ kheo trở về tụ hội trong Già- lam Tăng, vừa mới đánh kiền-chùy, thì Tỳ kheo ấy từ trong Định mà ra ngoài liền mạng chung.

Lại có Tỳ kheo đạt được Định Diệt tận, mà thường đi khất thực, vào buổi sáng khoác y bưng bát sắp đi đến thôn làng, gặp lúc trời mưa to sợ rằng làm hỏng màu sắc của chiếc y, cho nên dừng lại một lúc, liền dấy lên ý nghĩ này: Sao mình để cho thời gian trôi qua vô ích, lúc này không tu pháp thiện thì không nhìn thấy đời sau. Ngay lúc ấy lập thệ nguyện tiến vào Định Diệt tận, cho đến lúc mưa tạnh sẽ rời khỏi Định. Có người nói: Lúc bấy giờ trời mưa trải qua nửa tháng. Có người nói: Một tháng trôi qua trời mới tạnh mưa. Tỳ kheo ấy từ trong Định mà ra ngoài liền mạng chung.

Vì vậy cho nên biết sinh ở cõi Dục, nếu ở lâu trong Định thì lúc ở trong Định tuy thân không có tổn hại, nhưng lúc rời khỏi Định thì thân sẽ hủy hoại phân tán, cho nên trú trong Định này chỉ thích hợp với thời gian ngắn, lâu nhất không có thể vượt quá bảy ngày đêm.

Đại chủng các căn của hữu tình cõi Sắc không nhờ vào Đoàn thực mà duy trì, cho nên trú trong Định này hoặc trải qua nửa kiếp, hoặc trải qua một kiếp, hoặc là hơn số lượng này.

Hỏi: Nếu có Tỳ kheo không lập thệ nguyện tiến vào Định Diệt tận, thì làm sao sẽ rời khỏi Định?

Đáp: Pháp vốn như vậy tùy theo mà rời khỏi Định, như Định có tâm. Vả lại, Tỳ kheo ấy hoặc là cần phải ăn uống, hoặc là cần phải vệ sinh, bởi vì ở trong Định ấy tuy không bị tổn hại, nhưng rời khỏi Định thì dẫn đến tai họa. Bởi vì những nhân duyên này, cho nên chắc chắn phải rời khỏi Định.

Hỏi: Dị sinh có thể tiến vào Định Diệt tận hay không?

Đáp: Tôn giả Thế Hữu nói: "Không có thể tiến vào, bởi vì trong kinh nói là Định của Thánh giả. Nếu dị sinh có thể tiến vào thì cũng phải gọi là Định của dị sinh."

Có người nói: Dị sinh chắc chắn vui thích địa trên mà lìa nhiễm của địa dưới, như loài sâu đo thích bò lên cao; bởi vì Phi tưởng phi phi tưởng xứ không có địa trên để có thể vui thích, cho nên các dị sinh không có thể lìa nhiễm của địa ấy. Nếu không lìa nhiễm do kiến mà đoạn của địa ấy, thì chắc chắn không có ai có thể tiến vào Định Diệt tận, cho nên các dị sinh không có thể tiến vào Định này.

Có người nói: Dị sinh tiến vào Định như vậy như vậy, thì thân tâm yên ổn vắng lặng như vậy như vậy, do yên ổn vắng lặng cho nên gia hạnh từ từ kéo dài, vì vậy không có thể tiến vào Định Diệt tận.

Đại đức nói rằng: "Dị sinh không có thể tiến vào Định Diệt tận, bởi vì các dị sinh tiến vào Định như vậy như vậy, thì Ngã kiến bền chặc như vậy như vậy, sợ diệt mất giới hạn mà khởi lên Tưởng về hố sâu, vì vậy không có thể tiến vào Định Diệt tận.

Hỏi: Bồ-tát có tiến vào Định Diệt tận hay không?

Đáp: Tôn giả Thế Hữu nói: "Không có thể tiến vào, bởi vì trong kinh nói là Định của Thánh giả. Nếu Bồ-tát có thể tiến vào thì cũng phải gọi là Định của dị sinh."

Có người nói: Bồ-tát chắc chắn vui thích địa trên mà lìa nhiễm của địa dưới, như loài sâu đo thích bò lên cao… Nói rộng ra như trước.

Có người nói: Bồ-tát có thể tiến vào Định này, bởi vì các Bồ-tát cầu mong Nhất Thiết Trí, đều tìm cầu ở tất cả mọi nơi. Nếu như sợ hãi không có thể tiến vào Định này thì sao gọi là tìm cầu khắp tất cả mọi nơi?

Đại đức nói rằng: "Bồ-tát không có thể tiến vào Định Diệt tận, bởi vì các Bồ-tát tuy đè bẹp Ngã kiến, không sợ diệt mất giới hạn, không khởi lên Tưởng về hố sâu, mà muốn tu nhiều về Bát-nhã, cho nên tâm không thích tiến vào đối với Định Diệt tận. Bởi vì không làm cho Bát- nhã có đoạn dứt-có ngăn cách, cho nên tuy có năng lực mà không lập tức tiến vào. Đây là nói về Bồ-tát chưa tiến vào phần vị Thánh giả."

Hỏi: Đã biết Bồ-tát trong Chúng đồng phần trước chưa từng khởi lên Định Diệt tận, trong Chúng đồng phần sau thì trước tiên là khởi lên Định Diệt tận, sau mới chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề; hay là trước tiên chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề, sau mới khởi lên Định Diệt tận? Nếu trước tiên khởi lên Định Diệt tận, thì tại sao gọi là không khởi lên ý thích? Tại sao không phải là khởi lên tâm không Đồng phần? Tại sao gọi là sát-na thuộc ba mươi bốn tâm đạt được Nhất Thiết Trí? Nếu trước tiên chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề, thì tại sao Bồ-tát gọi là người Học đầy đủ? Tại sao lúc đạt được Tận trí thì gọi là khéo hoàn thành những việc làm? Tại sao Tận trí khởi lên rồi gọi là Câu giải thoát?

Đáp: Các Sư nước ngoài đưa ra cách nói như vậy: "Tất cả Bồ-tát trước tiên khởi lên Định Diệt tận, sau mới chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề."

Hỏi: Tại sao gọi là không khởi lên ý thích?

Đáp: Đó là nói đến tất cả Bồ-tát trước tiên lìa nhiễm của Vô sở hữu xứ, khởi lên ý thích quyết định như vậy: Mình sẽ không rời khỏi chỗ ngồi, dựa vào Tĩnh lự thứ tư tiến vào Chánh tánh ly sinh, đạt được quả Bất hoàn khởi lên Định Diệt tận, chứng được Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề. Như đã tư duy, sau đó đều chứng được. Vì vậy cho nên nói là không khởi lên ý thích.

Hỏi: Tại sao không phải là khởi lên tâm không Đồng phần?

Đáp: Họ nói ai nói rằng Bồ-tát không khởi lên tâm không Đồng phần? Nhưng Bồ-tát có tâm không Đồng phần, giả sử có nói lời này thì cũng không trái với lý, bởi vì không trái với ý thích ban đầu đã lập ra.

Hỏi: Tại sao nói là sát-na thuộc ba mươi bốn tâm đạt được Nhất Thiết Trí?

Đáp: Họ nói đây là dựa vào tâm vô lậu mà nói, không luận về tâm vào-ra Định Diệt tận.

Sư Tỳ-bà-sa của nước Ca-thấp-di-la nói: "Tất cả Bồ-tát trước tiên chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề, sau mới khởi lên Định Diệt tận."

Hỏi: Tại sao Bồ-tát gọi là người Học đầy đủ?

Đáp: Đây là dựa vào căn đầy đủ-quả đầy đủ mà nói, không nói đến Định đầy đủ, thì có gì sai?

Hỏi: Tại sao lúc đạt được Tận trí thì gọi là khéo hoàn thành những việc làm?

Đáp: Giải thoát chướng ngại.

Có người nói: Bởi vì địa dưới không có trí làm Thể.

Có người nói: Đối với Định không được tự tại làm Thể. Có người nói: Các Định không đạt được làm Thể.

Nếu nói bởi vì địa dưới không có trí làm Thể, thì lúc Đức Thế Tôn đạt được Tận trí đã đoạn tất cả không có trí, đã sinh ra trí đối trị với không có trí. Vì vậy cho nên gọi là đoạn trừ trở ngại đến giải thoát.

Nếu nói đối với Định không được tự tại làm Thể, thì đó là nói lúc Đức Thế Tôn đạt được Tận trí đối với tất cả Tĩnh lự-Giải thoát-Đẳng trì-Đẳng chí, hoặc là tiến vào-hoặc là rời ra đều được tự tại. Vì vậy cho nên gọi là đoạn trừ trở ngại đến giải thoát.

Nếu nói các Định không đạt được làm Thể, thì đó là nói lúc Đức Thế Tôn đạt được Tận trí, đã đạt được tất cả Tĩnh lự-Giải thoát-Đẳng trì-Đẳng chí. Vì vậy cho nên gọi là đoạn trừ trở ngại đến giải thoát. Vì vậy cho nên có thể nói là khéo hoàn thành những việc làm.

Hỏi: Tại sao Tận trí khởi lên rồi gọi là Câu giải thoát?

Đáp: Bởi vì đã đạt được tâm tiến vào-rời ra Định ấy, cho nên gọi là Câu giải thoát, chứ không phải là đạt được Thể của Định. Bởi vì lý này cho nên gọi là lìa nhiễm đạt được, về sau không nhờ vào gia hạnh mà khởi lên. Vì vậy Bồ-tát trong sát-na thuộc ba mươi bốn tâm chứng được Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề.

Hỏi: Tại sao gọi là sát-na thuộc ba mươi bốn tâm?

Đáp: Nghĩa là Bồ-tát trước đó lìa nhiễm của Vô sở hữu xứ, sau đó dựa vào Tĩnh lự thứ tư tiến vào Chánh tánh ly sinh. Ở trong Kiến đạo có sát-na thuộc mười lăm tâm, lúc Đạo loại trí là thứ mười sáu, ngay lúc này gọi là đoạn gia hạnh của Hữu Đảnh. Lìa nhiễm của Phi tưởng phi phi tưởng xứ, lại có chín đạo vô gián-chín đạo giải thoát, thì gọi là sát- na thuộc ba mươi bốn tâm. Bồ-tát dựa vào ba mươi bốn tâm này chứng được Vô thượng Giác.

Như trong kinh nói: "Ô-ba-sách-ca Tỳ-xá-khư, đi đến chỗ Tỳ kheo ni Đạt-ma-trần-na, hỏi rằng: Thưa Thánh giả, các vị Tỳ kheo với ý niệm nào nên nói là tiến vào Định Diệt tận? Tỳ kheo Ni nói với Tỳ-xá-khư rằng: Các

vị Tỳ kheo lúc tiến vào Định Diệt tận, hoàn toàn không nghĩ rằng mình đang tiến vào Định Diệt tận, hoặc là sẽ tiến vào. Nhưng bởi vì lúc trước đây điều hòa luyện tâm, cho nên tâm chuyển đổi vi tế tùy thuận mà tiến vào."

Hỏi: Lúc sắp tiến vào Định Diệt tận, trước tiên trải giường dây (thằng sàng), tiếp đến rửa chân rồi ngồi kiết già, thẳng thân giữ niệm, sau đó thì tiến vào Định, ở trong khoảng thời gian này lẽ nào không dấy lên nghĩ là mình đang tiến vào Định Diệt tận, hoặc là sẽ tiến vào hay sao?

Đáp: Trong gia hạnh xa tuy có ý niệm này, mà bắt đầu từ tâm thiện của cõi Dục không gián đoạn tiến vào Tĩnh lự thứ nhất, cho đến từ từ tiến vào Định Diệt tận, ở trong phần vị gia hạnh sát bên cạnh này, chắc chắn không nghĩ rằng mình đang tiến vào Định Diệt tận, hoặc là sẽ tiến vào.

"Lại Hỏi: Thưa Thánh giả, các vị Tỳ kheo với ý niệm nào nên nói là rời khỏi Định Diệt tận? Tỳ kheo Ni nói với Tỳ-xá-khư rằng: Các vị Tỳ kheo lúc rời khỏi Định Diệt tận, hoàn toàn không nghĩ rằng mình đang rời khỏi Định Diệt tận, hoặc là sẽ rời khỏi. Nhưng sáu Xứ của thân mạng ấy làm duyên, và vốn có hạn kỳ rời khỏi Định Diệt tận, hoặc là do đói khát-đại tiểu tiện làm cho phiền muộn. Ở trong Định tuy không bị tổn hại mà rời khỏi Định thì xảy ra tai họa, bởi vì lúc ấy pháp vốn như vậy, cho nên rời khỏi Định Diệt tận.

Lại Hỏi: Thưa Thánh giả, các vị Tỳ kheo lúc tiến vào Định Diệt tận, trước hết là diệt pháp nào, là hành của thân, là hành của ngữ, hay là hành của ý? Tỳ kheo Ni nói: Các vị Tỳ kheo lúc tiến vào Định Diệt tận, trước hết là diệt hành của ngữ, tiếp theo là hành của thân, sau cùng là hành của ý."

Hỏi: Lúc tiến vào Định Diệt tận, diệt hành của ý thì có thể như vậy, hành của thân-ngữ thì thế nào? Nghĩa là lúc từ Tĩnh lự thứ nhất tiến vào Tĩnh lự thứ hai thì hành của ngữ đã diệt, lúc từ Tĩnh lự thứ ba tiến vào Tĩnh lự thứ tư thì hành của thân đã diệt, làm sao lại nói là lúc tiến vào Định Diệt tận thì diệt hành của thân-ngữ?

Đáp: Lúc tiến vào Định Diệt tận có xa-có gần, xa thì diệt hành của thân-ngữ, gần thì diệt hành của ý. Vả lại, từ lúc tiến vào Tĩnh lự thứ nhất, cho đến lúc tiến vào Phi tưởng phi phi tưởng xứ, đều gọi là tiến vào Định Diệt tận, là tiến vào Định Diệt tận mà khởi lên, các địa này hiện rõ ở trước mắt, vì thế cho nên không có lỗi.

"Lại Hỏi: Thưa Thánh giả, các vị Tỳ kheo lúc rời khỏi Định Diệt tận, trước hết là khởi lên pháp nào, là hành của thân, là hành của ngữ, hay là

hành của ý? Tỳ kheo Ni nói: Các vị Tỳ kheo lúc rời khỏi Định Diệt tận, trước hết là khởi lên hành của ý, tiếp theo là hành của thân, sau cùng là hành của ngữ."

Hỏi: Lúc rời khỏi Định Diệt tận, khởi lên hành của ý thì có thể như vậy, hành của thân-ngữ thì thế nào?

Nghĩa là lúc từ Tĩnh lự thứ tư tiến vào Tĩnh lự thứ ba thì hành của thân mới khởi lên, lúc từ Tĩnh lự thứ hai tiến vào Tĩnh lự thứ nhất thì hành của ngữ mới khởi lên, làm sao có thể nói là lúc rời khỏi Định Diệt tận thì khởi lên hành của thân-ngữ?

Đáp: Lúc rời khỏi Định Diệt tận có gần-có xa, gần thì khởi lên hành của ý, xa thì khởi lên hành của thân-ngữ. Vả lại, từ lúc Định Diệt tận khởi lên, cho đến lúc tiến vào Tĩnh lự thứ nhất, đều gọi là rời khỏi Định Diệt tận, vì thế cho nên không có lỗi.

"Lại Hỏi: Thưa Thánh giả, các vị Tỳ kheo lúc rời khỏi Định Diệt tận, tâm ấy tùy thuận với nơi nào, chuyển đến gần nơi nào, sắp tiến vào nơi nào? Tỳ kheo Ni nói: Các vị Tỳ kheo lúc rời khỏi Định Diệt tận, tâm ấy tùy thuận với lìa bỏ, chuyển đến gần rời bỏ, sắp tiến vào rời bỏ."

Hỏi: Trong này nói đến pháp nào gọi là lìa bỏ?

Đáp: Có người nói: Định Diệt tận gọi là lìa bỏ. Nếu đưa ra cách nói này: Định Diệt tận gọi là lìa bỏ, thì điều ấy nói là nếu tâm thế tục rời khỏi thì bởi vì hai duyên cho nên tâm ấy tùy thuận với lìa bỏ, chuyển đến gần lìa bỏ, sắp tiến vào lìa bỏ, đó là bởi vì ý thích và bởi vì sở duyên. Nếu tâm vô lậu rời khỏi tương ưng với Khổ-Tập trí, thì bởi vì một duyên cho nên tâm ấy tùy thuận với lìa bỏ, chuyển đến gần lìa bỏ, sắp tiến vào lìa bỏ, đó là bởi vì sở duyên, không phải là bởi vì ý thích; nếu tương ưng với Diệt-Đạo trí thì tâm ấy không phải là bởi vì ý thích, không phải là bởi vì sở duyên, mà tùy thuận với lìa bỏ, chuyển đến gần lìa bỏ, sắp tiến vào rời bỏ.

Có người nói: Niết-bàn gọi là lìa bỏ. Nếu đưa ra cách nói này: Niết-bàn gọi là lìa bỏ, thì điều ấy nói là nếu tâm thế tục rời khỏi thì tâm ấy không phải là bởi vì ý thích, không phải là bởi vì sở duyên, mà tùy thuận với lìa bỏ, chuyển đến gần lìa bỏ, sắp tiến vào lìa bỏ. Nếu tâm vô lậu rời khỏi tương ưng với Khổ-Tập-Đạo trí, thì bởi vì một duyên cho nên tâm ấy tùy thuận với lìa bỏ, chuyển đến gần lìa bỏ, sắp tiến vào rời bỏ, đó là bởi vì ý thích, không phải là bởi vì sở duyên; nếu tương ưng với Diệt trí, thì bởi vì hai duyên cho nên tâm ấy tùy thuận với lìa bỏ, chuyển đến gần lìa bỏ, sắp tiến vào lìa bỏ, đó là bởi vì ý thích và bởi vì sở duyên.

Có người nói: Định Diệt tận và Niết-bàn gọi là lìa bỏ. Nếu đưa ra

cách nói này: Định Diệt tận và Niết-bàn gọi là lìa bỏ, thì điều ấy nói là nếu tâm thế tục rời khỏi và tâm vô lậu rời khỏi, tương ưng với Khổ-Tập- Diệt trí, thì nói tóm lại là bởi vì hai duyên cho nên tâm ấy tùy thuận với lìa bỏ, chuyển đến gần lìa bỏ, sắp tiến vào lìa bỏ, đó là bởi vì ý thích và bởi vì sở duyên; nếu tương ưng với Đạo trí thì bởi vì một duyên, cho nên tâm ấy tùy thuận với lìa bỏ, chuyển đến gần lìa bỏ, sắp tiến vào lìa bỏ, đó là bởi vì ý thích, không phải là bởi vì sở duyên.

"Lại Hỏi: Thưa Thánh giả, các vị Tỳ kheo lúc rời khỏi Định Diệt tận, là tiếp xúc với mấy loại Xúc? Tỳ kheo Ni nói với Tỳ-xá-khư rằng: Xúc có ba loại Xúc, một là Xúc bất động, hai là Xúc không vốn có gì, ba là Xúc không có tướng."

Hỏi: Ba Xúc như vậy có gì sai biệt?

Đáp: Tôn giả Thế Hữu đưa ra cách nói như vậy: "Không vô biên xứ-Thức vô biên xứ là Xúc bất động, Vô sở hữu xứ là Xúc không vốn có gì, Phi tưởng phi phi tưởng xứ là Xúc không có tướng."

Có người nói: Không là Xúc bất động, Vô nguyện là Xúc không vốn có gì, Vô tướng là Xúc không có tướng.

Có người nói: Vô lậu-Vô sở hữu xứ và duyên với Niết-bàn đầy đủ gọi là ba Xúc, nghĩa là bởi vì vô lậu cho nên gọi là Xúc bất động, bởi vì Vô sở hữu xứ thâu nhiếp cho nên gọi là Xúc không vốn có gì, bởi vì duyên với Niết-bàn cho nên gọi là Xúc không có tướng.

Đại đức nói rằng: "Các vị Tỳ kheo lúc rời khỏi Định Diệt tận, nếu khởi tâm Phi tưởng phi phi tưởng xứ chứ không khởi tâm nào khác, thì tâm không Đồng phần nên nói là Xúc thuộc về Xúc không có tướng. Nếu khởi tâm không Đồng phần của Vô sở hữu xứ, thì nên nói là Xúc thuộc về Xúc không vốn có gì. Nếu khởi tâm không Đồng phần của Thức vô biên xứ, thì nên nói là Xúc thuộc về Xúc bất động."

Bởi vì nghĩa lý này, cho nên biết năm Định có Tưởng khác cũng như vậy, đó là Không vô biên xứ và bốn Tĩnh lự, do thứ tự này có tiến vào Định Diệt tận hay không, thì do thứ tự này mà rời khỏi; do thứ tự này có rời khỏi Định Diệt tận hay không, thì do thứ tự này mà tiến vào. Như do thứ tự này mà ngủ hay không, thì do thứ tự này mà thức; do thứ tự này mà thức hay không, thì do thứ tự này mà ngủ. Điều ấy cũng như vậy.

Như nói: Bởi vì có thể trú trong Định Diệt tận này, cho nên không nhận chịu quả Khổ của sinh-lão-tử ở vị lai, không khởi lên Tập nhân của Khổ quả.

Hỏi: Định Diệt tận không có thể đoạn các phiền não, vì sao có thể có

cách nói như vậy?

Đáp: Cần phải quán xét ý nghĩa đã nói trong này, nghĩa là những người Hữu học rời khỏi Định Diệt tận rồi dấy lên tư duy này: Tâm-tâm sở pháp trong Định Diệt tận này, tạm thời diệt mất-tạm thời dừng lại, không hiện hành trong chốc lát, mà còn có sự vắng lặng vi diệu như vậy, huống là Niết-bàn, các hành hữu vi đã vĩnh viễn diệt mất-vĩnh viễn dừng lại, hoàn toàn không hiện hành hay sao? Vì vậy trước tiên là đoạn trừ phiền não, diệt hết Uẩn nối tiếp nhau, tiến vào cảnh giới Niết-bàn Vô dư y. Nếu những người Vô học rời khỏi Định Diệt tận rồi thì dấy lên tư duy này, nói rộng ra cho đến vì vậy trước tiên là diệt hết Uẩn nối tiếp nhau, tiến vào cảnh giới Niết-bàn Vô dư y. Dựa vào ý sâu kín này cho nên đưa ra cách nói này, chứ không phải là nói Định Diệt tận có thể đoạn trừ phiền não.

Luận Thi Thiết nói: "Có người dấy lên ý muốn tiến vào Định Diệt tận, không dấy lên ý muốn rời khỏi; có người dấy lên ý muốn rời khỏi Định Diệt tận, không dấy lên ý muốn tiến vào; có người dấy lên ý muốn tiến vào Định Diệt tận, cũng dấy lên ý muốn rời khỏi; có người không dấy lên ý muốn tiến vào Định Diệt tận, không dấy lên ý muốn rời khỏi."

Trong này, dấy lên ý muốn tiến vào Định Diệt tận, không dấy lên ý muốn rời khỏi, đó là như có một người dấy lên ý muốn này: Mình sẽ tiến vào Định Diệt tận. Không dấy lên ý muốn này: Mình sẽ rời khỏi Định Diệt tận. Bốn Định có Tưởng tùy theo một loại hiện rõ trước mắt, người ấy tiến vào Định Diệt tận, từ Định Diệt tận rời khỏi, bốn Định có Tưởng tùy theo một loại hiện rõ trước mắt.

Dấy lên ý muốn rời khỏi Định Diệt tận, không dấy lên ý muốn tiến vào, đó là như có một người không dấy lên ý muốn này: Mình sẽ tiến vào Định Diệt tận. Mà dấy lên ý muốn này: Mình sẽ rời khỏi Định Diệt tận. Bốn Định có Tưởng tùy theo một loại hiện rõ trước mắt, người ấy tiến vào Định Diệt tận, từ Định Diệt tận rời khỏi, bốn Định có Tưởng tùy theo một loại hiện rõ trước mắt.

Dấy lên ý muốn tiến vào Định Diệt tận, cũng dấy lên ý muốn rời khỏi, đó là như có một người dấy lên ý muốn này: Mình sẽ tiến vào Định Diệt tận. Cũng dấy lên ý muốn: Mình sẽ rời khỏi Định Diệt tận.

Bốn Định có Tưởng tùy theo một loại hiện rõ trước mắt, người ấy tiến vào Định Diệt tận, từ Định Diệt tận rời khỏi, bốn Định có Tưởng tùy theo một loại hiện rõ trước mắt.

Không dấy lên ý muốn tiến vào Định Diệt tận, không dấy lên ý muốn rời khỏi, đó là như có một người không dấy lên ý muốn này: Mình sẽ tiến

vào Định Diệt tận. Cũng không dấy lên ý muốn: Mình sẽ rời khỏi Định Diệt tận. Bốn Định có Tưởng tùy theo một loại hiện rõ trước mắt, người ấy tiến vào Định Diệt tận, từ Định Diệt tận rời khỏi, bốn Định có Tưởng tùy theo một loại hiện rõ trước mắt.

Hỏi: Dấy lên ý muốn tiến vào-rời ra, và chỉ dấy lên ý muốn tiến vào, thì sự việc này có thể như vậy, bởi vì tiến vào Định thì chắc chắn sẽ rời ra; không dấy lên ý muốn tiến vào-rời ra, và chỉ dấy lên ý muốn rời ra, thì làm sao có thể như vậy, bởi vì không phải là không muốn tiến vào mà tiến vào Định?

Đáp: Trong này tất cả đều muốn tiến vào Định, đều muốn rời khỏi Định, nhưng dựa vào tâm tiến vào-rời khỏi Định có tự tại-không tự tại, cho nên đưa ra cách nói này. Nghĩa là có người đối với tâm tiến vào Định được tự tại chứ không phải là tâm rời khỏi Định, người ấy dấy lên ý muốn rời khỏi Định chứ không dấy lên ý muốn tiến vào. Có người đối với tâm rời khỏi Định được tự tại chứ không phải là tâm tiến vào Định, người ấy dấy lên ý muốn tiến vào Định chứ không dấy lên ý muốn rời khỏi. Có người đối với tâm tiến vào-rời khỏi Định đều được tự tại, người ấy không dấy lên ý muốn tiến vào Định, cũng không dấy lên ý muốn rời khỏi Định. Có người đối với tâm tiến vào-rời khỏi Định đều không tự tại, người ấy dấy lên ý muốn tiến vào Định, cũng dấy lên ý muốn rời khỏi.

Hỏi: Bốn Định có Tưởng là gì? Đáp: Bốn Định Vô sắc.

Hỏi: Vì sao lúc rời khỏi Định Diệt tận chỉ nói khởi lên bốn Định Vô sắc?

Đáp: Bởi vì bốn Định Vô sắc đối với lúc rời khỏi Định Diệt tận, có thể làm ngược lại thứ tự rời khỏi-ngược lại vượt lên trước để rời khỏi. Nghĩa là nếu dùng tâm của Phi tưởng phi phi tưởng xứ để rời khỏi Định Diệt tận, lúc ấy nếu lập tức khởi tâm của Vô sở hữu xứ thì ngược lại thứ tự rời khỏi, nếu lập tức khởi tâm của Thức vô biên xứ thì ngược lại vượt lên trước để rời khỏi. Nếu dùng tâm của Vô sở hữu xứ để rời khỏi Định Diệt tận, lúc ấy nếu lập tức khởi tâm của Thức vô biên xứ thì ngược lại thứ tự rời khỏi, nếu lập tức khởi tâm của Không vô biên xứ thì ngược lại vượt lên trước để rời khỏi. Vì thế cho nên chỉ nói đến bốn Định Vô sắc.

-oOo-

LUẬN A TỲ ĐẠT MA ĐẠI TỲ BÀ SA

QUYỂN 154

LUẬN VỀ ĐẲNG TÂM (Phần 4)

Trong kinh nói: "Trú trong Định Diệt tận thì không bị lửa đốt cháy, không bị nước cuốn trôi, không bị trúng độc, không bị dao làm hại, không bị người khác giết chết."

Hỏi: Vì sao trú trong Định Diệt tận thì có lợi ích thù thắng như vậy?

Đáp: Tôn giả Thế Hữu đưa ra cách nói như vậy: "Bởi vì Định Diệt tận này là pháp không hại, cho nên trú trong Định này không phải là do hại mà làm hại được."

Có người nói: Định này có uy đức to lớn, các uy đức được Thiên thần bảo vệ, cho nên không có thể làm hại.

Có người nói: Đạt được Tĩnh lự là cảnh giới của Tĩnh lự, có đủ thần thông là cảnh giới của thần thông, đều là không thể nghĩ bàn được, cho nên không có thể làm hại.

Có người nói: Định này không có tâm, không phải là không có tâm thì có sinh-có tử, cho nên không có thể làm hại.

Kinh Đẳng Hoạt là duyên khởi của phần luận này. "Xưa có Đức Phật danh hiệu là Yết-lạc-câu-thôn-đà, có hai người đệ tử bậc nhất, một người tên gọi Cực Viễn, một người tên gọi Đẳng Hoạt. Tôn giả Đẳng Hoạt đã từng nhiều lần giáo hóa mọi người ở trong một khu thành, được mọi người biết đến. Sau đó tiến vào Định Diệt tận ở bên cạnh khu thành, nơi nhiều người đi lại. Lúc ấy có những người đi thả trâu bò-hái củi thấy rồi đều nói: Nay Tôn giả này ngồi ngay thẳng mà diệt độ quả thật là kỳ lạ thay, chúng ta nên đốt cháy thi hài để cúng dường! Thế là lấy các loại phân trâu và củi khô, chất quanh thân vị ấy mà đốt cháy rồi đi xa. Sáng sớm Tôn giả từ trong Định mà đứng dậy, nhanh chóng sửa lại áo quần, như thường lệ mỗi buổi sáng ôm bình bát đi vào thành, đi chậm rãi qua từng nhà khất thực. Lúc ấy những người đốt cháy thi hài thấy rồi kinh ngạc nói rằng: Hôm qua chúng ta đốt cháy thi hài của vị ấy, mà bây giờ lại đi khất thực! Mọi người trong thành đều cùng nhau nói to rằng: Nay Sa-môn này chết mà sống lại. Vì vậy

cho nên gọi là Tôn giả Đẳng Hoạt.” Nên biết thân không cháy là do lực của Định Diệt tận, áo quần không cháy là do lực của thần thông.

Có người nói: Thân và áo quần đều không cháy, đều là do lực của Định Diệt tận. Vì thế cho nên kinh ấy là duyên khởi của phần luận này.

Trong Truyền Dụ nói: “Nếu có người nào cúng dường cho người từ trong Định Diệt tận ra ngoài, thì người ấy chắc chắn thành tựu nghiệp thuận theo pháp hiện tại nhận quả.”

Hỏi: Vì sao cúng dường cho người từ trong Định Diệt tận ra ngoài, thì chắc chắn thành tựu nghiệp thuận theo pháp hiện tại nhận quả?

Đáp: Điều này không nhất định phải thông hiểu. Nguyên cớ thế nào? Bởi vì điều này không phải là giáo nghĩa trong Tố-đát-lãm, Tỳ- nại-da và A-tỳ-đạt-ma đã nói, chỉ là tỉ dụ truyền miệng mà nói ra. Các tỉ dụ truyền miệng nói ra có lúc đúng-có lúc không đúng, nếu nhất định phải thông hiểu, thì nên biết sự cúng dường này hoặc là đạt được quả hiện tại, hoặc là đạt được quả to lớn. Điều ấy thuận theo ý thích của thế gian, cho nên chỉ nói đến quả hiện tại.

Hỏi: Vì sao cúng dường cho người từ trong Định Diệt tận ra ngoài, hoặc là đạt được quả hiện tại, hoặc là đạt được quả to lớn?

Đáp: Bởi vì nếu có người nào cúng dường cho người từ trong Định này ra ngoài, thì chính là cúng dường cho người từ trong tất cả Tĩnh lự-Giải thoát-Đẳng trì-Đẳng chí ra ngoài. Nguyên cớ thế nào? Bởi vì những người muốn tiến vào-rời khỏi Đẳng chí Diệt tận, chắc chắn trước tiên khởi lên tâm thiện của cõi Dục, tiếp đến tiến vào Tĩnh lự thứ nhất, như vậy cho đến tiến vào Phi tưởng phi phi tưởng xứ, từ đây không gián đoạn tiến vào Định Diệt tận. Từ trong Định này ra ngoài hoặc là khởi lên Phi tưởng phi phi tưởng xứ, hoặc là khởi lên Vô sở hữu xứ, như vậy cho đến trở lại khởi lên Tĩnh lự thứ nhất, tiếp tục tiến vào tâm thiện của cõi Dục. Người ấy nhờ vào công đức xông ướp nối tiếp nhau như vậy, cho nên có thể khiến cho người cúng dường hoặc là đạt được quả hiện tại, hoặc là đạt được quả to lớn.

Có người nói: Người từ trong Định Diệt tận ra ngoài, thì oai nghi vắng lặng-đi lại nói năng-mặc áo ăn uống, tất cả đều tường tận tỉ mỉ, các Thanh tín-Trưởng giả và Bà-la-môn…, thấy rồi đều sinh ý tưởng hiếm có, dùng tâm ân cần thanh tịnh cúng dường các vật dụng sinh hoạt, cho nên đạt được quả hiện tại, hoặc là đạt được quả to lớn.

Có người nói: Người đạt được Định này danh tiếng truyền rộng khắp nơi, vượt xa những Định khác, các Thanh tín-Trưởng giả và Bà-la- môn…, nghe rồi đều sinh ý tưởng hiếm lạ, dùng tâm ân cần thanh tịnh cúng dường

các vật dụng sinh hoạt, cho nên đạt được quả hiện tại, hoặc là đạt được quả to lớn.

Có người nói: Người trú trong Định này, các loại ăn đều đoạn dứt. Nếu cúng dường cho người từ trong Định này ra ngoài, thì chính là cúng dường cho người không ăn gì cả. Ăn nghĩa là người trú trong Định có tâm hữu lậu, tuy đoạn dứt Đoàn thực mà ăn thức ăn thuộc về Xúc-Tư và Thức hữu lậu; người trú trong Định vô lậu, tuy đoạn dứt bốn loại ăn thật sự, mà có thức ăn thuộc về Xúc-Tư và Thức tương tự; người trú trong Định Diệt tận thì tất cả đều không có. Vì vậy cúng dường cho người từ trong Định này ra ngoài, thì chính là cúng dường thức ăn cho người không ăn gì cả. Bởi vì nhân duyên này, cho nên hoặc là đạt được quả hiện tại, hoặc là đạt được quả to lớn.

Có người nói: Nếu có người nào cúng dường cho người từ trong Định này ra ngoài, thì chính là cúng dường thức ăn cho người đến Niết- bàn trở về, bởi vì Định này tựa như Niết-bàn. Nghĩa là như người tiến vào cảnh giới Niết-bàn Vô dư y, diệt hết tất cả các pháp có sở duyên, tâm - tâm sở pháp không khởi lên-không diệt đi; người trú trong Định Diệt tận, cũng diệt hết tất cả các pháp có sở duyên, tâm - tâm sở pháp không khởi lên-không diệt đi, cho nên tựa như Niết-bàn. Vì vậy cúng dường cho người từ Định này ra ngoài, thì chính là cúng dường thức ăn cho người đến Niết-bàn trở về. Bởi vì nhân duyên này, cho nên hoặc là đạt được quả hiện tại, hoặc là đạt được quả to lớn.

Lại nữa, không phải là chỉ cúng dường cho người từ trong Định Diệt tận ra ngoài, thì có thể đạt được quả hiện tại. Nếu cúng dường cho năm loại Bổ-đặc-già-la, thì đều đạt được quả hiện tại:

1. Từ trong Định Diệt tận ra ngoài.
2. Từ trong Định Từ ra ngoài.
3. Từ trong Định Vô tranh ra ngoài.
4. Từ trong Kiến đạo ra ngoài.
5. Từ lúc đầu khởi lên đạt được Tận trí.

Lại nữa, nếu cúng dường cho năm loại Bổ-đặc-già-la, thì có thể đạt được quả to lớn:

1. Cha.
2. Mẹ.
3. Người bệnh.
4. Thầy nói pháp.
5. Bồ-tát gần đến địa vị Phật.

Hỏi: Định Diệt tận đối với Chúng đồng phần là cũng có thể dẫn dắt, hay là chỉ đầy đủ?

Đáp: Định này chỉ có thể đầy đủ mà không có thể dẫn dắt. Nguyên cớ thế nào? Bởi vì chỉ riêng nghiệp mới có thể dẫn dắt Chúng đồng phần, mà Định này không phải là nghiệp.

Hỏi: Định này là thuận theo pháp hiện tại nhận quả, là thuận theo đời kế tiếp nhận quả, là thuận theo đời kế tiếp thứ hai nhận quả, hay là thuận theo không nhất định nhận quả?

Đáp: Định này hoặc là thuận theo đời kế tiếp nhận quả, hoặc là thuận theo đời kế tiếp thứ hai nhận quả, hoặc là thuận theo không nhất định nhận quả, không phải là thuận theo pháp hiện tại nhận quả, bởi vì đã sinh đến Hữu Đảnh thì không khởi lên Định này.

Hỏi: Định này ở nơi nào nhận lấy dị thục nào?

Đáp: Định này ở Phi tưởng phi phi tưởng xứ nhận lấy bốn Uẩn dị thục.

Hỏi: Những người thành tựu Định này, cũng thành tựu dị thục của Định ấy chăng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu phân biệt:

1. Có lúc thành tựu Định Diệt tận mà không phải là dị thục của Định ấy, đó là sinh ở cõi Dục-Sắc đã đạt được Định Diệt tận, và đạt được rồi không lui sụt, mạng chung sinh đến Phi tưởng phi phi tưởng xứ, dị thục của Định Diệt tận không hiện rõ ở trước mắt.

2. Có lúc thành tựu dị thục của Định ấy mà không phải là Định Diệt tận, đó là đạt được Định Diệt tận rồi mà lui sụt, mạng chung sinh đến Phi tưởng phi phi tưởng xứ, dị thục của Định Diệt tận hiện rõ ở trước mắt.

3. Có lúc thành tựu Định Diệt tận cũng là dị thục của Định ấy, đó là đạt được Định Diệt tận rồi không lui sụt, mạng chung sinh đến Phi tưởng phi phi tưởng xứ, dị thục của Định Diệt tận hiện rõ ở trước mắt.

4. Có lúc không phải là thành tựu Định Diệt tận cũng không phải là dị thục của Định ấy, đó là sinh ở cõi Dục-Sắc không đạt được Định Diệt tận, giả sử đạt được rồi lui sụt; hoặc là sinh đến Không vô biên xứ- Thức vô biên xứ và Vô sở hữu xứ, nếu không đạt được Định Diệt tận, sinh đến Phi tưởng phi phi tưởng xứ, và đạt được rồi mà lui sụt, mạng chung sinh đến Phi tưởng phi phi tưởng xứ, thì dị thục của Định Diệt tận không hiện rõ ở trước mắt.

Hỏi: Những người lui sụt Định Diệt tận, cũng lui sụt quả A-la-hán

chăng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu phân biệt:

1. Có lúc lui sụt Định Diệt tận mà không phải là quả A-la-hán, đó là người Học lui sụt Định Diệt tận, và người Vô học lui sụt Định Diệt tận mà không khởi lên Kiết.

2. Có lúc lui sụt quả A-la-hán mà không phải là Định Diệt tận, đó là A-la-hán Tuệ giải thoát lui sụt, và phần vị Học trước đây khởi lên Định Diệt tận rồi, đạt được quả A-la-hán, khởi lên Kiết của phần vị trên mà lui sụt.

3. Có lúc lui sụt Định Diệt tận cũng là quả A-la-hán, đó là phần vị Học trước đây khởi lên Định Diệt tận rồi, đạt được quả A-la-hán, khởi lên Kiết của phần vị dưới mà lui sụt, và phần vị Vô học khởi lên Định Diệt tận rồi, khởi lên Kiết của ba cõi tùy theo một mà lui sụt.

4. Có lúc không phải là lui sụt Định Diệt tận cũng không phải là quả A-la-hán, đó là trừ ra những tướng trước.

A-la-hán có sáu loại, đó là Thối pháp, Tư pháp, Hộ pháp, An trú pháp, Kham đạt pháp, Bất động pháp.

Hỏi: Những A-la-hán lui sụt pháp (Thối pháp), tất cả đều là Câu giải thoát chăng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu phân biệt:

1. Có lúc lui sụt pháp mà không phải là Câu giải thoát, đó là lui sụt pháp không đạt được Định Diệt tận.

2. Có lúc Câu giải thoát mà không phải là lui sụt pháp, đó là tư duy pháp (Tư pháp) cho đến Bất động pháp, đã đạt được Định Diệt tận.

3. Có lúc lui sụt pháp cũng là Câu giải thoát, đó là lui sụt pháp đã đạt được Định Diệt tận.

4. Có lúc không phải là lui sụt pháp cũng không phải là Câu giải thoát, đó là tư duy pháp cho đến Bất động pháp, không đạt được Định Diệt tận.

Như A-la-hán lui sụt pháp đối với Câu giải thoát làm thành bốn câu phân biệt, năm loại A-la-hán còn lại đối với Câu giải thoát cũng như vậy. Như vậy làm thành sáu lần bốn câu. Như đạo Vô học có sáu loại A-la-hán, đạo thuộc Học cũng có sáu loại chủng tánh, đó là chủng tánh Thối pháp, cho đến chủng tánh Bất động pháp.

Hỏi: Những người Học lui sụt pháp, tất cả đều là Thân chứng chăng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu phân biệt:

1. Có lúc Học lui sụt pháp mà không phải là Thân chứng, đó là Học lui sụt pháp không đạt được Định Diệt tận.

2. Có lúc Thân chứng mà không phải là Học lui sụt pháp, đó là Học tư duy pháp cho đến Học bất động pháp, đã đạt được Định Diệt tận.

3. Có lúc Học lui sụt pháp cũng là Thân chứng, đó là Học lui sụt pháp đã đạt được Định Diệt tận.

4. Có lúc không phải là Học lui sụt pháp cũng không phải là Thân chứng, đó là Học tư duy pháp cho đến Học bất động pháp, không đạt được Định Diệt tận.

Như Học lui sụt pháp đối với Thân chứng làm thành bốn câu phân biệt, năm chủng tánh còn lại đối với Thân chứng cũng như vậy. Như vậy cũng làm thành sáu lần bốn câu.

Hỏi: Nếu pháp là tâm Đẳng vô gián, thì pháp ấy là tâm vô gián chăng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu phân biệt:

1. Có pháp là tâm Đẳng vô gián mà không phải là tâm vô gián, đó là trừ ra sát-na đầu tiên của Định Diệt tận và phần vị có tâm khác, còn lại các sát-na của Định Diệt tận và tâm - tâm sở pháp rời khỏi Định Diệt tận.

2. Có pháp là tâm vô gián mà không phải là tâm Đẳng vô gián, đó là sát-na đầu tiên của Định Diệt tận và phần vị có tâm khác, pháp ấy là sinh-trú-lão-vô thường.

3. Có pháp là tâm Đẳng vô gián cũng là tâm vô gián, đó là sát-na đầu tiên của Định Diệt tận, và tâm - tâm sở pháp của phần vị có tâm khác.

4. Có pháp không phải là tâm Đẳng vô gián cũng không phải là tâm vô gián, đó là trừ ra sát-na đầu tiên của Định Diệt tận và phần vị có tâm khác, pháp ấy là sinh-trú-lão-vô thường, còn lại các sát-na của Định Diệt tận và phần vị tâm rời khỏi Định Diệt tận, pháp ấy là sinh- trú-lão-vô thường.

Hỏi: Nếu pháp là tâm Đẳng vô gián, thì pháp ấy là Định Diệt tận vô gián chăng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu phân biệt:

1. Có pháp là tâm Đẳng vô gián mà không phải là Định Diệt tận vô gián, đó là sát-na đầu tiên của Định Diệt tận, và tâm - tâm sở pháp của phần vị có tâm khác.

2. Có pháp là Định Diệt tận vô gián mà không phải là tâm Đẳng

vô gián, đó là trừ ra sát-na đầu tiên của Định Diệt tận và phần vị có tâm khác, pháp ấy là sinh-trú-lão-vô thường, còn lại các sát-na của Định Diệt tận và phần vị tâm rời khỏi Định Diệt tận, pháp ấy là sinh-trú-lão- vô thường.

3. Có pháp là tâm Đẳng vô gián cũng là Định Diệt tận vô gián, đó là trừ ra sát-na đầu tiên của Định Diệt tận và phần vị có tâm khác, còn lại các sát-na của Định Diệt tận và tâm - tâm sở pháp rời khỏi Định Diệt tận.

4. Có pháp không phải là tâm Đẳng vô gián cũng không phải là Định Diệt tận vô gián, đó là sát-na đầu tiên của Định Diệt tận và phần vị có tâm khác, pháp ấy là sinh-trú-lão-vô thường.

Hỏi: Sinh ở cõi trời Vô tưởng có mấy căn diệt?

Đáp: Tám căn, đó là Nhãn-Nhĩ-Tỷ-Thiệt-Thân-Mạng-Ý và Xả căn.

Hỏi: Đây là nói từ nơi nào sinh đến cõi trời Vô tưởng?

Đáp: Đây là nói từ Trung Hữu của cõi Vô tưởng sinh đến Sinh Hữu của cõi Vô tưởng.

Hỏi: Lúc bấy giờ cũng có năm căn như Tín… hiện rõ ở trước mắt diệt đi, vì sao không nói đến?

Đáp: Văn này nên đưa ra cách nói này: Hoặc là tám căn-hoặc là mười ba căn, tâm cuối cùng của Trung Hữu, vô ký là tám căn, thiện là mười ba căn. Nhưng mà không đưa ra cách nói này, thì nên biết là nghĩa này có khác.

Có người đưa ra cách nói này: Trong này chỉ dựa vào phần vị diệt, phần vị sinh đều có mà nói, năm căn như Tín… chỉ có ở phần vị diệt, không phải là có ở phần vị sinh, cho nên không nói đến.

Hỏi: Tâm-tâm sở hệ thuộc nơi nào diệt đi? Đáp: Hệ thuộc cõi Sắc.

Hỏi: Mấy căn hiện rõ trước mắt? Đáp: Tám căn, nói như trước.

Hỏi: Tâm-tâm sở hệ thuộc nơi nào hiện rõ trước mắt?

Đáp: Hệ thuộc cõi Sắc, bởi vì chết rồi sinh ra chắc chắn khởi lên tâm của địa mình.

Hỏi: Ở cõi trời Vô tưởng chết đi có mấy căn diệt? Đáp: Tám căn, nói như trước.

Hỏi: Tâm-tâm sở hệ thuộc nơi nào diệt đi?

Đáp: Hệ thuộc cõi Sắc.

Hỏi: Mấy căn hiện rõ trước mắt?

Đáp: Hoặc là tám căn-hoặc là chín căn-hoặc là mười căn. Không có hình thể là tám căn, đó là Nhãn-Nhĩ-Tỷ-Thiệt-Thân-Mạng-Ý và Xả căn. Một hình thể là chín căn, đó là cọng thêm Nam căn-Nữ căn tùy theo một loại. Hai hình thể là mười căn, đó là cọng thêm Nam căn và Nữ căn.

Hỏi: Tâm-tâm sở hệ thuộc nơi nào hiện rõ trước mắt?

Đáp: Hệ thuộc cõi Dục. Vì vậy chứng minh biết rằng từ cõi trời Vô tưởng chết đi chắc chắn sinh vào cõi Dục.

Hỏi: Chắc chắn sinh vào nơi nào?

Đáp: Có người nói: Sinh vào địa ngục. Có người nói: Sinh vào nẻo ác. Nói như vậy thì chắc chắn sinh vào cõi Dục, nơi chốn không nhất định, hoặc là sinh vào nẻo ác, hoặc là cõi trời, hoặc là loài người.

Hỏi: Vì sao từ cõi trời Vô tưởng chết đi chắc chắn sinh vào cõi Dục?

Đáp: Bởi vì thế lực của nhân dị thục như vậy, cho nên tùy theo thế lực vốn có của nhân dị thục, chỉ làm cho khởi lên dị thục như vậy.

Có Sư khác nói: Bởi vì thọ lượng của cõi Vô tưởng đã hết, mà nghiệp của thọ lượng nơi khác không tăng trưởng, nghĩa là trước đây tăng trưởng về nghiệp thuộc thọ lượng của cõi Vô tưởng nay đã thọ nhận không còn, bởi vì nghiệp thuộc thọ lượng của nơi khác trước đây không tăng trưởng, cho nên từ cõi ấy chết đi chắc chắn sinh vào cõi Dục.

Hỏi: Người ấy cũng đã từng khởi lên ba Tĩnh lự dưới, vì sao không dẫn đến quả thọ lượng của địa ấy?

Đáp: Người ấy tuy đã từng khởi lên ba Tĩnh lự dưới, mà không phải là khăng khăng chấp lấy cho nên không dẫn đến thọ lượng ấy, bởi vì chỉ khăng khăng chấp trước Tĩnh lự thứ tư cho nên dẫn đến thọ lượng của địa ấy.

Có người nói: Người ấy tuy đã từng khởi lên ba Tĩnh lự dưới, mà không phải là do mong cầu, người ấy chỉ mong cầu ở Tĩnh lự thứ tư.

Có người nói: Người ấy tuy đã từng khởi lên ba Tĩnh lự dưới, chỉ giống như con đường đã đi qua mà không phải là nơi hướng đến, Tĩnh lự thứ tư là nơi đích thực hướng đến chứ không phải là như con đường đã đi qua, cho nên dẫn đến thọ lượng của địa ấy.

Có người nói: Nếu tạo nghiệp thuận theo đời kế tiếp nhận quả ở cõi trời Vô tưởng, thì pháp vốn như vậy cũng tạo nghiệp thuận theo đời kế tiếp thứ hai nhận quả ở cõi Dục. Như tạo nghiệp thuận theo đời kế tiếp nhận quả ở châu Bắc Câu-lô, thì pháp vốn như vậy cũng tạo nghiệp thuận theo đời kế tiếp thứ hai nhận quả ở loài trời cõi Dục.

Có người nói: Cõi Dục là nơi quay về của tất cả hữu tình lui sụt, nghĩa là các hữu tình do lực của nghiệp-lực của tu mà hướng đến cõi Sắc-Vô sắc, nghiệp ấy nếu hết thì trở lại rơi vào cõi Dục. Ví như mặt đất là nơi quay về của các loài chim bay bị rơi xuống, nghĩa là các loài chim bay nhờ vào sức mạnh của đôi cánh mà bay vút lên bầu trời, lúc sức mạnh của đôi cánh không còn thì trở lại rơi xuống mặt đất.

Có người nói: Hữu tình cõi trời Vô tưởng trải qua năm trăm kiếp trú vào trong Vô tưởng, như giấc ngủ say sưa, tỉnh rồi không thể nào lấy được dị thục khác, thế là rơi vào cõi Dục. Như người ở trên ngọn cây dựa vào cành cây mà ngủ, trải qua thời gian dài bỗng nhiên tỉnh giấc, tay quên bám lấy cành, ngay lập tức rơi xuống đất. Ở cõi ấy cũng như vậy.

Có người nói: Người cầu Vô tưởng thì chấp rằng Định Vô tưởng là Đạo chân thật, dị thục của Định ấy là Niết-bàn, cho đến sinh vào trong cõi trời ấy, ý chấp này vẫn đi theo, người ấy về sau từ trong Vô tưởng ra ngoài, lúc sắp mạng chung thấy tướng sinh trước mắt, liền dấy lên ý niệm này: Chắc chắn không có Niết-bàn, nếu như thật có thì mình đã chứng được, giờ đây tại sao tướng sinh hiện rõ trước mắt? Bởi vì bài báng Niết-bàn và Thánh đạo, cho nên từ cõi ấy chết đi mà sinh vào trong nẻo ác.

Tôn giả Diệu Âm cũng đưa ra cách nói này: "Bởi vì người ấy bài báng Niết-bàn và Thánh giả, cho nên từ cõi ấy mạng chung chắc chắn sinh vào nẻo ác."

Hỏi: Định Vô tưởng và Sự Vô tưởng sai biệt thế nào?

Đáp: Tên gọi chính là sai biệt, loại này gọi là Định Vô tưởng, loại này gọi là Sự Vô tưởng.

Lại nữa, nhân là Định Vô tưởng, quả là Sự Vô tưởng.

Lại nữa, pháp dị thục là Định Vô tưởng, dị thục là Sự Vô tưởng. Lại nữa, Định Vô tưởng là thiện, Sự Vô tưởng là vô ký.

Lại nữa, Định Vô tưởng là Định, Sự Vô tưởng là Sinh.

Lại nữa, Định Vô tưởng do tác ý dụng công gia hạnh mà khởi lên, Sự Vô tưởng không phải là do tác ý dụng công gia hạnh mà khởi lên.

Lại nữa, Định Vô tưởng bao gồm ở nơi này-nơi kia đạt được, nơi này-nơi kia hiện rõ ở trước mắt; Sự Vô tưởng chỉ ở nơi kia đạt được, nơi kia hiện rõ ở trước mắt.

Lại nữa, Định Vô tưởng là gia hạnh đạt được, Sự Vô tưởng là sinh mà có được. Đây gọi là sự sai biệt giữa Định Vô tưởng và Sự Vô tưởng.

Hỏi: Cõi trời Vô tưởng thuộc về nơi nào?

Đáp: Sư nước ngoài nói: "Tĩnh lự thứ tư có chín nơi khác nhau, cõi trời Vô tưởng là một nơi."

Các Luận sư của nước Ca-thấp-di-la nói: "Tức là thuộc về cõi trời Quảng Quả, nhưng bởi vì vắng lặng hơn hẳn cho nên lập ra tên gọi riêng biệt, giống như chốn A-luyện-nhã bên cạnh thôn làng."

Hỏi: Thân lượng của trời ấy như thế nào? Đáp: Năm trăm Du-thiện-na.

Hỏi: Thọ lượng của trời ấy như thế nào? Đáp: Năm trăm kiếp.

Hỏi: Thực hiện oai nghi cư trú như thế nào?

Đáp: Có người nói: Ngồi xếp bằng tròn như Sa-môn Thích tử. Có người nói: Ngồi chồm hổm như Bà-la-môn.

Nói như vậy là như trước kia đã trú trong oai nghi tiến vào Định này, thì dùng oai nghi này ở cõi ấy trú trong năm trăm kiếp.

Hữu tình ở cõi Vô tưởng lúc sinh ra, nên nói là có Tưởng, hay là không có Tưởng? Cho đến nói rộng ra.

Hỏi: Vì sao soạn ra phần luận này?

Đáp: Bởi vì muốn ngăn chặn tông chỉ của người khác để hiển bày nghĩa lý của mình.

Đó là hoặc có người nói: Hữu tình ở cõi Vô tưởng, lúc sinh ra-lúc chết đi đều không có Tâm-Tưởng. Vì ngăn chặn ý ấy để hiển bày hữu tình ở cõi ấy, lúc sinh ra-lúc chết đi đều có Tâm-Tưởng, chứ không phải là không có Tâm-Tưởng, bởi vì có chết đi và sinh ra.

Hoặc lại có người nói: Hữu tình ở cõi Vô tưởng, lúc sinh ra thì có Tâm, lúc chết đi thì không có Tâm. Vì ngăn chặn ý ấy để hiển bày hữu tình ở cõi ấy, lúc chết đi cũng có Tâm-Tưởng chứ không phải là không có Tâm-Tưởng, bởi vì có mạng chung.

Hoặc lại có người nói: Hữu tình ở cõi Vô tưởng, lúc sinh ra-lúc chết đi tuy đều có Tâm, nhưng chỉ có một niệm chứ không phải là nối tiếp nhau lâu dài. Vì ngăn chặn ý ấy để hiển bày hữu tình ở cõi ấy, lúc sinh ra thì sinh ra rồi trải qua thời gian dài Tâm hãy còn nối tiếp nhau, về sau mới không có Tưởng; từ không có Tưởng ra ngoài, có Tâm trải qua thời gian dài, về sau mới xả mạng. Vì thế cho nên nói như vậy:

Hỏi: Có thể có nơi, chỉ có Tâm trong hai sát-na, đó là lúc Kiết sinh (tiến vào thai mẹ) và lúc mạng chung chăng?

Đáp: Nên nói là không có. Tôn giả Diệu Âm nói có, đó chính là cõi trời Vô tưởng.

Hỏi: có thể có nơi, Tâm thuộc Kiết sinh làm Đẳng vô gián duyên, Tâm thuộc mạng chung khởi lên chăng?

Đáp: Nên nói là không có. Tôn giả Diệu Âm nói có, đó chính là cõi trời Vô tưởng.

Hỏi: Có thể có nơi, Tâm thuộc Kiết sinh làm bốn duyên, Tâm thuộc mạng chung khởi lên chăng?

Đáp: Nên nói là không có. Tôn giả Diệu Âm nói có, đó chính là cõi trời Vô tưởng.

Vì ngăn chặn những cách nói này, cho nên soạn ra phần luận này.

Hỏi: Hữu tình ở cõi Vô tưởng, lúc sinh ra nên nói là có Tưởng, hay là không có Tưởng?

Đáp: Nên nói là có Tưởng. Đây là ngăn chặn ý chấp ở cõi trời Vô tưởng, lúc sinh ra thì không có Tâm.

Như Đức Thế Tôn nói: "Các hữu tình ở cõi ấy do Tưởng khởi lên, cho nên từ nơi ấy chết đi."

Hỏi: Lúc từ nơi ấy chết đi thì Tưởng ấy nên nói là diệt, hay là không diệt?

Đáp: Nên nói là diệt. Đây là ngăn chặn ý chấp ở cõi trời Vô tưởng, lúc chết đi thì không có Tâm.

Hỏi: Nên nói là trú nơi nào thì Tưởng ấy diệt đi?

Đáp: Nên nói là trú ở nơi ấy. Đây là ngăn chặn ý chấp về hữu tình ở cõi Vô tưởng chỉ có Tâm trong một niệm lúc chết đi-lúc sinh ra.

Hỏi: Hữu tình ở cõi Vô tưởng, Tâm trước nhiều hay là Tâm sau nhiều?

Đáp: Có người nói: Tâm trước nhiều chứ không phải là Tâm sau, bởi vì lúc ấy chưa tiến vào phần vị Vô tưởng, dị thục nối tiếp nhau với thế lực mạnh mẽ, có Tâm một thời gian dài mới tiến vào Vô tưởng; rời khỏi Vô tưởng rồi, dị thục nối tiếp nhau với thế lực suy kém, cho nên có Tâm một thời gian ngắn thì liền xả mạng.

Có người nói: Tâm sau nhiều chứ không phải là Tâm trước, bởi vì lúc ấy chưa tiến vào Vô tưởng, mong cầu Vô tưởng với Tâm mạnh mẽ, cho nên có Tâm một thời gian ngắn thì tiến vào Vô tưởng; rời khỏi Vô tưởng rồi, không mong cầu gì nữa, cho nên có Tâm một thời gian dài sau đó mới xả mạng.

Nói như vậy thì sự việc này không nhất định, hoặc là trước nhiều- sau ít, hoặc là trước ít-sau nhiều, bởi vì tùy theo ý thích ấy có sai biệt.

Hỏi: Tưởng ấy nên nói là thiện, hay là vô ký? Đáp: Hoặc là thiện, hoặc là vô ký.

Hỏi: Tưởng ấy có mấy tùy miên tùy tăng? Đáp: Duyên hữu lậu thuộc cõi Sắc.

Hỏi: Có mấy kiết ràng buộc? Đáp: Sáu kiết.

Tưởng ấy, đó là Tưởng rời khỏi Vô tưởng. Hoặc là thiện-hoặc là vô ký, thiện đó là thiện do sinh ra đạt được, vô ký đó là hữu phú vô ký, hoặc là vô phú vô ký. Duyên hữu lậu thuộc cõi Sắc, đó là tùy miên duyên hữu lậu của Tĩnh lự thứ tư.

Hỏi: Vì sao tùy miên duyên vô lậu không tùy tăng đối với Tưởng ấy?

Đáp: Người ấy chấp Vô tưởng là Niết-bàn, Định Vô tưởng là Đạo chân thật, cho đến sinh vào cõi ấy, và từ cõi ấy chết đi. Bởi vì chỉ có chấp như vậy mà trở lại tiếp tục tùy chuyển, đối với Đạo-Diệt chân thật không bài báng là không có, cho nên duyên vô lậu lúc bấy giờ không khởi lên.

Sáu kiết ràng buộc, đó là trừ ra kiết Nhuế-Tật-Khan, có những kiết khác ràng buộc.

Hỏi: Tưởng rời khỏi Vô tưởng là do năm Bộ mà đoạn, hay là chỉ do Tu mà đoạn? Nếu như vậy thì có gì sai? Nếu do năm Bộ mà đoạn, thì phẩm Thập Môn đã nói nên hiểu thế nào? Như nói: "Pháp quá khứ làm Đẳng vô gián sinh ra hai Tâm." Nếu do Tu mà đoạn, thì văn này lại hiểu thế nào? Như nói: "Tưởng ấy là tùy miên tùy tăng duyên hữu lậu thuộc cõi Sắc."

Đáp: Có người đưa ra cách nói này: Tưởng này bao gồm do năm Bộ mà đoạn.

Hỏi: Phẩm Thập Môn đã nói nên hiểu thế nào?

Đáp: Văn ấy nên nói pháp quá khứ làm Đẳng vô gián sinh ra sáu Tâm, đó là năm Tâm thuộc cõi Sắc, một Tâm thuộc cõi Vô sắc. Nhưng mà không đưa ra cách nói này là có ý gì? Nên biết rằng văn ấy chỉ dựa vào Tâm rời khỏi hai Định không có Tâm mà nói, chứ không nói đến Vô tưởng. Nguyên cớ thế nào? Bởi vì hai Định không có Tâm do tác ý dụng công gia hạnh mà khởi lên, Vô tưởng thì không như vậy.

Có Sư khác nói: Chỉ do Tu mà đoạn. Hỏi: Văn này đã nói nên hiểu thế nào?

Đáp: Văn này nên nói Tưởng ấy là biến hành thuộc cõi Sắc, và tùy miên tùy tăng do Tu mà đoạn. Nhưng mà không đưa ra cách nói này là có ý gì? Nên biết rằng trong này nói bao gồm hòa hợp, đó là có Tâm vào lúc

mạng chung thì bao gồm năm Bộ, không phải là chỉ nói đến Tâm rời khỏi Vô tưởng, bởi vì Tâm mạng chung là quyến thuộc trước cho nên ở đây là nói bao gồm.

Lời bình: Nên biết cách nói trước là hợp lý, bởi vì không có đạo lý riêng biệt để ngăn chặn Tâm khác.

Như Đức Thế Tôn nói: "Tất cả hữu tình đều do ăn mà tồn tại."

Hỏi: Hữu tình ở cõi Vô tưởng do ăn gì mà tồn tại? Đáp: Xúc-Ý tư và Thức thực.

Hỏi: Vì sao soạn ra phần luận này?

Đáp: Bởi vì muốn làm cho người nghi ngờ có được quyết định. Nghĩa là cõi trời Vô tưởng chắc chắn không có Đoàn thực, Xúc-Ý tư và Thức thực cũng diệt hết không còn sót lại gì, đừng có nghi ngờ ở cõi ấy không ăn gì mà tồn tại, thì không có thể hiểu Đức Thế Tôn đã nói "Tất cả hữu tình đều do ăn mà tồn tại." Bởi vì loại trừ mối nghi ấy, hiển bày về cõi Vô tưởng tuy không có Đoàn thực mà có ba loại ăn khác, cùng với kinh tương ưng, cho nên soạn ra phần luận này.

Hỏi: Phần vị Vô tưởng ấy cũng diệt hết ba loại ăn, tại sao nói là có?

Đáp: Ăn có hai loại:

1. Lúc trước có thể dẫn dắt.
2. Hiện tại tùy ý duy trì. Phần vị ấy tuy không có loại ăn thuộc hiện tại tùy ý duy trì, mà có loại ăn thuộc lúc trước có thể dẫn dắt, cho nên gọi là có ăn.

Có người nói: Trong phần vị ấy có ba loại ăn:

1. Ăn thuộc về nghiệp.
2. Ăn thuộc về sinh.
3. Ăn thuộc về Đẳng vô gián duyên.

Ăn thuộc về nghiệp, đó là bởi vì trước đây đã tạo ra nghiệp của địa ấy, cho nên có thể dẫn dắt sinh đến địa ấy. Ăn thuộc về sinh, đó là bởi vì tâm Kiết sinh (tâm tiến vào thai) và pháp cùng có, dẫn dắt phần vị ấy trong một thời kỳ làm cho nối tiếp nhau. Ăn thuộc về Đẳng vô gián duyên, đó là tiến vào Vô tưởng, Xúc-Ý tư và Thức làm Đẳng vô gián duyên, có thể dẫn đến Vô tưởng rời khỏi tâm - tâm sở, làm cho chắc chắn sẽ khởi lên, cho nên không vĩnh viễn đoạn dứt. Vì vậy cho nên nói là tất cả hữu tình đều do ăn mà tồn tại.

Hỏi: Nhãn căn thâu nhiếp mấy căn, cho đến Cụ tri căn thâu nhiếp mấy căn?

Đáp: Nhãn căn thâu nhiếp Nhãn căn, cho đến nói rộng ra. Hỏi: Vì sao soạn ra phần luận này?

Đáp: Cần phải ngăn chặn ý nói là các pháp chỉ thâu nhiếp tánh khác, hiển bày về tất cả các pháp chỉ thâu nhiếp tự tánh, cho nên soạn ra phần luận này.

Nhãn căn thâu nhiếp Nhãn căn, đây là dựa vào tướng chung của chủng loại mà nói. Nếu nói riêng biệt thì Nhãn có hai loại, đó là bên trái và bên phải. Bên trái thâu nhiếp bên trái, bên phải thâu nhiếp bên phải.

Bên trái lại có hai loại, đó là do nuôi lớn và dị thục sinh. Do nuôi lớn thâu nhiếp do nuôi lớn, dị thục sinh thâu nhiếp dị thục sinh.

Dị thục sinh lại có hai loại, đó là dị thục của nghiệp thiện và dị thục của nghiệp bất thiện. Dị thục của nghiệp thiện thâu nhiếp dị thục của nghiệp thiện, dị thục của nghiệp bất thiện thâu nhiếp dị thục của nghiệp bất thiện.

Dị thục của nghiệp thiện lại có hai loại, đó là loài người và loài trời. Loài người thâu nhiếp loài người, loài trời thâu nhiếp loài trời.

Loài trời lại có hai loại, đó là cõi Dục và cõi Sắc. Cõi Dục thâu nhiếp cõi Dục, cõi Sắc thâu nhiếp cõi Sắc.

Cõi Sắc lại có bốn loại, đó là bốn Tĩnh lự. Tĩnh lự thứ nhất thâu nhiếp Tĩnh lự thứ nhất, cho đến Tĩnh lự thứ tư thâu nhiếp Tĩnh lự thứ tư.

Dị thục của nghiệp bất thiện lại có ba loại, đó là địa ngục-bàng sinh và cõi quỷ. Địa ngục thâu nhiếp địa ngục, cho đến cõi quỷ thâu nhiếp cõi quỷ.

Như vậy Nhãn bên trái cùng với các sai biệt đều có ba đời, quá khứ thâu nhiếp quá khứ, vị lai thâu nhiếp vị lai, hiện tại thâu nhiếp hiện tại.

Quá khứ lại có vô lượng sát-na, mỗi một sát-na đều tự mình thâu nhiếp của mình. Như quá khứ, vị lai cũng như vậy. Như bên trái, bên phải cũng như vậy. Trong này chỉ dựa vào tướng chung của chủng loại mà nói.

Như Nhãn căn, Nhĩ-Tỷ-Thiệt-Mạng-Khổ-Ưu căn cũng như vậy, bởi vì những căn này đều thâu nhiếp một căn của chính mình.

Thân căn thâu nhiếp ba căn, đó là Thân-Nữ-Nam căn. Nữ căn thâu nhiếp Nữ căn và phần ít của Thân căn. Như Nữ căn, Nam căn cũng như vậy.

Ý căn thâu nhiếp Ý căn và phần ít của ba căn, đó là ba căn Vô lậu. Bởi vì ba căn ấy lấy chín pháp làm Thể, thâu nhiếp Ý chứ không phải là loại khác, cho nên nói là phần ít.

Như Ý căn, Lạc-Hỷ-Xả căn và năm căn như Tín…, cũng như vậy.

Vị tri đương tri căn thâu nhiếp Vị tri đương tri căn và phần ít của chín căn, đó là Ý-ba Thọ và năm căn như Tín… Chín căn này đều bao gồm hữu lậu và vô lậu, nay chỉ thâu nhiếp vô lậu. Ở trong vô lậu lại có ba đạo, nay chỉ thâu nhiếp Kiến đạo, cho nên nói là phần ít.

Như Vị tri đương tri căn, Dĩ tri căn và Cụ tri căn cũng như vậy.

Hỏi: Tín lực cho đến Tuệ lực, Niệm đẳng giác chi cho đến Xả đẳng giác chi, Chánh Kiến cho đến Chánh Định, Pháp trí cho đến Đạo trí, Không-Vô nguyện-Vô tướng thâu nhiếp mấy căn?

Đáp: Tín lực thâu nhiếp một căn và phần ít của ba căn, đó là ba căn Vô lậu. Ba căn này đều lấy chín pháp làm Thể, thâu nhiếp Tín chứ không phải là loại khác, cho nên nói là phần ít.

Như Tín lực, bốn Lực còn lại cũng như vậy.

Niệm đẳng giác chi thâu nhiếp phần ít của bốn căn, đó là Niệm căn và ba căn Vô lậu. Niệm căn bao gồm hữu lậu và vô lậu, nay chỉ thâu nhiếp vô lậu. Ba căn vô lậu lấy chín pháp làm tánh, nay chỉ thâu nhiếp Niệm, cho nên nói là phần ít.

Như Niệm đẳng giác chi, Trạch pháp-Tinh tiến-Hỷ-Định đẳng giác chi cũng như vậy; còn lại không thâu nhiếp căn, đó là Khinh an-Xả đẳng giác chi không thâu nhiếp căn, bởi vì không có tướng của căn.

Chánh Kiến thâu nhiếp phần ít của bốn căn, đó là Tuệ căn và ba căn Vô lậu.

Như Chánh Kiến, Chánh Cần-Niệm-Định cũng như vậy; còn lại không thâu nhiếp căn, đó là Chánh Tư duy, Chánh Ngữ-Nghiệp-Mạng không thâu nhiếp căn, bởi vì không có tướng của căn.

Pháp trí thâu nhiếp phần ít của bốn căn, đó là Tuệ căn và ba căn Vô lậu.

Như Pháp trí, Loại trí, Khổ-Tập-Diệt-Đạo trí cũng như vậy.

Tha tâm trí thâu nhiếp phần ít của ba căn, đó là Tuệ căn, Dĩ tri căn và Cụ tri căn. Thế nào là thâu nhiếp phần ít của Tuệ căn? Đó là Tuệ căn bao gồm duyên với một pháp và nhiều pháp, tự tướng và cọng tướng, hiện tại và ba đời, thân khác và thân mình, cảnh tương ưng và cảnh không tương ưng. Trí này chỉ thâu nhiếp Tuệ duyên với một pháp- tự tướng-hiện tại-thân khác và cảnh tương ưng, cho nên nói là phần ít.

Hai căn Vô lậu lấy chín pháp làm tánh, trí này chỉ thâu nhiếp Tuệ, sai biệt trong Tuệ nói như trước, trí này chỉ thâu nhiếp Tuệ duyên với một pháp…, cho nên nói là phần ít.

Thế tục trí thâu nhiếp phần ít của một căn, đó là Tuệ căn. Bởi vì Tuệ căn bao gồm hữu lậu và vô lậu, nay chỉ thâu nhiếp hữu lậu, cho nên nói là phần ít.

Không thâu nhiếp phần ít của bốn căn, đó là Định căn và ba căn Vô lậu.

Như Không, Vô nguyện và Vô tướng cũng như vậy.

Hỏi: Ý căn tương ưng với mấy căn, cho đến Cụ tri căn tương ưng với mấy căn?

Đáp: Ý căn tương ưng với mười căn và phần ít của ba căn, cho đến nói rộng ra.

Hỏi: Vì sao soạn ra phần luận này?

Đáp: Có người mê muội đối với tương ưng, chấp rằng pháp tương ưng không phải là tánh có thật. Vì ngăn chặn ý ấy để hiển bày về Thể của pháp tương ưng là có thật, cho nên soạn ra phần luận này.

Ý căn tương ưng với mười căn, đó là năm Thọ và năm căn như Tín… tương ưng với phần ít của ba căn, đó là ba căn Vô lậu. Bởi vì ba căn ấy lấy chín pháp làm tánh, trừ ra tự Thể của Ý tương ưng với pháp khác, cho nên nói là phần ít.

Lạc-Hỷ-Xả căn tương ưng với phần ít của chín căn, đó là Ý căn- năm căn như Tín…, và ba căn Vô lậu. Tương ưng với phần ít của Ý căn-năm căn như Tín…, bởi vì sáu căn ấy đều thuộc câu sinh với năm Thọ căn, nay Lạc-Hỷ-Xả đều chỉ tương ưng với câu sinh thuộc căn của mình, cho nên nói là phần ít. Tương ưng với phần ít của ba căn Vô lậu, bởi vì ba căn ấy lấy chín pháp làm tánh, thuộc ba Thọ câu sinh, nay Lạc-Hỷ-Xả chỉ tương ưng với câu sinh thuộc căn của mình, cho nên nói là phần ít.

Khổ căn-Ưu căn tương ưng với phần ít của sáu căn, đó là Ý căn và năm căn như Tín… Thế nào là tương ưng với phần ít của sáu căn ấy? Đó là sáu căn ấy thuộc năm Thọ câu sinh, nay Khổ căn-Ưu căn chỉ tương ưng với câu sinh thuộc căn của mình, cho nên nói là phần ít.

Tín căn tương ưng với bốn căn và phần ít của chín căn. Bốn căn, đó là Tinh tiến-Niệm-Định và Tuệ căn. Tương ưng với phần ít của chín căn, đó là Ý căn-năm Thọ và ba căn Vô lậu. Tương ưng với phần ít của Ý căn và năm Thọ, bởi vì sáu căn ấy bao gồm nhiễm ô và không nhiễm ô, nay Tín căn chỉ tương ưng với thiện không nhiễm ô, cho nên nói là phần ít. Tương ưng với phần ít của ba căn Vô lậu, bởi vì ba căn ấy lấy chín pháp làm tánh, nay trừ ra tự Thể của Tín tương ưng với loại khác, cho nên nói là phần ít.

Như Tín căn, Tinh tiến-Niệm-Định và Tuệ căn cũng như vậy.

Vị tri đương tri căn tương ưng với Vị tri đương tri căn và phần ít của chín căn. Tương ưng với Vị tri đương tri căn, bởi vì căn này lấy chín pháp làm tánh, mỗi một pháp trừ ra tự Thể tương ưng với loại khác, đều gọi là căn này tương ưng với căn này. Tương ưng với phần ít của chín căn, đó là Ý-Lạc-Hỷ-Xả và năm căn như Tín… Thế nào là tương ưng với phần ít của chín căn ấy? Đó là bởi vì chín căn ấy bao gồm hữu lậu và vô lậu, nay chỉ tương ưng với vô lậu thuộc căn ấy; ở trong vô lậu bao gồm Kiến đạo-Tu đạo và đạo Vô học, nay chỉ tương ưng với Kiến đạo thuộc căn ấy, cho nên nói là phần ít.

Như Vị tri đương tri căn, Dĩ tri căn và Cụ tri căn cũng như vậy, bởi vì chỉ riêng phần vị có khác nhau, còn lại đều giống nhau.

Hỏi: Tín lực cho đến Tuệ lực, Niệm đẳng giác chi cho đến Xả đẳng giác chi, Chánh Kiến cho đến Chánh Định, Pháp trí cho đến Đạo trí, Không-Vô nguyện-Vô tướng, tương ưng với mấy căn?

Đáp: Tín lực tương ưng với bốn căn và phần ít của chín căn. Bốn căn, đó là Tinh tiến-Niệm-Định và Tuệ căn. Tương ưng với phần ít của chín căn, đó là Ý căn-năm Thọ căn và ba căn Vô lậu, nghĩa nói như trước.

Như Tín lực, bốn Lực còn lại cũng như vậy, đó là Tinh tiến-Niệm-Định và Tuệ lực.

Niệm đẳng giác chi tương ưng với phần ít của mười một căn, đó là Ý-Lạc-Hỷ-Xả căn, bốn căn như Tín…, và ba căn Vô lậu. Tương ưng với phần ít của Ý căn-ba Thọ căn-bốn căn như Tín…, bởi vì tám căn ấy bao gồm hữu lậu và vô lậu, nay chỉ tương ưng với vô lậu thuộc căn ấy, cho nên nói là phần ít. Tương ưng với phần ít của ba căn Vô lậu, bởi vì ba căn ấy lấy chín pháp làm tánh, nay trừ ra tự tánh của Niệm tương ưng với loại khác, cho nên nói là phần ít.

Như Niệm đẳng giác chi, Trạch pháp-Tinh tiến-Định đẳng giác chi cũng như vậy.

Hỷ đẳng giác chi tương ưng với phần ít của chín căn, đó là Ý căn-năm căn như Tín… và ba căn Vô lậu. Tương ưng với phần ít của Ý căn và năm căn như Tín…, bởi vì sáu căn ấy bao gồm hữu lậu và vô lậu, nay chỉ tương ưng với vô lậu thuộc căn ấy; ở trong vô lậu bao gồm dựa vào chín địa, đó là Vị chí-Tĩnh lự trung gian-bốn Tĩnh lự và ba Vô sắc dưới, nay chỉ tương ưng với hai Tĩnh lự đầu mà căn ấy dựa vào, cho nên nói là phần ít. Tương ưng với phần ít của ba căn Vô lậu, bởi vì ba căn ấy bao gồm Lạc-Hỷ-Xả, và câu sinh của nó, nay chỉ tương ưng với câu sinh của Hỷ căn, cho

nên nói là phần ít.

Khinh an-Xả đẳng giác chi tương ưng với ba căn và phần ít của chín căn. Ba căn, đó là ba căn Vô lậu. Tương ưng với phần ít của chín căn, đó là Ý-Lạc-Hỷ-Xả và năm căn như Tín… Thế nào là tương ưng với phần ít của chín căn ấy? Đó là bởi vì chín căn ấy bao gồm hữu lậu và vô lậu, nay chỉ tương ưng với vô lậu thuộc căn ấy, cho nên nói là phần ít.

Chánh Kiến tương ưng với phần ít của mười một căn, đó là Ý-Lạc-Hỷ-Xả-bốn căn như Tín... và ba căn Vô lậu, nghĩa nói như Niệm đẳng giác chi.

Như Chánh Kiến, Chánh Tư duy-Chánh Cần-Chánh Định cũng như vậy. Nhưng Chánh Tư duy có chút sai biệt, đó là Ý-Hỷ-Xả-năm căn như Tín… và ba căn Vô lậu, thì gọi là mười một. Mười một căn này cùng dựa vào các địa, nay chỉ tương ưng với dựa vào Vị chí-Tĩnh lự thứ nhất, cho nên nói là phần ít. Còn lại không phải là tương ưng với căn, đó là Chánh Ngữ-Nghiệp-Mạng không phải là tương ưng với căn, bởi vì không phải là pháp tương ưng.

Pháp trí tương ưng với phần ít của mười một căn, nói như Chánh Kiến. Như Pháp trí, Loại trí và Khổ-Tập-Diệt-Đạo trí cũng như vậy.

Tha tâm trí tương ưng với phần ít của mười căn, đó là Ý-Lạc-Hỷ- Xả-bốn căn như Tín…, Dĩ tri căn và Cụ tri căn, nghĩa nói như trong phần thâu nhiếp.

Thế tục trí tương ưng với hai căn và phần ít của tám căn. Hai căn, đó là Khổ căn và Ưu căn. Tương ưng với phần ít của tám căn, đó là Ý- Lạc-Hỷ-Xả và bốn căn như Tín… Thế nào là tương ưng với phần ít của tám căn ấy? Đó là tám căn ấy bao gồm hữu lậu và vô lậu, nay chỉ tương ưng với hữu lậu thuộc căn ấy, cho nên nói là phần ít.

Không-Vô nguyện-Vô tướng tương ưng với phần ít của mười một căn, nói như Niệm đẳng giác chi.

-oOo-

LUẬN A TỲ ĐẠT MA ĐẠI TỲ BÀ SA

QUYỂN 155

LUẬN VỀ ĐẲNG TÂM (Phần 5)

Lúc ở cõi Dục chết đi-sinh vào cõi Dục, có mấy căn diệt? Cho đến nói rộng ra.

Trong này biểu hiện rõ ràng về nhiều môn sai biệt, đó là Cõi sai biệt, Bổ-đặc-già-la sai biệt, Căn sai biệt, Tử Hữu sai biệt, Trung Hữu sai biệt, Sinh Hữu sai biệt, từ từ mạng chung sai biệt, nhanh chóng mạng chung sai biệt.

Hỏi: Lúc ở cõi Dục chết đi-sinh vào cõi Dục, có mấy căn diệt?

Đáp: Hoặc là bốn, hoặc là chín; hoặc là tám, hoặc là mười ba; hoặc là chín, hoặc là mười bốn; hoặc là mười, hoặc là mười lăm.

Từ từ mạng chung, thì tâm vô ký có bốn, đó là Thân-Mạng-Ý và Xả căn; tâm thiện có chín, đó là bốn căn trước cọng thêm năm căn như Tín…

Nhanh chóng mạng chung, nếu không có hình thể thì tâm vô ký có tám, đó là Nhãn-Nhĩ-Tỷ-Thiệt-Thân-Mạng-Ý và Xả căn; tâm thiện có mười ba, đó là tám căn trước cọng thêm năm căn như Tín… Nếu một hình thể thì tâm vô ký có chín, đó là tám căn trước cọng thêm một hình thể; tâm thiện có mười bốn, đó là chín căn trước cọng thêm năm căn như Tín… Nếu hai hình thể thì tâm vô ký có mười, đó là chín căn trước lại cọng thêm một hình thể; tâm thiện có mười lăm, đó là mười căn trước cọng thêm năm căn như Tín…

Hỏi: Tâm-tâm sở hệ thuộc nơi nào diệt?

Đáp: Hệ thuộc cõi Dục.

Hỏi: Mấy căn hiện rõ trước mắt?

Đáp: Hoặc là tám, hoặc là chín, hoặc là mười. Không có hình thể là tám căn, đó là Nhãn-Nhĩ-Tỷ-Thiệt-Thân-Mạng-Ý và Xả căn. Một hình thể là chín căn, đó là tám căn trước cọng thêm một hình thể. Hai hình thể là mười căn, đó là chín căn trước lại cọng thêm một hình thể.

Hỏi: Tâm-tâm sở hệ thuộc nơi nào hiện rõ trước mắt?

Đáp: Hệ thuộc cõi Dục.

Hỏi: Lúc ở cõi Dục chết đi-sinh vào cõi Sắc, có mấy căn diệt?

Đáp: Hoặc là bốn, hoặc là chín; hoặc là chín, hoặc là mười bốn. Từ từ mạng chung, thì tâm vô ký có bốn, đó là Thân-Mạng-Ý và

Xả căn; tâm thiện có chín, đó là bốn căn trước cọng thêm năm căn như Tín…

Nhanh chóng mạng chung, thì tâm vô ký có chín, đó là Nhãn-Nhĩ-Tỷ-Thiệt-Thân-Mạng-Ý-Xả căn, và Nữ căn-Nam căn tùy theo một căn; tâm thiện có mười bốn, đó là chín căn trước cọng thêm năm căn như Tín…

Hỏi: Tâm-tâm sở hệ thuộc nơi nào diệt?

Đáp: Hệ thuộc cõi Dục.

Hỏi: Mấy căn hiện rõ trước mắt?

Đáp: Tám căn, đó là Nhãn-Nhĩ-Tỷ-Thiệt-Thân-Mạng-Ý và Xả căn.

Hỏi: Tâm-tâm sở hệ thuộc nơi nào hiện rõ trước mắt?

Đáp: Hệ thuộc cõi Sắc.

Hỏi: Lúc ở cõi Dục chết đi-sinh vào cõi Vô sắc, có mấy căn diệt?

Đáp: Hoặc là bốn, hoặc là chín; hoặc là chín, hoặc là mười bốn.

Nói như trước.

Hỏi: Tâm-tâm sở hệ thuộc nơi nào diệt?

Đáp: Hệ thuộc cõi Dục.

Hỏi: Mấy căn hiện rõ trước mắt?

Đáp: Ba căn, đó là Mạng-Ý và Xả căn.

Hỏi: Tâm-tâm sở hệ thuộc nơi nào hiện rõ trước mắt?

Đáp: Hệ thuộc cõi Vô sắc.

Hỏi: Lúc ở cõi Sắc chết đi-sinh vào cõi Sắc, có mấy căn diệt?

Đáp: Hoặc là tám, hoặc là mười ba. Tâm vô ký có tám, đó là

Nhãn-Nhĩ-Tỷ-Thiệt-Thân-Mạng-Ý và Xả căn; tâm thiện có mười ba, đó là tám căn trước cọng thêm năm căn như Tín…

Hỏi: Tâm-tâm sở hệ thuộc nơi nào diệt?

Đáp: Hệ thuộc cõi Sắc.

Hỏi: Mấy căn hiện rõ trước mắt?

Đáp: Tám căn, nói như trước.

Hỏi: Tâm-tâm sở hệ thuộc nơi nào hiện rõ trước mắt?

Đáp: Hệ thuộc cõi Sắc.

Hỏi: Lúc ở cõi Sắc chết đi-sinh vào cõi Dục, có mấy căn diệt?

Đáp: Hoặc là tám, hoặc là mười ba, nói như trước.

Hỏi: Tâm-tâm sở hệ thuộc nơi nào diệt?

Đáp: Hệ thuộc cõi Sắc.

Hỏi: Mấy căn hiện rõ trước mắt?

Đáp: Hoặc là tám, hoặc là chín, hoặc là mười, nói như trước.

Hỏi: Tâm-tâm sở hệ thuộc nơi nào hiện rõ trước mắt?

Đáp: Hệ thuộc cõi Dục.

Hỏi: Lúc ở cõi Sắc chết đi-sinh vào cõi Vô sắc, có mấy căn diệt?

Đáp: Hoặc là tám, hoặc là mười ba, nói như trước.

Hỏi: Tâm-tâm sở hệ thuộc nơi nào diệt?

Đáp: Hệ thuộc cõi Sắc.

Hỏi: Mấy căn hiện rõ trước mắt?

Đáp: Ba căn, nói như trước.

Hỏi: Tâm-tâm sở hệ thuộc nơi nào hiện rõ trước mắt?

Đáp: Hệ thuộc cõi Vô sắc.

Hoi: Lúc ở cõi Vô sắc chết đi-sinh vào cõi Vô sắc, có mấy căn diệt?

Đáp: Hoặc là ba, hoặc là tám. Tâm vô ký có ba, đó là Mạng-Ý và Xả căn; tâm thiện có tám, đó là ba căn trước cọng thêm năm căn như Tín…

Hỏi: Tâm-tâm sở hệ thuộc nơi nào diệt?

Đáp: Hệ thuộc cõi Vô sắc.

Hỏi: Mấy căn hiện rõ trước mắt?

Đáp: Ba căn, nói như trước.

Hỏi: Tâm-tâm sở hệ thuộc nơi nào hiện rõ trước mắt?

Đáp: Hệ thuộc cõi Vô sắc.

Hỏi: Lúc ở cõi Vô sắc chết đi-sinh vào cõi Dục, có mấy căn diệt?

Đáp: Hoặc là ba, hoặc là tám, nói như trước.

Hỏi: Tâm-tâm sở hệ thuộc nơi nào diệt?

Đáp: Hệ thuộc cõi Vô sắc.

Hỏi: Mấy căn hiện rõ trước mắt?

Đáp: Hoặc là tám, hoặc là chín, hoặc là mười, nói như trước.

Hỏi: Tâm-tâm sở hệ thuộc nơi nào hiện rõ trước mắt?

Đáp: Hệ thuộc cõi Dục.

Hỏi: Lúc ở cõi Vô sắc chết đi-sinh vào cõi Sắc, có mấy căn diệt?

Đáp: Hoặc là ba, hoặc là tám, nói như trước. Hỏi: Tâm-tâm sở hệ thuộc nơi nào diệt?

Đáp: Hệ thuộc cõi Vô sắc.

Hỏi: Mấy căn hiện rõ trước mắt? Đáp: Tám căn, nói như trước. Hỏi: Tâm-tâm sở hệ thuộc nơi nào hiện rõ trước mắt?

Đáp: Hệ thuộc cõi Sắc.

Hỏi: Lúc A-la-hán nhập Niết-bàn, có mấy căn diệt cuối cùng? Đáp: Hoặc là bốn, hoặc là chín; hoặc là tám, hoặc là ba.

Cõi Dục từ từ nhập Niết-bàn thì có bốn, đó là Thân-Mạng-Ý và Xả căn; nhanh chóng nhập Niết-bàn thì có chín, đó là Nhãn-Nhĩ-Tỷ- Thiệt-Thân-Mạng-Ý-Xả căn, và Nữ căn-Nam căn tùy theo một căn. Cõi Sắc có tám, đó là Nhãn-Nhĩ-Tỷ-Thiệt-Thân-Mạng-Ý và Xả căn. Cõi Vô sắc có ba, đó là Mạng-Ý và Xả căn.

Hỏi: Bởi vì nhân duyên gì mà tất cả hữu tình mạng chung tiến vào thai mẹ nhất định phải trú trong Xả thọ?

Đáp: Ở trong năm Thọ không có hành tướng nào mờ mịt yếu kém như Xả thọ, ở trong mười giai đoạn không có lúc nào mờ mịt yếu kém như lúc chết và lúc sinh, cho nên trú trong Xả thọ mà mạng chung và tiến vào thai mẹ.

CHƯƠNG VI: CĂN UẨN (Tiếp Theo)

Phẩm Thứ Năm: LUẬN VỀ NHẤT TÂM

LUẬN VỀ NHẤT TÂM (Phần 1)

Các pháp cùng với tâm khởi như nhau-trú như nhau-diệt như nhau, pháp ấy tương ưng với tâm chăng? Các chương như vậy và giải thích về nghĩa của từng chương đã lĩnh hội rồi, tiếp theo nên phân biệt rộng ra.

Hỏi: Vì sao soạn ra phần luận này?

Đáp: Bởi vì cần phải ngăn chặn ý nói Tương ưng không phải là thật, cho đến nói rộng ra, cho nên soạn ra phần luận này.

Hỏi: Các pháp cùng với tâm khởi như nhau-trú như nhau-diệt như nhau, pháp ấy tương ưng với tâm chăng?

Đáp: Nếu pháp tương ưng với tâm, thì pháp ấy cùng với tâm khởi như nhau-trú như nhau-diệt như nhau, đó là tất cả tâm sở pháp. Có pháp cùng với tâm khởi như nhau-trú như nhau-diệt như nhau, mà pháp ấy không phải là tương ưng với tâm, đó là sắc tùy tâm chuyển, tâm bất tương ưng hành. Trong này, Khởi thì gọi là Sinh, Trú thì gọi là Lão, Diệt thì gọi là Vô thường.

Hỏi: Các pháp cùng với tâm khởi như nhau-trú như nhau-diệt như nhau, pháp ấy cùng một sở duyên với tâm chăng?

Đáp: Nếu pháp cùng một sở duyên với tâm, thì pháp ấy cùng với tâm khởi như nhau-trú như nhau-diệt như nhau, đó là tất cả tâm sở pháp. Có pháp cùng với tâm khởi như nhau-trú như nhau-diệt như nhau, mà pháp ấy không phải là cùng một sở duyên với tâm, đó là sắc tùy tâm chuyển, tâm bất tương ưng hành.

Hỏi: Vì sao lại soạn ra phần luận này?

Đáp: Bởi vì cần phải ngăn chặn ý nói Sở duyên không phải là thật, cho đến nói rộng ra, cho nên soạn ra phần luận này.

Nghĩa về Tùy tâm chuyển có mười loại, đó là khởi như nhau, trú như nhau, diệt như nhau, quả như nhau, đẳng lưu như nhau, dị thục như nhau, thiện thì thiện, bất thiện thì bất thiện, vô ký thì vô ký, thuộc về trong một đời.

Quả như nhau, đó là quả Ly hệ. Đẳng lưu như nhau, đó là quả Đẳng lưu. Dị thục như nhau, đó là quả Dị thục. Thuộc về trong một đời, đó là cùng một đời thâu nhiếp. Đây là nói về tướng chung.

Nếu nói riêng biệt, thì trong Đạo đoạn kiết thuộc hữu lậu có tám nghĩa về Tùy chuyển, đó là khởi như nhau, trú như nhau, diệt như nhau, quả như nhau, đẳng lưu như nhau, dị thục như nhau, đều là thiện, thuộc về một đời.

Trong Đạo gia hạnh-giải thoát-thắng tiến thuộc hữu lậu, và các phẩm tâm thiện hữu lậu khác, có bảy nghĩa về Tùy chuyển, đó là khởi như nhau, trú như nhau, diệt như nhau, đẳng lưu như nhau, dị thục như nhau, đều là thiện, thuộc về một đời.

Trong Đạo đoạn kiết thuộc vô lậu cũng có bảy nghĩa về Tùy chuyển, đó là khởi như nhau, trú như nhau, diệt như nhau, quả như nhau, đẳng lưu như nhau, đều là thiện, thuộc về một đời.

Trong Đạo gia hạnh-giải thoát-thắng tiến thuộc vô lậu có sáu nghĩa về Tùy chuyển, đó là khởi như nhau, trú như nhau, diệt như nhau, đẳng lưu như nhau, đều là thiện, thuộc về một đời.

Phẩm tâm bất thiện có bảy nghĩa về Tùy chuyển, đó là khởi như nhau, trú như nhau, diệt như nhau, đẳng lưu như nhau, dị thục như nhau, đều là bất thiện, thuộc về một đời.

Phẩm tâm vô ký có sáu nghĩa về Tùy chuyển, đó là khởi như nhau, trú như nhau, diệt như nhau, đẳng lưu như nhau, đều là vô ký, thuộc về một đời.

Vả lại, tâm - tâm sở pháp lần lượt chuyển đổi hướng về nhau, do năm nhân duyên cho nên gọi là Tùy chuyển, đó là bởi vì sở y, bởi vì sở duyên, bởi vì hành tướng, bởi vì quả, bởi vì dị thục.

Tâm cùng với sắc tùy tâm chuyển, tâm bất tương ưng hành lần lượt chuyển đổi hướng về nhau, do hai nhân duyên cho nên gọi là Tùy chuyển, đó là bởi vì quả, bởi vì dị thục. Nghĩa về Tùy chuyển nói rộng ra như chương Tạp Uẩn.

Các pháp cùng khởi với tâm và không lìa tâm, pháp ấy cùng trú- cùng diệt với tâm và không lìa tâm chăng? Cho đến nói rộng ra.

Hỏi: Vì sao lại soạn ra phần luận này?

Đáp: Trong phẩm luận trước tuy giải thích về sát-na diệt của các tâm - tâm sở pháp…, nhưng chưa phân tích về các sắc…, nay muốn phân tích về điều ấy cho nên soạn ra phần luận này.

Lại bởi vì ngăn chặn những Sa-môn chấp trước bàn luận về ba sát-na, đó là có Sa-môn nói các sắc pháp trú trong ba sát-na, nói tâm- tâm sở trong một sát-na thì diệt. Họ lại có hai loại:

1. Luận Tạp Sinh.
2. Luận Thứ Đệ.

Phái luận Tạp Sinh đưa ra cách nói như vậy: "Dựa vào Nhãn căn thứ nhất sinh ra Nhãn thức thứ nhất, lúc ấy cùng sinh ra rồi thì Nhãn căn trú mà Nhãn thức diệt. Dựa vào Nhãn căn thứ hai sinh ra Nhãn thức thứ hai, lúc ấy cùng sinh ra rồi thì Nhãn căn trú mà Nhãn thức diệt. Dựa vào Nhãn căn thứ ba sinh ra Nhãn thức thứ ba, lúc ấy cùng sinh ra rồi thì Nhãn căn trú mà Nhãn thức diệt. Nên biết là cùng diệt với Nhãn thứ nhất."

Hỏi: Điều ấy có lỗi gì?

Đáp: Đó là Nhãn thức thứ nhất có sở y sinh ra, không có sở y diệt đi; Nhãn thức thứ hai cũng như vậy. Nhãn thức thứ ba có sở y sinh ra, tuy có sở y diệt mà là sở y khác. Đó gọi là lỗi của điều ấy, bởi vì Thức tùy theo sở y mà có sinh diệt.

Phái luận Thứ Đệ đưa ra cách nói như vậy: "Dựa vào Nhãn căn thứ

nhất sinh ra Nhãn thức thứ nhất, lúc ấy cùng sinh ra rồi thì Nhãn căn trú mà Nhãn thức diệt. Tiếp theo lại dựa vào đó sinh ra Nhãn thức thứ hai, Nhãn căn trú mà Nhãn thức diệt. Sau cùng lại dựa vào đó sinh ra Nhãn thức thứ ba, Thức này và Căn cùng lúc mà diệt."

Hỏi: Điều ấy có lỗi gì?

Đáp: Đó là Nhãn thức thứ nhất có sở y sinh ra, không có sở y diệt đi; Nhãn thức thứ hai không có sở y sinh ra, không có sở y diệt đi; Nhãn thức thứ ba không có sở y sinh ra, có sở y diệt đi. Đó gọi là lỗi của điều ấy, bởi vì Thức tùy theo sở y mà có sinh diệt.

Vả lại, hai Luận ấy có cùng sai lầm khác, đó là lúc ở loài người chết đi-sinh vào địa ngục, loài người chưa rời bỏ mà đã mang lấy địa ngục, như vậy thì nẻo tạp loạn và thân tạp loạn. Nẻo tạp loạn, đó là hữu tình ấy là nẻo địa ngục, cũng là nẻo người. Thân tạp loạn, đó là hữu tình ấy có thân địa ngục, cũng có thân người, thì trở thành sai lầm lớn. Dựa vào ý Luận ấy, nếu lúc tiến vào Định Vô tưởng-Diệt tận, thì Đại chủng của các căn cùng khởi với tâm và không lìa tâm; nhưng Định ấy thì lìa tâm mà trú, lìa tâm mà diệt. Vì ngăn chặn ý chấp ấy, cho nên soạn ra phần luận này.

Hỏi: Các pháp cùng khởi với tâm và không lìa tâm, pháp ấy cùng trú-cùng diệt với tâm và không lìa tâm chăng?

Đáp: Hữu tình ở cõi Dục-Sắc, không trú vào Định Vô tưởng-Diệt tận, thì Đại chủng của các căn cùng khởi với tâm và không lìa tâm, cùng trú-cùng diệt với tâm và không lìa tâm. Nếu trú trong Định Vô tưởng- Diệt tận thì lúc ấy sẽ lìa tâm.

Hỏi: Thế nào là lìa tâm?

Đáp: Lúc ấy lìa tâm mà khởi, lìa tâm mà trú, lìa tâm mà diệt, bởi vì tâm - tâm sở đoạn dứt sự nối tiếp nhau của nó.

Như nói: Không tu Nhãn căn cho đến Ý căn. Thế nào là không tu Nhãn căn? Cho đến nói rộng ra. Tu có bốn loại, đó là tu đạt được, tu luyện tập, tu đối trị, tu loại bỏ. Phân tích đầy đủ như chương Trí Uẩn. Nay dựa vào hai loại tu sau cùng mà soạn luận.

Hỏi: Các căn như Nhãn…, thế nào là không tu, lại thế nào là tu?

Đáp: Cho đến đạo đối trị các căn như Nhãn…, chưa sinh ra thì gọi là không tu căn; đây là dựa vào tu đối trị mà nói. Vả lại, cho đến tất cả phiền não duyên với Nhãn…, chưa đoạn-chưa biết thì gọi là không tu căn; đây là dựa vào tu loại bỏ mà nói. Nếu đạo đối trị các căn như Nhãn đã sinh ra thì gọi là tu căn; đây là dựa vào tu đối trị mà nói. Vả lại, tất cả phiền não duyên với Nhãn…, đã đoạn-đã biết thì gọi là tu căn; đây là dựa vào tu loại bỏ mà

nói. Đây gọi là Tỳ-bà-sa tóm lược ở nơi này.

Hỏi: Thế nào là không tu Nhãn căn cho đến Thân căn?

Đáp: Nếu đối với Nhãn căn chưa lìa tham, chưa lìa dục-tưới thấm- ưa thích-khao khát. Lại còn đạo vô gián có thể trừ hết tham cõi Sắc, lúc ấy đối với đạo này chưa tu-chưa an. Như không tu Nhãn căn, không tu Nhĩ-Tỷ-Thiệt-Thân căn cũng như vậy.

Nếu đối với Nhãn căn chưa lìa tham, đó là đối với Nhãn chưa lìa ái; chưa lìa dục, đó là đối với ái dục chưa đoạn-chưa biết; chưa lìa tưới thấm, đó là đối với ái tưới thấm chưa đoạn-chưa biết; chưa lìa ưa thích, đó là đối với ái ưa thích chưa đoạn-chưa biết; chưa lìa khao khát, đó là đối với ái khao khát chưa đoạn-chưa biết. Lại còn đạo vô gián có thể trừ hết tham cõi Sắc, nghĩa là đạo vô gián có thể trừ hết ái của cõi Sắc; lúc ấy đối với đạo này chưa tu-chưa an, nghĩa là chưa tu tập và chưa an nghỉ. Tu đó là tu luyện tập, an đó là tu đạt được. Lại nữa, Khởi gọi là Tu, Diệt gọi là An. Lại nữa, đã Sinh ra gọi là Tu, đã Diệt đi gọi là An.

Nên biết trong này, nếu đối với Nhãn căn chưa lìa tham…, là dựa vào tu đối trị mà nói, hoặc là dựa vào tu loại bỏ mà nói. Lại còn đạo vô gián có thể trừ hết tham cõi Sắc…, là dựa vào tu loại bỏ mà nói, hoặc là dựa vào tu đối trị mà nói.

Có người nói: Nếu đối với Nhãn căn chưa lìa tham…, nghĩa là ái duyên với Nhãn căn chưa đoạn-chưa biết. Lại còn đạo vô gián có thể trừ hết tham cõi Sắc…, nghĩa là những phiền não khác duyên với Nhãn căn chưa đoạn-chưa biết.

Có người nói: Nếu đối với Nhãn căn chưa lìa tham…, nghĩa là chưa đoạn được ràng buộc. Lại còn đạo vô gián có thể trừ hết tham cõi Sắc…, nghĩa là chưa chứng được lìa ràng buộc.

Như chưa đoạn được ràng buộc-chưa chứng được lìa ràng buộc, như vậy chưa giảm bớt sai lầm-chưa tu tập công đức, chưa từ bỏ thấp kém-chưa chứng được cao đẹp, chưa rời bỏ vô nghĩa-chưa đạt được có nghĩa, chưa loại trừ nỗi khổ nóng bức của có ái-chưa tiếp nhận niềm vui thư thái không có ái, nên biết cũng như vậy.

Có người nói: Nếu đối với Nhãn căn chưa lìa tham…, nghĩa là đạo vô gián chưa khởi lên tác dụng. Lại còn đạo vô gián có thể trừ hết tham cõi Sắc…, nghĩa là đạo giải thoát chưa khởi lên tác dụng.

Có người nói: Nếu đối với Nhãn căn chưa lìa tham…, nghĩa là chưa có thể lìa nhiễm của cõi Dục, cho đến lìa nhiễm của Tĩnh lự thứ ba. Lại còn đạo vô gián có thể trừ hết tham cõi Sắc…, nghĩa là chưa có thể lìa nhiễm

của Tĩnh lự thứ tư.

Như không tu Nhãn căn, không tu bốn căn còn lại cũng như vậy. Hỏi: Thế nào là không tu Ý căn?

Đáp: Nếu đối với Ý căn, chưa lìa tham, chưa lìa dục-tưới thấm-ưa thích-khao khát. Lại còn đạo vô gián có thể trừ hết tham cõi Vô sắc, lúc ấy đối với đạo này chưa tu-chưa an.

Nếu đối với Ý căn chưa lìa tham, đó là đối với Ý chưa lìa ái; những câu còn lại nói như trước. Lại còn đạo vô gián có thể trừ hết tham cõi Vô sắc, đó là đạo vô gián có thể trừ hết ái của cõi Vô sắc; chưa tu- chưa an nói như trước.

Nên biết trong này, nếu đối với Ý căn chưa lìa tham…, là dựa vào tu đối trị mà nói, hoặc là dựa vào tu loại bỏ mà nói. Lại còn đạo vô gián có thể trừ hết tham cõi Vô sắc…, là dựa vào tu loại bỏ mà nói, hoặc là dựa vào tu đối trị mà nói.

Tiếp theo có bốn người nói như trước nên biết. Thứ năm có người nói: Nếu đối với Ý căn chưa lìa tham…, nghĩa là chưa có thể lìa nhiễm của cõi Dục cho đến Vô sở hữu xứ. Lại còn đạo vô gián có thể trừ hết tham cõi Vô sắc…, nghĩa là chưa có thể lìa nhiễm của Phi tưởng phi phi tưởng xứ.

Như nói: Tu Nhãn căn cho đến Ý căn.

Hỏi: Thế nào là tu Nhãn căn cho đến Thân căn?

Đáp: Nếu đối với Nhãn căn đã lìa tham, đã lìa dục-tưới thấm-ưa thích-khao khát. Lại còn đạo vô gián có thể trừ hết tham cõi Sắc, lúc ấy đối với đạo này đã tu-đã an. Như tu Nhãn căn, tu Nhĩ-Tỷ-Thiệt-Thân căn cũng như vậy.

Hỏi: Thế nào là tu Ý căn?

Đáp: Nếu đối với Ý căn đã lìa tham, đã lìa dục-tưới thấm-ưa thích-khao khát. Lại còn đạo vô gián có thể trừ hết tham cõi Vô sắc, lúc ấy đối với đạo này đã tu-đã an. Những câu văn này nên nói rộng ra ngược lại với phần không tu trước đây.

Những người không thành tựu căn Học mà đạt được căn Học, cho đến nói rộng ra.

Hỏi: Vì sao soạn ra phần luận này?

Đáp: Người ngu muội đối với lui sụt chấp rằng lui sụt không phải là có. Vì ngăn chặn ý chấp ấy để hiển bày lui sụt là có thật, cho nên soạn ra phần luận này.

Hỏi: Những người không thành tựu căn Học mà đạt được căn Học,

lúc ấy tất cả tiến vào Chánh tánh ly sinh chăng?

Đáp: Nếu tiến vào Chánh tánh ly sinh, thì lúc ấy tất cả không thành tựu căn Học mà đạt được căn Học. Có lúc không thành tựu căn Học mà đạt được căn Học, lúc ấy không phải là tiến vào Chánh tánh ly sinh, đó là lúc lui sụt quả A-la-hán, các căn Học ấy trước đây rời bỏ bây giờ đạt được.

Hỏi: Những người không thành tựu căn Học mà đạt được căn Học, lúc ấy tất cả là Đẳng vô gián của Thế đệ nhất pháp chăng?

Đáp: Nếu là Đẳng vô gián của Thế đệ nhất pháp, thì lúc ấy tất cả không thành tựu căn Học mà đạt được căn Học. Có lúc không thành tựu căn Học mà đạt được căn Học, lúc ấy không phải là Đẳng vô gián của Thế đệ nhất pháp, đó là lúc lui sụt quả A-la-hán, các căn Học ấy trước đây rời bỏ bây giờ đạt được.

Hỏi: Vì sao lại soạn ra phần luận này?

Đáp: Trước tuy biểu hiện rõ ràng về tự Thể tiến vào Chánh tánh ly sinh, mà chưa biểu hiện rõ ràng về Đẳng vô gián duyên tiến vào Chánh tánh ly sinh, nay muốn hiển bày điều ấy cho nên soạn ra phần luận này.

Hỏi: Những người rời bỏ căn Vô lậu mà đạt được căn Vô lậu, lúc ấy tất cả đều từ quả đến quả chăng?

Đáp: Nếu từ quả đến quả, thì lúc ấy tất cả đều rời bỏ căn Vô lậu mà đạt được căn Vô lậu, đó là lúc người Dự lưu chứng quả Nhất lai, rời bỏ các căn Vô lậu thuộc về quả Dự lưu và đạo của quả thù thắng, đạt được các căn Vô lậu thuộc về quả Nhất lai. Từ quả đến quả, là từ quả Dự lưu đến quả Nhất lai.

Lúc người Nhất lai chứng quả Bất hoàn, lúc người Bất hoàn chứng quả A-la-hán, nên biết cũng như vậy. Như lúc chứng quả, lúc lui sụt quả cũng như vậy.

Có lúc rời bỏ căn Vô lậu mà đạt được căn Vô lậu, lúc ấy không phải là từ quả đến quả, đó là lúc Đạo loại trí Hiện quán biên dấy khởi, hoặc là lúc A-la-hán Thời giải thoát luyện căn làm Bất động.

Hỏi: Lúc Đạo loại trí dấy khởi thì có thể như vậy, lúc A-la-hán Thời giải thoát luyện căn làm Bất động thì làm sao có thể như vậy?

Đáp: Văn này chỉ cần nói lúc Đạo loại trí Hiện quán biên dấy khởi, không cần nói đến loại khác, mà nói đến loại khác là muốn hiển bày trong này chỉ nói từ quả dị thục đến quả dị thục. Lúc A-la-hán Thời giải thoát luyện căn làm Bất động, chủng loại về tánh tuy khác biệt mà chủng loại về quả không khác nhau, cho nên không gọi là từ quả đến quả.

Hỏi: Những người rời bỏ căn Vô lậu-đạt được căn Vô lậu, lúc ấy tất cả căn Vô lậu diệt đi-căn Vô lậu khởi lên chăng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu phân biệt:

1. Có lúc rời bỏ căn Vô lậu-đạt được căn Vô lậu, mà lúc ấy không phải là căn Vô lậu diệt đi-căn Vô lậu khởi lên, đó là lúc lui sụt quả A- la-hán, Bất hoàn, Nhất lai, và lúc dùng đạo thế tục đạt được quả Nhất lai-Bất hoàn, bởi vì lúc bấy giờ căn Vô lậu không hiện rõ trước mắt.

2. Có lúc căn Vô lậu diệt đi-căn Vô lậu khởi lên, mà lúc ấy không phải là rời bỏ căn Vô lậu-đạt được căn Vô lậu, đó là đã đạt được căn Vô lậu hiện rõ trước mắt.

Diệt đi và khởi lên, tức là các căn Vô lậu của tất cả Quả-Hướng đã đạt được trước đây, nối tiếp nhau khởi lên và diệt đi. Lúc ấy không phải là đạt được, bởi vì khởi lên Đạo đã từng đạt được hiện rõ ở trước mắt; cũng không phải là rời bỏ, bởi vì Thánh đạo chỉ rời bỏ trong ba lúc, mà lúc ấy không phải là lúc này:

a. Lúc lui sụt.

b. Lúc đạt được quả.

c. Lúc luyện căn.

3. Có lúc rời bỏ căn Vô lậu-đạt được căn Vô lậu, mà lúc ấy cũng là căn Vô lậu diệt đi-căn Vô lậu khởi lên, đó là lúc Đạo loại trí Hiện quán biên dấy khởi, và lúc dùng đạo vô lậu đạt được quả Nhất lai-Bất hoàn, lúc đạt được quả A-la-hán, lúc A-la-hán Thời giải thoát luyện căn làm Bất động.

Lúc Đạo loại trí Hiện quán biên dấy khởi, rời bỏ căn Vô lậu, đó là do Kiến đạo thâu nhiếp; đạt được căn Vô lậu, đó là do Tu đạo thâu nhiếp; căn Vô lậu diệt đi, đó là phẩm câu sinh của Đạo loại nhẫn; căn Vô lậu khởi lên, đó là phẩm câu sinh của Đạo loại trí.

Lúc dùng đạo vô lậu đạt được quả Nhất lai, rời bỏ căn Vô lậu, đó là thuộc về quả Dự lưu và đạo của quả thù thắng; đạt được căn Vô lậu, đó là thuộc về quả Nhất lai; căn Vô lậu diệt đi, đó là thuộc về đạo vô gián thứ sáu; căn Vô lậu khởi lên, đó là thuộc về đạo giải thoát thứ sáu. Dùng đạo vô lậu đạt được quả Bất hoàn, tùy theo thích hợp cũng như vậy.

Lúc đạt được quả A-la-hán, rời bỏ căn Vô lậu, đó là thuộc về quả Bất hoàn và đạo của quả thù thắng; đạt được căn Vô lậu, đó là thuộc về quả A-la-hán; căn Vô lậu diệt đi, đó là phẩm câu sinh của Định Kim cang dụ; căn Vô lậu khởi lên, đó là phẩm câu sinh của Tận trí lúc đầu. Lúc A-la-hán Thời

giải thoát luyện căn làm Bất động, rời bỏ căn

Vô lậu, đó là thuộc về đạo của Thời giải thoát; đạt được căn Vô lậu, đó là thuộc về đạo của Bất thời giải thoát; căn Vô lậu diệt đi, đó là thuộc về đạo vô gián thứ chín; căn Vô lậu khởi lên, đó là thuộc về đạo giải thoát thứ chín. Những phần vị luyện căn còn lại, lược bớt cho nên không nói đến.

4. Có lúc không phải là rời bỏ căn Vô lậu-đạt được căn Vô lậu, mà lúc ấy cũng không phải là căn Vô lậu diệt đi-căn Vô lậu khởi lên, đó là trừ ra những tướng trước.

Trong này, thanh Tướng là dựa vào tên gọi mà chuyển đổi, tức là những pháp mà ba câu trước không thâu nhiếp, làm thành câu thứ tư. Điều này lại là thế nào? Đó là phần vị các dị sinh, cho đến phần vị Nhẫn tăng thượng, đối với căn Vô lậu không phải là rời bỏ, không phải là đạt được, không phải là diệt đi, không phải là khởi lên. Lúc trú trong Thế đệ nhất pháp, đối với căn Vô lậu không phải là rời bỏ mà đạt được, không phải là diệt đi mà khởi lên.

Nếu các Thánh giả lúc trú trong Khổ pháp trí nhẫn, cho đến lúc Đạo pháp trí, đối với căn Vô lậu không phải là rời bỏ mà đạt được, cũng diệt đi-cũng khởi lên. Lúc trú trong Đạo loại trí nhẫn, đối với căn Vô lậu cũng rời bỏ-cũng đạt được, cũng diệt đi-cũng khởi lên.

Lúc từ quả Dự lưu chứng quả Nhất lai, người dùng đạo thế tục, nếu đạo vô lậu làm gia hạnh, thì lúc trú trong đạo gia hạnh, đối với căn Vô lậu không phải là rời bỏ mà đạt được, diệt đi mà không phải là khởi lên. Nếu đạo thế tục làm gia hạnh, thì lúc trú trong đạo gia hạnh-năm đạo vô gián-năm đạo giải thoát, đối với căn Vô lậu không phải là rời bỏ mà đạt được, không phải là diệt đi mà khởi lên. Lúc trú trong đạo vô gián thứ sáu, đối với căn Vô lậu cũng rời bỏ-cũng đạt được, không phải là diệt đi-không phải là khởi lên. Người dùng đạo vô lậu, nếu đạo thế tục làm gia hạnh, thì lúc trú trong đạo gia hạnh, đối với căn Vô lậu không phải là rời bỏ mà đạt được, không phải là diệt đi mà khởi lên.

Nếu đạo vô lậu làm gia hạnh, thì lúc trú trong đạo gia hạnh-năm đạo vô gián-năm đạo giải thoát, không phải là rời bỏ mà đạt được, cũng diệt đi-cũng khởi lên. Lúc trú trong đạo vô gián thứ sáu, đối với căn Vô lậu cũng rời bỏ-cũng đạt được, cũng diệt đi-cũng khởi lên.

Từ quả Nhất lai chứng quả Bất hoàn, tùy theo thích hợp cũng như vậy.

Từ quả Bất hoàn chứng quả A-la-hán, lúc lìa nhiễm của Tĩnh lự thứ nhất, người dùng đạo thế tục, nếu đạo vô lậu làm gia hạnh, thì lúc trú trong

đạo gia hạnh, đối với căn Vô lậu không phải là rời bỏ mà đạt được, không phải là diệt đi mà khởi lên. Nếu đạo thế tục làm gia hạnh, thì lúc trú trong đạo gia hạnh-chín đạo vô gián-chín đạo giải thoát, đối với căn Vô lậu không phải là rời bỏ mà đạt được, không phải là diệt đi- không phải là khởi lên. Người dùng đạo vô lậu, nếu đạo thế tục làm gia hạnh, thì lúc trú trong đạo gia hạnh, đối với căn Vô lậu không phải là rời bỏ mà đạt được, không phải là diệt đi mà khởi lên. Nếu đạo vô lậu làm gia hạnh, thì lúc trú trong đạo gia hạnh-chín đạo vô gián-chín đạo giải thoát, đối với căn Vô lậu không phải là rời bỏ mà đạt được, cũng diệt đi-cũng khởi lên.

Như lìa nhiễm của Tĩnh lự thứ nhất, cho đến lìa nhiễm của Vô sở hữu xứ cũng như vậy.

Lúc lìa nhiễm của Phi tưởng phi phi tưởng xứ, nếu đạo thế tục làm gia hạnh, thì lúc trú trong đạo gia hạnh, đối với căn Vô lậu không phải là rời bỏ mà đạt được, không phải là diệt đi mà khởi lên. Nếu đạo vô lậu làm gia hạnh, thì lúc trú trong đạo gia hạnh-tám đạo vô gián-tám đạo giải thoát, đối với căn Vô lậu không phải là rời bỏ mà đạt được, cũng diệt đi-cũng khởi lên. Lúc trú trong đạo vô gián thứ chín, đối với căn Vô lậu cũng rời bỏ-cũng đạt được, cũng diệt đi-cũng khởi lên.

Lúc Tín thắng giải luyện căn làm Kiến chí, nếu đạo thế tục làm gia hạnh, thì lúc trú trong đạo gia hạnh, đối với căn Vô lậu không phải là rời bỏ mà đạt được, không phải là diệt đi mà khởi lên. Nếu đạo vô lậu làm gia hạnh, thì lúc trú trong đạo gia hạnh, đối với căn Vô lậu không phải là rời bỏ mà đạt được, cũng diệt đi-cũng khởi lên. Lúc trú trong đạo vô gián, đối với căn Vô lậu cũng rời bỏ-cũng đạt được, cũng diệt đi-cũng khởi lên.

Lúc A-la-hán Thời giải thoát luyện căn làm Bất động, nói như lìa nhiễm của Phi tưởng phi phi tưởng xứ.

Tu xen lẫn về Tĩnh lự, trong sát-na thứ nhất thì đối với căn Vô lậu không phải là rời bỏ mà đạt được, diệt đi mà không phải là khởi lên; trong sát-na thứ hai thì đối với căn Vô lậu không phải là rời bỏ mà đạt được, không phải là diệt đi mà khởi lên; trong sát-na thứ ba thì nói như sát-na thứ nhất.

Nếu lúc dẫn dắt phát khởi năm thông-năm đạo vô gián-ba đạo giải thoát; hoặc là lúc khởi lên Vô lượng, Giải thoát thế tục, Thắng xứ, Biến xứ, Bất tịnh quán, Trì tức niệm, Niệm trú thế tục, Vô ngại giải thế tục, Nguyện trí Vô tranh, Định biên tế, Không Không, Vô nguyện Vô nguyện, Vô tướng Vô tướng, tiến vào Định Diệt tận-Tưởng-Vi tế…, thì đối với căn Vô lậu không phải là rời bỏ mà đạt được, không phải là diệt đi-không phải là khởi

lên.

Nếu lúc khởi lên Tha tâm thông vô lậu; hoặc là lúc khởi lên Niệm trú vô lậu, Giải thoát vô lậu, Vô ngại giải vô lậu…, thì đối với căn Vô lậu không phải là rời bỏ mà đạt được, cũng diệt đi-cũng khởi lên.

Nếu lúc khởi lên tâm Vi vi; hoặc là lúc khởi lên Văn-Tư tuệ…, thì đối với căn Vô lậu không phải là rời bỏ-không phải là đạt được, không phải là diệt đi-không phải là khởi lên.

Ở trong những phần vị sai biệt như vậy, tùy theo sự thích hợp làm thành câu thứ tư, vì vậy cho nên nói tóm lược là trừ ra những tướng trước.

Những Vị tri đương tri căn…, cho đến nói rộng ra. Hỏi: Vì sao soạn ra phần luận này?

Đáp: Bởi vì làm cho người nghi ngờ có được quyết định.

Hỏi: Như trong luận Phẩm Loại Túc nói: "Thế nào là Vị tri đương tri căn?

Đáp: Chưa hẳn đã Kiến đế, chưa hẳn đã Hiện quán, là các Tuệ về Học thuộc Tuệ căn. Nếu các căn Tùy tín-Tùy pháp hành, có thể Hiện quán đối với bốn Thánh đế chưa Hiện quán, thì gọi là Vị tri đương tri căn." Văn ấy chỉ nói đến hiện tại hòa hợp, có tác dụng có thể gánh vác, Vị tri đương tri căn, không phải là quá khứ-vị lai. Đừng có sinh lòng nghi ngờ, chỉ có hiện tại hòa hợp, có tác dụng có thể gánh vác, là Vị tri đương tri căn, chứ không phải là quá khứ-vị lai. Bởi vì làm cho mối nghi ấy được quyết định, hiển bày ở ba đời đều là căn này, cho nên soạn ra phần luận này.

Hỏi: Những Vị tri đương tri căn, lúc ấy tất cả có thể Hiện quán đối với bốn Thánh đế chưa hiện quán chăng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu phân biệt:

1. Có lúc Vị tri đương tri căn, mà lúc ấy không phải là có thể Hiện quán đối với bốn Thánh đế chưa Hiện quán, đó là Vị tri đương tri căn, ở quá khứ hoặc là vị lai. Bởi vì lúc ấy có tướng của Vị tri đương tri căn, cho nên cũng gọi là Vị tri đương tri căn. Nhưng không phải là có thể Hiện quán đối với bốn Thánh đế chưa Hiện quán, bởi vì tác dụng của quá khứ đã ngừng, tác dụng của vị lai chưa khởi lên.

2. Có lúc có thể Hiện quán đối với bốn Thánh đế chưa Hiện quán, mà lúc ấy không phải là Vị tri đương tri căn, đó là các pháp không phải là căn có thể Hiện quán đối với bốn Thánh đế chưa Hiện quán. Điều này lại là thế nào? Đó là Tưởng-Tư-Xúc-Tác ý, Dục-Thắng giải- Tàm-Quý, không có Tham-không có Sân-Khinh an, Xả-không phóng dật-không hại, Tầm-Tứ-Sắc tùy tâm chuyển, tâm bất tương ưng hành. Những pháp như

vậy đối với bốn Thánh đế chưa Hiện quán, tuy có thể Hiện quán mà không phải là Vị tri đương tri căn, bởi vì gồm có chín căn làm thành căn này.

3. Có lúc Vị tri đương tri căn, mà lúc ấy cũng có thể Hiện quán đối với bốn Thánh đế chưa Hiện quán, đó là Vị tri đương tri căn có thể Hiện quán đối với bốn Thánh đế chưa Hiện quán, tức là Vị tri đương tri căn hiện tại hòa hợp có tác dụng có thể gánh vác.

4. Có lúc không phải là Vị tri đương tri căn, mà lúc ấy cũng không phải là có thể Hiện quán đối với bốn Thánh đế chưa Hiện quán, đó là trừ ra những tướng trước. Tức là những pháp mà ba câu trước không thâu nhiếp, làm thành câu thứ tư. Điều này lại là thế nào? Đó là trừ ra tự tánh của Vị tri đương tri căn thuộc ba đời, và pháp không phải là căn cùng có tương ưng với căn này thuộc hiện tại, còn lại các pháp không phải là căn cùng có tương ưng với căn này thuộc quá khứ-vị lai, và phẩm câu sinh của Dĩ tri căn-Cụ tri căn, tất cả tâm - tâm sở pháp hữu lậu, sắc-tâm bất tương ưng hành khác và vô vi, đều là câu thứ tư, cho nên nói là trừ ra những tướng trước.

Như Vị tri đương tri căn, Dĩ tri căn-Cụ tri căn tùy theo sự thích hợp, nói rộng ra cũng như vậy.

Tận trí nên nói là Tận trí cho đến Đạo trí chăng? Cho đến nói rộng ra.

Hỏi: Vì sao trong này phân biệt về ba Trí?

Đáp: Bởi vì là ý của Luận Sư trong phần luận này muốn như vậy, cho đến nói rộng ra.

Trả lời: Tận trí nên nói là Tận trí, đó là tự biết rõ ràng mình đã biết khắp về Khổ, mình đã vĩnh viễn đoạn về Tập, mình đã chứng về Diệt, mình đã tu về Đạo; hoặc là Pháp trí, đó là tự biết rõ ràng mình đã biết khắp về Khổ hệ thuộc cõi Dục, mình đã vĩnh viễn đoạn về Tập hệ thuộc cõi Dục, mình đã chứng về Diệt các hành hệ thuộc cõi Dục, mình đã tu về Đạo đoạn các hành hệ thuộc cõi Dục; hoặc là Loại trí, đó là tự biết rõ ràng mình đã biết khắp về Khổ hệ thuộc cõi Sắc-Vô sắc, mình đã vĩnh viễn đoạn về Tập hệ thuộc cõi Sắc-Vô sắc, mình đã chứng về Diệt các hành hệ thuộc cõi Sắc-Vô sắc, mình đã tu về Đạo đoạn các hành hệ thuộc cõi Sắc-Vô sắc; hoặc là Khổ trí, đó là tự biết rõ ràng mình đã biết khắp về Khổ hệ thuộc ba cõi; hoặc là Tập trí, đó là biết rõ ràng mình đã vĩnh viễn đoạn về Tập hệ thuộc ba cõi; hoặc là Diệt trí, đó là tự biết rõ ràng mình đã chứng về Diệt các hành hệ thuộc ba cõi; hoặc là Đạo trí, đó là tự biết rõ ràng mình đã tu về Đạo đoạn các hành hệ thuộc ba cõi.

Hỏi: Vì sao Tận trí không phải là Tha tâm trí?

Đáp: Bởi vì Tận trí không phải là tự tánh thuộc về Kiến, Tha tâm trí là tự tánh thuộc về Kiến.

Hỏi: Vì sao không phải là Thế tục trí?

Đáp: Bởi vì Tận trí là vô lậu, Thế tục trí là hữu lậu. Đã hiển bày về tự tánh, nên hiển bày về địa.

Tận trí, hoặc là có Tầm-có Tứ, đó là dựa vào Vị chí-Tĩnh lự thứ nhất; hoặc là không có Tầm-chỉ có Tứ, đó là dựa vào Tĩnh lự trung gian; hoặc là không có Tầm-không có Tứ, đó là dựa vào ba Tĩnh lự trên và ba Vô sắc dưới.

Đã hiển bày về địa, nên hiển bày về tương ưng.

Tận trí, hoặc là tương ưng với Lạc căn, đó là dựa vào Tĩnh lự thứ ba; hoặc là tương ưng với Hỷ căn, đó là dựa vào hai Tĩnh lự đầu; hoặc là tương ưng với Xả căn, đó là dựa vào Vị chí-Tĩnh lự trung gian-Tĩnh lự thứ tư và ba Vô sắc dưới.

Đã hiển bày về tương ưng, nên hiển bày về hành tướng.

Tận trí, hoặc là tương ưng với Vô nguyện, đó là mười hành tướng; hoặc là tương ưng với Vô tướng, đó là bốn hành tướng.

Hỏi: Vì sao Tận trí không phải là tương ưng với Không?

Đáp: Bởi vì Không là thắng nghĩa trải qua thắng nghĩa, Tận trí là thắng nghĩa trải qua thế tục. Như nói: Biết rõ ràng đời sống của mình đã hết. Bởi vì trải qua sự hiểu biết của mình, cho nên không phải là tương ưng với Không.

Đã hiển bày về hành tướng, nên hiển bày về sở duyên.

Tận trí, hoặc là duyên với hệ thuộc cõi Dục, hoặc là duyên với hệ thuộc cõi Sắc-Vô sắc. Ở đây nói là duyên với Khổ-Tập, hoặc là duyên với không hệ thuộc; ở đây nói là duyên với Diệt-Đạo.

Như Tận trí, Vô sinh trí cũng như vậy. Nhưng có sai biệt, đó là Vô sinh trí nên nói là Vô sinh trí, đó là tự biết rõ ràng mình không trở lại biết khắp về Khổ, không trở lại vĩnh viễn đoạn về Tập, không trở lại chứng về Diệt, không trở lại tu về Đạo.

Chánh kiến Vô học nên nói là Chánh kiến Vô học, đó là dùng bốn hành tướng để biết về năm Thủ uẩn, dùng bốn hành tướng để biết về nhân của năm Thủ uẩn, dùng bốn hành tướng để biết về diệt năm Thủ uẩn, dùng bốn hành tướng để biết về đạo đoạn năm Thủ uẩn; hoặc là Pháp trí, đó là biết về bốn Đế của cõi Dục; hoặc là Loại trí, đó là biết về bốn Đế của cõi

Sắc-Vô sắc; hoặc là Tha tâm trí, đó là biết về tâm - tâm sở pháp vô lậu khác; hoặc là Khổ-Tập-Diệt-Đạo trí, đó là biết riêng biệt về bốn Đế của ba cõi.

Hỏi: Vì sao Chánh kiến Vô học không phải là Thế tục trí?

Đáp: Bởi vì Chánh kiến Vô học là vô lậu, Thế tục trí là hữu lậu.

Đã hiển bày về tự tánh, bốn phần như địa… nói như trước. Sai biệt là Chánh kiến Vô học cũng tương ưng với Không, cũng làm hành tướng Không-Vô ngã mà chuyển.

Các Tận trí lúc đầu, cho đến nói rộng ra. Hỏi: Vì sao soạn ra phần luận này?

Đáp: Trước đây trình bày về ba Trí, chưa phân tích về Đẳng vô gián duyên và Sở duyên sai biệt, nay muốn phân tích về điều ấy, cho nên soạn ra phần luận này.

Hỏi: Các Tận trí lúc đầu, lúc ấy tất cả là Đẳng vô gián thuộc đạo vô gián chăng?

Đáp: Đúng như vậy, bởi vì Tận trí lúc đầu chắc chắn khởi lên từ Đẳng vô gián thuộc Định Kim cang dụ.

Hỏi: Giả sử Đẳng vô gián thuộc đạo vô gián, thì lúc ấy tất cả là Tận trí chăng?

Đáp: Đúng như vậy, bởi vì Đẳng vô gián thuộc Định Kim cang dụ chắc chắn khởi lên Tận trí.

Hỏi: Các Vô sinh trí lúc đầu, lúc ấy tất cả là Đẳng vô gián thuộc Tận trí chăng?

Đáp: Đúng như vậy, bởi vì Vô sinh trí lúc đầu chắc chắn khởi lên từ Đẳng vô gián thuộc Tận trí.

Hỏi: Giả sử Đẳng vô gián thuộc Tận trí, thì lúc ấy tất cả là Vô sinh trí chăng?

Đáp: Hoặc là Tận trí, đó là Thời giải thoát; hoặc là Vô sinh trí, đó là Bất thời giải thoát; hoặc là Chánh kiến Vô học, đó là Thời giải thoát.

Hỏi: Các duyên ấy khởi lên đạo vô gián, thì duyên ấy khởi lên Tận trí lúc đầu chăng?

Đáp: Nếu duyên ấy sinh ra khởi lên đạo vô gián, thì duyên ấy khởi lên Tận trí lúc đầu. Nếu không phải là duyên ấy sinh ra khởi lên đạo vô gián, thì không phải là duyên ấy khởi lên Tận trí lúc đầu, nghĩa là Định Kim cang dụ tương ưng với sáu Trí, tức là Diệt-Đạo pháp trí và bốn Loại trí; Tận trí lúc đầu do hai Trí thâu nhiếp, đó là Khổ-Tập loại trí. Nếu Định Kim

cang dụ tương ưng với Khổ-Tập loại trí, thì chung cảnh sở duyên với Tận trí lúc đầu, bởi vì cùng duyên với bốn Uẩn của Phi tưởng phi phi tưởng xứ mà sinh ra; bốn Uẩn ấy gọi là Sinh, bởi vì thuộc về sinh tử. Nếu Định Kim cang dụ tương ưng với Diệt-Đạo Pháp- Loại trí, thì khác cảnh sở duyên với Tận trí lúc đầu, bởi vì pháp kia duyên với Diệt-Đạo của ba cõi, pháp này duyên với Khổ-Tập của cõi Hữu Đảnh.

Hỏi: Các duyên ấy khởi lên Tận trí, thì duyên ấy khởi lên Vô sinh trí chăng?

Đáp: Đúng như vậy.

Hỏi: Giả sử duyên ấy khởi lên Vô sinh trí, thì duyên ấy khởi lên Tận trí chăng? Đáp: Đúng như vậy, bởi vì hai Trí này cùng lấy mười bốn hành tướng để duyên với bốn Đế.

□

LUẬN A TỲ ĐẠT MA ĐẠI TỲ BÀ SA

QUYỂN 156

LUẬN VỀ NHẤT TÂM (Phần 2)

Hỏi: Các pháp tương ưng với Chánh kiến Vô học, thì pháp ấy tương ưng với Chánh tư duy Vô học chăng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu phân biệt. Trong này, Chánh kiến Vô học ở tất cả các địa có thể đạt được, chứ không phải là tất cả các tâm vô lậu; Chánh tư duy Vô học thì tất cả các tâm vô lậu có thể đạt được, chứ không phải là tất cả các địa. Vì vậy có thể làm thành bốn câu phân biệt lớn:

1. Có pháp tương ưng với Chánh kiến Vô học, chứ không phải là Chánh tư duy Vô học, đó là Chánh kiến Vô học tương ưng với Chánh tư duy, và Chánh tư duy Vô học không tương ưng với pháp tương ưng của Chánh kiến Vô học. Chánh kiến Vô học tương ưng với Chánh tư duy, đó là Chánh tư duy trong tụ Chánh kiến Vô học, pháp này chỉ tương ưng với Chánh kiến Vô học, chứ không phải là Chánh tư duy Vô học, bởi vì tự Thể cùng với tự Thể, do ba nhân duyên cho nên không tương ưng:

Bởi vì không có hai tự tánh cùng lúc khởi lên.

Bởi vì sát-na trước sau không đi song song.

Bởi vì các pháp không nhìn tự Thể mà làm duyên cho pháp khác. Và Chánh tư duy Vô học không tương ưng với pháp tương ưng của Chánh kiến Vô học, đó là Tĩnh lự trung gian, ba Tĩnh lự dưới, ba Vô sắc dưới, là pháp tương ưng với Chánh kiến Vô học. Những pháp này không phải là tương ưng với Chánh tư duy Vô học, bởi vì ở địa ấy không có Chánh tư duy.

2. Có pháp tương ưng với Chánh tư duy Vô học, chứ không phải là Chánh kiến Vô học, đó là Chánh tư duy Vô học tương ưng với Chánh kiến, và Chánh kiến Vô học không tương ưng với pháp tương ưng của Chánh tư duy Vô học. Chánh tư duy Vô học tương ưng với Chánh kiến, đó là Chánh kiến trong tụ Chánh tư duy Vô học, pháp này chỉ tương ưng với Chánh tư duy Vô học, chứ không phải là Chánh kiến Vô học, bởi vì tự Thể cùng với tự Thể, do ba nhân duyên cho nên không tương ưng. Và Chánh kiến Vô học không tương ưng với pháp tương ưng của Chánh tư

duy Vô học, đó là Vị chí-Tĩnh lự thứ nhất, pháp tương ưng với Chánh tư duy trong tụ Tận trí-Vô sinh trí. Những pháp này không phải là tương ưng với Chánh kiến Vô học, bởi vì trong tụ ấy không có Chánh kiến.

3. Có pháp tương ưng với Chánh kiến-Chánh tư duy Vô học, đó là trừ ra Chánh tư duy tương ưng với Chánh kiến Vô học, và trừ ra Chánh kiến tương ưng với Chánh tư duy Vô học, còn lại các pháp tương ưng với Chánh kiến-Chánh tư duy Vô học. Nghĩa là trong tụ này trừ ra hai tự Thể, còn lại tâm - tâm sở tương ưng với hai pháp. Điều này lại là thế nào? Đó là chín pháp Đại địa, mười pháp Đại thiện địa, Tâm và Tầm- Tứ.

4. Có pháp không phải là tương ưng với Chánh kiến-Chánh tư duy Vô học, đó là Chánh kiến Vô học không tương ưng với Chánh tư duy, Chánh tư duy Vô học không tương ưng với Chánh kiến, và những tâm-tâm sở pháp mà trước đây không thâu nhiếp, cùng với sắc-vô vi-tâm bất tương ưng hành. Chánh kiến Vô học không tương ưng với Chánh tư duy, đó là Chánh tư duy trong tụ Tận trí-Vô sinh trí, pháp này không phải là tương ưng với Chánh kiến Vô học, bởi vì trong tụ ấy không có Chánh kiến; cũng không phải là tương ưng với Chánh tư duy Vô học, bởi vì tự Thể không tương ưng với tự Thể. Chánh tư duy Vô học không tương ưng với Chánh kiến, đó là Tĩnh lự trung gian, ba Tĩnh lự trên, ba Vô sắc dưới, Chánh kiến Vô học. Những pháp này không phải là tương ưng với Chánh kiến, bởi vì tự Thể không tương ưng với tự Thể; cũng không phải là tương ưng với Chánh tư duy Vô học, bởi vì trong địa ấy không có Chánh tư duy. Và những tâm - tâm sở pháp mà trước đây không thâu nhiếp, đó là Tĩnh lự trung gian, ba Tĩnh lự trên, ba Vô sắc dưới, tâm - tâm sở pháp trong tụ Tận trí-Vô sinh trí, và tất cả tâm - tâm sở pháp hữu lậu thuộc về Học, cùng với sắc-vô vi-tâm bất tương ưng hành, nên biết đều là câu thứ tư.

Hỏi: Các pháp tương ưng với Chánh kiến Vô học, thì pháp ấy tương ưng với Chánh cần Vô học chăng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu phân biệt. Trong này, Chánh kiến Vô học ở tất cả các địa có thể đạt được, chứ không phải là tất cả các tâm vô lậu; Chánh cần Vô học thì tất cả các địa và tất cả các tâm vô lậu có thể đạt được. Vì vậy có thể làm thành bốn câu phân biệt trung bình:

1. Có pháp tương ưng với Chánh kiến Vô học, chứ không phải là Chánh cần Vô học, đó là Chánh kiến Vô học tương ưng với Chánh cần. Pháp này không phải là tương ưng với Chánh cần Vô học, bởi vì tự Thể không tương ưng với tự Thể.

2. Có pháp tương ưng với Chánh cần Vô học, chứ không phải là

Chánh kiến Vô học, đó là Chánh kiến Vô học, và Chánh kiến Vô học không tương ưng với pháp tương ưng của Chánh cần Vô học. Chánh kiến Vô học, đó là bởi vì tự Thể không tương ưng với tự Thể. Chánh kiến Vô học không tương ưng với pháp tương ưng của Chánh cần Vô học, đó là pháp tương ưng với Chánh cần trong tụ Tận trí-Vô sinh trí. Pháp này không phải là tương ưng với Chánh kiến, bởi vì trong tụ ấy không có Chánh kiến.

3. Có pháp tương ưng với Chánh kiến-Chánh cần Vô học, đó là trừ ra Chánh cần tương ưng với Chánh kiến Vô học, còn lại các pháp tương ưng với Chánh kiến Vô học. Bởi vì Chánh cần nhiều hơn cho nên ở đây chỉ nói là trừ ra. Nhưng trong tụ này trừ ra hai tự Thể, còn lại các tâm- tâm sở đều tương ưng với hai pháp. Điều này lại là thế nào? Đó là chín pháp Đại địa, chín pháp Đại thiện địa, Tâm và Tầm-Tứ.

4. Có pháp không phải là tương ưng với Chánh kiến-Chánh cần Vô học, đó là Chánh cần không tương ưng với Chánh kiến Vô học, và những tâm - tâm sở pháp mà trước đây không thâu nhiếp, cùng với sắc-vô vi-tâm bất tương ưng hành. Chánh cần không tương ưng với Chánh kiến Vô học, đó là Chánh cần trong tụ Tận trí-Vô sinh trí, pháp này không phải là tương ưng với Chánh kiến, bởi vì trong tụ ấy không có Chánh kiến; cũng không phải là tương ưng với Chánh cần, bởi vì tự Thể không tương ưng với tự Thể. Và những tâm - tâm sở pháp mà trước đây không thâu nhiếp, đó là trong này không có tâm - tâm sở pháp Vô học nào mà trước đây không thâu nhiếp, chỉ có tất cả tâm - tâm sở pháp hữu lậu thuộc về Học là do trước đây không thâu nhiếp, cùng với sắc-vô vi- tâm bất tương ưng hành, nên biết đều là câu thứ tư thâu nhiếp.

Như đối với Chánh cần, đối với Chánh niệm-Chánh định-Chánh giải thoát cũng như vậy, bởi vì pháp này đều có thể làm thành bốn câu phân biệt trung bình.

Các pháp tương ưng với Chánh kiến Vô học, pháp ấy không phải là tương ưng với Chánh trí Vô học; các pháp tương ưng với Chánh trí Vô học, pháp ấy không phải là tương ưng với Chánh kiến Vô học; bởi vì hai pháp này không cùng lúc khởi lên.

Hỏi: Các pháp tương ưng với Chánh tư duy Vô học, thì pháp ấy tương ưng với Chánh cần Vô học chăng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu phân biệt. Trong này, Chánh tư duy Vô học, tất cả các tâm vô lậu có thể đạt được, chứ không phải là tất cả các địa; Chánh cần Vô học thì tất cả các địa và tất cả các tâm vô lậu có thể đạt được.

Vì vậy cũng có thể làm thành bốn câu phân biệt trung bình, văn nói như Chánh kiến đối với Chánh cần. Như đối với Chánh cần, đối với Chánh niệm-Chánh định-Chánh giải thoát cũng như vậy.

Hỏi: Các pháp tương ưng với Chánh tư duy Vô học, thì pháp ấy tương ưng với Chánh trí Vô học chăng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu phân biệt. Trong này, Chánh tư duy Vô học, tất cả các tâm vô lậu có thể đạt được, chứ không phải là tất cả các địa; Chánh trí Vô học thì tất cả các địa có thể đạt được, chứ không phải là tất cả các tâm vô lậu. Vì vậy cũng có thể làm thành bốn câu phân biệt lớn, văn nói như Chánh kiến đối với Chánh tư duy.

Hỏi: Các pháp tương ưng với Chánh cần Vô học, thì pháp ấy tương ưng với Chánh niệm Vô học chăng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu phân biệt. Trong này, Chánh cần- Chánh niệm Vô học cùng ở tất cả các địa-tất cả các tâm vô lậu có thể đạt được, vì vậy có thể làm thành bốn câu phân biệt nhỏ:

1. Có pháp tương ưng với Chánh cần Vô học, chứ không phải là Chánh niệm Vô học, đó là Chánh niệm Vô học. Pháp này tương ưng với Chánh cần Vô học chứ không phải là Chánh niệm, bởi vì tự Thể không tương ưng với tự Thể.

2. Có pháp tương ưng với Chánh niệm Vô học, chứ không phải là Chánh cần Vô học, đó là Chánh cần Vô học. Pháp này tương ưng với Chánh niệm Vô học chứ không phải là Chánh cần, bởi vì tự Thể không tương ưng với tự Thể.

3. Có pháp tương ưng với Chánh cần-Chánh niệm Vô học, đó là trừ ra Chánh cần-Chánh niệm Vô học, còn lại các pháp tương ưng với Chánh cần-Chánh niệm Vô học. Nghĩa là trong tụ này trừ ra hai tự Thể, còn lại tâm - tâm sở tương ưng với hai pháp này. Điều này lại là thế nào? Đó là chín pháp Đại địa, chín pháp Đại thiện địa, Tâm và Tầm-Tứ.

4. Có pháp không phải là tương ưng với Chánh cần-Chánh niệm Vô học, đó là những tâm - tâm sở pháp mà trước đây không thâu nhiếp, cùng với sắc-vô vi-tâm bất tương ưng hành. Trong này không có tâm- tâm sở pháp Vô học nào mà trước đây không thâu nhiếp, chỉ có tất cả tâm - tâm sở pháp hữu lậu thuộc về Học là do trước đây không thâu nhiếp, cùng với sắc-vô vi-tâm bất tương ưng hành, nên biết đều là câu thứ tư thâu nhiếp.

Như đối với Chánh niệm, đối với Chánh định-Chánh giải thoát cũng như vậy, bởi vì pháp này đều có thể làm thành bốn câu phân biệt nhỏ.

Hỏi: Các pháp tương ưng với Chánh cần Vô học, thì pháp ấy tương ưng với Chánh trí Vô học chăng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu phân biệt. Trong này, Chánh cần Vô học ở tất cả các địa và tất cả các tâm vô lậu có thể đạt được, Chánh trí Vô học thì tất cả các địa có thể đạt được chứ không phải là tất cả các tâm vô lậu, cũng làm thành bốn câu phân biệt trung bình, văn nói như Chánh tư duy đối với Chánh cần. Như Chánh cần, Chánh niệm-Chánh định cũng như vậy.

Hỏi: Các pháp tương ưng với Chánh giải thoát Vô học, thì pháp ấy tương ưng với Chánh trí Vô học chăng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu phân biệt. Trong này, Chánh giải thoát Vô học ở tất cả các địa và tất cả các tâm vô lậu có thể đạt được, Chánh trí Vô học thì thì tất cả các địa có thể đạt được chứ không phải là tất cả các tâm vô lậu, cũng làm thành bốn câu phân biệt trung bình, văn nói như Chánh cần đối với Chánh trí.

CHƯƠNG VI: CĂN UẨN (Tiếp Theo)

Phẩm Thứ Sáu: LUẬN VỀ NGƯ

Nếu thành tựu Nhãn căn, thì lúc ấy đối với hai mươi hai căn, có mấy thành tựu, có mấy không thành tựu? Các chương như vậy và giải thích về nghĩa của từng chương đã lĩnh hội rồi, tiếp theo nên phân biệt rộng ra.

Hỏi: Phần luận này vì sao gọi là Ngư?

Đáp: Bởi vì nhiều phần vị thay đổi khó giữ lấy được. Sao gọi là nhiều phần vị? Đó là phần vị căn đầy đủ-không đầy đủ, phần vị không có hình thể-một hình thể-hai hình thể, phần vị có tâm-không có tâm, phần vị nhất định-không nhất định, phần vị sinh ở cõi-địa sai biệt, phần vị đoạn thiện-không đoạn thiện, phần vị lìa nhiễm-chưa lìa nhiễm, phần vị thiện-nhiễm-vô ký, phần vị dị sinh-Thánh giả, phần vị Kiến đạo-Tu đạo-đạo Vô học. Đối với những phần vị này, hai mươi hai căn thành tựu và không thành tựu, thay đổi không nhất định, như cá khó bắt được, cho nên lập ra tên gọi này.

Hỏi: Nếu thành tựu Nhãn căn, thì lúc ấy đối với hai mươi hai căn, có mấy thành tựu, có mấy không thành tựu? Cho đến Cụ tri căn cũng hỏi như vậy?

Đáp: Nếu thành tựu Nhãn căn, thì lúc ấy nhất định thành tựu năm căn, còn lại thì không nhất định. Thành tựu năm căn, đó là Nhãn-Thân-

Mạng-Ý và Xả căn. Còn lại thì không nhất định, đó là mười bảy căn còn lại, hoặc là thành tựu, hoặc là không thành tựu.

Nghĩa là Nhĩ-Tỷ-Thiệt-Thân căn, người đầy đủ thì thành tựu, người không đầy đủ thì không thành tựu.

Nữ căn-Nam căn, nếu một hình thể thì tùy theo thành tựu một. Nếu hai hình thể thì thành tựu cả hai. Nếu không có hình thể thì cả hai không thành tựu, đó là lúc đầu không đạt được, hoặc là đạt được rồi do từ từ mạng chung, hoặc là vì duyên khác cho nên mất đi.

Lạc căn, nếu sinh ở cõi Biến tịnh trở xuống, nếu Thánh giả sinh ở Tĩnh lự thứ tư thì thành tựu, nếu dị sinh sinh ở Tĩnh lự thứ tư thì không thành tựu.

Khổ căn, nếu sinh ở cõi Dục thì thành tựu, nếu sinh ở cõi Sắc thì không thành tựu.

Hỷ căn, nếu sinh ở cõi Cực Quang Tịnh trở xuống, nếu Thánh giả sinh ở Tĩnh lự thứ ba-thứ tư thì thành tựu, nếu dị sinh sinh ở Tĩnh lự thứ ba-thứ tư thì không thành tựu.

Ưu căn, nếu chưa lìa nhiễm cõi Dục thì thành tựu, nếu đã lìa nhiễm cõi Dục thì không thành tựu.

Năm căn như Tín…, nếu không đoạn thiện thì thành tựu, nếu đoạn thiện thì không thành tựu.

Vị tri đương tri căn, trú trong Kiến đạo thì thành tựu, còn lại thì không thành tựu.

Dĩ tri căn, trú trong phần vị Tu đạo thì thành tựu, còn lại thì không thành tựu.

Cụ tri căn, trú trong phần vị Vô học thì thành tựu, còn lại thì không thành tựu.

Vì vậy cho nên nói là còn lại thì không nhất định.

Như Nhãn căn, Nhĩ-Tỷ-Thiệt căn cũng như vậy, đều ở cõi Sắc thì nhất định thành tựu, ở cõi Vô sắc thì nhất định không thành tựu, ở cõi Dục thì không nhất định.

Nếu thành tựu Thân căn, thì lúc ấy nhất định thành tựu bốn căn, còn lại thì không nhất định. Thành tựu bốn căn, đó là Thân-Mạng-Ý và Xả căn. Còn lại thì không nhất định, đó là mười tám căn còn lại, hoặc là thành tựu, hoặc là không thành tựu.

Nhãn căn, người đầy đủ thì thành tựu, người không đầy đủ thì không thành tựu. Mười bảy căn còn lại, nói như trước.

Nếu thành tựu Nữ căn, thì lúc ấy nhất định thành tựu tám căn, còn lại thì không nhất định. Thành tựu tám căn, đó là Nữ-Thân-Mạng-Ý- Lạc-Khổ-Hỷ và Xả căn. Còn lại thì không nhất định, đó là mười bốn căn còn lại, hoặc là thành tựu, hoặc là không thành tựu, như trước nên biết. Như Nữ căn, Nam căn cũng như vậy.

Nếu thành tựu hai căn Nam-Nữ, thì lúc ấy nhất định thành tựu mười lăm căn, đó là Nam-Nữ-Thân-Mạng-Ý, năm Thọ và năm căn như Tín… Nhất định không thành tựu ba căn, đó là ba căn Vô lậu. Còn lại thì không nhất định, như trước nên biết.

Nếu thành tựu Mạng căn, thì lúc ấy nhất định thành tựu ba căn, còn lại thì không nhất định. Thành tựu ba căn, đó là Mạng-Ý và Xả căn. Còn lại thì không nhất định, đó là mười chín căn còn lại, hoặc là thành tựu, hoặc là không thành tựu. Nghĩa là Nhãn-Nhĩ-Tỷ-Thiệt căn, sinh ở cõi Sắc thì thành tựu, sinh ở cõi Vô sắc thì không thành tựu, sinh ở cõi Dục thì hoặc là thành tựu-hoặc là không thành tựu, nói như trước.

Thân căn, sinh ở cõi Dục-Sắc thì thành tựu, sinh ở cõi Vô sắc thì không thành tựu.

Nữ căn-Nam căn, sinh ở cõi Sắc-Vô sắc thì không thành tựu, sinh ở cõi Dục thì hoặc là thành tựu-hoặc là không thành tựu, nói như trước.

Lạc căn, nếu sinh ở cõi Biến Tịnh trở xuống, nếu Thánh giả sinh lên cõi trên thì thành tựu, nếu dị sinh sinh lên cõi trên thì không thành tựu.

Khổ căn, nếu sinh ở cõi Dục thì thành tựu, nếu sinh ở cõi Sắc-Vô sắc thì không thành tựu.

Hỷ căn, nếu sinh ở cõi Cực Quang Tịnh trở xuống, nếu Thánh giả sinh lên cõi trên thì thành tựu, nếu dị sinh sinh lên cõi trên thì không thành tựu. Còn lại nói như trước.

Như Mạng căn, Ý căn và Xả căn cũng như vậy, bởi vì hữu tình ở ba cõi đều nhất định thành tựu.

Nếu thành tựu Lạc căn, thì lúc ấy nhất định thành tựu bốn căn, còn lại thì không nhất định. Thành tựu bốn căn, đó là Lạc-Mạng-Ý và Xả căn. Còn lại thì không nhất định, đó là mười tám căn còn lại, hoặc là thành tựu, hoặc là không thành tựu, như trước nên biết.

Nếu thành tựu Khổ căn, thì lúc ấy nhất định thành tựu bảy căn, còn lại thì không nhất định. Thành tựu bảy căn, đó là Thân-Mạng-Ý và bốn Thọ trừ ra Ưu. Còn lại thì không nhất định, đó là mười lăm căn còn lại, hoặc là thành tựu, hoặc là không thành tựu, như trước nên biết.

Nếu thành tựu Hỷ căn, thì lúc ấy nhất định thành tựu năm căn, còn lại thì không nhất định. Thành tựu năm căn, đó là Mạng-Ý-Lạc-Hỷ và Xả căn. Còn lại thì không nhất định, đó là mười bảy căn còn lại, hoặc là thành tựu, hoặc là không thành tựu, như trước nên biết.

Nếu thành tựu Ưu căn, thì lúc ấy nhất định thành tựu tám căn, nhất định không thành tựu một căn, còn lại thì không nhất định. Thành tựu tám căn, đó là Thân-Mạng-Ý và năm Thọ căn. Không thành tựu một căn, đó là Cụ tri căn. Còn lại thì không nhất định, đó là mười ba căn còn lại, hoặc là thành tựu, hoặc là không thành tựu, như trước nên biết.

Nếu thành tựu Tín căn, thì lúc ấy nhất định thành tựu tám căn, còn lại thì không nhất định. Thành tựu tám căn, đó là Mạng-Ý-Xả và năm căn như Tín… Còn lại thì không nhất định, đó là mười bốn căn còn lại, hoặc là thành tựu, hoặc là không thành tựu, như trước nên biết.

Như Tín căn, Tinh tiến-Niệm-Định và Tuệ căn cũng như vậy.

Nếu thành tựu Vị tri đương tri căn, thì lúc ấy nhất định thành tựu mười ba căn, nhất định không thành tựu hai căn, còn lại thì không nhất định. Thành tựu mười ba căn, đó là Thân-Mạng-Ý-bốn Thọ trừ ra Ưu, năm căn như Tín… và Vị tri đương tri căn. Không thành tựu hai căn, đó là Dĩ tri căn và Cụ tri căn. Còn lại thì không nhất định, đó là bảy căn còn lại, hoặc là thành tựu, hoặc là không thành tựu, như trước nên biết.

Nếu thành tựu Dĩ tri căn, thì lúc ấy nhất định thành tựu mười một căn, nhất định không thành tựu hai căn, còn lại thì không nhất định. Thành tựu mười một căn, đó là Mạng-Ý-Lạc-Hỷ-Xả căn, năm căn như Tín… và Dĩ tri căn. Không thành tựu hai căn, đó là Vị tri đương tri căn và Cụ tri căn. Còn lại thì không nhất định, đó là chín căn còn lại, hoặc là thành tựu, hoặc là không thành tựu, như trước nên biết.

Nếu thành tựu Cụ tri căn, thì lúc ấy nhất định thành tựu mười một căn, nhất định không thành tựu ba căn, còn lại thì không nhất định. Thành tựu mười một căn, đó là Mạng-Ý-Lạc-Hỷ-Xả căn, năm căn như Tín… và Cụ tri căn. Không thành tựu ba căn, đó là Ưu căn và hai căn Vô lậu trước. Còn lại thì không nhất định, đó là tám căn còn lại, hoặc là thành tựu, hoặc là không thành tựu, như trước nên biết.

Hỏi: Nếu thành tựu Nhãn căn, thì lúc ấy đối với hai mươi hai căn trong ba đời, có mấy căn thành tựu, có mấy căn không thành tựu? Cho đến Cụ tri căn cũng hỏi như vậy?

Đáp: Nếu thành tựu Nhãn căn, thì lúc ấy nhất định không thành tựu tám căn thuộc quá khứ-vị lai, đó là tám căn vô ký như Mạng…, chỉ thành

tựu ở hiện tại, không phải là quá khứ-vị lai, bởi vì thế lực yếu kém. Nhất định thành tựu hai căn thuộc quá khứ-vị lai, ba căn thuộc hiện tại. Hai căn thuộc quá khứ-vị lai, đó là Ý và Xả căn, hai căn này ở hiện tại không phải là nhất định thành tựu, bởi vì lúc ấy hoặc là trú trong phần vị không có tâm. Ba căn thuộc hiện tại, đó là Nhãn-Thân và Mạng căn. Còn lại thì không nhất định, nói như trước.

Như Nhãn căn, Nhĩ-Tỷ-Thiệt căn cũng như vậy.

Nếu thành tựu Thân căn, thì lúc ấy nhất định không thành tựu tám căn thuộc quá khứ-vị lai, đó là tám căn như Mạng… Nhất định thành tựu hai căn thuộc quá khứ-vị lai, hai căn thuộc hiện tại. Hai căn thuộc quá khứ-vị lai, đó là Ý và Xả căn. Hai căn thuộc hiện tại, đó là Thân và Mạng căn. Còn lại thì không nhất định, nói như trước.

Nếu thành tựu Nữ căn, thì lúc ấy nhất định không thành tựu tám căn thuộc quá khứ-vị lai, đó là tám căn như Mạng… Nhất định thành tựu năm căn thuộc quá khứ-vị lai, ba căn thuộc hiện tại. Năm căn thuộc quá khứ-vị lai, đó là Ý và bốn Thọ trừ ra Ưu căn. Ba căn thuộc hiện tại, đó là Nữ-Thân và Mạng căn. Còn lại thì không nhất định, nói như trước.

Như Nữ căn, Nam căn cũng như vậy.

Nếu thành tựu hai căn Nam-Nữ, thì lúc ấy nhất định không thành tựu tám căn thuộc quá khứ-vị lai, ba căn thuộc ba đời. Tám căn thuộc quá khứ-vị lai, đó là tám căn như Mạng… Ba căn thuộc ba đời, đó là ba căn Vô lậu. Nhất định thành tựu chín căn thuộc quá khứ-vị lai, hai căn thuộc ba đời, bốn căn thuộc hiện tại. Chín căn thuộc quá khứ-vị lai, đó là bốn Thọ và năm căn như Tín… Hai căn thuộc ba đời, đó là Ý và một Thọ. Bốn căn thuộc hiện tại, đó là Nam-Nữ-Thân và Mạng căn. Còn lại thì không nhất định, nói như trước.

Sư phương Tây nói: "Nên nói quá khứ-vị lai nhất định thành tựu mười căn, đó là năm Thọ và năm căn như Tín… Ba đời nhất định thành tựu một căn, đó là Ý căn, bởi vì tên gọi của Thọ thì không nhất định."

Các Luận Sư nước Ca-thấp-di-la nói: "Tên gọi tuy không nhất định mà số lượng thì nhất định, cho nên chắc chắn có một Thọ hiện rõ ở trước mắt. Trong này nói về số lượng chứ không nói đến tên gọi."

Nếu thành tựu Mạng căn, thì lúc ấy nhất định không thành tựu tám căn thuộc quá khứ-vị lai, đó là tám căn như Mạng… Nhất định thành tựu hai căn thuộc quá khứ-vị lai, một căn thuộc hiện tại. Hai căn thuộc quá khứ-vị lai, đó là Ý và Xả căn. Một căn thuộc hiện tại, đó là Mạng căn. Còn lại thì không nhất định, nói như trước.

Như Mạng căn, Ý căn và Xả căn cũng như vậy.

Nếu thành tựu Lạc căn, thì lúc ấy nhất định không thành tựu tám căn thuộc quá khứ-vị lai, đó là tám căn như Mạng… Nhất định thành tựu hai căn thuộc quá khứ-vị lai, một căn thuộc vị lai, một căn thuộc hiện tại. Hai căn thuộc quá khứ-vị lai, đó là Ý và Xả căn. Một căn thuộc vị lai, đó là Lạc căn. Một căn thuộc hiện tại, đó là Mạng căn. Còn lại thì không nhất định, nói như trước.

Nếu thành tựu Khổ căn, thì lúc ấy nhất định không thành tựu tám căn thuộc quá khứ-vị lai, đó là tám căn như Mạng… Nhất định thành tựu năm căn thuộc quá khứ-vị lai, hai căn thuộc hiện tại. Năm căn thuộc quá khứ-vị lai, đó là Ý và bốn Thọ trừ ra Ưu căn. Hai căn thuộc hiện tại, đó là Thân và Mạng căn. Còn lại thì không nhất định, nói như trước.

Nếu thành tựu Hỷ căn, thì lúc ấy nhất định không thành tựu tám căn thuộc quá khứ-vị lai, đó là tám căn như Mạng… Nhất định thành tựu hai căn thuộc quá khứ-vị lai, hai căn thuộc vị lai, một căn thuộc hiện tại. Hai căn thuộc quá khứ-vị lai, đó là Ý và Xả căn. Hai căn thuộc vị lai, đó là Lạc căn và Hỷ căn. Một căn thuộc hiện tại, đó là Mạng căn. Còn lại thì không nhất định, nói như trước.

Nếu thành tựu Ưu căn, thì lúc ấy nhất định không thành tựu tám căn thuộc quá khứ-vị lai, một căn thuộc ba đời. Tám căn thuộc quá khứ-vị lai, đó là tám căn như Mạng… Một căn thuộc ba đời, đó là Cụ tri căn. Nhất định thành tựu bốn căn thuộc quá khứ-vị lai, hai căn thuộc ba đời, hai căn thuộc hiện tại. Bốn căn thuộc quá khứ-vị lai, đó là bốn Thọ. Hai căn thuộc ba đời, đó là Ý và một Thọ. Hai căn thuộc hiện tại, đó là Thân và Mạng căn. Còn lại thì không nhất định, nói như trước.

Các Sư nước Kiện-đà-la nói: "Văn này nên nói quá khứ-vị lai thành tựu năm căn, đó là năm Thọ. Ba đời thành tựu một căn, đó là Ý căn, bởi vì tên gọi của Thọ thì không nhất định."

Các Sư nước Ca-thấp-di-la nói: "Tên gọi tuy không nhất định, nhưng bởi vì số lượng nhất định cho nên thuận theo nói như trước."

Nếu thành tựu Tín căn, thì lúc ấy nhất định không thành tựu tám căn thuộc quá khứ-vị lai, đó là tám căn như Mạng… Nhất định thành tựu bảy căn thuộc quá khứ-vị lai, một căn thuộc hiện tại. Bảy căn thuộc quá khứ-vị lai, đó là Ý-Xả và năm căn như Tín… Một căn thuộc hiện tại, đó là Mạng căn. Còn lại thì không nhất định, nói như trước.

Như Tín căn, Tinh tiến-Niệm-Định và Tuệ căn cũng như vậy.

Nếu thành tựu Vị tri đương tri căn, thì lúc ấy nhất định không thành

tựu tám căn thuộc quá khứ-vị lai, hai căn thuộc ba đời, hai căn thuộc hiện tại. Tám căn thuộc quá khứ-vị lai, đó là tám căn như Mạng… Hai căn thuộc ba đời, đó là Dĩ tri căn và Cụ tri căn. Hai căn thuộc hiện tại, đó là Khổ căn và Ưu căn. Nhất định thành tựu bảy căn thuộc ba đời, ba căn thuộc quá khứ-vị lai, một căn thuộc vị lai-hiện tại, hai căn thuộc hiện tại. Bảy căn thuộc ba đời, đó là Ý-một Thọ và năm căn như Tín… Ba căn thuộc quá khứ-vị lai, đó là ba Thọ. Một căn thuộc vị lai-hiện tại, đó là Vị tri đương tri căn. Hai căn thuộc hiện tại, đó là Thân và Mạng căn. Trong này hai cách nói như trước. Còn lại thì không nhất định, nói như trước.

Nếu thành tựu Dĩ tri căn, thì lúc ấy nhất định không thành tựu tám căn thuộc quá khứ-vị lai, hai căn thuộc ba đời. Tám căn thuộc quá khứ- vị lai, đó là tám căn như Mạng… Hai căn thuộc ba đời, đó là hai căn Vô lậu còn lại. Nhất định thành tựu bảy căn thuộc quá khứ-vị lai, ba căn thuộc vị lai, một căn thuộc hiện tại. Bảy căn thuộc quá khứ-vị lai, đó là Ý-Xả và năm căn như Tín… Ba căn thuộc vị lai, đó là Lạc-Hỷ và Dĩ tri căn. Một căn thuộc hiện tại, đó là Mạng căn. Còn lại thì không nhất định, nói như trước.

Nếu thành tựu Cụ tri căn, thì lúc ấy nhất định không thành tựu tám căn thuộc quá khứ-vị lai, ba căn thuộc ba đời. Tám căn thuộc quá khứ-vị lai, đó là tám căn như Mạng… Ba căn thuộc ba đời, đó là Ưu căn và hai căn Vô lậu còn lại. Nhất định thành tựu bảy căn thuộc quá khứ-vị lai, ba căn thuộc vị lai, một căn thuộc hiện tại. Bảy căn thuộc quá khứ-vị lai, đó là Ý-Xả và năm căn như Tín… Ba căn thuộc vị lai, đó là Lạc-Hỷ và Cụ tri căn. Một căn thuộc hiện tại, đó là Mạng căn. Còn lại thì không nhất định, nói như trước.

Hỏi: Nếu không thành tựu Nhãn căn, thì lúc ấy đối với hai mươi hai căn, có mấy căn không thành tựu, có mấy căn thành tựu? Cho đến Cụ tri căn cũng hỏi như vậy?

Đáp: Nếu không thành tựu Nhãn căn, thì lúc ấy nhất định không thành tựu một căn, đó là Nhãn căn. Nhất định thành tựu ba căn, đó là Mạng-Ý và Xả căn. Còn lại thì không nhất định, nói như trước.

Như Nhãn căn, Nhĩ-Tỷ-Thiệt-Nữ-Nam căn và ba căn Vô lậu cũng như vậy.

Nếu không thành tựu Thân căn, thì lúc ấy nhất định không thành tựu mười căn, đó là bảy Sắc căn-Khổ căn-Ưu căn và Vị tri đương tri căn. Nhất định thành tựu tám căn, đó là Mạng-Ý-Xả và năm căn như Tín… Còn lại thì không nhất định, nói như trước.

Nếu Nam căn-Nữ căn đều không thành tựu, thì lúc ấy nhất định không thành tựu hai căn, đó là Nam căn và Nữ căn. Nhất định thành tựu ba căn, đó là Mạng-Ý và Xả căn. Còn lại thì không nhất định, nói như trước.

Mạng căn-Ý căn và Xả căn, không có ai không thành tựu.

Nếu không thành tựu Lạc căn, thì lúc ấy nhất định không thành tựu chín căn, đó là Nữ-Nam-bốn Thọ trừ ra Xả và ba căn Vô lậu. Nhất định thành tựu tám căn, đó là Mạng-Ý-Xả và năm căn như Tín… Còn lại thì không nhất định, nói như trước.

Nếu không thành tựu Khổ căn, thì lúc ấy nhất định không thành tựu năm căn, đó là Nữ-Nam-Khổ-Ưu và Vị tri đương tri căn. Nhất định thành tựu tám căn, đó là Mạng-Ý-Xả và năm căn như Tín… Còn lại thì không nhất định, nói như trước.

Nếu không thành tựu Hỷ căn, thì lúc ấy nhất định không thành tựu tám căn, đó là Nữ-Nam-Khổ-Hỷ-Ưu và ba căn Vô lậu. Nhất định thành tựu tám căn, đó là Mạng-Ý-Xả và năm căn như Tín… Còn lại thì không nhất định, nói như trước.

Nếu không thành tựu Ưu căn, thì lúc ấy nhất định không thành tựu một căn, đó là Ưu căn. Nhất định thành tựu tám căn, đó là Mạng-Ý-Xả và năm căn như Tín… Còn lại thì không nhất định, nói như trước.

Nếu không thành tựu Tín căn, thì lúc ấy nhất định không thành tựu tám căn, đó là năm căn như Tín… và ba căn Vô lậu. Nhất định thành tựu tám căn, đó là Thân-Mạng-Ý và năm Thọ. Còn lại thì không nhất định, nói như trước.

Như Tín căn, Tinh tiến-Niệm-Định và Tuệ căn cũng như vậy.

Hỏi: Nếu không thành tựu Nhãn căn, thì lúc ấy đối với hai mươi hai căn thuộc ba đời, có mấy căn không thành tựu, có mấy căn thành tựu? Cho đến Cụ tri căn cũng hỏi như vậy?

Đáp: Nếu không thành tựu Nhãn căn, thì lúc ấy nhất định không thành tựu một căn thuộc ba đời, bảy căn thuộc quá khứ-vị lai. Một căn thuộc ba đời, đó là Nhãn căn. Bảy căn thuộc quá khứ-vị lai, đó là bảy căn như Mạng… Nhất định thành tựu hai căn thuộc quá khứ-vị lai, một căn thuộc hiện tại. Hai căn thuộc quá khứ-vị lai, đó là Ý và Xả căn. Một căn thuộc hiện tại, đó là Mạng căn. Còn lại thì không nhất định, nói như trước.

Như Nhãn căn, Nhĩ-Tỷ-Thiệt-Nữ và Nam căn cũng như vậy.

Nếu không thành tựu Thân căn, thì lúc ấy nhất định không thành tựu mười căn thuộc ba đời, một căn thuộc quá khứ-vị lai. Mười căn thuộc ba

đời, đó là bảy Sắc căn-Khổ căn-Ưu căn và Vị tri đương tri căn. Một căn thuộc quá khứ, đó là Mạng căn. Nhất định thành tựu năm căn thuộc quá khứ-vị lai, hai căn thuộc ba đời, một căn thuộc hiện tại. Năm căn thuộc quá khứ-vị lai, đó là năm căn như Tín… Hai căn thuộc ba đời, đó là Ý và Xả căn. Một căn thuộc hiện tại, đó là Mạng căn. Còn lại thì không nhất định, nói như trước.

Nếu Nam căn-Nữ căn đều không thành tựu, thì lúc ấy nhất định không thành tựu hai căn thuộc ba đời, sáu căn thuộc quá khứ-vị lai. Hai căn thuộc ba đời, đó là Nữ căn và Nam căn. Sáu căn thuộc quá khứ-vị lai, đó là năm Sắc căn và Mạng căn. Nhất định thành tựu hai căn thuộc quá khứ-vị lai, một căn thuộc hiện tại. Hai căn thuộc quá khứ-vị lai, đó là Ý và Xả căn. Một căn thuộc hiện tại, đó là Mạng căn. Còn lại thì không nhất định, nói như trước.

Mạng căn-Ý căn và Xả căn, không có ai không thành tựu.

Nếu không thành tựu Lạc căn, thì lúc ấy nhất định không thành tựu chín căn thuộc ba đời, sáu căn thuộc quá khứ-vị lai. Chín căn thuộc ba đời, đó là Nữ-Nam-bốn Thọ trừ ra Xả và ba căn Vô lậu. Sáu căn thuộc quá khứ-vị lai, đó là năm Sắc căn và Mạng căn. Nhất định thành tựu bảy căn thuộc quá khứ-vị lai, một căn thuộc hiện tại. Bảy căn thuộc quá khứ-vị lai, đó là Ý-Xả và năm căn như Tín… Một căn thuộc hiện tại, đó là Mạng căn. Còn lại thì không nhất định, nói như trước.

Nếu không thành tựu Khổ căn, thì lúc ấy nhất định không thành tựu năm căn thuộc ba đời, sáu căn thuộc quá khứ-vị lai. Năm căn thuộc ba đời, đó là Nữ-Nam-Khổ-Ưu và Vị tri đương tri căn. Sáu căn thuộc quá khứ-vị lai, đó là năm Sắc căn và Mạng căn. Nhất định thành tựu bảy căn thuộc quá khứ-vị lai, một căn thuộc hiện tại. Bảy căn thuộc quá khứ-vị lai, đó là Ý-Xả và năm căn như Tín… Một căn thuộc hiện tại, đó là Mạng căn. Còn lại thì không nhất định, nói như trước.

Nếu không thành tựu Hỷ căn, thì lúc ấy nhất định không thành tựu tám căn thuộc ba đời, sáu căn thuộc quá khứ-vị lai. Tám căn thuộc ba đời, đó là Nữ-Nam-Khổ-Ưu-Hỷ và ba căn Vô lậu. Sáu căn thuộc quá khứ-vị lai, đó là năm Sắc căn và Mạng căn. Nhất định thành tựu bảy căn thuộc quá khứ-vị lai, một căn thuộc hiện tại. Bảy căn thuộc quá khứ-vị lai, đó là Ý-Xả và năm căn như Tín… Một căn thuộc hiện tại, đó là Mạng căn. Còn lại thì không nhất định, nói như trước.

Nếu không thành tựu Ưu căn, thì lúc ấy nhất định không thành tựu một căn thuộc ba đời, tám căn thuộc quá khứ-vị lai. Một căn thuộc ba đời,

đó là Ưu căn. Tám căn thuộc quá khứ-vị lai, đó là tám căn như Mạng… Nhất định thành tựu bảy căn thuộc quá khứ-vị lai, một căn thuộc hiện tại. Bảy căn thuộc quá khứ-vị lai, đó là Ý-Xả và năm căn như Tín… Một căn thuộc hiện tại, đó là Mạng căn. Còn lại thì không nhất định, nói như trước.

Nếu không thành tựu Tín căn, thì lúc ấy nhất định không thành tựu tám căn thuộc ba đời, tám căn thuộc quá khứ-vị lai. Tám căn thuộc ba đời, đó là năm căn như Tín… và ba căn Vô lậu. Tám căn thuộc quá khứ- vị lai, đó là tám căn như Mạng… Nhất định thành tựu bốn căn thuộc quá khứ-vị lai, hai căn thuộc ba đời, hai căn thuộc hiện tại. Bốn căn thuộc quá khứ-vị lai, đó là bốn Thọ. Hai căn thuộc ba đời, đó là Ý căn và một Thọ. Hai căn thuộc hiện tại, đó là Thân căn và Mạng căn. Còn lại thì không nhất định, nói như trước.

Như Tín căn, Tinh tiến-Niệm-Định và Tuệ căn cũng như vậy.

Nếu không thành tựu Vị tri đương tri căn, thì lúc ấy nhất định không thành tựu một căn thuộc ba đời, tám căn thuộc quá khứ-vị lai. Một căn thuộc ba đời, đó là Vị tri đương tri căn. Tám căn thuộc quá khứ-vị lai, đó là tám căn như Mạng… Nhất định thành tựu hai căn thuộc quá khứ-vị lai, một căn thuộc hiện tại. Hai căn thuộc quá khứ-vị lai, đó là Ý căn và Xả căn. Một căn thuộc hiện tại, đó là Mạng căn. Còn lại thì không nhất định, nói như trước.

Như Vị tri đương tri căn, Dĩ tri căn và Cụ tri căn cũng như vậy.

Hỏi: Các căn là thiện thì căn ấy là nhân của căn thiện chăng? Giả sử căn là nhân của căn thiện thì căn ấy là thiện chăng?

Đáp: Các căn là thiện thì căn ấy là nhân của căn thiện, đó là tám căn toàn phần và phần ít của sáu căn; đây là lấy căn thiện làm ba nhân, tức là nhân Tương ưng-Câu hữu và Đồng loại. Có căn là nhân của căn thiện mà căn ấy không phải là thiện, đó là do căn thiện mà dẫn đến dị thục sinh ra căn, tức là do căn thiện mà dẫn đến dị thục của tám căn như Mạng…, và Ý-Lạc-Hỷ-Xả căn; đây là lấy căn thiện làm một nhân, đó là nhân Dị thục. Trong này, không có tham-không có sân-không có si gọi là nhân của căn thiện.

Hỏi: Các căn là bất thiện thì căn ấy là nhân của căn bất thiện chăng? Giả sử căn là nhân của căn bất thiện thì căn ấy là bất thiện chăng?

Đáp: Các căn là bất thiện thì căn ấy là nhân của căn bất thiện, đó là phần ít của sáu căn; đây là lấy căn bất thiện làm bốn nhân, tức là nhân Tương ưng-Câu hữu-Đồng loại và Biến hành. Có căn là nhân của căn bất thiện mà căn ấy không phải là bất thiện, đó là do căn bất thiện mà dẫn đến

dị thục sinh ra căn, tức là do căn bất thiện mà dẫn đến dị thục của tám căn như Mạng…, và Ý căn-Khổ căn; đây là lấy căn bất thiện làm một nhân, đó là nhân Dị thục. Và căn tương ưng với Hữu thân kiến-Biên chấp kiến của cõi Dục, đây là lấy căn bất thiện làm hai nhân, đó là nhân Đồng loại và Biến hành. Trong này, tham-sân-si gọi là nhân của căn bất thiện.

Hỏi: Các căn là vô ký thì căn ấy là nhân của căn vô ký chăng? Giả sử căn là nhân của căn vô ký thì căn ấy là vô ký chăng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu phân biệt.

Sư Tỳ-bà-sa của nước Ca-thấp-di-la nói: "Căn vô ký có ba loại, đó là Ái-Tuệ-Vô minh vô ký. Ái vô ký, đó là Ái thuộc năm bộ của cõi Sắc-Vô sắc. Tuệ vô ký, đó là Tuệ hữu phú vô ký, Tuệ vô phú vô ký. Tuệ hữu phú vô ký, đó là Hữu thân kiến-Biên chấp kiến của cõi Dục, và Tuệ nhiễm ô thuộc năm bộ của cõi Sắc-Vô sắc. Tuệ vô phú vô ký, đó là Tuệ câu sinh thuộc Oai nghi lộ-Công xảo xứ-Dị thục sinh và Tâm biến hóa. Vô minh vô ký, Vô minh tương ưng với Hữu thân kiến-Biên chấp kiến của cõi Dục, và Vô minh thuộc năm bộ của cõi Sắc-Vô sắc."

Trong này, tâm tương ưng với Tham vô ký, do ba căn vô ký cho nên gọi là tâm có căn. Những tâm hữu phú vô ký còn lại, do hai căn vô ký cho nên gọi là tâm có căn, đó là Tuệ vô ký và Vô minh vô ký. Tất cả các tâm vô phú vô ký, do một căn vô ký cho nên gọi là tâm có căn, đó là Tuệ vô ký. Dựa vào đây để giải thích về nghĩa của bốn câu phân biệt:

1. Có căn là vô ký mà căn ấy không phải là nhân của căn vô ký, đó là căn không có duyên, tức là tám căn như Mạng… Căn này là vô ký mà không lấy căn vô ký làm nhân.

2. Có căn là nhân của căn vô ký mà căn ấy không phải là vô ký, đó là căn bất thiện, tức là phần ít của sáu căn. Căn này là bất thiện mà lấy căn vô ký làm hai nhân, đó là nhân Đồng loại và Biến hành.

3. Có căn là vô ký mà căn ấy cũng là nhân của căn vô ký, đó là căn vô ký có duyên, tức là phần ít của năm căn. Căn này là vô ký mà cũng lấy căn vô ký làm bốn nhân, đó là nhân Tương ưng-Câu hữu-Đồng loại và Biến hành.

4. Có căn không phải là vô ký mà căn ấy cũng không phải là nhân của căn vô ký, đó là căn thiện, tức là tám căn toàn phần và phần ít của sáu căn. Căn này không phải là vô ký cũng không lấy căn vô ký làm nhân.

Hỏi: Có thể có căn không phải là nhân của căn thiện, không phải là nhân của căn bất thiện, không phải là nhân của căn vô ký, mà căn ấy không

phải là không có nhân chăng?

Đáp: Có, đó là căn không có duyên, tức là tám căn như Mạng…, lấy sắc-tâm bất tương ưng hành làm nhân. Căn này không lấy căn thuộc ba tánh làm nhân, mà lấy sắc-tâm bất tương ưng hành làm ba nhân, đó là nhân Câu hữu-Đồng loại và Dị thục.

Các Sư phương Tây nói: "Căn vô ký có bốn loại, đó là Ái-Kiến- Mạn-Vô minh vô ký. Ái vô ký, đó là Ái thuộc năm bộ của cõi Sắc-Vô sắc. Kiến vô ký, đó là Hữu chấp kiến-Biên chấp kiến của cõi Dục, và năm Kiến của cõi Sắc-Vô sắc. Mạn vô ký, đó là Mạn thuộc năm bộ của cõi Sắc-Vô sắc. Vô minh vô ký, đó là Vô minh tương ưng với Hữu thân kiến-Biên chấp kiến của cõi Dục, và Vô minh thuộc năm bộ của cõi Sắc-Vô sắc."

Trong này, tâm tương ưng với Tham vô ký, do hai căn vô ký cho nên gọi là tâm có căn, đó là Ái-Vô minh vô ký. Tâm tương ưng với Kiến-Mạn vô ký, cũng đều do hai căn vô ký cho nên gọi là tâm có căn, đó chính là nó và Vô minh. Những tâm hữu phú vô ký còn lại, do một căn vô ký cho nên gọi là tâm có căn, đó là Vô minh vô ký. Dựa vào đó để giải thích về nghĩa của bốn câu phân biệt, thì văn này nên đưa ra cách nói này:

1. Có căn là vô ký mà căn ấy không phải là nhân của căn vô ký, đó là căn vô phú vô ký. Căn này là vô ký mà không lấy căn vô ký làm nhân.

2. Có căn là nhân của căn vô ký mà căn ấy không phải là vô ký, đó là căn bất thiện. Căn này không phải là vô ký mà lấy căn vô ký làm hai nhân, đó là nhân Đồng loại và Biến hành.

3. Có căn là vô ký mà căn ấy cũng là nhân của căn vô ký, đó là căn hữu phú vô ký. Căn này là vô ký mà cũng lấy căn vô ký làm bốn nhân, đó là nhân Tương ưng-Câu hữu-Đồng loại và Biến hành.

4. Có căn không phải là vô ký mà căn ấy cũng không phải là nhân của căn vô ký, đó là căn thiện. Căn này không phải là vô ký, mà cũng không lấy căn vô ký làm nhân.

Hỏi: Có thể có căn không phải là nhân của căn thiện, không phải là nhân của căn bất thiện, không phải là nhân của căn vô ký, mà căn ấy không phải là không có nhân chăng?

Đáp: Có, đó là căn vô phú vô ký, lấy sắc-tâm bất tương ưng hành làm nhân. Căn này không lấy căn thuộc ba tánh làm nhân, mà lấy sắc- tâm bất tương ưng hành, tâm - tâm sở vô phú vô ký làm bốn nhân, đó là nhân Tương ưng-Câu hữu-Đồng loại và Dị thục. Đây tức là nói chung, nhưng căn tương ưng có đủ bốn nhân, căn không tương ưng chỉ có ba nhân, trừ ra nhân

Tương ưng.

Hỏi: Vì sao các Sư phương Tây lập Mạn làm căn vô ký?

Đáp: Họ nói nghĩa về lực vững mạnh là nghĩa của căn, Mạn có lực vững mạnh cho nên lập làm căn. Đó là Sư Du-già, sở dĩ lui sụt mất đi trăm ngàn phẩm thiện, đều do lực của Mạn.

Hỏi: Vì sao các Sư nước này không lập Mạn làm căn?

Đáp: Ở đây nói nghĩa xuống thấp là nghĩa của căn, Mạn khiến cho tâm lên cao, đối với xuống thấp không thuận theo, cho nên không lập làm căn.

Hỏi: Vì sao các Sư nước này lập Tuệ vô phú vô ký làm căn vô ký?

Đáp: Ở đây nói bởi vì nghĩa về dựa vào nhân là nghĩa của căn, Tuệ vô phú vô ký bởi vì dựa vào nhân thù thắng, cho nên lập làm căn.

Hỏi: Vì sao các Sư phương Tây không lập Tuệ làm căn?

Đáp: Họ nói nghĩa về lực vững mạnh là nghĩa của căn, thế lực của Tuệ vô phú vô ký yếu kém, cho nên không lập làm căn.

Hỏi: Vì sao các Sư nước này-nước kia đều không lập Nghi làm căn vô ký?

Đáp: Họ đều nói nghĩa về Định-Trú là nghĩa của căn, bởi vì Nghi không chuyển được hai môn Định-Trú, cho nên không lập làm căn.

Nói như vậy thì như căn thiện-bất thiện đều có ba loại, căn vô ký cũng thuận theo như vậy. Lại như Mạn bất thiện không lập làm căn bất thiện, Mạn vô ký cũng thuận theo như vậy, cho nên căn vô ký chỉ có ba loại là hợp lý.

CHƯƠNG VI: CĂN UẨN Tiếp Theo)

Phẩm Thứ Bảy: LUẬN VỀ NHÂN DUYÊN

Các căn là nhân của quá khứ, thì căn ấy duyên với quá khứ chăng? Các chương như vậy và giải thích về nghĩa từng chương đã lĩnh hội rồi, tiếp theo nên phân biệt rộng ra.

Hỏi: Vì sao soạn ra phần luận này?

Đáp: Bởi vì ngăn chặn về ý bác bỏ không có hai đời quá khứ-vị lai, và bác bỏ không có nhân duyên, cho đến nói rộng ra, cho nên soạn ra phần luận này. Trong này, dựa vào hai duyên mà soạn luận, đó là Nhân duyên

và Sở duyên duyên.

Hỏi: Vì sao không dựa vào hai duyên còn lại để soạn luận?

Đáp: Bởi vì Đẳng vô gián duyên chỉ có một sát-na, Tăng thượng duyên bao gồm tất cả các pháp, nếu dựa vào hai duyên ấy để soạn luận thì văn nghĩa đều không uyển chuyển phong phú, cho nên ở đây chỉ dựa vào hai duyên mà soạn luận.

Trong này nên đưa ra Tỳ-bà-sa tóm lược, đó là trong hai mươi hai căn, mười bốn căn có sở duyên, tám căn không có sở duyên. Trong căn có sở duyên, thì phẩm tương ưng với năm Thức thân, quá khứ duyên với quá khứ, hiện tại duyên với hiện tại, pháp sinh ở vị lai duyên với vị lai, pháp bất thiện duyên với ba đời; phẩm tương ưng với Ý thức thân tùy theo ở đời nào, nếu sinh hay là không sinh thì đều duyên với ba đời và pháp vô vi.

Lại nữa, căn do kiến Khổ-kiến Tập mà đoạn, cùng duyên với năm bộ; căn do kiến Diệt-kiến Đạo mà đoạn, chỉ duyên với bộ của mình và không đoạn; căn do tu mà đoạn và không đoạn, cùng duyên với năm bộ và không đoạn.

Lại nữa, căn hệ thuộc cõi Dục-Sắc và không hệ thuộc, cùng duyên với hệ thuộc ba cõi và không hệ thuộc; căn hệ thuộc cõi Vô sắc, chỉ duyên với hệ thuộc cõi Sắc-Vô sắc và không đoạn.

Nhân tùy theo sai biệt cũng cần phải nhận biết. Đó gọi là Tỳ-bà- sa tóm lược trong phần này. Nghĩa đã nói tùy theo văn giải thích rộng ra, như lý nên biết. Trong đó, tất cả phần đầu đảo lại tóm lược về Nhân mà mở rộng về Duyên, tất cả phần sau đảo lại tóm lược về Duyên mà mở rộng về Nhân. Trong này, các Nhẫn dùng tên gọi của Trí cho nên nói là quyến thuộc của Trí.

-oOo-

LUẬN A TỲ ĐẠT MA ĐẠI TỲ BÀ SA

QUYỂN 157

CHƯƠNG VII: ĐỊNH UẨN

Phẩm Thứ Nhất: LUẬN VỀ ĐẮC

LUẬN VỀ ĐẮC (Phần 1)

Các pháp đạt được ở quá khứ thì quá khứ đạt được pháp ấy chăng? Các chương như vậy và giải thích về nghĩa từng chương đã lĩnh hội rồi, tiếp theo nên phân biệt rộng ra.

Hỏi: Vì sao soạn ra phần luận này?

Đáp: Bởi vì muốn ngăn chặn tông chỉ của người khác để hiển bày nghĩa lý của mình. Đó là hoặc có người chấp: Quá khứ-vị lai là không có, mà nói hiện tại là pháp vô vi. Vì ngăn chặn ý chấp ấy để hiển bày quá khứ-vị lai là có, hiện tại không phải là vô vi, cho nên soạn ra phần luận này.

Nguyên cớ thế nào? Bởi vì nếu không có quá khứ-vị lai, thì lẽ ra pháp ấy không có hữu tình thành tựu và không thành tựu. Như cái đầu thứ hai, cái tay thứ ba, Uẩn thứ sáu, Xứ thứ mười ba, Giới thứ mười chín…, không có thành tựu và không thành tựu. Nhưng quá khứ-vị lai có thành tựu và không thành tựu, cho nên biết là có thật.

Hoặc lại có người chấp: Thành tựu không phải là pháp có thật. Như phái Thí Dụ lập ra luận thuyết như vậy: "Các loài hữu tình không rời pháp ấy thì nói đó là thành tựu, nhưng pháp này không có thật Thể, chỉ là quán xét đối đãi-phân biệt mà giả lập. Như năm ngón tay khép lại thì gọi đó là nắm tay, rời ra thì không phải là nắm tay, cho nên không phải là có thật. Như vậy, hữu tình không rời pháp ấy thì nói đó là thành tựu, rời ra thì không thành tựu bởi vì Thể không phải là có thật."

Hỏi: Vì sao họ lập ra luận thuyết này?

Đáp: Bởi vì dựa vào trong kinh. Như trong kinh nói: "Có Chuyển Luân Vương thành tựu bảy vật báu." Nếu sự thành tựu này là có thật, thì phải thành tựu thân khác và thuộc về số phi hữu tình, nghĩa là Luân Vương ấy nếu thành tựu vòng xe quý báu-ngọc thần quý báu thì pháp sẽ hủy hoại,

bởi vì cũng là pháp thuộc số hữu tình, cũng là pháp thuộc số phi hữu tình; nếu thành tựu voi quý báu-ngựa quý báu thì nẻo sẽ hủy hoại, bởi vì cũng là nẻo người, cũng là nẻo bàng sinh; nếu thành tựu người nữ quý báu thì thân sẽ hủy hoại, bởi vì cũng là thân nam, cũng là thân nữ; nếu thành tựu quan chủ quản kho tàng quý báu-binh tướng quý báu thì nghiệp sẽ hủy hoại, bởi vì cũng là vua, cũng là quan. Đừng có sai lầm này, cho nên thành tựu không phải là có thật. Bởi vì ngăn chặn tông chỉ ấy để hiển bày về thành tựu là Thể có thật, cho nên soạn ra phần luận này.

Nếu thành tựu không phải là Thể có thật thì trái với kinh đã nói. Như nói: "Hữu học thành tựu tám Chi, A-la-hán lậu tận thành tựu mười Chi." Nếu thành tựu không phải là có thật, thì Thánh giả ấy vào lúc tâm hữu lậu hiện rõ trước mắt, và lúc không có tâm sẽ không thành tựu Thánh đạo của ba đời, sao nói là thành tựu tám Chi-mười Chi? Bởi vì Chi đều là pháp vô lậu.

Lại nữa, nếu thành tựu không phải là có thật, thì lại trái với kinh khác. Như kinh khác nói: "Bổ-đặc-già-la này thành tựu pháp thiện và pháp bất thiện." Nếu thành tựu không phải là có thật, thì lúc người ấy khởi lên pháp thiện sẽ không thành tựu pháp bất thiện, lúc khởi lên pháp bất thiện sẽ không thành tựu pháp thiện, lúc khởi lên pháp vô ký sẽ không thành tựu pháp thiện và bất thiện.

Lại nữa, nếu thành tựu không phải là có thật, thì lại trái với kinh khác. Như nói: "Nếu Tỳ kheo thành tựu bảy pháp vi diệu, thì phần nhiều an trú vui vẻ ở trong pháp hiện tại." Lúc ấy lẽ ra chỉ thành tựu một pháp vi diệu, hoặc là không thành tựu, nghĩa là lúc bảy pháp vi diệu tùy theo một pháp hiện rõ trước mắt, Tỳ kheo ấy chỉ thành tựu một pháp. Bởi vì bảy pháp vi diệu đều lấy Tuệ làm tánh, hãy còn không có hai Tuệ cùng lúc khởi lên, huống là có bảy hay sao? Nếu lúc pháp khác khởi lên hiện rõ ở trước mắt, thì bảy pháp vi diệu đều không thành tựu.

Lại nữa, nếu thành tựu không phải là có thật, thì lại trái với kinh khác. Như nói: "Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác thành tựu mười Lực." Kinh ấy lẽ ra chỉ nói là thành tựu một Lực, hoặc là không thành tựu, nghĩa là nếu tùy theo một Lực khởi lên hiện rõ trước mắt, thì chín Lực còn lại rời khỏi thân sẽ không thành tựu. Bởi vì mười Lực đều lấy Tuệ làm Thể, cho nên không có hai Tuệ cùng lúc khởi lên. Nếu lúc pháp khác khởi lên hiện rõ ở trước mắt, thì mười Lực này đều không thành tựu.

Lại nữa, nếu thành tựu không phải là có thật, thì lại có sai lầm khác. Dị sinh nên gọi là lìa nhiễm của ba cõi, các A-la-hán nên gọi là dị sinh,

nghĩa là lúc các dị sinh khởi lên tâm thiện-vô phú vô ký và lúc không có tâm, trong thân hiện tại không có phiền não, lại không thành tựu quá khứ-vị lai, thì lẽ nào không gọi là lìa nhiễm của ba cõi hay sao? Lúc các A-la-hán khởi lên tâm hữu lậu và lúc không có tâm, hiện tại không có Thánh đạo, lại không thành tựu quá khứ-vị lai, bởi vì không có Thánh pháp thì lẽ nào không phải là dị sinh hay sao?

Nếu như vậy thì trở thành sai lầm lớn. Vì thế cho nên thành tựu quyết định là có thật.

Hỏi: Nếu thành tựu là có thật, thì kinh mà phái Thí Dụ đã dẫn chứng nên hiểu thế nào?

Đáp: Kinh ấy nói tự tại gọi là thành tựu, nghĩa là Chuyển Luân Vương thâu nhiếp điều khiển tự tại đối với bảy vật báu của mình, tạm thời nói đến thành tựu chứ không phải là như thành tựu tám Chi Học…

Hoặc lại có người chấp: Thành tựu tuy là Thể có thật, mà không thành tựu thì không có thật Thể. Vì ngăn chặn ý chấp ấy để hiển bày về không thành tựu cũng có thật Thể, cho nên soạn ra phần luận này.

Nếu như không thành tựu không có thật Thể, thì thành tựu cũng không có thật Thể, bởi vì quán xét không thành tựu mà nói đến thành tựu. Như quán xét ban đêm mà lập ra ban ngày, quán xét bóng tối mà lập ra ánh sáng, đều là Thể có thật; pháp này cũng như vậy.

Lại nữa, không thành tựu là đối trị gần của thành tựu, càng trái ngược lẫn nhau, như tham-không có tham, sân-không có sân, si-không có si, định-loạn… Nếu không có thật Thể thì do đâu mà trái ngược nhau trở thành đối trị gần?

Lại nữa, không thành tựu nếu không có Thể, thì lẽ ra không thi thiết về pháp đoạn các phiền não, nghĩa là Thánh đạo khởi lên đoạn các phiền não, không phải là như dùng dao cắt đứt đồ vật, dùng đá mài mòn đồ vật; nhưng khởi lên đoạn được ràng buộc, chứng được lìa xa ràng buộc, khiến cho các phiền não không thành tựu thì gọi là Đoạn, cho nên biết tánh của không thành tựu là có thật.

Hoặc là bởi vì muốn đoạn dứt màng lưới nghi ngờ, mà soạn ra phần luận này. Nghĩa là trong chương Tạp Uẩn nói: "Pháp quá khứ sinh-trú-lão-vô thường, nên nói là quá khứ…" Đừng có sinh lòng nghi ngờ: Như tướng và pháp không khác nhau về đời, không khác nhau về sát-na, đạt được và pháp cũng như vậy. Như đạt được và pháp có khác nhau về đời, có khác nhau về sát-na, tướng và pháp cũng như vậy. Bởi vì làm cho mối nghi này được quyết định, trình bày rõ ràng về tướng và pháp nhất định không khác

nhau về đời, không khác nhau về sát-na, mà đạt được và pháp thì có giống nhau-có khác nhau, nghĩa là pháp trong ba đời thì mỗi một pháp đều có đạt được trong ba đời.

Hỏi: Vì sao tướng cùng với tướng phụ thuộc(sở tướng) thì quyết định không có khác nhau về đời và sát-na, mà đạt được cùng với đạt được phụ thuộc(sở đắc) thì hoặc là giống nhau-hoặc là khác nhau?

Đáp: Tướng cùng với tướng phụ thuộc, chắc chắn cùng chung một quả, đi theo nhau không tách rời nhau, không có trước sau, đối với pháp cùng tụ không có thể rời bỏ; đạt được cùng với đạt được phụ thuộc, không cùng chung một quả, không phải là nhất định đi theo nhau, không phải là không tách rời nhau, hoặc là có trước sau, đối với pháp cùng tụ hoặc là có thể rời bỏ, như tánh của các lớp vỏ cây tách rời với cây.

Bởi vì ngăn chặn tông chỉ của người khác để hiển bày nghĩa lý của mình, và làm cho người nghi có được quyết định; giả sử không ngăn chặn tông chỉ của người khác để hiển bày nghĩa lý của mình, và làm cho người nghi có được quyết định, nhưng ở trong nghĩa tương ưng với pháp tướng, cần phải hiển bày rõ ràng cho nên soạn ra phần luận này.

Các pháp đạt được ở quá khứ thì quá khứ đạt được pháp ấy chăng? Trong này, nói là đạt được thì muốn hiển bày về điều gì? Đó là được thành tựu. Vì sao biết như vậy? Như luận Thi Thiết nói: "Đạt được(đắc) là thế nào? Đó là gặt hái thành tựu. Gặt hái(hoạch) là thế nào? Đó là đạt được thành tựu. Thành tựu là thế nào? Đó là gặt hái đạt được." Đạt được-Gặt hái-Thành tựu tuy thanh âm có khác nhau mà nghĩa không có gì khác biệt.

Chủng loại về pháp đã đạt được có mười một loại: Cõi Dục có bốn, đó là thiện-bất thiện, hữu phú vô ký, vô phú vô ký; cõi Sắc có ba, trừ ra bất thiện; cõi Vô sắc cũng như vậy; và pháp vô vi. Cõi Dục thì thiện-bất thiện-vô phú vô ký đều có đủ năm Uẩn, hữu phú vô ký chỉ có bốn Uẩn; ba loại của cõi Sắc đều có đủ năm Uẩn; ba loại của cõi Vô sắc đều chỉ có bốn Uẩn; pháp Vô vi có đủ năm Uẩn, và Trạch diệt-Phi trạch diệt, trừ ra Hư không-Vô vi, bởi vì không phải là pháp đã đạt được.

Trong này, Sắc thiện-bất thiện của cõi Dục, nếu ở quá khứ thì có ba đời đạt được, nếu ở vị lai thì chỉ có vị lai đạt được, nếu ở hiện tại thì có hai đời đạt được, đó là vị lai-hiện tại.

Bốn Uẩn thiện-bất thiện-hữu phú vô ký, và bốn Uẩn thuộc phẩm câu sinh của tâm Thông quả trong vô phú vô ký, lúc ấy đạt được thì đời xen tạp và sát-na xen tạp, đó là bởi vì quá khứ-vị lai-hiện tại đều có đủ ba đời đạt được.

Tất cả Sắc uẩn vô phú vô ký-bốn Uẩn thuộc Dị thục sinh, và phần nhiều bốn Uẩn thuộc Oai nghi lộ-Công xảo xứ, lúc ấy đạt được thì đời không xen tạp, sát-na không xen tạp, nếu ở quá khứ thì đạt được cũng là quá khứ, nếu ở vị lai thì đạt được cũng là vị lai, nếu ở hiện tại thì đạt được cũng là hiện tại.

Trong bốn Uẩn thuộc Oai nghi lộ, người khéo luyện tập xuyên suốt như Đức Phật-Mã Thắng, cho đến những hữu tình khác đã khéo luyện tập xuyên suốt, và trong bốn Uẩn thuộc Công xảo xứ, người khéo luyện tập xuyên suốt như Đức Phật-Thiên tử Diệu Nghiệp, cho đến những hữu tình khác đã khéo luyện tập xuyên suốt, lúc ấy đạt được cũng đều là đời xen tạp, sát-na xen tạp, đó là bởi vì ở ba đời đều có ba đời đạt được.

Năm Uẩn thiện-hữu phú vô ký của cõi Sắc, và bốn Uẩn thuộc phẩm câu sinh của tâm Thông quả trong vô phú vô ký, lúc ấy đạt được thì đời xen tạp và sát-na xen tạp, đó là bởi vì ở ba đời đều có ba đời đạt được, cho nên không nhất định. Sắc uẩn thiện, nói như Sắc uẩn thiện- bất thiện của cõi Dục. Tất cả Sắc uẩn hữu phú vô ký-vô phú vô ký, và bốn Uẩn thuộc Oai nghi lộ-Dị thục sinh, lúc ấy đạt được thì đời không xen tạp, sát-na không xen tạp, bởi vì hễ ở đời ấy thì chỉ có đời ấy đạt được.

Bốn Uẩn thiện-hữu phú vô ký của cõi Vô sắc, lúc ấy đạt được thì đời xen tạp và sát-na xen tạp, đó là bởi vì ở ba đời đều có ba đời đạt được. Bốn Uẩn thuộc Dị thục sinh, lúc ấy đạt được thì đời không xen tạp, sát-na không xen tạp, bởi vì hễ ở đời ấy thì chỉ có đời ấy đạt được.

Năm uẩn vô lậu, lúc ấy đạt được cũng là đời xen tạp và sát-na xen tạp, đó là bởi vì ở ba đời đều có ba đời đạt được.

Đây là nói chung. Nếu nói riêng biệt thì những người chưa từng đạt được năm Uẩn vô lậu, cho đến chưa từng đạt được năm Uẩn hữu lậu do Tu mà thành, và chưa từng đạt được năm Uẩn hữu lậu do Văn-Tư mà thành. Lúc ấy lần đầu đạt được, nếu ở vị lai thì pháp ấy chỉ có vị lai đạt được, nếu ở hiện tại thì pháp ấy có vị lai-hiện tại đạt được, nếu ở quá khứ thì pháp ấy có ba đời đạt được.

Pháp Trạch diệt-Phi trạch diệt tuy không phải là ba đời thâu nhiếp, mà có ba đời đạt được. Nhưng đạt được Trạch diệt có hai loại, đó là hữu lậu và vô lậu.

Đạt được Trạch diệt hữu lậu, bởi vì lìa nhiễm của cõi Dục cho đến lìa nhiễm của Vô sở hữu xứ mà khởi lên, là chủng loại của đạo thế tục. Nếu chưa lìa nhiễm thì pháp ấy diệt chỉ có quá khứ-vị lai đạt được. Nếu đã lìa nhiễm thì pháp ấy diệt sẽ có ba đời đạt được.

Đạt được Trạch diệt vô lậu, bởi vì lìa nhiễm do kiến-tu mà đoạn thuộc ba cõi cho nên khởi lên, là chủng loại của Thánh đạo. Pháp Trạch diệt do kiến Khổ mà đoạn thuộc cõi Dục, nếu Khổ pháp trí chưa hiện rõ ở trước mắt, thì pháp ấy diệt chỉ có vị lai đạt được; nếu hiện rõ ở trước mắt, thì pháp ấy diệt có vị lai-hiện tại đạt được; nếu đã diệt thì pháp ấy diệt có ba đời đạt được. Như vậy cho đến pháp Trạch diệt thuộc phẩm thứ chín của Hữu Đảnh, nếu Tận trí chưa hiện rõ ở trước mắt…, như lý nên biết.

Đạt được Phi trạch diệt chỉ là hữu lậu, lúc ấy lần đầu đạt được, nếu ở vị lai thì pháp ấy diệt chỉ có vị lai đạt được, nếu ở hiện tại thì pháp ấy diệt có vị lai-hiện tại đạt được, nếu ở quá khứ thì pháp ấy diệt có ba đời đạt được.

Trong này, hỏi-đáp lần thứ nhất hiển bày về pháp của mỗi một đời có ba đời đạt được, hỏi-đáp lần thứ hai hiển bày về mỗi một đời đạt được là đạt được pháp ba đời và pháp rời khỏi đời (ly thế). Đó gọi là Tỳ-bà-sa tóm lược ở nơi này.

Hỏi: Các pháp đạt được ở quá khứ thì quá khứ đạt được pháp ấy chăng?

Đáp: Đạt được pháp ấy hoặc là quá khứ, hoặc là vị lai, hoặc là hiện tại.

Đạt được pháp quá khứ, đạt được là quá khứ, đó là tất cả các Uẩn của ba cõi ở quá khứ, và Uẩn vô lậu, tất cả pháp ấy đạt được ở quá khứ.

Đạt được pháp quá khứ, đạt được là vị lai, đó là năm Uẩn thiện- bất thiện, bốn Uẩn hữu phú vô ký, phẩm câu sinh thuộc tâm Thông quả trong vô phú vô ký, và một phần bốn Uẩn thuộc Oai nghi lộ-Công xảo xứ của cõi Dục ở quá khứ; năm Uẩn thiện, hữu phú vô ký và bốn Uẩn thuộc phẩm câu sinh của tâm Thông quả trong vô phú vô ký của cõi Sắc; bốn Uẩn thiện-hữu phú vô ký của cõi Vô sắc; năm Uẩn vô lậu, tất cả pháp ấy đạt được ở vị lai.

Đạt được pháp quá khứ, đạt được là hiện tại, đó là năm Uẩn thiện-bất thiện của cõi Dục ở quá khứ, cho đến nói rộng ra như vị lai, tất cả pháp ấy đạt được ở hiện tại.

Hỏi: Giả sử quá khứ đạt được thì pháp ấy đạt được ở quá khứ chăng?

Đáp: Pháp ấy hoặc là quá khứ, hoặc là vị lai, hoặc là hiện tại, hoặc là vô vi.

Quá khứ đạt được, đạt được pháp quá khứ, đó là quá khứ đạt được, đạt được tất cả các Uẩn của ba cõi ở quá khứ, và Uẩn vô lậu.

Quá khứ đạt được, đạt được pháp vị lai, đó là quá khứ đạt được, đạt được bốn Uẩn thiện-bất thiện-hữu phú vô ký, phẩm câu sinh thuộc tâm Thông quả trong vô phú vô ký, và một phần bốn Uẩn thuộc Oai nghi lộ-Công xảo xứ của cõi Dục ở vị lai; năm Uẩn thiện, hữu phú vô ký và bốn Uẩn thuộc phẩm câu sinh của tâm Thông quả trong vô phú vô ký của cõi Sắc; bốn Uẩn thiện-hữu phú vô ký của cõi Vô sắc; năm Uẩn vô lậu.

Quá khứ đạt được, đạt được pháp hiện tại, đó là quá khứ đạt được, đạt được thiện hiện tại của cõi Dục, cho đến nói rộng ra như đạt được ở vị lai.

Quá khứ đạt được, đạt được pháp Vô vi, đó là quá khứ đạt được, đạt được Trạch diệt-Phi trạch diệt.

Hỏi: Các pháp đạt được ở vị lai thì vị lai đạt được pháp ấy chăng?

Đáp: Đạt được pháp ấy hoặc là vị lai, hoặc là quá khứ, hoặc là hiện tại.

Đạt được pháp vị lai, vị lai đạt được, đó là tất cả các Uẩn của ba cõi ở vị lai, và Uẩn vô lậu, tất cả pháp ấy đạt được ở vị lai.

Đạt được pháp vị lai, quá khứ đạt được, đó là bốn Uẩn thiện-bất thiện-hữu phú vô ký, phẩm câu sinh thuộc tâm Thông quả trong vô phú vô ký, và một phần bốn Uẩn thuộc Oai nghi lộ-Công xảo xứ của cõi Dục ở vị lai; năm Uẩn thiện, hữu phú vô ký và bốn Uẩn thuộc phẩm câu sinh của tâm Thông quả trong vô phú vô ký của cõi Sắc; bốn Uẩn thiện-hữu phú vô ký của cõi Vô sắc; năm Uẩn vô lậu, tất cả pháp ấy đạt được ở quá khứ.

Đạt được pháp vị lai, hiện tại đạt được, đó là thiện của cõi Dục ở vị lai, cho đến nói rộng ra như quá khứ, tất cả pháp ấy đạt được ở hiện tại.

Hỏi: Giả sử vị lai đạt được thì pháp ấy đạt được ở vị lai chăng? Đáp: Pháp ấy hoặc là vị lai, hoặc là quá khứ, hoặc là hiện tại,

hoặc là vô vi.

Vị lai đạt được, đạt được pháp vị lai, đó là vị lai đạt được, đạt được tất cả các Uẩn của ba cõi ở vị lai, và Uẩn vô lậu.

Vị lai đạt được, đạt được pháp quá khứ, đó là vị lai đạt được, đạt được năm Uẩn thiện-bất thiện, bốn Uẩn hữu phú vô ký, phẩm câu sinh thuộc tâm Thông quả trong vô phú vô ký, và một phần bốn Uẩn thuộc Oai nghi lộ-Công xảo xứ của cõi Dục ở quá khứ; năm Uẩn thiện, hữu phú vô ký và bốn Uẩn thuộc phẩm câu sinh của tâm Thông quả trong vô phú vô ký của cõi Sắc; bốn Uẩn thiện-hữu phú vô ký của cõi Vô sắc; năm Uẩn vô lậu.

Vị lai đạt được, đạt được pháp hiện tại, đó là vị lai đạt được, đạt được

thiện của cõi Dục ở hiện tại, cho đến nói rộng ra như đạt được ở quá khứ.

Vị lai đạt được, đạt được pháp Vô vi, đó là vị lai đạt được, đạt được Trạch diệt-Phi trạch diệt.

Hỏi: Các pháp đạt được ở hiện tại thì hiện tại đạt được pháp ấy chăng?

Đáp: Đạt được pháp ấy hoặc là hiện tại, hoặc là quá khứ, hoặc là vị lai.

Đạt được pháp hiện tại, hiện tại đạt được, đó là tất cả các Uẩn của ba cõi ở hiện tại, và Uẩn vô lậu, tất cả pháp ấy đạt được ở hiện tại.

Đạt được pháp hiện tại, quá khứ đạt được, đó là bốn Uẩn thiện- bất thiện-hữu phú vô ký, phẩm câu sinh thuộc tâm Thông quả trong vô phú vô ký, và một phần bốn Uẩn thuộc Oai nghi lộ-Công xảo xứ của cõi Dục ở hiện tại; năm Uẩn thiện, hữu phú vô ký và bốn Uẩn thuộc phẩm câu sinh của tâm Thông quả trong vô phú vô ký của cõi Sắc; bốn Uẩn thiện-hữu phú vô ký của cõi Vô sắc; năm Uẩn vô lậu, tất cả pháp ấy đạt được ở quá khứ.

Đạt được pháp hiện tại, vị lai đạt được, đó là năm Uẩn thiện-bất thiện, bốn Uẩn hữu phú vô ký của cõi Dục ở hiện tại, còn lại nói như đạt được ở quá khứ, tất cả pháp ấy đạt được ở vị lai.

Hỏi: Giả sử hiện tại đạt được thì pháp ấy đạt được ở hiện tại chăng?

Đáp: Pháp ấy hoặc là hiện tại, hoặc là quá khứ, hoặc là vị lai, hoặc là vô vi.

Hiện tại đạt được, đạt được pháp hiện tại, đó là hiện tại đạt được, đạt được tất cả các Uẩn của ba cõi ở hiện tại, và Uẩn vô lậu.

Hiện tại đạt được, đạt được pháp quá khứ, đó là hiện tại đạt được, đạt được năm Uẩn thiện-bất thiện, bốn Uẩn hữu phú vô ký, phẩm câu sinh thuộc tâm Thông quả trong vô phú vô ký, và một phần bốn Uẩn thuộc Oai nghi lộ-Công xảo xứ của cõi Dục ở quá khứ; năm Uẩn thiện, hữu phú vô ký và bốn Uẩn thuộc phẩm câu sinh của tâm Thông quả trong vô phú vô ký của cõi Sắc; bốn Uẩn thiện-hữu phú vô ký của cõi Vô sắc; năm Uẩn vô lậu.

Hiện tại đạt được, đạt được pháp vị lai, đó là hiện tại đạt được, đạt được bốn Uẩn thiện-bất thiện-hữu phú vô ký của cõi Dục ở vị lai, còn lại nói như đạt được ở quá khứ.

Hiện tại đạt được, đạt được pháp Vô vi, đó là hiện tại đạt được, đạt được Trạch diệt-Phi trạch diệt.

Hỏi: Đạt được các pháp thiện thì lúc ấy đạt được thiện chăng?

Đáp: Đúng như vậy, bởi vì pháp thiện đạt được thì chắc chắn là thiện.

Hỏi: Giả sử đạt được thiện thì lúc ấy đạt được pháp thiện chăng?

Đáp: Đúng như vậy, bởi vì các thiện đạt được chỉ đạt được pháp thiện.

Bất thiện và vô ký, hỏi-đáp cũng như vậy, bởi vì tánh chủ động đạt được (năng đắc) và thụ động đạt được (sở đắc) nhất định phải giống nhau.

Hỏi: Đạt được các pháp cõi Dục thì lúc ấy đạt được ở cõi Dục chăng?

Đáp: Đúng như vậy, bởi vì pháp cõi Dục đạt được thì chắc chắn là cõi Dục.

Hỏi: Giả sử đạt được ở cõi Dục thì lúc ấy đạt được pháp cõi Dục chăng?

Đáp: Pháp ấy hoặc là cõi Dục, hoặc là không hệ thuộc. Cõi Dục, đó là năm Uẩn của cõi Dục. Không hệ thuộc, đó là các Phi trạch diệt, bởi vì Bổ-đặc-già-la sinh ở cõi Dục, đạt được Phi trạch diệt đối với pháp hệ thuộc ba cõi và pháp không hệ thuộc, lúc ấy đạt được đều là pháp hệ thuộc cõi Dục.

Hỏi: Đạt được các pháp cõi Sắc thì lúc ấy đạt được ở cõi Sắc chăng?

Đáp: Đúng như vậy, bởi vì pháp cõi Sắc đạt được thì chắc chắn là cõi Sắc.

Hỏi: Giả sử đạt được ở cõi Sắc thì lúc ấy đạt được pháp cõi Sắc chăng?

Đáp: Pháp ấy hoặc là cõi Sắc, hoặc là không hệ thuộc. Cõi Sắc, đó là năm Uẩn của cõi Sắc. Không hệ thuộc, đó là các Trạch diệt-Phi trạch diệt. Trạch diệt, đó là Trạch diệt thuộc năm Uẩn của cõi Dục-ba Tĩnh lự dưới, pháp ấy thuộc chủng loại của đạo thế tục, đạt được đều là hệ thuộc cõi Sắc, bởi vì Trạch diệt hữu lậu của địa dưới đạt được đều thuộc về Cận phần của địa trên. Phi trạch diệt, đó là bởi vì Bổ-đặc-già- la sinh ở cõi Sắc, đạt được Phi trạch diệt đối với pháp hệ thuộc ba cõi và pháp không hệ thuộc, lúc ấy đạt được đều là pháp hệ thuộc cõi Sắc.

Hỏi: Đạt được các pháp cõi Vô sắc thì lúc ấy đạt được ở cõi Vô sắc chăng?

Đáp: Đúng như vậy, bởi vì pháp cõi Vô sắc đạt được đều là hệ thuộc cõi Vô sắc.

Hỏi: Giả sử đạt được ở cõi Vô sắc thì lúc ấy đạt được pháp cõi Vô sắc chăng?

Đáp: Pháp ấy hoặc là cõi Vô sắc, hoặc là không hệ thuộc. Cõi Vô sắc, đó là năm Uẩn của cõi Vô sắc. Không hệ thuộc, đó là các Trạch diệt-Phi trạch diệt. Trạch diệt, đó là năm Uẩn hệ thuộc của địa Tĩnh lự thứ tư, và Trạch diệt bốn Uẩn hệ thuộc của ba địa Vô sắc dưới, sau chủng loại của

đạo thế tục, đạt được đều là hệ thuộc cõi Vô sắc, nguyên cớ như trước. Phi trạch diệt, đó là bởi vì Bổ-đặc-già-la sinh ở cõi Vô sắc, đạt được Phi trạch diệt đối với pháp hệ thuộc ba cõi và pháp không hệ thuộc, lúc ấy đạt được đều là hệ thuộc cõi Vô sắc.

Hỏi: Đạt được các pháp Học thì lúc ấy đạt được Học chăng?

Đáp: Đúng như vậy, bởi vì pháp Học đạt được thì chắc chắn là Học.

Hỏi: Giả sử đạt được Học thì lúc ấy đạt được pháp Học chăng?

Đáp: Pháp ấy hoặc là Học, hoặc là Phi học phi vô học. Học, đó là năm Uẩn thuộc Học. Phi học phi vô học, đó là các Học đạt được Trạch diệt đã đạt được.

Hỏi: Đạt được các pháp Vô học thì lúc ấy đạt được Vô học chăng?

Đáp: Đúng như vậy, bởi vì pháp Vô học đạt được thì chắc chắn là Vô học.

Hỏi: Giả sử đạt được Vô học thì lúc ấy đạt được pháp Vô học chăng?

Đáp: Pháp ấy hoặc là Vô học, hoặc là Phi học phi vô học. Vô học, đó là năm Uẩn thuộc Vô học. Phi học phi vô học, đó là các Vô học đạt được Trạch diệt đã đạt được.

Hỏi: Đạt được các pháp Phi học phi vô học thì lúc ấy đạt được Phi học phi vô học chăng?

Đáp: Lúc ấy đạt được hoặc là Phi học phi vô học, hoặc là Học, hoặc là Vô học. Phi học phi vô học, đó là đạt được bốn Uẩn-năm Uẩn hữu lậu, đạt được tất cả Phi trạch diệt, đạt được các Trạch diệt thuộc chủng loại của đạo thế tục. Học, đó là đạt được các Trạch diệt thuộc chủng loại của đạo Học. Vô học, đó là đạt được các Trạch diệt thuộc chủng loại của đạo Vô học.

Hỏi: Giả sử đạt được Phi học phi vô học thì lúc ấy đạt được pháp Phi học phi vô học chăng?

Đáp: Đúng như vậy, bởi vì đạt được các Phi học phi vô học thì chỉ đạt được pháp Phi học phi vô học.

Hỏi: Đạt được các pháp do Kiến mà đoạn thì lúc ấy đạt được do Kiến mà đoạn chăng?

Đáp: Đúng như vậy, bởi vì pháp do Kiến mà đoạn chắc chắn là do Kiến mà đoạn.

Hỏi: Giả sử đạt được do Kiến mà đoạn thì lúc ấy đạt được pháp do Kiến mà đoạn chăng?

Đáp: Đúng như vậy, bởi vì đạt được do Kiến mà đoạn thì chỉ đạt được

pháp do Kiến mà đoạn.

Hỏi: Đạt được các pháp do Tu mà đoạn thì lúc ấy đạt được do Tu mà đoạn chăng?

Đáp: Đúng như vậy, bởi vì đạt được pháp do Tu mà đoạn chắc chắn là do Tu mà đoạn.

Hỏi: Giả sử đạt được do Tu mà đoạn thì lúc ấy đạt được pháp do Tu mà đoạn chăng?

Đáp: Pháp ấy hoặc là do Tu mà đoạn, hoặc là không đoạn. Do Tu mà đoạn, đó là năm Uẩn do Tu mà đoạn. Không đoạn, đó là tất cả Phi trạch diệt, và Trạch diệt đã đạt được thuộc chủng loại của đạo thế tục.

Hỏi: Đạt được các pháp không đoạn thì lúc ấy đạt được không đoạn chăng?

Đáp: Lúc ấy đạt được hoặc là không đoạn, hoặc là do Tu mà đoạn. Không đoạn, đó là đạt được năm Uẩn vô lậu, và đạt được các Trạch diệt thuộc chủng loại của đạo vô lậu. Do Tu mà đoạn, đó là đạt được tất cả Phi trạch diệt, và đạt được các Trạch diệt thuộc chủng loại của đạo thế tục.

Hỏi: Giả sử đạt được không đoạn thì lúc ấy đạt được pháp không đoạn chăng?

Đáp: Đúng như vậy, bởi vì đạt được không đoạn thì chỉ đạt được pháp không đoạn.

Đã tùy theo văn chính để phân tích về tướng của các pháp đạt được (đắc), nên tiếp tùy theo nghĩa để hiển bày về các pháp không phải là đạt được (phi đắc).

Nếu pháp có chủng loại đạt được, thì pháp ấy có chủng loại không phải là đạt được. Nếu pháp không có chủng loại đạt được, thì pháp ấy không có chủng loại không phải là đạt được. Gặt hái-thành tựu, không phải là gặt hái-không phải là thành tựu, nói cũng như vậy. Vì vậy tất cả pháp thuộc về số hữu tình, và Trạch diệt-Phi trạch diệt, thì đều có chủng loại đạt được-không phải là đạt được, có gặt hái-không phải là gặt hái, có thành tựu-không phải là thành tựu; tất cả pháp thuộc về số phi hữu tình, và Hư không-Vô vi, thì đều không có chủng loại đạt được- không phải là đạt được… Vả lại, đối với pháp nối tiếp nhau của mình, thì có chủng loại đạt được-không phải là đạt được… đối với pháp nối tiếp nhau của nơi khác, thì không có chủng loại đạt được-không phải là đạt được…

Trong này, pháp quá khứ-vị lai đều có chủng loại không phải là đạt được của ba đời, pháp hiện tại chỉ có chủng loại không phải là đạt được của

hai đời quá khứ-vị lai, bởi vì pháp có thể thành tựu thì chắc chắn thành tựu ở hiện tại. Đạt được và không phải là đạt được lại trái ngược lẫn nhau, cho nên không cùng lúc khởi lên. Pháp thiện-bất thiện- vô ký không phải là đạt được, bởi vì đều chỉ là vô ký. Pháp của ba cõi không phải là đạt được, bởi vì đều bao gồm ba cõi. Pháp Học-Vô học- Phi học phi vô học không phải là đạt được, bởi vì đều chỉ là Phi học phi vô học. Pháp do Kiến mà đoạn-do Tu mà đoạn và không đoạn, không phải là đạt được, bởi vì đều chỉ là do Tu mà đoạn. Đây gọi là Tỳ-bà-sa tóm lược về không phải là đạt được (phi đắc).

Hỏi: Các pháp quá khứ không đạt được, thì pháp ấy không phải là đạt được ở quá khứ chăng?

Đáp: Pháp ấy không phải là đạt được, hoặc ở quá khứ, hoặc ở vị lai, hoặc ở hiện tại. Pháp quá khứ không đạt được, không phải là đạt được ở quá khứ, đó là năm Uẩn thiện-bất thiện, hữu phú vô ký, vô phú vô ký và vô lậu ở quá khứ, tất cả pháp ấy không phải là đạt được ở quá khứ.

Trong này, đoạn căn thiện là năm Uẩn thiện, lìa nhiễm cõi Dục là năm Uẩn bất thiện, các A-la-hán là năm Uẩn hữu phú vô ký, tất cả hữu tình phần nhiều là năm Uẩn vô phú vô ký. Bởi vì pháp vô phú vô ký, thì sát-na đã qua và sát-na chưa đến, cho nên phần nhiều không thành tựu. Các loại dị sinh là năm Uẩn vô lậu. Đây gọi là tướng chung của những pháp không đạt được.

Pháp quá khứ không đạt được, không phải là đạt được ở vị lai, đó là năm Uẩn thiện-bất thiện, hữu phú vô ký, vô phú vô ký và vô lậu ở quá khứ, tất cả pháp ấy không phải là đạt được ở vị lai. Giải thích như trước.

Pháp quá khứ không đạt được, không phải là đạt được ở hiện tại, đó là năm Uẩn thiện-bất thiện, hữu phú vô ký, vô phú vô ký và vô lậu ở quá khứ, tất cả pháp ấy không phải là đạt được ở hiện tại. Tùy theo sự thích hợp giải thích như trước.

Hỏi: Giả sử quá khứ không phải là đạt được thì lúc ấy không đạt được pháp quá khứ chăng?

Đáp: Pháp ấy hoặc ở quá khứ, hoặc ở vị lai, hoặc ở hiện tại, hoặc là Vô vi.

Quá khứ không phải là đạt được, không đạt được pháp quá khứ, đó là quá khứ không phải là đạt được, không đạt được năm Uẩn thiện cho đến năm Uẩn vô lậu ở quá khứ. Giải thích như trước.

Quá khứ không phải là đạt được, không đạt được pháp vị lai, đó là quá khứ không phải là đạt được, không đạt được năm Uẩn thiện cho đến

năm Uẩn vô lậu ở vị lai. Giải thích như trước.

Quá khứ không phải là đạt được, không đạt được pháp hiện tại, đó là quá khứ không phải là đạt được, không đạt được năm Uẩn thiện cho đến năm Uẩn vô lậu ở hiện tại. Giải thích như trước.

Quá khứ không phải là đạt được, không đạt được pháp Vô vi, đó là quá khứ không phải là đạt được, không đạt được pháp Trạch diệt-Phi trạch diệt. Nghĩa là người có đủ phiền não đối với Trạch diệt, tất cả hữu tình đối với Phi trạch diệt.

Hỏi: Các pháp vị lai không đạt được, thì pháp ấy không phải là đạt được ở vị lai chăng?

Đáp: Pháp ấy không phải là đạt được, hoặc ở vị lai, hoặc ở quá khứ, hoặc ở hiện tại.

Pháp vị lai không đạt được, không phải là đạt được ở vị lai, đó là năm Uẩn thiện cho đến năm Uẩn vô lậu ở vị lai, tất cả pháp ấy không phải là đạt được ở vị lai. Giải thích như trước.

Pháp vị lai không đạt được, không phải là đạt được ở quá khứ, đó là năm Uẩn thiện cho đến năm Uẩn vô lậu ở vị lai, tất cả pháp ấy không phải là đạt được ở quá khứ. Giải thích như trước.

Pháp vị lai không đạt được, không phải là đạt được ở hiện tại, đó là năm Uẩn thiện cho đến năm Uẩn vô lậu ở vị lai, tất cả pháp ấy không phải là đạt được ở hiện tại. Giải thích như trước.

Hỏi: Giả sử vị lai không phải là đạt được thì lúc ấy không đạt được pháp vị lai chăng?

Đáp: Pháp ấy hoặc ở vị lai, hoặc ở quá khứ, hoặc ở hiện tại, hoặc là Vô vi.

Vị lai không phải là đạt được, không đạt được pháp vị lai, đó là vị lai không phải là đạt được, không đạt được năm Uẩn thiện cho đến năm Uẩn vô lậu ở vị lai. Giải thích như trước.

Vị lai không phải là đạt được, không đạt được pháp quá khứ, đó là vị lai không phải là đạt được, không đạt được năm Uẩn thiện cho đến năm Uẩn vô lậu ở quá khứ. Giải thích như trước.

Vị lai không phải là đạt được, không đạt được pháp hiện tại, đó là vị lai không phải là đạt được, không đạt được năm Uẩn thiện cho đến năm Uẩn vô lậu ở hiện tại. Giải thích như trước.

Vị lai không phải là đạt được, không đạt được pháp Vô vi, đó là vị lai không phải là đạt được, không đạt được Trạch diệt-Phi trạch diệt. Giải

thích như trước.

Hỏi: Các pháp hiện tại không đạt được, thì pháp ấy không phải là đạt được ở hiện tại chăng?

Đáp: Pháp ấy không phải là đạt được, hoặc ở quá khứ, hoặc ở vị lai, bởi vì không phải là trái với hiện tại.

Pháp hiện tại không đạt được, không phải là đạt được ở quá khứ, đó là năm Uẩn thiện cho đến năm Uẩn vô lậu ở hiện tại, tất cả pháp ấy không phải là đạt được ở quá khứ. Giải thích như trước.

Pháp hiện tại không đạt được, không phải là đạt được ở vị lai, đó là năm Uẩn thiện cho đến năm Uẩn vô lậu ở hiện tại, tất cả pháp ấy không phải là đạt được ở vị lai. Giải thích như trước.

Hỏi: Giả sử hiện tại không phải là đạt được thì lúc ấy không đạt được pháp hiện tại chăng?

Đáp: Pháp ấy hoặc ở quá khứ, hoặc ở vị lai, hoặc là Vô vi, bởi vì không phải là trái với hiện tại.

Hiện tại không phải là đạt được, không đạt được pháp quá khứ, đó là hiện tại không phải là đạt được, không đạt được năm Uẩn thiện cho đến năm Uẩn vô lậu ở quá khứ. Tùy theo sự thích hợp giải thích như trước.

Hiện tại không phải là đạt được, không đạt được pháp vị lai, đó là hiện tại không phải là đạt được, không đạt được năm Uẩn thiện cho đến năm Uẩn vô lậu ở vị lai. Giải thích như trước.

Hiện tại không phải là đạt được, không đạt được pháp Vô vi, đó là hiện tại không phải là đạt được, không đạt được Trạch diệt-Phi trạch diệt. Giải thích như trước.

Hỏi: Các pháp thiện không đạt được, thì lúc ấy không phải là đạt được thiện chăng?

Đáp: Không phải như vậy, bởi vì lúc ấy không phải là đạt được, là tánh vô ký chứ không phải là tánh thiện.

Hỏi: Giả sử không phải là đạt được vô ký, thì lúc ấy không đạt được pháp thiện chăng?

Đáp: Pháp ấy hoặc là thiện, hoặc là bất thiện, hoặc là vô ký. Bởi vì vô ký không phải là đạt được, cho nên không đạt được pháp thuộc ba tánh.

Hỏi: Các pháp bất thiện không đạt được, thì lúc ấy không phải là đạt được bất thiện chăng?

Đáp: Không phải như vậy, bởi vì lúc ấy không phải là đạt được, là tánh vô ký chứ không phải là tánh bất thiện.

Hỏi: Giả sử không phải là đạt được vô ký, thì lúc ấy không đạt được pháp bất thiện chăng?

Đáp: Pháp ấy hoặc là thiện, hoặc là bất thiện, hoặc là vô ký. Bởi vì vô ký không phải là đạt được, cho nên không đạt được pháp thuộc ba tánh.

Hỏi: Các pháp vô ký không đạt được, thì lúc ấy không phải là đạt được vô ký chăng?

Đáp: Đúng như vậy, bởi vì các pháp không phải là đạt được chỉ có vô ký.

Hỏi: Giả sử không phải là đạt được vô ký, thì lúc ấy không đạt được pháp vô ký chăng?

Đáp: Pháp ấy hoặc là thiện, hoặc là bất thiện, hoặc là vô ký. Bởi vì vô ký không phải là đạt được, cho nên không đạt được pháp thuộc ba tánh.

Hỏi: Các pháp cõi Dục không đạt được, thì lúc ấy không phải là đạt được ở cõi Dục chăng?

Đáp: Lúc ấy không phải là đạt được, hoặc ở cõi Dục, hoặc ở cõi Sắc, hoặc ở cõi Vô sắc.

Pháp cõi Dục không đạt được, không phải là đạt được ở cõi Dục, đó là sinh ở cõi Dục, không phải là đạt được các Uẩn của cõi Dục.

Pháp cõi Dục không đạt được, không phải là đạt được ở cõi Sắc, đó là sinh ở cõi Sắc, không phải là đạt được các Uẩn của cõi Dục.

Pháp cõi Dục không đạt được, không phải là đạt được ở cõi Vô sắc, đó là sinh ở cõi Vô sắc, không phải là đạt được các Uẩn của cõi Dục.

Hỏi: Giả sử không phải là đạt được ở cõi Dục, thì lúc ấy không đạt được pháp cõi Dục chăng?

Đáp: Pháp ấy hoặc là cõi Dục, hoặc là cõi Sắc, hoặc là cõi Vô sắc, hoặc là không hệ thuộc.

Không phải là đạt được ở cõi Dục, không đạt được pháp cõi Dục, đó là sinh ở cõi Dục, không đạt được các Uẩn của cõi Dục.

Không phải là đạt được ở cõi Dục, không đạt được pháp cõi Sắc, đó là sinh ở cõi Dục, không đạt được các Uẩn của cõi Sắc.

Không phải là đạt được ở cõi Dục, không đạt được pháp cõi Vô sắc, đó là sinh ở cõi Dục, không đạt được các Uẩn của cõi Vô sắc.

Không phải là đạt được ở cõi Dục, không đạt được pháp không hệ thuộc, đó là sinh ở cõi Dục, không đạt được các Uẩn vô lậu, và Trạch diệt-Phi trạch diệt.

Hỏi: Các pháp cõi Sắc không đạt được, thì lúc ấy không phải là đạt được ở cõi Sắc chăng?

Đáp: Lúc ấy không phải là đạt được, hoặc ở cõi Dục, hoặc ở cõi Sắc, hoặc ở cõi Vô sắc.

Pháp cõi Sắc không đạt được, không phải là đạt được ở cõi Dục, đó là sinh ở cõi Dục, không phải là đạt được các Uẩn của cõi Sắc.

Pháp cõi Sắc không đạt được, không phải là đạt được ở cõi Sắc, đó là sinh ở cõi Sắc, không phải là đạt được các Uẩn của cõi Sắc.

Pháp cõi Sắc không đạt được, không phải là đạt được ở cõi Vô sắc, đó là sinh ở cõi Vô sắc, không phải là đạt được các Uẩn của cõi Sắc.

Hỏi: Giả sử không phải là đạt được ở cõi Sắc, thì lúc ấy không đạt được pháp cõi Sắc chăng?

Đáp: Pháp ấy hoặc là cõi Dục, hoặc là cõi Sắc, hoặc là cõi Vô sắc, hoặc là không hệ thuộc.

Không phải là đạt được ở cõi Sắc, không đạt được pháp cõi Dục, đó là sinh ở cõi Sắc, không đạt được các Uẩn của cõi Dục.

Không phải là đạt được ở cõi Sắc, không đạt được pháp cõi Sắc, đó là sinh ở cõi Sắc, không đạt được các Uẩn của cõi Sắc.

Không phải là đạt được ở cõi Sắc, không đạt được pháp cõi Vô sắc, đó là sinh ở cõi Sắc, không đạt được các Uẩn của cõi Vô sắc.

Không phải là đạt được ở cõi Sắc, không đạt được pháp không hệ thuộc, đó là sinh ở cõi Sắc, không đạt được các Uẩn vô lậu, và Trạch diệt-Phi trạch diệt.

Hỏi: Các pháp cõi Vô sắc không đạt được, thì lúc ấy không phải là đạt được ở cõi Vô sắc chăng?

Đáp: Lúc ấy không phải là đạt được, hoặc ở cõi Dục, hoặc ở cõi Sắc, hoặc ở cõi Vô sắc.

Pháp cõi Vô sắc không đạt được, không phải là đạt được ở cõi Dục, đó là sinh ở cõi Dục, không phải là đạt được các Uẩn của cõi Vô sắc.

Pháp cõi Vô sắc không đạt được, không phải là đạt được ở cõi Sắc, đó là sinh ở cõi Sắc, không phải là đạt được các Uẩn của cõi Vô sắc.

Pháp cõi Vô sắc không đạt được, không phải là đạt được ở cõi Vô sắc, đó là sinh ở cõi Vô sắc, không phải là đạt được các Uẩn của cõi Vô sắc.

Hỏi: Giả sử không phải là đạt được ở cõi Vô sắc, thì lúc ấy không đạt được pháp cõi Vô sắc chăng?

Đáp: Pháp ấy hoặc là cõi Dục, hoặc là cõi Sắc, hoặc là cõi Vô sắc, hoặc là không hệ thuộc.

Không phải là đạt được ở cõi Vô sắc, không đạt được pháp cõi Dục, đó là sinh ở cõi Vô sắc, không đạt được các Uẩn của cõi Dục.

Không phải là đạt được ở cõi Vô sắc, không đạt được pháp cõi Sắc, đó là sinh ở cõi Vô sắc, không đạt được các Uẩn của cõi Sắc.

Không phải là đạt được ở cõi Vô sắc, không đạt được pháp cõi Vô sắc, đó là sinh ở cõi Vô sắc, không đạt được các Uẩn của cõi Vô sắc.

Không phải là đạt được ở cõi Vô sắc, không đạt được pháp không hệ thuộc, đó là sinh ở cõi Vô sắc, không đạt được các Uẩn vô lậu, và Trạch diệt-Phi trạch diệt.

Hỏi: Không đạt được các pháp Học, thì lúc ấy không phải là đạt được Học chăng?

Đáp: Không phải như vậy, bởi vì lúc ấy không phải là đạt được, là Phi học phi vô học chứ không phải là Học.

Hỏi: Giả sử không phải là đạt được Phi học phi vô học, thì lúc ấy không đạt được pháp Học chăng?

Đáp: Pháp ấy hoặc là Học, hoặc là Vô học, hoặc là Phi học phi vô học. Bởi vì Phi học phi vô học không phải là đạt được, cho nên không đạt được ba loại pháp.

Hỏi: Không đạt được các pháp Vô học, thì lúc ấy không phải là đạt được Vô học chăng?

Đáp: Không phải như vậy, bởi vì lúc ấy không phải là đạt được, là Phi học phi vô học chứ không phải là Vô học.

Hỏi: Giả sử không phải là đạt được Phi học phi vô học, thì lúc ấy không đạt được pháp Vô học chăng?

Đáp: Pháp ấy hoặc là Học, hoặc là Vô học, hoặc là Phi học phi vô học. Bởi vì Phi học phi vô học không phải là đạt được, cho nên không đạt được ba loại pháp.

Hỏi: Không đạt được các pháp Phi học phi vô học, thì lúc ấy không phải là đạt được Phi học phi vô học chăng?

Đáp: Đúng như vậy, bởi vì các pháp không phải là đạt được, chỉ là Phi học phi vô học.

Hỏi: Giả sử không phải là đạt được Phi học phi vô học, thì lúc ấy không đạt được pháp Phi học phi vô học chăng?

Đáp: Pháp ấy hoặc là Học, hoặc là Vô học, hoặc là Phi học phi vô

học. Bởi vì Phi học phi vô học không phải là đạt được, cho nên không đạt được ba loại pháp.

Hỏi: Không đạt được các pháp do Kiến mà đoạn, thì lúc ấy không phải là đạt được do Kiến mà đoạn chăng?

Đáp: Không phải như vậy, bởi vì lúc ấy không phải là đạt được, là do Tu mà đoạn chứ không phải là do Kiến mà đoạn.

Hỏi: Giả sử không phải là đạt được do Tu mà đoạn, thì lúc ấy không đạt được pháp do Kiến mà đoạn chăng?

Đáp: Pháp ấy hoặc là do Kiến mà đoạn, hoặc là do Tu mà đoạn, hoặc là không đoạn. Bởi vì do Tu mà đoạn không phải là đạt được, cho nên không đạt được ba loại pháp.

Hỏi: Không đạt được các pháp do Tu mà đoạn, thì lúc ấy không phải là đạt được do Tu mà đoạn chăng?

Đáp: Đúng như vậy, bởi vì các pháp không phải là đạt được, chỉ là do Tu mà đoạn.

Hỏi: Giả sử không phải là đạt được do Tu mà đoạn, thì lúc ấy không đạt được pháp do Tu mà đoạn chăng?

Đáp: Pháp ấy hoặc là do Kiến mà đoạn, hoặc là do Tu mà đoạn, hoặc là không đoạn. Bởi vì do Tu mà đoạn không phải là đạt được, cho nên không đạt được ba loại pháp.

Hỏi: Không đạt được các pháp không đoạn, thì lúc ấy không phải là đạt được không đoạn chăng?

Đáp: Không phải như vậy, bởi vì lúc ấy không phải là đạt được, là do Tu mà đoạn chứ không phải là không đoạn.

Hỏi: Giả sử không phải là đạt được do Tu mà đoạn, thì lúc ấy không đạt được pháp không đoạn chăng?

Đáp: Pháp ấy hoặc là do Kiến mà đoạn, hoặc là do Tu mà đoạn, hoặc là không đoạn. Bởi vì do Tu mà đoạn không phải là đạt được, cho nên không đạt được ba loại pháp.

-oOo-

LUẬN A TỲ ĐẠT MA ĐẠI TỲ BÀ SA

QUYỂN 158

LUẬN VỀ ĐẮC (Phần 2)

Hỏi: Đạt được-không phải là đạt được(đắc-phi đắc) sai biệt thế nào?

Đáp: Tên gọi tức là sai biệt, đó là tên gọi đạt được, tên gọi không phải là đạt được.

Lại nữa, đạt được bao gồm hữu lậu và vô lậu, không phải là đạt được chỉ có vô lậu.

Lại nữa, đạt được bao gồm thiện-bất thiện-vô ký, không phải là đạt được chỉ có vô ký.

Lại nữa, đạt được bao gồm hệ thuộc ba cõi và không hệ thuộc, không phải là đạt được chỉ riêng hệ thuộc ba cõi.

Lại nữa, đạt được bao gồm Học-Vô học và Phi học phi vô học, không phải là đạt được chỉ riêng Phi học phi vô học.

Lại nữa, đạt được bao gồm do Kiến mà đoạn, do Tu mà đoạn và không đoạn, không phải là đạt được chỉ riêng do Tu mà đoạn.

Lại nữa, đạt được bao gồm nhiễm ô và không nhiễm ô, không phải là đạt được chỉ riêng không nhiễm ô.

Lại nữa, đạt được bao gồm dị thục và không phải là dị thục, không phải là đạt được chỉ riêng không phải là dị thục.

Lại nữa, đạt được bao gồm có dị thục và không có dị thục, không phải là đạt được chỉ riêng không có dị thục.

Lại nữa, đạt được cùng với pháp đã đạt được, hoặc cùng lúc khởi lên, hoặc không cùng lúc khởi lên; không phải là đạt được thì cùng với những pháp không đạt được, chắc chắn không cùng lúc khởi lên.

Lại nữa, đạt được do Khổ-Tập-Đạo đế thâu nhiếp, không phải là đạt được chỉ do Khổ-Tập đế thâu nhiếp.

Bởi vì những phần như vậy, cho nên biết giữa đạt được và không phải là đạt được có sự sai biệt.

Hỏi: Vì sao tánh loại của đạt được cùng với pháp đã đạt được, hoặc

là giống nhau, hoặc là khác nhau?

Đáp: Đạt được có ba loại:

1. Pháp hữu vi đạt được.
2. Trạch diệt đạt được.
3. Phi trạch diệt đạt được.

Pháp hữu vi đạt được, tùy theo tánh loại sai biệt của pháp đã đạt được, bởi vì pháp hữu vi luôn luôn có tác dụng dẫn dắt tự nhiên đạt được. Trạch diệt đạt được, tùy theo tánh loại sai biệt của Đạo có năng lực chứng được, bởi vì các Trạch diệt tự mình không có tác dụng, chỉ nhờ vào lực của Đạo để cầu chứng được, cho nên Đạo ấy dẫn dắt đạt được pháp ấy. Phi trạch diệt đạt được, tùy theo tánh loại sai biệt thuộc sở y của mình, bởi vì Phi trạch diệt tự mình không có tác dụng, không phải là do Đạo mà mong cầu, đạt được pháp ấy chỉ dựa vào Mạng căn Chúng đồng phần mà hiện rõ trước mắt.

Hỏi: Không phải là đạt được tùy theo tánh loại sai biệt nào?

Đáp: Pháp ấy nhất định không tùy theo những pháp không đạt được, bởi vì trái ngược nhau. Vả lại, không tùy theo Đạo bởi vì không phải là do Đạo mà mong cầu, chỉ dựa vào Mạng căn Chúng đồng phần mà chuyển, cho nên tùy theo tánh loại sai biệt của sở y.

Hỏi: Nếu các pháp không phải là đạt được và Phi trạch diệt đạt được, cùng tùy theo tánh loại sai biệt của sở y, thì sở y hoặc là Dị thục, hoặc chỉ là Đẳng lưu, hai loại này tùy theo tánh loại sai biệt nào?

Đáp: Tùy theo tánh Đẳng lưu, bởi vì nghĩa bao trùm; Dị thục không phải là bao trùm, cho nên không tùy ý thiết lập.

Hỏi: Không phải là đạt được, nếu tùy theo tánh loại sai biệt của những pháp không đạt được thì có gì sai?

Đáp: Người đoạn căn thiện sẽ thành tựu pháp thiện, người đã lìa nhiễm cõi Dục sẽ thành tựu pháp bất thiện, những người Vô học sẽ thành tựu pháp nhiễm, dị sinh sẽ thành tựu pháp Vô lậu của ba Thừa, lui sụt Quả sẽ thành tựu Quả, rời bỏ Hướng sẽ thành tựu Hướng, hai pháp Diệt không phải là đạt được sẽ là Vô vi. Bởi vì những sai lầm như vậy, cho nên pháp không phải là đạt được, không có thể tùy theo tánh loại có khác nhau của những pháp không đạt được.

Hỏi: Đạt được đã nói là còn có đạt được, hay là không có? Nếu còn có đạt được, đạt được lại có đạt được, thì tại sao không phải là vô cùng tận? Nếu lại không có đạt được, thì đạt được này do đâu có thể nói là thành tựu?

Đáp: Nên nói là đạt được lại có đạt được.

Hỏi: Nếu như vậy thì sẽ trở thành vô cùng tận?

Đáp: Vô cùng tận cũng không có lỗi, bởi vì pháp sinh tử này khó đoạn dứt-khó vượt qua, hoặc là vô lượng đạt được đều trong một sát-na cùng lúc sinh ra mà diệt đi, cũng không có lỗi vì vô cùng tận.

Nói như vậy thì trong một sát-na chỉ có ba pháp:

1. Pháp ấy.
2. Đạt được.
3. Đạt được lại đạt được(đắc đắc).

Bởi vì đạt được cho nên thành tựu pháp ấy và đạt được lại đạt được, bởi vì đạt được lại đạt được cho nên thành tựu đạt được, bởi vì lại đạt được lẫn nhau cho nên không phải là vô cùng tận. Vì thế cho nên nói Sắc uẩn-Hành uẩn cùng một đạt được lại đạt được, cho đến Thức uẩn-Hành uẩn cùng một đạt được lại đạt được, hữu vi-vô vi cùng một đạt được lại đạt được.

Hỏi: Là mỗi một pháp có đạt được khác nhau, hay là không như vậy?

Đáp: Hoặc có người nói: Pháp Câu Hữu cùng chung một đạt được lại đạt được.

Hỏi: Nếu như vậy thì không nên đưa ra cách nói như vậy: Sắc uẩn-Hành uẩn cùng một đạt được lại đạt được…?

Đáp: Muốn hiển bày về pháp cùng với đạt được lại đạt được, không có đạt được khác nhau, cho nên đưa ra cách nói như vậy, nhưng thật ra không phải là không có nghĩa của năm Uẩn-bốn Uẩn cùng một đạt được lại đạt được.

Có người nói: Mỗi một pháp đạt được lại đạt được khác nhau, chỉ trừ ra đạt được lại đạt được, cùng chung một đạt được lại đạt được với pháp ấy.

Hỏi: Nếu như vậy thì có sai lầm về vô cùng tận, bởi vì đạt được đều có sinh-trú-dị-diệt, sinh-trú-dị-diệt lại có đạt được, cùng với đạt được lại đạt được; đạt được và đạt được lại đạt được ấy lại có sinh-trú- dị-diệt. Như vậy lần lượt chuyển tiếp cho nên trở thành vô cùng tận?

Đáp: Vô cùng tận lại có lỗi gì? Bởi vì pháp sinh tử này khó đoạn dứt-khó vượt qua, hoặc là các pháp này đều trong một sát-na cùng lúc sinh ra mà diệt đi, cũng không có lỗi vì vô cùng tận.

Nói như vậy thì pháp và sinh-trú-dị-diệt cùng chung một đạt được lại đạt được, bởi vì tướng cùng với tướng phụ thuộc(tướng-sở tướng) rất thân cận. Vì vậy dễ dàng thông suốt về Sắc uẩn-Hành uẩn cùng một đạt được lại

đạt được… Vả lại, trừ bỏ sai lầm về vô cùng tận như trước.

Như nói về đạt được, như vậy không phải là đạt được cùng với đạt được trái ngược nhau, nên tùy theo nói rộng ra. Nhưng mà không có không phải là đạt được lại không phải là đạt được(phi đắc phi đắc) cùng một lúc, pháp thuộc số hữu tình vào lúc hiện rõ ở trước mắt thì chắc chắn đi cùng với đạt được. Vì thế cho nên lúc không phải là đạt được khởi lên, thì quyết định không cùng với không phải là đạt được lại không phải là đạt được và pháp ấy cùng lúc khởi lên. Bởi vì ba pháp này trái ngược lẫn nhau. Thời gian khác nhau nói có điều này thì không ngăn cản.

Hỏi: Quá khứ-vị lai đạt được, là thành tựu hay là không thành tựu? Nếu như thành tựu thì trở thành vô cùng tận, đó là trong một sát-na có ba pháp cùng lúc khởi lên:

1. Pháp.
2. Đạt được.
3. Đạt được lại đạt được.

Ba pháp này ở phần vị Diệt có sáu đạt được của Sinh, đó là ba đạt được, ba đạt được lại đạt được. Sáu pháp này ở phần vị Diệt có mười hai đạt được khởi lên, đó là sáu đạt được, sáu đạt được lại đạt được. Mười hai pháp này ở phần vị Diệt có hai mươi bốn đạt được khởi lên, đó là mười hai đạt được, mười hai đạt được lại đạt được. Như vậy lần lượt chuyển tiếp từ vô thỉ đến nay, cho đến thời gian sau từng niệm từng niệm khởi lên gấp bội thì sự đạt được ấy là vô hạn. Sát-na kế tiếp nhau tăng lên gấp bội hãy còn như vậy, huống là đối với những sự đạt được tăng lên gấp bội của các sát-na trước đây đã cách xa rất nhiều hay sao? Vì thế cho nên lần lượt chuyển tiếp có lỗi là vô cùng tận.

Hỏi: Nếu như không thành tựu thì trái ngược nhau với phần sau của Uẩn này nói, như nói: "Lúc từ cõi Vô sắc chết đi sinh vào cõi Dục, đã đạt được Uẩn-Giới-Xứ, đại chủng, căn thiện, căn bất thiện, căn vô ký, tùy miên-kiết phược, tùy phiền não-triền, nên nói là đã từng đạt được lại đạt được, hay là chưa từng đạt được lại đạt được?

Đáp: Pháp thiện-nhiễm ô nên nói là đã từng đạt được lại đạt được, pháp dị thục nên nói là chưa từng đạt được lại đạt được." Như vậy thì không phải là không thành tựu, bởi vì đạt được cũng có thiện-nhiễm ô? Nên đưa ra cách nói này: Quá khứ-vị lai đạt được có thành tựu, bởi vì pháp thiện và nhiễm ô đều có đạt được của ba đời.

Hỏi: Nếu như vậy thì lẽ nào không phải là vô cùng tận hay sao?

Đáp: Vô cùng tận lại có lỗi gì? Bởi vì pháp sinh tử này khó đoạn dứt-

khó vượt qua, hoặc là những sự đạt được ấy trong một sát-na sinh ra, cũng không có lỗi vì vô cùng tận. Vả lại, những sự đạt được này chỉ có thể nói là nhiều, mà không phải là vô cùng tận, bởi vì hãy còn có phạm vi giới hạn.

Có Sư khác nói: Không có sự thành tựu về quá khứ-vị lai đạt được, vì thế cho nên không có lỗi vì vô cùng tận.

Hỏi: Phần sau của Uẩn này nói nên hiểu thế nào?

Đáp: Phần sau của Uẩn này nói về pháp đã đạt được(sở đắc), không phải là có thể đạt được lại đạt được(năng đắc đắc), điều ấy có lỗi gì?

Nói như vậy thì phải như cách nói thứ nhất, bởi vì đạt được như đã đạt được cho nên sẽ thành tựu.

Vả lại, bởi vì đạt được cho nên gọi là quả Sa-môn, nếu quá khứ-vị lai đạt được mà không thành tựu, thì các quả Sa-môn phải rời bỏ trong sát-na, đạt được trong sát-na. Nhưng mà không có điều này.

Lại nữa, các Thánh đạo có ba lúc rời bỏ:

1. Lúc lui sụt quả.
2. Lúc đạt được quả.
3. Lúc luyện căn.

Nếu quá khứ-vị lai đạt được mà không thành tựu, thì Thánh đạo sẽ rời bỏ trong từng sát-na từng sát-na, chứ không nói là ba lúc. Muốn làm cho không có sai lầm như vậy, cho nên có những sự đạt được thành tựu ở quá khứ-vị lai. Nếu thành tựu pháp đã đạt được thì cũng thành tựu sự đạt được lúc ấy, nếu pháp đã đạt được rời bỏ thì sự đạt được lúc ấy cũng rời bỏ, bởi vì pháp và sự đạt được có rời bỏ-đạt được giống nhau.

Nhưng đạt được(đắc) gồm có bốn loại:

1. Ở trước pháp ấy.
2. Ở sau pháp ấy.
3. Cùng lúc với pháp ấy.
4. Không phải là trước sau và cùng lúc với pháp ấy. Nếu pháp đã đạt được(sở đắc) thì có sáu loại:

1. Có pháp đã đạt được chỉ có cùng lúc đạt được, như Dị thục sinh…

2. Có pháp đã đạt được chỉ có trước lúc đạt được, như ba Loại trí-

Thế tục trí…, có người nói những loại này cũng có cùng lúc đạt được.

3. Có pháp đã đạt được chỉ có cùng lúc đạt được và sau lúc đạt được, như giới Biệt giải thoát…

4. Có pháp đã đạt được chỉ có cùng lúc đạt được và trước lúc đạt

được, như Đạo loại trí nhẫn….

5. Có pháp đã đạt được có đủ trước-sau và cùng lúc đạt được, như những pháp thiện-nhiễm ô….

6. Có pháp đã đạt được không có thể nói là có trước-sau và cùng lúc đạt được, mà có những sự đạt được, đó là Trạch diệt-Phi trạch diệt.

Nhất định không có pháp nào chỉ có đạt được sau pháp, bởi vì lúc hiện rõ ở trước mắt thì chắc chắn đạt được.

Tất cả pháp không phải là đạt được(phi đắc) gồm có ba loại:

1. Ở trước pháp ấy.
2. Ở sau pháp ấy.
3. Không phải là trước sau và cùng lúc với pháp ấy.

Những pháp vốn không đạt được(sở bất đắc) cũng có ba loại:

1. Có pháp vốn không đạt được, chỉ có trước nó và không phải là đạt được, đó là pháp hoàn toàn không sinh thuộc số hữu tình ở vị lai, và tâm trong sát-na cuối cùng tiến vào Niết-bàn Vô dư….

2. Có pháp vốn không đạt được, bao gồm có trước nó-sau nó và không phải là đạt được, đó là những pháp khác tùy theo thích hợp thuộc về số hữu tình.

3. Có pháp vốn không đạt được, không có trước nó-sau nó và cùng lúc không phải là đạt được, mà có lúc không phải là đạt được, đó là Trạch diệt-Phi trạch diệt.

Nhất định không có pháp nào không phải là đạt được mà có thể đi cùng với pháp, bởi vì lúc pháp hiện rõ ở trước mắt, thì pháp đã đạt được chắc chắn có đạt được. Không phải là đã đạt được, bởi vì không có pháp đạt được-không có pháp không phải là đạt được. Cũng không có pháp chỉ có sau nó và không phải là đạt được, bởi vì không phải là từ vô thỉ đến nay luôn luôn thành tựu, cho nên pháp ấy chưa rời bỏ thì nhất định khởi lên tất cả chủng loại của nó.

Nhưng tánh của các pháp không phải là đạt được, bởi vì yếu kém cho nên chỉ thành tựu hiện tại, mỗi một sát-na đạt được rồi lập tức rời bỏ. Đối với phần vị chưa đạt được pháp ấy và đã rời bỏ, luôn luôn có pháp không phải là đạt được này, cần phải biết!

Kiến đạo đã khởi lên đạt được có mười lăm loại, tức là lúc mười lăm tâm cùng khởi lên những đạt được. Phần vị Diệt của Kiến đạo và những đạt được do chính mình đã khởi lên cùng lúc diệt đi, như lúc mặt trời lặn và những ánh sáng do chính mình đã phát ra cùng lúc lặn đi. Nhưng Khổ pháp trí nhẫn có mười lăm đạt được, Khổ pháp trí có mười bốn đạt được, cho

đến Đạo loại trí nhẫn chỉ có một đạt được.

Hỏi: Kiến đạo đạt được là chỉ có bấy nhiêu, hay là còn có loại khác?

Đáp: Có người nói: Chỉ có bấy nhiêu. Có người nói: Còn có loại khác.

Đời vị lai không sinh ra những đạt được mà không có thể nói.

Điều này không hợp lý, thà rằng nên nói là không có, chứ không nên nói là có mà không thể nói.

Nói như vậy thì còn có loại khác đạt được ở vị lai. Khổ pháp trí nhẫn câu sinh đạt được một pháp, là Nhẫn đạt được hướng về nhau đều không có nghĩa của nhân.

Khổ pháp trí câu sinh đạt được ba pháp, đó là hai Đạo đạt được, một Ly hệ đạt được. Hai Đạo đạt được, đó là Khổ pháp trí nhẫn đạt được, Khổ pháp trí đạt được. Một Ly hệ đạt được, đó là mười ràng buộc (hệ) do kiến Khổ mà đoạn của cõi Dục đạt được diệt đi, mười lìa ràng buộc(ly hệ) đạt được khởi lên. Khổ pháp trí và ba pháp đạt được ấy không làm nhân cho nhau, Khổ pháp trí nhẫn và ba đạt được ấy đều có nghĩa của nhân.

Khổ loại trí nhẫn câu sinh đạt được bốn pháp, đó là ba Đạo đạt được, một Ly hệ đạt được. Khổ loại trí nhẫn và bốn pháp đạt được ấy không làm nhân cho nhau; Khổ pháp trí nhẫn làm nhân cho bốn đạt được; Khổ pháp trí làm nhân cho ba đạt được, trừ ra Khổ pháp trí nhẫn đạt được, bởi vì pháp thiện gia hạnh mạnh mẽ không phải là nhân yếu kém, pháp hữu vi đạt được tùy theo pháp mạnh-yếu.

Khổ loại trí câu sinh đạt được sáu pháp, đó là bốn Đạo đạt được, hai Ly hệ đạt được. Khổ loại trí và sáu pháp đạt được ấy không làm nhân cho nhau; Khổ pháp trí nhẫn làm nhân cho sáu đạt được; Khổ pháp trí làm nhân cho năm đạt được, trừ ra Khổ pháp trí nhẫn đạt được, bởi vì pháp ấy yếu kém; Khổ loại trí nhẫn làm nhân cho ba đạt được, trừ ra ba đạt được trước, bởi vì pháp ấy yếu kém.

Hỏi: Không làm nhân cho hai Đạo đạt được trước, điều này có thể như vậy, bởi vì pháp đã đạt được ấy yếu kém; không làm nhân cho Ly hệ đạt được trước, tại sao có thể như vậy, bởi vì pháp đã đạt được ấy là mạnh nhất?

Đáp: Bởi vì pháp hữu vi đạt được tùy theo pháp đã đạt được mạnh-yếu, do pháp ấy dẫn dắt; pháp vô vi đạt được tùy theo đạo mạnh-yếu, do đạo ấy dẫn dắt, bởi vì đạo ấy yếu kém cho nên pháp đạt được ấy không phải là nhân.

Như vậy cho đến Đạo loại trí nhẫn câu sinh đạt được hai mươi hai

pháp, đó là mười lăm Đạo đạt được, bảy Ly hệ đạt được. Đạo loại trí nhẫn và những pháp đạt được ấy không làm nhân cho nhau; Khổ pháp trí nhẫn đều làm nhân cho hai mươi hai đạt được; Khổ pháp trí làm nhân cho hai mươi mốt đạt được, trừ ra Khổ pháp trí nhẫn đạt được. Cho đến Đạo pháp trí chỉ làm nhân cho ba đạt được, đó là hai Đạo đạt được, một Ly hệ đạt được. Không phải là nhân của mười chín đạt được trước, bởi vì pháp ấy yếu kém.

Vì vậy cho nên nói có thể có pháp vô lậu sinh trước, không phải là nhân của pháp vô lậu sinh sau chăng?

Trả lời là có, đó là mạnh đối với yếu.

Hỏi: Lúc Khổ pháp trí nhẫn hiện rõ ở trước mắt, tu vô lượng Khổ pháp trí nhẫn ở vị lai, Nhẫn hiện tại này làm nhân cho pháp đã tu, pháp ấy là quả của Nhẫn này chăng?

Đáp: Có người nói: Nhẫn hiện tại này không phải là nhân của pháp đã tu, pháp ấy không phải là quả của Nhẫn này, bởi vì pháp ấy cuối cùng không có một sát-na hiện rõ ở trước mắt.

Lời bình: Nên nói Nhẫn này làm nhân cho pháp ấy, pháp ấy là quả của Nhẫn này, bởi vì thuộc về một sự nối tiếp nhau chứ không phải là Đạo yếu kém.

Hỏi: Như vậy cho đến lúc Định Kim cang dụ hiện rõ ở trước mắt, tu vô lượng Định Kim cang dụ ở vị lai, Định hiện tại này làm nhân cho pháp đã tu, pháp ấy là quả của Định này chăng?

Đáp: Có người nói: Định hiện tại này không phải là nhân của pháp đã tu, pháp ấy không phải là quả của Định này, bởi vì pháp ấy cuối cùng không có một sát-na hiện rõ ở trước mắt.

Lời bình: Nên nói Định này làm nhân cho pháp ấy, pháp ấy là quả của Định này, bởi vì thuộc về một sự nối tiếp nhau chứ không phải là Đạo yếu kém.

Khổ pháp trí nhẫn đã sinh, làm nhân cho Khổ pháp trí nhẫn không sinh, cũng làm nhân cho tất cả các đạo thuộc Học-Vô học như Khổ pháp trí…

Khổ pháp trí đã sinh, làm nhân cho Khổ pháp trí không sinh, cũng làm nhân cho tất cả các đạo thuộc Học-Vô học như Khổ loại trí nhẫn…, không làm nhân cho Khổ pháp trí nhẫn.

Như vậy cho đến Tận trí đã sinh, làm nhân cho Tận trí chưa sinh, cũng làm nhân cho tất cả các đạo Vô học về sau đã sinh-chưa sinh, không

làm nhân cho tất cả các đạo thuộc Học. Vì vậy cho nên nói.

Hỏi: Có thể có pháp vô lậu đã sinh, không phải là nhân của pháp vô lậu chưa sinh chăng?

Đáp: Có, đó là Khổ pháp trí đã sinh, không phải là nhân của Khổ pháp trí nhẫn chưa sinh; cho đến Tận trí đã sinh, không phải là nhân của Định Kim cang dụ chưa sinh, bởi vì Đạo thù thắng không làm nhân cho Đạo yếu kém.

Khổ-Tập đế là hữu lậu, những pháp đạt được ấy cũng là hữu lậu. Diệt đế là vô lậu, những pháp đạt được ấy hoặc là hữu lậu, hoặc là vô lậu. Đạo đế là vô lậu, những pháp đạt được ấy cũng là vô lậu.

Lại nữa, Khổ-Tập đế là thiện-bất thiện-vô ký, những pháp đạt được ấy cũng như vậy. Diệt đế-Đạo đế là thiện, những pháp đạt được ấy cũng là thiện.

Lại nữa, Khổ-Tập đế là hệ thuộc ba cõi, những pháp đạt được ấy cũng như vậy. Diệt đế là là không hệ thuộc, những pháp đạt được ấy hoặc là hệ thuộc cõi Sắc, hoặc là hệ thuộc cõi Vô sắc, hoặc là không hệ thuộc. Đạo đế là không hệ thuộc, những pháp đạt được ấy cũng không hệ thuộc.

Lại nữa, Khổ-Tập đế là Phi học phi vô học, những pháp đạt được ấy cũng như vậy. Diệt đế là Phi học phi vô học, những pháp đạt được ấy hoặc là Học, hoặc là Vô học, hoặc là Phi học phi vô học. Đạo đế là Học-Vô học, những pháp đạt được ấy cũng như vậy.

Lại nữa, Khổ-Tập đế là do Kiến mà đoạn, do Tu mà đoạn, những pháp đạt được ấy cũng như vậy. Diệt đế là không đoạn, những pháp đạt được ấy hoặc là do Tu mà đoạn, hoặc là không đoạn. Đạo đế là không đoạn, những pháp đạt được ấy cũng không đoạn.

Lại nữa, Khổ-Tập đế là nhiễm ô và không nhiễm ô, những pháp đạt được ấy cũng như vậy. Diệt đế-Đạo đế là không nhiễm ô, những pháp đạt được ấy cũng như vậy.

Lại nữa, Khổ-Tập đế là có dị thục và không có dị thục, những pháp đạt được ấy cũng như vậy. Diệt đế là không có dị thục, những pháp đạt được ấy hoặc là có dị thục, hoặc là không có dị thục. Đạo đế là không có dị thục, những pháp đạt được ấy cũng như vậy.

Lại nữa, Khổ-Tập đế là thuộc về Khổ-Tập đế, những pháp đạt được ấy cũng như vậy. Diệt đế là thuộc về Diệt đế, những pháp đạt được ấy là thuộc về ba đế Khổ-Tập-Đạo. Đạo đế là thuộc về Đạo đế, những pháp đạt được ấy cũng như vậy.

Bốn Đế đã đạt được và có thể đạt được lại đạt được, có những phần giống nhau và khác nhau như vậy…

Hỏi: Pháp hệ thuộc của địa nào, có mấy loại lìa hệ thuộc(ly hệ đắc) đạt được?

Đáp: Cõi Dục cho đến Vô sở hữu xứ, pháp do Kiến-Tu mà đoạn đều có ba loại lìa hệ thuộc đạt được, đó là Học-Vô học và Phi học phi vô học. Phi tưởng phi phi tưởng xứ thì pháp do Kiến mà đoạn, và pháp do Tu mà đoạn thuộc tám phẩm trước, đều có hai loại lìa hệ thuộc đạt được, đó là Học và Vô học; pháp do Tu mà đoạn thuộc phẩm thứ chín của cõi ấy, chỉ có một loại lìa hệ thuộc đạt được, đó là Vô học, bởi vì tâm ban đầu của Vô học mới bắt đầu khởi lên.

Hỏi: Pháp hệ thuộc của địa nào, có mấy địa đạt được lìa hệ thuộc vô lậu?

Đáp: Hoặc có người nói: Các pháp đạt được lìa hệ thuộc tùy theo sự đối trị về Đoạn. Người ấy đưa ra cách nói này: Pháp do Kiến-Tu mà đoạn của cõi Dục, đạt được lìa hệ thuộc vô lậu, thuộc về Định Vị chí; pháp do Kiến-Tu mà đoạn của Tĩnh lự thứ nhất, đạt được lìa hệ thuộc vô lậu, thuộc về ba địa; pháp do Kiến-Tu mà đoạn của Tĩnh lự thứ hai, đạt được lìa hệ thuộc vô lậu, thuộc về bốn địa; pháp do Kiến-Tu mà đoạn của Tĩnh lự thứ ba, đạt được lìa hệ thuộc vô lậu, thuộc về năm địa; pháp do Kiến-Tu mà đoạn của Tĩnh lự thứ tư, và pháp do Kiến mà đoạn của cõi Vô sắc, đạt được lìa hệ thuộc vô lậu, thuộc về sáu địa; pháp do Tu mà đoạn của Không vô biên xứ, đạt được lìa hệ thuộc vô lậu, thuộc về bảy địa; pháp do Tu mà đoạn của Thức vô biên xứ, đạt được lìa hệ thuộc vô lậu, thuộc về tám địa; Vô sở hữu xứ và Phi tưởng phi phi tưởng xứ, đạt được lìa hệ thuộc vô lậu, thuộc về chín địa.

Lại có người nói: Các pháp đạt được lìa hệ thuộc tùy theo sự đối trị về Hoại. Người ấy đưa ra cách nói này: Pháp do Kiến-Tu mà đoạn của cõi Dục-Sắc, đạt được lìa hệ thuộc vô lậu đều thuộc về sáu địa; pháp do Kiến-Tu mà đoạn của Không vô biên xứ, đạt được lìa hệ thuộc vô lậu, thuộc về bảy địa; pháp do Kiến-Tu mà đoạn của Thức vô biên xứ, đạt được lìa hệ thuộc vô lậu, thuộc về tám địa; pháp do Kiến-Tu của Vô sở hữu xứ và Phi tưởng phi phi tưởng xứ, đạt được lìa hệ thuộc vô lậu, thuộc về chín địa.

Có người đưa ra cách nói này: Nếu địa có Đạo thuộc phẩm Pháp trí, thì địa ấy có pháp do Kiến-Tu mà đoạn của cõi Dục, đạt được lìa hệ thuộc vô lậu. Nếu địa có Đạo thuộc phẩm Loại trí, thì địa ấy có pháp do Kiến-Tu mà đoạn của cõi Sắc-Vô sắc, đạt được lìa hệ thuộc vô lậu. Người ấy đưa ra

cách nói này: Pháp do Kiến-Tu mà đoạn của cõi Dục, đạt được lìa hệ thuộc vô lậu, thuộc về sáu địa; pháp do Kiến-Tu mà đoạn của cõi Sắc-Vô sắc, đạt được lìa hệ thuộc vô lậu, thuộc về chín địa.

Lời bình: Trong này, cách nói thứ nhất là hợp lý, bởi vì các pháp đạt được lìa hệ thuộc cần phải do lực đối trị về Đoạn mà dẫn dắt khởi lên.

Hỏi: Nếu dùng Diệt-Đạo pháp trí, lúc lìa nhiễm do Tu mà đoạn của cõi Sắc-Vô sắc, thì pháp do Tu mà đoạn của cõi Sắc-Vô sắc ấy, đạt được lìa hệ thuộc vô lậu, là thuộc về phẩm Pháp trí, hay là thuộc về phẩm Loại trí? Nếu thuộc về phẩm Pháp trí thì điều này không hợp lý, bởi vì pháp ấy và Đoạn do Loại trí mà nhận biết. Nếu thuộc về phẩm Loại trí thì cũng không hợp lý, bởi vì Đoạn ấy và đạt được do Pháp trí mà chứng được.

Đáp: Có người đưa ra cách nói này: Đạt được lìa hệ thuộc ấy, thuộc về phẩm Loại trí.

Hỏi: Lẽ nào không phải Đoạn ấy và đạt được do Pháp trí mà chứng được hay sao?

Đáp: Tuy là do Pháp trí đã chứng mà thuộc về Loại trí, bởi vì do Loại trí nhận biết.

Có Sư khác nói: Đạt được lìa hệ thuộc vô lậu ấy, thuộc về phẩm Pháp trí.

Hỏi: Lẽ nào không phải pháp ấy và Đoạn do Loại trí mà nhận biết hay sao?

Đáp: Tuy là do Loại trí nhận biết mà thuộc về Pháp trí, bởi vì Pháp trí đã chứng được.

Lời bình: Trong này, cách nói thứ nhất là hợp lý, bởi vì phẩm Loại trí là pháp đối trị quyết định không giống nhau với pháp ấy.

Hỏi: Lúc Thánh giả dùng đạo thế tục lìa nhiễm của các địa, là Đạo đã từng đạt được, hay là Đạo chưa từng đạt được?

Đáp: Có người đưa ra cách nói này: Là Đạo đã từng đạt được, bởi vì Đạo này từ vô thỉ đến nay, luyện tập xuyên suốt đã từng đạt được, cho nên nay hiện rõ trước mắt. Người ấy đưa ra cách nói này: Lúc Thánh giả dùng đạo thế tục, lìa nhiễm thuộc phẩm Thượng Thượng do Tu mà đoạn của cõi Dục, đối với pháp thuộc phẩm Thượng Thượng do Tu mà đoạn của cõi Dục, đạt được hai loại lìa hệ thuộc đạt được:

1. Thế tục đạt được.
2. Vô lậu đạt được. Thế tục đạt được là chủng loại của Đạo đã từng đạt được, vô lậu đạt được là chủng loại của Thánh đạo. Bởi vì lúc

đạo thế tục hiện rõ ở trước mắt, cũng tu đạo vô lậu thuộc vị lai. Đối với pháp thuộc phẩm Thượng Thượng do Kiến mà đoạn của cõi Dục, đạt được một loại lìa hệ thuộc đạt được, đó là thế tục đạt được, là chủng loại của Đạo đã từng đạt được; không đạt được vô lậu đạt được, bởi vì trước đây đã đạt được.

Hỏi: Nếu như vậy thì tại sao Đạo đối trị giống nhau, chuyển thành đối trị không giống nhau? Đó là Đạo đã từng đạt được này, lúc trước dùng toàn bộ các pháp do Kiến-Tu mà đoạn của cõi Dục làm chín phẩm để đoạn, bây giờ Đạo này chỉ đoạn pháp do Tu mà đoạn của cõi Dục.

Đáp: Đạo này còn gọi là Đạo đối trị giống nhau, bởi vì Đạo này luôn luôn có lực của Đoạn đi cùng. Bởi vì pháp do Kiến mà đoạn này trước đây đã đoạn, nay không có gì đáng đoạn chứ không phải là không có thể đoạn, cho nên luôn luôn gọi là Đạo đối trị giống nhau.

Như lìa phẩm Thượng Thượng, cho đến lìa phẩm Hạ Hạ cũng như vậy. Như lìa do Tu mà đoạn của cõi Dục, cho đến lìa do Tu mà đoạn của Vô sở hữu xứ cũng như vậy.

Có Sư khác nói: Là Đạo chưa từng đạt được, bởi vì Đạo này từ vô thỉ đến nay, chưa tu tập-chưa đạt được, chỉ do bậc Thánh mà khởi lên. Vị ấy đưa ra cách nói này: Lúc Thánh giả dùng đạo thế tục lìa nhiễm thuộc phẩm Thượng Thượng do Tu mà đoạn của cõi Dục, đối với pháp thuộc phẩm Thượng Thượng do Tu mà đoạn của cõi Dục, đạt được hai loại lìa hệ thuộc đạt được:

1. Thế tục đạt được.
2. Vô lậu đạt được.

Thế tục đạt được là chủng loại của đạo chưa từng đạt được, vô lậu đạt được là chủng loại của Thánh đạo. Bởi vì lúc đạo thế tục hiện rõ ở trước mắt, cũng tu đạo vô lậu thuộc vị lai. Đối với pháp thuộc phẩm Thượng Thượng do Kiến mà đoạn của cõi Dục, không đạt được lìa hệ thuộc đạt được. Không đạt được thế tục đạt được, bởi vì Đạo chưa từng đạt được không phải là đối trị của nó. Không đạt được vô lậu đạt được, bởi vì trước đó đã đạt được.

Như lìa phẩm Thượng Thượng, cho đến lìa phẩm Hạ Hạ cũng như vậy. Như lìa tám phẩm do Tu mà đoạn của cõi Dục, lìa tám phẩm do Tu mà đoạn của Tĩnh lự thứ nhất, cho đến lìa tám phẩm do Tu mà đoạn của Vô sở hữu xứ cũng như vậy.

Lúc đạo giải thoát lìa nhiễm thuộc phẩm thứ chín do Tu mà đoạn của cõi Dục, vị lai tu hai đạo thế tục đã từng đạt được-chưa từng đạt được, lúc

bấy giờ đối với pháp do Tu mà đoạn của cõi Dục, đạt được ba loại lìa hệ thuộc đạt được:

1. Đạt được thế tục đã từng đạt được, đó là chủng loại của Đạo đã từng đạt được.

2. Đạt được thế tục chưa từng đạt được, đó là chủng loại của Đạo chưa từng đạt được.

3. Vô lậu đạt được, đó là chủng loại của Thánh đạo. Đối với pháp do Kiến mà đoạn của cõi Dục, đạt được hai loại lìa hệ thuộc đạt được, trừ ra đạt được thế tục chưa từng đạt được.

Hỏi: Vì sao biết lúc đạo giải thoát thứ chín, có thể tu hai đạo thế tục đã từng đạt được-chưa từng đạt được thuộc vị lai?

Đáp: Bởi vì nói nếu thành tựu Tha tâm trí hiện tại, thì lúc ấy nhất định thành tựu Tha tâm trí quá khứ.

Hỏi: Vì sao lúc lìa nhiễm thuộc tám phẩm trước, tu Đạo chưa từng đạt được, lúc đạo giải thoát lìa nhiễm thuộc phẩm thứ chín, thì tu Đạo đã từng đạt được và chưa từng đạt được?

Đáp: Đạo lìa nhiễm có khác, địa đạt được cũng có khác, nghĩa là Đạo lìa nhiễm chỉ có chưa từng đạt được, vị lai đã tu cũng chưa từng đạt được. Nếu lúc địa đạt được thì Đạo lìa nhiễm hiện tại tuy chưa từng đạt được mà đạt được địa Căn bản, cho nên bao gồm tu Đạo đã từng đạt được và chưa từng đạt được thuộc vị lai.

Như lìa phẩm thứ chín do Tu mà đoạn của cõi Dục, cho đến lìa phẩm thứ chín do Tu mà đoạn của Vô sở hữu xứ cũng như vậy.

Lời bình: Nên đưa ra cách nói này: Lúc Thánh giả dùng đạo thế tục lìa nhiễm của các địa, nên nói là Đạo chưa từng đạt được, bởi vì xưa kia đạt được thuộc vị lai chỉ là do bậc Thánh mà khởi lên. Nhưng đối với vị lai thì bao gồm tu Đạo đã từng đạt được và chưa từng đạt được, bởi vì cùng chung pháp đối trị.

Nên đưa ra cách nói này: Thánh giả dùng đạo thế tục, lúc lìa nhiễm thuộc phẩm Thượng Thượng do Tu mà đoạn của cõi Dục, đối với pháp thuộc phẩm Thượng Thượng do Tu mà đoạn của cõi Dục, đạt được ba loại lìa hệ thuộc đạt được:

1. Đạt được thế tục đã từng đạt được, đó là chủng loại của Đạo đã từng đạt được.

2. Đạt được thế tục chưa từng đạt được, đó là chủng loại của Đạo chưa từng đạt được.

3. Vô lậu đạt được, đó là chủng loại của Thánh đạo. Đối với pháp

thuộc phẩm Thượng Thượng do Tu mà đoạn của cõi Dục, đạt được một loại lìa hệ thuộc đạt được, đó là chủng loại của đạo thế tục đã từng đạt được. Không đạt được sự đạt được chưa từng đạt được, bởi vì Đạo chưa từng đạt được không phải là đối trị của nó. Không đạt được vô lậu đạt được, bởi vì trước đó đã đạt được.

Như lìa phẩm Thượng Thượng, cho đến lìa phẩm Hạ Hạ cũng như vậy. Như lìa do Tu mà đoạn của cõi Dục, cho đến lìa do Tu mà đoạn của Vô sở hữu xứ cũng như vậy. Vì vậy cho nên nói.

Hỏi: Có thể có không lui sụt, không đạt được quả, không chuyển căn, không phải là Kiến đạo hiện rõ ở trước mắt, cũng không phải là loài dị sinh, mà đối với pháp do Kiến mà đoạn đạt được lìa hệ thuộc đạt được chăng?

Đáp: Có, đó là trước đã nói, chỉ trừ ra lúc lìa nhiễm thuộc phẩm thứ sáu-thứ chín của cõi Dục. Dựa vào nghĩa đã nói, cho nên đưa ra cách nói như vậy.

Hỏi: Có thể có lìa hệ thuộc đạt được, đạt được mà không rời bỏ, rời bỏ mà không đạt được chăng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu phân biệt:

1. Có lúc lìa hệ thuộc đạt được, đạt được mà không rời bỏ, đó là lúc các dị sinh lìa nhiễm của cõi Dục, cho đến lìa nhiễm của Vô sở hữu xứ, và lúc các Thánh giả không phải là đạt được quả lìa nhiễm.

2. Có lúc lìa hệ thuộc đạt được, rời bỏ mà không đạt được, đó là lúc các dị sinh lui sụt từ lìa nhiễm của cõi Dục cho đến lìa nhiễm của Vô sở hữu xứ, và lúc các Thánh giả lui sụt mà không phải là mất quả, như lúc từ cõi Dục chết đi sinh đến Tĩnh lự thứ hai trở lên, lúc từ Tĩnh lự thứ nhất chết đi sinh đến Tĩnh lự thứ hai trở lên, cho đến lúc từ Vô sở hữu xứ chết đi sinh đến Phi tưởng phi phi tưởng xứ, lúc từ các địa của cõi Sắc-Vô sắc chết đi sinh vào cõi Dục.

3. Có lúc lìa hệ thuộc đạt được, cũng đạt được-cũng rời bỏ, đó là lúc tiến tới đạt được bốn quả Sa-môn, lúc Tín thắng giải luyện căn thành Kiến chí, lúc A-la-hán thuộc chủng tánh Thối pháp… luyện căn thành Tư pháp…, lúc từ lìa nhiễm hoặc là chủng tánh mà lui sụt ba hay bốn quả Sa-môn, hoặc là lúc ở cõi Sắc-Vô sắc từ địa trên chết đi sinh xuống địa dưới.

4. Có lúc lìa hệ thuộc đạt được, không phải là đạt được-không phải là rời bỏ, đó là trừ ra những tướng trước.

Hỏi: Nếu trước lìa nhiễm thuộc năm phẩm của cõi Dục, sau tiến vào Chánh tánh ly sinh, thì lúc Khổ pháp trí sinh khởi, đối với pháp thuộc năm phẩm do kiến Khổ mà đoạn trước đây đã đoạn, và pháp thuộc bốn phẩm do

kiến Khổ mà đoạn bây giờ đã đoạn, đều đạt được lìa hệ thuộc vô lậu đạt được; cho đến lúc Đạo pháp trí sinh khởi, đối với pháp thuộc năm phẩm do kiến Đạo mà đoạn trước đây đã đoạn, và pháp thuộc bốn phẩm do kiến Đạo mà đoạn bây giờ đã đoạn, đều đạt được lìa hệ thuộc vô lậu đạt được. Lúc Đạo loại trí sinh khởi, đối với pháp do Kiến mà đoạn của ba cõi, đều đạt được lìa hệ thuộc vô lậu đạt được, lúc ấy pháp thuộc năm phẩm do Tu mà đoạn của cõi Dục trước đây đã đoạn, lìa hệ thuộc đạt được vô lậu là đạt được lúc nào?

Đáp: Tôn giả Tăng-già-phiệt-tô đưa ra cách nói như vậy: "Đạt được ở lúc Đạo loại trí sinh khởi, bởi vì lúc bấy giờ gọi là quả Dự lưu, cũng gọi là Hướng thuộc Nhất lai."

Vị ấy nói không đúng. Nguyên cớ thế nào? Bởi vì vào lúc bấy giờ đạt được quả Dự lưu, đối với Đạo của Hướng thuộc quả Nhất lai, thậm chí chưa khởi lên một sát-na hiện rõ trước mắt, làm sao có thể nói là Hướng thuộc Nhất lai?

Có người đưa ra cách nói này: Đạt được ở lúc khởi lên đạo gia hạnh của quả Nhất lai, bởi vì đạo này do Hướng thuộc Nhất lai thâu nhiếp.

Có Sư khác nói: Đạt được ở lúc đạt được quả Nhất lai, bởi vì lúc trú trong đạo vô gián thứ sáu, có thể dẫn dắt pháp do Kiến mà đoạn của ba cõi, và pháp thuộc sáu phẩm trước do Tu mà đoạn của cõi Dục, lìa hệ thuộc đạt được vô lậu, khiến cho khởi lên đạt được quả Nhất lai.

Nói như vậy thì từ quả Dự lưu quyết định khởi lên đạo thắng tiến, đạt được vào lúc đạo ấy hiện rõ trước mắt, bởi vì lúc từ quả dưới khởi lên đạo thắng tiến hướng đến quả trên, chắc chắn tu đạo đối trị các kiết ở phần vị trên đã đoạn trước đó.

Hỏi: Có thể có trong một sát-na đối với lìa hệ thuộc đạt được vô lậu, có Thân tác chứng mà Tuệ không nhận thấy, có Tuệ nhận thấy mà Thân không tác chứng, cho đến làm thành bốn câu phân biệt chăng?

Đáp: Có, đó là lúc Đạo loại trí nhẫn diệt đi, Đạo loại trí sinh ra.

Nên làm thành bốn câu phân biệt:

1. Có lúc lìa hệ thuộc đạt được vô lậu, Thân tác chứng mà Tuệ không nhận thấy, đó là pháp do Kiến mà đoạn của cõi Dục, lìa hệ thuộc đạt được vô lậu.

2. Có lúc lìa hệ thuộc đạt được vô lậu, Tuệ nhận thấy mà Thân không tác chứng, đó là pháp do Tu mà đoạn của cõi Sắc-Vô sắc, lìa hệ thuộc đạt được vô lậu.

3. Có lúc lìa hệ thuộc đạt được vô lậu, Thân tác chứng mà Tuệ cũng nhận thấy, đó là pháp do Kiến mà đoạn của cõi Sắc-Vô sắc, lìa hệ thuộc đạt được vô lậu.

4. Có lúc lìa hệ thuộc đạt được vô lậu, Thân không tác chứng mà Tuệ cũng không nhận thấy, đó là pháp do Tu mà đoạn của cõi Dục, lìa hệ thuộc đạt được vô lậu.

Hỏi: Có thể có trong một sát-na đối với năm căn như Tín…, đạt được mà không rời bỏ, rời bỏ mà không đạt được, cho đến làm thành bốn câu phân biệt chăng?

Đáp: Có, đó là lúc Thánh giả lìa nhiễm của cõi Dục, trú trong đạo vô gián cuối cùng. Nên làm thành bốn câu phân biệt:

1. Đạt được mà không rời bỏ, đó là năm căn như Tín… do đạo thế tục của ba địa và đạo vô lậu của hai địa thâu nhiếp.

2. Rời bỏ mà không đạt được, đó là năm căn như Tín… câu sinh thuộc Ưu căn-Ác tác của cõi Dục.

3. Cũng đạt được mà cũng rời bỏ, đó là năm căn như Tín… do đạo vô lậu của địa Vị chí thâu nhiếp, rời bỏ thì do đạo vô gián thâu nhiếp, đạt được thì do đạo giải thoát thâu nhiếp.

4. Không phải là đạt được cũng không phải là rời bỏ, đó là trừ ra những tướng trước.

Hỏi: Nếu pháp là quá khứ thì pháp ấy đạt được ở quá khứ chăng?

Giả sử đạt được ở quá khứ thì pháp ấy là quá khứ chăng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu phân biệt:

1. Có pháp là quá khứ mà pháp ấy đạt được không phải là quá khứ, đó là pháp thuộc số hữu tình của quá khứ, pháp ấy đạt được ở vị lai-hiện tại.

2. Có pháp đạt được ở quá khứ mà pháp ấy không phải là quá khứ, đó là quá khứ đạt được pháp thuộc số hữu tình đạt được ở vị lai-hiện tại, và Trạch diệt-Phi trạch diệt.

3. Có pháp là quá khứ mà pháp ấy đạt được cũng là quá khứ, đó là pháp thuộc số hữu tình của quá khứ, pháp ấy đạt được ở quá khứ.

4. Có pháp không phải là quá khứ mà pháp ấy đạt được cũng không phải là quá khứ, đó là vị lai-hiện tại đạt được pháp thuộc số hữu tình đạt được ở vị lai-hiện tại, và Trạch diệt-Phi trạch diệt.

Như quá khứ làm thành bốn câu phân biệt, vị lai-hiện tại đều làm thành bốn câu phân biệt, như lý cần phải biết.

Hỏi: Nếu pháp ở quá khứ thì pháp ấy có đạt được ở quá khứ chăng?

Giả sử pháp có đạt được ở quá khứ thì pháp ấy ở quá khứ chăng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu phân biệt:

1. Có pháp ở quá khứ mà pháp ấy không có đạt được ở quá khứ, đó là pháp thuộc số phi hữu tình của quá khứ.

2. Có pháp có đạt được ở quá khứ mà pháp ấy không ở quá khứ, đó là Trạch diệt-Phi trạch diệt, và pháp thuộc số hữu tình của vị lai-hiện tại, có đạt được ở quá khứ.

3. Có pháp ở quá khứ mà pháp ấy cũng có đạt được ở quá khứ, đó là pháp thuộc số hữu tình của quá khứ.

4. Có pháp không phải là ở quá khứ mà pháp ấy cũng không phải là có đạt được ở quá khứ, đó là pháp thuộc số phi hữu tình của vị lai- hiện tại, và Hư không-Vô vi, cùng với pháp thuộc số hữu tình của vị lai-hiện tại, và Trạch diệt-Phi trạch diệt, không có đạt được ở quá khứ.

Như quá khứ làm thành bốn câu phân biệt, vị lai-hiện tại đều làm thành bốn câu phân biệt, như lý cần phải biết.

Hỏi: Nếu pháp không ở quá khứ thì pháp ấy không có đạt được ở quá khứ chăng? Giả sử pháp không có đạt được ở quá khứ thì pháp ấy không ở quá khứ chăng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu phân biệt: Câu thứ hai của phần trước làm câu thứ nhất ở phần này, câu thứ nhất của phần trước làm câu thứ hai ở phần này, câu thứ tư của phần trước làm câu thứ ba ở phần này, câu thứ ba của phần trước làm câu thứ tư ở phần này. Như trước cần phải biết.

Như quá khứ làm thành bốn câu phân biệt, vị lai-hiện tại đều làm thành bốn câu phân biệt, như lý cần phải biết.

Hỏi: Nếu pháp có đạt được thì pháp ấy có lìa hệ thuộc đạt được chăng? Giả sử pháp có lìa hệ thuộc đạt được thì pháp ấy có đạt được chăng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu phân biệt:

1. Có pháp có đạt được mà pháp ấy không phải là có lìa hệ thuộc đạt được, đó là pháp hữu vi vô lậu, và Trạch diệt-Phi trạch diệt.

2. Có pháp có lìa hệ thuộc đạt được mà pháp ấy không phải là có đạt được, đó là pháp thuộc số phi hữu tình.

3. Có pháp có đạt được mà pháp ấy cũng có lìa hệ thuộc đạt được, đó là pháp thuộc số hữu tình hữu lậu.

4. Có pháp không phải là có đạt được mà pháp ấy cũng không phải là có lìa hệ thuộc đạt được, đó là Hư không-Vô vi.

Hỏi: Nếu pháp không có đạt được thì pháp ấy không có lìa hệ thuộc đạt được chăng? Giả sử pháp không có lìa hệ thuộc đạt được thì pháp ấy không có đạt được chăng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu phân biệt: Câu thứ hai của phần trước làm câu thứ nhất ở phần này, câu thứ nhất của phần trước làm câu thứ hai ở phần này, câu thứ tư của phần trước làm câu thứ ba ở phần này, câu thứ ba của phần trước làm câu thứ tư ở phần này. Như trước cần phải biết.

Hỏi: Nếu pháp nên tu thì pháp ấy đạt được nên tu chăng? Giả sử pháp đạt được nên tu thì pháp ấy nên tu chăng?

Đáp: Nếu pháp nên tu thì pháp ấy đạt được cũng nên tu. Có pháp đạt được nên tu mà pháp ấy không phải là nên tu, đó là Trạch diệt.

Hỏi: Nếu pháp nên đoạn thì pháp ấy đạt được nên đoạn chăng?

Giả sử pháp đạt được nên đoạn thì pháp ấy nên đoạn chăng?

Đáp: Nếu pháp nên đoạn thì pháp ấy đạt được cũng nên đoạn. có pháp đạt được nên đoạn mà pháp ấy mà pháp ấy không phải là nên đoạn, đó là một phần Trạch diệt, và Phi trạch diệt.

Hỏi: Nếu pháp nên chán bỏ thì pháp ấy đạt được nên chán bỏ chăng? Giả sử pháp đạt được nên chán bỏ thì pháp ấy nên chán bỏ chăng?

Đáp: Nếu pháp nên chán bỏ thì pháp ấy đạt được cũng nên chán bỏ. Có pháp đạt được nên chán bỏ mà pháp ấy không phải là nên chán bỏ, đó là một phần Trạch diệt, và Phi trạch diệt.

Hỏi: Vì sao những pháp đạt được tùy theo pháp đã đạt được, thành tánh của thiện… mà không thành tánh của sắc…?

Đáp: Thiện…là tánh loại của các pháp, tánh loại của các pháp có thể tùy theo nhau mà chuyển, sắc…là tự Thể của các pháp, tự Thể của các pháp không có nghĩa tùy theo nhau.

Có người nói: Thiện…là cọng tướng có thể tùy theo mà chuyển, sắc… là tự tướng không có nghĩa tùy theo nhau.

Hỏi: Vì sao những pháp đạt được tùy theo pháp đã đạt được nhất định là thiện…, chứ không tùy theo pháp đã đạt được nhất định là quá khứ?

Đáp: Bởi vì các pháp đã đạt được hiện hành theo đời không nhất định, cho nên có thể đạt được lại đạt được theo đời cũng không nhất định; bởi vì các pháp đã đạt được nhất định là tánh của thiện…, cho nên có thể đạt được lại đạt được cũng nhất định là tánh của thiện…

Hỏi: Những pháp đạt được do mấy Thức mà phân biệt, do mấy Trí mà nhận biết, do mấy Tùy miên mà tùy tăng?

Đáp: Những pháp đạt được do một Thức mà phân biệt, đó là Ý thức, bởi vì thuộc về Pháp giới-Pháp xứ-Hành uẩn; do tám Trí mà nhận biết, trừ ra Diệt trí-Tha tâm trí, bởi vì là hữu vi không tương ưng; do Tùy miên duyên hữu lậu thuộc năm Bộ của ba cõi mà tùy tăng, bởi vì ở trong sự đạt được không có tùy tăng tương ưng.

Hỏi: Những pháp không phải là đạt được do mấy Thức mà phân biệt, do mấy Trí mà nhận biết, do mấy Tùy miên mà tùy tăng?

Đáp: Những pháp không phải là đạt được do một Thức mà phân biệt, đó là Ý thức, bởi vì cũng thuộc về Pháp giới-Pháp xứ-Hành uẩn; do bảy Trí mà nhận biết, trừ ra Diệt trí-Đạo trí-Tha tâm trí, bởi vì là hữu lậu không tương ưng; Tùy miên do Tu mà đoạn của ba cõi, và các Tùy miên biến hành mà tùy tăng, bởi vì pháp không phải là đạt được chỉ do Tu mà đoạn.

Hỏi: Có thể có rời bỏ pháp đạt được mà không đạt được pháp không phải là đạt được chăng?

Đáp: Có, đó là lúc tiến vào Niết-bàn Vô dư, bởi vì rời bỏ các pháp đạt được mà không đạt được pháp đoạn của sở y không phải là đạt được.

Hỏi: Có thể có các pháp trước đó khởi lên không phải là đạt được, vừa đạt được trở đi lại không khởi lên không phải là đạt được chăng?

Đáp: Có, đó là các Phi trạch diệt, và Vô sinh trí…, bởi vì vừa đạt được trở đi cho đến trước Niết-bàn Vô dư thì luôn luôn thành tựu.

Hỏi: Có thể có các pháp xưa nay có đạt được mà không có không phải là đạt được chăng?

Đáp: Có người nói: Không có, bởi vì có đạt được thì nhất định có lúc không phải là đạt được.

Có người nói: Có, như ba Loại trí-Thế tục trí…, pháp Phi trạch diệt xưa nay có đạt được mà không hề có lúc không phải là đạt được, bởi vì pháp ấy nhất định không sinh.

Hỏi: Như có pháp vừa đạt được có thể đạt được, thì pháp ấy và đạt được lại đạt được, cũng có lúc vừa không phải là đạt được có thể rời bỏ, thì pháp ấy và không phải là đạt được lại không phải là đạt được chăng?

Đáp: Không có, bởi vì không phải là đạt được cùng lúc không có không phải là đạt được lại không phải là đạt được, bởi vì hiện tại không phải là đạt được nhất định thành tựu.

Hỏi: Có thể có pháp không có đạt được-không có không phải là đạt được, mà pháp ấy diệt thì có đạt được-có lúc không phải là đạt được chăng?

Đáp: Có, đó là tất cả các pháp thuộc về số phi hữu tình.

-oOo-

LUẬN A TỲ ĐẠT MA ĐẠI TỲ BÀ SA

QUYỂN 159

LUẬN VỀ ĐẮC (Phần 3)

Các pháp vô sắc thiện khởi lên, pháp ấy đi cùng với tâm thiện chăng? Cho đến nói rộng ra.

Hỏi: Vì sao soạn ra phần luận này?

Đáp: Bởi vì cần phải ngăn chặn ý nói là không có pháp tương ưng, không có sinh-lão-trú-diệt, không có lui sụt, và muốn hiển bày về pháp tương ưng theo chánh lý của tông chỉ mà mình đã nói, cho nên soạn ra phần luận này.

Hỏi: Vì sao trong này chỉ hỏi về khởi lên vô sắc chứ không hỏi về sắc?

Đáp: Bởi vì đó là ý của người soạn luận muốn như vậy, tùy theo ý muốn ấy mà soạn ra phần luận này, nhưng không trái với pháp tướng, thì không cần phải vặn hỏi.

Có người nói: Nếu pháp ở trong tất cả các cõi, tất cả các địa, tất cả các bộ, tất cả các tâm có thể đạt được, thì trong này hỏi đến; sắc pháp không phải là trong tất cả các cõi, cho đến không phải là trong tất cả các tâm có thể đạt được, cho nên trong này không hỏi.

Có người nói: Nếu pháp phần nhiều là tâm cùng có, do lực của tâm sinh ra, tùy theo tâm mà chuyển, thì trong này hỏi đến; sắc pháp phần nhiều không phải là tâm cùng có, không phải là lực của tâm sinh ra, không phải là tùy theo tâm chuyển. Như Khổ pháp trí nhẫn khởi lên thì có chín mươi tám tùy miên đạt được, nhưng các pháp đạt được ấy không phải là Nhẫn cùng có, không phải là lực của Nhẫn sinh ra, không phải là tùy theo Nhẫn chuyển; tuy đi cùng với Nhẫn, cùng là pháp vô sắc, mà hãy còn không nói là pháp ấy đi cùng với Tâm-Nhẫn, huống gì các sắc pháp? Vì vậy cho nên không hỏi.

Trong này đã nói pháp vô sắc thiện khởi lên đi cùng với tâm, chủ yếu là do thế lực của tâm ấy mà dẫn dắt các pháp vô sắc.

Hỏi: Các pháp vô sắc thiện khởi lên, pháp ấy đi cùng với tâm thiện

chăng?

Đáp: Các pháp vô sắc thiện khởi lên, pháp ấy hoặc là đi cùng với tâm thiện, hoặc là đi cùng với tâm bất thiện, hoặc là đi cùng với tâm vô ký.

Hỏi: Thế nào là đi cùng với tâm thiện?

Đáp: Các pháp vô sắc thiện tương ưng với tâm ấy, tâm ấy cùng có vô sắc thiện. Vô sắc thiện tương ưng với tâm ấy, đó là tâm sở pháp thiện. Tâm ấy cùng có vô sắc thiện, đó là pháp sinh-lão-trú-vô thường.

Trong này, cũng có khởi lên đạt được cùng loại, bởi vì tóm lược cho nên không nói đến, điều đó cần phải biết rõ.

Hỏi: Thế nào là đi cùng với tâm bất thiện?

Đáp: Như tâm bất thiện, nếu lui sụt hay là sinh ra, thì khởi lên đạt được pháp thiện.

Tâm bất thiện lui sụt, khởi lên đạt được pháp thiện, đó là các Thánh giả đã lìa nhiễm cõi Dục. Nếu lúc khởi lên Triền thuộc hai phẩm Hạ Hạ-Hạ Trung của cõi Dục mà lui sụt, thì tâm ấy cùng với quả Nhất lai và đạo của quả thù thắng, khởi lên cùng lúc với các pháp đạt được bốn Uẩn thuộc phẩm câu sinh của thiện-ác tác-ưu căn.

Nếu lúc khởi lên Triền thuộc phẩm Hạ Thượng mà lui sụt, gia hạnh vẫn còn có thể bảo vệ, thì tâm ấy cũng khởi lên cùng lúc với pháp thiện đạt được như trước; gia hạnh ấy có lúc không có thể bảo vệ, là trừ ra quả Nhất lai và đạo của quả thù thắng, tâm ấy khởi lên cùng lúc với pháp thiện đạt được như trước còn lại.

Hỏi: Trong này, thế nào gọi là gia hạnh bảo vệ-gia hạnh không bảo vệ?

Đáp: Khiến cho gia hạnh ấy có năng lực bảo vệ pháp Tu Đoạn vào lúc thế lực của phiền não hiện rõ ở trước mắt, bởi vì có lúc không có thể bảo vệ.

Nếu lúc khởi lên Triền thuộc năm phẩm Trung Hạ cho đến Thượng Trung mà lui sụt, thì tâm ấy cùng với quả Dự lưu và đạo của quả thù thắng, khởi lên cùng lúc với các pháp đạt được bốn Uẩn thuộc phẩm câu sinh của thiện-ác tác-ưu căn.

Nếu lúc khởi lên Triền thuộc phẩm Thượng Thượng mà lui sụt, gia hạnh vẫn còn có thể bảo vệ, thì tâm ấy cũng khởi lên cùng lúc với pháp thiện đạt được như trước; gia hạnh ấy có lúc không có thể bảo vệ, thì trừ ra quả Dự lưu và đạo của quả thù thắng, tâm ấy khởi lên cùng lúc với pháp thiện đạt được như trước còn lại.

Nếu người Nhất lai tùy theo Triền thuộc sáu phẩm trước, khởi lên phẩm nào mà lui sụt, trừ ra pháp đạt được thuộc phẩm câu sinh của thiện-ác tác-ưu căn, thì tâm ấy tùy theo sự thích hợp khởi lên cùng lúc với với pháp thiện đạt được như trước còn lại.

Nếu các dị sinh đã lìa nhiễm cõi Dục, tùy theo lúc khởi lên Triền bất thiện thuộc phẩm nào mà lui sụt, thì tâm ấy khởi lên cùng lúc với các pháp đạt được bốn Uẩn thuộc phẩm câu sinh của thiện-ác tác-ưu căn.

Khởi lên đạt được thiện sinh ra do tâm bất thiện, đó là lúc từ cõi Sắc-Vô sắc chết đi sinh vào cõi Dục, dùng tâm bất thiện để tiến vào thai(kiết sinh), tâm ấy khởi lên cùng lúc với các pháp đạt được bốn Uẩn thiện đạt được do sinh ở cõi Dục.

Có người nói: Tâm ấy cũng có khởi lên cùng lúc với các pháp đạt được bốn Uẩn thuộc một phần do Văn-Tư mà thành.

Hỏi: Thế nào là đi cùng với tâm vô ký?

Đáp: Như tâm vô ký, nếu lui sụt hay là sinh ra, thì khởi lên đạt được pháp thiện.

Tâm vô ký lui sụt, khởi lên đạt được pháp thiện, đó là lúc A-la- hán lui sụt căn thù thắng trú vào căn yếu kém, tâm vô ký ấy khởi lên cùng lúc với pháp thiện đạt được thuộc phẩm căn yếu kém.

Học lui sụt chủng tánh thù thắng, trú vào chủng tánh yếu kém cũng như vậy.

Nếu lúc A-la-hán khởi lên Triền của Phi tưởng phi phi tưởng xứ mà lui sụt, thì tâm ấy cùng với quả Bất hoàn và đạo của quả thù thắng, khởi lên cùng lúc với các pháp đạt được thuận phần lui sụt của Phi tưởng phi phi tưởng xứ. Như vậy cho đến lúc khởi lên Triền thuộc tám phẩm sau của Tĩnh lự thứ nhất mà lui sụt, tâm ấy cùng với quả Bất hoàn và đạo của quả thù thắng, khởi lên cùng lúc với các pháp đạt được thuận phần lui sụt của Tĩnh lự thứ nhất.

Nếu lúc khởi lên Triền thuộc phẩm Thượng Thượng của Tĩnh lự thứ nhất mà lui sụt, gia hạnh vẫn còn có thể bảo vệ, thì tâm ấy cũng khởi lên cùng lúc với pháp thiện đạt được như trước; gia hạnh ấy có lúc không có thể bảo vệ, là trừ ra quả Bất hoàn và đạo của quả thù thắng, tâm ấy khởi lên cùng lúc với pháp thiện đạt được như trước còn lại.

Nếu người Bất hoàn và các dị sinh đã lìa nhiễm của Vô sở hữu xứ, lúc khởi lên Triền của Vô sở hữu xứ mà lui sụt, thì tâm ấy khởi lên cùng lúc với các pháp đạt được thuận phần lui sụt của Vô sở hữu xứ.

Như vậy cho đến lúc khởi lên Triền của Tĩnh lự thứ nhất mà lui sụt, tâm ấy khởi lên cùng lúc với các pháp đạt được thuận phần lui sụt của Tĩnh lự thứ nhất.

Như đã lìa nhiễm của Vô sở hữu xứ, nếu đã lìa nhiễm của Thức vô biên xứ, cho đến đã lìa nhiễm của Tĩnh lự thứ nhất, nên biết cũng như vậy.

Nếu các dị sinh đã lìa nhiễm cõi Dục, lúc khởi lên Triền thuộc Hữu thân kiến-Biên chấp kiến của cõi Dục mà lui sụt, thì tâm ấy khởi lên cùng lúc với các pháp đạt được bốn Uẩn thuộc phẩm câu sinh của thiện-ác tác-ưu căn.

Khởi lên đạt được thiện sinh ra do tâm vô ký, đó là lúc ở địa trên của cõi Vô sắc chết đi sinh vào địa dưới, tâm ấy khởi lên cùng lúc với các pháp đạt được thuộc bốn Uẩn thiện của địa ấy.

Nếu lúc từ cõi Vô sắc, và địa Tĩnh lự trên chết đi sinh vào địa của các Tĩnh lự dưới, thì tâm ấy khởi lên cùng lúc với các pháp đạt được thuộc năm Uẩn thiện của địa ấy.

Nếu lúc từ cõi Sắc-Vô sắc chết đi sinh vào cõi Dục, dùng Hữu thân kiến-Biên chấp kiến để tiến vào thai, thì tâm ấy khởi lên cùng lúc với các pháp đạt được bốn Uẩn thiện đạt được do sinh ở cõi Dục.

Có người nói: Tâm ấy cũng có khởi lên cùng lúc với các pháp đạt được thuộc một phần do Văn-Tư mà thành.

Nếu lúc từ cõi Dục chết đi sinh đến hai cõi trên, và lúc ở địa dưới của hai cõi trên chết đi sinh lên địa trên, thì tâm ấy khởi lên cùng lúc với các pháp đạt được bốn Uẩn thiện đạt được do sinh ở địa ấy.

Hỏi: Giả sử pháp khởi lên cùng lúc với tâm thiện, thì pháp ấy là vô sắc thiện chăng?

Đáp: Các pháp khởi lên cùng lúc với tâm thiện, pháp ấy hoặc là vô sắc thiện, hoặc là vô sắc vô ký.

Hỏi: Thế nào là vô sắc thiện?

Đáp: Các pháp vô sắc thiện tương ưng với tâm ấy, tâm ấy cùng có vô sắc thiện, nghĩa giải thích như trước.

Hỏi: Thế nào là vô sắc vô ký?

Đáp: Như tâm thiện thắng tiến, khởi lên đạt được pháp vô ký, và trú trong tâm thiện vô ký nuôi lớn các căn-tăng thêm đại chủng, pháp ấy đạt được là sinh-lão-trú-vô thường.

Tâm thiện thắng tiến khởi lên đạt được vô ký, đó là lúc lìa nhiễm cõi Dục, đạo vô gián thứ chín diệt đi, đạo giải thoát khởi lên, tâm ấy khởi lên

cùng lúc với các pháp đạt được quả của Tĩnh lự thứ nhất, và phẩm tâm Thông quả vô ký; cho đến lúc lìa nhiễm của Tĩnh lự thứ ba, đạo vô gián thứ chín diệt đi, đạo giải thoát khởi lên, tâm ấy khởi lên cùng lúc với các pháp đạt được quả của Tĩnh lự thứ tư, và phẩm tâm Thông quả vô ký. Lúc Định Kim cang dụ diệt đi, Tận trí khởi lên, tâm ấy khởi lên cùng lúc với các pháp đạt được tùy theo sự thích hợp của quả Tĩnh lự, và phẩm tâm Thông quả vô ký.

Đã lìa nhiễm cõi Dục, Tín thắng giải luyện căn làm Kiến chí, lúc đạo gia hạnh; có người nói: Và đạo giải thoát. Tâm ấy khởi lên cùng lúc với các pháp đạt được tùy theo sự thích hợp của quả Tĩnh lự, và phẩm tâm Thông quả vô ký.

A-la-hán Thời giải thoát luyện căn làm Bất động, dựa vào Định Vị chí cho đến Tĩnh lự thứ tư, lúc đạo gia hạnh, tâm ấy khởi lên cùng lúc với các pháp đạt được tùy theo sự thích hợp của quả Tĩnh lự, và phẩm tâm Thông quả vô ký; và lúc dựa vào đạo giải thoát thứ chín của tất cả các địa, tâm ấy khởi lên cùng lúc với các pháp đạt được quả của Tĩnh lự thứ tư, và phẩm tâm Thông quả vô ký.

Lúc các đạo gia hạnh, năm đạo vô gián, ba đạo giải thoát dẫn dắt phát khởi năm thông; lúc đạo vô gián-giải thoát đầu và sau, tu Tĩnh lự xen tạp; lúc khởi lên bốn Vô lượng, ba Giải thoát đầu, tám Thắng xứ, tám Biến xứ trước; khởi lên Vô ngại giải và dựa vào Định Vị chí, cho đến lúc tăng trưởng Tĩnh lự thứ tư; khởi lên Nguyện trí-Vô tranh-Định Biên tế, và lúc tăng trưởng; dựa vào Định Vị chí cho đến Tĩnh lự thứ tư, khởi lên các công đức như Không Không-Vô nguyện Vô nguyện- Vô tướng Vô tướng, và lúc tăng trưởng, tâm ấy khởi lên cùng lúc với các pháp đạt được tùy theo sự thích hợp của quả Tĩnh lự, và phẩm tâm Thông quả vô ký.

Và trú trong tâm thiện… cho đến pháp ấy đạt được là sinh-lão- trú-vô thường, đó là lúc sinh ở cõi Dục-Sắc khởi lên tâm thiện nối tiếp nhau tồn tại lâu dài, nuôi lớn các căn tăng thêm đại chủng, tâm ấy khởi lên cùng lúc với bốn tướng đạt được ấy. Nuôi lớn các căn tăng thêm đại chủng, hỏi-đáp giải thích như chương Đại Chủng Uẩn.

Hỏi: Các pháp vô sắc bất thiện khởi lên, pháp ấy đi cùng với tâm bất thiện chăng?

Đáp: Các pháp vô sắc bất thiện khởi lên, pháp ấy hoặc là đi cùng với tâm bất thiện, hoặc là đi cùng với tâm vô ký.

Hỏi: Thế nào là đi cùng với tâm bất thiện?

Đáp: Các pháp vô sắc bất thiện tương ưng với tâm ấy, tâm ấy cùng

có vô sắc bất thiện, nghĩa giải thích như trước.

Hỏi: Thế nào là đi cùng với tâm vô ký?

Đáp: Như tâm vô ký, nếu lui sụt hay là sinh ra, thì khởi lên đạt được pháp bất thiện.

Tâm vô ký lui sụt, khởi lên đạt được bất thiện, đó là các dị sinh đã lìa nhiễm cõi Dục, lúc khởi lên Triền thuộc Hữu thân kiến-Biên chấp kiến của cõi Dục, tâm ấy khởi lên cùng lúc với các pháp đạt được bốn Uẩn bất thiện do Kiến-Tu mà đoạn.

Tâm vô ký sinh ra, khởi lên đạt được bất thiện, đó là lúc từ cõi Sắc-Vô sắc chết đi sinh vào cõi Dục, dùng Hữu thân kiến-Biên chấp kiến để tiến vào thai, tâm ấy khởi lên cùng lúc với các pháp đạt được bốn Uẩn bất thiện do Kiến-Tu mà đoạn.

Hỏi: Giả sử pháp khởi lên cùng lúc với tâm bất thiện, thì pháp ấy là vô sắc bất thiện chăng? Đáp: Các pháp khởi lên cùng lúc với tâm bất thiện, pháp ấy hoặc là vô sắc bất thiện, hoặc là vô sắc thiện, hoặc là vô sắc vô ký.

Hỏi: Thế nào là vô sắc bất thiện?

Đáp: Các pháp vô sắc bất thiện tương ưng với tâm ấy, tâm ấy cùng có vô sắc bất thiện, nghĩa giải thích như trước.

Hỏi: Thế nào là vô sắc thiện?

Đáp: Như tâm bất thiện, nếu lui sụt hay là sinh ra, thì khởi lên đạt được pháp thiện. Phần này giải thích như vô sắc thiện khởi lên đi cùng với tâm bất thiện trước đây.

Hỏi: Thế nào là vô sắc vô ký?

Đáp: Như tâm bất thiện, nếu lui sụt hay là sinh ra, khởi lên đạt được pháp vô ký, và trú trong tâm bất thiện vô ký, nuôi lớn các căn tăng thêm đại chủng, pháp ấy đạt được là sinh-lão-trú-vô thường.

Tâm bất thiện lui sụt, khởi lên đạt được vô ký, đó là lúc A-la-hán khởi lên Triền của cõi Dục mà lui sụt, tâm ấy khởi lên cùng lúc với các pháp đạt được bốn Uẩn vô ký do Tu mà đoạn của tám địa trên.

Những người Bất hoàn, nếu đã lìa nhiễm của Vô sở hữu xứ, lúc khởi lên Triền của cõi Dục mà lui sụt, thì tâm ấy khởi lên cùng lúc với các pháp đạt được bốn Uẩn vô ký do Tu mà đoạn của bảy địa; cho đến nếu đã lìa nhiễm của Tĩnh lự thứ nhất, chưa lìa nhiễm của Tĩnh lự thứ hai, lúc khởi lên Triền của cõi Dục mà lui sụt, thì tâm ấy khởi lên cùng lúc với các pháp đạt được bốn Uẩn vô ký do Tu mà đoạn của một địa.

Các loại dị sinh, nếu đã lìa nhiễm của Vô sở hữu xứ, lúc khởi lên

Triền bất thiện mà lui sụt, thì tâm ấy khởi lên cùng lúc với các pháp đạt được bốn Uẩn vô ký do Kiến-Tu mà đoạn của bảy địa, và do Kiến mà đoạn của cõi Dục; cho đến nếu đã lìa nhiễm của Tĩnh lự thứ nhất, chưa lìa nhiễm của Tĩnh lự thứ hai, lúc khởi lên Triền bất thiện mà lui sụt, thì tâm ấy khởi lên cùng lúc với các pháp đạt được bốn Uẩn vô ký do Kiến- Tu mà đoạn của một địa, và do Kiến mà đoạn của cõi Dục.

Nếu đã lìa nhiễm của cõi Dục, chưa lìa nhiễm của Tĩnh lự thứ nhất, lúc khởi lên Triền bất thiện mà lui sụt, thì tâm ấy khởi lên cùng lúc với các pháp đạt được bốn Uẩn vô ký do Kiến mà đoạn của cõi Dục.

Tâm bất thiện sinh ra, khởi lên đạt được vô ký, đó là lúc ở Phi tưởng phi phi tưởng xứ chết đi sinh vào cõi Dục, dùng tâm bất thiện để tiến vào thai, tâm ấy khởi lên cùng lúc với các pháp đạt được bốn Uẩn vô ký do Kiến-Tu mà đoạn của bảy địa, và do Kiến mà đoạn của cõi Dục, Sắc uẩn-Hành uẩn vô ký do Tu mà đoạn.

Có người nói: Cũng khởi lên cùng lúc với các pháp đạt được tâm-tâm sở vô ký do Tu mà đoạn của cõi Dục, đó là khéo luyện tập xuyên suốt bốn Uẩn thuộc Oai nghi lộ-Công xảo xứ.

Cho đến lúc ở Tĩnh lự thứ nhất chết đi sinh vào cõi Dục, dùng tâm bất thiện để tiến vào thai, tâm ấy khởi lên cùng lúc với các pháp đạt được bốn Uẩn vô ký do Kiến mà đoạn của cõi Dục, Sắc uẩn-Hành uẩn vô ký do Tu mà đoạn.

Có người nói: Cũng khởi lên cùng lúc với các pháp đạt được tâm-tâm sở vô ký do Tu mà đoạn của cõi Dục, nói như trước.

Và trú trong tâm bất thiện… cho đến pháp ấy đạt được là sinh-lão-trú-vô thường, đó là lúc các dị sinh khởi lên ba mươi bốn Tùy miên, Thánh giả khởi lên bốn Tùy miên, tùy theo một loại nối tiếp nhau tồn tại lâu dài, nuôi lớn các căn tăng thêm đại chủng, tâm ấy khởi lên cùng lúc với bốn tướng đạt được ấy. Phần còn lại nói như trước.

Hỏi: Các pháp vô sắc vô ký khởi lên, pháp ấy đi cùng với tâm vô ký chăng?

Đáp: Các pháp vô sắc vô ký khởi lên, pháp ấy hoặc là đi cùng với tâm vô ký, hoặc là đi cùng với tâm thiện, hoặc là đi cùng với tâm bất thiện.

Hỏi: Thế nào là đi cùng với tâm vô ký?

Đáp: Các pháp vô sắc vô ký tương ưng với tâm ấy, tâm ấy cùng có vô sắc vô ký, nghĩa giải thích như trước.

Hỏi: Thế nào là đi cùng với tâm thiện?

Đáp: Như tâm thiện thắng tiến, khởi lên đạt được pháp vô ký, và trú trong tâm thiện vô ký, nuôi lớn các căn tăng thêm đại chủng, pháp ấy đạt được là sinh-lão-trú-vô thường. Phần này giải thích như vô sắc vô ký khởi lên đi cùng với tâm thiện trước đây. Hỏi: Thế nào là đi cùng với tâm bất thiện?

Đáp: Như tâm bất thiện, nếu lui sụt hay là sinh ra, khởi lên đạt được pháp vô ký, và trú trong tâm bất thiện vô ký, nuôi lớn các căn tăng thêm đại chủng, pháp ấy đạt được là sinh-lão-trú-vô thường. Phần này giải thích như vô sắc vô ký khởi lên đi cùng với tâm bất thiện trước đây.

Hỏi: Giả sử pháp khởi lên cùng lúc với tâm vô ký, thì pháp ấy là vô sắc vô ký chăng?

Đáp: Các pháp khởi lên cùng lúc với tâm vô ký, pháp ấy hoặc là vô sắc vô ký, hoặc là vô sắc thiện, hoặc là vô sắc bất thiện.

Hỏi: Thế nào là vô sắc vô ký?

Đáp: Các pháp vô sắc vô ký tương ưng với tâm ấy, tâm ấy cùng có vô sắc vô ký, nghĩa giải thích như trước.

Hỏi: Thế nào là vô sắc thiện?

Đáp: Như tâm vô ký, nếu lui sụt hay là sinh ra, khởi lên đạt được pháp thiện. Phần này giải thích như vô sắc thiện khởi lên đi cùng với tâm vô ký trước đây.

Hỏi: Thế nào là vô sắc bất thiện?

Đáp: Như tâm vô ký, nếu lui sụt hay là sinh ra, khởi lên đạt được pháp bất thiện. Phần này giải thích như vô sắc bất thiện khởi lên đi cùng với tâm vô ký trước đây.

Hỏi: Các pháp vô sắc của cõi Dục khởi lên, pháp ấy đi cùng với tâm của cõi Dục chăng?

Đáp: Các pháp vô sắc của cõi Dục khởi lên, pháp ấy hoặc là đi cùng với tâm của cõi Dục, hoặc là đi cùng với tâm của cõi Sắc, hoặc là đi cùng với tâm của cõi Vô sắc, hoặc là đi cùng với tâm không hệ thuộc.

Hỏi: Thế nào là đi cùng với tâm của cõi Dục?

Đáp: Các pháp vô sắc của cõi Dục tương ưng với tâm ấy, tâm ấy cùng có vô sắc của cõi Dục.

Vô sắc của cõi Dục tương ưng với tâm ấy, đó là tâm sở pháp của cõi Dục. Tâm ấy cùng có vô sắc của cõi Dục, đó là pháp sinh-lão-trú-vô thường. Trong này, cũng có khởi lên đạt được cùng loại, bởi vì tóm lược cho nên không nói đến.

Hỏi: Thế nào là đi cùng với tâm của cõi Sắc?

Đáp: Như tâm của cõi Sắc, nếu sinh ra hay là thắng tiến, khởi lên đạt được pháp của cõi Dục, và trú trong tâm của cõi Sắc, nuôi lớn các căn tăng thêm đại chủng của cõi Dục, thì pháp ấy đạt được là sinh-lão- trú-vô thường.

Tâm của cõi Sắc sinh ra khởi lên đạt được cõi Dục, đó là ở cõi Vô sắc chết đi, nếu lúc sinh vào Tĩnh lự thứ tư, thì tâm ấy khởi lên cùng lúc với các pháp đạt được quả Tĩnh lự thứ tư, phẩm tâm Thông quả của cõi Dục; cho đến nếu lúc sinh vào Tĩnh lự thứ nhất, thì tâm ấy khởi lên cùng lúc với các pháp đạt được quả Tĩnh lự thứ nhất, phẩm tâm Thông quả của cõi Dục. Như ở cõi Vô sắc chết đi sinh vào cõi Sắc, ở địa trên chết đi sinh vào địa dưới cũng như vậy.

Tâm của cõi Sắc thắng tiến khởi lên đạt được cõi Dục, đó là lúc dùng đạo thế tục lìa nhiễm của cõi Dục, đạo vô gián thứ chín diệt đi, đạo giải thoát khởi lên, tâm ấy khởi lên cùng lúc với các pháp đạt được quả Tĩnh lự thứ nhất, phẩm tâm Thông quả của cõi Dục; cho đến lúc dùng đạo thế tục lìa nhiễm của Tĩnh lự thứ ba, đạo vô gián thứ chín diệt đi, đạo giải thoát khởi lên, tâm ấy khởi lên cùng lúc với các pháp đạt được quả Tĩnh lự thứ tư, phẩm tâm Thông quả của cõi Dục.

Đã lìa nhiễm của cõi Dục, Tín thắng giải luyện căn làm Kiến chí, lúc đạo gia hạnh thế tục, tâm ấy khởi lên cùng lúc với các pháp đạt được tùy theo sự thích hợp của quả Tĩnh lự, phẩm tâm Thông quả của cõi Dục.

Dựa vào Định Vị chí, cho đến Tĩnh lự thứ tư, A-la-hán Thời giải thoát luyện căn làm Bất động, lúc đạo gia hạnh thế tục, tâm ấy khởi lên cùng lúc với các pháp đạt được tùy theo sự thích hợp của quả Tĩnh lự, phẩm tâm Thông quả của cõi Dục. Lúc các đạo gia hạnh, năm đạo vô gián, hai đạo giải thoát dẫn dắt phát khởi năm thông, và Tha tâm trí thông thế tục; lúc đạo giải thoát, tu xen lẫn Tĩnh lự trung gian; lúc tâm khởi lên bốn Vô lượng, ba Giải thoát đầu, tám Thắng xứ, tám Biến xứ trước; khởi lên Vô ngại giải, và dựa vào Định Vị chí, cho đến Tĩnh lự thứ tư, lúc tăng trưởng Vô ngại giải thế tục; khởi lên Nguyện trí-Vô tranh-Định Biên tế, và lúc tăng trưởng; dựa vào Định Vị chí cho đến Tĩnh lự thứ tư, khởi lên các công đức thế tục như Không Không-Vô nguyện Vô nguyện-Vô tướng Vô tướng, và lúc tăng trưởng, tâm ấy khởi lên cùng lúc với các pháp đạt được tùy theo sự thích hợp của quả Tĩnh lự, và phẩm tâm Thông quả của cõi Dục.

Và trú trong tâm của cõi Sắc…, cho đến pháp ấy đạt được là sinh-lão-trú-vô thường, đó là lúc sinh ở cõi Dục tiến vào định của cõi Sắc, nuôi

lớn các căn tăng thêm đại chủng, tâm ấy khởi lên cùng lúc với bốn tướng đạt được ấy.

Hỏi: Thế nào là đi cùng với tâm của cõi Vô sắc?

Đáp: Như trú trong tâm của cõi Vô sắc, nuôi lớn các căn tăng thêm đại chủng của cõi Dục, pháp ấy đạt được là sinh-lão-trú-vô thường, nghĩa là lúc sinh ở cõi Dục tiến vào Định của cõi Vô sắc, nuôi lớn các căn tăng thêm đại chủng, tâm ấy khởi lên cùng lúc với bốn tướng đạt được nơi ấy.

Hỏi: Thế nào là đi cùng với tâm không hệ thuộc?

Đáp: Như tâm không hệ thuộc thắng tiến, khởi lên đạt được pháp của cõi Dục, và trú trong tâm không hệ thuộc nuôi lớn các căn tăng thêm đại chủng của cõi Dục, pháp ấy đạt được là sinh-lão-trú-vô thường.

Tâm không hệ thuộc thắng tiến, khởi lên đạt được pháp của cõi Dục, đó là lúc trú trong ba Loại trí của Kiến đạo, tâm ấy khởi lên cùng lúc với các pháp đạt được ba Hiện quán biên về Khổ-Tập-Diệt thuộc phẩm Thế tục trí của cõi Dục đã tu.

Lúc dùng đạo vô lậu lìa nhiễm của cõi Dục, đạo vô gián thứ chín diệt đi, đạo giải thoát khởi lên, tâm ấy khởi lên cùng lúc với các pháp đạt được quả Tĩnh lự thứ nhất, và phẩm tâm Thông quả của cõi Dục; cho đến lúc dùng đạo vô lậu lìa nhiễm của Tĩnh lự thứ ba, đạo vô gián thứ chín diệt đi, đạo giải thoát khởi lên, tâm ấy khởi lên cùng lúc với các pháp đạt được quả Tĩnh lự thứ tư, và phẩm tâm Thông quả của cõi Dục.

Lúc Định Kim cang dụ diệt đi, Tận trí khởi lên, tâm ấy khởi lên cùng lúc với các pháp đạt được tùy theo sự thích hợp của quả Tĩnh lự, phẩm tâm Thông quả của cõi Dục, và lúc bấy giờ đã đạt được các pháp đạt được thuộc pháp thiện của cõi Dục.

Đã lìa nhiễm cõi Dục, Tín thắng giải luyện căn làm Kiến chí, lúc đạo gia hạnh vô lậu; có người nói: Và lúc đạo giải thoát, tâm ấy khởi lên cùng lúc với các pháp đạt được tùy theo sự thích hợp của quả Tĩnh lự, và phẩm tâm Thông quả của cõi Dục.

A-la-hán Thời giải thoát luyện căn làm Bất động, lúc dựa vào đạo gia hạnh vô lậu của Định Vị chí cho đến Tĩnh lự thứ tư, tâm ấy khởi lên cùng lúc với các pháp đạt được tùy theo sự thích hợp của quả Tĩnh lự, phẩm tâm Thông quả của cõi Dục; lúc dựa vào đạo giải thoát thứ chín của tất cả các địa, tâm ấy khởi lên cùng lúc với các pháp đạt được quả của bốn Tĩnh lự, phẩm tâm Thông quả của cõi Dục, và lúc bấy giờ đã đạt được các pháp đạt được thuộc pháp thiện của cõi Dục.

Lúc khởi lên Tha tâm trí thông vô lậu, lúc tâm đầu và sau tu xen tạp

Tĩnh lự, lúc dựa vào sự tăng trưởng của Định Vị chí cho đến Tĩnh lự thứ tư-Vô ngại giải vô lậu…, tâm ấy khởi lên cùng lúc với các pháp đạt được tùy theo sự thích hợp của quả Tĩnh lự, và phẩm tâm Thông quả của cõi Dục.

Và trú trong tâm không hệ thuộc… cho đến pháp ấy đạt được là sinh-lão-trú-vô thường, đó là lúc sinh ở cõi Dục tiến vào Định Vị chí vô lậu cho đến Định của Vô sở hữu xứ, nuôi lớn các căn tăng thêm đại chủng, tâm ấy khởi lên cùng lúc với bốn tướng đạt được nơi ấy.

Hỏi: Giả sử pháp khởi lên cùng lúc với tâm của cõi Dục, thì pháp ấy là vô sắc của cõi Dục chăng?

Đáp: Các pháp khởi lên cùng lúc với tâm của cõi Dục, pháp ấy hoặc là vô sắc của cõi Dục, hoặc là vô sắc của cõi Sắc, hoặc là vô sắc của cõi Vô sắc, hoặc là vô sắc không hệ thuộc.

Hỏi: Thế nào là vô sắc của cõi Dục?

Đáp: Các pháp vô sắc của cõi Dục tương ưng với tâm ấy, tâm ấy cùng có vô sắc của cõi Dục, nghĩa giải thích như trước.

Hỏi: Thế nào là vô sắc của cõi Sắc?

Đáp: Như tâm của cõi Dục, nếu lui sụt hay là sinh ra, khởi lên đạt được pháp của cõi Dục.

Tâm của cõi Dục lui sụt, khởi lên đạt được ở cõi Sắc, đó là lúc các Thánh giả đã lìa nhiễm cõi Sắc, khởi lên Triền của cõi Dục mà lui sụt, tâm ấy khởi lên cùng lúc với các pháp đạt được thuộc pháp do Tu mà đoạn của bốn địa ở cõi Sắc; cho đến đã lìa nhiễm của Tĩnh lự thứ nhất, chưa lìa nhiễm của Tĩnh lự thứ hai, lúc khởi lên Triền của cõi Dục mà lui sụt, tâm ấy khởi lên cùng lúc với các pháp đạt được thuộc pháp do Tu mà đoạn của một địa ở cõi Sắc.

Nếu các dị sinh đã lìa nhiễm cõi Sắc, lúc khởi lên Triền của cõi Dục mà lui sụt, thì tâm ấy khởi lên cùng lúc với các pháp đạt được thuộc pháp do Kiến-Tu mà đoạn của bốn địa ở cõi Sắc; cho đến đã lìa nhiễm của Tĩnh lự thứ nhất, chưa lìa nhiễm của Tĩnh lự thứ hai, lúc khởi lên Triền của cõi Dục mà lui sụt, tâm ấy khởi lên cùng lúc với các pháp đạt được thuộc pháp do Kiến-Tu mà đoạn của một địa ở cõi Sắc.

Tâm của cõi Dục sinh ra, khởi lên đạt được ở cõi Sắc, đó là lúc từ cõi Vô sắc chết đi sinh vào cõi Dục, tâm ấy khởi lên cùng lúc với các pháp đạt được thuộc pháp do Kiến-Tu mà đoạn của bốn địa ở cõi Sắc; cho đến lúc từ Tĩnh lự thứ hai chết đi sinh vào cõi Dục, tâm ấy khởi lên cùng lúc với các pháp đạt được thuộc pháp do Kiến-Tu mà đoạn của một địa ở cõi Sắc.

Hỏi: Thế nào là vô sắc của cõi Vô sắc?

Đáp: Như tâm của cõi Dục, nếu lui sụt hay là sinh ra, khởi lên đạt được pháp của cõi Vô sắc.

Tâm của cõi Dục lui sụt, khởi lên đạt được ở cõi Vô sắc, đó là lúc A-la-hán khởi lên Triền của cõi Dục mà lui sụt, tâm ấy khởi lên cùng lúc với các pháp đạt được thuộc pháp do Tu mà đoạn của bốn địa ở cõi Vô sắc.

Nếu người Bất hoàn đã lìa nhiễm của Vô sở hữu xứ, lúc khởi lên Triền của cõi Dục mà lui sụt, thì tâm ấy khởi lên cùng lúc với các pháp đạt được thuộc pháp do Tu mà đoạn của ba địa ở cõi Vô sắc; cho đến đã lìa nhiễm của Không vô biên xứ, chưa lìa nhiễm của Thức vô biên xứ, lúc khởi lên Triền của cõi Dục mà lui sụt, tâm ấy khởi lên cùng lúc với các pháp đạt được thuộc pháp do Tu mà đoạn của một địa ở cõi Vô sắc.

Nếu các dị sinh đã lìa nhiễm của Vô sở hữu xứ, lúc khởi lên Triền của cõi Dục mà lui sụt, thì tâm ấy khởi lên cùng lúc với các pháp đạt được thuộc pháp do Kiến-Tu mà đoạn của ba địa ở cõi Vô sắc; cho đến đã lìa nhiễm của Không vô biên xứ, chưa lìa nhiễm của Thức vô biên xứ, lúc khởi lên Triền của cõi Dục mà lui sụt, tâm ấy khởi lên cùng lúc với các pháp đạt được thuộc pháp do Kiến-Tu mà đoạn của một địa ở cõi Vô sắc.

Tâm của cõi Dục sinh ra, khởi lên đạt được ở cõi Vô sắc, đó là lúc từ Phi tưởng phi phi tưởng xứ chết đi sinh vào cõi Dục, tâm ấy khởi lên cùng lúc với các pháp đạt được thuộc pháp do Kiến-Tu mà đoạn của ba địa ở cõi Vô sắc; cho đến lúc từ Thức vô biên xứ chết đi sinh vào cõi Dục, tâm ấy khởi lên cùng lúc với các pháp đạt được thuộc pháp do Kiến-Tu mà đoạn của một địa ở cõi Vô sắc.

Hỏi: Thế nào là vô sắc không hệ thuộc?

Đáp: Như tâm của cõi Dục lui sụt, khởi lên đạt được pháp không hệ thuộc, đó là lúc A-la-hán lui sụt căn thù thắng trú vào căn yếu kém, lúc ấy tâm của cõi Dục khởi lên cùng lúc đạt được không hệ thuộc của phẩm căn yếu kém.

Học lui sụt chủng tánh thù thắng trú vào chủng tánh yếu kém, cũng như vậy.

Nếu các Thánh giả đã lìa nhiễm cõi Dục, lúc khởi lên Triền thuộc hai phẩm Hạ Hạ-Hạ Trung của cõi Dục mà lui sụt, thì tâm ấy khởi lên cùng lúc với các pháp đạt được quả Nhất lai và đạo của quả thù thắng.

Nếu lúc khởi lên Triền thuộc phẩm Hạ Thượng mà lui sụt, gia hạnh vẫn còn có thể bảo vệ, thì tâm ấy cũng khởi lên cùng lúc đạt được những pháp không hệ thuộc như trước; gia hạnh ấy có lúc không có thể bảo vệ, thì

tâm ấy chỉ khởi lên cùng lúc với các pháp đạt được quả Nhất lai.

Nếu khởi lên Triền thuộc năm phẩm từ Trung Hạ cho đến Thượng Trung mà lui sụt, thì tâm ấy khởi lên cùng lúc với các pháp đạt được quả Dự lưu và đạo của quả thù thắng.

Nếu lúc khởi lên Triền thuộc phẩm Thượng Thượng mà lui sụt, gia hạnh vẫn còn có thể bảo vệ, thì tâm ấy cũng khởi lên cùng lúc đạt được những pháp không hệ thuộc như trước; gia hạnh ấy có lúc không có thể bảo vệ, thì tâm ấy chỉ khởi lên cùng lúc với các pháp đạt được quả Dự lưu.

Nếu người Nhất lai, tùy theo Triền thuộc sáu phẩm trước hễ khởi lên phẩm nào mà lui sụt, thì tâm ấy tùy theo cũng khởi lên cùng lúc đạt được những pháp không hệ thuộc như trước.

Hỏi: Tâm của cõi Dục thắng tiến cũng khởi lên đạt được pháp không hệ thuộc, như hoặc là do Thí, hoặc là do Giới, hoặc là do Văn, hoặc là do Tư, khiến cho đạt được Phi trạch diệt đối với những nẻo ác, trong này vì sao không nói?

Đáp: Có người nói: Cần phải nói mà không nói đến thì nên biết là nghĩa này có khác.

Nói như vậy thì Phi trạch diệt tuy là không hệ thuộc, mà đạt được pháp ấy không phải là không hệ thuộc. Trong này nói khởi lên đạt được không hệ thuộc, vì vậy cho nên không nói đến.

Hỏi: Các pháp vô sắc của cõi Sắc khởi lên, pháp ấy đi cùng với tâm của cõi Sắc chăng?

Đáp: Các pháp vô sắc của cõi Sắc khởi lên, pháp ấy hoặc là đi cùng với tâm của cõi Sắc, hoặc là đi cùng với tâm của cõi Dục, hoặc là đi cùng với tâm của cõi Vô sắc, hoặc là đi cùng với tâm không hệ thuộc.

Hỏi: Thế nào là đi cùng với tâm của cõi Sắc?

Đáp: Các pháp vô sắc của cõi Sắc tương ưng với tâm ấy, tâm ấy cùng có vô sắc của cõi Sắc, nghĩa giải thích như trước.

Hỏi: Thế nào là đi cùng với tâm của cõi Dục?

Đáp: Như tâm của cõi Dục, nếu lui sụt hay là sinh ra, khởi lên đạt được pháp của cõi Sắc. Phần này nói như vô sắc của cõi Sắc khởi lên cùng lúc với tâm của cõi Dục trước đây.

Hỏi: Thế nào là đi cùng với tâm của cõi Vô sắc?

Đáp: Như trú trong tâm của cõi Vô sắc, nuôi lớn các căn tăng thêm đại chủng của cõi Sắc, pháp ấy đạt được là sinh-lão-trú-vô thường, nghĩa là lúc sinh ở cõi Sắc tiến vào Định của cõi Vô sắc, nuôi lớn các căn tăng

thêm đại chủng, tâm ấy khởi lên cùng lúc với bốn tướng đạt được nơi ấy.

Hỏi: Thế nào là đi cùng với tâm không hệ thuộc?

Đáp: Như tâm không hệ thuộc thắng tiến, khởi lên đạt được pháp của cõi Sắc, và trú trong tâm không hệ thuộc nuôi lớn các căn tăng thêm đại chủng của cõi Sắc, pháp ấy đạt được là sinh-lão-trú-vô thường.

Tâm không hệ thuộc thắng tiến, khởi lên đạt được pháp của cõi Sắc, đó là lúc trú trong ba Loại trí của Kiến đạo, tâm ấy khởi lên cùng lúc với các pháp đạt được ba Hiện quán biên về Khổ-Tập-Diệt thuộc phẩm Thế tục trí của cõi Sắc đã tu.

Dùng đạo vô lậu lìa nhiễm của cõi Dục, nếu vô lậu làm gia hạnh, lúc các đạo gia hạnh-chín đạo vô gián-chín đạo giải thoát, thì tâm ấy khởi lên cùng lúc với các pháp đạt được đạo của cõi Sắc đã tu thuộc vị lai; lúc đạo giải thoát thứ chín, cũng khởi lên cùng lúc với các pháp đạt được quả Tĩnh lự thứ nhất, và phẩm tâm Thông quả của cõi Sắc.

Dùng đạo vô lậu lúc lìa nhiễm của Tĩnh lự thứ nhất cho đến Tĩnh lự thứ ba, nếu vô lậu làm gia hạnh, lúc các đạo gia hạnh-chín đạo vô gián-chín đạo giải thoát, thì tâm ấy khởi lên cùng lúc với các pháp đạt được đạo của cõi Sắc đã tu thuộc vị lai; lúc đạo giải thoát cuối cùng, cũng khởi lên cùng lúc với các pháp đạt được quả Tĩnh lự thứ hai cho đến Tĩnh lự thứ tư, và phẩm tâm Thông quả của cõi Sắc.

Dùng đạo vô lậu lìa nhiễm của Tĩnh lự thứ tư, và dựa vào Định Vị chí cho đến Tĩnh lự thứ tư, lìa nhiễm của Không vô biên xứ cho đến lìa nhiễm của Phi tưởng phi phi tưởng xứ, nếu vô lậu làm gia hạnh, lúc các đạo gia hạnh, thì tâm ấy khởi lên cùng lúc với các pháp đạt được đạo của cõi Sắc đã tu thuộc vị lai.

Lúc Định Kim cang dụ diệt đi, Tận trí khởi lên, tâm ấy khởi lên cùng lúc với các pháp đạt được thuộc về thiện của cõi Sắc đã đạt được lúc bấy giờ, cũng khởi lên cùng lúc với các pháp đạt được tùy theo sự thích hợp của quả Tĩnh lự, và phẩm tâm Thông quả của cõi Sắc.

Chưa lìa nhiễm cõi Dục, Tín thắng giải luyện căn làm Kiến chí, nếu vô lậu làm gia hạnh, thì lúc đạo gia hạnh ấy; có người nói: Và lúc đạo giải thoát, thì tâm ấy khởi lên cùng lúc với các pháp đạt được đạo của cõi Sắc đã tu thuộc vị lai.

Đã lìa nhiễm cõi Dục, Tín thắng giải luyện căn làm Kiến chí, nếu vô lậu làm gia hạnh, thì lúc đạo gia hạnh ấy; có người nói: Và lúc đạo giải thoát, thì tâm ấy khởi lên cùng lúc với các pháp đạt được đạo của cõi Sắc đã tu thuộc vị lai, và các pháp đạt được tùy theo sự thích hợp của quả Tĩnh

lự, phẩm tâm Thông quả của cõi Sắc.

A-la-hán Thời giải thoát luyện căn làm Bất động, lúc dựa vào đạo gia hạnh vô lậu của Định Vị chí cho đến Tĩnh lự thứ tư, tâm ấy khởi lên cùng lúc với các pháp đạt được đạo của cõi Sắc đã tu thuộc vị lai, và các pháp đạt được tùy theo sự thích hợp của quả Tĩnh lự, phẩm tâm Thông quả của cõi Sắc.

Lúc dựa vào đạo giải thoát thứ chín của tất cả các địa, tâm ấy khởi lên cùng lúc với các pháp đạt được thuộc về thiện của cõi Sắc đã đạt được lúc bấy giờ, và các pháp đạt được quả của bốn Tĩnh lự, phẩm tâm Thông quả của cõi Sắc.

Lúc khởi lên Tha tâm trí thông vô lậu, lúc tâm đầu và sau tu xen tạp Tĩnh lự, lúc dựa vào sự tăng trưởng của Định Vị chí cho đến Tĩnh lự thứ tư-Vô ngại giải vô lậu…, tức là lúc dựa vào các địa ấy khởi lên Niệm trú vô lậu, tâm ấy khởi lên cùng lúc với các pháp đạt được đạo của cõi Sắc đã tu thuộc vị lai, và các pháp đạt được tùy theo sự thích hợp của quả Tĩnh lự, phẩm tâm Thông quả của cõi Sắc.

Và trú trong tâm không hệ thuộc… cho đến pháp ấy đạt được là sinh-lão-trú-vô thường, đó là lúc sinh ở cõi Sắc tiến vào Định Vị chí vô lậu, cho đến Định Vô sở hữu xứ, nuôi lớn các căn tăng thêm đại chủng, tâm ấy khởi lên cùng lúc với bốn tướng đạt được nơi ấy.

Hỏi: Giả sử pháp khởi lên cùng lúc với tâm của cõi Sắc, thì pháp ấy là vô sắc của cõi Sắc chăng?

Đáp: Các pháp khởi lên cùng lúc với tâm của cõi Sắc, pháp ấy hoặc là vô sắc của cõi Sắc, hoặc là vô sắc của cõi Dục, hoặc là vô sắc của cõi Vô sắc, hoặc là vô sắc không hệ thuộc.

Hỏi: Thế nào là vô sắc của cõi Sắc?

Đáp: Các pháp vô sắc của cõi Sắc tương ưng với tâm ấy, tâm ấy cùng có vô sắc của cõi Sắc, nghĩa giải thích như trước.

Hỏi: Thế nào là vô sắc của cõi Dục?

Đáp: Như tâm của cõi Sắc, nếu sinh ra hay là thắng tiến, khởi lên đạt được pháp của cõi Dục, và trú trong tâm của cõi Sắc, nuôi lớn các căn tăng thêm đại chủng của cõi Dục, pháp ấy đạt được là sinh-lão-trú- vô thường. Phần này giải thích như vô sắc của cõi Dục khởi lên đi cùng với tâm của cõi Sắc trước đây.

Hỏi: Thế nào là vô sắc của cõi Vô sắc?

Đáp: Như tâm của cõi Sắc, nếu lui sụt hay là sinh ra, khởi lên đạt

được pháp của cõi Vô sắc.

Tâm của cõi Sắc lui sụt, khởi lên đạt được ở cõi Vô sắc, đó là lúc A-la-hán khởi lên Triền của cõi Sắc mà lui sụt, tâm ấy khởi lên cùng lúc với các pháp đạt được thuộc pháp do Tu mà đoạn của bốn địa ở cõi Vô sắc.

Những người Bất hoàn lúc đã lìa nhiễm của Vô sở hữu xứ, khởi lên Triền của cõi Sắc mà lui sụt, tâm ấy khởi lên cùng lúc với các pháp đạt được thuộc pháp do Tu mà đoạn của ba địa ở cõi Vô sắc; cho đến lúc đã lìa nhiễm của Không vô biên xứ, chưa lìa nhiễm của Thức vô biên xứ, khởi lên Triền của cõi Sắc mà lui sụt, tâm ấy khởi lên cùng với các pháp đạt được thuộc pháp do Kiến-Tu mà đoạn của một địa ở cõi Vô sắc.

Nếu các dị sinh đã lìa nhiễm của Vô sở hữu xứ, lúc khởi lên Triền của cõi Sắc mà lui sụt, thì tâm ấy khởi lên cùng lúc với các pháp đạt được thuộc pháp do Kiến-Tu mà đoạn của ba địa ở cõi Vô sắc; cho đến đã lìa nhiễm của Không vô biên xứ, chưa lìa nhiễm của Thức vô biên xứ, lúc khởi lên Triền của cõi Sắc mà lui sụt, tâm ấy khởi lên cùng lúc với các pháp đạt được thuộc pháp do Kiến-Tu mà đoạn của một địa ở cõi Vô sắc.

Tâm của cõi Sắc sinh ra, khởi lên đạt được ở cõi Vô sắc, đó là lúc từ Phi tưởng phi phi tưởng xứ chết đi sinh vào cõi Sắc, tâm ấy khởi lên cùng lúc với các pháp đạt được thuộc pháp do Kiến-Tu mà đoạn của ba địa ở cõi Vô sắc; cho đến lúc ở Thức vô biên xứ chết đi sinh vào cõi Sắc, tâm ấy khởi lên cùng lúc với các pháp đạt được thuộc pháp do Kiến-Tu mà đoạn của một địa ở cõi Vô sắc.

Hỏi: Thế nào là vô sắc không hệ thuộc?

Đáp: Như tâm của cõi Sắc, nếu lui sụt hay là thắng tiến, khởi lên đạt được pháp không hệ thuộc.

Tâm của cõi Sắc lui sụt, khởi lên đạt được pháp không hệ thuộc, đó là lúc A-la-hán khởi lên Triền của cõi Sắc mà lui sụt, tâm ấy khởi lên cùng lúc với các pháp đạt được thuộc quả Bất hoàn, và đạo của quả thù thắng.

Tâm của cõi Sắc thắng tiến, khởi lên đạt được pháp không hệ thuộc, đó là các Thánh giả dùng đạo thế tục lìa nhiễm cõi Dục, cho đến lìa nhiễm của Tĩnh lự thứ ba, nếu thế tục làm gia hạnh, lúc tất cả các đạo gia hạnh-vô gián-giải thoát, thì tâm ấy khởi lên cùng lúc với các pháp đạt được pháp không hệ thuộc đã tu của vị lai. Dựa vào Định Vị chí cho đến Tĩnh lự thứ tư, lìa nhiễm của Tĩnh lự thứ tư cho đến Phi tưởng phi phi tưởng xứ, nếu thế tục làm gia hạnh, lúc các đạo gia hạnh, thì tâm ấy khởi lên cùng lúc với các pháp đạt được pháp không hệ thuộc đã tu của vị lai.

Tín thắng giải luyện căn làm Kiến chí, và dựa vào Định Vị chí cho

đến Tĩnh lự thứ tư; A-la-hán Thời giải thoát luyện căn làm Bất động, nếu thế tục làm gia hạnh, lúc các đạo gia hạnh, thì tâm ấy khởi lên cùng lúc với các pháp đạt được pháp không hệ thuộc đã tu của vị lai.

Nếu lúc các Thánh giả dẫn dắt phát khởi các thần thông, các đạo gia hạnh, năm đạo vô gián, hai đạo giải thoát, và Tha tâm trí thông thế tục, lúc đạo giải thoát, lúc tâm tu xen tạp Tĩnh lự trung gian, thì tâm ấy khởi lên cùng lúc với các pháp đạt được pháp không hệ thuộc đã tu của vị lai.

Nếu lúc các Thánh giả khởi lên bốn Vô lượng, ba Giải thoát đầu, tám Thắng xứ, tám Biến xứ trước, khởi lên Vô ngại giải, và dựa vào Định Vị chí, cho đến Tĩnh lự thứ tư; lúc tăng trưởng Vô ngại giải thế tục, khởi lên Nguyện trí-Vô tranh-Định Biên tế, và lúc tăng trưởng, dựa vào Định Vị chí cho đến Tĩnh lự thứ tư; lúc khởi lên Không Không-Vô nguyện Vô nguyện-Vô tướng Vô tướng, và Thánh giả vẫn dựa vào địa ấy, khởi lên các công đức như quán Bất tịnh, Trì tức niệm, Niệm trú thế tục…, và lúc tăng trưởng, thì tâm ấy khởi lên cùng lúc với các pháp đạt được pháp không hệ thuộc đã tu của vị lai.

Hỏi: Lúc tâm của cõi Sắc sinh ra, cũng khởi lên đạt được pháp không hệ thuộc, như lúc ở cõi Vô sắc chết đi sinh vào Tĩnh lự thứ tư, tâm ấy khởi lên cùng lúc với đạt được Trạch diệt thuộc Uẩn do Kiến-Tu mà đoạn của Tĩnh lự thứ ba, cho đến lúc ở địa trên chết đi sinh vào Tĩnh lự thứ nhất, tâm ấy khởi lên cùng lúc với đạt được Trạch diệt thuộc Uẩn do Kiến-Tu mà đoạn của cõi Dục, vì sao trong này không nói đến?

Đáp: Có người nói: Cần phải nói mà không nói đến thì nên biết là nghĩa này có khác.

Nói như vậy thì lúc bấy giờ đã đạt được Trạch diệt tuy là không hệ thuộc, mà các pháp đạt được ấy là hệ thuộc cõi Sắc, không phải là không hệ thuộc, vì vậy cho nên không nói đến.

-oOo-

LUẬN A TỲ ĐẠT MA ĐẠI TỲ BÀ SA

QUYỂN 160

LUẬN VỀ ĐẮC (Phần 4)

Hỏi: Các pháp vô sắc của cõi Vô sắc khởi lên, pháp ấy đi cùng với tâm của cõi Vô sắc chăng?

Đáp: Các pháp vô sắc của cõi Vô sắc khởi lên, pháp ấy hoặc là đi cùng với tâm của cõi Vô sắc, hoặc là đi cùng với tâm của cõi Dục, hoặc là đi cùng với tâm của cõi Sắc, hoặc là đi cùng với tâm không hệ thuộc.

Hỏi: Thế nào là đi cùng với tâm của cõi Vô sắc?

Đáp: Các pháp vô sắc của cõi Vô sắc tương ưng với tâm ấy, tâm ấy cùng có vô sắc của cõi Vô sắc, nghĩa giải thích như trước.

Hỏi: Thế nào là đi cùng với tâm của cõi Dục?

Đáp: Như tâm của cõi Dục, nếu lui sụt hay là sinh ra, khởi lên đạt được pháp của cõi Vô sắc. Phần này giải thích như vô sắc của cõi Vô sắc khởi lên cùng lúc với tâm của cõi Dục trước đây.

Hỏi: Thế nào là đi cùng với tâm của cõi Sắc?

Đáp: Như tâm của cõi Sắc, nếu lui sụt hay là sinh ra, khởi lên đạt được pháp của cõi Vô sắc. Phần này giải thích như vô sắc của cõi Vô sắc khởi lên cùng lúc với tâm của cõi Sắc trước đây.

Hỏi: Thế nào là đi cùng với tâm không hệ thuộc?

Đáp: Như tâm không hệ thuộc thắng tiến, khởi lên đạt được pháp của cõi Vô sắc, đó là dùng đạo vô lậu lìa nhiễm của bốn Tĩnh lự, lúc chín đạo vô gián, chín đạo giải thoát, tâm ấy khởi lên cùng lúc với các pháp đạt được đạo thuộc cõi Vô sắc đã tu của vị lai.

Dùng đạo vô lậu lìa nhiễm của Không vô biên xứ, cho đến lìa nhiễm của Vô sở hữu xứ, nếu vô lậu làm gia hạnh, lúc các đạo gia hạnh, chín đạo vô gián, chín đạo giải thoát, thì tâm ấy khởi lên cùng lúc với các pháp đạt được đạo thuộc cõi Vô sắc đã tu của vị lai.

Đây là nói chung. Trong đó nếu dựa vào Định Vị chí, cho đến Tĩnh lự thứ tư, lìa nhiễm của ba Vô sắc dưới, thì trừ ra đạo gia hạnh, dựa vào ba

Vô sắc dưới, lìa nhiễm của Phi tưởng phi phi tưởng xứ. Nếu vô lậu làm gia hạnh, thì lúc đạo gia hạnh ấy, tâm ấy khởi lên cùng lúc với các pháp đạt được đạo thuộc cõi Vô sắc đã tu của vị lai, và dựa vào tất cả các địa, lìa nhiễm của Phi tưởng phi phi tưởng xứ, lúc đạo giải thoát cuối cùng Tận trí khởi lên, tâm ấy khởi lên cùng lúc với các pháp đạt được thuộc về thiện của cõi Vô sắc đã đạt được lúc bấy giờ.

A-la-hán Thời giải thoát luyện căn làm Bất động, nếu dựa vào ba Vô sắc, vô lậu làm gia hạnh, thì lúc đạo gia hạnh ấy, tâm ấy khởi lên cùng lúc với các pháp đạt được đạo thuộc cõi Vô sắc đã tu của vị lai, và dựa vào tất cả các địa, lúc đạo giải thoát cuối cùng, tâm ấy khởi lên cùng lúc với các pháp đạt được thuộc về thiện của cõi Vô sắc đã đạt được lúc bấy giờ.

Lúc khởi lên Giải thoát vô lậu dựa vào Định Vô sắc, lúc tăng trưởng Vô ngại giải vô lậu khởi lên vô sắc, lúc Niệm trú vô lậu, tâm ấy khởi lên cùng lúc với các pháp đạt được đạo thuộc cõi Vô sắc đã tu của vị lai.

Hỏi: Giả sử pháp khởi lên cùng lúc với tâm của cõi Vô sắc, thì pháp ấy là vô sắc của cõi Vô sắc chăng?

Đáp: Các pháp khởi lên cùng lúc với tâm của cõi Vô sắc, pháp ấy hoặc là vô sắc của cõi Vô sắc, hoặc là vô sắc của cõi Dục, hoặc là vô sắc của cõi Sắc, hoặc là vô sắc không hệ thuộc.

Hỏi: Thế nào là vô sắc của cõi Vô sắc?

Đáp: Các pháp vô sắc của cõi Vô sắc tương ưng với tâm ấy, tâm ấy cùng có vô sắc của cõi Vô sắc, nghĩa giải thích như trước.

Hỏi: Thế nào là vô sắc của cõi Dục?

Đáp: Như trú trong tâm của cõi Vô sắc, nuôi lớn các căn tăng thêm đại chủng của cõi Dục, pháp ấy đạt được là sinh-lão-trú-vô thường. Phần này giải thích như đi cùng với tâm của cõi Vô sắc khởi lên vô sắc của cõi Dục trước đây.

Hỏi: Thế nào là vô sắc của cõi Sắc?

Đáp: Như trú trong tâm của cõi Vô sắc, nuôi lớn các căn tăng thêm đại chủng của cõi Sắc, pháp ấy đạt được là sinh-lão-trú-vô thường. Phần này giải thích như đi cùng với tâm của cõi Vô sắc khởi lên vô sắc của cõi Sắc trước đây.

Hỏi: Thế nào là vô sắc không hệ thuộc?

Đáp: Như tâm của cõi Vô sắc, nếu lui sụt hay là thắng tiến, khởi lên đạt được pháp không hệ thuộc.

Tâm của cõi Vô sắc lui sụt, khởi lên đạt được pháp không hệ thuộc,

đó là lúc A-la-hán khởi lên Triền của cõi Vô sắc mà lui sụt, tâm ấy khởi lên cùng lúc với các pháp đạt được quả Bất hoàn và đạo của quả thù thắng.

Tâm của cõi Vô sắc thắng tiến, khởi lên đạt được pháp không hệ thuộc, đó là các Thánh giả dùng đạo thế tục, lìa nhiễm của Tĩnh lự thứ tư, nếu Cận phần của Không vô biên xứ làm gia hạnh, thì lúc ấy là đạo gia hạnh, chín đạo vô gián, chín đạo giải thoát; và Thánh giả dùng đạo thế tục, lìa nhiễm của ba Vô sắc dưới, nếu thế tục làm gia hạnh, thì lúc ấy tất cả là đạo gia hạnh-vô gián-giải thoát, cùng dựa vào Định Vô sắc lìa nhiễm của Phi tưởng phi phi tưởng xứ; nếu thế tục làm gia hạnh, lúc ấy là đạo gia hạnh, thì tâm ấy khởi lên cùng lúc với các pháp đạt được pháp không hệ thuộc đã tu của vị lai.

A-la-hán Thời giải thoát luyện căn làm Bất động, dựa vào Định Vô sắc, nếu thế tục làm gia hạnh, thì lúc ấy là đạo gia hạnh.

Nếu lúc Thánh giả khởi lên Vô sắc, Giải thoát hữu lậu, hai Biến xứ; lúc dựa vào Định Vô sắc tăng trưởng Vô ngại giải hữu lậu; lúc dựa vào Định Vô sắc khởi lên Niệm trú thế tục, Không Không-Vô nguyện Vô nguyện-Vô tướng Vô tướng; lúc khởi lên tâm tiến vào Định Diệt tận-Tưởng vi tế, thì tâm ấy khởi lên cùng lúc với các pháp đạt được pháp không hệ thuộc đã tu của vị lai.

Hỏi: Lúc tâm của cõi Vô sắc sinh ra, cũng khởi lên đạt được pháp không hệ thuộc, như lúc ở địa trên của cõi Vô sắc chết đi sinh vào địa dưới, tâm ấy khởi lên cùng lúc với đạt được Trạch diệt thuộc các nhiễm do Kiến-Tu mà đoạn của địa dưới đã sinh ra sau đó, vì sao trong này không nói đến?

Đáp: Có người nói: Cần phải nói mà không nói đến thì nên biết là nghĩa này có khác.

Nói như vậy thì lúc bấy giờ đã đạt được Trạch diệt tuy là không hệ thuộc, mà đạt được là hệ thuộc cõi Vô sắc, không phải là không hệ thuộc, vì vậy cho nên không nói đến.

Hỏi: Các pháp vô sắc thuộc Học khởi lên, pháp ấy đi cùng với tâm thuộc Học chăng?

Đáp: Các pháp vô sắc thuộc Học khởi lên, pháp ấy hoặc là đi cùng với tâm thuộc Học, hoặc là đi cùng với tâm thuộc Phi học phi vô học.

Hỏi: Thế nào là đi cùng với tâm thuộc Học?

Đáp: Các pháp vô sắc thuộc Học tương ưng với tâm ấy, tâm ấy cùng có vô sắc thuộc Học.

Vô sắc thuộc Học tương ưng với tâm ấy, đó là tâm sở pháp thuộc

Học. Tâm ấy cùng có vô sắc thuộc Học, pháp ấy là sinh-lão-trú-vô thường. Trong này cũng có khởi lên đạt được cùng loại, bởi vì tóm lược cho nên không nói đến.

Hỏi: Thế nào là đi cùng với tâm thuộc Phi học phi vô học?

Đáp: Như tâm thuộc Phi học phi vô học, nếu lui sụt hay là thắng tiến, khởi lên đạt được pháp Học.

Tâm thuộc Phi học phi vô học lui sụt, khởi lên đạt được pháp Học, đó là lúc A-la-hán khởi lên Triền thuộc tám phẩm sau của Phi tưởng phi phi tưởng xứ, cho đến Tĩnh lự thứ nhất mà lui sụt, tâm ấy khởi lên cùng lúc với các pháp đạt được quả Bất hoàn và đạo của quả thù thắng.

Nếu lúc khởi lên Triền thuộc phẩm Thượng Thượng của Tĩnh lự thứ nhất mà lui sụt, gia hạnh vẫn còn có thể bảo vệ, thì tâm ấy cũng khởi lên cùng lúc với đạt được pháp Học như trước; gia hạnh ấy có lúc không có thể bảo vệ, thì tâm ấy chỉ khởi lên cùng lúc với các pháp đạt được quả Bất hoàn.

Những người Bất hoàn, nếu lúc khởi lên Triền thuộc hai phẩm Hạ Hạ-Hạ Trung của cõi Dục mà lui sụt, thì tâm ấy khởi lên cùng lúc với các pháp đạt được quả Nhất lai và đạo của quả thù thắng. Nếu lúc khởi lên Triền thuộc phẩm Hạ Thượng mà lui sụt, gia hạnh vẫn còn có thể bảo vệ, thì tâm ấy cũng khởi lên cùng lúc với đạt được pháp Học như trước; gia hạnh ấy có lúc không có thể bảo vệ, thì tâm ấy chỉ khởi lên cùng lúc với các pháp đạt được quả Nhất lai. Nếu lúc khởi lên Triền thuộc năm phẩm Trung Hạ cho đến Thượng Trung mà lui sụt, thì tâm ấy khởi lên cùng lúc với các pháp đạt được quả Dự lưu và đạo của quả thù thắng. Nếu lúc khởi lên Triền thuộc phẩm Thượng Thượng mà lui sụt, gia hạnh vẫn còn có thể bảo vệ, thì tâm ấy cũng khởi lên cùng lúc với đạt được pháp Học như trước; gia hạnh ấy có lúc không có thể bảo vệ, thì tâm ấy chỉ khởi lên cùng lúc với các pháp đạt được quả Dự lưu.

Nếu người Nhất lai, Triền thuộc sáu phẩm trước hễ khởi lên phẩm nào mà lui sụt, thì tâm ấy tùy theo sự thích hợp cũng khởi lên cùng lúc với đạt được pháp Học như trước.

Tâm thuộc Phi học phi vô học thắng tiến, khởi lên đạt được pháp Học, đó là những người Học dùng đạo thế tục lìa nhiễm của cõi Dục cho đến Vô sở hữu xứ, nếu thế tục làm gia hạnh, thì lúc ấy tất cả là đạo gia hạnh-vô gián-giải thoát; và lìa nhiễm của Phi tưởng phi phi tưởng xứ, nếu thế tục làm gia hạnh, thì lúc ấy là đạo gia hạnh, tâm ấy khởi lên cùng lúc với các pháp đạt được pháp Học đã tu của vị lai.

Tín thắng giải luyện căn làm Kiến chí, nếu thế tục làm gia hạnh, thì lúc ấy là đạo gia hạnh. Ngay lúc người Học này dẫn dắt phát khởi các thần thông, các đạo gia hạnh, năm đạo vô gián, hai đạo giải thoát, và Tha tâm trí thông thế tục, lúc ấy là đạo giải thoát; lúc tâm của người Học tu xen tạp Tĩnh lự trung gian; lúc người Học khởi lên bốn Vô lượng, Giải thoát thế tục, tám Thắng xứ, mười Biến xứ; lúc người Học khởi tâm tiến vào Định Diệt tận-Tưởng vi tế; lúc người Học tu quán Bất tịnh, Trì tức niệm, Niệm trú thế tục, tâm ấy khởi lên cùng lúc với các pháp đạt được pháp Học đã tu của vị lai.

Hỏi: Giả sử pháp khởi lên cùng lúc với tâm thuộc Học, thì pháp ấy là vô sắc thuộc Học chăng?

Đáp: Các pháp khởi lên cùng lúc với tâm thuộc Học, pháp ấy hoặc là vô sắc thuộc Học, hoặc là vô sắc thuộc Phi học phi vô học.

Hỏi: Thế nào là vô sắc thuộc Học?

Đáp: Các pháp vô sắc thuộc Học tương ưng với tâm ấy, tâm ấy cùng có vô sắc thuộc Học, nghĩa giải thích như trước.

Hỏi: Thế nào là vô sắc thuộc Phi học phi vô học?

Đáp: Như tâm thuộc Học thắng tiến, khởi lên đạt được pháp thuộc Phi học phi vô học, và trú trong tâm thuộc Học, nuôi lớn các căn tăng thêm đại chủng của Phi học phi vô học, pháp ấy đạt được là sinh-lão- trú-vô thường.

Tâm thuộc Học thắng tiến, khởi lên đạt được pháp Phi học phi vô học, đó là lúc trú trong ba Loại trí của Kiến đạo, tâm ấy khởi lên cùng lúc với các pháp đạt được ba Hiện quán biên về Khổ-Tập-Diệt thuộc phẩm Thế tục trí đã tu.

Dùng đạo vô lậu, lìa nhiễm của cõi Dục cho đến Vô sở hữu xứ, nếu vô lậu làm gia hạnh, thì lúc ấy tất cả là đạo gia hạnh-vô gián-giải thoát; và lìa nhiễm của Phi tưởng phi phi tưởng xứ, nếu vô lậu làm gia hạnh, thì lúc ấy là đạo gia hạnh, tâm ấy khởi lên cùng lúc với các pháp đạt được thuộc đạo thế tục đã tu của vị lai. Lìa nhiễm của cõi Dục cho đến Tĩnh lự thứ ba, lúc đạo giải thoát thứ chín, tâm ấy cũng khởi lên cùng lúc với các pháp đạt được thuộc phẩm tâm Thông quả.

Tín thắng giải luyện căn làm Kiến chí, nếu vô lậu làm gia hạnh, thì lúc ấy là đạo gia hạnh; có người nói: Và lúc đạo giải thoát, tâm ấy khởi lên cùng lúc với các pháp đạt được thuộc đạo thế tục đã tu của vị lai, và phẩm tâm Thông quả.

Lúc người Học khởi lên Tha tâm trí thông vô lậu; lúc tâm đầu và sau

của người Học tu xen tạp Tĩnh lự; lúc người Học khởi lên Niệm trú vô lậu, tâm ấy khởi lên cùng lúc với các pháp đạt được thuộc đạo thế tục đã tu của vị lai, và phẩm tâm Thông quả.

Lúc người Học khởi lên Giải thoát vô lậu, trừ ra tâm Thông quả, khởi lên cùng lúc với các pháp đạt được như trước đã nói.

Và trú trong tâm thuộc Học… cho đến pháp ấy đạt được là sinh- lão-trú-vô thường, đó là những người Học sinh ở cõi Dục-Sắc, lúc trú trong Định vô lậu của cõi Sắc-Vô sắc, nuôi lớn các căn tăng thêm đại chủng, tâm ấy khởi lên cùng lúc với bốn tướng đạt được nơi ấy.

Hỏi: Các pháp vô sắc thuộc Vô học khởi lên, pháp ấy đi cùng với tâm thuộc Vô học chăng?

Đáp: Các pháp vô sắc thuộc Vô học khởi lên, pháp ấy hoặc là đi cùng với tâm thuộc Vô học, hoặc là đi cùng với tâm thuộc Phi học phi vô học.

Hỏi: Thế nào là đi cùng với tâm thuộc Vô học?

Đáp: Các pháp vô sắc thuộc Vô học tương ưng với tâm ấy, tâm ấy cùng có vô sắc thuộc Vô học, nghĩa giải thích như trước.

Hỏi: Thế nào là đi cùng với tâm thuộc Phi học phi vô học?

Đáp: Như tâm thuộc Phi học phi vô học, nếu lui sụt hay là thắng tiến, khởi lên đạt được pháp Vô học.

Tâm thuộc Phi học phi vô học lui sụt, khởi lên đạt được pháp Vô học, đó là lúc A-la-hán lui sụt căn thù thắng trú vào căn yếu kém, lúc ấy tâm thuộc Phi học phi vô học, khởi lên cùng lúc với các pháp đạt được thuộc pháp Vô học của phẩm căn yếu kém.

Có người nói: Chỉ có phiền não hiện rõ trước mắt cho nên lui sụt. Người ấy nói trong này chỉ cần nói đến thắng tiến, không cần nói đến lui sụt.

Nói như vậy thì trú trong tâm vô phú vô ký cũng lui sụt, cho nên trong này cũng phải nói đến lui sụt, nghĩa là trú trong tâm vô phú vô ký, lui sụt căn Kham đạt trú vào căn Trú pháp, cho đến lui sụt căn Tư pháp trú vào căn Thối pháp.

Tâm thuộc Phi học phi vô học thắng tiến, khởi lên đạt được pháp Vô học, đó là A-la-hán Thời giải thoát luyện căn làm Bất động, nếu thế tục làm gia hạnh, thì lúc ấy là đạo gia hạnh, tâm ấy khởi lên cùng lúc với các pháp đạt được thuộc pháp Vô học đã tu của vị lai.

A-la-hán dẫn dắt phát khởi các thần thông, các đạo gia hạnh, năm đạo vô gián, hai đạo giải thoát, và Tha tâm trí thông thế tục, lúc ấy là đạo giải

thoát; lúc tâm của A-la-hán tu xen tạp Tĩnh lự trung gian; lúc A-la-hán khởi lên bốn Vô lượng, Giải thoát thế tục, tám Thắng xứ, mười Biến xứ; khởi lên Vô ngại giải và lúc tăng trưởng Vô ngại giải thế tục; khởi lên Nguyện trí-Vô tranh-Định Biên tế, Không Không-Vô nguyện Vô nguyện-Vô tướng Vô tướng, và lúc tăng trưởng; lúc A-la-hán khởi lên quán Bất tịnh, Trì tức niệm, Niệm trú thế tục, và lúc tâm tiến vào Định Diệt tận-Tưởng vi tế, tâm ấy khởi lên cùng lúc với các pháp đạt được thuộc pháp Vô học đã tu của vị lai.

Hỏi: Giả sử pháp khởi lên cùng lúc với tâm thuộc Vô học, thì pháp ấy là vô sắc thuộc Vô học chăng?

Đáp: Các pháp khởi lên cùng lúc với tâm thuộc Vô học, pháp ấy hoặc là vô sắc thuộc Vô học, hoặc là vô sắc thuộc Phi học phi vô học.

Hỏi: Thế nào là vô sắc thuộc Vô học?

Đáp: Các pháp vô sắc thuộc Vô học tương ưng với tâm ấy, tâm ấy cùng có vô sắc thuộc Vô học, nghĩa giải thích như trước.

Hỏi: Thế nào là vô sắc thuộc Phi học phi vô học?

Đáp: Như tâm thuộc Vô học thắng tiến, khởi lên đạt được pháp Phi học phi vô học, và trú trong tâm thuộc Vô học, nuôi lớn các căn tăng thêm đại chủng của Phi học phi vô học, pháp ấy đạt được là sinh-lão- trú-vô thường.

Tâm thuộc Vô học thắng tiến, khởi lên đạt được pháp Phi học phi vô học, đó là lúc Định Kim cang dụ diệt đi, Tận trí khởi lên, tâm ấy khởi lên cùng lúc với các pháp đạt được thiện thuộc thế tục đã đạt được lúc bấy giờ, và hoặc là cũng khởi lên cùng lúc với các pháp đạt được thuộc phẩm tâm Thông quả.

A-la-hán Thời giải thoát luyện căn làm Bất động, nếu vô lậu làm gia hạnh, thì lúc ấy là đạo gia hạnh, tâm ấy khởi lên cùng lúc với các pháp đạt được đạo thế tục đã tu của vị lai, và hoặc là cũng khởi lên cùng lúc với các pháp đạt được thuộc phẩm tâm Thông quả.

Lúc đạo giải thoát cuối cùng, tâm ấy khởi lên cùng lúc với các pháp đạt được thiện thuộc thế tục đã đạt được lúc bấy giờ, và phẩm tâm Thông quả.

Lúc A-la-hán khởi lên Tha tâm trí thông vô lậu; lúc tâm đầu và sau của A-la-hán tu xen tạp Tĩnh lự; lúc A-la-hán dựa vào Định Vô sắc khởi lên Niệm trú vô lậu, và lúc tăng trưởng Vô ngại giải vô lậu, tâm ấy khởi lên cùng lúc với các pháp đạt được thuộc đạo thế tục đã tu của vị lai, và phẩm tâm Thông quả.

Lúc A-la-hán khởi lên Giải thoát vô lậu, và dựa vào Định Vô sắc khởi lên Niệm trú vô lậu, và lúc tăng trưởng Vô ngại giải vô lậu, trừ ra tâm Thông quả, tâm ấy khởi lên cùng lúc với các pháp đạt được như trước.

Và trú trong tâm thuộc Vô học… cho đến pháp ấy đạt được là sinh-lão-trú-vô thường, đó là A-la-hán sinh ở cõi Dục-Sắc, lúc trú trong Định vô lậu của cõi Sắc-Vô sắc, nuôi lớn các căn tăng thêm đại chủng, tâm ấy khởi lên cùng lúc với bốn tướng đạt được nơi ấy.

Hỏi: Các pháp vô sắc thuộc Phi học phi vô học khởi lên, pháp ấy đi cùng với tâm thuộc Phi học phi vô học chăng?

Đáp: Các pháp vô sắc thuộc Phi học phi vô học khởi lên, pháp ấy hoặc là đi cùng với tâm thuộc Phi học phi vô học, hoặc là đi cùng với tâm thuộc Học, hoặc là đi cùng với tâm thuộc Vô học.

Hỏi: Thế nào là đi cùng với tâm thuộc Phi học phi vô học?

Đáp: Các pháp vô sắc thuộc Phi học phi vô học tương ưng với tâm ấy, tâm ấy cùng có vô sắc thuộc Phi học phi vô học, nghĩa giải thích như trước.

Hỏi: Thế nào là đi cùng với tâm thuộc Học?

Đáp: Như tâm thuộc Học thắng tiến, khởi lên đạt được pháp Phi học phi vô học, và trú trong tâm thuộc Học, nuôi lớn các căn tăng thêm đại chủng của Phi học phi vô học, pháp ấy đạt được là sinh-lão-trú-vô thường. Phần này giải thích như vô sắc thuộc Phi học phi vô học khởi lên cùng lúc với tâm thuộc Học trước đây.

Hỏi: Thế nào là đi cùng với tâm thuộc Vô học?

Đáp: Như tâm thuộc Vô học thắng tiến, khởi lên đạt được pháp Phi học phi vô học, và trú trong tâm thuộc Vô học, nuôi lớn các căn tăng thêm đại chủng của Phi học phi vô học, pháp ấy đạt được là sinh-lão- trú-vô thường. Phần này giải thích như vô sắc thuộc Phi học phi vô học khởi lên cùng lúc với tâm thuộc Vô học trước đây.

Hỏi: Giả sử pháp khởi lên cùng lúc với tâm thuộc Phi học phi vô học, thì pháp ấy là vô sắc thuộc Phi học phi vô học chăng?

Đáp: Các pháp khởi lên cùng lúc với tâm thuộc Phi học phi vô học, pháp ấy hoặc là vô sắc thuộc Phi học phi vô học, hoặc là vô sắc thuộc Học, hoặc là vô sắc thuộc Vô học.

Hỏi: Thế nào là vô sắc thuộc Phi học phi vô học?

Đáp: Các pháp vô sắc thuộc Phi học phi vô học tương ưng với tâm ấy, tâm ấy cùng có vô sắc thuộc Phi học phi vô học, nghĩa giải thích như

trước.

Hỏi: Thế nào là vô sắc thuộc Học?

Đáp: Như tâm thuộc Phi học phi vô học, nếu lui sụt hay là thắng tiến, khởi lên đạt được pháp Học. Phần này giải thích như đi cùng với tâm thuộc Phi học phi vô học khởi lên vô sắc thuộc Học trước đây.

Hỏi: Thế nào là vô sắc thuộc Vô học?

Đáp: Như tâm thuộc Phi học phi vô học, nếu lui sụt hay là thắng tiến, khởi lên đạt được pháp Vô học. Phần này giải thích như đi cùng với tâm thuộc Phi học phi vô học khởi lên vô sắc thuộc Vô học trước đây.

Hỏi: Các pháp vô sắc do Kiến mà đoạn khởi lên, pháp ấy đi cùng với tâm do Kiến mà đoạn chăng?

Đáp: Các pháp vô sắc do Kiến mà đoạn khởi lên, pháp ấy hoặc là đi cùng với tâm do Kiến mà đoạn, hoặc là đi cùng với tâm do Tu mà đoạn.

Hỏi: Thế nào là đi cùng với tâm do Kiến mà đoạn?

Đáp: Các pháp vô sắc do Kiến mà đoạn tương ưng với tâm ấy, tâm ấy cùng có vô sắc do Kiến mà đoạn.

Vô sắc do Kiến mà đoạn tương ưng với tâm ấy, đó là tâm sở pháp do Kiến mà đoạn. Tâm ấy cùng có vô sắc do Kiến mà đoạn, pháp ấy là sinh-lão-trú-vô thường. Trong này cũng có khởi lên đạt được cùng loại, bởi vì tóm lược cho nên không nói đến.

Hỏi: Thế nào là đi cùng với tâm do Tu mà đoạn?

Đáp: Như tâm do Tu mà đoạn, nếu lui sụt hay là sinh ra, khởi lên đạt được pháp do Kiến mà đoạn.

Tâm do Tu mà đoạn lui sụt, khởi lên đạt được pháp do Kiến mà đoạn, đó là các dị sinh đã lìa nhiễm của Vô sở hữu xứ, hoặc là lúc khởi lên Triền do Tu mà đoạn của Vô sở hữu xứ mà lui sụt, hoặc cho đến lúc khởi lên Triền do Tu mà đoạn của cõi Dục mà lui sụt, tâm ấy hoặc là khởi lên cùng lúc với các pháp đạt được thuộc pháp do Kiến mà đoạn của một địa, hoặc cho đến khởi lên cùng lúc với các pháp đạt được thuộc pháp do Kiến mà đoạn của tám địa. Cho đến lúc đã lìa nhiễm của cõi Dục, chưa lìa nhiễm của Tĩnh lự thứ nhất, khởi lên Triền do Tu mà đoạn của cõi Dục mà lui sụt, tâm ấy khởi lên cùng lúc với các pháp đạt được thuộc pháp do Kiến mà đoạn của một địa.

Tâm do Tu mà đoạn sinh ra, khởi lên đạt được pháp do Kiến mà đoạn, đó là từ Phi tưởng phi phi tưởng xứ chết đi, hoặc là lúc sinh vào Vô sở hữu xứ, dùng tâm do Tu mà đoạn của Vô sở hữu xứ để tiến vào thai(kiết sinh),

hoặc cho đến lúc sinh vào cõi Dục dùng tâm do Tu mà đoạn của cõi Dục để tiến vào thai, tâm ấy hoặc là khởi lên cùng lúc với các pháp đạt được thuộc pháp do Kiến mà đoạn của một địa, hoặc cho đến khởi lên cùng lúc với các pháp đạt được thuộc pháp do Kiến mà đoạn của tám địa. Cho đến lúc từ Tĩnh lự thứ nhất chết đi sinh vào cõi Dục, dùng tâm do Tu mà đoạn của cõi Dục để tiến vào thai, tâm ấy khởi lên cùng lúc với các pháp đạt được thuộc pháp do Kiến mà đoạn của một địa.

Hỏi: Giả sử pháp khởi lên cùng lúc với tâm do Kiến mà đoạn, thì pháp ấy là vô sắc do Kiến mà đoạn chăng?

Đáp: Các pháp khởi lên cùng lúc với tâm do Kiến mà đoạn, pháp ấy hoặc là vô sắc do Kiến mà đoạn, hoặc là vô sắc do Tu mà đoạn.

Hỏi: Thế nào là vô sắc do Kiến mà đoạn?

Đáp: Các pháp vô sắc do Kiến mà đoạn tương ưng với tâm ấy, tâm ấy cùng có vô sắc do Kiến mà đoạn, nghĩa giải thích như trước.

Hỏi: Thế nào là vô sắc do Tu mà đoạn?

Đáp: Như tâm do Kiến mà đoạn, nếu lui sụt hay là sinh ra, khởi lên đạt được pháp do Tu mà đoạn, và trú trong tâm do Kiến mà đoạn, nuôi lớn các căn tăng thêm đại chủng do Tu mà đoạn, pháp ấy đạt được là sinh-lão-trú-vô thường.

Tâm do Kiến mà đoạn lui sụt, khởi lên đạt được pháp do Tu mà đoạn, đó là các dị sinh đã lìa nhiễm của Vô sở hữu xứ, lúc khởi lên Triền do Kiến mà đoạn của Vô sở hữu xứ mà lui sụt, hoặc cho đến lúc khởi lên Triền do Kiến mà đoạn của cõi Dục mà lui sụt, tâm ấy khởi lên cùng lúc với các pháp đạt được thuộc pháp do Tu mà đoạn của một địa, hoặc cho đến khởi lên cùng lúc với các pháp đạt được thuộc pháp do Tu mà đoạn của tám địa. Cho đến lúc đã lìa nhiễm của cõi Dục, chưa lìa nhiễm của Tĩnh lự thứ nhất, khởi lên Triền do Kiến mà đoạn của cõi Dục mà lui sụt, tâm ấy khởi lên cùng lúc với các pháp đạt được thuộc pháp do Tu mà đoạn của một địa.

Tâm do Kiến mà đoạn sinh ra, khởi lên đạt được pháp do Tu mà đoạn, đó là từ Phi tưởng phi phi tưởng xứ chết đi, hoặc là lúc sinh vào Vô sở hữu xứ, dùng tâm do Kiến mà đoạn của Vô sở hữu xứ để tiến vào thai(kiết sinh), hoặc cho đến lúc sinh vào cõi Dục, dùng tâm do Kiến mà đoạn của cõi Dục để tiến vào thai, tâm ấy hoặc là khởi lên cùng lúc với các pháp đạt được thuộc pháp do Tu mà đoạn của một địa, hoặc cho đến khởi lên cùng lúc với các pháp đạt được thuộc pháp do Tu mà đoạn của tám địa. Cho đến lúc từ Tĩnh lự thứ nhất chết đi sinh vào cõi Dục, dùng tâm do Kiến mà đoạn của cõi Dục để tiến vào thai, tâm ấy khởi lên cùng lúc với các pháp đạt được

thuộc pháp do Tu mà đoạn của một địa.

Và trú trong tâm do Kiến mà đoạn… cho đến pháp ấy đạt được là sinh-lão-trú-vô thường, đó là sinh vào cõi Dục-Sắc, lúc phiền não do Kiến mà đoạn hiện rõ ở trước mắt, nuôi lớn các căn tăng thêm đại chủng, tâm ấy khởi lên cùng lúc với bốn tướng đạt được nơi ấy.

Hỏi: Các pháp vô sắc do Tu mà đoạn khởi lên, pháp ấy đi cùng với tâm do Tu mà đoạn chăng?

Đáp: Các pháp vô sắc do Tu mà đoạn khởi lên, pháp ấy hoặc là đi cùng với tâm do Tu mà đoạn, hoặc là đi cùng với tâm do Kiến mà đoạn, hoặc là đi cùng với tâm không đoạn.

Hỏi: Thế nào là đi cùng với tâm do Tu mà đoạn?

Đáp: Các pháp vô sắc do Tu mà đoạn tương ưng với tâm ấy, tâm ấy cùng có vô sắc do Tu mà đoạn, nghĩa giải thích như trước.

Hỏi: Thế nào là đi cùng với tâm do Kiến mà đoạn?

Đáp: Như tâm do Kiến mà đoạn, nếu lui sụt hay là sinh ra, khởi lên đạt được pháp do Tu mà đoạn, và trú trong tâm do Kiến mà đoạn, nuôi lớn các căn tăng thêm đại chủng do Tu mà đoạn, pháp ấy đạt được là sinh-lão-trú-vô thường. Phần này giải thích như vô sắc do Tu mà đoạn khởi lên cùng lúc với tâm do Kiến mà đoạn trước đây.

Hỏi: Thế nào là đi cùng với tâm không đoạn?

Đáp: Như tâm không đoạn thắng tiến, khởi lên đạt được pháp do Tu mà đoạn, và trú trong tâm không đoạn, nuôi lớn các căn tăng thêm đại chủng do Tu mà đoạn, pháp ấy đạt được là sinh-lão-trú-vô thường.

Tâm không đoạn thắng tiến, khởi lên đạt được pháp do Tu mà đoạn, đó là lúc trú trong ba Loại trí của Kiến đạo, tâm ấy khởi lên cùng lúc với các pháp đạt được ba Hiện quán biên về Khổ-Tập-Diệt thuộc phẩm Thế tục trí đã tu.

Dùng đạo vô lậu, lìa nhiễm của cõi Dục cho đến Vô sở hữu xứ, nếu vô lậu làm gia hạnh, thì lúc ấy tất cả là đạo gia hạnh-vô gián-giải thoát; và lìa nhiễm của Phi tưởng phi phi tưởng xứ, nếu vô lậu làm gia hạnh, thì lúc ấy là đạo gia hạnh, tâm ấy khởi lên cùng lúc với các pháp đạt được thuộc đạo thế tục đã tu của vị lai. Lìa nhiễm của cõi Dục cho đến Tĩnh lự thứ ba, lúc đạo giải thoát thứ chín, tâm ấy cũng khởi lên cùng lúc với các pháp đạt được thuộc phẩm tâm Thông quả.

Lúc Định Kim cang dụ diệt đi, Tận trí khởi lên, tâm ấy khởi lên cùng lúc với các pháp đạt được thuộc về thiện thế tục đã đạt được lúc bấy giờ,

và hoặc là cũng khởi lên cùng lúc với các pháp đạt được thuộc phẩm tâm Thông quả.

Tín thắng giải luyện căn làm Kiến chí, nếu vô lậu làm gia hạnh, thì lúc ấy là đạo gia hạnh; có người nói: Và lúc ấy là đạo giải thoát, tâm ấy khởi lên cùng lúc với các pháp đạt được thuộc đạo thế tục đã tu của vị lai, và hoặc là cũng khởi lên cùng lúc với các pháp đạt được thuộc phẩm tâm Thông quả.

A-la-hán Thời giải thoát luyện căn làm Bất động, nếu vô lậu làm gia hạnh, thì lúc ấy là đạo gia hạnh, tâm ấy khởi lên cùng lúc với các pháp đạt được đạo thế tục đã tu của vị lai, và hoặc là cũng khởi lên cùng lúc với các pháp đạt được thuộc phẩm tâm Thông quả.

Lúc đạo giải thoát cuối cùng, tâm ấy khởi lên cùng lúc với các pháp đạt được thiện thuộc thế tục đã đạt được lúc bấy giờ, và phẩm tâm Thông quả.

Lúc khởi lên Tha tâm trí thông vô lậu; lúc tâm đầu và sau tu xen tạp Tĩnh lự; lúc dựa vào Định của cõi Sắc khởi lên Niệm trú vô lậu, và lúc tăng trưởng Vô ngại giải vô lậu, tâm ấy khởi lên cùng lúc với các pháp đạt được thuộc đạo thế tục đã tu của vị lai, và phẩm tâm Thông quả.

Lúc khởi lên Giải thoát vô lậu, và dựa vào Định Vô sắc khởi lên Niệm trú vô lậu, và lúc tăng trưởng Vô ngại giải vô lậu, trừ ra tâm Thông quả, tâm ấy khởi lên cùng lúc với các pháp đạt được như trước. Và trú trong tâm không đoạn… cho đến pháp ấy đạt được là sinh-

lão-trú-vô thường, đó là sinh ở cõi Dục-Sắc, lúc trú trong Định vô lậu của cõi Sắc-Vô sắc, nuôi lớn các căn tăng thêm đại chủng, tâm ấy khởi lên cùng lúc với bốn tướng đạt được nơi ấy.

Hỏi: Giả sử pháp khởi lên cùng lúc với tâm do Tu mà đoạn, thì pháp ấy là vô sắc do Tu mà đoạn chăng?

Đáp: Các pháp khởi lên cùng lúc với tâm do Tu mà đoạn, pháp ấy hoặc là vô sắc do Tu mà đoạn, hoặc là vô sắc do Kiến mà đoạn, hoặc là vô sắc không đoạn.

Hỏi: Thế nào là vô sắc do Tu mà đoạn?

Đáp: Các pháp vô sắc do Tu mà đoạn tương ưng với tâm ấy, tâm ấy cùng có vô sắc do Tu mà đoạn, nghĩa giải thích như trước.

Hỏi: Thế nào là vô sắc do Kiến mà đoạn?

Đáp: Như tâm do Tu mà đoạn, nếu lui sụt hay là sinh ra, khởi lên đạt được pháp do Kiến mà đoạn. Phần này giải thích như đi cùng với tâm do

Tu mà đoạn khởi lên vô sắc do Kiến mà đoạn trước đây.

Hỏi: Thế nào là vô sắc không đoạn?

Đáp: Như tâm do Tu mà đoạn, nếu lui sụt hay là thắng tiến, khởi lên đạt được pháp không đoạn.

Tâm do Tu mà đoạn lui sụt, khởi lên đạt được pháp không đoạn, đó là lúc A-la-hán lui sụt căn thù thắng trú vào căn yếu kém, tâm ấy do Tu mà đoạn khởi lên cùng lúc với các pháp đạt được thuộc pháp không đoạn của phẩm căn yếu kém.

Học lui sụt chủng tánh thù thắng trú vào chủng tánh yếu kém, cũng như vậy.

Lúc A-la-hán khởi lên Triền thuộc tám phẩm sau của Phi tưởng phi phi tưởng xứ, cho đến Tĩnh lự thứ nhất mà lui sụt, tâm ấy khởi lên cùng lúc với các pháp đạt được quả Bất hoàn và đạo của quả thù thắng.

Nếu lúc khởi lên Triền thuộc phẩm Thượng Thượng của Tĩnh lự thứ nhất mà lui sụt, gia hạnh vẫn còn có thể bảo vệ, thì tâm ấy cũng khởi lên cùng lúc đạt được pháp không đoạn như trước; gia hạnh ấy có lúc không có thể bảo vệ, thì tâm ấy chỉ khởi lên cùng lúc với các pháp đạt được quả Bất hoàn.

Những người Bất hoàn, nếu lúc khởi lên Triền thuộc hai phẩm Hạ Hạ-Hạ Trung của cõi Dục mà lui sụt, thì tâm ấy khởi lên cùng lúc với các pháp đạt được quả Nhất lai và đạo của quả thù thắng. Nếu lúc khởi lên Triền thuộc phẩm Hạ Thượng mà lui sụt, gia hạnh vẫn còn có thể bảo vệ, thì tâm ấy cũng khởi lên cùng lúc đạt được pháp không đoạn như trước; gia hạnh ấy có lúc không có thể bảo vệ, thì tâm ấy chỉ khởi lên cùng lúc với các pháp đạt được quả Nhất lai. Nếu lúc khởi lên Triền thuộc năm phẩm Trung Hạ cho đến Thượng Trung mà lui sụt, thì tâm ấy khởi lên cùng lúc với các pháp đạt được quả Dự lưu và đạo của quả thù thắng. Nếu lúc khởi lên Triền thuộc phẩm Thượng Thượng mà lui sụt, gia hạnh vẫn còn có thể bảo vệ, thì tâm ấy cũng khởi lên cùng lúc đạt được pháp không đoạn như trước; gia hạnh ấy có lúc không có thể bảo vệ, thì tâm ấy chỉ khởi lên cùng lúc với các pháp đạt được quả Dự lưu.

Tâm do Tu mà đoạn thắng tiến, khởi lên đạt được pháp không đoạn, đó là các Thánh giả dùng đạo thế tục lìa nhiễm của cõi Dục cho đến Vô sở hữu xứ, nếu thế tục làm gia hạnh, thì lúc ấy tất cả là đạo gia hạnh-vô gián-giải thoát; và lìa nhiễm của Phi tưởng phi phi tưởng xứ, nếu thế tục làm gia hạnh, thì lúc ấy là đạo gia hạnh, tâm ấy khởi lên cùng lúc với các pháp đạt được pháp không đoạn đã tu của vị lai.

Tín thắng giải luyện căn làm Kiến chí, và A-la-hán Thời giải thoát luyện căn làm Bất động, nếu thế tục làm gia hạnh, thì lúc ấy là đạo gia hạnh, tâm ấy khởi lên cùng lúc với các pháp đạt được pháp không đoạn đã tu của vị lai.

Nếu Thánh giả dẫn dắt phát khởi các thần thông, các đạo gia hạnh, năm đạo vô gián, hai đạo giải thoát, và Tha tâm trí thông thế tục, lúc ấy là đạo giải thoát; lúc tâm tu xen tạp Tĩnh lự trung gian; lúc Thánh giả khởi lên bốn Vô lượng, Giải thoát thế tục, tám Thắng xứ, mười Biến xứ; lúc khởi lên Vô ngại giải và lúc tăng trưởng Vô ngại giải thế tục; lúc khởi lên Nguyện trí-Vô tranh-Định Biên tế, Không Không-Vô nguyện Vô nguyện-Vô tướng Vô tướng, và lúc tăng trưởng; lúc Thánh giả khởi lên quán Bất tịnh, Trì tức niệm, Niệm trú thế tục; lúc tâm tiến vào Định Diệt tận-Tưởng vi tế, tâm ấy khởi lên cùng lúc với các pháp đạt được thuộc pháp không đoạn đã tu của vị lai.

Hỏi: Các pháp vô sắc không đoạn khởi lên, pháp ấy đi cùng với tâm không đoạn chăng?

Đáp: Các pháp vô sắc không đoạn khởi lên, pháp ấy hoặc là đi cùng với tâm không đoạn, hoặc là đi cùng với tâm do Tu mà đoạn.

Hỏi: Thế nào là đi cùng với tâm không đoạn?

Đáp: Các pháp vô sắc không đoạn tương ưng với tâm ấy, tâm ấy cùng có vô sắc không đoạn, nghĩa giải thích như trước.

Hỏi: Thế nào là đi cùng với tâm do Tu mà đoạn?

Đáp: Như tâm do Tu mà đoạn, nếu lui sụt hay là thắng tiến, khởi lên đạt được pháp không đoạn. Phần này giải thích như vô sắc không đoạn khởi lên cùng lúc với tâm do Tu mà đoạn trước đây.

Hỏi: Giả sử pháp khởi lên cùng lúc với tâm không đoạn, thì pháp ấy là vô sắc không đoạn chăng?

Đáp: Các pháp khởi lên cùng lúc với tâm không đoạn, pháp ấy hoặc là vô sắc không đoạn, hoặc là vô sắc do Tu mà đoạn.

Hỏi: Thế nào là vô sắc không đoạn?

Đáp: Các pháp vô sắc không đoạn tương ưng với tâm ấy, tâm ấy cùng có vô sắc không đoạn, nghĩa giải thích như trước.

Hỏi: Thế nào là vô sắc do Tu mà đoạn?

Đáp: Như tâm không đoạn thắng tiến, khởi lên đạt được pháp do Tu mà đoạn, và trú trong tâm không đoạn, nuôi lớn các căn tăng thêm đại chủng do Tu mà đoạn, pháp ấy đạt được là sinh-lão-trú-vô thường. Phần

này giải thích như đi cùng với tâm không đoạn khởi lên vô sắc do Tu mà đoạn trước đây.

Tất cả Tĩnh lự thứ nhất đều có năm Chi chăng? Cho đến nói rộng ra.

Hỏi: Vì sao soạn ra phần luận này?

Đáp: Có người nói: Bởi vì muốn ngăn chặn cách nói của người khác, như Luận giả Phân Biệt chỉ chấp nhận Tĩnh lự thứ nhất kiến lập Chi chứ không phải là địa nào khác. Nguyên cớ thế nào? Bởi vì dựa vào kinh nói. Như trong kinh nói: "Cư sĩ (ô-ba-sách-ca) Tỳ-xá-khư đi đến nơi Tỳ kheo Ni Đạt-ma-trần-na hỏi rằng: Thưa Thánh giả! Tĩnh lự thứ nhất có mấy Chi? Trả lời rằng: Tỳ kheo có năm Chi, đó là Tầm-Tứ-Hỷ- Lạc-tâm một cảnh như tánh." Cư sĩ ấy đã không hỏi đến Chi của Tĩnh lự trên, Tỳ kheo Ni ấy lại không nói, cho nên biết các Tĩnh lự trên không kiến lập Chi. Vì ngăn chặn ý đó để hiển bày các Tĩnh lự trên cũng kiến lập Chi, cho nên soạn ra phần luận này.

Hỏi: Nếu các Tĩnh lự trên cũng kiến lập Chi, thì tại sao Tỳ-xá-khư không hỏi, Tỳ kheo Ni không nói đến?

Đáp: Có người nói: Hoài nghi điều ấy thì hỏi, không hoài nghi thì không hỏi, hễ hỏi thì nói, không hỏi thì không nói, vì vậy không cần phải vặn hỏi về nguyên cớ điều ấy.

Có người nói: Tỳ-xá-khư muốn thử xem Tỳ kheo Ni ấy đối với điều này là có thể biết hay không, mà hỏi đến Chi của Tĩnh lự thứ nhất. Tỳ kheo Ni ấy đã không ngần ngại mà nói, Cư sĩ liền dấy lên nghĩ rằng: Tôn giả này đối với Tĩnh lự thứ nhất đã có thể không ngần ngại mà nói, đối với Tĩnh lự khác chắc chắn cũng có thể biết. Vì thế cho nên không hỏi. Bởi vì người ấy không hỏi nữa, cho nên Tỳ kheo Ni cũng không nói gì thêm.

Có người nói: Tỳ-xá-khư là căn tánh nhanh nhạy, nghe nói về Tĩnh lự thứ nhất thì biết ba Tĩnh lự khác, cho nên không hỏi nữa; Tỳ kheo Ni cũng biết Cư sĩ ấy đã hiểu rõ, cho nên không nói thêm làm gì.

Có người nói: Tỳ-xá-khư là căn tánh chậm chạp, năng lực tác ý cao nhất mới có thể hỏi đến Tĩnh lự thứ nhất, không có năng lực để có thể hỏi thêm điều khác, vì thế cho nên không hỏi; Tỳ kheo Ni cũng biết Cư sĩ ấy đến ngang đó thì có thể thọ trì, đối với điều khác không có thể tiếp nhận, cho nên không nói gì thêm.

Có Sư khác nói: Vì làm cho người hoài nghi có được cách hiểu quyết định, cho nên soạn ra phần luận này. Nghĩa là kinh ấy chỉ nói Tĩnh lự thứ nhất có năm Chi, không nói đến địa trên. Vả lại, chỉ nói đến Chi mà không nói về nhiễm và không nhiễm. Nay muốn hiển bày rõ ràng về địa trên cũng

có Chi mà trong đó có đủ chỉ là không nhiễm ô, khiến cho những người hoài nghi có được cách hiểu quyết định, cho nên soạn ra phần luận này.

Hỏi: Tất cả Tĩnh lự thứ nhất đều có năm Chi chăng?

Đáp: Không nhiễm ô có năm, nhiễm ô không có năm. Không có những gì? Đó là không có Ly sinh hỷ lạc.

Hỏi: Vì sao Hỷ nhiễm ô đối với Tĩnh lự nhiễm ô không nói là Chi?

Đáp: Có người nói: Văn này chỉ cần nói là không có niềm vui (lạc), bởi vì niềm vui Khinh an không có trong nhiễm ô. Hoặc là đưa ra cách nói này: Không nhiễm ô thì Tĩnh lự thứ nhất có đủ năm Chi, nhiễm ô thì Tĩnh lự thứ nhất có bốn Chi.

Có người nói: Văn này chính là chỉ nói không có niềm vui, bởi vì niềm vui này bắt đầu từ lìa xa sinh tử (ly sinh), tương ưng với Hỷ, cho nên gọi là Ly sinh hỷ lạc. Vì thế cho nên văn này không nói là không có Hỷ.

Có người nói: Trong Tĩnh lự nhiễm ô tuy cũng có Hỷ, nhưng bởi vì không có tướng của Chi, cho nên không lập làm Chi. Hoặc là đưa ra cách nói này: Không nhiễm ô thì Tĩnh lự thứ nhất có đủ năm Chi, nhiễm ô thì Tĩnh lự thứ nhất chỉ có ba Chi.

Hỏi: Tất cả Tĩnh lự thứ hai đều có bốn Chi chăng?

Đáp: Không nhiễm ô có bốn, nhiễm ô không có bốn. Không có những gì? Đó là không có Nội đẳng tịnh.

Hỏi: Nội đẳng tịnh là Tín, Tín bao gồm nhiễm ô và không nhiễm ô, vì sao đối với Tĩnh lự nhiễm ô không nói là Chi?

Đáp: Có người nói: Văn này nên nói là không có niềm vui, bởi vì niềm vui Khinh an không có trong nhiễm ô. Hoặc là đưa ra cách nói này: Không nhiễm ô thì Tĩnh lự thứ hai có đủ bốn Chi, nhiễm ô thì Tĩnh lự thứ hai có ba Chi.

Có người nói: Tín nhiễm ô gọi là bất tín, pháp này ở trong nhiễm ô tuy có mà không có tướng của Chi, cho nên không lập làm Chi. Hoặc là đưa ra cách nói này: Không nhiễm ô thì Tĩnh lự thứ hai có đủ bốn Chi, nhiễm ô thì Tĩnh lự thứ hai chỉ có hai Chi.

Hỏi: Tất cả Tĩnh lự thứ ba đều có năm Chi chăng?

Đáp: Không nhiễm ô có năm, nhiễm ô không có năm. Không có những gì? Đó là không có Chánh niệm-Chánh tri.

Hỏi: Niệm-Tuệ đều gồm có trong nhiễm ô, vì sao không lập Chi của Tĩnh lự nhiễm ô?

Đáp: Có người nói: Văn này nên nói là không có Xả, bởi vì pháp Đại

thiện địa không có trong nhiễm ô. Hoặc là đưa ra cách nói này: Không nhiễm ô thì Tĩnh lự thứ ba có đủ năm Chi, nhiễm ô thì Tĩnh lự thứ ba chỉ có bốn Chi.

Có người nói: Niệm nhiễm ô gọi là thất niệm, Tuệ nhiễm ô gọi là không biết chính xác, pháp này ở trong nhiễm ô tuy có mà không có tướng của Chi, cho nên không lập làm Chi. Hoặc là đưa ra cách nói này: Không nhiễm ô thì Tĩnh lự thứ ba có đủ năm Chi, nhiễm ô thì Tĩnh lự thứ ba chỉ có hai Chi.

Hỏi: Tất cả Tĩnh lự thứ tư đều có bốn Chi chăng?

Đáp: Không nhiễm ô có bốn, nhiễm ô không có bốn. Không có những gì? Đó là không có Xả niệm thanh tịnh.

Hỏi: Niệm bao gồm nhiễm ô, đối với Tĩnh lự nhiễm ô vì sao không phải là Chi?

Đáp: Có người nói: Văn này chỉ cần nói là không có Xả, bởi vì pháp Đại thiện địa không có trong nhiễm ô. Hoặc là đưa ra cách nói này: Không nhiễm ô thì Tĩnh lự thứ tư có đủ bốn Chi, nhiễm ô thì Tĩnh lự thứ tư có ba Chi.

Có người nói: Niệm nhiễm ô gọi là thất niệm, không gọi là Niệm thanh tịnh, pháp này ở trong nhiễm ô tuy có mà không có tướng của Chi, cho nên không lập làm Chi. Hoặc là đưa ra cách nói này: Không nhiễm ô thì Tĩnh lự thứ tư có đủ bốn Chi, nhiễm ô thì Tĩnh lự thứ tư chỉ có hai Chi.

Trong này, có người đưa ra cách nói này: Các Tĩnh lự nhiễm ô đều không lập làm Chi, mà chỉ nói là không có Hỷ Lạc, đó là nói theo nghĩa rõ ràng. Nghĩa là Tĩnh lự thứ nhất là Ly sinh hỷ lạc, bởi vì có nói đến Ly sinh; Tĩnh lự thứ hai là Nội đẳng tịnh, bởi vì có nói đến Tịnh; Tĩnh lự thứ ba là Chánh niệm-Chánh tri, bởi vì có nói đến Chánh; Tĩnh lự thứ tư là Xả niệm thanh tịnh, bởi vì có nói đến Thanh tịnh. Đây đều là trái ngược nhau rõ ràng đối với nhiễm ô, cho nên chỉ nói là không có, mà thật sự thì tất cả các Chi trong nhiễm đều không hợp.

Có người nói: Tùy theo pháp mạnh hơn mà nói, nghĩa là Tĩnh lự thứ nhất rời khỏi nỗi khổ chồng chất của cõi Dục, Chi lợi ích là mạnh hơn; ba Tĩnh lự trên đối với pháp thù thắng vi diệu lìa nhiễm, Chi đối trị là mạnh hơn. Vì thế cho nên đối với Tĩnh lự nhiễm ô tùy theo pháp mạnh hơn mà nói là không có, như vậy những Chi còn lại đối với Tĩnh lự nhiễm ô cũng không kiến lập.

-oOo-

LUẬN A TỲ ĐẠT MA ĐẠI TỲ BÀ SA

QUYỂN 161

LUẬN VỀ ĐẮC (Phần 5)

Vị tương ưng Tĩnh lự thứ nhất, tiến vào (nhập) nên nói là Vị, hay là rời ra (xuất) nên nói là Vị? Cho đến nói rộng ra.

Hỏi: Vì sao soạn ra phần luận này?

Đáp: Bởi vì muốn làm cho người hoài nghi có được quyết định, đó là trong luận Phẩm Loại Túc nói.

Hỏi: "Tĩnh lự thứ nhất là thế nào?

Đáp: Sắc-Thọ-Tưởng-Hành-Thức thiện do Tĩnh lự thứ nhất thâu nhiếp.

Hỏi: Cho đến Tĩnh lự thứ tư là thế nào?

Đáp: Sắc-Thọ-Tưởng-Hành-Thức thiện do Tĩnh lự thứ tư thâu nhiếp." Đừng khiến cho nảy sinh nghi ngờ Tĩnh lự chỉ là thiện như vậy, muốn hiển bày về Tĩnh lự không phải chỉ là thiện, cho nên soạn ra phần luận này, bởi vì Tĩnh lự bao gồm thiện-nhiễm ô và vô phú vô ký.

Hỏi: Vị tương ưng Tĩnh lự thứ nhất, tiến vào (nhập) nên nói là Vị, hay là rời khỏi (xuất) nên nói là Vị?

Đáp: Đối với Vị chủ động (năng vị) thì nên nói là tiến vào, đối với Vị thụ động (sở vị) thì nên nói là rời khỏi.

Hỏi: Cho đến Vị tương ưng Phi tưởng phi phi tưởng xứ, tiến vào nên nói là Vị, hay là rời khỏi nên nói là Vị?

Đáp: Đối với Vị chủ động thì nên nói là tiến vào, đối với Vị thụ động thì nên nói là rời khỏi.

Trong này, Ái gọi là Vị, Tam-ma-địa gọi là Tĩnh lự thứ nhất…, tức là Ái tương ưng, các Tam-ma-địa gọi là Vị tương ưng Tĩnh lự-Vô sắc.

Hỏi: Vì sao chỉ nói tương ưng với Ái chứ không phải là phiền não khác?

Đáp: Bởi vì là ý của người soạn luận muốn như vậy, cho đến nói rộng ra.

Hỏi: Có người nói: Cũng nên nói đến phiền não khác, nghĩa là nên nói "Hữu thân kiến tương ưng Tĩnh lự thứ nhất, tiến vào nên nói là giữ lấy (thủ) ngã-ngã sở, hay là rời khỏi nên nói là giữ lấy ngã-ngã sở?

Đáp: Đối với chủ động giữ lấy (năng thủ) nên nói là tiến vào, đối với thụ động giữ lấy (sở thủ) nên nói là rời khỏi.

Hỏi: Nói rộng ra cho đến Vô minh tương ưng Tĩnh lự thứ nhất, tiến vào nên nói là ngu, hay là rời khỏi nên nói là ngu?

Đáp: Đối với ngu chủ động (năng ngu) nên nói là tiến vào, đối với ngu thụ động (sở ngu) nên nói là rời khỏi; cho đến Phi tưởng phi phi tưởng xứ nói cũng như vậy." Mà không đưa ra cách nói này thì nên biết là nghĩa này có khác.

Có người nói: Trong này, nêu ra Ái làm cửa ngõ, khiến cho biết phiền não khác cũng vậy.

Có người nói: Trong này, nói đến tương tự, đó là Ái tương tự với Định chứ không phải là phiền não khác. Nguyên cớ thế nào? Bởi vì Định đối với sở duyên lưu chuyển nối tiếp nhau, Ái cũng như vậy.

Lại nữa, Định đối với sở duyên xem xét kỹ càng mà giữ lấy, Ái cũng như vậy.

Lại nữa, Định đối với sở duyên buộc tâm không rời xa, Ái cũng như vậy.

Lại nữa, Định đối với sở duyên thâu nhiếp tiếp nhận mà chuyển, Ái cũng như vậy.

Lại nữa, Định có thể nuôi lớn các căn tăng thêm đại chủng, Ái cũng như vậy. Các phiền não khác không có tướng này, cho nên không nói đến tương ưng.

Hỏi: Vị là Ái chứ không phải là những Tĩnh lự, không nên nói là tiến vào, bởi vì đối với Định có nói là tiến vào; những Tĩnh lự là Định chứ không phải là Ái, không nên nói là Vị, bởi vì đối với Ái có nói là Vị. Tại sao hai pháp lại cùng có được tên gọi của nhau?

Đáp: Bởi vì hai pháp này lần lượt chuyển đổi tương ưng, lại cùng có được tên gọi thì có gì sai? Nghĩa là Định và Ái tương ưng cho nên cũng có thể gọi là Vị, Ái và Định tương ưng cho nên cũng có thể nói là tiến vào.

Trong này, tiến vào-rời khỏi có năm loại:

1. Địa.
2. Hành tướng.
3. Sở duyên.

4. Tâm khác loại.

5. Sát-na.

Địa tiến vào-rời khỏi, đó là Tĩnh lự thứ nhất Đẳng vô gián, lúc Tĩnh lự thứ hai hiện rõ ở trước mắt, gọi là tiến vào Tĩnh lự thứ hai, rời khỏi Tĩnh lự thứ nhất; cho đến Vô sở hữu xứ Đẳng vô gián, lúc Phi tưởng phi phi tưởng xứ hiện rõ ở trước mắt, gọi là tiến vào Phi tưởng phi phi tưởng xứ, rời khỏi Vô sở hữu xứ. Như tiến vào-rời khỏi tùy thuận với thứ tự, như vậy tiến vào-rời khỏi ngược lại với thứ tự, và tiến vào-rời khỏi-vượt qua tùy thuận-ngược lại với thứ tự cũng như vậy.

Hành tướng tiến vào-rời khỏi, đó là hành tướng Vô thường Đẳng vô gián, lúc hành tướng Khổ hiện rõ ở trước mắt, gọi là tiến vào hành tướng Khổ, rời khỏi hành tướng Vô thường. Những hành tướng khác cũng như vậy.

Sở duyên tiến vào-rời khỏi, đó là Định duyên với Sắc Đẳng vô gián, lúc Định duyên với Thọ hiện rõ ở trước mắt, gọi là tiến vào Định duyên với Thọ, rời khỏi Định duyên với Sắc. Định duyên với pháp khác cũng như vậy.

Tâm khác loại tiến vào-rời khỏi, đó là tâm của cõi Dục Đẳng vô gián, lúc tâm của cõi Sắc hoặc là tâm không hệ thuộc hiện rõ ở trước mắt, gọi là tiến vào tâm của cõi Sắc hoặc là tâm không hệ thuộc, rời khỏi tâm của cõi Dục. Tâm của cõi Sắc… nói cũng như vậy. Như tâm của cõi Dục…, tâm Học… cũng như vậy, tâm thiện… khác tùy theo thích hợp cũng như vậy.

Sát-na tiến vào-rời khỏi, đó là sát-na thứ nhất Đẳng vô gián, lúc sát-na thứ hai hiện rõ ở trước mắt, gọi là tiến vào sát-na thứ hai, rời khỏi sát-na thứ nhất. Sát-na khác cũng như vậy.

Trong năm loại tiến vào-rời khỏi, ở đây dựa vào sát-na tiến vào- rời khỏi mà soạn luận.

Đối với Vị chủ động nên nói là tiến vào, đối với Vị thụ động nên nói là rời khỏi. Có người đưa ra cách nói này: Trong này nói Vị tương ưng Định, lúc lưu chuyển nối tiếp nhau hiện rõ ở trước mắt, đều dùng sát-na trước làm Vị thụ động bởi vì là sở duyên, sát-na sau làm Vị chủ động bởi vì là năng duyên.

Đối với Vị chủ động nên nói là tiến vào, nghĩa là những sát-na sau, lúc Vị tương ưng Tĩnh lự-Vô sắc hiện rõ ở trước mắt, gọi là đối với Vị chủ động đã tiến vào, cho nên đối với phần vị đã khởi lên mới trở thành Vị chủ động.

Đối với Vị thụ động nên nói là rời khỏi, nghĩa là những sát-na trước,

lúc Vị tương ưng Tĩnh lự-Vô sắc đã tàn lụi mất đi, gọi là đối với Vị thụ động đã rời khỏi, cho nên đối với phần vị đã diệt đi mới trở thành Vị thụ động.

Hỏi: Ái tương ưng Định có thể duyên với ba đời, vì sao chỉ nói là duyên với quá khứ?

Đáp: Có người nói: Đây là dựa vào phần nhiều mà nói, nghĩa là pháp của loài hữu tình vốn như vậy, bởi vì phần nhiều duyên với cảnh thuận đã từng thọ nhận mà sinh ra Vị của Ái.

Có người nói: Định quá khứ ở trong sự nối tiếp nhau đã làm nhiều lợi ích, Định hiện tại từ đó mà khởi lên theo đuổi lưu luyến sinh ra Ái.

Có người nói: Trong này dựa vào Định tiến vào-rời ra mà làm thành hỏi-đáp, Định vị lai chưa gọi là tiến vào-rời ra, Định hiện tại gọi là tiến vào-chưa gọi là rời ra, Định quá khứ gọi là tiến vào đã rời ra. Nay muốn hiển bày về phần vị đã rời ra mà sinh Ái, cho nên chỉ nói là duyên với quá khứ.

Có Sư khác nói: Trong này nói Định thanh tịnh(tịnh định) không gián đoạn khởi lên Vị tương ưng Định, Định thanh tịnh làm Vị thụ động bởi vì là sở duyên; Vị tương ưng Định là Vị chủ động bởi vì là năng duyên. Còn lại nói như trước.

Lời bình: Nên biết cách nói thứ nhất là hợp lý, bởi vì trong này tiến vào-rời khỏi đều dựa theo Vị và Định mà soạn luận.

Các Vị tương ưng Tĩnh lự thứ nhất đều là hữu phú vô ký chăng?

Cho đến nói rộng ra.

Hỏi: Vì sao soạn ra phần luận này?

Đáp: Văn trước chỉ nói đến Ái tương ưng Định, nay muốn hiển bày về Định cũng tương ưng với những phiền não khác, cho nên soạn ra phần luận này.

Hỏi: Các Vị tương ưng Tĩnh lự thứ nhất đều là hữu phú vô ký chăng? Giả sử hữu phú vô ký thì Tĩnh lự thứ nhất đều là Vị tương ưng chăng?

Đáp: Các Vị tương ưng Tĩnh lự thứ nhất đều là hữu phú vô ký. Có lúc hữu phú vô ký mà Tĩnh lự thứ nhất không phải là Vị tương ưng, đó là trừ ra Ái, còn lại phiền não khác hiện rõ trước mắt.

Hỏi: Cho đến các Vị tương ưng Phi tưởng phi phi tưởng xứ đều là hữu phú vô ký chăng? Giả sử hữu phú vô ký thì Phi tưởng phi phi tưởng xứ đều là Vị tương ưng chăng?

Đáp: Các Vị tương ưng Phi tưởng phi phi tưởng xứ đều là hữu phú vô ký. Có lúc hữu phú vô ký mà Phi tưởng phi phi tưởng xứ không phải là

Vị tương ưng, đó là trừ ra Ái, còn lại phiền não khác hiện rõ trước mắt.

Trong này, Vị tương ưng Tĩnh lự-Vô sắc đều là hữu phú vô ký, bởi vì có thể ngăn cản Thánh đạo và gia hạnh của Thánh đạo, cho nên gọi là hữu phú; không dẫn đến quả dị thục, cho nên gọi là vô ký. Còn lại phiền não khác, đó là Kiến-Nghi-Mạn-Vô minh. Những phiền não này cùng với Tĩnh lự-Vô sắc không nhiễm ô, lần lượt chuyển đổi nối tiếp nhau mà hiện rõ ở trước mắt, khiến cho Sư Du-già gọi là Ái của Tĩnh lự trên, Kiến của Tĩnh lự trên, Nghi của Tĩnh lự trên, Mạn của Tĩnh lự trên; cũng có nghĩa tương ưng cùng những Triền-Tùy phiền não-Cấu khác, nhưng bởi vì phiền não mạnh hơn cho nên chỉ nói đến phiền não.

Hỏi: Có thể có lúc không tiến vào Tĩnh lự thứ nhất, mà tiến vào Tĩnh lự thứ hai chăng?

Đáp: Tiến vào.

Hỏi: Cho đến có thể có lúc không tiến vào Vô sở hữu xứ, mà tiến vào Phi tưởng phi phi tưởng xứ chăng?

Đáp: Tiến vào.

Hỏi: Vì sao soạn ra phần luận này?

Đáp: Bởi vì muốn làm cho người nghi có được quyết định. Như luận Phẩm Loại Túc nói: "Thứ nhất, đó là tùy thuận theo thứ tự, bởi vì trong chuỗi liên hợp nối tiếp nhau, số ấy làm thứ nhất. Lại nữa, tùy thuận theo thứ tự, bởi vì trong chuỗi liên hợp nối tiếp nhau, lúc tiến vào các Định thì pháp này là đầu tiên." Trong các kinh cũng nói chín Định theo thứ tự. Có người sinh ra nghi ngờ như vậy: Nếu không tiến vào Tĩnh lự thứ nhất…, thì không có thể tiến vào Tĩnh lự thứ hai… Nay muốn làm cho người ấy sinh ra cách hiểu quyết định, không tiến vào Tĩnh lự thứ nhất…, cũng có thể tiến vào Tĩnh lự thứ hai…, cho nên soạn ra phần luận này.

Hỏi: Có thể có lúc không tiến vào Tĩnh lự thứ nhất, mà tiến vào Tĩnh lự thứ hai chăng?

Đáp: Tiến vào. Thế nào là tiến vào? Đó là từ Định Vị chí, hoặc là Tĩnh lự trung gian, hoặc là Cận phần Tĩnh lự thứ hai, hoặc là Tĩnh lự thứ hai, hoặc là Cận phần Tĩnh lự thứ ba, hoặc là Tĩnh lự thứ ba, hoặc là Tĩnh lự thứ tư Đẳng vô gián, Tĩnh lự thứ hai hiện rõ ở trước mắt.

Trong này có người nói: Tâm thiện của cõi Dục Đẳng vô gián, chỉ có thể tiến vào Định Vị chí.

Có người nói: Cũng có thể tiến vào Tĩnh lự thứ nhất. Có người nói: Cũng có thể tiến vào Tĩnh lự trung gian.

Tôn giả Tăng-già-phiệt-tô nói rằng: "Cũng có thể tiến vào Tĩnh lự thứ hai, như người vượt qua Định, từ Tĩnh lự thứ nhất Đẳng vô gián, vượt qua Tĩnh lự thứ hai, tiến vào Tĩnh lự thứ ba. Như vậy cũng thuận theo từ tâm thiện của cõi Dục Đẳng vô gián, vượt qua Tĩnh lự thứ nhất, tiến vào Tĩnh lự thứ hai."

Cách nói này không hợp lý, bởi vì tâm thiện của cõi Dục không phải là tâm của Định, cho nên không thể nào nói là thế lực của tâm ấy giống như tâm của các Định.

Hỏi: Có thể có lúc không tiến vào Tĩnh lự thứ hai, mà tiến vào Tĩnh lự thứ ba chăng?

Đáp: Tiến vào.

Hỏi: Thế nào là tiến vào?

Đáp: Đó là từ Tĩnh lự thứ nhất, hoặc là Cận phần Tĩnh lự thứ ba, hoặc là Tĩnh lự thứ ba, hoặc là Cận phần Tĩnh lự thứ tư, hoặc là Tĩnh lự thứ tư, hoặc là Không vô biên xứ.

Có người nói: Cũng từ Cận phần Tĩnh lự thứ hai Đẳng vô gián, Tĩnh lự thứ ba hiện rõ ở trước mắt.

Hỏi: Có thể có lúc không tiến vào Tĩnh lự thứ ba, mà tiến vào Tĩnh lự thứ tư chăng?

Đáp: Tiến vào. Thế nào là tiến vào? Đó là từ Tĩnh lự thứ hai, hoặc là Cận phần Tĩnh lự thứ tư, hoặc là Tĩnh lự thứ tư, hoặc là Cận phần Không vô biên xứ, hoặc là Không vô biên xứ, hoặc là Thức vô biên xứ.

Có người nói: Cũng từ Cận phần Tĩnh lự thứ ba Đẳng vô gián, Tĩnh lự thứ tư hiện rõ ở trước mắt.

Hỏi: Như vậy cho đến có thể có lúc không tiến vào Vô sở hữu xứ, mà tiến vào Phi tưởng phi phi tưởng xứ chăng?

Đáp: Tiến vào. Thế nào là tiến vào? Đó là từ Thức vô biên xứ, hoặc là Cận phần Phi tưởng phi phi tưởng xứ, hoặc là Phi tưởng phi phi tưởng xứ.

Có người nói: Cũng từ Cận phần Vô sở hữu xứ Đẳng vô gián, Phi tưởng phi phi tưởng xứ hiện rõ ở trước mắt.

Trong này ngăn chặn sát-na, không ngăn chặn nối tiếp nhau, không ngăn chặn phần vị, không ngăn chặn Chúng đồng phần, không ngăn chặn từ vô thỉ đến nay. Nghĩa là sát-na trước tiến vào Định này, không tiến vào Định kia, bởi vì không phải là những sát-na khác cũng chưa từng tiến vào, cho nên đối với nối tiếp nhau… ở đây không ngăn chặn. Dựa vào nghĩa lý

này nên biết cũng có ngăn chặn hai-ngăn chặn ba, cho đến ngăn chặn bảy.

Hỏi: Có thể có lúc không tiến vào Tĩnh lự thứ nhất-thứ hai, mà tiến vào Tĩnh lự thứ ba chăng?

Đáp: Tiến vào. Đó là dựa vào Định Vị chí, lìa nhiễm của cõi Dục cho đến lìa nhiễm của Tĩnh lự thứ hai, mạng chung sinh đến Tĩnh lự thứ ba, hoặc là từ địa trên chết đi sinh đến Tĩnh lự thứ ba, ngay nơi ấy Tĩnh lự thứ ba hiện rõ ở trước mắt.

Hỏi: Cho đến có thể có lúc không tiến vào bốn Tĩnh lự-ba Vô sắc, mà tiến vào Phi tưởng phi phi tưởng xứ chăng?

Đáp: Tiến vào. Đó là dựa vào Định Vị chí, lìa nhiễm của cõi Dục cho đến lìa nhiễm của Vô sở hữu xứ, mạng chung sinh đến Phi tưởng phi phi tưởng xứ, ngay nơi ấy Định của Phi tưởng phi phi tưởng xứ hiện rõ ở trước mắt.

Đây là dựa vào ngăn chặn sát-na cho đến ngăn chặn Chúng đồng phần, không ngăn chặn từ vô thỉ đến nay. Nói đến điều ấy có lúc cũng không ngăn chặn Chúng đồng phần, hoặc là cũng không ngăn chặn phần vị, nghĩa cũng không có gì trái ngược, thuận theo nói như trước.

Hỏi: Có thể có lúc không tiến vào Tĩnh lự thứ nhất, mà sinh đến cõi Phạm Thế chăng?

Đáp: Sinh đến.

Hỏi: Cho đến có thể có lúc không tiến vào Phi tưởng phi phi tưởng xứ, mà sinh đến Phi tưởng phi phi tưởng xứ chăng?

Đáp: Sinh đến.

Hỏi: Vì sao soạn ra phần luận này?

Đáp: Bởi vì muốn làm cho người nghi có được quyết định. Như trong kinh nói: "Trước ở nơi này tiến vào Định, sau được sinh vào nơi ấy…" Có người sinh ra nghi ngờ: Cần phải tiến vào Định của nơi ấy thì mới được sinh vào nơi ấy. Bởi vì cần phải làm cho mối nghi này được quyết định, hiển bày tuy không tiến vào Định của nơi ấy nhưng cũng được sinh vào nơi ấy, cho nên soạn ra phần luận này.

Hỏi: Nếu như vậy thì kinh nói nên hiểu thế nào?

Đáp: Có những hữu tình trước tiến vào Định của nơi ấy, sau được sinh vào nơi ấy; có những hữu tình không tiến vào Định của nơi ấy, mà cũng sinh vào nơi ấy. Trong kinh nói về người tiến vào Định mà sinh đến nơi ấy, A-tỳ-đạt-ma nói về người không tiến vào Định mà sinh đến nơi ấy, như vậy thì hai cách nói dễ dàng thông hiểu.

Hỏi: Nếu không tiến vào Định của nơi ấy mà cũng được sinh vào nơi ấy, thì tại sao Đức Thế Tôn chỉ nói tiến vào Định-sinh vào nơi ấy?

Đáp: Bởi vì có các ngoại đạo cho rằng Phạm Thiên... không phải là tu Định mà đạt được, cho nên Đức Thế Tôn nói trước ở nơi này tiến vào Định sau mới sinh vào nơi ấy, khiến cho quyết định tin rằng Quả do Nhân mà đạt được.

Lại nữa, có các hữu tình đắm say chút ít dục lạc của hiện tại, không thích quả lìa dục thù thắng của tương lai, Đức Thế Tôn vì điều ấy mà chê trách dục lạc-ca ngợi quả lìa dục, hữu tình ấy nghe rồi vui mừng thỉnh cầu nói về nhân của quả ấy, Đức Phật vì họ mà nói là trước tiến vào Định của nơi ấy, sau sinh vào nơi ấy.

Lại nữa, có các hữu tình nghe nói về quả lìa dục thù thắng của cõi trên, không sinh tâm tin hiểu, ý Đức Phật muốn hiển bày nếu có thể tiến vào Định căn bản của nơi ấy thì hiện tại thọ nhận niềm vui thù thắng, để biết rằng quả ấy thật là vi diệu thù thắng, cho nên Đức Phật vì họ mà nói là trước ở nơi này tiến vào Định, sau được sinh vào nơi ấy.

Lại nữa, có Sư Du-già có thể tiến vào Định ấy, tuy thích sinh vào nơi ấy, mà hiện tại không tiến vào, Đức Phật vì vậy mà nói trước ở nơi này tiến vào Định, sau mới sinh vào nơi ấy.

Lại nữa, có Sư Du-già tuy chán ngán nỗi khổ của cõi Dục, cầu niềm vui lìa dục, mà đối với pháp lìa dục lại lười nhác không tu, Đức Phật vì vậy mà nói trước ở nơi này tiến vào Định, sau sinh vào nơi ấy.

Hỏi: Có thể có lúc không tiến vào Tĩnh lự thứ nhất, mà sinh đến cõi Phạm Thế chăng?

Đáp: Sinh đến. Thế nào là sinh đến? Đó là dựa vào Định Vị chí lìa nhiễm của cõi Dục, cuối cùng là đạo giải thoát, và sau đó không tiến vào Tĩnh lự thứ nhất, lúc ấy nếu chưa lìa nhiễm của Tĩnh lự thứ nhất mà mạng chung, thì nhất định sẽ sinh đến cõi Phạm Thế; hoặc là ở địa trên chết đi sinh vào trong cõi trời ấy.

Hỏi: Không khởi lên Định của nơi ấy thì làm sao sinh đến nơi ấy, bởi vì không có nhân dị thục?

Đáp: Bởi vì nghiệp thuận theo đời kế tiếp thứ hai thọ nhận làm nhân dị thục, cho nên được sinh đến nơi ấy.

Hỏi: Có thể có lúc không tiến vào Tĩnh lự thứ hai, mà sinh đến cõi Cực Quang Tịnh chăng?

Đáp: Sinh đến. Thế nào là sinh đến? Đó là dựa vào Định Vị chí- Tĩnh

lự thứ nhất, Tĩnh lự trung gian, Cận phần Tĩnh lự thứ hai, tùy theo một nơi lìa nhiễm của Tĩnh lự thứ nhất, không tiến vào Tĩnh lự thứ hai, lúc ấy nếu chưa lìa nhiễm của Tĩnh lự thứ hai mà mạng chung, thì nhất định sẽ sinh đến cõi Cực Quang Tịnh; hoặc là ở địa trên chết đi sinh vào trong cõi trời ấy.

Hỏi: Có thể có lúc không tiến vào Tĩnh lự thứ ba, mà sinh đến cõi Biến Tịnh chăng?

Đáp: Sinh đến. Thế nào là sinh đến? Đó là dựa vào Định Vị chí- Tĩnh lự thứ nhất, Tĩnh lự trung gian, Tĩnh lự thứ hai, Cận phần tĩnh lự thứ ba, tùy theo một nơi lìa nhiễm của Tĩnh lự thứ hai, không tiến vào Tĩnh lự thứ ba, lúc ấy nếu chưa lìa nhiễm của Tĩnh lự thứ ba mà mạng chung, thì nhất định sẽ sinh đến cõi Biến Tịnh; hoặc là ở địa trên chết đi sinh vào trong cõi trời ấy.

Hỏi: Như vậy cho đến có thể có lúc không tiến vào Phi tưởng phi phi tưởng xứ, mà sinh đến Phi tưởng phi phi tưởng xứ chăng?

Đáp: Sinh đến. Thế nào là sinh đến? Đó là dựa vào Định Vị chí cho đến Vô sở hữu xứ, tùy theo một nơi lìa nhiễm của Vô sở hữu xứ, chưa lìa nhiễm của địa trên, không tiến vào Phi tưởng phi phi tưởng xứ mà mạng chung, thì nhất định sẽ sinh đến Phi tưởng phi phi tưởng xứ.

Trong này ngăn chặn sát-na, ngăn chặn nối tiếp nhau, ngăn chặn phần vị, ngăn chặn Chúng đồng phần, không ngăn chặn từ vô thỉ đến nay.

Nếu đạt được Tĩnh lự thứ nhất chứ không phải là Tĩnh lự thứ hai, thì lúc ấy mạng chung sinh về nơi nào? Cho đến nói rộng ra.

Hỏi: Vì sao soạn ra phần luận này?

Đáp: Bởi vì muốn làm cho người nghi có được quyết định. Như Đức Thế Tôn nói: "Tỳ kheo nên biết! Ta nói dựa vào Tĩnh lự thứ nhất có thể trừ hết các lậu, dựa vào Tĩnh lự thứ hai cho đến Vô sở hữu xứ có thể trừ hết các lậu." Đừng có sinh lòng nghi ngờ là chỉ dựa vào Định căn bản mới có thể trừ hết các lậu, chứ không phải là Định Vị chí… Bởi vì làm cho mối nghi này được quyết định, hiển bày dựa vào chín địa đều có thể trừ hết các lậu, đó là bảy địa Căn bản-Vị chí-Trung gian, trừ ra địa Cận phần, tuy không có thể trừ hết mà cũng có thể đoạn dứt, cho nên soạn ra phần luận này.

Nhưng đạt được có hai loại:

1. Hiện tiền đạt được.
2. Thành tựu đạt được.

Trong này dựa vào hiện tiền đạt được mà soạn luận.

Hỏi: Nếu đạt được Tĩnh lự thứ nhất chứ không phải là Tĩnh lự thứ hai, thì lúc ấy mạng chung sinh về nơi nào?

Đáp: Hoặc là cõi Phạm Thế, hoặc là cõi Cực Quang Tịnh, hoặc là cõi Biến Tịnh, hoặc là cõi Quảng Quả, hoặc là Không vô biên xứ, hoặc là Thức vô biên xứ, hoặc là Vô sở hữu xứ, hoặc là Phi tưởng phi phi tưởng xứ, hoặc là không có nơi chốn.

Đó là hiện tiền đạt được Tĩnh lự thứ nhất chứ không phải là Tĩnh lự thứ hai, quyết định đã lìa nhiễm của cõi Dục, mà địa trên thì không nhất định. Trong đó nếu chưa lìa nhiễm của Tĩnh lự thứ nhất, thì lúc ấy mạng chung sinh đến cõi Phạm Thế.

Nếu dựa vào Định Vị chí, hoặc là Tĩnh lự thứ nhất, hoặc là Tĩnh lự trung gian, hoặc là Cận phần Tĩnh lự thứ hai, tùy theo một nơi lìa nhiễm của Tĩnh lự thứ nhất, cuối cùng là đạo giải thoát, và sau đó không tiến vào Tĩnh lự thứ hai, chưa lìa nhiễm của Tĩnh lự thứ hai, lúc ấy mạng chung sinh đến cõi Cực Quang Tịnh.

Ngay nơi ấy nếu dựa vào Định Vị chí, Tĩnh lự thứ nhất, Tĩnh lự trung gian, tùy theo một nơi lìa nhiễm của Tĩnh lự thứ hai, chưa lìa nhiễm của địa trên, thì lúc ấy mạng chung sinh đến cõi Biến Tịnh.

Nếu vẫn dựa vào ba địa trước, tùy theo một nơi lìa nhiễm của Tĩnh lự thứ ba, chưa lìa nhiễm của địa trên, thì lúc ấy mạng chung sinh đến cõi Quảng Quả.

Như vậy cho đến nếu vẫn dựa vào ba địa trước, tùy theo một nơi lìa nhiễm của Phi tưởng phi phi tưởng xứ, thì lúc ấy mạng chung không có nơi sinh đến, bởi vì đã lìa nhiễm của ba cõi.

Hỏi: Nếu đạt được Tĩnh lự thứ hai chứ không phải là Tĩnh lự thứ ba, thì lúc ấy mạng chung sinh về nơi nào?

Đáp: Hoặc là cõi Cực Quang Tịnh, hoặc là cõi Biến Tịnh, cho đến hoặc là Phi tưởng phi phi tưởng xứ, hoặc là không có nơi chốn.

Đó là hiện tiền đạt được Tĩnh lự thứ hai chứ không phải là Tĩnh lự thứ ba, quyết định đã lìa nhiễm của Tĩnh lự thứ nhất, mà địa trên thì không nhất định. Trong đó nếu chưa lìa nhiễm của Tĩnh lự thứ hai, thì lúc ấy mạng chung sinh đến cõi Cực Quang Tịnh.

Nếu dựa vào Định Vị chí, Tĩnh lự thứ nhất, Tĩnh lự trung gian, Tĩnh lự thứ hai, Cận phần Tĩnh lự thứ ba, tùy theo một nơi lìa nhiễm của Tĩnh lự thứ hai, không tiến vào Tĩnh lự thứ ba, chưa lìa nhiễm của Tĩnh lự thứ ba, lúc ấy mạng chung sinh đến cõi Biến Tịnh.

Ngay nơi ấy nếu dựa vào Định Vị chí, Tĩnh lự thứ nhất, Tĩnh lự trung gian, Tĩnh lự thứ hai, tùy theo một nơi lìa nhiễm của Tĩnh lự thứ ba, chưa lìa nhiễm của địa trên, thì lúc ấy mạng chung sinh đến cõi Quảng Quả.

Nếu vẫn dựa vào bốn địa trước, tùy theo một nơi lìa nhiễm của Tĩnh lự thứ tư, chưa lìa nhiễm của địa trên, thì lúc ấy mạng chung sinh đến Không vô biên xứ.

Như vậy cho đến nếu vẫn dựa vào bốn địa trước, tùy theo một nơi lìa nhiễm của Phi tưởng phi phi tưởng xứ, thì lúc ấy mạng chung không có nơi sinh đến.

Hỏi: Nếu đạt được Tĩnh lự thứ ba chứ không phải là Tĩnh lự thứ tư, thì lúc ấy mạng chung sinh về nơi nào?

Đáp: Hoặc là cõi Biến Tịnh, hoặc là cõi Quảng Quả, cho đến hoặc là Phi tưởng phi phi tưởng xứ, hoặc là không có nơi chốn.

Đó là hiện tiền đạt được Tĩnh lự thứ ba chứ không phải là Tĩnh lự thứ tư, quyết định đã lìa nhiễm của Tĩnh lự thứ hai, mà địa trên thì không nhất định. Trong đó nếu chưa lìa nhiễm của Tĩnh lự thứ ba, thì lúc ấy mạng chung sinh đến cõi Biến Tịnh.

Nếu dựa vào Định Vị chí, cho đến Tĩnh lự thứ ba, tùy theo một nơi lìa nhiễm của Tĩnh lự thứ ba, chưa lìa nhiễm của địa trên, thì lúc ấy mạng chung sinh đến cõi Quảng Quả.

Nếu vẫn dựa vào năm địa trước, tùy theo một nơi lìa nhiễm của Tĩnh lự thứ tư, chưa lìa nhiễm của địa trên, thì lúc ấy mạng chung sinh đến Không vô biên xứ.

Như vậy cho đến nếu vẫn dựa vào năm địa trước, tùy theo một nơi lìa nhiễm của Phi tưởng phi phi tưởng xứ, thì lúc ấy mạng chung không có nơi sinh đến.

Hỏi: Nếu đạt được Tĩnh lự thứ tư chứ không phải là Không vô biên xứ, thì lúc ấy mạng chung sinh về nơi nào?

Đáp: Hoặc là cõi Quảng Quả, cho đến hoặc là Phi tưởng phi phi tưởng xứ, hoặc là không có nơi chốn.

Đó là hiện tiền đạt được Tĩnh lự thứ tư chứ không phải là Không vô biên xứ, quyết định đã lìa nhiễm của Tĩnh lự thứ ba, mà địa trên thì không nhất định. Trong đó nếu chưa lìa nhiễm của Tĩnh lự thứ tư, thì lúc ấy mạng chung sinh đến cõi Quảng Quả.

Nếu dựa vào Định Vị chí, cho đến Tĩnh lự thứ tư, tùy theo một nơi lìa nhiễm của Tĩnh lự thứ tư, chưa lìa nhiễm của địa trên, thì lúc ấy mạng

chung sinh đến Không vô biên xứ.

Nếu vẫn dựa vào sáu địa trước, tùy theo một nơi lìa nhiễm của Không vô biên xứ, chưa lìa nhiễm của địa trên, thì lúc ấy mạng chung sinh đến Thức vô biên xứ.

Như vậy cho đến nếu vẫn dựa vào sáu địa trước, tùy theo một nơi lìa nhiễm của Phi tưởng phi phi tưởng xứ, thì lúc ấy mạng chung không có nơi sinh đến.

Hỏi: Nếu đạt được Không vô biên xứ chứ không phải là Thức vô biên xứ, thì lúc ấy mạng chung sinh về nơi nào?

Đáp: Hoặc là Không vô biên xứ, cho đến hoặc là không có nơi chốn.

Đó là hiện tiền đạt được Không vô biên xứ chứ không phải là Thức vô biên xứ, quyết định đã lìa nhiễm của Tĩnh lự thứ tư, mà địa trên thì không nhất định. Trong đó nếu chưa lìa nhiễm của Không vô biên xứ, thì lúc ấy mạng chung sinh đến Không vô biên xứ.

Nếu dựa vào Định Vị chí, cho đến Không vô biên xứ, tùy theo một nơi lìa nhiễm của Không vô biên xứ, chưa lìa nhiễm của địa trên, thì lúc ấy mạng chung sinh đến Thức vô biên xứ.

Như vậy cho đến nếu vẫn dựa vào bảy địa trước, tùy theo một nơi lìa nhiễm của Phi tưởng phi phi tưởng xứ, thì lúc ấy mạng chung không có nơi sinh đến.

Hỏi: Nếu đạt được Thức vô biên xứ chứ không phải là Vô sở hữu xứ, thì lúc ấy mạng chung sinh về nơi nào?

Đáp: Hoặc là Thức vô biên xứ, cho đến hoặc là không có nơi chốn.

Đó là hiện tiền đạt được Thức vô biên xứ chứ không phải là Vô sở hữu xứ, quyết định đã lìa nhiễm của Không vô biên xứ, mà địa trên thì không nhất định. Trong đó nếu chưa lìa nhiễm của Thức vô biên xứ, thì lúc ấy mạng chung sinh đến Thức vô biên xứ.

Nếu dựa vào Định Vị chí, cho đến Thức vô biên xứ, tùy theo một nơi lìa nhiễm của Thức vô biên xứ, chưa lìa nhiễm của địa trên, thì lúc ấy mạng chung sinh đến Vô sở hữu xứ.

Như vậy cho đến nếu vẫn dựa vào tám địa trước, tùy theo một nơi lìa nhiễm của Phi tưởng phi phi tưởng xứ, thì lúc ấy mạng chung không có nơi sinh đến.

Hỏi: Nếu đạt được Vô sở hữu xứ chứ không phải là Phi tưởng phi phi tưởng xứ, thì lúc ấy mạng chung sinh về nơi nào?

Đáp: Hoặc là Vô sở hữu xứ, cho đến hoặc là không có nơi chốn.

Đó là hiện tiền đạt được Vô sở hữu xứ chứ không phải là Phi tưởng phi phi tưởng xứ, quyết định đã lìa nhiễm của Thức vô biên xứ, mà địa trên thì không nhất định. Trong đó nếu chưa lìa nhiễm của Vô sở hữu xứ, thì lúc ấy mạng chung sinh đến Vô sở hữu xứ.

Nếu dựa vào Định Vị chí, cho đến Vô sở hữu xứ, tùy theo một nơi lìa nhiễm của Vô sở hữu xứ, chưa lìa nhiễm của địa trên, thì lúc ấy mạng chung sinh đến Phi tưởng phi phi tưởng xứ.

Nếu vẫn dựa vào chín địa trước, tùy theo một nơi lìa nhiễm của Phi tưởng phi phi tưởng xứ, thì lúc ấy mạng chung không có nơi sinh đến.

Dựa vào nghĩa lý này nên biết cũng có đạt được hai-đạt được ba, cho đến đạt được bảy. Ngăn chặn cũng như vậy, lý lẽ trả lời không có gì khác nhau cho nên không nói đầy đủ.

Hỏi: Nếu đạt được tâm thiện của cõi Dục chứ không phải là Tĩnh lự thứ nhất, tại sao trong này không hỏi, thì lúc ấy mạng chung sinh về nơi nào? Có người nói: Cũng cần phải nói (Nếu đạt được tâm thiện của cõi Dục chứ không phải là Tĩnh lự thứ nhất, thì lúc ấy mạng chung sinh về nơi nào?

Đáp: Hoặc là cõi Dục, hoặc là cõi Phạm Thế, cho đến hoặc là Phi tưởng phi phi tưởng xứ, hoặc là không có nơi chốn. Đó là hiện tiền đạt được tâm thiện của cõi Dục chứ không phải là Tĩnh lự thứ nhất, lúc ấy quyết định ở cõi Dục, mà lìa nhiễm thì không nhất định, nghĩa là lúc ấy nếu chưa lìa nhiễm của cõi Dục, thì mạng chung sinh trở lại cõi Dục. Nếu dựa vào Định Vị chí lìa nhiễm của cõi Dục, cuối cùng là đạo giải thoát, và sau đó không tiến vào Tĩnh lự thứ nhất, chưa lìa nhiễm của Tĩnh lự thứ nhất, thì lúc ấy mạng chung sinh đến cõi Phạm Thế. Ngay nơi ấy nếu dựa vào Định Vị chí, lìa nhiễm của Tĩnh lự thứ nhất, chưa lìa nhiễm của địa trên, thì lúc ấy mạng chung sinh đến cõi Cực Quang Tịnh. Cho đến nếu dựa vào Định Vị chí, lìa nhiễm của Vô sở hữu xứ, chưa lìa nhiễm của địa trên, thì lúc ấy mạng chung sinh đến Phi tưởng phi phi tưởng xứ. Nếu dựa vào Định Vị chí, lìa nhiễm của Phi tưởng phi phi tưởng, thì lúc ấy mạng chung không có nơi sinh đến.) Nên đưa ra cách nói này, mà không nói đến thì nên biết là nghĩa này có khác.

Có người nói: Không cần phải hỏi-đáp về cõi Dục, bởi vì đây là Định Uẩn, chủ yếu hỏi-đáp về Định và quả của Định, cõi Dục không phải là Định-không phải là quả của Định, vì thế cho nên không nói đến.

Hỏi: Đạt được Tĩnh lự thứ nhất chứ không phải là Tĩnh lự thứ hai…, lúc ấy mạng chung cũng sinh vào cõi Dục…, tại sao trong này không nói?

Đáp: Có người nói: Cũng cần phải nói lúc ấy sinh vào tất cả các địa

dưới, mà không nói đến thì nên biết là nghĩa này có khác.

Có người nói: Đây là Định Uẩn, chủ yếu hiển bày về sinh vào địa của Định, nếu nói sinh vào địa dưới thì có lỗi sinh vào cõi Dục là địa không phải Định, vì thế cho nên không nói.

Có người nói: Trong này nói về người đạt được các Định mà chết rồi sinh ra, những người sinh vào địa dưới thì lui sụt rời bỏ các Định, vì vậy không nói đến.

Hỏi: Những người sinh vào địa trên, vào lúc mạng chung cũng rời bỏ các Định, tại sao lại nói đến?

Đáp: Những người sinh vào địa trên, tuy có sự rời bỏ mà vẫn gọi là thắng tiến, huống là có sự đạt được hay sao? Những người sinh vào địa dưới, tuy có sự đạt được mà vẫn gọi là lui sụt, huống là có sự rời bỏ hay sao? Đây là Định Uẩn, chủ yếu hiển bày về thắng tiến, vì thế cho nên không nói đến.

Hỏi: Trong kinh chỉ nói dựa vào Tĩnh lự thứ nhất cho đến Vô sở hữu xứ có thể trừ hết các lậu, vì sao biết là có dựa vào Định Vị chí và Tĩnh lự trung gian trừ hết các lậu?

Đáp: Đức Thế Tôn nói có ba Tam-ma-địa có thể trừ hết các lậu, đó là có Tầm-có Tứ, không có Tầm-chỉ có Tứ, không có Tầm-không có Tứ.

Kinh khác lại nói: "Tĩnh lự thứ nhất gọi là có Tầm-có Tứ, Tĩnh lự thứ hai trở lên gọi là không có Tầm-không có Tứ." Nếu không có Tĩnh lự trung gian thì lại nói loại nào gọi là không có Tầm-chỉ có Tứ? Vì vậy biết là có dựa vào Tĩnh lự trung gian trừ hết các lậu.

Lại trong kinh nói: "Đức Phật bảo với Tỳ kheo: Ta không nói là chỉ dựa vào có Tầm-có Tứ, Ly sinh hỷ lạc, Tĩnh lự thứ nhất, trú đầy đủ…, lìa bỏ pháp ác bất thiện của cõi Dục có thể trừ hết các lậu, nhưng do Tuệ-Kiến cũng có thể trừ hết các lậu." Kinh này là nói rõ có dựa vào Định Vị chí để trừ hết các lậu. Vả lại, Thánh giả chưa lìa nhiễm cõi Dục, chưa đạt được Tĩnh lự mà thấy rõ Thánh đế, nếu không có Định Vị chí thì dựa vào đâu mà có thể khởi lên Thánh đạo vĩnh viễn đoạn trừ các lậu? Vì vậy cho nên biết là có dựa vào Định Vị chí để trừ hết các lậu.

Hỏi: Sao không nói chính là Tĩnh lự thứ nhất… có thể trừ hết các lậu mà nói là dựa vào?

Đáp: Có người nói: Tĩnh lự có người trước đó đã từng đạt được, nếu Đức Thế Tôn nói Tĩnh lự thứ nhất… có thể trừ hết các lậu, thì người không biết gì sẽ cho rằng đạt được Tĩnh lự đều đã trừ hết các lậu. Vì thế cho nên Đức Phật nói dựa vào Tĩnh lự…, khởi lên đạo vô lậu mới có thể trừ hết các

lậu.

Có người nói: Các Định chỉ là Xa-ma-tha, cần phải là Tỳ-bát-xá- na thì mới có thể trừ hết các lậu, cho nên nói là dựa vào Định thuận theo cần phải phát khởi Tuệ.

Có người nói: Các Định phần nhiều là đã từng đạt được, đừng có lưu luyến giữ lấy không muốn tiến tu, cho nên nói là dựa vào Định tiến lên cầu đạo thù thắng không nên sinh tâm chấp trước.

Hỏi: Như trong kinh nói: "Phi tưởng phi phi tưởng xứ đi cùng với tu Niệm đẳng giác chi." Kinh khác lại nói: "Cho đến Tưởng Định có thể đích thực thông đạt, có thể phân rõ thánh chỉ." Kinh trước cũng nói "Dựa vào Tĩnh lự thứ nhất cho đến Vô sở hữu xứ, có thể trừ hết các lậu." Hai cách nói như vậy không phải là trái ngược nhau hay sao? Đáp: Kinh thứ nhất nói là có thể dẫn dắt phát khởi, hai kinh sau nói tức là dựa vào kinh ấy. Vả lại, kinh thứ nhất nói đến phương tiện, hai kinh sau nói đến thành tựu đầy đủ.

Hỏi: Nếu như vậy thì tại sao nói là đi cùng?

Đáp: Thanh đi cùng(câu) cũng chuyển đối với nghĩa trước-sau. Như Đức Thế Tôn nói: "Vua Mạn-đà-đa khởi lên Tưởng này đi cùng thì lập tức đọa lạc." Kinh khác lại nói: "Khởi lên Tưởng này đi cùng, các hữu tình ấy lập tức chết đi." Những kinh này đều là trước-sau mà nói Thanh đi cùng, tu Niệm đẳng giác chi nên biết cũng như vậy.

Hỏi: Nếu pháp là Tĩnh lự thứ nhất làm nhân, thì pháp ấy là quả của Tĩnh lự thứ nhất chăng? Giả sử pháp là quả của Tĩnh lự thứ nhất, thì pháp ấy không có nhân của Tĩnh lự thứ nhất chăng?

Đáp: Các pháp là Tĩnh lự thứ nhất làm nhân, pháp ấy là quả của Tĩnh lự thứ nhất. Có pháp là quả của Tĩnh lự thứ nhất, mà pháp ấy không phải là Tĩnh lự thứ nhất làm nhân, đó là đoạn Kiết của ba cõi, và quả của Tĩnh lự thứ nhất. Phẩm tâm Thông quả của cõi Dục, cho đến Tĩnh lự thứ tư cũng cần phải đưa ra cách hỏi-đáp này, đối với Định Vô sắc chỉ cần nói đến đoạn Kiết.

Hỏi: Những người rời bỏ tâm của địa Tĩnh lự thứ nhất, đạt được tâm của địa Tĩnh lự thứ hai, đều diệt mất tâm của địa Tĩnh lự thứ nhất, khởi lên tâm của địa Tĩnh lự thứ hai chăng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu phân biệt:

Câu thứ nhất, đó là dựa vào Định Vị chí, hoặc là Tĩnh lự trung gian, hoặc là Cận phần Tĩnh lự thứ hai, lìa nhiễm của cõi Phạm Thế, không tiến vào địa Căn bản, lúc bấy giờ rời bỏ tâm nhiễm ô của địa Tĩnh lự thứ nhất, đạt được tâm không nhiễm ô của địa Tĩnh lự thứ hai, mà không phải là tâm

kia diệt mất-tâm này khởi lên.

Câu thứ hai, đó là không phải lúc lìa nhiễm theo thứ tự tiến vào Định.

Câu thứ ba, đó là lúc từ Tĩnh lự thứ nhất chết đi, sinh vào Tĩnh lự thứ hai.

Câu thứ tư, đó là trừ ra những tướng trước.

Hỏi: Những người rời bỏ tâm của địa Tĩnh lự thứ hai, đạt được tâm của địa Tĩnh lự thứ nhất, đều diệt mất tâm của địa Tĩnh lự thứ hai, khởi lên tâm của địa Tĩnh lự thứ nhất chăng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu phân biệt:

Câu thứ nhất, đó là lúc khởi lên Triền của cõi Dục mà lui sụt Tĩnh lự thứ hai.

Câu thứ hai, đó là lúc tiến vào Định theo thứ tự ngược lại. Câu thứ ba, đó là lúc sinh ra.

Câu thứ tư, đó là trừ ra những tướng trước.

Hỏi: Những người rời bỏ phiền não của địa Tĩnh lự thứ nhất, lúc ấy đạt được pháp thiện của địa Tĩnh lự thứ hai chăng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu phân biệt:

Câu thứ nhất, đó là dựa vào Định Vị chí, hoặc là Tĩnh lự thứ nhất, Tĩnh lự trung gian, tiến vào Kiến đạo trong bốn tâm.

Câu thứ hai, đó là lúc dựa vào Tĩnh lự thứ hai-thứ ba-thứ tư tiến vào Kiến đạo, và lúc Thánh giả lìa nhiễm của bảy địa trên.

Câu thứ ba, đó là lúc lìa nhiễm của Tĩnh lự thứ nhất. Câu thứ tư, đó là trừ ra những tướng trước.

Hỏi: Những người rời bỏ công đức của địa Tĩnh lự thứ hai, lúc ấy mang lấy phiền não của địa Tĩnh lự thứ nhất chăng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu phân biệt:

Câu thứ nhất, đó là lúc lui sụt đối trị của địa trên, và công đức của địa trên mà địa Tĩnh lự thứ hai đã tu.

Câu thứ hai, đó là lúc ở địa trên chết đi, sinh vào cõi Dục và cõi Phạm Thế.

Câu thứ ba, đó là lúc ở cõi Cực Quang Tịnh chết đi, sinh vào cõi Dục và cõi Phạm Thế, và lúc khởi lên phiền não của địa dưới mà lui sụt Tĩnh lự thứ hai.

Câu thứ tư, đó là trừ ra những tướng trước.

Đối với những Định khác, tùy theo sự thích hợp cũng cần phải đưa

ra cách hỏi-đáp này để phân biệt.

-oOo-

LUẬN A TỲ ĐẠT MA ĐẠI TỲ BÀ SA

QUYỂN 162

LUẬN VỀ ĐẮC (Phần 6)

Hỏi: Tư duy như thế nào để tiến vào Định Từ?

Đáp: Mang lại niềm vui cho hữu tình.

Hỏi: Tư duy như thế nào để tiến vào Định Bi?

Đáp: Trừ bỏ nỗi khổ của hữu tình.

Hỏi: Tư duy như thế nào để tiến vào Định Hỷ?

Đáp: Chúc mừng các hữu tình.

Hỏi: Tư duy như thế nào để tiến vào Định Xả?

Đáp: Bố thí cho hữu tình.

Hỏi: Trong này là nói về hành tướng của Đẳng vô gián duyên, hay là nói về hành tướng câu sinh của Từ-Bi…? Nếu nói về hành tướng của Đẳng vô gián duyên, thì Từ-Bi… hiện rõ trước mắt lại là hành tướng nào? Nếu nói về hành tướng câu sinh của Từ-Bi…, thì tại sao đưa ra cách nói này: Tư duy như thế nào để tiến vào Định Từ? Cho đến nói rộng ra.

Đáp: Có người nói: Trong này nói về hành tướng của Đẳng vô gián duyên.

Hỏi: Nếu như vậy thì Từ-Bi… hiện rõ trước mắt lại là hành tướng nào?

Đáp: Tức là làm bốn loại hành tướng như vậy, đó là mang lại niềm vui cho hữu tình, cho đến bố thí cho hữu tình.

Có người nói: Ở đây nói về hành tướng câu sinh của Từ-Bi…

Hỏi: Nếu như vậy thì tại sao đưa ra cách nói này: Tư duy như thế nào để tiến vào Định Từ? Cho đến nói rộng ra?

Đáp: Trong này nói đã tiến vào gọi là tiến vào, đối với gần mà nói theo thanh của âm xa. Như nói Đại Vương đến từ nơi nào; đây là đối với đã đến mà gọi là đến.

Như nói dựa vào Tam-ma-địa Không tiến vào Chánh quyết định; đây cũng là đã tiến vào mà gọi là tiến vào. Nguyên cớ thế nào? Bởi vì không

phải là Thế đệ nhất pháp tương ưng với Tam-ma-địa Không.

Như nói tiến vào Chánh tánh ly sinh đạt được Thế tục trí Hiện quán biên; đây cũng là đã tiến vào mà gọi là tiến vào. Nguyên cớ thế nào? Bởi vì ba Loại trí nhẫn hiện khởi thì mới đạt được trí ấy.

Như nói lúc cảm thọ đối với Lạc thọ thì nhận biết như thật là mình cảm thọ đối với Lạc thọ; đây cũng là đã cảm thọ mà gọi là cảm thọ. Nguyên cớ thế nào? Bởi vì không có ai tự nhận biết về cảm thọ hiện tại.

Như nói đoạn Lạc-đoạn Khổ trước tiên Hỷ-Ưu không còn, Xả niệm thanh tịnh không Khổ không Lạc, tiến vào trú đầy đủ trong Tĩnh lự thứ tư; đây cũng là đã đoạn mà gọi là đoạn. Nguyên cớ thế nào? Bởi vì lúc lìa nhiễm của cõi Dục thì đã đoạn Khổ căn.

Như nói tâm A-la-hán giải thoát Dục lậu, giải thoát Hữu lậu, giải thoát Vô minh lậu; đây cũng là đã giải thoát mà gọi là giải thoát. Nguyên cớ thế nào? Bởi vì lúc lìa nhiễm của cõi Dục thì đã giải thoát Dục lậu.

Trong này cũng như vậy, đã tiến vào mà gọi là tiến vào, cho nên không có gì sai.

Hỏi: Đẳng vô gián duyên của Từ vô lượng…, là cũng chỉ làm hành tướng như vậy, hay là lại làm hành tướng khác?

Đáp: Lúc bắt đầu sự nghiệp tu tập chỉ làm bốn loại hành tướng như vậy, có thể dẫn dắt Từ-Bi… Nếu đã thành tựu đầy đủ thì tùy theo sự mong muốn, cũng làm những hành tướng khác như Khổ…, dẫn dắt sinh khởi Từ-Bi…, lúc Từ-Bi… khởi lên thì chỉ làm bốn loại hành tướng như trước.

Hỏi: Từ đoạn kiết hệ thuộc nơi nào?

Đáp: Không có.

Hỏi: Bi-Hỷ-Xả đoạn kiết hệ thuộc nơi nào?

Đáp: Không có.

Hỏi: Vì sao bốn Vô lượng không đoạn phiền não?

Đáp: Bởi vì hành tướng khác nhau. Nghĩa là mười chín hành tướng có thể đoạn phiền não, Vô lượng không phải là hành tướng ấy, bốn hành tướng đều là Vô lượng, cho nên đoạn phiền não không dùng đến hành tướng này.

Lại nữa, Vô lượng là tác ý thắng giải, chỉ có tác ý chân thật mới có thể đoạn phiền não.

Lại nữa, Vô lượng là tác ý tăng thêm, chỉ có tác ý không tăng thêm mới có thể đoạn phiền não.

Lại nữa, Vô lượng chỉ duyên với hiện tại, cần phải duyên với ba đời,

hoặc là đạo Vô vi mới có thể đoạn phiền não.

Lại nữa, Vô lượng duyên với hữu tình, cần phải là Pháp và Tưởng mới có thể đoạn phiền não.

Lại nữa, Vô lượng duyên với một phần của cảnh, không phải là đạo duyên với một phần của cảnh mà có thể đoạn phiền não.

Lại nữa, đạo vô gián có thể đoạn phiền não, Vô lượng thì do đạo giải thoát mà đạt được.

Hỏi: Nếu Vô lượng không có thể đoạn phiền não, thì kinh nói làm sao thông hiểu? Như nói: "Từ nếu luyện tập-nếu tu dưỡng hay là luyện tập-tu dưỡng nhiều, thì có thể đoạn bỏ sân giận. Bi nếu luyện tập-nếu tu dưỡng hay là luyện tập-tu dưỡng nhiều, thì có thể đoạn bỏ giết hại. Hỷ nếu luyện tập-nếu tu dưỡng hay là luyện tập-tu dưỡng nhiều, thì có thể đoạn bỏ không vui vẻ. Xả nếu luyện tập-nếu tu dưỡng hay là luyện tập-tu dưỡng nhiều, thì có thể đoạn bỏ tham lam-giận dữ."

Đáp: Đoạn có hai loại:

1. Đoạn trong tạm thời.
2. Đoạn đến cứu cánh.

Trong kinh nói về Đoạn trong tạm thời, A-tỳ-đạt-ma này ngăn chặn Đoạn đến cứu cánh. Như vậy thì hai cách nói dễ dàng thông hiểu. Như Đoạn trong tạm thời-Đoạn đến cứu cánh, như vậy Đoạn có sót lại-Đoạn không còn gì, Đoạn có bóng dáng-Đoạn không có bóng dáng, Đoạn có tùy theo phiền não-Đoạn không tùy theo phiền não, Đoạn bẻ gãy cành lá-Đoạn nhổ bật gốc rễ, Đoạn chế phục ràng buộc-Đoạn làm hại tùy miên, nên biết cũng như vậy.

Hỏi: Tịnh của Tĩnh lự thứ nhất đoạn kiết hệ thuộc nơi nào? Đáp: Không có.

Hỏi: Cho đến Tịnh của Phi tưởng phi phi tưởng xứ đoạn kiết hệ thuộc nơi nào?

Đáp: Không có. Trong này, Tịnh của Tĩnh lự thứ nhất…, đó là địa Căn bản chứ không phải là Cận phần.

Hỏi: Vì sao Tịnh của Tĩnh lự thứ nhất… không đoạn bỏ phiền não?

Đáp: Phiền não của địa dưới tuy là cần phải đoạn bỏ, mà ở địa ấy đoạn bỏ rồi ở địa này còn hiện rõ trước mắt, không có thể trở lại đoạn bỏ. Phiền não của địa mình tuy hiện tại có thể đoạn bỏ được, nhưng không phải là sự đối trị, bởi vì không có sức mạnh có thể đoạn bỏ. Ở địa trên cũng như vậy, cho nên không đoạn bỏ phiền não.

Hỏi: Không có thể đoạn bỏ ở địa trên thì nghĩa có thể như vậy, tại sao không có thể đoạn bỏ ở địa mình?

Đáp: Bởi vì địa mình do phiền não mà trói buộc, như người bị trói không có thể tự mình cởi được.

Lại nữa, bởi vì những phiền não của địa mình cùng chung một ràng buộc, cho nên không có sức mạnh hơn được chúng.

Lại nữa, bởi vì phiền não của địa mình ngút trời, lần lượt chuyển đổi không gián đoạn mà hiện rõ ở trước mắt, cho nên không có thể đoạn bỏ.

Lại nữa, pháp thiện của địa mình cùng với phiền não của địa mình, không ganh ghét làm khó lẫn nhau giống như vợ chồng, cho nên không có thể đoạn bỏ.

Lại nữa, như người dòng dõi Chiên-đồ-la kết bạn với người dòng dõi Trưởng giả, không tôn kính e ngại lẫn nhau, cho nên không có thể đoạn bỏ.

Lại nữa, đạo vô gián có thể đoạn bỏ phiền não, Tịnh của địa Căn bản không phải là đạo vô gián, cho nên không có thể đoạn bỏ.

Lại nữa, không có sự chiếu cố thì có thể đoạn bỏ, đối với pháp của địa mình không phải là không có sự chiếu cố, cho nên không có thể đoạn bỏ.

Hỏi: Vì sao đạo hữu lậu không có thể đoạn bỏ địa mình và địa trên, mà đạo vô lậu thì có thể đoạn bỏ?

Đáp: Bởi vì đạo vô lậu là pháp không hệ thuộc, đối với pháp hữu lậu đều là hơn hẳn, vì thế cho nên có thể đoạn bỏ.

Lại nữa, đạo hữu lậu làm mười sáu hành tướng, chán ngán địa dưới-vui thích địa mình, cho nên chỉ đoạn bỏ địa dưới; đạo vô lậu làm mười sáu hành tướng, chán ngán rời bỏ tất cả các địa, cho nên có thể đoạn bỏ khắp nơi.

Hỏi: Đạo hữu lậu cũng làm mười sáu hành tướng, vì sao không có thể đoạn bỏ khắp nơi?

Đáp: Đạo ấy tuy là Học làm hành tướng của Thánh đạo, nhưng mà không rõ ràng cho nên không đoạn bỏ phiền não, như sư tử con chưa có thể làm hại loài thú khác.

Hỏi: Giải thoát thứ nhất-thứ hai-thứ ba đoạn kiết hệ thuộc nơi nào?

Đáp: Không có.

Hỏi: Vì sao ba Giải thoát này không đoạn bỏ phiền não?

Đáp: Bởi vì hành tướng khác nhau. Nghĩa là nếu dùng hành tướng để đoạn phiền não, thì không dùng hành tướng này để làm ba Giải thoát trước.

Nếu dùng hành tướng này để làm ba Giải thoát trước, thì không dùng hành tướng này để đoạn phiền não.

Lại nữa, ba Giải thoát trước là tác ý thắng giải, chỉ có tác ý chân thật mới có thể đoạn phiền não.

Lại nữa, ba Giải thoát trước là tác ý tăng thêm, chỉ có tác ý không tăng thêm mới có thể đoạn phiền não.

Lại nữa, ba Giải thoát trước duyên với cảnh của tự tướng, chỉ có đạo của cảnh cọng tướng mới có thể đoạn phiền não.

Lại nữa, ba Giải thoát trước chỉ duyên với hiện tại, cần phải duyên với ba đời, hoặc là đạo Vô vi thì mới có thể đoạn phiền não.

Lại nữa, ba Giải thoát trước chỉ duyên với phần ít của một Uẩn, cần phải duyên với bốn Uẩn-năm Uẩn, hoặc là đạo không phải là Uẩn thì mới có thể đoạn phiền não.

Lại nữa, ba Giải thoát trước duyên với một phần của cảnh, không phải là duyên với một phần của cảnh mà có thể đoạn phiền não.

Lại nữa, đạo vô gián có thể đoạn phiền não, ba Giải thoát trước thì do đạo giải thoát mà đạt được.

Hỏi: Giải thoát của Không vô biên xứ đoạn kiết hệ thuộc nơi nào?

Đáp: Hoặc là Không vô biên xứ, hoặc là Thức vô biên xứ, hoặc là Vô sở hữu xứ, hoặc là Phi tưởng phi phi tưởng xứ, hoặc là không có.

Hoặc là Không vô biên xứ, đó là dựa vào Giải thoát của Không vô biên xứ, lìa nhiễm của Không vô biên xứ, là các đạo vô gián.

Cho đến hoặc là Phi tưởng phi phi tưởng xứ, đó là dựa vào Giải thoát của Không vô biên xứ, lìa nhiễm của Phi tưởng phi phi tưởng xứ, là các đạo vô gián.

Hoặc là không có, đó là do các đạo gia hạnh-giải thoát-thắng tiến này thâu nhiếp, Giải thoát của Không vô biên xứ, và Giải thoát của Không vô biên xứ thế tục.

Hỏi: Giải thoát của Thức vô biên xứ đoạn kiết hệ thuộc nơi nào?

Đáp: Hoặc là Thức vô biên xứ, hoặc là Vô sở hữu xứ, hoặc là Phi tưởng phi phi tưởng xứ, hoặc là không có.

Hoặc là Thức vô biên xứ, đó là dựa vào Giải thoát của Thức vô biên xứ, lìa nhiễm của Thức vô biên xứ, là các đạo vô gián.

Cho đến hoặc là Phi tưởng phi phi tưởng xứ, đó là dựa vào Giải thoát của Thức vô biên xứ, lìa nhiễm của Phi tưởng phi phi tưởng xứ, là các đạo vô gián.

Hoặc là không có, đó là do các đạo gia hạnh-giải thoát-thắng tiến này thâu nhiếp, Giải thoát của Thức vô biên xứ, và Giải thoát của Thức vô biên xứ thế tục.

Hỏi: Giải thoát của Vô sở hữu xứ đoạn kiết hệ thuộc nơi nào?

Đáp: Hoặc là Vô sở hữu xứ, hoặc là Phi tưởng phi phi tưởng xứ, hoặc là không có.

Hoặc là Vô sở hữu xứ, đó là dựa vào Giải thoát của Vô sở hữu xứ, lìa nhiễm của Vô sở hữu xứ, là các đạo vô gián.

Hoặc là Phi tưởng phi phi tưởng xứ, đó là dựa vào Giải thoát của Vô sở hữu xứ, lìa nhiễm của Phi tưởng phi phi tưởng xứ, là các đạo vô gián.

Hoặc là không có, đó là do các đạo gia hạnh-giải thoát-thắng tiến này thâu nhiếp, Giải thoát của Vô sở hữu xứ, và Giải thoát của Vô sở hữu xứ thế tục.

Hỏi: Giải thoát của Phi tưởng phi phi tưởng xứ, Giải thoát của Diệt Thọ Tưởng, đoạn kiết hệ thuộc nơi nào?

Đáp: Không có, bởi vì Phi tưởng phi phi tưởng xứ không có Vô lậu.

Hỏi: Thắng xứ thứ nhất đoạn kiết hệ thuộc nơi nào?

Đáp: Không có.

Hỏi: Cho đến Thắng xứ thứ tám đoạn kiết hệ thuộc nơi nào?

Đáp: Không có. Trong này, nguyên cớ nói như ba Giải thoát trước.

Hỏi: Biến xứ thứ nhất đoạn kiết hệ thuộc nơi nào?

Đáp: Không có.

Hỏi: Cho đến Biến xứ thứ mười đoạn kiết hệ thuộc nơi nào?

Đáp: Không có. Trong này, tám Biến xứ trước như tám Thắng xứ, hai Biến xứ sau tùy theo thích hợp cũng nói như trước.

Hỏi: Pháp trí đoạn kiết hệ thuộc nơi nào?

Đáp: Hoặc là cõi Dục, hoặc là cõi Sắc, hoặc là cõi Vô sắc, hoặc là không có.

Hoặc là cõi Dục, đó là bốn Pháp trí tùy theo một hiện rõ trước mắt, lìa nhiễm của cõi Dục là các đạo vô gián.

Hoặc là cõi Sắc-hoặc là cõi Vô sắc, đó là Diệt-Đạo pháp trí tùy theo một hiện rõ trước mắt, lìa nhiễm của cõi Sắc-hoặc là nhiễm của cõi Vô sắc, là các đạo vô gián.

Hoặc là không có, đó là do các đạo gia hạnh-giải thoát-thắng tiến này thâu nhiếp Pháp trí.

Hỏi: Loại trí đoạn kiết hệ thuộc nơi nào?

Đáp: Hoặc là cõi Sắc, hoặc là cõi Vô sắc, hoặc là không có.

Hoặc là cõi Sắc-hoặc là cõi Vô sắc, đó là bốn Loại trí tùy theo một hiện rõ trước mắt, lìa nhiễm của cõi Sắc-hoặc là nhiễm của cõi Vô sắc, là các đạo vô gián.

Hoặc là không có, đó là do các đạo gia hạnh-giải thoát-thắng tiến này thâu nhiếp Loại trí.

Hỏi: Tha tâm trí đoạn kiết hệ thuộc nơi nào?

Đáp: Không có.

Hỏi: Vì sao Tha tâm trí không đoạn phiền não?

Đáp: Có người nói: Tha tâm trí duyên với một pháp làm cảnh, không phải là đạo duyên với một pháp mà có thể đoạn phiền não.

Có người nói: Tha tâm trí duyên với cảnh của tự tướng, chỉ có đạo của cảnh cọng tướng mới có thể đoạn phiền não.

Có người nói: Tha tâm trí duyên với hiện tại, cần phải duyên với ba đời, hoặc là đạo Vô vi thì mới có thể đoạn phiền não.

Có người nói: Tha tâm trí chỉ duyên với tâm - tâm sở pháp làm cảnh, cần phải duyên với bốn Uẩn, hoặc là năm Uẩn, hoặc là đạo Vô vi thì mới có thể đoạn phiền não.

Có người nói: Tha tâm trí chỉ duyên với sự nối tiếp nhau nơi khác làm cảnh, cần phải duyên với đạo của sự nối tiếp nhau nơi mình và nơi khác, hoặc là đạo của cảnh không phải là sự nối tiếp nhau, thì mới có thể đoạn phiền não.

Có người nói: Đạo vô gián có thể đoạn phiền não, Tha tâm trí thì do đạo giải thoát mà đạt được.

Hỏi: Thế tục trí đoạn kiết hệ thuộc nơi nào?

Đáp: Hoặc là cõi Dục, hoặc là cõi Sắc, hoặc là cõi Vô sắc, hoặc là không có.

Hoặc là cõi Dục, đó là lìa nhiễm của cõi Dục, là đạo vô gián thế tục.

Hoặc là cõi Sắc, đó là lìa nhiễm của cõi Sắc, là đạo vô gián thế tục.

Hoặc là cõi Vô sắc, đó là lìa nhiễm của ba Vô sắc dưới, là đạo vô gián thế tục.

Hoặc là không có, đó là do các đạo gia hạnh-giải thoát-thắng tiến này thâu nhiếp Thế tục trí, và Thế tục trí thuộc thiện của cõi Dục còn lại, Thế tục trí thuộc thiện của các địa Căn bản cùng với tất cả Thế tục trí vô phú vô

ký-nhiễm ô.

Như Thế tục trí, Khổ-Tập-Diệt-Đạo trí, Tam-ma-địa Không-Vô nguyện-Vô tướng cũng như vậy.

Sai biệt là các trí Vô lậu và các Tam-ma-địa này, đều có thể bao gồm đoạn chín địa, mà không có thể đoạn khắp năm Bộ. Trong đó, trí thuộc bốn Đế có thể đoạn phiền não do Tu mà đoạn của chín địa; Tam- ma-địa Không có thể đoạn phiền não do kiến Khổ mà đoạn, và phiền não do Tu mà đoạn của chín địa; Tam-ma-địa Vô nguyện có thể đoạn phiền não do kiến Khổ-Tập-Đạo mà đoạn, và phiền não do Tu mà đoạn của chín địa; Tam-ma-địa Vô tướng có thể đoạn phiền não do kiến Diệt mà đoạn, và phiền não do Tu mà đoạn của chín địa. Đây là đạo vô gián, sai biệt so với trước.

Ở trong phần hoặc là không có, chỉ có các đạo gia hạnh-giải thoát-thắng tiến này thâu nhiếp chứ không phải là gì khác.

Hỏi: Nếu ba Tam-ma-địa cũng có thể đoạn phiền não, thì trong kinh đã nói nên hiểu thế nào? Như nói: "Này Tỳ kheo! Ta nói bởi vì nhận biết-nhận thấy cho nên có thể trừ hết các lậu." Lại nói: "Đệ tử bậc Thánh của Ta, dùng gươm Bát-nhã chém đứt kẻ thù phiền não."

Đáp: Có người nói: Chỉ có Tuệ mới có thể đoạn phiền não, các Giác phần khác trợ giúp đoạn gọi là đoạn.

Nói như vậy thì bốn Uẩn-năm Uẩn thuộc phẩm câu sinh của Tuệ đều có thể đoạn phiền não, bởi vì đoạn phiền não là cọng tướng của Niệm trú. Nhưng Đức Phật có lúc khen ngợi về Bát-nhã, có lúc khen ngợi về Định, có lúc khen ngợi về pháp khác, đều vì làm lợi ích thêm cho hữu tình.

Dị thục của Từ nhận lấy ở nơi nào? Cho đến nói rộng ra.

Hỏi: Vì sao soạn ra phần luận này?

Đáp: Bởi vì là ý của người soạn luận muốn như vậy, cho đến nói rộng ra.

Lại nữa, bởi vì cần phải ngăn chặn cách nói của người khác. Đó là hoặc có người nói: Các pháp thiện-bất thiện không có quả dị thục. Hoặc lại có người nói: Các pháp hữu vi đều có dị thục. Hoặc lại có người nói: Tất cả bất thiện và thiện hữu lậu nhất định đạt được dị thục. Vì ngăn chặn các loại tôn chỉ lạ lùng như vậy, hiển bày chỉ có pháp hữu lậu thiện-bất thiện nhất định có dị thục, mà đạt được thì không nhất định, cho nên soạn ra phần luận này.

Nhưng trong này có hai loại quyết định:

1. Quyết định dị thục.

2. Quyết định sinh ra.

Quyết định dị thục, là bởi vì tất cả pháp hữu lậu thiện-bất thiện đều có dị thục. Quyết định sinh ra, nếu dị thục ấy sinh ra thì gọi là hoặc ở cõi Phạm Thế…, nếu không sinh ra thì gọi là không có nơi chốn. Đây gọi là Tỳ-bà-sa tóm lược ở nơi này.

Hỏi: Dị thục của Từ nhận lấy ở nơi nào?

Đáp: Hoặc là cõi Phạm Thế, hoặc là cõi Cực Quang Tịnh, hoặc là cõi Biến Tịnh, hoặc là cõi Quảng Quả, hoặc là không có nơi chốn.

Hoặc là cõi Phạm Thế cho đến hoặc là cõi Quảng Quả, đó là bốn Tĩnh lự sinh ra quả dị thục của Từ vô lượng.

Hoặc là không có nơi chốn, đó là bốn Tĩnh lự rơi rụng không sinh ra quả dị thục của Từ vô lượng.

Như Từ, Bi-Xả cũng như vậy, bởi vì đều bao gồm bốn Tĩnh lự. Hỏi: Dị thục của Hỷ nhận lấy ở nơi nào?

Đáp: Hoặc là cõi Phạm Thế, hoặc là cõi Cực Quang Tịnh, hoặc là không có nơi chốn.

Hoặc là cõi Phạm Thế-hoặc là cõi Cực Quang Tịnh, đó là hai Tĩnh lự đầu sinh ra quả dị thục của Hỷ vô lượng.

Hoặc là không có nơi chốn, đó là hai Tĩnh lự đầu rơi rụng không sinh ra quả dị thục của Hỷ vô lượng.

Hỏi: Dị thục Tịnh của Tĩnh lự thứ nhất nhận lấy ở nơi nào?

Đáp: Hoặc là cõi Phạm Thế, hoặc là không có nơi chốn.

Hoặc là cõi Phạm Thế, đó là hữu lậu thiện của Tĩnh lự thứ nhất sinh ra quả dị thục.

Hoặc là không có nơi chốn, đó là hữu lậu thiện của Tĩnh lự thứ nhất rơi rụng không sinh ra quả dị thục.

Như Tịnh của Tĩnh lự thứ nhất, như vậy Tịnh của Tĩnh lự thứ hai, cho đến Tịnh của Phi tưởng phi phi tưởng xứ cũng như vậy. Sai biệt là nói đến tên gọi của mình.

Hỏi: Dị thục của hai Giải thoát đầu nhận lấy ở nơi nào?

Đáp: Hoặc là cõi Phạm Thế, hoặc là cõi Cực Quang Tịnh, hoặc là không có nơi chốn. Phần này nói như Hỷ vô lượng, bởi vì đều thuộc về địa của hai Tĩnh lự đầu.

Hỏi: Dị thục của Tịnh giải thoát nhận lấy ở nơi nào?

Đáp: Hoặc là cõi Quảng Quả, hoặc là không có nơi chốn.

Hoặc là cõi Quảng Quả, đó là Tịnh giải thoát sinh ra quả dị thục. Hoặc là không có nơi chốn, đó là Tịnh giải thoát rơi rụng không sinh ra quả dị thục.

Hỏi: Dị thục Giải thoát của Không vô biên xứ cho đến Giải thoát của Phi tưởng phi phi tưởng xứ nhận lấy ở nơi nào?

Đáp: Hoặc là địa mình, hoặc là không có nơi chốn.

Hoặc là địa mình, đó là Giải thoát hữu lậu của bốn địa, đều sinh ra quả dị thục của địa mình.

Hoặc là không có nơi chốn, đó là Giải thoát vô lậu của ba địa, và Giải thoát hữu lậu của bốn địa, đều rơi rụng không sinh ra quả dị thục của địa mình.

Hỏi: Dị thục của Giải thoát Diệt Thọ Tưởng nhận lấy ở nơi nào?

Đáp: Hoặc là Phi tưởng phi phi tưởng xứ, hoặc là không có nơi chốn. Phần này nói như Giải thoát của Phi tưởng phi phi tưởng xứ.

Hỏi: Dị thục của bốn Thắng xứ đầu nhận lấy ở nơi nào?

Đáp: Hoặc là cõi Phạm Thế, hoặc là cõi Cực Quang Tịnh, hoặc là không có nơi chốn. Phần này nói như hai Giải thoát đầu.

Hỏi: Dị thục của bốn Thắng xứ sau nhận lấy ở nơi nào?

Đáp: Hoặc là cõi Quảng Quả, hoặc là không có nơi chốn. Phần này nói như Tịnh giải thoát.

Như bốn Thắng xứ sau, tám Biến xứ trước cũng như vậy.

Hỏi: Dị thục của hai Biến xứ sau nhận lấy ở nơi nào?

Đáp: Hoặc là địa mình, hoặc là không có nơi chốn. Phần này nói như Tịnh của hai Vô sắc đầu.

Hỏi: Dị thục của Tha tâm trí nhận lấy ở nơi nào?

Đáp: Hoặc là cõi Phạm Thế, hoặc là cõi Cực Quang Tịnh, hoặc là cõi Biến Tịnh, hoặc là cõi Quảng Quả, hoặc là không có nơi chốn.

Hoặc là cõi Phạm Thế cho đến hoặc là cõi Quảng Quả, đó là Tha tâm trí hữu lậu của bốn Tĩnh lự đều sinh ra quả dị thục của địa mình.

Hoặc là không có nơi chốn, đó là Tha tâm trí vô lậu và Tha tâm trí hữu lậu, rơi rụng không sinh ra quả dị thục.

Hỏi: Dị thục của Thế tục trí nhận lấy ở nơi nào?

Đáp: Hoặc là cõi Dục, hoặc là cõi Sắc, hoặc là cõi Vô sắc, hoặc là không có nơi chốn.

Hoặc là cõi Dục cho đến hoặc là cõi Vô sắc, đó là Thế tục trí hữu lậu

thiện và bất thiện của ba cõi, đều sinh ra quả dị thục của mình.

Hoặc là không có nơi chốn, đó là Thế tục trí vô ký của ba cõi, và Thế tục trí hữu lậu thiện-bất thiện, rơi rụng không sinh ra quả dị thục.

Những trí Vô lậu khác không có dị thục, cho nên trong này không nói đến.

CHƯƠNG VII: ĐỊNH UẨN (Tiếp Theo)

Phẩm Thứ Hai: LUẬN VỀ DUYÊN

LUẬN VỀ DUYÊN (Phần 1)

Có tám Đẳng chí, đó là bốn Tĩnh lự, bốn Vô sắc. Có ba Đẳng chí, đó là Vị tương ưng, Tịnh và Vô lậu. Trong này, bảy địa trước đều có đủ ba loại, địa thứ tám chỉ có hai loại, đó là trừ ra Vô lậu. Các chương như vậy và giải thích về nghĩa từng chương đã lĩnh hội rồi, tiếp theo cần phải phân biệt rộng ra.

Hỏi: Vì sao soạn ra phần luận này?

Đáp: Bởi vì cần phải ngăn chặn tông chỉ của người khác để hiển bày nghĩa lý của mình. Đó là hoặc có người nói: Tám Đẳng chí không thâu nhiếp tất cả các Đẳng chí. Hoặc có người nói: Đẳng chí chỉ là Tịnh và Vô lậu chứ không phải là Vị tương ưng. Hoặc có người nói: Cõi Dục và Phi tưởng phi phi tưởng xứ cũng có Vô lậu. Hoặc có người nói: Không có thành tựu Đẳng chí. Vì ngăn chặn các loại ý chấp lạ lùng như vậy, hiển bày tám Đẳng chí thâu nhiếp tất cả Đẳng chí, cho đến có thành tựu Đẳng chí, cho nên soạn ra phần luận này.

Hỏi: Nếu tám Đẳng chí thâu nhiếp tất cả Đẳng chí, thì trong Tỳ- nại-da nói nên hiểu thế nào? Như nói: "Đức Phật đã tiến vào Đẳng chí, tất cả Thanh văn-Độc giác hãy còn không biết tên gọi ấy; Độc giác đã tiến vào Đẳng chí, tất cả Thanh văn không biết; Xá-lợi-tử đã tiến vào, những Thanh văn khác không biết; Đại Mục-kiền-liên đã tiến vào, trừ ra Xá-lợi-tử, Thanh văn khác không biết." Tại sao nói tám Đẳng chí thâu nhiếp tất cả Đẳng chí?

Đáp: Tất cả Đẳng chí đều thâu nhiếp ở trong tám Đẳng chí, nhưng bởi vì chủng tánh Bát-nhã có sai biệt, cho nên khiến Đẳng chí đã tiến vào-rời ra cũng có mạnh-yếu. Yếu thì đối với mạnh không có thể đoán biết, cho nên đưa ra cách nói này. Vì vậy cho nên nói lúc Đức Phật nhập Niết-bàn, tiến vào Đẳng chí Bất Động Minh; lúc Xá-lợi-tử nhập Niết-bàn, tiến vào Đẳng chí Sư Tử Phấn Tấn; lúc Đại Mục-kiền-liên nhập Niết-bàn, tiến vào Đẳng chí Hương Tượng Tần Thân; lúc tôn giả A-nan-đà nhập Niết-bàn,

tiến vào Đẳng chí Hoàn Phong, đều bởi vì Căn-Tuệ có sai biệt, cho đến lúc nhập Niết-bàn, đã tiến vào Đẳng chí cũng có sai biệt.

Hỏi: Đẳng trì và Đẳng chí có gì sai biệt?

Đáp: Có người nói: Đẳng trì lấy pháp làm Thể, Đẳng chí lấy năm Uẩn làm Thể.

Có người nói: Đẳng trì chỉ một sát-na, Đẳng chí thì nối tiếp nhau.

Có người nói: Các Đẳng trì tức là Đẳng chí. Có lúc Đẳng chí không phải là Đẳng trì, đó là Đẳng chí Vô tưởng, Đẳng chí Diệt tận.

Có người nói: Cũng có lúc Đẳng trì không phải là Đẳng chí, đó là Đẳng trì tương ưng với tâm bất định. Vì vậy nên làm thành bốn câu phân biệt:

1. Có lúc Đẳng chí không phải là Đẳng trì, đó là hai Định không có tâm.
2. Có lúc Đẳng trì không phải là Đẳng chí, đó là Đẳng trì tương ưng với tâm bất định.
3. Có lúc Đẳng chí cũng là Đẳng trì, đó là tất cả các Định có tâm.
4. Có lúc không phải là Đẳng chí cũng không phải là Đẳng trì, đó là trừ ra những tướng trước.

Tĩnh lự thứ nhất có ba loại, đó là Vị tương ưng, Tịnh và Vô lậu. Vị tương ưng, đó là Ái tương ưng, Ái có thể giữ tâm buộc chặt vào cảnh, tướng ấy thuận với Định cho nên một mình nhận lấy tên gọi ấy, những nhân duyên khác như trước đã nói. Tịnh đó là thiện hữu lậu. Vô lậu đó là Thánh đạo.

Hỏi: Định thiện hữu lậu, có vết bẩn, có hỗn loạn, có chất độc, có gai nhọn, có rò rỉ, có sai lầm, tại sao gọi là Tịnh?

Đáp: Tuy không phải là hoàn toàn Tịnh, mà bởi vì Tịnh thuộc phần ít cho nên gọi là Tịnh. Nghĩa là không xen tạp phiền não, trái ngược với phiền não, dẫn dắt phát khởi Tịnh thuộc thắng nghĩa vô lậu, thuận với Thánh đạo, quyến thuộc của Vô lậu.

Hỏi: Đẳng chí Vô lậu là Tịnh thuộc thắng nghĩa, vì sao không gọi là Tịnh?

Đáp: Có người nói: Cần phải nói mà không nói, thì nên biết là có khác.

Có người nói: Vô lậu gọi là Tịnh, điều ấy tất cả đều biết rõ ràng; hữu lậu gọi là Tịnh, không phải là tất cả đều biết, vì vậy chỉ nói đến hữu lậu.

Có người nói: Lập thành tên gọi dựa vào nghĩa sai biệt, Định thiện hữu lậu, đầu tiên là trái với pháp nhiễm, nghĩa của Tịnh là hơn hẳn, cho nên

gọi là Tịnh; Thánh đạo đoạn trừ lậu, nghĩa của Vô lậu là hơn hẳn, cho nên gọi là Vô lậu.

Như Tĩnh lự thứ nhất có ba loại, cho đến Vô sở hữu xứ có ba loại cũng như vậy. Phi tưởng phi phi tưởng xứ chỉ có hai loại, đó là trừ ra Vô lậu, bởi vì cõi Dục và Hữu Đảnh không có Thánh đạo.

Hỏi: Vì sao hai địa này không có Thánh đạo?

Đáp: Bởi vì không phải là ruộng đất, không phải là đồ chứa, cho đến nói rộng ra.

Lại nữa, cõi Dục không phải là địa của Định, không phải là địa của Tu, không phải là địa của lìa nhiễm, Hữu Đảnh thì mông muội-chậm chạp-yếu kém; phải là địa của Định, địa của Tu, địa của lìa nhiễm, sáng tỏ-nhanh nhạy-mạnh mẽ thì mới có Thánh đạo.

Có người nói: Cõi Dục tăng mạnh về trạo cử, Hữu Đảnh tăng mạnh về trầm lặng; phải là địa không quá nhiều trạo cử, không quá nhiều trầm lặng thì mới có Thánh đạo.

Có người nói: Cõi Dục thì tán loạn, Hữu Đảnh thì do dự; phải là địa vắng lặng-quyết định thì mới có Thánh đạo.

Có người nói: Cõi Dục và Hữu Đảnh là phía dưới-phía trên, Thánh đạo ở giữa không thuộc về phía nào.

Có người nói: Cõi Dục-Hữu Đảnh là gốc rễ của nghiệp nhân và quả báo(hữu) cho nên không có Thánh đạo, đó là cây sinh tử, hoặc là gốc rễ ở dưới, thân-cành… ở trên; hoặc là gốc rễ ở trên, thân-cành ở dưới. Cõi Dục thì gốc rễ ồn ào hỗn tạp, nói là gốc rễ ở dưới, bởi vì có đủ năm nẻo. Hữu Đảnh thì gốc rễ khó lìa bỏ, nói là gốc rễ ở trên, bởi vì lìa bỏ cuối cùng. Nếu dựa vào gốc rễ ồn ào hỗn tạp làm cây sinh tử, thì cõi Dục làm gốc rễ, bốn Tĩnh lự làm thân, ba Vô sắc làm cành, Hữu Đảnh làm nhánh lá. Nếu dựa vào gốc rễ khó lìa bỏ làm cây sinh tử, thì Hữu Đảnh làm gốc rễ, ba Vô sắc làm thân, bốn Tĩnh lự làm cành, cõi Dục làm nhánh lá. Vì vậy nói cõi Dục-Hữu Đảnh là gốc rễ của nghiệp nhân và quả báo. Bởi vì là gốc rễ của nghiệp nhân và quả báo, cho nên không có Thánh đạo.

Hỏi: Có thể có lúc thành tựu Vị tương ưng của Tĩnh lự thứ nhất chứ không phải là Tịnh-Vô lậu chăng?

Đáp: Có, đó là Ái cõi Dục chưa hết. Bởi vì Ái của địa dưới chưa hết, cho nên chắc chắn thành tựu Ái của địa trên, chắc chắn chưa đạt được Tịnh-Vô lậu Căn bản của địa trên.

Hỏi: Có thể có lúc thành tựu Tịnh của Tĩnh lự thứ nhất chứ không

phải là Vị tương ưng-Vô lậu chăng?

Đáp: Có, đó là dị sinh sinh vào cõi Dục và cõi Phạm Thế, Ái cõi Phạm Thế không còn. Bởi vì sinh vào địa này hoặc là địa dưới, mà Ái của địa này chưa hết, cho nên chắc chắn thành tựu Tịnh của địa này, chắc chắn không thành tựu Vị tương ưng của địa này. Vả lại, bởi vì dị sinh cho nên không thành tựu Vô lậu.

Hỏi: Có thể có lúc thành tựu Vô lậu của Tĩnh lự thứ nhất chứ không phải là Vị tương ưng-Tịnh chăng?

Đáp: Có, đó là Thánh giả sinh trên cõi Phạm Thế. Bởi vì Thánh giả sinh ở địa trên, cho nên chắc chắn thành tựu Vô lậu của địa dưới. Chắc chắn không thành tựu Vị tương ưng-Tịnh của địa dưới, bởi vì Vị tương ưng đã đoạn, Tịnh vượt qua cõi-địa thì xả.

Hỏi: Sinh ở địa trên cũng thành tựu tâm Thông quả của địa dưới, vì sao nói là không thành tựu Tịnh của địa dưới?

Đáp: Có người nói: Vô phú vô ký cũng gọi là Tịnh, mà trong này không nói đến, bởi vì đó là quả của địa trên, cho nên không gọi là Tịnh của địa dưới. Vả lại, tất cả các địa có thể đạt được thì trong này nói đến, tâm Thông quả ở cõi Vô sắc không có, vì vậy không nói đến.

Nói như vậy thì Tịnh của Định nói đến trong này là thiện hữu lậu, cho nên không phải là vấn nạn.

Hỏi: Có thể có lúc thành tựu Vị tương ưng-Tịnh của Tĩnh lự thứ nhất chứ không phải là Vô lậu chăng?

Đáp: Có, đó là dị sinh sinh vào cõi Dục, Ái cõi Dục không còn, Ái cõi Phạm Thế chưa hết, và sinh ở cõi Phạm Thế, Ái cõi Phạm Thế chưa hết. Bởi vì sinh vào địa này hoặc là địa dưới, mà Ái của địa này chưa hết, cho nên chắc chắn thành tựu Vị tương ưng-Tịnh của địa này. Vả lại, bởi vì dị sinh cho nên không thành tựu Vô lậu.

Hỏi: Có thể có lúc thành tựu Vị tương ưng-Vô lậu của Tĩnh lự thứ nhất chứ không phải là Tịnh chăng?

Đáp: Không có, bởi vì thành tựu Vị tương ưng-Vô lậu của địa này, thì chắc chắn thành tựu Tịnh của địa này.

Hỏi: Có thể có lúc thành tựu Tịnh-Vô lậu của Tĩnh lự thứ nhất chứ không phải là Vị tương ưng chăng?

Đáp: Có, đó là Thánh giả sinh vào cõi Dục và cõi Phạm Thế, Ái cõi Phạm Thế không còn. Bởi vì Thánh giả sinh vào địa này hoặc là địa dưới, mà Ái của địa này không còn, thì chắc chắn thành tựu Tịnh-Vô lậu của địa

này chứ không phải là Vị tương ưng.

Hỏi: Có thể có lúc thành tựu Vị tương ưng-Tịnh-Vô lậu của Tĩnh lự thứ nhất chăng?

Đáp: Có, đó là Thánh giả sinh vào cõi Dục, Ái cõi Dục không còn, Ái cõi Phạm Thế chưa hết, và sinh ở cõi Phạm Thế, Ái cõi Phạm Thế chưa hết. Bởi vì Thánh giả sinh vào địa này hoặc là địa dưới, mà Ái của địa này không còn. Bởi vì Ái của địa này chưa hết, thì chắc chắn thành tựu ba loại của địa này.

Hỏi: Có thể có lúc không thành tựu Vị tương ưng của Tĩnh lự thứ nhất chứ không phải là Tịnh-Vô lậu chăng?

Đáp: Có, đó là Thánh giả sinh vào cõi Dục và cõi Phạm Thế, Ái cõi Phạm Thế không còn.

Những văn như vậy đều nói như bản luận, tùy theo sự thích hợp ngược lại với thành tựu, cần phải nói rộng ra.

Hỏi: Ái cõi Phạm Thế không còn, cũng không thành tựu Tịnh thuộc phần lui sụt của Tĩnh lự thứ nhất, vì sao trong này không nói?

Đáp: Có người nói: Cần phải nói mà không nói đến, thì nên biết là nghĩa này có khác.

Có người nói: Trong này nói đến không thành tựu toàn phần, ở cõi ấy tuy không thành tựu thuận phần lui sụt, mà thành tựu loại khác, cho nên không nói đến.

Hỏi: Vì sao Tịnh của Định vượt qua cõi-địa thì xả, chứ không phải là Vô lậu?

Đáp: Tịnh của Định là hữu lậu, rơi vào cõi-địa, sinh ở địa trên chán ngán địa dưới, và bởi vì không có tác dụng thì xả. Vô lậu tuy rơi vào địa mà không rơi vào cõi, sinh ở địa trên mà không chán ngán địa dưới, tuy không có tác dụng mà không xả.

Hỏi: Có thể có lúc đạt được Vị tương ưng của Tĩnh lự thứ nhất chứ không phải là Tịnh-Vô lậu chăng?

Đáp: Có, đó là lúc từ cõi Phạm Thế không còn Ái mà lui sụt, và lúc trên cõi Phạm Thế chết đi sinh vào cõi Dục.

Hỏi: Lúc ở cõi Phạm Thế không còn Ái mà lui sụt, cũng đạt được Tịnh thuộc phần lui sụt của Tĩnh lự thứ nhất, vì sao trong này không nói?

Đáp: Có người nói: Cần phải nói mà không nói đến, thì nên biết là nghĩa này có khác.

Có người nói: Trong này nói đến đạt được toàn phần, ở cõi ấy chỉ đạt

được phần ít, cho nên không nói đến.

Hỏi: Có thể có lúc đạt được Tịnh của Tĩnh lự thứ nhất chứ không phải là Vị tương ưng-Vô lậu chăng?

Đáp: Có, đó là lúc dị sinh không còn Ái cõi Dục, bởi vì lúc ấy lìa nhiễm cõi Dục là đạo giải thoát thứ chín, đạt được Tịnh Căn bản của Tĩnh lự thứ nhất.

Hỏi: Có thể có lúc đạt được Vô lậu của Tĩnh lự thứ nhất chứ không phải là Vị tương ưng-Tịnh chăng?

Đáp: Có, đó là lúc dựa vào Tĩnh lự-Tĩnh lự trung gian, tiến vào Chánh tánh ly sinh, và lúc đạt được quả A-la-hán.

Hỏi: Tiến vào Chánh tánh ly sinh, cũng đạt được Tịnh của Tĩnh lự thứ nhất, đó là Thế tục trí Hiện quán biên, vì sao trong này không nói?

Đáp: Có người nói: Cần phải nói mà không nói đến, thì nên biết là nghĩa này có khác.

Có người nói: Trong này nói đến đạt được toàn phần, lúc ấy chỉ đạt được phần ít, cho nên không nói đến.

Có người nói: Trong phần vị tiến vào Chánh tánh ly sinh, phần nhiều không đạt được, chỉ đạt được trong ba sát-na, cho nên không nói đến.

Có người nói: Chỉ vào lúc Thế đệ nhất pháp diệt đi, Khổ pháp trí nhẫn sinh ra, gọi là tiến vào Chánh tánh ly sinh, bởi vì lúc bấy giờ chỉ đạt được Vô lậu cho nên không nói đến Tịnh.

Hỏi: Lúc đạt được quả A-la-hán, trước đó đã đạt được Vô lậu của Tĩnh lự thứ nhất, đó là lúc tiến vào Chánh tánh ly sinh, vì sao lại nói là đạt được Vô lậu?

Đáp: Văn này chỉ cần nói lúc tiến vào Chánh tánh ly sinh, không cần nói đạt được quả A-la-hán, mà đưa ra cách nói này là muốn hiển bày lúc trước tuy đạt được Vô lậu của Học nhưng chưa đạt được Vô học, vì thế cho nên nói lại.

Hỏi: Nếu như vậy thì cũng phải nói lúc khởi lên Triền trên cõi Phạm Thế mà lui sụt quả A-la-hán, bởi vì lúc bấy giờ trở lại đạt được Vô lậu của Học?

Đáp: Lý cũng nên nói mà không nói đến, bởi vì muốn hiển bày Vô lậu là công đức thù thắng, vào lúc thắng tiến hiển bày đạt được thì thuận, lúc lui sụt hiển bày đạt được thì không thuận, cho nên không nói đến.

Hỏi: Nếu như vậy thì lúc đạt được quả thuộc Học, và lúc Tín thắng giải luyện căn làm Kiến chí, đều đạt được Vô lậu thù thắng, vì sao trong

này không nói?

Đáp: Phần vị này trước là Học, nay đã đạt được cũng là Học, cho nên không nói đến. Vì vậy cho nên cũng không nói đến Vô học luyện căn.

Hỏi: Lúc đạt được quả A-la-hán, cũng đạt được vô lượng pháp thiện hữu lậu, vì sao không nói là cũng đạt được Tịnh?

Đáp: Có người nói: Cần phải nói mà không nói đến, thì nên biết là nghĩa này có khác.

Có người nói: Vô lậu thì rời bỏ trước-đạt được sau, cho nên nói đến; hữu lậu không rời bỏ trước mà đạt được sau, cho nên không nói đến.

Có người nói: Nay đã đạt được và trước đã đạt được, đều gọi là Tịnh, nghĩa không có gì sai biệt, không như Học và Vô học có tướng sai biệt, cho nên không nói đến.

Có người nói: Tuy là đạt được nhưng bởi vì không nhất định cho nên không nói đến, đó là bởi vì sinh ở cõi Dục và cõi Phạm Thế đạt được quả A-la-hán là đạt được, sinh ở địa trên thì không đạt được.

Có người nói: Trong này nói về đạt được tất cả, lúc ấy đạt được phần ít, cho nên không nói đến.

Hỏi: Có thể có lúc đạt được Vị tương ưng-Tịnh của Tĩnh lự thứ nhất chứ không phải là Vô lậu chăng?

Đáp: Có, đó là lúc ở trên cõi Phạm Thế chết đi sinh vào cõi Phạm Thế, bởi vì lúc Trung Hữu sinh ra thì cả hai đều đạt được.

Hỏi: Có thể có lúc đạt được Vị tương ưng-Vô lậu của Tĩnh lự thứ nhất chứ không phải là Tịnh chăng?

Đáp: Không có.

Hỏi: Lúc A-la-hán khởi lên Triền của cõi Phạm Thế mà lui sụt, đều đạt được hai loại, vì sao nói là không có?

Đáp: Nên nói là có, tức là trước đây đã nói; mà nói là không có, thì nên biết là nghĩa này có khác.

Có người nói: Trước không thành tựu, nay thành tựu thì gọi là đạt được Vô lậu của Tĩnh lự thứ nhất; trước đã thành tựu, cho nên không nói đến.

Có người nói: Trước đây đã nói Vô lậu là công đức thù thắng, vào lúc thắng tiến hiển bày đạt được thì thuận, lúc lui sụt hiển bày đạt được thì không thuận, cho nên không nói đến.

Hỏi: Có thể có lúc đạt được Tịnh-Vô lậu của Tĩnh lự thứ nhất chứ không phải là Vị tương ưng chăng?

Đáp: Có, đó là lúc Thánh giả không còn Ái cõi Dục, bởi vì lúc đạt được quả Bất hoàn thì cả hai đều đạt được.

Hỏi: Có thể có lúc đạt được Vị tương ưng-Tịnh-Vô lậu của Tĩnh lự thứ nhất chăng?

Đáp: Không có.

Hỏi: Lúc khởi lên Triền của cõi Phạm Thế mà lui sụt quả A-la-hán, ba loại đều đạt được, vì sao không nói đến?

Đáp: Bởi vì lúc bấy giờ Tịnh đạt được phần ít, cho nên không nói đến; Vô lậu nói như trước.

Hỏi: Đạt được và thành tựu có gì sai biệt?

Đáp: Có người nói: Tên gọi tức là sai biệt, đó gọi là đạt được, gọi là thành tựu.

Có người nói: Chưa đạt được mà đạt được thì gọi là đạt được, đã đạt được mà đạt được thì gọi là thành tựu.

Có người nói: Lúc đầu đạt được thì gọi là đạt được, về sau nhiều lần đạt được thì gọi là thành tựu.

Có người nói: Trước không thành tựu mà thành tựu thì gọi là đạt được, trước thành tựu mà thành tựu thì gọi là thành tựu.

Có người nói: Trước không có hệ thuộc mà có hệ thuộc thì gọi là đạt được, trước có hệ thuộc mà có hệ thuộc thì gọi là thành tựu.

Có người nói: Lần đầu đạt được thì gọi là đạt được, đạt được rồi không đoạn mất thì gọi là thành tựu.

Có người nói: Lần đầu gặt hái thì gọi là đạt được, đạt được rồi không mất thì gọi là thành tựu. Vì vậy đạt được chỉ thuộc về lúc đầu, thành tựu bao gồm lúc đầu và về sau. Đó gọi là sự sai biệt giữa đạt được và thành tựu.

Hỏi: Có thể có lúc rời bỏ Vị tương ưng của Tĩnh lự thứ nhất chứ không phải là Tịnh-Vô lậu chăng?

Đáp: Có, đó là lúc không còn Ái cõi Phạm Thế.

Những văn như vậy đều nói như bản luận, tùy theo sự thích hợp ngược lại với đạt được, cần phải nói rộng ra.

Hỏi: Lúc Ái cõi Phạm Thế không còn, cũng rời bỏ Tịnh thuộc phần lui sụt, vì sao trong này không nói?

Đáp: Trong này nói về rời bỏ tất cả, lúc ấy chỉ rời bỏ phần ít, cho nên không nói đến.

Hỏi: Đạt được quả-luyện căn và phần vị lui sụt, đều có lúc chỉ rời bỏ

Vô lậu của Tĩnh lự thứ nhất chứ không phải là pháp khác, vì sao trong này không nói?

Đáp: Có người nói: Cần phải nói mà không nói đến, thì nên biết là nghĩa này có khác.

Có người nói: Trong này nói về rời bỏ mà không đạt được, lúc ấy rời bỏ trở lại đạt được, cho nên không nói đến.

Hỏi: Rời bỏ và không thành tựu có gì sai biệt?

Đáp: Tên gọi tức là sai biệt, đó gọi là rời bỏ, gọi là không thành tựu. Như vậy đều ngược lại với đạt được-thành tựu như trước, cần phải nói rộng ra.

Hỏi: Có thể có lúc lui sụt Vị tương ưng của Tĩnh lự thứ nhất chứ không phải là Tịnh-Vô lậu chăng?

Đáp: Không có, bởi vì rời bỏ phiền não không gọi là lui sụt.

Hỏi: Có thể có lúc lui sụt Tịnh của Tĩnh lự thứ nhất chứ không phải là Vị tương ưng-Vô lậu chăng?

Đáp: Có, đó là lúc dị sinh từ cõi Dục không còn Ái mà lui sụt.

Hỏi: Có thể có lúc lui sụt Tịnh-Vô lậu của Tĩnh lự thứ nhất chứ không phải là Vị tương ưng chăng?

Đáp: Có, đó là lúc Thánh giả từ cõi Dục không còn Ái mà lui sụt.

Hỏi: Có thể có lúc lui sụt pháp khác chăng? Đáp: Không có.

Hỏi: Lúc khởi lên Triền của hai cõi trên mà lui sụt quả Vô học, và lúc từ chủng tánh mà lui sụt, đều có lúc lui sụt Vô lậu của Tĩnh lự thứ nhất chứ không phải là pháp khác, vì sao trong này không nói?

Đáp: Có người nói: Cần phải nói mà không nói đến, thì nên biết là nghĩa này có khác.

Có người nói: Trong này nói về lui sụt mà không đạt được, lúc ấy tuy lui sụt mà trở lại đạt được, cho nên không nói đến.

Hỏi: Rời bỏ và lui sụt có gì sai biệt?

Đáp: Tên gọi tức là sai biệt, đó gọi là rời bỏ, gọi là lui sụt.

Có người nói: Rời bỏ bao gồm lúc thắng tiến và lui sụt, lui sụt chỉ riêng lúc lui sụt.

Có người nói: Rời bỏ bao gồm lúc giảm bớt và tăng thêm, lui sụt chỉ riêng lúc giảm bớt.

Có người nói: Rời bỏ bao gồm lúc ở trên và ở dưới, lui sụt chỉ riêng lúc ở dưới.

Có người nói: Rời bỏ bao gồm lúc thịnh và suy, lui sụt chỉ riêng lúc suy.

Có người nói: Rời bỏ bao gồm ba loại như Vị tương ưng…, lui sụt chỉ có hai loại, trừ ra Vị tương ưng.

Có người nói: Rời bỏ bao gồm lợi căn và độn căn, lui sụt chỉ riêng độn căn. Đó là sự sai biệt giữa rời bỏ và lui sụt.

Nên biết trong này có sáu loại thành tựu, sáu loại không thành tựu, năm loại đạt được, ba loại rời bỏ, hai loại lui sụt, để trình bày về ba loại sai biệt như Vị tương ưng-Tịnh-Vô lậu của Tĩnh lự thứ nhất. Như nói về Tĩnh lự thứ nhất, cho đến Vô sở hữu xứ nói cũng như vậy. Đây là nói chung, trong đó có sai biệt như lý nên biết. Phi tưởng phi phi tưởng xứ không có đủ ba loại, cho nên không hiển bày về chủng loại, nhưng đối với hai loại vốn có cũng dựa theo như trên, nên biết!

-oOo-

LUẬN A TỲ ĐẠT MA ĐẠI TỲ BÀ SA

QUYỂN 163

LUẬN VỀ DUYÊN (Phần 2)

Tịnh của Tĩnh lự thứ nhất có bốn loại, đó là thuận phần lui sụt, thuận phần an trú, thuận phần thắng tiến, thuận phần quyết trạch.

Thuận phần lui sụt, đó là nếu trú vào pháp này thì phần nhiều là lui sụt mất đi. Thuận phần an trú, đó là nếu trú vào pháp này thì phần nhiều là không lui sụt mất đi và cũng không thắng tiến. Thuận phần thắng tiến, đó là nếu trú vào pháp này thì phần nhiều là thắng tiến. Thuận phần quyết trạch, đó là nếu trú vào pháp này thì phần nhiều có thể tiến vào Chánh tánh ly sinh.

Lại nữa, thuận phần lui sụt, đó là cùng với các phiền não lấn át- xen tạp lẫn nhau, phiền não không gián đoạn thì pháp này hiện rõ trước mắt, pháp này không gián đoạn thì phiền não hiện rõ trước mắt. Thuận phần an trú, đó là có thể quán xét địa dưới là Thô-Khổ-Chướng mà sinh ra chán bỏ, có thể quán xét địa mình là Tĩnh-Diệu-Ly mà vui thích an trú. Thuận phần thắng tiến, đó là có thể quán xét địa mình là Thô-Khổ- Chướng mà sinh ra chán bỏ, có thể quán xét địa trên là Tĩnh-Diệu-Ly mà sinh ra vui thích. Thuận phần quyết trạch, tức là Noãn-Đảnh-Nhẫn- Thế đệ nhất pháp…

Lại nữa, thuận phần lui sụt, đó là tùy thuận với phiền não. Thuận phần an trú, đó là tùy thuận với địa mình. Thuận phần thắng tiến, đó là tùy thuận với địa trên. Thuận phần quyết trạch, đó là tùy thuận với Thánh đạo. Phần này hoặc làm hành tướng Thánh, hoặc làm hành tướng khác mà hướng về Thánh đạo, tiến vào giải thoát.

Như Tĩnh lự thứ nhất, cho đến Hữu Đảnh tùy theo thích hợp cũng như vậy.

Hỏi: Có thể có lúc Tịnh của Tĩnh lự thứ nhất, lìa nhiễm mà đạt được, lìa nhiễm mà rời bỏ, lui sụt mà đạt được, lui sụt mà rời bỏ, sinh ra mà đạt được, sinh ra mà rời bỏ chăng?

Đáp: Có, đó là thuận phần lui sụt của Tĩnh lự thứ nhất, lúc lìa nhiễm của cõi Dục thì đạt được, lúc lìa nhiễm của cõi Phạm Thế thì rời bỏ, lúc khởi lên Triền của cõi Phạm Thế mà lui sụt thì đạt được, lúc khởi lên Triền của cõi Dục mà lui sụt thì rời bỏ, lúc từ địa trên chết đi sinh vào cõi Phạm Thế thì đạt được, lúc từ cõi Phạm Thế chết đi sinh vào cõi Dục thì rời bỏ; cho đến Hữu Đảnh tùy theo thích hợp cũng như vậy.

Hỏi: Nếu ở cõi Dục chết đi sinh vào Tĩnh lự thứ hai, ở Tĩnh lự thứ hai chết đi sinh vào Tĩnh lự thứ nhất, thì lúc ấy ở Tĩnh lự thứ nhất, pháp nào lúc chết đi thì rời bỏ, lúc sinh trở lại thì không đạt được? Pháp nào lúc sinh trở lại thì đạt được, lúc chết đi thì không rời bỏ? Pháp nào lúc chết đi thì rời bỏ, lúc sinh trở lại thì đạt được? Pháp nào lúc chết đi thì không rời bỏ, lúc sinh trở lại thì không đạt được?

Đáp: Lúc ấy ở Tĩnh lự thứ nhất, thuận phần thắng tiến và thuận phần quyết trạch lúc chết đi thì rời bỏ, lúc sinh trở lại thì không đạt được; thuận phần lui sụt và do sinh mà được lúc sinh trở lại thì đạt được, lúc chết đi thì không rời bỏ; thuận phần an trú lúc chết đi thì rời bỏ, lúc sinh trở lại thì đạt được; trừ ra những tướng trước, còn lại các pháp lúc chết đi thì không rời bỏ, lúc sinh trở lại thì không đạt được.

Hỏi: Nếu ở Tĩnh lự thứ nhất chết đi sinh vào Tĩnh lự thứ hai, ở Tĩnh lự thứ hai chết đi sinh vào Tĩnh lự thứ nhất, thì lúc ấy ở Tĩnh lự thứ nhất, pháp nào lúc chết đi thì rời bỏ, lúc sinh trở lại thì không đạt được? Pháp nào lúc sinh trở lại thì đạt được, lúc chết đi thì không rời bỏ? Pháp nào lúc chết đi thì rời bỏ, lúc sinh trở lại thì đạt được? Pháp nào lúc chết đi thì không rời bỏ, lúc sinh trở lại thì không đạt được?

Đáp: Lúc ấy ở Tĩnh lự thứ nhất, thuận phần thắng tiến và thuận phần quyết trạch lúc chết đi thì rời bỏ, lúc sinh trở lại thì không đạt được; thuận phần lui sụt lúc sinh trở lại thì đạt được, lúc chết đi thì không rời bỏ; thuận phần an trú và do sinh mà được lúc chết đi thì rời bỏ, lúc sinh trở lại thì đạt được; trừ ra những tướng trước, còn lại các pháp lúc chết đi thì không rời bỏ, lúc sinh trở lại thì không đạt được.

Như Tĩnh lự thứ nhất đối với Tĩnh lự thứ hai, như vậy cho đến Vô sở hữu xứ đối với Phi tưởng phi phi tưởng xứ, cũng như vậy. Như địa Căn bản, như vậy các địa Cận phần cũng phải nói rộng ra.

Hỏi: Có thể có lúc khởi lên Triền của Tĩnh lự thứ hai mà lui sụt Vô lậu của Tĩnh lự thứ nhất chăng?

Đáp: Có, đó là Vô học của Tĩnh lự thứ nhất, và đối trị của bảy địa trên-Học của Tĩnh lự thứ nhất…

Hỏi: Có thể có lúc khởi lên Triền của Tĩnh lự thứ hai mà lui sụt Tịnh của Tĩnh lự thứ nhất chăng?

Đáp: Có, đó là A-la-hán đã tu Tịnh của Tĩnh lự thứ nhất, và tu xen tạp Tịnh của Tĩnh lự thứ nhất…

Nếu tu Tịnh của Tĩnh lự thứ nhất, thì lúc ấy cũng tu Vô lậu chăng?

Cho đến nói rộng ra.

Tu có bốn loại, đó là tu đạt được, tu luyện tập, tu đối trị, tu loại bỏ. Trong này, hai loại tu trước gọi là pháp thiện hữu vi, hai loại tu sau gọi là pháp hữu lậu.

Các Sư nước ngoài nói: "Tu có sáu loại, đó là bốn loại trước, và tu phòng hộ, tu phân biệt."

Tu phòng hộ, tức là tu Căn, như trong kinh nói: "Nếu đối với sáu căn khéo điều phục, khéo che chở, khéo đề phòng, khéo giữ gìn, khéo tu dưỡng thì có thể dẫn đến niềm vui của đời sau." Tu phân biệt, tức là tu Thân, như trong kinh nói: "Ở trong thân này có lông-tóc-răng- móng..."

Hai loại tu sau ở đây nên biết chính là thuộc về tu đối trị và tu loại bỏ, vì thế cho nên tu chỉ có bốn loại. Trong này dựa vào hai loại tu để soạn luận, đó là tu đạt được và tu luyện tập.

Như nơi khác nói: "Nếu tu Pháp trí thì lúc ấy cũng tu Loại trí chăng? Cho đến nói rộng ra." Đó là cũng dựa vào hai loại tu mà soạn luận, gọi là tu đạt được và tu luyện tập.

Nơi khác lại nói: "Nếu đạo quá khứ thì tất cả đạo ấy đã tu-đã an chăng? Cho đến nói rộng ra." Đó là cũng dựa vào hai loại tu mà soạn luận, gọi là tu đạt được và tu luyện tập.

Như nơi khác nói: "Nếu tu Thân thì lúc ấy tu Giới chăng? Cho đến nói rộng ra." Đó là dựa vào hai loại tu mà soạn luận, gọi là tu đối trị và tu loại bỏ.

Nơi khác lại nói: "Nếu tu Nhãn căn thì lúc ấy tu Nhĩ căn chăng? Cho đến nói rộng ra." Đó là cũng dựa vào hai loại tu mà soạn luận, gọi là tu đối trị và tu loại bỏ.

Như nơi khác nói: "Nếu tu Tam-ma-địa Không, thì lúc ấy cũng tu Tam-ma-địa Vô nguyện chăng? Cho đến nói rộng ra."

Nơi khác lại nói: "Nếu tu Thân niệm trú, thì lúc ấy cũng tu Thọ niệm trú chăng? Cho đến nói rộng ra." Đó là cũng đều dựa vào hai loại tu mà soạn luận, gọi là tu đạt được và tu luyện tập.

Như nơi khác nói: "Nếu tu Tưởng về Vô thường, thì lúc ấy tư duy về Tưởng Vô thường chăng? Cho đến nói rộng ra." Có người nói: Đó là dựa vào tu đạt được mà soạn luận. Có người nói: Đó là dựa vào tu luyện tập mà soạn luận. Có người nói: Đó là dựa vào hai loại tu mà soạn luận, gọi là tu đạt được và tu luyện tập.

Như nơi khác nói: "Thế nào là pháp nên tu? Đó là pháp thiện hữu vi." Pháp này tuy là có đủ nghĩa của bốn loại tu, mà nơi ấy chỉ dựa vào hai loại

tu để soạn luận, đó là tu đạt được và tu luyện tập.

Bởi vì nghĩa này cho nên làm thành bốn câu phân biệt:

1. Có pháp có hai loại tu trước mà không có hai loại tu sau, đó là pháp hữu vi vô lậu.

2. Có pháp có hai loại tu sau mà không có hai loại tu trước, đó là pháp nhiễm ô-vô phú vô ký.

3. Có pháp có đủ bốn loại tu, đó là pháp thiện hữu lậu.

4. Có pháp không có cả bốn loại tu, đó là pháp Vô vi.

Hỏi: Vì sao gọi là Tu?

Đáp: Tu khắp nơi cho nên gọi là Tu. Thường xuyên luyện tập cho nên gọi là Tu. Xông ướp cho nên gọi là Tu. Học hỏi cho nên gọi là Tu. Làm cho trong sáng cho nên gọi là Tu. Nên biết trong này hiện tại là do Tu luyện tập mà hiển bày, vị lai là do Tu đạt được mà hiển bày.

Lại nữa, hiện tại luyện tập cho nên gọi là Tu, vị lai đạt được cho nên gọi là Tu.

Lại nữa, hiện tại thọ dụng cho nên gọi là Tu, vị lai dẫn phát cho nên gọi là Tu.

Lại nữa, hiện tại làm việc cho nên gọi là Tu, vị lai thỏa mãn mong muốn cho nên gọi là Tu.

Lại nữa, hiện tại ở trong thân cho nên gọi là Tu, vị lai đạt được tự tại cho nên gọi là Tu.

Lại nữa, hiện tại hiện rõ trước mắt cho nên gọi là Tu, vị lai thành tựu cho nên gọi là Tu.

Hỏi: Vì sao lúc pháp thiện đã đạt được hiện rõ ở trước mắt thì không tu vị lai?

Đáp: Bởi vì đã suy yếu, đã thọ dụng, đã làm việc, đã thỏa mãn mong muốn.

Lại nữa, bởi vì đã tu, đã ngừng, cho nên thế mạnh và tác dụng không còn.

Lại nữa, lúc pháp đã đạt được hiện rõ trước mắt, thì thọ dụng chỉ có từ từ hết chứ không còn thế mạnh nào khác, làm sao có thể tu vị lai? Như người thọ dụng tài sản đã tích lũy trước đây, chỉ có từ từ giảm bớt chứ không có gì tăng thêm.

Lại nữa, làm cho công dụng khởi lên thì có thể tu vị lai, không phải là khởi lên pháp đã từng đạt được; bởi vì cần phải làm công dụng, cho nên

không tu vị lai.

Lại nữa, nếu pháp đã đạt được hiện rõ ở trước mắt, lại có thể tu vị lai, thì lúc Đức Phật nhập Niết-bàn, hiện khởi tất cả Tĩnh lự-Giải thoát- Đẳng trì-Đẳng chí, lúc bấy giờ cũng sẽ tiếp tục tu vị lai. Như vậy thì lúc Tận trí hiện khởi, sẽ không đạt được đầy đủ tất cả công đức, làm sao có thể gọi là việc làm đã đến nơi cuối cùng? Bởi vì không có sai lầm này, cho nên lúc pháp đã đạt được hiện rõ ở trước mắt, không tu các công đức khác của vị lai.

Hỏi: Nếu tu Tịnh của Tĩnh lự thứ nhất, thì lúc ấy cũng tu Vô lậu chăng? Giả sử tu Vô lậu của Tĩnh lự thứ nhất, thì lúc ấy cũng tu Tịnh chăng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu phân biệt:

1. Có lúc tu Tịnh của Tĩnh lự thứ nhất mà không phải là Vô lậu: Đó là đã đạt được Tịnh của Tĩnh lự thứ nhất hiện rõ ở trước mắt; hoặc là chưa đạt được Tịnh của Tĩnh lự thứ nhất hiện rõ ở trước mắt, mà không tu Vô lậu; hoặc là chưa đạt được không phải là Tĩnh lự thứ nhất, Thế tục trí hiện rõ ở trước mắt mà tu Tịnh của Tĩnh lự thứ nhất, chứ không phải là Vô lậu.

Đã đạt được Tịnh của Tĩnh lự thứ nhất hiện rõ ở trước mắt: Đó là dị sinh và Thánh giả, hoặc là Học, hoặc là Vô học, hoặc là Thanh văn, hoặc là Độc giác, hoặc là Như Lai, hoặc là trú trong pháp lạc hiện tại, hoặc là quán xét những việc làm trước đây, hoặc là dạo chơi trong công đức, hoặc là thọ dụng Thánh tài, lúc khởi lên Tĩnh lự thứ nhất, Thế tục đã từng đạt được hiện rõ ở trước mắt, thế lực ấy hãy còn không sánh bằng từ sát-na thứ hai, huống là có thể tu công đức vị lai nào khác? Nhưng bởi vì phần vị hiện rõ trước mắt tức là tu luyện tập, cho nên được gọi là tu Tịnh của Tĩnh lự thứ nhất.

Hoặc là chưa đạt được Tịnh của Tĩnh lự thứ nhất hiện rõ ở trước mắt, mà không tu Vô lậu: Đó là lúc dị sinh lìa nhiễm của cõi Dục, nếu cuối cùng là đạo giải thoát, thì khởi lên Tĩnh lự thứ nhất Căn bản hiện rõ ở trước mắt.

Ngay lúc dị sinh vì lìa nhiễm của Tĩnh lự thứ nhất, dựa vào Tĩnh lự thứ nhất làm đạo gia hạnh. Ngay lúc dị sinh dựa vào Tĩnh lự thứ nhất dẫn dắt phát khởi năm thần thông, các đạo gia hạnh, năm đạo vô gián, ba đạo giải thoát. Ngay lúc dị sinh dựa vào Tĩnh lự thứ nhất khởi lên bốn Vô lượng, hai Giải thoát đầu, bốn Thắng xứ trước, quán Bất tịnh, Niệm trú, ba Nghĩa quán, Noãn-Đảnh-Nhẫn-Thế đệ nhất pháp. Có người nói: Cũng khởi lên Trì tức niệm.

Những lúc như vậy, tuy khởi lên Tịnh của Tĩnh lự thứ nhất chưa từng

đạt được, mà không tu Vô lậu.

Hoặc là chưa đạt được không phải là Tĩnh lự thứ nhất, Thế tục trí hiện rõ ở trước mắt mà tu Tịnh của Tĩnh lự thứ nhất, chứ không phải là Vô lậu: Trong này, địa khác dùng tên gọi của Trí mà nói, tức là Định Vị chí-Tĩnh lự trung gian.

Đó là lúc dị sinh lìa nhiễm của cõi Dục, dựa vào Định Vị chí, khởi lên đạo giải thoát thứ chín. Ngay lúc dị sinh vì lìa nhiễm của Tĩnh lự thứ nhất, dựa vào Định Vị chí khởi lên đạo gia hạnh. Ngay lúc dị sinh đã lìa nhiễm cõi Dục, dựa vào Định Vị chí khởi lên ba Vô lượng, hai Giải thoát đầu, bốn Thắng xứ trước, quán Bất tịnh, Trì tức niệm, Niệm trú, ba Nghĩa quán. Ngay lúc dị sinh vì lìa nhiễm của Tĩnh lự thứ nhất, dựa vào Tĩnh lự trung gian khởi lên đạo gia hạnh. Ngay lúc dị sinh dựa vào Tĩnh lự trung gian khởi lên ba Vô lượng, hai Giải thoát đầu, bốn Thắng xứ trước, quán Bất tịnh, Trì tức niệm, Niệm trú, ba Nghĩa quán.

Những lúc như vậy, khởi lên chưa từng đạt được không phải là Tĩnh lự thứ nhất, Thế tục trí hiện rõ ở trước mắt, mà tu Tịnh của Tĩnh lự thứ nhất chứ không phải là Vô lậu.

2. Có lúc tu Vô lậu của Tĩnh lự thứ nhất mà không phải là Tịnh: Đó là đã đạt được Vô lậu của Tĩnh lự thứ nhất hiện rõ ở trước mắt; hoặc là chưa đạt được Vô lậu của Tĩnh lự thứ nhất hiện rõ ở trước mắt, mà không tu Tịnh; hoặc là chưa đạt được không phải là Tĩnh lự thứ nhất thuộc Thế tục trí, và chưa đạt được không phải là Tĩnh lự thứ nhất thuộc Vô lậu trí, lúc ấy hiện rõ ở trước mắt, mà tu Vô lậu của Tĩnh lự thứ nhất chứ không phải là Tịnh.

Đã đạt được Vô lậu của Tĩnh lự thứ nhất hiện rõ ở trước mắt: Đó là các Thánh giả, hoặc là Học cho đến hoặc là Như Lai, hoặc là trú trong pháp lạc hiện tại cho đến hoặc là thọ dụng Thánh tài, lúc khởi lên Vô lậu của Tĩnh lự thứ nhất đã từng đạt được hiện rõ ở trước mắt, thế lực ấy hãy còn không sánh bằng từ sát-na thứ hai, huống là có thể tu công đức vị lai nào khác? Nhưng bởi vì phần vị hiện rõ trước mắt tức là tu luyện tập, cho nên được gọi là tu Vô lậu của Tĩnh lự thứ nhất.

Hoặc là chưa đạt được Vô lậu của Tĩnh lự thứ nhất hiện rõ ở trước mắt, mà không tu Tịnh: Đó là dựa vào Tĩnh lự thứ nhất mà tiến vào Chánh tánh ly sinh, Hiện quán về Khổ-Tập-Diệt đều trong ba tâm, Hiện quán về Đạo trong bốn tâm.

Thánh giả dựa vào Tĩnh lự thứ nhất, lúc lìa nhiễm của Tĩnh lự thứ nhất cho đến Vô sở hữu xứ, là chín đạo vô gián-chín đạo giải thoát, và lúc

lìa nhiễm của Phi tưởng phi phi tưởng xứ, là chín đạo vô gián-tám đạo giải thoát.

Lúc Tín thắng giải dựa vào Tĩnh lự thứ nhất luyện căn làm Kiến chí, là đạo vô gián-đạo giải thoát. Có người nói: Trừ ra lúc là đạo giải thoát, bởi vì lúc này cũng là tu thuộc đạo thế tục. Nói như vậy thì lúc bấy giờ chỉ là tu thuộc đạo vô lậu, bởi vì cùng Kiến đạo đạt được quả.

Lúc A-la-hán Thời giải thoát dựa vào Tĩnh lự thứ nhất luyện căn làm Bất động, là chín đạo vô gián-tám đạo giải thoát.

Những lúc như vậy, khởi lên chưa từng đạt được Vô lậu của Tĩnh lự thứ nhất hiện rõ ở trước mắt, mà không tu Tịnh.

Hoặc là chưa đạt được không phải là Tĩnh lự thứ nhất thuộc Thế tục trí hiện rõ ở trước mắt, mà tu Vô lậu của Tĩnh lự thứ nhất chứ không phải là Tịnh: Trong này, địa khác dùng tên gọi của Trí mà nói, tức là từ Cận phần Tĩnh lự thứ hai cho đến Phi tưởng phi phi tưởng xứ.

Đó là lúc Thánh giả dùng đạo thế tục để lìa nhiễm của Tĩnh lự thứ nhất, nếu ngay Cận phần Tĩnh lự thứ hai làm gia hạnh, thì lúc ấy là chín đạo vô gián, chín đạo giải thoát.

Ngay lúc Thánh giả dựa vào Cận phần Tĩnh lự thứ hai, khởi lên ba Vô lượng, hai Giải thoát đầu, bốn Thắng xứ trước, quán Bất tịnh, Trì tức niệm, Niệm trú, ba Nghĩa quán.

Ngay lúc Thánh giả dựa vào Tĩnh lự thứ hai để lìa nhiễm của Tĩnh lự thứ hai cho đến Phi tưởng phi phi tưởng xứ, nếu thế tục làm gia hạnh, thì lúc ấy là đạo gia hạnh.

Dựa vào Tĩnh lự thứ hai, Tín thắng giải luyện căn làm Kiến chí, Thời giải thoát luyện căn làm Bất động, nếu thế tục làm gia hạnh, thì lúc ấy là đạo gia hạnh.

Lúc tâm tu xen tạp Tĩnh lự thứ hai-Tĩnh lự trung gian, ngay lúc Thánh giả dựa vào Tĩnh lự thứ hai dẫn dắt phát khởi năm thần thông, các đạo gia hạnh, năm đạo vô gián, hai đạo giải thoát, và lúc Tha tâm trí thông thế tục, lúc ấy là đạo giải thoát.

Ngay lúc Thánh giả dựa vào Tĩnh lự thứ hai, khởi lên bốn Vô lượng, hai Giải thoát đầu, bốn Thắng xứ trước, quán Bất tịnh, Niệm trú thế tục, ba Nghĩa quán, bảy Xứ thiện. Có người nói: Cũng khởi lên Trì tức niệm.

Lúc dựa vào Tĩnh lự thứ hai, khởi lên Vô ngại giải, và lúc tăng trưởng Vô ngại giải thế tục; lúc dựa vào Tĩnh lự thứ hai, khởi lên Không Không-Vô nguyện Vô nguyện-Vô tướng Vô tướng, và lúc tăng trưởng.

Ngay lúc Thánh giả dùng đạo thế tục để lìa nhiễm của Tĩnh lự thứ hai, nếu ngay Cận phần Tĩnh lự thứ ba làm gia hạnh, thì lúc ấy là đạo gia hạnh, chín đạo vô gián, chín đạo giải thoát.

Ngay lúc Thánh giả dựa vào Cận phần Tĩnh lự thứ ba, khởi lên ba Vô lượng, quán Bất tịnh, Trì tức niệm, Niệm trú, ba Nghĩa quán.

Ngay lúc Thánh giả dựa vào Tĩnh lự thứ ba để lìa nhiễm của Tĩnh lự thứ ba cho đến Phi tưởng phi phi tưởng xứ, nếu thế tục làm gia hạnh, thì lúc ấy là đạo gia hạnh.

Dựa vào Tĩnh lự thứ ba, Tín thắng giải luyện căn làm Kiến chí, cho đến lúc khởi lên Không Không- Vô nguyện Vô nguyện-Vô tướng Vô tướng, và lúc tăng trưởng. Nói rộng ra như Tĩnh lự thứ hai. Sai biệt là trừ ra Giải thoát-Thắng xứ và Hỷ vô lượng, còn lại đều như trước.

Ngay lúc Thánh giả dùng đạo thế tục để lìa nhiễm của Tĩnh lự thứ ba, nếu ngay Cận phần Tĩnh lự thứ tư làm gia hạnh, thì lúc ấy là đạo gia hạnh, chín đạo vô gián, chín đạo giải thoát.

Ngay lúc Thánh giả dựa vào Cận phần Tĩnh lự thứ tư, khởi lên ba Vô lượng, Tịnh giải thoát, bốn Thắng xứ sau, tám Biến xứ trước, quán Bất tịnh, Niệm trú, ba Nghĩa quán.

Ngay lúc Thánh giả dựa vào Tĩnh lự thứ tư để lìa nhiễm của Tĩnh lự thứ tư cho đến Phi tưởng phi phi tưởng xứ, nếu thế tục làm gia hạnh, thì lúc ấy là đạo gia hạnh.

Dựa vào Tĩnh lự thứ tư, Tín thắng giải luyện căn làm Kiến chí, Thời giải thoát luyện căn làm Bất động, nếu thế tục làm gia hạnh, thì lúc ấy là đạo gia hạnh.

Lúc tâm tu xen tạp Tĩnh lự thứ tư-Tĩnh lự trung gian, ngay lúc Thánh giả dựa vào Tĩnh lự thứ tư dẫn dắt phát khởi năm thần thông, các đạo gia hạnh, năm đạo vô gián, hai đạo giải thoát, và lúc Tha tâm trí thông thế tục, lúc ấy là đạo giải thoát.

Ngay lúc Thánh giả dựa vào Tĩnh lự thứ tư, khởi lên ba Vô lượng, Tịnh giải thoát, bốn Thắng xứ sau, tám Biến xứ trước, quán Bất tịnh, Niệm trú thế tục, ba Nghĩa quán, bảy Xứ thiện.

Lúc dựa vào Tĩnh lự thứ tư, khởi lên Vô ngại giải, và lúc tăng trưởng Vô ngại giải thế tục; khởi lên Nguyện trí-Vô tranh-Định Biên tế, và lúc tăng trưởng; lúc dựa vào Tĩnh lự thứ tư, khởi lên Không Không- Vô nguyện Vô nguyện-Vô tướng Vô tướng, và lúc tăng trưởng.

Ngay lúc Thánh giả dùng đạo thế tục để lìa nhiễm của Tĩnh lự thứ tư,

nếu ngay Cận phần Không vô biên xứ làm gia hạnh, thì lúc ấy là đạo gia hạnh, chín đạo vô gián, chín đạo giải thoát. Ngay lúc Thánh giả dựa vào Không vô biên xứ để lìa nhiễm của Không vô biên xứ cho đến Phi tưởng phi phi tưởng xứ, nếu thế tục làm gia hạnh, thì lúc ấy là đạo gia hạnh.

Dựa vào Không vô biên xứ, A-la-hán Thời giải thoát luyện căn làm Bất động, nếu thế tục làm gia hạnh, thì lúc ấy là đạo gia hạnh.

Ngay lúc Thánh giả khởi lên Không vô biên xứ, Giải thoát-Biến xứ thế tục, Niệm trú thế tục; lúc dựa vào Không vô biên xứ, khởi lên hai Vô ngại giải, và lúc tăng trưởng Vô ngại giải thế tục; lúc dựa vào Không vô biên xứ, khởi lên Không Không-Vô nguyện Vô nguyện-Vô tướng Vô tướng, và lúc tăng trưởng.

Ngay lúc Thánh giả dùng đạo thế tục để lìa nhiễm của Không vô biên xứ, nếu ngay Cận phần Thức vô biên xứ làm gia hạnh, thì lúc ấy là đạo gia hạnh, chín đạo vô gián, chín đạo giải thoát.

Ngay lúc Thánh giả dựa vào Thức vô biên xứ để lìa nhiễm của Thức vô biên xứ cho đến Phi tưởng phi phi tưởng xứ, nếu thế tục làm gia hạnh, thì lúc ấy là đạo gia hạnh. Còn lại nói rộng ra như Không vô biên xứ.

Ngay lúc Thánh giả dùng đạo thế tục để lìa nhiễm của Thức vô biên xứ, nếu ngay Cận phần Vô sở hữu xứ làm gia hạnh, thì lúc ấy là đạo gia hạnh, chín đạo vô gián, chín đạo giải thoát.

Ngay lúc Thánh giả dựa vào Vô sở hữu xứ để lìa nhiễm của Vô sở hữu xứ cho đến Phi tưởng phi phi tưởng xứ, nếu thế tục làm gia hạnh, thì lúc ấy là đạo gia hạnh. Còn lại cũng nói rộng ra như Không vô biên xứ, sai biệt là trừ ra Biến xứ.

Ngay lúc Thánh giả dùng đạo thế tục để lìa nhiễm của Vô sở hữu xứ, nếu ngay Cận phần Phi tưởng phi phi tưởng xứ làm gia hạnh, thì lúc ấy là đạo gia hạnh, chín đạo vô gián, chín đạo giải thoát.

Ngay lúc Thánh giả dựa vào Phi tưởng phi phi tưởng xứ để lìa nhiễm của Phi tưởng phi phi tưởng xứ, thì lúc ấy là đạo gia hạnh.

A-la-hán Thời giải thoát luyện căn làm Bất động, dùng Phi tưởng phi phi tưởng xứ làm gia hạnh, lúc ấy là đạo gia hạnh.

Ngay lúc Thánh giả khởi lên Phi tưởng phi phi tưởng xứ, Giải thoát-Tiệm trú; dựa vào Phi tưởng phi phi tưởng xứ, lúc khởi lên hai Vô ngại giải, Không Không- Vô nguyện Vô nguyện-Vô tướng Vô tướng, và lúc tăng trưởng. Lúc khởi tâm tiến vào Định Diệt tận-Tưởng vi tế.

Những lúc như vậy, khởi lên chưa từng đạt được không phải là Tĩnh

lự thứ nhất, Thế tục trí hiện rõ ở trước mắt, mà tu Vô lậu của Tĩnh lự thứ nhất chứ không phải là Tịnh.

Và chưa đạt được không phải là Tĩnh lự thứ nhất, Vô lậu trí hiện rõ ở trước mắt, mà tu Vô lậu của Tĩnh lự thứ nhất chứ không phải là Tịnh: Trong này, địa khác dùng tên gọi của Trí mà nói, tức là từ Định Vị chí trừ ra Tĩnh lự thứ nhất, cho đến Vô sở hữu xứ.

Đó là đã lìa nhiễm cõi Dục, dựa vào Định Vị chí tiến vào Chánh tánh ly sinh, lúc ấy là đạo loại trí. Dựa vào Định Vị chí lìa nhiễm của Tĩnh lự thứ nhất, cho đến Vô sở hữu xứ, lúc ấy là tất cả đạo vô gián-giải thoát. Lìa nhiễm của Phi tưởng phi phi tưởng xứ, lúc ấy là chín đạo vô gián, tám đạo giải thoát.

Đã lìa nhiễm cõi Dục, Tín thắng giải dựa vào Định Vị chí luyện căn làm Kiến chí, lúc ấy là đạo vô gián-giải thoát.

A-la-hán Thời giải thoát dựa vào Định Vị chí luyện căn làm Bất động, lúc ấy là chín đạo vô gián, tám đạo giải thoát.

Dựa vào Tĩnh lự trung gian tiến vào Chánh tánh ly sinh, Hiện quán về Khổ-Tập-Diệt đều trong ba tâm, Hiện quán về Đạo trong bốn tâm. Dựa vào Tĩnh lự trung gian, lìa nhiễm của Tĩnh lự thứ nhất cho đến Vô sở hữu xứ, lúc ấy tất cả là đạo vô gián-giải thoát. Lìa nhiễm của Phi tưởng phi phi tưởng xứ, lúc ấy là chín đạo vô gián, tám đạo giải thoát.

Dựa vào Tĩnh lự trung gian, Tín thắng giải luyện căn làm Kiến chí, lúc ấy là đạo vô gián-giải thoát.

A-la-hán Thời giải thoát luyện căn làm Bất động, lúc ấy là chín đạo vô gián, tám đạo giải thoát.

Dựa vào Tĩnh lự thứ hai tiến vào Chánh tánh ly sinh, Hiện quán về Khổ-Tập-Diệt đều trong ba tâm, Hiện quán về Đạo trong bốn tâm. Dựa vào Tĩnh lự thứ hai, lìa nhiễm của Tĩnh lự thứ hai cho đến Vô sở hữu xứ, nếu vô lậu làm gia hạnh, thì lúc ấy tất cả là đạo gia hạnh-vô gián-giải thoát. Lìa nhiễm của Phi tưởng phi phi tưởng xứ, nếu vô lậu làm gia hạnh, thì lúc ấy là các đạo gia hạnh, chín đạo vô gián, tám đạo giải thoát.

Dựa vào Tĩnh lự thứ hai, Tín thắng giải luyện căn làm Kiến chí, nếu vô lậu làm gia hạnh, thì lúc ấy là đạo gia hạnh-vô gián-giải thoát.

A-la-hán Thời giải thoát luyện căn làm Bất động, nếu vô lậu làm gia hạnh, thì lúc ấy là đạo gia hạnh, chín đạo vô gián, tám đạo giải thoát.

Lúc tâm đầu và sau tu xen tạp Tĩnh lự thứ hai; lúc dựa vào Tĩnh lự thứ hai khởi lên Tha tâm trí thông vô lậu, Niệm trú vô lậu, và lúc tăng

trưởng hai Vô ngại giải vô lậu.

Như dựa vào Tĩnh lự thứ hai, như vậy dựa vào Tĩnh lự thứ ba, dựa vào Tĩnh lự thứ tư, nói rộng ra cũng như vậy, sai biệt là lìa nhiễm của địa trên.

Dựa vào Không vô biên xứ, lìa nhiễm của Không vô biên xứ cho đến Vô sở hữu xứ, nếu ô lậu làm gia hạnh, thì lúc ấy tất cả là đạo gia hạnh-vô gián-giải thoát. Lìa nhiễm của Phi tưởng phi phi tưởng xứ, nếu vô lậu làm gia hạnh, thì lúc ấy là đạo gia hạnh, chín đạo vô gián, tám đạo giải thoát.

Dựa vào Không vô biên xứ, A-la-hán Thời giải thoát luyện căn làm Bất động, nếu vô lậu làm gia hạnh, thì lúc ấy là đạo gia hạnh, chín đạo vô gián, tám đạo giải thoát.

Lúc khởi lên Không vô biên xứ vô lậu, Giải thoát, Niệm trú vô lậu, và lúc tăng trưởng hai Vô ngại giải vô lậu.

Như dựa vào Không vô biên xứ, như vậy dựa vào Thức vô biên xứ, dựa vào Vô sở hữu xứ cũng như vậy, sai biệt là lìa nhiễm của địa trên.

Những lúc như vậy, khởi lên chưa từng đạt được không phải là Tĩnh lự thứ nhất, Vô lậu trí hiện rõ ở trước mắt, mà tu Vô lậu của Tĩnh lự thứ nhất chứ không phải là Tịnh.

3. Có lúc tu Tịnh của Tĩnh lự thứ nhất cũng là Vô lậu: Đó là chưa đạt được Tịnh của Tĩnh lự thứ nhất hiện rõ ở trước mắt, mà tu Vô lậu; hoặc là chưa đạt được Vô lậu của Tĩnh lự thứ nhất hiện rõ ở trước mắt mà tu Tịnh; hoặc là chưa đạt được không phải là Tĩnh lự thứ nhất, Thế tục trí-Vô lậu trí lúc ấy hiện rõ ở trước mắt, mà tu Tịnh của Tĩnh lự thứ nhất và Vô lậu.

Hoặc là chưa đạt được Tịnh của Tĩnh lự thứ nhất hiện rõ ở trước mắt mà tu Vô lậu: Đó là lúc Thánh giả dùng đạo thế tục lìa nhiễm của cõi Dục, lúc đầu khởi lên là đạo giải thoát của địa Căn bản.

Ngay lúc Thánh giả dựa vào Tĩnh lự thứ nhất để lìa nhiễm của Tĩnh lự thứ nhất cho đến Phi tưởng phi phi tưởng xứ, nếu thế tục làm gia hạnh, thì lúc ấy là đạo gia hạnh.

Dựa vào Tĩnh lự thứ nhất, Tín thắng giải luyện căn làm Kiến chí, Thời giải thoát luyện căn làm Bất động, nếu thế tục làm gia hạnh, thì lúc ấy là đạo gia hạnh.

Lúc tâm tu xen tạp Tĩnh lự thứ nhất-Tĩnh lự trung gian, ngay lúc Thánh giả dựa vào Tĩnh lự thứ nhất dẫn dắt phát khởi năm thần thông, các đạo gia hạnh, năm đạo vô gián, hai đạo giải thoát, và lúc Tha tâm trí thông thế tục, lúc ấy là đạo giải thoát.

Ngay lúc Thánh giả dựa vào Tĩnh lự thứ nhất, khởi lên bốn Vô lượng, hai Giải thoát đầu, bốn Thắng xứ trước, quán Bất tịnh, Niệm trú thế tục, ba Nghĩa quán, bảy Xứ thiện. Có người nói: Lúc ấy cũng khởi lên Trì tức niệm.

Dựa vào Tĩnh lự thứ nhất, lúc khởi lên Vô ngại giải, và lúc tăng trưởng Vô ngại giải thế tục; dựa vào Tĩnh lự thứ nhất, lúc khởi lên Không Không- Vô nguyện Vô nguyện-Vô tướng Vô tướng, và lúc tăng trưởng.

Những lúc như vậy, khởi lên chưa từng đạt được Tịnh của Tĩnh lự thứ nhất hiện rõ ở trước mắt mà tu Vô lậu.

Hoặc là chưa đạt được Vô lậu của Tĩnh lự thứ nhất hiện rõ ở trước mắt mà tu Tịnh: Đó là dựa vào Tĩnh lự thứ nhất tiến vào Chánh tánh ly sinh, Hiện quán về Khổ-Tập-Diệt đều trong một tâm. Nếu dùng đạo vô lậu lìa nhiễm của cõi Dục, lúc cuối cùng khởi lên là đạo giải thoát của địa Căn bản.

Dựa vào Tĩnh lự thứ nhất để lìa nhiễm của Tĩnh lự thứ nhất, cho đến Phi tưởng phi phi tưởng xứ, nếu vô lậu làm gia hạnh, thì lúc ấy là đạo gia hạnh.

Dựa vào Tĩnh lự thứ nhất đạt được quả A-la-hán, lúc Tận trí bắt đầu khởi lên.

Dựa vào Tĩnh lự thứ nhất, Tín thắng giải luyện căn làm Kiến chí, nếu vô lậu làm gia hạnh, thì lúc ấy là đạo gia hạnh.

A-la-hán Thời giải thoát luyện căn làm Bất động, nếu vô lậu làm gia hạnh, thì lúc ấy là đạo gia hạnh và cuối cùng là đạo giải thoát.

Lúc tâm đầu và sau tu xen tạp Tĩnh lự thứ nhất; lúc dựa vào Tĩnh lự thứ nhất khởi lên Tha tâm trí thông vô lậu, Niệm trú vô lậu, và lúc tăng trưởng Vô ngại giải vô lậu.

Những lúc như vậy, khởi lên chưa từng đạt được Vô lậu của Tĩnh lự thứ nhất hiện rõ ở trước mắt mà tu Tịnh.

Hoặc là chưa đạt được không phải là Tĩnh lự thứ nhất, Thế tục trí hiện rõ ở trước mắt, mà tu Tịnh của Tĩnh lự thứ nhất và Vô lậu: Trong này, địa khác dùng tên gọi của Trí mà nói, tức là Định Vị chí và Tĩnh lự trung gian.

Đó là Thánh giả dùng đạo thế tục lìa nhiễm của cõi Dục, ngay lúc dựa vào Định Vị chí khởi lên đạo giải thoát cuối cùng.

Dựa vào Định Vị chí để lìa nhiễm của Tĩnh lự thứ nhất, cho đến Phi tưởng phi phi tưởng xứ, nếu thế tục làm gia hạnh, thì lúc ấy là đạo gia hạnh.

Dựa vào Định Vị chí đã lìa nhiễm cõi Dục, Tín thắng giải luyện căn làm Kiến chí, Thời giải thoát luyện căn làm Bất động, nếu thế tục làm gia

hạnh, thì lúc ấy là đạo gia hạnh.

Đã lìa nhiễm cõi Dục, Thánh giả dựa vào Định Vị chí, khởi lên ba Vô lượng, hai Giải thoát đầu, bốn Thắng xứ trước, quán Bất tịnh, Trì tức niệm, Niệm trú thế tục, ba Nghĩa quán, bảy Xứ thiện; lúc khởi lên Vô ngại giải, và lúc tăng trưởng Vô ngại giải thế tục; lúc khởi lên Không Không-Vô nguyện Vô nguyện-Vô tướng Vô tướng, và lúc tăng trưởng.

Ngay lúc Thánh giả dựa vào Tĩnh lự trung gian, để lìa nhiễm của Tĩnh lự thứ nhất cho đến Phi tưởng phi phi tưởng xứ, nếu thế tục làm gia hạnh, thì lúc ấy là đạo gia hạnh

Dựa vào Tĩnh lự trung gian, Tín thắng giải luyện căn làm Kiến chí, Thời giải thoát luyện căn làm Bất động, nếu thế tục làm gia hạnh, thì lúc ấy là đạo gia hạnh.

Ngay lúc Thánh giả dựa vào Tĩnh lự trung gian, khởi lên ba Vô lượng, hai Giải thoát đầu, bốn Thắng xứ trước, quán Bất tịnh, Trì tức niệm, Niệm trú thế tục, ba Nghĩa quán, bảy Xứ thiện; lúc khởi lên Vô ngại giải, và lúc tăng trưởng Vô ngại giải thế tục; lúc khởi lên Không Không- Vô nguyện Vô nguyện-Vô tướng Vô tướng, và lúc tăng trưởng.

Những lúc như vậy, khởi lên chưa từng đạt được không phải là Tĩnh lự thứ nhất, Thế tục trí hiện rõ ở trước mắt, mà tu Tịnh của Tĩnh lự thứ nhất và Vô lậu.

Và chưa đạt được không phải là Tĩnh lự thứ nhất, Vô lậu trí hiện rõ ở trước mắt, mà tu Tịnh của Tĩnh lự thứ nhất và Vô lậu: Trong này, địa khác dùng tên gọi của Trí mà nói, tức là từ Định Vị chí trừ ra Tĩnh lự thứ nhất, cho đến Vô sở hữu xứ.

Đó là dùng đạo vô lậu lìa nhiễm của cõi Dục, ngay lúc dựa vào Định Vị chí khởi lên đạo giải thoát cuối cùng.

Dựa vào Định Vị chí để lìa nhiễm của Tĩnh lự thứ nhất, cho đến Phi tưởng phi phi tưởng xứ, nếu vô lậu làm gia hạnh, thì lúc ấy là đạo gia hạnh. Dựa vào Định Vị chí đạt được quả A-la-hán, lúc Tận trí bắt đầu khởi lên. Dựa vào Định Vị chí đã lìa nhiễm cõi Dục, Tín thắng giải luyện căn làm Kiến chí, nếu vô lậu làm gia hạnh, thì lúc ấy là đạo gia hạnh. Thời giải thoát luyện căn làm Bất động, nếu vô lậu làm gia hạnh, thì lúc ấy là đạo gia hạnh và cuối cùng là đạo giải thoát.

Đã lìa nhiễm cõi Dục, Thánh giả dựa vào Định Vị chí, lúc khởi lên Niệm trú vô lậu, và lúc tăng trưởng Vô ngại giải vô lậu.

Dựa vào Tĩnh lự trung gian tiến vào Chánh tánh ly sinh, Hiện quán về Khổ-Tập-Diệt đều trong một tâm. Dựa vào Tĩnh lự trung gian để lìa

nhiễm của Tĩnh lự thứ nhất, cho đến Phi tưởng phi phi tưởng xứ, nếu vô lậu làm gia hạnh, thì lúc ấy là đạo gia hạnh. Dựa vào Tĩnh lự trung gian đạt được quả A-la-hán, lúc Tận trí bắt đầu khởi lên. Dựa vào Tĩnh lự trung gian, Tín thắng giải luyện căn làm Kiến chí, nếu vô lậu làm gia hạnh, thì lúc ấy là đạo gia hạnh. Thời giải thoát luyện căn làm Bất động, nếu vô lậu làm gia hạnh, thì lúc ấy là đạo gia hạnh và cuối cùng là đạo giải thoát. Dựa vào Tĩnh lự trung gian, khởi lên Niệm trú vô lậu, và lúc tăng trưởng Vô ngại giải vô lậu.

Dựa vào Tĩnh lự thứ hai tiến vào Chánh tánh ly sinh, Hiện quán về Khổ-Tập-Diệt đều trong một tâm. Dựa vào Tĩnh lự thứ hai đạt được quả A-la-hán, lúc Tận trí bắt đầu khởi lên. Dựa vào Tĩnh lự thứ hai, Thời giải thoát luyện căn làm Bất động, lúc ấy cuối cùng là đạo giải thoát.

Như nói dựa vào Tĩnh lự thứ hai, dựa vào Tĩnh lự thứ ba-thứ tư cũng nên nói như vậy.

Dựa vào Không vô biên xứ đạt được quả A-la-hán, lúc Tận trí bắt đầu khởi lên. Dựa vào Không vô biên xứ, Thời giải thoát luyện căn làm Bất động, lúc ấy cuối cùng là đạo giải thoát.

Như nói dựa vào Không vô biên xứ, dựa vào Thức vô biên xứ, Vô sở hữu xứ, cũng nên nói như vậy.

Những lúc như vậy, khởi lên chưa từng đạt được không phải là Tĩnh lự thứ nhất, Vô lậu trí hiện rõ ở trước mắt, mà tu Tịnh của Tĩnh lự thứ nhất và Vô lậu.

-oOo-

LUẬN A TỲ ĐẠT MA ĐẠI TỲ BÀ SA

QUYỂN 164

LUẬN VỀ DUYÊN (Phần 3)

4. Có lúc không tu Tịnh của Tĩnh lự thứ nhất cũng không phải là Vô lậu, đó là đã đạt được không phải là Tĩnh lự thứ nhất, Thế tục trí-Vô lậu trí hiện rõ ở trước mắt; hoặc là chưa đạt được không phải là Tĩnh lự thứ nhất, Thế tục trí-Vô lậu trí lúc ấy hiện rõ ở trước mắt, mà không tu Tịnh của Tĩnh lự thứ nhất và Vô lậu; hoặc là tất cả tâm nhiễm ô-tâm vô ký hiện rõ ở trước mắt; hoặc là trú trong Định Vô tưởng-Định Diệt tận, sinh ở cõi trời Vô tưởng.

Đã đạt được không phải là Tĩnh lự thứ nhất, Thế tục trí hiện rõ ở trước mắt: Trong này, địa khác dùng tên gọi của Trí mà nói, tức là từ cõi Dục-Định Vị chí trừ ra Tĩnh lự thứ nhất, cho đến Phi tưởng phi phi tưởng xứ. Đó là lúc công đức thế tục đã từng đạt được của các địa này hiện rõ ở trước mắt, thế lực ấy hãy còn không sánh bằng từ sát-na thứ hai, huống là có thể tu công đức vị lai nào khác? Lại không phải là Tĩnh lự thứ nhất, cho nên đối với Tịnh-Vô lậu của Tĩnh lự thứ nhất đều không có nghĩa của tu.

Đã đạt được không phải là Tĩnh lự thứ nhất, Vô lậu trí hiện rõ ở trước mắt: Trong này, địa khác cũng dùng tên gọi của Trí mà nói, tức là từ Định Vị chí trừ ra Tĩnh lự thứ nhất, cho đến Vô sở hữu xứ. Đó là lúc công đức vô lậu đã từng đạt được của các địa này hiện rõ ở trước mắt, thế lực ấy hãy còn không sánh bằng từ sát-na thứ hai, huống là có thể tu công đức vị lai nào khác? Lại không phải là Tĩnh lự thứ nhất, cho nên đối với Tịnh-Vô lậu của Tĩnh lự thứ nhất đều không có nghĩa của tu.

Hoặc là chưa đạt được không phải là Tĩnh lự thứ nhất, Thế tục trí hiện rõ ở trước mắt, mà không tu Tịnh của Tĩnh lự thứ nhất và Vô lậu: Trong này, địa khác cũng dùng tên gọi của Trí mà nói, tức là từ cõi Dục- Định Vị chí trừ ra Tĩnh lự thứ nhất, cho đến Phi tưởng phi phi tưởng xứ.

Đó là lúc dị sinh khởi lên quán Bất tịnh, Trì tức niệm, Niệm trú, ba Nghĩa quán, và những Tuệ do Văn-Tư mà thành của cõi Dục chưa từng đạt được, hiện rõ ở trước mắt. Dị sinh lìa nhiễm của cõi Dục, lúc ấy là các đạo

gia hạnh, chín đạo vô gián, tám đạo giải thoát.

Ngay lúc dị sinh chưa lìa nhiễm cõi Dục, dựa vào Định Vị chí khởi lên ba Vô lượng, hai Giải thoát đầu, bốn Thắng xứ trước, quán Bất tịnh, Trì tức niệm, Niệm trú, ba Nghĩa quán, Noãn-Đảnh-Nhẫn-Thế đệ nhất pháp.

Lúc đã lìa nhiễm cõi Dục, dựa vào Định Vị chí khởi lên Noãn- Đảnh-Nhẫn-Thế đệ nhất pháp.

Dựa vào Tĩnh lự trung gian, lúc khởi lên Noãn-Đảnh-Nhẫn-Thế đệ nhất pháp.

Ngay lúc dị sinh dựa vào Cận phần Tĩnh lự thứ hai, làm gia hạnh lìa nhiễm của Tĩnh lự thứ nhất, lúc ấy là đạo gia hạnh, chín đạo vô gián, chín đạo giải thoát.

Ngay lúc dị sinh dựa vào Tĩnh lự thứ hai, dẫn dắt phát khởi năm thần thông, các đạo gia hạnh, năm đạo vô gián, ba đạo giải thoát; khởi lên bốn Vô lượng, hai Giải thoát đầu, bốn Thắng xứ trước, quán Bất tịnh, Niệm trú, ba Nghĩa quán, Noãn-Đảnh-Nhẫn-Thế đệ nhất pháp. Có người nói: Lúc ấy cũng khởi lên Trì tức niệm.

Ngay lúc dị sinh lìa nhiễm của Tĩnh lự thứ hai, lúc ấy tất cả là đạo gia hạnh-vô gián-giải thoát.

Ngay lúc dị sinh dựa vào Tĩnh lự thứ ba, dẫn dắt phát khởi năm thần thông, các đạo gia hạnh, năm đạo vô gián, ba đạo giải thoát; khởi lên ba Vô lượng, quán Bất tịnh, Niệm trú, ba Nghĩa quán, Noãn-Đảnh- Nhẫn-Thế đệ nhất pháp. Có người nói: Lúc ấy cũng khởi lên Trì tức niệm.

Ngay lúc dị sinh lìa nhiễm của Tĩnh lự thứ ba, lúc ấy tất cả là đạo gia hạnh-vô gián-giải thoát.

Ngay lúc dị sinh dựa vào Tĩnh lự thứ tư, dẫn dắt phát khởi năm thần thông, các đạo gia hạnh, năm đạo vô gián, ba đạo giải thoát; khởi lên ba Vô lượng, Tịnh giải thoát, bốn Thắng xứ sau, tám Biến xứ trước, quán Bất tịnh, Niệm trú, ba Nghĩa quán, Noãn-Đảnh-Nhẫn-Thế đệ nhất pháp.

Ngay lúc dị sinh lìa nhiễm của Tĩnh lự thứ tư, lúc ấy tất cả là đạo gia hạnh-vô gián-giải thoát.

Ngay lúc dị sinh khởi lên Giải thoát-Biến xứ và Niệm trú của Không vô biên xứ.

Ngay lúc dị sinh lìa nhiễm của Không vô biên xứ, Thức vô biên xứ, Vô sở hữu xứ, lúc ấy tất cả là đạo gia hạnh-vô gián-giải thoát.

Ngay lúc dị sinh khởi lên Giải thoát-Niệm trú của Thức vô biên xứ, Vô sở hữu xứ, Phi tưởng phi phi tưởng xứ, và Biến xứ của Thức vô biên

xứ.

Nếu các Thánh giả khởi lên quán Bất tịnh, Trì tức niệm, Niệm trú, ba Nghĩa quán, và những Tuệ do Văn-Tư mà thành của cõi Dục chưa từng đạt được, hiện rõ ở trước mắt.

Ngay lúc Thánh giả dùng đạo thế tục lìa nhiễm của cõi Dục, nếu thế tục làm gia hạnh, thì lúc ấy là các đạo gia hạnh, chín đạo vô gián, tám đạo giải thoát; dùng đạo vô lậu lìa nhiễm của cõi Dục, nếu thế tục làm gia hạnh, thì lúc ấy là đạo gia hạnh.

Chưa lìa nhiễm cõi Dục, Tín thắng giải luyện căn làm Kiến chí, nếu thế tục làm gia hạnh, thì lúc ấy là đạo gia hạnh.

Ngay lúc Thánh giả chưa lìa nhiễm cõi Dục, dựa vào Định Vị chí khởi lên ba Vô lượng, hai Giải thoát đầu, bốn Thắng xứ trước, quán Bất tịnh, Trì tức niệm, Niệm trú thế tục, ba Nghĩa quán, bảy Xứ thiện; lúc khởi tâm Vi Vi tiến vào Định Diệt tận.

Những lúc như vậy, khởi lên chưa từng đạt được không phải là Tĩnh lự thứ nhất, Thế tục trí hiện rõ ở trước mắt, mà không tu Tịnh của Tĩnh lự thứ nhất và Vô lậu.

Hoặc là chưa đạt được không phải là Tĩnh lự thứ nhất, Vô lậu trí hiện rõ ở trước mắt, mà không tu Tịnh của Tĩnh lự thứ nhất và Vô lậu: Trong này, địa khác cũng dùng tên gọi của Trí mà nói, đó là chưa lìa nhiễm cõi Dục tiến vào Chánh tánh ly sinh, Hiện quán về bốn Đế đều trong bốn tâm.

Đã lìa nhiễm cõi Dục, dựa vào Định Vị chí tiến vào Chánh tánh ly sinh, Hiện quán về Khổ-Tập-Diệt đều trong bốn tâm, Hiện quán về Đạo trong ba tâm. Dùng đạo vô lậu lìa nhiễm của cõi Dục, nếu vô lậu làm gia hạnh, thì lúc ấy tất cả là đạo gia hạnh-vô gián-giải thoát.

Chưa lìa nhiễm cõi Dục, Tín thắng giải luyện căn làm Kiến chí, nếu vô lậu làm gia hạnh, thì lúc ấy là đạo gia hạnh-vô gián-giải thoát. Lúc chưa lìa nhiễm cõi Dục, khởi lên Niệm trú vô lậu.

Những lúc như vậy, khởi lên chưa từng đạt được không phải là Tĩnh lự thứ nhất, Vô lậu trí hiện rõ ở trước mắt, mà không tu Tịnh của Tĩnh lự thứ nhất và Vô lậu.

Hoặc là tất cả tâm nhiễm ô hiện rõ ở trước mắt, đó là tâm tương ưng với phiền não-tùy phiền não của ba cõi. Bởi vì Thể tánh ấy thuận phần lui sụt, tương ưng với nặng nề giải đãi; phải là Thể tánh thuận phần thắng tiến, tương ưng với nhẹ nhàng tinh tiến thì mới có thể tu được.

Tất cả tâm vô ký hiện rõ ở trước mắt, đó là tâm vô phú vô ký của ba

cõi. Bởi vì tánh của tâm ấy không cứng rắn-không tồn tại-không chân thật, yếu kém như hạt giống hư hoại; phải là tánh cứng rắn-tồn tại-chân thật, mạnh mẽ thì mới có thể tu được.

Hoặc là trú trong Định Vô tưởng-Định Diệt tận, bởi vì hai Định ấy không có tâm, cần phải dựa vào có tâm thì mới có thể tu được.

Sinh ở cõi trời Vô tưởng, có người nói: Ở cõi trời ấy không còn Chúng đồng phần thì tâm thiện không khởi lên. Có người nói: Ở cõi trời ấy, tâm thiện tuy khởi lên mà không phải là sở y của tu, cho nên không có nghĩa của tu.

Trong này chỉ nói đến người sinh vào địa của Tu mà không Tu, nhưng sinh vào nơi khác cũng có lúc không Tu, bởi vì dễ dàng biết được cho nên không nói.

Như nói về Tĩnh lự thứ nhất, Tĩnh lự thứ hai-thứ ba nói cũng như vậy. Bởi vì các địa này vào lúc lìa nhiễm của địa dưới, cuối cùng là đạo giải thoát, đều có lúc tiến vào địa Căn bản, có lúc không tiến vào.

Hỏi: Nếu tu Tịnh của Tĩnh lự thứ tư, thì lúc ấy cũng tu Vô lậu chăng? Giả sử tu Vô lậu của Tĩnh lự thứ tư, thì lúc ấy cũng tu Tịnh chăng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu phân biệt:

1. Có lúc tu Tịnh của Tĩnh lự thứ tư mà không phải là Vô lậu: Đó là đã đạt được Tịnh của Tĩnh lự thứ tư hiện rõ ở trước mắt; hoặc là chưa đạt được Tịnh của Tĩnh lự thứ tư hiện rõ ở trước mắt, mà không tu Vô lậu.

Đã đạt được Tịnh của Tĩnh lự thứ tư hiện rõ ở trước mắt: Đó là dị sinh và Thánh giả, hoặc là Học cho đến hoặc là Như Lai, bởi vì trú trong pháp lạc hiện tại…, lúc khởi lên Tĩnh lự thứ tư thuộc thế tục đã từng đạt được hiện rõ ở trước mắt, thế lực ấy hãy còn không sánh bằng từ sát-na thứ hai, huống là có thể tu công đức vị lai nào khác? Nhưng bởi vì phần vị hiện rõ trước mắt tức là tu luyện tập, cho nên được gọi là tu Tịnh của Tĩnh lự thứ tư.

Hoặc là chưa đạt được Tịnh của Tĩnh lự thứ tư hiện rõ ở trước mắt, mà không tu Vô lậu: Đó là lúc dị sinh lìa nhiễm của Tĩnh lự thứ ba, cuối cùng là đạo giải thoát, và vì lìa nhiễm của Tĩnh lự thứ tư, nếu Tĩnh lự thứ tư làm gia hạnh, thì lúc ấy là đạo gia hạnh.

Ngay lúc dị sinh dựa vào Tĩnh lự thứ tư, dẫn dắt phát khởi năm thần thông, các đạo gia hạnh, năm đạo vô gián, ba đạo giải thoát; lúc khởi lên ba Vô lượng, Tịnh giải thoát, bốn Thắng xứ sau, tám Biến xứ trước, quán Bất tịnh, Niệm trú, ba Nghĩa quán, Noãn-Đảnh-Nhẫn-Thế đệ nhất pháp.

Những lúc như vậy, khởi lên chưa từng đạt được Tịnh của Tĩnh lự thứ tư hiện rõ ở trước mắt, mà không tu Vô lậu.

2. Có lúc tu Vô lậu của Tĩnh lự thứ tư mà không phải là Tịnh: Đó là đã đạt được Vô lậu của Tĩnh lự thứ tư hiện rõ ở trước mắt; hoặc là chưa đạt được Vô lậu của Tĩnh lự thứ tư hiện rõ ở trước mắt, mà không tu Tịnh; hoặc là chưa đạt được không phải là Tĩnh lự thứ tư thuộc Thế tục trí, và chưa đạt được không phải là Tĩnh lự thứ tư thuộc Vô lậu trí, lúc ấy hiện rõ ở trước mắt, mà tu Vô lậu của Tĩnh lự thứ tư chứ không phải là Tịnh.

Đã đạt được Vô lậu của Tĩnh lự thứ tư hiện rõ ở trước mắt: Đó là các Thánh giả, hoặc là Học cho đến hoặc là Như Lai, bởi vì trú trong pháp lạc hiện tại…, lúc khởi lên Vô lậu của Tĩnh lự thứ tư đã từng đạt được hiện rõ ở trước mắt, thế lực ấy hãy còn không sánh bằng từ sát-na thứ hai, huống là có thể tu công đức vị lai nào khác? Nhưng bởi vì phần vị hiện rõ trước mắt tức là tu luyện tập, cho nên được gọi là tu Vô lậu của Tĩnh lự thứ tư.

Hoặc là chưa đạt được Vô lậu của Tĩnh lự thứ tư hiện rõ ở trước mắt, mà không tu Tịnh: Đó là dựa vào Tĩnh lự thứ tư mà tiến vào Chánh tánh ly sinh, Hiện quán về Khổ-Tập-Diệt đều trong ba tâm, Hiện quán về Đạo trong bốn tâm.

Thánh giả dựa vào Tĩnh lự thứ tư, lìa nhiễm của Tĩnh lự thứ tư cho đến Vô sở hữu xứ, lúc ấy là tất cả đạo vô gián-giải thoát. Lúc lìa nhiễm của Phi tưởng phi phi tưởng xứ, là chín đạo vô gián-tám đạo giải thoát. Dựa vào Tĩnh lự thứ tư, Tín thắng giải luyện căn làm Kiến chí,

lúc ấy là đạo vô gián-đạo giải thoát. A-la-hán Thời giải thoát luyện căn làm Bất động, lúc ấy là chín đạo vô gián-tám đạo giải thoát.

Những lúc như vậy, khởi lên chưa từng đạt được Vô lậu của Tĩnh lự thứ tư hiện rõ ở trước mắt, mà không tu Tịnh.

Hoặc là chưa đạt được không phải là Tĩnh lự thứ tư thuộc Thế tục trí hiện rõ ở trước mắt, mà tu Vô lậu của Tĩnh lự thứ tư chứ không phải là Tịnh: Trong này, địa khác dùng tên gọi của Trí mà nói, tức là từ Định Vị chí trừ ra Tĩnh lự thứ tư, cho đến Phi tưởng phi phi tưởng xứ.

Đó là lúc Thánh giả dựa vào Tĩnh lự thứ hai để lìa nhiễm của Tĩnh lự thứ tư, cho đến Phi tưởng phi phi tưởng xứ, nếu thế tục làm gia hạnh, thì lúc ấy là đạo gia hạnh.

Dựa vào Định Vị chí, đã lìa nhiễm của Tĩnh lự thứ ba, Tín thắng giải luyện căn làm Kiến chí, Thời giải thoát luyện căn làm Bất động, nếu thế tục làm gia hạnh, thì lúc ấy là đạo gia hạnh.

Đã lìa nhiễm của Tĩnh lự thứ ba, Thánh giả dựa vào Định Vị chí, lúc

khởi lên ba Vô lượng, hai Giải thoát đầu, bốn Thắng xứ trước, quán Bất tịnh, Trì tức niệm, Niệm trú thế tục, ba Nghĩa quán, bảy Xứ thiện; lúc khởi lên Vô ngại giải, và lúc tăng trưởng Vô ngại giải thế tục; lúc khởi lên Không Không- Vô nguyện Vô nguyện-Vô tướng Vô tướng, và lúc tăng trưởng.

Ngay lúc Thánh giả dựa vào Tĩnh lự thứ nhất để lìa nhiễm của Tĩnh lự thứ tư, cho đến Phi tưởng phi phi tưởng xứ, nếu thế tục làm gia hạnh, thì lúc ấy là đạo gia hạnh.

Dựa vào Tĩnh lự thứ nhất đã lìa nhiễm của Tĩnh lự thứ ba, Tín thắng giải luyện căn làm Kiến chí, Thời giải thoát luyện căn làm Bất động, nếu thế tục làm gia hạnh, thì lúc ấy là đạo gia hạnh.

Lúc tâm tu xen tạp Tĩnh lự thứ nhất-Tĩnh lự trung gian, đã lìa nhiễm của Tĩnh lự thứ ba, Thánh giả dựa vào Tĩnh lự thứ nhất dẫn dắt phát khởi năm thần thông, các đạo gia hạnh, năm đạo vô gián, hai đạo giải thoát, và lúc Tha tâm trí thông thế tục, lúc ấy là đạo giải thoát.

Ngay lúc ấy dựa vào Tĩnh lự thứ nhất, khởi lên bốn Vô lượng, hai Giải thoát đầu, bốn Thắng xứ trước, quán Bất tịnh, Niệm trú thế tục, ba Nghĩa quán, bảy Xứ thiện. Có người nói: Cũng khởi lên Trì tức niệm.

Lúc khởi lên Vô ngại giải, và lúc tăng trưởng Vô ngại giải thế tục; lúc khởi lên Không Không- Vô nguyện Vô nguyện-Vô tướng Vô tướng, và lúc tăng trưởng.

Ngay lúc Thánh giả dựa vào Tĩnh lự trung gian để lìa nhiễm của Tĩnh lự thứ tư cho đến Phi tưởng phi phi tưởng xứ, nếu thế tục làm gia hạnh, thì lúc ấy là đạo gia hạnh.

Dựa vào Tĩnh lự trung gian đã lìa nhiễm của Tĩnh lự thứ ba, Tín thắng giải luyện căn làm Kiến chí, Thời giải thoát luyện căn làm Bất động, nếu thế tục làm gia hạnh, thì lúc ấy là đạo gia hạnh.

Đã lìa nhiễm của Tĩnh lự thứ ba, Thánh giả dựa vào Tĩnh lự trung gian, lúc khởi lên ba Vô lượng, hai Giải thoát đầu, bốn Thắng xứ trước, quán Bất tịnh, Trì tức niệm, Niệm trú thế tục, ba Nghĩa quán, bảy Xứ thiện; lúc khởi lên Vô ngại giải, và lúc tăng trưởng Vô ngại giải thế tục; lúc khởi lên Không Không- Vô nguyện Vô nguyện-Vô tướng Vô tướng, và lúc tăng trưởng.

Như nói dựa vào Tĩnh lự thứ nhất, như vậy dựa vào Tĩnh lự thứ hai, tĩnh lự thứ ba nói cũng như vậy. Sai biệt là dựa vào Tĩnh lự thứ ba trừ ra Hỷ vô lượng, hai Giải thoát đầu, bốn Thắng xứ trước, còn lại đều nói như trước.

Ngay lúc Thánh giả dùng đạo thế tục để lìa nhiễm của Tĩnh lự thứ tư,

nếu ngay lúc ấy dùng Cận phần Không vô biên xứ làm gia hạnh, thì tất cả là đạo gia hạnh-vô gián-giải thoát.

Ngay lúc ấy dùng đạo thế tục lìa nhiễm của Không vô biên xứ, Thức vô biên xứ, Vô sở hữu xứ, nếu thế tục làm gia hạnh, thì lúc ấy tất cả là đạo gia hạnh-vô gián-giải thoát.

Ngay lúc ấy dựa vào Định Vô sắc, dùng đạo vô lậu lìa nhiễm của bốn Vô sắc, nếu thế tục làm gia hạnh, thì lúc ấy là đạo gia hạnh.

Dựa vào Định Vô sắc, A-la-hán Thời giải thoát luyện căn làm Bất động, nếu thế tục làm gia hạnh, thì lúc ấy là đạo gia hạnh.

Ngay lúc ấy Thánh giả khởi lên Vô sắc, Giải thoát thế tục và hai Biến xứ sau; ngay lúc ấy dựa vào Định Vô sắc, khởi lên Niệm trú thế tục, hai Vô ngại giải, và lúc tăng trưởng hai Vô ngại giải thế tục; lúc khởi lên Không Không- Vô nguyện Vô nguyện-Vô tướng Vô tướng, và lúc tăng trưởng; lúc khởi tâm tiến vào Định Diệt tận-Tưởng vi tế.

Những lúc như vậy, khởi lên chưa từng đạt được không phải là Tĩnh lự thứ tư, Thế tục trí hiện rõ ở trước mắt, mà tu Vô lậu của Tĩnh lự thứ tư chứ không phải là Tịnh.

Và chưa đạt được không phải là Tĩnh lự thứ tư, Vô lậu trí hiện rõ ở trước mắt, mà tu Vô lậu của Tĩnh lự thứ tư chứ không phải là Tịnh: Trong này, địa khác dùng tên gọi của Trí mà nói, tức là từ Định Vị chí trừ ra Tĩnh lự thứ tư, cho đến Vô sở hữu xứ.

Đó là dựa vào Định Vị chí lìa nhiễm của Tĩnh lự thứ tư, cho đến Vô sở hữu xứ, nếu vô lậu làm gia hạnh, thì lúc ấy là tất cả đạo gia hạnh-vô gián-giải thoát. Lìa nhiễm của Phi tưởng phi phi tưởng xứ, nếu vô lậu làm gia hạnh, thì lúc ấy là đạo gia hạnh, chín đạo vô gián, tám đạo giải thoát.

Dựa vào Định Vị chí đã lìa nhiễm của Tĩnh lự thứ ba, Tín thắng giải luyện căn làm Kiến chí, nếu vô lậu làm gia hạnh, thì lúc ấy là đạo gia hạnh-vô gián-giải thoát. A-la-hán Thời giải thoát luyện căn làm Bất động, nếu vô lậu làm gia hạnh, thì lúc ấy là đạo gia hạnh, chín đạo vô gián, tám đạo giải thoát.

Ngay lúc Thánh giả đã lìa nhiễm của Tĩnh lự thứ ba, dựa vào Định Vị chí khởi lên Niệm trú vô lậu, tăng trưởng Vô ngại giải vô lậu.

Ngay lúc Thánh giả dựa vào Tĩnh lự thứ nhất lìa nhiễm của Tĩnh lự thứ tư, cho đến Vô sở hữu xứ, nếu vô lậu làm gia hạnh, thì lúc ấy là tất cả đạo gia hạnh-vô gián-giải thoát. Lìa nhiễm của Phi tưởng phi phi tưởng xứ, nếu vô lậu làm gia hạnh, thì lúc ấy là đạo gia hạnh, chín đạo vô gián, tám đạo giải thoát.

Dựa vào Tĩnh lự thứ nhất đã lìa nhiễm của Tĩnh lự thứ ba, Tín thắng giải luyện căn làm Kiến chí, nếu vô lậu làm gia hạnh, thì lúc ấy là đạo gia hạnh-vô gián-giải thoát. A-la-hán Thời giải thoát luyện căn làm Bất động, nếu vô lậu làm gia hạnh, thì lúc ấy là đạo gia hạnh, chín đạo vô gián, tám đạo giải thoát.

Lúc tâm đầu và sau tu xen tạp Tĩnh lự thứ nhất; ngay lúc Thánh giả đã lìa nhiễm của Tĩnh lự thứ ba, dựa vào Tĩnh lự thứ nhất khởi lên Tha tâm trí thông vô lậu, Niệm trú vô lậu, và lúc tăng trưởng Vô ngại giải vô lậu.

Tĩnh lự Trung gian nói như Định Vị chí, Tĩnh lự thứ hai-thứ ba nói như Tĩnh lự thứ nhất.

Ngay lúc Thánh giả dựa vào Không vô biên xứ, lìa nhiễm của Không vô biên xứ cho đến Vô sở hữu xứ, nếu vô lậu làm gia hạnh, thì lúc ấy tất cả là đạo gia hạnh-vô gián-giải thoát. Lìa nhiễm của Phi tưởng phi phi tưởng xứ, nếu vô lậu làm gia hạnh, thì lúc ấy là đạo gia hạnh, chín đạo vô gián, tám đạo giải thoát.

Dựa vào Không vô biên xứ, A-la-hán Thời giải thoát luyện căn làm Bất động, nếu vô lậu làm gia hạnh, thì lúc ấy là đạo gia hạnh, chín đạo vô gián, tám đạo giải thoát.

Lúc khởi lên Giải thoát vô lậu của Không vô biên xứ; lúc dựa vào Không vô biên xứ, khởi lên Niệm trú vô lậu, và lúc tăng trưởng hai Vô ngại giải vô lậu.

Như nói dựa vào Không vô biên xứ, như vậy dựa vào Thức vô biên xứ, dựa vào Vô sở hữu xứ cũng như vậy, sai biệt là lìa nhiễm của địa trên.

Những lúc như vậy, khởi lên chưa từng đạt được không phải là Tĩnh lự thứ tư, Vô lậu trí hiện rõ ở trước mắt, mà tu Vô lậu của Tĩnh lự thứ tư chứ không phải là Tịnh.

3. Có lúc tu Tịnh của Tĩnh lự thứ tư cũng là Vô lậu, đó là chưa đạt được Tịnh của Tĩnh lự thứ tư hiện rõ ở trước mắt, mà tu Vô lậu; hoặc là chưa đạt được Vô lậu của Tĩnh lự thứ tư hiện rõ ở trước mắt mà tu Tịnh; hoặc là chưa đạt được không phải là Tĩnh lự thứ tư, Vô lậu trí hiện rõ ở trước mắt, mà tu Tịnh của Tĩnh lự thứ tư và Vô lậu.

Chưa đạt được Tịnh của Tĩnh lự thứ tư hiện rõ ở trước mắt mà tu Vô lậu: Đó là lúc Thánh giả dùng đạo thế tục lìa nhiễm của Tĩnh lự thứ ba, cuối cùng là đạo giải thoát.

Ngay lúc ấy dựa vào Tĩnh lự thứ tư để lìa nhiễm của Tĩnh lự thứ tư, cho đến Phi tưởng phi phi tưởng xứ, nếu thế tục làm gia hạnh, thì lúc ấy là đạo gia hạnh.

Dựa vào Tĩnh lự thứ tư, Tín thắng giải luyện căn làm Kiến chí, Thời giải thoát luyện căn làm Bất động, nếu thế tục làm gia hạnh, thì lúc ấy là đạo gia hạnh.

Lúc tâm tu xen tạp Tĩnh lự thứ tư-Tĩnh lự trung gian, ngay lúc Thánh giả dựa vào Tĩnh lự thứ tư dẫn dắt phát khởi năm thần thông, các đạo gia hạnh, năm đạo vô gián, hai đạo giải thoát, và Tha tâm trí thông thế tục, lúc ấy là đạo giải thoát.

Ngay lúc Thánh giả dựa vào Tĩnh lự thứ tư, khởi lên ba Vô lượng, Tịnh giải thoát, bốn Thắng xứ sau, tám Biến xứ trước, quán Bất tịnh, Niệm trú thế tục, ba Nghĩa quán, bảy Xứ thiện.

Dựa vào Tĩnh lự thứ tư, lúc khởi lên Vô ngại giải, và lúc tăng trưởng Vô ngại giải thế tục; lúc khởi lên Nguyện trí-Vô tranh-Định Biên tế, và lúc tăng trưởng; dựa vào Tĩnh lự thứ tư, lúc khởi lên Không Không-Vô nguyện Vô nguyện-Vô tướng Vô tướng, và lúc tăng trưởng.

Những lúc như vậy, khởi lên chưa từng đạt được Tịnh của Tĩnh lự thứ tư hiện rõ ở trước mắt mà tu Vô lậu.

Hoặc là chưa đạt được Vô lậu của Tĩnh lự thứ tư hiện rõ ở trước mắt mà tu Tịnh: Đó là dựa vào Tĩnh lự thứ tư tiến vào Chánh tánh ly sinh, Hiện quán về Khổ-Tập-Diệt đều trong một tâm.

Dựa vào Tĩnh lự thứ tư để lìa nhiễm của Tĩnh lự thứ tư, cho đến Phi tưởng phi phi tưởng xứ, nếu vô lậu làm gia hạnh, thì lúc ấy là đạo gia hạnh.

Dựa vào Tĩnh lự thứ tư đạt được quả A-la-hán, lúc ấy Tận trí bắt đầu khởi lên.

Dựa vào Tĩnh lự thứ tư, Tín thắng giải luyện căn làm Kiến chí, nếu vô lậu làm gia hạnh, thì lúc ấy là đạo gia hạnh. A-la-hán Thời giải thoát luyện căn làm Bất động, nếu vô lậu làm gia hạnh, thì lúc ấy là đạo gia hạnh và cuối cùng là đạo giải thoát.

Lúc tâm đầu và sau tu xen tạp Tĩnh lự thứ tư; lúc dựa vào Tĩnh lự thứ tư khởi lên Tha tâm trí thông vô lậu, Niệm trú vô lậu, và lúc tăng trưởng Vô ngại giải vô lậu.

Những lúc như vậy, khởi lên chưa từng đạt được Vô lậu của Tĩnh lự thứ tư hiện rõ ở trước mắt mà tu Tịnh.

Hoặc là chưa đạt được không phải là Tĩnh lự thứ tư, Vô lậu trí hiện rõ ở trước mắt, mà tu Tịnh của Tĩnh lự thứ tư và Vô lậu: Trong này, địa khác dùng tên gọi của Trí mà nói, tức là từ Định Vị chí trừ ra Tĩnh lự thứ tư, cho đến Vô sở hữu xứ.

Đó là dựa vào Định Vị chí cho đến Tĩnh lự thứ ba, lúc lìa nhiễm của Tĩnh lự thứ ba, cuối cùng là đạo giải thoát.

Ngay lúc dựa vào địa ấy đạt được quả A-la-hán, Tận trí bắt đầu khởi lên, và lúc dựa vào địa ấy A-la-hán Thời giải thoát luyện căn làm Bất động, thì cuối cùng là đạo giải thoát.

Dựa vào Định Vô sắc lúc đạt được quả A-la-hán, Tận trí bắt đầu khởi lên. Ngay lúc dựa vào địa ấy, A-la-hán Thời giải thoát luyện căn làm Bất động, thì cuối cùng là đạo giải thoát.

Những lúc như vậy, khởi lên chưa từng đạt được không phải là Tĩnh lự thứ tư, Vô lậu trí hiện rõ ở trước mắt, mà tu Tịnh của Tĩnh lự thứ tư và Vô lậu.

4. Có lúc không tu Tịnh của Tĩnh lự thứ tư cũng không phải là Vô lậu: Đó là đã đạt được không phải là Tĩnh lự thứ tư, Thế tục trí-Vô lậu trí hiện rõ ở trước mắt; hoặc là chưa đạt được không phải là Tĩnh lự thứ tư, Thế tục trí-Vô lậu trí lúc ấy hiện rõ ở trước mắt, mà không tu Tịnh của Tĩnh lự thứ tư và Vô lậu; hoặc là tất cả tâm nhiễm ô-tâm vô ký hiện rõ ở trước mắt; hoặc là trú trong Định Vô tưởng-Định Diệt tận, sinh ở cõi trời Vô tưởng.

Đã đạt được không phải là Tĩnh lự thứ tư, Thế tục trí hiện rõ ở trước mắt: Trong này, địa khác dùng tên gọi của Trí mà nói, tức là từ Định Vị chí trừ ra Tĩnh lự thứ tư, cho đến Phi tưởng phi phi tưởng xứ. Đó là lúc công đức thế tục đã từng đạt được của các địa này hiện rõ ở trước mắt, thế lực ấy hãy còn không sánh bằng từ sát-na thứ hai, huống là có thể tu công đức vị lai nào khác? Lại không phải là Tĩnh lự thứ tư, cho nên đối với Tịnh-Vô lậu của Tĩnh lự thứ tư đều không có nghĩa của tu.

Đã đạt được không phải là Tĩnh lự thứ tư, Vô lậu trí hiện rõ ở trước mắt: Trong này, địa khác cũng dùng tên gọi của Trí mà nói, tức là từ Định Vị chí trừ ra Tĩnh lự thứ tư, cho đến Vô sở hữu xứ. Đó là lúc công đức vô lậu đã từng đạt được của các địa này hiện rõ ở trước mắt, thế lực ấy hãy còn không sánh bằng từ sát-na thứ hai, huống là có thể tu công đức vị lai nào khác? Lại không phải là Tĩnh lự thứ tư, cho nên đối với Tịnh-Vô lậu của Tĩnh lự thứ tư đều không có nghĩa của tu.

Hoặc là chưa đạt được không phải là Tĩnh lự thứ tư, Thế tục trí hiện rõ ở trước mắt, mà không tu Tịnh của Tĩnh lự thứ tư và Vô lậu: Trong này, địa khác cũng dùng tên gọi của Trí mà nói, tức là từ cõi Dục trừ ra Tĩnh lự thứ tư, cho đến Phi tưởng phi phi tưởng xứ.

Đó là lúc dị sinh khởi lên quán Bất tịnh, Trì tức niệm, Niệm trú, ba

Nghĩa quán, và những Tuệ do Văn-Tư mà thành của cõi Dục chưa từng đạt được, hiện rõ ở trước mắt, thì lúc ấy dị sinh lìa nhiễm của cõi Dục, là tất cả đạo gia hạnh-vô gián-giải thoát.

Ngay lúc dị sinh dựa vào Định Vị chí khởi lên ba Vô lượng, hai Giải thoát đầu, bốn Thắng xứ trước, quán Bất tịnh, Trì tức niệm, Niệm trú, ba Nghĩa quán, Noãn-Đảnh-Nhẫn-Thế đệ nhất pháp.

Ngay lúc dị sinh dựa vào Tĩnh lự thứ nhất để lìa nhiễm của Tĩnh lự thứ nhất, lúc ấy khởi lên đạo gia hạnh.

Dựa vào Tĩnh lự thứ nhất, dẫn dắt phát khởi năm thần thông, các đạo gia hạnh, năm đạo vô gián, ba đạo giải thoát; khởi lên bốn Vô lượng, hai Giải thoát đầu, bốn Thắng xứ trước, quán Bất tịnh, Niệm trú, ba Nghĩa quán, Noãn-Đảnh-Nhẫn-Thế đệ nhất pháp. Có người nói: Lúc ấy cũng khởi lên Trì tức niệm.

Ngay lúc dị sinh dựa vào Tĩnh lự trung gian để lìa nhiễm của Tĩnh lự thứ nhất, lúc ấy khởi lên đạo gia hạnh.

Dựa vào Tĩnh lự trung gian, khởi lên ba Vô lượng, hai Giải thoát đầu, bốn Thắng xứ trước, quán Bất tịnh, Niệm trú, ba Nghĩa quán, Noãn-Đảnh-Nhẫn-Thế đệ nhất pháp.

Như nói dựa vào Tĩnh lự thứ nhất, như vậy dựa vào Tĩnh lự thứ hai, Tĩnh lự thứ ba nói cũng vậy. Sai biệt là lìa nhiễm của địa trên, và Tĩnh lự thứ ba trừ ra Giải thoát-Biến xứ-Hỷ vô lượng.

Ngay lúc dị sinh dựa vào Cận phần Tĩnh lự thứ tư, lìa nhiễm của Tĩnh lự thứ ba, lúc ấy là đạo gia hạnh, chín đạo vô gián, tám đạo giải thoát.

Ngay lúc dị sinh dựa vào Cận phần Không vô biên xứ, lìa nhiễm của Tĩnh lự thứ tư, lúc ấy là đạo gia hạnh, chín đạo vô gián, tám đạo giải thoát.

Ngay lúc dị sinh dựa vào Không vô biên xứ, khởi lên lìa nhiễm của địa dưới, là đạo giải thoát thứ chín, và lúc khởi lên để lìa nhiễm của địa mình, là đạo gia hạnh; lúc khởi lên Giải thoát-Biến xứ và Niệm trú của Không vô biên xứ.

Ngay lúc dị sinh dựa vào Cận phần Thức vô biên xứ, lìa nhiễm của Không vô biên xứ, lúc ấy là các đạo gia hạnh, chín đạo vô gián, tám đạo giải thoát.

Như dựa vào Không vô biên xứ, như vậy dựa vào Thức vô biên xứ, Vô sở hữu xứ cũng như vậy. Sai biệt là Vô sở hữu xứ trừ ra Biến xứ.

Ngay lúc dị sinh dựa vào Cận phần Phi tưởng phi phi tưởng xứ, lìa nhiễm của Vô sở hữu xứ, lúc ấy là các đạo gia hạnh, chín đạo vô gián, tám

đạo giải thoát.

Ngay lúc dị sinh dựa vào Phi tưởng phi phi tưởng xứ, khởi lên lìa nhiễm của địa dưới, là đạo giải thoát thứ chín, và lúc khởi lên Giải thoát-Niệm trú của Phi tưởng phi phi tưởng xứ.

Nếu Thánh giả thì khởi lên quán Bất tịnh, Trì tức niệm, Niệm trú, ba Nghĩa quán, và những Tuệ do Văn-Tư mà thành của cõi Dục chưa từng đạt được, hiện rõ ở trước mắt.

Ngay lúc ấy Thánh giả dùng đạo thế tục, lìa nhiễm của cõi Dục cho đến Tĩnh lự thứ hai, nếu thế tục làm gia hạnh, thì lúc ấy tất cả là đạo gia hạnh-vô gián-giải thoát. Dùng đạo vô lậu lìa nhiễm của cõi Dục cho đến Tĩnh lự thứ hai, nếu thế tục làm gia hạnh, thì lúc ấy là đạo gia hạnh.

Ngay lúc ấy Thánh giả dùng đạo thế tục, lìa nhiễm của Tĩnh lự thứ ba, nếu thế tục làm gia hạnh, thì lúc ấy là đạo gia hạnh, chín đạo vô gián, tám đạo giải thoát. Dùng đạo vô lậu lìa nhiễm của Tĩnh lự thứ ba, nếu thế tục làm gia hạnh, thì lúc ấy là đạo gia hạnh.

Chưa lìa nhiễm của Tĩnh lự thứ ba, Tín thắng giải dựa vào Định Vị chí luyện căn làm Kiến chí, nếu thế tục làm gia hạnh, thì lúc ấy là đạo gia hạnh.

Ngay lúc ấy Thánh giả chưa lìa nhiễm của Tĩnh lự thứ ba, dựa vào Định Vị chí khởi lên ba Vô lượng, hai Giải thoát đầu, bốn Thắng xứ trước, quán Bất tịnh, Trì tức niệm, Niệm trú thế tục, ba Nghĩa quán, bảy Xứ thiện.

Chưa lìa nhiễm của Tĩnh lự thứ ba, Tín thắng giải dựa vào Tĩnh lự thứ nhất luyện căn làm Kiến chí, nếu thế tục làm gia hạnh, thì lúc ấy là đạo gia hạnh.

Ngay lúc ấy Thánh giả chưa lìa nhiễm của Tĩnh lự thứ ba, dựa vào Tĩnh lự thứ nhất dẫn dắt phát khởi năm thần thông, các đạo gia hạnh, năm đạo vô gián, hai đạo giải thoát, và Tha tâm trí thông thế tục, lúc ấy là đạo giải thoát.

Ngay lúc ấy dựa vào Tĩnh lự thứ nhất, khởi lên bốn Vô lượng, hai Giải thoát đầu, bốn Thắng xứ trước, quán Bất tịnh, Niệm trú thế tục, ba

Nghĩa quán, bảy Xứ thiện. Có người nói: Lúc ấy cũng khởi lên Trì tức niệm.

Chưa lìa nhiễm của Tĩnh lự thứ ba, Tín thắng giải dựa vào Tĩnh lự trung gian luyện căn làm Kiến chí, nếu thế tục làm gia hạnh, thì lúc ấy là đạo gia hạnh.

Ngay lúc ấy Thánh giả chưa lìa nhiễm của Tĩnh lự thứ ba, dựa vào

Tĩnh lự trung gian, khởi lên ba Vô lượng, hai Giải thoát đầu, bốn Thắng xứ trước, quán Bất tịnh, Trì tức niệm, Niệm trú thế tục, ba Nghĩa quán, bảy Xứ thiện.

Chưa lìa nhiễm của Tĩnh lự thứ ba, Tín thắng giải dựa vào Tĩnh lự thứ hai luyện căn làm Kiến chí, nếu thế tục làm gia hạnh, thì lúc ấy là đạo gia hạnh.

Ngay lúc ấy Thánh giả chưa lìa nhiễm của Tĩnh lự thứ ba, dựa vào Tĩnh lự thứ hai dẫn dắt phát khởi năm thần thông, các đạo gia hạnh, năm đạo vô gián, hai đạo giải thoát, và Tha tâm trí thông thế tục, lúc ấy là đạo giải thoát.

Ngay lúc ấy dựa vào Tĩnh lự thứ hai, khởi lên bốn Vô lượng, hai Giải thoát đầu, bốn Thắng xứ trước, quán Bất tịnh, Niệm trú thế tục, ba Nghĩa quán, bảy Xứ thiện. Có người nói: Lúc ấy cũng khởi lên Trì tức niệm.

Chưa lìa nhiễm của Tĩnh lự thứ ba, Tín thắng giải dựa vào Tĩnh lự thứ ba luyện căn làm Kiến chí, nếu thế tục làm gia hạnh, thì lúc ấy là đạo gia hạnh.

Ngay lúc ấy Thánh giả chưa lìa nhiễm của Tĩnh lự thứ ba, dựa vào Tĩnh lự thứ ba dẫn dắt phát khởi năm thần thông, các đạo gia hạnh, năm đạo vô gián, hai đạo giải thoát, và Tha tâm trí thông thế tục, lúc ấy là đạo giải thoát.

Ngay lúc ấy dựa vào Tĩnh lự thứ ba, khởi lên ba Vô lượng, quán Bất tịnh, Niệm trú thế tục, ba Nghĩa quán, bảy Xứ thiện. Có người nói: Lúc ấy cũng khởi lên Trì tức niệm.

Lúc khởi tâm Vi Vi tiến vào Định Diệt tận.

Những lúc như vậy, khởi lên chưa từng đạt được không phải là Tĩnh lự thứ tư, Thế tục trí hiện rõ ở trước mắt, mà không tu Tịnh của Tĩnh lự thứ tư và Vô lậu.

Và chưa đạt được không phải là Tĩnh lự thứ tư, Vô lậu trí hiện rõ ở trước mắt, mà không tu Tịnh của Tĩnh lự thứ tư và Vô lậu: Trong này, địa khác cũng dùng tên gọi của Trí mà nói, tức là từ Định Vị chí cho đến Tĩnh lự thứ ba.

Đó là dựa vào Định Vị chí cho đến Tĩnh lự thứ ba, tiến vào Chánh tánh ly sinh, Hiện quán về bốn Đế đều trong bốn tâm. Dùng đạo vô lậu lìa nhiễm của cõi Dục, nếu vô lậu làm gia hạnh, thì lúc ấy tất cả là đạo gia hạnh-vô gián-giải thoát. Dùng đạo thế tục lìa nhiễm của cõi Dục, nếu vô lậu làm gia hạnh, thì lúc ấy là đạo gia hạnh.

Dựa vào Định Vị chí lìa nhiễm của hai Tĩnh lự đầu, nếu vô lậu làm gia hạnh, thì lúc ấy tất cả là đạo gia hạnh-vô gián-giải thoát. Lìa nhiễm của Tĩnh lự thứ ba, nếu vô lậu làm gia hạnh, thì lúc ấy là đạo gia hạnh, chín đạo vô gián, tám đạo giải thoát.

Chưa lìa nhiễm của Tĩnh lự thứ ba, Tín thắng giải dựa vào Định Vị chí luyện căn làm Kiến chí, nếu vô lậu làm gia hạnh, thì lúc ấy tất cả là đạo gia hạnh-vô gián-giải thoát.

Ngay lúc ấy Thánh giả chưa lìa nhiễm của Tĩnh lự thứ ba, dựa vào Định Vị chí khởi lên Niệm trú vô lậu.

Dựa vào Tĩnh lự thứ nhất lìa nhiễm của Tĩnh lự thứ hai, nếu vô lậu làm gia hạnh, thì lúc ấy tất cả là đạo gia hạnh-vô gián-giải thoát. Lìa nhiễm của Tĩnh lự thứ ba, nếu vô lậu làm gia hạnh, thì lúc ấy là đạo gia hạnh, chín đạo vô gián, tám đạo giải thoát.

Chưa lìa nhiễm của Tĩnh lự thứ ba, Tín thắng giải dựa vào Tĩnh lự thứ nhất luyện căn làm Kiến chí, nếu vô lậu làm gia hạnh, thì lúc ấy tất cả là đạo gia hạnh-vô gián-giải thoát.

Ngay lúc ấy Thánh giả chưa lìa nhiễm của Tĩnh lự thứ ba, dựa vào Tĩnh lự thứ nhất khởi lên Tha tâm trí thông vô lậu và Niệm trú vô lậu.

Dựa vào Tĩnh lự trung gian lìa nhiễm của hai Tĩnh lự đầu, nếu vô lậu làm gia hạnh, thì lúc ấy tất cả là đạo gia hạnh-vô gián-giải thoát. Lìa nhiễm của Tĩnh lự thứ ba, nếu vô lậu làm gia hạnh, thì lúc ấy là đạo gia hạnh, chín đạo vô gián, tám đạo giải thoát.

Chưa lìa nhiễm của Tĩnh lự thứ ba, Tín thắng giải dựa vào Tĩnh lự trung gian luyện căn làm Kiến chí, nếu vô lậu làm gia hạnh, thì lúc ấy tất cả là đạo gia hạnh-vô gián-giải thoát.

Ngay lúc ấy Thánh giả chưa lìa nhiễm của Tĩnh lự thứ ba, dựa vào Tĩnh lự trung gian khởi lên Niệm trú vô lậu.

Dựa vào Tĩnh lự thứ hai lìa nhiễm của Tĩnh lự thứ hai, nếu vô lậu làm gia hạnh, thì lúc ấy tất cả là đạo gia hạnh-vô gián-giải thoát. Lìa nhiễm của Tĩnh lự thứ ba, nếu vô lậu làm gia hạnh, thì lúc ấy là đạo gia hạnh, chín đạo vô gián, tám đạo giải thoát.

Chưa lìa nhiễm của Tĩnh lự thứ ba, Tín thắng giải dựa vào Tĩnh lự thứ hai luyện căn làm Kiến chí, nếu vô lậu làm gia hạnh, thì lúc ấy tất cả là đạo gia hạnh-vô gián-giải thoát.

Ngay lúc ấy Thánh giả chưa lìa nhiễm của Tĩnh lự thứ ba, dựa vào Tĩnh lự thứ hai khởi lên Tha tâm trí thông vô lậu và Niệm trú vô lậu.

Dựa vào Tĩnh lự thứ ba lìa nhiễm của Tĩnh lự thứ ba, nếu vô lậu làm gia hạnh, thì lúc ấy là đạo gia hạnh, chín đạo vô gián, tám đạo giải thoát.

Chưa lìa nhiễm của Tĩnh lự thứ ba, Tín thắng giải dựa vào Tĩnh lự thứ ba luyện căn làm Kiến chí, nếu vô lậu làm gia hạnh, thì lúc ấy tất cả là đạo gia hạnh-vô gián-giải thoát.

Ngay lúc ấy Thánh giả chưa lìa nhiễm của Tĩnh lự thứ ba, dựa vào Tĩnh lự thứ ba khởi lên Tha tâm trí thông vô lậu và Niệm trú vô lậu.

Những lúc như vậy, khởi lên chưa từng đạt được không phải là Tĩnh lự thứ tư, Vô lậu trí hiện rõ ở trước mắt, mà không tu Tịnh của Tĩnh lự thứ tư và Vô lậu.

Hoặc là tất cả tâm nhiễm ô, cho đến sinh ở cõi trời Vô tưởng, nói như trong phần Tĩnh lự thứ nhất trước đây.

Như nói về Tĩnh lự thứ tư, cho đến Vô sở hữu xứ nói cũng như vậy, bởi vì các địa này vào lúc lìa nhiễm của địa dưới, cuối cùng là đạo giải thoát, đều chắc chắn tiến vào địa Căn bản.

Hỏi: Vì sao dựa vào địa Cận phần lìa nhiễm của cõi Dục cho đến Tĩnh lự thứ hai, cuối cùng là đạo giải thoát, hoặc là ngay nơi Cận phần, hoặc là tiến vào Căn bản? Lìa nhiễm của Tĩnh lự thứ ba, cho đến Vô sở hữu xứ, cuối cùng là đạo giải thoát quyết định tiến vào địa Căn bản?

Đáp: Bởi vì ba Cận phần dưới và địa Căn bản tiếp nhận có sai biệt, cho nên vào lúc cầu đạt được địa Căn bản, có lúc thì có thể tiến vào, có lúc thì không thể tiến vào; ba Cận phần trên cùng với địa Căn bản không có gì sai biệt, cho nên vào lúc cầu đạt được địa Căn bản, nhất định là có thể tiến vào.

Các Sư Du-già dựa vào địa Cận phần lìa nhiễm của địa dưới, nhất định đối với địa Căn bản của mình sinh tâm vui thích, lực của tâm có thể khởi lên thì nhất định lập tức khởi lên.

-oOo-

LUẬN A TỲ ĐẠT MA ĐẠI TỲ BÀ SA

QUYỂN 165

LUẬN VỀ DUYÊN (Phần 4)

Nếu lúc đầu (tối sơ) tiến vào Vô lậu của Tĩnh lự thứ nhất? Cho đến nói rộng ra.

Bắt đầu (sơ) có bốn loại:

1. Bắt đầu tiến vào Chánh tánh quyết định.
2. Bắt đầu đạt được quả.
3. Bắt đầu lìa nhiễm.
4. Bắt đầu chuyển căn.

Trong này dựa vào hai loại bắt đầu để soạn luận, đó là đạt được quả và chuyển căn.

Bắt đầu đạt được quả, đó là đạt được quả A-la-hán lúc bắt đầu Tận trí.

Bắt đầu chuyển căn, đó là A-la-hán Thời giải thoát luyện căn làm Bất động lúc đạo giải thoát cuối cùng.

Hỏi: Vì sao ở trong bốn loại bắt đầu chỉ dựa vào hai loại bắt đầu để soạn luận?

Đáp: Nếu lúc bấy giờ tu công đức của tất cả các địa, thì trong này dựa vào đó để soạn luận, chỉ có hai phần vị bắt đầu có thể tu như vậy, cho nên dựa vào đó để soạn luận.

Hỏi: Nếu lúc đầu tiến vào Vô lậu của Tĩnh lự thứ nhất, lúc bấy giờ đã đạt được các tâm - tâm sở pháp Vô lậu khác của vị lai, thì tất cả tâm - tâm sở pháp ấy nên nói là có Tầm-có Tứ chăng?

Đáp: Tất cả tâm - tâm sở pháp ấy hoặc là có Tầm-có Tứ, hoặc là không có Tầm-chỉ có Tứ, hoặc là không có Tầm-không có Tứ.

Có Tầm-có Tứ, đó là đã tu Định Vị chí và Tĩnh lự thứ nhất. Không có Tầm-chỉ có Tứ, đó là đã tu Tĩnh lự trung gian.

Không có Tầm-không có Tứ, đó là đã tu ba Tĩnh lự trên, ba Vô sắc dưới.

Hỏi: Nếu lúc đầu tiến vào Vô lậu của Tĩnh lự thứ hai, lúc bấy giờ đã đạt được các tâm - tâm sở pháp Vô lậu khác của vị lai, thì tất cả tâm- tâm sở pháp ấy nên nói là tương ưng với Hỷ căn chăng?

Đáp: Tất cả tâm - tâm sở pháp ấy hoặc là tương ưng với Lạc căn, hoặc là tương ưng với Hỷ căn, hoặc là tương ưng với Xả căn.

Tương ưng với Lạc căn, đó là đã tu Tĩnh lự thứ ba.

Tương ưng với Hỷ căn, đó là đã tu Tĩnh lự thứ nhất và Tĩnh lự thứ hai.

Tương ưng với Xả căn, đó là đã tu Định Vị chí, Tĩnh lự trung gian, Tĩnh lự thứ tư, ba Vô sắc dưới.

Hỏi: Nếu lúc đầu tiến vào Vô lậu của Tĩnh lự thứ ba, lúc bấy giờ đã đạt được các tâm - tâm sở pháp Vô lậu khác của vị lai, thì tất cả tâm- tâm sở pháp ấy nên nói là tương ưng với Lạc căn chăng?

Đáp: Tất cả tâm - tâm sở pháp ấy hoặc là tương ưng với Lạc căn, hoặc là tương ưng với Hỷ căn, hoặc là tương ưng với Xả căn, nghĩa giải thích như trước.

Hỏi: Nếu lúc đầu tiến vào Vô lậu của Tĩnh lự thứ tư, lúc bấy giờ đã đạt được các tâm - tâm sở pháp Vô lậu khác của vị lai, thì tất cả tâm- tâm sở pháp ấy nên nói là tương ưng với Xả căn chăng?

Đáp: Tất cả tâm - tâm sở pháp ấy hoặc là tương ưng với Lạc căn, hoặc là tương ưng với Hỷ căn, hoặc là tương ưng với Xả căn, nghĩa giải thích như trước.

Hỏi: Nếu lúc đầu tiến vào Vô lậu của Không vô biên xứ, lúc bấy giờ đã đạt được các tâm - tâm sở pháp Vô lậu khác của vị lai, thì tất cả tâm - tâm sở pháp ấy nên nói là Không vô biên xứ thâu nhiếp chăng?

Đáp: Tất cả tâm - tâm sở pháp ấy hoặc là Không vô biên xứ thâu nhiếp, hoặc là Thức vô biên xứ thâu nhiếp, hoặc là Vô sở hữu xứ thâu nhiếp.

Không vô biên xứ thâu nhiếp, đó là đã tu Không vô biên xứ. Thức vô biên xứ thâu nhiếp, đó là đã tu Thức vô biên xứ.

Vô sở hữu xứ thâu nhiếp, đó là đã tu Vô sở hữu xứ.

Hỏi: Nếu lúc đầu tiến vào Vô lậu của Thức vô biên xứ, lúc bấy giờ đã đạt được các tâm - tâm sở pháp Vô lậu khác của vị lai, thì tất cả tâm - tâm sở pháp ấy nên nói là Thức vô biên xứ thâu nhiếp chăng?

Đáp: Tất cả tâm - tâm sở pháp ấy hoặc là Không vô biên xứ thâu nhiếp, hoặc là Thức vô biên xứ thâu nhiếp, hoặc là Vô sở hữu xứ thâu nhiếp, nghĩa giải thích như trước.

Hỏi: Nếu lúc đầu tiến vào Vô lậu của Vô sở hữu xứ, lúc bấy giờ đã đạt được các tâm - tâm sở pháp Vô lậu khác của vị lai, thì tất cả tâm- tâm sở pháp ấy nên nói là Vô sở hữu xứ thâu nhiếp chăng?

Đáp: Tất cả tâm - tâm sở pháp ấy hoặc là Không vô biên xứ thâu nhiếp, hoặc là Thức vô biên xứ thâu nhiếp, hoặc là Vô sở hữu xứ thâu nhiếp, nghĩa giải thích như trước.

Hỏi: Vì sao trong này đối với Tĩnh lự hỏi về Tương ưng, đối với Vô sắc thì hỏi về Thâu nhiếp?

Đáp: Đó là ý của người soạn luận muốn như vậy, tùy theo ý đó để soạn luận, nhưng không trái với pháp tướng thì không cần phải vặn hỏi.

Có người nói: Đối với Tĩnh lự và Vô sắc đều cần phải hỏi cả hai loại, mà không hỏi thì nên biết là nghĩa này có khác.

Có người nói: Vì nêu rõ các loại văn từ-các loại giải thích, nhờ vào các loại văn từ-các loại giải thích, cho nên nghĩa sẽ dễ dàng hiểu được.

Có người nói: Vì nêu rõ hai môn loại, hai phương thức, hai giai đoạn, hai ngọn đuốc, hai ánh sáng, hai cảnh vật, hai loại văn từ mô phỏng. Như đối với Tĩnh lự nói về Tương ưng, đối với Vô sắc cũng như vậy; như đối với Vô sắc nói về Thâu nhiếp, đối với Tĩnh lự cũng như vậy.

Có người nói: Tĩnh lự thô thiển dễ nhìn thấy-dễ nhận biết, cho nên hỏi về Tương ưng; Vô sắc vi tế khó rõ ràng-khó hiểu được, cho nên hỏi về Thâu nhiếp.

Có người nói: Tĩnh lự có các loại tướng không tương tự với nhau, cho nên hỏi về Tương ưng; Vô sắc thì không như vậy, cho nên hỏi về Thâu nhiếp.

Có người nói: Tĩnh lự có các loại Thọ-các loại Căn, cho nên hỏi về Tương ưng; Vô sắc thì không như vậy.

Có người nói: Tĩnh lự có nhiều công đức-nhiều lợi ích thù thắng, cho nên hỏi về Tương ưng; Vô sắc thì không như vậy.

Có người nói: Tĩnh lự có Trí duyên với khắp nơi, cho nên hỏi về Tương ưng; Vô sắc chỉ có Trí duyên với địa trên địa mình, cho nên chỉ hỏi về Thâu nhiếp.

Hỏi: Vì sao trong này đối với Tĩnh lự cũng Thâu nhiếp Vô sắc, đối với Vô sắc thì không Thâu nhiếp Tĩnh lự?

Đáp: Đó là ý của người soạn luận muốn như vậy, cho đến nói rộng ra.

Có người nói: Đối với Tĩnh lự và Vô sắc đều cần phải Thâu nhiếp cả

hai, mà không nói Thâu nhiếp thì nên biết là nghĩa này có khác.

Có người nói: Vì nêu rõ các loại văn từ-các loại giải thích, nhờ vào các loại văn từ-các loại giải thích, cho nên nghĩa sẽ dễ dàng hiểu được.

Có người nói: Vì nêu rõ hai môn loại, hai phương thức, hai giai đoạn, hai ngọn đuốc, hai ánh sáng, hai cảnh vật, hai loại văn từ mô phỏng, cho đến nói rộng ra.

Có người nói: Vô sắc dựa vào Tĩnh lự, bởi vì trước phải đạt được Tĩnh lự rồi sau mới đạt được Vô sắc, cho nên đối với Tĩnh lự cũng Thâu nhiếp Vô sắc. Tĩnh lự không dựa vào Vô sắc, cho nên đối với Vô sắc không Thâu nhiếp Tĩnh lự.

Có người nói: Đối với Tĩnh lự cũng không Thâu nhiếp Vô sắc, bởi vì nói về không có Tầm-không có Tứ…, có ý khác nhau. Nghĩa là không có Tầm-không có Tứ, chỉ nói về ba Tĩnh lự sau; tương ưng với Xả căn, chỉ nói về Vị chí-Tĩnh lự trung gian và Tĩnh lự thứ tư. Bởi vì Tĩnh lự và Vô sắc đều có tướng khác nhau, cho nên tuy tu lẫn nhau mà không Thâu nhiếp lẫn nhau.

Có người nói: Đối với Vô sắc cũng phải Thâu nhiếp Tĩnh lự, nên đưa ra cách nói này: "Hoặc là Định Vị chí Thâu nhiếp, cho đến hoặc là Vô sở hữu xứ Thâu nhiếp." Nhưng mà không nói là muốn hiển bày Vô sắc không phải là gia hạnh tiến vào Tĩnh lự, bởi vì Tĩnh lự hiện rõ trước mắt không nhất định phải nhờ vào Vô sắc.

Có người nói: Sinh ở địa Tĩnh lự có thể khởi lên Vô sắc, sinh ở địa Vô sắc thì không có thể khởi lên Tĩnh lự.

Có người nói: Thánh giả sinh vào Tĩnh lự về sau có thể sinh đến Vô sắc, sinh đến Vô sắc về sau không có thể sinh vào Tĩnh lự. Vì thế cho nên đối với Tĩnh lự Thâu nhiếp Vô sắc, đối với Vô sắc không Thâu nhiếp Tĩnh lự.

Vị tương ưng của Tĩnh lự thứ nhất, Cho đến nói rộng ra. Hỏi: Vì sao soạn ra phần luận này?

Đáp: Cần phải ngăn chặn ý của phái Thí Dụ, bởi vì phái ấy ở trong tánh của duyên không hiểu rõ ràng, cho nên nói duyên không phải là có thật. Nay muốn hiển bày rõ ràng về tự tánh của các duyên, khiến cho biết các duyên đều là có thật, cho nên soạn ra phần luận này.

Hỏi: Vị tương ưng của Tĩnh lự thứ nhất, cùng với Vị tương ưng của Tĩnh lự thứ nhất… làm mấy duyên?

Đáp: Cùng với Vị tương ưng của địa mình làm Nhân, Đẳng vô gián,

Sở duyên và Tăng thượng. Nhân là ba nhân, tức là nhân Tương ưng-Câu hữu và Đồng loại. Đẳng vô gián, đó là Vị tương ưng của Tĩnh lự thứ nhất Đẳng vô gián, Vị tương ưng của Tĩnh lự thứ nhất hiện rõ ở trước mắt. Sở duyên, đó là Vị tương ưng của Tĩnh lự thứ nhất làm Sở duyên cho Vị tương ưng của Tĩnh lự thứ nhất. Tăng thượng, đó là không ngăn ngại đối với sinh khởi, và chỉ riêng không có chướng ngại.

Trong này, Nhân duyên như pháp của hạt giống, Đẳng vô gián duyên như pháp của sự phát triển, Sở duyên duyên như pháp của cây gậy chống đỡ, Tăng thượng duyên như pháp của sự mang lại mong muốn.

Cùng với Tịnh của địa mình làm Đẳng vô gián, Sở duyên và Tăng thượng. Đẳng vô gián, đó là Vị tương ưng của Tĩnh lự thứ nhất Đẳng vô gián, Tịnh của Tĩnh lự thứ nhất hiện rõ ở trước mắt. Như Ái-Kiến-Mạn-Nghi của Tĩnh lự trên, là phiền não Đẳng vô gián, Tịnh của Định hiện rõ ở trước mắt.

Đây là nói chung. Nếu nói riêng biệt thì Tịnh có bốn loại, đó là thuận phần lui sụt, thuận phần an trú, thuận phần thắng tiến, thuận phần quyết trạch.

Trong này, có người nói: Vị tương ưng Đẳng vô gián, chỉ có thuận phần lui sụt hiện rõ ở trước mắt. Có người nói: Cũng khởi lên thuận phần an trú.

Sở duyên, đó là Vị tương ưng của Tĩnh lự thứ nhất, làm Sở duyên cho Tịnh của Tĩnh lự thứ nhất. Tăng thượng, đó là không ngăn ngại đối với sinh khởi, và chỉ riêng không có chướng ngại. Không phải là Nhân, bởi vì pháp nhiễm ô cùng với pháp thiện không phải là như pháp của hạt giống.

Bởi vì nghĩa này cho nên Vị tương ưng cùng với Tịnh của địa mình, nếu nói chung thì làm ba duyên, nếu nói riêng thì hoặc là ba-hoặc là hai duyên, nghĩa là cùng với hai phần trước là ba duyên, cùng với hai phần sau là hai duyên.

Cùng với Vô lậu của địa mình làm Sở duyên và Tăng thượng. Sở duyên, đó là làm Sở duyên cho phẩm Loại nhẫn-Loại trí của Khổ-Tập. Tăng thượng, nói như trước. Không phải là Nhân, bởi vì pháp hữu lậu cùng với pháp vô lậu không phải là như pháp của hạt giống. Không phải là Đẳng vô gián, bởi vì phiền não Đẳng vô gián không khởi lên Thánh đạo hiện rõ ở trước mắt.

Bởi vì nghĩa này cho nên Vị tương ưng cùng với Vô lậu của địa mình, nếu nói chung thì làm hai duyên, nếu nói riêng thì hoặc là hai-hoặc là một duyên, nghĩa là cùng với phẩm Loại nhẫn-Loại trí của Khổ- Tập là hai

duyên, cùng với phẩm Loại nhẫn-Loại trí của Diệt-Đạo và tất cả các phẩm Pháp nhẫn-Pháp trí là một duyên.

Cùng với Tịnh-Vô lậu của ba Tĩnh lự trên làm Sở duyên và Tăng thượng. Sở duyên, bởi vì pháp ấy duyên với Vị tương ưng của địa dưới. Tăng thượng, đó là không ngăn ngại đối với sinh khởi, và chỉ riêng không có chướng ngại. Không phải là Nhân duyên, bởi vì nhiễm ô đối với không nhiễm ô không phải là pháp của hạt giống. Không phải là Đẳng vô gián duyên, bởi vì đã lìa nhiễm của địa dưới thì mới có thể khởi lên Tịnh-Vô lậu của địa Căn bản trên.

Cùng với pháp còn lại làm một Tăng thượng. Pháp còn lại, đó là Vị tương ưng của ba Tĩnh lự trên, và tất cả Vô sắc. Tăng thượng, nghĩa nói như trước. Không phải là Nhân duyên, bởi vì pháp khác cõi-địa thì nhân-quả dứt đoạn, và bởi vì pháp khác chủng loại không phải là hạt giống. Không phải là Đẳng vô gián duyên, bởi vì đã lìa nhiễm của địa dưới thì nhiễm của địa trên mới hiện rõ trước mắt, và bởi vì trái ngược nhau. Không phải là Sở duyên, bởi vì phiền não của địa trên và Vô sắc Căn bản, không duyên với pháp hữu lậu của địa dưới.

Hỏi: Tịnh của Tĩnh lự thứ nhất, cùng với Tịnh của Tĩnh lự thứ nhất… làm mấy duyên?

Đáp: Cùng với Tịnh của địa mình làm Nhân, Đẳng vô gián, Sở duyên và Tăng thượng. Nhân là ba nhân, tức là nhân Tương ưng-Câu hữu và Đồng loại. Đẳng vô gián, đó là Tịnh của Tĩnh lự thứ nhất Đẳng vô gián, Tịnh của Tĩnh lự thứ nhất hiện rõ ở trước mắt. Sở duyên, đó là làm Sở duyên cho Tịnh của Tĩnh lự thứ nhất. Tăng thượng, nghĩa nói như trước.

Đây tức là nói chung. Nếu nói riêng biệt thì Tịnh có bốn phần: Đó là thuận phần lui sụt cùng với thuận phần lui sụt làm bốn duyên, cùng với thuận phần an trú cũng như vậy; cùng với hai phần còn lại làm ba duyên, trừ ra Đẳng vô gián. Thuận phần an trú cùng với thuận phần an trú làm bốn duyên, cùng với thuận phần thắng tiến cũng như vậy; cùng với thuận phần quyết trạch làm ba duyên, trừ ra Đẳng vô gián, cùng với thuận phần lui sụt làm ba duyên trừ ra Nhân duyên, bởi vì pháp mạnh mẽ không phải là nhân của pháp yếu kém. Thuận phần thắng tiến cùng với thuận phần thắng tiến làm bốn duyên, cùng với thuận phần quyết trạch cũng như vậy; cùng với thuận phần lui sụt, có người nói: Chỉ làm Sở duyên và Tăng thượng, bởi vì thuận phần thắng tiến không gián đoạn thì thuận phần lui sụt không hiện rõ trước mắt. Nói như vậy thì cũng hiện rõ ở trước mắt, cho nên cùng với thuận phần lui sụt làm ba duyên, trừ ra Nhân duyên, bởi vì pháp ấy yếu

kém; cùng với thuận phần an trú cũng như vậy. Thuận phần quyết trạch cùng với thuận phần quyết trạch làm bốn duyên, cùng với thuận phần lui sụt làm Sở duyên và Tăng thượng; cùng với thuận phần an trú, có người nói: Chỉ làm Sở duyên và Tăng thượng, bởi vì thuận phần quyết trạch không gián đoạn thì thuận phần an trú không hiện rõ trước mắt. Nói như vậy thì cũng hiện rõ ở trước mắt, cho nên cùng với thuận phần an trú làm ba duyên, trừ ra Nhân duyên; cùng với thuận phần thắng tiến cũng như vậy.

Cùng với Vô lậu của địa mình làm Đẳng vô gián, Sở duyên và Tăng thượng. Đẳng vô gián, đó là Tịnh của Tĩnh lự thứ nhất Đẳng vô gián, Vô lậu của Tĩnh lự thứ nhất hiện rõ ở trước mắt; đây là chỉ từ phần thuận quyết trạch, có người nói: Cũng từ phần thuận thắng tiến. Sở duyên, đó là làm Sở duyên cho Vô lậu của Tĩnh lự thứ nhất. Tăng thượng, nói như trước. Không phải là Nhân duyên, bởi vì pháp hữu lậu không phải là nhân của pháp vô lậu.

Cùng với Vị tương ưng của địa mình làm Đẳng vô gián, Sở duyên và Tăng thượng. Đẳng vô gián, như Ái-Kiến-Mạn-Nghi của Tĩnh lự trên, Tịnh của Định Đẳng vô gián thì phiền não hiện rõ ở trước mắt. Nên biết đây là từ phần thuận lui sụt, hoặc là phần thuận an trú khởi lên, bởi vì đã lìa nhiễm-chưa lìa nhiễm của địa mình, khởi lên phiền não của địa mình thì có sai biệt. Sở duyên, bởi vì Vị bám lấy địa mình thuộc Tịnh của Tĩnh lự thứ nhất. Phần còn lại nói như trước.

Cùng với Tịnh-Vô lậu của Tĩnh lự thứ hai-thứ ba làm Đẳng vô gián, Sở duyên và Tăng thượng. Đẳng vô gián, đối với Tĩnh lự thứ hai thuận theo thứ tự tiến vào, đối với Tĩnh lự thứ ba thuận theo hiện khởi tiến vào, nên biết là từ phần thuận thắng tiến mà tiến vào Tịnh của địa trên chứ không phải là gì khác. Phần còn lại nói như trước.

Cùng với Tịnh-Vô lậu của Tĩnh lự thứ tư làm Sở duyên và Tăng thượng. Không có Đẳng vô gián, bởi vì cách rất xa. Phần còn lại nói như trước.

Cùng với pháp còn lại làm một Tăng thượng. Pháp còn lại, đó là Vị tương ưng của ba Tĩnh lự trên, và tất cả Vô sắc. Tăng thượng, nghĩa nói như trước.

Trong này, sai biệt là cùng với Tịnh-Vô lậu của Vô sắc, không phải là Đẳng vô gián, bởi vì cách rất xa. Phần còn lại nói như trước.

Hỏi: Cũng có Đẳng vô gián duyên, đó là tâm thiện của Tĩnh lự thứ nhất lúc mạng chung sinh lên địa trên, vì sao trong này không nói?

Đáp: Cần phải nói pháp ấy làm Đẳng vô gián và Tăng thượng, mà

không nói đến thì nên biết là nghĩa có khác.

Có người nói: Trong chương Định Uẩn này chỉ nói về thiện của Định và phiền não của Định, mạng chung tiến vào thai chỉ là thiện sinh ra và phiền não sinh ra, cho nên không nói đến.

Có người nói: Trong chương Định Uẩn này chỉ nói về thiện Căn bản và phiền não, mạng chung tiến vào thai chỉ trú vào Cận phần chứ không trú vào Căn bản, vì vậy không nói đến.

Hỏi: Vô lậu của Tĩnh lự thứ nhất, cùng với Vô lậu của Tĩnh lự thứ nhất… làm mấy duyên?

Đáp: Cùng với Vô lậu của địa mình làm Nhân, Đẳng vô gián, Sở duyên và Tăng thượng. Nhân là ba nhân, tức là nhân Tương ưng-Câu hữu và Đồng loại. Sở duyên, đó là làm Sở duyên cho phẩm Đạo nhẫn- Đạo trí. Phần còn lại nói như trước.

Đây tức là nói chung. Nếu nói riêng biệt thì phẩm Pháp trí cùng với phẩm Pháp trí làm bốn duyên; cùng với phẩm Loại trí làm ba duyên, trừ ra Sở duyên.

Phẩm Loại trí cùng với phẩm Loại trí làm bốn duyên; cùng với phẩm Pháp trí làm ba duyên, trừ ra Sở duyên.

Phẩm Khổ-Tập-Diệt trí cùng với phẩm Khổ-Tập-Diệt trí làm ba duyên, trừ ra Sở duyên; cùng với phẩm Đạo trí làm bốn duyên.

Phẩm Đạo trí cùng với phẩm Đạo trí làm bốn duyên; cùng với phẩm Khổ-Tập-Diệt trí làm ba duyên, trừ ra Sở duyên.

Phẩm Vị tri đương tri căn cùng với phẩm Vị tri đương tri căn làm bốn duyên; cùng với phẩm Dĩ tri căn cũng như vậy; cùng với phẩm Cụ tri căn làm ba duyên, trừ ra Đẳng vô gián.

Phẩm Dĩ tri căn cùng với phẩm Dĩ tri căn làm bốn duyên; cùng với phẩm Cụ tri căn cũng như vậy; cùng với phẩm Vị tri đương tri căn làm hai duyên, trừ ra Nhân và Đẳng vô gián. Trừ ra Nhân, bởi vì sau sinh ra trước, sinh không phải là Nhân. Trừ ra Đẳng vô gián, bởi vì Tu đạo Đẳng vô gián, Kiến đạo không hiện rõ ở trước mắt.

Phẩm Cụ tri căn cùng với phẩm Cụ tri căn làm bốn duyên; cùng với phẩm Vị tri đương tri căn và phẩm Dĩ tri căn làm hai duyên, trừ ra Nhân và Đẳng vô gián.

Phẩm Pháp trí Vô học cùng với phẩm Loại trí thuộc Học làm một Tăng thượng, phẩm Loại trí Vô học cùng với phẩm Pháp trí thuộc Học làm một Tăng thượng. Bởi vì nói chung cho nên nói là cùng với Vô lậu của địa

mình làm bốn duyên. Nếu nói sai biệt thì có hoặc là bốn-ba-hai-một duyên như vậy.

Cùng với Vô lậu của Tĩnh lự thứ hai-thứ ba làm Nhân, Đẳng vô gián, Sở duyên và Tăng thượng. Bởi vì pháp Vô lậu không rơi vào cõi, cho nên địa khác làm Nhân duyên, nói như trước.

Cùng với Tịnh của địa mình và Tịnh của Tĩnh lự thứ hai-thứ ba làm Đẳng vô gián, Sở duyên và Tăng thượng.

Trong này, đối với Tịnh của địa mình, có người nói: Trừ ra phần thuận lui sụt, cùng với ba phần còn lại làm Đẳng vô gián.

Có người nói: Chỉ cùng với hai phần sau làm Đẳng vô gián, đối với Tịnh của địa trên cũng như vậy.

Nói như vậy thì lúc dần dần tiến vào, cũng cùng với phần thắng tiến làm Đẳng vô gián, lúc vượt lên trên tiến vào chỉ cùng với phần thuận quyết trạch làm Đẳng vô gián.

Hỏi: Vì sao lúc vượt lên trên tiến vào chỉ có phần thuận quyết trạch, cùng với đạo Vô lậu làm Đẳng vô gián duyên cho nhau, lúc khác thì không như vậy?

Đáp: Đối với lúc vượt lên trên, chỉ có căn thiện mạnh mẽ kiên cố, có thể cùng dẫn dắt phát khởi phần thuận quyết trạch mạnh mẽ kiên cố, phần khác thì không như vậy.

Cùng với Tịnh của Tĩnh lự thứ tư và Tịnh của Vô sắc làm Sở duyên-Tăng thượng. Bởi vì phẩm Loại trí của Tĩnh lự thứ nhất là đối trị với Vô sắc, cho nên cùng với Tịnh của Vô sắc cũng làm Sở duyên. Phần còn lại nói như trước.

Cùng với Vô lậu của Tĩnh lự thứ tư và Vô lậu của Vô sắc làm Nhân-Sở duyên và Tăng thượng. Bởi vì phẩm Đạo loại trí của Vô sắc cũng duyên với phẩm Loại trí của Tĩnh lự thứ nhất. Phần còn lại nói như trước.

Cùng với pháp còn lại làm Tăng thượng. Pháp còn lại, đó là cùng với tất cả Vị tương ưng. Tăng thượng, nghĩa nói như trước. Bởi vì Vô lậu cùng với Vị hết sức trái ngược nhau, cho nên không có Đẳng vô gián. Tham không có thể duyên với pháp Vô lậu, cho nên không phải là Sở duyên. Vô lậu cùng với nhiễm ô không phải là pháp của hạt giống, cho nên không phải là Nhân.

Hỏi: Nếu Vô lậu cùng với Vị hết sức trái ngược nhau, thì tại sao làm Tăng thượng?

Đáp: Đối với không gián đoạn khởi lên tuy hết sức trái ngược nhau,

mà lúc đang sinh khởi thì qua lại không chướng ngại gì, cho nên có thể lần lượt chuyển đổi làm Tăng thượng lẫn nhau.

Hỏi: Vị tương ưng của Tĩnh lự thứ hai cùng với Vị tương ưng của Tĩnh lự thứ hai… làm mấy duyên?

Đáp: Cùng với Vị tương ưng của địa mình làm Nhân, Đẳng vô gián, Sở duyên và Tăng thượng. Cùng với Tịnh của hai Tĩnh lự đầu, làm Đẳng vô gián-Sở duyên và Tăng thượng. Cùng với tất cả Vô lậu của Tĩnh lự và Tịnh của Tĩnh lự thứ ba-thứ tư, làm Sở duyên-Tăng thượng. Cùng với pháp còn lại làm một Tăng thượng. Pháp còn lại, đó là Vị tương ưng của Tĩnh lự thứ nhất-thứ ba-thứ tư, và tất cả Vô sắc.

Trong này, cùng với Tịnh của Tĩnh lự thứ nhất làm Đẳng vô gián, đó là Sư Du-già ở Tĩnh lự thứ hai, Tịnh của Định không gián đoạn, khởi lên các phiền não, tâm lúc ấy nóng bức phiền muộn như bị lửa đốt, lập tức quay trở về Tịnh của Tĩnh lự thứ nhất. Vì vậy trong kinh nói: "Thà khởi lên tác ý chán ngán đi cùng Tĩnh lự thứ nhất, chứ không khởi lên tác ý yếu kém đi cùng Tĩnh lự thứ hai."

Hỏi: Lúc ấy khởi lên Tịnh của Tĩnh lự thứ nhất như thế nào? Đáp: Có người nói: Khởi lên phần thuận an trú, bởi vì dễ khởi lên.

Có người nói: Khởi lên phần thuận thắng tiến, bởi vì phòng hộ địa trên, vả lại ở đây đã nói là cùng với Vị tương ưng của Tĩnh lự thứ nhất làm một Tăng thượng.

Hỏi: Tâm nhiễm ô của Tĩnh lự thứ hai mạng chung sinh vào Tĩnh lự thứ nhất, thì có Đẳng vô gián duyên, vì sao không nói?

Đáp: Cần phải nói là cùng với tâm ấy làm Đẳng vô gián-Tăng thượng, mà không nói đến thì nên biết là nghĩa này có khác.

Có người nói: Trong chương Định Uẩn này chỉ nói về phiền não của Định, mạng chung tiến vào thai là phiền não sinh ra, cho nên không nói đến.

Có người nói: Trong chương Định Uẩn này chỉ nói về phiền não của địa Căn bản, mạng chung tiến vào thai chỉ trú vào phiền não của địa Cận phần, cho nên không nói đến. Phần còn lại tùy theo thích hợp, nói như trước.

Hỏi: Tịnh của Tĩnh lự thứ hai, cùng với Tịnh của Tĩnh lự thứ hai… làm mấy duyên?

Đáp: Cùng với Tịnh của địa mình làm Nhân, Đẳng vô gián, Sở duyên và Tăng thượng. Cùng với tất cả Vô lậu của Tĩnh lự và Tịnh của Tĩnh lự

thứ nhất-thứ ba-thứ tư, và Vị tương ưng của địa mình, làm Đẳng vô gián-Sở duyên và Tăng thượng. Cùng với pháp còn lại làm một Tăng thượng, phần này cũng như trước tùy theo thích hợp nói rộng ra.

Hỏi: Vô lậu của Tĩnh lự thứ hai, cùng với Vô lậu của Tĩnh lự thứ hai… làm mấy duyên?

Đáp: Cùng với tất cả Vô lậu của Tĩnh lự làm Nhân, Đẳng vô gián, Sở duyên và Tăng thượng. Cùng với tất cả Tịnh của Tĩnh lự làm Đẳng vô gián-Sở duyên và Tăng thượng. Cùng với Tịnh của Vô sắc làm Sở duyên và Tăng thượng. Cùng với Vô lậu của Vô sắc làm Nhân-Sở duyên và Tăng thượng. Cùng với pháp còn lại làm một Tăng thượng, phần này cũng tùy theo thích hợp nói rộng ra như trước.

Từ Tĩnh lự thứ ba cho đến Phi tưởng phi phi tưởng xứ, có năm-ba-một-hai lượt hỏi đáp, nói rộng ra như bản luận, nên biết.

Hỏi: Như lúc dùng đạo thế tục lìa nhiễm của Tĩnh lự thứ tư và ba Vô sắc dưới, tất cả đạo vô gián đều duyên với địa dưới, vì sao không nói Vị tương ưng-Tịnh của Tĩnh lự thứ tư và ba Vô sắc dưới cùng với Tịnh của địa trên làm sở duyên?

Đáp: Điều này cũng cần phải nói, mà không nói đến thì nên biết là có khác.

Có người nói: Trong chương Định Uẩn này chỉ nói về địa Căn bản, chín đạo vô gián chỉ là địa Cận phần, cho nên không nói đến.

Hỏi: Như thế nào là Vô lậu của Tĩnh lự thứ ba-thứ tư, cùng với Tịnh-Vô lậu của Vô sắc làm Đẳng vô gián?

Đáp: Chỉ là phẩm Loại trí.

Hỏi: Vì sao không phải là phẩm Pháp trí?

Đáp: Có người nói: Bởi vì phẩm Pháp trí dựa vào địa dưới-duyên với địa dưới, nghĩa là phẩm Pháp trí chỉ dựa vào cõi Dục, chỉ duyên với các hành của cõi Dục, và Nhân của hành ấy-Diệt hành ấy-Đạo đối trị của hành ấy. Tịnh-Vô lậu của Vô sắc thì không như vậy, cho nên phẩm Pháp trí không phải là Đẳng vô gián duyên của địa ấy.

Có người nói: Phẩm Pháp trí chỉ duyên với cõi Dục và Diệt-Đạo của địa ấy, duyên với cõi Dục và Diệt-Đạo của địa ấy không gián đoạn, không đạt được thì duyên với cảnh của địa Vô sắc, bởi vì cách rất xa, cho nên phẩm Pháp trí này không phải là Đẳng vô gián duyên của Vô sắc.

Có người nói: Bởi vì địa Vô sắc không phải là sở y-sở duyên và địa của phẩm Pháp trí, nghĩa là bốn Tĩnh lự tuy không phải là sở y-sở duyên

của phẩm Pháp trí, mà là địa của phẩm Pháp trí; cõi Dục tuy không phải là địa của phẩm Pháp trí, mà là sở y-sở duyên của phẩm Pháp trí. Các địa Vô sắc không có sự việc như vậy, cho nên không phải là phẩm Pháp trí không gián đoạn mà khởi lên.

Hỏi: Vì sao Tịnh-Vô lậu của Vô sắc chỉ duyên với Đạo thuộc phẩm Loại trí của địa dưới, chứ không phải là Đạo thuộc phẩm Pháp trí?

Đáp: Bởi vì Đạo thuộc phẩm Pháp trí không phải là đối trị của địa ấy.

Hỏi: Lẽ nào không phải Đạo thuộc phẩm Pháp trí cũng là đối trị của địa ấy chăng?

Đáp: Tuy là đối trị của địa ấy mà không phải là Căn bản, cũng không phải là toàn phần, cho nên không nói đến. Nghĩa là tuy đối trị với pháp do Tu mà đoạn của địa ấy, nhưng không phải là đối trị với pháp do Kiến mà đoạn của địa ấy. Vả lại, tuy Diệt-Đạo pháp trí là đối trị với địa ấy, mà không phải là Khổ-Tập pháp trí.

Có người nói: Phẩm Loại trí là đối trị chủ của địa ấy, phẩm Pháp trí là đối trị khách của địa ấy, cho nên không phải là Sở duyên của địa ấy.

Nhưng Tịnh-Vô lậu của Tĩnh lự-Vô sắc, hoặc là địa dưới-hoặc là địa trên không gián đoạn mà khởi lên, từ địa dưới khởi lên thì gọi là thuận theo thứ tự-thuận theo vượt lên, từ địa trên khởi lên thì gọi là ngược với thứ tự-ngược với vượt lên, cùng loại khởi lên thì gọi là thuần nhất, khác loại khởi lên thì gọi là xen tạp, địa không gián đoạn thì gọi là theo thứ tự, địa có gián đoạn thì gọi là vượt lên. Có gián đoạn chỉ có thể vượt qua một địa. Đây gọi là Tỳ-bà-sa tóm lược ở nơi này.

Hỏi: Đã nói đến Định vượt qua (siêu định) thì gia hạnh như thế nào?

Đáp: Lúc tu Định vượt qua, người tu Định ấy trước tiên khởi lên tâm thiện của cõi Dục, từ đây không gián đoạn tiến vào Hữu lậu của Tĩnh lự thứ nhất, tiếp đến tiến vào Hữu lậu của Tĩnh lự thứ hai, lần lượt cho đến tiến vào Phi tưởng phi phi tưởng xứ; từ đó trở lại tiến vào Hữu lậu của Vô sở hữu xứ, lần lượt cho đến tiếp tục trở lại tiến vào Hữu lậu của Tĩnh lự thứ nhất.

Đối với các địa này xoay vòng theo nhau tu tập, làm cho thuần thục khéo léo như con đường của vua rồi, tiếp tục tiến vào Vô lậu của Tĩnh lự thứ nhất, tiếp theo tiến vào Vô lậu của Tĩnh lự thứ hai, lần lượt cho đến tiến vào Vô lậu của Vô sở hữu xứ; từ đó trở lại tiến vào Vô lậu của Thức vô biên xứ, lần lượt cho đến tiếp tục trở lại tiến vào Vô lậu của Tĩnh lự thứ nhất.

Đối với các địa này xoay vòng theo nhau tu tập, làm cho thuần thục

khéo léo như con đường của vua rồi, tiếp tục tiến vào Hữu lậu của Tĩnh lự thứ nhất; từ Hữu lậu của Tĩnh lự thứ nhất, vượt qua tiến vào Hữu lậu của Tĩnh lự thứ ba; từ Hữu lậu của Tĩnh lự thứ ba, vượt qua tiến vào Hữu lậu của Không vô biên xứ; từ Hữu lậu của Không vô biên xứ, vượt qua tiến vào Hữu lậu của Vô sở hữu xứ; từ Hữu lậu của Vô sở hữu xứ, trở lại vượt qua tiến vào Hữu lậu của Không vô biên xứ; từ Hữu lậu của Không vô biên xứ, vượt qua tiến vào Hữu lậu của Tĩnh lự thứ ba; từ Hữu lậu của Tĩnh lự thứ ba, vượt qua tiến vào Hữu lậu của Tĩnh lự thứ nhất.

Đối với các địa này xoay vòng theo nhau tu tập, làm cho thuần thục khéo léo như con đường của vua rồi, tiếp tục tiến vào Vô lậu của Tĩnh lự thứ nhất; từ Vô lậu của Tĩnh lự thứ nhất, vượt qua tiến vào Vô lậu của Tĩnh lự thứ ba; từ Vô lậu của Tĩnh lự thứ ba, vượt qua tiến vào Vô lậu của Không vô biên xứ; từ Vô lậu của Không vô biên xứ, vượt qua tiến vào Vô lậu của Vô sở hữu xứ; từ Vô lậu của Vô sở hữu xứ, trở lại vượt qua tiến vào Vô lậu của Không vô biên xứ; từ Vô lậu của Không vô biên xứ, vượt qua tiến vào Vô lậu của Tĩnh lự thứ ba; từ Vô lậu của Tĩnh lự thứ ba, vượt qua tiến vào Vô lậu của Tĩnh lự thứ nhất.

Đối với các địa này xoay vòng theo nhau tu tập, làm cho thuần thục khéo léo giống như con đường của vua, đến đây thì thành tựu đầy đủ gia hạnh của Định vượt qua. Từ đây tiếp tục tiến vào Hữu lậu của Tĩnh lự thứ nhất; từ Hữu lậu của Tĩnh lự thứ nhất, vượt qua tiến vào Vô lậu của Tĩnh lự thứ ba; từ Vô lậu của Tĩnh lự thứ ba, vượt qua tiến vào Hữu lậu của Không vô biên xứ; từ Hữu lậu của Không vô biên xứ, vượt qua tiến vào Vô lậu của Vô sở hữu xứ; từ Vô lậu của Vô sở hữu xứ, trở lại vượt qua tiến vào Hữu lậu của Không vô biên xứ; từ Hữu lậu của Không vô biên xứ, vượt qua tiến vào Vô lậu của Tĩnh lự thứ ba; từ Vô lậu của Tĩnh lự thứ ba, vượt qua tiến vào Hữu lậu của Tĩnh lự thứ nhất. Như vậy gọi là thành tựu đầy đủ Định vượt qua.

Có Sư khác nói: Lúc tu Định vượt qua (siêu định), trước tiên khởi lên tâm thiện của cõi Dục, từ đây không gián đoạn tiến vào Hữu lậu của Tĩnh lự thứ nhất, tiếp đến tiến vào Hữu lậu của Tĩnh lự thứ hai, lần lượt cho đến tiến vào Phi tưởng phi phi tưởng xứ; từ đó trở lại tiến vào Hữu lậu của Vô sở hữu xứ, lần lượt cho đến tiếp tục trở lại tiến vào Hữu lậu của Tĩnh lự thứ nhất.

Đối với các địa này khéo léo luyện tập thành thạo rồi, tiếp tục tiến vào Vô lậu của Tĩnh lự thứ nhất, tiếp theo tiến vào Vô lậu của Tĩnh lự thứ hai, lần lượt cho đến tiến vào Vô lậu của Vô sở hữu xứ; từ đó trở lại tiến

vào Vô lậu của Thức vô biên xứ, lần lượt cho đến tiếp tục trở lại tiến vào Vô lậu của Tĩnh lự thứ nhất.

Đối với các địa này khéo léo luyện tập thành thạo rồi, tiếp tục tiến vào Hữu lậu của Tĩnh lự thứ nhất, tiếp theo tiến vào Vô lậu của Tĩnh lự thứ hai, tiếp theo tiến vào Hữu lậu của Tĩnh lự thứ ba, tiếp theo tiến vào Vô lậu của Tĩnh lự thứ tư, tiếp theo tiến vào Hữu lậu của Không vô biên xứ, tiếp theo tiến vào Vô lậu của Thức vô biên xứ, tiếp theo tiến vào Hữu lậu của Vô sở hữu xứ. Từ đó trở lại tiến vào Vô lậu của Thức vô biên xứ, lần lượt cho đến tiếp tục trở lại tiến vào Hữu lậu của Tĩnh lự thứ nhất.

Đối với các địa này khéo léo luyện tập thành thạo rồi, tiếp tục tiến vào Vô lậu của Tĩnh lự thứ nhất, tiếp theo tiến vào Hữu lậu của Tĩnh lự thứ hai, tiếp theo tiến vào Vô lậu của Tĩnh lự thứ ba, tiếp theo tiến vào Hữu lậu của Tĩnh lự thứ tư, tiếp theo tiến vào Vô lậu của Không vô biên xứ, tiếp theo tiến vào Hữu lậu của Thức vô biên xứ, tiếp theo tiến vào Vô lậu của Vô sở hữu xứ, tiếp theo tiến vào Phi tưởng phi phi tưởng xứ. Từ đó trở lại tiến vào Vô lậu của Vô sở hữu xứ, lần lượt cho đến tiếp tục trở lại tiến vào Vô lậu của Tĩnh lự thứ nhất.

Đối với các địa này khéo léo luyện tập thành thạo rồi, tiếp tục tiến vào Hữu lậu của Tĩnh lự thứ nhất; từ Hữu lậu của Tĩnh lự thứ nhất, vượt qua tiến vào Hữu lậu của Tĩnh lự thứ ba; từ Hữu lậu của Tĩnh lự thứ ba, vượt qua tiến vào Hữu lậu của Không vô biên xứ; từ Hữu lậu của Không vô biên xứ, vượt qua tiến vào Hữu lậu của Vô sở hữu xứ; từ Hữu lậu của Vô sở hữu xứ, trở lại tiến vào Hữu lậu của Không vô biên xứ; từ Hữu lậu của Không vô biên xứ, vượt qua tiến vào Hữu lậu của Tĩnh lự thứ ba; từ Hữu lậu của Tĩnh lự thứ ba, vượt qua tiến vào Hữu lậu của Tĩnh lự thứ nhất.

Đối với các địa này khéo léo luyện tập thành thạo rồi, tiếp tục tiến vào Vô lậu của Tĩnh lự thứ nhất; từ Vô lậu của Tĩnh lự thứ nhất, vượt qua tiến vào Vô lậu của Tĩnh lự thứ ba; từ Vô lậu của Tĩnh lự thứ ba, vượt qua tiến vào Vô lậu của Không vô biên xứ; từ Vô lậu của Không vô biên xứ, vượt qua tiến vào Vô lậu của Vô sở hữu xứ; từ Vô lậu của Vô sở hữu xứ, trở lại tiến vào Vô lậu của Không vô biên xứ; từ Vô lậu của Không vô biên xứ, vượt qua tiến vào Vô lậu của Tĩnh lự thứ ba; từ Vô lậu của Tĩnh lự thứ ba, vượt qua tiến vào Vô lậu của Tĩnh lự thứ nhất.

Đối với các địa này khéo léo tu tập thành thạo rồi, thì gọi là thành tựu đầy đủ Định vượt qua. Từ đây tiếp tục tiến vào Hữu lậu của Tĩnh lự thứ nhất; từ Hữu lậu của Tĩnh lự thứ nhất, vượt qua tiến vào Vô lậu của Tĩnh lự thứ ba; từ Vô lậu của Tĩnh lự thứ ba, vượt qua tiến vào Hữu lậu của

Không vô biên xứ; từ Hữu lậu của Không vô biên xứ, vượt qua tiến vào Vô lậu của Vô sở hữu xứ; từ Vô lậu của Vô sở hữu xứ, trở lại vượt qua tiến vào Hữu lậu của Không vô biên xứ; từ Hữu lậu của Không vô biên xứ, vượt qua tiến vào Vô lậu của Tĩnh lự thứ ba; từ Vô lậu của Tĩnh lự thứ ba, vượt qua tiến vào Hữu lậu của Tĩnh lự thứ nhất.

Từ đây tiếp tục tiến vào Vô lậu của Tĩnh lự thứ nhất; từ Vô lậu của Tĩnh lự thứ nhất, vượt qua tiến vào Hữu lậu của Tĩnh lự thứ ba; từ Hữu lậu của Tĩnh lự thứ ba, vượt qua tiến vào Vô lậu của Không vô biên xứ; từ Vô lậu của Không vô biên xứ, vượt qua tiến vào Hữu lậu của Vô sở hữu xứ; từ Hữu lậu của Vô sở hữu xứ, trở lại vượt qua tiến vào Vô lậu của Không vô biên xứ; từ Vô lậu của Không vô biên xứ, vượt qua tiến vào Hữu lậu của Tĩnh lự thứ ba; từ Hữu lậu của Tĩnh lự thứ ba, vượt qua tiến vào Vô lậu của Tĩnh lự thứ nhất. Như vậy gọi là thành tựu đầy đủ Định vượt qua.

Lại có người nói: Trước đây đã nói đều là gia hạnh, từ phần vị này về sau tự tại xoay vòng theo nhau vượt qua tiến vào các Định, không có gì chướng ngại mới gọi là thành tựu đầy đủ, nhưng nhất định không có thể vượt qua tiến vào Tĩnh lự thứ tư.

Hỏi: Vì sao không có thể vượt qua tiến vào Tĩnh lự thứ tư?

Đáp: Bởi vì pháp của vô lượng vô biên chư Phật Thế Tôn và đệ tử bậc Thánh vượt qua tiến vào các Định đều là như vậy, cho nên không cần phải hỏi.

Có người nói: Các pháp vượt qua Định vốn là thuận theo từ từ khởi lên, nếu từ đó vượt qua thì pháp chỉ vượt qua một, bởi vì thế lực không hơn được. Như lúc bước lên bậc thang cũng cần phải từ từ bước lên, có lúc nhảy qua nhưng không có ai có thể nhảy qua hai bậc, bởi vì thế lực không đến được.

Có người nói: Bởi vì pháp của con đường khởi lên sau đó đều như trước, cho nên chỉ vượt qua một. Nghĩa là lúc người tu quán hành bắt đầu vượt qua Định, từ năm tiến vào năm, từ bốn tiến vào bốn, Chi số bằng nhau cho nên có thể dễ dàng vượt qua tiến vào, sau đó cũng như vậy, cho nên không vượt qua hai.

Có người nói: Như Sở duyên duyên cho nên chỉ vượt qua một, nghĩa là người tu quán hành không nghĩ đến tác ý, đối với Sở duyên duyên chỉ có thể vượt qua một.

Hỏi: Vì sao người tu quán hành vượt qua đối với Sở duyên?

Đáp: Bởi vì lúc ấy không nghĩ đến tác ý dùng Tĩnh lự thứ nhất, đối với cảnh của chín địa, duyên riêng biệt với mỗi một cảnh, trong đó chỉ có

thể khởi lên duyên với một địa.

Nghĩa là duyên với cõi Dục không gián đoạn thì có thể phía trên duyên với Tĩnh lự thứ nhất, hoặc là Tĩnh lự thứ hai chứ không phải là địa nào khác. Duyên với Tĩnh lự thứ nhất không gián đoạn thì có thể phía dưới duyên với cõi Dục, phía trên duyên với Tĩnh lự thứ hai, hoặc là Tĩnh lự thứ ba chứ không phải là địa nào khác. Duyên với Tĩnh lự thứ hai không gián đoạn thì có thể phía dưới duyên với cõi Dục, hoặc là Tĩnh lự thứ nhất, phía trên duyên với Tĩnh lự thứ ba, hoặc là Tĩnh lự thứ tư chứ không phải là địa nào khác. Duyên với Tĩnh lự thứ ba không gián đoạn thì có thể phía dưới duyên với Tĩnh lự thứ nhất, hoặc là Tĩnh lự thứ hai, phía trên có thể duyên với Tĩnh lự thứ tư, hoặc là Không vô biên xứ chứ không phải là địa nào khác. Như vậy cho đến duyên với Phi tưởng phi phi tưởng xứ không gián đoạn thì có thể phía dưới duyên với Thức vô biên xứ, hoặc là Vô sở hữu xứ chứ không phải là địa nào khác.

Như dựa vào Định thứ nhất, như vậy dựa vào các Định sau tùy theo sự thích hợp đối với Sở duyên duyên đều cần phải nói rộng ra.

Như không có thể vượt qua Sở duyên của hai địa, vượt qua Định cũng như vậy, cho nên không tiến vào Tĩnh lự thứ tư.

Hỏi: Nếu như vậy thì vì sao nói Tịnh giải thoát tiếp theo khởi lên năm tâm, tâm của Tịnh giải thoát duyên với cõi Dục, tùy miên biến hành của Tĩnh lự thứ tư có thể duyên với địa trên địa mình cho đến Hữu đảnh, lẽ nào không phải là có thể vượt qua Sở duyên của hai địa hay sao?

Đáp: Nói đến tâm không nhiễm ô thì không có thể vượt qua hai, bởi vì tâm ấy là nhiễm ô cho nên không trái ngược nhau.

Hỏi: Như Khổ pháp trí duyên với cõi Dục không gián đoạn thì khởi lên Khổ loại nhẫn, cho đến duyên với Hữu đảnh, vì sao nói là tâm không nhiễm ô thì không có thể vượt qua hai?

Đáp: Đó chỉ là duyên chung cho nên không gọi là vượt qua, bởi vì cũng cùng duyên với địa khác, cho nên không phải là vấn nạn.

Hỏi: Nơi nào có thể vượt qua Định?

Đáp: Ở cõi Dục chứ không phải là cõi Sắc-Vô sắc, ở nẻo người chứ không phải là nẻo khác, ở ba châu chứ không phải là châu Bắc Câu-lô, người nam-người nữ đều có thể vượt qua Định.

Tôn giả Tăng-già-phiệt-tô nói rằng: "Chỉ riêng châu Thiệm Bộ, chỉ riêng người nam có thể vượt qua Định, châu khác và người nữ bởi vì sở y yếu kém cho nên không có thể vượt qua."

Nói như vậy thì châu khác và người nữ cũng có thể vượt qua Định, bởi vì những nơi ấy cũng đạt được tự tại đối với Tam-ma-địa.

Hỏi: Những Bổ-đặc-già-la nào có thể vượt qua Định?

Đáp: Là Thánh giả chứ không phải là dị sinh, là Vô học chứ không phải là Học; trong Vô học thì Bất thời giải thoát chứ không phải là Thời giải thoát; ở trong Bất thời giải thoát cần phải đạt được công đức thù thắng của Nguyện trí-Định Biên tế…, sau đó mới có thể vượt qua.

Hỏi: Vì sao chỉ riêng Bất thời giải thoát Vô học mới có thể vượt qua Định?

Đáp: Cần phải trong sự nối tiếp nhau không có các phiền não, đối với Định đạt được tự tại thì mới có thể vượt qua Định; trong sự nối tiếp nhau của Học hãy còn có phiền não, Thời giải thoát đối với Định không đạt được tự tại, cho nên không có thể vượt qua Định.

Hỏi: Những căn thiện nào không gián đoạn thì có thể vượt qua Định?

Đáp: Những căn thiện như Vô lượng, Giải thoát, Thắng xứ, Biến xứ, các thần thông… không gián đoạn thì đều không có thể vượt qua Định; chỉ riêng căn thiện của những hành tướng như Vô thường…không gián đoạn thì có thể vượt qua Định. Nguyên cớ thế nào? Bởi vì cần phải là căn thiện mạnh mẽ nhanh nhạy và tăng thượng thì mới có thể vượt qua Định.

-oOo-

LUẬN A TỲ ĐẠT MA ĐẠI TỲ BÀ SA

QUYỂN 166

CHƯƠNG VII: ĐỊNH UẨN (Tiếp Theo)

Phẩm Thứ Ba: LUẬN VỀ NHIẾP

LUẬN VỀ NHIẾP (Phần 1)

Mười Tưởng, đó là Tưởng về Vô thường, Tưởng về Vô thường- Khổ, Tưởng về Khổ-Vô ngã, Tưởng về Chết, Tưởng về Bất tịnh, Tưởng về Chán ăn, Tưởng về Tất cả thế gian không đáng vui, Tưởng về Đoạn, Tưởng về Lìa, Tưởng về Diệt. Các chương như vậy và giải thích về nghĩa từng chương đã lĩnh hội rồi, tiếp theo cần phải phân biệt rộng ra.

Hỏi: Vì sao trong này trước phải dựa vào mười Tưởng để soạn luận?

Đáp: Bởi vì đó là ý của người soạn luận muốn như vậy, tùy theo ý muốn ấy mà soạn ra phần luận này, nhưng không trái với pháp tướng thì không cần phải vặn hỏi.

Có người nói: Bởi vì muốn phân biệt nghĩa lý trong kinh. Như trong kinh nói: "Có mười Tưởng, đó là Tưởng về Vô thường cho đến Tưởng về Diệt." Trong kinh tuy nói ra điều này mà không giải thích rộng ra, nay muốn giải thích về điều ấy cho nên soạn ra phần luận này.

Hỏi: Vì sao trong này chỉ nói mười Tưởng?

Đáp: Điều này không cần phải hỏi, bởi vì là kinh do Đức Phật đã nói ra, Đức Phật ở khắp nơi trong kinh chỉ nói mười Tưởng, người soạn luận từ trong lời Đức Phật đã nói không có thể tăng một mà nói là mười một Tưởng, không có thể giảm một mà nói là chín Tưởng. Nguyên cớ thế nào? Bởi vì pháp mà Đức Phật đã nói không có tăng giảm, cho nên không có thể tăng giảm.

Như không có tăng-không có giảm, không có nhiều-không có ít, không có thiếu-không có thêm, vô lượng vô biên cũng như vậy.

Vô lượng là bởi vì nghĩa khó suy lường, vô biên là bởi vì văn khó hiểu rõ; ví như biển rộng vô lượng vô biên, vô lượng là sâu, vô biên là rộng, giả sử trăm ngàn Na-dữu-đa số các Đại Luận Sư như Xá-lợi-tử, đối với hai

câu trong kinh mà Đức Phật đã nói, soạn ra trăm ngàn bộ luận, phân biệt giải thích đến cùng tánh giác ngộ ấy, cũng không có thể cùng tận giới hạn ấy, huống là nhiều hơn hay sao?

Hỏi: Gác lại vấn đề về người soạn luận, vì sao Đức Thế Tôn chỉ nói mười Tưởng?

Đáp: Bởi vì hữu tình được hóa độ đến đây mà nói là điều cuối cùng. Nghĩa là pháp mà Đức Thế Tôn đã nói, đều quán xét hữu tình thuận theo việc làm khiến cho khéo léo đến cùng, đến đây mà dừng lại không tăng-không giảm; ví như vị thầy thuốc giỏi quán xét người có bệnh, tùy theo thích hợp mà trao cho thuốc uống không tăng-không giảm, Đức Phật cũng như vậy.

Có người nói: Đức Phật vì hiển bày Thánh đạo, gia hạnh của Thánh đạo và quả của Thánh đạo, cho nên nói về mười Tưởng. Nghĩa là nói đến Tưởng về Vô thường, Tưởng về Vô thường-Khổ, Tưởng về Khổ-Vô ngã, Tưởng về Chết, là hiển bày về Thánh đạo; nói đến Tưởng về Bất tịnh, Tưởng về Chán ăn, Tưởng về Tất cả thế gian không đáng vui, là hiển bày về gia hạnh của Thánh đạo; nói đến Tưởng về Đoạn, Tưởng về Lìa, Tưởng về Diệt, là hiển bày về quả của Thánh đạo.

Có người nói: Đức Thế Tôn vì hiển bày về Thánh đạo, tư lương của Thánh đạo và quả của Thánh đạo, cho nên nói về mười Tưởng. Trong này phối hợp giải thích như trước nên biết.

Có người nói: Đức Thế Tôn vì hiển bày về Xa-ma-tha, Tỳ-bát- xá-na và hai quả, cho nên nói về mười Tưởng. Nghĩa là nói đến Tưởng về Bất tịnh, Tưởng về Chán ăn, Tưởng về Tất cả thế gian không đáng vui, là hiển bày về Xa-ma-tha; nói đến Tưởng về Vô thường, Tưởng về Vô thường-Khổ, Tưởng về Khổ-Vô ngã, Tưởng về Chết, là hiển bày về Tỳ-bát-xá-na; nói đến Tưởng về Đoạn, Tưởng về Lìa, Tưởng về Diệt, là hiển bày về hai quả ấy.

Có người nói: Đức Thế Tôn vì hiển bày về bờ bên này, bờ bên kia và thuyền bè, cho nên nói về mười Tưởng. Nghĩa là nói đến Tưởng về Bất tịnh, Tưởng về Chán ăn, Tưởng về Tất cả thế gian không đáng vui, là hiển bày về bờ bên này; nói đến Tưởng về Đoạn, Tưởng về Lìa, Tưởng về Diệt, là hiển bày về bờ bên kia; nói đến Tưởng về Vô thường, Tưởng về Vô thường-Khổ, Tưởng về Khổ-Vô ngã, Tưởng về Chết, là hiển bày về thuyền bè.

Có người nói: Đức Thế Tôn vì hiển bày về lỗi lầm của các Uẩn- các Cõi và quả hoàn diệt ấy, cho nên nói về mười Tưởng. Nghĩa là nói đến

Tưởng về Vô thường, Tưởng về Vô thường-Khổ, Tưởng về Khổ-Vô ngã, là hiển bày về lỗi lầm của các Uẩn; nói đến Tưởng về Bất tịnh, Tưởng về Chán ăn, là hiển bày về lỗi lầm của cõi Dục; nói đến Tưởng về Tất cả thế gian không đáng vui, là hiển bày về lỗi lầm của cõi Sắc; nói đến Tưởng về Chết, là hiển bày về lỗi lầm của cõi Vô sắc; nói đến Tưởng về Đoạn, Tưởng về Lìa, Tưởng về Diệt, là hiển bày về quả hoàn diệt ấy.

Có người nói: Đức Thế Tôn vì hiển bày về tiến vào Chánh tánh ly sinh, lìa nhiễm của ba cõi và quả của đạo ấy, cho nên nói về mười Tưởng. Nghĩa là nói đến Tưởng về Vô thường, Tưởng về Vô thường- Khổ, Tưởng về Khổ-Vô ngã, là hiển bày về tiến vào Chánh tánh ly sinh; nói đến Tưởng về Bất tịnh, Tưởng về Chán ăn, là hiển bày về lìa nhiễm của cõi Dục, bởi vì cõi Dục có ham muốn về Dâm dục và Đoàn thực, cho nên đối với tập khí nhiễm ô ấy không có thể lìa nhiễm của cõi Dục; nói đến Tưởng về Tất cả thế gian không đáng vui, là hiển bày về lìa nhiễm của cõi Sắc, bởi vì cõi Sắc ở trong sinh tử có Hỷ thọ thù thắng nhất, Lạc thọ thù thắng nhất, và niềm vui Khinh an thù thắng nhất ở Tĩnh lự thứ tư, đam mê đối với điều ấy cho nên không có thể lìa nhiễm của cõi Sắc; nói đến Tưởng về Chết, là hiển bày về lìa nhiễm của cõi Vô sắc, bởi vì thọ lượng lâu dài của cõi Vô sắc, say mê giữ gìn đối với điều ấy cho nên không có thể lìa nhiễm của cõi Vô sắc; nói đến Tưởng về Đoạn, Tưởng về Lìa, Tưởng về Diệt, là hiển bày về quả của đạo ấy.

Có người nói: Đức Thế Tôn vì hiển bày về đối trị gần mà sửa trị chướng ngại, cho nên nói về mười Tưởng. Nghĩa là nói đến Tưởng về Vô thường, là hiển bày về đối trị gần do chướng ngại của Ngã mạn trong các hành; nói đến Tưởng về Vô thường-Khổ, là hiển bày về đối trị gần do chướng ngại của Giải đãi; nói đến Tưởng về Khổ-Vô ngã, là hiển bày về đối trị gần do chướng ngại của Ngã kiến; nói đến Tưởng về Bất tịnh, là hiển bày về đối trị gần do chướng ngại của Tham sắc; nói đến Tưởng về Chán ăn, là hiển bày về đối trị gần do chướng ngại của say mê ăn ngon; nói đến Tưởng về Tất cả thế gian không đáng vui, là hiển bày về đối trị gần do chướng ngại của tham đắm điều đáng yêu của thế gian; nói đến Tưởng về Chết, là hiển bày về đối trị gần do chướng ngại của ỷ lại mạng sống mà kiêu ngạo phóng túng; nói đến Tưởng về Đoạn, là hiển bày về đối trị gần do chướng ngại của các pháp sai trái; nói đến Tưởng về Lìa, là hiển bày về đối trị gần do chướng ngại của nhiễm trước; nói đến Tưởng về Diệt, là hiển bày về đối trị gần do chướng ngại của sở y.

Có người nói: Đức Thế Tôn vì hiển bày về đối trị kiến chấp của ngoại

đạo, cho nên nói về mười Tưởng. Nghĩa là các ngoại đạo ở trong Uẩn Vô thường phần nhiều khởi lên chấp là Thường, bởi vì đối trị điều ấy cho nên nói đến Tưởng về Vô thường; do họ đối với Uẩn khởi lên chấp là Thường, cho nên liền nghĩ là vui sướng, bởi vì đối trị điều ấy cho nên nói đến Tưởng về Vô thường-Khổ; do họ đối với Uẩn chấp là có vui sướng, cho nên liền nghĩ là có Ngã, bởi vì đối trị điều ấy cho nên nói đến Tưởng về Khổ-Vô ngã; do họ chấp là có Ngã, cho nên liền nghĩ là có Tịnh, bởi vì đối trị điều ấy cho nên nói đến Tưởng về Bất tịnh và Tưởng về Chán ăn; do họ chấp là có Tịnh, cho nên liền vui say trong sinh tử, bởi vì đối trị điều ấy cho nên nói đến Tưởng về Tất cả thế gian không đáng vui; do họ đắm say sinh tử, cho nên đã không mong cầu Niết-bàn, bởi vì đối trị điều ấy cho nên nói đến Tưởng về Đoạn, Tưởng về Lìa, Tưởng về Diệt; do họ không mong cầu Niết-bàn, cho nên bảo vệ yêu quý thọ mạng, bởi vì đối trị điều ấy cho nên nói đến Tưởng về Chết.

Có người nói: Đức Thế Tôn vì hiển bày về chán ngán lỗi lầm, xa lìa lỗi lầm và chứng được công đức đã lìa xa lỗi lầm ấy, cho nên nói về mười Tưởng. Nghĩa là nói đến Tưởng về Bất tịnh, Tưởng về Chán ăn, Tưởng về Tất cả thế gian không đáng vui, là hiển bày về chán ngán lỗi lầm; nói đến Tưởng về Vô thường, Tưởng về Vô thường-Khổ, Tưởng về Khổ-Vô ngã, Tưởng về Chết, là hiển bày về xa lìa lỗi lầm; nói đến Tưởng về Đoạn, Tưởng về Lìa, Tưởng về Diệt, là hiển bày về chứng được công đức đã lìa xa lỗi lầm ấy.

Có người nói: Đức Thế Tôn vì hiển bày về Đoạn trong tạm thời và Đoạn đến cuối cùng, cho nên nói về mười Tưởng. Nghĩa là nói đến Tưởng về Bất tịnh, Tưởng về Chán ăn, Tưởng về Tất cả thế gian không đáng vui, là hiển bày về Đoạn trong tạm thời; nói đến bảy Tưởng còn lại, là hiển bày về Đoạn đến cuối cùng. Như Đoạn trong tạm thời-Đoạn đến cuối cùng, như vậy Đoạn có bóng dáng-Đoạn không có bóng dáng, Đoạn có sót lại-Đoạn không có sót lại, Đoạn có ràng buộc-Đoạn không có ràng buộc, Đoạn bẻ gãy cành lá-Đoạn nhổ bật gốc rễ, Đoạn áp chế đè bẹp Triền-Đoạn làm hại Tùy miên cũng như vậy.

Có người nói: Đức Thế Tôn vì hiển bày về gia hạnh lìa nhiễm của ba cõi, đạo lìa nhiễm của ba cõi, lìa nhiễm của ba cõi, cho nên nói về mười Tưởng. Nghĩa là nói đến Tưởng về Bất tịnh, Tưởng về Chán ăn, là hiển bày về gia hạnh lìa nhiễm của ba cõi; nói đến Tưởng về Vô thường, là hiển bày về đạo lìa nhiễm của ba cõi; nói đến Tưởng về Đoạn, là hiển bày về lìa nhiễm của cõi Dục; nói đến Tưởng về Tất cả thế gian không đáng vui, là

hiển bày về gia hạnh lìa nhiễm của cõi Sắc; nói đến Tưởng về Vô thường-Khổ, là hiển bày về đạo lìa nhiễm của cõi Sắc; nói đến Tưởng về Lìa, là hiển bày về lìa nhiễm của cõi Sắc; nói đến Tưởng về Chết, là hiển bày về gia hạnh lìa nhiễm của cõi Vô sắc; nói đến Tưởng về Khổ-Vô ngã, là hiển bày về đạo lìa nhiễm của cõi Vô sắc; nói đến Tưởng về Diệt, là hiển bày về lìa nhiễm của cõi Vô sắc.

Như vậy mười Tưởng, phân biệt về Cõi: Tưởng về Bất tịnh, Tưởng về Chán ăn, Tưởng về Tất cả thế gian không đáng vui, là thuộc về cõi Dục-Sắc; các Tưởng còn lại là thuộc về ba cõi và không phải là thuộc về cõi.

Địa: Tưởng về Bất tịnh, Tưởng về Chán ăn thuộc về mười địa, đó là cõi Dục, Tĩnh lự trung gian, bốn Tĩnh lự và bốn Cận phần. Tưởng về Tất cả thế gian không đáng vui thuộc về bảy địa, đó là cõi Dục, Vị chí, Tĩnh lự trung gian, bốn Tĩnh lự Căn bản. Bảy Tưởng còn lại, hữu lậu thì thuộc về mười một địa, đó là cõi Dục, Vị chí, Tĩnh lự trung gian, bốn Tĩnh lự Căn bản, bốn Vô sắc; vô lậu thì thuộc về chín địa, đó là Vị chí, Tĩnh lự trung gian, bốn Tĩnh lự Căn bản, ba Vô sắc dưới.

Sở y: Tưởng về Bất tịnh, Tưởng về Chán ăn, Tưởng về Tất cả thế gian không đáng vui, dựa vào cõi Dục; còn lại thì dựa vào ba cõi.

Hành tướng: Tưởng về Vô thường làm hành tướng Vô thường, Tưởng về Vô thường-Khổ làm hành tướng Khổ, Tưởng về Khổ-Vô ngã làm hành tướng Vô ngã, Tưởng về Bất tịnh làm hành tướng Bất tịnh, Tưởng về Chán ăn làm hành tướng Chán bỏ, Tưởng về Tất cả thế gian không đáng vui làm hành tướng Không đáng vui, Tưởng về Chết làm hành tướng Chết, Tưởng về Đoạn làm hành tướng Đoạn, Tưởng về Lìa làm hành tướng Lìa, Tưởng về Diệt làm hành tướng Diệt.

Có người nói: Tất cả ba loại sau đều làm bốn hành tướng Diệt- Tĩnh-Diệu-Ly.

Hỏi: Tưởng về Chết cũng bao gồm vô lậu, vì sao Thánh đạo lại làm hành tướng Chết?

Đáp: Chết làm sở duyên cho nên gọi là Tưởng về Chết, nhưng Tưởng ấy vẫn làm hành tướng Vô thường.

Hỏi: Nếu như vậy thì Tưởng về Chết và Tưởng về Vô thường có gì sai biệt?

Đáp: Có người nói: Quán sát các hành cuối cùng là Vô thường, Tưởng này gọi là Tưởng về Chết; quán sát các hành Vô thường trong sát-na, Tưởng này gọi là Tưởng về Vô thường.

Có người nói: Quán sát các hành Vô thường có chấp thọ, Tưởng này

gọi là Tưởng về Chết; quán sát các hành Vô thường có chấp thọ- không có chấp thọ, Tưởng này gọi là Tưởng về Vô thường.

Có người nói: Đối với Xứ của hữu tình mà chuyển thì gọi là Tưởng về Chết, đối với Pháp xứ mà chuyển thì gọi là Tưởng về Vô thường.

Hỏi: Nếu Tưởng về Chán ăn làm hành tướng Chán bỏ, thì Tưởng về Bất tịnh ấy cũng làm hành tướng Chán bỏ, hai loại này có gì sai biệt?

Đáp: Tưởng về Bất tịnh thì chán bỏ đối với Sắc, Tưởng về Chán ăn thì chán bỏ đối với Vị.

Có người nói: Tưởng về Bất tịnh đối trị với tham dâm, Tưởng về Chán ăn đối trị với tham ăn. Những người có ý muốn làm cho không có Thánh đạo ở ngoài mười sáu hành tướng, họ nói Tưởng về Đoạn-Lìa- Diệt vô lậu, tức là làm bốn loại hành tướng của Diệt đế. Những người có ý muốn làm cho có Thánh đạo ở ngoài mười sáu hành tướng, họ nói Tưởng về Đoạn vô lậu tức là làm hành tướng Đoạn, cho đến Tưởng về Diệt vô lậu tức là làm hành tướng Diệt.

Sở duyên: Tưởng về Vô thường, hữu lậu thì ba Đế làm sở duyên, vô lậu thì Khổ đế làm sở duyên. Tưởng về Vô thường-Khổ, hữu lậu thì hai Đế làm sở duyên, vô lậu thì Khổ đế làm sở duyên. Tưởng về Khổ- Vô ngã, hữu lậu thì tất cả pháp làm sở duyên, vô lậu thì Khổ đế làm sở duyên. Nhưng trong này Đức Phật đã nói về ba Tưởng chỉ duyên với Khổ đế chứ không phải là Đế nào khác. Tưởng về Bất tịnh do Nhãn thức làm gia hạnh mà dẫn dắt phát khởi, cho nên Sắc xứ làm sở duyên.

Tưởng về Chán ăn bởi vì chán ngán Đoàn thực, cho nên Hương- Vị- Xúc xứ làm sở duyên. Có người nói: Tưởng này cũng do Nhãn thức làm gia hạnh mà dẫn dắt phát khởi, cho nên chỉ dùng Sắc xứ làm sở duyên.

Tưởng về Tất cả thế gian không đáng vui. Có người nói: Chỉ duyên với cõi Dục, bởi vì nói Tưởng này là đối trị của tham dục, duyên với điều đáng yêu của thế gian, tham dục này chỉ có ở cõi Dục. Trong này, có người nói: Chỉ duyên với điều đáng yêu của thế gian. Có người nói: Cũng duyên với điều đáng yêu mà khởi lên tham dục.

Hỏi: Nếu chỉ duyên với cõi Dục, thì tại sao gọi là Tưởng về Tất cả thế gian không đáng vui?

Đáp: Tất cả (nhất thiết) có hai loại:

1. Tất cả của tất cả.

2. Phần ít của tất cả.

Trong này nói đến phần ít của tất cả, vì thế cho nên không có lỗi.

Có người nói: Tưởng này bao gồm duyên với ba cõi, bởi vì gọi là Tưởng về Tất cả thế gian không đáng vui.

Hỏi: Nếu như vậy thì tại sao nói Tưởng này là đối trị của tham dục, duyên với điều đáng yêu của thế gian, bởi vì tham dục ấy chỉ có ở cõi Dục?

Đáp: Kinh ấy hiển bày rõ ràng về bắt đầu khởi lên tiến vào gia hạnh, cho nên đưa ra cách nói này. Nếu đã thường xuyên luyện tập thành tựu đầy đủ, thì cũng có thể đoạn bỏ tham dục của cõi Sắc-Vô sắc, vì thế cho nên không có lỗi.

Tưởng về Chết, có người nói: Lấy Mạng căn trong sát-na cuối cùng làm sở duyên.

Có người nói: Lấy Mạng căn Vô thường trong sát-na cuối cùng làm sở duyên.

Có người nói: Lấy năm Uẩn câu sinh của Mạng căn trong sát- na cuối cùng làm sở duyên. Có người nói: Lấy năm Uẩn câu sinh Vô thường của Mạng căn trong sát-na cuối cùng làm sở duyên.

Có người nói: Lấy Mạng căn của tất cả Chúng đồng phần làm sở duyên.

Có người nói: Lấy Mạng căn Vô thường của tất cả Chúng đồng phần làm sở duyên.

Có người nói: Lấy năm Uẩn câu sinh thuộc Mạng căn của tất cả Chúng đồng phần làm sở duyên.

Có người nói: Lấy năm Uẩn câu sinh Vô thường thuộc Mạng căn của tất cả Chúng đồng phần làm sở duyên.

Nói như vậy thì lấy năm Uẩn câu sinh Vô thường của Mạng căn cuối cùng làm sở duyên. Tưởng về Đoạn lấy Đoạn làm sở duyên, Tưởng về Lìa lấy Lìa làm sở duyên, Tưởng về Diệt lấy Diệt làm sở duyên. Ba Tưởng sau cùng này tùy theo riêng biệt như vậy, tức là đều lấy Niết-bàn Diệt đế làm nghĩa của sở duyên.

Niệm trú: Tưởng về Vô thường, Tưởng về Vô thường-Khổ, Tưởng về Khổ-Vô ngã, đi cùng với bốn Niệm trú. Tưởng về Bất tịnh, Tưởng về Chán ăn, đi cùng với Thân niệm trú.

Tưởng về Tất cả thế gian không đáng vui, có người nói: Đi cùng với Thân niệm trú.

Có người nói: Đi cùng với Pháp niệm trú.

Tưởng về Chết, Tưởng về Đoạn-Lìa-Diệt, đi cùng với Pháp niệm trú.

Trí: Tưởng về Vô thường, Tưởng về Vô thường-Khổ, Tưởng về Khổ-

Vô ngã, Tưởng về Chết, tương ưng với bốn Trí, đó là Pháp trí-Loại trí-Khổ trí-Thế tục trí. Tưởng về Bất tịnh, Tưởng về Chán ăn, Tưởng về Tất cả thế gian không đáng vui, tương ưng với một Trí, đó là Thế tục trí. Tưởng về Đoạn-Lìa-Diệt, tương ưng với bốn Trí, đó là Pháp trí-Loại trí-Diệt trí-Thế tục trí.

Tam-ma-địa: Tưởng về Vô thường, Tưởng về Vô thường-Khổ, Tưởng về Chết, vô lậu thì tương ưng với Tam-ma-địa Vô nguyện. Tưởng về Khổ-Vô ngã, vô lậu thì tương ưng với Tam-ma-địa Không. Tưởng về Đoạn-Lìa-Diệt, vô lậu thì tương ưng với Tam-ma-địa Vô tướng. Tưởng về Bất tịnh, Tưởng về Chán ăn, Tưởng về Tất cả thế gian không đáng vui, và trong bảy Tưởng còn lại, hữu lậu thì đều không tương ưng với Tam-ma-địa.

Căn: Nói chung đều tương ưng với ba Căn, đó là Lạc-Hỷ và Xả căn.

Đời: Đều thuộc về ba đời.

Duyên với đời: Tưởng về Vô thường, Tưởng về Vô thường-Khổ, Tưởng về Khổ-Vô ngã, duyên với ba đời. Tưởng về Bất tịnh, Tưởng về Chán ăn, Tưởng về Tất cả thế gian không đáng vui, thì quá khứ duyên với quá khứ, hiện tại duyên với hiện tại, vị lai sinh ra thì duyên với vị lai, không sinh ra thì duyên với ba đời.

Tưởng về Chết, có người nói: Duyên với ba đời. Có người nói: Duyên với vị lai.

Tưởng về Đoạn-Lìa-Diệt, duyên với không phải là đời. Thiện…: Tất cả đều là thiện.

Duyên với thiện… Tưởng về Vô thường, Tưởng về Vô thường- Khổ, Tưởng về Khổ-Vô ngã, Tưởng về Bất tịnh, duyên với thiện-bất thiện và vô ký. Tưởng về Chán ăn, duyên với vô ký. Tưởng về Tất cả thế gian không đáng vui, có người nói: Duyên với ba loại. Có người nói: Duyên với bất thiện và vô ký.

Tưởng về Chết, có người nói: Duyên với vô ký. Có người nói: Duyên với cả ba loại.

Tưởng về Đoạn-Lìa-Diệt, chỉ duyên với thiện.

Hệ thuộc ba cõi-không hệ thuộc: Tưởng về Bất tịnh, Tưởng về Chán ăn, Tưởng về Tất cả thế gian không đáng vui, hệ thuộc cõi Dục- Sắc; những Tưởng còn lại hệ thuộc ba cõi và không hệ thuộc.

Duyên với hệ thuộc ba cõi-không hệ thuộc: Tưởng về Vô thường, Tưởng về Vô thường-Khổ, Tưởng về Khổ-Vô ngã, Tưởng về Chết, duyên

với hệ thuộc ba cõi. Tưởng về Bất tịnh, Tưởng về Chán ăn, duyên với hệ thuộc cõi Dục.

Tưởng về Tất cả thế gian không đáng vui, có người nói: Duyên với cõi Dục, bởi vì nói Tưởng này là đối trị của tham dục, duyên với điều đáng yêu của thế gian, tham dục này chỉ có ở cõi Dục. Có người nói: Duyên với ba cõi, bởi vì Tưởng này gọi là Tưởng về Tất cả thế gian không đáng vui. Nói như vậy thì cách nói thứ nhất là hợp lý.

Tưởng về Đoạn-Lìa-Diệt duyên với không hệ thuộc.

Học… Tưởng về Bất tịnh, Tưởng về Chán ăn, Tưởng về Tất cả thế gian không đáng vui, chỉ là Phi học phi vô học; những Tưởng còn lại bao gồm ba loại, đó là Học-Vô học và Phi học phi vô học.

Duyên với Học… Tất cả các Tưởng đều duyên với Phi học phi vô học.

Do Kiến mà đoạn… Tưởng về Bất tịnh, Tưởng về Chán ăn, Tưởng về Tất cả thế gian không đáng vui, chỉ là do Tu mà đoạn; những Tưởng còn lại bao gồm do Tu mà đoạn và không đoạn.

Duyên với do Kiến mà đoạn… Tưởng về Vô thường, Tưởng về Vô thường-Khổ, Tưởng về Khổ-Vô ngã, duyên với do Kiến-Tu mà đoạn. Tưởng về Bất tịnh, Tưởng về Chán ăn, Tưởng về Tất cả thế gian không đáng vui, duyên với do Tu mà đoạn.

Tưởng về Chết, có người nói: Duyên với do Tu mà đoạn. Có người nói: Duyên với do Kiến-Tu mà đoạn.

Tưởng về Đoạn-Lìa-Diệt, duyên với không đoạn.

Duyên với danh-nghĩa: Tưởng về Vô thường, Tưởng về Vô thường-Khổ, Tưởng về Khổ-Vô ngã, bao gồm duyên với danh và nghĩa.

Tưởng về Chết, có người nói: Chỉ duyên với nghĩa. Có người nói: Bao gồm duyên với danh và nghĩa. Sáu Tưởng còn lại chỉ duyên với nghĩa.

Duyên với sự nối tiếp nhau của mình… Bảy Tưởng trước duyên với sự nối tiếp nhau của mình và nơi khác, ba Tưởng sau duyên với không phải là sự nối tiếp nhau.

Gia hạnh đắc-lìa nhiễm đắc và sinh đắc: Tất cả đều là gia hạnh đắc và lìa nhiễm đắc, không phải là sinh đắc.

Hữu lậu-vô lậu: Tưởng về Bất tịnh, Tưởng về Chán ăn, Tưởng về Tất cả thế gian không đáng vui, chỉ là hữu lậu; những Tưởng còn lại bao gồm hữu lậu và vô lậu.

Các Sư nước ngoài nói: “Tưởng về Chết chỉ là hữu lậu. Nguyên cớ

thế nào? Bởi vì không phải là các Thánh đạo làm chuyển hành tướng đang chết của Ngã."

Lời bình: Nên nói Tưởng này bao gồm hữu lậu và vô lậu, bởi vì Tưởng này lúc gia hạnh tuy làm hành tướng đang chết của Ngã…, nhưng nếu lúc thành tựu đầy đủ thì đối với cảnh ấy vẫn làm chuyển hành tướng Vô thường.

Duyên với hữu lậu-vô lậu: Bảy Tưởng trước duyên với hữu lậu, ba Tưởng sau duyên với vô lậu.

Hỏi: Mười Tưởng này, mấy loại là hữu lậu duyên với vô lậu, mấy loại là vô lậu duyên với hữu lậu, mấy loại là hữu lậu duyên với hữu lậu, mấy loại là vô lậu duyên với vô lậu?

Đáp: Phần ít của ba loại là hữu lậu duyên với vô lậu, phần ít của bốn loại là vô lậu duyên với hữu lậu, ba loại toàn phần và phần ít của bốn loại là hữu lậu duyên với hữu lậu, phần ít của ba loại là vô lậu duyên với vô lậu.

Hỏi: Mười Tưởng này, mấy loại không phải là hữu lậu, không phải là không duyên với hữu lậu, cho đến rộng ra làm thành bốn câu phân biệt? Đáp: Câu thứ hai của phần trước làm câu thứ nhất ở phần này, câu thứ nhất của phần trước làm câu thứ hai ở phần này, câu thứ tư của phần trước làm câu thứ ba ở phần này, câu thứ ba của phần trước làm câu thứ tư ở phần này.

Hữu vi-vô vi: Tất cả các Tưởng đều là hữu vi.

Duyên với hữu vi-vô vi: Bảy Tưởng trước duyên với hữu vi, ba Tưởng sau duyên với vô vi.

Hỏi: Mười Tưởng này, mấy loại là tự tánh của Đoạn chứ không phải là sở duyên của Đoạn, mấy loại là sở duyên của Đoạn chứ không phải là tự tánh của Đoạn, mấy loại là tự tánh của Đoạn cũng là sở duyên của Đoạn, mấy loại không phải là tự tánh của Đoạn cũng không phải là sở duyên của Đoạn?

Đáp: Phần ít của ba loại là tự tánh của Đoạn chứ không phải là sở duyên của đoạn, phần ít của bốn loại là sở duyên của Đoạn chứ không phải là tự tánh của Đoạn, ba loại toàn phần và phần ít của bốn loại cũng là tự tánh của Đoạn-cũng là sở duyên của Đoạn, phần ít của ba loại không phải là tự tánh của Đoạn cũng không phải là sở duyên của Đoạn.

Hỏi: Mười Tưởng này, mấy loại không phải là tự tánh của Đoạn, không phải là sở duyên của Đoạn, cho đến rộng ra làm thành bốn câu phân biệt?

Đáp: Câu thứ hai của phần trước làm câu thứ nhất ở phần này, câu thứ nhất của phần trước làm câu thứ hai ở phần này, câu thứ tư của phần trước làm câu thứ ba ở phần này, câu thứ ba của phần trước làm câu thứ tư ở phần này.

Hỏi: Mười Tưởng này, mấy loại là Chuyển, mấy loại là Tùy chuyển?

Đáp: Ba loại là Chuyển, đó là Tưởng về Bất tịnh, Tưởng về Chán ăn, Tưởng về Chết; bảy loại còn lại là Tùy chuyển.

Hỏi: Nếu như vậy thì lúc Tưởng nào chuyển có mấy Tưởng tùy chuyển?

Đáp: Lúc Tưởng về Bất tịnh, Tưởng về Chán ăn chuyển, đều có bốn Tưởng tùy chuyển, đó là Tưởng về Tất cả thế gian không đáng vui, và Tưởng về Đoạn-Lìa-Diệt. Lúc Tưởng về Chết chuyển, có bảy Tưởng tùy chuyển, đó là Tưởng về Vô thường, Tưởng về Vô thường-Khổ, Tưởng về Khổ-Vô ngã, Tưởng về Tất cả thế gian không đáng vui.

Thế nào là bốn Tưởng tùy chuyển lúc Tưởng về Bất tịnh chuyển? Nghĩa là lúc người tu hành khởi lên Tưởng về Bất tịnh, trước tiên đi đến bãi tha ma quán về tướng bất tịnh, đó là xác chết bầm xanh-phình trướng-rữa nát, hoặc là giòi bọ-chim thú rỉa ăn, máu thịt bừa bãi-hình hài rời rã, hoặc là thịt hết-gân nối liền nhau, chỉ thấy bộ xương nối liền theo thứ tự.

Giữ lấy tướng này rồi, đến một nơi gần đó nhắm mắt tư duy, nếu đều rõ ràng hiện ra trước mắt thì tốt, nếu không rõ ràng thì nên quay lại để quán sát. Như vậy cố gắng quán về tướng bất tịnh rồi, nhanh chóng trở về nơi cư trú rửa chân trải chỗ ngồi, ngồi xếp bằng tròn điều hòa thân tâm, làm cho thân tâm mềm mại, thân tâm có thể chịu đựng, thân tâm không còn khó chịu, thân tâm lìa xa phiền não.

Đã làm cho thân tâm lìa xa các phiền não rồi, giữ lấy tướng bên ngoài trước đây để phỏng theo thân của mình, như thân kia-thân này cũng như vậy, như thân này-thân kia cũng như vậy.

Nghĩa là thân này của mình có đủ các tướng bất tịnh như trước, nhờ vào xương bàn chân để chống đỡ xương mắt cá chân, nhờ vào xương mắt cá chân để chống đỡ xương ống chân, nhờ vào xương ống chân để chống đỡ xương đầu gối, nhờ vào xương đầu gối để chống đỡ xương đùi, nhờ vào xương đùi để chống đỡ xương hông, nhờ vào xương hông để chống đỡ xương eo, nhờ vào xương eo để chống đỡ xương sống, nhờ vào xương sống kề sát nối liền bắp thịt với xương.

Lại nhờ vào xương bàn tay để chống đỡ xương khuỷu tay, nhờ vào xương khuỷu tay để chống đỡ xương cánh tay, nhờ vào xương cánh tay để

chống đỡ xương vai, nhờ vào xương vai để chống đỡ xương sống.

Lại nhờ vào xương sống để chống đỡ xương gáy, nhờ vào xương gáy để chống đỡ xương quai hàm, nhờ vào xương quai hàm để chống đỡ bộ răng, phía trên có đầu lâu. Bộ xương theo thứ tự ở trong thân này như vậy, khéo chọn lấy tướng rồi buộc niệm ở giữa chặng mày.

Nhưng ý thích ấy có mở rộng-có tóm lược. Nếu người thích tóm lược thì từ giữa chặng mày tiến vào Thân niệm trú, từ Thân niệm trú tiến vào Thọ niệm trú, từ Thọ niệm trú tiến vào Tâm niệm trú, từ Tâm niệm trú tiến vào Pháp niệm trú.

Nếu người thích mở rộng thì từ giữa chặng mày khởi lên, tiếp tục quán đầu lâu-bộ răng-xương quai hàm, theo thứ tự quán sát cho đến xương bàn chân, tiếp theo nhờ vào lực tác ý thắng giải, cho nên khiến bộ xương đã quán dần dần tăng lên-dần dần rộng ra, đầy khắp một chiếc giường-một căn phòng-một tòa nhà-một ngôi chùa-một thôn làng-một cánh đồng-một khu thành-một quốc gia, cho đến bến bờ biển rộng-tất cả mặt đất, đầy khắp mọi nơi đều là xương trắng.

Tiếp tục dùng lực tác ý thắng giải, cho nên từ đó dần dần tóm lược rời bỏ mặt đất đầy xương trắng quán đến một quốc gia, rời bỏ một quốc gia quán đến một khu thành, cho đến rời bỏ một căn phòng quán đến một chiếc giường. Tiếp tục rời bỏ tướng xương vốn có bằng một chiếc giường, chỉ quán đến xương trong thân, đó là quán về xương bàn chân, tiếp theo quán về xương mắt cá chân, tiếp theo quán về xương ống chân, cho đến cuối cùng quán về xương đầu lâu, rời bỏ xương đầu lâu buộc niệm ở giữa chặng mày.

Sư Du-già ấy nếu tự tại đối với sự mở rộng và tóm lược như vậy, thì gọi là thành tựu quán Bất tịnh. Nhưng quán Bất tịnh này, có lúc ít sở duyên chứ không phải là ít tự tại, nên làm thành bốn câu phân biệt:

1. Có lúc ít sở duyên chứ không phải là ít tự tại, đó là chỉ tư duy về tướng bộ xương của thân mình, mà có thể thường xuyên tiến vào và rời khỏi quán ấy.

2. Có lúc ít tự tại chứ không phải là ít sở duyên, đó là có thể tư duy về tướng bộ xương khắp mặt đất, mà không có thể thường xuyên tiến vào và rời khỏi quán ấy.

3. Có lúc ít tự tại mà cũng ít sở duyên, đó là chỉ tư duy về tướng bộ xương của thân mình, cũng không có thể thường xuyên tiến vào và rời khỏi quán ấy.

4. Có lúc không phải là ít tự tại mà cũng không phải là ít sở duyên,

đó là có thể tư duy về tướng bộ xương khắp mặt đất, cũng có thể thường xuyên tiến vào và rời khỏi quán ấy.

Vả lại, quán Bất tịnh này có lúc là sở duyên vô lượng chứ không phải là tự tại vô lượng, nên làm thành bốn câu phân biệt: Đó là câu thứ hai của phần trước làm câu thứ nhất ở phần này, câu thứ nhất của phần trước làm câu thứ hai ở phần này, câu thứ tư của phần trước làm câu thứ ba ở phần này, câu thứ ba của phần trước làm câu thứ tư ở phần này.

Sư Du-già ấy quán sát về tướng bất tịnh như vậy rồi, dấy lên tư duy này: Các hành sinh tử, đâu đáng vui mừng? Lúc bấy giờ đã hoàn toàn không ham thích đối với các hành của ba cõi Dục-Sắc-Vô sắc. Bởi vì như vậy cho nên Tưởng về Tất cả thế gian không đáng vui đã tu trước đó liền được trọn vẹn. Bởi vì lúc ấy không vui thích đối với sinh tử cho nên đã vui mừng đối với Niết-bàn. Bởi vì nhân duyên này cho nên Tưởng về Đoạn-Lìa-Diệt đã tu tập trước đó đều được trọn vẹn. Như vậy là bốn Tưởng tùy chuyển lúc Tưởng về Bất tịnh chuyển.

Thế nào là bốn Tưởng tùy chuyển lúc Tưởng về Chán ăn chuyển? Nghĩa là lúc người tu hành khởi lên Tưởng về Chán ăn, quán thức ăn cầm trong tay, hoặc là thức ăn trong bát từ đâu mà thành? Biết là từ các loại thóc lúa. Lại quán các loại thóc lúa từ đâu mà có? Biết là từ các loại hạt giống sai biệt trong ruộng. Lại quán các loại hạt giống do đâu mà sinh ra? Biết là do các loại bùn đất phân bón. Như vậy quán rồi liền dấy lên ý nghĩ này: Thức ăn này lần lượt chuyển đổi từ bất tịnh sinh ra, lại có thể lần lượt chuyển đổi sinh ra các thứ bất tịnh, người nào có trí mà tham đắm trong đó?

Vả lại, hành giả ấy hoặc là thường đi khất thực, hoặc là ăn trong Tăng chúng.

Thường đi khất thực: Lúc sáng sớm xỉa răng súc miệng, đối với nước dấy lên tưởng về nước tiểu, đối với tăm xỉa răng dấy lên tưởng về xương ngón tay. Lúc mặc áo ôm bát đi vào thôn làng, đối với áo dấy lên tưởng về da người ẩm ướt, đối với dây lưng dấy lên tưởng về ruột người, đối với bình bát dấy lên tưởng về đầu lâu, đối với tích trượng dấy lên tưởng về xương ống chân, đối với đá sỏi nhìn thấy giữa đường đi dấy lên tưởng về xương khô. Đã đến thôn làng thấy những tường thành dấy lên tưởng về mồ mả, thấy những trai gái dấy lên tưởng về bộ xương.

Vào lúc khất thực, nếu có được bánh thì dấy lên tưởng về bụng người, nếu có được bột rang thì dấy lên tưởng về xương vụn, nếu có được muối thì dấy lên tưởng về răng người, nếu có được cơm thì dấy lên tưởng về giòi

bọ, nếu có được các loại rau thì dấy lên tưởng về tóc người, nếu có được canh thịt thì dấy lên tưởng về chất nước cặn bã, nếu có được sữa đặc thì dấy lên tưởng về não người, nếu có được bơ sữa thì dấy lên tưởng về mỡ người, nếu có được cá và thịt thì dấy lên tưởng về thịt người, nếu có được các thức uống thì dấy lên tưởng về máu người, nếu có được những viên thuốc Hoan hỷ thì dấy lên tưởng về phân khô.

Ăn trong Tăng chúng: Nếu có được rau sạch thì dấy lên tưởng về tóc người chết, ngồi ở nơi giường ghế dấy lên tưởng về đống xương, đối với những đồ ăn thức uống có được dấy lên Tưởng về Bất tịnh, đều nói như trước.

Hỏi: Vì sao hành giả đối với những đồ ăn thức uống đều dấy lên Tưởng về Bất tịnh?

Đáp: Lúc ấy hành giả dấy lên tư duy như vậy: Mình từ vô thỉ đến nay chìm trong sinh tử, bởi vì đối với bất tịnh dấy lên Tưởng về tịnh, cho nên luân hồi khắp năm nẻo nhận chịu những sự khổ não. Nay muốn tránh xa nơi ấy, hướng về niềm vui Niết-bàn, vì thế cho nên từ trong đó quán làm bất tịnh.

Lại nữa, lúc ấy hành giả dấy lên ý nghĩ này: Đừng làm cho mình đối với đồ ăn thức uống sinh ra ý tưởng về tịnh, bởi vì tăng thêm tâm tham chướng ngại Thánh đạo. Cho nên đối với đồ ăn thức uống dấy lên Tưởng về Bất tịnh, do Tưởng về Bất tịnh mà có thể chán ngán lìa bỏ.

Sư Du-già ấy đối với thức ăn khởi lên Tưởng chán ngán như vậy rồi, dấy lên tư duy này: Các hành sinh tử, đâu đáng vui mừng? Liền sinh ra chán ngán đối với các hành của ba cõi. Bởi vì như vậy cho nên Tưởng về Tất cả thế gian không đáng vui đã tu trước đó liền được trọn vẹn. Bởi vì lúc ấy chán ngán đối với sinh tử cho nên đã vui mừng đối với Niết-bàn. Bởi vì nhân duyên này cho nên Tưởng về Đoạn-Lìa-Diệt đã tu tập trước đó đều được trọn vẹn. Như vậy là bốn Tưởng tùy chuyển lúc Tưởng về Bất tịnh chuyển.

Thế nào là bảy Tưởng tùy chuyển lúc Tưởng về Chết chuyển? Nghĩa là lúc người tu hành khởi lên Tưởng về Chết, quán sát các pháp sinh diệt trong từng niệm từng niệm.

Người ấy vào mùa Xuân nhìn thấy các loại cỏ cây trổ lá đơm hoa tươi đẹp, hồng tím rực rỡ như màu sắc của vật báu tuyệt vời, sông ngòi ao hồ dẫn tràn đầy nước, chim cá líu lo đùa vui, liền dấy lên nghĩ như vậy: Lúc này các pháp bên ngoài sinh sôi. Người ấy đi vào thôn làng thấy những trai gái, vui mừng ca hát nhảy múa ăn uống, liền đi đến Hỏi: Nơi này vì sao

như vậy?

Trả lời rằng: Nơi này sinh con trai-sinh con gái. Liền dấy lên nghĩ như vậy: Lúc này các pháp bên trong sinh sôi.

Lại vào mùa Hạ nhìn thấy các loại cỏ cây, cành nhánh vút cao um tùm-hoa lá tươi tốt, sông hồ dâng tràn, sóng lớn quay vòng tung bọt vỗ vào ven bờ, liền dấy lên nghĩ như vậy: Lúc này các pháp bên ngoài nay đã hưng thịnh. Người ấy đi vào thôn làng thấy những trai gái, đánh trống thổi kèn-ca múa vui cười sung sướng, ngựa xe tấp nập rộn ràng, liền đi đến Hỏi: Nơi này vì sao như vậy? Trả lời rằng: Trong vùng này có việc lấy vợ-lấy chồng. Liền dấy lên nghĩ như vậy: Lúc này các pháp bên trong nay đã lớn mạnh.

Lại vào mùa Thu nhìn thấy các loại cỏ cây, bị mặt trời mùa Thu hong khô, gió lạnh thổi vào, màu xanh tiêu hết, lá đều vàng úa, dòng nước chảy vào sông hồ dần dần giảm bớt, liền dấy lên nghĩ như vậy: Lúc này các pháp bên ngoài nay đã suy tàn. Người ấy đi vào thôn làng thấy những trai gái, tóc bạc-mặt nhăn cầm gậy mà đi, thân hình còm xuống hơi thở hổn hển, liền dấy lên nghĩ như vậy: Lúc này các pháp bên trong nay đã già yếu.

Lại vào mùa Đông nhìn thấy các loại cỏ cây, sương gió lững lờ lay động, lá đều lả tả rơi rụng, cành nhánh bị gãy chết khô, dòng nước chảy vào sông hồ dần dần đều hết cho đến khô cạn, liền dấy lên nghĩ như vậy: Lúc này các pháp bên ngoài nay đã diệt mất. Người ấy đi vào thôn làng thấy những trai gái, đầu tóc rối tung-đấm ngực kêu gào, lăn lộn dưới đất, liền đi đến Hỏi: Nơi này vì sao như vậy? Trả lời rằng: Nơi này cha mẹ qua đời. Liền dấy lên nghĩ như vậy: Lúc này các pháp bên trong nay đã diệt mất.

Người ấy đối với Vô thường trong-ngoài như vậy, cố gắng giữ lấy tướng rồi nhanh chóng trở về nơi cư trú, rửa chân trải chỗ ngồi, ngồi xếp bằng tròn điều hòa thân tâm, làm cho thân tâm mềm mại, thân tâm có thể chịu đựng, thân tâm không còn khó chịu, thân tâm lìa xa phiền não.

Đã làm cho thân tâm lìa xa các phiền não rồi, bên trong trú vào tâm ấy, tu tập đối với Tưởng về Chết.

Nghĩa là như các tướng Vô thường đã nhìn thấy, quán sát một thời kỳ trong thân, lúc các Uẩn tiến vào thai thì sinh ra, cho đến lúc già-chết thì diệt đi.

Lại đối với một thời kỳ có bao nhiêu phần vị, các Uẩn đều khác nhau, rời bỏ mọi phần vị tùy theo quán một phần vị, các Uẩn trước sinh ra-sau diệt đi.

Lại đối với một phần vị có bao nhiêu năm, các Uẩn đều khác nhau,

rời bỏ mọi năm tùy theo quán một năm, các Uẩn trước sinh ra-sau diệt đi.

Lại đối với một năm có bao nhiêu mùa, các Uẩn đều khác nhau, rời bỏ mọi mùa tùy theo quán một mùa, các Uẩn trước sinh ra-sau diệt đi.

Lại đối với một mùa có bao nhiêu tháng, các Uẩn đều khác nhau, rời bỏ mọi tháng tùy theo quán một tháng, các Uẩn trước sinh ra-sau diệt đi.

Lại đối với một tháng có bao nhiêu ngày đêm, các Uẩn đều khác nhau, rời bỏ mọi ngày đêm tùy theo quán một ngày đêm, các Uẩn trước sinh ra-sau diệt đi.

Lại đối với một ngày đêm có bao nhiêu Mâu-hô-lật-đa, các Uẩn đều khác nhau, rời bỏ mọi Mâu-hô-lật-đa tùy theo quán một Mâu-hô- lật-đa, các Uẩn trước sinh ra-sau diệt đi.

Lại đối với một Mâu-hô-lật-đa có bao nhiêu Lạp-phược, các Uẩn đều khác nhau, rời bỏ mọi Lạp-phược tùy theo quán một Lạp-phược, các Uẩn trước sinh ra-sau diệt đi.

Lại đối với một Lạp-phược có bao nhiêu Đát-sát-na, các Uẩn đều khác nhau, rời bỏ mọi Đát-sát-na tùy theo quán một Đát-sát-na, các Uẩn trước sinh ra-sau diệt đi.

Lại đối với một Đát-sát-na có bao nhiêu Sát-na, các Uẩn đều khác nhau, bởi vì Sát-na nhiều nhất cho nên ở trong đó dần dần quán tóm lược, cho đến quán Uẩn trong hai Sát-na sinh ra, hai Sát-na diệt đi, thì gọi là trọn vẹn gia hạnh về quán Sinh diệt.

Từ đây không gián đoạn có thể quán các Uẩn trong một Sát-na sinh ra, một Sát-na diệt đi, thì gọi là thành tựu về quán Sinh diệt. Lúc bấy giờ gọi là trọn vẹn Tưởng về Chết, bởi vì các phần vị diệt đi tức là chết. Người tu hành ấy quán tỉ mỉ (đế quán) về Uẩn sinh diệt rồi, liền dấy lên nghĩ như vậy: Đức Thế Tôn đã nói các hành Vô thường, quả thật là khéo nói, bởi vì sinh diệt tức là Vô thường.

Như vậy lúc hành giả chuyển Tưởng về Chết, làm cho các Tưởng về Vô thường đã tu trước đó đều được trọn vẹn. Hành giả lại quán các Uẩn nối tiếp nhau, Uẩn trong sát-na trước bởi vì Uẩn trong sát-na sau đã bức bách, cho nên sinh ra rồi liền diệt đi. Như vậy quán rồi liền dấy lên ý nghĩ này: Đức Thế Tôn đã nói Vô thường cho nên Khổ, quả thật là khéo nói, bởi vì bức bách tức là Khổ.

Như vậy lúc hành giả chuyển Tưởng về Chết, làm cho các Tưởng về Vô thường-Khổ đã tu trước đó đều được trọn vẹn. Hành giả lại quán Uẩn trong sát-na trước vừa diệt đi, Uẩn trong sát-na sau đã sinh ra. Giả sử Uẩn trước nghĩ rằng nay mình không diệt đi, Uẩn sau nghĩ rằng nay mình không

sinh ra, lúc ấy đối với sự mong muốn đều không tự tại, bởi vì Uẩn trước do sau thúc ép cho nên chắc chắn diệt đi, Uẩn sau do trước lôi kéo cho nên chắc chắn sinh ra. Như vậy quán rồi liền dấy lên ý nghĩ này: Đức Thế Tôn đã nói Tưởng về Khổ-Vô

ngã, quả thật là khéo nói, bởi vì không tự tại tức là Vô ngã.

Như vậy lúc hành giả chuyển Tưởng về Chết, làm cho Tưởng về Khổ-Vô ngã đã tu trước đó đều được trọn vẹn. Hành giả lại quán các hành sinh diệt không tự tại, cho nên ở trong tụ hành trống rỗng, không sinh lòng ham thích, vì vậy mà không sinh lòng vui thích đối với các hành của ba cõi.

Như vậy lúc chuyển Tưởng về Chết, làm cho Tưởng về Tất cả thế gian không đáng vui đã tu trước đó đều được trọn vẹn. Người tu hành ấy đã không vui thích đối với sinh tử cho nên liền vui với Niết-bàn.

Như vậy lúc chuyển Tưởng về Chết, làm cho Tưởng về Đoạn-Lìa-Diệt đã tu trước đó đều được trọn vẹn. Vì vậy cho nên nói là bảy Tưởng tùy chuyển lúc Tưởng về Chết chuyển.

Hỏi: Lúc tu các Tưởng có tác ý thắng giải, có tác ý chân thật; tác ý thắng giải ấy đã quán sát không thật, sao không phải là điên đảo?

Đáp: Bởi vì người tu hành ấy biết không phải là chân thật, không sinh tâm chấp là thật, cho nên không phải là điên đảo.

Hỏi: Nếu biết là không thật thì tại sao vẫn còn thực hiện? Đáp: Bởi vì chế phục phiền não, cho nên cần phải thực hiện.

Hỏi: Pháp này nếu không thật, thì làm sao có thể chế phục phiền não?

Đáp: Bởi vì thực hiện về Tưởng ấy, thì có năng lực chế phục được phiền não. Như đối với người nữ khác dấy lên Tưởng về mẹ thì không sinh lòng tham nhiễm, đối với người oán ghét mà dấy lên Tưởng về người thân thương thì không sinh lòng giận dữ, đối với tôi tớ mà dấy lên Tưởng về tôn quý thì không sinh lòng kiêu mạn, pháp này cũng như vậy cho nên cần phải quán sát.

-oOo-

LUẬN A TỲ ĐẠT MA ĐẠI TỲ BÀ SA

QUYỂN 167

LUẬN VỀ NHIẾP (Phần 2)

Hỏi: Tưởng về Vô thường… thâu nhiếp mấy Tĩnh lự…?

Đáp: Tưởng về Vô thường thâu nhiếp bốn Tĩnh lự, bốn Vô sắc, bốn Giải thoát. Cho đến nói rộng ra.

Hỏi: Vì sao soạn ra phần luận này?

Đáp: Bởi vì muốn ngăn chặn tông chỉ của người khác để hiển bày về nghĩa của mình. Như Luận giả Phân Biệt chấp nhận thâu nhiếp tánh khác, ngăn chặn thâu nhiếp tự tánh. Nay ngăn chặn ý đó, chấp nhận thâu nhiếp tự tánh, ngăn chặn thâu nhiếp tánh khác, cho nên soạn ra phần luận này.

Hỏi: Vì sao trong này không nói Tưởng trở lại thâu nhiếp Tưởng? Đáp: Có người nói: Bởi vì là ý của người soạn luận muốn như vậy, cho đến nói rộng ra.

Có người nói: Trong này nên đưa ra cách nói này: "Tưởng về Vô thường… thâu nhiếp mấy Tưởng…?

Đáp: Tưởng về Vô thường thâu nhiếp Tưởng về Vô thường, cho đến Tưởng về Tất cả thế gian không đáng vui, thâu nhiếp Tưởng về Tất cả thế gian không đáng vui." Cần phải đưa ra cách nói này, mà không nói thì nên biết là nghĩa này có khác.

Có người nói: Trong này muốn thành lập về nghĩa chưa thành lập, Tưởng trở lại thâu nhiếp Tưởng không cần thành lập, cho nên không nói.

Hỏi: Nếu như vậy thì văn sau cũng không cần nói là Tĩnh lự thứ nhất… trở lại thâu nhiếp Tĩnh lự thứ nhất…?

Đáp: Có người nói: Các Tĩnh lự thâu nhiếp Thể của nhiều pháp, không phải là đối với nhiều pháp, nghĩa về thâu nhiếp tự tánh không nói mà tự thành, Tưởng chỉ là một pháp, cho nên không phải là vấn nạn.

Có người nói: Văn ấy cũng không cần nói là các Tĩnh lự thâu nhiếp các Tĩnh lự, mà nói đến là muốn nêu rõ các loại văn từ-các loại giải thích, nhờ vào các loại văn từ-các loại giải thích bổ sung cho nghĩa thì nghĩa sẽ

dễ hiểu.

Có người nói: Vì nêu rõ hai môn loại, hai phương thức, hai giai đoạn, hai ngọn đuốc, hai ánh sáng, hai cảnh vật, hai loại văn từ mô phỏng. Như không nói là Tưởng thâu nhiếp Tưởng, như vậy cũng không nên nói là các Tĩnh lự thâu nhiếp các Tĩnh lự. Như văn sau nói là các Tĩnh lự thâu nhiếp các Tĩnh lự, như vậy cũng nên nói là Tưởng thâu nhiếp Tưởng. Muốn làm cho hai nghĩa của đôi bên đều thông suốt, cho nên đưa ra hai văn để biểu đạt phỏng theo lẫn nhau.

Có người nói: Trong này phân tích về nghĩa của Thâu nhiếp và Tương ưng, bởi vì Tưởng đối với Tưởng chỉ có nghĩa về Thâu nhiếp, không có nghĩa về Tương ưng, cho nên không nói.

Cách nói này không hợp lý, bởi vì đối với Trí và Đẳng trì cũng không nên nói là không có Tương ưng. Nên đưa ra cách nói này: Tự tánh của Tưởng không có xen tạp, đối với Thâu nhiếp dễ dàng hiểu rõ, cho nên không nói; Trí và Đẳng trì, hoặc là tự tánh có xen tạp, hoặc là hành tướng có xen tạp, đối với Thâu nhiếp khó hiểu rõ ràng, cho nên nói đến.

Tưởng về Vô thường thâu nhiếp bốn Tĩnh lự, đây tức là nói chung. Nhưng các Tĩnh lự đều là tánh thuộc năm Uẩn, Tưởng về Vô thường này chỉ thâu nhiếp Tưởng uẩn chứ không thâu nhiếp Uẩn khác. Ở trong Tưởng uẩn chỉ thâu nhiếp Tưởng về Vô thường chứ không thâu nhiếp Tưởng khác. Ở trong Tưởng về Vô thường, quá khứ thâu nhiếp quá khứ, vị lai thâu nhiếp vị lai, hiện tại thâu nhiếp hiện tại, hữu lậu thâu nhiếp hữu lậu, vô lậu thâu nhiếp vô lậu, Học thâu nhiếp Học, Vô học thâu nhiếp Vô học, Phi học phi vô học thâu nhiếp Phi học phi vô học, pháp lui sụt thâu nhiếp pháp lui sụt, cho đến pháp bất động thâu nhiếp pháp bất động; trong đó ở Tĩnh lự thứ nhất thì thâu nhiếp Tĩnh lự thứ nhất, cho đến ở Tĩnh lự thứ tư thì thâu nhiếp Tĩnh lự thứ tư. Vì vậy nói chung là thâu nhiếp bốn Tĩnh lự.

Như nói về thâu nhiếp bốn Tĩnh lự, thâu nhiếp bốn Vô sắc-bốn Giải thoát cũng như vậy. Sai biệt là bốn Vô sắc-bốn Giải thoát lấy bốn Uẩn làm tánh.

Tưởng còn lại tùy theo thích hợp cũng dựa theo cách nói này. Nhưng các Tưởng đều lấy Tưởng làm tự tánh, đều không thâu nhiếp Trí, Tam-ma-địa và Giải thoát thứ tám.

Hỏi: Tưởng về Vô thường cũng bao gồm hệ thuộc cõi Dục, trong này vì sao không nói?

Đáp: Có người nói: Cần phải nói mà không nói thì nên biết là nghĩa này có khác.

Có người nói: Tưởng về Vô thường ở cõi Dục, là gia hạnh chứ không phải là Căn bản, trong này chỉ nói đến Căn bản, cho nên không nói.

Có người nói: Nay ở chương Định Uẩn này chỉ nói đến pháp ở địa của Định, cho nên không nói đến cõi Dục.

Có người nói: Trong này dùng mười Tưởng đối với các môn của Tĩnh lự để làm câu hỏi, cõi Dục không phải là các môn của Tĩnh lự, cho nên không nói. Không nói đến Tưởng khác, nghĩa cũng giống như vậy. Như Tưởng về Vô thường, Tưởng về Vô thường-Khổ, Tưởng về

Khổ-Vô ngã, Tưởng về Chết, Tưởng về Đoạn, Tưởng về Lìa, Tưởng về Diệt cũng như vậy, bởi vì thuộc về tám Đẳng chí bao gồm hữu lậu và vô lậu. Bảy Tưởng này bởi vì sở duyên và hành tướng khác nhau, cho nên không thâu nhiếp ba Giải thoát đầu, tám Thắng xứ, mười Biến xứ và Vô lượng. Tưởng về Bất tịnh thâu nhiếp Tĩnh lự thứ ba-thứ tư, hai Giải thoát đầu.

Hỏi: Trong bốn Tĩnh lự đều có Tưởng về Bất tịnh, vì sao chỉ nói là thâu nhiếp Tĩnh lự thứ ba-thứ tư?

Đáp: Cũng cần phải nói thâu nhiếp hai Tĩnh lự đầu, mà không nói thì nên biết là nghĩa này có khác.

Có người nói: Nếu nói thâu nhiếp hai Giải thoát đầu, thì nên biết là đã nói đến thâu nhiếp hai Tĩnh lự đầu, bởi vì hai Giải thoát đầu thuộc về hai Tĩnh lự đầu.

Có người nói: Trong này nêu ra phần sau để hiển bày phần đầu, cho nên nêu ra địa lìa Hỷ thì đã hiển bày về địa có Hỷ.

Có người nói: Hai Tĩnh lự đầu không có Tưởng về Bất tịnh, cho nên không nói. Nguyên cớ thế nào? Bởi vì hai địa ấy đều có Hỷ căn, tất cả Hỷ căn chuyển hành tướng vui mừng, Tưởng về Bất tịnh chuyển hành tướng buồn chán, không phải là hai hành tướng chuyển trong một tâm.

Hỏi: Nếu như vậy thì Tưởng này đã thâu nhiếp hai Giải thoát đầu ở địa nào?

Đáp: Ở hai Cận phần chứ không phải là địa Căn bản, cũng bởi vì trái ngược nhau với Hỷ thọ.

Hỏi: Nếu như vậy thì văn sau không nên nói là hai Tĩnh lự đầu thâu nhiếp hai Giải thoát đầu, bốn Thắng xứ trước?

Đáp: Văn ấy nói Tĩnh lự cũng thâu nhiếp quyến thuộc, như nói về thành ấp cũng thâu nhiếp bên cạnh thành ấp.

Hỏi: Nếu như vậy thì không nên nói Tưởng về Bất tịnh thâu nhiếp

Tĩnh lự thứ ba, bởi vì địa ấy có Lạc thọ, cũng trái ngược nhau với Tưởng về Bất tịnh?

Đáp: Tĩnh lự thứ ba nói là cũng thâu nhiếp quyến thuộc chứ không phải là địa Căn bản, cho nên không có lỗi. Nếu như vậy thì trong này cũng nên nói Tưởng về Bất tịnh thâu nhiếp hai Tĩnh lự đầu, bởi vì ông cùng chấp nhận ở địa Cận phần không có gì sai biệt. Nói như vậy thì trong địa Căn bản của hai Tĩnh lự đầu, cũng có Tưởng về Bất tịnh và hai Giải thoát đầu. Nếu cho rằng không có, thì lẽ ra không có ai có thể lìa nhiễm của địa này, bởi vì địa này có Hỷ tăng thượng làm lay động tâm ấy. Nếu không có Tưởng về Bất tịnh và hai Giải thoát đầu để chế phục tâm ấy, thì các Sư Du-già lẽ nào có thể lìa nhiễm của địa ấy hay sao? Vả lại, địa ấy lẽ ra cũng không có Khổ-Tập nhẫn trí để chuyển hành tướng chán ngán ấy, vì vậy lẽ ra cũng không có Tưởng về Vô thường, Tưởng về Vô thường-Khổ.

Hỏi: Vì sao Hỷ thọ làm chuyển hành tướng chán ngán?

Đáp: Bởi vì có thể tự tại đối với chán ngán cho nên cũng sinh ra vui vẻ, ngay lúc sinh ra vui vẻ đối với điều ấy cũng chán ngán, như lúc đánh thắng kẻ thù cũng chán ngán-cũng vui vẻ.

Có người nói: Như vua cùng với tướng sĩ đánh tan quân địch rồi cùng nhau thọ nhận niềm vui sướng; như vậy hành giả dùng Tưởng về Bất tịnh… trừ bỏ cõi Dục rồi, đối với Tĩnh lự thứ nhất… cùng nhau thọ nhận niềm vui sướng.

Có người nói: Trong Tĩnh lự thứ nhất, hai Giải thoát đầu và Tưởng về Bất tịnh, đối trị với Tỷ-Thiệt thức của cõi Dục; trong Tĩnh lự thứ hai, hai Giải thoát đầu và Tưởng về Bất tịnh, đối trị với Nhãn-Nhĩ-Thân thức của Tĩnh lự thứ nhất, vì vậy trong hai Tĩnh lự đầu chắc chắn có hai Giải thoát đầu và Tưởng về Bất tịnh. Nhưng trong này tóm lược cho nên không nói đến Tưởng về Bất tịnh thâu nhiếp hai Tĩnh lự đầu.

Có người nói: Tưởng về Bất tịnh thật ra ở bốn Tĩnh lự, nhưng ở đây chỉ nói thâu nhiếp Tĩnh lự thứ ba-thứ tư, là bởi vì Tĩnh lự thứ ba có Lạc thọ thù thắng nhất ở trong sinh tử, Tĩnh lự thứ tư có niềm vui Khinh an thù thắng nhất ở trong sinh tử, khó chán ngán-khó rời bỏ cho nên ở trong này nói đến Tưởng về Bất tịnh; trong hai Tĩnh lự đầu không có niềm vui như vậy, cho nên không nói đến thâu nhiếp.

Hỏi: Vì sao Tưởng về Bất tịnh chỉ nói thâu nhiếp hai Giải thoát đầu, chứ không nói thâu nhiếp bốn Thắng xứ trước?

Đáp: Bởi vì Tưởng về Bất tịnh là bắt đầu tu pháp quán chung tương tự với hai Giải thoát đầu cho nên thâu nhiếp, Thắng xứ là về sau dấy khởi

pháp quán riêng biệt cho nên không thâu nhiếp lẫn nhau. Như Tưởng về Bất tịnh, Tưởng về Chán ăn cũng như vậy.

Hỏi: Tưởng về Chán ăn không phải là tự tánh giải thoát, vì sao cũng thâu nhiếp hai Giải thoát đầu?

Đáp: Văn này chỉ cần nói Tưởng về Chán ăn thâu nhiếp Tĩnh lự thứ ba-thứ tư, mà nói như Tưởng về Bất tịnh, là muốn hiển bày Tưởng về Chán ăn lấy Tưởng về Bất tịnh làm gia hạnh, bởi vì nói Tưởng về Chán ăn và gia hạnh, cho nên nói là như Tưởng về Bất tịnh.

Có người nói: Tưởng về Chán ăn và Tưởng về Bất tịnh, xen tạp lẫn nhau-dẫn dắt lẫn nhau, có nghĩa của thâu nhiếp lẫn nhau, cho nên nói là thâu nhiếp như Tưởng về Bất tịnh.

Có người nói: Tưởng về Chán ăn cũng làm chuyển hành tướng Bất tịnh, như nói nếu có được cơm thì dấy lên Tưởng về giòi bọ, cho đến nói rộng ra. Vì vậy cũng thâu nhiếp hai Giải thoát đầu, cùng quán Sắc xứ mà chuyển Bất tịnh.

Hỏi: Nếu Tưởng về Chán ăn và Tưởng về Bất tịnh cùng quán Sắc xứ mà chuyển Bất tịnh, thì Đức Thế Tôn đã nói Tưởng về Chán ăn và Tưởng về Bất tịnh có gì sai biệt?

Đáp: Thể thật sự không có khác nhau, nhưng bởi vì đã đối trị Ái có sai biệt, cho nên kiến lập hai Tưởng, đó là Tưởng về Bất tịnh đối trị với Ái thuộc Dâm dục, Tưởng về Chán ăn đối trị với Ái thuộc Đoàn thực.

Lời bình: Không nên đưa ra cách nói như vậy, bởi vì Đức Phật đã an lập mười Tưởng đều khác nhau. Vả lại, Ái thuộc Đoàn thực duyên với Đoàn thực mà khởi lên, Hương-Vị-Xúc xứ là tánh của Đoàn thực. Nếu chấp nhận Tưởng này đối trị với Ái kia, thì tại sao nói là giống như Tưởng về Bất tịnh, quán Sắc xứ cho nên thâu nhiếp hai Giải thoát đầu? Vì vậy nên biết cách nói trước là hợp lý, bởi vì hành tướng-sở duyên và địa của hai Tưởng này khác nhau, cho nên không thâu nhiếp tất cả Giải thoát-Thắng xứ và Biến xứ-Vô lượng.

Tưởng về Tất cả thế gian không đáng vui, thâu nhiếp Tĩnh lự thứ ba-thứ tư.

Hỏi: Hai Tĩnh lự đầu cũng có Tưởng này, vì sao không nói thâu nhiếp?

Đáp: Văn này cần phải nói là thâu nhiếp bốn Tĩnh lự, mà chỉ nói thâu nhiếp hai Tĩnh lự sau, thì nên biết là nghĩa này có khác.

Có người nói: Trong này nêu ra phần sau để hiển bày phần đầu. Có

người nói: Hai Tĩnh lự trên là địa thù thắng đáng yêu thích,

bởi vì có Lạc thọ thù thắng nhất và niềm vui Khinh an thù thắng nhất. Đối với địa như vậy nói có Tưởng này, là hiển bày về người tu hành ở trong địa vui sướng thù thắng, hãy còn có thể khởi lên Tưởng về không đáng vui, huống là ở nơi khác hay sao? Vì vậy chỉ nói là thâu nhiếp hai địa này.

Có người nói: Tĩnh lự thứ nhất bị ngọn gió Tầm-Tứ làm cho lay động, Tĩnh lự thứ hai bị dòng nước vui vẻ tột độ(cực hỷ) làm cho trôi nổi, tuy có Tưởng về Bất tịnh-Chán ăn-Tất cả thế gian không đáng vui, mà không rõ ràng trong sáng; hai Tĩnh lự sau, cùng với điều này trái ngược nhau, cho nên nói là thâu nhiếp. Bởi vì hành tướng-sở duyên và địa của hai Tưởng này khác nhau, cho nên không thâu nhiếp tất cả Giải thoát-Thắng xứ và Biến xứ-Vô lượng.

Hỏi: Tĩnh lự thứ nhất… thâu nhiếp mấy Tĩnh lự…?

Đáp: Tĩnh lự thứ nhất thâu nhiếp Tĩnh lự thứ nhất, bốn Vô lượng, hai Giải thoát đầu, bốn Thắng xứ trước, tám Trí, ba Tam-ma-địa. Tĩnh lự thứ hai thâu nhiếp Tĩnh lự thứ hai, bốn Vô lượng, hai Giải thoát đầu, bốn Thắng xứ trước, tám Trí, ba Tam-ma-địa. Tĩnh lự thứ ba thâu nhiếp Tĩnh lự thứ ba, ba Vô lượng, tám Trí, ba Tam-ma-địa. Tĩnh lự thứ tư thâu nhiếp Tĩnh lự thứ tư, ba Vô lượng, Tịnh giải thoát, bốn Thắng xứ sau, tám Biến xứ trước, tám Trí, ba Tam-ma-địa.

Trong này, bốn Tĩnh lự đều dùng năm Uẩn ở địa Căn bản của mình để làm tánh, cho nên có thể thâu nhiếp công đức của các môn này. Nên biết đều là thâu nhiếp tự tánh chứ không phải là thâu nhiếp tánh khác.

Hỏi: Từ vô lượng… thâu nhiếp mấy Vô lượng…?

Đáp: Từ thâu nhiếp Từ và Thế tục trí, cho đến Xả thâu nhiếp Xả và Thế tục trí.

Trong này, bốn Vô lượng đều dùng các Uẩn thuộc phẩm câu sinh để làm tánh, cho nên có thể thâu nhiếp Thế tục trí. Bởi vì duyên chung với hữu tình làm cảnh, cho nên không thâu nhiếp Giải thoát-Thắng xứ- Biến xứ và Tha tâm trí, hữu lậu cho nên không thâu nhiếp Trí khác và ba Tam-ma-địa.

Hỏi: Không vô biên xứ… thâu nhiếp mấy Vô sắc…?

Đáp: Không vô biên xứ thâu nhiếp Không vô biên xứ, và Giải thoát của địa ấy, Biến xứ của địa ấy, sáu Trí, ba Tam-ma-địa. Thức vô biên xứ thâu nhiếp Thức vô biên xứ, và Giải thoát của địa ấy, Biến xứ của địa ấy, sáu Trí, ba Tam-ma-địa. Vô sở hữu xứ thâu nhiếp Vô sở hữu xứ, và Giải thoát của địa ấy, sáu Trí, ba Tam-ma-địa. Phi tưởng phi phi tưởng xứ thâu nhiếp Phi tưởng phi phi tưởng xứ, và Giải thoát của địa ấy, Diệt Tưởng-

Thọ giải thoát, Thế tục trí.

Trong này, bốn Vô sắc đều dùng bốn Uẩn ở địa Căn bản của mình để làm tánh, cho nên có thể thâu nhiếp tất cả công đức này. Sáu Trí, là trừ ra Pháp trí và Tha tâm trí, bởi vì hai Trí này không dựa vào địa Vô sắc.

Hỏi: Giải thoát thứ nhất… thâu nhiếp mấy Giải thoát…?

Đáp: Giải thoát thứ nhất-thứ hai-thứ ba thâu nhiếp Giải thoát thứ nhất-thứ hai-thứ ba và Thế tục trí. Giải thoát của Không vô biên xứ thâu nhiếp Giải thoát của Không vô biên xứ, và Biến xứ của địa ấy, sáu Trí, ba Tam-ma-địa. Giải thoát của Thức vô biên xứ thâu nhiếp Giải thoát của Thức vô biên xứ, và Biến xứ của địa ấy, sáu Trí, ba Tam-ma-địa. Giải thoát của Vô sở hữu xứ thâu nhiếp Giải thoát của Vô sở hữu xứ, và sáu Trí, ba Tam-ma-địa. Giải thoát của Phi tưởng phi phi tưởng xứ thâu nhiếp Giải thoát của Phi tưởng phi phi tưởng xứ, và Thế tục trí. Diệt Tưởng-Thọ giải thoát thâu nhiếp Diệt Tưởng-Thọ giải thoát.

Trong này, ba Giải thoát trước đều dùng năm Uẩn thuộc phẩm câu sinh để làm tánh, cho nên có thể thâu nhiếp Thế tục trí, là bắt đầu quán chung cho nên không thâu nhiếp Thắng xứ và Biến xứ, là hữu lậu cho nên không thâu nhiếp Trí khác và ba Tam-ma-địa, duyên với Sắc cho nên không thâu nhiếp Tha tâm trí. Giải thoát của bốn Vô sắc đều dùng bốn Uẩn thiện gia hạnh của địa mình làm tánh, cho nên có thể thâu nhiếp hai Biến xứ sau và sáu Trí, ba Tam-ma-địa.

Hỏi: Thắng xứ thứ nhất… thâu nhiếp mấy Thắng xứ…?

Đáp: Thắng xứ thứ nhất thâu nhiếp Thắng xứ thứ nhất và Thế tục trí, cho đến Thắng xứ thứ tám thâu nhiếp Thắng xứ thứ tám và Thế tục trí.

Trong này, tám Thắng xứ đều dùng năm Uẩn thuộc phẩm câu sinh để làm tánh, cho nên có thể thâu nhiếp Thế tục trí. Thắng xứ là quán phần giữa(trung quán) cho nên không thâu nhiếp Biến xứ, hữu lậu cho nên không thâu nhiếp Trí khác và ba Tam-ma-địa, duyên với Sắc cho nên không thâu nhiếp Tha tâm trí.

Hỏi: Biến xứ thứ nhất… thâu nhiếp mấy Biến xứ…?

Đáp: Biến xứ thứ nhất thâu nhiếp Biến xứ thứ nhất và Thế tục trí, cho đến Biến xứ thứ mười thâu nhiếp Biến xứ thứ mười và Thế tục trí.

Trong này, mười Biến xứ đều dùng năm Uẩn-bốn Uẩn thuộc phẩm câu sinh để làm tánh, cho nên có thể thâu nhiếp Thế tục trí, hữu lậu cho nên không thâu nhiếp Trí khác và ba Tam-ma-địa, duyên với Sắc và địa khác nhau cho nên không thâu nhiếp Tha tâm trí.

Hỏi: Pháp trí… thâu nhiếp mấy Trí…?

Đáp: Pháp trí thâu nhiếp Pháp trí và phần ít của năm Trí, cho đến nói rộng ra.

Pháp trí thâu nhiếp Pháp trí. Pháp trí thuộc về sáu địa, đó là Định Vị chí, Tĩnh lự trung gian và bốn Tĩnh lự. Định Vị chí thâu nhiếp Định Vị chí, cho đến Tĩnh lự thứ tư thâu nhiếp Tĩnh lự thứ tư.

Lại nữa, Pháp trí thuộc về ba đạo, đó là Kiến đạo, Tu đạo và đạo Vô học. Kiến đạo thâu nhiếp Kiến đạo, cho đến đạo Vô học thâu nhiếp đạo Vô học.

Lại nữa, Pháp trí duyên với bốn Đế, Khổ pháp trí thâu nhiếp Khổ pháp trí, cho đến Đạo pháp trí thâu nhiếp Đạo pháp trí.

Lại nữa, Pháp trí thuộc về bốn đạo, đó là đạo gia hạnh-vô gián- giải thoát-thắng tiến. Đạo gia hạnh thâu nhiếp đạo gia hạnh, cho đến đạo thắng tiến thâu nhiếp đạo thắng tiến.

Lại nữa, Pháp trí rơi vào ba đời, quá khứ thâu nhiếp quá khứ, vị lai thâu nhiếp vị lai, hiện tại thâu nhiếp hiện tại. Trong đó cho đến sát-na này thâu nhiếp sát-na này, sát-na kia thâu nhiếp sát-na kia.

Trong này nói chung cho nên chỉ nói là Pháp trí thâu nhiếp Pháp trí.

Pháp trí thâu nhiếp phần ít của năm Trí, đó là Pháp trí cũng thâu nhiếp Tha tâm trí, phần ít của Trí thuộc bốn Đế. Tha tâm trí bao gồm hữu lậu và vô lậu, Trí này chỉ thâu nhiếp vô lậu; trong vô lậu có Pháp trí và Loại trí, Trí này chỉ thâu nhiếp Pháp trí, cho nên nói là phần ít. Trí thuộc bốn Đế đều bao gồm Pháp trí và Loại trí, Trí này chỉ thâu nhiếp Pháp trí, cho nên nói là phần ít.

Loại trí thâu nhiếp Loại trí và phần ít của năm Trí, nói như Pháp trí. Sai biệt là Trí này thuộc về chín địa.

Tha tâm trí thâu nhiếp Tha tâm trí, Tha tâm trí thuộc về bốn Tĩnh lự Căn bản, Tĩnh lự thứ nhất thâu nhiếp Tĩnh lự thứ nhất, cho đến Tĩnh lự thứ tư thâu nhiếp Tĩnh lự thứ tư.

Lại nữa, Tha tâm trí bao gồm hữu lậu và vô lậu, hữu lậu thâu nhiếp hữu lậu, vô lậu thâu nhiếp vô lậu.

Lại nữa, Tha tâm trí có Pháp trí và Loại trí, Pháp trí thâu nhiếp Pháp trí, Loại trí thâu nhiếp Loại trí.

Lại nữa, Tha tâm trí có Học-Vô học và Phi học phi vô học, Học thâu nhiếp Học, cho đến Phi học phi vô học thâu nhiếp Phi học phi vô học.

Lại nữa, Tha tâm trí rơi vào ba đời, quá khứ thâu nhiếp quá khứ, vị

lai thâu nhiếp vị lai, hiện tại thâu nhiếp hiện tại. Trong đó cho đến sát-na này thâu nhiếp sát-na này, sát-na kia thâu nhiếp sát-na kia.

Trong này nói chung cho nên chỉ nói là Tha tâm trí thâu nhiếp Tha tâm trí.

Tha tâm trí thâu nhiếp phần ít của bốn Trí, đó là Tha tâm trí cũng thâu nhiếp phần ít của Pháp trí-Loại trí-Thế tục trí-Đạo trí.

Pháp trí-Loại trí đều duyên với bốn Đế, Trí này chỉ duyên với phần ít của Đạo đế, cho nên nói là phần ít.

Thế tục trí thuộc về mười tám địa, đó là cõi Dục, Tĩnh lự trung gian, bốn Tĩnh lự, bốn Vô sắc, và Cận phần của tám địa ấy, Trí này chỉ thâu nhiếp bốn Tĩnh lự. Ở trong bốn Tĩnh lự, có thiện-nhiễm ô và vô phú vô ký, Trí này chỉ thâu nhiếp thiện. Ở trong thiện, có sinh đạt được- do Văn mà thành và do Tu mà thành, Trí này chỉ thâu nhiếp do Tu mà thành. Ở trong do Tu mà thành, có đạo gia hạnh-vô gián-giải thoát- thắng tiến, Trí này chỉ thâu nhiếp đạo thắng tiến. Ở trong đạo thắng tiến, có thuận phần lui sụt, thuận phần an trú, thuận phần thắng tiến và thuận phần quyết trạch, Trí này chỉ thâu nhiếp thuận phần an trú. Ở trong thuận phần an trú, có duyên với quá khứ-vị lai-hiện tại và lìa thời gian, Trí này chỉ thâu nhiếp duyên với hiện tại. Ở trong duyên với hiện tại, có duyên với Tự tương tục và duyên với Tha tương tục, Trí này chỉ thâu nhiếp duyên với Tha tương tục. Ở trong duyên với Tha tương tục, có duyên với tâm - tâm sở, có duyên với năm Uẩn, Trí này chỉ thâu nhiếp duyên với tâm - tâm sở. Ở trong duyên với tâm - tâm sở, có duyên với một pháp, có duyên với nhiều pháp, Trí này chỉ thâu nhiếp duyên với một pháp. Ở trong duyên với một pháp, có lúc là Tha tâm trí, có lúc không phải là Tha tâm trí, Trí này chỉ thâu nhiếp tha Tâm trí. Bởi vì nghĩa như vậy, cho nên nói là phần ít.

Đạo trí thuộc về chín địa, đó là Định Vị chí, Tĩnh lự trung gian, bốn Tĩnh lự, ba Vô sắc, Trí này chỉ thâu nhiếp bốn Tĩnh lự. Ở trong bốn Tĩnh lự, có Kiến đạo-Tu đạo và đạo Vô học, Trí này chỉ thâu nhiếp Tu đạo và đạo Vô học. Ở trong hai đạo này, có đạo gia hạnh-vô gián-giải thoát-thắng tiến, Trí này chỉ thâu nhiếp đạo thắng tiến. Ở trong đạo thắng tiến, có duyên với quá khứ-vị lai-hiện tại, Trí này chỉ thâu nhiếp duyên với hiện tại. Ở trong duyên với hiện tại, có duyên với Tự tương tục, có duyên với Tha tương tục, Trí này chỉ thâu nhiếp duyên với Tha tương tục. Ở trong duyên với Tha tương tục, có duyên với tâm - tâm sở, có duyên với năm Uẩn, Trí này chỉ thâu nhiếp duyên với tâm - tâm sở. Ở trong duyên với tâm - tâm sở, có duyên với một pháp, có duyên với nhiều pháp, Trí này chỉ thâu nhiếp

duyên với một pháp. Ở trong duyên với một pháp, có lúc là Tha tâm trí, có lúc không phải là Tha tâm trí, Trí này chỉ thâu nhiếp Tha tâm trí. Bởi vì nghĩa như vậy, cho nên nói là phần ít.

Thế tục trí thâu nhiếp Thế tục trí, Thế tục trí thuộc về mười tám địa, nói như trước.

Cõi Dục thâu nhiếp cõi Dục, cho đến Phi tưởng phi phi tưởng xứ thâu nhiếp Phi tưởng phi phi tưởng xứ.

Lại nữa, Thế tục trí có thiện-nhiễm ô và vô phú vô ký, thiện thâu nhiếp thiện, cho đến vô phú vô ký thâu nhiếp vô phú vô ký. Ở trong thiện, có gia hạnh đạt được-lìa nhiễm đạt được và sinh đạt được, gia hạnh đạt được thâu nhiếp gia hạnh đạt được, cho đến sinh đạt được thâu nhiếp sinh đạt được. Lại có thuận phần lui sụt cho đến thuận phần quyết trạch, thuận phần lui sụt thâu nhiếp thuận phần lui sụt, cho đến thuận phần quyết trạch thâu nhiếp thuận phần quyết trạch. Lại có đạo gia hạnh cho đến đạo thắng tiến, đạo gia hạnh thâu nhiếp đạo gia hạnh, cho đến đạo thắng tiến thâu nhiếp đạo thắng tiến. Lại có quá khứ-vị lai-hiện tại, quá khứ thâu nhiếp quá khứ, cho đến hiện tại thâu nhiếp hiện tại. Trong đó cho đến sát-na này thâu nhiếp sát-na này, sát-na kia thâu nhiếp sát-na kia.

Trong này nói chung cho nên nói là Thế tục trí thâu nhiếp Thế tục trí.

Phần ít của một Trí, đó là Thế tục trí cũng thâu nhiếp phần ít của Tha tâm trí. Tha tâm trí bao gồm hữu lậu và vô lậu, Trí này chỉ thâu nhiếp hữu lậu, cho nên nói là phần ít.

Khổ trí thâu nhiếp Khổ trí. Khổ trí thuộc về chín địa, thuộc về ba đạo, thuộc về bốn đạo, rơi vào ba đời, rơi vào sát-na. Hễ thuộc về địa nào, thuộc về đạo nào, rơi vào đời nào, rơi vào sát-na nào, thì ngay địa ấy, đạo ấy, đời ấy, sát-na ấy thâu nhiếp.

Trong này nói chung cho nên nói là Khổ trí thâu nhiếp Khổ trí.

Phần ít của hai Trí, đó là Khổ trí cũng thâu nhiếp phần ít của Pháp trí-Loại trí. Pháp trí-Loại trí đều duyên với bốn Đế, Trí này chỉ thâu nhiếp duyên với Khổ đế, cho nên nói là phần ít.

Tập trí thâu nhiếp Tập trí và phần ít của hai Trí, Diệt trí thâu nhiếp Diệt trí và phần ít của hai Trí, đều nói như Khổ trí.

Đạo trí thâu nhiếp Đạo trí, cũng nói như Khổ trí. Phần ít của ba Trí, đó là Đạo trí cũng thâu nhiếp phần ít của Pháp trí-Loại trí và Tha tâm trí. Pháp trí-Loại trí đều duyên với bốn Đế, Trí này chỉ thâu nhiếp duyên với Đạo đế; Tha tâm trí bao gồm hữu lậu và vô lậu, Trí này chỉ thâu nhiếp vô lậu, cho nên nói là phần ít.

Hỏi: Tam-ma-địa Không… thâu nhiếp mấy Tam-ma-địa…?

Đáp: Không thâu nhiếp Không, Vô nguyện thâu nhiếp Vô nguyện, Vô tướng thâu nhiếp Vô tướng. Tam-ma-địa Không duyên với hai hành tướng của Khổ đế mà chuyển, Tam-ma-địa Vô nguyện duyên với mười hành tướng của ba Đế mà chuyển, Tam-ma-địa Vô tướng duyên với bốn hành tướng của Diệt đế mà chuyển. Ở trong mỗi một hành tướng đều thuộc về chín địa, thuộc về ba đạo, thuộc về bốn đạo, rơi vào ba đời, rơi vào sát-na. Hễ hành tướng nào, thuộc về địa nào, thuộc về đạo nào, rơi vào đời nào, rơi vào sát-na nào, thì ngay hành tướng ấy, địa ấy, đạo ấy, đời ấy, sát-na ấy thâu nhiếp.

Trong này nói chung cho nên nói là Không thâu nhiếp Không, cho đến Vô tướng thâu nhiếp Vô tướng. Ba Tam-ma-địa tuy bao gồm hữu lậu, nhưng trong này dựa vào môn Giải thoát mà nói, cho nên chỉ thâu nhiếp vô lậu.

Như thâu nhiếp, có thể đạt được (khả đắc) cũng như vậy, bởi vì tự Thể đối với tự Thể có thể đạt được là nghĩa của thâu nhiếp. Nghĩa là tự Thể đối với tự Thể là có, tự Thể đối với tự Thể là thật, tự Thể đối với tự Thể là hiện có, là không khác, là không ngoài, là không lìa nhau, là không thoát khỏi, là không có sai biệt, là không phải trống rỗng, là không phải không có, không phải là khách, không phải là xa, không phải là hai, không phải là tranh chấp. Những nghĩa như vậy đều là nghĩa của có thể đạt được. Các pháp tự Thể thâu nhiếp tự Thể, không phải là như dùng bàn tay giữ lấy thức ăn, dùng ngón tay giữ lấy áo, nhưng bởi vì tất cả các pháp chướng ngại đến tự Thể, khiến cuối cùng không rời bỏ cho nên gọi là thâu nhiếp.

Có Sư khác nói: Tự Thể này thâu nhiếp có bốn loại, đó là khác nhau về Giới, khác nhau về Pháp, khác nhau về Sát-na, khác nhau về Tương tục. Khác nhau về Giới, đó là Nhãn giới thâu nhiếp Nhãn giới, cho đến Pháp giới thâu nhiếp Pháp giới. Khác nhau về Pháp, đó là trong Pháp giới có bảy pháp, tức là Sắc-Thọ-Tưởng-Hành và ba Vô vi, Sắc thâu nhiếp Sắc, cho đến Phi trạch diệt thâu nhiếp Phi trạch diệt. Khác nhau về Sát-na, đó là trong Sắc có quá khứ-vị lai-hiện tại, quá khứ thâu nhiếp quá khứ, cho đến hiện tại thâu nhiếp hiện tại. Khác nhau về Tương tục, đó là Sắc hiện tại có lúc rơi vào Tự tương tục, có lúc rơi vào Tha tương tục, Tự tương tục thâu nhiếp Tự tương tục, Tha tương tục thâu nhiếp Tha tương tục. Dựa vào lý lẽ này, còn lại nhất định phải biết, cho nên nói là như thâu nhiếp, có thể đạt được cũng như vậy, bởi vì nghĩa về thâu nhiếp và có thể đạt được không có gì khác nhau.

Hỏi: Tưởng về Vô thường… tương ưng với mấy Tĩnh lự…?

Đáp: Tưởng về Vô thường tương ưng với bốn Tĩnh lự, bốn Vô sắc, bốn Giải thoát, bốn Trí, một Tam-ma-địa. Cho đến nói rộng ra.

Hỏi: Vì sao soạn ra phần luận này?

Đáp: Vì ngăn chặn ý của người ngu đối với pháp Tương ưng, chấp rằng pháp Tương ưng không phải là có thật, để hiển bày về pháp Tương ưng là có thật, cho nên soạn ra phần luận này.

Tưởng về Vô thường tương ưng với bốn Tĩnh lự, bốn Tĩnh lự đều lấy năm Uẩn làm tánh, Tưởng này tương ưng với toàn phần hai Uẩn kia và phần ít của một Uẩn. Tương ưng với bốn Vô sắc- bốn Giải thoát, bốn Vô sắc và bốn Giải thoát của Vô sắc đều lấy bốn Uẩn làm tánh, Tưởng này tương ưng với toàn phần hai Uẩn kia và phần ít của một Uẩn. Tương ưng với bốn Trí, đó là tương ưng với Pháp trí-Loại trí, Thế tục trí-Khổ trí. Tương ưng với một Tam-ma-địa, đó là duyên với Vô nguyện thuộc Khổ.

Như Tưởng về Vô thường, Tưởng về Vô thường-Khổ, Tưởng về Khổ-Vô ngã, Tưởng về Chết, Tưởng về Đoạn, Tưởng về Lìa, Tưởng về Diệt, cũng như vậy. Dựa vào những Tưởng này đều tương ưng với bốn Trí và một Tam-ma-địa, số giống nhau cho nên nói là cũng như vậy.

Trong đó, tất cả giống nhau, đó là Tưởng về Chết. Hành tướng khác nhau mà tên gọi giống nhau, đó là Tưởng về Vô thường-Khổ. Tên gọi về Trí giống nhau, còn lại không giống nhau, đó là Tưởng về Khổ- Vô ngã, bởi vì tương ưng với Tam-ma-địa Không. Chỉ có số giống nhau, còn lại đều không giống nhau, đó là Tưởng về Đoạn-Lìa-Diệt, bởi vì tương ưng với Tam-ma-địa Vô tướng thuộc Diệt trí.

Tưởng về Bất tịnh tương ưng với hai Tĩnh lự sau, hai Giải thoát đầu và Thế tục trí. Tưởng này tương ưng với bốn Tĩnh lự, mà chỉ nói là tương ưng với hai Tĩnh lự sau, nói như trong phần thâu nhiếp.

Như Tưởng về Bất tịnh, Tưởng về Chán ăn cũng như vậy, nghĩa là tưởng này thật ra không tương ưng với hai Giải thoát đầu, mà nói là tương ưng với, cũng nói như trong phần thâu nhiếp.

Tưởng về Tất cả thế gian không đáng vui, tương ưng với hai Tĩnh lự sau và Thế tục trí. Tưởng này cũng tương ưng với bốn Tĩnh lự, mà chỉ nói là tương ưng với hai Tĩnh lự sau, cũng nói như trong phần thâu nhiếp.

Hỏi: Tĩnh lự thứ nhất… tương ưng với mấy Tĩnh lự…?

Đáp: Tĩnh lự thứ nhất tương ưng với Tĩnh lự thứ nhất, bốn Vô lượng, hai Giải thoát đầu, bốn Thắng xứ trước, tám Trí, ba Tam-ma-địa. Tĩnh lự

thứ hai tương ưng với Tĩnh lự thứ hai, bốn Vô lượng, hai Giải thoát đầu, bốn Thắng xứ trước, tám Trí, ba Tam-ma-địa. Tĩnh lự thứ ba tương ưng với Tĩnh lự thứ ba, ba Vô lượng, tám Trí, ba Tam-ma-địa. Tĩnh lự thứ tư tương ưng với Tĩnh lự thứ tư, ba Vô lượng, Tịnh giải thoát, bốn Thắng xứ sau, tám Biến xứ trước, tám Trí, ba Tam-ma-địa.

Trong này, bốn Tĩnh lự đều lấy năm Uẩn của địa mình làm tánh, bởi vì bốn Uẩn câu sinh của mỗi một địa lần lượt chuyển đổi tương ưng, cho nên nói Tĩnh lự thứ nhất tương ưng với Tĩnh lự thứ nhất, cho đến Tĩnh lự thứ tư tương ưng với Tĩnh lự thứ tư, không phải là tự tánh cùng với tự tánh có nghĩa của tương ưng.

Vả lại, bởi vì mỗi một Tĩnh lự thâu nhiếp nhiều pháp, cho nên có thể tương ưng với các công đức của Vô lượng…

Ba Vô lượng là trừ ra Hỷ vô lượng, bởi vì hai Tĩnh lự sau không có Hỷ căn. Có những người muốn làm cho Hỷ vô lượng không dùng Hỷ thọ làm tự tánh, cũng nói Hỷ vô lượng tương ưng với Hỷ thọ, cho nên hai địa ấy chỉ có ba Vô lượng.

Hỏi: Từ vô lượng… tương ưng với mấy Vô lượng…?

Đáp: Từ tương ưng với Từ và Thế tục trí, cho đến Xả tương ưng với Xả và Thế tục trí. Từ… tuy dùng căn thiện không có sân… làm tự tánh, mà trong này đã nói đến thâu nhiếp toàn bộ cùng có tương ưng với tự tánh làm Thể của Từ…, cho nên nói là Từ tương ưng với Từ, cho đến Xả tương ưng với Xả, tức là nghĩa về tương ưng với bốn Uẩn câu sinh.

Hỏi: Không vô biên xứ… tương ưng với mấy Vô sắc…?

Đáp: Không vô biên xứ tương ưng với Không vô biên xứ, và Giải thoát của địa ấy, Biến xứ của địa ấy, sáu Trí, ba Tam-ma-địa. Thức vô biên xứ tương ưng với Thức vô biên xứ, và Giải thoát của địa ấy, Biến xứ của địa ấy, sáu Trí, ba Tam-ma-địa. Vô sở hữu xứ tương ưng với Vô sở hữu xứ, và Giải thoát của địa ấy, sáu Trí, ba Tam-ma-địa. Phi tưởng phi phi tưởng xứ tương ưng với Phi tưởng phi phi tưởng xứ, và Giải thoát của địa ấy cùng Thế tục trí.

Trong này, bốn Vô sắc đều lấy bốn Uẩn của địa mình làm tánh, bởi vì bốn Uẩn câu sinh của mỗi một địa lần lượt chuyển đổi tương ưng, cho nên nói là Không vô biên xứ tương ưng với Không vô biên xứ, cho đến Phi tưởng phi phi tưởng xứ tương ưng với Phi tưởng phi phi tưởng xứ.

Vả lại, bởi vì mỗi một Vô sắc thâu nhiếp nhiều pháp, cho nên có thể tương ưng với những công đức đã nói. Sáu Trí thì nói như trong phần thâu nhiếp.

Hỏi: Giải thoát thứ nhất… tương ưng với mấy Giải thoát…?

Đáp: Giải thoát thứ nhất-thứ hai-thứ ba tương ưng với Giải thoát thứ nhất-thứ hai-thứ ba và Thế tục trí. Giải thoát của Không vô biên xứ tương ưng với Giải thoát của Không vô biên xứ, và Biến xứ của địa ấy, sáu Trí, ba Tam-ma-địa. Giải thoát của Thức vô biên xứ tương ưng với Giải thoát của Thức vô biên xứ, và Biến xứ của địa ấy, sáu Trí, ba Tam-ma-địa. Giải thoát của Vô sở hữu xứ tương ưng với Giải thoát của Vô sở hữu xứ, và sáu Trí, ba Tam-ma-địa. Giải thoát của Phi tưởng phi phi tưởng xứ tương ưng với Giải thoát của Phi tưởng phi phi tưởng xứ, và Thế tục trí. Diệt Tưởng-Thọ giải thoát không phải là tương ưng.

Ba Giải thoát trước tuy đều dùng căn thiện không có tham để làm tự tánh, mà trong này đã nói đến toàn bộ dùng pháp cùng có tương ưng với tự tánh làm Thể, cho nên nói là Giải thoát thứ nhất-thứ hai-thứ ba tương ưng với Giải thoát thứ nhất-thứ hai-thứ ba, tức là nghĩa về tương ưng với bốn Uẩn câu sinh. Bốn Giải thoát của Vô sắc nói như bốn Vô sắc. Diệt Tưởng-Thọ giải thoát tuy có nhiều pháp như tâm - tâm sở không tách lìa nhau cùng lúc khởi lên, mà không có nghĩa giống nhau về sở y-sở duyên-hành tướng, cho nên không phải là tương ưng.

Hỏi: Thắng xứ thứ nhất…tương ưng với mấy Thắng xứ…?

Đáp: Thắng xứ thứ nhất tương ưng với Thắng xứ thứ nhất và Thế tục trí, cho đến Thắng xứ thứ tám tương ưng với Thắng xứ thứ tám và Thế tục trí.

Trong này, tám Thắng xứ tuy đều dùng căn thiện không có tham để làm tự tánh, mà trong này đã nói đến toàn bộ dùng pháp cùng có tương ưng với tự tánh làm Thể, cho nên nói là Thắng xứ thứ nhất tương ưng với Thắng xứ thứ nhất, cho đến Thắng xứ thứ tám tương ưng với Thắng xứ thứ tám.

Hỏi: Biến xứ thứ nhất… tương ưng với mấy Biến xứ…?

Đáp: Biến xứ thứ nhất tương ưng với Biến xứ thứ nhất và Thế tục trí, cho đến Biến xứ thứ mười tương ưng với Biến xứ thứ mười và Thế tục trí.

Trong này, tám Biến xứ trước tuy đều dùng căn thiện không có tham để làm tự tánh, mà trong này đã nói đến toàn bộ dùng pháp cùng có tương ưng với tự tánh làm Thể; hai Biến xứ sau dùng toàn bộ bốn Uẩn câu sinh làm tánh, cho nên nói là Biến xứ thứ nhất tương ưng với Biến xứ thứ nhất, cho đến Biến xứ thứ mười tương ưng với Biến xứ thứ mười.

Hỏi: Pháp trí… tương ưng với mấy Tam-ma-địa?

Đáp: Pháp trí tương ưng với phần ít của ba Tam-ma-địa, cho đến nói rộng ra.

Pháp trí tương ưng với phần ít của ba Tam-ma-địa, Trí này không tương ưng với Loại trí và tất cả các Nhẫn đi cùng ba Tam-ma-địa, cho nên nói là phần ít.

Như Pháp trí, Loại trí cũng như vậy, nghĩa là Trí này không tương ưng với Pháp trí và tất cả các Nhẫn đi cùng ba Tam-ma-địa, cho nên nói là cũng như vậy.

Tha tâm trí tương ưng với phần ít của một Tam-ma-địa, Trí này không tương ưng với Khổ-Tập-Diệt trí và Tha tâm trí vốn không thâu nhiếp Đạo trí, cùng với tất cả các Nhẫn đi kèm Tam-ma-địa, cho nên nói là phần ít. Tức là tương ưng với phần ít của Tam-ma-địa Vô nguyện duyên với Đạo, nghĩa như Tha tâm trí.

Tập-Diệt-Đạo trí cũng như vậy, đây là dựa vào số giống nhau cho nên nói là cũng như vậy. Nhưng Tập trí chỉ tương ưng với phần ít của Tam-ma-địa Vô nguyện duyên với Tập, Diệt trí chỉ tương ưng với phần ít của Tam-ma-địa Vô tướng duyên với Diệt, Đạo trí chỉ tương ưng với phần ít của Tam-ma-địa Vô nguyện duyên với Đạo, bởi vì đều trừ ra Nhẫn đi cùng Tam-ma-địa.

Khổ trí tương ưng với phần ít của hai Tam-ma-địa, Trí này chỉ tương ưng với Trí đi cùng Tam-ma-địa Không, và Khổ trí đi cùng Tam- ma-địa Vô nguyện, cho nên nói là phần ít.

Phần nói về ba Tam-ma-địa, không nói riêng biệt về tương ưng, bởi vì đối với các phần trước đã nói đầy đủ, cho nên ở trong phần của mình không có tương ưng.

-oOo-

LUẬN A TỲ ĐẠT MA ĐẠI TỲ BÀ SA

QUYỂN 168

LUẬN VỀ NHIẾP (Phần 3)

Nếu thành tựu Tĩnh lự thứ nhất… Cho đến nói rộng ra. Hỏi: Vì sao soạn ra phần luận này?

Đáp: Vì ngăn chặn ý bác bỏ là không có tánh thành tựu và không thành tựu, hiển bày về tánh thành tựu và không thành tựu là có thật, cho nên soạn ra phần luận này.

Hỏi: Nếu thành tựu Tĩnh lự thứ nhất…, thì lúc ấy đối với bốn Tĩnh lự…, mấy thành tựu, mấy không thành tựu?

Đáp: Nếu thành tựu Tĩnh lự thứ nhất, thì lúc ấy đối với bốn Tĩnh lự, hoặc là một-hai-ba-bốn.

Một, đó là Ái của cõi Phạm Thế chưa hết, đây chính là dị sinh- Thánh giả sinh vào cõi Dục và cõi Phạm Thế. Nếu sinh ở cõi Dục, thì đối với Tĩnh lự thứ nhất chỉ có lìa nhiễm đạt được, cho nên thành tựu. Nếu sinh ở cõi Phạm Thế, thì đối với Tĩnh lự thứ nhất, có lúc lìa nhiễm đạt được, có lúc sinh ra đạt được, cho nên thành tựu; lúc ấy Ái của cõi Phạm Thế chưa hết, cho nên không thành tựu ba Tĩnh lự trên.

Hai, đó là Ái của cõi Phạm Thế đã hết, Ái của cõi trên chưa hết, đây chính là dị sinh-Thánh giả sinh vào cõi Dục-cõi Phạm Thế, và Thánh giả sinh ở cõi Cực Quang Tịnh. Nếu sinh ở cõi Dục, thì đối với hai Tĩnh lự đầu chỉ có lìa nhiễm đạt được, cho nên thành tựu. Nếu sinh ở cõi Phạm Thế, thì đối với Tĩnh lự thứ nhất, có lúc lìa nhiễm đạt được, có lúc sinh ra đạt được, cho nên thành tựu; đối với Tĩnh lự thứ hai chỉ có lìa nhiễm đạt được, cho nên thành tựu. Nếu sinh ở cõi Cực Quang Tịnh, thì đối với Tĩnh lự thứ nhất chỉ thành tựu vô lậu chứ không phải là hữu lậu, bởi vì vượt qua địa thì xả bỏ; đối với Tĩnh lự thứ hai chỉ có lìa nhiễm đạt được, cho nên thành tựu. Lúc ấy Ái của cõi Cực Quang Tịnh chưa hết, cho nên không thành tựu hai Tĩnh lự trên.

Ba, đó là Ái của cõi Cực Quang Tịnh đã hết, Ái của cõi trên chưa hết, đây chính là dị sinh-Thánh giả sinh vào cõi Dục-cõi Phạm Thế, và Thánh

giả sinh ở cõi Cực Quang Tịnh-Biến Tịnh. Nếu sinh ở cõi Dục, thì đối với ba Tĩnh lự sau chỉ có lìa nhiễm đạt được, cho nên thành tựu. Nếu sinh ở cõi Phạm Thế, thì đối với Tĩnh lự thứ nhất, có lúc lìa nhiễm đạt được, có lúc sinh ra đạt được, cho nên thành tựu; đối với Tĩnh lự thứ hai-thứ ba chỉ có lìa nhiễm đạt được, cho nên thành tựu. Nếu sinh ở cõi Cực Quang Tịnh, thì đối với Tĩnh lự thứ nhất chỉ thành tựu vô lậu; đối với Tĩnh lự thứ hai-thứ ba chỉ có lìa nhiễm đạt được, cho nên thành tựu. Nếu sinh ở cõi Biến Tịnh, thì đối với hai Tĩnh lự đầu chỉ thành tựu vô lậu; đối với Tĩnh lự thứ ba chỉ có lìa nhiễm đạt được, cho nên thành tựu. Lúc ấy Ái của cõi Biến Tịnh chưa hết, cho nên không thành tựu Tĩnh lự thứ tư.

Bốn, đó là Ái của cõi Biến Tịnh đã hết, đây chính là dị sinh-Thánh giả sinh vào cõi Dục-cõi Phạm Thế, và Thánh giả sinh ở cõi Cực Quang Tịnh, cho đến Phi tưởng phi phi tưởng xứ. Nếu sinh ở cõi Dục, thì đối với bốn Tĩnh lự đều chỉ có lìa nhiễm đạt được, cho nên thành tựu. Nếu sinh ở cõi Phạm Thế, thì đối với Tĩnh lự thứ nhất, có lúc lìa nhiễm đạt được, có lúc sinh ra đạt được, cho nên thành tựu; đối với ba Tĩnh lự trên chỉ có lìa nhiễm đạt được, cho nên thành tựu. Nếu sinh ở cõi Cực Quang Tịnh, thì đối với Tĩnh lự thứ nhất chỉ thành tựu vô lậu; đối với ba Tĩnh lự trên chỉ có lìa nhiễm đạt được, cho nên thành tựu. Nếu sinh ở cõi Biến Tịnh, thì đối với hai Tĩnh lự đầu chỉ thành tựu vô lậu; đối với Tĩnh lự thứ ba-thứ tư chỉ có lìa nhiễm đạt được, cho nên thành tựu. Nếu sinh ở cõi Quảng Quả, thì đối với ba Tĩnh lự dưới chỉ thành tựu vô lậu; đối với Tĩnh lự thứ tư chỉ có lìa nhiễm đạt được, cho nên thành tựu. Nếu sinh ở cõi Vô sắc, thì đối với bốn Tĩnh lự chỉ thành tựu vô lậu.

Đối với bốn Vô lượng, hoặc là không có, hoặc là ba, hoặc là bốn.

Không có, đó là sinh vào cõi Vô sắc, đây chính là Thánh giả sinh vào bốn địa ấy, thành tựu Vô lậu của Tĩnh lự thứ nhất chứ không phải là Vô lượng, bởi vì vượt qua cõi thì xả bỏ.

Ba, đó là sinh vào cõi Biến Tịnh-Quảng Quả, đây chính là Thánh giả sinh vào hai địa ấy, thành tựu Vô lậu của Tĩnh lự thứ nhất và ba Vô lượng, trừ ra Hỷ bởi vì vượt qua địa thì xả bỏ.

Bốn, đó là sinh vào cõi Dục-cõi Phạm Thế và cõi Cực Quang Tịnh, đây chính là dị sinh-Thánh giả sinh vào cõi Dục-cõi Phạm Thế, và Thánh giả sinh ở cõi Cực Quang Tịnh. Nếu sinh vào cõi Dục-cõi Phạm Thế, thì thành tựu hữu lậu-vô lậu của Tĩnh lự thứ nhất và bốn Vô lượng. Nếu sinh ở cõi Cực Quang Tịnh, thì thành tựu vô lậu của Tĩnh lự thứ nhất và bốn Vô lượng.

Đối với bốn Vô sắc, hoặc là không có, hoặc là một-hai-ba-bốn. Không có, đó là Ái của cõi Sắc chưa hết, đây chính là dị sinh-

Thánh giả, Ái của cõi Dục đã hết, Ái của cõi Sắc chưa hết, cho nên thành tựu Tĩnh lự thứ nhất chứ không phải là Vô sắc.

Một, đó là Ái của cõi Sắc đã hết, Ái của cõi trên chưa hết, đây chính là dị sinh-Thánh giả sinh vào cõi Dục-cõi Phạm Thế, và Thánh giả sinh ở cõi Cực Quang Tịnh, cho đến Không vô biên xứ, lúc ấy đều thành tựu Tĩnh lự thứ nhất và một Vô sắc. Nếu sinh vào cõi Dục-cõi Phạm Thế, thì thành tựu hữu lậu-vô lậu của Tĩnh lự thứ nhất và Vô sắc thứ nhất. Nếu sinh ở cõi Cực Quang Tịnh, cho đến Không vô biên xứ, thì thành tựu vô lậu của Tĩnh lự thứ nhất và hữu lậu-vô lậu của Vô sắc thứ nhất. Lúc ấy Ái của cõi trên chưa hết, cho nên không thành tựu ba Vô sắc trên.

Hai, đó là Ái của Không vô biên xứ đã hết, Ái của cõi trên chưa hết, đây chính là dị sinh-Thánh giả sinh vào cõi Dục-cõi Phạm Thế, và Thánh giả sinh ở cõi Cực Quang Tịnh, cho đến Thức vô biên xứ, lúc ấy đều thành tựu Tĩnh lự thứ nhất và hai Vô sắc. Nếu sinh vào cõi Dục-cõi Phạm Thế, thì thành tựu hữu lậu-vô lậu của Tĩnh lự thứ nhất và hai Vô sắc đầu. Nếu sinh ở cõi Cực Quang Tịnh, cho đến Không vô biên xứ, thì thành tựu vô lậu của Tĩnh lự thứ nhất và hữu lậu-vô lậu của hai Vô sắc đầu. Nếu sinh ở Thức vô biên xứ, thì thành tựu vô lậu của Tĩnh lự thứ nhất và Vô sắc thứ nhất, hữu lậu-vô lậu của Vô sắc thứ hai. Lúc ấy Ái của cõi trên chưa hết, cho nên không thành tựu hai Vô sắc trên.

Ba, đó là Ái của Thức vô biên xứ đã hết, Ái của cõi trên chưa hết, đây chính là dị sinh-Thánh giả sinh vào cõi Dục-cõi Phạm Thế, và Thánh giả sinh ở cõi Cực Quang Tịnh, cho đến Vô sở hữu xứ, lúc ấy đều thành tựu Tĩnh lự thứ nhất và ba Vô sắc. Nếu sinh vào cõi Dục-cõi Phạm Thế, thì thành tựu hữu lậu-vô lậu của Tĩnh lự thứ nhất và ba Vô sắc đầu. Nếu sinh ở cõi Cực Quang Tịnh, cho đến Không vô biên xứ, thì thành tựu vô lậu của Tĩnh lự thứ nhất và hữu lậu-vô lậu của ba Vô sắc đầu. Nếu sinh ở Thức vô biên xứ, thì thành tựu vô lậu của Tĩnh lự thứ nhất và Vô sắc thứ nhất, hữu lậu-vô lậu của Vô sắc thứ hai-thứ ba. Nếu sinh ở Vô sở hữu xứ, thì thành tựu vô lậu của Tĩnh lự thứ nhất và hai Vô sắc đầu, hữu lậu-vô lậu của Vô sắc thứ ba. Lúc ấy Ái của cõi trên chưa hết, cho nên không thành tựu một Vô sắc trên.

Bốn, đó là Ái của Vô sở hữu xứ đã hết, đây chính là dị sinh-Thánh giả sinh vào cõi Dục-cõi Phạm Thế, và Thánh giả sinh ở cõi Cực Quang Tịnh, cho đến Phi tưởng phi phi tưởng xứ, lúc ấy đều thành tựu Tĩnh lự thứ

nhất và bốn Vô sắc. Nếu sinh vào cõi Dục-cõi Phạm Thế, thì thành tựu hữu lậu-vô lậu của Tĩnh lự thứ nhất và ba Vô sắc, hữu lậu của một Vô sắc. Nếu sinh ở cõi Cực Quang Tịnh, cho đến Không vô biên xứ, thì thành tựu vô lậu của Tĩnh lự thứ nhất, hữu lậu-vô lậu của ba Vô sắc, hữu lậu của một Vô sắc. Nếu sinh ở Thức vô biên xứ, thì thành tựu vô lậu của Tĩnh lự thứ nhất và một Vô sắc, hữu lậu-vô lậu của hai Vô sắc, hữu lậu của một Vô sắc. Nếu sinh ở Vô sở hữu xứ, thì thành tựu vô lậu của Tĩnh lự thứ nhất và hai Vô sắc, hữu lậu-vô lậu của một Vô sắc, hữu lậu của một Vô sắc. Nếu sinh ở Phi tưởng phi phi tưởng xứ, thì thành tựu vô lậu của Tĩnh lự thứ nhất và ba Vô sắc, hữu lậu của một Vô sắc.

Đối với tám Giải thoát, hoặc là không có, hoặc là một-hai-ba- bốn-năm-sáu-bảy-tám.

Không có, đó là sinh vào cõi Biến Tịnh mà Ái của cõi ấy chưa hết, đây chính là Thánh giả sinh vào cõi Biến Tịnh, thành tựu vô lậu của Tĩnh lự thứ nhất, mà không thành tựu Giải thoát, bởi vì hai Giải thoát đầu vượt qua địa thì xả bỏ, sáu Giải thoát sau bởi vì chưa lìa nhiễm của cõi Biến Tịnh, chưa đạt được, cho nên nói là không có.

Một, đó là sinh vào cõi Biến Tịnh mà Ái của cõi ấy đã hết, Ái của cõi trên chưa hết. Nếu sinh ở cõi Quảng Quả mà Ái của cõi ấy chưa hết. Nếu sinh ở Không vô biên xứ mà Ái của cõi ấy chưa hết. Đây chính là Thánh giả sinh vào các địa ấy, thành tựu vô lậu của Tĩnh lự thứ nhất và một Giải thoát.

Trong này, nếu sinh vào cõi Biến Tịnh mà Ái của cõi ấy đã hết, Ái của cõi trên chưa hết, thì lúc ấy thành tựu Tịnh giải thoát, chứ không phải là Giải thoát nào khác, bởi vì hai loại trước vượt qua địa thì xả bỏ, năm loại sau thì chưa đạt được. Nếu sinh ở cõi Quảng Quả mà Ái của cõi ấy chưa hết, thì lúc ấy cũng thành tựu Tịnh giải thoát, chứ không phải là Giải thoát nào khác, giải thích như trước. Nếu sinh ở Không vô biên xứ mà Ái của cõi ấy chưa hết, thì lúc ấy thành tựu Giải thoát hữu lậu-vô lậu của Không vô biên xứ, chứ không phải là Giải thoát nào khác, bởi vì ba loại trước vượt qua địa thì xả bỏ, bốn loại sau thì chưa đạt được.

Hai, đó là sinh vào cõi Dục-cõi Phạm Thế-cõi Cực Quang Tịnh, Ái của cõi Biến Tịnh chưa hết. Nếu sinh ở cõi Biến Tịnh-Quảng Quả, Ái của cõi Quảng Quả đã hết, Ái của cõi trên chưa hết. Nếu sinh ở Không vô biên xứ mà Ái của cõi ấy đã hết, Ái của cõi trên chưa hết. Nếu sinh ở Thức vô biên xứ mà Ái của cõi ấy chưa hết. Đây chính là dị sinh-Thánh giả sinh vào cõi Dục-cõi Phạm Thế, và Thánh giả sinh ở cõi Cực Quang Tịnh, cho đến

Thức vô biên xứ, lúc ấy đều thành tựu Tĩnh lự thứ nhất và hai Giải thoát.

Trong đó, nếu sinh vào cõi Dục-cõi Phạm Thế, Ái của cõi Biến Tịnh chưa hết, thì lúc ấy thành tựu hữu lậu-vô lậu của Tĩnh lự thứ nhất và hai Giải thoát đầu, chứ không phải là Giải thoát nào khác, bởi vì chưa đạt được. Nếu sinh ở cõi Cực Quang Tịnh, Ái của cõi Biến Tịnh chưa hết, thì lúc ấy thành tựu vô lậu của Tĩnh lự thứ nhất, còn lại nói như trước. Nếu sinh ở cõi Biến Tịnh-Quảng Quả, Ái của cõi Quảng Quả đã hết, Ái của cõi trên chưa hết, thì lúc ấy thành tựu vô lậu của Tĩnh lự thứ nhất và Giải thoát thứ ba, hữu lậu-vô lậu của Giải thoát thứ tư, chứ không phải là Giải thoát nào khác, bởi vì hai loại trước đã xả bỏ, bốn loại sau thì chưa đạt được. Nếu sinh ở Không vô biên xứ mà Ái của cõi ấy đã hết, Ái của cõi trên chưa hết, thì lúc ấy thành tựu vô lậu của Tĩnh lự thứ nhất và hữu lậu-vô lậu của Giải thoát thứ tư-thứ năm, chứ không phải là Giải thoát nào khác, bởi vì ba loại trước đã xả bỏ, ba loại sau thì chưa đạt được. Nếu sinh ở Thức vô biên xứ mà Ái của cõi ấy chưa hết, thì lúc ấy thành tựu vô lậu của Tĩnh lự thứ nhất và vô lậu của Giải thoát thứ tư, hữu lậu-vô lậu của Giải thoát thứ năm, chứ không phải là Giải thoát nào khác, giải thích như trước.

Ba, đó là sinh vào cõi Dục-cõi Phạm Thế-cõi Cực Quang Tịnh, Ái của cõi Biến Tịnh đã hết, Ái của cõi trên chưa hết. Nếu sinh ở cõi Biến Tịnh-Quảng Quả, Ái của Không vô biên xứ đã hết, Ái của cõi trên chưa hết. Nếu sinh ở Không vô biên xứ, Ái của Thức vô biên xứ đã hết, Ái của cõi trên chưa hết. Nếu sinh ở Vô sở hữu xứ mà Ái của cõi ấy chưa hết. Đây chính là dị sinh-Thánh giả sinh vào cõi Dục-cõi Phạm Thế, và Thánh giả sinh ở cõi Cực Quang Tịnh, cho đến Vô sở hữu xứ, đều thành tựu Tĩnh lự thứ nhất và ba Giải thoát.

Trong đó, nếu sinh vào cõi Dục-cõi Phạm Thế, Ái của cõi Biến Tịnh đã hết, Ái của cõi trên chưa hết, thì lúc ấy thành tựu hữu lậu-vô lậu của Tĩnh lự thứ nhất và ba Giải thoát đầu, chứ không phải là Giải thoát nào khác, bởi vì chưa đạt được. Nếu sinh ở cõi Cực Quang Tịnh, Ái của cõi Biến Tịnh đã hết, Ái của cõi trên chưa hết, thì lúc ấy thành tựu vô lậu của Tĩnh lự thứ nhất, còn lại nói như trước. Nếu sinh ở cõi Biến Tịnh-Quảng Quả, Ái của Không vô biên xứ đã hết, Ái của cõi trên chưa hết, thì lúc ấy thành tựu vô lậu của Tĩnh lự thứ nhất và Giải thoát thứ ba, hữu lậu-vô lậu của Giải thoát thứ tư-thứ năm, chứ không phải là Giải thoát nào khác, bởi vì hai loại trước đã xả bỏ, ba loại sau thì chưa đạt được. Nếu sinh ở Không vô biên xứ, Ái của Thức vô biên xứ đã hết, Ái của cõi trên chưa hết, thì lúc ấy thành tựu vô lậu của Tĩnh lự thứ nhất, hữu lậu-vô lậu thuộc Giải thoát

của ba Vô sắc trước, chứ không phải là Giải thoát nào khác, bởi vì ba loại trước đã xả bỏ, hai loại sau thì chưa đạt được. Nếu sinh ở Thức vô biên xứ mà Ái của cõi ấy đã hết, Ái của cõi trên chưa hết, thì lúc ấy thành tựu vô lậu của Tĩnh lự thứ nhất và Giải thoát thứ tư, hữu lậu-vô lậu của Giải thoát thứ năm-thứ sáu, chứ không phải là Giải thoát nào khác, giải thích như trước. Nếu sinh ở Vô sở hữu xứ mà Ái của cõi ấy chưa hết, thì lúc ấy thành tựu vô lậu của Tĩnh lự thứ nhất và Giải thoát thứ tư-thứ năm, hữu lậu-vô lậu của Giải thoát thứ sáu, chứ không phải là Giải thoát nào khác, giải thích như trước.

Bốn, đó là sinh vào cõi Dục-cõi Phạm Thế và cõi Cực Quang Tịnh, Ái của cõi Quảng Quả đã hết, Ái của cõi trên chưa hết. Nếu sinh ở cõi Biến Tịnh-Quảng Quả, Ái của Thức vô biên xứ đã hết, Ái của cõi trên chưa hết. Nếu sinh ở Không-Thức vô biên xứ và Vô sở hữu xứ, Ái của Vô sở hữu xứ đã hết. Nếu sinh ở Phi tưởng phi phi tưởng xứ, không đạt được Định Diệt tận. Đây chính là dị sinh-Thánh giả sinh vào cõi Dục-cõi Phạm Thế, và Thánh giả sinh ở cõi Cực Quang Tịnh, cho đến Phi tưởng phi phi tưởng xứ, đều thành tựu Tĩnh lự thứ nhất và bốn Giải thoát.

Trong đó, nếu sinh vào cõi Dục-cõi Phạm Thế, Ái của cõi Quảng Quả đã hết, Ái của cõi trên chưa hết, thì lúc ấy thành tựu hữu lậu-vô lậu của Tĩnh lự thứ nhất và ba Giải thoát đầu, hữu lậu-vô lậu của Giải thoát thứ tư, chứ không phải là Giải thoát nào khác, bởi vì chưa đạt được. Nếu sinh ở cõi Cực Quang Tịnh, Ái của cõi Quảng Quả đã hết, Ái của cõi trên chưa hết, thì lúc ấy thành tựu vô lậu của Tĩnh lự thứ nhất, còn lại nói như trước. Nếu sinh ở cõi Biến Tịnh-Quảng Quả, Ái của Thức vô biên xứ đã hết, Ái của cõi trên chưa hết, thì lúc ấy thành tựu vô lậu của Tĩnh lự thứ nhất và Giải thoát thứ ba, hữu lậu-vô lậu thuộc Giải thoát của ba Vô sắc trước, chứ không phải là Giải thoát nào khác, bởi vì hai loại trước đã xả bỏ, hai loại sau thì chưa đạt được. Nếu sinh ở Không vô biên xứ, Ái của Vô sở hữu xứ đã hết, thì lúc ấy thành tựu vô lậu của Tĩnh lự thứ nhất, hữu lậu-vô lậu thuộc Giải thoát của ba Vô sắc trước cùng với Giải thoát thứ bảy, chứ không phải là Giải thoát nào khác, bởi vì ba loại trước đã xả bỏ, một loại sau thì chưa đạt được. Nếu sinh ở Thức vô biên xứ, Ái của Vô sở hữu xứ đã hết, thì lúc ấy thành tựu vô lậu của Tĩnh lự thứ nhất và Giải thoát thứ tư, hữu lậu-vô lậu của Giải thoát thứ năm-thứ sáu, cùng với Giải thoát thứ bảy, chứ không phải là Giải thoát nào khác, giải thích như trước. Nếu sinh ở Vô sở hữu xứ mà Ái của cõi ấy đã hết, thì lúc ấy thành tựu vô lậu của Tĩnh lự thứ nhất và Giải thoát thứ tư-thứ năm, hữu lậu-vô lậu của Giải thoát thứ sáu, cùng với Giải thoát thứ bảy, chứ không phải là Giải thoát nào khác, giải thích như

trước. Nếu sinh ở Phi tưởng phi phi tưởng xứ, không đạt được Định Diệt tận, thì lúc ấy thành tựu vô lậu của Tĩnh lự thứ nhất, Giải thoát của ba Vô sắc trước, cùng với Giải thoát thứ bảy, chứ không phải là Giải thoát nào khác, bởi vì ba loại trước đã xả bỏ, một loại sau thì chưa đạt được, hoặc là đã xả bỏ.

Năm, đó là sinh vào cõi Dục-cõi Phạm Thế-cõi Cực Quang Tịnh, Ái của Không vô biên xứ đã hết, Ái của cõi trên chưa hết. Nếu sinh ở cõi Biến Tịnh-Quảng Quả, Ái của Vô sở hữu xứ đã hết, không đạt được Định Diệt tận. Nếu sinh ở Phi tưởng phi phi tưởng xứ, đạt được Định Diệt tận. Đây chính là dị sinh-Thánh giả sinh vào cõi Dục-cõi Phạm Thế, và Thánh giả sinh ở cõi Cực Quang Tịnh-Biến Tịnh-Quảng Quả- Phi tưởng phi phi tưởng xứ, đều thành tựu Tĩnh lự thứ nhất và năm Giải thoát.

Trong đó, nếu sinh vào cõi Dục-cõi Phạm Thế, Ái của Không vô biên xứ đã hết, Ái của cõi trên chưa hết, thì lúc ấy thành tựu hữu lậu-vô lậu của Tĩnh lự thứ nhất và ba Giải thoát đầu, hữu lậu-vô lậu của Giải thoát thứ tư-thứ năm, chứ không phải là Giải thoát nào khác, bởi vì chưa đạt được. Nếu sinh ở cõi Cực Quang Tịnh, Ái của Không vô biên xứ đã hết, Ái của cõi trên chưa hết, thì lúc ấy thành tựu vô lậu của Tĩnh lự thứ nhất, còn lại nói như trước. Nếu sinh ở cõi Biến Tịnh-Quảng Quả, Ái của Vô sở hữu xứ đã hết, không đạt được Định Diệt tận, thì lúc ấy thành tựu vô lậu của Tĩnh lự thứ nhất và Giải thoát thứ ba, hữu lậu-vô lậu thuộc Giải thoát của ba Vô sắc trước, cùng với Giải thoát thứ bảy, chứ không phải là Giải thoát nào khác, bởi vì hai loại trước đã xả bỏ, một loại sau thì không đạt được. Nếu sinh ở Phi tưởng phi phi tưởng xứ, đạt được Định Diệt tận, thì lúc ấy thành tựu vô lậu của Tĩnh lự thứ nhất, Giải thoát của ba Vô sắc trước và hai Giải thoát sau, chứ không phải là Giải thoát nào khác, bởi vì đã xả bỏ.

Sáu, đó là sinh vào cõi Dục-cõi Phạm Thế-cõi Cực Quang Tịnh, Ái của Thức vô biên xứ đã hết, Ái của cõi trên chưa hết. Nếu sinh ở cõi Biến Tịnh-Quảng Quả, đạt được Định Diệt tận. Đây chính là dị sinh-Thánh giả sinh vào cõi Dục-cõi Phạm Thế, và Thánh giả sinh ở cõi Cực Quang Tịnh-Biến Tịnh-Quảng Quả, đều thành tựu Tĩnh lự thứ nhất và sáu Giải thoát.

Trong đó, nếu sinh vào cõi Dục-cõi Phạm Thế, Ái của Thức vô biên xứ đã hết, Ái của cõi trên chưa hết, thì lúc ấy thành tựu hữu lậu- vô lậu của Tĩnh lự thứ nhất và ba Giải thoát đầu, hữu lậu-vô lậu thuộc Giải thoát của ba Vô sắc trước, chứ không phải là Giải thoát nào khác, bởi vì chưa đạt được. Nếu sinh ở cõi Cực Quang Tịnh, Ái của Thức vô biên xứ đã hết, Ái của cõi trên chưa hết, thì lúc ấy thành tựu vô lậu của Tĩnh lự thứ nhất, còn

lại nói như trước. Nếu sinh ở cõi Biến Tịnh-Quảng Quả, đạt được Định Diệt tận, thì lúc ấy thành tựu vô lậu của Tĩnh lự thứ nhất và Giải thoát thứ ba, hữu lậu-vô lậu thuộc Giải thoát của ba Vô sắc trước, cùng với hai Giải thoát sau, chứ không phải là Giải thoát nào khác, bởi vì đã xả bỏ.

Bảy, đó là sinh vào cõi Dục-cõi Phạm Thế-cõi Cực Quang Tịnh, Ái của Vô sở hữu xứ đã hết, không đạt được Định Diệt tận. Đây chính là dị sinh-Thánh giả sinh vào cõi Dục-cõi Phạm Thế, và Thánh giả sinh ở cõi Cực Quang Tịnh, đều thành tựu Tĩnh lự thứ nhất và bảy Giải thoát.

Trong đó, nếu sinh vào cõi Dục-cõi Phạm Thế, Ái của Vô sở hữu xứ đã hết, không đạt được Định Diệt tận, thì lúc ấy thành tựu hữu lậu-vô lậu của Tĩnh lự thứ nhất và ba Giải thoát đầu, hữu lậu-vô lậu thuộc Giải thoát của ba Vô sắc trước, cùng với Giải thoát thứ bảy, chứ không phải là Giải thoát thứ tám, bởi vì chưa đạt được. Nếu sinh ở cõi Cực Quang Tịnh, Ái của Vô sở hữu xứ đã hết, không đạt được Định Diệt tận, thì lúc ấy thành tựu vô lậu của Tĩnh lự thứ nhất, còn lại nói như trước.

Tám, đó là sinh vào cõi Dục-cõi Phạm Thế-cõi Cực Quang Tịnh, đạt được Định Diệt tận. Đây chính là dị sinh-Thánh giả sinh vào cõi Dục-cõi Phạm Thế, và cõi Cực Quang Tịnh, đều thành tựu Tĩnh lự thứ nhất và tám Giải thoát.

Trong đó, nếu sinh vào cõi Dục-cõi Phạm Thế, đạt được Định Diệt tận, thì lúc ấy thành tựu hữu lậu-vô lậu của Tĩnh lự thứ nhất và tất cả tám Giải thoát. Nếu sinh ở cõi Cực Quang Tịnh, đạt được Định Diệt tận, thì lúc ấy thành tựu vô lậu của Tĩnh lự thứ nhất, và tất cả tám Giải thoát.

Đối với tám Thắng xứ, hoặc là không có, hoặc là bốn, hoặc là tám.

Không có, đó là sinh vào cõi Biến Tịnh mà Ái của cõi ấy chưa hết, hoặc là sinh vào cõi Vô sắc. Đây chính là Thánh giả sinh vào cõi Biến Tịnh và cõi Vô sắc, cùng thành tựu vô lậu của Tĩnh lự thứ nhất, chứ không phải là tám Thắng xứ. Bởi vì sinh vào cõi Biến Tịnh mà Ái của cõi ấy chưa hết, thì bốn loại trước đã xả bỏ, bốn loại sau chưa đạt được; sinh vào cõi Vô sắc, thì đều đã xả bỏ.

Bốn, đó là sinh vào cõi Dục-cõi Phạm Thế và cõi Cực Quang Tịnh, Ái của cõi Biến Tịnh chưa hết. Nếu sinh vào cõi Biến Tịnh mà Ái của cõi ấy đã hết, hoặc là sinh ở cõi Quảng Quả. Đây chính là dị sinh- Thánh giả sinh vào cõi Dục-cõi Phạm Thế, và Thánh giả sinh ở cõi Cực Quang Tịnh-Biến Tịnh-Quảng Quả, đều thành tựu Tĩnh lự thứ nhất và bốn Thắng xứ.

Trong đó, nếu sinh vào cõi Dục-cõi Phạm Thế, Ái của cõi Biến Tịnh chưa hết, thì lúc ấy thành tựu hữu lậu-vô lậu của Tĩnh lự thứ nhất và bốn

Thắng xứ trước, chứ không phải là Thắng xứ nào khác, bởi vì chưa đạt được. Nếu sinh ở cõi Cực Quang Tịnh, Ái của cõi Biến Tịnh chưa hết, thì lúc ấy thành tựu vô lậu của Tĩnh lự thứ nhất, còn lại nói như trước. Nếu sinh vào cõi Biến Tịnh mà Ái của cõi ấy đã hết, và sinh ở cõi Quảng Quả, thì lúc ấy thành tựu vô lậu của Tĩnh lự thứ nhất và bốn Thắng xứ sau, chứ không phải là Thắng xứ nào khác, bởi vì đã xả bỏ.

Tám, đó là sinh vào cõi Dục-cõi Phạm Thế-cõi Cực Quang Tịnh, Ái của cõi Biến Tịnh đã hết. Đây chính là dị sinh-Thánh giả sinh vào cõi Dục-cõi Phạm Thế, và Thánh giả sinh ở cõi Cực Quang Tịnh, đều thành tựu Tĩnh lự thứ nhất và tám Thắng xứ.

Trong đó, nếu sinh vào cõi Dục-cõi Phạm Thế, Ái của cõi Biến Tịnh đã hết, thì lúc ấy thành tựu hữu lậu-vô lậu của Tĩnh lự thứ nhất, và tám Thắng xứ. Nếu sinh ở cõi Cực Quang Tịnh, Ái của cõi Biến Tịnh đã hết, thì lúc ấy thành tựu vô lậu của Tĩnh lự thứ nhất, và tám Thắng xứ. Đối với mười Biến xứ, hoặc là không có, hoặc là một-hai-tám-

chín-mười.

Không có, đó là sinh vào cõi Dục-cõi Phạm Thế, cõi Cực Quang Tịnh-cõi Biến Tịnh, Ái của cõi Biến Tịnh chưa hết. Nếu sinh ở Vô sở hữu xứ, Phi tưởng phi phi tưởng xứ. Đây chính là dị sinh-Thánh giả sinh vào cõi Dục-cõi Phạm Thế, và Thánh giả sinh ở cõi Cực Quang Tịnh- Biến Tịnh, hai Vô sắc sau, đều thành tựu Tĩnh lự thứ nhất, chứ không phải là mười Biến xứ.

Trong đó, nếu sinh vào cõi Dục-cõi Phạm Thế, Ái của cõi Biến Tịnh chưa hết, thì lúc ấy thành tựu hữu lậu-vô lậu của Tĩnh lự thứ nhất, chứ không phải là mười Biến xứ, bởi vì chưa đạt được. Nếu sinh ở cõi Cực Quang Tịnh-Biến Tịnh, Ái của cõi Biến Tịnh chưa hết, thì lúc ấy thành tựu vô lậu của Tĩnh lự thứ nhất, chứ không phải là mười Biến xứ, bởi vì chưa đạt được. Nếu sinh ở hai Vô sắc sau, thì lúc ấy thành tựu vô lậu của Tĩnh lự thứ nhất, chứ không phải là mười Biến xứ, bởi vì đã xả bỏ.

Một, đó là sinh ở Không vô biên xứ mà Ái của cõi ấy chưa hết, hoặc là sinh ở Thức vô biên xứ. Đây chính là Thánh giả sinh vào hai địa ấy, cùng thành tựu vô lậu của Tĩnh lự thứ nhất và một Biến xứ.

Trong đó, nếu sinh ở Không vô biên xứ mà Ái của cõi ấy chưa hết, thì lúc ấy thành tựu một Biến xứ của Không vô biên xứ, chứ không phải là Biến xứ nào khác, bởi vì tám loại trước đã xả bỏ, một loại sau thì chưa đạt được. Nếu sinh ở Thức vô biên xứ, thì lúc ấy thành tựu một Biến xứ của Thức vô biên xứ, chứ không phải là Biến xứ nào khác, bởi vì đã xả bỏ.

Hai, đó là sinh ở Không vô biên xứ mà Ái của cõi ấy đã hết. Đây chính là Thánh giả sinh vào địa ấy, thành tựu vô lậu của Tĩnh lự thứ nhất và hai Biến xứ sau, chứ không phải là Biến xứ nào khác, bởi vì đã xả bỏ.

Tám, đó là sinh vào cõi Dục-cõi Phạm Thế, cõi Cực Quang Tịnh- cõi Biến Tịnh, Ái của cõi Biến Tịnh đã hết, Ái của cõi trên chưa hết. Nếu sinh ở cõi Quảng Quả mà Ái của cõi ấy chưa hết. Đây chính là dị sinh-Thánh giả sinh vào cõi Dục-cõi Phạm Thế, và Thánh giả sinh ở cõi Cực Quang Tịnh-Biến Tịnh-Quảng Quả, đều thành tựu Tĩnh lự thứ nhất và tám Biến xứ trước.

Trong đó, nếu sinh vào cõi Dục-cõi Phạm Thế, Ái của cõi Biến Tịnh đã hết, Ái của cõi trên chưa hết, thì lúc ấy thành tựu hữu lậu-vô lậu của Tĩnh lự thứ nhất, và tám Biến xứ trước, chứ không phải là Biến xứ nào khác, bởi vì chưa đạt được. Nếu sinh ở cõi Cực Quang Tịnh-Biến Tịnh, Ái của cõi Biến Tịnh đã hết, Ái của cõi trên chưa hết, và sinh ở cõi Quảng Quả mà Ái của cõi ấy chưa hết, thì lúc ấy thành tựu vô lậu của Tĩnh lự thứ nhất, còn lại nói như trước.

Chín, đó là sinh vào cõi Dục-Sắc, Ái của cõi Sắc đã hết, Ái của cõi trên chưa hết. Đây chính là dị sinh-Thánh giả sinh vào cõi Dục-cõi Phạm Thế, và Thánh giả sinh ở cõi Cực Quang Tịnh-Biến Tịnh-Quảng Quả, đều thành tựu Tĩnh lự thứ nhất và chín Biến xứ trước.

Trong đó, nếu sinh vào cõi Dục-cõi Phạm Thế, Ái của cõi Sắc đã hết, Ái của cõi trên chưa hết, thì lúc ấy thành tựu hữu lậu-vô lậu của Tĩnh lự thứ nhất và chín Biến xứ trước, chứ không phải là Biến xứ thứ mười, bởi vì chưa đạt được. Nếu sinh ở cõi Cực Quang Tịnh-Biến Tịnh-Quảng Quả, Ái của cõi Sắc đã hết, Ái của cõi trên chưa hết, thì lúc ấy thành tựu vô lậu của Tĩnh lự thứ nhất, còn lại nói như trước.

Mười, đó là sinh vào cõi Dục-Sắc, Ái của Không vô biên xứ đã hết. Đây chính là dị sinh-Thánh giả sinh vào cõi Dục-cõi Phạm Thế, và Thánh giả sinh ở cõi Cực Quang Tịnh-Biến Tịnh-Quảng Quả, đều thành tựu Tĩnh lự thứ nhất và mười Biến xứ.

Trong đó, nếu sinh vào cõi Dục-cõi Phạm Thế, Ái của Không vô biên xứ đã hết, thì lúc ấy thành tựu hữu lậu-vô lậu của Tĩnh lự thứ nhất và mười Biến xứ. Nếu sinh ở cõi Cực Quang Tịnh-Biến Tịnh-Quảng Quả, Ái của Không vô biên xứ đã hết, thì lúc ấy thành tựu vô lậu của Tĩnh lự thứ nhất, và mười Biến xứ.

Đối với tám Trí, hoặc là hai-bốn-năm-sáu-bảy-tám.

Hai, đó là dị sinh và phần vị Khổ pháp nhẫn. Trong này, dị sinh và

trước lúc lìa nhiễm cõi Dục, dựa vào phần vị Khổ pháp nhẫn của Định Vị chí thì thành tựu hữu lậu của Tĩnh lự thứ nhất; nếu dựa vào phần vị Khổ pháp nhẫn của năm địa trên thì thành tựu hữu lậu-vô lậu của Tĩnh lự thứ nhất. Lúc ấy tất cả đều thành tựu hai Trí, đó là Tha tâm trí và Thế tục trí.

Bốn, đó là phần vị Khổ pháp trí-Khổ loại nhẫn, phần vị này nếu dựa vào Định Vị chí thì thành tựu hữu lậu của Tĩnh lự thứ nhất; nếu dựa vào năm địa trên thì thành tựu hữu lậu-vô lậu của Tĩnh lự thứ nhất. Lúc ấy đều thành tựu bốn Trí, đó là Tha tâm trí-Thế tục trí-Khổ trí và Pháp trí.

Năm, đó là phần vị Khổ loại trí-Tập pháp nhẫn, hai phần vị này đã thành tựu hữu lậu-vô lậu của Tĩnh lự thứ nhất, phân biệt như trước. Lúc ấy đều thành tựu năm Trí, đó là bốn Trí trước thêm vào Loại trí.

Sáu, đó là phần vị Tập pháp trí cho đến phần vị Diệt pháp trí, các phần vị này đã thành tựu Tĩnh lự thứ nhất, nói như trước. Lúc ấy đều thành tựu sáu Trí, đó là năm Trí trước thêm vào Tập trí.

Bảy, đó là phần vị Diệt pháp trí cho đến phần vị Đạo pháp nhẫn, các phần vị này đã thành tựu Tĩnh lự thứ nhất, nói như trước. Lúc ấy đều thành tựu bảy Trí, đó là sáu Trí trước thêm vào Diệt trí.

Tám, đó là các phần vị từ Đạo pháp trí trở lên. Trong này, phần vị Đạo pháp trí-Đạo loại nhẫn đã thành tựu Tĩnh lự thứ nhất, cũng nói như trước. Phần vị Đạo loại trí nhất định thành tựu hữu lậu-vô lậu của Tĩnh lự thứ nhất. Đạo loại trí ấy trong các phần vị trên, sinh vào cõi Dục-Phạm Thế, thì nhất định đều thành tựu hữu lậu-vô lậu của Tĩnh lự thứ nhất. Sinh vào các địa từ Cực Quang Tịnh trở lên, thì chỉ thành tựu vô lậu của Tĩnh lự thứ nhất. Lúc ấy tất cả đều thành tựu tám Trí, đó là bảy Trí trước thêm vào Đạo trí.

Đối với ba Tam-ma-địa, hoặc là không có, hoặc là hai-ba.

Không có, đó là các dị sinh, lúc ấy không thành tựu hữu lậu-vô lậu của Tĩnh lự thứ nhất, không phải là Tam-ma-địa, bởi vì không đạt được. Hai, đó là các Thánh giả, lúc Diệt pháp nhẫn chưa sinh, trước các phần vị này, nếu dựa vào Định Vị chí thì chỉ thành tựu hữu lậu của Tĩnh lự thứ nhất; nếu dựa vào năm địa trên thì thành tựu hữu lậu-vô lậu của Tĩnh lự thứ nhất. Lúc ấy đều thành tựu hai Tam-ma-địa, đó là Không- Vô nguyện. Ba, đó là lúc Diệt pháp nhẫn đã sinh.

Trong này, từ Diệt pháp nhẫn cho đến Đạo loại nhẫn trí, đã thành tựu Tĩnh lự thứ nhất, nói như trước. Phần vị Đạo loại trí nhất định thành tựu hữu lậu-vô lậu của Tĩnh lự thứ nhất. Đạo loại trí ấy trong các phần vị trên, sinh vào cõi Dục-Phạm Thế, thì nhất định đều thành tựu hữu lậu-vô lậu của

Tĩnh lự thứ nhất. Sinh vào các địa từ Cực Quang Tịnh trở lên, thì chỉ thành tựu vô lậu của Tĩnh lự thứ nhất. Lúc ấy tất cả đều thành tựu ba Tam-ma-địa.

Như thành tựu Tĩnh lự thứ nhất, cho đến thành tựu Tĩnh lự thứ tư, tùy theo sự thích hợp cũng như vậy. Nghĩa là như dùng Tĩnh lự thứ nhất đối với bốn Tĩnh lự, cho đến ba Tam-ma-địa, biện giải về thành tựu cũng như vậy; cho đến dùng Tĩnh lự thứ tư đối với bốn Tĩnh lự, cho đến ba Tam-ma-địa, biện giải về thành tựu tùy theo sự thích hợp cũng như vậy. Nếu dị sinh, nếu Thánh giả, nếu lìa nhiễm đạt được, nếu sinh ra đạt được, nếu hữu lậu, nếu vô lậu, nếu không có, nếu từng phần, nếu đầy đủ…, đều cần phải nói rộng ra.

Bảy Bổ-đặc-già-la, đó là Tùy tín hành, Tùy pháp hành, Tín thắng giải, Kiến chí, Thân chứng, Tuệ giải thoát, Câu giải thoát.

Hỏi: Tùy tín hành…đối với Vị tương ưng của Tĩnh lự thứ tư-bốn Vô sắc, mấy thành tựu, mấy không thành tựu?

Đáp: Tùy tín hành đối với Vị tương ưng của bốn Tĩnh lự, hoặc là không có, hoặc là một-hai-ba-bốn.

Không có, đó là Ái cõi Sắc đã hết, bởi vì lúc ấy lìa nhiễm đều đã đoạn.

Một, đó là Ái của cõi Biến Tịnh đã hết, Ái của cõi trên chưa hết, lúc ấy chỉ thành tựu Vị của một địa Tĩnh lự trên.

Hai, đó là Ái của cõi Cực Quang Tịnh đã hết, Ái của cõi trên chưa hết, lúc ấy chỉ thành tựu Vị của hai địa Tĩnh lự trên.

Ba, đó là Ái của cõi Phạm Thế đã hết, Ái của cõi trên chưa hết, lúc ấy chỉ thành tựu Vị của ba địa Tĩnh lự trên.

Bốn, đó là Ái của cõi Phạm Thế chưa hết, lúc ấy đều thành tựu Vị của bốn địa Tĩnh lự, bởi vì nhiễm của địa dưới chưa hết thì chắc chắn thành tựu Vị của địa trên, nhiễm của địa trên đã hết thì chắc chắn không thành tựu Vị của địa dưới.

Đối với Tịnh của bốn Tĩnh lự, hoặc là không có, hoặc là một-hai- ba-bốn.

Không có, đó là Ái cõi Dục chưa hết thì đối với Tịnh của Tĩnh lự đều chưa đạt được.

Một, đó là Ái của cõi Dục đã hết, Ái của cõi trên chưa hết, lúc ấy thành tựu Tịnh của một địa dưới.

Hai, đó là Ái của cõi Phạm Thế đã hết, Ái của cõi trên chưa hết, lúc

ấy chỉ thành tựu Tịnh của hai địa dưới.

Ba, đó là Ái của cõi Cực Quang Tịnh đã hết, Ái của cõi trên chưa hết, lúc ấy chỉ thành tựu Tịnh của ba địa dưới.

Bốn, đó là Ái của cõi Biến Tịnh đã hết, lúc ấy đều thành tựu Tịnh của bốn địa, bởi vì nhiễm của địa dưới chưa hết thì chắc chắn không thành tựu Tịnh của địa trên, nhiễm của địa trên đã hết mà thân ở địa dưới thì chắc chắn thành tựu Tịnh của địa dưới. Bởi vì Tùy tín hành chắc chắn ở cõi Dục, cho nên đưa ra cách nói này.

Đối với Vô lậu của bốn Tĩnh lự, hoặc là không có, hoặc là một- hai-ba-bốn.

Không có, đó là dựa vào Định Vị chí tiến vào Chánh tánh ly sinh. Trong này, hoặc chưa lìa nhiễm cõi Dục, hoặc tuy là lìa nhiễm cõi Dục mà không có thể tu, cho nên đều không thành tựu.

Một, đó là dựa vào Tĩnh lự thứ nhất, hoặc là Tĩnh lự trung gian, tiến vào Chánh tánh ly sinh, lúc ấy thành tựu Vô lậu của một địa dưới chứ không phải là gì khác, bởi vì hoặc là chưa đạt được, hoặc là không có thể tu.

Hai, đó là dựa vào Tĩnh lự thứ hai, tiến vào Chánh tánh ly sinh, lúc ấy thành tựu Vô lậu của hai địa dưới chứ không phải là gì khác, nói như trước.

Ba, đó là dựa vào Tĩnh lự thứ ba, tiến vào Chánh tánh ly sinh, lúc ấy thành tựu Vô lậu của ba địa dưới chứ không phải là gì khác, nói như trước.

Bốn, đó là dựa vào Tĩnh lự thứ tư, tiến vào Chánh tánh ly sinh, lúc ấy thành tựu đầy đủ Vô lậu của bốn địa, bởi vì đều đã đạt được và có thể tu. Kiến đạo dựa vào địa dưới chắc chắn không tu địa trên, bởi vì là lần đầu đạt được đạo. Vô lậu dựa vào địa trên chắc chắn tu địa dưới, bởi vì tự tại cho nên không hệ thuộc.

Đối với Vị tương ưng của bốn Vô sắc, hoặc là một-hai-ba-bốn. Một, đó là Ái của Vô sở hữu xứ đã hết, Ái của cõi trên chưa hết,

lúc ấy thành tựu Vị của một địa trên, bởi vì lúc ấy chắc chắn chưa lìa nhiễm của Hữu Đảnh.

Hai, đó là Ái của Thức vô biên xứ đã hết, Ái của cõi trên chưa hết, lúc ấy thành tựu Vị của hai địa trên.

Ba, đó là Ái của Không vô biên xứ đã hết, Ái của cõi trên chưa hết, lúc ấy thành tựu Vị của ba địa trên.

Bốn, đó là Ái của Không vô biên xứ chưa hết, lúc ấy thành tựu đầy đủ Vị của bốn địa, nguyên cớ nói như trước.

Đối với Tịnh của bốn Vô sắc, hoặc là không có, hoặc là một-hai- ba-bốn.

Không có, đó là Ái của cõi Sắc chưa hết, đối với Tịnh của Vô sắc đều chưa đạt được.

Một, đó là Ái của cõi Sắc đã hết, Ái của cõi trên chưa hết, lúc ấy thành tựu Tịnh của một địa dưới.

Hai, đó là Ái của Không vô biên xứ đã hết, Ái của cõi trên chưa hết, lúc ấy thành tựu Tịnh của hai địa dưới.

Ba, đó là Ái của Thức vô biên xứ đã hết, Ái của cõi trên chưa hết, lúc ấy thành tựu Tịnh của ba địa dưới.

Bốn, đó là Ái của Vô sở hữu xứ đã hết, lúc ấy thành tựu đầy đủ Tịnh của bốn địa, nguyên cớ nói như trước.

Đối với Vô lậu của ba Vô sắc đều không thành tựu, bởi vì lúc ấy không có Kiến đạo.

Như Tùy tín hành, Tùy pháp hành cũng như vậy, bởi vì hai Bổ- đặc-già-la này, hoặc là Đạo, hoặc là Địa, hoặc là Định, hoặc là Lìa nhiễm, hoặc là Sở y, đều không khác nhau, chỉ khác về Căn.

Tín thắng giải đối với Vị tương ưng của bốn Tĩnh lự, hoặc là không có, hoặc là một-hai-ba-bốn.

Không có, đó là Ái cõi Sắc đã hết.

Một, đó là Ái của cõi Biến Tịnh đã hết, Ái của cõi trên chưa hết. Hai, đó là Ái của cõi Cực Quang Tịnh đã hết, Ái của cõi trên chưa hết.

Ba, đó là Ái của cõi Phạm Thế đã hết, Ái của cõi trên chưa hết. Bốn, đó là Ái của cõi Phạm Thế chưa hết, lúc ấy thành tựu và nguyên cớ đều nói như trước.

Đối với Tịnh của bốn Tĩnh lự, hoặc là không có, hoặc là một-hai- ba-bốn.

Không có, đó là Ái cõi Dục chưa hết. Nếu sinh vào cõi Vô sắc, bởi vì Ái cõi Dục chưa hết thì đều chưa đạt được; sinh vào cõi Vô sắc thì bởi vì đều đã xả bỏ.

Một, đó là sinh ở cõi Dục, Ái cõi Dục đã hết, Ái của cõi trên chưa hết. Nếu sinh ở cõi Phạm Thế thì Ái của cõi ấy chưa hết. Nếu sinh ở cõi Cực Quang Tịnh thì Ái của cõi ấy chưa hết. Nếu sinh ở cõi Biến Tịnh thì Ái của cõi ấy chưa hết. Nếu sinh ở cõi Quảng Quả.

Hai, đó là sinh ở cõi Dục-Phạm Thế, Ái của cõi Phạm Thế đã hết, Ái của cõi trên chưa hết. Nếu sinh ở cõi Cực Quang Tịnh, thì Ái của cõi ấy đã

hết, Ái của cõi trên chưa hết. Nếu sinh ở cõi Biến Tịnh thì Ái của cõi ấy đã hết.

Ba, đó là sinh ở cõi Dục-Phạm Thế, Ái của cõi Cực Quang Tịnh đã hết, Ái của cõi trên chưa hết. Nếu sinh ở cõi Cực Quang Tịnh, Ái của cõi Biến Tịnh đã hết.

Bốn, đó là sinh ở cõi Dục-Phạm Thế, Ái của cõi Biến Tịnh đã hết.

Trong này, Tín thắng giải có thể có nghĩa về sinh ở tất cả các địa, pháp thiện hữu lậu sinh lên địa trên thì nhất định xả bỏ địa dưới, cho nên có thể đưa ra cách nói như trước.

Đối với Vô lậu của bốn Tĩnh lự, hoặc là không có, hoặc là một- hai-ba-bốn.

Không có, đó là Ái cõi Dục chưa hết.

Một, đó là Ái của cõi Dục đã hết, Ái của cõi trên chưa hết.

Hai, đó là Ái của cõi Phạm Thế đã hết, Ái của cõi trên chưa hết. Ba, đó là Ái của cõi Cực Quang Tịnh đã hết, Ái của cõi trên chưa hết.

Bốn, đó là Ái của cõi Biến Tịnh đã hết.

Trong này, dựa vào người từ từ đạt được quả lìa nhiễm mà nói, hoặc là dựa theo người đã đạt được Tĩnh lự thù thắng, thì dựa vào Tĩnh lự ấy tiến vào Chánh tánh ly sinh mà nói. Nếu không như vậy, thì văn này không nên đưa ra cách nói như vậy, bởi vì có lúc Ái của cõi Phạm Thế đã hết mà không thành tựu hai, Ái của cõi Cực Quang Tịnh đã hết mà không thành tựu ba, Ái của cõi Biến Tịnh đã hết mà không thành tựu bốn. Vì sao như vậy? Đó là bởi vì có lúc lìa nhiễm của cõi Phạm Thế cho đến cõi Biến Tịnh, dựa vào Tĩnh lự thứ nhất cho đến Tĩnh lự thứ ba tiến vào Chánh tánh ly sinh, đến lúc Đạo loại trí thì không thành tựu Vô lậu của hai cho đến bốn Tĩnh lự. Hoặc là ở đây đã nói đến lúc Đạo loại trí, tuy không thành tựu hai cho đến bốn, mà từ đây về sau không bao lâu nhất định thành tựu, vào lúc bấy giờ cũng nói là thành tựu, đó là bởi vì Đạo loại trí về sau không bao lâu thì nhất định khởi lên đạo của quả thù thắng, lập tức tu đạo của quả ấy.

Đối với Vị tương ưng của bốn Vô sắc, hoặc là một-hai-ba-bốn, cho đến nói rộng ra.

Đối với Tịnh của bốn Vô sắc, hoặc là không có, hoặc là một-hai- ba-bốn, cho đến nói rộng ra. Trong này giải thích rộng ra như trong phần Tĩnh lự, nên biết.

Đối với Vô lậu của ba Vô sắc, hoặc là không có, hoặc là một-hai- ba. Không có, đó là Ái cõi Sắc chưa hết. Một, đó là Ái của cõi Sắc đã hết, Ái

của cõi trên chưa hết. Hai, đó là Ái của Không vô biên xứ đã hết, Ái của cõi trên chưa hết. Ba, đó là Ái của Thức vô biên xứ đã hết.

Trong này, cũng dựa vào người từ từ đạt được quả lìa nhiễm mà nói. Nếu không như vậy, thì văn này không nên đưa ra cách nói như vậy, bởi vì có lúc Ái của cõi Sắc đã hết mà không thành tựu một, Ái của Không vô biên xứ đã hết mà không thành tựu hai, Ái của Thức vô biên xứ đã hết mà không thành tựu ba. Vì sao như vậy? Đó là bởi vì có lúc lìa nhiễm của cõi Sắc cho đến Thức vô biên xứ, tiến vào Chánh tánh ly sinh, đến lúc Đạo loại trí thì không thành tựu Vô lậu của Vô sắc. Hoặc là từ đó không bao lâu nhất định khởi lên đạo của quả thù thắng thì thành tựu quả ấy, cho nên vào lúc bấy giờ cũng nói là thành tựu.

Như Tín thắng giải, Kiến chí cũng như vậy, bởi vì hai Bổ-đặc-già- la này, hoặc là Đạo, hoặc là Địa, hoặc là Định, hoặc là Lìa nhiễm, hoặc là Sở y, đều không khác nhau, chỉ khác về Căn.

Thân chứng đối với Vị tương ưng của bốn Tĩnh lự, đều không thành tựu. Đối với Tịnh của bốn Tĩnh lự, hoặc là không có, hoặc một- hai-ba-bốn, cho đến nói rộng ra. Đối với Vô lậu của bốn Tĩnh lự, đều thành tựu. Đối với Vị tương ưng của bốn Vô sắc, thành tựu một, không thành tựu ba. Đối với Tịnh của bốn Vô sắc, hoặc là một, hoặc là bốn. Một, đó là sinh đến Phi tưởng phi phi tưởng xứ. Bốn, đó là sinh vào cõi Dục-Sắc. Đối với Vô lậu của ba Vô sắc, đều thành tựu.

Tuệ giải thoát đối với Vị tương ưng của bốn Tĩnh lự, đều không thành tựu. Đối với Tịnh của bốn Tĩnh lự, hoặc là không có, hoặc một- hai-ba-bốn, cho đến nói rộng ra. Đối với Vô lậu của bốn Tĩnh lự, đều thành tựu. Đối với Vị tương ưng của bốn Vô sắc, đều không thành tựu. Đối với Tịnh của bốn Vô sắc, hoặc là một-hai-ba-bốn, cho đến nói rộng ra. Đối với Vô lậu của ba Vô sắc, đều thành tựu.

Câu giải thoát đối với Vị tương ưng của bốn Tĩnh lự, đều không thành tựu. Đối với Tịnh của bốn Tĩnh lự, hoặc là không có, hoặc một- hai-ba-bốn, cho đến nói rộng ra. Đối với Vô lậu của bốn Tĩnh lự, đều thành tựu. Đối với Vị tương ưng của bốn Vô sắc, đều không thành tựu. Đối với Tịnh của bốn Vô sắc, hoặc là một, hoặc là bốn. Một, đó là sinh đến Phi tưởng phi phi tưởng xứ. Bốn, đó là sinh vào cõi Dục-Sắc. Đối với Vô lậu của ba Vô sắc, đều thành tựu.

Trong này giải thích rộng ra như trước, nên biết.

-oOo-

LUẬN A TỲ ĐẠT MA ĐẠI TỲ BÀ SA

QUYỂN 169

LUẬN VỀ NHHIẾP (Phần 4)

Hỏi: Có thể có thành tựu Vị tương ưng của bốn Tĩnh lự, không phải là Tịnh, không phải là Vô lậu chăng?

Đáp: Có, đó là Ái cõi Dục chưa hết, bởi vì lúc ấy đối với pháp thiện vốn có của bốn Tĩnh lự đều chưa đạt được, cho nên không có Tịnh-Vô lậu, chính vì điều này cho nên thành tựu Vị tương ưng của bốn Tĩnh lự.

Hỏi: Có thể có thành tựu Tịnh của bốn Tĩnh lự, không phải là Vị tương ưng, không phải là Vô lậu chăng?

Đáp: Có, đó là dị sinh sinh ở cõi Dục-Phạm Thế, Ái cõi Sắc đã hết. Bởi vì dị sinh cho nên không có Vô lậu, bởi vì Ái cõi Sắc đã hết cho nên không có Vị tương ưng. Bởi vì sinh ở cõi Dục-Phạm Thế, Ái cõi Sắc đã hết, cho nên thành tựu Tịnh của bốn Tĩnh lự.

Hỏi: Có thể có thành tựu Vô lậu của bốn Tĩnh lự, không phải là Vị tương ưng, không phải là Tịnh chăng?

Đáp: Có, đó là Thánh giả sinh ở cõi Vô sắc. Bởi vì Thánh giả sinh ở cõi ấy cho nên thành tựu Vô lậu của bốn Tĩnh lự, chính vì sinh ở cõi ấy cho nên không có Vị tương ưng-Tịnh.

Hỏi: Nếu Ái cõi Sắc đã hết dựa vào Định Vị chí, Tĩnh lự thứ nhất, Tĩnh lự trung gian tiến vào Chánh tánh ly sinh, hoặc là luyện căn làm Kiến chí, lúc ấy đạt được quả rồi không khởi lên đạo của quả thù thắng, mạng chung sinh vào cõi Vô sắc, lúc ấy đều không thành tựu Vô lậu của ba Tĩnh lự trên, vì sao nói là bốn?

Đáp: Có người nói: Bởi vì đây là dựa vào người từ từ đạt được quả mà nói, chứ không dựa vào điều gì khác.

Có người nói: Người ấy tiến vào Chánh tánh ly sinh đạt được quả Bất hoàn rồi, chắc chắn khởi lên đạo của quả thù thắng mà tu Vô lậu của bốn Tĩnh lự, sau đó mới sinh lên địa trên. Nếu không như vậy thì phải có Thánh giả sinh đến cõi Quảng Quả trở lên sẽ không thành tựu Lạc căn. Nếu như vậy thì trái với phần Thập Môn đã nói về Tín thắng giải luyện căn làm Kiến

chí.

Có người nói: Lúc ấy đạt được quả rồi cũng chắc chắn khởi lên đạo của quả thù thắng mà tu Vô lậu của bốn Tĩnh lự, sau đó mạng chung sinh đến cõi Vô sắc.

Có người nói: Lúc ấy luyện căn thì cũng tu Vô lậu của Tĩnh lự trên, cho nên không có lỗi.

Hỏi: Có thể có thành tựu Tịnh-Vô lậu của bốn Tĩnh lự, không phải là Vị tương ưng chăng?

Đáp: Có, đó là Thánh giả sinh ở cõi Dục-Phạm Thế, Ái cõi Sắc đã hết.

Hỏi: Nếu Ái cõi Sắc đã hết, dựa vào Định Vị chí, tiến vào Chánh tánh ly sinh, thì trong mười lăm tâm không thành tựu Vô lậu của Tĩnh lự, đến Đạo loại trí chỉ thành tựu một, ngay lúc ấy cho đến dựa vào Tĩnh lự thứ ba tiến vào Chánh tánh ly sinh, trong mười sáu tâm chỉ thành tựu ba, vì sao nói là bốn?

Đáp: Có người nói: Trong này dựa vào người từ từ đạt được quả lìa nhiễm mà nói.

Có người nói: Lúc ấy đạt được quả rồi không bao lâu chắc chắn khởi lên đạo của quả thù thắng hiện rõ trước mắt mà tu Vô lậu của Tĩnh lự trên, vì vậy đối với thời gian mười sáu tâm tuy chưa thành tựu, mà chắc chắn sẽ đạt được cho nên cũng nói đến thành tựu.

Hỏi: Có thể có thành tựu hai hoặc ba Tĩnh lự khác chăng?

Đáp: Không có, đó là bởi vì thành tựu Vị tương ưng của bốn Tĩnh lự, thì chắc chắn không thành tựu bốn Tịnh-bốn Vô lậu.

Hỏi: Có thể có lúc không thành tựu Vị tương ưng của bốn Tĩnh lự, chứ không phải là Tịnh, không phải là Vô lậu chăng?

Đáp: Có, đó là Thánh giả sinh ở cõi Dục-Phạm Thế, Ái cõi Sắc đã hết. Câu này giải thích như câu thứ sáu trong phần thành tựu trước đây.

Hỏi: Có thể có lúc không thành tựu Tịnh của bốn Tĩnh lự, chứ không phải là Vị tương ưng, không phải là Vô lậu chăng?

Đáp: Không có.

Hỏi: Có thể có lúc không thành tựu Vô lậu của bốn Tĩnh lự, chứ không phải là Vị tương ưng, không phải là Tịnh chăng?

Đáp: Không có. Hai câu này giải thích như câu thứ tư-thứ năm vốn không có trong phần thành tựu trước đây.

Hỏi: Có thể có lúc không thành tựu Vị tương ưng-Tịnh của bốn Tĩnh

lự, không phải là Vô lậu chăng?

Đáp: Có, đó là Thánh giả sinh ở cõi Vô sắc. Câu này giải thích như câu thứ ba trong phần thành tựu trước đây.

Hỏi: Có thể có lúc không thành tựu Vị tương ưng-Vô lậu của bốn Tĩnh lự, chứ không phải là Tịnh chăng?

Đáp: Có, đó là dị sinh sinh ở cõi Dục-Phạm Thế, Ái cõi Sắc đã hết. Câu này giải thích như câu thứ hai trong phần thành tựu trước đây. Hỏi: Có thể có lúc không thành tựu Tịnh-Vô lậu của bốn Tĩnh lự,

không phải là Vị tương ưng chăng?

Đáp: Có, đó là Ái cõi Dục chưa hết. Câu này giải thích như câu thứ nhất trong phần thành tựu trước đây.

Hỏi: Có thể có lúc không thành tựu Vị tương ưng-Tịnh-Vô lậu của bốn Tĩnh lự chăng?

Đáp: Có, đó là dị sinh sinh ở cõi Vô sắc. Bởi vì dị sinh cho nên không có Vô lậu của bốn Tĩnh lự, bởi vì sinh ở cõi Vô sắc cho nên không có Vị-Tịnh của bốn Tĩnh lự.

Hỏi: Có thể có thành tựu Vị tương ưng của bốn Vô sắc, không phải là Tịnh, không phải là Vô lậu chăng?

Đáp: Có, đó là Ái cõi Sắc chưa hết, bởi vì lúc ấy đối với pháp thiện vốn có của bốn Vô sắc đều chưa đạt được, cho nên không có Tịnh- Vô lậu, chính vì điều này cho nên thành tựu Vị tương ưng của bốn Vô sắc.

Hỏi: Có thể có thành tựu Tịnh-Vô lậu của bốn Vô sắc, không phải là Vị tương ưng chăng?

Đáp: Có, đó là A-la-hán sinh ở cõi Dục-Sắc và Không vô biên xứ. A-la-hán cho nên không có Vị tương ưng, sinh ở địa ấy cho nên thành tựu đầy đủ bốn Tịnh-ba Vô lậu.

Hỏi: Có thể có thành tựu pháp khác chăng?

Đáp: Không có.

Trong này, không có câu thứ hai, chỉ thành tựu bốn Tịnh, bởi vì chắc chắn có Vô lậu-Vị tùy theo một, hoặc là cả hai; không có câu thứ ba, chỉ thành tựu ba Vô lậu, bởi vì chắc chắn có Tịnh; không có câu thứ tư, thành tựu bốn Vị-Tịnh chứ không phải là Vô lậu, và không có câu thứ năm, thành tựu bốn Vị- ba Vô lậu chứ không phải là Tịnh, bởi vì lúc thành tựu bốn Vị thì chắc chắn không thành tựu bốn Tịnh hoặc là ba Vô lậu. Chính vì nghĩa này, cho nên không có câu thứ bảy.

Hỏi: Có thể có lúc không thành tựu Vị tương ưng của bốn Vô sắc,

chứ không phải là Tịnh, không phải là Vô lậu chăng?

Đáp: Có, đó là A-la-hán sinh ở cõi Dục-Sắc và Không vô biên xứ.

Câu này giải thích như câu thứ sáu trong phần thành tựu trước đây.

Hỏi: Có thể có lúc không thành tựu Tịnh-Vô lậu của bốn Vô sắc, không phải là Vị tương ưng chăng?

Đáp: Có, đó là Ái cõi Sắc chưa hết. Câu này giải thích như câu thứ nhất trong phần thành tựu trước đây.

Hỏi: Có thể có lúc không thành tựu pháp khác chăng? Đáp: Không có.

Trong này, không có chỉ riêng không thành tựu bốn Tịnh, bởi vì lúc ấy chắc chắn cũng không thành tựu Vô lậu. Không có chỉ riêng không thành tựu ba Vô lậu, giải thích như câu thứ tư vốn không có trong phần thành tựu. Không có không thành tựu bốn Vị-Tịnh chứ không phải là Vô lậu, giải thích như câu thứ ba vốn không có trong phần thành tựu. Không có không thành tựu bốn Vị- ba Vô lậu chứ không phải là Tịnh, giải thích như câu thứ hai vốn không có trong phần thành tựu. Không có tất cả đều không thành tựu, bởi vì ở trong ba tùy theo một hoặc là hai cho nên chắc chắn thành tựu.

Ở trong thành tựu-không thành tựu của Tĩnh lự-Vô sắc này, đầy đủ thành tựu thì gọi là thành tựu, đầy đủ không thành tựu thì gọi là không phải thành tựu, và đầy đủ không thành tựu thì gọi là không thành tựu, đầy đủ thành tựu thì gọi là không phải không thành tựu, nên biết.

Hỏi: Có thể có đạt được(đắc) Vị tương ưng của bốn Tĩnh lự, không phải là Tịnh, không phải là Vô lậu chăng?

Đáp: Có, đó là lúc Ái cõi Sắc đã hết, khởi lên Triền của cõi Dục mà lui sụt; hoặc là lúc ở cõi Vô sắc chết đi sinh vào cõi Dục.

Trong này, lui sụt là bao gồm dị sinh và Thánh giả, hoặc là Học hay là Vô học lúc khởi lên Triền của cõi ấy, đạt được đầy đủ bốn Vị chứ không phải là Tịnh-Vô lậu. Sinh vào là chỉ riêng dị sinh ở lúc tiến vào thai(kiết sinh), đạt được đầy đủ bốn Vị chứ không phải là Tịnh-Vô lậu.

Hỏi: Có thể có đạt được Vô lậu của bốn Tĩnh lự, chứ không phải là Vị tương ưng, không phải là Tịnh chăng?

Đáp: Có, đó là lúc dựa vào Tĩnh lự thứ tư tiến vào Chánh tánh ly sinh, hoặc là lúc đạt được quả A-la-hán.

Trong này, lúc tiến vào Chánh tánh ly sinh, đó là lúc Khổ pháp nhẫn khởi lên, lúc bấy giờ Vô lậu của bốn Tĩnh lự trước đây không có, mà đạt được không phải là Vị, không phải là Tịnh. Lúc đạt được quả A-la-hán, đó

là lúc Tận trí khởi lên, lúc bấy giờ Vô lậu của bốn Tĩnh lự đều xả bỏ, mà đạt được không phải là Vị, không phải là Tịnh. Tuy là Tịnh của bốn Tĩnh lự, lúc bấy giờ cũng có đạt được, nhưng chủng loại ấy trước đây có mà không xả bỏ, nay chỉ trở lại đạt được phần ít, đối với Tịnh của bốn Tĩnh lự không có đạt được một tên gọi, huống là bốn hay sao?

Có người nói: Đây là dựa vào người sinh ở cõi Vô sắc đạt được quả A-la-hán mà nói.

Hỏi: Học luyện căn thì cũng có lúc đối với Vô lậu của bốn Tĩnh lự đều xả bỏ mà đạt được, vì sao không nói?

Đáp: Cần phải nói mà không nói thì nên biết là nghĩa này có khác.

Có người nói: Trong này sơ lược nêu ra phần đầu và sau để hiển bày phần giữa, cho nên không nói đầy đủ.

Có người nói: Lúc ấy đã xả bỏ-đã đạt được đều là chủng loại của Học, không phải là chủng loại sai biệt, cho nên không nói đến, vì vậy cũng không nói đến Vô học luyện căn.

Hỏi: Có thể có đạt được pháp khác chăng? Đáp: Không có.

Trong này, không có câu thứ hai, chỉ đạt được bốn Tịnh, và không có câu thứ sáu, đạt được bốn Tịnh-Vô lậu chứ không phải là Vị, bởi vì không có cùng lúc đạt được bốn Tịnh.

Hỏi: Dựa vào Tĩnh lự thứ tư Kiến đạo là lúc ba Loại trí, và lúc đạt được quả A-la-hán, lẽ nào không phải là đạt được đầy đủ bốn Tịnh và Vô lậu hay sao, vì sao không nói?

Đáp: Vào lúc bấy giờ đối với Tịnh của bốn Tĩnh lự đều là trước đạt được không xả bỏ, nay tuy trở lại đạt được phần ít, mà vẫn đối với Tịnh của bốn Tĩnh lự không có đạt được một tên gọi, huống là bốn hay sao? Vì vậy không nói đến.

Không có câu thứ tư, đạt được bốn Vị-Tịnh chứ không phải là Vô lậu, và không có câu thứ năm, đạt được bốn Vị-Vô lậu chứ không phải là Tịnh, bởi vì lúc đạt được bốn Vị thì chắc chắn không đạt được bốn Tịnh hoặc là bốn Vô lậu. Chính vì nghĩa này, cho nên cũng không có câu thứ bảy.

Hỏi: Có thể có xả bỏ(xả) Vị tương ưng của bốn Tĩnh lự, không phải là Tịnh, không phải là Vô lậu chăng?

Đáp: Không có, bởi vì không có cùng lúc lìa nhiễm của bốn địa. Hỏi: Có thể có xả bỏ Tịnh của bốn Tĩnh lự, không phải là Vị tương ưng, không phải là Vô lậu chăng?

Đáp: Có, đó là lúc dị sinh đã hết Ái cõi Biến Tịnh, khởi lên Triền của cõi Dục mà lui sụt; hoặc là lúc ở cõi Dục-Phạm Thế chết đi sinh vào cõi Vô sắc. Trong này, sinh vào cõi Vô sắc bao gồm dị sinh và Thánh giả.

Hỏi: Có thể có xả bỏ Tịnh-Vô lậu của bốn Tĩnh lự, không phải là Vị tương ưng chăng?

Đáp: Có, đó là lúc Thánh giả đã hết Ái cõi Biến Tịnh, khởi lên Triền của cõi Dục mà lui sụt.

Hỏi: Có thể có xả bỏ pháp khác chăng? Đáp: Không có.

Trong này, không có câu thứ ba, chỉ xả bỏ bốn Vô lậu, bởi vì lúc lui sụt xả bỏ, hoặc không phải là hoàn toàn xả bỏ, hoặc lúc ấy trở lại đạt được, hoặc bao gồm xả bỏ Tịnh, đạt được quả lúc xả bỏ vẫn trở lại đạt được. Không có câu thứ tư-thứ năm-thứ bảy, bởi vì không có cùng lúc đoạn dứt bốn Vị.

Hỏi: Có thể có đạt được Vị tương ưng của bốn Vô sắc, không phải là Tịnh, không phải là Vô lậu chăng?

Đáp: Có, đó là lúc A-la-hán khởi lên Triền của cõi Dục-Sắc mà lui sụt, lúc bấy giờ đạt được đầy đủ bốn Vị chứ không phải là Tịnh-Vô lậu.

Hỏi: Có thể có đạt được Vô lậu của ba Vô sắc, chứ không phải là Vị tương ưng, không phải là Tịnh chăng?

Đáp: Có, đó là lúc đạt được quả A-la-hán. Giải thích như trong phần Tĩnh lự trước.

Hỏi: Có thể có đạt được pháp khác chăng? Đáp: Không có.

Trong này, không có câu thứ hai, chỉ đạt được bốn Tịnh, bởi vì không có cùng lúc đạt được bốn Tịnh. Không có câu thứ tư-thứ năm- thứ bảy, bởi vì lúc đạt được bốn Vị thì chắc chắn không đạt được bốn Tịnh-ba Vô lậu. Không có câu thứ sáu, đạt được bốn Tịnh-ba Vô lậu chứ không phải là Vị tương ưng, bởi vì vào lúc đạt được ba Vô lậu, tuy cũng đạt được phần ít của Tịnh, mà không gọi là đạt được. Giải thích đầy đủ như trước.

Hỏi: Có thể có xả bỏ Vị tương ưng của bốn Vô sắc, không phải là Tịnh, không phải là Vô lậu chăng?

Đáp: Không có, bởi vì không có cùng lúc lìa nhiễm của bốn địa.

Hỏi: Có thể có xả bỏ Tịnh của bốn Vô sắc, không phải là Vị tương ưng, không phải là Vô lậu chăng?

Đáp: Có, đó là lúc dị sinh đã hết Ái của Vô sở hữu xứ, khởi lên Triền của cõi Dục-Sắc mà lui sụt.

Hỏi: Có thể có xả bỏ Tịnh-Vô lậu của bốn Vô sắc, không phải là Vị

tương ưng chăng?

Đáp: Có, đó là lúc Thánh giả đã hết Ái của Vô sở hữu xứ, khởi lên Triền của cõi Dục-Sắc mà lui sụt.

Hỏi: Có thể có xả bỏ pháp khác chăng? Đáp: Không có.

Trong này, không có câu thứ ba, chỉ xả bỏ ba Vô lậu, nói như trong phần Tĩnh lự. Không có câu thứ tư-thứ năm-thứ bảy, bởi vì không có cùng lúc đoạn dứt bốn Vị.

Ở trong đạt được và xả bỏ của Tĩnh lự-Vô sắc này, hoàn toàn đạt được thì gọi là đạt được, hoàn toàn không đạt được thì gọi là không phải đạt được, hoàn toàn xả bỏ thì gọi là xả bỏ, hoàn toàn không xả bỏ thì gọi là không phải xả bỏ, nên biết.

Hỏi: Có thể có lui sụt(thối) Vị tương ưng của bốn Tĩnh lự, không phải là Tịnh, không phải là Vô lậu chăng?

Đáp: Không có, bởi vì có lui sụt đối với pháp công đức chứ không phải là đối với pháp sai lầm, cũng bởi vì không có cùng lúc xả bỏ bốn Vị.

Hỏi: Có thể có lui sụt Tịnh của bốn Tĩnh lự, không phải là Vị tương ưng, không phải là Vô lậu chăng?

Đáp: Có, đó là lúc dị sinh đã hết Ái của cõi Biến Tịnh, khởi lên Triền của cõi Dục mà lui sụt.

Hỏi: Có thể có lui sụt Tịnh-Vô lậu của bốn Tĩnh lự, không phải là Vị tương ưng chăng?

Đáp: Có, đó là lúc Thánh giả đã hết Ái của cõi Biến Tịnh, khởi lên Triền của cõi Dục mà lui sụt.

Hỏi: Có thể có lui sụt pháp khác chăng? Đáp: Không có.

Trong này, không có câu thứ ba, chỉ lui sụt Vô lậu của bốn Tĩnh lự, hoặc là lui sụt cùng với Tịnh, hoặc là không hoàn toàn lui sụt, hoặc là lúc lui sụt trở lại đạt được địa ấy. Không có câu thứ tư-thứ năm-thứ bảy, bởi vì đối với Vị không có lui sụt, không có chỉ lui sụt bốn Vô lậu.

Hỏi: Có thể có lui sụt Vị tương ưng của bốn Vô sắc, không phải là Tịnh, không phải là Vô lậu chăng?

Đáp: Không có, nói như trước.

Hỏi: Có thể có lui sụt Tịnh của bốn Vô sắc, không phải là Vị tương ưng, không phải là Vô lậu chăng?

Đáp: Có, đó là lúc dị sinh đã hết Ái của Vô sở hữu xứ, khởi lên Triền của cõi Dục-Sắc mà lui sụt.

Hỏi: Có thể có lui sụt Tịnh-Vô lậu của bốn Vô sắc, không phải là Vị

tương ưng chăng?

Đáp: Có, đó là lúc Thánh giả đã hết Ái của Vô sở hữu xứ, khởi lên Triền của cõi Dục-Sắc mà lui sụt.

Hỏi: Có thể có lui sụt pháp khác chăng? Đáp: Không có.

Trong này, không có câu thứ ba, chỉ lui sụt Vô lậu của ba Vô sắc, hoặc là lui sụt cùng với Tịnh, hoặc là không phải hoàn toàn lui sụt. Không có câu thứ tư-thứ năm-thứ bảy, nói như trong phần Tĩnh lự.

Hỏi: Có thể có lui sụt Vô lậu của Tĩnh lự, không phải là Tịnh chăng?

Đáp: Có, đó là lúc người Học khởi lên Triền cõi Vô sắc mà lui sụt, bởi vì lúc bấy giờ lui sụt pháp đối trị với Vô lậu của Tĩnh lự, chứ không phải là Tịnh.

Hỏi: Có thể có lúc không khởi lên Triền cõi Vô sắc, mà lui sụt Vô lậu của Tĩnh lự, không phải là Tịnh chăng?

Đáp: Có, đó là lúc Vô học luyện căn chưa đến phần vị của đạo giải thoát thứ chín, không khởi lên phiền não mà lui sụt đạo vô gián- giải thoát đã đạt được.

Hỏi: Có thể có lúc không khởi lên Triền, mà lui sụt Vô lậu của Tĩnh lự, không phải là Tịnh chăng?

Đáp: Có, tức là trước đã nói, và lúc Học luyện căn chưa đến phần vị Kiến chí, không khởi lên phiền não mà lui sụt đạo vô gián-giải thoát đã đạt được.

Hỏi: Có thể có lui sụt công đức Vô lậu do bảy địa thâu nhiếp, mà không phải là Tịnh chăng? Đáp: Có, đó là lúc phần ít lìa nhiễm của Phi tưởng phi phi tưởng xứ, trở lại khởi lên phẩm Triền đã đoạn của địa ấy mà lui sụt.

Hỏi: Có thể có chỉ xả bỏ Vô lậu của Tĩnh lự mà đạt được Tịnh-Vô lậu chăng?

Đáp: Có, đó là lúc đạt được quả A-la-hán.

Hỏi: Có thể có xả bỏ Tịnh-Vô lậu của Tĩnh lự, chỉ đạt được Vô lậu chăng?

Đáp: Có, đó là lúc A-la-hán khởi lên Triền cõi Vô sắc mà lui sụt.

Hỏi: Có thể có Vô lậu của Tĩnh lự đạt được cùng lúc với Tịnh, mà xả bỏ riêng biệt chăng?

Đáp: Có, đó là lúc đạt được quả A-la-hán, và lúc dựa vào Tĩnh lự đạt được quả Bất hoàn, cùng với lúc người Học luyện căn.

Hỏi: Có thể có Tịnh của Tĩnh lự đạt được cùng lúc với Vô lậu, mà xả

bỏ riêng biệt chăng?

Đáp: Có, đó là lúc Thánh giả lìa nhiễm của địa mình, và lúc sinh vào địa trên.

Hỏi: Có thể có Tịnh-Vô lậu của Tĩnh lự đạt được khác lúc mà xả bỏ cùng lúc chăng?

Đáp: Có, đó là lúc Thánh giả lìa nhiễm của địa mình, khởi lên Triền của địa dưới mà lui sụt.

Hỏi: Có thể có Tịnh-Vô lậu của Tĩnh lự đạt được cùng lúc và xả bỏ cùng lúc chăng?

Đáp: Có, đó là lúc Thánh giả đã lìa nhiễm của địa dưới, khởi lên Triền của địa dưới mà lui sụt.

Như hỏi về Tĩnh lự, như vậy Vô sắc cũng nên theo đây mà hỏi. Lại nữa, như trước đã nói về Đẳng chí, sơ lược có hai mươi ba loại,

đó là Tĩnh lự có mười hai loại, tức là bốn Vị tương ưng-bốn Tịnh-bốn Vô lậu; Vô sắc có mười một loại, tức là bốn Vị tương ưng-bốn Tịnh-ba Vô lậu. Hai mươi ba loại này nếu kiến lập rộng ra thì thành sáu mươi lăm Đẳng chí, đó là hai mươi ba loại trước cọng thêm bốn Vô lượng, bốn Vô ngại giải, tám Giải thoát, tám Thắng xứ, mười Biến xứ, sáu Thông, và sở y của Nguyện trí-Vô tranh.

Hỏi: Sáu mươi lăm loại này, mấy loại chỉ duyên với địa mình, mấy loại chỉ duyên với địa dưới, mấy loại duyên với địa mình và địa dưới, mấy loại duyên với địa mình và địa trên, mấy loại duyên với tất cả các địa?

Đáp: Mười Đẳng chí chỉ duyên với địa mình, đó là tám Vị tương ưng, và Biến xứ của Không-Thức vô biên xứ.

Hai mươi bốn Đẳng chí chỉ duyên với địa dưới, đó là bốn Vô lượng, ba Giải thoát đầu, tám Thắng xứ, tám Biến xứ trước và Vô tranh; hoặc có người muốn làm cho Vô tranh duyên với cõi Dục-Sắc, thì trừ ra Vô tranh.

Bảy Đẳng chí duyên với địa mình và địa dưới, đó là Pháp vô ngại giải-Từ vô ngại giải và sở y của năm Thông.

Chín Đẳng chí duyên với địa mình và địa trên, đó là Tịnh-Vô lậu của ba Vô sắc, và Giải thoát của ba Vô sắc dưới, đây là dựa vào duyên với hữu lậu mà nói.

Mười hai Đẳng chí duyên với tất cả các địa, đó là Tịnh-Vô lậu của bốn Tĩnh lự, Nghĩa vô ngại giải, Biện vô ngại giải, Lậu tận thông và sở y của Nguyện trí. Đây cũng chỉ dựa vào duyên với hữu lậu mà nói. Nếu bao gồm dựa vào duyên với vô lậu mà nói, thì có hai mươi ba Đẳng chí duyên

với tất cả các địa, đó chính là mười hai loại trước cọng thêm mười một Vô sắc, đó là Tịnh-Vô lậu của Vô sắc và Giải thoát của Vô sắc.

Hỏi: Nếu Đẳng chí tùy theo dùng Vị tương ưng của Tĩnh lự nào làm Nhân, thì dùng loại ấy làm Đẳng vô gián chăng? Giả sử Đẳng chí tùy theo dùng Vị tương ưng của Tĩnh lự nào làm Đẳng vô gián, thì dùng loại ấy làm Nhân chăng?

Đáp: Các Đẳng chí tùy theo dùng Vị tương ưng của Tĩnh lự ấy làm Nhân, thì cũng dùng loại ấy làm Đẳng vô gián. Có lúc Đẳng chí dùng Vị tương ưng của Tĩnh lự ấy làm Đẳng vô gián, mà không dùng loại ấy làm Nhân.

Trong đó, nếu Đẳng chí dùng Vị tương ưng của Tĩnh lự thứ nhất làm Đẳng vô gián, mà không dùng loại ấy làm Nhân, thì có mười sáu loại, đó là Tịnh của Tĩnh lự thứ nhất, bốn Vô lượng, hai Giải thoát đầu, bốn Thắng xứ trước, và sở y của năm Thông.

Nếu Đẳng chí dùng Vị tương ưng của Tĩnh lự thứ hai làm Đẳng vô gián, mà không dùng loại ấy làm Nhân, thì có mười bảy loại, đó là Tịnh của Tĩnh lự thứ hai, bốn Vô lượng, hai Giải thoát đầu, bốn Thắng xứ trước, sở y của năm Thông, và Tịnh của Tĩnh lự thứ nhất.

Nếu Đẳng chí dùng Vị tương ưng của Tĩnh lự thứ ba làm Đẳng vô gián, mà không dùng loại ấy làm Nhân, thì có mười loại, đó là Tịnh của Tĩnh lự thứ ba, ba Vô lượng, sở y của năm Thông, và Tịnh của Tĩnh lự thứ hai.

Nếu Đẳng chí dùng Vị tương ưng của Tĩnh lự thứ tư làm Đẳng vô gián, mà không dùng loại ấy làm Nhân, thì có hai mươi ba loại, đó là Tịnh của Tĩnh lự thứ tư, ba Vô lượng, Tịnh giải thoát, bốn Thắng xứ sau, tám Biến xứ trước, sở y của năm Thông, và Tịnh của Tĩnh lự thứ ba.

Hỏi: Nếu Đẳng chí tùy theo dùng Vị tương ưng của Vô sắc nào làm Nhân, thì dùng loại ấy làm Đẳng vô gián chăng? Giả sử Đẳng chí tùy theo dùng Vị tương ưng của Vô sắc nào làm Đẳng vô gián, thì dùng loại ấy làm Nhân chăng?

Đáp: Các Đẳng chí tùy theo dùng Vị tương ưng của Vô sắc ấy làm Nhân, thì cũng dùng loại ấy làm Đẳng vô gián. Có lúc Đẳng chí dùng Vị tương ưng của Vô sắc ấy làm Đẳng vô gián, mà không dùng loại ấy làm Nhân.

Trong đó, nếu Đẳng chí dùng Vị tương ưng của Không vô biên xứ làm Đẳng vô gián, mà không dùng loại ấy làm Nhân, thì có bốn loại, đó là Tịnh của Không vô biên xứ, Giải thoát của địa ấy, Biến xứ của địa ấy, và

Tịnh của Tĩnh lự thứ tư.

Nếu Đẳng chí dùng Vị tương ưng của Thức vô biên xứ làm Đẳng vô gián, mà không dùng loại ấy làm Nhân, thì có năm loại, đó là Tịnh của Thức vô biên xứ, Giải thoát của địa ấy, Biến xứ của địa ấy, và Tịnh của Không vô biên xứ, tức là Giải thoát của địa ấy.

Nếu Đẳng chí dùng Vị tương ưng của Vô sở hữu xứ làm Đẳng vô gián, mà không dùng loại ấy làm Nhân, thì có bốn loại, đó là Tịnh của Vô sở hữu xứ, Giải thoát của địa ấy, và Tịnh của Thức vô biên xứ, tức là Giải thoát của địa ấy.

Nếu Đẳng chí dùng Vị tương ưng của Phi tưởng phi phi tưởng xứ làm Đẳng vô gián, mà không dùng loại ấy làm Nhân, thì có bốn loại, đó là Tịnh của Phi tưởng phi phi tưởng xứ, Giải thoát của địa ấy, và Tịnh của Vô sở hữu xứ, tức là Giải thoát của địa ấy.

Hỏi: Nếu Đẳng chí tùy theo dùng Tịnh của Tĩnh lự nào làm Nhân, thì dùng loại ấy làm Đẳng vô gián chăng? Giả sử Đẳng chí tùy theo dùng Tịnh của Tĩnh lự nào làm Đẳng vô gián, thì dùng loại ấy làm Nhân chăng?

Đáp: Các Đẳng chí tùy theo dùng Tịnh của Tĩnh lự ấy làm Nhân, thì cũng dùng loại ấy làm Đẳng vô gián. Có lúc Đẳng chí dùng Tịnh của Tĩnh lự ấy làm Đẳng vô gián, mà không dùng loại ấy làm Nhân.

Trong đó, nếu Đẳng chí dùng Tịnh của Tĩnh lự thứ nhất làm Đẳng vô gián, mà không dùng loại ấy làm Nhân, thì có sáu loại, đó là Vị tương ưng-Vô lậu của địa mình, và Tịnh-Vô lậu của Tĩnh lự thứ hai-thứ ba.

Nếu Đẳng chí dùng Tịnh của Tĩnh lự thứ hai làm Đẳng vô gián, mà không dùng loại ấy làm Nhân, thì có tám loại, đó là Vị tương ưng- Vô lậu của địa mình, và Tịnh-Vô lậu của Tĩnh lự thứ nhất-thứ ba-thứ tư.

Nếu Đẳng chí dùng Tịnh của Tĩnh lự thứ ba làm Đẳng vô gián, mà không dùng loại ấy làm Nhân, thì có mười một loại, đó là Vị tương ưng-Vô lậu của địa mình, Tịnh-Vô lậu của Tĩnh lự thứ nhất-thứ hai-thứ tư và Không vô biên xứ, tức là Giải thoát của địa ấy.

Nếu Đẳng chí dùng Tịnh của Tĩnh lự thứ tư làm Đẳng vô gián, mà không dùng loại ấy làm Nhân, thì có mười hai loại, đó là Vị tương ưng- Vô lậu của địa mình, Tịnh-Vô lậu của Tĩnh lự thứ hai-thứ ba và Không-Thức vô biên xứ, tức là Giải thoát của địa ấy.

Hỏi: Nếu Đẳng chí tùy theo dùng Tịnh của Vô sắc nào làm Nhân, thì dùng loại ấy làm Đẳng vô gián chăng? Giả sử Đẳng chí tùy theo dùng Tịnh của Vô sắc nào làm Đẳng vô gián, thì dùng loại ấy làm Nhân chăng?

Đáp: Các Đẳng chí tùy theo dùng Tịnh của Vô sắc ấy làm Nhân, thì cũng dùng loại ấy làm Đẳng vô gián. Có lúc Đẳng chí dùng Tịnh của Vô sắc ấy làm Đẳng vô gián, mà không dùng loại ấy làm Nhân.

Trong đó, nếu Đẳng chí dùng Tịnh của Không vô biên xứ làm Đẳng vô gián, mà không dùng loại ấy làm Nhân, thì có mười hai loại, đó là Vị tương ưng-Vô lậu của địa mình, Tịnh-Vô lậu của Tĩnh lự thứ ba-thứ tư và Thức vô biên xứ-Vô sở hữu xứ, tức là Giải thoát của hai xứ ấy.

Nếu Đẳng chí dùng Tịnh của Thức vô biên xứ làm Đẳng vô gián, mà không dùng loại ấy làm Nhân, thì có mười hai loại, đó là Vị tương ưng-Vô lậu của địa mình, Tịnh-Vô lậu của Tĩnh lự thứ tư và Không vô biên xứ-Vô sở hữu xứ, tức là Giải thoát của hai xứ ấy, Tịnh của Phi tưởng phi phi tưởng xứ, tức là Giải thoát của địa ấy.

Nếu Đẳng chí dùng Tịnh của Vô sở hữu xứ làm Đẳng vô gián, mà không dùng loại ấy làm Nhân, thì có mười loại, đó là Vị tương ưng-Vô lậu của địa mình, Tịnh-Vô lậu của Không-Thức vô biên xứ, tức Giải thoát của địa ấy, Tịnh của Phi tưởng phi phi tưởng xứ, tức Giải thoát của địa ấy.

Nếu Đẳng chí dùng Tịnh của Phi tưởng phi phi tưởng xứ làm Đẳng vô gián, mà không dùng loại ấy làm Nhân, thì có bảy loại, đó là Vị tương ưng của địa mình, và Tịnh-Vô lậu của Thức vô biên xứ-Vô sở hữu xứ, tức là Giải thoát của hai xứ ấy.

Hỏi: Nếu Đẳng chí tùy theo dùng Vô lậu của Tĩnh lự nào làm Nhân, thì dùng loại ấy làm Đẳng vô gián chăng? Giả sử Đẳng chí tùy theo dùng Vô lậu của Tĩnh lự nào làm Đẳng vô gián, thì dùng loại ấy làm Nhân chăng?

Đáp: Dựa vào Vô lậu của mỗi một Tĩnh lự đều cần phải làm thành bốn câu phân biệt.

Dựa vào Vô lậu của Tĩnh lự thứ nhất làm thành bốn câu phân biệt:

1. Có lúc Đẳng chí dùng Vô lậu của Tĩnh lự thứ nhất làm Nhân chứ không phải là Đẳng vô gián, loại này có bảy, đó là Vô lậu của Tĩnh lự thứ tư-ba Vô sắc, và Giải thoát của ba Vô sắc.

2. Có lúc Đẳng chí dùng Vô lậu của Tĩnh lự thứ nhất làm Đẳng vô gián chứ không phải là Nhân, loại này có mười chín, đó là Tịnh của Tĩnh lự thứ nhất-thứ hai-thứ ba, bốn Vô lượng, hai Giải thoát đầu, bốn Thắng xứ trước, hai Vô ngại giải, sở y của bốn Thông.

3. Có lúc Đẳng chí dùng Vô lậu của Tĩnh lự thứ nhất làm Nhân cũng là Đẳng vô gián, loại này có bảy, đó là Vô lậu của Tĩnh lự thứ nhất-thứ hai-thứ ba, hai Vô ngại giải, sở y của Tha tâm thông-Lậu tận thông.

4. Có lúc Đẳng chí không dùng Vô lậu của Tĩnh lự thứ nhất làm Nhân cũng không phải là Đẳng vô gián, loại này có ba mươi hai, đó là tám Vị tương ưng-Tịnh của Tĩnh lự thứ tư-bốn Vô sắc, ba Giải thoát, bốn Thắng xứ sau, mười Biến xứ, sở y của Nguyện trí-Vô tranh.

Dựa vào Vô lậu của Tĩnh lự thứ hai làm thành bốn câu phân biệt:

1. Có lúc Đẳng chí dùng Vô lậu của Tĩnh lự thứ hai làm Nhân chứ không phải là Đẳng vô gián, loại này có sáu, đó là Vô lậu của ba Vô sắc, và Giải thoát của ba Vô sắc.

2. Có lúc Đẳng chí dùng Vô lậu của Tĩnh lự thứ hai làm Đẳng vô gián chứ không phải là Nhân, loại này có mười chín, đó là Tịnh của bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, hai Giải thoát đầu, bốn Thắng xứ trước, Pháp vô ngại giải, sở y của bốn Thông.

3. Có lúc Đẳng chí dùng Vô lậu của Tĩnh lự thứ hai làm Nhân cũng là Đẳng vô gián, loại này có tám, đó là Vô lậu của bốn Tĩnh lự, hai Vô ngại giải, sở y của Tha tâm thông-Lậu tận thông.

Có lúc Đẳng chí không dùng Vô lậu của Tĩnh lự thứ hai làm Nhân cũng không phải là Đẳng vô gián, loại này có ba mươi hai, đó là tám Vị tương ưng-Tịnh của bốn Vô sắc, ba Giải thoát, bốn Thắng xứ sau, mười Biến xứ, Từ vô ngại giải, sở y của Nguyện trí-Vô tranh.

Dựa vào Vô lậu của Tĩnh lự thứ ba làm thành bốn câu phân biệt:

1. Có lúc Đẳng chí dùng Vô lậu của Tĩnh lự thứ ba làm Nhân chứ không phải là Đẳng vô gián, loại này có bốn, đó là Vô lậu của Thức vô biên xứ-Vô sở hữu xứ, tức là Giải thoát của hai xứ ấy.

2. Có lúc Đẳng chí dùng Vô lậu của Tĩnh lự thứ ba làm Đẳng vô gián chứ không phải là Nhân, loại này có mười ba, đó là Tịnh của bốn Tĩnh lự-Không vô biên xứ, ba Vô lượng, Pháp vô ngại giải, sở y của bốn Thông.

3. Có lúc Đẳng chí dùng Vô lậu của Tĩnh lự thứ ba làm Nhân cũng là Đẳng vô gián, loại này có mười một, đó là Vô lậu của bốn Tĩnh lự-Không vô biên xứ, tức là Giải thoát của địa ấy, hai Vô ngại giải, sở y của Tha tâm thông-Lậu tận thông.

4. Có lúc Đẳng chí không dùng Vô lậu của Tĩnh lự thứ ba làm Nhân cũng không phải là Đẳng vô gián, loại này có ba mươi tám, đó là tám Vị tương ưng-Tịnh của ba Vô sắc trên, Hỷ vô lượng, năm Giải thoát, tám Thắng xứ, mười Biến xứ, Từ vô ngại giải, sở y của Nguyện trí-Vô tranh.

Dựa vào Vô lậu của Tĩnh lự thứ tư làm thành bốn câu phân biệt:

1. Có lúc Đẳng chí dùng Vô lậu của Tĩnh lự thứ tư làm Nhân chứ

không phải là Đẳng vô gián, loại này có ba, đó là Vô lậu của Tĩnh lự thứ nhất-Vô sở hữu xứ, và Giải thoát của Vô sở hữu xứ.

2. Có lúc Đẳng chí dùng Vô lậu của Tĩnh lự thứ tư làm Đẳng vô gián chứ không phải là Nhân, loại này có hai mươi tám, đó là Tịnh của Tĩnh lự thứ hai-thứ ba-thứ tư và Không-Thức vô biên xứ, ba Vô lượng, Tịnh giải thoát, bốn Thắng xứ sau, tám Biến xứ trước, Pháp vô ngại giải, sở y của bốn Thông-Nguyện trí-Vô tranh.

3. Có lúc Đẳng chí dùng Vô lậu của Tĩnh lự thứ tư làm Nhân cũng là Đẳng vô gián, loại này có mười một, đó là Vô lậu của Tĩnh lự thứ hai-thứ ba-thứ tư và Không-Thức vô biên xứ, tức là Giải thoát của địa ấy, hai Vô ngại giải, sở y của Tha tâm thông-Lậu tận thông.

4. Có lúc Đẳng chí không dùng Vô lậu của Tĩnh lự thứ tư làm Nhân cũng không phải là Đẳng vô gián, loại này có hai mươi ba, đó là tám Vị tương ưng-Tịnh của Tĩnh lự thứ nhất-Vô sở hữu xứ và Phi tưởng phi phi tưởng xứ, Hỷ vô lượng, bốn Giải thoát, bốn Thắng xứ trước, hai Biến xứ sau, sở y của Từ vô ngại giải.

Hỏi: Nếu Đẳng chí tùy theo dùng Vô lậu của Vô sắc nào làm Nhân, thì dùng loại ấy làm Đẳng vô gián chăng? Giả sử Đẳng chí tùy theo dùng Vô lậu của Vô sắc nào làm Đẳng vô gián, thì dùng loại ấy làm Nhân chăng?

Đáp: Dựa vào Vô lậu của mỗi một Vô sắc đều cần phải làm thành bốn câu phân biệt.

Dựa vào Vô lậu của Không vô biên xứ làm thành bốn câu phân biệt:

1. Có lúc Đẳng chí dùng Vô lậu của Không vô biên xứ làm Nhân chứ không phải là Đẳng vô gián, loại này có ba, đó là Vô lậu của Tĩnh lự thứ nhất-thứ hai, và sở y của Tha tâm thông.

2. Có lúc Đẳng chí dùng Vô lậu của Không vô biên xứ làm Đẳng vô gián chứ không phải là Nhân, loại này có sáu, đó là Tịnh của Tĩnh lự thứ ba-thứ tư, ba Vô sắc dưới và Biến xứ của Không vô biên xứ.

3. Có lúc Đẳng chí dùng Vô lậu của Không vô biên xứ làm Nhân cũng là Đẳng vô gián, loại này có mười một, đó là Vô lậu của Tĩnh lự thứ ba-thứ tư-ba Vô sắc, và Giải thoát của ba Vô sắc dưới, hai Vô ngại giải, sở y của Lậu tận thông.

4. Có lúc Đẳng chí không dùng Vô lậu của Không vô biên xứ làm Nhân cũng không phải là Đẳng vô gián, loại này có bốn mươi lăm, đó là tám Vị tương ưng-Tịnh của Tĩnh lự thứ nhất-thứ hai-Phi tưởng phi phi tưởng xứ, bốn Vô lượng, năm Giải thoát, tám Thắng xứ, chín Biến xứ, hai Vô ngại giải, sở y của bốn Thông-Nguyện trí-Vô tranh.

Dựa vào Vô lậu của Thức vô biên xứ làm thành bốn câu phân biệt:

1. Có lúc Đẳng chí dùng Vô lậu của Thức vô biên xứ làm Nhân chứ không phải là Đẳng vô gián, loại này có bốn, đó là Vô lậu của Tĩnh lự thứ nhất-thứ hai-thứ ba, và sở y của Tha tâm thông.

2. Có lúc Đẳng chí dùng Vô lậu của Thức vô biên xứ làm Đẳng vô gián chứ không phải là Nhân, loại này có bảy, đó là Tịnh của Tĩnh lự thứ tư-bốn Vô sắc, Giải thoát của Phi tưởng phi phi tưởng xứ, Biến xứ của Thức vô biên xứ.

3. Có lúc Đẳng chí dùng Vô lậu của Thức vô biên xứ làm Nhân cũng là Đẳng vô gián, loại này có mười, đó là Vô lậu của Tĩnh lự thứ tư-ba Vô sắc, và Giải thoát của ba Vô sắc dưới, hai Vô ngại giải, sở y của Lậu tận thông.

4. Có lúc Đẳng chí không dùng Vô lậu của Thức vô biên xứ làm Nhân cũng không phải là Đẳng vô gián, loại này có bốn mươi bốn, đó là tám Vị tương ưng-Tịnh của Tĩnh lự thứ nhất-thứ hai-thứ ba, bốn Vô lượng, bốn Giải thoát, tám Thắng xứ, chín Biến xứ, hai Vô ngại giải, sở y của bốn Thông-Nguyện trí-Vô tranh.

Dựa vào Vô lậu của Vô sở hữu xứ làm thành bốn câu phân biệt:

1. Có lúc Đẳng chí dùng Vô lậu của Vô sở hữu xứ làm Nhân chứ không phải là Đẳng vô gián, loại này có năm, đó là Vô lậu của bốn Tĩnh lự, và sở y của Tha tâm thông.

2. Có lúc Đẳng chí dùng Vô lậu của Vô sở hữu xứ làm Đẳng vô gián chứ không phải là Nhân, loại này có năm, đó là Tịnh của bốn Vô sắc, và Giải thoát của Phi tưởng phi phi tưởng xứ.

3. Có lúc Đẳng chí dùng Vô lậu của Vô sở hữu xứ làm Nhân cũng là Đẳng vô gián, loại này có chín, đó là Vô lậu của ba Vô sắc, Giải tho- át của ba Vô sắc dưới, hai Vô ngại giải, sở y của Lậu tận thông.

4. Có lúc Đẳng chí không dùng Vô lậu của Vô sở hữu xứ làm Nhân cũng không phải là Đẳng vô gián, loại này có bốn mươi sáu, đó là tám Vị tương ưng-Tịnh của bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Giải thoát, tám Thắng xứ, mười Biến xứ, hai Vô ngại giải, sở y của bốn Thông- Nguyện trí-Vô tranh.

Hỏi: Nếu Đẳng chí tùy theo dùng Vị tương ưng của Tĩnh lự nào làm Nhân, thì dùng loại ấy làm Sở duyên chăng? Giả sử Đẳng chí tùy theo dùng Vị tương ưng của Tĩnh lự nào làm Sở duyên, thì dùng loại ấy làm Nhân chăng?

Đáp: Các Đẳng chí tùy theo dùng Vị tương ưng của Tĩnh lự ấy làm Nhân, thì cũng dùng loại ấy làm Sở duyên. Có lúc Đẳng chí dùng Vị tương ưng của Tĩnh lự ấy làm Sở duyên, mà không dùng loại ấy làm Nhân.

Trong đó, nếu Đẳng chí dùng Vị tương ưng của Tĩnh lự thứ nhất làm Sở duyên, mà không phải là Nhân, thì có mười ba loại, đó là Tịnh- Vô lậu của bốn Tĩnh lự, Nghĩa vô ngại giải, sở y của ba Thông-Nguyện trí. Hoặc có người muốn làm cho Vô tranh cũng duyên với cõi Sắc, họ nói là có mười bốn, cọng thêm Vô tranh. Nói như vậy thì cách nói trước là hợp lý. Như Vị tương ưng của Tĩnh lự thứ nhất, Vị tương ưng của Tĩnh lự thứ hai-thứ ba-thứ tư cũng như vậy.

Hỏi: Nếu Đẳng chí tùy theo dùng Vị tương ưng của Vô sắc nào làm Nhân, thì dùng loại ấy làm Sở duyên chăng? Giả sử Đẳng chí tùy theo dùng Vị tương ưng của Vô sắc nào làm Sở duyên, thì dùng loại ấy làm Nhân chăng?

Đáp: Các Đẳng chí tùy theo dùng Vị tương ưng của Vô sắc ấy làm Nhân, thì cũng dùng loại ấy làm Sở duyên. Có lúc Đẳng chí dùng Vị tương ưng của Vô sắc ấy làm Sở duyên, mà không dùng loại ấy làm Nhân.

Trong đó, nếu Đẳng chí dùng Vị tương ưng của Không vô biên xứ làm Sở duyên, mà không dùng loại ấy làm Nhân, thì có mười lăm loại, đó là Tịnh-Vô lậu của bốn Tĩnh lự, Nghĩa vô ngại giải, Lậu tận thông, sở y của Nguyện trí, Tịnh-Vô lậu của Không vô biên xứ, tức là Giải thoát-Biến xứ của địa ấy.

Nếu Đẳng chí dùng Vị tương ưng của Thức vô biên xứ làm Sở duyên, mà không dùng loại ấy làm Nhân, thì có mười tám loại, đó là Tịnh-Vô lậu của bốn Tĩnh lự, Nghĩa vô ngại giải, Lậu tận thông, sở y của Nguyện trí, Tịnh-Vô lậu của Không-Thức vô biên xứ, tức là Giải thoát của địa ấy, Biến xứ của Thức vô biên xứ.

Nếu Đẳng chí dùng Vị tương ưng của Vô sở hữu xứ làm Sở duyên, mà không dùng loại ấy làm Nhân, thì có hai mươi loại, đó là Tịnh-Vô lậu của bốn Tĩnh lự, Nghĩa vô ngại giải, Lậu tận thông, sở y của Nguyện trí, Tịnh-Vô lậu của ba Vô sắc dưới, và Giải thoát của ba Vô sắc dưới.

Nếu Đẳng chí dùng Vị tương ưng của Phi tưởng phi phi tưởng xứ làm Sở duyên, mà không dùng loại ấy làm Nhân, thì có hai mươi hai loại, đó là hai mươi loại trước cọng thêm Tịnh của Phi tưởng phi phi tưởng xứ, và Giải thoát của địa ấy.

-oOo-

LUẬN A TỲ ĐẠT MA ĐẠI TỲ BÀ SA

QUYỂN 170

LUẬN VỀ NHIẾP (Phần 5)

Hỏi: Nếu Đẳng chí tùy theo dùng Tịnh của Tĩnh lự nào làm Nhân, thì dùng loại ấy làm Sở duyên chăng? Giả sử Đẳng chí tùy theo dùng Tịnh của Tĩnh lự nào làm Sở duyên, thì dùng loại ấy làm Nhân chăng?

Đáp: Dựa vào Tịnh của mỗi một Tĩnh lự đều cần phải làm thành bốn câu phân biệt:

Dựa vào Tịnh của Tĩnh lự thứ nhất làm thành bốn câu phân biệt:

1. Có lúc Đẳng chí dùng Tịnh của Tĩnh lự thứ nhất làm Nhân chứ không phải là Sở duyên, loại này có mười lăm, đó là bốn Vô lượng, hai Giải thoát, bốn Thắng xứ, hai Vô ngại giải, sở y của ba Thông.

2. Có lúc Đẳng chí dùng Tịnh của Tĩnh lự thứ nhất làm Sở duyên chứ không phải là Nhân, loại này có chín, đó là Vị tương ưng của Tĩnh lự thứ nhất, Tịnh của ba Tĩnh lự trên, Vô lậu của bốn Tĩnh lự, sở y của Nguyện trí.

3. Có lúc Đẳng chí dùng Tịnh của Tĩnh lự thứ nhất làm Nhân cũng là Sở duyên, loại này có sáu, đó là Tịnh của Tĩnh lự thứ nhất, hai Vô ngại giải, sở y của ba Thông.

4. Có lúc Đẳng chí không dùng Tịnh của Tĩnh lự thứ nhất làm Nhân cũng không phải là Sở duyên, loại này có ba mươi lăm, đó là bảy Vị tương ưng-Tịnh của bốn Vô sắc, Vô lậu của ba Vô sắc, bốn Thắng xứ sau, sáu Giải thoát, mười Biến xứ, sở y của Vô tranh.

Dựa vào Tịnh của Tĩnh lự thứ hai làm thành bốn câu phân biệt:

1. Có lúc Đẳng chí dùng Tịnh của Tĩnh lự thứ hai làm Nhân chứ không phải là Sở duyên, loại này có mười bốn, đó là bốn Vô lượng, hai Giải thoát, bốn Thắng xứ, Pháp vô ngại giải, sở y của ba Thông.

2. Có lúc Đẳng chí dùng Tịnh của Tĩnh lự thứ hai làm Sở duyên chứ không phải là Nhân, loại này có chín, đó là Vị tương ưng của Tĩnh lự thứ hai, Tịnh của Tĩnh lự thứ nhất-thứ ba-thứ tư, Vô lậu của bốn Tĩnh lự, sở y

của Nguyện trí.

3. Có lúc Đẳng chí dùng Tịnh của Tĩnh lự thứ hai làm Nhân cũng là Sở duyên, loại này có sáu, đó là Tịnh của Tĩnh lự thứ hai, hai Vô ngại giải, sở y của ba Thông.

4. Có lúc Đẳng chí không dùng Tịnh của Tĩnh lự thứ hai làm Nhân cũng không phải là Sở duyên, loại này có ba mươi sáu, đó là bảy Vị tương ưng-Tịnh của bốn Vô sắc, Vô lậu của ba Vô sắc, bốn Thắng xứ sau, sáu Giải thoát, mười Biến xứ, sở y của Vô tranh và Từ vô ngại giải.

Dựa vào Tịnh của Tĩnh lự thứ ba làm thành bốn câu phân biệt:

1. Có lúc Đẳng chí dùng Tịnh của Tĩnh lự thứ ba làm Nhân chứ không phải là Sở duyên, loại này có bảy, đó là ba Vô lượng, Pháp vô ngại giải, sở y của ba Thông.

2. Có lúc Đẳng chí dùng Tịnh của Tĩnh lự thứ ba làm Sở duyên chứ không phải là Nhân, loại này có chín, đó là Vị tương ưng của địa mình, Tịnh của Tĩnh lự thứ nhất-thứ hai-thứ tư, Vô lậu của bốn Tĩnh lự, sở y của Nguyện trí.

3. Có lúc Đẳng chí dùng Tịnh của Tĩnh lự thứ ba làm Nhân cũng là Sở duyên, loại này có sáu, đó là Tịnh của Tĩnh lự thứ ba, hai Vô ngại giải, sở y của ba Thông.

4. Có lúc Đẳng chí không dùng Tịnh của Tĩnh lự thứ ba làm Nhân cũng không phải là Sở duyên, loại này có bốn mươi ba, đó là bảy Vị tương ưng-Tịnh của bốn Vô sắc, Vô lậu của ba Vô sắc, Hỷ vô lượng, tám Thắng xứ, tám Giải thoát, mười Biến xứ, sở y của Vô tranh và Từ vô ngại giải.

Dựa vào Tịnh của Tĩnh lự thứ tư làm thành bốn câu phân biệt:

1. Có lúc Đẳng chí dùng Tịnh của Tĩnh lự thứ tư làm Nhân chứ không phải là Sở duyên, loại này có hai mươi mốt, đó là ba Vô lượng, Tịnh giải thoát, bốn Thắng xứ sau, tám Biến xứ trước, Pháp vô ngại giải, sở y của ba Thông và Vô tranh.

2. Có lúc Đẳng chí dùng Tịnh của Tĩnh lự thứ tư làm Sở duyên chứ không phải là Nhân, loại này có tám, đó là Vị tương ưng của Tĩnh lự thứ tư, Tịnh của ba Tĩnh lự dưới, Vô lậu của bốn Tĩnh lự.

3. Có lúc Đẳng chí dùng Tịnh của Tĩnh lự thứ tư làm Nhân cũng là Sở duyên, loại này có bảy, đó là Tịnh của Tĩnh lự thứ tư, hai Vô ngại giải, sở y của ba Thông và Nguyện trí.

4. Có lúc Đẳng chí không dùng Tịnh của Tĩnh lự thứ tư làm Nhân cũng không phải là Sở duyên, loại này có hai mươi chín, đó là bảy Vị tương

ưng-Tịnh của bốn Vô sắc, Vô lậu của ba Vô sắc, Hỷ vô lượng, bảy Giải thoát, bốn Thắng xứ trước, hai Biến xứ sau, sở y của Từ vô ngại giải.

Hỏi: Nếu Đẳng chí tùy theo dùng Tịnh của Vô sắc nào làm Nhân, thì dùng loại ấy làm Sở duyên chăng? Giả sử Đẳng chí tùy theo dùng Tịnh của Vô sắc nào làm Sở duyên, thì dùng loại ấy làm Nhân chăng?

Đáp: Tịnh của Vô sắc dưới, nếu Đẳng chí tùy theo dùng loại ấy làm Nhân, thì cũng dùng loại ấy làm Sở duyên. Có lúc Đẳng chí dùng loại ấy làm Sở duyên, mà không dùng loại ấy làm Nhân. Tịnh của Phi tưởng phi phi tưởng xứ, nên làm thành bốn câu phân biệt.

Trong đó, nếu Đẳng chí dùng Tịnh của Không vô biên xứ làm Sở duyên, mà không dùng loại ấy làm Nhân, thì có mười một loại, đó là Tịnh-Vô lậu của bốn Tĩnh lự, Vị tương ưng-Vô lậu của địa mình, sở y của Nguyện trí.

Nếu Đẳng chí dùng Tịnh của Thức vô biên xứ làm Sở duyên, mà không dùng loại ấy làm Nhân, thì có mười bốn loại, đó là Tịnh-Vô lậu của bốn Tĩnh lự, Vô lậu của hai Vô sắc đầu, Tịnh của Không vô biên xứ, tức là Giải thoát của địa ấy, Vị tương ưng của địa mình, sở y của Nguyện trí.

Nếu Đẳng chí dùng Tịnh của Vô sở hữu xứ làm Sở duyên, mà không dùng loại ấy làm Nhân, thì có mười bảy loại, đó là Tịnh-Vô lậu của bốn Tĩnh lự, Vô lậu của ba Vô sắc, Tịnh của hai Vô sắc đầu, và Giải thoát của hai Vô sắc đầu, Vị tương ưng của địa mình, sở y của Nguyện trí.

Dựa vào Tịnh của Phi tưởng phi phi tưởng xứ làm thành bốn câu phân biệt:

1. Có lúc Đẳng chí dùng Tịnh của Phi tưởng phi phi tưởng xứ làm Nhân chứ không phải là Sở duyên, loại này có một, đó là Diệt Tưởng- Thọ giải thoát.

2. Có lúc Đẳng chí dùng Tịnh của Phi tưởng phi phi tưởng xứ làm Sở duyên chứ không phải là Nhân, loại này có mười chín, đó là Tịnh-Vô lậu của bốn Tĩnh lự-ba Vô sắc, và Giải thoát của ba Vô sắc, Vị tương ưng của địa mình, sở y của Nguyện trí.

3. Có lúc Đẳng chí dùng Tịnh của Phi tưởng phi phi tưởng xứ làm Nhân cũng là Sở duyên, loại này có năm, đó là Tịnh của Phi tưởng phi phi tưởng xứ, tức là Giải thoát của địa ấy, hai Vô ngại giải, sở y của Lậu tận thông.

4. Có lúc Đẳng chí không dùng Tịnh của Phi tưởng phi phi tưởng xứ làm Nhân cũng không phải là Sở duyên, loại này có bốn mươi, đó là bảy Vị tương ưng, bốn Vô lượng, ba Giải thoát đầu, tám Thắng xứ, mười Biến

xứ, hai Vô ngại giải, Vô tranh, sở y của năm Thông.

Hỏi: Nếu Đẳng chí tùy theo dùng Vô lậu của Tĩnh lự nào làm Nhân, thì dùng loại ấy làm Sở duyên chăng? Giả sử Đẳng chí tùy theo dùng Vô lậu của Tĩnh lự nào làm Sở duyên, thì dùng loại ấy làm Nhân chăng?

Đáp: Các Đẳng chí tùy theo dùng Vô lậu của Tĩnh lự ấy làm Nhân, thì cũng dùng loại ấy làm Sở duyên. Có lúc Đẳng chí dùng Vô lậu của Tĩnh lự ấy làm Sở duyên, mà không dùng loại ấy làm Nhân.

Trong đó, nếu Đẳng chí dùng Vô lậu của Tĩnh lự thứ nhất làm Sở duyên, mà không dùng loại ấy làm Nhân, thì có mười loại, đó là Tịnh của bốn Tĩnh lự-bốn Vô sắc, Giải thoát của Phi tưởng phi phi tưởng xứ, sở y của Nguyện trí.

Như Vô lậu của Tĩnh lự thứ nhất, Vô lậu của Tĩnh lự thứ hai-thứ ba-thứ tư cũng như vậy.

Hỏi: Nếu Đẳng chí tùy theo dùng Vô lậu của Vô sắc nào làm Nhân, thì dùng loại ấy làm Sở duyên chăng? Giả sử Đẳng chí tùy theo dùng Vô lậu của Vô sắc nào làm Sở duyên, thì dùng loại ấy làm Nhân chăng?

Đáp: Dựa vào Vô lậu của mỗi một Vô sắc đều cần phải làm thành bốn câu phân biệt:

Dựa vào Vô lậu của Không vô biên xứ làm thành bốn câu phân biệt:

1. Có lúc Đẳng chí dùng Vô lậu của Không vô biên xứ làm Nhân chứ không phải là Sở duyên, loại này có một, đó là sở y của Tha tâm thông.

2. Có lúc Đẳng chí dùng Vô lậu của Không vô biên xứ làm Sở duyên chứ không phải là Nhân, loại này có mười, đó là Tịnh của bốn Tĩnh lự-bốn Vô sắc, Giải thoát của Phi tưởng phi phi tưởng xứ, sở y của Nguyện trí.

3. Có lúc Đẳng chí dùng Vô lậu của Không vô biên xứ làm Nhân cũng là Sở duyên, loại này có mười ba, đó là Vô lậu của bốn Tĩnh lự- ba Vô sắc, và Giải thoát của ba Vô sắc dưới, hai Vô ngại giải, sở y của Lậu tận thông.

4. Có lúc Đẳng chí không dùng Vô lậu của Không vô biên xứ làm Nhân cũng không phải là Sở duyên, loại này có bốn mươi mốt, đó là tám Vị tương ưng, bốn Vô lượng, bốn Giải thoát, tám Thắng xứ, mười Biến xứ, hai Vô ngại giải, Vô tranh, sở y của bốn Thông.

Như Vô lậu của Không vô biên xứ, Vô lậu của Thức vô biên xứ và Vô sở hữu xứ cũng như vậy.

Hỏi: Nếu Đẳng chí tùy theo dùng Vị tương ưng của Tĩnh lự nào làm Đẳng vô gián, thì dùng loại ấy làm Sở duyên chăng? Giả sử Đẳng chí tùy

theo dùng Vị tương ưng của Tĩnh lự nào làm Sở duyên, thì dùng loại ấy làm Đẳng vô gián chăng?

Đáp: Dựa vào Vị tương ưng của mỗi một Tĩnh lự đều cần phải làm thành bốn câu phân biệt:

Dựa vào Vị tương ưng của Tĩnh lự thứ nhất làm thành bốn câu phân biệt:

1. Có lúc Đẳng chí dùng Vị tương ưng của Tĩnh lự thứ nhất làm Đẳng vô gián chứ không phải là Sở duyên, loại này có mười ba, đó là bốn Vô lượng, hai Giải thoát đầu, bốn Thắng xứ trước, sở y của ba Thông.

2. Có lúc Đẳng chí dùng Vị tương ưng của Tĩnh lự thứ nhất làm Sở duyên chứ không phải là Đẳng vô gián, loại này có mười, đó là Tịnh của ba Tĩnh lự trên, Vô lậu của bốn Tĩnh lự, Nghĩa vô ngại giải, Lậu tận thông, sở y của Nguyện trí.

3. Có lúc Đẳng chí dùng Vị tương ưng của Tĩnh lự thứ nhất làm Đẳng vô gián cũng là Sở duyên, loại này có bốn, đó là Vị tương ưng- Tịnh của địa mình, sở y của hai Thông.

4. Có lúc Đẳng chí không dùng Vị tương ưng của Tĩnh lự thứ nhất làm Đẳng vô gián cũng không phải là Sở duyên, loại này có ba mươi tám, đó là bảy Vị tương ưng-Tịnh của bốn Vô sắc, Vô lậu của ba Vô sắc, sáu Giải thoát, bốn Thắng xứ sau, mười Biến xứ, Vô tranh, sở y của ba Vô ngại giải.

Dựa vào Vị tương ưng của Tĩnh lự thứ hai làm thành bốn câu phân biệt:

1. Có lúc Đẳng chí dùng Vị tương ưng của Tĩnh lự thứ hai làm

2. Đẳng vô gián chứ không phải là Sở duyên, loại này có mười ba, đó là bốn Vô lượng, hai Giải thoát đầu, bốn Thắng xứ trước, sở y của ba Thông.

3. Có lúc Đẳng chí dùng Vị tương ưng của Tĩnh lự thứ hai làm Sở duyên chứ không phải là Đẳng vô gián, loại này có chín, đó là Tịnh của hai Tĩnh lự trên, Vô lậu của bốn Tĩnh lự, Nghĩa vô ngại giải, Lậu tận thông, sở y của Nguyện trí.

4. Có lúc Đẳng chí dùng Vị tương ưng của Tĩnh lự thứ hai làm Đẳng vô gián cũng là Sở duyên, loại này có năm, đó là Vị tương ưng của địa mình, Tịnh của hai Tĩnh lự đầu, sở y của hai Thông.

5. Có lúc Đẳng chí không dùng Vị tương ưng của Tĩnh lự thứ hai làm Đẳng vô gián cũng không phải là Sở duyên, loại này có ba mươi tám,

đó là bảy Vị tương ưng-Tịnh của bốn Vô sắc, Vô lậu của ba Vô sắc, sáu Giải thoát, bốn Thắng xứ sau, mười Biến xứ, Vô tranh, sở y của ba Vô ngại giải.

Dựa vào Vị tương ưng của Tĩnh lự thứ ba làm thành bốn câu phân biệt:

1. Có lúc Đẳng chí dùng Vị tương ưng của Tĩnh lự thứ ba làm Đẳng vô gián chứ không phải là Sở duyên, loại này có sáu, đó là ba Vô lượng, sở y của ba Thông.

2. Có lúc Đẳng chí dùng Vị tương ưng của Tĩnh lự thứ ba làm Sở duyên chứ không phải là Đẳng vô gián, loại này có chín, đó là Tịnh của hai Tĩnh lự trên, Vô lậu của bốn Tĩnh lự, Nghĩa vô ngại giải, Lậu tận thông, sở y của Nguyện trí.

3. Có lúc Đẳng chí dùng Vị tương ưng của Tĩnh lự thứ ba làm Đẳng vô gián cũng là Sở duyên, loại này có năm, đó là Vị tương ưng của địa mình, Tịnh của Tĩnh lự thứ hai-thứ ba, sở y của hai Thông.

4. Có lúc Đẳng chí không dùng Vị tương ưng của Tĩnh lự thứ ba làm Đẳng vô gián cũng không phải là Sở duyên, loại này có bốn mươi lăm, đó là bảy Vị tương ưng-Tịnh của bốn Vô sắc, Vô lậu của ba Vô sắc, Hỷ vô lượng, tám Giải thoát, tám Thắng xứ, mười Biến xứ, Vô tranh, sở y của ba Vô ngại giải.

Dựa vào Vị tương ưng của Tĩnh lự thứ tư làm thành bốn câu phân biệt:

1. Có lúc Đẳng chí dùng Vị tương ưng của Tĩnh lự thứ tư làm Đẳng

2. vô gián chứ không phải là Sở duyên, loại này có mười chín, đó là ba Vô lượng, Tịnh giải thoát, bốn Thắng xứ sau, tám Biến xứ trước, sở y của ba Thông.

3. Có lúc Đẳng chí dùng Vị tương ưng của Tĩnh lự thứ tư làm Sở duyên chứ không phải là Đẳng vô gián, loại này có chín, đó là Tịnh của hai Tĩnh lự, Vô lậu của bốn Tĩnh lự, Nghĩa vô ngại giải, Lậu tận thông, sở y của Nguyện trí.

4. Có lúc Đẳng chí dùng Vị tương ưng của Tĩnh lự thứ tư làm Đẳng vô gián cũng là Sở duyên, loại này có năm, đó là Vị tương ưng của địa mình, Tịnh của Tĩnh lự thứ ba-thứ tư, sở y của hai Thông.

5. Có lúc Đẳng chí không dùng Vị tương ưng của Tĩnh lự thứ tư làm Đẳng vô gián cũng không phải là Sở duyên, loại này có ba mươi hai,

đó là bảy Vị tương ưng-Tịnh của bốn Vô sắc, Vô lậu của ba Vô sắc, Hỷ vô lượng, bảy Giải thoát, bốn Thắng xứ trước, hai Biến xứ sau, Vô tranh, sở y của ba Vô ngại giải.

Hỏi: Nếu Đẳng chí tùy theo dùng Vị tương ưng của Vô sắc nào làm Đẳng vô gián, thì dùng loại ấy làm Sở duyên chăng? Giả sử Đẳng chí tùy theo dùng Vị tương ưng của Vô sắc nào làm Sở duyên, thì dùng loại ấy làm Đẳng vô gián chăng?

Đáp: Các Đẳng chí tùy theo dùng Vị tương ưng của Vô sắc ấy làm Đẳng vô gián, thì cũng dùng loại ấy làm Sở duyên. Có lúc Đẳng chí dùng Vị tương ưng của Vô sắc ấy làm Sở duyên, mà không dùng loại ấy làm Đẳng vô gián.

Trong đó, nếu Đẳng chí dùng Vị tương ưng của Không vô biên xứ làm Sở duyên, mà không dùng loại ấy làm Đẳng vô gián, thì có mười một loại, đó là Tịnh của ba Tĩnh lự, Vô lậu của bốn Tĩnh lự, Vô lậu của địa mình, Nghĩa vô ngại giải, Lậu tận thông, sở y của Nguyện trí.

Nếu Đẳng chí dùng Vị tương ưng của Thức vô biên xứ làm Sở duyên, mà không dùng loại ấy làm Đẳng vô gián, thì có mười ba loại, đó là Tịnh-Vô lậu của bốn Tĩnh lự, Vô lậu của hai Vô sắc đầu, Nghĩa vô ngại giải, Lậu tận thông, sở y của Nguyện trí.

Nếu Đẳng chí dùng Vị tương ưng của Vô sở hữu xứ làm Sở duyên, mà không dùng loại ấy làm Đẳng vô gián, thì có mười sáu loại, đó là Tịnh-Vô lậu của bốn Tĩnh lự, Tịnh của Không vô biên xứ, tức là Giải thoát của địa ấy, Vô lậu của ba Vô sắc, Nghĩa vô ngại giải, Lậu tận thông, sở y của Nguyện trí.

Nếu Đẳng chí dùng Vị tương ưng của Phi tưởng phi phi tưởng xứ làm Sở duyên, mà không dùng loại ấy làm Đẳng vô gián, thì có mười tám loại, đó là Tịnh-Vô lậu của bốn Tĩnh lự, Tịnh của hai Vô sắc đầu, tức là Giải thoát của địa ấy, Vô lậu của ba Vô sắc, Nghĩa vô ngại giải, Lậu tận thông, sở y của Nguyện trí.

Hoi: Nếu Đẳng chí tùy theo dùng Tịnh của Tĩnh lự nào làm Đẳng vô gián, thì dùng loại ấy làm Sở duyên chăng? Giả sử Đẳng chí tùy theo dùng Tịnh của Tĩnh lự nào làm Sở duyên, thì dùng loại ấy làm Đẳng vô gián chăng?

Đáp: Dựa vào Tịnh của mỗi một Tĩnh lự đều cần phải làm thành bốn câu phân biệt:

Dựa vào Tịnh của Tĩnh lự thứ nhất làm thành bốn câu phân biệt:

1. Có lúc Đẳng chí dùng Tịnh của Tĩnh lự thứ nhất làm Đẳng vô

gián chứ không phải là Sở duyên, loại này có mười lăm, đó là bốn Vô lượng, hai Giải thoát đầu, bốn Thắng xứ trước, hai Vô ngại giải, sở y của ba Thông.

2. Có lúc Đẳng chí dùng Tịnh của Tĩnh lự thứ nhất làm Sở duyên chứ không phải là Đẳng vô gián, loại này có ba, đó là Tịnh-Vô lậu của Tĩnh lự thứ tư, sở y của Nguyện trí.

3. Có lúc Đẳng chí dùng Tịnh của Tĩnh lự thứ nhất làm Đẳng vô gián cũng là Sở duyên, loại này có mười hai, đó là Vị tương ưng của địa mình, và Tịnh-Vô lậu của ba Tĩnh lự đầu, hai Vô ngại giải, sở y của ba Thông.

4. Có lúc Đẳng chí không dùng Tịnh của Tĩnh lự thứ nhất làm Đẳng vô gián cũng không phải là Sở duyên, loại này có ba mươi lăm, đó là bảy Vị tương ưng-Tịnh của bốn Vô sắc, Vô lậu của ba Vô sắc, sáu Giải thoát, bốn Thắng xứ, mười Biến xứ, sở y của Vô tranh.

Dựa vào Tịnh của Tĩnh lự thứ hai làm thành bốn câu phân biệt:

1. Có lúc Đẳng chí dùng Tịnh của Tĩnh lự thứ hai làm Đẳng vô gián chứ không phải là Sở duyên, loại này có mười lăm, đó là bốn Vô lượng, hai Giải thoát đầu, bốn Thắng xứ trước, hai Vô ngại giải, sở y của ba Thông.

2. Có lúc Đẳng chí dùng Tịnh của Tĩnh lự thứ nhất làm Sở duyên chứ không phải là Đẳng vô gián, loại này có ba, đó là Tịnh-Vô lậu của Tĩnh lự thứ tư, sở y của Nguyện trí.

3. Có lúc Đẳng chí dùng Tịnh của Tĩnh lự thứ nhất làm Đẳng vô gián cũng là Sở duyên, loại này có mười hai, đó là Vị tương ưng của địa mình, và Tịnh-Vô lậu của ba Tĩnh lự đầu, hai Vô ngại giải, sở y của ba Thông.

4. Có lúc Đẳng chí không dùng Tịnh của Tĩnh lự thứ nhất làm Đẳng vô gián cũng không phải là Sở duyên, loại này có ba mươi lăm, đó là bảy Vị tương ưng-Tịnh của bốn Vô sắc, Vô lậu của ba Vô sắc, sáu Giải thoát, bốn Thắng xứ, mười Biến xứ, Vô tranh, sở y của Từ vô ngại giải.

Dựa vào Tịnh của Tĩnh lự thứ ba làm thành bốn câu phân biệt:

1. Có lúc Đẳng chí dùng Tịnh của Tĩnh lự thứ ba làm Đẳng vô gián chứ không phải là Sở duyên, loại này có mười, đó là ba Vô lượng, Tịnh-Vô lậu của Không vô biên xứ, tức là Giải thoát của địa ấy, Pháp vô ngại giải, sở y của ba Thông.

2. Có lúc Đẳng chí dùng Tịnh của Tĩnh lự thứ ba làm Sở duyên

chứ không phải là Đẳng vô gián, loại này có một, đó là sở y của Nguyện trí.

3. Có lúc Đẳng chí dùng Tịnh của Tĩnh lự thứ ba làm Đẳng vô gián cũng là Sở duyên, loại này có mười bốn, đó là Vị tương ưng của địa mình, và Tịnh-Vô lậu của bốn Tĩnh lự, hai Vô ngại giải, sở y của ba Thông.

4. Có lúc Đẳng chí không dùng Tịnh của Tĩnh lự thứ ba làm Đẳng vô gián cũng không phải là Sở duyên, loại này có bốn mươi, đó là bảy Vị tương ưng-Tịnh của ba Vô sắc trên, Vô lậu của hai Vô sắc trên, Hỷ vô lượng, bảy Giải thoát, tám Thắng xứ, mười Biến xứ, Vô tranh, sở y của Từ vô ngại giải.

Dựa vào Tịnh của Tĩnh lự thứ tư làm thành bốn câu phân biệt:

1. Có lúc Đẳng chí dùng Tịnh của Tĩnh lự thứ tư làm Đẳng vô gián chứ không phải là Sở duyên, loại này có hai mươi bảy, đó là ba Vô lượng, Tịnh giải thoát, bốn Thắng xứ sau, tám Biến xứ trước, Vô tranh, Pháp vô ngại giải, sở y của ba Thông, Tịnh-Vô lậu của hai Vô sắc đầu, tức là Giải thoát của địa ấy.

2. Có lúc Đẳng chí dùng Tịnh của Tĩnh lự thứ tư làm Sở duyên chứ không phải là Đẳng vô gián, loại này có hai, đó là Tịnh-Vô lậu của Tĩnh lự thứ nhất.

3. Có lúc Đẳng chí dùng Tịnh của Tĩnh lự thứ tư làm Đẳng vô gián cũng là Sở duyên, loại này có mười ba, đó là Vị tương ưng của địa mình, và Tịnh-Vô lậu của ba Tĩnh lự trên, hai Vô ngại giải, Nguyện trí, sở y của ba Thông.

4. Có lúc Đẳng chí không dùng Tịnh của Tĩnh lự thứ tư làm Đẳng vô gián cũng không phải là Sở duyên, loại này có hai mươi ba, đó là bảy Vị tương ưng, Tịnh của hai Vô sắc trên, Vô lậu của một Vô sắc trên, Hỷ vô lượng, năm Giải thoát, bốn Thắng xứ trước, hai Biến xứ sau, sở y của Từ vô ngại giải.

Hỏi: Nếu Đẳng chí tùy theo dùng Tịnh của Vô sắc nào làm Đẳng vô gián, thì dùng loại ấy làm Sở duyên chăng? Giả sử Đẳng chí tùy theo dùng Tịnh của Vô sắc nào làm Sở duyên, thì dùng loại ấy làm Đẳng vô gián chăng?

Đáp: Dựa vào Tịnh của mỗi một Vô sắc đều cần phải làm thành bốn câu phân biệt:

Dựa vào Tịnh của Không vô biên xứ làm thành bốn câu phân

biệt:

1. Có lúc Đẳng chí dùng Tịnh của Không vô biên xứ làm Đẳng vô gián chứ không phải là Sở duyên, loại này có sáu, đó là Tịnh-Vô lậu của Thức vô biên xứ-Vô sở hữu xứ, tức là Giải thoát của địa ấy.

2. Có lúc Đẳng chí dùng Tịnh của Không vô biên xứ làm Sở duyên chứ không phải là Đẳng vô gián, loại này có năm, đó là Tịnh-Vô lậu của Tĩnh lự thứ nhất-thứ hai, sở y của Nguyện trí.

3. Có lúc Đẳng chí dùng Tịnh của Không vô biên xứ làm Đẳng vô gián cũng là Sở duyên, loại này có mười hai, đó là Vị tương ưng của địa mình, và Tịnh-Vô lậu của hai Tĩnh lự trên, Không vô biên xứ, tức là Giải thoát của địa ấy, Biến xứ, hai Vô ngại giải, sở y của Lậu tận thông.

4. Có lúc Đẳng chí không dùng Tịnh của Không vô biên xứ làm Đẳng vô gián cũng không phải là Sở duyên, loại này có bốn mươi hai, đó là bảy Vị tương ưng, Tịnh của Phi tưởng phi phi tưởng xứ, bốn Vô lượng, năm Giải thoát, tám Thắng xứ, chín Biến xứ, hai Vô ngại giải, Vô tranh, sở y của năm Thông.

Dựa vào Tịnh của Thức vô biên xứ làm thành bốn câu phân biệt:

1. Có lúc Đẳng chí dùng Tịnh của Thức vô biên xứ làm Đẳng vô gián chứ không phải là Sở duyên, loại này có năm, đó là Tịnh-Vô lậu của Vô sở hữu xứ, Tịnh của Phi tưởng phi phi tưởng xứ, và Giải thoát của hai địa ấy.

2. Có lúc Đẳng chí dùng Tịnh của Thức vô biên xứ làm Sở duyên chứ không phải là Đẳng vô gián, loại này có bảy, đó là Tịnh-Vô lậu của ba Tĩnh lự đầu, sở y của Nguyện trí.

3. Có lúc Đẳng chí dùng Tịnh của Thức vô biên xứ làm Đẳng vô gián cũng là Sở duyên, loại này có mười ba, đó là Vị tương ưng của địa mình, và Tịnh-Vô lậu của Tĩnh lự thứ tư-hai Vô sắc đầu, và Giải thoát của hai Vô sắc đầu, Biến xứ của Thức vô biên xứ, hai Vô ngại giải, sở y của Lậu tận thông.

4. Có lúc Đẳng chí không dùng Tịnh của Thức vô biên xứ làm Đẳng vô gián cũng không phải là Sở duyên, loại này có bốn mươi, đó là bảy Vị tương ưng, bốn Vô lượng, bốn Giải thoát, tám Thắng xứ, chín Biến xứ, hai Vô ngại giải, Vô tranh, sở y của năm Thông.

Dựa vào Tịnh của Vô sở hữu xứ làm thành bốn câu phân biệt:

1. Có lúc Đẳng chí dùng Tịnh của Vô sở hữu xứ làm Đẳng vô gián chứ không phải là Sở duyên, loại này có hai, đó là Tịnh của Phi tưởng phi phi tưởng xứ, tức là Giải thoát của địa ấy.

2. Có lúc Đẳng chí dùng Tịnh của Vô sở hữu xứ làm Sở duyên chứ không phải là Đẳng vô gián, loại này có chín, đó là Tịnh-Vô lậu của bốn Tĩnh lự, sở y của Nguyện trí.

3. Có lúc Đẳng chí dùng Tịnh của Vô sở hữu xứ làm Đẳng vô gián cũng là Sở duyên, loại này có mười ba, đó là Vị tương ưng của địa mình, và Tịnh-Vô lậu của ba Vô sắc đầu, tức là ba Giải thoát của địa ấy, hai Vô ngại giải, sở y của Lậu tận thông.

4. Có lúc Đẳng chí không dùng Tịnh của Vô sở hữu xứ làm Đẳng vô gián cũng không phải là Sở duyên, loại này có bốn mươi mốt, đó là bảy Vị tương ưng, bốn Vô lượng, bốn Giải thoát, tám Thắng xứ, mười Biến xứ, hai Vô ngại giải, Vô tranh, sở y của năm Thông.

Dựa vào Tịnh của Phi tưởng phi phi tưởng xứ làm thành bốn câu phân biệt:

1. Có lúc Đẳng chí dùng Tịnh của Phi tưởng phi phi tưởng xứ làm Đẳng vô gián chứ không phải là Sở duyên, loại này có một, đó là Diệt Tưởng-Thọ giải thoát.

2. Có lúc Đẳng chí dùng Tịnh của Phi tưởng phi phi tưởng xứ làm Sở duyên chứ không phải là Đẳng vô gián, loại này có mười hai, đó là Tịnh-Vô lậu của bốn Tĩnh lự-Không vô biên xứ, và Giải thoát của Không vô biên xứ, sở y của Nguyện trí.

3. Có lúc Đẳng chí dùng Tịnh của Phi tưởng phi phi tưởng xứ làm Đẳng vô gián cũng là Sở duyên, loại này có mười hai, đó là Vị tương ưng của địa mình, và Tịnh của ba Vô sắc đầu, tức là ba Giải thoát của địa ấy, Vô lậu của hai Vô sắc trên, hai Vô ngại giải, sở y của Lậu tận thông.

4. Có lúc Đẳng chí không dùng Tịnh của Phi tưởng phi phi tưởng xứ làm Đẳng vô gián cũng không phải là Sở duyên, loại này có bốn mươi, đó là bảy Vị tương ưng, bốn Vô lượng, ba Giải thoát, tám Thắng xứ, mười Biến xứ, hai Vô ngại giải, Vô tranh, sở y của năm Thông.

Hỏi: Nếu Đẳng chí tùy theo dùng Vô lậu của Tĩnh lự nào làm Đẳng vô gián, thì dùng loại ấy làm Sở duyên chăng? Giả sử Đẳng chí tùy theo dùng Vô lậu của Tĩnh lự nào làm Sở duyên, thì dùng loại ấy làm Đẳng vô gián chăng?

Đáp: Dựa vào Vô lậu của mỗi một Tĩnh lự đều cần phải làm thành bốn câu phân biệt:

Dựa vào Vô lậu của Tĩnh lự thứ nhất làm thành bốn câu phân biệt:

1. Có lúc Đẳng chí dùng Vô lậu của Tĩnh lự thứ nhất làm Đẳng

vô gián chứ không phải là Sở duyên, loại này có mười sáu, đó là bốn Vô lượng, hai Giải thoát đầu, bốn Thắng xứ trước, hai Vô ngại giải, sở y của bốn Thông.

2. Có lúc Đẳng chí dùng Vô lậu của Tĩnh lự thứ nhất làm Sở duyên chứ không phải là Đẳng vô gián, loại này có mười bốn, đó là Tịnh-Vô lậu của Tĩnh lự thứ tư, Tịnh của bốn Vô sắc, Vô lậu của ba Vô sắc, Giải thoát của bốn Vô sắc, sở y của Nguyện trí.

3. Có lúc Đẳng chí dùng Vô lậu của Tĩnh lự thứ nhất làm Đẳng vô gián cũng là Sở duyên, loại này có mười, đó là Tịnh-Vô lậu của ba Tĩnh lự đầu, hai Vô ngại giải, sở y của hai Thông.

4. Có lúc Đẳng chí không dùng Vô lậu của Tĩnh lự thứ nhất làm Đẳng vô gián cũng không phải là Sở duyên, loại này có hai mươi lăm, đó là tám Vị tương ưng, hai Giải thoát, bốn Thắng xứ sau, mười Biến xứ, sở y của Vô tranh.

Dựa vào Vô lậu của Tĩnh lự thứ hai làm thành bốn câu phân biệt:

1. Có lúc Đẳng chí dùng Vô lậu của Tĩnh lự thứ hai làm Đẳng vô

2. gián chứ không phải là Sở duyên, loại này có mười lăm, đó là bốn Vô lượng, hai Giải thoát đầu, bốn Thắng xứ trước, Pháp vô ngại giải, sở y của bốn Thông.

3. Có lúc Đẳng chí dùng Vô lậu của Tĩnh lự thứ hai làm Sở duyên chứ không phải là Đẳng vô gián, loại này có mười hai, đó là Tịnh của bốn Vô sắc, Vô lậu của ba Vô sắc, Giải thoát của bốn Vô sắc, sở y của Nguyện trí.

4. Có lúc Đẳng chí dùng Vô lậu của Tĩnh lự thứ hai làm Đẳng vô gián cũng là Sở duyên, loại này có mười hai, đó là Tịnh-Vô lậu của bốn Tĩnh lự, hai Vô ngại giải, sở y của hai Thông.

5. Có lúc Đẳng chí không dùng Vô lậu của Tĩnh lự thứ hai làm Đẳng vô gián cũng không phải là Sở duyên, loại này có hai mươi sáu, đó là tám Vị tương ưng, hai Giải thoát, bốn Thắng xứ sau, mười Biến xứ, Vô tranh, sở y của Từ vô ngại giải.

Dựa vào Vô lậu của Tĩnh lự thứ ba làm thành bốn câu phân biệt:

1. Có lúc Đẳng chí dùng Vô lậu của Tĩnh lự thứ ba làm Đẳng vô gián chứ không phải là Sở duyên, loại này có tám, đó là ba Vô lượng, Pháp vô ngại giải, sở y của bốn Thông.

2. Có lúc Đẳng chí dùng Vô lậu của Tĩnh lự thứ ba làm Sở duyên

chứ không phải là Đẳng vô gián, loại này có chín, đó là Tịnh của ba Vô sắc trên, tức là Giải thoát của ba địa ấy, Vô lậu của hai Vô sắc trên, sở y của Nguyện trí.

3. Có lúc Đẳng chí dùng Vô lậu của Tĩnh lự thứ ba làm Đẳng vô gián cũng là Sở duyên, loại này có mười lăm, đó là Tịnh-Vô lậu của bốn Tĩnh lự-Không vô biên xứ, và Giải thoát của Không vô biên xứ, hai Vô ngại giải, sở y của hai Thông.

4. Có lúc Đẳng chí không dùng Vô lậu của Tĩnh lự thứ ba làm Đẳng vô gián cũng không phải là Sở duyên, loại này có ba mươi ba, đó là tám Vị tương ưng, Hỷ vô lượng, bốn Giải thoát, tám Thắng xứ, mười Biến xứ, Vô tranh, sở y của Từ vô ngại giải.

Dựa vào Vô lậu của Tĩnh lự thứ tư làm thành bốn câu phân biệt:

1. Có lúc Đẳng chí dùng Vô lậu của Tĩnh lự thứ tư làm Đẳng vô gián chứ không phải là Sở duyên, loại này có hai mươi hai, đó là ba Vô lượng, Tịnh giải thoát, bốn Thắng xứ sau, tám Biến xứ trước, Pháp vô ngại giải, Vô tranh, sở y của bốn Thông.

2. Có lúc Đẳng chí dùng Vô lậu của Tĩnh lự thứ tư làm Sở duyên chứ không phải là Đẳng vô gián, loại này có bảy, đó là Tịnh-Vô lậu của Tĩnh lự thứ nhất, Tịnh của hai Vô sắc trên, và Giải thoát của hai địa ấy, Vô lậu của một Vô sắc trên.

3. Có lúc Đẳng chí dùng Vô lậu của Tĩnh lự thứ tư làm Đẳng vô gián cũng là Sở duyên, loại này có mười bảy, đó là Tịnh-Vô lậu của ba Tĩnh lự trên-hai Vô sắc đầu, và Giải thoát của hai Vô sắc đầu, hai Vô ngại giải, hai Thông, sở y của Nguyện trí.

4. Có lúc Đẳng chí không dùng Vô lậu của Tĩnh lự thứ tư làm Đẳng vô gián cũng không phải là Sở duyên, loại này có mười chín, đó là tám Vị tương ưng, Hỷ vô lượng, ba Giải thoát, bốn Thắng xứ trước, hai Biến xứ sau, sở y của Từ vô ngại giải.

Hỏi: Nếu Đẳng chí tùy theo dùng Vô lậu của Vô sắc nào làm Đẳng vô gián, thì dùng loại ấy làm Sở duyên chăng? Giả sử Đẳng chí tùy theo dùng Vô lậu của Vô sắc nào làm Sở duyên, thì dùng loại ấy làm Đẳng vô gián chăng?

Đáp: Dựa vào Vô lậu của hai Vô sắc đầu đều cần phải làm thành bốn câu phân biệt:

Dựa vào Vô lậu của Không vô biên xứ làm thành bốn câu phân biệt:

1. Có lúc Đẳng chí dùng Vô lậu của Không vô biên xứ làm Đẳng

2. vô gián chứ không phải là Sở duyên, loại này có một, đó là Biến xứ của Không vô biên xứ.

3. Có lúc Đẳng chí dùng Vô lậu của Không vô biên xứ làm Sở duyên chứ không phải là Đẳng vô gián, loại này có bảy, đó là Tịnh-Vô lậu của hai Tĩnh lự đầu, Tịnh của Phi tưởng phi phi tưởng xứ, và Giải thoát của địa ấy, sở y của Nguyện trí.

4. Có lúc Đẳng chí dùng Vô lậu của Không vô biên xứ làm Đẳng vô gián cũng là Sở duyên, loại này có mười sáu, đó là Tịnh-Vô lậu của hai Tĩnh lự sau-ba Vô sắc đầu, tức là Giải thoát của địa ấy, hai Vô ngại giải, sở y của Lậu tận thông.

5. Có lúc Đẳng chí không dùng Vô lậu của Không vô biên xứ làm Đẳng vô gián cũng không phải là Sở duyên, loại này có bốn mươi mốt, đó là tám Vị tương ưng, bốn Vô lượng, bốn Giải thoát, tám Thắng xứ, chín Biến xứ, hai Vô ngại giải, Vô tranh, sở y của năm Thông.

Dựa vào Vô lậu của Thức vô biên xứ làm thành bốn câu phân biệt:

1. Có lúc Đẳng chí dùng Vô lậu của Thức vô biên xứ làm Đẳng

2. vô gián chứ không phải là Sở duyên, loại này có một, đó là Biến xứ của Thức vô biên xứ.

3. Có lúc Đẳng chí dùng Vô lậu của Thức vô biên xứ làm Sở duyên chứ không phải là Đẳng vô gián, loại này có bảy, đó là Tịnh-Vô lậu của ba Tĩnh lự đầu, sở y của Nguyện trí.

4. Có lúc Đẳng chí dùng Vô lậu của Thức vô biên xứ làm Đẳng vô gián cũng là Sở duyên, loại này có mười sáu, đó là Tịnh-Vô lậu của Tĩnh lự thứ tư-ba Vô sắc dưới, Tịnh của Phi tưởng phi phi tưởng xứ, Giải thoát của bốn Vô sắc, hai Vô ngại giải, sở y của Lậu tận thông.

5. Có lúc Đẳng chí không dùng Vô lậu của Thức vô biên xứ làm Đẳng vô gián cũng không phải là Sở duyên, loại này có bốn mươi mốt, đó là tám Vị tương ưng, bốn Vô lượng, bốn Giải thoát, tám Thắng xứ, chín Biến xứ, hai Vô ngại giải, Vô tranh, sở y của năm Thông.

Dựa vào Vô lậu của Vô sở hữu xứ làm thuận theo câu trước, nghĩa là nếu Đẳng chí dùng Vô lậu của Vô sở hữu xứ làm Đẳng vô gián thì cũng dùng loại ấy làm Sở duyên. Có lúc Đẳng chí dùng Vô lậu của Vô sở hữu xứ làm Sở duyên, mà không dùng loại ấy làm Đẳng vô gián, loại này có chín, đó là Tịnh-Vô lậu của bốn Tĩnh lự, sở y của Nguyện trí.

Hỏi: Có thể có lúc một Đẳng chí hiện rõ ở trước mắt, thì ba mươi ba Đẳng chí xả bỏ (Xả) mà không đạt được; tám Đẳng chí đạt được (Đắc) mà

không xả bỏ; hai Đẳng chí cũng xả bỏ-cũng đạt được; hai Đẳng chí phần ít xả bỏ-phần ít đạt được, phần ít không xả bỏ-không đạt được; mười ba Đẳng chí phần ít xả bỏ mà không đạt được, phần ít không xả bỏ-không đạt được; bảy Đẳng chí không phải là xả bỏ-không phải là đạt được chăng?

Đáp: Có, đó là A-la-hán Tuệ giải thoát, khởi lên Vị tương ưng của Tĩnh lự thứ nhất mà lui sụt.

Lúc bấy giờ ở trong sáu mươi lăm Đẳng chí, ba mươi ba loại là xả bỏ mà không đạt được, đó là Tịnh-Vô lậu của ba Tĩnh lự trên, Tịnh-Vô lậu của Vô sắc, năm Giải thoát, bốn Thắng xứ sau, mười Biến xứ, sở y của Lậu tận thông.

Tám loại là đạt được mà không xả bỏ, đó là Vị tương ưng Tĩnh lự-Vô sắc.

Hai loại là cũng xả bỏ-cũng đạt được, đó là Tịnh-Vô lậu của Tĩnh lự thứ nhất, bởi vì xả bỏ Vô học và pháp đã tu của địa trên, đạt được Học và lui sụt từng phần.

Hai loại là phần ít xả bỏ-phần ít đạt được, phần ít không xả bỏ- không đạt được, đó là có lúc muốn làm cho Túc trú tùy niệm trí thông cũng có Vô lậu, dựa vào pháp ấy có thể đạt được mà đưa ra cách hỏi- đáp này. Nghĩa là Túc trú tùy niệm trí thông và Tha tâm trí thông, lúc bấy giờ phần ít xả bỏ, tức là tất cả pháp hữu lậu đã tu của địa trên thuộc Vô học và pháp hữu lậu của Tĩnh lự thứ nhất đã tu thuộc phần vị Vô học; phần ít đạt được, tức là Học của Tĩnh lự thứ nhất; phần ít không xả bỏ-không đạt được, tức là pháp hữu lậu còn lại của Tĩnh lự thứ nhất. Nếu có lúc muốn làm cho Túc trú tùy niệm trí thông chỉ là hữu lậu, thì dựa vào đó không nên đưa ra cách hỏi-đáp như vậy, bởi vì Túc trú tùy niệm trí thông, lúc bấy giờ chỉ có phần ít xả bỏ, và phần ít không xả bỏ-không đạt được.

Mười ba loại là phần ít xả bỏ mà không đạt được, phần ít không xả bỏ-không đạt được, đó là bốn Vô lượng, hai Giải thoát đầu, bốn Thắng xứ trước, sở y của ba Thông. Tức là tất cả các pháp đã tu của địa trên, và phần vị Vô học của địa mình xả bỏ mà không đạt được, còn lại pháp của địa mình thì không xả bỏ-không đạt được.

Bảy loại không phải là xả bỏ-không phải là đạt được, đó là bốn Vô ngại giải, sở y của Nguyện trí-Vô tranh, Diệt tận giải thoát, bởi vì trước đây chưa đạt được.

Hỏi: Có thể có đạt được một Đẳng chí, mà không có gì xả bỏ chăng?

Đáp: Có, đó là lúc đạt được Diệt tận giải thoát.

Hỏi: Có thể có lập tức đạt được sáu Đẳng chí, mà không có gì xả bỏ

chăng?

Đáp: Có, đó là lúc A-la-hán bắt đầu khởi lên Nguyện trí, lập tức đạt được sáu Đẳng chí, đó là bốn Vô ngại giải, sở y của Nguyện trí-Vô tranh.

Hỏi: Có thể có xả bỏ một Đẳng chí, mà không có gì đạt được chăng?

Đáp: Có, đó là lúc ở cõi Biến Tịnh chết đi sinh đến cõi Quảng Quả, xả bỏ Tịnh của Tĩnh lự thứ ba, mà không có gì đạt được.

Hỏi: Bổ-đặc-già-la thuộc bốn Hướng-bốn Quả, đối với sáu mươi lăm Đẳng chí, ai thành tựu mấy loại, không thành tựu mấy loại?

Đáp: Hướng Dự lưu thành tựu tám loại, đó là tám Vị tương ưng, còn lại thì không thành tựu. Như Hướng Dự lưu, Quả Dự lưu, Hướng Nhất lai, Quả Nhất lai, cũng như vậy.

Hướng Bất hoàn thành tựu ít nhất là tám loại, nói như trước. Người từ từ thì thành tựu nhiều nhất là bốn mươi bảy loại, tức là đã lìa nhiễm của Vô sở hữu xứ, dựa vào Tĩnh lự thứ tư tiến vào Chánh tánh ly sinh, đó là Tịnh-Vô lậu của bốn Tĩnh lự, Tịnh của bốn Vô sắc, Vị tương ưng của Phi tưởng phi phi tưởng xứ, bốn Vô lượng, bảy Giải thoát, tám Thắng xứ, mười Biến xứ, sở y của năm Thông. Quả Bất hoàn thành tựu nhiều nhất, nói như Hướng; thành tựu ít nhất là hai mươi lăm loại, đó là tám Vị tương ưng, Tịnh-Vô lậu của Tĩnh lự thứ nhất, bốn Vô lượng, hai Giải thoát đầu, bốn Thắng xứ trước, sở y của năm Thông; hoặc là giảm một-hai Vị, tăng một-hai Tịnh, cũng đều là hai mươi lăm loại.

Hướng A-la-hán thành tựu ít nhất là mười ba, tức là sinh đến Phi tưởng phi phi tưởng xứ, không đạt được Diệt tận giải thoát, thì đó là Vô lậu của bốn Tĩnh lự-ba Vô sắc, Vị tương ưng-Tịnh của Phi tưởng phi phi tưởng xứ, bốn Giải thoát. Nếu sinh đến Vô sở hữu xứ chưa lìa nhiễm của địa mình, thì cũng thành tựu mười ba loại, đó là tăng thêm một Vị, giảm bớt một Giải thoát. Thành tựu nhiều nhất là năm mươi mốt loại, tức là sinh ở cõi Dục-cõi Phạm Thế, Thân chứng thì đó là một Vị, tám Tịnh, bảy Vô lậu, bốn Vô lượng, tám Giải thoát, tám Thắng xứ, mười Biến xứ, sở y của năm Thông. Quả A-la-hán thành tựu ít nhất là mười ba, tức là sinh đến Phi tưởng phi phi tưởng xứ, A-la-hán Tuệ giải thoát, thì đó là bảy Vô lậu, một Tịnh, bốn Giải thoát, sở y của Lậu tận thông; thành tựu nhiều nhất là năm mươi bảy loại, đó là người đạt được Vô ngại giải, Nguyện trí-Vô tranh, chỉ trừ ra tám Vị tương ưng, còn lại đều có đủ. Phật nhất định thành tựu năm mươi bảy loại, trong Độc giác thì Bộ Hành giống như Thanh văn cõi Dục, Lân Giác Dụ thì giống như Phật.

-oOo-

LUẬN A TỲ ĐẠT MA ĐẠI TỲ BÀ SA

QUYỂN 171

LUẬN VỀ NHIẾP (Phần 6)

Hỏi: Có thể có lập tức đạt được Vị tương ưng của bốn Tĩnh lự chăng?

Đáp: Có, đó là lúc Ái cõi Sắc đã hết, khởi lên Triền của cõi Dục- cõi Phạm Thế mà lui sụt; hoặc là lúc ở cõi Vô sắc chết đi, sinh vào cõi Dục-cõi Phạm Thế.

Hỏi: Vì sao lại soạn ra phần luận này?

Đáp: Trước đây tuy trình bày về đạt được và xả bỏ (Đắc-Xả), mà chưa phân biệt về từ từ và lập tức (Tiệm-Đốn), nay muốn hiển bày rõ ràng về sự sai biệt của từ từ và lập tức. Vả lại, bởi vì trước đây phân biệt về ba loại như Vị…trái ngược nhau, nay muốn ở trong đó chỉ trình bày về chủng loại của mình(tự loại), cho nên soạn ra phần luận này.

Đốn, nghĩa là cùng lúc. Tiệm, nghĩa là trước sau. Trong này hiển bày về Vị tương ưng của bốn Tĩnh lự lập tức đạt được ở hai lúc, đó là lúc lui sụt và lúc sinh khởi. Lui sụt là từ lúc Ái cõi Sắc đã hết. Sinh khởi là từ lúc ở cõi Vô sắc chết đi, lúc ấy khởi lên Triền của cõi Dục-cõi Phạm Thế mà lui sụt, và lúc sinh vào cõi Dục-cõi Phạm Thế, bởi vì đối với bốn Vị tương ưng cùng lúc đạt được.

Hỏi: Có thể có Vị tương ưng của bốn Tĩnh lự lập tức xả bỏ chăng?

Đáp: Không có, bởi vì không có cùng lúc có thể lìa nhiễm của bốn địa.

Hỏi: Có thể có Vị tương ưng của bốn Tĩnh lự từ từ đạt được chăng?

Đáp: Có, đây cũng là hai lúc từ từ đạt được, đó là lui sụt và sinh khởi. Lui sụt là từ lúc Ái cõi Sắc đã hết, lần lượt khởi lên Triền của mỗi một Tĩnh lự dưới mà lui sụt. Sinh khởi là từ lúc ở cõi Vô sắc chết đi, lúc ấy đối với bốn Vị tương ưng, lần lượt mà đạt được.

Hỏi: Có thể có Vị tương ưng của bốn Tĩnh lự từ từ xả bỏ chăng? Đáp: Có, bởi vì cần phải trước lúc lìa nhiễm của Tĩnh lự thứ nhất, cho đến sau lúc lìa nhiễm của Tĩnh lự thứ tư.

Hỏi: Có thể có Tịnh của bốn Tĩnh lự lập tức đạt được chăng?

Đáp: Không có, bởi vì không có trước đó không thành tựu Tịnh của bốn Tĩnh lự, nay cùng lúc đạt được.

Hỏi: Có thể có Tịnh của bốn Tĩnh lự lập tức xả bỏ chăng?

Đáp: Có, đó là lúc Ái cõi Biến Tịnh đã hết, khởi lên Triền của cõi Dục mà lui sụt; hoặc là lúc ở cõi Dục-cõi Phạm Thế chết đi, sinh vào cõi Vô sắc.

Trong này, hiển bày về Tịnh của bốn Tĩnh lự lập tức xả bỏ vào hai lúc, đó là lúc lui sụt và lúc vượt qua cõi-địa, nên phối hợp để giải thích.

Hỏi: Có thể có Tịnh của bốn Tĩnh lự từ từ đạt được chăng?

Đáp: Có, đó là trước lúc lìa nhiễm của cõi Dục thì đạt được Tĩnh lự thứ nhất, cho đến sau khi lìa nhiễm của Tĩnh lự thứ ba thì đạt được Tĩnh lự thứ tư; lúc từ cõi Vô sắc chết đi, lần lượt sinh vào bốn Tĩnh lự dưới, tuy cũng gọi là từ từ đạt được, mà bởi vì đạt được một-xả bỏ một, cho nên không phải là ở đây đã nói.

Hỏi: Có thể có Tịnh của bốn Tĩnh lự từ từ xả bỏ chăng?

Đáp: Có, ở đây cũng từ từ xả bỏ vào hai lúc, đó là lúc lui sụt và lúc vượt qua cõi-địa. Lui sụt, đó là lúc lần lượt khởi lên Triền của địa dưới mà lui sụt. Vượt qua cõi-địa, đó là lúc từ địa dưới lần lượt sinh lên địa trên; từ Tĩnh lự trên lần lượt sinh vào Tĩnh lự dưới, tuy cũng gọi là từ từ xả bỏ, mà bởi vì xả bỏ một-đạt được một, cho nên không phải là ở đây đã nói.

Hỏi: Có thể có Vô lậu của bốn Tĩnh lự lập tức đạt được chăng? Đáp: Có, đó là dựa vào Tĩnh lự thứ tư tiến vào Chánh tánh ly sinh, nếu đạt được quả A-la-hán. Có nơi đối với điều này không nói là đạt được quả A-la-hán, bởi vì trước phần vị Học đã đạt được Vô lậu của bốn Tĩnh lự. Nhưng ở đây cần phải nói là đạt được quả A-la-hán, bởi vì Học đã đạt được đều xả bỏ, cho nên nay lập tức đạt được Vô học.

Hỏi: Có thể có Vô lậu của bốn Tĩnh lự lập tức xả bỏ chăng?

Đáp: Có, đó là lúc Thánh giả đã hết Ái cõi Biến Tịnh, khởi lên Triền của cõi Dục mà lui sụt, tuy đạt được quả luyện căn và ngay lúc ấy không khởi lên Triền của cõi Dục, mà lúc lui sụt cũng có lập tức xả bỏ Vô lậu của bốn Tĩnh lự, nhưng lập tức trở lại đạt được, cho nên không nói.

Hỏi: Có thể có Vô lậu của bốn Tĩnh lự từ từ đạt được chăng?

Đáp: Có, bởi vì lúc Thánh giả lìa nhiễm của địa dưới và có lúc khởi lên đạo của quả thù thắng, cho nên từ từ đạt được.

Hỏi: Có thể có Vô lậu của bốn Tĩnh lự từ từ xả bỏ chăng?

Đáp: Có, bởi vì lúc Thánh giả đã hết Ái cõi Biến Tịnh, từ từ khởi lên Triền của địa dưới mà lui sụt, cho nên từ từ xả bỏ Vô lậu của bốn Tĩnh lự.

Hỏi: Có thể có Vị tương ưng của bốn Vô sắc lập tức đạt được chăng?

Đáp: Có, đó là lúc A-la-hán khởi lên Triền của cõi Dục-Sắc và Không vô biên xứ mà lui sụt. Trong này, không có thể có đạt được vào lúc sinh khởi.

Hỏi: Có thể có Vị tương ưng của bốn Vô sắc lập tức xả bỏ chăng?

Đáp: Không có, giải thích như trước.

Hỏi: Có thể có Vị tương ưng của bốn Vô sắc từ từ đạt được chăng?

Đáp: Có, nếu lúc lui sụt thì đối với bốn địa có từ từ đạt được, lúc sinh khởi thì đối với ba địa có từ từ đạt được.

Hỏi: Có thể có Vị tương ưng của bốn Vô sắc từ từ xả bỏ chăng? Đáp: Có, giải thích như trước.

Hỏi: Có thể có Tịnh của bốn Vô sắc lập tức đạt được chăng?

Đáp: Không có, bởi vì không có trước đó không thành tựu Tịnh của bốn Vô sắc, nay cùng lúc đạt được.

Hỏi: Lúc đạt được quả luyện căn, đối với Tịnh của bốn Tĩnh lự, Tịnh của bốn Vô sắc, đều có lập tức Tu, vì sao trong phần Tĩnh lự trước đây và phần Vô sắc này, đều trả lời là không có?

Đáp: Đó đều là trước đây có mà không xả bỏ, nay chỉ trở lại đạt được phần ít, cho nên không phải là nghĩa về đạt được mà trong này đã nói.

Hỏi: Có thể có Tịnh của bốn Vô sắc lập tức xả bỏ chăng?

Đáp: Có, đó là lúc Ái của Vô sở hữu xứ đã hết, khởi lên Triền của cõi Dục-Sắc mà lui sụt. Trong này, không có thể có vượt qua cõi-địa mà xả bỏ.

Hỏi: Có thể có Tịnh của bốn Vô sắc từ từ đạt được chăng? Đáp: Có, giải thích như trước.

Hỏi: Có thể có Tịnh của bốn Vô sắc từ từ xả bỏ chăng?

Đáp: Có, trong này lúc lui sụt thì đối với bốn địa có từ từ xả bỏ, lúc vượt qua địa thì đối với ba địa có từ từ xả bỏ.

Hỏi: Có thể có Vô lậu của ba Vô sắc lập tức đạt được chăng? Đáp: Có, đó là lúc đạt được quả A-la-hán; lúc Vô học luyện căn,

tuy cũng lập tức đạt được mà không phải là loại khác, cho nên không nói đến. Vả lại, lúc ấy cũng gọi là lúc đạt được quả A-la-hán, cho nên không nói riêng biệt.

Hỏi: Có thể có Vô lậu của ba Vô sắc lập tức xả bỏ chăng?

Đáp: Có, đó là lúc Thánh giả đã hết Ái của Thức vô biên xứ, khởi lên Triền của cõi Dục-Sắc mà lui sụt, như trước đã giải thích.

Hỏi: Có thể có Vô lậu của ba Vô sắc từ từ đạt được chăng?

Đáp: Có, bởi vì lúc lìa nhiễm của địa dưới, và có lúc khởi lên đạo của quả thù thắng, cho nên lần lượt đạt được.

Hỏi: Có thể có Vô lậu của ba Vô sắc từ từ xả bỏ chăng?

Đáp: Có, bởi vì lúc Thánh giả đã hết Ái của Thức vô biên xứ, lần lượt khởi lên Triền của địa dưới mà lui sụt, cho nên từ từ xả bỏ Vô lậu của ba Vô sắc.

Hỏi: Biểu-Vô biểu của thân-ngữ dựa vào Định nào diệt?

Đáp: Biểu của thân-ngữ dựa vào một địa hoặc là Vị chí, Vô biểu của thân-ngữ dựa vào bốn địa hoặc là Vị chí.

Hỏi: Vì sao soạn ra phần luận này?

Đáp: Bởi vì ngăn chặn ý nói là nghiệp Biểu-Vô biểu không phải là có thật, để trình bày về nghiệp Biểu-Vô biểu đều là có thật. Vả lại, bởi vì ngăn chặn cách nói về nghiệp Biểu của thân-ngữ, cho đến nghiệp Vô biểu của Tĩnh lự thứ tư, cho đến Hữu Đảnh. Nay muốn hiển bày về Biểu của thân-ngữ cho đến Vô biểu của cõi Phạm Thế, cho đến Tĩnh lự thứ tư, cho nên soạn ra phần luận này.

Hỏi: Vì sao ba Tĩnh lự trên không có nghiệp Biểu của thân-ngữ?

Đáp: Bởi vì nghiệp Biểu của thân-ngữ do Tầm-Tứ mà cùng khởi lên (đẳng khởi), nếu địa có thể đạt được Tầm-Tứ thì có nghiệp Biểu của thân-ngữ. Trong kinh nói: "Tầm-Tứ rồi nói ra chứ không phải là không Tầm-Tứ, Biểu của thân cũng cần Tầm-Tứ rồi thực hiện chứ không phải là không Tầm-Tứ." Ba Tĩnh lự trên không còn Tầm-Tứ, cho nên không có Biểu của thân-ngữ.

Hỏi: Vì sao địa trên không có Tầm-Tứ?

Đáp: Bởi vì Tầm-Tứ thô thiển xáo động không vắng lặng, mà địa trên thì vi tế vắng lặng.

Hỏi: Vì sao Vô biểu của thân-ngữ chỉ đến Tĩnh lự thứ tư, chứ không phải là địa trên? Đáp: Bởi vì nghiệp Vô biểu thiện đối trị với Vô biểu bất thiện, Vô biểu bất thiện chỉ có ở cõi Dục, cõi Vô sắc bởi vì cách xa đối với bốn Biểu của cõi Dục, cho nên ở cõi ấy không có.

Lại có người nói: Cõi Sắc cho đến Tĩnh lự thứ tư, đều có thể chán ghét nghiệp ác của cõi Dục, địa trên thì không như vậy.

Có người nói: Vô biểu dựa vào Đại chủng của Sắc thân, cõi ấy không

có Sắc thân và Đại chủng, cho nên cũng không có Vô biểu.

Trong này, nghiệp Biểu của thân-ngữ có thiện-bất thiện và vô ký. Bất thiện thì hệ thuộc cõi Dục, dựa vào Định Vị chí mà diệt. Thiện và vô ký thì hệ thuộc cõi Dục và Tĩnh lự thứ nhất, hệ thuộc cõi Dục thì dựa vào Định Vị chí mà diệt, hệ thuộc Tĩnh lự thứ nhất thì dựa vào Định Vị chí, Tĩnh lự thứ nhất, Tĩnh lự trung gian, Cận phần Tĩnh lự thứ hai mà diệt. Nói Vị chí là bao gồm tám Cận phần và Tĩnh lự trung gian, bởi vì đều không phải là đến Định Căn bản.

Nhưng trong này đã nói về Định, có người nói: Dựa vào Định vô lậu mà nói. Có người nói: Dựa vào Định hữu lậu-vô lậu mà nói.

Nếu nói là dựa vào Định vô lậu mà nói, thì đó là nói đến Vị chí đã hiển bày về Định Vị chí và Tĩnh lự trung gian. Nếu nói là dựa vào Định hữu lậu-vô lậu mà nói, thì đó là nói đến Vị chí đã hiển bày về Định Vị chí, Tĩnh lự trung gian, và Cận phần Tĩnh lự thứ hai.

Vả lại, trong này đã nói về Diệt, có người nói: Cùng dựa vào chủng loại của Diệt mà nói. Có người nói: Chỉ dựa vào cứu cánh của Diệt mà nói.

Nếu nói là cùng dựa vào chủng loại của Diệt mà nói, thì đó là nói đến Vị chí đã thâu nhiếp ba địa, ở trong Định Vị chí thâu nhiếp hữu lậu và vô lậu, bởi vì Định này có thể diệt Biểu của thân-ngữ hệ thuộc cõi Dục và Tĩnh lự thứ nhất. Nếu nói là chỉ dựa vào cứu cánh của Diệt mà nói, thì đó là nói đến Vị chí cũng thâu nhiếp ba địa, ở trong Định Vị chí chỉ thâu nhiếp vô lậu, bởi vì Định này có thể diệt Biểu của thân-ngữ hệ thuộc Tĩnh lự thứ nhất. Vì vậy cho nên nói là Biểu của thân-ngữ dựa vào một địa hoặc là Vị chí mà diệt.

Vô biểu của thân-ngữ có thiện và bất thiện. Bất thiện thì hệ thuộc cõi Dục, dựa vào Định Vị chí mà diệt. Thiện thì hệ thuộc cõi Dục-bốn Tĩnh lự và không hệ thuộc. Hệ thuộc cõi Dục thì dựa vào Định Vị chí mà diệt, hệ thuộc Tĩnh lự thứ nhất thì dựa vào Tĩnh lự thứ nhất-Định Vị chí-Tĩnh lự trung gian và Cận phần Tĩnh lự thứ hai mà diệt, cho đến hệ thuộc Tĩnh lự thứ tư thì dựa vào bốn Tĩnh lự-Định Vị chí-Tĩnh lự trung gian và Cận phần Không vô biên xứ mà diệt.

Nhưng trong này đã nói về Định, nếu nói là dựa vào Định vô lậu mà nói, thì đó là nói đến Vị chí đã hiển bày về Định Vị chí và Tĩnh lự trung gian. Nếu nói là dựa vào Định hữu lậu-vô lậu mà nói, thì đó là nói đến Vị chí đã hiển bày về Định Vị chí, Tĩnh lự trung gian, và Cận phần của bốn địa trên.

Vả lại, trong này đã nói về Diệt, nếu nói là cùng dựa vào chủng loại

của Diệt mà nói, thì đó là nói đến Vị chí đã thâu nhiếp Định Vị chí, Tĩnh lự trung gian, Cận phần của bốn địa trên, ở trong Định Vị chí thâu nhiếp hữu lậu-vô lậu, cho nên dựa vào Định này có thể diệt Vô biểu của thân-ngữ hệ thuộc cõi Dục, cho đến hệ thuộc Tĩnh lự thứ tư. Nếu nói là chỉ dựa vào cứu cánh của Diệt mà nói, thì đó là nói đến Vị chí chỉ thâu nhiếp Định Vị chí, Tĩnh lự trung gian, Cận phần Không vô biên xứ, ở trong Định Vị chí chỉ thâu nhiếp vô lậu, cho nên dựa vào Định này có thể diệt Vô biểu của thân-ngữ hệ thuộc Tĩnh lự thứ tư. Vì vậy cho nên nói là Vô biểu của thân-ngữ dựa vào bốn địa hoặc là Vị chí mà diệt. Nghiệp Biểu-Vô biểu nói rộng như trong chương Nghiệp Uẩn.

Hỏi: Ba hành ác-ba hành diệu, ba căn bất thiện-ba căn thiện, dựa vào Định nào mà diệt?

Đáp: Dựa vào Vị chí.

Trong này, ba hành ác hệ thuộc cõi Dục, dựa vào Định Vị chí mà diệt. Hai hành diệu của thân-ngữ hệ thuộc cõi Dục-bốn Tĩnh lự và không hệ thuộc, hệ thuộc cõi Dục thì dựa vào Định Vị chí mà diệt, hệ thuộc Tĩnh lự thứ nhất thì dựa vào Tĩnh lự thứ nhất-Định Vị chí-Tĩnh lự trung gian và Cận phần Tĩnh lự thứ hai mà diệt, cho đến hệ thuộc Tĩnh lự thứ tư thì dựa vào bốn Tĩnh lự-Định Vị chí-Tĩnh lự trung gian và Cận phần Không vô biên xứ mà diệt. Hành diệu của ý hệ thuộc chín địa và không hệ thuộc, hệ thuộc cõi Dục thì dựa vào Định Vị chí mà diệt, hệ thuộc Tĩnh lự thứ nhất thì dựa vào Tĩnh lự thứ nhất-Định vị chí-Tĩnh lự trung gian và Cận phần Tĩnh lự thứ hai mà diệt, cho đến hệ thuộc Vô sở hữu xứ thì dựa vào bảy Căn bản-Định Vị chí-Tĩnh lự trung gian và Cận phần Phi tưởng phi phi tưởng xứ mà diệt, hệ thuộc Phi tưởng phi phi tưởng xứ thì dựa vào bảy Căn bản-Định Vị chí và Tĩnh lự trung gian mà diệt.

Nhưng trong này dựa vào đối trị gần của ba hành ác mà nói ba hành diệu, cho nên chỉ nói là dựa vào Vị chí mà diệt.

Ba căn bất thiện, hệ thuộc cõi Dục thì dựa vào Định Vị chí mà diệt; ba căn thiện hệ thuộc chín địa và không hệ thuộc, dựa vào Định mà diệt, nói như hành diệu của ý.

Trong này cũng dựa vào đối trị gần của ba căn bất thiện mà nói ba căn thiện, cho nên cũng chỉ nói là dựa vào Vị chí mà diệt.

Ba hành ác cho đến ba căn thiện, nói rộng ra như chương Nghiệp Uẩn…

Hỏi: Bốn loại phi Thánh ngữ, bốn loại Thánh ngữ, bốn loại Sinh, bốn loại Nhập thai, bốn loại Thức trú, dựa vào Định nào mà diệt?

Đáp: Bốn loại phi Thánh ngữ, bốn loại Thánh ngữ, Thai-Noãn- Thấp sinh, bốn loại Nhập thai, dựa vào Vị chí mà diệt; Hóa sinh, ba Thức trú sau, dựa vào bảy địa hoặc là Vị chí mà diệt; Sắc thức trú dựa vào bốn địa hoặc là Vị chí mà diệt.

Bốn loại phi Thánh ngữ, đó là không thấy nói thấy, không nghe nói nghe, không hiểu nói hiểu, không biết nói biết.

Hỏi: Vì sao soạn ra phần luận này?

Đáp: Bởi vì muốn phân biệt nghĩa lý trong kinh. Như trong kinh nói: "Bốn loại phi Thánh ngữ, đó là không thấy nói thấy…" Trong kinh tuy nói ra điều này, mà không phân biệt rộng ra, kinh là nơi nương tựa căn bản của luận này, điều gì mà kinh không giải thích, thì nay cần phải phân biệt, cho nên soạn ra phần luận này.

Hỏi: Thế nào là phi Thánh ngữ không thấy nói thấy?

Đáp: Không phải là do Nhãn đã đạt được, không phải là do Nhãn thức đã hiểu rõ, thì gọi là không phải đã thấy. Điều này không phải là đã thấy, thì nói là không thấy. Nếu có người đối với điều không thấy, chuyển sang nghĩ là không thấy, người khác hỏi rằng ông đối với điều này đã từng thấy hay không? Người ấy hoặc là vì mình, hoặc là vì người khác, hoặc là vì danh lợi, liền che giấu ý nghĩ này-nhận thức này-ham muốn này, trả lời rằng tôi thấy. Đó gọi là phi Thánh ngữ không thấy nói thấy. Lại có loại này đối với thấy, chuyển sang nghĩ là không thấy, mà nói là thấy, thì trở thành phi Thánh ngữ.

Hỏi: Vì sao lại nói đến điều này?

Đáp: Bởi vì hiển bày sự việc ít có. Như nói: "Có thể có lúc đối với thấy nói là thấy, cũng như đối với không thấy nói là thấy, thì trở thành phi Thánh ngữ chăng? Đáp: Có, đó là như có một người đối với điều đã thấy, chuyển sang nghĩ là không thấy, người khác hỏi rằng ông đối với điều này đã từng thấy hay không? Người ấy hoặc là vì mình, hoặc là vì người khác, hoặc là vì danh lợi, liền che giấu ý nghĩ này-nhận thức này-ham muốn này, trả lời rằng tôi thấy. Người ấy vào lúc bấy giờ như không thấy nói là thấy, thì trở thành phi Thánh ngữ." Đó cũng gọi là phi Thánh ngữ không thấy nói thấy.

Như nói rộng về phi Thánh ngữ không thấy nói thấy, như vậy phi Thánh ngữ không nghe nói nghe, không hiểu nói hiểu, không biết nói biết, nói rộng ra cũng như vậy.

Lại có bốn loại phi Thánh ngữ, đó là thấy nói không thấy, nghe nói không nghe, hiểu nói không hiểu, biết nói không biết.

Hỏi: Thế nào là phi Thánh ngữ thấy nói không thấy?

Đáp: nếu do nhãn đã đạt được, do nhãn thức đã hiểu rõ, thì gọi là đã thấy. Điều này đã thấy, thì nói là thấy. Nếu có người đối với điều đã thấy, chuyển sang nghĩ là thấy, người khác hỏi rằng ông đối với điều này đã từng thấy hay không? Người ấy hoặc là vì mình, hoặc là vì người khác, hoặc là vì danh lợi, liền che giấu ý nghĩ này-nhận thức này-ham muốn này, trả lời rằng tôi không thấy. Đó gọi là phi Thánh ngữ thấy nói không thấy. Lại có loại này đối với không thấy, chuyển sang nghĩ là thấy, mà nói là không thấy, thì trở thành phi Thánh ngữ.

Hỏi: Vì sao lại nói đến điều này? Đáp: Bởi vì hiển bày sự việc ít có.

Như nói: "Có thể có lúc đối với không thấy nói là không thấy, cũng như đối với thấy nói là không thấy, thì trở thành phi Thánh ngữ chăng?

Đáp: Có, đó là như có một người đối với điều không thấy, chuyển sang nghĩ là thấy, người khác hỏi rằng ông đối với điều này đã từng thấy hay không? Người ấy hoặc là vì mình, hoặc là vì người khác, hoặc là vì danh lợi, liền che giấu ý nghĩ này-nhận thức này-ham muốn này, trả lời rằng tôi không thấy. Người ấy vào lúc bấy giờ, như thấy nói là không thấy, thì trở thành phi Thánh ngữ." Đó cũng gọi là phi Thánh ngữ thấy nói không thấy.

Như nói rộng về phi Thánh ngữ thấy nói không thấy, như vậy phi Thánh ngữ nghe nói không nghe, hiểu nói không hiểu, biết nói không biết, nói rộng ra cũng như vậy.

Hỏi: Như vậy đã nói thì có tám loại phi Thánh ngữ, hoặc là mười sáu loại, vì sao chỉ nói là bốn loại?

Đáp: Bởi vì sự việc đã dựa vào chỉ có bốn loại, đó là tất cả phi Thánh ngữ đều dựa vào sự việc Thấy-Nghe-Hiểu-Biết (Kiến-Văn- Giác-Tri) mà khởi lên, cho nên chỉ nói bốn loại.

Lại nữa, tóm lược cho nên nói là bốn loại, mở rộng thì có tám hoặc là mười sáu loại.

Lại nữa, tổng quát cho nên nói là bốn loại, riêng biệt thì có tám hoặc là mười sáu loại.

Như tổng quát-riêng biệt, như vậy không phân biệt-phân biệt, nói không đầy đủ-nói đầy đủ, nói không có khác nhau-nói có khác nhau, nói cùng lúc-nói từ từ, nên biết cũng như vậy.

Hỏi: Phi Thánh ngữ lấy gì làm tự tánh? Đáp: Dùng lời nói giả dối để làm tự tánh. Hỏi: Vì sao lời nói này gọi là phi Thánh?

Đáp: Bởi vì bất thiện cho nên gọi là phi Thánh.

Lại nữa, ở trong sự nối tiếp nhau của phi Thánh, hiện rõ trước mắt cho nên gọi là phi Thánh.

Lại nữa, do phi Thánh mà thành tựu, cho nên gọi là phi Thánh. Lại nữa, do phi Thánh mà nói, cho nên gọi là phi Thánh.

Lại nữa, phi Thánh do đây mà đạt được tên gọi phi Thánh, cho nên gọi là phi Thánh.

Trong luận Tập Dị Môn nói: "Vì sao gọi là phi Thánh?

Đáp: Bởi vì pháp này có thể dẫn đến quả không đáng yêu thích, không đáng mừng rỡ, không đáng vui sướng, không vừa lòng, không như ý, cho nên gọi là phi Thánh. Đây là hiển bày về quả Đẳng lưu. Lại nữa, bởi vì pháp này có thể dẫn đến dị thục không đáng yêu thích, không đáng mừng rỡ, không đáng vui sướng, không vừa lòng, không như ý, cho nên gọi là phi Thánh. Đây là hiển bày về quả Dị thục. Phi Thánh ngữ này, hoặc là do không phải luật nghi(bất luật nghi) thâu nhiếp, hoặc là do phi luật nghi phi bất luật nghi thâu nhiếp, là nghiệp đạo chỉ có bất thiện."

Hỏi: Có thể có phi Thánh ngữ không phải là nghiệp đạo, là vô ký hệ thuộc cõi Sắc chăng?

Đáp: Có, như Đại Phạm Vương đã nói những lời đối với Tỳ kheo Mã Thắng, những lời ấy tuy cũng gọi là phi Thánh ngữ, nhưng không phải là phi Thánh ngữ trong này thâu nhiếp, bởi vì trong này đã nói đến sự việc hoặc là điên đảo, hoặc là không điên đảo mà ý tưởng thì chắc chắn là điên đảo. A-la-hán và Độc giác cũng có những sự việc như không thấy nói thấy…, mà cũng không phải là phi Thánh ngữ này thâu nhiếp, bởi vì không phải là che giấu ý tưởng mà nói; như ý tưởng của người thấy cây cột, mà nói là thấy người. Lại như Tôn giả Mục-kiền-liên ghi nhận là sẽ sinh con trai mà sau đó lại sinh con gái, lại nói là tôi trú trong Định của Vô sở hữu xứ, nghe trong hồ Mạn-đà-chỉ-ni có nhiều rồng-voi tung vòi gào thét. Nên biết vị ấy nói đều không phải là lời nói dối, bởi vì sự việc tuy trái ngược mà ý tưởng không có trái ngược. Chỉ riêng Phật Thế Tôn là không có những lời nói sai lầm như vậy, bởi vì vĩnh viễn loại bỏ tất cả tập khí vô tri, cho nên hiện tại trước mắt thông suốt rõ ràng về cảnh của ba đời.

Bốn loại Thánh ngữ, đó là không thấy nói không thấy, không nghe nói không nghe, không hiểu nói không hiểu, không biết nói không biết.

Hỏi: Vì sao lại soạn ra phần luận này?

Đáp: Bởi vì muốn phân biệt nghĩa lý trong kinh. Như trong kinh nói: "Bốn loại Thánh ngữ, đó là không thấy nói không thấy…" Trong kinh tuy

nói ra điều này, mà không phân biệt rộng ra, nay cần phải phân biệt, cho nên soạn ra phần luận này.

Hỏi: Thế nào là Thánh ngữ không thấy nói không thấy?

Đáp: Nghĩa về không thấy, giải thích như trước. Nếu có người đối với điều không thấy, chuyển sang nghĩ là không thấy, người khác hỏi rằng ông đối với điều này đã từng thấy hay không? Người ấy không vì mình, không vì người khác, không vì danh lợi, lập tức đúng như thật không che giấu ý nghĩ này-nhận thức này-ham muốn này, trả lời rằng tôi không thấy. Đó gọi là Thánh ngữ không thấy nói không thấy. Lại có loại này đối với thấy, chuyển sang nghĩ là không thấy, mà nói là không thấy, thì trở thành Thánh ngữ.

Hỏi: Vì sao lại nói đến điều này? Đáp: Bởi vì hiển bày sự việc ít có.

Như nói: "Có thể có lúc đối với thấy nói là không thấy, cũng như đối với không thấy nói là không thấy, thì trở thành Thánh ngữ chăng?

Đáp: Có, đó là như có một người đối với điều đã thấy, chuyển sang nghĩ là không thấy, người khác hỏi rằng ông đối với điều này đã từng thấy hay không? Người ấy không vì mình, không vì người khác, không vì danh lợi, lập tức đúng như thật không che giấu ý nghĩ này-nhận thức này-ham muốn này, trả lời rằng tôi không thấy. Người ấy vào lúc bấy giờ, như đối với không thấy nói là không thấy, thì trở thành Thánh ngữ." Đó cũng gọi là Thánh ngữ không thấy nói không thấy.

Như nói rộng về Thánh ngữ không thấy nói không thấy, như vậy Thánh ngữ không nghe nói không nghe, không hiểu nói không hiểu, không biết nói không biết, nói rộng ra cũng như vậy.

Lại có bốn loại Thánh ngữ, đó là thấy nói thấy, nghe nói nghe, hiểu nói hiểu, biết nói biết.

Hỏi: Thế nào là Thánh ngữ thấy nói thấy?

Đáp: Nghĩa về thấy, giải thích như trước. Nếu có người đối với điều đã thấy, chuyển sang nghĩ là thấy, người khác hỏi rằng ông đối với điều này đã từng thấy hay không? Người ấy không vì mình, không vì người khác, không vì danh lợi, lập tức đúng như thật không che giấu ý nghĩ này-nhận thức này-ham muốn này, trả lời rằng tôi thấy. Đó gọi là Thánh ngữ thấy nói thấy. Lại có loại này đối với không thấy, chuyển sang nghĩ là thấy, mà nói là thấy, thì trở thành Thánh ngữ.

Hỏi: Vì sao lại nói đến điều này? Đáp: Bởi vì hiển bày sự việc ít có.

Như nói: "Có thể có lúc đối với không thấy nói là thấy, cũng như đối

với thấy nói là thấy, thì trở thành Thánh ngữ chăng?

Đáp: Có, đó là như có một người đối với điều không thấy, chuyển sang nghĩ là thấy, người khác hỏi rằng ông đối với điều này đã từng thấy hay không? Người ấy không vì mình, không vì người khác, không vì danh lợi, lập tức đúng như thật không che giấu ý nghĩ này-nhận thức này-ham muốn này, trả lời rằng tôi thấy. Người ấy vào lúc bấy giờ, như đối với thấy nói là thấy, thì trở thành Thánh ngữ.” Đó cũng gọi là Thánh ngữ thấy nói thấy.

Như nói rộng về Thánh ngữ thấy nói thấy, như vậy Thánh ngữ nghe nói nghe, hiểu nói hiểu, biết nói biết, nói rộng ra cũng như vậy.

Hỏi: Như vậy đã nói thì có tám loại Thánh ngữ, hoặc là mười sáu loại, vì sao chỉ nói là bốn loại?

Đáp: Bởi vì sự việc đã dựa vào chỉ có bốn loại, đó là tất cả Thánh ngữ đều dựa vào sự việc Thấy-Nghe-Hiểu-Biết (Kiến-Văn-Giác-Tri) mà khởi lên, cho nên chỉ nói bốn loại.

Lại nữa, tóm lược cho nên nói là bốn loại, mở rộng thì có tám hoặc là mười sáu loại.

Lại nữa, tổng quát cho nên nói là bốn loại, riêng biệt thì có tám hoặc là mười sáu loại.

Như tổng quát-riêng biệt, như vậy không phân biệt-phân biệt, nói không đầy đủ-nói đầy đủ, nói không có khác nhau-nói có khác nhau, nói cùng lúc-nói từ từ, nên biết cũng như vậy.

Hỏi: Thánh ngữ lấy gì làm tự tánh?

Đáp: Dùng lời nói chân thật để làm tự tánh. Hỏi: Vì sao lời nói này gọi là Thánh?

Đáp: Bởi vì thiện cho nên gọi là Thánh.

Lại nữa, ở trong sự nối tiếp nhau của Thánh giả, hiện rõ trước mắt cho nên gọi là Thánh.

Lại nữa, do Thánh giả mà thành tựu, cho nên gọi là Thánh. Lại nữa, do Thánh giả đã nói, cho nên gọi là Thánh.

Lại nữa, Thánh giả nhờ vào pháp này mà đạt được tên gọi là Thánh, cho nên gọi là Thánh.

Trong luận Tập Dị Môn nói: “Vì sao gọi là Thánh? Đáp: Bởi vì pháp này có thể dẫn đến quả đáng yêu thích, đáng mừng rỡ, đáng vui sướng, vừa lòng, như ý, cho nên gọi là Thánh. Đây là hiển bày về quả Đẳng lưu. Lại nữa, bởi vì pháp này có thể dẫn đến dị thục đáng yêu thích, đáng mừng rỡ,

đáng vui sướng, vừa lòng, như ý, cho nên gọi là Thánh. Đây là hiển bày về quả Dị thục. Thánh ngữ này, hoặc là do luật nghi thâu nhiếp, hoặc là do phi luật nghi phi bất luật nghi thâu nhiếp, nghiệp đạo này chỉ là thiện."

Bốn loại phi Thánh ngữ, chỉ là hệ thuộc cõi Dục, dựa vào Định Vị chí mà diệt. Bốn loại Thánh ngữ, hệ thuộc cõi Dục-Tĩnh lự thứ nhất, hệ thuộc cõi Dục thì dựa vào Định Vị chí mà diệt, hệ thuộc Tĩnh lự thứ nhất thì dựa vào Tĩnh lự thứ nhất-Định Vị chí-Tĩnh lự trung gian và Cận phần Tĩnh lự thứ hai mà diệt.

Nhưng trong này dựa vào đối trị gần của bốn loại phi Thánh ngữ mà nói bốn loại Thánh ngữ, cho nên chỉ nói là dựa vào Vị chí mà diệt. Trong bốn loại Sinh, Thai-Noãn-Thấp sinh chỉ hệ thuộc cõi Dục, cho nên dựa vào Định Vị chí mà diệt. Hóa sinh dựa vào bảy địa hoặc là Vị chí mà diệt, nghĩa là Hóa sinh hệ thuộc chín địa, hệ thuộc cõi Dục thì dựa vào Định Vị chí mà diệt; hệ thuộc Tĩnh lự thứ nhất thì dựa vào Tĩnh lự thứ nhất-Định Vị chí-Tĩnh lự trung gian và Cận phần Tĩnh lự thứ hai mà diệt, cho đến hệ thuộc Phi tưởng phi phi tưởng xứ thì dựa vào bảy Căn bản-Định Vị chí và Tĩnh lự trung gian mà diệt.

Nhưng trong này đã nói về Định, nếu nói là dựa vào Định vô lậu mà nói, thì đó là nói đến Vị chí đã hiển bày về Định Vị chí và Tĩnh lự trung gian. Nếu nói là dựa vào Định hữu lậu-vô lậu mà nói, thì đó là nói đến Vị chí đã hiển bày về Định Vị chí, Tĩnh lự trung gian, và Cận phần của bảy địa trên.

Vả lại, trong này đã nói về Diệt, nếu nói là dựa vào chủng loại của Diệt mà nói, thì đó là nói đến Vị chí đã thâu nhiếp Định Vị chí, Tĩnh lự trung gian, Cận phần của bảy địa trên, ở trong Định Vị chí thâu nhiếp hữu lậu-vô lậu, cho nên dựa vào Định này có thể diệt Hóa sinh hệ thuộc cõi Dục, cho đến hệ thuộc Phi tưởng phi phi tưởng xứ. Nếu nói là dựa vào cứu cánh của Diệt mà nói, thì đó là nói đến Vị chí chỉ thâu nhiếp Định Vị chí và Tĩnh lự trung gian, ở trong Định Vị chí chỉ thâu nhiếp vô lậu, cho nên dựa vào Định này có thể diệt Hóa sinh hệ thuộc Phi tưởng phi phi tưởng xứ. Vì vậy cho nên nói là Hóa sinh dựa vào bảy địa hoặc là Vị chí mà diệt. Bốn loại Sinh nói rộng ra như chương Đại Chủng Uẩn.

Bốn loại tiến vào thai (Nhập thai), đó là có loại không biết đang tiến vào thai mẹ, ở lại và sinh ra(trú-xuất) cũng như vậy, là tiến vào thai loại thứ nhất; có loại biết đang tiến vào thai mẹ, không biết đang ở lại, không biết đang sinh ra, là tiến vào thai loại thứ hai; có loại biết đang tiến vào thai mẹ, cũng biết đang ở lại, không biết đang sinh ra, là tiến vào thai loại thứ

ba; có loại biết đang tiến vào thai mẹ, ở lại và sinh ra cũng như vậy, là tiến vào thai loại thứ tư.

Hỏi: Vì sao lại soạn ra phần luận này?

Đáp: Bởi vì muốn phân biệt nghĩa lý trong kinh. Như trong kinh nói: "Có bốn loại tiến vào thai mẹ…" Trong kinh tuy nói ra điều này, mà không phân biệt rộng ra, kinh là nơi nương tựa căn bản của luận này, điều gì mà kinh không giải thích, thì nay cần phải phân biệt, cho nên soạn ra phần luận này.

Hỏi: Thế nào là không biết đang tiến vào thai mẹ, ở lại và sinh ra cũng như vậy?

Đáp: Ở đây có hai loại, đó là nếu người phước mỏng thì ở lúc tiến vào thai, khởi lên ý tưởng điên đảo, thắng giải điên đảo, thấy trời âm u ảm đạm-mưa gió rất lạnh, nhiều người ồn ào-đông người tụ tập, liền nghĩ rằng nay mình tạm thời đi vào trong lùm cỏ rậm rạp, hoặc là hang cỏ-hang lá giữa rừng rậm như vậy, hoặc đi đến dưới tán cây bên bức tường như vậy, để tránh gió mưa và những sự ồn ào. Nghĩ rồi liền thấy thân đi vào trong đó. Lúc người ấy trú trong thai, cũng khởi lên ý tưởng- thắng giải điên đảo như vậy, nói là nay mình dừng lại chốc lát ở dưới tán cây bên cạnh bức tường, trong hang cỏ-hang lá giữa rừng rậm như vậy. Lúc người ấy ra khỏi thai, cũng có ý tưởng-thắng giải điên đảo như vậy, nói là nay mình rời khỏi hang cỏ-hang lá giữa rừng rậm như vậy, hoặc là rời bỏ tán cây bên cạnh bức tường mà đi.

Nếu người phước đức thì ở lúc tiến vào thai, cũng khởi lên ý tưởng điên đảo, thắng giải điên đảo, thấy trời âm u ảm đạm-mưa gió rất lạnh, nhiều người ồn ào-đông người tụ tập, liền nghĩ rằng mình nên đi vào khu vườn này, hoặc là trong rừng hoa, hoặc là bước vào ngôi nhà, hoặc là leo lên lầu cao, để tránh gió mưa và những sự ồn ào. Nghĩ rồi liền thấy thân đi vào trong khu vườn cho đến leo lên lầu cao. Lúc người ấy trú trong thai, cũng khởi lên ý tưởng-thắng giải điên đảo như vậy, nói là nay mình ngồi xếp bằng tròn ở trong khu vườn-rừng hoa, ngôi nhà-lầu cao như vậy. Lúc người ấy ra khỏi thai, cũng có ý tưởng-thắng giải điên đảo như vậy, nói là nay mình rời khỏi khu vườn, cho đến từ trên lầu cao như vậy mà đi xuống. Đó gọi là loại thứ nhất, không biết đang tiến vào thai mẹ, ở lại và sinh ra cũng như vậy.

Hỏi: Thế nào là biết đang tiến vào thai mẹ, không biết đang ở lại, không biết đang sinh ra?

Đáp: Có người nhiều phước, thì lúc tiến vào thai mẹ, không khởi lên

ý tưởng điên đảo, thắng giải điên đảo, có thể tự mình biết rõ ràng là nay mình tiến vào thai mẹ. Lúc người ấy trú trong thai và ra khỏi thai thì không biết đích thực, nói rộng như trước. Đó gọi là loại thứ hai, biết đang tiến vào thai mẹ, không biết đang ở lại, không biết đang sinh ra.

Hỏi: Thế nào là biết đang tiến vào thai mẹ, cũng biết đang ở lại, không biết đang sinh ra?

Đáp: Có người nhiều phước, thì lúc tiến vào thai mẹ, lúc trú trong thai mẹ, đều không khởi lên ý tưởng điên đảo, thắng giải điên đảo, có thể tự mình biết rõ ràng là nay mình tiến vào thai mẹ, nay mình trú trong thai mẹ. Nhưng lúc ra khỏi thai thì không biết đích thực, nói rộng như trước. Đó gọi là loại thứ ba, biết đang tiến vào thai mẹ, cũng biết đang ở lại, không biết đang sinh ra.

Hỏi: Thế nào là biết đang tiến vào thai mẹ, ở lại và sinh ra cũng như vậy?

Đáp: Có người nhiều phước, thì lúc tiến vào thai mẹ, lúc trú trong thai mẹ, lúc rời khỏi thai mẹ, đều không khởi lên ý tưởng điên đảo, thắng giải điên đảo, có thể tự mình biết rõ ràng là nay mình tiến vào thai mẹ, nay mình trú trong thai mẹ, nay mình rời khỏi thai mẹ. Đó gọi là loại thứ tư, biết đang tiến vào thai mẹ, ở lại và sinh ra cũng như vậy.

Hỏi: Tiến vào thai loại nào, là ai?

Đáp: Có người nói: Tiến vào thai loại thứ tư là Bồ-tát, tiến vào thai loại thứ ba là Độc giác, tiến vào thai loại thứ hai là Luân vương, tiến vào thai loại thứ nhất là hữu tình khác.

Có người nói: Tiến vào thai loại thứ tư là Bồ-tát, tiến vào thai loại thứ ba là Độc giác, tiến vào thai loại thứ hai là Ba-la-mật-đa Thanh văn, tiến vào thai loại thứ nhất là hữu tình khác.

Có người nói: Tiến vào thai loại thứ tư là Bồ-tát, tiến vào thai loại thứ ba là Độc giác, tiến vào thai loại thứ hai là Ba-la-mật-đa Thanh văn, tiến vào thai loại thứ nhất là hữu tình khác.

Có người nói: Tiến vào thai loại thứ tư là Bồ-tát, tiến vào thai loại thứ ba là Độc giác, tiến vào thai loại thứ hai là Dự lưu-Nhất lai, tiến vào thai loại thứ nhất là hữu tình khác.

Có người nói: Trong các hữu tình có loại cầu Diệu trí mà nghiệp cũng thanh tịnh, có loại cầu Diệu trí mà nghiệp bất tịnh, có loại nghiệp thanh tịnh mà không cầu trí, có loại không cầu trí mà nghiệp cũng bất tịnh. Hữu tình thứ nhất là tiến vào thai loại thứ tư, hữu tình thứ hai là tiến vào thai loại thứ ba, hữu tình thứ ba là tiến vào thai loại thứ hai, hữu tình thứ tư là tiến vào

thai loại thứ nhất.

Nghĩa là hữu tình thứ nhất, lúc tiến vào thai mẹ thì bụng mẹ yên lặng lìa các sự rối loạn, lúc trú trong thai mẹ thì thai tạng rộng rãi thanh tịnh không có khổ sở, lúc rời khỏi thai mẹ thì cửa mình của mẹ (sản môn) mở rộng ra không gặp phải sự bức ép chật chội, cho nên lúc tiến vào-ở lại và rời khỏi đều không lạc mất ý niệm.

Hữu tình thứ hai, lúc tiến vào thai và lúc trú trong thai, yên ổn như trước mà không lạc mất ý niệm, nhưng ở lúc rời khỏi, cửa mình của mẹ nhỏ hẹp, bởi vì bị bức ép chật chội, cho nên liền lạc mất ý niệm.

Hữu tình thứ ba, lúc tiến vào thai cũng không có sự hỗn loạn, yên ổn như trước mà không lạc mất ý niệm, nhưng lúc trú trong thai thì thai tạng chật chội dơ bẩn làm cho phiền muộn, và lúc ra khỏi thai thì cửa mình của mẹ nhỏ hẹp thật là khốn khổ, cho nên vào lúc ở lại và rời khỏi đều làm cho lạc mất ý niệm.

Hữu tình thứ tư, lúc tiến vào thai mẹ thì bụng mẹ náo động kinh hoàng sợ hãi không yên, và lúc ở lại-rời khỏi đều bị bức bách khốn khổ như trước, cho nên đối với ba lúc đều làm cho lạc mất ý niệm.

Lại nữa, bốn loại tiến vào thai này đều gọi là Bồ-tát. Trong đó, có người nói: Tiến vào thai loại thứ tư là Bồ-tát ở A-tăng-xí-da thứ ba, tiến vào thai loại thứ ba là Bồ-tát ở A-tăng-xí-da thứ hai, tiến vào thai loại thứ hai là Bồ-tát ở A-tăng-xí-da thứ nhất, tiến vào thai loại thứ nhất là Bồ-tát trước đây.

Có người nói: Tiến vào thai loại thứ tư là Bồ-tát ở thân cuối cùng, đó là lúc từ cõi trời Đổ-sử-đa chết đi, sinh xuống cung vua Tịnh Phạn; tiến vào thai loại thứ ba là Bồ-tát còn hệ thuộc một lần sinh, đó là lúc thích hợp từ châu Thiệm Bộ chết đi, sinh lên cõi trời Đổ-sử-đa; tiến vào thai loại thứ hai là Bồ-tát tiếp theo đời trước đây, đó là lúc từ nơi đã chết đi, sinh đến châu Thiệm Bộ, tu phạm hạnh trong giáo pháp của Đức Phật Ca-diếp-ba; tiến vào thai loại thứ nhất, đó là Bồ-tát trước đây.

Lời bình: Không nên đưa ra cách nói như vậy, bởi vì Bồ-tát từ chín mươi mốt kiếp đến nay thường nhớ lại đời trước của mình, ở trong Tử hữu-Trung hữu-Sinh hữu-Bổn hữu luôn luôn không có ý tưởng điên đảo, cho nên không lạc mất ý niệm. Dựa vào nhân duyên này, cho nên cách nói trước là hợp lý.

Hỏi: Các phần vị tiến vào thai (kiết sinh) chắc chắn khởi lên tâm nhiễm ô, tất cả các tâm nhiễm ô đều tương ưng với không biết đích thực, tại sao có thể nói là biết đang tiến vào thai mẹ?

Đáp: Đã nói đến biết đích thực (chánh tri), đó là không có ý tưởng điên đảo, không có thắng giải điên đảo, chứ không phải yêu cầu không tương ưng với vô minh, cho nên gọi là biết đích thực. Nhưng bởi vì Bồ- tát ở lúc tiến vào thai, cũng khởi lên Ái tự Thể, Ái cha mẹ cho nên cũng có tâm nhiễm ô.

Hỏi: Nếu như vậy thì so với hữu tình khác có gì lạ?

Đáp: Như hữu tình khác lúc sắp tiến vào thai, cha không phải là tưởng về cha, mẹ không phải là tưởng về mẹ. Bởi vì nguyên cớ như vậy, cho nên nam thì đối với cha sinh lòng tức giận, đối với mẹ thì sinh lòng yêu thương, khởi lên ý tưởng điên đảo, cho rằng giao hội với mẹ; nữ thì đối với mẹ sinh lòng tức giận, đối với cha thì sinh lòng yêu thương, khởi lên ý tưởng điên đảo, cho rằng giao hội với cha. Bởi vì ý tưởng điên đảo như vậy, mà liền tiến vào thai. Bồ-tát thì không như vậy, lúc sắp tiến vào thai, đối với cha tưởng về cha, đối với mẹ tưởng về mẹ, mình dựa vào đó cho nên tăng trưởng về Uẩn của đời sau, sẽ ở trong châu Thiệm Bộ nhận lấy quả báo tôn quý thù thắng, dựa vào đây chứng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, làm nhiều điều lợi ích cho các hữu tình. Dấy lên ý niệm này rồi, liền đối với cha mẹ cùng sinh lòng thân ái, từ đó tiến vào thai, cho nên biết đích thực, đó là không có ý tưởng điên đảo chứ không phải là yêu cầu không có nhiễm ô.

Bốn loại tiến vào thai này chỉ hệ thuộc cõi Dục, cho nên chỉ dựa vào Định Vị chí mà diệt.

Trong bốn loại Thức trú, ba Thức trú sau dựa vào bảy địa hoặc là Vị chí mà diệt, đó là ba Thức trú sau hệ thuộc chín địa, hệ thuộc cõi Dục thì dựa vào Định Vị chí mà diệt; hệ thuộc Tĩnh lự thứ nhất thì dựa vào Tĩnh lự thứ nhất-Định Vị chí-Tĩnh lự trung gian và Cận phần Tĩnh lự thứ hai mà diệt, cho đến hệ thuộc Phi tưởng phi phi tưởng xứ thì dựa vào bảy Căn bản-Định Vị chí và Tĩnh lự trung gian mà diệt.

Nhưng trong này đã nói về Định, nếu nói là dựa vào Định vô lậu mà nói, thì đó là nói đến Vị chí đã hiển bày về Định Vị chí và Tĩnh lự trung gian. Nếu nói là dựa vào Định hữu lậu-vô lậu mà nói, thì đó là nói đến Vị chí đã hiển bày về Định Vị chí, Tĩnh lự trung gian, và Cận phần của bảy địa trên.

Vả lại, trong này đã nói về Diệt, nếu nói là dựa vào chủng loại của Diệt mà nói, thì đó là nói đến Vị chí đã thâu nhiếp Định Vị chí, Tĩnh lự trung gian, Cận phần của bảy địa trên, ở trong Định Vị chí thâu nhiếp hữu lậu-vô lậu, cho nên dựa vào Định này có thể diệt ba Thức trú sau hệ thuộc

cõi Dục, cho đến hệ thuộc Phi tưởng phi phi tưởng xứ. Nếu nói là dựa vào cứu cánh của Diệt mà nói, thì đó là nói đến Vị chí thâu nhiếp Định Vị chí và Tĩnh lự trung gian, ở trong Định Vị chí chỉ thâu nhiếp vô lậu, cho nên dựa vào Định này có thể diệt ba Thức trú sau hệ thuộc Phi tưởng phi phi tưởng xứ. Vì vậy cho nên nói là ba Thức trú sau dựa vào bảy địa hoặc là Vị chí mà diệt.

Sắc thức trú dựa vào bốn địa hoặc là Vị chí mà diệt, đó là Sắc thức trú hệ thuộc năm địa, hệ thuộc cõi Dục thì dựa vào Định Vị chí mà diệt, cho đến hệ thuộc Tĩnh lự thứ tư thì dựa vào bốn Tĩnh lự-Định Vị chí-Tĩnh lự trung gian và Cận phần Không vô biên xứ mà diệt.

Nhưng trong này đã nói về Định, có người nói: Dựa vào Định vô lậu mà nói. Có người nói: Dựa vào Định hữu lậu-vô lậu mà nói. Tùy theo sự thích hợp như trước đã phân biệt.

Vả lại, trong này đã nói về Diệt, nếu nói là dựa vào chủng loại của Diệt mà nói, thì đó là nói đến Vị chí đã thâu nhiếp Định Vị chí, Tĩnh lự trung gian, Cận phần của bốn địa trên, ở trong Định Vị chí thâu nhiếp hữu lậu-vô lậu, cho nên dựa vào Định này có thể diệt Sắc thức trú hệ thuộc cõi Dục, cho đến hệ thuộc Tĩnh lự thứ tư. Nếu nói là dựa vào cứu cánh của Diệt mà nói, thì đó là nói đến Vị chí thâu nhiếp Định Vị chí-Tĩnh lự trung gian và Cận phần Không vô biên xứ, cho nên dựa vào Định này có thể diệt Sắc thức trú hệ thuộc Tĩnh lự thứ tư. Vì vậy cho nên nói là Sắc thức trú dựa vào bốn địa hoặc là Vị chí mà diệt.

Bốn loại Thức trú, nói rộng ra như chương Đại Chủng Uẩn.

-oOo-

LUẬN A TỲ ĐẠT MA ĐẠI TỲ BÀ SA

QUYỂN 172

LUẬN VỀ NHIẾP (Phần 7)

Hỏi: Năm Uẩn, năm Thủ uẩn, năm nẻo, năm Diệu dục, năm Học xứ, dựa vào Định nào mà diệt?

Đáp: Sắc uẩn, Sắc thủ uẩn dựa vào bốn địa hoặc là Vị chí mà diệt; bốn Uẩn, bốn Thủ uẩn, nẻo trời dựa vào bảy địa hoặc là Vị chí mà diệt; còn lại bốn nẻo, năm Diệu dục, năm Học xứ dựa vào Vị chí mà diệt.

Trong này, năm Uẩn-năm Thủ uẩn, nói rộng ra như phẩm luận về Thập Môn. Nhưng mà Sắc uẩn hệ thuộc năm địa và không hệ thuộc, Sắc thủ uẩn chỉ hệ thuộc năm địa. Hai loại này cùng dựa vào bốn địa hoặc là Vị chí mà diệt, đó là hệ thuộc cõi Dục thì dựa vào Định Vị chí mà diệt, cho đến hệ thuộc Tĩnh lự thứ tư thì dựa vào bốn Tĩnh lự-Định Vị chí-Tĩnh lự trung gian và Cận phần Không vô biên xứ mà diệt.

Nhưng trong này đã nói về Định, có người nói: Định vô lậu. Có người nói: Định hữu lậu-vô lậu. Như trước đã phân biệt.

Đã nói về Diệt, nếu nói đây là dựa vào chủng loại của Diệt mà nói, thì đó là nói đến Vị chí đã thâu nhiếp Định Vị chí, Tĩnh lự trung gian, Cận phần của bốn địa trên, ở trong Định Vị chí thâu nhiếp hữu lậu-vô lậu, cho nên dựa vào Định này có thể diệt Sắc uẩn-Sắc thủ uẩn hệ thuộc cõi Dục, cho đến hệ thuộc Tĩnh lự thứ tư. Nếu nói đây là dựa vào cứu cánh của Diệt mà nói, thì đó là nói đến Vị chí thâu nhiếp Định Vị chí-Tĩnh lự trung gian và Cận phần Không vô biên xứ, ở trong Định Vị chí thâu nhiếp vô lậu, cho nên dựa vào Định này có thể diệt Sắc uẩn- Sắc thủ uẩn hệ thuộc Tĩnh lự thứ tư. Vì vậy cho nên nói là Sắc uẩn-Sắc thủ uẩn dựa vào bốn địa hoặc là Vị chí mà diệt.

Bốn Uẩn hệ thuộc chín địa và không hệ thuộc; bốn Thủ uẩn hệ thuộc chín địa. Hai loại này cùng dựa vào bảy địa hoặc là Vị chí mà diệt, đó là hệ thuộc cõi Dục thì dựa vào Định Vị chí mà diệt, cho đến hệ thuộc Phi tưởng phi phi tưởng xứ thì dựa vào bảy Căn bản-Định Vị chí-Tĩnh lự trung gian mà diệt.

Nhưng trong này đã nói về Định, có người nói: Định vô lậu. Có người nói: Định hữu lậu-vô lậu. Cũng như trước đã phân biệt.

Đã nói về Diệt, nếu nói đây là dựa vào chủng loại của Diệt mà nói, thì đó là nói đến Vị chí đã thâu nhiếp Định Vị chí, Tĩnh lự trung gian, Cận phần của bảy địa trên, ở trong Định Vị chí thâu nhiếp hữu lậu-vô lậu, cho nên dựa vào Định này có thể diệt bốn Uẩn-bốn Thủ uẩn hệ thuộc cõi Dục, cho đến hệ thuộc Phi tưởng phi phi tưởng xứ. Nếu nói đây là dựa vào cứu cánh của Diệt mà nói, thì đó là nói đến Vị chí thâu nhiếp Định Vị chí-Tĩnh lự trung gian, ở trong Định Vị chí chỉ thâu nhiếp vô lậu, cho nên dựa vào Định này có thể diệt bốn Uẩn-bốn Thủ uẩn hệ thuộc Phi tưởng phi phi tưởng xứ. Vì vậy cho nên nói là bốn Uẩn-bốn Thủ uẩn dựa vào bảy địa hoặc là Vị chí mà diệt.

Năm nẻo, đó là nẻo địa ngục(nại-lạc-ca), bàng sinh, quỷ, người và trời.

Hỏi: Vì sao soạn ra phần luận này?

Đáp: Bởi vì muốn phân biệt nghĩa lý trong kinh. Như trong kinh nói: "Năm nẻo, đó là nẻo địa ngục cho đến nẻo trời." Trong kinh tuy nói ra điều này, mà không phân biệt rộng ra, kinh là nơi nương tựa căn bản của luận này, điều gì mà kinh không giải thích, thì nay cần phải phân biệt, cho nên soạn ra phần luận này.

Hỏi: Thể tánh của nẻo (thú) là gì? Là vô ký hay là cả ba loại? Nếu là vô ký thì luận Phẩm Loại Túc đã nói nên thông hiểu thế nào? Như nói: "Năm nẻo là sự tùy tăng của tất cả tùy miên." Nếu là cả ba loại thì tại sao các nẻo không tạp loạn lẫn nhau, đó là nẻo địa ngục thành tựu nghiệp-phiền não cho đến cõi trời Tha Hóa Tự Tại, cho đến cõi trời Tha Hóa Tự Tại thành tựu nghiệp-phiền não của nẻo địa ngục?

Đáp: Nên đưa ra cách nói này: Thể của nẻo chỉ là vô phú vô ký.

Hỏi: Nếu như vậy thì các nẻo không tạp loạn lẫn nhau, nhưng mà luận Phẩm Loại Túc đã nói nên thông hiểu thế nào?

Đáp: Văn luận ấy nên nói: Bốn nẻo là biến hành của cõi Dục và tùy miên tùy tăng do Tu mà đoạn, nẻo trời là biến hành của ba cõi và tùy miên tùy tăng do Tu mà đoạn. Nhưng mà không đưa ra cách nói này, thì nên biết là người tụng sai lầm.

Có người nói: Luận ấy nói chung về quyến thuộc của năm nẻo, đó là tâm tương ưng với phiền não của năm Bộ ở phần vị tiến vào thai, bởi vì tâm ấy là sự tùy tăng của tất cả tùy miên.

Có người nói: Thể của nẻo bao gồm thiện-nhiễm và vô ký.

Hỏi: Nếu như vậy thì luận Phẩm Loại Túc đã nói dễ dàng thông hiểu, tại sao các nẻo không tạp loạn lẫn nhau?

Đáp: Nếu bởi vì thành tựu thì có tạp loạn, nếu bởi vì hiện hành thì không có tạp loạn, nghĩa là nẻo địa ngục đối với nghiệp-phiền não của nẻo địa ngục thì thành tựu mà cũng hiện hành, đối với nghiệp-phiền não cho đến cõi trời Tha Hóa Tự Tại thì thành tựu mà không hiện hành; cho đến cõi trời Tha Hóa Tự Tại đối với nghiệp-phiền não của cõi trời Tha Hóa Tự Tại thì thành tựu mà cũng hiện hành, đối với nghiệp-phiền não cho đến nẻo địa ngục thì thành tựu mà không hiện hành. Vì vậy cho nên các nẻo không có lỗi tạp loạn lẫn nhau.

Lời bình: Nên nói Thể của nẻo chỉ là vô phú vô ký. Vì sao biết như vậy? Như trong kinh nói: "Tôn giả Xá-lợi-tử nói như vậy: Nếu lúc các lậu của địa ngục hiện rõ ở trước mắt, thì tạo tác tăng trưởng thuận theo nghiệp nhận lấy ở địa ngục, thân-ngữ-ý lúc ấy bởi vì uế trược, cho nên nhận lấy năm uẩn dị thục ở trong Nại-lạc-ca. Dị thục khởi lên rồi gọi là Nại-lạc-ca, trừ ra năm uẩn này, Nại-lạc-ca ấy cũng không có thể đạt được; cho đến nẻo trời nói cũng như vậy." Vì vậy cho nên biết Thể của nẻo chỉ là vô phú vô ký.

Hỏi: Đã biết Thể của nẻo chỉ là vô phú vô ký, trong đó là chỉ riêng dị thục, hay là bao gồm nuôi lớn? Nếu chỉ là dị thục thì luận Phẩm Loại Túc đã nói nên thông hiểu thế nào? Như nói: "Năm nẻo thâu nhiếp năm Uẩn-mười hai Xứ-mười tám Giới, bởi vì Thanh xứ-Thanh giới không phải là dị thục." Nếu bao gồm nuôi lớn thì Thể của nẻo tạp loạn, bởi vì trong nẻo người cũng có thể dẫn dắt khởi lên nuôi lớn Đại chủng các căn của cõi Sắc?

Đáp: Nên đưa ra cách nói này: Thể tánh của các nẻo chỉ là dị thục.

Hỏi: Phẩm Loại Túc đã nói nên thông hiểu thế nào?

Đáp: Văn luận ấy nên nói: Năm nẻo thâu nhiếp năm Uẩn-mười một Xứ-phần ít của mười bảy Giới. Nhưng mà không đưa ra cách nói này, thì nên biết là người tụng sai lầm.

Có người nói: Luận ấy nói chung về quyến thuộc của năm nẻo, cảm đến nghiệp của năm nẻo và có thể phòng hộ, không phải là chỉ nói về nẻo, cho nên không có lỗi. Nhưng bởi vì giới hạn của phiền não có sai biệt, bởi vì nẻo của uẩn dị thục có sai biệt, cho nên Thể của nẻo chỉ là dị thục.

Hỏi: Vì sao gọi là nẻo, nẻo là nghĩa gì?

Đáp: nghĩa về nơi hướng đến là nghĩa của nẻo, là nơi mà các hữu tình phải hướng đến, phải sinh ra, nơi tiến vào thai, cho nên gọi là nẻo.

Đã nói tổng quát về các nẻo, nay sẽ nói đến tướng khác nhau của từng

nẻo ấy.

Hỏi: Thế nào là nẻo Nại-lạc-ca?

Đáp: Các Nại-lạc-ca cùng một loại Chúng đồng phần làm bạn, nương tựa đạt được-sự việc đạt được-nơi chốn đạt được, và đã sinh ra Sắc-Thọ-Tưởng-Hành-Thức vô phú vô ký của Nại-lạc-ca, thì gọi là nẻo Nại-lạc-ca.

Trong này, cùng một loại Chúng đồng phần làm bạn, là hiển bày về Chúng đồng phần của nẻo ấy; nương tựa đạt được-sự việc đạt được- nơi chốn đạt được, là hiển bày về Uẩn-Xứ-Giới đạt được của nẻo ấy; và đã sinh ra Sắc-Thọ- Tưởng-Hành-Thức vô phú vô ký của Nại-lạc-ca, hiển bày về tự Thể của nẻo ấy là dị thục chứ không phải là gì khác.

Hỏi: Vì sao nẻo ấy gọi là Nại-lạc-ca?

Đáp: Bởi vì là nơi hướng đến của Nại-lạc-ca, bởi vì Nại-lạc-ca là vốn có, cho nên gọi là Nại-lạc-ca. Các hữu tình ở nẻo ấy không có vui sướng, không có yêu thích, không có ý vị, không có lợi ích, không có mừng vui, cho nên gọi là Nại-lạc-ca.

Hoặc có người nói: bởi vì nẻo ấy vào lúc trước, tạo tác tăng trưởng lớn mạnh về hành ác của thân-ngữ-ý hung bạo tàn ác, hướng đến nẻo ấy-sinh về nẻo ấy, làm cho nối tiếp nhau sinh vào nẻo ấy, cho nên gọi là Nại-lạc-ca.

Có người nói: Nại-lạc-ca là giả danh-giả tưởng, danh thi thiết- tưởng thi thiết, tất cả danh-tưởng đều tùy theo ý muốn mà lập ra, không nhất định phải như nghĩa.

Có người nói: Nẻo ấy bởi vì thấp hèn, cho nên gọi là Nại-lạc-ca, nghĩa là trong năm nẻo không có nẻo nào thấp hèn như nẻo ấy.

Có người nói: Nẻo ấy bởi vì ngã chúi xuống, cho nên gọi là Nại- lạc-ca. Như có tụng nói:

"Ngã chúi xuống rơi vào địa ngục, chân phía trên đầu quay xuống dưới,

Bởi vì phỉ báng các vị Tiên, ưa vắng lặng tu hành khổ hạnh."

Có người nói: Nại-lạc gọi là người, Ca gọi là ác; người ác sinh vào nơi ấy, cho nên gọi là Nại-lạc-ca.

Có người nói: Lạc-ca gọi là có thể vui, Nại là nghĩa của không thể; nơi ấy không có thể vui, cho nên gọi là Nại-lạc-ca.

Có người nói: Lạc-ca gọi là vui sướng, Nại là nghĩa của phá hỏng; nơi ấy phá hỏng vui sướng, cho nên gọi là Nại-lạc-ca.

Có người nói: Lạc-ca gọi là nơi quay về, Nại là nghĩa của không có;

hữu tình nơi ấy bị khổ đau chồng chất bức bách, không có nơi quay về, cho nên gọi là Nại-lạc-ca.

Có người nói: Lạc-ca gọi là cứu giúp, Nại là nghĩa của không có; hữu tình nơi ấy bị khổ đau chồng chất bức bách, không có ai cứu giúp, cho nên gọi là Nại-lạc-ca.

Hỏi: Vì sao nẻo ấy thấp nhất-lớn nhất thì gọi là vô gián?

Đáp: Đó là giả danh-giả tưởng, danh thi thiết-tưởng thi thiết, tất cả danh-tưởng đều tùy theo ý muốn mà lập ra, không nhất định phải như nghĩa. Nẻo ấy hoặc gọi là trăm cái đinh ghim vào thân, hoặc gọi là nơi tiếp xúc với sáu nỗi khổ, hoặc gọi là tự mình nhận lấy Khổ thọ, hoặc gọi là vô gián, tuy cũng có gián đoạn mà mượn nói là không có gián đoạn (vô gián).

Có người nói: nơi ấy luôn luôn nhận lấy Khổ thọ, không có vui sướng làm gián đoạn, cho nên gọi là vô gián.

Hỏi: Trong địa ngục khác lẽ nào có nhận lấy dị thục vui sướng của ca múa-ăn uống, cho nên không gọi là vô gián chăng?

Đáp: trong địa ngục khác tuy không có dị thục vui sướng, mà có đẳng lưu vui sướng. Như luận Thi Thiết nói: "Trong địa ngục Đẳng Hoạt, có lúc gió mát thổi đến làm cho máu thịt sinh trở lại, có lúc phát ra âm thanh xướng to rằng: Cùng sống lại. Lúc ấy các hữu tình bỗng nhiên sống lại." Chỉ vào lúc máu thịt sinh ra và lúc sống lại như vậy, tạm thời sinh ra vui sướng làm gián đoạn Khổ thọ, cho nên không gọi là vô gián.

Có người nói: Rất nhiều hữu tình tạo tác nghiệp ác nối tiếp nhau sinh vào nơi ấy, đầy khắp nơi ấy cho nên gọi là vô gián.

Lời bình: Không nên đưa ra cách nói này, bởi vì người sinh vào địa ngục khác thì nhiều, sinh vào địa ngục vô gián thì ít. Nguyên cớ thế nào? Bởi vì người tạo tác tăng trưởng nghiệp ác của thân-ngữ-ý thuộc phẩm Thượng mới sinh vào nơi ấy. Hữu tình tạo tác tăng trưởng nghiệp ác thuộc phẩm Thượng sinh vào nơi ấy thì ít, tạo tác tăng trưởng nghiệp ác thuộc phẩm Trung-Hạ sinh vào địa ngục khác thì nhiều. Như người tạo tác tăng trưởng nghiệp thiện thuộc phẩm Thượng sinh đến cõi Hữu Đảnh thì ít, tạo tác tăng trưởng nghiệp thiện thuộc phẩm Trung-Hạ sinh vào nơi khác thì nhiều.

Nên đưa ra cách nói này: Do tạo tác tăng trưởng nghiệp bất thiện tăng thượng, sinh vào nơi ấy mà mang lấy thân hình to lớn, mỗi một hữu tình chiếm lấy nhiều nơi chốn, trong đó không có kẽ hở, cho nên gọi là vô gián.

Hỏi: Địa ngục ở nơi nào?

Đáp: Phần nhiều ở phía dưới châu Thiệm Bộ này. Hỏi: An lập như thế nào?

Đáp: Có người nói: Từ châu này xuống phía dưới bốn vạn Du- thiện-na là đến địa ngục vô gián này. Địa ngục vô gián dọc ngang cao thấp đều hai vạn Du-thiện-na. Tiếp theo phía trên trong một vạn chín ngàn Du-thiện-na, an lập bảy địa ngục khác. Đó là tiếp theo phía trên có địa ngục Cực Nhiệt, tiếp theo phía trên có địa ngục Nhiệt, tiếp theo phía trên có địa ngục Đại Hào Khiếu, tiếp theo phía trên có địa ngục Hào Khiếu, tiếp theo phía trên có địa ngục Chúng Hợp, tiếp theo phía trên có địa ngục Hắc Thằng, tiếp theo phía trên có địa ngục Đẳng Hoạt. bảy địa ngục này, mỗi một địa ngục dọc ngang một vạn Du-thiện-na. Tiếp theo phía trên còn có một ngàn Du-thiện-na, năm trăm Du-thiện- na là đất sét trắng, năm trăm Du-thiện-na là bùn.

Có người nói: Từ châu này xuống phía dưới bốn vạn Du-thiện-na là đến địa ngục vô gián. Địa ngục vô gián này dọc ngang cao thấp đều hai vạn Du-thiện-na. Tiếp theo phía trên có ba vạn năm ngàn Du-thiện- na, an lập bảy địa ngục khác, mỗi một địa ngục dọc ngang cao thấp đều năm ngàn Du-thiện-na. Tiếp theo phía trên còn có năm ngàn Du-thiện- na, một ngàn Du-thiện-na là đất màu xanh, một ngàn Du-thiện-na là đất màu vàng, một ngàn Du-thiện-na là đất màu đỏ, một ngàn Du-thiện-na là đất màu trắng, năm trăm Du-thiện-na là đất sét trắng, năm trăm Du- thiện-na là bùn.

Có người nói: Địa ngục vô gián nằm ở chính giữa, bảy địa ngục khác bao bọc xung quanh, như thôn làng ngày nay bao bọc xung quanh khu thành lớn.

Hỏi: Nếu như vậy thì luận Thi Thiết nói nên hiểu thế nào? Như nói: "Chu vi châu Thiệm Bộ là sáu ngàn Du-thiện-na, mỗi một địa ngục là ba Du-thiện-na rưỡi." Mỗi một địa ngục với mức lượng rộng lớn ấy, làm sao ở phía dưới châu này có thể dung nạp lẫn nhau? Như có tụng nói:

"Mặt đất là sắt nóng như máu, lửa hừng hực luôn luôn bùng lên, Trải rộng hàng trăm Du-thiện-na, ngọn lửa đốt cháy khắp mọi nơi."

Đáp: Châu Thiệm Bộ này trên nhọn dưới rộng, giống như đống lúa, cho nên có thể dung nạp được. Vì vậy trong kinh nói: "Bốn biển rộng càng đi vào càng sâu."

Vả lại, mỗi một địa ngục lớn có mười sáu loại tăng thêm, đó là đều có bốn cổng. Bên ngoài mỗi một cổng đều có bốn loại tăng thêm:

1. Tăng thêm tro nóng, đó là trong loại tăng thêm này tro nóng ngập đến đầu gối.

2. Tăng thêm xác chết và phân dơ, đó là trong loại tăng thêm này chứa đầy xác chết và phân dơ nhão nhẹt.

3. Tăng thêm dao nhọn, đó là trong loại tăng thêm này lại có ba loại, một là đường đi bằng lưỡi dao, nghĩa là ở trong này dùng lưỡi dao ngửa lên trải khắp nơi để làm đường đi; hai là khu rừng lá bằng kiếm, nghĩa là phía trên khu rừng này dùng toàn lưỡi kiếm sắc nhọn để làm lá cây; ba là khu rừng gai nhọn bằng sắt, nghĩa là trong khu rừng này có gai bằng sắt nhọn dài mười sáu ngón tay, ba loại như đường đi bằng lưỡi dao… tuy khác nhau mà cùng là sắt thép cho nên thuộc về một tầng.

4. Tăng thêm sông nóng, đó là trong loại tăng thêm này có nước muối mặn rất nóng. Cùng với địa ngục chính thì thành mười bảy. Như vậy, tám địa ngục lớn cùng với các quyến thuộc, thì có một trăm ba mươi sáu loại, cho nên trong kinh nói có một trăm ba mươi sáu Nại-lạc- ca.

Hỏi: Vì sao địa ngục quyến thuộc lại gọi là tăng thêm?

Đáp: Có người nói: Trong địa ngục chính trừng trị các hữu tình bằng một loại dụng cụ khổ đau, trong các địa ngục quyến thuộc này trừng trị các hữu tình bằng các loại dụng cụ khổ đau, cho nên gọi là tăng thêm. Vì vậy trong kinh Thiên Sứ nói: "Trong các địa ngục quyến thuộc dùng các loại dụng cụ khổ đau để trừng trị người có tội."

Có người nói: Đây là nơi tăng thêm Khổ thọ, cho nên gọi là tăng thêm, nghĩa là bởi vì trong địa ngục chính bị bức bách khốn khổ rồi, lại ở nơi này tiếp tục gặp phải khổ đau, không phải là nói đến nhiều loại dụng cụ khổ đau thì gọi là tăng thêm, bởi vì trong địa ngục chính cũng nhiều loại dụng cụ khổ đau. Trong luận Thi Thiết nói: " Trong địa ngục quyến thuộc chỉ có một loại tro nóng…"

Hỏi: Binh lính ở các địa ngục, là thuộc về số hữu tình, hay là thuộc về số phi hữu tình? Nếu là thuộc về số hữu tình, thì họ tạo nhiều điều ác, lại nhận lấy dị thục ở nơi nào? Nếu là thuộc về số phi hữu tình, thì Đại đức Pháp Thiện đang tụng nên hiểu thế nào? Như nói:

"Tâm thường chất chứa nỗi giận dữ, thích tập hợp các loại nghiệp ác,

Thấy người khác khổ sinh vui sướng, chết làm quân lính của Diễm Ma."

Đáp: Có người nói: Là thuộc về số hữu tình.

Hỏi: Họ tạo nhiều điều ác, lại nhận lấy dị thục ở nơi nào? Đáp:

Nhận lấy ngay nơi địa ngục ấy, bởi vì trong đó vẫn còn dung nạp dị thục rất nặng như các nghiệp vô gián, huống là loại này hay sao?

Có người nói: Loại này là thuộc về số phi hữu tình, bởi vì lực tăng thượng do nghiệp của những người tội, làm cho phi hữu tình hiện hành tựa như hữu tình, dùng các dụng cụ khổ đau làm hại thân thể của họ.

Hỏi: Nếu như vậy thì Đại đức Pháp Thiện đang tụng nên hiểu thế nào?

Đáp: Điều này không nhất định phải thông hiểu, bởi vì không phải là trong ba Tạng (tố-đát-lãm, tỳ-nại-da, a-tỳ-đạt-ma) đã nói, chỉ là văn tụng soạn ra, nói đến văn tụng soạn ra thì hoặc là tăng-hoặc là giảm, không nhất định phải như nghĩa, đâu cần phải thông hiểu? Nếu nhất định phải thông hiểu, thì điều ấy có ý riêng, nghĩa là nếu dùng xiềng xích trói chặt hữu tình mới sinh vào địa ngục, đưa đến chỗ của Diễm Ma Vương, thì đó là thuộc về số hữu tình; nếu dùng các loại dụng cụ khổ đau ở trong địa ngục làm hại hữu tình, thì đó là thuộc về số phi hữu tình.

Đại đức dựa vào số hữu tình đưa ra cách nói như vậy: Phía dưới châu Thiệm Bộ có địa ngục lớn, phía trên châu Thiệm Bộ cũng có địa ngục phụ thuộc, và địa ngục đơn độc hoặc là ở trong hang núi, hoặc là ở trên đỉnh núi, hoặc là ở giữa đồng hoang, hoặc là ở giữa hư không; ở ba châu khác chỉ có địa ngục phụ thuộc và địa ngục đơn độc, chứ không có địa ngục lớn. Nguyên cớ thế nào? Bởi vì chỉ có người ở châu Thiệm Bộ làm điều thiện thì mạnh mẽ nhanh nhạy, mà họ gây ra nghiệp ác lại cũng mạnh mẽ nhanh nhạy, chứ không phải là châu khác.

Có người nói: Châu Bắc Câu-lô cũng không có địa ngục phụ thuộc…, bởi vì nơi này nhận lấy quả của nghiệp thuần tịnh.

Hỏi: Nếu châu khác không có địa ngục lớn, thì các hữu tình ở nơi ấy tạo nghiệp vô gián, đoạn dứt căn thiện…, sẽ nhận lấy dị thục ở nơi nào?

Đáp: Nhận lấy ngay nơi địa ngục lớn ở phía dưới châu Thiệm Bộ này.

Hỏi: Thân hình của hữu tình địa ngục như thế nào?

Đáp: Thân hình của hữu tình nơi ấy giống như loài người.

Hỏi: Ngôn ngữ của hữu tình địa ngục như thế nào?

Đáp: Lúc hữu tình ấy mới sinh ra đều là Thánh ngữ, về sau nhận chịu khổ đau, tuy phát ra các loại âm thanh nhận chịu đau khổ, thậm chí không có một từ nào có thể rõ ràng, mà chỉ có âm thanh của sự đâm chặt rách toạc.

Hỏi: Thế nào là nẻo bàng sinh?

Đáp: Các bàng sinh cùng một loại Chúng đồng phần làm bạn, nương tựa đạt được-sự việc đạt được-nơi chốn đạt được, và đã sinh ra Sắc-Thọ-Tưởng-Hành-Thức vô phú vô ký của bàng sinh, thì gọi là nẻo bàng sinh.

Giải thích như trước.

Hỏi: Vì sao nẻo ấy gọi là bàng sinh?

Đáp: Thân hình loài ấy nằm ngang cho nên đi cũng ngang, bởi vì đi ngang cho nên thân hình cũng ngang, vì vậy gọi là bàng sinh.

Có người nói: Bàng sinh là giả danh-giả tưởng, danh thi thiết- tưởng thi thiết, tất cả danh-tưởng đều tùy theo ý muốn mà lập ra, không nhất định phải như nghĩa.

Có người nói: Các hữu tình ấy do tạo tác tăng trưởng lớn mạnh về hành ác của thân-ngữ-ý ngu si, hướng đến nẻo ấy-sinh về nẻo ấy, làm cho nối tiếp nhau sinh vào nẻo ấy, cho nên gọi là bàng sinh.

Có người nói: Nẻo ấy bởi vì tối tăm chậm chạp, cho nên gọi là bàng sinh, nghĩa là trong tất cả các nẻo không có nẻo nào không có trí giống như nẻo ấy.

Có người nói: Lưu chuyển khắp mọi nơi, cho nên gọi là bàng sinh, nghĩa là loài này ở khắp năm nẻo đều có.

Trong nẻo Nại-lạc-ca, có loài không có chân, như loài trùng Nương-cử-tra…; có loài hai chân, như loài chim mỏ sắt…; có loài bốn chân, như loài chó Hắc-bác…; có loài nhiều chân, như loài trăm chân…

Ở trong nẻo quỷ có loài không có chân, như loài rắn độc…; có loài hai chân, như loài quạ-diều hâu…; có loài bốn chân, như loài hồ li-voi-ngựa…; có loài nhiều chân, như loài sáu chân-trăm chân.

Ở trong ba châu của nẻo người, có loài không có chân, như tất cả các loài trùng đi lại bằng bụng; có loài hai chân, như loài chim Hồng- chim Nhạn…; có loài bốn chân, như loài voi-ngựa…; có loài nhiều chân, như loài trăm chân.

Ở trong châu Bắc Câu-lô, có loài hai chân, như loài chim Hồng- chim Nhạn…; có loài bốn chân, như loài voi-ngựa…; không có loài không có chân và loài nhiều chân, bởi vì châu ấy là nơi nhận lấy quả của nghiệp không có não hại.

Trong cõi trời Tứ Đại Vương Chúng và cõi trời Tam Thập Tam, có loài hai chân, như loài chim Diệu Sắc…; có loài bốn chân, như loài voi-ngựa…; những loài khác giải thích như trước.

Trong bốn cõi trời phía trên, chỉ có loài hai chân, như loài chim Diệu Sắc…; những loài khác đều không có, bởi vì cõi trời Không Cư là nơi thù thắng vi diệu.

Hỏi: Nơi ấy nếu không có loài voi-ngựa…, thì lấy gì làm phương tiện

đi lại? Cũng nghe chư Thiên cõi ấy cưỡi voi-ngựa…, vì sao nói không có?

Đáp: Nhờ vào lực phước nghiệp của chư Thiên cõi ấy, làm thân hình các loài voi-ngựa thuộc số phi hữu tình, mà làm phương tiện đi lại để tự mình vui thú.

Hỏi: Bàng sinh lúc đầu ở nơi nào?

Đáp: Nơi cư trú lúc đầu ở trong biển rộng, về sau lưu chuyển ở khắp các nẻo.

Hỏi: Thân hình của loài ấy như thế nào?

Đáp: Phần nhiều nằm ngang, cũng có loài thẳng đứng, như loài Khẩn-nại-lạc, Tất-xá-già, Hê-lô-sách-ca…

Hỏi: Ngôn ngữ của loài ấy như thế nào?

Đáp: Lúc kiếp mới thành lập đều là Thánh ngữ, về sau bởi vì ăn uống-thời gian-hữu tình không bình đẳng, và bởi vì dối gạt nịnh hót tăng mạnh, cho nên đã có các loại ngôn ngữ, thậm chí có loài không có thể nói được.

Hỏi: Thế nào là nẻo quỷ?

Đáp: Các loài quỷ cùng một loại Chúng đồng phần làm bạn, cho đến nói rộng ra.

Hỏi: Vì sao nẻo ấy gọi là Bế-lệ-đa?

Đáp: Luận Thi Thiết nói: "Như vua của thế giới quỷ hiện nay tên gọi là Diễm Ma, như vậy lúc kiếp bắt đầu, thế giới quỷ có vua tên gọi là Tỉ-đa. Vì vậy các loài hữu tình hướng đến nẻo ấy-sinh về nẻo ấy, đều gọi là Bế-lệ-đa. Tức là nghĩa vốn có trong cõi Tỉ-đa, từ đó về sau đều lập theo tên gọi này."

Có người nói: Bế-lệ-đa là giả danh-giả tưởng, cho đến nói rộng ra.

Có người nói: Do tạo tác tăng trưởng lớn mạnh về hành ác của thân-ngữ-ý tham keo, hướng đến nẻo ấy-sinh về nẻo ấy, làm cho nối tiếp nhau sinh vào nẻo ấy, cho nên gọi là nẻo quỷ.

Có người nói: Đói khát tăng lên cho nên gọi là quỷ, bởi vì loài ấy tích tập mà cảm đến nghiệp đói khát, trải qua trăm ngàn năm không nghe đến tên gọi của nước, lẽ nào có thể được thấy, huống là được tiếp xúc hay sao? Hoặc có loài bụng lớn như núi, cổ nhỏ bằng lỗ kim, tuy gặp được đồ ăn thức uống mà không có thể tiếp nhận.

Có người nói: Bị xua đuổi cho nên gọi là quỷ, bởi vì luôn luôn bị chư thiên khắp nơi xua đuổi, cho nên thường bỏ chạy.

Có người nói: Nhiều hy vọng cho nên gọi là quỷ, nghĩa là đi theo hữu tình khác ở trong năm nẻo, hy vọng nhiều mà không vượt qua nơi này, vì

nhân duyên này cho nên gọi là nẻo quỷ.

Hỏi: Quỷ ở nơi nào?

Đáp: Phía dưới châu thiệm bộ này năm trăm Du-thiện-na có cõi của Diễm Ma Vương, là nơi ở ban đầu của tất cả các loài quỷ, từ đó lưu chuyển cũng ở nơi khác.

Ở trong châu này có hai loại quỷ:

1. Có uy đức.

2. Không có uy đức. Loài có uy đức, hoặc là ở trong rừng hoa-rừng quả, trên các loại cây, trong rừng núi đẹp đẽ, cũng có cung điện ở giữa hư không; cho đến hoặc là ở những nơi thanh tịnh khác, thọ nhận các niềm vui của phước thiện. Loài không có uy đức, hoặc là ở trong nhà xí-chuồng phân, mương nước-hào rãnh; cho đến hoặc là ở những nơi bất tịnh đủ loại dơ bẩn, phước ít mà bần cùng đói khát khốn khổ.

Ở châu Đông Tỳ-đề-ha và Tây Cù-đà-ni, cũng có hai loại này; châu Bắc Câu-lô chỉ có loài có nhiều uy đức.

Có người nói: hoàn toàn không có, bởi vì các nẻo quỷ do tham keo mà cảm đến, châu Bắc Câu-lô là nơi sinh của các hữu tình không hề có sự thâu nhiếp tiếp nhận.

Trong cõi trời Tứ Đại Vương Chúng và cõi trời Tam Thập Tam, tuy có loài quỷ có nhiều uy đức, mà giữ cổng-tuần tra đi theo phục vụ cho chư Thiên.

Có người nói: Ở phía Tây châu Thiệm Bộ này, có năm trăm cồn đất, sắp xếp làm hai hàng; ở trong cồn đất thuộc hai hai hàng, có năm trăm khu thành, hai trăm năm mươi khu thành là nơi ở của loài quỷ có uy đức, hai trăm năm mươi khu thành là nơi ở của loài quỷ không có uy đức.

Vì thế cho nên xưa kia có vị Chuyển Luân Vương tên gọi Nhĩ-di, bảo với người đánh xe tên gọi Ma-đát-lê: Ta muốn đi mọi nơi để quan sát, ông có thể đánh xe đi theo con đường này, để cho Ta nhìn thấy các loài hữu tình nhận lấy quả thiện ác. Lúc ấy Ma-đát-lê liền như lời của nhà vua, đánh xe đi qua ở giữa hai cồn đất, nhà vua nhìn thấy loài quỷ có uy đức kia, đầu đội vòng hoa tươi đẹp, thân mặc áo quần cõi trời, ăn thức ăn ngon lành giống như người cõi trời, tất cả đều ngồi xe voi-xe ngựa dạo chơi vui vẻ; nhìn thấy loài quỷ không có uy đức, đầu tóc rối tung, thân hình lõa lồ không có áo quần, mặt mày khô đét tiều tụy, lấy tóc tự che kín, tay cầm đồ đựng bằng đất mà đi xin ăn. Trông thấy rồi tin tưởng sâu sắc đối với nghiệp quả thiện ác.

Hỏi: Hình dáng của loài quỷ như thế nào?

Đáp: Phần lớn giống như loài người, cũng có loài đi ngang, hoặc là mặt tựa như heo, hoặc là tựa như các loại chim thú hung ác khác.

Hỏi: Ngôn ngữ của loài ấy như thế nào? Đáp: Lúc kiếp mới thành lập đều là Thánh ngữ, về sau tùy theo nơi chốn phát ra các loại ngôn ngữ.

Hoặc là có người nói: Hễ từ nơi nào mạng chung, sinh đến nơi này thì làm hình dáng loài ấy, liền phát ra ngôn ngữ của loài ấy.

Lời bình: Không nên đưa ra cách nói này, bởi vì nếu từ cõi Vô sắc chết đi rồi sinh đến nẻo này, thì có thể không có hình dáng, không có ngôn ngữ hay sao? Nên đưa ra cách nói này: Tùy theo nơi đã sinh đến thì hình dáng ngôn ngữ cũng như vậy.

Hỏi: Thế nào là nẻo người?

Đáp: Loài người cùng một loại Chúng đồng phần làm bạn, cho đến nói rộng ra.

Hỏi: Vì sao nẻo này gọi là Mạt-nô-sa?

Đáp: Xưa kia có vị Chuyển Luân Vương tên gọi Mạn-đà-đa, bảo với mọi người rằng: Các ông có muốn làm điều gì, thì trước hết phải tư duy kỹ càng, quán sát phù hợp. Lúc bấy giờ mọi người liền như lời của nhà vua, có muốn làm điều gì, đều trước hết là phải tư duy kỹ càng, quán sát phù hợp, thì đối với các loại nghiệp xứ tinh xảo mà đạt được thiện xảo. Bởi vì có thể dùng ý để tư duy quán sát mà làm việc, cho nên gọi là Mạt-nô-sa. Từ đó đến nay chỉ lập theo tên gọi ấy. Trước lúc chưa gọi theo tên gọi Mạt-nô-sa này, con người có lúc gọi nhau là Vân Cảnh, hoặc gọi là Đa-la-kính, hoặc gọi là Để-lạc-ca, hoặc gọi là A-sa-đồ.

Có người nói: Mạt-nô-sa là giả danh-giả tưởng, cho đến nói rộng ra.

Có người nói: Trước đây tạo tác tăng trưởng về hành diệu của thân-ngữ-ý ở bậc thấp, hướng đến nẻo ấy-sinh về nẻo ấy, làm cho nối tiếp nhau sinh vào nẻo ấy, cho nên gọi là nẻo người.

Có người nói: Nhiều kiêu mạn cho nên gọi là người, bởi vì trong năm nẻo thì nhiều kiêu mạn, không có nẻo nào bằng nẻo người.

Có người nói: Ý có thể vắng lặng cho nên gọi là người, bởi vì trong năm nẻo thì ý có thể vắng lặng, không có nẻo nào bằng nẻo người.

Vì vậy trong kinh nói: "Loài người có ba điều mạnh hơn so với chư Thiên:

1. Dũng mãnh.
2. Ức niệm.

3. Phạm hạnh.

Dũng mãnh, đó là không thấy quả tương lai mà có thể tu các pháp khổ hạnh. Ức niệm, đó là có thể nhớ lại hết sức rõ ràng những việc đã làm, những lời đã nói trải qua thời gian dài. Phạm hạnh, đó là có thể bắt đầu gieo trồng những căn thiện thù thắng như thuận phần Giải tho- át, thuận phần Quyết trạch…, và có thể tiếp nhận giữ gìn giới Biệt giải thoát. Bởi vì nhân duyên này, cho nên gọi là nẻo người."

Hỏi: Loài người ở nơi nào?

Đáp: Ở bốn châu lớn, đó là châu Thiệm Bộ, châu Tỳ-đề-ha, châu Cù-đà-ni, châu Câu-lô. Cũng ở tám châu trung bình. Như thế nào là tám châu? Đó là châu Câu-lô có hai quyến thuộc:

1. Châu Cử-lạp-bà.
2. Châu Kiêu-lạp-bà.

Châu Tỳ-đề-ha có hai quyến thuộc:

1. Châu Đề-ha.
2. Châu Tô-đề-ha.

Châu Cù-đà-ni có hai quyến thuộc:

1. Châu Xá-trĩ.
2. Châu Ốt-đát-la-mạn-đát-lý-noa. Châu Thiệm Bộ có hai quyến thuộc:

1. Châu Giá-mạt-la.
2. Châu Phiệt-la-giá-mạt-la.

Hình dáng của con người trong tám châu này, thấp nhỏ giống như người lùn ở phương này.

Có người nói: Bảy châu là nơi ở của loài người, châu Giá-mạt-la chỉ có La-sát-sa cư trú.

Có người nói: Ở đây đã nói tám châu, tức là tên gọi khác của bốn châu lớn, bởi vì mỗi một châu đều có hai tên gọi khác.

Nói như vậy thì phải như cách nói trước, mỗi một châu trong tám châu này lại có năm trăm châu nhỏ để làm quyến thuộc, trong đó hoặc là có loài người cư trú, hoặc là loài phi nhân cư trú, hoặc là trống không.

Hỏi: Loài người hình dáng diện mạo như thế nào?

Đáp: Hình dáng của loài người đứng thẳng, nhưng người châu Thiệm Bộ thì mặt như thùng xe, người châu Tỳ-đề-ha thì mặt như nửa vầng trăng, người châu Cù-đà-ni thì mặt như vầng trăng tròn, người châu Câu-lô thì

mặt như cái hồ vuông.

Hỏi: Ngôn ngữ như thế nào?

Đáp: Lúc thế giới mới thành lập thì tất cả đều là Thánh ngữ, về sau bởi vì ăn uống-thời gian-hữu tình không bình đẳng, và bởi vì dối gạt nịnh hót tăng mạnh, cho nên đã có các loại ngôn ngữ, thậm chí có người không có thể nói được.

Hỏi: Thế nào là nẻo trời?

Đáp: Loài trời cùng một loại Chúng đồng phần làm bạn, cho đến nói rộng ra.

Hỏi: Vì sao nẻo này gọi là Mạt-nô-sa?

Đáp: ở trong các nẻo thì nẻo ấy thù thắng nhất, vui sướng nhất, tốt lành nhất, tuyệt vời nhất, cao nhất, cho nên gọi là nẻo trời.

Có người nói: Trước đây tạo tác tăng trưởng về hành diệu của thân-ngữ-ý ở bậc cao, hướng đến nẻo ấy-sinh về nẻo ấy, làm cho nối tiếp nhau sinh vào nẻo ấy, cho nên gọi là nẻo trời.

Có người nói: Trời là giả danh-giả tưởng, cho đến nói rộng ra.

Có người nói: Ánh sáng tăng thêm cho nên gọi là trời, bởi vì ánh sáng nơi thân tự nhiên của nẻo ấy luôn luôn chiếu rọi, ngày đêm như nhau.

Phái Thanh luận nói: Có thể soi chiếu cho nên gọi là trời, bởi vì quả thù thắng hiện tại soi chiếu rõ ràng nhân đã tu của thời gian trước. Lại nữa, chơi đùa vui sướng cho nên gọi là trời, bởi vì luôn luôn dạo chơi khắp nơi hưởng thụ niềm vui thù thắng.

Hỏi: Chư Thiên trú ở nơi nào?

Đáp: Cõi trời Tứ Đại Vương Chúng trú ở bảy núi vàng, cho đến ở trên bốn tầng của núi Diệu Cao, và ở trong mặt trời-mặt trăng. Cõi trời Tam Thập Tam trú ở đỉnh núi Diệu Cao, cõi trời Dạ Ma cho đến cõi trời Sắc Cứu Cánh, đều ở trên mây dày như mặt đất giữa không trung, đều có cung điện cư trú ở trong đó. Sai biệt thì nói rộng ra như chương Đại Chủng Uẩn. Chư Thiên cõi Vô sắc, không có hình sắc cho nên không có trú xứ riêng biệt.

Hỏi: Hình tướng của chư Thiên như thế nào? Đáp: Hình dáng của chư Thiên đứng thẳng. Hỏi: Ngôn ngữ như thế nào?

Đáp: Đều là Thánh ngữ.

Đã nói về từng loại sai biệt trong năm nẻo, ở trong đó có loài A-tố-lạc, nay sẽ nói đến. Đó là có Bộ khác lập ra loài A-tố-lạc làm nẻo thứ sáu, Bộ ấy không nên đưa ra đưa ra cách nói này, bởi vì kinh chỉ nói là có năm

nẻo.

Hỏi: Vì sao gọi là A-tố-lạc?

Đáp: Tố-lạc là trời, loài ấy không phải là trời cho nên gọi là A- tố-lạc.

Lại nữa, Tố-lạc là đoan chánh, loài ấy không phải là đoan chánh cho nên gọi là A-tố-lạc. Bởi vì loài ấy ganh ghét với chư Thiên, khiến cho đã cảm đến thân hình không đoan chánh.

Lại nữa, Tố-lạc gọi là cùng loại, loài ấy trước đây gần gũi với trời mà cư trú, nhưng bởi vì chủng loại không giống nhau, cho nên gọi là A-tố-lạc.

Nghĩa là lúc thế giới mới thành lập thì các A-tố-lạc trước đó trú ở đỉnh núi Tô-mê-lô, về sau có trời ở cõi Cực Quang Tịnh hết tuổi thọ- hết nghiệp-hết phước, cho nên từ cõi trời ấy chết đi sinh vào trong chỗ này, cung điện thù thắng vi diệu tự nhiên mà xuất hiện, các A-tố-lạc sinh tâm ganh ghét tức giận liền tránh xa nơi ấy. Sau này lại có vị trời thứ hai sinh đến, loài ấy tiếp tục chuyển chỗ. Như vậy cho đến ba mươi ba vị trời theo thứ tự mà trú ở khắp đỉnh núi Diệu Cao, loài ấy vô cùng tức giận liền lùi xuống phía dưới. Nhưng chúng chư Thiên vào lúc mới sinh ra đều chỉ về loài ấy mà nói: Đây không phải là chủng loại của mình, đây không phải là chủng loại của mình. Vì vậy lần lượt chuyển tiếp nói không phải là cùng loại. Lại do sinh tâm ganh ghét tức giận cho nên thân hình không đoan chánh, chính vì vậy cho nên nói không phải là đoan chánh.

Hỏi: Các A-tố-lạc lùi xuống trú ở nơi nào?

Đáp: Có người nói: Trong núi Diệu Cao có nơi thiếu vắng rỗng rang như đồ dùng quý báu úp xuống, trong đó có khu thành là nơi ở của loài ấy.

Hỏi: Vì sao kinh nói A-tố-lạc cho rằng mình ở trong biển cùng một vị mặn?

Đáp: Làng mạc của Bộ ấy ở trong biển mặn, mà vua A-tố-lạc thì ở trong núi ấy.

Có người nói: Trong biển mặn rộng lớn, ở trên tầng Kim luân có đài vàng to lớn, cao rộng đều năm trăm Du-thiện-na, trên đài ấy có khu thành là nơi ở của loài ấy.

Hỏi: Nếu như vậy thì vì sao luận Thi Thiết nói: "Các loài rồng trong biển thấy quân đội của A-tố-lạc, mặc áo giáp bằng vàng, bạc, phệ lưu ly, pha-chi-ca; cầm các loại binh khí bàng vàng-bạc…, từ trong thành của A-tố-lạc đi ra, liền báo cho chư Thiên biết."

Đáp: Chư Thiên đem các loài rồng ở trên núi vàng để mà tuần tra bảo

vệ, lúc ấy từ xa thấy quân đội của A-tố-lạc ở trong biển mặn rộng lớn, từ khu thành mà đi ra, liền báo cho chư Thiên biết. Như cõi trời Tam Thập Tam có bốn khu vườn tuyệt vời, đó là Chúng Xa-Thô Ác- Tạp Lâm và Hỷ Lâm. Vua A-tố-lạc cũng có bốn khu vườn:

1. Tên gọi Khánh Duyệt.
2. Tên gọi Hoan Hỷ.
3. Tên gọi Cực Hỷ.
4. tên gọi Khả Ái. Như cõi trời Tam Thập Tam có cây Ba-lợi-dạ-đát-la. Vua A-tố-lạc cũng có cây Chất-đát-la-ba-tra-lê. Như cõi trời Tam Thập Tam thì Đế Thích làm chủ, các A-tố-lạc thì Tỳ-ma-chất-đát- la làm chủ.

Hỏi: Hình tướng của A-tố-lạc như thế nào? Đáp: Hình dáng của A-tố-lạc đứng thẳng. Hỏi: Ngôn ngữ như thế nào?

Đáp: Đều là Thánh ngữ.

Hỏi: Các A-tố-lạc do nẻo nào thâu nhiếp? Đáp: Có người nói: Là do nẻo trời thâu nhiếp.

Hỏi: Nếu như vậy thì vì sao không có thể tiến vào Chánh tánh ly sinh?

Đáp: Bởi vì nịnh hót cong queo làm cho che khuất. Hỏi: Điều ấy như thế nào?

Đáp: Loài ấy thường nghi ngờ Đức Phật là bạn thân với chư Thiên, nếu Đức Phật vì họ nói về bốn Niệm trú, thì họ dấy lên nghĩ rằng: Phật vì chúng ta nói về bốn Niệm trú, chắc chắn vì chư Thiên nói về năm Niệm trú. Cho đến nếu Đức Phật vì họ nói về ba mươi bảy pháp Trợ đạo, thì họ dấy lên nghĩ rằng: Phật vì chúng ta nói về ba mươi bảy pháp Trợ đạo, chắc chắn vì chư Thiên nói về ba mươi tám pháp Trợ đạo. Bởi vì tâm nịnh hót cong queo như vậy làm cho che khuất, cho nên không có thể tiến vào Chánh tánh ly sinh.

Lại nữa, không thể bởi vì không có thể tiến vào Chánh tánh ly sinh, liền cho rằng do nẻo ác thâu nhiếp; như những người Đạt-noa và Miệt-lệ-xa cũng không có thể tiến vào Chánh tánh ly sinh, mà không phải là do nẻo ác thâu nhiếp, loài ấy cũng phải như vậy.

Nói như vậy thì đều là do nẻo quỷ thâu nhiếp.

Hỏi: Nếu như vậy thì vì sao kinh nói: "Đế Thích nói với vua A-tố-lạc là Tỳ-ma-chất-đát-la rằng: Ông vốn là trời ở nơi này."

Đáp: Đế Thích nên nói rằng ông vốn là quỷ ở nơi này, mà nói là trời bởi vì tôn kính cha vợ, cho nên nói ra lời dịu dàng này, và làm cho Thiết Chi nghe mà sinh lòng hoan hỷ.

Hỏi: Nếu là quỷ thì vì sao kết thân cùng với chư Thiên?

Đáp: Chư Thiên tham sắc đẹp cho nên không vì chủng loại dòng họ, như Thiết Chi là phụ nữ A-tố-lạc mà đoan chánh không gì sánh bằng, vì thế cho nên Đế Thích tiếp nhận để làm vợ; cũng như con gái của Đại Thụ là vua Khẩn-nại-lạc tên là Đoạt Ý đoan chánh không gì sánh bằng, tuy là thuộc về nẻo bàng sinh, mà Thái tử Tô-đạt-na Bồ-tát của vua Tô-mê cầu kết thân làm vợ, ở đây cũng như vậy.

Hỏi: Vì sao lại thường xuyên đánh nhau với chư Thiên?

Đáp: Cũng có người yếu kém cùng đánh nhau với người mạnh khỏe, như tôi tớ đánh nhau với chủ, chó gây sự với người.

Hỏi: Cũng có loài đã nhờ hầu hạ chư Thiên mà làm người cõi trời, như thần Phiệt-lật-đạt-na, thần Chiên-trĩ-ca, thần Chiên-đồ-lữ-ca, thần Bố-lạt-noa-bạt-đạt-la, thần Ma-ni-bạt-đạt-la, thần Ha-lợi-để, thần Mạt-độ-tắc-kiến-đà…, là nẻo trời hay là nẻo quỷ? Nếu là nẻo trời, thì vì sao đoạt lấy tinh khí của loài người, cũng đoạn dứt mạng sống loài người, thọ nhận sự cúng tế của loài người? Bởi vì chư Thiên nhìn đồ ăn thức uống của loài người giống như phân dơ, không nên tham ăn mà cho là thơm ngon. Nếu là nẻo quỷ, thì thần Ha-lợi-để đã nói tụng làm sao thông hiểu? Như nói:

"Này Khả Ái! Ông nên lặng lẽ, Ốt-đát-la cũng phải như vậy,

Nếu đến lúc Ta thấy chân lý, cũng khiến cho các ông cùng thấy."

Thần Mạt-độ-tắc-kiến-đà đã nói lại hiểu thế nào? Như nói: "Trưởng giả đừng sợ, Trưởng giả đừng sợ! Đời thứ hai trước đây Ta tên là Mạt-độ-tắc-kiến-đà, cùng với Trưởng giả thường làm bạn thân, nay sinh trong cõi trời Tứ Đại Vương Chúng, luôn luôn ở trên cổng Thỉ- phược-ca này che chở bảo vệ mọi người." Đáp: Có người nói: Những vị ấy là thuộc nẻo trời.

Hỏi: Nếu như vậy thì vì sao đoạt lấy tinh khí của loài người, cũng đoạn dứt mạng sống loài người, thọ nhận sự cúng tế của loài người?

Đáp: Những vị ấy không có việc làm như vậy, nhưng quỷ thần do họ cai quản có những việc làm như đoạt lấy tinh khí của loài người…

Nói như vậy thì những vị ấy là thuộc nẻo quỷ.

Hỏi: Thần Ha-lợi-để đã nói tụng làm sao thông hiểu?

Đáp: Vị ấy ngu muội đối với chân lý, thật ra không có thể thấy được, mà bởi vì lòng tin sâu sắc cho nên phát ra lời nói này. Vả lại, vào lúc bấy giờ nghe nói về bốn Đế, khởi lên tăng thượng mạn, sinh ra ý tưởng thấy được chân lý, cho nên dấy lên nói như vậy.

Hỏi: Thần Mạt-độ-tắc-kiến-đà đã nói lại hiểu thế nào?

Đáp: Vị ấy ngu muội đối với nẻo, thật ra không có thể biện giải được, bởi vì tự cao cho nên nói là mình sinh đến cõi trời; như người giàu có bây giờ đến bên cạnh tôi tớ nô lệ tự xưng là cao quý, điều ấy cũng như vậy. Vả lại, họ nhờ hầu hạ chư Thiên cõi trời Tứ Đại Vương Chúng, mà cho rằng chính mình giống như đã được hầu hạ, cho nên dấy lên nói như vậy.

Các vị thần dựa vào mặt đất mà trú như Cưu-bạn-trà, Dược-xoa, La-sát-sa, Yết-tra-bố-đát-na…, đều thuộc về nẻo quỷ. Nếu Khẩn-nại- lạc, Tất-xá-già, Hê-lô-sách-ca, Bà-lộ-ni-chiết-la, Pha-lặc-độc-la…, thì đều thuộc về nẻo bàng sinh, hình dáng của những loài ấy tuy đứng thẳng mà hãy còn có tướng của bàng sinh, nghĩa là hoặc có tai nhọn, hoặc có mang sừng, hoặc cầm vũ khí hiểm độc, hoặc làm đầu của các loại chim thú, hoặc làm móng chân vốn có của loài bàng sinh, vì thế cho nên đều là nẻo bàng sinh thâu nhiếp.

Trong này, bốn nẻo trước chỉ hệ thuộc cõi Dục, cho nên dựa vào Định Vị chí mà diệt. Nẻo trời dựa vào bảy địa hoặc là Vị chí mà diệt. Nhưng nẻo trời hệ thuộc chín địa, hệ thuộc cõi Dục thì dựa vào Định Vị chí mà diệt; cho đến hệ thuộc Phi tưởng phi phi tưởng xứ thì dựa vào bảy Căn bản-Định Vị chí-Tĩnh lự trung gian mà diệt.

Nhưng trong này đã nói về Định, có người nói: Định vô lậu. Có người nói: Định hữu lậu-vô lậu. Như trước đã phân biệt.

Đã nói về Diệt, nếu nói đây là dựa vào chủng loại của Diệt mà nói, thì đó là nói đến Vị chí đã thâu nhiếp Định Vị chí, Tĩnh lự trung gian, Cận phần của bảy địa trên, ở trong Định Vị chí thâu nhiếp hữu lậu-vô lậu, cho nên dựa vào Định này có thể diệt nẻo trời hệ thuộc cõi Dục, cho đến hệ thuộc Phi tưởng phi phi tưởng xứ. Nếu nói đây là dựa vào cứu cánh của Diệt mà nói, thì đó là nói đến Vị chí thâu nhiếp Định Vị chí-Tĩnh lự trung gian, ở trong Định Vị chí chỉ thâu nhiếp vô lậu, cho nên dựa vào Định này có thể diệt nẻo trời hệ thuộc Phi tưởng phi phi tưởng xứ. Vì vậy cho nên nói là dựa vào bảy địa hoặc là Vị chí mà diệt.

-oOo-

LUẬN A TỲ ĐẠT MA ĐẠI TỲ BÀ SA

QUYỂN 173

LUẬN VỀ NHIẾP (Phần 8)

Năm Diệu dục, đó là do mắt mà biết Sắc đáng yêu-đáng mừng- đáng vui, như Ý có thể dẫn đến ham muốn Sắc có thể nhiễm trước; cho đến do Thân mà biết Xúc đáng yêu-đáng mừng-đáng vui, như Ý có thể dẫn đến ham muốn Xúc có thể nhiễm trước.

Hỏi: Vì sao soạn ra phần luận này?

Đáp: Bởi vì muốn phân biệt nghĩa lý trong kinh. Như trong kinh nói: "Do mắt mà biết Sắc đáng yêu-đáng mừng-đáng vui…" Trong kinh tuy nói ra điều này, mà không phân biệt rộng ra, kinh là nơi nương tựa căn bản của luận này, điều gì mà kinh không giải thích, thì nay cần phải giải thích, cho nên soạn ra phần luận này.

Hỏi: Thế nào là do mắt mà biết Sắc là Diệu dục?

Đáp: Nếu Sắc của cõi Dục do Nhãn xúc mà sinh ra cảnh sở duyên của Ái.

Hỏi: Thế nào là do tai mà biết Thanh là Diệu dục?

Đáp: Nếu Thanh của cõi Dục do Nhĩ xúc mà sinh ra cảnh sở duyên của Ái.

Hỏi: Thế nào là do mũi mà biết Hương là Diệu dục?

Đáp: Nếu Hương của cõi Dục do Tỷ xúc mà sinh ra cảnh sở duyên của Ái.

Hỏi: Thế nào là do lưỡi mà biết Vị là Diệu dục?

Đáp: Nếu Vị của cõi Dục do Thiệt xúc mà sinh ra cảnh sở duyên của Ái.

Hỏi: Thế nào là do thân mà biết Xúc là Diệu dục?

Đáp: Nếu Xúc của cõi Dục do Thân xúc mà sinh ra cảnh sở duyên của Ái.

Hỏi: Do ý mà biết pháp, vì sao không lập làm Diệu dục?

Đáp: Đều là cảnh sở duyên của Ái thì lập làm Diệu dục, do ý mà biết

pháp có lúc không phải là sở duyên của Ái, cho nên không lập làm Diệu dục.

Lại nữa, nếu pháp làm sở duyên của hai loại Ái thì lập làm Diệu dục, đó là do Nhãn xúc mà sinh ra Ái và do Ý xúc mà sinh ra Ái, cho đến do Thân xúc mà sinh ra Ái và do Ý xúc mà sinh ra Ái; do ý mà biết pháp chỉ làm sở duyên của một loại Ái, đó là do Ý xúc mà sinh ra Ái, cho nên không lập làm Diệu dục.

Hỏi: Nếu như vậy thì Sắc-Thanh-Xúc của Tĩnh lự thứ nhất nên lập làm Diệu dục, bởi vì cũng làm sở duyên của hai loại Ái?

Đáp: Nếu pháp làm sở duyên của hai loại Ái, mà Ái ấy là pháp bất thiện thì lập làm Diệu dục, Sắc-Thanh-Xúc của Tĩnh lự thứ nhất, tuy làm sở duyên của hai loại Ái, mà Ái ấy là pháp vô ký, cho nên không lập làm Diệu dục.

Như bất thiện và vô ký, Ái cõi Dục và Ái cõi Sắc nói cũng như vậy.

Có người nói: Nếu pháp làm sở duyên của hai loại Ái, mà Ái là nhân duyên của Dâm thì lập làm Diệu dục, Sắc-Thanh-Xúc của Tĩnh lự thứ nhất, tuy làm sở duyên của hai loại Ái, mà không phải Ái là nhân duyên của Dâm, cho nên không lập làm Diệu dục. Bởi vì nghĩa này cho nên do ý mà biết pháp, không lập làm Diệu dục.

Lại nữa, nếu pháp là do cùng nhau mà thọ dụng thì lập làm Diệu dục, như nữ nối tiếp nhau do nam mà thọ dụng, nam nối tiếp nhau do nữ mà thọ dụng…, do ý mà biết pháp không phải là cùng nhau thọ dụng, cho nên không lập làm Diệu dục.

Lại nữa, nếu pháp là Thể tướng hiển bày thô thiển, phần nhiều sinh ra Ái thì lập làm Diệu dục; do ý mà biết pháp thì Thể tướng vi tế, không phải là phần nhiều sinh ra Ái, cho nên không lập làm Diệu dục.

Đã nói về tự tánh, nay sẽ nói đến nguyên cớ. Hỏi: Vì sao gọi là Diệu dục?

Đáp: Bởi vì Dục này tuyệt diệu, cho nên gọi là Diệu dục.

Hỏi: Dục này đều là hữu lậu, có nhiều những sai lầm, có công đức gì mà gọi là tuyệt diệu?

Đáp: Trong này cũng có phần ít công đức, đó là có thể sinh ra vui mừng cho nên nói là tuyệt diệu.

Lại nữa, các Dục thấp hèn mà đam mê ham muốn, tăng thêm phân biệt chọn lấy thanh tịnh tuyệt vời, cho nên nói là tuyệt diệu.

Lại nữa, các Dục xứng với ý đáng ham muốn, cho nên nói là tuyệt

diệu.

Lại nữa, các Dục là đam mê ham muốn, tôn sùng hy vọng giữ gìn, cho nên nói là tuyệt diệu.

Lại nữa, Dục này có thể tùy thuận tăng trưởng vị Ái của tham dục, cho nên nói là tuyệt diệu.

Tôn giả Diệu Âm nói rằng: "Đây là nơi người ngu khởi lên tưởng là tuyệt diệu, cho nên gọi là tuyệt diệu."

Tôn giả Thế Hữu nói rằng: "Đây là sự yêu quý-sự mừng rỡ-sự vui thích-sự mong cầu của các tập khí ham muốn, cho nên gọi là Diệu dục."

Tôn giả Giác Thiên nói rằng: "Các Dục tuy không phải là tuyệt diệu thuộc thắng nghĩa, mà là tuyệt diệu thuộc thế tục; tuy không phải là tuyệt diệu của cứu cánh, mà là tuyệt diệu của tạm thời, nghĩa là có thể không mấy chốc dẫn dắt sinh ra vui mừng, ngừng lại những khổ đau."

Đại đức nói rằng: "Các Dục thấp kém mà tựa như thanh tịnh tuyệt diệu, cho nên nói là tuyệt diệu. Bởi vì nhân duyên này, cho nên gọi là Diệu dục."

Như trong kinh nói: "Tỳ kheo Ca-mạc-ca đi đến nơi Đức Phật, đảnh lễ dưới chân Đức Phật rồi thưa với Đức Phật rằng: Thưa Đức Thế Tôn! Đức Phật thường nói về Dục, Dục là hiển bày về điều gì? Đức Phật nói rằng: Dục ấy chính là năm Diệu dục. Như thế nào là năm? Đó là do mắt mà biết Sắc đáng yêu-đáng mừng-đáng vui, như Ý có thể dẫn đến ham muốn Sắc có thể nhiễm trước…"

Hỏi: Thắng nghĩa về Dục thì đó là Ái, vì sao Đức Thế Tôn nói Sắc… gọi là Dục?

Đáp: Là Dục vốn có cho nên gọi là Dục, như niềm vui vốn có gọi là niềm vui, vết bẩn vốn có gọi là vết bẩn, phiền não vốn có gọi là phiền não, ở đây cũng như vậy.

Hỏi: Vì sao biết được thắng nghĩa về Dục chỉ là Ái?

Đáp: Dựa vào A-kiệp-ma (a-hàm). Như "Tôn giả Xá-lợi-tử nói tụng (già-tha) rằng:

Các cảnh Diệu của thế gian không phải Dục thật sự,
Dục thật sự đó là người phân biệt rõ về tham,
Cảnh tuyệt diệu nếu như vốn có ở tại thế gian,
Thì người trí ở trong đó đã loại trừ tham dục.

Lúc bấy giờ có ngoại đạo tà mạng đứng cách đó không xa, ngay tức thì dùng bài tụng vặn hỏi Xá-lợi-tử rằng:

Nếu cảnh Diệu của thế gian không phải Dục thật sự,
Nói Dục thật sự là người phân biệt rõ về tham,
Thì Tỳ kheo phải gọi là người thọ nhận về Dục,
Bởi vì khởi lên suy nghĩ phân biệt về xấu ác.

Lúc ấy Xá-lợi-tử trả lời ngoại đạo rằng: Khởi lên suy nghĩ phân biệt về xấu ác thật sự gọi là thọ nhận về Dục. Lại vì ngoại đạo mà nói tụng rằng:

Nếu cảnh Diệu của thế gian chính là Dục thật sự,
Nói Dục không phải là người phân biệt rõ về tham,
Thì thầy ông phải gọi là người thọ nhận về Dục,
Bởi vì luôn luôn nhìn ngắm sắc tuyệt diệu vừa ý.

Lúc ấy ngoại đạo im lặng không có thể trả lời." Vì vậy biết Dục thật sự là Ái chứ không phải là cảnh.

Trong kinh nói: "Dục sinh khởi có ba loại:

1. Có các hữu tình ưa thích cảm thọ các cảnh Diệu dục hiện rõ trước mắt, lúc ấy ở trong cảnh Dục hiện rõ như vậy tự tại mà chuyển, gọi là người và phần ít của trời; người là toàn phần thuộc về nẻo người, phần ít của trời đó là bốn cõi trời dưới.

2. Có các hữu tình ưa thích cảm thọ các cảnh Diệu dục tự mình hóa ra, lúc ấy ở trong cảnh Diệu dục tự mình hóa ra, tự tại mà chuyển, gọi là cõi trời Lạc Biến Hóa thứ năm.

3. Có các hữu tình ưa thích cảm thọ các cảnh Diệu dục người khác hóa ra, lúc ấy ở trong cảnh Diệu dục người khác hóa ra tự tại mà chuyển, gọi là cõi trời Tha Hóa Tự Tại thứ sáu."

Hỏi: Dựa vào đâu để kiến lập ba loại Dục sinh khởi này?

Đáp: Dựa vào cảm thọ như sinh khởi cảnh Dục hiện rõ trước mắt cho nên kiến lập loại thứ nhất, dựa vào cảm thọ như ưa thích cảnh Dục tự mình hóa ra cho nên kiến lập loại thứ hai, dựa vào cảm thọ như ưa thích cảnh Dục người khác hóa ra cho nên kiến lập loại thứ ba.

Hỏi: Vì sao người và trời ở bốn cõi trước cùng hợp lại kiến lập về Dục sinh khởi, trời ở hai cõi sau đều kiến lập riêng biệt?

Đáp: Phiền não của người và trời ở bốn cõi trước là thô thiển, phiền não của trời ở hai cõi sau là vi tế.

Lại nữa, phiền não của người và trời ở bốn cõi trước là sắc bén, phiền não của trời ở hai cõi sau là chậm chạp.

Lại nữa, phiền não của người và trời ở bốn cõi trước là nặng nề, phiền não của trời ở hai cõi sau là nhẹ nhàng. Vì vậy cho nên, người và trời ở bốn cõi trước thì kiến lập chung, trời ở hai cõi sau thì kiến lập riêng biệt.

Có người nói: Cảnh của người và trời ở bốn cõi trước thì không mạnh mẽ, cảnh của trời ở hai cõi sau thì mạnh mẽ.

Lại nữa, cảnh của người và trời ở bốn cõi trước thì không đầy đủ, cảnh của trời ở hai cõi sau thì đầy đủ.

Lại nữa, cảnh của người và trời ở bốn cõi trước thì không thanh tịnh vi diệu, cảnh của trời ở hai cõi sau thì thanh tịnh vi diệu.

Lại nữa, cảnh của người và trời ở bốn cõi trước thì không làm cho tâm mất đi, cảnh của trời ở hai cõi sau thì làm cho tâm mất đi.

Lại nữa, cảnh của người và trời ở bốn cõi trước thì không có thể làm cho các căn mê muội, cảnh của trời ở hai cõi sau thì có thể làm cho các căn mê muội. Vì vậy cho nên, người và trời ở bốn cõi trước thì kiến lập chung, trời ở hai cõi sau thì kiến lập riêng biệt.

Có người nói: Người và trời ở bốn cõi trước rời bỏ đạo lìa Dục, xa việc Dâm thì khó dứt, cho nên hợp lại mà kiến lập; trời ở hai cõi sau rời bỏ đạo lìa Dục, gần việc Dâm mà dễ dứt, cho nên kiến lập riêng biệt.

Có người nói: Người và trời ở bốn cõi trước xúc chạm với nhau thì thành Dâm, cho nên hợp lại mà kiến lập; cõi trời thứ năm cùng cười với nhau thì thành Dâm, cõi trời thứ sáu cùng nhìn nhau thì thành Dâm, cho nên đều kiến lập riêng biệt.

Đây là dựa vào thí dụ để hiển bày về thời lượng sai biệt của việc Dâm mà nói, phần còn lại đã phân tích như trước.

Có người nói: Người và trời ở bốn cõi trước, cùng ưa thích thọ dụng cảnh sinh khởi tự nhiên, cho nên hợp lại kiến lập một loại; cõi trời thứ năm chỉ ưa thích thọ dụng cảnh do mình đã hóa ra, cõi trời thứ sáu chỉ ưa thích thọ dụng cảnh do người khác đã hóa ra, cho nên đều kiến lập một loại.

Năm Diệu dục này chỉ hệ thuộc cõi Dục, vì thế cho nên chỉ dựa vào Định Vị chí mà diệt.

Năm Học xứ, đó là xa rời đoạn dứt sinh mạng, xa rời trộm cắp, xa rời tà dâm, xa rời lời nói giả dối, xa rời uống rượu. Năm loại này nói rộng ra như chương Nghiệp Uẩn, đều hệ thuộc cõi Dục, cho nên chỉ dựa vào Định Vị chí mà diệt.

Sáu Nội xứ, sáu Ngoại xứ, sáu Thức thân, sáu Xúc thân, sáu Thọ thân, sáu Tưởng thân, sáu Tư thân, sáu Ái thân, dựa vào Định nào mà diệt?

Đáp: Năm Nội xứ, Sắc-Thanh-Xúc ngoại xứ, dựa vào bốn địa hoặc là Vị chí mà diệt; Ý nội xứ, Pháp ngoại xứ, Ý thức thân, và Xúc-Thọ-Tưởng-Tư-Ái thân tương ưng với nó, dựa vào bảy địa hoặc là Vị chí mà

diệt; Hương-Vị ngoại xứ, Tỷ-Thiệt thức thân, và Xúc-Thọ-Tưởng- Tư-Ái thân tương ưng với nó, dựa vào Vị chí mà diệt; Nhãn-Nhĩ-Thân thức thân, và Xúc-Thọ-Tưởng-Tư-Ái thân tương ưng với nó, dựa vào Tĩnh lự thứ nhất hoặc là Vị chí mà diệt.

Hỏi: Vì sao ở đây dựa vào sáu pháp mà soạn luận?

Đáp: Đó là ý của người soạn luận muốn như vậy, cho nên tùy theo ý ấy mà soạn luận, nhưng không trái với pháp tướng thì không cần phải vặn hỏi.

Lại nữa, không cần phải hỏi về ý của người soạn luận, bởi vì đây là trong kinh đã nói. Ở mọi nơi trong kinh, Đức Phật nói về các môn sáu pháp này, mà không phân biệt rộng ra, kinh là nơi nương tựa căn bản của luận này, điều gì mà kinh không giải thích thì nay cần phải giải thích, cho nên soạn ra phần luận này.

Hỏi: Gác lại ý của người soạn luận, thì vì sao trong kinh Đức Phật nói về các môn sáu pháp này?

Đáp: Có người nói: Bởi vì hiển bày về năm Uẩn và Nhân của nó. Nghĩa là nếu nói đến năm Nội xứ trước, năm Ngoại xứ trước, và một phần của Pháp xứ, thì hiển bày về Sắc uẩn; nếu nói đến sáu Thọ thân và một phần của Pháp xứ, thì hiển bày về Thọ uẩn; nếu nói đến sáu Tưởng thân và một phần của Pháp xứ, thì hiển bày về Tưởng uẩn; nếu nói đến sáu Xúc thân và một phần của Pháp xứ, thì hiển bày về Hành uẩn; nếu nói đến sáu Thức thân và Ý xứ, thì hiển bày về Thức uẩn; nếu nói đến sáu Tư thân-sáu Ái thân, thì hiển bày về Nhân của năm Uẩn.

Như trong kinh nói: "Nghiệp làm Nhân của Sinh, Ái làm Nhân của Khởi, Sinh Khởi tức là đã đạt được năm Uẩn."

Có người nói: Bởi vì hiển bày về Nhân(tập) của ba loại là nghiệp-phiền não-khổ. Nghĩa là nếu nói đến sáu Tư thân thì hiển bày về Nhân của nghiệp, nếu nói đến sáu Ái thân thì hiển bày về Nhân của phiền não, nếu nói đến các môn sáu pháp khác thì hiển bày về Nhân của khổ.

Như bởi vì hiển bày về Nhân của ba loại như nghiệp…, như vậy bởi vì hiển bày về Sinh của ba loại như nghiệp…, về Đạo của ba loại như nghiệp…, nên biết cũng như vậy. Tự tánh của các môn sáu pháp, các chương như Tạp Uẩn…đã nói.

Nhưng năm Nội xứ trước, và Sắc-Thanh-Xúc ngoại xứ, đều hệ thuộc năm địa, cho nên dựa vào bốn địa hoặc là Vị chí mà diệt. Trong đó, hệ thuộc cõi Dục thì dựa vào Định Vị chí mà diệt; cho đến hệ thuộc Tĩnh lự thứ tư thì dựa vào bốn Tĩnh lự, Định Vị chí, Tĩnh lự trung gian, Cận phần

Không vô biên xứ mà diệt.

Nhưng trong này đã nói về Định, có người nói: Dựa vào Định vô lậu mà nói. Có người nói: Dựa vào Định hữu lậu-vô lậu mà nói. Như trước đã phân biệt.

Đã nói về Diệt, nếu nói là dựa vào chủng loại của Diệt mà nói, thì đó là nói đến Vị chí đã thâu nhiếp Định Vị chí, Tĩnh lự trung gian, Cận phần của bốn địa trên, ở trong Định Vị chí thâu nhiếp hữu lậu-vô lậu, cho nên dựa vào Định này có thể diệt năm Nội xứ, và Sắc-Thanh-Xúc ngoại xứ hệ thuộc cõi Dục, cho đến hệ thuộc Tĩnh lự thứ tư. Nếu nói là dựa vào cứu cánh của Diệt mà nói, thì đó là nói đến Vị chí thâu nhiếp Định Vị chí-Tĩnh lự trung gian và Cận phần Không vô biên xứ, ở trong Định Vị chí chỉ thâu nhiếp vô lậu, cho nên dựa vào Định này có thể diệt năm Nội xứ, và Sắc-Thanh-Xúc ngoại xứ hệ thuộc Tĩnh lự thứ tư. Vì vậy cho nên nói là dựa vào bốn địa hoặc là Vị chí mà diệt.

Ý nội xứ-Pháp ngoại xứ, Ý thức thân và Xúc-Thọ-Tưởng-Tư-Ái thân tương ưng với nó đều hệ thuộc chín địa, và có lúc không hệ thuộc. Hệ thuộc chín địa thì dựa vào bảy địa hoặc là Vị chí mà diệt. Trong đó, hệ thuộc cõi Dục thì dựa vào Định Vị chí mà diệt, cho đến hệ thuộc Phi tưởng phi phi tưởng xứ thì dựa vào bảy Căn bản-Định Vị chí-Tĩnh lự trung gian mà diệt.

Nhưng trong này đã nói về Định, có người nói: Định vô lậu. Có người nói: Định hữu lậu-vô lậu. Cũng như trước đã phân biệt.

Đã nói về Diệt, nếu nói là dựa vào chủng loại của Diệt mà nói, thì đó là nói đến Vị chí đã thâu nhiếp Định Vị chí, Tĩnh lự trung gian, Cận phần của bảy địa trên, ở trong Định Vị chí thâu nhiếp hữu lậu-vô lậu, cho nên dựa vào Định này có thể diệt Ý nội xứ… hệ thuộc cõi Dục, cho đến hệ thuộc Phi tưởng phi phi tưởng xứ. Nếu nói là dựa vào cứu cánh của Diệt mà nói, thì đó là nói đến Vị chí thâu nhiếp Định Vị chí-Tĩnh lự trung gian, ở trong Định Vị chí chỉ thâu nhiếp vô lậu, cho nên dựa vào Định này có thể diệt Ý nội xứ… hệ thuộc Phi tưởng phi phi tưởng xứ. Vì vậy cho nên nói là dựa vào bảy địa hoặc là Vị chí mà diệt.

Hương-Vị ngoại xứ, Tỷ-Thiệt thức thân, và Xúc-Thọ-Tưởng-Tư- Ái thân tương ưng với nó, đều hệ thuộc cõi Dục cho nên chỉ dựa vào Định Vị chí mà diệt.

Nhãn-Nhĩ-Thân thức thân, và Xúc-Thọ-Tưởng-Tư-Ái thân tương ưng với nó, đều hệ thuộc hai địa cho nên dựa vào Tĩnh lự thứ nhất hoặc là Vị chí mà diệt. Trong đó, hệ thuộc cõi Dục thì dựa vào Định Vị chí mà diệt, hệ thuộc Tĩnh lự thứ nhất thì dựa vào Tĩnh lự thứ nhất, Định Vị chí, Tĩnh

lự trung gian, Cận phần Tĩnh lự thứ hai mà diệt.

Nhưng trong này đã nói về Định, có người nói: Định vô lậu. Có người nói: Định hữu lậu-vô lậu. Cũng như trước đã phân biệt.

Đã nói về Diệt, có người nói: Dựa vào chủng loại của Diệt mà nói. Có người nói: Dựa vào cứu cánh của Diệt mà nói. Tùy theo sự thích hợp, cũng như trước đã phân biệt. Vì vậy cho nên nói là dựa vào Tĩnh lự thứ nhất hoặc là Vị chí mà diệt.

Bảy Thức trú, tám Pháp thế gian, chín Hữu tình cư, mười Nghiệp đạo, dựa vào Định nào mà diệt?

Đáp: Thức trú thứ nhất, tám Pháp thế gian, Hữu tình cư thứ nhất, mười Nghiệp đạo, dựa vào Vị chí mà diệt; Thức trú thứ hai, Hữu tình cư thứ hai, dựa vào Tĩnh lự thứ nhất hoặc là Vị chí mà diệt; Thức trú thứ ba, Hữu tình cư thứ ba, dựa vào hai địa hoặc là Vị chí mà diệt; Thức trú thứ tư, Hữu tình cư thứ tư, dựa vào ba địa hoặc là Vị chí mà diệt; Hữu tình cư thứ năm, dựa vào bốn địa hoặc là Vị chí mà diệt; Thức trú thứ năm, Hữu tình cư thứ sáu, dựa vào năm địa hoặc là Vị chí mà diệt; Thức trú thứ sáu, Hữu tình cư thứ bảy, dựa vào sáu địa hoặc là Vị chí mà diệt; Thức trú thứ bảy, Hữu tình cư thứ tám-thứ chín, dựa vào bảy địa hoặc là Vị chí mà diệt.

Bảy Thức trú nói rộng ra như chương Đại Chủng Uẩn.

Trong này, Thức trú thứ nhất chỉ hệ thuộc cõi Dục, cho nên chỉ dựa vào Định Vị chí mà diệt. Thức trú thứ hai hệ thuộc Tĩnh lự thứ nhất, cho nên dựa vào Tĩnh lự thứ nhất, Định Vị chí, Tĩnh lự trung gian, Cận phần Tĩnh lự thứ hai mà diệt. Thức trú thứ ba hệ thuộc Tĩnh lự thứ hai, cho nên dựa vào hai Tĩnh lự đầu, Định Vị chí, Tĩnh lự trung gian, Cận phần Tĩnh lự thứ ba mà diệt. Thức trú thứ tư hệ thuộc Tĩnh lự thứ ba, cho nên dựa vào ba Tĩnh lự đầu, Định Vị chí, Tĩnh lự trung gian, Cận phần Tĩnh lự thứ tư mà diệt. Thức trú thứ năm hệ thuộc Không vô biên xứ, cho nên dựa vào năm Căn bản-Định Vị chí-Tĩnh lự trung gian, Cận phần Thức vô biên xứ mà diệt. Thức trú thứ sáu hệ thuộc Thức vô biên xứ, cho nên dựa vào sáu Căn bản-Định Vị chí-Tĩnh lự trung gian, Cận phần Vô sở hữu xứ mà diệt. Thức trú thứ bảy hệ thuộc Vô sở hữu xứ, cho nên dựa vào bảy Căn bản-Định Vị chí-Tĩnh lự trung gian, Cận phần Phi tưởng phi phi tưởng xứ mà diệt.

Nhưng trong này đã nói về Định, có người nói: Định vô lậu. Có người nói: Định hữu lậu-vô lậu. Cũng như trước đã phân biệt. Đã nói về Diệt, trong này không có hai cách nói sai biệt về chủng loại của Diệt và cứu cánh của Diệt, bởi vì tất cả đều chỉ là hệ thuộc một địa.

Tám pháp thế gian, đó là:

1. Lợi.
2. Không có lợi.
3. Danh dự.
4. Mang lấy tai tiếng.
5. Ca ngợi.
6. Chê bai.
7. Vui sướng.
8. Khổ đau.

Hỏi: Vì sao soạn ra phần luận này?

Đáp: Bởi vì cần phải ngăn chặn tông chỉ của người khác để hiển bày về nghĩa lý của mình. Nghĩa là Luận giả Phân Biệt và các Sư thuộc Đại Chúng Bộ chấp rằng: Sinh thân của Đức Phật là pháp vô lậu. Vì sao họ đưa ra cách nói này? Bởi vì dựa vào trong kinh. Như trong kinh nói: "Như Lai sinh giữa thế gian, trú giữa thế gian, rời khỏi pháp hiện tại của thế gian, không bị pháp thế gian làm cho nhiễm ô." Họ dựa vào điều này cho nên nói Sinh thân của Đức Phật là pháp vô lậu. Vả lại, họ nói rằng bởi vì tất cả phiền não và tập khí, Đức Phật đều vĩnh viễn đoạn trừ, làm sao Sinh thân sẽ là hữu lậu? Bởi vì ngăn chặn ý đó để hiển bày Sinh thân của Đức Phật chỉ là pháp hữu lậu chứ không phải là vô lậu, cho nên soạn ra phần luận này.

Hỏi: Vì sao biết Sinh thân của Đức Phật là pháp hữu lậu?

Đáp: Như trong kinh nói: "Tỳ kheo nên biết! Bởi vì Vô minh mà che lấp, do kiết Ái mà ràng buộc, người ngu dốt cảm được thân có Thức, người thông minh cũng như vậy." Sinh thân của Đức Phật đã là quả của Vô minh và Ái, cho nên biết không phải là pháp vô lậu.

Lại trong kinh nói: "Mười Xứ và phần ít của hai Xứ là hữu lậu." Vì vậy cho nên biết Sinh thân của Đức Phật chắc chắn là hữu lậu. Nếu Sinh thân của Đức Phật là pháp vô lậu, thì người nữ Vô Tỉ không nên sinh tâm tham nhiễm, Ương-quật-lợi-ma-la không nên sinh tâm giận dữ, Ô-lô-tần-loa-ca-diếp-ba không nên sinh tâm ngu si, Bà-la-môn Ngao Mạn không nên sinh tâm kiêu mạn. Bởi vì Sinh thân của Đức Phật làm cho người khác sinh tâm tham nhiễm-giận dữ-ngu si-kiêu mạn, cho nên biết chắc chắn là hữu lậu.

Hỏi: Nếu như vậy thì kinh mà họ đã dẫn chứng nên hiểu thế nào?

Đáp: Ý bí mật của kinh ấy là nói về Pháp thân của Đức Phật, nghĩa là Như Lai sinh giữa thế gian, trú giữa thế gian là nói về Sinh thân của Đức

Phật; rời khỏi pháp hiện tại của thế gian, không bị pháp thế gian làm cho nhiễm ô là nói về Pháp thân của Đức Phật.

Lại nữa, pháp thế gian tức là tám pháp thế gian. Bởi vì Như Lai không bị tám pháp thế gian làm cho nhiễm ô, cho nên nói pháp thế gian không nhiễm ô, chứ không phải là nói đến vô lậu. Nghĩa là tám pháp thế gian thuận theo hữu tình thế gian, hữu tình thế gian cũng thuận theo tám pháp thế gian; tám pháp thế gian thuận theo Như Lai, Như Lai không thuận theo tám pháp thế gian, cho nên nói Như Lai không phải là do pháp thế gian làm cho nhiễm ô.

Lại nữa, Như Lai lìa xa tám pháp thế gian, cho nên nói là không nhiễm ô chứ không phải là nói đến vô lậu.

Hỏi: Như Lai cũng có tám pháp thế gian, vì sao nói là lìa xa?

Đáp: Có lợi, là như Trưởng giả Ô-yết-la, ở trong một ngày đem ba trăm ngàn bộ y phục cúng dường Đức Phật; Y vương Thời-phược-ca cùng tám mươi người ở trong một ngày, đều dâng cúng Đức Phật trăm ngàn bộ y Song-kiều-xá-da. Không có lợi, là như Đức Phật vào một lúc nọ khoác y ôm bát, đi vào thôn của Bà-la-môn Sa-la khất thực, ôm bát không mà đi vào rồi ôm bát không mà đi ra.

Có danh dự, là lúc Đức Phật mới sinh ra thì danh tiếng lên đến cõi trời Tha Hóa Tự Tại, lúc chứng được quả vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì danh tiếng lên đến cõi trời Sắc Cứu Cánh, lúc Chuyển pháp luân thì danh tiếng lên đến cõi trời Phạm. Mang lấy tai tiếng, là như Đức Phật trong một ngày gặp phải Bà-la-môn nữ Chiến-già phỉ báng, lại vào một lúc nọ bởi vì cô gái Tôn-đà-lợi mà tiếng xấu đồn khắp mười sáu nước lớn.

Có chê bai, là như Bà-la-môn ác miệng Bạt-la-đọa-xà, dùng năm trăm bài tụng mắng chửi ngay trước mặt Đức Phật. Có ca ngợi, là như chính Bà-la-môn ấy, bởi vì sắc diện của Đức Phật không đổi khác, cho nên đã phát sinh niềm tin thanh tịnh, lại dùng năm trăm bài tụng ca ngợi ngay trước mặt Đức Phật. Tôn giả Xá-lợi-tử dùng rất nhiều bài tụng, ca ngợi công đức Vô thượng của Đức Phật ngay trước mặt. Tôn giả A- nan-đà dùng rất nhiều bài tụng, ca ngợi pháp vi diệu hiếm có của Đức Phật ngay trước mặt. Như vậy các Đại luận sư như Ô-ba-ly, Bà-kỳ-xa, Ni-la-bộ-để…, đều dùng trăm ngàn bài tụng mà ca ngợi Đức Phật ngay trước mặt.

Có vui sướng, là Đức Phật có thân tâm thù thắng, cảm thọ niềm vui và niềm vui Khinh an, tất cả hữu tình vốn không có thể sánh kịp.

Có khổ đau, là Đức Thế Tôn cũng có đau lưng-đau đầu, bị gai Khiết-địa-la đâm làm tổn thương chân, và đá văng làm bị thương ngón chân chảy

máu.

Những pháp như vậy, Đức Thế Tôn đều có, vì sao nói là lìa xa?

Đáp: Những pháp ấy đều không có thể làm cho Đức Phật sinh tâm nhiễm ô, cho nên gọi là lìa xa. Nghĩa là Phật Thế Tôn tuy gặp được bốn pháp như Lợi… mà tâm không dâng cao, tuy gặp phải bốn pháp như Không có lợi… mà tâm không xuống thấp.

Lại nữa, tuy gặp được bốn pháp như Lợi… mà tâm không vui mừng, tuy gặp phải bốn pháp như Không có lợi… mà tâm không buồn lo.

Lại nữa, tuy gặp được bốn pháp như Lợi… mà tâm không sinh ra nhiễm trước bởi vì vui thích, tuy gặp phải bốn pháp như Không có lợi… mà tâm không sinh ra ưu sầu bởi vì ghét bỏ.

Lại nữa, tuy gặp được bốn pháp như Lợi… mà không sinh ra yêu thích, tuy gặp phải bốn pháp như Không có lợi… mà không sinh ra tức giận.

Ví như núi chúa Diệu Cao ở trên tầng Kim luân, gió mạnh từ tám hướng không có thể làm cho lay động; Đức Thế Tôn cũng như vậy, an trú trên tầng Kim luân của Giới, tám ngọn gió của thế gian vốn không có thể làm cho lay động. Vì vậy mà gọi là không bị pháp thế gian làm cho nhiễm ô, chứ không phải nói rằng Sinh thân là vô lậu cho nên nói là không nhiễm ô.

Hỏi: Như Lai đối với tất cả phiền não và tập khí, đều vĩnh viễn đoạn trừ, tại sao phải nói là hữu lậu?

Đáp: Tuy vĩnh viễn đoạn trừ các lậu trong thân mình, mà có thể tăng trưởng các lậu nơi thân người khác. Vả lại, sinh ra từ các lậu của thời gian trước, cho nên nói là hữu lậu. Cho nên bởi vì ngăn chặn tông chỉ của người khác để hiển bày về nghĩa lý của mình, mà soạn ra phần luận này.

Trong này, Lợi thì có hai loại:

1. Có mạng sống.

2. Không có mạng sống.

Lợi có mạng sống, đó là có được voi-ngựa-trâu-dê, vợ con-tôi tớ…; Lợi không có mạng sống, đó là có được những vật như vàng-bạc-áo quần… Không có lợi, đó chính là không có được hai loại Lợi như trước. Danh dự, đó là không ca ngợi ngay trước mặt. Mang lấy tai tiếng, đó là không chê bai ngay trước mặt. Ca ngợi, đó là sự ca ngợi ngay trước mặt. Chê bai, đó là sự chê bai ngay trước mặt. Vui sướng, đó là sự vui sướng thuộc thân tâm của cõi Dục. Có người nói: Chỉ chọn lấy niềm vui tương ưng với năm Thức. Khổ đau, đó là sự khổ đau thuộc thân tâm của cõi Dục. Có người nói: Chỉ

chọn lấy khổ đau tương ưng với năm Thức.

Hỏi: Tám pháp thế gian này do mấy Giới-mấy Xứ-mấy Uẩn thâu nhiếp?

Đáp: Lợi có mạng sống, do mười bảy Giới-mười một Xứ-năm Uẩn thâu nhiếp trừ ra Thanh, bởi vì Thanh không phải là luôn luôn có, mà chính là thuộc về thân. Lợi không có mạng sống, do bốn Giới-bốn Xứ-một Uẩn thâu nhiếp, đó là Sắc-Hương-Vị-Xúc giới-xứ và Sắc uẩn. Không có lợi-Danh dự-Mang lấy tai tiếng-Ca ngợi-Chê bai-Vui sướng- Khổ đau, do hai Giới-hai Xứ-ba Uẩn thâu nhiếp, đó là Thanh-Pháp giới- xứ và Sắc-Thọ-Hành uẩn.

Trong này, Không có lợi do Pháp giới-Pháp xứ và Hành uẩn thâu nhiếp, bởi vì Không có lợi là không thành tựu. Danh dự-Mang lấy tai tiếng-Ca ngợi-Chê bai, do Thanh giới-Thanh xứ và Sắc uẩn thâu nhiếp. Vui sướng-Khổ đau, do Pháp giới-Pháp xứ và Thọ uẩn thâu nhiếp. Nếu nói chung thì tám pháp thế gian do mười tám Giới- mười hai Xứ-năm Uẩn thâu nhiếp.

Có người nói: Lợi-Không có lợi đều do mười tám Giới-mười hai Xứ-năm Uẩn thâu nhiếp, bởi vì đã có được và vốn không có được đều bao gồm mười tám Giới- mười hai Xứ- năm Uẩn thâu nhiếp, còn lại nói như trước.

Có người nói: Lợi-Không có lợi đều do Pháp giới-Pháp xứ và Hành uẩn thâu nhiếp, bởi vì Lợi-Không có lợi đều dùng tánh của thành tựu và không thành tựu để làm Thể, còn lại nói như trước.

Hỏi: Vì sao tám loại này gọi là pháp thế gian?

Đáp: Bởi vì thuận theo hữu tình thế gian, cho nên gọi là pháp thế gian. Hữu tình thế gian nếu gặp được bốn pháp như Lợi… thì tâm họ dâng cao, nếu gặp phải bốn pháp như Không có lợi… thì tâm họ xuống thấp.

Lại nữa, nếu gặp được bốn pháp như Lợi… thì tâm sinh ra vui mừng, nếu gặp phải bốn pháp như Không có lợi… thì tâm sinh ra buồn lo.

Lại nữa, nếu gặp được bốn pháp như Lợi… thì tâm nhiễm trước cho nên sinh ra vui thích, nếu gặp phải bốn pháp như Không có lợi… thì tâm ghét bỏ cho nên sinh ra ưu sầu.

Lại nữa, nếu gặp được bốn pháp như Lợi… thì tâm sinh ra yêu thích, nếu gặp phải bốn pháp như Không có lợi… thì tâm sinh ra tức giận.

Vì vậy tám loại này gọi là pháp thế gian. Tâm của Như Lai không tùy thuận đối với tám loại này, cho nên nói là không bị pháp thế gian làm cho nhiễm ô.

Hỏi: Thanh văn-Độc giác đoạn dứt yêu-ghét cho nên cũng không thuận theo tám pháp như vậy, vì sao không nói?

Đáp: Bởi vì điều ấy không nhất định, nghĩa là có lúc không nhiễm trước, như chủng tánh Bất động pháp; hoặc lại có lúc nhiễm trước, như chủng tánh Thối pháp.

Lại nữa, bởi vì hàng Nhị thừa hãy còn có pháp tương tự, nghĩa là A-la-hán tuy đoạn dứt yêu-ghét, mà có tập khí sót lại tương tự yêu- ghét.

Như hai vị A-la-hán đều là Bất thời giải thoát, cùng ở một nơi mà một vị thì có được nhiều danh tiếng và sự cung kính cúng dường, một vị thì không có được. Vị có được điều ấy thì tựa như tự dâng cao, như có sự vui mừng yêu thích; vị không có được điều ấy thì tựa như tự xuống thấp, như có sự buồn phiền lo lắng. Vì vậy không nói là không nhiễm trước đối với pháp thế gian.

Chỉ riêng Đức Phật đã vĩnh viễn loại bỏ tập khí yêu-ghét. Giả sử tất cả hữu tình đều có được lợi dưỡng thù thắng-danh dự cung kính, Như Lai không có được một phần nhỏ, nhưng hoàn toàn không có tâm lý tự xuống thấp tựa như trạng thái buồn phiền lo lắng, mà trái lại còn sinh tâm vui mừng. Giả sử một mình Đức Phật có được tất cả lợi dưỡng thù thắng-danh dự cung kính, các hữu tình khác không có được một phần nhỏ, nhưng hoàn toàn không có tâm lý tự dâng cao tựa như trạng thái vui mừng yêu thích, mà trái lại còn sinh tâm thương cảm xót xa. Vì vậy chỉ một mình Đức Phật nói là không nhiễm trước đối với pháp thế gian.

Vả lại, Đức Phật Thế Tôn có được lợi dưỡng mà không dâng cao, bởi vì đoạn dứt tập khí kiêu mạn; không có được lợi dưỡng mà không xuống thấp, bởi vì vui với sự xa lìa; có được danh dự mà không vui mừng, bởi vì đoạn dứt tập khí yêu thích; mang lấy tai tiếng mà không lo lắng, bởi vì đạt được pháp vô úy; ca ngợi mà không sinh tâm mừng vui, bởi vì đoạn dứt tập khí kiêu mạn; chê bai mà không sinh tâm ưu sầu, bởi vì trú trong Tam-ma-địa Không; vui sướng mà không sinh tâm yêu quý, bởi vì trú trong Tam-ma-địa Vô nguyện; khổ đau mà không sinh tâm giận dữ, bởi vì trú trong Tam-ma-địa Vô tướng.

Tám pháp thế gian này chỉ hệ thuộc cõi Dục, cho nên chỉ dựa vào Định Vị chí mà diệt.

Chín Hữu tình cư nói rộng ra như chương Đại Chủng Uẩn.

Trong này, nghĩa về Diệt của bảy loại, nói như bảy Thức trú. Hữu tình cư thứ năm hệ thuộc Tĩnh lự thứ tư, cho nên dựa vào bốn

Tĩnh lự-Định Vị chí-Tĩnh lự trung gian, Cận phần Không vô biên xứ

mà diệt.

Hữu tình cư thứ chín hệ thuộc Phi tưởng phi phi tưởng xứ, cho nên cho nên dựa vào bảy Căn bản-Định Vị chí-Tĩnh lự trung gian mà diệt.

Nhưng trong này đã nói về Định, có người nói: Định vô lậu. Có người nói: Định hữu lậu-vô lậu. Cũng như trước đã phân biệt.

Trong này cũng không có hai cách nói sai biệt về chủng loại của Diệt và cứu cánh của Diệt, bởi vì tất cả đều chỉ là hệ thuộc một địa.

Mười Nghiệp đạo nói rộng ra như chương Nghiệp Uẩn.

Trong đó, mười nghiệp đạo bất thiện chỉ hệ thuộc cõi Dục, cho nên chỉ dựa vào Định Vị chí mà diệt.

Bảy nghiệp đạo thiện trước hệ thuộc năm địa và không hệ thuộc, hệ thuộc cõi Dục thì dựa vào Định Vị chí mà diệt, cho đến hệ thuộc Tĩnh lự thứ tư thì dựa vào bốn Tĩnh lự-Định Vị chí-Tĩnh lự trung gian, Cận phần Không vô biên xứ mà diệt. Ba nghiệp đạo thiện sau hệ thuộc chín địa và không hệ thuộc, hệ thuộc cõi Dục thì dựa vào Định Vị chí mà diệt, cho đến hệ thuộc Phi tưởng phi phi tưởng xứ thì dựa vào bảy Căn bản-Định Vị chí-Tĩnh lự trung gian mà diệt.

Nhưng trong này dựa vào nghiệp đạo thiện của cõi Dục là đối trị gần của nghiệp đạo bất thiện mà nói, cho nên chỉ dựa vào Định Vị chí mà diệt.

Hỏi: Bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Vô sắc, tám Giải thoát, tám Thắng xứ, mười Biến xứ, dựa vào Định nào mà diệt?

Đáp: Tĩnh lự thứ nhất dựa vào Tĩnh lự thứ nhất hoặc là Vị chí mà diệt; Tĩnh lự thứ hai-Hỷ vô lượng-hai Giải thoát đầu-bốn Thắng xứ trước, dựa vào hai địa hoặc là Vị chí mà diệt; Tĩnh lự thứ ba dựa vào ba địa hoặc là Vị chí mà diệt; Tĩnh lự thứ tư-ba Vô lượng-Tịnh giải thoát- bốn Thắng xứ sau, tám Biến xứ trước, dựa vào bốn địa hoặc là Vị chí mà diệt; Không vô biên xứ và Giải thoát-Biến xứ của địa ấy, dựa vào năm địa hoặc là Vị chí mà diệt; Thức vô biên xứ và Giải thoát-Biến xứ của địa ấy, dựa vào sáu địa hoặc là Vị chí mà diệt; hai Vô sắc sau, ba Giải thoát sau, dựa vào bảy địa hoặc là Vị chí mà diệt.

Trong này, bốn Tĩnh lự cho đến mười Biến xứ, nói rộng ra như nơi khác.

Bốn Tĩnh lự ấy đều hệ thuộc địa mình và không hệ thuộc, hệ thuộc địa mình thì đều dựa vào địa Căn bản dưới địa mình-Định Vị chí-Tĩnh lự trung gian và Cận phần của địa tiếp theo phía trên mà diệt.

Nhưng đã nói về Định, là hữu lậu-vô lậu, như trước đã phân biệt.

Đã nói về Diệt, trong này không có hai cách nói sai biệt về chủng loại của Diệt và cứu cánh của Diệt, bởi vì tất cả đều chỉ là hệ thuộc một địa.

Trong bốn Vô lượng thì Hỷ vô lượng hệ thuộc hai Tĩnh lự đầu, cho nên dựa vào hai địa hoặc là Vị chí mà diệt; ba Vô lượng còn lại hệ thuộc bốn địa, cho nên dựa vào bốn địa hoặc là Vị chí mà diệt. Sai biệt trong đó tùy theo thích hợp như trước.

Nhưng đã nói về Định, là hữu lậu-vô lậu, như trước đã phân biệt.

Đã nói về Diệt, có người nói: Dựa vào chủng loại của Diệt mà nói. Có người nói: Dựa vào cứu cánh của Diệt mà nói. Tùy theo sự thích hợp, như trước đã phân biệt. Nhưng ở trong Định Vị chí đều chỉ thâu nhiếp vô lậu, nên biết.

Trong bốn Vô sắc thì ba Vô sắc trước đều hệ thuộc địa mình và không hệ thuộc, hệ thuộc địa mình thì dựa vào địa Căn bản dưới địa mình-Định Vị chí-Tĩnh lự trung gian và Cận phần của địa tiếp theo phía trên mà diệt. Một Vô sắc sau chỉ có hệ thuộc địa mình, dựa vào bảy Căn bản-Định Vị chí-Tĩnh lự trung gian mà diệt.

Nhưng đã nói về Định, là hữu lậu-vô lậu, như trước đã phân biệt.

Đối với một Vô sắc sau chỉ cần dựa vào Định vô lậu mà nói.

Đã nói về Diệt, trong này cũng không có hai cách nói sai biệt về chủng loại của Diệt và cứu cánh của Diệt, bởi vì cũng chỉ là hệ thuộc một địa.

Trong tám Giải thoát thì hai Giải thoát đầu, nói như Hỷ vô lượng; Giải thoát của ba Vô sắc dưới nói như ba Vô sắc dưới; hai Giải thoát sau nói như Vô sắc thứ tư.

Tịnh giải thoát hệ thuộc vào địa Tĩnh lự thứ tư, cho nên dựa vào bốn Tĩnh lự-Định Vị chí-Tĩnh lự trung gian, Cận phần Không vô biên xứ mà diệt.

Trong này, đã nói về Định và đã nói về Diệt, đều nói như Tĩnh lự thứ tư.

Trong tám Thắng xứ thì bốn Thắng xứ trước, nói như hai Giải thoát đầu; bốn Thắng xứ sau nói như Tịnh giải thoát.

Trong mười Biến xứ thì tám Biến xứ trước nói như bốn Thắng xứ sau; Biến xứ của Không vô biên xứ chỉ hệ thuộc địa mình, cho nên dựa vào năm Căn bản-Định Vị chí-Tĩnh lự trung gian và Cận phần Thức vô biên xứ mà diệt; Biến xứ của Thức vô biên xứ cũng chỉ hệ thuộc địa mình, cho nên dựa vào sáu Căn bản-Định Vị chí-Tĩnh lự trung gian và Cận phần Vô sở

hữu xứ mà diệt.

Nhưng trong này đã nói về Định, là hữu lậu-vô lậu, như trước đã phân biệt.

Đã nói về Diệt, cũng không có hai cách nói sai biệt về chủng loại của Diệt và cứu cánh của Diệt, bởi vì cũng chỉ là hệ thuộc vào địa mình.

Hỏi: Tha tâm trí-Thế tục trí dựa vào Định nào mà diệt?

Đáp: Tha tâm trí dựa vào bốn địa hoặc là Vị chí mà diệt, Thế tục trí dựa vào bảy địa hoặc là Vị chí mà diệt.

Trong này, Tha tâm trí-Thế tục trí, nói rộng ra như nơi khác. Nhưng Tha tâm trí hệ thuộc bốn địa và không hệ thuộc, hệ thuộc

Tĩnh lự thứ nhất thì dựa vào Tĩnh lự thứ nhất-Định Vị chí-Tĩnh lự trung gian, Cận phần Tĩnh lự thứ hai mà diệt; cho đến hệ thuộc Tĩnh lự thứ tư, thì dựa vào bốn Tĩnh lự-Định Vị chí-Tĩnh lự trung gian, Cận phần Không vô biên xứ mà diệt.

Nhưng trong này đã nói về Định, là hữu lậu-vô lậu, như trước đã phân biệt.

Đã nói về Diệt, có người nói: Dựa vào chủng loại của Diệt mà nói. Có người nói: Dựa vào cứu cánh của Diệt mà nói. Cũng tùy theo sự thích hợp, như trước đã phân biệt.

Thế tục trí hệ thuộc chín địa, hệ thuộc cõi Dục thì dựa vào Định Vị chí mà diệt; cho đến hệ thuộc Phi tưởng phi phi tưởng xứ thì dựa vào bảy Căn bản-Định Vị chí-Tĩnh lự trung gian mà diệt.

Nhưng trong này, đã nói về Định và đã nói về Diệt, đều tùy theo sự thích hợp, như trước đã phân biệt. Vì vậy cho nên nói là dựa vào bảy địa hoặc là Vị chí mà diệt.

-oOo-

LUẬN A TỲ ĐẠT MA ĐẠI TỲ BÀ SA

QUYỂN 174

CHƯƠNG VII: ĐỊNH UẨN (Tiếp Theo)

Phẩm Thứ Tư: LUẬN VỀ BẤT HOÀN

LUẬN VỀ BẤT HOÀN (Phần 1)

Có năm loại Bất hoàn, đó là Trung bát Niết-bàn, Sinh bát Niết- bàn, Hữu hành bát Niết-bàn, Vô hành bát Niết-bàn và Thượng lưu vãng Sắc Cứu Cánh, là năm loại thâu nhiếp tất cả, hay là tất cả thâu nhiếp năm loại? Các chương như vậy và giải thích về nghĩa của từng chương đã lĩnh hội rồi, nay cần phải phân biệt rộng ra.

Hỏi: Vì sao soạn ra phần luận này?

Đáp: Bởi vì muốn phân biệt nghĩa lý trong kinh. Như trong kinh nói: "Có năm loại Bất hoàn, đó là Trung bát Niết-bàn…" Kinh ấy tuy nói ra điều này, mà không nói rõ là năm loại thâu nhiếp tất cả, hay là tất cả thâu nhiếp năm loại, cũng chưa hề hiển bày về mạnh-yếu sai biệt, nay cần phải trình bày đầy đủ, cho nên soạn ra phần luận này.

Hỏi: Là năm loại thâu nhiếp tất cả, hay là tất cả thâu nhiếp năm loại?

Đáp: Tất cả thâu nhiếp năm loại, không phải là năm loại thâu nhiếp tất cả. Không thâu nhiếp những gì? Đó là Bất hoàn nhập Niết-bàn trong pháp hiện tại(hiện pháp bát niết-bàn) và Bất hoàn sinh đến cõi Vô sắc.

Trong này, tất cả là nhiều chứ không phải là năm loại, cho nên tất cả thâu nhiếp năm loại, không phải là năm thâu nhiếp tất cả; giống như cái chậu lớn che phủ cái chậu nhỏ, chứ không phải là cái chậu nhỏ che phủ cái chậu lớn.

Tất cả, đó là bảy loại Bất hoàn, tức là năm loại trước, cọng thêm Bất hoàn nhập Niết-bàn trong pháp hiện tại và Bất hoàn sinh đến cõi Vô sắc. Trong đó, hai loại sau không phải là do năm loại thâu nhiếp, cho nên gọi là nhiều.

Hỏi: Cũng có loại nhập Niết-bàn không nhất định, đó là hoặc ở tại cõi Dục mà nhập Niết-bàn, hoặc ở tại cõi Sắc mà nhập Niết-bàn, hoặc ở tại

cõi Vô sắc mà nhập Niết-bàn, vì sao trong này không nói?

Đáp: Cần phải nói mà không nói đến, thì nên biết là nghĩa này có khác.

Lại nữa, loại ấy chính là thâu nhiếp ở trong bảy loại Bất hoàn, cho nên không nói riêng biệt. Nghĩa là loại ấy nếu nhập Niết-bàn ở cõi Dục, thì chính là thuộc về Bất hoàn nhập Niết-bàn trong pháp hiện tại; nhập Niết-bàn ở cõi Sắc thì thuộc về năm loại Bất hoàn; nhập Niết-bàn ở cõi Vô sắc thì thuộc về Bất hoàn sinh đến cõi Vô sắc.

Hỏi: Cũng có loại chuyển sinh mà nhập Niết-bàn, đó là người ấy hoặc từ phần vị qua lại bảy lần cuối cùng trong sinh tử (cực thất phản hữu), hoặc từ phần vị Gia gia, hoặc từ phần vị Nhất lai, hoặc từ phần vị Nhất gián, đạt được quả Bất hoàn, người ấy đạt được quả rồi nhất định ở đời này có thể nhập Niết-bàn, người ấy không phải là nhập Niết-bàn trong pháp hiện tại, bởi vì trong kinh nói: "Thế nào là nhập Niết-bàn trong pháp hiện tại? Đó là ngay đời này đạt được quả Dự lưu, tiến tới đoạn kiết còn sót lại, đạt được quả Nhất lai-Bất hoàn và quả A-la-hán." Bởi vì nhân duyên này cho nên chuyển sinh mà nhập Niết-bàn không phải là do bảy loại thâu nhiếp, vì sao trong này không nói?

Đáp: Cần phải nói mà không nói đến, thì nên biết là nghĩa này có khác.

Lại nữa, loại ấy do chán ngán đầu thai(thọ sinh) cho nên đạt được quả Bất hoàn rồi, chưa trải qua bao lâu thì nhập Niết-bàn, bởi vì ở trong thời gian ấy rất ngắn ngủi, cho nên không có thể kiến lập, vì vậy không nói đến.

Lại nữa, loại ấy cũng thâu nhiếp ở trong Bất hoàn nhập Niết-bàn trong pháp hiện tại, cho nên không nói riêng biệt, bởi vì dựa vào đời này đạt được quả Bất hoàn, thì nhập Niết-bàn ngay ở đời này.

Hỏi: Trung bát Niết-bàn và Sinh bát Niết-bàn, loại nào là hơn hẳn?

Đáp: Nếu trú và đoạn bằng nhau thì Trung bát Niết-bàn là hơn hẳn, nếu Sinh bát Niết-bàn đoạn kiết nhiều thì loại ấy là hơn hẳn. Nghĩa là hai Bất hoàn này nếu cùng có đủ phiền não(phược) của Tĩnh lự thứ nhất, cho đến nếu cùng đoạn kiết thuộc tám phẩm trước của Tĩnh lự thứ tư, thì Trung bát Niết-bàn do ba điều cho nên hơn hẳn:

1. Nhận lấy khổ ít hơn, bởi vì loại này nhận lấy khổ của một đời(hữu), loại kia nhận lấy khổ của hai đời.
2. Nhanh chóng dập tắt lửa phiền não.
3. Nhanh chóng rời bỏ gánh nặng của Uẩn. Nếu Trung bát Niết- bàn có đủ phiền não của Tĩnh lự thứ nhất, cho đến đoạn kiết thuộc bảy phẩm trước

của Tĩnh lự thứ tư; Sinh bát Niết-bàn đoạn một phẩm kiết của Tĩnh lự thứ nhất, cho đến đoạn kiết thuộc tám phẩm trước của Tĩnh lự thứ tư, thì Sinh bát Niết-bàn do một điều cho nên hơn hẳn, đó là trú nhiều trong đoạn.

Hỏi: Trung bát Niết-bàn cho đến Thượng lưu vãng Sắc Cứu Cánh, loại nào là hơn hẳn?

Đáp: Nếu trú và đoạn bằng nhau thì Trung bát Niết-bàn là hơn hẳn; nếu cho đến Thượng lưu vãng Sắc Cứu Cánh đoạn kiết nhiều thì loại ấy là hơn hẳn. Nghĩa là Trung bát Niết-bàn, nếu so với Hữu hành bát Niết-bàn và Vô hành bát Niết-bàn, thì đều nói như so với Sinh bát Niết-bàn; nếu so với Thượng lưu vãng Sắc Cứu Cánh thì có sai biệt đối với nhận lấy khổ, đó là bởi vì loại này chỉ nhận lấy khổ của một đời, loại kia ít nhất phải nhận lấy khổ của bốn đời, còn lại nói như trước.

Hỏi: Như vậy Sinh bát Niết-bàn, cho đến Thượng lưu vãng Sắc Cứu Cánh; Hữu hành bát Niết-bàn, cho đến Thượng lưu vãng Sắc Cứu Cánh; Vô hành bát Niết-bàn và Thượng lưu vãng Sắc Cứu Cánh, loại nào là hơn hẳn?

Đáp: Nếu trú và đoạn bằng nhau thì Sinh bát Niết-bàn… là hơn hẳn. Nếu Hữu hành bát Niết-bàn… đoạn kiết nhiều thì loại ấy là hơn hẳn. Nghĩa là các Bất hoàn này tùy theo sự đối lập với nhau, nếu cùng có đủ phiền não của Tĩnh lự thứ nhất, cho đến nếu cùng đoạn kiết thuộc tám phẩm trước của Tĩnh lự thứ tư, thì Sinh bát Niết-bàn so với Hữu hành bát Niết-bàn, do một điều cho nên hơn hẳn, đó là Sinh bát Niết- bàn có sự chuyên cần về Tu đạo và nhanh chóng tiến thêm về đạo, Hữu hành bát Niết-bàn chỉ có sự chuyên cần về Tu đạo mà không có nhanh chóng tiến thêm về đạo; so với Vô hành bát Niết-bàn, do hai điều cho nên hơn hẳn, bởi vì loại ấy không có sự chuyên cần về Tu đạo cũng không có nhanh chóng tiến thêm về đạo; so với Thượng lưu vãng Sắc Cứu Cánh, do một điều cho nên hơn hẳn, đó là nhận lấy khổ ít hơn, bởi vì loại này nhận lấy khổ của hai đời, loại kia ít nhất phải nhận lấy khổ của bốn đời.

Hữu hành bát Niết-bàn so với Vô hành bát Niết-bàn, do một điều cho nên hơn hẳn, bởi vì loại này có sự chuyên cần về Tu đạo, loại kia không có cả hai; so với Thượng lưu vãng Sắc Cứu Cánh, do một điều cho nên hơn hẳn, đó là nhận lấy khổ ít hơn, bởi vì loại này nhận lấy khổ của hai đời, loại kia ít nhất phải nhận lấy khổ của bốn đời.

Vô hành bát Niết-bàn so với Thượng lưu vãng Sắc Cứu Cánh, cũng do một điều cho nên hơn hẳn, đó là nhận lấy khổ ít hơn, bởi vì loại này

nhận lấy khổ của hai đời, loại kia ít nhất phải nhận lấy khổ của bốn đời.

Nếu Sinh bát Niết-bàn… có đủ phiền não của Tĩnh lự thứ nhất, cho đến đoạn kiết thuộc bảy phẩm trước của Tĩnh lự thứ tư, Hữu hành bát Niết-bàn… đoạn một phẩm kiết của Tĩnh lự thứ nhất, cho đến đoạn kiết thuộc tám phẩm trước của Tĩnh lự thứ tư, thì Hữu hành bát Niết-bàn…, so với Sinh bát Niết-bàn…, do một điều cho nên hơn hẳn, đó là trú nhiều trong đoạn.

Lại nữa, luận Tập Dị Môn nói: "Có năm loại Bổ-đặc-già-la Bất hoàn, đó là Trung bát Niết-bàn, cho đến Thượng lưu vãng Sắc Cứu Cánh".

Thế nào là Trung bát Niết-bàn? Đó là có Bổ-đặc-già-la, trong đời trước đã đoạn-đã biết khắp đối với năm kiết thuận phần dưới, chưa đoạn-chưa biết khắp đối với năm kiết thuận phần trên, tạo tác tăng trưởng thuận theo Khởi hữu mà thọ nghiệp, không tạo tác tăng trưởng thuận theo Sinh hữu mà thọ nghiệp, từ đó mạng chung khởi lên Trung hữu của cõi Sắc, liền trú vào Trung hữu ấy đạt được đạo vô lậu thuộc chủng loại như vậy. Nhờ vào lực của đạo này tiến tới đoạn kiết còn sót lại, mà nhập Niết-bàn ở cảnh giới Niết-bàn Vô dư y, đó gọi là Trung bát Niết-bàn."

Hỏi: Vì sao gọi là Trung bát Niết-bàn?

Đáp: Bổ-đặc-già-la này đã vượt qua cõi Dục, chưa đến cõi Sắc, trú vào Trung hữu ấy mà nhập Niết-bàn, cho nên gọi là Trung bát Niết- bàn.

Lại nữa, Bổ-đặc-già-la này là lợi căn, bởi vì phiền não nhẹ nhàng, có thể ở phần vị Trung hữu mà nhập Niết-bàn, cho nên gọi là Trung bát Niết-bàn.

Lại nữa, Bổ-đặc-già-la này trước đây đạt được có tâm, có tâm không gián đoạn đạt được tâm Học, tâm Học không gián đoạn đạt được tâm Vô học, tâm Vô học không gián đoạn đạt được tâm Phi học phi vô học, liền trú vào tâm ấy mà nhập Niết-bàn, cho nên gọi là Trung bát Niết-bàn.

Hỏi: Ở đây nói đến Dục sai biệt là ai?

Đáp: Dục sai biệt là Thánh giả khác, nghĩa là Thánh giả khác đối với tâm Học không gián đoạn, hoặc là khởi lên tâm Vô học, hoặc là khởi lên tâm Phi học phi vô học; loại này thì không như vậy, tâm Học không gián đoạn, nhất định khởi lên tâm Vô học. Thánh giả khác đối với tâm Phi học phi vô học không gián đoạn, hoặc là nhập Niết-bàn, hoặc lại khởi lên tâm Vô học; loại này thì không như vậy, tâm Phi học phi vô học không gián đoạn, nhất định nhập Niết-bàn. Bởi vì Thánh giả khác thường xuyên khởi lên Thánh đạo hiện rõ ở trước mắt, loại này thì không thường xuyên khởi lên.

"Thế nào là Sinh bát Niết-bàn? Đó là có Bổ-đặc-già-la, trong đời trước đã đoạn-đã biết khắp đối với năm kiết thuận phần dưới, chưa đoạn-chưa biết khắp đối với năm kiết thuận phần trên, tạo tác tăng trưởng thuận theo Khởi hữu mà thọ nghiệp, thuận theo Sinh hữu mà thọ nghiệp, từ đó mạng chung khởi lên Trung hữu của cõi Sắc, sinh vào trời cõi Sắc, sinh rồi chưa bao lâu đạt được đạo vô lậu thuộc chủng loại như vậy. Nhờ vào lực của đạo này tiến tới đoạn kiết còn sót lại, mà nhập Niết-bàn ở cảnh giới Niết-bàn Hữu dư y, đó gọi là Sinh bát Niết-bàn."

Hỏi: Vì sao gọi là Sinh bát Niết-bàn?

Đáp: Bổ-đặc-già-la này, sinh ở đó chưa bao lâu thì đạt được quả A-la-hán mà nhập Niết-bàn, cho nên gọi là Sinh bát Niết-bàn.

Lại nữa, Bổ-đặc-già-la này, sinh ở đó chưa bao lâu thì đạt được quả A-la-hán, hết thọ lượng của nơi ấy mới nhập Niết-bàn, cho nên gọi là Sinh bát Niết-bàn.

Hỏi: Nếu hết thọ lượng của nơi ấy mới nhập Niết-bàn, thì vì sao gọi là Sinh bát Niết-bàn?

Đáp: Bởi vì dựa vào phiền não mà nói Niết-bàn, không phải là dựa vào Uẩn mà nói Niết-bàn, cho nên không có lỗi.

"Thế nào là Hữu hành bát Niết-bàn? Đó là có Bổ-đặc-già-la, trong đời trước dựa vào đạo có hành luôn luôn tác ý, dựa vào Tam-ma- địa không ngừng gia hạnh, đã đoạn-đã biết khắp đối với năm kiết thuận phần dưới, chưa đoạn-chưa biết khắp đối với năm kiết thuận phần trên, tạo tác tăng trưởng thuận theo Khởi hữu mà thọ nghiệp, thuận theo Sinh hữu mà thọ nghiệp, từ đó mạng chung khởi lên Trung hữu của cõi Sắc, sinh vào trời cõi Sắc, sinh rồi trải qua thời gian dài. Lại dựa vào đạo có hành luôn luôn tác ý, dựa vào Tam-ma-địa không ngừng gia hạnh, tiến tới đoạn kiết còn sót lại, mà nhập Niết-bàn ở cảnh giới Niết-bàn Hữu dư y, đó gọi là Hữu hành bát Niết-bàn."

Hỏi: Vì sao gọi là Hữu hành bát Niết-bàn?

Đáp: Bổ-đặc-già-la này nhờ vào đạo có hành, đoạn phiền não còn sót lại mà nhập Niết-bàn, cho nên gọi là Hữu hành bát Niết-bàn.

Lại nữa, Bổ-đặc-già-la này nhờ vào đạo có hành, đạt được quả A-la-hán, hết thọ lượng ấy mà nhập Niết-bàn, cho nên gọi là Hữu hành bát Niết-bàn.

Lại nữa, Bổ-đặc-già-la này dựa vào đạo duyên với hữu vi, tiến tới đoạn kiết còn sót lại mà nhập Niết-bàn, cho nên gọi là Hữu hành bát Niết-bàn.

"Thế nào là Vô hành bát Niết-bàn? Đó là có Bổ-đặc-già-la, trong đời trước dựa vào đạo không có hành, không luôn luôn tác ý, dựa vào Tam-ma-địa dừng lại gia hạnh, đã đoạn-đã biết khắp đối với năm kiết thuận phần dưới, chưa đoạn-chưa biết khắp đối với năm kiết thuận phần trên, tạo tác tăng trưởng thuận theo Khởi hữu mà thọ nghiệp, thuận theo Sinh hữu mà thọ nghiệp, từ đó mạng chung khởi lên Trung hữu của cõi Sắc, sinh vào trời cõi Sắc, sinh rồi trải qua thời gian dài. Lại dựa vào đạo không có hành, không luôn luôn tác ý, dựa vào Tam-ma-địa dừng lại gia hạnh, tiến tới đoạn kiết còn sót lại, mà nhập Niết-bàn ở cảnh giới Niết-bàn Hữu dư y, đó gọi là Vô hành bát Niết-bàn."

Hỏi: Vì sao gọi là Vô hành bát Niết-bàn?

Đáp: Bổ-đặc-già-la này nhờ vào đạo không có hành, đoạn phiền não còn sót lại mà nhập Niết-bàn, cho nên gọi là Vô hành bát Niết- bàn.

Lại nữa, Bổ-đặc-già-la này nhờ vào đạo không có hành, đạt được quả A-la-hán, hết thọ lượng ấy mà nhập Niết-bàn, cho nên gọi là Vô hành bát Niết-bàn.

Lại nữa, Bổ-đặc-già-la này dựa vào đạo duyên với vô vi, tiến tới đoạn kiết còn sót lại mà nhập Niết-bàn, cho nên gọi là Vô hành bát Niết-bàn.

"Thế nào là Thượng lưu vãng Sắc Cứu Cánh? Đó là có Bổ-đặc- già-la, trong đời trước đã đoạn-đã biết khắp đối với năm kiết thuận phần dưới, chưa đoạn-chưa biết khắp đối với năm kiết thuận phần trên, đạt được bốn Tĩnh lự thế tục, lúc sắp mạng chung thì lui sụt ba Tĩnh lự trên, trú vào Tĩnh lự thứ nhất. Bởi vì dựa vào ái của địa ấy và địa ấy, tạo tác tăng trưởng thuận theo Khởi hữu mà thọ nghiệp, thuận theo Sinh hữu mà thọ nghiệp, từ đó mạng chung khởi lên Trung hữu của cõi Sắc, sinh vào cõi trời Phạm Chúng. Sinh rồi lại có thể tiến vào Tĩnh lự thứ hai thuộc thế tục, bởi vì dựa vào ái của địa ấy và địa ấy, tạo tác tăng trưởng thuận theo Khởi hữu mà thọ nghiệp, thuận theo Sinh hữu mà thọ nghiệp, từ đó mạng chung sinh vào cõi trời Cực Quang Tịnh. Sinh rồi lại có thể tiến vào Tĩnh lự thứ ba thuộc thế tục, bởi vì dựa vào ái của địa ấy, cho đến từ đó mạng chung sinh vào cõi trời Biến Tịnh. Sinh rồi lại có thể tiến vào Tĩnh lự thứ tư thuộc thế tục, bởi vì dựa vào ái của địa ấy, cho đến từ đó mạng chung sinh vào cõi trời Quảng Quả. Sinh rồi lại có thể khởi lên phẩm Hạ tu xen lẫn Tĩnh lự thứ tư thuộc thế tục, bởi vì dựa vào ái của địa ấy, cho đến từ đó mạng chung sinh vào cõi trời Vô Phiền. Như vậy cho đến lần lượt khởi lên tất cả bốn phẩm còn lại, tu xen lẫn ở Tĩnh lự thứ tư thuộc thế tục, lần lượt sinh đến ở tất cả bốn cõi trời còn lại. Đó gọi là Thượng lưu vãng Sắc Cứu Cánh."

Hỏi: Vì sao gọi là Thượng lưu vãng Sắc Cứu Cánh?

Đáp: Lưu có hai loại, một là do ái sinh tử, hai là do nghiệp đời sau. Bổ-đặc-già-la này đối với hai loại Lưu đều chưa đoạn-chưa biết khắp, từ đây làm duyên và làm nhân, hiện hành ở cõi trên-hiện hành theo cõi trên, qua lại ở cõi trên-qua lại theo cõi trên, thọ nhận ở cõi trên-thọ nhận theo cõi trên, lưu chuyển ở cõi trên-lưu chuyển theo cõi trên, cho nên gọi là Thượng lưu vãng Sắc Cứu Cánh.

Lại nữa, Bổ-đặc-già-la này không hiện hành ở cõi dưới, chỉ hiện hành thắng tiến đạt được Định và sinh ra chuyển lên cõi trên-chuyển sang vi diệu-chuyển sang thù thắng, tiến vào Định ấy-thọ sinh nơi ấy, cho nên gọi là Thượng lưu vãng Sắc Cứu Cánh.

Lại nữa, Bổ-đặc-già-la này lưu chuyển ở cõi trên-sinh đến cõi trên, làm cho nối tiếp nhau sinh đến cõi trên, cho nên gọi là Thượng lưu.

Hỏi: Dị sinh cũng có lưu chuyển ở cõi trên-sinh đến cõi trên, làm cho nối tiếp nhau sinh đến cõi trên, vì sao không gọi là Thượng lưu?

Đáp: Nếu chỉ lưu chuyển ở cõi trên chứ không lưu chuyển ở cõi dưới, thì gọi là Thượng lưu; dị sinh lưu chuyển ở cõi trên mà cũng lưu chuyển ở cõi dưới, cho nên không gọi là Thượng lưu.

Có người nói: Nếu lưu chuyển ở cõi trên, khắp tất cả mọi nơi không có gì chướng ngại, thì gọi là Thượng lưu; dị sinh không có thể ở khắp tất cả mọi nơi không có gì chướng ngại, cho nên không gọi là Thượng lưu, bởi vì họ ở cõi Tịnh Cư thì có chướng ngại.

Hỏi: Thánh giả lưu chuyển ở cõi trên cũng có chướng ngại đối với hai nơi, đó là Đại Phạm Vương và Vô tưởng xứ, vì sao có thể gọi là Thượng lưu?

Đáp: Bởi vì nơi ấy không có xứ sở riêng biệt, mà thuộc về hai cõi Phạm Phụ-Quảng Quả, cho nên vẫn có thể gọi là khắp tất cả mọi nơi.

Có người nói: Nếu lưu chuyển ở cõi trên, mà có thể vượt qua cõi- đạt được quả, vĩnh viễn đoạn trừ năm kiết thuận phần dưới, thì gọi là Thượng lưu; dị sinh tuy có thể vượt qua cõi mà không đạt được quả, cũng không vĩnh viễn đoạn trừ năm kiết thuận phần dưới, cho nên không gọi là Thượng lưu.

Có người nói: Đầy đủ ba loại Lưu thì gọi là Thượng lưu, đó là nghiệp-phiền não cùng với Thánh giả; dị sinh chỉ có lưu chuyển của nghiệp-phiền não chứ không có lưu chuyển của Thánh giả, vì vậy không gọi là Thượng lưu.

Lại nữa, Thượng lưu có hai loại:

1. Hiện hành ở cõi Sắc.
2. Hiện hành ở cõi Vô sắc.

Hiện hành ở cõi Sắc là cho đến cõi trời Sắc Cứu Cánh. Hiện hành ở cõi Vô sắc là cho đến cõi trời Phi tưởng phi phi tưởng. Vả lại, hiện hành ở cõi Sắc thì có tu xen lẫn Tĩnh lự, hiện hành ở cõi Vô sắc thì không có tu xen lẫn Tĩnh lự.

Lại nữa, Thượng lưu có ba loại:

1. Vượt qua toàn bộ.
2. Vượt qua một nửa.
3. Chết ở tất cả mọi nơi.

Vượt qua toàn bộ, đó là ở cõi Dục chết đi sinh đến cõi trời Phạm Chúng, ở cõi trời Phạm Chúng chết đi sinh đến cõi trời Sắc Cứu Cánh, hoặc là sinh đến Phi tưởng phi phi tưởng xứ, mà nhập Niết-bàn.

Vượt qua một nửa, đó là ở cõi Dục chết đi sinh đến cõi trời Phạm Chúng, ở cõi trời Phạm Chúng chết đi, đối với tất cả các cõi trời phía trên hoặc là sinh trở lại một nơi, hoặc hai-hoặc ba-hoặc bốn-hoặc năm, cho đến hoặc là chỉ vượt qua một nơi, sinh đến khắp mọi nơi khác, sau đó mới sinh đến cõi trời Sắc Cứu Cánh, hoặc là sinh đến Phi tưởng phi phi tưởng xứ, mà nhập Niết-bàn.

Chết ở tất cả mọi nơi, đó là ở cõi Dục chết đi sinh đến cõi trời Phạm Chúng, ở cõi trời Phạm Chúng chết đi sinh đến cõi trời Phạm Quang Hành, như vậy lần lượt sinh đến các cõi trên, cho đến sinh vào cõi trời Quảng Quả, từ đó trở lên có hai con đường riêng biệt:

1. Tiến vào Tịnh Cư.
2. Tiến vào Vô sắc.

Tiến vào Tịnh Cư, là ở cõi trời Quảng Quả chết đi sinh đến cõi trời Vô Phiền, lần lượt cho đến sinh vào cõi trời Sắc Cứu Cánh mà nhập Niết-bàn.

Tiến vào Vô sắc, là ở cõi trời Quảng Quả chết đi sinh đến Không vô biên xứ, lần lượt cho đến sinh vào Phi tưởng phi phi tưởng xứ, mà nhập Niết-bàn. Như chết ở tất cả mọi nơi có hai con đường riêng biệt, nên biết vượt qua toàn bộ và vượt qua một nửa cũng như vậy.

Hỏi: Những gì là Thượng lưu tiến vào Tịnh Cư, những gì là Thượng lưu tiến vào Vô sắc?

Đáp: Có hai loại Thượng lưu, đó là hành Tỳ-bát-xá-na và hành Xa-ma-tha. Hành Tỳ-bát-xá-na thì tiến vào Tịnh Cư, hành Xa-ma-tha thì tiến

vào Vô sắc.

Lại nữa, có hai loại Thượng lưu, đó là vui với Định thù thắng và vui với Sinh thù thắng. Vui với Định thù thắng thì tiến vào Tịnh Cư. Vui với Sinh thù thắng thì tiến vào Vô sắc.

Lại nữa, có hai loại Thượng lưu, đó là vui với Quyết trạch và vui với Tịch tĩnh. Vui với Quyết trạch thì tiến vào Tịnh Cư. Vui với Tịch tĩnh thì tiến vào Vô sắc.

Lại nữa, có hai loại Thượng lưu, đó là Tu xen lẫn và Tu không xen lẫn. Tu xen lẫn thì tiến vào Tịnh Cư. Tu không xen lẫn thì tiến vào Vô sắc.

Vả lại, Thượng lưu chết ở tất cả mọi nơi, có lúc hiển bày nơi đến chứ không phải là nơi đi, có lúc hiển bày nơi đi chứ không phải là nơi đến, có lúc hiển bày nơi đến cũng là hiển bày nơi đi. Có lúc hiển bày nơi đến chứ không phải là nơi đi, đó là sinh đến cõi trời Sắc Cứu Cánh, hoặc là Phi tưởng phi phi tưởng xứ. Có lúc hiển bày nơi đi chứ không phải là nơi đến, đó là sinh đến cõi trời Phạm Chúng. Có lúc hiển bày nơi đến cũng là hiển bày nơi đi, đó là sinh vào các cõi trung gian. Không phải là hiển bày nơi đến cũng không phải là hiển bày nơi đi, loại này không có.

Hỏi: Như trước nói là người hướng đến Sắc Cứu Cánh, thì trước đó đạt được bốn Tĩnh lự thế tục, sau đó lui sụt trú vào Tĩnh lự thứ nhất; người ấy hướng đến Phi tưởng phi phi tưởng xứ, thì trước đó cũng đạt được bốn Tĩnh lự thế tục, sau đó lui sụt thì trú vào Tĩnh lự thứ nhất hay không? Đáp: Cũng có. Như trước đó đạt được bốn Tĩnh lự thế tục, sau đó lui sụt trú vào Tĩnh lự thứ nhất, mạng chung sinh đến cõi Phạm Thế, lần lượt chuyển tiếp cho đến sinh vào cõi trời Sắc Cứu Cánh; như vậy cũng có trước đó đạt được bốn Tĩnh lự thế tục-bốn Vô sắc, sau đó lui sụt trú vào Tĩnh lự thứ nhất, mạng chung sinh đến cõi Phạm Thế, lần lượt chuyển tiếp cho đến sinh vào Phi tưởng phi phi tưởng xứ, nhưng không nhất định phải như vậy.

Hỏi: Vì sao không nói người ấy lui sụt Tĩnh lự thứ nhất?

Đáp: Bởi vì không có ai lui sụt Tĩnh lự thứ nhất mà mạng chung, vì vậy không nói đến.

Vả lại, trong này hiển bày về sự sai biệt của Bất hoàn, người ấy lui sụt Tĩnh lự thứ nhất thì không phải là Bất hoàn, vì vậy không nói đến.

Hỏi: Như nói lui sụt trú vào Tĩnh lự thứ nhất, sinh đến cõi trời Phạm Chúng, làm Thượng lưu vượt qua toàn bộ, vượt qua một nửa, chết ở tất cả mọi nơi; người ấy nếu lui sụt trú vào Tĩnh lự thứ hai, sinh đến cõi trời Thiểu Quang, lui sụt trú vào Tĩnh lự thứ ba, sinh đến cõi trời Thiểu Tịnh, lui sụt trú vào Tĩnh lự thứ tư, sinh đến cõi trời Vô Vân…, thì lúc ấy cũng có thể

làm Thượng lưu vượt qua toàn bộ, vượt qua một nửa, chết ở tất cả mọi nơi hay không?

Đáp: Có người nói: Không có thể, bởi vì sinh đến cõi Phạm Thế, không có thiếu hụt đối với nơi sinh phù hợp của Bất hoàn ở cõi trên, dựa vào đó mà kiến lập vượt qua toàn bộ, vượt qua một nửa, chết ở tất cả mọi nơi. Nếu lui sụt mà sinh vào nơi của địa trên thì sẽ có thiếu hụt, cho nên không dựa vào đó để kiến lập vượt qua toàn bộ…

Có người nói: Lúc ấy cũng có thể gọi là vượt qua một nửa, bởi vì vượt qua phần ít của cõi trung gian.

Có người nói: Cũng có thể gọi là đầy đủ ba loại. Người ấy nói bởi vì từ cõi Dục chết đi hễ sinh vào nơi nào, thì đối với nơi sinh phù hợp ở cõi trên ấy, cũng có thể thi thiết vượt qua toàn bộ, vượt qua một nửa, chết ở tất cả mọi nơi.

Hỏi: Nếu người Bất hoàn từ cõi Dục chết đi sinh đến cõi Vô sắc, thì cũng có thể làm Thượng lưu vượt qua toàn bộ… hay không?

Đáp: Có người nói: Không có thể.

Có người nói: Lúc ấy cũng có thể gọi là vượt qua một nửa.

Có người nói: Lúc ấy cũng gọi là đầy đủ ba loại. Trong này, nguyên cớ đều giải thích như trước.

Hỏi: Như Thượng lưu hướng đến Sắc Cứu Cánh, nhất định trước đó đạt được bốn Tĩnh lự, lui sụt sinh đến cõi Phạm Thế, sau đó mới có thể hướng đến cõi trời Sắc Cứu Cánh; lúc ấy Thượng lưu hướng đến Phi tưởng phi phi tưởng xứ, cũng nhất định trước đó đạt được bốn Vô sắc, lui sụt sinh đến cõi Phạm Thế, sau đó mới có thể hướng đến Phi tưởng phi phi tưởng xứ chăng?

Đáp: Không nhất định phải như vậy, bởi vì sinh ở cõi Sắc không có thể bắt đầu khởi lên tu xen lẫn Tĩnh lự, phải là lúc ở cõi Dục đã từng khởi lên, nay tiếp tục tu trở lại thì mới có thể hướng đến Sắc Cứu Cánh. Sinh ở Vô sắc thì càng không có nghiệp loại thù thắng như vậy, phải là ở cõi Dục đã từng khởi lên, nay tiếp tục tu trở lại, sau đó mới có thể sinh đến cõi Hữu Đảnh. Vì vậy, người hướng đến cõi Hữu Đảnh, nếu trước đó đạt được Vô sắc mà lui sụt, hoặc là trước đó không đạt được, lúc ấy ở cõi Dục chết đi, sinh đến cõi trời Phạm Chúng, thì đều có thể hướng đến Phi tưởng phi phi tưởng xứ.

Hỏi: Đã nói đến Thượng lưu, là chỉ riêng Tín thắng giải, hay là cũng có Kiến chí?

Đáp: Nếu không lui sụt Định của địa trên mà Thượng lưu, thì đây là bao gồm hai loại; nếu lui sụt Định của địa trên mà Thượng lưu, thì chỉ riêng Tín thắng giải.

Lại nữa, ngay lúc lui sụt Định của địa trên mà Thượng lưu, thì cũng bao gồm hai loại.

Hỏi: Kiến chí ấy vì sao lui sụt? Đáp: Bởi vì Kiến chí ấy không phải là tánh vốn có, chỉ ở sau lúc lui sụt trong thời gian chưa mạng chung, từ Tín thắng giải luyện căn làm Kiến chí, sau đó mạng chung mà sinh lên cõi trên làm Thượng lưu.

Hỏi: Như cõi Sắc có Trung bát Niết-bàn, cõi Dục cũng có chăng? Đáp: Không có.

Hỏi: Vì sao?

Đáp: Bởi vì cõi Dục là cõi không nhất định, không phải là địa của tu, không phải là địa của lìa nhiễm, có nhiều những sai lầm, nhiều tai họa bất ngờ làm cho trở ngại, lúc trú trong Bổn hữu hãy còn khó đạt được quả, huống là trú trong thân mong manh yếu kém của Trung hữu hay sao? Cõi Sắc thì không như vậy, cho nên trú vào Trung hữu mà có thể nhập Niết-bàn.

Lại nữa, nếu trú vào Trung hữu của cõi Dục mà nhập Niết-bàn, thì dựa vào Trung hữu có thể vượt qua ba cõi; nhưng không có ai có thể vượt qua ba cõi nhờ vào thân Trung hữu.

Lại nữa, nếu trú vào Trung hữu của cõi Dục mà nhập Niết-bàn, thì có thể đoạn dứt phiền não của ba cõi trong thân Trung hữu ; nhưng không có ai có thể đoạn dứt phiền não của ba cõi ở trong thân Trung hữu.

Lại nữa, nếu trú vào Trung hữu của cõi Dục mà nhập Niết-bàn, thì có thể đoạn dứt hai loại phiền não bất thiện-vô ký trong thân Trung hữu; nhưng không có ai có thể đoạn dứt hai loại phiền não bất thiện-vô ký ở trong thân Trung hữu.

Lại nữa, nếu trú vào Trung hữu của cõi Dục mà nhập Niết-bàn, thì có thể chứng được hoặc là hai hay là ba quả Sa-môn trong thân Trung hữu; nhưng không có ai có thể chứng được hoặc là hai hay là ba quả Sa- môn trong thân Trung hữu. Bởi vì nghĩa này, cho nên chỉ riêng cõi Sắc là có Trung bát Niết-bàn, mà cõi Dục thì không có.

Lại nữa, Trung bát Niết-bàn thì nhất định ở đời trước đã lìa nhiễm của cõi Dục, đã lìa nhiễm của cõi Dục thì chắc chắn không khởi lên Trung hữu của cõi Dục, cho nên ở cõi Dục không có Trung bát Niết- bàn.

Lại nữa, phiền não-nghiệp của cõi Dục nặng nề, không phải là ở trong thân mong manh yếu kém của Trung hữu mà có thể đoạn trừ.

Lại nữa, Trung hữu không phải là sở y đạt được quả Bất hoàn, mà chỉ là sở y đạt được quả A-la-hán.

Lại nữa, Trung hữu của cõi Dục chắc chắn không có thể khởi lên Thánh đạo hiện rõ trước mắt, bởi vì yếu kém; cõi Sắc thì không như vậy. Bởi vì nghĩa này, cho nên cõi Dục không có Trung bát Niết-bàn.

Lại nữa, Trung hữu mong manh yếu kém chỉ có thể khởi lên Thánh đạo hiện rõ trước mắt ở địa Căn bản của mình, chứ không phải là Vị chí…, bởi vì khó khởi lên. Nếu Trung hữu của cõi Dục mà nhập Niết-bàn, thì cùng với điều này trái ngược nhau, cho nên chắc chắn không có.

Lại nữa, cõi Dục có phiền não tương ưng với nghịch-thuận, có phiền não của sáu cửa ngõ bên ngoài, có phiền não có thể dẫn đến hai quả, có phiền não tương ưng với không có Tàm-không có Quý, và có các tùy phiền não với đủ loại hỗn tạp như Phẫn-Hận…, khó phá bỏ-khó đoạn trừ-khó vượt qua-khó xa rời. Trú trong Bổn hữu dấy lên công dụng to lớn, mà hãy còn khó đoạn trừ, huống là ở phần vị Trung hữu? Vì vậy không có Trung bát Niết-bàn ở cõi Dục.

Lại nữa, nếu như đã từng tu đầy đủ chín phẩm đối trị thì mới có thể nhập Niết-bàn ở phần vị Trung hữu, Trung hữu của cõi Dục chắc chắn chưa tu đầy đủ chín phẩm đối trị, cho nên Trung hữu ấy không nhập Niết-bàn.

Hỏi: Như ở cõi Dục chết đi, nhận lấy Trung hữu của cõi Sắc, có thể nhập Niết-bàn; như vậy từ cõi Sắc chết đi, nhận lấy Trung hữu của cõi Sắc, cũng nhập Niết-bàn hay không?

Đáp: Không. Nguyên cớ thế nào? Bởi vì thân ấy ở cõi Dục nhiều khổ đau-nhiều chướng ngại, rất nhiều tai họa bất ngờ đáng chán ngán, sinh ra chán ngán hết sức, lúc đã rời bỏ rồi khởi lên Trung hữu của cõi Sắc hiện rõ ở trước mắt, ở nơi ấy nhận lấy dị thục trải qua thời gian dài, cũng sinh ra chán ngán lo buồn liền nhập Niết-bàn. Cõi Sắc không có tai họa bất ngờ, sự việc hết sức đáng chán ngán, làm cho sinh ra chán ngán lo buồn như vậy, như đối với Bổn hữu có duyên ngăn ngại cho nên không nhập Niết-bàn, nay Trung hữu cũng như vậy. Vì vậy từ nơi ấy chết đi khởi lên Trung hữu không nhập Niết-bàn.

Lại nữa, nếu từ cõi Sắc chết đi, ngay Trung hữu ấy mà nhập Niết-bàn, lẽ ra cũng gọi là Thượng lưu, thì năm loại Bất hoàn sẽ trở thành tạp loạn, đó là năm loại ấy không có nhân duyên sai biệt. Chỉ riêng ở cõi Dục chết đi, trú vào thân Trung hữu mà nhập Niết-bàn, thì gọi là Trung bát Niết-

bàn, chứ không phải là ở cõi Sắc chết đi. Vả lại, không có nhân duyên từ cõi ấy hướng lên phía trên, cho nên không gọi là Thượng lưu. Do sai lầm này, cho nên Trung hữu của cõi ấy không nhập Niết-bàn.

Hỏi: Nếu từ cõi Dục chết đi, khởi lên Trung hữu của cõi Sắc, bởi vì chán ngán cho nên được nhập Niết-bàn, thì vì sao không ngay nơi Bổn hữu của cõi Dục được nhập Niết-bàn, bởi vì đã từng chán ngán?

Đáp: Bởi vì lúc ấy trú trong Bổn hữu đạt được quả Bất hoàn rồi khởi lên quả A-la-hán, gia hạnh trọn vẹn vào lúc Thánh đạo chưa khởi lên thì đã mạng chung, nhờ vào thế lực trước đây cho nên có thể ở phần vị Trung hữu, tiến tới đoạn kiết còn sót lại mà nhập Niết-bàn.

Hỏi: Lúc ấy gia hạnh trọn vẹn vì sao không khởi lên Thánh đạo mà liền mạng chung?

Đáp: Bởi vì lúc ấy hoặc là tuổi thọ đã hết, hoặc là nghiệp đã hết, hoặc là phước đã hết, hoặc là do người khác làm hại, hoặc là vì lợi ích cho người khác, hoặc là trái ý gặp phải duyên xấu, không kịp khởi lên Thánh đạo mà đã mạng chung.

Có người nói: Lúc ấy đạt được quả Bất hoàn rồi, về sau tu gia hạnh lúc sắp trọn vẹn thì gặp phải bệnh tật kéo dài, hoặc là thiếu hụt vật dụng cung cấp, hoặc là gặp phải nhân duyên về các tai họa của tính mạng, chưa có thể diệt hết phiền não, từ đó lần lượt chuyển tiếp cho đến mạng chung. Bởi vì đã đạt được Uẩn mới thuộc Trung hữu của cõi Sắc, nhờ vào lực tăng thượng của đại chủng và các căn, lập tức có thể dẫn dắt khởi lên Thánh đạo hiện rõ trước mắt, tiến tới đoạn kiết còn sót lại mà nhập Niết-bàn.

Hỏi: Nếu từ cõi Dục chết đi, sinh đến cõi Vô sắc, thì cũng có Sinh bát Niết-bàn… hay không?

Đáp: Có, bởi vì từ cõi Dục chết đi, sinh đến hai cõi trên, không tiếp tục trải qua Sinh bát Niết-bàn, hễ ở nơi nào thì trong đời sống ở đó, đều có thể kiến lập ba loại là Sinh bát Niết-bàn…, cho nên hai đời trở lên, hễ ở nơi nào thì đều có thể kiến lập làm Thượng lưu.

Hỏi: Thượng lưu vui với Tuệ không đến cõi Sắc Cứu Cánh, Thượng lưu vui với Định không đến cõi Hữu Đảnh, nhập Niết-bàn ở các cõi dưới thì cũng có thể gọi là hai loại Thượng lưu vui với Tuệ-vui với Định hay không?

Đáp: Lúc ấy cũng tùy loại có được tên gọi của hai loại, nhưng nói vui với Tuệ đến cõi Sắc Cứu Cánh, vui với Định đến cõi Hữu Đảnh, là dựa vào nơi cuối cùng mà nói, bởi vì vượt quá nơi này lại không có nơi nào đi đến. Như người Dự lưu, hoặc gọi là qua lại bảy lần cuối cùng trong sinh tử (cực

thất phản hữu), mà ở trong thời gian ấy nhập Niết- bàn, thì cũng có được tên gọi này; loại ấy cũng như vậy.

Hỏi: Vì sao Thánh giả đối với mỗi một nơi sinh của hai cõi trên, chỉ nhận lấy một đời, ở trong cõi Dục thì không như vậy?

Đáp: Bởi vì cõi Dục là cõi không nhất định, là địa của tạp loạn, các phiền não-nghiệp lấn ép nhau, xen tạp nhau, không có phạm vi- cách thức chuẩn xác, khiến cho Thánh giả từ địa dưới sinh lên địa trên, từ địa trên lại sinh xuống địa dưới, hoặc là ở một nơi mà nhận chịu nhiều lần sinh; cõi Sắc-Vô sắc là cõi nhất định, không phải là địa của tạp loạn, các phiền não-nghiệp không lấn ép-xen tạp nhau, có phạm vi-cách thức chuẩn xác, khiến cho Thánh giả chỉ sinh lên địa trên chứ không sinh xuống địa dưới, mỗi nơi chỉ một lần sinh.

Lại nữa, Thánh giả sinh ở cõi Dục không gọi là Bất hoàn, mà gọi là qua lại bảy lần cuối cùng trong sinh tử…, bởi vì sinh ở địa trên-địa dưới cũng là sinh trở lại một nơi; Thánh giả sinh ở cõi trên gọi là Bất hoàn, bởi vì chỉ sinh lên địa trên cũng không sinh trở lại. Dựa vào nghĩa này, cho nên nghĩa về Bất hoàn đầy đủ, bởi vì hãy còn không sinh vào nơi ban đầu, huống gì có sinh trở lại địa dưới hay sao?

Lại nữa, Bổ-đặc-già-la Bất hoàn nói rộng ra có vô lượng loại, nay tạm thời phân biệt về năm loại đi đến cõi Sắc. Nên biết đây là:

Dựa vào Cõi để kiến lập cho nên nói là một.

Dựa vào Sinh-Bất sinh để kiến lập cho nên nói là hai.

Dựa vào Phần vị sai biệt để kiến lập cho nên nói là năm, đó là Trung bát Niết-bàn cho đến Thượng lưu vãng Sắc Cứu Cánh, tức là đã nói ở đây.

Dựa vào Căn để kiến lập cho nên nói là mười lăm, đó là căn Hạ-Trung-Thượng, đều có năm. Dựa vào Địa để kiến lập cho nên nói là hai mươi, đó là Tĩnh lự thứ nhất cho đến Tĩnh lự thứ tư, đều có năm.

Dựa vào Chủng tánh để kiến lập cho nên nói là ba mươi, đó là chủng tánh Thối pháp cho đến chủng tánh Bất động pháp, đều có năm.

Dựa vào Xứ để kiến lập cho nên nói là tám mươi, đó là cõi trời Phạm Chúng cho đến cõi trời Sắc Cứu Cánh, đều có năm.

Dựa vào Căn của Chủng tánh để kiến lập cho nên nói là chín mươi, đó là căn Hạ-Trung-Thượng của chủng tánh Thối pháp đều có năm, cho đến chủng tánh Bất động pháp cũng như vậy.

Dựa vào Chủng tánh của Địa để kiến lập cho nên nói là một trăm hai mươi, đó là sáu chủng tánh của Tĩnh lự thứ nhất đều có năm, cho đến Tĩnh

lự thứ tư cũng như vậy.

Dựa vào Căn thuộc Chủng tánh của Địa để kiến lập cho nên nói là ba trăm sáu mươi, đó là ba căn thuộc sáu chủng tánh của Tĩnh lự thứ nhất đều có năm, cho đến Tĩnh lự thứ tư cũng vậy. Dựa vào Chủng tánh của Xứ để kiến lập cho nên nói là bốn trăm tám mươi, đó là sáu chủng tánh của cõi trời Phạm Chúng đều có năm, cho đến cõi trời Sắc Cứu Cánh cũng như vậy.

Dựa vào Căn thuộc Chủng tánh của Xứ để kiến lập cho nên nói là một ngàn bốn trăm bốn mươi, đó là ba căn thuộc sáu chủng tánh của cõi trời Phạm Chúng đều có năm, cho đến cõi trời Sắc Cứu Cánh cũng như vậy.

Dựa vào Căn thuộc Chủng tánh của Xứ lìa nhiễm để kiến lập cho nên nói là một vạn hai ngàn chín trăm sáu mươi, đó là một ngàn bốn trăm bốn mươi trước đây đều có chín loại lìa nhiễm sai biệt.

Lại nữa, một Trung bát Niết-bàn kiến lập sai biệt cũng có nhiều loại. Đó là:

Cõi cho nên nói là một.

Căn cho nên nói là ba.

Địa cho nên nói là bốn.

Chủng tánh cho nên nói là sáu.

Lìa nhiễm cho nên nói là chín.

Xứ cho nên nói là mười sáu.

Căn của Chủng tánh cho nên nói là mười tám.

Chủng tánh của Địa cho nên nói là hai mươi bốn.

Lìa nhiễm của Địa cho nên nói là ba mươi sáu.

Căn thuộc Chủng tánh của Địa cho nên nói là bảy mươi hai.

Chủng tánh của Xứ cho nên nói là chín mươi sáu.

Căn thuộc Lìa nhiễm của Địa cho nên nói là một trăm lẻ tám.

Lìa nhiễm của Xứ cho nên nói là một trăm bốn mươi bốn.

Căn thuộc Lìa nhiễm của Chủng tánh cho nên nói là một trăm sáu mươi hai.

Chủng tánh thuộc Lìa nhiễm của Địa cho nên nói là hai trăm mười sáu.

Căn thuộc Chủng tánh của Xứ cho nên nói là hai trăm tám mươi tám.

Căn thuộc Chủng tánh về Lìa nhiễm của Địa cho nên nói là sáu trăm

bốn mươi tám.

Lìa nhiễm thuộc Chủng tánh của Xứ cho nên nói là tám trăm sáu mươi bốn.

Căn về Lìa nhiễm thuộc Chủng tánh của Xứ nói là hai ngàn năm trăm chín mươi hai.

Như Trung bát Niết-bàn có bao nhiêu, cho đến Thượng lưu vãng Sắc Cứu Cánh cũng như vậy. Như vậy tổng cọng có một vạn hai ngàn chín trăm sáu mươi Bất hoàn khác nhau. Như kiến lập sai biệt về Bất hoàn đi đến cõi Sắc, như vậy kiến lập sai biệt về Bất hoàn đi đến cõi Vô sắc tùy theo thích hợp cũng như vậy.

-oOo-

LUẬN A TỲ ĐẠT MA ĐẠI TỲ BÀ SA

QUYỂN 175

LUẬN VỀ BẤT HOÀN (Phần 2)

Như trong kinh nói: "Đức Phật bảo với Tỳ kheo: Có nơi đến của bảy loại Thiện sĩ (thất thiện sĩ thú), có thể tiến tới đoạn kiết còn sót lại mà được nhập Niết-bàn."

Hỏi: Vì sao kiến lập nơi đến (thú) của bảy loại Thiện sĩ? Là bởi vì quả Sa-môn thuộc về cõi, hay là bởi vì xứ sở thuộc về địa, hay là bởi vì phiền não thuộc về căn, mà kiến lập chăng? Giả sử như vậy thì có gì sai? Nếu bởi vì quả Sa-môn thuộc về cõi mà kiến lập thì chỉ cần nói là một, đó là Bất hoàn đi đến cõi Sắc. Nếu bởi vì xứ sở thuộc về địa mà kiến lập thì chỉ cần nói là bốn hoặc là nói mười sáu. Nếu bởi vì phiền não thuộc về căn mà kiến lập thì nên nói là có chín, bởi vì phiền não đều có chín phẩm.

Đáp: Tất cả đều không dùng ba duyên này để kiến lập, chỉ dùng Hành phía trên thuộc phẩm Sinh-Bất sinh mà kiến lập bảy loại. Nếu vì vậy cho nên kiến lập phẩm Sinh thứ nhất, thì vì vậy cho nên kiến lập phẩm Bất sinh thứ nhất. Nếu vì vậy cho nên kiến lập phẩm Sinh thứ hai, thì vì vậy cho nên kiến lập phẩm Bất sinh thứ hai. Nếu vì vậy cho nên kiến lập phẩm Sinh thứ ba, thì vì vậy cho nên kiến lập phẩm Bất sinh thứ ba. Lại dùng nghĩa thù thắng của Hành phía trên kiến lập Thượng lưu làm một loại, vì vậy kiến lập nơi đến của bảy loại Thiện sĩ. Đó là Sinh thì hoặc là có sự chuyên cần về Tu đạo, có nhanh chóng tiến thêm về đạo; hoặc là có sự chuyên cần về Tu đạo, không có nhanh chóng tiến thêm về đạo; hoặc là không có sự chuyên cần về Tu đạo, không có nhanh chóng tiến thêm về đạo. Đầu tiên làm loại thứ nhất, tiếp đến làm loại thứ hai, cuối cùng làm loại thứ ba. Như Sinh có ba loại, Bất sinh cũng như vậy. Lại dùng nghĩa thù thắng của Hành phía trên kiến lập Thượng lưu làm một loại, vì vậy kiến lập nơi đến của bảy loại Thiện sĩ.

Lại nữa, Sinh thì có căn thuộc bậc Thượng, có căn thuộc bậc

Trung, có căn thuộc bậc Hạ, như thứ tự làm ba loại. Như Sinh có ba loại, Bất sinh cũng như vậy, còn lại nói như trước. Phiền não sai biệt cùng

với điều này trái ngược nhau, nói cũng như vậy.

Lại nữa, Sinh thì có đạo thuộc phẩm Thượng, có đạo thuộc phẩm Trung, có đạo thuộc phẩm Hạ, như thứ tự làm ba loại. Như Sinh có ba loại, Bất sinh cũng như vậy, còn lại nói như trước.

Lại nữa, Sinh thì có nghiệp thuộc phẩm Thượng, có nghiệp thuộc phẩm Trung, có nghiệp thuộc phẩm Hạ, như thứ tự làm ba loại. Đây là dựa vào nghiệp vô lậu mà nói. Nếu dựa vào nghiệp hữu lậu mà nói, thì cuối cùng làm loại thứ nhất, tiếp đến làm loại thứ hai, đầu tiên làm loại thứ ba. Như Sinh có ba loại, Bất sinh cũng như vậy, còn lại nói như trước.

Có người nói: Sinh thì có Tinh tiến tăng thượng cũng đạt được Tuệ thù thắng, có Tinh tiến tăng thượng mà không đạt được Tuệ thù thắng, có đạt được Tuệ thù thắng mà không phải là Tinh tiến tăng thượng, như thứ tự làm ba loại. Như Sinh có ba loại, Bất sinh cũng như vậy, còn lại nói như trước.

Có người nói: Sinh thì có gia hạnh thường xuyên cũng gia hạnh cùng một lúc, có gia hạnh thường xuyên mà không gia hạnh cùng một lúc, có gia hạnh cùng một lúc mà không gia hạnh thường xuyên, như thứ tự làm ba loại. Như Sinh có ba loại, Bất sinh cũng như vậy, còn lại nói như trước.

Có người nói: Sinh thì có nhận thấy lỗi lầm tai họa thuộc phẩm Thượng đối với sinh tử, có nhận thấy lỗi lầm tai họa thuộc phẩm Trung đối với sinh tử, có nhận thấy lỗi lầm tai họa thuộc phẩm Hạ đối với sinh tử, như thứ tự làm ba loại. Như Sinh có ba loại, Bất sinh cũng như vậy, còn lại nói như trước. Thực hiện công đức-thắng giải sai biệt đối với Niết-bàn, nói cũng như vậy.

Có người nói: Sinh thì hoặc là có Xa-ma-tha và Tỳ-bát-xá-na thuộc phẩm Thượng, hoặc có thuộc phẩm Trung, hoặc có thuộc phẩm Hạ, như thứ tự làm ba loại. Như Sinh có ba loại, Bất sinh cũng như vậy, còn lại nói như trước. Căn thiện sai biệt khác, nói cũng như vậy.

Có người nói: Đức Thế Tôn chỉ rõ thuận theo bảy phần vị-bảy chủng tánh-bảy phương pháp-bảy tầng bậc-bảy dấu tích-bảy con đường, mà vượt qua kiết do Tu mà đoạn, khó đoạn trừ-khó phá hủy của Phi tưởng phi phi tưởng xứ, đạt được quả A-la-hán, cho nên nói về nơi đến của bảy loại Thiện sĩ như vậy.

Hỏi: Như Sinh-Bất sinh đều có ba loại, Thượng lưu cũng như vậy, đó là vượt qua toàn bộ, vượt qua một nửa và chết ở tất cả mọi nơi, vì sao chỉ nói một loại?

Đáp: Sinh-Bất sinh đều là một loại có nối tiếp nhau (tương tục), ở

trong phần vị sai biệt khó nhận biết, muốn làm cho nhận biết cho nên đều nói đến ba loại; ba loại Thượng lưu thì số lượng về Sinh tự nhiên phân rõ sai biệt dễ dàng nhận biết, vì thế cho nên chỉ thuận theo nghĩa thù thắng của Hành phía trên, hợp lại nói là một loại.

Lại nữa, Sinh và Bất sinh cùng một kỳ hạn, thời gian ngắn ngủi sai biệt, nghĩa ít phạm vi như nhau, dễ dàng nhận biết cho nên phân làm ba loại; Thượng lưu thì thời gian lâu dài sai biệt, nhiều loại phạm vi như nhau, khó phân biệt được cho nên hợp lại làm một loại.

Lại nữa, Sinh và Bất sinh cũng có nghĩa như nhau, Thượng lưu cũng có nghĩa riêng biệt, bởi vì muốn dùng hai văn để hiển bày lẫn nhau, cho nên đưa ra cách nói như vậy.

Lại nữa, tướng nơi đến của Thiện sĩ thuộc Sinh và Bất sinh hiện rõ trước mắt dễ dàng sáng tỏ, bởi vì họ nhanh chóng hướng về nhập Niết- bàn, cho nên đều phân làm ba loại; tướng nơi đến của Thiện sĩ thuộc Thượng lưu sâu xa kín đáo khó nhận biết được, bởi vì họ vẫn còn trải qua nhiều sinh tử, cho nên chỉ hợp lại nói là một.

Hỏi: Vì sao trong kinh dùng ba thí dụ để hiển bày về ba loại Bất sinh, đối với ba loại về Sinh thì không như vậy?

Đáp: Như dùng ba thí dụ để hiển bày về ba loại Bất sinh, nên biết là cũng đã hiển bày về ba loại Sinh, vì thế cho nên trước đây nói: Nếu vì vậy cho nên kiến lập phẩm Sinh thứ nhất, thì vì vậy cho nên kiến lập phẩm Bất sinh thứ nhất, cho đến nói rộng ra.

Lại nữa, bởi vì lúc người Bất sinh hướng đến nơi sinh thì giống như người trải qua chặng đường, trong đó có người đi chưa xa thì nhập Niết-bàn, có người đi hơi xa mà nhập Niết-bàn, có người đi đã xa sắp đến nơi sinh mà nhập Niết-bàn. Vì thế cho nên Đức Thế Tôn dùng ba thí dụ để hiển bày ba loại trong Sinh đều đến nơi sinh, lại không có nơi đến xa-gần sai biệt, cho nên không có thí dụ riêng biệt.

Lại nữa, ba loại Bất sinh vi tế không hiện bày rõ ràng, khó hiểu- khó biết, cho nên dùng thí dụ để hiển bày; ba loại trong Sinh hiện bày thô thiển, dễ dàng nhận biết, cho nên không dùng thí dụ để hiển bày.

Lại nữa, ba loại Bất sinh do Cõi thâu nhiếp chứ không phải là Nẻo, tướng Sinh thâu nhiếp chứ không phải là tướng Nẻo, bởi vì không đầy đủ trọn vẹn, cho nên cho nên dùng thí dụ để hiển bày; ba loại trong Sinh thì không như vậy, cho nên không dùng thí dụ để hiển bày.

Lại nữa, Đức Phật quán sát ở vị lai có người chấp trước lạ lùng, ở trong Trung hữu mà sinh ra phỉ báng, như Luận sư Phân Biệt…, bởi vì Đức

Phật cần phải quyết định về nghĩa của Trung hữu cho nên dùng ba thí dụ để hiển bày về sự sai biệt của Diệt; đối với Sinh hữu…, không có sự phỉ báng này, cho nên không cần phải nói thí dụ đối với ba loại trong Sinh.

Lại nữa, Trung bát Niết-bàn đối với Sinh bát Niết-bàn…, có ba điều hơn hẳn:

1. Nhận lấy khổ ít hơn.
2. Nhanh chóng dập tắt lửa phiền não.
3. Nhanh chóng rời bỏ gánh nặng của Uẩn. Vì vậy dùng ba thí dụ để hiển bày, Sinh… thì không như vậy cho nên không có thí dụ hiển bày.

Hỏi: Trung bát Niết-bàn khởi lên Thánh đạo của địa nào, tiến tới đoạn kiết còn sót lại, đạt được quả A-la-hán?

Đáp: Khởi lên Thánh đạo của địa mình, nghĩa là nếu trú trong Trung hữu của địa Tĩnh lự thứ nhất mà nhập Niết-bàn, thì lúc ấy khởi lên Thánh đạo của địa Tĩnh lự thứ nhất; cho đến nếu trú trong Trung hữu của địa Tĩnh lự thứ tư mà nhập Niết-bàn, thì lúc ấy khởi lên Thánh đạo của địa Tĩnh lự thứ tư.

Hỏi: Lúc ấy đạt được quả rồi cũng có người khởi lên Thánh đạo của Định Vị chí và Tĩnh lự trung gian chăng?

Đáp: Có người nói: Cũng có người khởi lên, nghĩa là nếu trước đó dựa vào địa ấy đạt được quả Bất hoàn, thì nay cũng có thể khởi lên.

Nói như vậy thì nên nói là không khởi lên. Nguyên cớ thế nào?

Bởi vì pháp vốn như vậy.

Lại nữa, bởi vì thời gian ngắn ngủi cho nên lúc ấy đạt được quả rồi nhanh chóng nhập Niết-bàn, đâu có thể trở lại khởi lên đạo vô lậu của địa khác.

Lại nữa, Trung hữu chỉ tùy thuận với Thánh đạo của địa Căn bản chứ không phải là địa Cận phần, bởi vì Thánh đạo của địa Cận phần do Khổ-Đạo thâu nhiếp, cho nên khó hiện rõ trước mắt.

Lại nữa, nếu địa có Định mà cũng có Sinh thì trú trong Trung hữu khởi lên Thánh đạo của địa ấy, Định Vị chí có Định mà không có Sinh, Tĩnh lự trung gian tuy cũng có Sinh mà là dị dinh chứ không phải là Thánh giả, bốn Tĩnh lự Căn bản có Định và có Sinh cho nên trú trong Trung hữu mà khởi lên Thánh đạo của địa ấy.

Hỏi: Lúc ấy vì sao không khởi lên Thánh đạo của Vô sắc?

Đáp: Bởi vì ban đầu thì chưa đạt được, về sau thì không còn tác dụng.

Lại nữa, bởi vì lúc ấy do địa khác thâu nhiếp, cho nên khó hiện rõ trước mắt.

Lại nữa, bởi vì lúc ấy do Khổ-Đạo thâu nhiếp, cho nên không muốn khởi lên.

Hỏi: Vì sao không nói Dự lưu và Nhất lai làm nơi đến của Thiện sĩ?

Đáp: Cần phải nói mà không nói đến thì nên biết là nghĩa này có khác.

Có người nói: Trong này, Đức Thế Tôn dùng nơi đến của bảy loại Thiện sĩ để khen ngợi người con giữa. Hoặc là có nơi khen ngợi người con trưởng, như bài tụng nói:

"A-la-hán vô cùng vui sướng, bởi vì tâm không có tham ái,

và đã đoạn trừ tâm ngã mạn, vĩnh viễn không còn lưới si mê."

Hoặc là có nơi khen ngợi người con thơ, như kinh Trì Dụ nói rộng. Nay ở đây cũng bởi vì khen ngợi người con giữa, cho nên không nói đến Dự lưu và Nhất lai.

Có người nói: Chính vì sự sai biệt của Dự lưu và Nhất lai, cho nên Đức Thế Tôn nói về nơi đến của bảy loại Thiện sĩ này, nghĩa là Dự lưu và Nhất lai tuy có được tên gọi là Thiện sĩ, mà như trong kinh nói: "Thế nào là Thiện sĩ? Đó là nếu thành tựu Chánh kiến Hữu học, cho đến Chánh Định. Thế nào là Thiện sĩ thù thắng? Đó là nếu thành tựu Chánh kiến Vô học, cho đến Chánh Định."

Như vậy hàng Dự lưu và Nhất lai không được gọi là nơi đến của Thiện sĩ, bởi vì họ hãy còn cách xa chứ không phải là có thể tiếp cận nơi đến của Thiện sĩ thù thắng, chỉ riêng hàng Bất hoàn gọi là Thiện sĩ mà cũng gọi là nơi đến của Thiện sĩ, bởi vì họ là Thiện sĩ, và có thể tiếp cận nơi đến của Thiện sĩ thù thắng. Bởi vì nghĩa này, cho nên Dự lưu và Nhất lai không phải là nơi đến của Thiện sĩ.

Có người nói: Trong phần vị Hữu học, nếu đã vượt qua cõi, đã đạt được quả thì thiết lập nơi đến của Thiện sĩ; Dự lưu và Nhất lai tuy đã đạt được quả mà chưa vượt qua cõi.

Có người nói: Trong phần vị Hữu học, nếu đã vượt qua cõi, vĩnh viễn đoạn trừ nghiệp-phiền não bất thiện thì thiết lập nơi đến của Thiện sĩ; Dự lưu và Nhất lai thì cả hai đều không như vậy.

Có người nói: Trong phần vị Hữu học, nếu đã đạt được quả và vĩnh viễn đoạn trừ nghiệp-phiền não bất thiện thì thiết lập nơi đến của Thiện sĩ; Dự lưu và Nhất lai thì không có thể như vậy, cho nên không thiết lập nơi đến của Thiện sĩ.

Như nghiệp-phiền não bất thiện, như vậy nghiệp-phiền não có dị thục, không có Tàm-không có Quý tương ưng với hai quả, cũng như vậy.

Có người nói: Trong phần vị Hữu học, nếu đã vượt qua cõi, và vĩnh viễn đoạn trừ năm kiết thuận phần dưới thì thiết lập nơi đến của Thiện sĩ; Dự lưu và Nhất lai thì không như vậy.

Có người nói: Trong phần vị Hữu học, nếu đã đạt được quả, và vĩnh viễn đoạn trừ năm kiết thuận phần dưới thì thiết lập nơi đến của Thiện sĩ; Dự lưu và Nhất lai thì không như vậy.

Có người nói: Trong phần vị Hữu học, nếu đã vĩnh viễn đoạn trừ pháp cùng có không phải là Thiện sĩ thì thiết lập nơi đến của Thiện sĩ. Những gì gọi là pháp cùng có không phải là Thiện sĩ? Đó là thích đời sống tại gia, yêu thương lưu luyến vợ con, tham đắm đồ nằm-áo quần- ăn uống, thích mang các loại chuỗi ngọc-vòng hoa, và thoa ướp các loại hương thơm để trang điểm thân mình; tích trữ tất cả tiền bạc đồ vật bất tịnh, nghĩa là vàng bạc châu báu, kho tàng-ruộng đất nhà cửa, tôi tớ nô lệ-các loài voi ngựa, và bởi vì tâm nhiễm ô vuốt ve thân hình bất tịnh do xương thịt dơ bẩn tập hợp mà sinh ý tưởng là thanh tịnh đắm theo tập khí tham dục. Hoặc có lúc nổi giận khởi lên các nghiệp làm não hại, gây khổ sở cho các hữu tình… Dự lưu và Nhất lai hãy còn có điều này, cho nên không nói ở trong nơi đến của Thiện sĩ.

Có người nói: Ở phần vị Hữu học, nếu không trở lại tiến vào ngục tù tối tăm trong thai tạng của mẹ, ở giữa Sinh tạng-Thục tạng nhận chịu các loại bất tịnh mà làm thân hình, thì thiết lập nơi đến của Thiện sĩ; Dự lưu và Nhất lai hãy còn có điều này, cho nên không thiết lập nơi đến của bảy loại Thiện sĩ.

Tôn giả Diệu Âm đưa ra cách nói như vậy: "Nếu như Học đã đoạn trừ dục tham-sân nhuế, không vào thai mẹ nhận chịu nỗi khổ bức bách chèn ép, thì thiết lập nơi đến của Thiện sĩ; Dự lưu và Nhất lai thì không như vậy."

Có người nói: Nếu như Học không bị cảnh giới thuận-nghịch làm cho tâm rối loạn, thì thiết lập nơi đến của Thiện sĩ; Dự lưu và Nhất lai thì không như vậy.

Có người nói: Nếu hướng đến sinh lên phía trên không lui sụt trở lại, thì thiết lập nơi đến của Thiện sĩ; Dự lưu và Nhất lai thì không như vậy.

Có người nói: Nếu như Học đã đạt được tu xen lẫn Tĩnh lự, tuy lui sụt mà không mất đi Tĩnh lự, thì thiết lập nơi đến của Thiện sĩ; Dự lưu và Nhất lai thì không như vậy.

Có người nói: Nếu như Học chỉ thực hành pháp của Thiện sĩ, không thực hành pháp không phải Thiện sĩ, thì thiết lập nơi đến của Thiện sĩ; Dự lưu và Nhất lai cũng thực hành pháp không phải Thiện sĩ. Bởi vì nghĩa như vậy, cho nên Dự lưu-Nhất lai không thiết lập nơi đến của Thiện sĩ.

Hỏi: Bất hoàn đi đến cõi Vô sắc có năm điều hơn hẳn so với Bất hoàn đi đến cõi Sắc, đó là cõi hơn hẳn, địa hơn hẳn, đoạn phiền não hơn hẳn, giảm bớt uẩn hơn hẳn và Tam-ma-bát-đề, vì sao không thiết lập làm nơi đến của Thiện sĩ?

Đáp: Cần phải nói mà không nói đến thì nên biết là nghĩa này có khác.

Có người nói: Nếu hiện bày thô thiển dễ dàng nhận biết, thì thiết lập nơi đến của Thiện sĩ; loại ấy không hiện bày rõ ràng, vì vậy không nói đến.

Có người nói: Đức Phật vì khuyến khích Thánh giả chưa lìa nhiễm của cõi Dục là nơi nhiều lỗi lầm tai họa, làm cho nhanh chóng lìa bỏ, cho nên nói Bất hoàn đi đến cõi Sắc làm nơi đến của Thiện sĩ; không vì khuyến khích Thánh giả chưa lìa nhiễm của cõi Sắc là nơi ít lỗi lầm tai họa, làm cho nhanh chóng lìa bỏ, cho nên không nói Bất hoàn đi đến cõi Vô sắc làm nơi đến của Thiện sĩ.

Có người nói: Nếu có sắc thân, dựa vào nơi có sắc, có oai nghi vắng lặng như đến-đi…, có thể làm cho người khác biết là Thiện sĩ, thì thiết lập nơi đến của Thiện sĩ; đi đến cõi Vô sắc thì không có sự việc như vậy, cho nên không thiết lập nơi đến của Thiện sĩ.

Có người nói: Nếu nơi nào có năm loại Bất hoàn có thể thi thiết nơi đến của bảy loại Thiện sĩ, thì thiết lập nơi đến của Thiện sĩ; Bất hoàn đi đến cõi Vô sắc, không có đủ năm loại, không có thể thi thiết nơi đến của bảy loại Thiện sĩ, vì vậy không nói đến.

Có người nói: Nếu cõi ấy chỉ có nơi sinh của Thánh giả, thì thiết lập nơi đến của Thiện sĩ; cõi Vô sắc thì không như vậy.

Có người nói: Nếu đã đạt được tu xen lẫn (tạp tu) Tĩnh lự, tuy lui sụt mà không mất đi Tĩnh lự, thì thiết lập nơi đến của Thiện sĩ; đi đến cõi Vô sắc thì không như vậy.

Có người nói: Nếu cõi đã lìa bỏ pháp không phải Thiện sĩ, có các Thiện sĩ qua lại bàn luận ở trong cõi ấy, thì thiết lập nơi đến của Thiện sĩ; cõi Vô sắc thì không như vậy, cho nên không thiết lập nơi đến của Thiện sĩ.

Hỏi: Vì sao A-la-hán không phải là nơi đến của Thiện sĩ?

Đáp: Cũng cần phải nói A-la-hán làm nơi đến của Thiện sĩ, mà không

nói đến thì nên biết là nghĩa này có khác.

Lại nữa, hướng đến sinh lên phía trên thì thiết lập nơi đến của Thiện sĩ, A-la-hán không còn sinh, vì vậy cho nên không thiết lập.

Lại nữa, hướng đến quả phía trên thì thiết lập nơi đến của Thiện sĩ, A-la-hán tức là quả phía trên, lại không có quả phía trên để có thể hướng đến, vì vậy cho nên không thiết lập.

Hỏi: A-la-hán Thời giải thoát cũng hướng đến quả phía trên, đó là cầu mong Bất động, vì sao không phải là nơi đến của Thiện sĩ?

Đáp: Lúc ấy hướng đến chủng tánh phía trên, chứ không phải là hướng đến quả phía trên.

Lại nữa, nếu Thánh giả thành tựu phiền não mà không thành tựu pháp không phải là Thiện sĩ, thì thiết lập nơi đến của Thiện sĩ; A-la-hán không thành tựu phiền não, vì vậy cho nên không nói đến.

Lại nữa, trong phần vị Hữu học có lúc thành tựu pháp không phải là Thiện sĩ, đối với điều ấy thi thiết nơi đến của bảy loại Thiện sĩ; phần vị Vô học thì không như vậy, vì thế cho nên không nói đến.

Lại nữa, Bất hoàn là nơi đến của Thiện sĩ, A-la-hán là nơi đến của Thiện sĩ thù thắng, nếu phải nói là làm nơi đến của Thiện sĩ, thì chính là giảm bớt chứ không phải là nói đúng như thật, vì thế cho nên không nói đến.

Hỏi: Như đã nói tu xen lẫn (tạp tu) Tĩnh lự, thì tu xen lẫn lấy gì làm tự tánh?

Đáp: Lấy năm uẩn làm tự tánh.

Hỏi: Vì sao gọi là tu xen lẫn Tĩnh lự, nói tu xen lẫn ấy là muốn nêu rõ điều gì?

Đáp: Bởi vì xông ướp khắp nơi cho nên gọi là tu xen lẫn, xông ướp hợp lại cho nên gọi là tu xen lẫn, khiến cho kín đáo tốt đẹp cho nên gọi là tu xen lẫn, khiến cho trong sáng rõ ràng cho nên gọi là tu xen lẫn.

Phái Thí Dụ nói: "Duyên với pháp ấy cho nên gọi là tu xen lẫn."

Xông ướp khắp nơi cho nên gọi là tu xen lẫn, như chiếc áo đặt vào một cái hòm, dùng hương thơm xông ướp khắp nơi; các Sư Du-già cũng lại như vậy, dùng hai sát-na vô lậu trước-sau để xông ướp khắp nơi một sát-na hữu lậu ở giữa.

Xông ướp hợp lại cho nên gọi là tu xen lẫn, như hoa cùng với cây Oa-cự hợp lại xông ướp khiến cho phát ra hương thơm; Sư Du-già ấy cũng lại như vậy, dùng hai sát-na vô lậu gần cạnh xông ướp xen lẫn nhau, phát

ra một sát-na hữu lậu.

Khiến cho trang nghiêm đẹp đẽ cho nên gọi là tu xen lẫn, như dùng các loại hoa để rải phía trên tòa tháp, làm cho tòa tháp ấy trang nghiêm đẹp đẽ; như vậy, hành giả dùng hai sát-na vô lậu để rải phía trên một sát-na hữu lậu, khiến cho sát-na ấy đẹp đẽ tuyệt vời.

Khiến cho trong sáng rõ ràng cho nên gọi là tu xen lẫn, như đem quặng vàng bỏ vào trong lò lửa nung chảy tinh luyện làm cho chuyển sang trong sáng rực rỡ; như vậy, hành giả dùng một sát-na hữu lậu đặt vào giữa hai sát-na vô lậu, thường xuyên điều hòa tinh luyện khiến cho thanh tịnh tuyệt vời.

Duyên với pháp ấy cho nên gọi là tu xen lẫn, phái ấy nói dùng hai sát-na vô lậu duyên với một sát-na hữu lậu, cho nên gọi là tu xen lẫn.

Về Cõi, thì thụ động tu xen lẫn thuộc về cõi Sắc, chủ động tu xen lẫn không thuộc về cõi.

Về Địa, thì chủ động và thụ động tu xen lẫn đều thuộc về địa Căn bản của bốn Tĩnh lự.

Hỏi: Có tu xen lẫn Vô sắc hay không?

Đáp: Có người nói: Không có, bởi vì khó thấy, bởi vì vi tế. Có người nói: Đức Phật đối với Vô sắc thì có tu xen lẫn, chứ không phải là Thanh văn-Độc giác.

Về Sở y, thì dựa vào cõi Dục-Sắc.

Về Hành tướng, có người nói: Chủ động tu xen lẫn và thụ động tu xen lẫn đều làm mười sáu hành tướng Thánh. Nguyên cớ thế nào? Bởi vì hành tướng Thánh không gián đoạn thì có thể khởi lên Thánh đạo, Thánh đạo không gián đoạn thì tiếp tục khởi lên hành tướng Thánh.

Nói như vậy thì chủ động tu xen lẫn làm mười sáu hành tướng, thụ động tu xen lẫn có lúc làm mười sáu hành tướng, có lúc làm các hành tướng khác, đó là Vô lượng-Giải thoát-Thắng xứ…

Về Sở duyên, có người nói: Chủ động tu xen lẫn lấy thụ động tu xen lẫn làm sở duyên, thụ động tu xen lẫn thì sở duyên không nhất định.

Nói như vậy thì chủ động tu xen lẫn duyên với bốn Thánh đế, thụ động tu xen lẫn duyên với tất cả các pháp.

Về Niệm trú, có người nói: Nếu chủ động tu xen lẫn hay là thụ động tu xen lẫn, thì đều là Pháp niệm trú.

Có người nói: Thụ động tu xen lẫn là bốn Niệm trú, chủ động tu xen lẫn chỉ là Pháp niệm trú.

Nói như vậy thì chủ động tu xen lẫn hay là thụ động tu xen lẫn, đều có thể là bốn Niệm trú.

Về Trí, có người nói: Chủ động tu xen lẫn là Khổ trí-Tập trí, thụ động tu xen lẫn là Thế tục trí.

Nói như vậy thì chủ động tu xen lẫn là bốn Pháp trí-bốn Loại trí, thụ động tu xen lẫn là Thế tục trí. Nếu nói chung thì Hữu học là bảy trí, Vô học là chín trí trừ ra Tha tâm trí.

Về Tam-ma-địa đi cùng, có người nói: Chủ động tu xen lẫn đi cùng Tam-ma-địa Không và Vô nguyện, thụ động tu xen lẫn không phải là đi cùng Tam-ma-địa.

Nói như vậy thì chủ động tu xen lẫn đi cùng ba Tam-ma-địa, thụ động tu xen lẫn không phải là đi cùng Tam-ma-địa.

Về Căn tương ưng, nói một cách tổng quát thì chủ động-thụ động tu xen lẫn đều tương ưng với ba căn Lạc-Hỷ và Xả.

Về quá khứ-vị lai-hiện tại, thì chủ động-thụ động tu xen lẫn đi cùng ba đời.

Về duyên với ba đời, có người nói: Chủ động tu xen lẫn duyên với quá khứ, thụ động tu xen lẫn duyên với ba đời và tách lìa thời gian (ly thế).

Nói như vậy thì chủ động và thụ động đều duyên với ba đời và tách lìa thời gian, vì trước đã nói chủ động tu xen lẫn duyên với bốn Thánh đế, cho nên không cần phải nói khác đi.

Về thiện-bất thiện và vô ký, chủ động và thụ động tu xen lẫn đều là thiện.

Về duyên với thiện…, chủ động và thụ động tu xen lẫn đều duyên với ba loại.

Về hệ thuộc ba cõi và không hệ thuộc, thụ động tu xen lẫn hệ thuộc cõi Sắc, chủ động tu xen lẫn là không hệ thuộc.

Về duyên với hệ thuộc ba cõi và không hệ thuộc, chủ động-thụ động tu xen lẫn đều duyên với hệ thuộc ba cõi và không hệ thuộc.

Về Học-Vô học và Phi học phi vô học, chủ động tu xen lẫn hoặc là Học, hoặc là Vô học; thụ động tu xen lẫn là Phi học phi vô học.

Về duyên với Học…, chủ động và thụ động tu xen lẫn đều duyên với ba loại.

Về do Kiến mà đoạn-do Tu mà đoạn và không đoạn, thụ động tu xen lẫn là do Tu mà đoạn, chủ động tu xen lẫn là không đoạn.

Về duyên với do Kiến mà đoạn…, chủ động và thụ động tu xen lẫn

đều duyên với ba loại.

Về duyên với danh-duyên với nghĩa, chủ động-thụ động tu xen lẫn đều duyên với hai loại.

Về duyên với Tự tương tục-Tha tương tục-Phi tương tục, chủ động và thụ động tu xen lẫn đều duyên với ba loại.

Khởi lên ở nơi nào, đó là khởi lên ở cõi Dục-Sắc. Nhưng bắt đầu khởi lên ở loài người thuộc ba châu của cõi Dục, từ đây khởi lên rồi hoặc là lui sụt-không lui sụt, sau đó sinh đến cõi Sắc lại khởi lên hiện rõ trước mắt.

Về gia hạnh đạt được-lìa nhiễm đạt được và sinh ra đạt được, Phật là lìa nhiễm đạt được, còn lại là gia hạnh mà đạt được.

Gia hạnh như thế nào? Đó là Sư Du-già trước khi tiến vào Tĩnh lự thứ tư khởi lên nhiều sát-na vô lậu, từ đây đã khởi lên nhiều sát-na hữu lậu, sau đó lại khởi lên nhiều sát-na vô lậu. Như vậy lặp đi lặp lại nhiều lần, về sau từ từ giảm bớt cho đến cuối cùng, hai sát-na vô lậu không gián đoạn, hai sát-na hữu lậu hiện rõ trước mắt; hai sát-na hữu lậu không gián đoạn, hai sát-na vô lậu lại hiện rõ trước mắt. Đến đây gọi là gia hạnh tu xen lẫn Tĩnh lự đầy đủ trọn vẹn.

Từ đây về sau không nhờ vào công dụng mà có thể từ một sát- na vô lậu không gián đoạn, khởi lên một sát-na hữu lậu; ngay sát-na hữu lậu này không gián đoạn, lại khởi lên một sát-na vô lậu. Như vậy, sát-na hữu lậu ở giữa, sát-na vô lậu xen lẫn trước-sau, cho nên gọi là tu xen lẫn Tĩnh lự. Lúc bấy giờ gọi là thành tựu căn bản về tu xen lẫn Tĩnh lự.

Như vậy tu xen lẫn Tĩnh lự thứ tư rồi, nhờ vào thế lực này tùy theo sự thích hợp cũng có thể tu xen lẫn ba Tĩnh lự dưới. Trước là dựa vào loài người thuộc ba châu của cõi Dục, tu xen lẫn các Tĩnh lự như vậy rồi, sau đó sinh đến cõi Sắc, nhờ vào lực luyện tập thành thạo lại có thể như trước tùy theo sự thích hợp mà tu xen lẫn Tĩnh lự.

Hỏi: Những Bổ-đặc-già-la nào tu xen lẫn Tĩnh lự?

Đáp: Là Thánh giả chứ không phải là dị sinh, cũng là Học-cũng là Vô học, đó là Tín thắng giải-Kiến chí-Thời giải thoát-Bất thời giải thoát đều có thể tu xen lẫn Tĩnh lự.

Hỏi: Vì sao những loại ấy tu xen lẫn Tĩnh lự?

Đáp: Bởi vì ba nhân duyên cho nên tu xen lẫn Tĩnh lự:

1. Bởi vì vui với Đẳng chí.
2. Bởi vì sợ hãi phiền não.
3. Bởi vì thích sinh đến nơi ấy.

Vui với Đẳng chí, đó là bởi vì trú trong niềm vui của pháp hiện tại, hoặc là vì thọ dụng tài sản giáo pháp bậc Thánh, hoặc là vì dạo chơi trong công đức, hoặc là vì quán xét những việc làm vốn có, hoặc là vì dẫn dắt công đức thù thắng.

Sợ hãi phiền não, đó là bởi vì lo sợ lui sụt khởi lên phiền não hiện rõ trước mắt mất đi công đức thù thắng, hoặc là vì lo sợ lui sụt khởi lên phiền não hiện rõ trước mắt thiêu đốt thân tâm.

Thích sinh đến nơi ấy, đó là bởi vì thích sinh đến năm cõi trời Tịnh Cư, nơi ấy không chung với dị sinh.

Tín thắng giải do đầy đủ ba nhân duyên cho nên tu xen lẫn Tĩnh lự.

Kiến chí do hai nhân duyên cho nên tu xen lẫn Tĩnh lự, trừ ra sợ hãi phiền não, bởi vì không lui sụt pháp.

Thời giải thoát do hai nhân duyên cho nên tu xen lẫn Tĩnh lự, trừ ra thích sinh đến nơi ấy, bởi vì rời bỏ tất cả mọi nơi sinh.

Bất thời giải thoát do một nhân duyên cho nên tu xen lẫn Tĩnh lự, trừ ra sợ hãi phiền não và thích sinh đến nơi ấy, bởi vì không lui sụt pháp và bởi vì rời bỏ tất cả mọi nơi sinh.

Hỏi: Tu xen lẫn Tĩnh lự có mấy phẩm? Đáp: Có năm phẩm:

1. Phẩm Hạ.
2. Phẩm Trung.
3. Phẩm Thượng.
4. Phẩm đầy đủ trọn vẹn thù thắng nhất.
5. Phẩm đầy đủ trọn vẹn cao nhất.

Mỗi một phẩm này ở phần vị thành tựu đầy đủ đều có ba tâm, đó là một tâm hữu lậu và hai tâm vô lậu.

Như vậy nói tổng quát là có mười lăm tâm, đó là năm tâm hữu lậu và mười tâm vô lậu.

Hỏi: Mười lăm tâm này, là không khởi lên Định, hay là khởi lên Định?

Đáp: Có người nói: Không khởi lên Định, ví như Kiến đạo nối tiếp nhau hiện rõ trước mắt.

Có người nói: Khởi lên Định, ví như Tu đạo thường xuyên khởi lên, thường xuyên tiến vào.

Nói như vậy thì điều này là không nhất định, hoặc có lúc không khởi lên Định nhưng mười lăm tâm có thể nối tiếp nhau mà chuyển; hoặc là khởi lên Định, trong đó hoặc có lúc khởi ba tâm rồi mà liền khởi lên Định, hoặc

có lúc khởi sáu tâm rồi mà liền khởi lên Định, hoặc có lúc khởi chín tâm rồi mà liền khởi lên Định, hoặc có lúc khởi mười hai tâm rồi mà liền khởi lên Định.

Vì thế cho nên ở trung gian của năm phẩm ấy, hoặc là khởi lên- không khởi lên tu xen lẫn thành tựu đầy đủ.

Hỏi: Mười lăm tâm này, mấy tâm là đã từng đạt được, mấy tâm là chưa từng đạt được?

Đáp: Có người nói: Năm tâm là chưa từng đạt được, mười tâm là đã từng đạt được, đó là bởi vì lúc năm tâm trước hiện rõ ở trước mắt, mười tâm còn lại tu ở vị lai.

Có người nói: Mười tâm là chưa từng đạt được, năm tâm là đã từng đạt được , đó là bởi vì lúc mười tâm trước hiện rõ ở trước mắt, năm tâm sau tu ở vị lai.

Nói như vậy thì điều này là không nhất định, hoặc có lúc mười lăm tâm đều là chưa từng đạt được, hoặc có lúc mười lăm tâm đều là đã từng đạt được, hoặc có lúc phần ít là đã từng đạt được-phần ít là chưa từng đạt được.

Hỏi: Mười lăm tâm này, mấy tâm là Chuyển, mấy tâm là Tùy chuyển?

Đáp: Có người nói: Năm tâm trước là Chuyển, mười tâm sau là Tùy chuyển.

Có người nói: Mười tâm trước là Chuyển, năm tâm sau là Tùy chuyển.

Nói như vậy thì điều này là không nhất định, hoặc có lúc tất cả đều là Chuyển, hoặc có lúc tất cả đều là Tùy chuyển, hoặc có lúc phần ít là Chuyển-phần ít là Tùy chuyển.

Hỏi: Nếu chủng loại của phẩm này Chuyển thì chủng loại của phẩm này Tùy chuyển, cũng là chủng loại của phẩm khác chăng?

Đáp: Có người nói: Nếu chủng loại của phẩm này Chuyển thì chủng loại của phẩm này Tùy chuyển, đó là Trí-Sở duyên-Hành tướng- Niệm trú trước sau thuận theo nhau thì mới thành tựu tu xen lẫn.

Vì thế cho nên nếu chủng loại của phẩm này Chuyển thì chắc chắn chủng loại của phẩm này Tùy chuyển, không như vậy thì làm trở ngại đối với tu xen lẫn.

Có người nói: Nếu chủng loại của phẩm này Chuyển thì chủng loại của phẩm khác Tùy chuyển, đó là Trí-Sở duyên-Hành tướng-Niệm trú khác chủng loại xen kẽ lẫn nhau thì mới thành tựu tu xen lẫn.

Vì thế cho nên nếu chủng loại của phẩm này Chuyển thì chắc chắn chủng loại của phẩm khác Tùy chuyển, không như vậy thì sẽ trái với nghĩa của tu xen lẫn.

Noi như vậy thì điều này là không nhất định, đó là nếu Pháp trí làm Chuyển, thì hoặc Pháp trí, hoặc Loại trí làm Tùy chuyển; nếu Loại trí làm Chuyển thì hoặc Loại trí, hoặc Pháp trí làm Tùy chuyển; trí khác cũng như vậy. Nếu duyên với hữu vi làm Chuyển, thì hoặc duyên với hữu vi, hoặc duyên với vô vi làm Tùy chuyển; duyên với pháp khác cũng như vậy. Nếu hành tướng Vô thường làm Chuyển, thì hoặc là hành tướng Vô thường, hoặc là hành tướng Khổ… làm Tùy chuyển; hành tướng khác cũng như vậy. Nếu Thân niệm trú làm Chuyển, thì hoặc là Thân niệm trú, hoặc là Thọ niệm trú… làm Tùy chuyển; Niệm trú khác cũng như vậy.

Hỏi: Nếu Chuyển và Tùy chuyển, hoặc là không giống nhau thì Sở duyên-Hành tướng có tạp loạn, vì sao không làm cho trở ngại đối với tu xen lẫn Tĩnh lự?

Đáp: Bởi vì phần vị gia hạnh trước đây đã tu thuần thục, con đường thẳng tắp đã thành tựu, tuy là tạp loạn mà không làm trở ngại đối với tu xen lẫn. Như tạp nhiễm trong Kiến đạo và đạo thế tục, tuy Hành tướng- Sở duyên trên dưới tạp loạn, mà không có gì trở ngại; ở đây cũng như vậy.

Hỏi: Nếu Chuyển và Tùy chuyển, hoặc là cũng giống nhau thì làm sao có thể gọi là tu xen lẫn Tĩnh lự, bởi vì không phải là đối với một loại Hành tướng-Sở duyên mà có thể gọi là xen lẫn?

Đáp: Bởi vì hữu lậu và vô lậu xen kẽ nhau-lẫn tạp nhau cho nên gọi là tu xen lẫn, không phải là Trí… trước sau khác nhau mà gọi là xen lẫn.

Hỏi: Vì sao tu xen lẫn Tĩnh lự phải là hữu lậu và vô lậu xen lẫn nhau mà khởi lên?

Đáp: Bởi vì muốn hiển bày ở trong hai loại Tĩnh lự này có thể tiến vào-rời ra tự tại.

Lại nữa, bởi vì muốn dùng vô lậu đặt ở trước sau, xông ướp hữu lậu ở giữa khiến cho càng vi diệu thù thắng mà sinh đến cõi Tịnh Cư.

Lại nữa, bởi vì từ vô thỉ đến nay Tịnh của Tĩnh lự bị Vị tương ưng của Tĩnh lự lấn ép xen tạp, nay muốn làm cho cùng với Vô lậu của Tĩnh lự thay đổi lẫn nhau tiến vào-rời ra, khiến cho Vị tương ưng của Tĩnh lự không còn xen tạp với nhau, lần lượt chuyển đổi mà cách xa.

Lại nữa, hành giả trải qua thời gian dài tiến vào Tĩnh lự, cuối cùng cảm thọ sự nuôi lớn đầy đủ khắp toàn thân, bởi vì muốn làm cho trong thân tạm thời thông suốt thư thả, cho nên cùng với Vô lậu xen lẫn nhau mà khởi

lên.

Những người muốn tu xen lẫn bốn Tĩnh lự, trước hết cần phải tu xen lẫn Tĩnh lự thứ tư, lúc pháp tu ấy đã thành tựu đầy đủ, tiếp theo lại tu xen lẫn Tĩnh lự thứ ba, tiếp theo lại tu xen lẫn Tĩnh lự thứ hai, cuối cùng tu xen lẫn Tĩnh lự thứ nhất. Nếu không tu xen lẫn Tĩnh lự thứ tư trước tiên, thì người ấy đến cuối cùng không có thể tu xen lẫn địa dưới.

Hỏi: Dựa vào luận mà phát sinh luận, vì sao trước hết cần phải tu xen lẫn Tĩnh lự thứ tư, sau đó mới có thể tu ba địa dưới?

Đáp: Bởi vì Tĩnh lự thứ tư đầy đủ trọn vẹn nhất trong các Tĩnh lự, là nơi nương tựa thù thắng nhất để khởi lên công đức, có thể dẫn đến niềm vui Khinh an thù thắng nhất, khiến cho đầy đủ khắp toàn thân sở y, là nơi nương tựa của nhiều công đức, là Định không lay chuyển, niềm vui thù thắng nhất trong các hành, có khả năng chịu đựng cao nhất.

Lại nữa, bởi vì Tĩnh lự thứ tư ở chính giữa các Định vô lậu, ở phía trên và ở phía dưới đều có ba địa.

Lại nữa, bởi vì Tĩnh lự thứ tư là nơi hằng hà sa số tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, đều dựa vào đây mà đạt được quả vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Lại nữa, bởi vì Tĩnh lự thứ tư có đủ năm loại nhân-năm loại quả, năm loại nhân đó là năm phẩm tu xen lẫn, năm loại quả đó là năm cõi trời Tịnh Cư.

Hỏi: Tu xen lẫn ba Tĩnh lự dưới có mấy phẩm?

Đáp: Có người nói: Chỉ có ba phẩm, đó là Hạ-Trung và Thượng, bởi vì địa dưới không có năm cõi trời Tịnh Cư.

Nói như vậy thì cũng có năm phẩm.

Hỏi: Địa ấy không có năm quả, vì sao có nhân của năm phẩm?

Đáp: Tuy không có năm quả mà pháp Định của địa ấy có năm phẩm.

Lại nữa, bởi vì địa dưới tuy không có quả của năm cõi trời Tịnh Cư mà có căn của năm phẩm.

Hỏi: Dựa vào luận mà phát sinh luận, ba Tĩnh lự dưới đã có năm phẩm tu xen lẫn, vì sao không có quả của năm cõi trời Tịnh Cư?

Đáp: Bởi vì không phải là ruộng đất, không phải là đồ đựng, cho đến nói rộng ra.

Lại nữa, bởi vì Thánh giả chán ngán lo sợ cùng nơi sinh với dị sinh, cho nên cầu mong sinh đến cõi trời Tịnh Cư; nếu địa dưới có cõi trời Tịnh Cư, thì ở nơi sinh cùng với dị sinh không có thể chán ngán lìa xa, bởi vì

chưa lìa nhiễm đối với nơi sinh phía trên.

Lại nữa, bởi vì Thánh giả muốn vượt qua nơi thọ sinh của dị sinh, cho nên sinh đến cõi trời Tịnh Cư; nếu địa dưới có cõi trời Tịnh Cư, thì không có thể vượt qua nơi thọ sinh của dị sinh, bởi vì ở phía trên vẫn có nơi của dị sinh.

Lại nữa, bởi vì Thánh giả chán ngán nơi tai họa, cho nên cầu mong sinh đến cõi trời Tịnh Cư; bởi vì trong ba địa dưới đều có tai họa, cho nên không có cõi trời Tịnh Cư.

Lại nữa, cõi trời Tịnh Cư là do nghiệp thù thắng mà cảm đến thọ lượng lâu dài; nếu địa dưới có cõi trời Tịnh Cư, thì lúc ba tai họa nổi lên, thọ lượng nhất định ấy có mạng chung hay không? Nếu mạng chung thì thọ lượng ấy nhất định không phải là chết yểu. Nếu không mạng chung thì lẽ ra phải làm trở ngại đến tai họa nổi lên. Như nói: Nếu nơi nào có một hữu tình cho đến trứng kiến tồn tại, thì tai họa hoàn toàn không hủy hoại. Bởi vì muốn làm cho không có lỗi lầm như vậy, cho nên địa dưới không có cõi trời Tịnh Cư.

Tôn giả Thế Hữu nói rằng: "Vì sao địa dưới không có cõi trời Tịnh Cư? Bởi vì tu xen lẫn Tĩnh lự mới sinh đến cõi trời Tịnh Cư, lúc tu xen lẫn Tĩnh lự thì chắc chắn đã lìa nhiễm của ba địa dưới, chứ không phải là ở địa đã lìa nhiễm mà có thể thọ sinh. Vì thế cho nên cõi trời Tịnh Cư không phải là địa dưới vốn có.

Lại nữa, người lợi căn mới có thể tu xen lẫn, người có thể tu xen lẫn thì chắc chắn có thể nhanh chóng vượt qua địa bất tịnh ở dưới mà đến nơi thuần tịnh, cho nên địa dưới không có cõi trời Tịnh Cư.

Lại nữa, người ấy cần phải đạt được địa sở y của Định Biên tế thì mới có thể tu xen lẫn, người có thể tu xen lẫn thì mới sinh đến nơi ấy, cho nên ở địa dưới không có cõi trời Tịnh Cư."

Đại đức nói rằng: "Hữu tình ở địa dưới, phần nhiều vào lúc thế giới hủy hoại thì sinh lên trên, lúc thế giới thành lập thì sinh xuống dưới, sinh ở cõi trời Tịnh Cư thì không có sự việc như vậy, vì thế cho nên địa dưới không có cõi trời Tịnh Cư."

Hỏi: Vì sao Tịnh Cư chỉ có năm chứ không tăng-không giảm?

Đáp: Hiếp Tôn giả nói: "Điều này không cần phải hỏi. Nguyên cớ thế nào? Bởi vì nếu nhiều hay ít thì cũng đều sinh ra nghi ngờ, không bởi vì nghi ngờ mà cho là trái với lý, nhưng ở trong nghĩa như thật về pháp tướng chỉ cần có năm chứ không tăng-không giảm."

Có người nói: Bởi vì đối với nơi sinh không chung của dị sinh chỉ có

năm, cho nên nơi sinh của Thánh giả cũng chỉ có năm; năm nơi sinh không chung của dị sinh, đó là ba nẻo ác, châu Bắc Câu-lô và cõi trời Vô tưởng.

Có người nói: Bởi vì tu xen lẫn Tĩnh lự có năm phẩm, cho nên đã cảm đến cõi trời Tịnh Cư cũng chỉ có năm.

Hỏi: Ngay cả tu xen lẫn Tĩnh lự, vì sao chỉ có năm chứ không tăng-giảm?

Đáp: Bởi vì thế lực của tu xen lẫn chỉ có bấy nhiêu; như xu thế của Kiến đạo là mười lăm tâm, chỉ có bấy nhiêu chứ không tăng-không giảm. Như vậy, thế lực của tu xen lẫn Tĩnh lự cũng là mười lăm tâm mà không có tăng-giảm.

Lại nữa, bởi vì tu xen lẫn Tĩnh lự là công đức thù thắng, không phải là do phẩm Hạ-Trung thâu nhiếp, chỉ có Thượng Hạ-Thượng Trung-Thượng Thượng-Thượng Thắng-Thượng Cực, cho nên chỉ có năm phẩm.

Có Sư khác nói: Tu xen lẫn Tĩnh lự tức là điều hòa luyện tập năm căn như Tín…, như thứ tự ấy tùy theo một căn tăng thượng mà thành năm phẩm, cho nên chỉ có năm. Vì vậy dựa vào tu xen lẫn có năm phẩm, cho nên cõi trời Tịnh Cư cũng chỉ có năm.

Có người nói: Tĩnh lự thứ tư có căn thiện thuộc chín phẩm theo thứ tự sinh vào chín nơi, đó là căn thiện Hạ Hạ sinh vào cõi trời Vô Vân, căn thiện Hạ Trung sinh vào cõi trời Phước Sinh, cho đến căn thiện Thượng Thượng sinh đến cõi trời Sắc Cứu Cánh, đối với những nơi này không có thể tăng-giảm, vì thế cho nên cõi trời Tịnh Cư chỉ cần có năm.

Có người nói: Tĩnh lự thứ tư có phiền não thuộc chín phẩm, nếu đối với chín phẩm hoàn toàn chưa điều phục thì sinh vào cõi trời Vô Vân, điều phục phẩm Thượng Thượng thì sinh vào cõi trời Phước Sinh, cho đến điều phục phẩm Hạ Trung thì sinh đến cõi trời Sắc Cứu Cánh, không có ai điều phục phẩm Hạ Hạ mà thọ sinh nơi ấy, vì thế cho nên cõi trời Tịnh Cư chỉ có năm loại.

Hỏi: Có thể có tu xen lẫn Tĩnh lự mà không sinh đến cõi trời Tịnh Cư chăng?

Đáp: Có, đó là tu xen lẫn Tĩnh lự rồi hoặc là thành tựu mà nhập Niết-bàn trong pháp hiện tại, hoặc là lui sụt sinh ở địa dưới, hoặc là tiến tới sinh đến cõi Vô sắc, đây gọi là người không thích cõi trời Tịnh Cư mà tu xen lẫn Tĩnh lự.

Hỏi: Có thể có khởi lên đầy đủ năm phẩm tu xen lẫn Tĩnh lự mà sinh vào cõi trời Vô Vân… chăng?

Đáp: Có, đó là có người trước hết sinh vào cõi trời Vô Vân, tiếp đến sinh vào cõi trời Phước Sinh, tiếp đến sinh vào cõi trời Quảng Quả, cuối cùng mới theo thứ tự sinh đến năm cõi trời Tịnh Cư.

-oOo-

LUẬN A TỲ ĐẠT MA ĐẠI TỲ BÀ SA

QUYỂN 176

LUẬN VỀ BẤT HOÀN (Phần 3)

Như luận Thi Thiết nói: "Có năm cõi trời Tịnh Cư, đó là cõi trời Vô Phiền-Vô Nhiệt-Thiện Hiện-Thiện Kiến và Sắc Cứu Cánh.

Thế nào là cõi trời Vô Phiền? Đó là cõi trời Vô Phiền cùng một loại Chúng đồng phần làm bạn, nương tựa đạt được-sự việc đạt được- nơi chốn đạt được, và đã sinh ra Sắc-Thọ- Tưởng-Hành-Thức vô phú vô ký của cõi trời ấy, thì gọi là cõi trời Vô Phiền."

Hỏi: Vì sao cõi trời ấy gọi là Vô Phiền?

Đáp: Đó là giả danh-giả tưởng, danh thi thiết-tưởng thi thiết, tùy theo ý muốn mà lập ra, không nhất định phải như tên gọi đều có nghĩa ấy.

Lại nữa, cõi trời ấy thân không có phiền não quấy nhiễu, tâm không có phiền não quấy nhiễu, suốt một thời kỳ thọ nhận niềm vui hoàn toàn vắng lặng, không phải là địa dưới vốn có, cho nên gọi là Vô Phiền.

Lại nữa, cõi trời ấy thấy rõ Khổ thật sự là Khổ, Tập thật sự là Tập, Diệt thật sự là Diệt, Đạo thật sự là Đạo, lìa bỏ phiền não thô nặng của địa dưới đã khởi lên, cho nên gọi là Vô Phiền.

Lại nữa, Phiền nghĩa là Quảng, tức là cõi trời Quảng Quả, nay cõi trời này đầu tiên vượt lên trên cõi trời ấy, cho nên gọi là Vô Phiền.

"Thế nào là cõi trời Vô Nhiệt? Đó là cõi trời Vô Nhiệt cùng một loại Chúng đồng phần làm bạn, cho đến nói rộng ra."

Hỏi: Vì sao cõi trời ấy gọi là Vô Nhiệt?

Đáp: Đó là giả danh-giả tưởng, danh thi thiết-tưởng thi thiết, cho đến nói rộng ra.

Lại nữa, cõi trời ấy thân không có phiền não nóng bỏng, tâm không có phiền não nóng bỏng, suốt một thời kỳ thọ nhận niềm vui hoàn toàn mát mẻ, không phải là địa dưới vốn có, cho nên gọi là Vô Nhiệt.

Lại nữa, cõi trời ấy thấy rõ Khổ thật sự là Khổ cho đến Đạo thật sự là Đạo, lìa bỏ hơi nóng do phiền não của địa dưới đã khởi lên, cho nên gọi

là Vô Nhiệt.

Lại nữa, trong cõi trời Vô Phiền áp sát bên cạnh ngọn lửa phiền não tăng thượng của địa dưới đã khởi lên, cho nên vẫn gọi là nóng bỏng, cõi trời này vượt lên trên cõi trời ấy, cho nên gọi là Vô Nhiệt.

"Thế nào là cõi trời Thiện Hiện? Đó là cõi trời Thiện Hiện cùng một loại Chúng đồng phần làm bạn, cho đến nói rộng ra."

Hỏi: Vì sao cõi trời ấy gọi là Thiện Hiện?

Đáp: Đó là giả danh-giả tưởng, danh thi thiết-tưởng thi thiết, cho đến nói rộng ra.

Lại nữa, cõi trời ấy có hình sắc đoan chánh tuyệt vời, hơn hẳn hai cõi trời dưới, cho nên gọi là Thiện Hiện.

Lại nữa, cõi trời ấy thấy rõ Khổ thật sự là Khổ cho đến Đạo thật sự là Đạo, lìa bỏ mọi cấu trược, tâm thanh tịnh hiển bày rõ ràng, cho nên gọi là Thiện Hiện.

Lại nữa, cõi trời ấy đạt được tu xen lẫn Tĩnh lự thuộc phẩm Thượng, pháp thiện hiển bày rõ ràng, cho nên gọi là Thiện Hiện.

"Thế nào là cõi trời Thiện Kiến? Đó là cõi trời Thiện Kiến cùng một loại Chúng đồng phần làm bạn, cho đến nói rộng ra."

Hỏi: Vì sao cõi trời ấy gọi là Thiện Kiến?

Đáp: Đó là giả danh-giả tưởng, danh thi thiết-tưởng thi thiết, cho đến nói rộng ra.

Lại nữa, cõi trời ấy có hình sắc lại càng tuyệt vời hơn, mọi người đều thích ngắm nhìn, cho nên gọi là Thiện Kiến.

Lại nữa, cõi trời ấy thấy rõ Khổ thật sự là Khổ cho đến Đạo thật sự là Đạo, lìa bỏ mọi cấu trược, tâm thanh tịnh càng hiển bày rõ ràng, cho nên gọi là Thiện Kiến.

Lại nữa, cõi trời ấy đạt được tu xen lẫn Tĩnh lự thuộc phẩm đầy đủ trọn vẹn thù thắng nhất, pháp thiện đã đạt được càng hiển bày rõ ràng, cho nên gọi là Thiện Kiến.

"Thế nào là cõi trời Sắc Cứu Cánh? Đó là cõi trời Sắc Cứu Cánh cùng một loại Chúng đồng phần làm bạn, cho đến nói rộng ra."

Hỏi: Vì sao cõi trời ấy gọi là Sắc Cứu Cánh?

Đáp: Đó là giả danh-giả tưởng, danh thi thiết-tưởng thi thiết, cho đến nói rộng ra.

Lại nữa, cõi trời ấy có hình sắc thật là thù thắng tuyệt vời, nơi khác không sánh kịp, cho nên gọi là Sắc Cứu Cánh.

Lại nữa, cõi trời ấy thấy rõ Khổ thật sự là Khổ cho đến Đạo thật sự là Đạo, lìa bỏ mọi cấu trược, các cõi trời khác vốn không sánh bằng, cho nên gọi là Sắc Cứu Cánh.

Lại nữa, cõi trời ấy đạt được tu xen lẫn Tĩnh lự thuộc phẩm đầy đủ trọn vẹn thù thắng cao nhất, những căn thiện của cõi Sắc vốn không có thể sánh bằng, cho nên gọi là Sắc Cứu Cánh.

Lại nữa, cõi trời ấy đối với cõi có Sắc là tôn quý nhất-thù thắng nhất-cao nhất, cho nên gọi là Sắc Cứu Cánh.

Lại nữa, cõi trời ấy cũng gọi là cõi trời Ngại Cứu Cánh, Ngại nghĩa là tích tập về Sắc, cõi trời ấy đối với sự tích tập về Sắc này là tôn quý nhất-thù thắng nhất-cao nhất, cho nên gọi là Ngại Cứu Cánh.

Lại nữa, cõi trời ấy cũng gọi là cõi trời Đảnh Cứu Cánh, bởi vì là đỉnh cao của tất cả các cõi có Sắc cho nên cũng là Cứu Cánh.

Hỏi: Cõi trời Tịnh Cư là do nghiệp mà cảm, hay là do tu xen lẫn Tĩnh lự? Nếu như vậy thì có gì sai? Nếu do nghiệp thì tu xen lẫn sẽ trở thành vô ích. Nếu do tu xen lẫn Tĩnh lự thì trái ngược nhau với luận Phẩm Loại Túc đã nói, như luận ấy nói: "Tu xen lẫn Tĩnh lự và do nghiệp cho nên sinh đến cõi trời Tịnh Cư…"

Đáp: Có người đưa ra cách nói này: Đó là do nghiệp mà cảm đến.

Hỏi: Tu xen lẫn Tĩnh lự lẽ nào không vô ích hay sao?

Đáp: Bởi vì Tu xen lẫn Tĩnh lự thì nghiệp được quyết định, cho nên không phải là vô ích.

Lại nữa, cần phải tu xen lẫn Tĩnh lự sau đó mới có thể dẫn đến nghiệp Tư ấy hiện rõ trước mắt, từ đây có thể dẫn đến Chúng đồng phần ấy.

Có Sư khác nói: Do tu xen lẫn Tĩnh lự.

Hỏi: Luận Phẩm Loại Túc đã nói nên hiểu thế nào?

Đáp: Tức là tu xen lẫn Tĩnh lự dùng thanh Nghiệp mà nói.

Lại nữa, luận ấy trước nói "Tu xen lẫn Tĩnh lự", là bởi vì hiển bày lúc trước tiến vào Định ấy; sau nói "Và do nghiệp cho nên sinh đến cõi trời Tịnh Cư", là bởi vì hiển bày về sau dựa vào lực của Định ấy cho nên sinh đến cõi trời Tịnh Cư.

Nói như vậy thì cũng do nghiệp lực, cũng do tu xen lẫn Tĩnh lự, nghĩa là nghiệp Tư hiện rõ trước mắt, nhưng nếu không tu xen lẫn Tĩnh lự thì không có thể sinh đến nơi ấy; tuy có tu xen lẫn Tĩnh lự, nhưng nếu không có nghiệp Tư hiện rõ trước mắt, thì cũng không có thể sinh đến nơi ấy. Vì thế cần phải có nghiệp Tư dẫn dắt tu xen lẫn Tĩnh lự, khiến cho được quyết

định thì mới có thể sinh đến nơi ấy.

Hỏi: Những người Học thì lúc ấy tất cả vì đạt được điều chưa đạt được mà Học chăng? Giả sử vì đạt được điều chưa đạt được mà Học thì lúc ấy tất cả là Học chăng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu phân biệt.

Hỏi: Vì sao soạn ra phần luận này?

Đáp: Kinh Thỉ-phược-ca là căn bản của luận này, kinh ấy nói đến Học những điều thuộc về Học (Học-sở Học) cho nên gọi là Học. Đừng có sinh nghi ngờ, những người Hữu học lúc Học những điều thuộc về Học thì mới gọi là Học, lúc trú trong tánh vốn có (bổn tánh) thì không gọi là Học; lúc những người Vô học trú trong tánh vốn có thì mới gọi là Vô học, lúc Học những điều thuộc về Học thì không gọi là Vô học. Muốn làm cho mối nghi này được quyết định, hiển bày về những người Học có lúc trú trong tánh vốn có, những người Vô học cũng Học những điều thuộc về Học, cho nên soạn ra phần luận này.

1. Có lúc Học không phải là vì đạt được điều chưa đạt được mà Học, đó là Học trú trong tánh vốn có.

Có hai nhân duyên gọi là trú trong tánh vốn có:

a. Giữ gìn tánh hiền thiện mà không có sự đổi thay lui sụt (thối chuyển).
b. Giữ gìn đức của mình mà không tiến tới tu tập.

Nay chỉ nói về không tiến tới tu tập thì gọi là trú trong tánh vốn có, đó là hàng Dự lưu không tiến tới tu tập gia hạnh của quả Nhất lai, hàng Nhất lai không tiến tới tu tập gia hạnh của quả Bất hoàn, hàng Bất hoàn không tiến tới tu tập gia hạnh của quả A-la-hán, Tín thắng giải không cầu làm Kiến chí.

Lại nữa, những người Học không cầu khởi lên những pháp chưa đạt được như quán Bất tịnh, Trì tức niệm, Niệm trú, ba Nghĩa quán, bảy Xứ thiện, Tĩnh lự, Vô lượng, Vô sắc, Giải thoát, Thắng xứ, Biến xứ, không dẫn dắt phát khởi các Thông, không tu xen lẫn Tĩnh lự, không tiến vào Định Diệt tận, không thọ trì đọc tụng ba Tạng kinh-luật-luận cũng không giảng dạy cho người khác, không ở chốn A-luyện-nhã tư duy quán sát về ba Tạng kinh-luật-luận cũng không chịu khó quản lý sự việc của Phật-Pháp-Tăng. Đó gọi là Học không phải vì đạt được điều chưa đạt được mà Học.

Hỏi: Lúc ấy vì nhân duyên gì mà không Học những điều thuộc về Học?

Đáp: Lúc ấy hoặc vì bệnh kéo dài, hoặc thiếu duyên giúp đỡ, dấy lên

tư duy như vậy: Mình đã trải qua vô lượng sinh tử, chỉ còn lại bảy đời, hoặc chỉ còn lại một đời. Có lúc nghĩ rằng mình đã ra khỏi bùn lầy của cõi Dục, chỉ còn lại chút ít của cõi trên, đời hiện tại đã khổ đau lo lắng, hoặc thiếu duyên giúp đỡ, may mắn có thể ngừng nghỉ chút ít, vội vàng gì tiến tới tu tập? Vì vậy người Học không Học những điều thuộc về Học.

2. Có lúc vì đạt được điều chưa đạt được mà Học nhưng lúc ấy không phải là Học, đó là A-la hán và dị sinh tiến tới cầu pháp phía trên.

Trong này, pháp phía trên là công đức thù thắng, tức là Thời giải thoát cầu làm Bất động, và A-la hán khởi lên những pháp chưa đạt được như quán Bất tịnh, Trì tức niệm, Niệm trú, ba Nghĩa quán, bảy Xứ thiện, Tĩnh lự, Vô lượng, Vô sắc, Giải thoát, Thắng xứ, Biến xứ, dẫn dắt phát khởi các Thông, tu xen lẫn Tĩnh lự, tiến vào Định Diệt tận; khởi lên Vô ngại giải, Vô tranh, Nguyện trí, Định Biên tế, Không Không, Vô nguyện Vô nguyện, Vô tướng Vô tướng; thọ trì đọc tụng ba Tạng kinh- luật-luận, hoặc là giảng dạy cho người khác, hoặc là ở chốn A-luyện- nhã, tư duy quán sát về ba Tạng kinh-luật-luận, hoặc lại chịu khó quản lý sự việc của Phật-Pháp-Tăng.

Và dị sinh cầu lìa nhiễm cõi Dục, lìa nhiễm cõi Sắc, lìa một phần nhiễm cõi Vô sắc; hoặc là khởi lên quán Bất tịnh, Trì tức niệm, Niệm trú, ba Nghĩa quán, bảy Xứ thiện, Noãn-Đảnh-Nhẫn-Thế đệ nhất pháp, Tĩnh lự, Vô lượng, Vô sắc, Giải thoát, Thắng xứ, Biến xứ, dẫn dắt phát khởi các Thông, tiến vào Định Diệt tận; thọ trì đọc tụng ba Tạng kinh- luật-luận, hoặc là giảng dạy cho người khác, hoặc là ở chốn A-luyện- nhã, tư duy quán sát về ba Tạng kinh-luật-luận, hoặc lại chịu khó quản lý sự việc của Phật-Pháp-Tăng. Đó gọi là vì đạt được điều chưa đạt được mà Học nhưng lúc ấy không phải là Học.

Hỏi: Vì sao A-la hán lại Học những điều thuộc về Học?

Đáp: Lúc ấy tuy không vì đoạn phiền não cho nên Học, mà vì yêu thích công đức thù thắng cho nên Học.

3. Có lúc Học cũng vì đạt được điều chưa đạt được mà Học, đó là Học tiến tới cầu pháp phía trên, tức là hàng Dự lưu tiến tới tu tập gia hạnh của quả Nhất lai, nói rộng ra cho đến hoặc lại chịu khó quản lý sự việc của Phật-Pháp-Tăng. Đó gọi là Học cũng vì đạt được điều chưa đạt được mà Học.

4. Có lúc không phải là Học cũng không phải là vì đạt được điều chưa đạt được mà Học, đó là A-la hán và dị sinh trú trong tánh vốn có, tức là Thời giải thoát không cầu làm Bất động, nói rộng ra cho đến cũng không chịu khó quản lý sự việc của Phật-Pháp-Tăng; và dị sinh không cầu lìa

nhiễm cõi Dục, nói rộng ra cho đến cũng không chịu khó quản lý sự việc của Phật-Pháp-Tăng. Đó gọi là không phải Học cũng không phải vì đạt được điều chưa đạt được mà Học.

Hỏi: Những người Vô học thì lúc ấy tất cả không vì đạt được điều chưa đạt được mà Học chăng? Giả sử không vì đạt được điều chưa đạt được mà Học thì lúc ấy tất cả là Vô học chăng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu phân biệt:

1. Có lúc Vô học không phải là không vì đạt được điều chưa đạt được mà Học, đó là A-la-hán tiến tới cầu pháp phía trên, tức là Thời giải thoát cầu làm Bất động, và A-la-hán khởi lên những pháp chưa đạt được như quán Bất tịnh, Trì tức niệm, nói rộng ra cho đến hoặc lại chịu khó quản lý sự việc của Phật-Pháp-Tăng. Đó gọi là Vô học không phải là không vì đạt được điều chưa đạt được mà Học.

2. Có lúc không vì đạt được điều chưa đạt được mà Học nhưng lúc ấy không phải là Vô học, đó là Học và dị sinh trú trong tánh vốn có, tức là hàng Dự lưu không tiến tới tu tập gia hạnh của quả Nhất lai, nói rộng ra cho đến cũng không chịu khó quản lý sự việc của Phật-Pháp-Tăng; và dị sinh không vì lìa nhiễm cõi Dục, cũng không chịu khó quản lý sự việc của Phật-Pháp-Tăng. Đó gọi là không vì đạt được điều chưa đạt được mà Học nhưng lúc ấy không phải là Vô học.

3. Có lúc Vô học cũng không vì đạt được điều chưa đạt được mà Học, đó là A-la-hán trú trong tánh vốn có, tức là Thời giải thoát không cầu làm Bất động, và A-la-hán không cầu khởi lên những pháp chưa đạt được như quán Bất tịnh, Trì tức niệm, nói rộng ra cho đến cũng không chịu khó quản lý sự việc của Phật-Pháp-Tăng. Đó gọi là Vô học cũng không vì đạt được điều chưa đạt được mà Học.

4. Có lúc không phải là Vô học cũng không phải là không vì đạt được điều chưa đạt được mà Học, đó là Học và dị sinh tiến tới cầu pháp phía trên, tức là hàng Dự lưu tiến tới tu tập gia hạnh của quả Nhất lai, nói rộng ra cho đến hoặc lại chịu khó quản lý sự việc của Phật-Pháp- Tăng; và dị sinh cầu lìa nhiễm cõi Dục, nói rộng ra cho đến hoặc lại chịu khó quản lý sự việc của Phật-Pháp-Tăng. Đó gọi là không phải là Vô học cũng không phải là không vì đạt được điều chưa đạt được mà Học.

Hỏi: Vì Học những điều thuộc về Học cho nên gọi là Học, hay là vì đạt được pháp Học cho nên gọi là Học? Giả sử như vậy thì có gì sai? Nếu như Học những điều thuộc về Học cho nên gọi là Học, thì văn này nên hiểu thế nào? Như nói: Học trú trong tánh vốn có. Nếu như đạt được pháp Học

cho nên gọi là Học, thì trong kinh nói nên hiểu thế nào? Như nói: Học những điều thuộc về Học.

Đáp: Có người nói: Đạt được pháp Học cho nên gọi là Học, đó là nếu Học hay là không Học nhưng thành tựu pháp Học thì gọi là Học.

Hỏi: Nếu như vậy thì trong kinh nói nên hiểu thế nào?

Đáp: Kinh ấy chỉ dựa vào người Học hiện tại mà nói, chứ không nói đến tất cả.

Lại nữa, kinh ấy dựa vào ý thích không dừng lại cho nên đưa ra cách nói như vậy. Nghĩa là những người Học nếu khởi lên tâm thiện, hay là khởi lên tâm bất thiện-vô ký, hoặc là khởi lên gia hạnh, hay là không khởi lên gia hạnh, thì lúc ấy tất cả ý thích về Học chưa hề ngừng bỏ, bởi vì không vĩnh viễn rời bỏ gia hạnh. Như người đi đường, lúc tạm thời dừng chân nghỉ ngơi, người khác hỏi rằng đi đến nơi nào? Người ấy trả lời rằng đi đến nơi ấy. Lúc ấy cũng bởi vì ý thích không dừng lại, cho nên tuy dừng lại nhưng nói là đi đến; ở đây cũng như vậy.

Có người nói: Học những điều thuộc về Học cho nên gọi là Học.

Hỏi: Nếu như vậy thì văn này nên hiểu thế nào? Như nói: Học trú trong tánh vốn có.

Đáp: Văn này dựa vào tạm thời ngừng gia hạnh mà nói, nhưng bởi vì ý thích không rời bỏ Học, cho nên gọi là Học những điều thuộc về Học.

Lại nữa, lúc Học trú trong tánh vốn có, tuy không khởi lên tâm- tâm sở pháp… thuộc về Học, mà Học ấy có thể luôn luôn hiện hành, dựa vào nghĩa này cho nên gọi là Học những điều thuộc về Học.

Hỏi: Nếu người Học là không Học, người Vô học là Học, thì tại sao kiến lập Học-Vô học khác nhau?

Đáp: Ở trong phần vị Thánh giả, căn cứ theo đoạn trừ phiền não mà kiến lập Học-Vô học, chứ không dựa vào tu tập công đức thù thắng, vì thế cho nên có khác nhau.

Thuận lưu là nghĩa gì? Cho đến nói rộng ra.

Hỏi: Vì sao soạn ra phần luận này?

Đáp: Bởi vì muốn phân biệt nghĩa lý trong kinh. Như trong kinh nói: "Có bốn Bổ-đặc-già-la:

1. Thuận lưu.
2. Nghịch lưu.
3. Trung trú.
4. Đáo bỉ ngạn."

Trong kinh tuy nói ra điều này mà không phân biệt rộng ra, kinh ấy là nơi nương tựa căn bản của luận này, điều gì mà kinh ấy không giải thích thì nay cần phải giải thích, cho nên soạn ra phần luận này.

Hỏi: Thuận lưu là nghĩa gì?

Đáp: Làm cành nhánh, làm cửa ngõ, làm quan hệ, làm con đường, làm dấu vết hướng đến, đối với các sinh loại, các nẻo, các cõi, các chủng loại, các sinh tử, là nghĩa của thuận lưu.

Hỏi: Nghịch lưu là nghĩa gì?

Đáp: Làm cành nhánh, làm cửa ngõ, làm quan hệ, làm con đường, làm dấu vết hướng đến, đối với diệt sinh loại, diệt nẻo, diệt cõi, diệt chủng loại, diệt sinh tử, là nghĩa của nghịch lưu.

Lưu có nhiều loại, hoặc nói về Thánh đạo gọi là lưu, hoặc nói về nghiệp gọi là lưu, hoặc nói về ái gọi là lưu, hoặc nói về sinh tử gọi là lưu. Trong này, lưu là chỉ nói về sinh tử.

Lại trong kinh nói: "Thuận lưu là thế nào? Đó là luyện tập về các Dục và tạo ra nghiệp ác. Nghịch lưu là thế nào? Đó là không luyện tập về các Dục, không tạo ra nghiệp ác."

Nên biết kinh ấy dựa vào một đời mà kiến lập về Thuận lưu và Nghịch lưu. Trong này đã nói là dựa vào nhiều đời mà kiến lập về Thuận lưu và Nghịch lưu.

Lại nữa, kinh ấy dựa vào thời gian ngắn khởi lên Dục ác-lìa bỏ Dục ác mà kiến lập về Thuận lưu và Nghịch lưu. Vì vậy, chưa lìa nhiễm cõi Dục thì Thánh giả cũng gọi là Thuận lưu, đã lìa nhiễm cõi Dục thì dị sinh cũng gọi là Nghịch lưu. Trong này đã nói là dựa vào thời gian dài hướng về sinh tử-rời bỏ sinh tử mà kiến lập về Thuận lưu và Nghịch lưu. Vì vậy, có người đã lìa nhiễm cõi Sắc mà gọi là Thuận lưu, có người chưa lìa nhiễm cõi Dục mà gọi là Nghịch lưu.

Các sinh loại, đó là bốn loại Sinh. Các nẻo, đó là năm nẻo. Các cõi, đó là ba cõi. Các chủng loại, đó là chủng loại sai biệt như địa-xứ… Các sinh tử, đó là sự lưu chuyển sai biệt từ vô thỉ đến nay, cho đến về sau. Làm cành nhánh, đó là mười hai cành nhánh của Hữu. Làm cửa ngõ, đó là nghiệp và phiền não. Làm quan hệ, đó là nơi nương tựa. Làm con đường, đó là con đường đi đến sinh tử. Làm dấu vết hướng đến, đó là dấu vết hướng đến tiến vào Tát-ca-da (hữu thân kiến).

Trong này, năm câu trước nêu rõ về sinh tử, năm câu sau nêu rõ về nuôi lớn sinh tử, thâu nhiếp tiếp nhận sinh tử, tùy ý duy trì sinh tử, không đoạn tuyệt sinh tử, tùy thuận tăng thêm sinh tử, như dòng sông tuôn chảy

mà không có khô cạn.

Trong nghĩa của Nghịch lưu, năm loại như sinh loại…, nói như trước. Sai biệt là được diệt bở đối với những loại ấy. Làm cành nhánh, đó là tám chi Thánh đạo. Làm cửa ngõ, đó là quán Bất tịnh, Trì tức niệm… Làm quan hệ, đó là ba Giải thoát môn. Làm con đường, đó là hướng đến con đường diệt bỏ sinh tử. Làm dấu vết hướng đến, đó là dấu vết hướng đến diệt bỏ Tát-ca-da kiến.

Trong này, năm câu trước nêu rõ về diệt bỏ sinh tử, năm câu sau nêu rõ có thể hủy diệt sinh tử mà không phải là nuôi lớn, có thể rời bỏ sinh tử mà không phải là thâu nhiếp tiếp nhận, có thể phá tan sinh tử mà không phải là tùy ý duy trì, có thể đoạn tuyệt đoạn tuyệt sinh tử mà không phải là không đoạn tuyệt, có thể xa lìa giảm bớt sinh tử mà không phải là tùy thuận tăng thêm, như chỗ đê vỡ dần dần làm cho khô cạn.

Hỏi: Đến đâu thì gọi là Thuận lưu và Nghịch lưu?

Đáp: Có người nói: Cho đến Khổ pháp trí nhẫn chưa sinh thì gọi là Thuận lưu, đã sinh thì gọi là Nghịch lưu.

Có người nói: Cho đến Thế đệ nhất pháp chưa sinh thì gọi là Thuận lưu, đã sinh thì gọi là Nghịch lưu.

Có người nói: Cho đến Nhẫn tăng thượng chưa sinh thì gọi là Thuận lưu, đã sinh thì gọi là Nghịch lưu.

Có người nói: Cho đến pháp Nhẫn. Có người nói: Cho đến pháp Đảnh. Có người nói: Cho đến pháp Noãn. Có người nói: Cho đến Niệm trú.

Có người nói: Cho đến quán Bất tịnh, Trì tức niệm… chưa sinh thì gọi là Thuận lưu, đã sinh thì gọi là Nghịch lưu.

Nói như vậy thì nếu chưa gieo trồng căn thiện thuận phần Giải thoát thì gọi là Thuận lưu, đã gieo trồng căn thiện thuận phần Giải thoát thì gọi là Nghịch lưu.

Nguyên cớ thế nào? Bởi vì vô lượng hữu tình tuy có thể cúng dường cho các Sa-môn và Bà-la-môn, bố thí cho những người nghèo khó-cô độc, đi xa mệt nhọc và người khổ hạnh, các loại đồ ăn thức uống-áo quần-đồ nằm-thuốc men chữa bệnh-nhà cửa-đèn sáng-hương hoa, cùng với các loại châu báu mà họ cần đến, còn thiết hội lớn cúng tế bình đẳng (vô giá hội), như Phệ-ma-la, Bất Cang Cường… Nhưng bởi vì họ không gieo trồng căn thiện thuận phần Giải thoát, cho nên ở trong sinh tử lâu dài nhận lấy quả ấy rồi, trở lại sinh vào ngạ quỷ nhận chịu nỗi khổ đói khát trải qua trăm ngàn năm, thậm chí không nghe đến tên gọi của ăn uống; hoặc là sinh trong loài người thì nghèo túng hèn mạt, lắm điều khổ não.

Hoặc lại thấy có vô lượng hữu tình, giữ gìn cấm giới, học nhiều hiểu rộng, thọ trì đọc tụng ba Tạng kinh-luật-luận, giải thích phân biệt văn nghĩa thông suốt; lại có thể hiểu thông các luận của thế tục, đó là các luận về Ký, luận về Nhân, luận về Vương pháp, luận về các phương pháp chữa bệnh, luận về nghệ thuật tinh xảo…; hoặc lại thành thạo đủ cả các luận của ngoại đạo, đó là các luận về Thắng, luận về Số, luận về Minh, luận về Thuận thế gian, luận về Ly hệ… Bởi vì họ không gieo trồng căn thiện thuận phần Giải thoát, cho nên ở trong sinh tử lâu dài nhận lấy quả ấy rồi, trở lại sinh trong nẻo bàng sinh, làm thân của các loài trâu-dê-la-lừa…, ngu si mù lòa thậm chí không thể nói được; hoặc sinh trong loài người thì đui điếc câm ngọng, tối tăm chậm chạp không có trí tuệ.

Hoặc lại thấy có vô lượng hữu tình, tu tập các pháp Định, hoặc lìa nhiễm của cõi Dục, hoặc lìa nhiễm của cõi Sắc, hoặc lìa một phần nhiễm của cõi Vô sắc, trú trong tám Đẳng chí, khởi lên bốn Vô lượng, dẫn dắt phát ra năm Thông. Bởi vì họ không gieo trồng căn thiện thuận phần Giải thoát, cho nên ở trong sinh tử lâu dài nhận lấy quả ấy rồi, trở lại sinh vào nẻo địa ngục, nhận chịu những nỗi khổ đau khốc liệt; hoặc sinh vào nẻo bàng sinh làm thân mãng xà, phun ra hơi độc hừng hực làm cho núi lở đá nhào; hoặc sinh trong loài người thì làm hạng Chiên-đồ-la, Bổ-yết-sa…, tạo nghiệp xấu ác.

Những loại như vậy tuy tạm thời thọ phước, mà trở lại rơi vào nẻo ác, cho nên đều gọi là Thuận lưu.

Nếu các hữu tình, hoặc chỉ bố thí một nắm thức ăn, hoặc chỉ thọ trì giới một ngày đêm, hoặc thậm chí đọc bài tụng bốn câu, hoặc trong chốc lát tu gia hạnh về Định, mà có thể gieo trồng căn thiện thuận phần Giải thoát. Từ đây về sau tuy bởi vì phiền não mà tạo tác các loại hành ác của thân-ngữ-ý, hoặc gây ra nghiệp vô gián, hoặc lại đoạn diệt tất cả căn thiện, thậm chí trong thân không có một chút chủng tử của pháp thiện, rơi vào địa ngục vô gián nhận chịu các loại khổ đau, nhưng được gọi là dừng nơi bến bờ của Niết-bàn, bởi vì họ chắc chắn được nhập Niết-bàn.

Trong này có thí dụ, như người câu cá dùng thức ăn làm mồi nhử, gắn ở trên lưỡi câu đưa vào trong nước sâu, có con cá nuốt lấy mồi câu, con cá ấy lúc bấy giờ tuy còn bơi lội đùa vui, hoặc là bơi vào trong hang, nhưng nên biết đã gọi là nằm ở trong tay người câu cá, bởi vì không bao lâu chắc chắn sẽ đến trên bờ.

Vì vậy cho nên nói: Thà làm Đề-bà-đạt-đa mà rơi vào địa ngục vô gián, chứ không làm Ốt-đạt-lạc-ca-át-ma-la-tử sinh đến cõi trời Phi tưởng

phi phi tưởng. Nguyên cớ thế nào? Bởi vì Đề-bà-đạt-đa tuy tạo ra ba nghiệp vô gián, đoạn các căn thiện, rơi vào địa ngục vô gián, mà vào lúc con người thọ đến bốn vạn tuổi, sẽ đạt được Bồ-đề Độc giác, lợi căn hơn hẳn Xá-lợi-tử… Ốt-đạt-lạc-ca-át-ma-la-tử tuy lìa nhiễm của tám địa, trú trong tám Đẳng chí, Xa-ma-tha cao nhất, sắp vượt qua ba cõi, đến gần cửa Cam lộ, sinh đến Phi tưởng phi phi tưởng xứ, trải qua tám vạn Đại kiếp thọ nhận niềm vui vắng lặng; bởi vì lực của nghiệp ác, mà sinh vào chốn A-luyện-nhã ở trong rừng Khổ hạnh, làm loài chồn bay mang theo đôi cánh, bắt chim thú để ăn thịt, các loài sinh sống trong nước-trên đất-giữa bầu trời, không có loài nào có thể thoát được. Do hành ác này, mạng chung sẽ rơi vào địa ngục vô gián, nhận chịu tất cả các loại khổ đau khốc liệt khó mà chịu nổi.

Đức Phật không ghi nhận thời gian được giải thoát của người ấy. Vì thế cho nên nói: Tuy cư trú trong rừng Khổ hạnh mà gọi là người Thuận lưu, tuy ở trong cảnh giới của năm dục mà gọi là người Nghịch lưu.

Trong này có thí dụ, như người ôm hai cái bình đi xa, một cái bằng vàng, một cái bằng sành. Trượt chân mà ngã nhào, hai cái bình đều vỡ toang, lúc bấy giờ người ấy không tiếc cái bình vàng, mà tiếc cái bình sành, vì vậy than thở hối hận. Người ta hỏi nguyên cớ vì sao, người ấy trả lời đầy đủ việc ấy. Người ta lại hỏi vặn: Cái bình vàng vỡ toang mà ông có thể không tiếc, sao lại thương tiếc một cái bình sành? Người ấy lại trả lời rằng: Ông quả thật ngu si! Nguyên cớ thế nào? Bởi vì cái bình vàng vỡ rồi tuy mất đi hình dáng cái bình, nhưng không mất đi Thể của cái bình, trở về giao cho thợ vàng có thể làm cho giống như ban đầu, hoặc là hơn hẳn ban đầu; cái bình sành vỡ rồi thì hình dáng và Thể chất đều mất đi, tuy giao cho thợ gốm, mà thậm chí không có thể sửa chữa để làm vật dụng khác, huống là cái bình ban đầu hay sao? Vì thế cho nên nay tôi không than cho cái bình vàng mà tiếc cho cái bình sành!

Như vậy, bởi vì Thiên Thụ đã gieo trồng căn thiện thuận phần Giải thoát, cho nên tuy tạo ra nhiều điều ác phải sinh trong địa ngục, mà sẽ thành tựu Bồ-đề Độc giác, lợi căn hơn hẳn Xá-lợi-tử…, như cái bình vàng ấy vỡ toang rồi vẫn làm lại được; bởi vì Mãnh Hỷ Tử không gieo trồng căn thiện thuận phần Giải thoát, cho nên tuy lìa nhiễm của tám địa, sinh đến cõi trời Hữu Đảnh, mà cuối cùng rơi vào nẻo ác không có hạn kỳ giải thoát, như cái bình sành kia vỡ toang rồi không còn tác dụng.

Vì thế cho nên người chưa gieo trồng căn thiện thuận phần Giải thoát thì gọi là Thuận lưu, người đã gieo trồng căn thiện thuận phần Giải thoát

thì gọi là Nghịch lưu.

Hỏi: Căn thiện thuận phần Giải thoát ở nơi thân hữu tình, tướng ấy rất vi tế, đã gieo trồng-chưa gieo trồng làm sao có thể biết được?

Đáp: Bởi vì tướng cho nên biết. Căn ấy có tướng gì? Đó là nếu lúc nghe Thiện hữu nói đến Chánh pháp, thì toàn thân nổi gai ốc, đau buồn rơi nước mắt, chán ngán lìa xa sinh tử, vui mừng hướng đến niết-bàn, sinh lòng kính yêu sâu sắc đối với Chánh pháp và Pháp sư. Nên biết là quyết định đã gieo trồng căn thiện thuận phần Giải thoát, nếu không có thể như vậy thì nên biết là chưa gieo trồng.

Trong này có thí dụ, như người gieo hạt giống ở trong thửa ruộng rồi, qua một thời gian dài sinh lòng nghi ngờ: Trong thửa ruộng này mình đã từng gieo hạt giống hay không? Lưỡng lự chưa quyết định, người bên cạnh nói rằng: Đâu đáng phân vân, nay ông chỉ cần dùng nước để tưới thấm, dùng phân để phủ lên, nếu hạt giống nảy mầm thì biết là đã gieo, không như vậy thì không gieo. Người ấy như lời nói ấy liền có được quyết định. Như vậy, hành giả tự mình nghi ngờ trong thân đã từng gieo chủng tử Giải thoát hay không? Lúc ấy Thiện hữu bèn nói cho biết rằng: Nay ông có thể đi đến nơi giảng pháp, nếu lúc nghe pháp mà toàn thân nổi gai ốc, đau buồn rơi nước mắt, cho đến sinh lòng kính yêu sâu sắc đối với Chánh pháp và Pháp sư, thì nên biết là đã gieo trồng chủng tử Giải thoát, không như vậy thì không gieo. Vì vậy nhờ vào tướng này mà có thể biết rõ ràng.

Hỏi: Tự trú là nghĩa gì?

Đáp: Không phải là làm cành nhánh cho đến làm dấu vết hướng về đối với các sinh loại cho đến các sinh tử, cũng không phải là làm cành nhánh cho đến làm dấu vết hướng về đối với diệt sinh loại cho đến diệt sinh tử, là nghĩa của tự trú. Đây gọi là phần ít việc cần làm đã hoàn thành, hoặc là tất cả những việc cần làm đã hoàn thành, ý thích dừng lại một lúc, hoặc là dừng lại hoàn toàn. Không giống như người Thuận lưu và Nghịch lưu, đối với sinh tử và Niết-bàn đều làm những việc đã làm, bởi vì ý thích không dừng lại cho nên gọi là tự trú, tức là nghĩa về trú trong phạm vi của mình.

Hỏi: Các A-la-hán thì lúc ấy tất cả là tự trú chăng? Giả sử tự trú thì lúc ấy tất cả là A-la-hán chăng?

Đáp: Các A-la-hán thì lúc ấy tất cả đều là tự trú. Lúc ấy là trú nơi nào? Đó là trú vào đoạn và biết khắp tất cả kiết không còn trong quả A-la-hán, lìa nhiễm của Phi tưởng phi phi tưởng xứ. Có lúc tự trú mà không phải là A-la-hán, đó là Bất hoàn. Lúc ấy là trú nơi nào? Đó là trú vào đoạn và biết khắp năm kiết thuận phần dưới trong quả Bất hoàn, lìa nhiễm của cõi

Dục. Như Đức Thế Tôn nói:

"Vĩnh viễn đoạn trừ năm phiền não, Học đầy đủ không pháp dẫn dắt, Đạt được tự tại và căn Định, chính người này gọi là tự trú."

Năm phiền não, đó là năm Cái và năm kiết thuận phần dưới, bởi vì Bất hoàn đã trừ hết, cho nên nói là vĩnh viễn đoạn trừ. Học đầy đủ, đó là Quả tròn đầy-Căn đầy đủ chứ không phải là Đẳng chí đầy đủ. Không có pháp dẫn dắt, đó là nghiệp-phiền não của cõi Dục vốn không có thể dẫn dắt. Đạt được tự tại, đó là đạt được tâm tự tại, tức là đối với Tha tâm trí chứng thông đạt được nghĩa tự tại cứu cánh. Đạt được căn Định, đó là do thành tựu Tĩnh lự mà thâu nhiếp căn thuộc về Tam-ma- địa. Chính người này gọi là tự trú, đó là trú vào đoạn và biết khắp năm kiết thuận phần dưới trong quả Bất hoàn, lìa nhiễm của cõi Dục.

Hỏi: Những người đạt được giới Vô học (cực cấm) thì lúc ấy tất cả đạt được bốn loại Thần túc (cực tích) chăng? Giả sử đạt được bốn loại Thần túc thì lúc ấy tất cả đạt được giới Vô học chăng?

Đáp: Những người đạt được giới Vô học thì lúc ấy tất cả đạt được bốn loại Thần túc.

Nguyên cớ thế nào? Bởi vì giới Vô học gọi là Cực cấm, bốn loại Thần túc gọi là Cực tích, cho nên có những người đã đạt được giới Vô học, nhất định cũng đến nơi đạt được bốn loại Thần túc.

Có lúc đạt được bốn loại Thần túc mà không phải là đạt được giới Vô học, đó là Bất hoàn. Như Đức Thế Tôn nói: "Thế nào là Tỳ kheo đạt được bốn loại Thần túc? Đó là vĩnh viễn đoạn và biết khắp đối với năm kiết thuận phần dưới."

Nguyên cớ thế nào? Bởi vì Bất hoàn thì đã đạt được bốn loại Thần túc, mà chưa đạt được giới Vô học.

Hoặc đưa ra cách nói này: Những người đạt được bốn loại Thần túc thì lúc ấy tất cả đến bờ giải thoát (đáo bỉ ngạn) chăng? Giả sử đến bờ giải thoát thì lúc ấy tất cả đạt được bốn loại Thần túc chăng?

Đáp: Những người đạt được bốn loại Thần túc thì lúc ấy tất cả đến bờ giải thoát.

Nguyên cớ thế nào? Bởi vì tất cả kiết không còn thì gọi là bốn loại Thần túc. Như trong kinh nói: "Tích gọi là Niết-bàn, vĩnh viễn đoạn trừ năm kiết không còn luân hồi sinh tử thì gọi là đến bờ giải thoát." Các A-la-hán, thân đã tác chứng thì gọi là đạt được bốn loại Thần túc, đã đoạn trừ năm kiết thuận phần trên, không còn luân hồi sinh tử trong ba cõi thì gọi là

đến bờ giải thoát.

Có lúc đến bờ giải thoát mà không phải là đạt được bốn loại Thần túc, đó là Bất hoàn. Như Đức Thế Tôn nói: "Thế nào là Tỳ kheo gọi là đến bờ giải thoát?

Đó là vĩnh viễn đoạn và biết khắp đối với năm kiết thuận phần dưới." Bởi vì đoạn kiết này, cho nên không còn luân hồi sinh tử trong cõi Dục, thì gọi là đến bờ giải thoát.

Lại nữa, A-la-hán lại tiếp tục đến bờ giải thoát đối với ba cõi, đó là lúc đoạn kiết do Kiến mà đoạn, Kiết do Tu mà đoạn của ba cõi. Bất hoàn cũng lại tiếp tục đến bờ giải thoát đối với cõi Dục, đó là lúc đoạn kiết do Kiến mà đoạn, Kiết do Tu mà đoạn của cõi Dục, mà bởi vì chưa đạt được Niết-bàn cho nên không gọi là đạt được bốn loại Thần túc.

Hoặc đưa ra cách nói này: Các A-la-hán thì lúc ấy tất cả không còn nguồn gốc chăng? Giả sử không còn nguồn gốc thì lúc ấy tất cả là A-la-hán chăng?

Đáp: Các A-la-hán thì lúc ấy tất cả không còn nguồn gốc.

Có lúc không còn nguồn gốc mà không phải là A-la-hán, đó là Bất hoàn. Như Đức Thế Tôn nói: "Thế nào là Tỳ kheo không còn nguồn gốc? Đó là vĩnh viễn đoạn và biết khắp đối với năm kiết thuận phần dưới." Trong này, hai cách giải thích nói như đến bờ giải thoát.

Đến đâu thì gọi là Bồ-tát? Cho đến nói rộng ra.

Hỏi: Vì sao soạn ra phần luận này?

Đáp: Bởi vì muốn phân biệt nghĩa lý trong kinh. Như trong kinh nói: "Có một hữu tình, là chủng loại không ngu, là chủng loại thông tuệ, đó là Bồ-đề Tát-đỏa." Trong kinh tuy nói ra điều này mà không phân biệt, đến đâu thì gọi là Bồ-tát, đạt được gì thì gọi là Bồ-tát? Kinh ấy là nơi nương tựa căn bản của luận này, điều gì mà kinh không giải thích thì nay cần phải giải thích, cho nên soạn ra phần luận này.

Lại nữa, bởi vì đoạn trừ tâm lý của người thật sự không phải là Bồ-tát mà khởi lên Tăng thượng mạn cho là Bồ-tát, cho nên soạn ra phần luận này.

Nguyên cớ thế nào? Bởi vì có những hữu tình đem một bữa ăn để bố thí, hoặc đem một cái áo, hoặc một chỗ ở, cho đến hoặc đem một cái tăm xỉa răng để bố thí, hoặc thọ trì một giới, hoặc tụng một bài kệ, hoặc một lần nhiếp tâm quán tưởng Bất tịnh…, mà không sợ hãi gì (sư tử hống) nói ra lời như vậy: Tôi nhờ vào điều này cho nên nhất định sẽ làm Phật. Bởi vì

đoạn trừ tâm niệm Tăng thượng mạn như vậy, hiển bày tuy trải qua ba Vô số kiếp tu đầy đủ các loại khổ hạnh khó thực hành, nếu như chưa tu tập về nghiệp của Diệu tướng thì hãy còn chưa nên nói mình là Bồ-tát, huống là người Tăng thượng mạn vô cùng kém cõi ấy hay sao? Vì vậy Bồ-tát cho đến lúc hết Vô số kiếp thứ nhất, tuy tu đầy đủ các loại khổ hạnh khó thực hành, mà chưa có thể quyết định tự biết mình làm Phật; lúc hết Vô số kiếp thứ hai, tuy có thể quyết định tự biết mình làm Phật, mà hãy còn chưa dám phát khởi tâm niệm không sợ hãi, nói là mình sẽ làm Phật; hết Vô số kiếp thứ ba, lúc đã tu tập về nghiệp của Diệu tướng, cũng quyết định biết mình sẽ làm Phật, cũng phát khởi tâm niệm nói lời không sợ hãi giống như Sư tử gầm lên: Ta sẽ làm Phật.

Hỏi: Đến đâu thì gọi là Bồ-tát?

Đáp: Đến lúc có thể tạo tác tăng trưởng về nghiệp dị thục của Diệu tướng.

Hỏi: Nếu các hữu tình phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác (A nậu đa la tam miệu tam bồ đề) luôn luôn không lui sụt thay đổi, thì từ đó đã thuận theo nói là Bồ-tát, vì sao cho đến lúc tạo tác tăng trưởng về nghiệp dị thục của Diệu tướng mới gọi là Bồ-tát?

Đáp: Nếu quyết định đối với Bồ-đề và quyết định nơi đến thì mới gọi là Bồ-tát chân thật. Từ lúc mới phát tâm cho đến nay chưa tu về nghiệp của Diệu tướng, tuy quyết định đối với Bồ-đề, mà nơi đến chưa quyết định, thì chưa được gọi là Bồ-tát chân thật. Cần phải đến lúc tu tập về nghiệp của Diệu tướng, mới quyết định đối với Bồ-đề, nơi đến cũng quyết định. Vì thế cho nên đến đây mới gọi là Bồ-tát.

Lại nữa, lúc tu về nghiệp của Diệu tướng, hoặc là loài người hay là loài trời cùng nhận biết vị ấy là Bồ-tát, cho nên gọi là Bồ-tát; lúc chưa tu về nghiệp của Diệu tướng, chỉ có loài trời nhận biết, cho nên chưa được gọi là Bồ-tát chân thật.

Lại nữa, lúc tu về nghiệp của Diệu tướng, rời bỏ năm điều xấu kém-đạt được năm điều tốt đẹp:

1. Rời bỏ các nẻo ác, luôn luôn sinh đến nẻo thiện.
2. Rời bỏ gia đình hèn kém, luôn luôn sinh đến gia đình cao quý.
3. Rời bỏ thân không phải là nam, luôn luôn đạt được thân nam.
4. Rời bỏ căn không đầy đủ, luôn luôn đầy đủ các căn.
5. Rời bỏ có lúc quên mất ý niệm, luôn luôn đạt được tự tánh sinh khởi ý niệm. Vì vậy được gọi là Bồ-tát chân thật. Lúc chưa tu về nghiệp của Diệu tướng, cùng với điều này trái ngược nhau, cho nên không

gọi là Bồ-tát chân thật.

Hỏi: Bồ-tát đạt được tự tánh sinh khởi ý niệm này có gì lợi ích?

Đáp: Bồ-tát đạt được tự tánh sinh khởi ý niệm này, lìa bỏ lỗi lầm của hữu tình, tích tập nghe nhiều hiểu rộng, tin sâu sắc đối với nhân quả, khéo thâu nhiếp đồ chúng, lời dạy-lời khuyên đã nói hoàn toàn không vô ích, tư lương Bồ-đề lại càng đầy đủ trọn vẹn, đây là lợi ích.

Hỏi: Đạt được gì thì gọi là Bồ-tát?

Đáp: Đạt được nghiệp dị thục của tướng. Hỏi: Vì sao lại soạn ra phần luận này?

Đáp: Bởi vì muốn làm cho người nghi có được quyết định, đó là trước nói ra điều này: Đến lúc có thể tạo tác tăng trưởng về nghiệp dị thục của tướng, thì gọi là Bồ-tát. Đừng có sinh lòng nghi ngờ, tuy đến phần vị này thì gọi là Bồ-tát, mà tên gọi Bồ-tát hoặc là do chứng được những pháp thù thắng khác. Muốn hiển bày chính là do nghiệp dị thục của tướng mà được tên gọi Bồ-tát, chứ không do pháp khác, cho nên soạn ra phần luận này.

Hỏi: Nhờ vào Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác cho nên gọi là Bồ-đề Tát-đỏa, vì sao lúc chưa chứng được thì tên gọi này Tùy chuyển, và chứng được rồi thì không Tùy chuyển mà lại gọi là Phật-đà?

Đáp: Bởi vì lúc Tát-đỏa này chưa đạt được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, dùng ý thích tăng thượng luôn luôn tùy thuận Bồ-đề, hướng về Bồ-đề, gần gũi Bồ-đề, yêu thích Bồ-đề, tôn trọng Bồ-đề, khát ngưỡng Bồ-đề, cầu chứng-muốn chứng, không lợi lỏng-không dừng nghỉ, tâm ở trong Bồ-đề không có tạm thời rời bỏ, vì thế cho nên gọi là Bồ-đề Tát-đỏa. Người ấy đã chứng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác rồi, ý thích-gia hạnh đối với cầu mong Bồ-đề cũng đều dừng lại, chỉ đối với sự thành tựu về nghĩa Giác ngộ là hơn hẳn, tất cả si mê nhiễm ô hay không nhiễm ô đều vĩnh viễn đoạn trừ, cho nên Giác ngộ rõ ràng về tất cả các Trí cảnh (nhĩ diệm) thuộc Thắng nghĩa và Thế tục. Vì thế lại có năng lực Giác ngộ vô lượng hữu tình, tùy theo căn tánh và ý muốn mà làm lợi ích nhiều hơn. Bởi vì những nghĩa thù thắng về Giác ngộ như vậy, cho nên gọi là Phật-đà, chứ không gọi là Bồ-tát.

Lại nữa, Tát-đỏa là nghĩa của người dũng mãnh, lúc chưa đạt được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, luôn luôn tinh tiến dũng mãnh đối với Bồ-đề, cầu mong nhanh chóng chứng được, vì thế cho nên gọi là Bồ-đề Tát-đỏa. Đã đạt được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác rồi, thì tâm dũng mãnh đối với Bồ-đề dừng lại, chỉ đối với nghĩa Giác ngộ là hơn hẳn, cho nên gọi là Phật-đà, bởi vì có năng lực thành tựu Giác ngộ thù thắng nhất.

-oOo-

LUẬN A TỲ ĐẠT MA ĐẠI TỲ BÀ SA

QUYỂN 177

LUẬN VỀ BẤT HOÀN (Phần 4)

Hỏi: Nghiệp dị thục của tướng lấy gì làm tự tánh, là nghiệp của thân, là nghiệp của ngữ, hay là nghiệp của ý?

Đáp: Ba nghiệp làm tự tánh, nhưng tăng mạnh về nghiệp của ý.

Có người nói: Chỉ lấy nghiệp của ý làm tự tánh, không phải là nghiệp của thân-ngữ. Nguyên cớ thế nào? Bởi vì nghiệp của ý mạnh mẽ sắc bén, nghiệp của thân-ngữ thì chậm chạp.

Hỏi: Nghiệp dị thục của tướng là thuộc về ý địa, hay là năm Thức thân?

Đáp: Thuộc về ý địa, không phải là năm Thức thân. Nguyên cớ thế nào? Bởi vì nghiệp này có phân biệt, cần phải quán sát rồi hiện hành, năm Thức không có phân biệt, cho nên tùy theo lực của cảnh giới mà khởi lên.

Hỏi: Nghiệp dị thục của tướng là gia hạnh đạt được, là lìa nhiễm đạt được, hay là do sinh đạt được?

Đáp: Chỉ là gia hạnh đạt được, không phải là lìa nhiễm đạt được, không phải là do sinh đạt được. Nguyên cớ thế nào? Bởi vì nghiệp này cần phải ở ba Vô số kiếp tu các hạnh Ba-la-mật-đa, tác ý-công dụng-gia hạnh trong thân đầy đủ trọn vẹn, về sau mới đạt được.

Có người nói: Nghiệp này gia hạnh đạt được, cũng do sinh đạt được, nhưng không phải là lìa nhiễm đạt được.

Hỏi: Nghiệp dị thục của tướng là do Văn mà thành, do Tư mà thành, hay là do Tu mà thành?

Đáp: Chỉ do Tư mà thành, không phải là Văn, không phải là Tu. Nguyên cớ thế nào? Bởi vì nghiệp này thù thắng cho nên không phải là do Văn mà thành, hệ thuộc cõi Dục cho nên không phải là do Tu mà thành.

Có người nói: Nghiệp này bao gồm do Văn-Tư mà thành, nhưng không phải là do Tu mà thành.

Hỏi: Nghiệp dị thục của tướng khởi lên ở nơi nào?

Đáp: Ở cõi Dục chứ không phải là cõi khác, ở nẻo người chứ không phải là nẻo khác, ở châu Thiệm Bộ chứ không phải là châu khác. Dựa vào thân nào mà khởi lên, thì dựa vào thân nam khởi lên chứ không phải là thân nữ… Khởi lên vào lúc nào, là lúc Đức Phật xuất thế chứ không phải là thời gian không có Phật. Duyên vào cảnh nào mà khởi lên, là hiện rõ trước mắt duyên với Phật mà khởi lên Tư nguyện thù thắng chứ không duyên với cảnh khác.

Hỏi: Ba mươi hai tướng Đại trượng phu, là do một Tư dẫn dắt, hay là nhiều Tư? Nếu như vậy thì có gì sai? Nếu do một Tư dẫn dắt, thì vì sao một ít nghiệp có thể dẫn đến nhiều quả? Luận Thi Thiết nói lại hiểu thế nào? Như nói: "Nghiệp loại như vậy có thể cảm đến tướng bằng phẳng khéo an trú dưới lòng bàn chân, cho đến nghiệp loại như vậy có thể cảm đến tướng nhục kế (ô-sắt-nị-sa) trên đỉnh đầu." Nếu do nhiều Tư dẫn dắt, thì vì sao một Chúng đồng phần không phân biệt mà lại dẫn dắt phân biệt?

Đáp: Có người nói: Do một Tư dẫn dắt.

Hỏi: Vì sao một ít nghiệp có thể dẫn đến nhiều quả?

Đáp: Trước dùng một Tư để dẫn dắt, sau dùng nhiều Tư để đầy đủ trọn vẹn, vì thế cho nên không có lỗi; ví như người vẽ tranh, trước dùng một màu để làm mô phỏng, sau bổ sung nhiều màu sắc.

Hỏi: Luận Thi Thiết nói lại hiểu thế nào?

Đáp: Luận ấy nói về nghiệp đầy đủ trọn vẹn, không nói về nghiệp dẫn dắt, cho nên không có lỗi. Nhưng ba mươi hai tướng Đại trượng phu là quả của nghiệp đầy đủ trọn vẹn Chúng đồng phần, không phải là quả của nghiệp dẫn dắt Chúng đồng phần.

Có người nói: Do nhiều Tư dẫn dắt.

Hỏi: Vì sao một Chúng đồng phần không phân biệt mà lại dẫn dắt phân biệt?

Đáp: Lúc bấy giờ Bồ-tát luôn luôn nhất tâm chú ý vào một sở y-sở duyên-hành tướng có nhiều Tư chuyển đổi, trong đó có Tư có thể cảm đến tướng bằng phẳng khéo an trú dưới lòng bàn chân, cho đến có Tư có thể cảm đến tướng nhục kế trên đỉnh đầu.

Nói như vậy thì ba mươi hai Tư dẫn dắt ba mươi hai tướng Đại trượng phu, mỗi một tướng lại dùng nhiều nghiệp để làm đầy đủ trọn vẹn.

Hỏi: Bồ-tát đã khởi lên ba mươi hai Tư, ở trong các tướng thì trước hết là dẫn dắt tướng nào?

Đáp: Có người nói: Trước hết là dẫn dắt tướng bằng phẳng khéo an

trú dưới lòng bàn chân, sau mới dẫn dắt những tướng khác, bởi vì trước là an trú bàn chân, sau mới đến những nơi khác.

Có người nói: Trước hết là dẫn dắt tướng mắt xanh biếc, bởi vì trước là dùng ánh mắt hiền từ nhìn thế gian. Nói như vậy thì điều này không nhất định, tùy theo duyên hợp với tướng này thì dẫn dắt tướng này.

Ba mươi hai tướng Đại trượng phu:

1. Tướng khéo an trú dưới lòng bàn chân(túc hạ thiện trú tướng), đó là dưới lòng bàn chân của Đức Phật bằng phẳng không lồi không lõm, vào lúc đặt chân đều ấn xuống chạm vào mặt đất. Vì vậy chỉ riêng tướng dấu chân của Đức Phật là rõ ràng, tâm địa xấu ác muốn xóa đi nhưng cuối cùng không thể mất được. Những người tại gia nếu có tướng này, thì chắc chắn là vị vua lãnh đạo đất nước. Những người xuất gia nếu có tướng này, thì chắc chắn làm bậc Pháp vương hóa độ tất cả.

2. Tướng bánh xe ngàn nan hoa (thiên bức luân tướng), đó là ở dưới hai bàn chân của Đức Phật có hoa văn, như bánh xe ngàn nan hoa đầy đủ trục-vành, tròn đầy rõ ràng vô cùng tuyệt vời. Thiên tử Diệu Nghiệp tuy rất tác ý nhưng không thể nào mô phỏng mà hóa hiện khác biệt. Nguyên cớ thế nào? Bởi vì sự việc do Thiên tử Diệu Nghiệp hóa hiện là do trí vô phú vô ký đã dẫn dắt, mà tướng này là do nghiệp hoàn toàn thanh tịnh đã dẫn dắt.

Lại nữa, việc làm của Thiên tử ấy là do trí sinh ra đạt được đã dẫn dắt, mà tướng này là do trí gia hạnh tăng thượng đã dẫn dắt.

Lại nữa, việc làm của Thiên tử ấy là do trí đã luyện tập trong một đời dẫn dắt, mà tướng này là do trí đã luyện tập qua vô lượng đời dẫn dắt.

3. Tướng ngón tay thon dài (chỉ tiêm trường tướng), đó là ngón tay của Đức Phật thon dài nhỏ mà từ từ nhọn, lóng ngón tay không hiện bày thô thiển, khép lại thì không có khe hở, xếp lại-rải ra thích hợp, ở giữa sáng bóng tròn đầy.

4. Tướng gót chân tròn cao (túc cân viên trường tướng), đó là gót chân của Đức Phật tròn cao, rộng thẳng đoan nghiêm.

5. Tướng tay chân mịn màng mềm mại (thủ túc tế nhuyễn tướng), đó là tay chân của Đức Phật mịn màng mềm mại như tơ Đố-la.

6. Tướng màng da mềm giữa các ngón tay-chân (thủ túc võng man tướng), đó là giữa các ngón tay-chân của Đức Phật đều có màng da mềm, giống như bàn chân của ngỗng chúa, nếu lúc khép lại thì màng da không hiện rõ mà không có nếp nhăn kéo dài, lúc mở ra thì hiện rõ mà không có nếp co xiết lại.

7. Tướng cỏ chân tròn và dày (túc phu đoan hậu tướng), đó là cổ chân của Đức Phật tròn và dày, hướng về các ngón chân đổ sang hai bên, đứng thẳng xứng với gót chân, bước chân thì không rộng, lòng bàn chân như màu hoa sen hồng, phía trong màng da như đường vân của cây gỗ, móng chân như màu đồng đỏ hơi nhạt, phía ngoài màng da là màu vàng ròng, lông mịn màu đen pha hồng tươi sáng như Phệ lưu ly, cho nên hai chân của Đức Phật giống như đôi giầy quý, trang nghiêm bằng nhiều vật báu, sáng ngời thật vi diệu.

8. Tướng bắp đùi Ê-nê-da (ê-nê-da chuyên tướng), đó là bắp đùi của Đức Phật tròn thẳng từ từ xuống dưới thon nhỏ, như bắp đùi của Nai chúa Ê-nê-da.

9. Tướng nam căn giấu kín (thế phong tàng mật tướng), đó là nam căn của Đức Phật giấu kín giống như Ngựa chúa.

Nếu như vậy thì làm sao hữu tình đã hóa độ (sở hóa) nhìn thấy được? Có người nói: Đức Thế Tôn thương xót hữu tình đã hóa độ cho nên phương tiện mà thị hiện.

Có người nói: Đức Thế Tôn hóa làm âm tàng thù diệu như voi ngựa, nói với hữu tình đã hóa độ rằng: Như ông, Ta cũng như vậy.

10. Tướng thân thể đầy đủ trọn vẹn(thân phần viên mãn tướng), đó là thân thể của Đức Phật đầy đủ trọn vẹn như cây Nặc-cù-đà, như từ phần rốn đến đỉnh đầu, như vậy từ phần rốn đến chân, trên dưới tương xứng với nhau.

11. Tướng lông toàn thân hướng lên trên (thân mao thượng mị tướng).

12. Tướng lỗ chân lông mọc một sợi lông (khổng sinh nhất mao tướng).

13. Tướng lông toàn thân xoay về phía phải (thân mao hữu hoàn tướng), đó là các lỗ chân lông toàn thân của Đức Phật đều mọc một sợi lông, màu sắc sáng bóng đen biếc như Phệ lưu ly, uyển chuyển xoay về phía phải, đầu sợi lông hướng lên trên. Nguyên cớ mỗi một lỗ chân lông chỉ có một sợi lông, là bởi vì lúc làm Bồ-tát không nói pháp tùy tiện hỗn loạn.

14. Tướng thân màu vàng ròng (thân chân kim sắc tướng), đó là thân thể của Đức Phật màu vàng ròng, ánh lên làm mờ nhạt ánh sáng của tất cả các loại vàng ở thế gian, khiến cho không còn hiện rõ. Như người thời nay đem các vật dụng bằng nhôm-đồng…, đặt ở bên cạnh vật dụng bằng vàng của thời nay, thì ánh sáng không còn hiện rõ; vật dụng bằng vàng của thời nay, đem đến bên cạnh vật dụng bằng vàng thời Đức Phật tại thế, thì ánh

sáng không còn hiện rõ; vật dụng bằng vàng thời Đức Phật tại thế, nếu đem đến bên cạnh vàng Nại-đà của châu Thiệm Bộ và đá vàng lót đường của Chuyển Luân Vương trong biển lớn, thì ánh sáng không còn hiện rõ; vàng và đá vàng này nếu đem đến bên cạnh vàng của bảy núi vàng, thì ánh sáng không còn hiện rõ; vàng của bảy núi vàng đem đến bên cạnh vàng của núi chúa Diệu Cao, thì ánh sáng không còn hiện rõ; vàng của núi chúa Diệu Cao đem đến bên cạnh đồ vật bằng vàng trang nghiêm của cõi trời Tam Thập Tam, thì ánh sáng không còn hiện rõ. Như vậy lần lượt chuyển đổi cho đến đồ vật bằng vàng trang nghiêm của cõi trời Lạc Biến Hóa, đem đến bên cạnh đồ vật bằng vàng trang nghiêm của cõi trời Tha Hóa Tự Tại, thì ánh sáng không còn hiện rõ; đồ vật bằng vàng trang nghiêm của cõi trời Tha Hóa Tự Tại này, nếu đem đến bên cạnh thân vàng của Đức Phật, thì ánh sáng không còn hiện rõ. Vì thế cho nên thân màu vàng ròng của Đức Phật là thù thắng nhất, ánh lên làm mờ nhạt ánh sáng của tất cả các loại vàng ở thế gian.

15. Tướng ánh sáng thường xuyên tỏa ra một Tầm (thường quang nhất tầm tướng), đó là xung quanh toàn thân của Đức Phật thường xuyên có ánh sáng, mỗi phía đều một Tầm, ngày đêm luôn luôn soi chiếu.

16. Tướng làn da mịn màng trơn bóng (bì phu tế hoạt tướng), đó là làn da của Đức Phật mịn màng trơn bóng, bụi-nước không dính được, như Phệ lưu ly và cánh hoa sen, giả sử Đức Phật đưa chân giẫm vào núi bụi, làn gió Phệ-lam-bà từ trong đó cuốn bụi tung lên, muốn làm cho thân của Đức Phật và dưới chân của Đức Phật có một hạt bụi dính vào, thì điều này không hề có.

17. Tướng bảy nơi tròn đầy (thất xứ sung mãn tướng), đó là bảy nơi của Đức Phật tròn đầy, ở thân thể khác thì những nơi này là ít thêm; hai tay-hai chân-hai vai và đỉnh đầu, đó là bảy nơi.

18. Tướng thân hình cao lớn và thẳng (thân quảng hồng trực tướng), đó là thân hình của Đức Phật cao lớn và thẳng, vô cùng đoan nghiêm mẫu mực, mà không nghiêng-không còng, cũng không lệch về một bên.

19. Tướng thân phần trên như Sư tử (sư tử thượng thân tướng), đó là phần ngực của Đức Phật vuông rộng uy nghiêm, như nửa thân phần trên của Sư tư chúa.

20. Tướng bả vai tròn đầy (kiên bác viên mãn tướng), đó là bả vai của Đức Phật tròn đầy, không phải là các Lực sĩ trẻ trung khỏe mạnh mà có thể sánh bằng.

21. Tướng đứng thẳng duỗi tay xoa đến đầu gối (lập thủ ma tất

tướng), đó là Đức Phật đứng thẳng duỗi tay xoa đến đầu gối của mình.

22. Tướng cằm tròn như Sư tử (sư tử hàm luân tướng), đó là cằm của Đức Phật tròn và rộng, đẹp như Sư tử chúa.

23. Tướng đầy đủ bốn mươi chiếc răng (cụ tứ thập xỉ tướng).

24. Tướng răng đều đặn và dày (xỉ tề bình mật tướng).

25. Tướng răng tươi sáng có ánh sáng tỏa ra (nha xỉ tiên bạch hữu quang minh tướng), đó là Đức Phật có đủ bốn mươi chiếc răng, tất cả đều đặn như nhau, ở giữa không có kẽ hở dù chỉ bằng mảy lông, màu sắc của răng tươi sáng trắng ngần, ánh lên sáng ngời như núi Tuyết chúa.

Hỏi: Người khác chỉ có ba mươi hai chiếc răng, mà nói trong thân ấy có một trăm lẻ ba đốt xương; Đức Phật có đủ bốn mươi chiếc răng, vì sao cũng nói trong thân Đức Phật có một trăm lẻ ba đốt xương, mà không tăng thêm?

Đáp: Xương phần đầu của loài người do chín phần hợp thành, xương phần đầu của Đức Thế Tôn chỉ có một đoạn, vì vậy cùng có một trăm lẻ ba đốt xương.

26. Tướng đạt được Vị giác cao nhất(đắc tối thượng vị tướng), đó là bởi vì phần lưỡi của Đức Phật thanh tịnh, cho nên khiến những đồ ăn thức uống chuyển thành mùi vị tuyệt vời nhất.

Có người nói: Trên phần lưỡi của Đức Phật có chủng tử của tất cả Vị giác thù thắng tuyệt vời vừa ý ở thế gian, nếu lúc các vật đắng cay chua mặn… đưa đến phần lưỡi, thì những vật xen tạp này đều chuyển thành mùi vị tuyệt vời nhất.

Có người nói: Phần lưỡi của Như Lai có thế lực như vậy, nếu các loại đồ ăn thức uống đưa đến phần lưỡi, ở trong đó loại nào thuộc về tánh tuyệt vời vừa ý thì liền sinh ra Thiệt thức, loại nào thuộc về tánh thô kệch thì không sinh ra Thiệt thức.

Có người nói: Trong yết hầu của Đức Phật có hai tuyến sữa, nếu lúc ăn uống thì sữa ấy tiết ra, pha lẫn vào các loại đồ ăn thức uống, làm cho đều thành mùi vị tuyệt vời nhất.

Nhưng ở trong này, bởi vì Thiệt căn thanh tịnh, làm cho mùi vị chuyển thành thù thắng, lý này thích hợp như vậy.

27. Tướng lưỡi rộng dài (quảng trường thiệt tướng), đó là tướng lưỡi của Đức Phật mỏng mềm rộng dài, lúc đưa ra thì che kín mặt đến phần tai và chân tóc, nếu trở vào lại trong miệng thì ở trong miệng không có gì chướng ngại.

28. Tướng mắt xanh biếc (mục cam thanh tướng), đó là đôi mắt của Đức Phật dài và rộng, màu mắt xanh biếc trong sáng, như cánh hoa sen xanh Tô-xà-đa.

29. Tướng lông mi như Ngưu vương (ngưu vương tiệp tướng), đó là lông mi của Đức Phật phân bố khéo léo tuyệt vời giống như Ngưu vương.

30. Tướng trên đỉnh đầu có nhục kế (ô-sắt-nị-sa tướng), đó là búi tóc trên đỉnh đầu của Đức Phật do xương và thịt hợp thành, lượng bằng nắm tay úp xuống, đen tuyền tròn trịa rất tuyệt vời.

31. Tướng lông trắng giữa chặng mày (mi gian bạch hào tướng), đó là lông trắng giữa chặng mày của Đức Phật dai khoảng nửa Tầm, uyển chuyển xoay về phía phải, tỏa ánh sáng trong suốt.

32. Tướng có được âm thanh cõi Phạm (đắc Phạm âm thanh tướng), đó là ở trong yết hầu của Đức Phật có đại chủng tuyệt diệu, có thể phát ra Phạm âm hòa nhã vừa ý, như chim Yết-la-tần-ca, và phát ra tiếng sấm rền chấn động rất xa, như tiếng trống của Đế Thích. Âm thanh như vậy có đủ tám công đức:

1. Vang vọng rất xa.
2. Hòa nhã.
3. Rõ ràng.
4. Êm tai.
5. Đi vào tâm.
6. Sinh ra niềm vui.
7. Dễ hiểu.
8. Không hề chán.

Hỏi: Tướng là nghĩa gì?

Đáp: Nghĩa về ngọn cờ là nghĩa của tướng, nghĩa về thù thắng là nghĩa của tướng, nghĩa về điềm lành là nghĩa của tướng.

Hỏi: Vì sao tướng Đại trượng phu chỉ có ba mươi hai chứ không tăng-không giảm?

Đáp: Hiếp Tôn giả nói: "Nếu tăng hay là giảm thì cũng đều sinh tâm nghi ngờ, chỉ có ba mươi hai cũng không trái với pháp tướng."

Có người nói: Bởi vì ba mươi hai là số tốt lành mà thế gian cùng chấp nhận, cho nên không có tăng-giảm.

Có người nói: Nếu ba mươi hai tướng trang nghiêm thân của Đức Phật thì đối với thế gian là thù thắng nhất không có gì sánh bằng, nếu phải giảm đi thì sẽ thiếu hụt, nếu lại tăng thêm thì cũng tạp loạn, đều không phải là thù thắng, cho nên chỉ có bấy nhiêu. Như Đức Phật thuyết pháp không

có thể tăng-giảm, tướng của Đức Phật cũng như vậy, cho nên không có giảm gì có thể tăng, không có tăng gì có thể giảm.

Hỏi: Tám mươi vẻ đẹp(tùy hảo) là ở nơi nào?

Đáp: Ở trong các tướng, tùy theo các tướng chuyển đổi để trang nghiêm thân của Đức Phật khiến cho tốt đẹp tuyệt diệu nhất.

Hỏi: Tướng và vẻ đẹp không làm chướng ngại lẫn nhau chăng?

Đáp: Không phải như vậy, tướng và vẻ đẹp lại làm biểu lộ rõ lẫn nhau. Như hoa trong rừng làm cho các cây biểu lộ rõ, thân Đức Phật trang nghiêm bằng tướng tốt và vẻ đẹp cũng như vậy. Lại như núi vàng tô điểm nhiều vật báu xen lẫn nhau, thân Đức Phật uy nghiêm sáng ngời tuyệt vời cũng như vậy. Bởi vì thân Như Lai vô cùng thanh tịnh sáng ngời, cho nên các vật tốt lành đều hiện rõ trong đó, như gương Chí-na đã mài hết sức trong suốt, tùy theo hình ảnh cảnh tượng của vật xa-gần đều hiện rõ, thân Đức Phật cũng như vậy. Vì thế cho nên tất cả các ma-ngoại đạo ôm ấp tâm niệm xấu ác, lúc đến nơi Đức Phật thì tất cả đều chiêm ngưỡng, nhìn không thỏa mãn đi vòng theo phía phải mà lui ra.

Hỏi: Bồ-tát đối với thân vì có Ái-Mạn mà trang nghiêm chăng? Đáp: Không phải như vậy.

Hỏi: Vì sao?

Đáp: Bồ-tát vì muốn làm cho tâm lý kiêu mạn dựa vào sắc tướng của thế gian phải hàng phục, người không tiếp nhận hóa độ khiến cho tiếp nhận hóa độ, cho nên dùng các tướng tốt và vẻ đẹp mà trang nghiêm thân mình.

Lại nữa, bởi vì hiển bày pháp vốn có của Đức Phật đều là thù thắng, đó là sắc tướng-sức lực, giòng họ-quyến thuộc, danh dự-tài sản, giàu có-tự tại, trí tuệ-nhận thức-công đức thảy đều thù thắng. Nếu không như vậy, thì pháp đã nói ra không có người nào tin nhận. Vì thế cho nên Bồ-tát trang nghiêm thân mình.

Lại nữa, bởi vì muốn làm khí cụ nương tựa cho quả vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Nguyên cớ thế nào? Bởi vì công đức thù thắng quyết định nương tựa vào thân thù thắng, nghĩa của quả vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác ở vị lai ấy, nói với Bồ-tát rằng: Ông muốn khiến cho tôi ở trong thân, thì trước hết phải làm cho thân ông thanh tịnh thù thắng, dùng các tướng tốt và vẻ đẹp mà trang nghiêm thân mình, nếu không như vậy thì tôi cũng không thể nào sinh vào trong thân của ông. Ví như có người muốn cưới Công chúa của vua đón về nhà mình, Công chúa ấy bí mật sai sứ giả đến nói cho người kia biết rằng: Ông muốn để cho Ta đến nhà, thì trước hết cần phải vẩy nước quét dọn, trừ sạch mọi rác rưởi dơ bẩn,

treo đèn kết lọng, đốt hương rải hoa, trang nghiêm đủ loại, thì Ta mới có thể đến, nếu không như vậy thì Ta cũng không thể nào đến nhà ông được. Vì thế cho nên Bồ-tát trang nghiêm thân mình.

Hỏi: Bồ-tát tạo tác tăng trưởng nghiệp dị thục của tướng rồi, trong thời gian ấy hoặc có lúc làm Chuyển Luân Vương, là chính nghiệp dị thục của tướng đã tu, cảm đến quả của tướng ấy, hay là nghiệp khác?

Đáp: Có người nói: Tức là nghiệp dị thục của tướng đã tu, bởi vì nghiệp này có công năng rộng lớn, giả sử đến nay luôn luôn làm Luân Vương, mà thế lực của nghiệp ấy cũng không hết.

Nói như vậy thì đó là bởi vì nghiệp khác. Nguyên cớ thế nào? Bởi vì Bồ-tát tu nghiệp dị thục của tướng đều vì thọ nhận quả thù thắng ở thân sau cuối chứ chưa thọ dụng ngay, nhưng dựa vào nghiệp ấy làm tăng thượng tạo ra nghiệp thiện khác cảm đến quả của tướng Luân Vương. Ví như vị Trưởng giả rất giàu có, nhiều những châu báu, trong đó có ngọc quý rất giá trị mà chưa đem ra sử dụng ngay, những vật có giá trị bình thường thì tùy lúc để trao đổi; điều ấy cũng như vậy.

Hỏi: Ba mươi hai tướng mà Bồ-tát đã đạt được cùng với tướng của Luân Vương có gì sai biệt?

Đáp: Tướng mà Bồ-tát đã đạt được, có bốn điều hơn hẳn:

1. Long trọng.
2. Rõ ràng.
3. Tròn đầy.
4. Nơi đạt được.

Lại nữa, có năm điều hơn hẳn:

1. Nơi đạt được.
2. Rất đoan nghiêm.
3. Dáng vẻ sâu sắc.
4. Tùy thuận với trí thù thắng.
5. Tùy thuận với lìa nhiễm.

Hỏi: Bồ-tát tạo tác tăng trưởng nghiệp dị thục của tướng rồi, lúc chưa đến thân sau cuối, đối với các hữu tình có tướng khác nhau có thể nhân biết hay không?

Đáp: Có, đó là sinh trong giòng họ tôn quý, hình dáng diện mạo đoan nghiêm, thân thể trượng phu đầy đủ, các căn trọn vẹn không thiếu, có thể nhớ lại đời trước, tin sâu sắc vào nhân quả, ưa thích học nhiều hiểu rộng, tôn trọng ngưỡng mộ Chánh pháp, trí tuệ nhận thức sắc bén, có biện tài rất thù thắng, chí tánh điều hòa mềm mỏng, âm thanh ngôn ngữ hòa nhã, việc

làm đã được quyết định, hoàn toàn không có lui sụt, thấy người khác chịu đau khổ, lòng dạ không thể chịu nổi, cần phải tận tình cứu giúp, tất cả công đức đã tu, đều hồi hướng cho Bồ-đề, mang lại niềm vui cho hữu tình, làm nhiều điều lợi ích mà không mong cầu đền đáp. Như vậy gọi là tướng của Bồ-tát ấy.

Hỏi: Như trong kinh nói: "Mỗi một tướng của Đức Phật có trăm phước trang nghiêm." Thế nào gọi là trăm phước?

Đáp: Trong này, trăm Tư gọi là trăm phước. Thế nào gọi là trăm Tư? Đó là như lúc Bồ-tát tạo tác tăng trưởng về nghiệp của tướng khéo an trú dưới lòng bàn chân (tướng thứ nhất), trước hết khởi lên năm mươi Tư tu sửa thân khí làm cho thanh tịnh điều hòa mềm mỏng, tiếp đến khởi lên một Tư đích thực dẫn dắt tướng ấy, cuối cùng lại khởi lên năm mươi Tư khiến cho tướng ấy được tròn đầy. Ví như nông phu trước hết sửa sang bờ ruộng, tiếp đến gieo hạt giống xuống, sau mới dùng phân- nước mà chăm bón-tưới thấm; điều ấy cũng như vậy. Như nghiệp của tướng khéo an trú dưới lòng bàn chân, có trăm Tư trang nghiêm như vậy, cho đến nghiệp của tướng trên đỉnh đầu có nhục kế (tướng thứ ba mươi), cũng lại như vậy. Vì vậy cho nên nói: Mỗi một tướng của Đức Phật có trăm phước trang nghiêm.

Hỏi: Thế nào là năm mươi Tư?

Đáp: Dựa vào mười nghiệp đạo đều có năm Tư. Đó là dựa vào nghiệp đạo lìa bỏ giết hại có năm Tư:

1. Tư về lìa bỏ giết hại.
2. Tư về khuyến khích dẫn dắt.
3. Tư về khen ngợi tốt lành.
4. Tư về tùy thuận vui vẻ.
5. Tư về hồi hướng.

Nghĩa là hồi hướng công đức đã tu quy về Bồ-đề; cho đến Chánh kiến cũng như vậy, đó gọi là năm mươi Tư.

Có người nói: Dựa vào mười nghiệp đạo đều khởi lên năm phẩm Tư về thiện là Hạ-Trung-Thượng-Thượng Thắng và Thượng Cực, như tu xen lẫn Tĩnh lự.

Có người nói: Dựa vào mười nghiệp đạo đều khởi lên năm Tư:

1. Gia hạnh thanh tịnh.
2. Căn bản thanh tịnh.
3. Dấy khởi về sau thanh tịnh.
4. Không phải là do Tầm mà hại.
5. Nghĩ về thâu nhiếp tiếp nhận.

Có người nói: Duyên với một tướng của Đức Phật khởi lên năm mươi sát-na, chưa từng luyện tập về Tư nối tiếp nhau mà chuyển.

Hỏi: Như vậy trăm phước thì lượng của mỗi một phước là thế nào?

Đáp: Có người nói: Nếu nghiệp có thể cảm đến địa vị Chuyển Luân Vương, thì đối với bốn châu lớn tự tại mà chuyển, là lượng của một phước.

Có người nói: Nếu nghiệp có thể cảm đến địa vị Thiên Đế Thích, thì đối với hai chúng trời tự tại mà chuyển, là lượng của một phước.

Có người nói: Nếu nghiệp có thể cảm đến địa vị Thiên vương cõi trời Tha Hóa Tự Tại, thì đối với tất cả chúng trời cõi Dục tự tại mà chuyển, là lượng của một phước.

Có người nói: Nếu nghiệp có thể cảm đến địa vị Thiên vương cõi trời Đại Phạm, thì đối với Tĩnh lự thứ nhất và chúng trời cõi Dục tự tại mà chuyển, là lượng của một phước.

Có người nói: Phước của Thiên vương cõi trời Đại Phạm, vị đứng đầu thế giới Sa-ha khuyến thỉnh Như Lai chuyển pháp luân, là lượng của một phước.

Hỏi: Lúc vị ấy thỉnh Đức Phật là tâm vô phú vô ký hệ thuộc cõi Dục, vì sao gọi là phước?

Đáp: Có người nói: Vị ấy ở cõi Phạm Thế, lúc sắp đến thỉnh cầu thì trước hết khởi lên tâm thiện như vậy: Mình sẽ làm lợi ích to lớn cho các hữu tình, thỉnh cầu Đức Phật chuyển Pháp luân. Lúc bấy giờ thì gọi là đạt được phước của cõi Phạm ấy.

Điều này không hợp lý. Nguyên cớ thế nào? Bởi vì không phải là lúc chưa làm mà đã thành tựu. Nói như vậy thì vị ấy thỉnh cầu Đức Phật rồi trở về đến cung cõi Phạm, sau đó lúc Đức Phật chuyển Pháp luân thì Địa thần xướng lên trước, như vậy âm thanh lần lượt chuyển tiếp lên đến cung cõi Phạm, Phạm Vương nghe rồi hoan hỷ tự mừng cho mình, phát tâm thuần tịnh mà sinh niềm tùy hỷ, lúc bấy giờ mới gọi là thành tựu phước này.

Có người nói: Lúc thế giới thành lập, tất cả hữu tình do lực tăng thượng của nghiệp, có thể cảm đến ba ngàn Đại thiên thế giới, là lượng của một phước.

Có người nói: Trừ ra Bồ-tát tiếp cận Phật địa, còn lại tất cả hữu tình, vốn có nghiệp có thể cảm đến quả giàu có vui sướng, là lượng của một phước.

Có người nói: Trong này, lượng của mỗi một phước nên dùng thí dụ để hiển bày, giả sử tất cả hữu tình đều sinh ra mù lòa, có một hữu tình dùng nhiều phương tiện khiến cho cùng có được mắt sáng, phước của hữu tình ấy là lượng của một phước.

Lại nữa, giả sử tất cả hữu tình đều uống phải thuốc độc, mê loạn sắp chết, có một hữu tình làm cho chất độc đều trừ hết, tâm được tỉnh táo, phước của hữu tình ấy là lượng của một phước.

Lại nữa, giả sử tất cả hữu tình đều bị trói chặt, sắp bị mất mạng, có một hữu tình làm cho tất cả được giải thoát, cùng lúc cứu được mạng sống, phước của hữu tình ấy là lượng của một phước.

Lại nữa, giả sử tất cả hữu tình phá giới-phá kiến, có một hữu tình có thể làm cho cùng lúc đầy đủ giới-kiến, phước của hữu tình ấy là lượng của một phước.

Lời bình: Như vậy đã nói đều là ý thích thuần tịnh, phương tiện ca ngợi lượng phước của Bồ-tát, nhưng tất cả đều chưa đạt được ý nghĩa thật sự.

Nghĩa như thật thì mỗi một lượng phước Bồ-tát đã khởi lên là vô lượng vô biên, bởi vì Bồ-tát trải qua ba Vô số kiếp tích tập tròn đầy các Ba-la-mật-đa rồi, cho nên dẫn đến Tư nguyện vô cùng to lớn, chỉ riêng Đức Phật mới có thể biết, không phải là người khác mà suy lường được.

Như vậy đã nói về lượng phước to lớn, có đầy đủ trăm phước trang nghiêm cho một tướng, lần lượt chuyển tiếp cho đến ba mươi hai tướng, đều có đủ trăm phước. Đức Phật dùng ba mươi hai tướng có trăm phước trang nghiêm như vậy, và tám mươi vẻ đẹp tùy thuộc để trang nghiêm thân ấy, cho nên tôn quý nhất-thù thắng nhất ở trên cõi trời-giữa loài người.

Hỏi: Nghiệp dị thục của tướng này tu tập tròn đầy trải qua thời gian bao lâu?

Đáp: Phần nhiều trải qua một trăm Đại kiếp, chỉ trừ ra Bồ-tát Thích-ca, bởi vì Bồ-tát Thích-ca vô cùng tinh tiến cho nên vượt lên trên chín Đại kiếp, chỉ trải qua chín mươi mốt kiếp tu tập tròn đầy, liền đạt được Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề.

Sự việc ấy như thế nào? Như trong kinh nói: "Quá khứ có Đức Phật danh hiệu là Đề-sa, hoặc gọi là Bổ-sa. Đức Phật ấy có hai đệ tử Bồ-tát chịu khó tu Phạm hạnh, một người tên gọi Thích-ca Mâu-ni, một người tên gọi Mai-đát-lệ-dược. Lúc bấy giờ Đức Phật ấy quán xét hai đệ tử, căn của người nào chín muồi trước, liền biết như thật là Từ Thị chín muồi trước, Năng Thúc chín muồi sau. Lại quán xét sự hóa độ hữu tình của hai người, căn

của người nào chín muồi trước, vẫn biết như thật là sự hóa độ của Thích-ca sẽ chín muồi trước. Biết rồi liền nghĩ: Nay Ta làm thế nào khiến cho cơ cảm ấy hội ngộ với nhau? Nhưng làm cho một người nhanh chóng chín muồi thì dễ, chứ không phải là làm cho nhiều người. Dấy lên ý nghĩ này rồi, liền bảo với Thích-ca: Ta muốn đi vào núi, ông có thể đi theo. Lúc bấy giờ Đức Phật ấy lấy tọa cụ (ni sư đàn), theo con đường đi đến trước, đã đến trên núi, đi vào khám thờ bằng Phệ lưu ly, trải tọa cụ ra, ngồi kiết già mà nhập Định Hỏa giới, trải qua bảy ngày đêm cảm thọ niềm hỷ lạc vi diệu, uy quang rực rỡ. Thích-ca trong chốc lát cũng đến trên núi, đi khắp nơi tìm Đức Phật, như bê con tìm kiếm mẹ, lần lượt chuyển tiếp gặp lúc đến trước khám thờ ấy, bỗng nhiên thấy đức Phật uy nghi trang nghiêm, ánh sáng chói lòa, dốc lòng thành khẩn, phát tâm hoan hỷ, ca ngợi mãi không thôi. Đối với hiện hành không gián đoạn, quên đặt một chân xuống, chiêm ngưỡng dung nhan tôn quý, mắt không rời trong giây lát, trải qua bảy ngày đêm, dùng một bài kệ ca ngợi Đức Phật ấy rằng:

Trời đất cõi này là ngôi nhà Đa Văn,
Thệ Cung ở cõi trời mười phương không có,
Bậc trượng phu Ngưu vương là Đại Sa-môn,
Tìm khắp núi rừng mặt đất không gì bằng.

Như vậy ca ngợi rồi liền vượt qua chín kiếp, đạt được Vô thượng Chánh giác trước Từ Thị.”

Hỏi: Bồ-tát tiếp cận Phật địa nhất định đối với Danh-Cú-Văn thân, đạt được sự khéo léo tuyệt vời tự tại chưa từng đạt được, nên dùng bài tụng khác-phẩm loại khác để ca ngợi Đức Phật, vì sao trải qua bảy ngày đêm chỉ dùng một bài tụng mà ca ngợi Đức Phật?

Đáp: Bồ-tát lúc bấy giờ bởi vì Tư nguyện thù thắng cho nên không lặp lại văn tụng, nếu thay đổi văn tụng thì Tư nguyện không thuần phác.

Lại nữa, Bồ-tát lúc bấy giờ bởi vì sợ rằng tán loạn, như văn tụng sai biệt thì tâm cũng khác đi, làm sao mà có thể nhất tâm chuyên chú? Lại nữa, Bồ-tát biểu hiện tâm mình không có chán nản mệt mỏi,

cho nên có thể đối với một bài tụng thường xuyên phát khởi Tư nguyện thù thắng mới nhất.

Hỏi: Vì sao Bồ-tát Từ Thị đối với căn của mình thì chín muồi trước, mà sự hóa độ lại chín muồi sau, Bồ-tát Thích-ca thì cùng với điều này trái ngược nhau?

Đáp: Bồ-tát Từ Thị phần nhiều lợi ích cho mình mà ít lợi ích cho người khác, Bồ-tát Thích-ca thì phần nhiều lợi ích cho người khác mà ít lợi

ích cho mình, vì thế cho nên đều mang lại sự hóa độ không như nhau.

Hỏi: Như trong kinh nói: "Bồ-tát trải qua ba A-tăng-kỳ kiếp (a-tăng-xí-da), tu hành bốn Ba-la-mật-đa mới được tròn đầy." Kiếp này là như thế nào?

Đáp: Có người nói: Là Trung kiếp. Có người nói: Là kiếp Thành. Có người nói: Là kiếp Hoại.

Nói như vậy thì đây là Đại kiếp, tích tụ Đại kiếp này đến một A-tăng-kỳ, như vậy đến ba A-tăng-kỳ mới tu tập tròn đầy.

Hỏi: A-tăng-kỳ kiếp này thì hạn lượng làm sao có thể biết được?

Đáp: Có người nói: Dùng Đại kiếp làm một, tích tụ số một này đến trăm ngàn thì gọi là Lạc-xoa, đến trăm-trăm ngàn thì gọi là Câu- chi, trăm ngàn Câu-chi thì gọi là Na-dữu-đa, trăm ngàn Na-dữu-đa thì gọi là Tần-bà, trăm ngàn Tần-bà thì gọi là Kiến-tha. Từ đây về sau không phải là nơi đến của trí tính đếm. Đến phần vị không thể đến được này thì gọi là hạn lượng của một A-tăng-kỳ kiếp, hạn lượng của A-tăng- kỳ kiếp thứ hai-thứ ba cũng như vậy.

Có người nói: Dùng Đại kiếp làm một, tích tụ số một này đến trăm ngàn thì gọi là Lạc-xoa, đến trăm-trăm ngàn thì gọi là Câu-chi, trăm ngàn Câu-chi thì gọi là Câu-chi Câu-chi, trăm ngàn Câu-chi Câu- chi thì gọi là A-triết-triết Câu-chi, trăm ngàn A-triết-triết Câu-chi thì gọi là A-tra-tra Câu-chi, trăm ngàn A-tra-tra Câu-chi thì gọi là A-dữu- đa, trăm ngàn A-dữu-đa thì gọi là A-dữu-đa phần, trăm ngàn A-dữu-đa phần thì gọi là Na-dữu-đa, trăm ngàn Na-dữu-đa thì gọi là Na-dữu-đa phần, trăm ngàn Na-dữu-đa phần thì gọi là Câu-vật-đà, trăm ngàn Câu- vật-đà thì gọi là Câu-vật-đà phần, trăm ngàn Câu-vật-đà phần thì gọi là Bát-đặc-ma, trăm ngàn Bát-đặc-ma thì gọi là Bát-đặc-ma phần, trăm ngàn Bát-đặc-ma phần thì gọi là Ca-mạt-la, trăm ngàn Ca-mạt-la thì gọi là Ca-mạt-la phần, trăm ngàn Ca-mạt-la phần thì gọi là Nại-trĩ-na, trăm ngàn Nại-trĩ-na thì gọi là Nại-trĩ-na phần, trăm ngàn Nại-trĩ-na phần thì gọi là Đổ-chi, trăm ngàn Đổ-chi thì gọi là Đổ-chi phần, trăm ngàn Đổ- chi phần thì gọi là A-ba-ba, trăm ngàn A-ba-ba thì gọi là A-ba-ba phần, trăm ngàn A-ba-ba phần thì gọi là Tra-tra, trăm ngàn Tra-tra thì gọi là Tra-tra phần, trăm ngàn Tra-tra phần thì gọi là Ô-già, trăm ngàn Ô-già thì gọi là Ô-già phần, trăm ngàn Ô-già phần thì gọi là Bạt-la, trăm ngàn Bạt-la thì gọi là Bạt-la phần, trăm ngàn Bạt-la phần thì gọi là Bà-yết- la. Từ đây về sau không phải là nơi đến của trí tính đếm. Đến phần vị không thể đến được này thì gọi là hạn lượng của một A-tăng-kỳ kiếp, hạn lượng của A-tăng-kỳ kiếp thứ hai-thứ ba cũng như vậy.

Có người nói: Không phải là nơi đến của trí tính đếm, cho nên gọi là A-tăng-kỳ kiếp. Nhưng có kinh nói đến sáu mươi số, trong đó có một số gọi là A-tăng-kỳ, tích tụ số Đại kiếp đến số này thì gọi là một A-tăng-kỳ kiếp. Như kinh ấy nói: "Có một Vô dư số bắt đầu là một, mười một là mười, mười mười là trăm, mười trăm là ngàn, mười ngàn là Bát-la-tiết-đà, mười Bát-la-tiết-đà là Lạc-xoa, mười Lạc-xoa là Át- để Lạc-xoa, mười Át-để Lạc-xoa là Câu-chi, mười Câu-chi là Mạt-đà, mười Mạt-đà là A-dữu-đa, mười A-dữu-đa là Đại A-dữu-đa, mười Đại A-dữu-đa là Na-dữu-đa, mười Na-dữu-đa là Đại Na-dữu-đa, mười Đại Na-dữu-đa là Bát-la Na-dữu-đa, mười Bát-la Na-dữu-đa là Đại Bát- la Na-dữu-đa, mười Đại Bát-la Na-dữu-đa là Căng-yết-la, mười Căng- yết-la là Đại Căng-yết-la, mười Đại Căng-yết-la là Tần-bạt-la, mười Tần-bạt-la là Đại Tần-bạt-la, mười Đại Tần-bạt-la là A-sô-bà, mười A-sô-bà là Đại A-sô-bà, mười Đại A-sô-bà là Tỳ-bà-ha, mười Tỳ-bà-ha là Đại Tỳ-bà-ha, mười Đại Tỳ-bà-ha là Ốt-tăng-già, mười Ốt-tăng-già là Đại Ốt-tăng-già, mười Đại Ốt-tăng-già là Bà-hát-na, mười Bà-hát-na là Đại Bà-hát-na, mười Đại Bà-hát-na là Địa-trí-bà, mười Địa-trí-bà là Đại Địa-trí-bà, mười Đại Địa-trí-bà là Hê-đô, mười Hê-đô là Đại Hê- đô, mười Đại Hê-đô là Yết-lạp-bà, mười Yết-lạp-bà là Đại Yết-lạp-bà, mười Đại Yết-lạp-bà là Ấn-đạt-la, mười Ấn-đạt-la là Đại Ấn-đạt-la, mười Đại Ấn-đạt-la là Tam-ma-bát-đam, mười Tam-ma-bát-đam là Đại Tam-ma-bát-đam, mười Đại Tam-ma-bát-đam là Yết-để, mười Yết-để là Đại Yết-để, mười Đại Yết-để là Khô-phiệt-la-xà, mười Khô-phiệt- la-xà là Đại Khô-phiệt-la-xà, mười Đại Khô-phiệt-la-xà là Lão-đạt-la, mười Lão-đạt-la là Đại Lão-đạt-la, mười Đại Lão-đạt-la là Bạt-lam, mười Bạt-lam là Đại Bạt-lam, mười Đại Bạt-lam là San-nhược, mười San-nhược là Đại San-nhược, mười Đại San-nhược là Tỳ-bộ-đa, mười Tỳ-bộ-đa là Đại Tỳ-bộ-đa, mười Đại Tỳ-bộ-đa là Bạt-la-sàm, mười Bạt-la-sàm là Đại Bạt-la-sàm, mười Đại Bạt-la-sàm là A-tăng-kỳ." Từ đây về sau còn có tám số cùng với trước là sáu mươi số, tích tụ thành một Đại kiếp, đến số A-tăng-kỳ thứ năm mươi hai này, thì gọi là một A-tăng-kỳ kiếp, A-tăng-kỳ kiếp thứ hai-thứ ba cũng lại như vậy.

Có người nói: Tôn giả Xá-lợi-tử dựa vào Tĩnh lự thứ tư khởi lên Túc trú tùy niệm trí thông, duyên với đời quá khứ đến kiếp đã đạt tới là hạn lượng của một A-tăng-kỳ kiếp, hạn lượng của A-tăng-kỳ kiếp thứ hai-thứ ba cũng như vậy.

Người ấy không nên đưa ra cách nói này, bởi vì hạn lượng của A-tăng-kỳ kiếp không phải là cảnh thuộc trí Túc trú của Xá-lợi-tử… Trong này, hoặc là nói hạn lượng của ba A-tăng-kỳ kiếp, đều là cảnh thuộc trí Túc

trú của Xá-lợi-tử, không nên nói đến kiếp của trí ấy đã đạt tới là hạn lượng của một A-tăng-kỳ kiếp.

Có người nói: Dựa vào một công hạnh bố thí để phân biệt về hạn lượng của ba A-tăng-kỳ kiếp, nghĩa là nếu lúc Bồ-tát tuy thực hành bố thí mà chưa có thể rời bỏ tất cả các vật-bố thí tất cả ruộng đất, đến đây gọi là A-tăng-kỳ kiếp thứ nhất; nếu lúc Bồ-tát có thể thực hành bố thí, cũng có thể rời bỏ tất cả các vật mà chưa có thể bố thí tất cả ruộng đất, hoặc là có thể bố thí tất cả ruộng đất mà chưa có thể rời bỏ tất cả các vật, đến đây gọi là A-tăng-kỳ kiếp thứ hai; nếu lúc Bồ-tát có thể thực hành bố thí, cũng có thể rời bỏ tất cả các vật và có thể bố thí tất cả ruộng đất, đến đây gọi là A-tăng-kỳ kiếp thứ ba.

Có người nói: Dựa vào sự việc đã gặp Đức Phật để phân biệt về hạn lượng của ba A-tăng-kỳ kiếp, đó là ở quá khứ lâu xa lúc con người sống thọ một trăm tuổi, có Đức Phật danh hiệu Thích-ca Mâu-ni xuất hiện ở thế gian, sinh trong dòng họ Thích-ca thuộc đẳng cấp Sát-đế-lợi, mẹ tên là Ma ha Ma-da, cha tên là Tịnh Phạn, con trai tên là La-hầu-la, kinh thành tên gọi Kiếp-tỷ-la-phiệt-suất-đổ, phần nhiều là các dòng họ Thích, đệ tử thị giả tên là A-nan-đà, hai đệ tử bậc nhất tên là Xá-lợi-tử và Đại Mục-kiền-liên. Lúc bấy giờ thế gian tăng mạnh về năm Trược, bị sự bức bách của sinh-già-chết, ngu si mù lòa không có người dẫn dắt. Đức Phật Thế Tôn ấy dùng nguyện lực Từ Bi xuất hiện trong hoàn cảnh ấy, tinh tiến tăng thượng giáo hóa dẫn dắt các hữu tình chưa hề tạm thời dừng nghỉ. Bởi vì như vậy, cho nên bị gió làm cho khốn đốn, vai và lưng có bệnh. Lúc ấy có người thợ gốm tên gọi Quảng Xí, Đức Phật biết thời cơ đã đến, liền bảo thị giả A-nan-đà rằng: Ông có thể đi đến nhà người thợ gốm Quảng Xí xin dầu mè và nước ấm, để xoa rửa cho Ta. Thị giả cung kính vâng dạ đi đến nhà người thợ gốm, đứng trước Quảng Xí dùng lời thân ái thăm hỏi rồi, phương tiện ca ngợi Đức Phật có đủ loại công đức, Giới-Định-Tuệ thù thắng, ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp tùy thuộc, ánh sáng tròn rực rỡ, trí kiến vô ngại, biện tài không vướng mắc. Lại nói cho Quảng Xí biết rằng: Như vậy, Đức Thế Tôn nếu không xuất gia, thì sẽ làm vị Luân Vương cai quản bốn châu thế giới, tôi và các ông cùng tất cả thế gian đều làm tôi tớ, nhưng nay rời bỏ ngôi vua như vậy, xuất gia tu hành khổ hạnh, đạt được quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề, đầy đủ tất cả trí kiến, đoạn dứt tất cả lưới nghi, thực hiện tất cả quyết định, có thể bàn luận tận cùng nguồn gốc tất cả mọi vấn đề, nhìn các hữu tình giống như con một, nay ở không xa nơi này, nhưng vì cứu giúp nỗi khổ của các ông cho nên luôn luôn vượt qua đường xa, bị gió làm cho khốn đốn, vai và lưng đau nhức đã lâu, cần đến dầu mè và nước

ấm, cho nên tự mình đến đây, có thể được thì giúp cho chăng? Lúc bấy giờ Quảng Xí nghe rồi vui mừng ca ngợi là chưa từng có, làm thế nào ở chốn nhân gian mà có công đức này? Tức thì trả lời Tôn giả rằng: Nhân giả nay tạm thời trở về, tôi sẽ như lời dạy tự mình đi đến nơi Đức Phật. Thị giả đi chưa lâu, Quảng Xí lập tức sắp xếp dầu mè sống và nước thơm nóng ấm, mang đi đến chỗ Đức Phật. Đức Phật từ xa trông thấy, vì làm cho người ấy gieo trồng căn thiện, cho nên cởi bỏ những áo khác, chỉ giữ lại áo lót thân, ngồi chờ đợi bên bàn. Quảng Xí đến rồi phát tâm thuần tịnh, lấy dầu đã mang đến cung kính khéo léo xoa vào vai và lưng Đức Phật, dùng đủ cách để xoa bóp, lại dùng nước thơm nóng ấm rưới lên để rửa sạch. Lúc ấy trừ hết bệnh gió, Đức Phật cảm thấy thư thái, dùng âm thanh hiền từ dịu dàng an ủi vỗ về Quảng Xí. Người ấy nghe trong lòng hoan hỷ liền phát nguyện rằng: Nguyện cho con ở đời vị lai sẽ được làm Phật, danh hiệu-quyến thuộc-thời gian-xứ sở-đệ tử, giống như Đức Thế Tôn hôm nay không có gì khác!

Nên biết rằng người thợ gốm ấy chính là Bồ-tát Thích-ca, nhờ vào nguyện xưa cho nên bây giờ danh hiệu-quyến thuộc… như xưa không khác. Nhưng từ lúc ở nơi Đức Phật ấy phát nguyện này về sau, cho đến sự việc gặp được Đức Như Lai Bảo Kế, thì gọi là hết A-tăng-kỳ kiếp thứ nhất. Từ đây về sau cho đến sự việc gặp được Đức Như Lai Nhiên Đăng, thì gọi là hết A-tăng-kỳ kiếp thứ hai. Tiếp tục từ đây về sau cho đến sự việc gặp được Đức Như Lai Thắng Quán, thì gọi là hết A-tăng- kỳ kiếp thứ ba. Từ đây về sau tiếp tục trải qua chín mươi mốt kiếp tu nghiệp của tướng vi diệu, lúc đến sự việc gặp được Đức Phật Ca-diếp- ba thì mới được tròn đầy.

Có người nói: Có ba loại A-tăng-kỳ kiếp, một là A-tăng-kỳ kiếp, hai là A-tăng-kỳ sinh, ba là A-tăng-kỳ diệu hạnh. A-tăng-kỳ kiếp, đó là dùng Đại kiếp làm một tích tụ đến Lạc-xoa Câu-chi, lần lượt chuyển tiếp cho đến vượt qua số Bà-yết-la. A-tăng-kỳ sinh, đó là mỗi một kiếp trải qua vô số đời sống. A-tăng-kỳ diệu hạnh, đó là mỗi một kiếp tu tập vô số diệu hạnh. Nhờ vào ba loại A-tăng-kỳ này, chứng được quả vị Vô thượng Chánh giác.

Điều này không hợp lý. Nghĩa như thật thì trong này chỉ nói là trải qua ba A-tăng-kỳ kiếp, tu hành viên mãn.

-oOo-

LUẬN A TỲ ĐẠT MA ĐẠI TỲ BÀ SA

QUYỂN 178

LUẬN VỀ BẤT HOÀN (Phần 5)

Hỏi: Như nói Bồ-tát trải qua ba A-tăng-kỳ kiếp, tu bốn Ba-la-mật- đa mà được tròn đầy, đó là Bố thí Ba-la-mật-đa, Trì giới Ba-la-mật-đa, Tinh tiến Ba-la-mật-đa, Bát nhã Ba-la-mật-đa, nên nói ở thời gian nào, tu Ba-la-mật-đa nào mà được tròn đầy?

Đáp: Có người nói: Nếu lúc Bồ-tát thực hành bố thí, không bị sự keo kiệt bủn xỉn làm cho khuất phục, thì nên nói là Bố thí Ba-la-mật-đa tròn đầy; lúc trì giới thanh tịnh không bị giới ác làm cho xen tạp, thì nên nói là Trì giới Ba-la-mật-đa tròn đầy; lúc phát khởi tinh tiến không bị sự lười nhác uể oải làm lui sụt hư hoại, thì nên nói là Tinh tiến Ba-la-mật- đa tròn đầy; lúc tu Bát-nhã không bị Tuệ ác làm rối loạn, thì nên nói là Bát nhã Ba-la-mật-đa tròn đầy.

Có người nói: Nếu lúc Bồ-tát chỉ vì tâm Bi mà có thể bố thí tất cả các loại vật dụng, cho đến thân mạng-đầu mắt-tủy não cũng không có một niệm tâm luyến tiếc, thì đến đây gọi là Bố thí Ba-la-mật-đa tròn đầy; nếu lúc Bồ-tát bất ngờ bị hữu tình chặt đứt tay chân, cắt xẻo tai mũi, hoặc là chặt đứt thân thể, thậm chí không còn nguyên vẹn dù chỉ bằng hạt cải, lúc bấy giờ không có một niệm tâm tức giận, huống gì muốn trả thù, thì đến đây gọi là Trì giới Ba-la-mật-đa tròn đầy; nếu lúc Bồ-tát bởi vì tâm dũng mãnh, trải qua bảy ngày đêm mà đứng một chân, không chớp mắt mà nhìn, dùng một bài tụng ca ngợi Đức Phật, mà không có một niệm tâm uể oải mệt mỏi, thì đến đây gọi là Tinh tiến Ba-la-mật-đa tròn đầy; nếu lúc Bồ-tát tên gọi Cù-tần-đà tinh tiến cầu mong Bồ-đề, thông minh trí tuệ bậc nhất, luận bàn chất vấn không ai sánh bằng, thế gian đều ca ngợi ngưỡng mộ, thì đến đây gọi là Bát nhã Ba-la-mật-đa tròn đầy.

Hoặc là nói: Cho đến ngồi nơi tòa Kim cang, tiến vào Định Kim cang dụ, sắp chứng được quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề, đến đây mới gọi là Bát nhã Ba-la-mật-đa tròn đầy.

Nói như vậy thì những cách nói này đều dựa vào một thời gian, một

công hạnh tăng thượng mà nói là tròn đầy; nghĩa như thật thì lúc đạt được Tận trí, bốn Ba-la-mật-đa này mới được tròn đầy.

Sư nước ngoài nói: "Có sáu Ba-la-mật-đa, đó là bốn loại ở trước thêm vào Nhẫn và Tĩnh lự."

Các luận sư của nước Ca-thấp-di-la nói: "Hai Ba-la-mật-đa sau tức là do bốn loại trước thâu nhiếp, đó là Nhẫn thâu nhiếp ở trong Giới, Tĩnh lự thâu nhiếp ở trong Bát-nhã, bởi vì lúc Giới-Tuệ đầy đủ thì gọi là Bát-nhã đầy đủ."

Lại có người nói khác: Sáu Ba-la-mật-đa, đó là bốn loại ở trước thêm vào Văn và Nhẫn. Nếu lúc Bồ-tát có thể thọ trì tất cả mười hai phần giáo của Đức Như Lai đã nói, thì đến đây gọi là Văn Ba-la-mật-đa tròn đầy. Nếu lúc Bồ-tát tự nói mình tu Nhẫn nhục, bị vua Yết-lợi cắt xẻ thân thể, mà không hề có một niệm tâm tức giận, lại dùng lời nói hiền từ thề làm lợi ích cho nhà vua, thì đến đây gọi là Nhẫn Ba-la-mật-đa tròn đầy.

Hai loại này cũng thâu nhiếp ở trong bốn loại trước, Nhẫn nói như trước, Văn thuộc về Tuệ, tuy các công đức đều có thể gọi là Ba-la-mật- đa, mà dựa vào nghĩa tăng thượng biểu hiện rõ ràng để nói, cho nên chỉ có bốn loại.

Hỏi: Lúc tu bốn Ba-la-mật-đa này, ở mỗi một A-tăng-kỳ kiếp gặp được sự việc của mấy Đức Phật?

Đáp: A-tăng-kỳ kiếp thứ nhất gặp được sự việc của bảy vạn năm ngàn Đức Phật, vị đầu tiên danh hiệu Thích-ca Mâu-ni, vị cuối cùng danh hiệu Bảo Kế; A-tăng-kỳ kiếp thứ hai gặp được sự việc của bảy vạn sáu ngàn Đức Phật, vị đầu tiên chính là Bảo Kế, vị cuối cùng danh hiệu Nhiên Đăng; A-tăng-kỳ kiếp thứ ba gặp được sự việc của bảy vạn bảy ngàn Đức Phật, vị đầu tiên chính là Nhiên Đăng, vị cuối cùng danh hiệu Thắng Quán; ở trong chín mươi mốt kiếp tu về nghiệp dị thục của tướng, gặp được sự việc của sáu Đức Phật, vị đầu tiên chính là Thắng Quán, vị cuối cùng danh hiệu Ca-diếp-ba.

Nên biết đây là dựa vào Bồ-tát Thích-ca mà nói, nếu là Bồ-tát khác thì không nhất định. Như vậy Bồ-tát Thích-ca ở thời Đức Phật Ca- diếp-ba, bốn Ba-la-mật-đa trước tiên đầy đủ tùy theo từng phần, nghiệp dị thục của tướng nay khéo tròn đầy, từ châu Thiệm Bộ này chết đi, sinh đến cõi trời Đổ-sử-đa, nhận lấy dị thục cuối cùng ở cõi trời.

Hỏi: Vì sao Bồ-tát chỉ ở cõi trời Đổ-sử-đa, nhận lấy dị thục cuối cùng ở cõi trời, chứ không ở cõi trời khác?

Đáp: Hiếp Tôn giả nói: "Điều này không cần phải hỏi, nếu ở trên hay

là ở dưới thì cũng đều sinh lòng nghi ngờ, nhưng mà sinh ở cõi trời ấy không trái với pháp tướng."

Có người nói: Cõi trời Đổ-sử-đa là cõi trời ở giữa một ngàn thế giới, pháp giống như phần rốn, vì thế cho nên Bồ-tát chỉ sinh đến cõi trời ấy.

Có người nói: Cõi trời phía dưới thì phóng túng, cõi trời phía trên thì căn chậm chạp, chỉ có cõi trời Đổ-sử-đa lìa xa hai lỗi lầm, bởi vì Bồ- tát lo sợ phóng túng-chán ngán căn chậm chạp, cho nên chỉ sinh đến cõi trời ấy.

Có người nói: Cõi trời phía dưới thì phiền não sắc bén, cõi trời phía trên thì phiền não thường xuyên hiện hành, cõi trời Đổ-sử-đa lìa xa hai loại này, bởi vì Bồ-tát chán ngán hai loại phiền não này, cho nên chỉ sinh đến cõi trời ấy.

Có người nói: Bồ-tát chỉ tạo tác tăng trưởng về nghiệp của cõi trời ấy, cho nên chỉ sinh đến cõi trời ấy.

Có người nói: Chỉ riêng thọ lượng ở cõi trời Đổ-sử-đa tương xứng với thời gian Bồ-tát thành Phật và nghiệp chín muồi của người châu Thiệm Bộ được thấy Đức Phật. Nghĩa là loài người trải qua năm mươi bảy Câu-chi sáu mươi ngàn năm, thì căn thiện của người hóa độ và người được hóa độ sẽ chín muồi, đó chính là thọ lượng ở cõi trời Đổ- sử-đa, vì thế cho nên Bồ-tát chỉ sinh đến cõi trời ấy. Nếu sinh ở cõi trời phía trên thì thọ lượng chưa hết mà căn thiện đã chín muồi, nếu sinh ở cõi trời phía dưới thì thọ lượng đã hết mà căn thiện chưa chín muồi, cho nên không sinh đến những nơi ấy.

Có người nói: Bởi vì giáo hóa vô lượng chúng Bồ-tát vui với pháp ở cõi trời Đổ-sử-đa, nghĩa là trong cõi trời ấy có chín sảnh đường, mỗi sảnh đường có số lượng là mười hai Du-thiện-na, Bồ-tát vui với pháp thường quy tụ trong đó, Bồ-tát Bổ xứ ngày đêm sáu thời luôn luôn nói pháp cho họ, ở cõi trời phía trên-phía dưới không có sự việc như vậy.

Có người nói: Bồ-tát luôn luôn ưa thích thực hành Trung đạo (xử trung), cho nên ở đời cuối cùng sinh trong cõi trời Đổ-sử-đa, từ cõi trời ấy chết rồi sinh vào kinh thành Kiếp-tỷ-la-phiệt-suất-đổ thuộc Trung Ấn Độ, vào thời gian nửa đêm vượt thành xuất gia, dựa vào công hạnh Trung đạo thành tựu quả vị Đẳng Chánh Giác, vì các hữu tình nói về pháp Trung đạo, ở thời gian nửa đêm mà nhập Niết-bàn. Vì vậy chỉ sinh đến cõi trời Đổ-sử-đa, chứ không ở cõi trời nào khác.

Hỏi: Vì sao Bồ-tát ở thân cuối cùng chỉ từ cõi trời chết đi chứ không từ loài người mà xuất hiện?

Đáp: Có người nói: Bởi vì ở trong các nẻo thì nẻo trời là thù thắng.

Có người nói: Bởi vì từ trên cõi trời mà xuất hiện cho nên loài người đều tôn trọng.

Có người nói: Bởi vì lúc từ cõi trời xuất hiện thì có sự việc thần biến, từ loài người xuất hiện thì không có sự việc như vậy.

Có người nói: Trong loài người không có thọ lượng như vậy, bởi vì thọ lượng ở cõi trời Đổ-sử-đa tương xứng với thời gian chín muồi của căn thiện.

Có người nói: Bởi vì lực tăng thượng do nghiệp của chúng Bồ-tát vui với pháp ở cõi trời Đổ-sử-đa, khiến cho Bồ-tát này nhất định phải sinh ở cõi trời ấy để thuyết pháp cho họ.

Có người nói: Bởi vì lúc ấy Bồ-tát có nghiệp sinh ở cõi trời cho nên nhất định phải đón nhận.

Có người nói: Nếu Bồ-tát nhiều lần sinh trong loài người mà thành Phật, thì bởi vì sinh tâm chán ngán thấp hèn cho nên không tiếp nhận hóa độ.

Hỏi: Vì sao không thành tựu Chánh Đẳng Giác ngay nơi cõi trời Đổ-sử-đa, mà cần phải đến giữa loài người?

Đáp: Bởi vì thuận theo pháp của chư Phật, nghĩa là hằng hà sa số chư Phật Thế Tôn đều ở giữa loài người mà tiếp nhận quả vị Chánh giác.

Lại nữa, bởi vì thân của loài trời không phải là nơi nương tựa của quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề.

Lại nữa, bởi vì chỉ có trí tuệ-nhận thức mạnh mẽ sắc bén của loài người mới có thể đạt được quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề.

Lại nữa, bởi vì chư Thiên đam mê theo dục lạc tuyệt vời, đối với sự việc tiến vào Chánh tánh ly sinh-đạt được quả-lìa nhiễm… không phải là tăng thượng.

Lại nữa, căn tánh của loài người mạnh mẽ sắc bén, phần nhiều có thể tiếp nhận Chánh pháp của Như Lai; loài trời thì không như vậy.

Lại nữa, bởi vì thân cuối cùng của Bồ-tát cần phải nhận lấy Thai sinh, mà loài trời chỉ là Hóa sinh.

Lại nữa, có hai sự việc để Đức Phật xuất hiện ở thế gian:

1. Có tâm chán ngán.
2. Có trí mạnh mẽ sắc bén. Nên biết hai sự việc này chỉ có ở loài người.

Lại nữa, loài người và loài trời đều là pháp khí, bởi vì muốn thâu nhiếp cả hai, cho nên xuất hiện giữa loài người; nếu ở trên cõi trời thì loài

người không biết nhờ đâu mà đến được. Hơn nữa, không có thể khiến cho ở trên cõi trời thành Phật mà đến giáo hóa giữa loài người, loài người sẽ nghi ngờ Đức Phật là do huyễn hóa đã tạo ra, cho nên không tiếp nhận giáo pháp. Vì thế cho nên Bồ-tát thành Phật giữa loài người.

Nhưng Bồ-tát ở cung trời Đổ-sử-đa, thọ lượng ở đó không còn, lúc sắp sinh xuống cõi dưới, trước tiên quán xét bốn sự việc:

1. Quán xét về thời gian.
2. Quán xét về xứ sở.
3. Quán xét về chủng tánh.
4. Quán xét về nơi nương tựa.

Quán xét về thời gian, đó là quán xét đối với thế gian, Đức Phật nên xuất thế ở trong thời gian nào? Liền biết là Đức Phật nên xuất thế từ lúc loài người sống thọ tám vạn tuổi cho đến một trăm tuổi, nay chính là đúng lúc.

Quán xét về xứ sở, đó là quán xét đối với thế gian, Đức Phật nên xuất thế ở xứ sở nào? Liền biết là Đức Phật nên xuất thế ở vùng Trung Ấn Độ thuộc châu Thiệm Bộ, chứ không phải là trong chốn biên địa Đạt-tự Miệt-lệ-xa.

Quán xét về chủng tánh, đó là quán xét đối với thế gian, Đức Phật nên xuất thế trong chủng tánh nào? Liền biết là Đức Phật nên xuất thế hoặc là trong chủng tánh Sát-đế-lợi, hoặc là chủng tánh Bà-la-môn, tùy theo lúc ấy chủng tánh nào cường thịnh thì sinh trong chủng tánh ấy.

Quán xét về nơi nương tựa, đó là quán xét đối với thế gian, những người nữ nào có cha mẹ-chủng tánh thảy đều thanh tịnh, thai tạng rộng rãi không có những lỗi lầm, có thể duy trì sức lực Na-la-diên của bồ-tát mà hợp thành thân, trải qua thời gian mười tháng? Liền biết trong châu Thiệm Bộ có người nữ này, tên gọi như vậy, có thể làm nơi nương tựa. Bồ-tát quán xét bốn sự việc như vậy rồi, liền bảo với Thiên tử

Hành Đạo rằng: Ông có thể đi khắp nơi nói cho Thiên chúng ở cung trời Đổ-sử-đa biết, sau bảy ngày nữa Bồ-tát Bổ xứ sẽ từ nơi này chết đi, sinh vào kinh thành Kiếp-tỷ-la-phiệt-suất-đổ thuộc Trung Ấn Độ ở châu Thiệm Bộ, làm nhiều Phật sự, những ai muốn đi theo thì nên phát nguyện hướng đến! Thiên tử Hành Đạo hoan hỷ vâng dạ cung kính, nhờ vào thần thông nhanh chóng vốn có của mình, đi khắp nơi báo tin cho Thiên chúng ở cung trời Đổ-sử-đa biết: Các vị Thiên Tiên nên biết! Sau bảy ngày nữa Bồ-tát Bổ xứ sẽ đi xuống châu Thiệm Bộ, sinh trong kinh thành Kiếp-tỷ-la-phiệt-suất-đổ thuộc Trung Ấn Độ, làm nhiều Phật sự, các vị Nhân giả và

Thiên chúng nào muốn đi theo thì nên phát nguyện hướng đến! Lúc bấy giờ liền có năm trăm vị Thiên tử, theo tiếng nói lập tức phát nguyện sinh theo xuống trần gian. Đến ngày thứ bảy, Bồ- tát liền cùng với năm trăm vị Thiên tử, cùng lúc từ cung trời Đổ-sử-đa chết đi, cùng lúc mà sinh vào kinh thành Kiếp-tỷ-la-phiệt-suất-đổ thuộc Trung Ấn Độ ở châu Thiệm Bộ, đều là người dòng họ Thích, giúp đỡ truyền bá thực hiện Phật sự. Nên biết đây là nói về Bồ-tát Thích-ca, nếu như Bồ-tát khác thì tùy theo sự thích hợp của họ.

Như nói: "Này Từ Thị, ông ở đời vị lai sẽ được làm Phật…" Hỏi: Vì sao soạn ra phần luận này?

Đáp: Bởi vì muốn phân biệt nghĩa lý trong kinh, như "Đức Thế Tôn nói: Ở đời vị lai, lúc tuổi thọ của con người là tám vạn tuổi, châu Thiệm Bộ này đất đai rộng rãi, dân chúng đông đúc, yên ổn vui sướng, thôn xóm thành ấp rộn tiếng gà gáy, người nữ năm trăm tuổi bấy giờ mới đi lấy chồng. Lúc ấy thân thể mọi người tuy mạnh mẽ xinh đẹp, nhưng có ba điều lo sợ:

1. Đại tiện-tiểu tiện.
2. Nóng lạnh đói khát.
3. Tham dâm già bệnh.

Có vị Chuyển Luân Vương tên gọi Hưởng Khư, uy lực điều phục bốn phương, như pháp cảm hóa thế gian, thành tựu bảy vật quý báu, đó là vòng xe quý báu, voi quý báu, ngựa quý báu, ngọc quý báu, người nữ quý báu, quan chủ quản kho tạng quý báu, quan chủ quản binh lính quý báu. Đầy đủ ngàn người con, dũng cảm mạnh mẽ, khôi ngô tuấn tú, có năng lực đẩy lùi quân địch. Mặt đất bằng phẳng như bàn tay, cho đến tận cùng bờ biển rộng không có gò nổng-hố hầm-sỏi đá-gai góc. Mọi người đều hòa thuận, tâm Từ hướng về nhau, không dụng binh khí, dùng lẽ phải tự giữ mình. Nhà vua có đài quý báu, cao một ngàn Tầm- chiều rộng mười sáu Phân, trang nghiêm đủ loại mang đi cúng dường ruộng phước, bắt đầu nghiệp phước to lớn. Sau đó không lâu cạo bỏ râu róc, dùng tín tâm xuất gia chịu khó tu Phạm hạnh, ở trong pháp hiện tại thành bậc A-la-hán, liền có thể tự biết rõ: Đời sống của mình đã hết, Phạm hạnh đã lập, việc làm đã xong, không nhận lấy thân đời sau, được nhập Niết-bàn.

Lúc Đức Phật nói lời này xong, Tỳ kheo A-thị-đa ở trong chúng, liền từ chỗ ngồi đứng dậy mà cung kính chắp tay thưa với Đức Phật rằng: Thưa Đức Thế Tôn! Con nguyện ở đời vị lai sẽ được làm Luân Vương Hưởng Khư ấy, uy lực điều phục bốn phương, như pháp cảm hóa thế gian…, cho đến được nhập Niết-bàn.

Lúc bấy giờ Đức Thế Tôn quở trách Tỳ kheo ấy rằng: Người ngu si, vì sao không muốn một lần chết mà cầu mong nhiều lần chết, nguyện ở đời vị lai làm Luân Vương Hưởng Khư…? Nhưng mà A-thị-đa, như ông đã nguyện, ông ở đời vị lai nhất định được làm Luân Vương Hưởng Khư ấy, uy lực điều phục bốn phương, như pháp cảm hóa thế gian…, cho đến được nhập Niết-bàn.

Lại bảo với Đại chúng: Ở đời vị lai, lúc tuổi thọ của con người là tám vạn tuổi, có Đức Phật xuất thế, danh hiệu là Từ Thị Như Lai-Ứng Chánh Đẳng Giác-Minh Hạnh Viên Mãn-Thiện Thệ-Thế Gian Giải-Vô Thượng Sĩ-Điều Ngự Trượng Phu-Thiên Nhân Sư-Phật-Thế Tôn, đầy đủ mười hiệu như Ta bây giờ. Đức Phật ấy lại ở giữa chúng Thiên ma, Đại Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn, trời người của thế gian này, tự xưng Ta là Như Lai-Ứng Chánh Đẳng Giác cho đến Phật-Thế Tôn, đầy đủ mười hiệu, chứng được thần thông trí tuệ tự tại, cũng tự biết rõ ràng đời sống của mình đã hết, Phạm hạnh đã lập, việc làm đã xong, không nhận lấy thân đời sau, được nhập Niết-bàn. Lại vì hữu tình tuyên thuyết về Chánh pháp, nêu bày rõ ràng Sơ thiện-Trung thiện-Hậu thiện, văn nghĩa tuyệt vời thuần nhất, đầy đủ trọn vẹn Phạm hạnh trong sáng, đích thực mở bày Phạm hạnh cho các hàng trời-người, khiến cho tu học nhiều hơn, vô lượng trăm ngàn đồ chúng vây quanh, vô lượng đệ tử họ Từ hầu hạ bảo vệ, làm lợi ích to lớn. Như Ta bây giờ cũng ở giữa chúng Thiên ma, Đại Phạm… của thế gian này, nói rộng cho đến… vô lượng đệ tử họ Thích hầu hạ bảo vệ, làm lợi ích to lớn.

Lúc Đức Phật nói lời này xong, Bồ-tát Từ Thị ở trong chúng, liền từ chỗ ngồi đứng dậy mà cung kính chắp tay thưa với Đức Phật rằng: Thưa Đức Thế Tôn! Con nguyện ở đời vị lai sẽ được làm Từ Thị Như Lai-Ứng Chánh Đẳng Giác… ấy, nói rộng cho đến… như Đức Thế Tôn bây giờ cũng được vô lượng đệ tử họ Thích hầu hạ bảo vệ, làm lợi ích to lớn.

Lúc bấy giờ Đức Thế Tôn nghe vị ấy nói xong, khởi lên trí đời trước (tiền tế trí), quán xét tỉ mỉ Từ Thị trải qua ba Vô số kiếp tu bốn Ba-la-mật-đa được đầy đủ trọn vẹn hay không? Liền biết như thật là đều đã đầy đủ trọn vẹn. Lại quán xét tỉ mỉ vị ấy trong trăm Đại kiếp tu về nghiệp dị thục của tướng được đầy đủ trọn vẹn hay không? Liền biết như thật là trừ ra nghiệp của tướng sắc vàng, còn lại đều đầy đủ trọn vẹn.

Vì vậy, Đức Phật bảo với Đại sinh chủ Kiều-đáp-di rằng: Nay cô có thể đem chiếc y sắc vàng này cúng dường chúng Tăng, nếu cúng dường Tăng thì nên biết cũng gọi là cúng dường cho Ta. Lúc ấy Đức Phật biết trước là chúng Tăng có được chiếc y sắc vàng này rồi, có là nhân duyên

thích hợp để Từ Thị có được, Từ Thị có được rồi nhất định sẽ cúng dường cho Ta, nói rộng cho đến… nhờ vào nhân duyên này mà đầy đủ nghiệp của sắc vàng."

Trong này, có người nói: "Đức Phật muốn làm cho vị ấy đầy đủ nghiệp của sắc vàng, bảo với A-nan-đà rằng: Ông hãy tìm cho Ta chiếc y sắc vàng mới, Ta muốn cầm trao Từ Thị. Lúc ấy A-nan-đà như lời dạy tìm được chiếc y, lập tức quỳ gối dâng lên. Đức Thế Tôn có được chiếc y rồi bảo với Từ Thị rằng: Ông hãy nhận lấy chiếc y sắc vàng mới này. Từ Thị vâng theo lời dạy nhưng không dám nhận lấy. Đức Phật bảo rằng: Cứ nhận lấy, tùy ý ông dâng cúng Đức Phật là bậc Thượng Thủ của Tăng. Nguyên cớ thế nào? Bởi vì ông ở đời vị lai sẽ nhờ vào phước này để làm lợi ích cho thế gian. Từ Thị cung kính vâng dạ nhận lấy rồi dâng cúng Đức Phật là bậc Thượng Thủ của Tăng. Nhờ vào nhân duyên này mà đầy đủ nghiệp của sắc vàng."

Có người nói: Nghiệp về tướng sắc vàng của Từ Thị cũng đầy đủ trọn vẹn trước đó, nhưng Đức Phật dạy vị ấy cúng dường chiếc y sắc vàng, là bởi vì muốn hiển bày về công đức tuy đầy đủ trọn vẹn mà không hề thỏa mãn, cho nên khuyến khích dẫn dắt người khác.

"Đức Thế Tôn khởi lên trí đời trước quán xét về đời trước của Từ Thị rồi, lại khởi lên trí đời sau (hậu tế trí) quán xét tỉ mỉ ở vị lai lúc tuổi thọ của con người là tám vạn tuổi, Từ Thị có đạt được thân sở y của quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề hay không? Liền biết là Từ Thị có điều đó. Lại quán sát tỉ mỉ là Từ Thị vào lúc bấy giờ có khả năng đạt được quả vị Bồ-đề hay không? Liền biết là Từ Thị có khả năng. Đức Thế Tôn quán xét đời trước-đời sau của Từ Thị rồi, liền khen ngợi Bồ- tát Từ Thị rằng: Khéo thay, khéo thay! Ông có thể phát khởi Tư nguyện rộng lớn này vì muốn làm lợi ích cho vô lượng hữu tình, thật là niềm vui tốt lành!

Lại bảo với Từ Thị: Như ông đã nguyện, ông ở đời vị lai lúc tuổi thọ của con người là tám vạn tuổi, sẽ được làm Phật danh hiệu là Từ Thị Như Lai-Ứng Chánh Đẳng Giác…, nói rộng cho đến… vô lượng đệ tử họ Từ hầu hạ bảo vệ, làm lợi ích to lớn. Như Ta bây giờ cũng được vô lượng đệ tử họ Thích hầu hạ bảo vệ, làm lợi ích to lớn."

Hỏi: A-thị-đa và Từ Thị đều cầu mong thân lúc tám vạn tuổi ở vị lai, vì sao Đức Thế Tôn quở trách A-thị-đa mà lại khen ngợi Từ Thị?

Đáp: Tỳ kheo A-thị-đa đối với quả báo khởi lên ý thích, khởi lên thắng giải, khởi lên vui mừng, khởi lên hy vọng, khởi lên mong cầu, cho nên Đức Phật quở trách; Bồ-tát Từ Thị đối với quả báo không khởi lên ý

thích cho đến mong cầu, nhưng khởi lên ý thích cho đến mong cầu đối với việc làm lợi ích yên vui cho hữu tình, cho nên Đức Phật khen ngợi.

Lại nữa, A-thị-đa mong cầu địa vị Luân Vương của thế gian, cho nên Đức Phật quở trách; Từ Thị mong cầu địa vị Luân Vương xuất thế gian, cho nên Đức Phật khen ngợi. Như vậy, cầu địa vị của Luân Vương lưu chuyển, cầu địa vị của Luân Vương hoàn diệt nói cũng như vậy.

Lại nữa, A-thị-đa mong cầu lợi ích yên vui cho mình, cho nên Đức Phật quở trách; Từ Thị mong cầu lợi ích yên vui cho người, cho nên Đức Phật khen ngợi. Như vậy, cầu lợi ích cho mình, cầu lợi ích cho người nói cũng như vậy.

Trong kinh tuy nói ra điều này: "Này Từ Thị, ông ở đời vị lai lúc tuổi thọ của con người là tám vạn tuổi, sẽ được làm Phật danh hiệu là Từ Thị Như Lai-Ứng Chánh Đẳng Giác…" Nhưng mà không phân biệt đây là trí nào, trí này đối với nơi nào mà chuyển? Kinh ấy là nơi nương tựa căn bản của luận này, điều gì trong kinh không nói, thì nay cần phải nói, cho nên soạn ra phần luận này.

Hỏi: Như nói: "Này Từ Thị, ông ở đời vị lai lúc tuổi thọ của con người là tám vạn tuổi, sẽ được làm Phật danh hiệu là Từ Thị Như Lai- Ứng Chánh Đẳng Giác." Đây là trí nào?

Đáp: Nhân trí và Đạo trí, đây chính là trí của Như Lai quán sát về đời trước-đời sau của Từ Thị.

Hỏi: Trí này đối với nơi nào mà chuyển?

Đáp: Có lúc đối với nghiệp dị thục của tướng mà chuyển, vì vậy gọi là Nhân trí; có lúc đối với Căn-Lực-Giác chi-Đạo chi vô lậu đạt được quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề mà chuyển, vì vậy gọi là Đạo trí. Đây chính là trí của Như Lai quán sát về nghiệp dị thục của tướng ở đời trước của Từ Thị đầy đủ trọn vẹn hay không đầy đủ trọn vẹn, trí đối với nhân mà chuyển cho nên gọi là Nhân trí; và là trí quán sát về Căn-Lực-Giác chi-Đạo chi vô lậu đạt được quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề ở đời sau của Từ Thị, trí đối với đạo mà chuyển cho nên gọi là Đạo trí.

Nhưng mà hai trí này đều là Thế tục trí thâu nhiếp, bởi vì không phải là trí của mười sáu hành tướng. Hoặc có lúc trong thân tuy có ba mươi hai tướng mà không có Thánh pháp, đó là dị sinh như Chuyển Luân Vương. Hoặc có lúc trong thân tuy có Thánh pháp mà không có ba mươi hai tướng, đó là không phải Luân Vương và hàng Thanh văn. Hoặc có lúc trong thân có ba mươi hai tướng cũng có Thánh pháp mà không phải là Phật, đó là như Luân Vương Hưởng Khư, đã có được Thánh đạo. Hoặc có lúc trong

thân không có ba mươi hai tướng cũng không có Thánh pháp, đó là những dị sinh còn lại. Tất cả thân Phật chắc chắn có ba mươi hai tướng Vô thượng và Thánh pháp Vô thượng, đó là Chánh đẳng Bồ-đề.

Hỏi: Vì sao trong này chỉ nói là đối với nghiệp dị thục của tướng mà chuyển gọi là Nhân trí, không nói là đối với bốn Ba-la-mật-đa mà chuyển gọi là Nhân trí?

Đáp: Cần phải nói mà không nói, thì nên biết là nghĩa này có khác.

Lại nữa, nghiệp dị thục của tướng thì gần, bốn Ba-la-mật-đa thì xa, trong này nói đến gần chứ không nói đến xa.

Lại nữa, lúc tu về nghiệp dị thục của tướng thì biểu hiện rõ ràng, trời-người cùng nhận biết; bốn Ba-la-mật-đa thì không như vậy, trong này thuận theo hiển bày mà nói.

Lại nữa, lúc tu về nghiệp dị thục của tướng, thì Bồ-đề quyết định mà nẻo cũng quyết định; lúc tu bốn Ba-la-mật-đa, thì Bồ-đề tuy quyết định mà nẻo chưa quyết định, vì thế cho nên không nói.

Lại nữa, trong này nói nhận biết nhân gần của thân, nhân gần của Bồ-đề, nghiệp dị thục của tướng là nhân gần của thân, Căn-Lực…vô lậu là nhân gần của Bồ-đề; bốn Ba-la-mật-đa và quán Bất tịnh… không phải là hai nhân gần, vì thế cho nên không nói.

Như nói: "Tỳ kheo này ngay nơi pháp hiện tại sẽ phân rõ tôn chỉ của bậc Thánh…"

Hỏi: Vì sao soạn ra phần luận này?

Đáp: Bởi vì muốn phân biệt nghĩa lý trong kinh. Như kinh Tự Tứ nói: "Tỳ kheo này ngay nơi pháp hiện tại sẽ phân rõ tôn chỉ của bậc Thánh, có thể tự mình biết rõ ràng, đời sống của mình đã hết, Phạm hạnh đã lập, việc làm đã xong, không nhận lấy thân đời sau, được nhập Niết-bàn." Kinh ấy tuy nói ra điều này mà không phân biệt đây là trí nào, trí này đối với nơi nào mà chuyển? Kinh ấy là nơi nương tựa căn bản của luận này, điều gì trong kinh không phân biệt, thì nay cần phải phân biệt, cho nên soạn ra phần luận này.

Hỏi: Như nói: "Tỳ kheo này ngay nơi pháp hiện tại sẽ phân rõ tôn chỉ của bậc Thánh…" Đây là trí nào?

Đáp: Đạo trí.

Hỏi: Trí này đối với nơi nào mà chuyển?

Đáp: Trí này đối với Căn-Lực-Giác chi-Đạo chi vô lậu đạt được các lậu vĩnh viễn không còn mà chuyển, vì vậy gọi là Đạo trí. Đây chính là trí

của Như Lai quán sát về Căn-Lực-Giác chi-Đạo chi vô lậu đạt được các lậu vĩnh viễn không còn của các Tỳ kheo, trí đối với đạo mà chuyển cho nên gọi là Đạo trí. Trí này cũng là Thế tục trí thâu nhiếp, bởi vì không phải là trí vô lậu của mười sáu hành tướng.

Hỏi: Vì sao trong này không nói đến Nhân trí?

Đáp: Có người nói: Trong này nên đưa ra cách nói này: "Đây là trí nào? Đáp: Nhân trí và Đạo trí. Trí này đối với nơi nào mà chuyển?

Đáp: Có lúc đối với căn thiện thuận phần giải thoát… mà chuyển, vì vậy gọi là Nhân trí; có lúc đối với Căn-Lực-Giác chi-Đạo chi vô lậu đạt được các lậu vĩnh viễn không còn mà chuyển, vì vậy gọi là Đạo trí." Mà không đưa ra cách nói này, thì nên biết là nghĩa này có khác.

Có người nói: Gia hạnh của Bồ-đề Vô thượng rộng lớn, trải qua ba Vô số kiếp, trăm kiếp mới thành, nhân ấy đáng coi trọng, cho nên nói đến trí quán xét điều ấy. Gia hạnh của Bồ-đề Thanh văn nhỏ hẹp, đó là nhanh nhất thì ba đời sẽ đạt được, đời thứ nhất gieo giống, đời thứ hai thành thục, đời thứ ba giải thoát, nhân không phải là đáng coi trọng, cho nên không nói đến trí quán xét điều ấy.

Có người nói: Sở y-chủng tánh-nghiệp dị thục về tướng của Bồ-tát đều quyết định, cho nên nói đến trí nhận biết về điều ấy; sở y-chủng tánh-căn thiện thuận phần giải thoát của Thanh văn đều không quyết định, cho nên không nói đến trí nhận biết về điều ấy.

Có người nói: Đức Phật có hai sự thù thắng, một là thân sở y, hai là Bồ-đề đã đạt được, bởi vì quán xét đầy đủ nhân ấy cho nên nói đến trí nhận biết hai loại nhân; Thanh văn chỉ có sự thù thắng thuộc Bồ-đề đã đạt được, không phải là thân sở y, cho nên chỉ nói đến trí nhận biết về nhân Bồ-đề.

Có người nói: Trí nhận biết về căn thiện thuận phần giải thoát… trước đây cũng không nói, cho nên ở trong này không cần phải đưa ra câu hỏi.

Nguyện trí là thế nào? Cho đến nói rộng ra.

Hỏi: Vì sao soạn ra phần luận này?

Đáp: Trước đây tuy nói về tác dụng của Nguyện trí, mà chưa nói đến tự tánh của Nguyện trí, nay muốn nói đến điều ấy cho nên soạn ra phần luận này.

Hỏi: Nguyện trí là thế nào?

Đáp: Như A-la-hán thành tựu thần thông, đạt được tâm tự tại, tùy theo ý muốn biết rõ ý nghĩa, phát khởi Chánh nguyện rồi, liền tiến vào giới hạn (biên tế) của Tĩnh lự thứ tư, từ trong Định rời ra rồi như nguyện đều

biết rõ. Tùy theo ý muốn biết rõ ý nghĩa.

Hỏi: Vì sao A-la-hán muốn biết rõ ý nghĩa?

Đáp: Bởi vì ba nhân duyên:

1. Bởi vì lợi ích cho đệ tử.
2. Bởi vì trú trì Phật pháp.
3. Bởi vì biết thế gian yên ổn hay là không yên ổn.

Bởi vì lợi ích cho đệ tử, đó là A-la-hán đối với các đệ tử lúc tu quán hành, thì pháp cần phải quán xét họ tiến vào hàng Thánh lâu hay mau, tuổi thọ của mình không còn thì họ có thể tiến vào Chánh tánh ly sinh hay không? Giả sử không có thể tiến vào thì sau khi mình mạng chung, có người nào khác có thể dạy bảo khiến cho có thể tiến vào hay không? Như vậy đều dùng Nguyện trí mà nhận biết, những sự việc như vậy gọi là vì lợi ích cho đệ tử.

Bởi vì trú trì Phật pháp, đó là A-la-hán có lúc quản lý công việc của Phật-Pháp-Tăng như xây dựng tháp thờ-chùa chiền-nhà cửa (Suất- đổ-ba, Tỳ-ha-la, Tăng già lam)…, thì pháp cần phải quán xét lâu-mau sẽ hoàn thành, hết tuổi thọ của mình có thể hoàn thành hay không? Giả sử không hoàn thành thì sau khi mình mạng chung, có người nào khác có thể tiếp tục hoàn thành hay không? Hoặc có Quốc vương-Đại thần-Trưởng giả và những chủ buôn, muốn gây ra sự suy tổn đối với Phật pháp, có A-la-hán suy nghĩ muốn hóa độ, lập tức quán sát người ấy có thể hóa độ hay không? Giả sử có thể hóa độ thì sẽ lâu mau? Tuổi thọ của mình không còn thì sự hóa độ có kết quả hay không? Giả sử không có kết quả, thì sau khi mình mạng chung có ai có thể tiếp tục hay không? Như vậy đều dùng Nguyện trí mà nhận biết, những sự việc như vậy gọi là vì trú trì Phật pháp.

Bởi vì biết thế gian yên ổn hay là không yên ổn, đó là A-la-hán có lúc quán sát trong đất nước này và trong thời gian này, sẽ có những sự việc như tốt lành-sợ hãi-yên ổn-dịch bệnh..., muốn khiến cho mình và người nhận biết mà giữ lấy và rời bỏ, cho nên khởi lên Nguyện trí để nhận biết. Như xưa kia ở nước Ca-thấp-di-la này có vị vua tên gọi Thước-ca, bởi vì vua nước Phược-hát xâm phạm cướp đoạt tiến vào lãnh thổ, lúc ấy vua Thước-ca lập tức dẫn đầu binh lính muốn đánh nhau. Vị vua ấy bản tánh hiền từ nhân hậu, luôn luôn sợ nghiệp ác, thầm dấy lên nghĩ rằng: Không biết nay mình đánh nhau chắc chắn được thắng trận, giữ được ngôi vua hay không, nếu như sẽ thất bại thì chỉ giết hại dân chúng vô tội, lại chuốc lấy tội lỗi, chết sẽ rơi vào địa ngục, từng nghe trong ngôi chùa ấy có vị A-la-hán đạt được Nguyện trí vi diệu, mình nên đi đến hỏi xem! Nghĩ rồi lập tức

đi đến, thật lòng quy y cung kính lễ lạy, cầu mong quyết đoán mối nghi của mình. Vị A-la-hán ấy liền trả lời nhà vua rằng: Tôi tuy đã từng đạt được trí này, nhưng bởi vì thiếu duyên giúp đỡ, thân lực yếu kém cho nên đã lâu không còn hiện rõ trước mắt. Lúc ấy nhà vua liền dùng các loại đồ ăn thức uống-đồ vật sinh hoạt tuyệt vời bậc nhất mà cung cấp cho vị ấy. Không bao lâu thì Tôn giả ấy có thể khởi lên Nguyện trí, lập tức quán sát cho nhà vua, thì thấy vua Phược-hát chắc chắn sẽ đoạt được ngôi vị của vua Thước-ca, làm nhiều điều lợi ích. Thấy rồi liền trả lời vua Thước-ca rằng: Nhà vua sẽ mất đất nước, mong tự mình suy nghĩ cẩn thận! Vua Thước-ca vâng dạ cung kính, liền dẫn đầu binh lính và mang theo quyến thuộc, rời bỏ đất nước mà đi đến xứ sở khác. Bởi vì nhân duyên này, cho nên các A- la-hán muốn biết rõ ý nghĩa ấy. Tiến vào giới hạn của Tĩnh lự thứ tư.

Hỏi: Vì sao gọi là giới hạn của Tĩnh lự thứ tư?

Đáp: Đây là dấu hiệu, là điểm cuối cùng, là khu rừng rậm rạp đối với Tĩnh lự thứ tư, cho nên gọi là giới hạn của Tĩnh lự thứ tư, chính là nghĩa thuộc phẩm thù thắng nhất của Tĩnh lự thứ tư; giống như đọt cây là điểm cao nhất trong thân cây, thì gọi là giới hạn của cây.

Có người nói: Đây là nơi nương tựa của các pháp công đức như dấu hiệu của trí, điểm cuối cùng của trí, khu rừng rậm rạp của trí…, cho nên gọi là giới hạn của Tĩnh lự thứ tư. Nghĩa là bởi vì các loại công đức như Vô lượng… xông ướp nối tiếp nhau rồi, mới khởi lên Định này. Dựa vào Định này mà khởi lên công đức, là dấu hiệu, là điểm cuối cùng, là khu rừng rậm rạp đối với các công đức; giống như Đề-hồ là vị thù thắng nhất trong sữa bò.

Có người nói: Trí này nên gọi là giới hạn sau cùng (hậu tế) của Tĩnh lự thứ tư. Giới hạn (tế) có ba loại:

1. Giới hạn đầu tiên.
2. Giới hạn khoảng giữa.
3. Giới hạn sau cùng. Ba giới hạn này tức là quá khứ-hiện tại-vị lai, như thứ tự ấy. Trong này, giới hạn đầu tiên do hai trí nhận biết, đó là Túc trú tùy niệm trí và Nguyện trí; giới hạn khoảng giữa cũng do hai trí nhận biết, đó là Tha tâm trí và Nguyện trí; giới hạn sau cùng chỉ do Nguyện trí nhận biết, bởi vì trong cảnh của vị lai chỉ có trí này. Vì thế cho nên trí này gọi là trí thuộc giới hạn sau cùng (hậu tế trí), có thể khởi lên Định này, gọi là giới hạn sau cùng của Tĩnh lự thứ tư.

Có người nói: Trí này nên gọi là chưa đến giới hạn (vị chí tế) của Tĩnh lự thứ tư. Giới hạn (tế) có ba loại:

1. Chưa đến giới hạn.

2. Đến giới hạn.

3. Đã đến giới hạn.

Ba giới hạn này tức là vị lai-hiện tại-quá khứ, như thứ tự ấy. Như nhận biết hiện tại gọi là trí chưa đến giới hạn, nhận biết quá khứ gọi là trí đã đến giới hạn, như vậy trí này phần nhiều nhận biết về vị lai, cho nên gọi là trí chưa đến giới hạn; có thể khởi lên Định này, gọi là chưa đến giới hạn của Tĩnh lự thứ tư.

Có người nói: Trí này chỉ nên gọi là giới hạn của Tĩnh lự thứ tư. Nguyên cớ thế nào? Bởi vì Biên là gọi cho Uẩn-Giới-Xứ hiện tại, Tế là gọi cho quá khứ-vị lai. Như đối với Uẩn-Giới-Xứ hiện tại có trí hiện thấy mà chuyển, như vậy đối với quá khứ-vị lai cũng có trí hiện thấy mà chuyển, cho nên trí này gọi là trí của giới hạn (biên tế trí); có thể khởi lên Định này, gọi là giới hạn của Tĩnh lự thứ tư. Từ trong Định rời ra rồi như nguyện đều biết rõ.

Hỏi: Là đang còn Định mà nhận biết, hay là rời khỏi Định mà nhận biết? Nếu như vậy thì có gì sai? Nếu như đang còn Định mà nhận biết, thì tại sao trong này nói từ trong Định rời ra rồi như nguyện đều biết rõ? Nếu như rời khỏi Định mà nhận biết, thì tại sao cần phải tiến vào giới hạn của Tĩnh lự thứ tư?

Đáp: Ngay lúc đang còn Định có thể nhận biết.

Hỏi: Tại sao trong này nói từ trong Định rời ra rồi như nguyện đều biết rõ?

Đáp: Đây là ở lúc nói mà gọi là nhận biết, bởi vì nói là biểu hiện cho nhận biết.

Lại nữa, lúc bấy giờ làm cho người khác nhận biết cho nên gọi là nhận biết.

Có người nói: Rời khỏi Định có thể nhận biết. Hỏi: Tại sao cần phải tiến vào Tĩnh lự thứ tư?

Đáp: Giới hạn của Tĩnh lự thứ tư là phương tiện nhận biết, bởi vì cần phải tiến vào Định này thì trí này mới sinh khởi.

Nói như vậy thì cách nói thứ nhất là hợp lý, bởi vì đang còn Định có thể nhận biết, rời khỏi Định mà nói rõ.

Hỏi: Tự tánh của Nguyện trí là gì?

Đáp: Tự tánh là Tuệ. Như tự tánh, như vậy bổn tánh và tánh tướng của Ngã-vật cũng như vậy.

Đã nói về tự tánh, nay sẽ nói đến nguyên cớ. Hỏi: Vì sao gọi là Nguyện trí?

Đáp: Có thể nhận biết như nguyện, cho nên gọi là Nguyện trí.

Hỏi: Là có thể nhận biết như nguyện của mình, hay là có thể nhận biết như nguyện của người khác?

Đáp: Cũng nhận biết như nguyện của mình, cũng nhận biết như nguyện của người khác, bởi vì tùy theo nguyện vốn có đều có thể nhận biết.

Lại nữa, nhận biết về nguyện vốn có, cho nên gọi là Nguyện trí. Nguyện có hai loại, đó là nguyện về Bồ-đề và nguyện về quả báo. Nguyện về Bồ-đề là như các nguyện của Từ Thị, nguyện về quả báo là như các nguyện của A-thị-đa, nhận biết những nguyện này cho nên gọi là Nguyện trí.

Lại nữa, trí tùy theo nguyện mà khởi lên, cho nên gọi là Nguyện trí. Đó là bởi vì trí thù thắng này, cần phải do tác ý gia hạnh của nguyện trước đây mà dẫn dắt phát khởi; Như Lai tuy không có tác ý gia hạnh, mà cũng cần phải có tâm nguyện làm đầu tiên.

Có người nói: Trí này nên gọi là Kỳ trí, bởi vì cảnh nhận biết vô cùng vi tế, cần phải đưa ra hạn kỳ thì mới có thể nhận biết.

Có người nói: Trí này nên gọi là Diệu trí, bởi vì trí này thù thắng nhất trong các trí; như thế gian nói đồ ăn thức uống tuyệt vời, áo quần tuyệt vời…, đó là đối với thù thắng mà nói theo thanh tuyệt vời, ở đây cũng như vậy.

Nhưng Nguyện trí này: Nói về Cõi, thì cõi Sắc. Nói về Địa, thì thuộc về địa Tĩnh lự thứ tư.

Nói về Sở y, thì dựa vào thân của cõi Dục.

Nói về Hành tướng, thì làm mười sáu hành tướng, hoặc là hành tướng khác.

Nói về Sở duyên, thì duyên với tất cả các pháp. Nói về Niệm trú, thì bao gồm bốn Niệm trú.

Nói về Trí, thì A-tỳ-đạt-ma xưa kia nói là chỉ riêng Thế tục trí.

Có Sư khác nói: Tánh thuộc tám trí, trừ ra Tận trí và Vô sinh trí.

Nguyên cớ thế nào? Bởi vì hai trí ấy không phải là tánh thuộc Kiến, mà Nguyện trí là tánh thuộc Kiến.

Nói như vậy thì chỉ là một Thế tục trí.

Nói về Tam-ma-địa đi cùng, thì không đi cùng với Tam-ma-địa, bởi vì chỉ là hữu lậu.

Nói về Căn tương ưng, thì tương ưng với Xả căn.

Nói về Thời gian (thế), thì thuộc về ba thời gian; duyên với ba thời gian và tách lìa thời gian.

Nói về thiện-bất thiện-vô ký, thì đều là thiện; duyên với ba loại. Nói về hệ thuộc ba cõi-không hệ thuộc, thì chỉ hệ thuộc cõi Sắc; duyên với hệ thuộc ba cõi và không hệ thuộc.

Nói về Học-Vô học và Phi học phi vô học, thì đều là Phi học phi vô học; duyên với ba loại.

Nói về do Kiến mà đoạn-do Tu mà đoạn và không đoạn, thì đều là do Tu mà đoạn; duyên với ba loại.

Nói về duyên với danh-duyên với nghĩa, thì duyên chung với danh và nghĩa.

Nói về duyên với Tự tương tục-Tha tương tục và Phi tương tục, thì duyên chung với ba loại.

Hỏi: Khởi lên ở nơi nào?

Đáp: Khởi lên ở cõi Dục chứ không phải là cõi Sắc-Vô sắc. Trong cõi Dục thì chỉ có loài người, chứ không phải là loài khác. Trong loài người thì chỉ có ba châu, chứ không phải là châu Bắc Câu-lô. Trong ba châu thì thân nam-thân nữ đều có thể khởi lên.

Tôn giả Cù-sa-phiệt-ma đưa ra cách nói như vậy: "Chỉ có châu Thiệm Bộ có thể khởi lên chứ không phải là châu khác, chỉ có người nam có thể khởi lên chứ không phải là người nữ. Nguyên cớ thế nào? Bởi vì Nguyện trí thù thắng, cho nên cần phải dựa vào thân mạnh mẽ sắc bén tăng thượng, mà hai châu khác và thân nữ đều là yếu kém."

Nói như vậy thì cách nói thứ nhất là hợp lý, ba châu và thân nam-thân nữ đều mạnh mẽ sắc bén tăng thượng, bởi vì đều có thể đạt được tâm tự tại và Định tự tại. Nếu không như vậy thì trong kinh không nên nói Đại sinh chủ là bậc Thượng thủ của năm trăm Tỳ kheo Ni, ở trong một ngày cùng lúc rời bỏ thọ mạng hiện hành mà nhập Niết-bàn. Nếu họ không đạt được giới hạn của Tĩnh lự thứ tư, thì không có thể rời bỏ đối với thọ mạng hiện hành. Đã đạt được điều này thì vì sao tự mình không có thể phát khởi Nguyện trí?

Hỏi: Những Bổ-đặc-già-la nào có thể khởi lên trí này?

Đáp: Thánh giả chứ không phải là dị sinh. Trong hàng Thánh chỉ có Vô học, không phải là Hữu học. Trong Vô học chỉ có Bất thời giải thoát, không phải là Thời giải thoát. Nguyên cớ thế nào? Bởi vì nếu đối với Định

đạt được tự tại, và trong sự nối tiếp nhau không bị phiền não níu giữ, thì có thể khởi lên Nguyện trí. Các dị sinh và Tín thắng giải cả hai sự việc đều không có; Kiến chí tuy đối với Định đạt được tự tại, mà trong sự nối tiếp nhau bị phiền não níu giữ; Thời giải thoát tuy sự nối tiếp nhau không bị phiền não níu giữ, mà đối với Định không đạt được tự tại; vì thế cho nên đều không có thể phát khởi Nguyện trí. Chỉ có Bất thời giải thoát đối với Định đạt được tự tại, và trong sự nối tiếp nhau không bị phiền não níu giữ, cho nên có thể khởi lên Nguyện trí.

-oOo-

LUẬN A TỲ ĐẠT MA ĐẠI TỲ BÀ SA

QUYỂN 179

LUẬN VỀ BẤT HOÀN (Phần 6)

Hỏi: Nguyện trí là gia hạnh đạt được, hay là lìa nhiễm đạt được?

Đáp: Có lúc là gia hạnh đạt được, có lúc là lìa nhiễm đạt được.

Trong này, có người nói: Đức Phật lìa nhiễm đạt được, bởi vì đạt được lúc Tận trí hiện khởi; Thanh văn-Độc giác do gia hạnh mà đạt được, bởi vì gia hạnh cho nên hiện rõ ở trước mắt.

Có người nói: Đức Phật và Độc giác đều lìa nhiễm đạt được, bởi vì đạt được lúc Tận trí hiện khởi; Thanh văn do gia hạnh mà đạt được, bởi vì gia hạnh cho nên hiện rõ ở trước mắt.

Có người nói: Đức Phật-Độc giác và Thanh văn đến cứu cánh đều lìa nhiễm đạt được, bởi vì đạt được lúc Tận trí hiện khởi; Thanh văn khác do gia hạnh mà đạt được, bởi vì gia hạnh mà hiện rõ ở trước mắt.

Nói như vậy là nếu quyết định có thể đạt được thì đó là lìa nhiễm đạt được, bởi vì đạt được lúc Tận trí hiện khởi, sau khi thực hiện gia hạnh mới hiện rõ ở trước mắt. Đức Phật không do gia hạnh, Độc giác do gia hạnh bậc Hạ, Thanh văn do gia hạnh bậc Trung hoặc là bậc Thượng.

Nhưng có lúc Nguyện trí do gia hạnh của Định Biên tế mà đạt được, bởi vì gia hạnh mà hiện rõ ở trước mắt.

Hỏi: Nguyện trí này gia hạnh như thế nào?

Đáp: Dùng tất cả các địa và Định Biên tế làm gia hạnh, đó là lúc người tu hành sắp khởi lên Nguyện trí này, trước hết khởi lên tâm thiện của cõi Dục, tiếp theo từ đây không gián đoạn tiến vào Tĩnh lự thứ nhất, tiếp theo tiến vào Tĩnh lự thứ hai, lần lượt cho đến tiến vào Phi tưởng phi phi tưởng xứ; từ Phi tưởng phi phi tưởng xứ rời ra lại tiến vào Vô sở hữu xứ, lần lượt cho đến tiến vào Tĩnh lự thứ nhất; từ Tĩnh lự thứ nhất rời ra lại tiến vào Tĩnh lự thứ hai, lần lượt cho đến tiến vào Tĩnh lự thứ tư. Lúc ấy đối với tất cả Đẳng chí của địa trên-địa dưới như vậy, xoay vòng tiến vào-rời ra đã khiến cho hết sức điều thuận với Tĩnh lự thứ tư. Lại đối với Tĩnh lự thứ tư, từ phẩm Hạ tiến vào phẩm Trung, từ phẩm Trung tiến vào phẩm

Thượng, như vậy phẩm Thượng gọi là giới hạn của Tĩnh lự thứ tư, từ đây lần lượt dẫn dắt khởi lên Nguyện trí.

Vì thế cho nên Tôn giả Thế Hữu đưa ra cách nói như vậy: "Các A-la-hán bởi vì lợi ích cho người khác, cho nên đối với địa trên-địa dưới, xoay vòng tiến vào-rời ra khiến cho mềm mại thuận theo Tĩnh lự thứ tư, nếu lúc gia hạnh thông suốt không có ngừng trệ, thì lúc bấy giờ gọi là gia hạnh thành tựu đầy đủ, từ đây có thể dẫn dắt Nguyện trí hiện rõ trước mắt."

Đại đức nói rằng: "Ở trong pháp không ngừng diệt đi-không ngừng khởi lên và cùng lúc sinh khởi, nhận biết rõ ràng phương tiện, nếu lúc gia hạnh thông suốt không có ngừng trệ, thì lúc bấy giờ gọi là gia hạnh thành tựu đầy đủ, từ đây dẫn dắt khởi lên Nguyện trí hiện rõ trước mắt."

Hỏi: Túc trú tùy niệm trí và Nguyện trí duyên với quá khứ có gì sai biệt?

Đáp: Tên gọi tức là sai biệt, đó là loại này tên gọi Túc trú tùy niệm trí, loại này tên gọi Nguyện trí duyên với quá khứ.

Lại nữa, Túc trú tùy niệm trí nhận biết về năm uẩn hữu lậu của thời gian trước, Nguyện trí này nhận biết về các uẩn hữu lậu-vô lậu.

Lại nữa, Túc trú tùy niệm trí nhận biết về năm uẩn của thời gian trước ở cõi Dục-Sắc, Nguyện trí này nhận biết về các uẩn của ba cõi và không hệ thuộc.

Lại nữa, Túc trú tùy niệm trí nhận biết về cọng tướng của các uẩn, Nguyện trí này nhận biết về tự tướng và cọng tướng của các uẩn,

Lại nữa, Túc trú tùy niệm trí thì pháp này là có-pháp bên ngoài cũng là có, Nguyện trí này chỉ riêng pháp này là có.

Lại nữa, Túc trú tùy niệm trí thì dị sinh có-Thánh giả cũng có, Nguyện trí này chỉ riêng Thánh giả mới có.

Lại nữa, Túc trú tùy niệm trí thì Học-Vô học và Phi học phi vô học đều có, Nguyện trí này chỉ riêng Vô học mới có.

Lại nữa, Túc trú tùy niệm trí thì trong sự nối tiếp nhau của Thời giải thoát-Bất thời giải thoát đều có, Nguyện trí này chỉ có trong sự nối tiếp nhau của Bất thời giải thoát.

Lại nữa, Túc trú tùy niệm trí dựa vào bốn Tĩnh lự Căn bản, Nguyện trí này chỉ dựa vào Tĩnh lự Căn bản thứ tư.

Lại nữa, Túc trú tùy niệm trí bao gồm đã từng đạt được-chưa từng đạt được, đã từng luyện tập-chưa từng luyện tập, giống nhau-không giống nhau; Nguyện trí này chỉ riêng chưa từng đạt được-chưa từng luyện tập-

không giống nhau.

Lại nữa, Túc trú tùy niệm trí lúc bắt đầu dẫn dắt phát khởi, chỉ có thể từng đời từng đời một lần lượt tùy theo niệm, sau lúc thành tựu đầy đủ thì hoặc là từng đời từng đời một lần lượt, hoặc là vượt qua trăm đời-ngàn đời…, tùy theo ý muốn ấy đều có thể tùy theo niệm; Nguyện trí này lúc bắt đầu dẫn dắt phát khởi và lúc thành tựu đầy đủ, hoặc là lần lượt-hoặc là vượt lên trên, như ý nguyện ấy đều nhận biết như thật.

Lại nữa, Nguyện trí này chỉ đối với cảnh đã nhận biết của Túc trú tùy niệm trí mà chuyển, tức là có sáu sự việc thù thắng:

1. Mạnh mẽ thù thắng.
2. Tăng thượng thù thắng.
3. Vi diệu thù thắng.
4. Thanh tịnh thù thắng.
5. Sáng tỏ thù thắng.
6. Nhanh chóng thù thắng.

Huống là nhiều sự việc khác nữa hay sao? Đó gọi là sự sai biệt của Túc trú tùy niệm trí và Nguyện trí duyên với quá khứ.

Hỏi: Tha tâm trí và Nguyện trí duyên với hiện tại có gì sai biệt?

Đáp: Tên gọi tức là sai biệt, đó là loại này tên gọi Tha tâm trí, loại này tên gọi Nguyện trí duyên với hiện tại.

Lại nữa, Tha tâm trí duyên với một vật làm cảnh, Nguyện trí này duyên với một vật hoặc là nhiều vật làm cảnh.

Lại nữa, Tha tâm trí duyên với cảnh thuộc tự tướng, Nguyện trí này duyên với cảnh thuộc tự tướng và cọng tướng.

Lại nữa, Tha tâm trí duyên với sự nối tiếp nhau của người khác, Nguyện trí này duyên với sự nối tiếp nhau của mình và người khác.

Lại nữa, Tha tâm trí duyên với tâm - tâm sở pháp, Nguyện trí này duyên với năm uẩn.

Lại nữa, Tha tâm trí dựa vào bốn Tĩnh lự Căn bản, Nguyện trí này chỉ dựa vào Tĩnh lự Căn bản thứ tư.

Lại nữa, Tha tâm trí thì pháp này là có-pháp bên ngoài cũng là có, Nguyện trí này chỉ riêng pháp này là có.

Lại nữa, Tha tâm trí thì dị sinh có-Thánh giả cũng có, Nguyện trí này chỉ Thánh giả mới có.

Lại nữa, Tha tâm trí thì Học-Vô học và Phi học phi vô học đều có, Nguyện trí này chỉ riêng Vô học mới có.

Lại nữa, Tha tâm trí thì trong sự nối tiếp nhau của Thời giải thoát-Bất thời giải thoát đều có, Nguyện trí này chỉ có trong sự nối tiếp nhau của Bất thời giải thoát.

Lại nữa, Tha tâm trí bao gồm đã từng đạt được-chưa từng đạt được, đã từng luyện tập-chưa từng luyện tập, giống nhau-không giống nhau; Nguyện trí này chỉ riêng chưa từng đạt được-chưa từng luyện tập- không giống nhau.

Lại nữa, Tha tâm trí bao gồm hữu lậu-vô lậu, Nguyện trí này chỉ riêng hữu lậu.

Lại nữa, Tha tâm trí duyên với pháp hệ thuộc cõi Dục-Sắc và pháp không hệ thuộc làm cảnh, Nguyện trí này duyên với pháp hệ thuộc ba cõi và pháp không hệ thuộc làm cảnh.

Lại nữa, Nguyện trí này chỉ đối với cảnh đã nhận biết của Tha tâm trí mà chuyển, tức là có sáu sự việc thù thắng, đó là mạnh mẽ thù thắng…, nói như trước. Huống là nhiều sự việc khác nữa hay sao?

Đó gọi là sự sai biệt của Tha tâm trí và Nguyện trí duyên với hiện tại.

Hỏi: Vì sao Nguyện trí có thể nhận biết vị lai?

Đáp: Có người nói: Dùng quá khứ-hiện tại để so sánh mà nhận biết vị lai, ví như người làm ruộng gieo hạt giống rồi, so sánh mà nhận biết nhất định có kết quả sinh ra như vậy, trí ấy cũng như vậy.

Có người nói: Nếu như vậy thì Nguyện trí phải là trí Tỉ lượng, không phải là trí Hiện lượng. Nên đưa ra cách nói này: Nguyện trí này không cần phải quán xét nhân mà có thể nhận biết quả, không cần phải quán xét quả mà có thể nhận biết nhân, vì thế cho nên trí này là trí Hiện lượng chứ không phải là trí Tỉ lượng.

Hỏi: Vì sao Nguyện trí nhận biết về cõi Vô sắc?

Đáp: Có người nói: Bởi vì quán xét sự sai biệt của Đẳng lưu và hiện hành, như nhìn người đi trên đường mà biết là từ nơi nào đến.

Có người nói: Nếu như vậy thì Nguyện trí phải là trí Tỉ lượng, không phải là trí Hiện lượng. Nên đưa ra cách nói này: Nguyện trí này không quán xét nhân mà nhận biết quả, không quán xét quả mà nhận biết nhân, bởi vì trí này là trí Hiện lượng chứ không phải là trí Tỉ lượng.

Nhưng Thanh văn-Độc giác bởi vì có lỗi lầm do tập khí còn sót lại, cho nên đối với cảnh của nguyện phải gia hạnh thì mới nhận biết; Như Lai vĩnh viễn không còn lỗi lầm của tập khí còn sót lại, cho nên đối với nguyện thì khởi tâm liền nhận biết.

Hỏi: Nguyện trí của Đức Thế Tôn vì sao có thể nhận biết tâm tướng sai biệt của tất cả hữu tình?

Đáp: Có người nói: Điều này không cần phải hỏi. Nguyên cớ thế nào? Bởi vì đây là cảnh giới không thể nghĩ bàn của chư Phật.

Có người nói: Trước đây đã phân biệt so sánh mà bây giờ có thể nhận biết.

Có người nói: Bởi vì giữ lấy một phần của Thức đã nhận biết về tâm tướng sai biệt của hữu tình, tương tự mà nhận biết những hữu tình khác. Như lúc thế giới hoại đi, phần nhiều hữu tình sinh đến cõi trời Cực Quang Tịnh, ở cõi ấy lần lượt xoay vòng hỏi han về sự việc của đời trước, sau đó dùng Túc trú tùy niệm trí mà nhận biết; Đức Phật cũng như vậy.

Có người nói: Đức Phật dễ dàng thông hiểu đối với duyên khởi, cho nên nhận biết.

Có người nói: Đức Phật tự tại đối với Nguyện trí, cho nên nhận biết.

Có người nói: Đức Phật dễ dàng thông hiểu đối với nghiệp của mình, cho nên nhận biết.

Có người nói: Đức Phật dễ dàng thông hiểu đối với Đẳng lưu, cho nên nhận biết.

Có người nói: Đức Phật dễ dàng thông hiểu đối với hiện hành sai biệt, cho nên nhận biết.

Tôn giả nói rằng: "Đức Phật đối với tâm giới của hữu tình, muốn biết liền biết chứ không nhờ vào gia hạnh, cho nên không cần phải vặn hỏi, bởi vì lúc bắt đầu đạt được quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề, thì chủng loại của trí này đều đã đạt được."

Hỏi: Vì sao phát khởi Nguyện trí như vậy?

Đáp: Bởi vì làm lợi ích cho người khác. Nghĩa là trước khi khởi lên Nguyện trí, phải quán xét ý thích sai biệt của các hữu tình, sau đó tùy theo thích hợp để làm sự việc lợi ích; ví như thầy thuốc giỏi, trước phải quan sát về tướng trạng sai biệt của người bệnh, rồi sau đó mới trao cho thuốc uống.

Hỏi: Nguyện trí nên nói là thiện, hay là vô ký? Đáp: Hoặc là thiện, hoặc là vô ký.

Trong này, có người nói: Nguyện trí chỉ là một, đó là thuộc về Tĩnh lự thứ tư, chỉ là thiện.

Có người nói: Nguyện trí có hai, đó là thuộc về Tĩnh lự thứ tư và cõi Dục, đều chỉ là thiện.

Có người nói: Nguyện trí có ba, đó là thiện của Tĩnh lự thứ tư, thiện-

vô ký của cõi Dục.

Có người nói: Nguyện trí có năm, đó là bốn Tĩnh lự và cõi Dục, đều chỉ là thiện.

Có người nói: Nguyện trí có sáu, đó là thiện của bốn Tĩnh lự, thiện-vô ký của cõi Dục.

Có người nói: Nguyện trí có bảy, đó là ba tĩnh lự trên chỉ là thiện, Tĩnh lự thứ nhất và cõi Dục đều là thiện-vô ký.

Có người nói: Nguyện trí có mười, đó là bốn Tĩnh lự và cõi Dục, đều có thiện-vô ký.

Nói như vậy thì nên biết như trước nói có sáu là thích hợp.

Hỏi: Nguyện trí chỉ thuộc về Tĩnh lự thứ tư, lại chỉ là thiện, vì sao lại nói là thiện của bốn Tĩnh lự, thiện-vô ký của cõi Dục?

Đáp: Nguyện trí thật ra chỉ thuộc về Tĩnh lự thứ tư và chỉ là thiện, nhưng trong này dựa vào ý sâu kín mà nói, bởi vì Nguyện trí và sau Nguyện trí cùng chung duyên khởi mà nói là trí, cho nên đều gọi là Nguyện trí.

Sự việc ấy như thế nào? Đó là Sư Du-già trước tiên dựa vào Tĩnh lự thứ tư phát khởi Nguyện trí mà nhận biết về pháp đã nhận biết, vẫn duyên với pháp này tiến vào Tĩnh lự thứ ba, lần lượt cho đến vẫn duyên vào pháp này, khởi lên tâm thiện của cõi Dục; từ đây không gián đoạn vẫn duyên vào pháp này, khởi lên tâm thiện hoặc là tâm vô ký của cõi Dục, mà nói về pháp đã nhận biết.

Trong này, hoặc là Căn bản, hoặc là dấy khởi sau, đều nói tên gọi là Nguyện trí, vì thế cho nên nói hoặc là thiện, hoặc là vô ký.

The nào là hạnh Vô tranh? Cho đến nói rộng ra. Hỏi: Vì sao soạn ra phần luận này?

Đáp: Bởi vì muốn phân biệt nghĩa lý trong kinh. Như trong kinh nói: "Trong đệ tử của Ta, Tỳ kheo Thiện Hiện là bậc nhất trú trong hạnh Vô tranh." Trong kinh tuy nói ra điều này mà không phân biệt rộng ra, thế nào là hạnh Vô tranh, Vô tranh gọi cho pháp nào? Kinh ấy là nơi nương tựa căn bản của luận này, điều gì trong kinh không giải thích, thì nay cần phải giải thích, cho nên soạn ra phần luận này.

Hỏi: Thế nào là hạnh Vô tranh?

Đáp: Tất cả A-la-hán khéo thông hiểu về thời gian bên trong, nhưng bên ngoài thì không như vậy. Nếu cũng khéo thông hiểu về thời gian bên ngoài thì gọi là hạnh Vô tranh.

Thế nào là thời gian bên trong (nội thời)? Đó là phiền não vốn có

trong sự nối tiếp nhau của mình. Thế nào là thời gian bên ngoài (ngoại thời)? Đó là phiền não vốn có trong sự nối tiếp nhau của người khác. Ngăn chặn phiền não này thì gọi là khéo thông hiểu.

Tất cả A-la-hán đối với phiền não vốn có trong sự nối tiếp nhau của mình, đều đã ngăn chặn và đoạn bỏ; đối với phiền não vốn có trong sự nối tiếp nhau của người khác, thì không quyết định. Nếu cũng có thể ngăn chặn thì gọi là hạnh Vô tranh.

Có người nói: Thời gọi là ba thời, tức là thời gian đầu ngày-thời gian giữa ngày-thời gian cuối ngày, ở trong ba thời gian này chế ngự các phiền não, gọi là khéo thông hiểu. Tất cả A-la-hán đối với phiền não thuộc ba thời gian trong sự nối tiếp nhau của mình, đều đã chế ngự và đoạn bỏ; đối với phiền não thuộc ba thời gian trong sự nối tiếp nhau của người khác, thì không quyết định. Nếu cũng có thể chế ngự thì gọi là hạnh Vô tranh.

Có người nói: Thời gọi là sáu thời, tức là ngày và đêm đều có ba thời gian đầu-giữa-cuối, ở trong sáu thời gian này chế ngự các phiền não, gọi là khéo thông hiểu. Tất cả A-la-hán đối với phiền não thuộc sáu thời gian trong sự nối tiếp nhau của mình, đều đã chế ngự và đoạn bỏ; đối với phiền não thuộc sáu thời gian trong sự nối tiếp nhau của người khác, thì không quyết định. Nếu cũng có thể chế ngự thì gọi là hạnh Vô tranh.

Tôn giả Diệu Âm nói rằng: "Không phải là nói không có phiền não tranh chấp trong sự nối tiếp nhau của mình, cho nên gọi là hạnh Vô tranh; chỉ bởi vì có thể ngăn chặn phiền não tranh chấp trong sự nối tiếp nhau của người khác, cho nên gọi là hạnh Vô tranh. Nguyên cớ thế nào? Bởi vì tranh chấp là đối với người khác mà nói, chứ không phải là đối với chính mình."

Hỏi: Vì sao ngăn chặn và chế ngự phiền não, gọi là khéo thông hiểu?

Đáp: Cần phải nhờ vào phương tiện Giác Tuệ hiện rõ trước mắt, thì mới có thể ngăn chặn và chế ngự phiền não của mình-của người, cho nên gọi là khéo thông hiểu.

Hỏi: Vô tranh gọi cho pháp nào?

Đáp: Khiến cho sự nối tiếp nhau của người khác không có tạp uế mà chuyển, nghĩa là các phiền não luôn luôn làm thấm ướt-giây bẩn- tạp uế. Người đạt được Vô tranh thì không làm cho phiền não trong sự nối tiếp nhau của người khác bị thấm ướt-giây bẩn-tạp uế; tức là nghĩa về sự xa lìa các phiền não trong sự nối tiếp nhau của người khác.

Có người nói: Văn này nên nói đối với sự nối tiếp nhau của người

khác không có gì sót lại mà chuyển, nghĩa là người đạt được Vô tranh, như đối với phiền não trong sự nối tiếp nhau của mình đã vĩnh viễn đoạn trừ không có gì sót lại, như vậy đối với phiền não trong sự nối tiếp nhau của người khác cũng có thể ngăn chặn và chế ngự khiến cho không có gì sót lại; tức là nghĩa về ngăn chặn tất cả các phiền não trong sự nối tiếp nhau của người khác sẽ làm cho họ khởi lên.

Có người nói: Văn này nên nói đối với sự nối tiếp nhau của người khác không có gì sai biệt mà chuyển, nghĩa là người đạt được Vô tranh, như có thể ngăn chặn phiền não trong sự nối tiếp nhau của người thân khiến cho họ không sinh khởi, như vậy cũng có thể ngăn chặn phiền não trong sự nối tiếp nhau của kẻ oán-người bình thường, khiến cho họ không sinh khởi; tức là nghĩa về bình đẳng ngăn chặn và chế ngự các phiền não trong sự nối tiếp nhau của người khác.

Hỏi: Khéo thông hiểu thời gian bên ngoài và không có tạp uế mà chuyển, có gì sai biệt? Đáp: Khéo thông hiểu thời gian bên ngoài, đó là Tuệ; không có tạp uế mà chuyển, đó là phiền não không sinh khởi.

Lại nữa, A-la-hán ấy thực hành năm loại pháp, khiến cho phiền não trong sự nối tiếp nhau của người khác không khởi lên. Những gì là năm pháp? Đó là:

1. Oai nghi lộ trong sáng.
2. Nói năng và im lặng hợp thời.
3. Khéo lường tính đi hay ở.
4. Phân biệt nên nhận hay không nên nhận.
5. Quán sát Bổ-đặc-già-la.

Oai nghi lộ trong sáng, nghĩa là A-la-hán ấy trước đó ngồi ở một nơi, nếu người khác đến thì quán xét tâm ý của họ, dùng oai nghi nào để họ không dấy khởi phiền não? Nếu biết là do oai nghi này mà họ sinh ra phiền não, thì liền rời bỏ oai nghi này trú vào oai nghi khác. Nếu không dấy khởi phiền não thì như trước đây trú trong oai nghi ban đầu, trú trong oai nghi khác cũng như vậy.

Nói năng và im lặng hợp thời, nghĩa là A-la-hán ấy lúc thấy người khác đến thì quán xét tâm ý của họ, là nên trò chuyện với nhau, hay là nên im lặng? Quán xét rồi nếu thấy trò chuyện mà dấy khởi phiền não cho họ, thì tuy rất muốn nói nhưng vẫn im lặng. Nếu thấy bởi vì im lặng mà họ dấy khởi phiền não, thì tuy không muốn nói mà vẫn nói chuyện với họ. Nếu đi trên đường thấy có hai người đi đến, thì quán xét người nào thích hợp để có thể nói chuyện trước? Quán xét rồi nếu thấy lúc trò chuyện với người

này mà người kia dấy khởi phiền não, thì nói chuyện với người kia; đối với người kia cũng như vậy. Nếu cùng trò chuyện với cả hai mà dấy khởi phiền não, thì liền im lặng; im lặng với cả hai cũng như vậy. Nếu nói chuyện hay là im lặng đều dấy khởi phiền não, thì tránh đường cho họ, để không dấy khởi phiền não.

Khéo lường tính đi hay ở, nghĩa là A-la-hán ấy tùy theo nơi cư trú thì liền quán sát, mình nên ở lại hay là nên đi? Nếu thấy lúc ở lại mà dấy khởi phiền não cho người khác, thì nơi cư trú tuy yên ổn, đồ vật sinh hoạt đầy đủ dồi dào, tùy thuận với phẩm thiện mà vẫn ra đi. Nếu thấy bởi vì ra đi mà dấy khởi phiền não cho người khác, thì nơi cư trú tuy không yên ổn, đồ vật sinh hoạt không đầy đủ, không tùy thuận với phẩm thiện mà vẫn chịu khó ở lại.

Phân biệt nên nhận hay không nên nhận, nghĩa là A-la-hán ấy nếu có Thí chủ đem đồ vật sinh hoạt đến giúp đỡ, thì quán xét tâm ý của họ là nhận hay không nên nhận? Quán xét rồi nếu thấy nhận mà dấy khởi phiền não cho họ, thì tuy là đồ vật cần dùng mà vẫn không nhận. Nếu thấy không nhận mà dấy khởi phiền não cho họ, thì tuy là đồ vật không cần dùng mà vẫn cố ý nhận.

Quán sát Bổ-đặc-già-la, nghĩa là A-la-hán ấy bởi vì khất thực cho nên phải đi vào thành ấp-ngõ xóm và nhà người khác, quán sát trai gái- già trẻ trong này, đừng có ai bởi vì mình mà dấy khởi các phiền não. Nếu biết là họ không dấy khởi thì đi vào khất thực. Nếu biết là họ dấy khởi, thì tuy là rất đói mà vẫn không đi vào. Không có sự việc như vậy để phân biệt, cho nên giả sử tất cả hữu tình, bởi vì thấy mình mà khởi lên phiền não, thì mình sẽ đi đến một nơi không có hữu tình, đoạn tuyệt ăn uống mà chết, chứ hoàn toàn không làm cho người khác bởi vì mình mà khởi lên phiền não.

A-la-hán ấy tu tập thực hành năm loại pháp hành như vậy, thì có thể ngăn chặn phiền não trong sự nối tiếp nhau của người khác, khiến cho không hiện rõ trước mắt.

Hỏi: Vì sao A-la-hán đã đạt được giải thoát, mà tu về pháp này để tự trói buộc mình?

Đáp: A-la-hán ấy trước đây là chủng tánh Bồ-tát, không đành lòng để hữu tình tạo ra điều ác chuốc lấy khổ đau, bởi vì cứu giúp họ cho nên luôn luôn dấy lên nghĩ rằng: Mình từ vô thỉ đến nay cùng với các hữu tình khởi lên ràng buộc với nhau, xoay vòng trong năm nẻo nhận chịu những khổ đau khốc liệt, mình may mắn được thoát khỏi thì phải cứu giúp cho họ.

Lại dấy lên nghĩ rằng: Mình từ vô thỉ đến nay, có lúc làm những thân

ca nhi-vũ nữ, có lúc làm thân dâm nữ hèn hạ xấu xa…, trăm ngàn chúng sinh do mình mà khởi lên phiền não, còn bởi vì điều này mà nhận chịu đau khổ trong dòng sinh tử dằng dặc, huống gì bây giờ mình lìa tham-sân-si làm ruộng phước cho thế gian, họ khởi lên phiền não với mình mà không chuốc lấy khổ đau hay sao, vì vậy bây giờ mình không nên trở lại làm nhân duyên của phiền não! Do đó A-la-hán tuy tự mình giải thoát mà vì hữu tình cho nên khởi lên thực hành về hạnh Vô tranh.

Hỏi: Đó là ngăn chặn phiền não thuộc tự tướng của người khác, hay là cọng tướng?

Đáp: Chỉ riêng tự tướng có thể ngăn chặn, không phải là cọng tướng. Nguyên cớ thế nào? Bởi vì phiền não thuộc cọng tướng, tùy theo sự thích hợp của nó, cùng một lúc duyên chung với một cõi-một địa-một xứ-một loại, một thân đã đạt được, chấp Ngã-ngã sở, hoặc là chấp Đoạn-Thường, hoặc gạt bỏ cho là không có, hoặc là chấp bậc nhất, hoặc là chấp có thể thanh tịnh, hoặc là khởi lên do dự, Vô minh không hiểu biết, tất cả hữu tình luôn luôn tùy ý khởi lên, không có thể ngăn chặn được. Vì thế cho nên chỉ ngăn chặn phiền não thuộc tự tướng.

Hỏi: Tự tánh của hạnh Vô tranh như thế nào, là Định hay là Tuệ? Giả sử như vậy thì có gì sai? Nếu là Định thì văn này nên hiểu thế nào? Như nói: "Khéo thông hiểu thời gian bên ngoài thì gọi là hạnh Vô tranh, khéo thông hiểu là Tuệ." Nếu là Tuệ thì văn khác nói nên hiểu thế nào? Như nói: "Cần phải luyện tập về Tĩnh Định-Vô tranh."

Đáp: Nên nói là Tuệ.

Hỏi: Nếu như vậy thì tại sao nói là cần phải luyện tập về Tĩnh Định-Vô tranh?

Đáp: Văn ấy nên nói là cần phải luyện tập về Tĩnh Tuệ-Vô tranh, mà nói là cần phải luyện tập về Tĩnh Định-Vô tranh, bởi vì muốn hiển bày đi cùng với Định cho nên gọi là Định, mà thật sự là Tuệ. Đó gọi là tự tánh của Vô tranh. Như tự tánh, Ngã-vật… cũng như vậy.

Đã nói về tự tánh, nay sẽ nói đến nguyên cớ. Hỏi: Vì sao gọi là hạnh Vô tranh?

Đáp: Bởi vì hạnh này có thể đối trị với phiền não tranh chấp của người khác, cho nên gọi là hạnh Vô tranh. Nhưng tranh chấp (tranh) có ba loại:

1. Tranh chấp thuộc phiền não.
2. Tranh chấp thuộc uẩn.
3. Tranh chấp đấu đá.

Tranh chấp thuộc phiền não, đó là một trăm lẻ tám phiền não. Tranh chấp thuộc uẩn, đó là cái chết. Tranh chấp đấu đá, đó là các hữu tình xúc phạm nhục mạ lẫn nhau, lời nói chống đối lẫn nhau. Nên biết trong này nói đến tranh chấp thuộc phiền não, bởi vì ngăn chặn hữu tình khởi lên phiền não.

Lại có người nói: Bởi vì hạnh này có thể làm cho mình và người không có tranh chấp, cho nên gọi là hạnh Vô tranh, tức là nghĩa của khéo tu về hạnh Vô ngã. Vì thế cho nên Tôn giả Thiện Hiện đã từng ở lúc sẩm tối, đến một ngôi chùa gõ cửa mà đứng đợi, Tỳ kheo bên trong cửa hỏi rằng là ai? Tôn giả Thiện Hiện bởi vì trú trong Vô tranh trải qua thời gian dài tu về hạnh Vô ngã thuần thục, cho nên im lặng không có thể trả lời rằng tôi là Thiện Hiện. Hồi lâu mới nói: Đây là do thế gian tạm thời đặt ra tên gọi là Thiện Hiện. Vả lại, Tôn giả ấy đã từng đi đường gặp phải trời mưa, đến tránh mưa bên cổng nhà của một ngoại đạo, ngoại đạo ấy hỏi rằng: Nhân giả tên gọi như thế nào? Tôn giả Thiện Hiện bởi vì trú trong Vô tranh trải qua thời gian dài tu về hạnh Vô ngã thuần thục, cho nên im lặng không có thể trả lời rằng tôi là Thiện Hiện. Đã hỏi nhiều lần, mới từ từ trả lời rằng: Đây là do thế gian tạm thời đặt ra tên gọi là Thiện Hiện. Cho nên biết rằng khéo tu về hạnh Vô ngã, làm cho mình và người không có tranh chấp, cho nên gọi là hạnh Vô tranh.

Có người nói: Các Sư Du-già bởi vì trú trong hạnh này mà ở trong cảnh có đủ yêu quý-không yêu quý, thích hợp-không thích hợp, vừa ý-không vừa ý, có lợi-không có lợi, khổ hay vui, thảy đều không có tranh chấp, cho nên gọi là hạnh Vô tranh.

Lại nữa, Vô tranh: Nói về Cõi, là rơi vào cõi Sắc. Có người nói: Rơi vào cõi Dục-Sắc.

Nói như vậy thì cách nói thứ nhất là hợp lý.

Nói về Địa, là thuộc về địa Tĩnh lự thứ tư. Có người nói: Thuộc về năm địa, đó là bốn Tĩnh lự và cõi Dục.

Nói như vậy thì cách nói thứ nhất là hợp lý. Nói về Sở y, là dựa vào thân của cõi Dục.

Nói về Hành tướng, là hành tướng không rõ ràng.

Nói về Sở duyên, là duyên với cõi Dục, ở trong cõi Dục chỉ duyên với phiền não. Có người nói: Duyên chung với năm uẩn của cõi Dục.

Nói như vậy thì cách nói thứ nhất là hợp lý.

Nói về Niệm trú, là Pháp niệm trú. Có người nói: Bao gồm bốn Niệm trú.

Nói như vậy thì Pháp niệm trú là hợp lý. Nói về Trí, là Thế tục trí.

Nói về Tam-ma-địa đi cùng, không phải là đi cùng với Tam-ma-địa.

Nói về Căn tương ưng, là tương ưng với Xả căn.

Nói về Thời gian(thế), là rơi vào ba thời gian; duyên với vị lai. Nói về thiện-bất thiện-vô ký, là thiện; duyên với bất thiện. Có người nói: Duyên chung với bất thiện-vô ký mà phần nhiều duyên với bất thiện.

Nói về hệ thuộc ba cõi-không hệ thuộc, là hệ thuộc cõi Sắc; duyên với hệ thuộc cõi Dục.

Nói về Học-Vô học-Phi học phi vô học, là Phi học phi vô học; duyên với Phi học phi vô học.

Nói về do Kiến mà đoạn-do Tu mà đoạn và không đoạn, là do Tu mà đoạn; duyên với do Tu mà đoạn. Có người nói: Duyên chung với do Kiến-Tu mà đoạn, nhưng phần nhiều duyên với do Tu mà đoạn.

Nói về duyên với danh-duyên với nghĩa, thì chỉ duyên với nghĩa. Nói về duyên với Tự tương tục-Tha tương tục và Phi tương tục, chỉ duyên với Tha tương tục. Có người nói: Duyên chung với Tự-Tha tương tục, nhưng phần nhiều duyên với Tha tương tục.

Khởi lên ở nơi nào? Nên nói là khởi lên ở cõi Dục chứ không phải là cõi Sắc-Vô sắc. Trong cõi Dục thì chỉ có loài người, chứ không phải là loài khác. Trong loài người thì chỉ có ba châu, chứ không phải là châu Bắc Câu-lô. Trong ba châu thì người nam-người nữ đều có thể khởi lên.

Tôn giả Chúng Thế nói rằng: "Chỉ có châu Thiệm Bộ, chỉ có người nam có thể khởi lên."

Nói như vậy thì cách nói thứ nhất là hợp lý.

Những Bổ-đặc-già-la nào khởi lên? Là Thánh giả chứ không phải là dị sinh, chỉ có Vô học chứ không phải là Hữu học. Trong Vô học chỉ có Bất thời giải thoát chứ không phải là Thời giải thoát. Nguyên cớ thế nào? Bởi vì cần phải đạt được Định tự tại, và trong sự nối tiếp nhau không bị phiền não níu giữ, thì mới có thể khởi lên.

Hỏi: Đức Phật-Độc giác-Thanh văn đến cứu cánh, cũng trú trong hạnh Vô tranh hay không? Giả sử như vậy thì có gì sai? Nếu các bậc ấy cũng trú trong hạnh Vô tranh, thì hạnh Vô tranh có thể ngăn chặn phiền não trong sự nối tiếp nhau của người khác, vì sao vẫn còn có trăm ngàn chúng sinh duyên vào các bậc ấy mà khởi lên phiền não? Nếu các bậc ấy không trú trong hạnh Vô tranh, thì trong kinh nói nên hiểu thế nào? Như nói: "Tôn giả Thiện Hiện là bậc nhất trú trong hạnh Vô tranh." Vị ấy căn tánh yếu

kém mà hãy còn trú trong hạnh Vô tranh, Đức Phật- Độc giác-Thanh văn đến cứu cánh là căn tánh thù thắng, mà các bậc ấy vì sao không có thể trú trong hạnh Vô tranh?

Đáp: Nên nói là Đức Phật-Độc giác-Thanh văn đến cứu cánh, cũng trú trong hạnh Vô tranh.

Hỏi: Nếu như vậy thì vì sao vẫn còn có trăm ngàn chúng sinh duyên vào các bậc ấy mà khởi lên phiền não?

Đáp: Đức Phật và Thanh văn đến cứu cánh, đều là thuyết pháp giáo hóa người khác, đều đạt được Nguyện trí, quán sát hữu tình thì bây giờ mình có thể làm cho họ không khởi lên phiền não đối với mình mà gieo trồng căn thiện hay không? Nếu biết là có thể thì đến giáo hóa họ. Nếu biết là họ không thể nào không khởi lên phiền não, nhưng có thể khiến cho họ gieo trồng căn thiện, thì liền nghĩ rằng thà họ khởi lên phiền não, cũng cần phải làm cho họ gieo trồng căn thiện. Nguyên cớ thế nào? Bởi vì nếu họ có thể khởi lên căn thiện thù thắng chỉ bằng mảy lông, thì có thể hủy diệt các ác hạnh-phiền não như núi cao. Nếu biết cả hai đều không có thể thì phương tiện mà tránh đi, hơn hẳn gấp trăm ngàn lần so với Thiện Hiện.

Có người nói: Đức Phật-Độc giác-Thanh văn đến cứu cánh, không trú trong hạnh Vô tranh.

Hỏi: Vì sao Thiện Hiện có thể trú trong hạnh Vô tranh, Đức Phật và Thanh văn đến cứu cánh là căn tánh thù thắng, mà không có thể trú trong hạnh Vô tranh?

Đáp: Tôn giả Thiện Hiện yêu thích tôn trọng luôn luôn tu tập ở trong hạnh Vô tranh, Đức Phật… thì không như vậy, bởi vì không phải là đối với hạnh Vô tranh khởi lên ý tưởng vô cùng tôn trọng, nhưng không phải là không có thể trú trong hạnh ấy.

Nói như vậy thì Đức Phật… cũng trú trong hạnh Vô tranh, nhưng không trú nhiều bởi vì giáo hóa hữu tình. Nguyên cớ thế nào? Bởi vì căn tánh của các hữu tình được giáo hóa không như nhau, có loại nên khuyên nhủ, có loại nên quở trách, có loại nên khen ngợi, sau đó tiến vào giáo pháp, tuy họ ở các phần vị quở trách… có lúc khởi lên tham- sân-mạn, nhưng chắc chắn nhờ vào đây mà gieo trồng các căn thiện. Vì thế cho nên Như Lai và Xá-lợi-tử…, tuy có thể luôn luôn trú trong hạnh Vô tranh, mà bởi vì giáo hóa hữu tình, cho nên không trú nhiều trong hạnh ấy.

Hỏi: Vô tranh là gia hạnh đạt được, hay là lìa nhiễm đạt được? Đáp: Có lúc là gia hạnh đạt được, có lúc là lìa nhiễm đạt được.

Trong này, có người nói: Đức Phật lìa nhiễm đạt được, bởi vì đạt

được lúc Tận trí hiện khởi; Thanh văn-Độc giác do gia hạnh mà đạt được, bởi vì gia hạnh cho nên hiện rõ ở trước mắt.

Có người nói: Đức Phật và Độc giác đều lìa nhiễm đạt được, bởi vì đạt được lúc Tận trí hiện khởi; Thanh văn do gia hạnh mà đạt được, bởi vì gia hạnh cho nên hiện rõ ở trước mắt.

Có người nói: Đức Phật-Độc giác và Thanh văn đến cứu cánh đều lìa nhiễm đạt được, bởi vì đạt được lúc Tận trí hiện khởi; Thanh văn khác do gia hạnh mà đạt được, bởi vì gia hạnh mà hiện rõ ở trước mắt.

Nói như vậy là nếu quyết định có thể đạt được thì đó là lìa nhiễm đạt được, bởi vì đạt được lúc Tận trí hiện khởi, sau khi thực hiện gia hạnh mới hiện rõ ở trước mắt. Đức Phật không do gia hạnh, Độc giác do gia hạnh bậc Hạ, Thanh văn do gia hạnh bậc Trung hoặc là bậc Thượng.

Nhưng có lúc Vô tranh do gia hạnh của Định Biên tế mà đạt được, bởi vì gia hạnh mà hiện rõ ở trước mắt.

Hỏi: Vô tranh này gia hạnh như thế nào?

Đáp: Dùng tất cả các địa và Định Biên tế làm gia hạnh, nói rộng ra như trong phần Nguyện trí.

Như trong kinh nói: "Tỳ kheo Thiện Hiện tu hạnh Vô tranh, chứng pháp tùy theo pháp."

Hỏi: Vô tranh không có thể đoạn các phiền não, vì sao Đức Thế Tôn đưa ra cách nói như vậy?

Đáp: Tôn giả ấy từ xưa đến nay yêu thích tu tập đối với hạnh Vô tranh, nhờ vào hạnh này lần lượt chuyển đổi có thể khởi lên Thánh đạo, đạo các phiền não, thành bậc A-la-hán, từ đây có thể khởi lên Vô tranh hiện rõ trước mắt. Dựa vào ý sâu kín này cho nên đưa ra cách nói này, không phải là nói Vô tranh có thể đoạn phiền não. Sự việc ấy như thế nào? Từng nghe Tôn giả xưa kia nhờ vào hai duyên phát khởi Chánh nguyện ở trong Vô tranh:

1. Nhờ vào thấy.
2. Nhờ vào nghe.

Nhờ vào thấy, đó là ở xưa kia thấy đệ tử của Đức Phật do trú trong Vô tranh, cứ mỗi khi đến thành ấp-đường đi-phố chợ, mong sao bảo vệ hữu tình khiến cho không khởi lên phiền não.

Nhờ vào nghe, đó là ở xưa kia nghe đệ tử của Đức Phật do trú trong Vô tranh, còn lại nói như trước. Đã thấy-nghe rồi khởi lên sự nhớ nghĩ đúng đắn, tùy theo mà tu tập bố thí-trì giới-đa văn-tinh cần-Phạm hạnh, tất cả

đều dùng để hồi hướng cho Vô tranh: Nguyện cho con ở đời vị lai làm đệ tử của Đức Phật luôn luôn trú trong Vô tranh, mong sao bảo vệ hữu tình như điều đã thấy-nghe về các đệ tử của Đức Phật. Nhờ vào nguyện lực ấy cảm được Chúng đồng phần, ở trong giáo pháp của Đức Phật Thích-ca Mâu-ni, làm đệ tử bậc nhất trú vào hạnh Vô tranh, bởi vì Vô tranh cho nên rất nhanh chóng chứng được quả A-la-hán. Bởi vì Vô tranh chắc chắn dựa vào thân Vô học. Dựa vào ý sâu kín này, cho nên trong kinh nói rằng: "Tu hạnh Vô tranh, chứng pháp tùy theo pháp."

Hỏi: Vô tranh thực hiện công hạnh gì?

Đáp: Thực hiện công hạnh vắng lặng, bởi vì làm vắng lặng các phiền não của người khác.

Như nói: "Trong đệ tử của Ta thì Nhân Nho Đồng là thông tuệ (hiệp tuệ) bậc nhất…"

Hỏi: Vì sao soạn ra phần luận này?

Đáp: Bởi vì muốn phân biệt nghĩa lý trong kinh. Như trong kinh nói: "Đức Thế Tôn ghi nhận và nói năm trăm đệ tử, tất cả tùy theo năng lực vốn có bậc nhất song song." Nay Luận sư của bản luận này, bởi vì muốn hiển bày về sai biệt ở trong bậc nhất song song tương tự, mà soạn ra phần luận này.

Hỏi: Vì sao Đức Thế Tôn ghi nhận và nói các đệ tử là song song bậc nhất?

Đáp: Tôn giả Thế Hữu nói rằng: "Đức Thế Tôn muốn hiển bày trong cách nói pháp khéo léo thì Thầy và đệ tử tài đức hài hòa không có tranh chấp, không giấu kín công đức chân thật của nhau; không phải là như ngoại đạo vì danh lợi cho nên lòng dạ chứa đầy ganh ghét, đệ tử và Thầy nói xấu lẫn nhau.

Lại nữa, Đức Thế Tôn muốn hiển bày trong cách nói pháp khéo léo thì đệ tử còn có công đức chân thật đáng khen ngợi-đáng ghi nhận, huống là đối với Thầy hay sao? Trong cách nói pháp xấu ác thì Thầy hãy còn không có công đức chân thật có thể ghi nhận, huống gì là đệ tử hay sao?

Lại nữa, muốn hiển bày trong cách nói pháp khéo léo thì keo kiệt bẩn thỉu vĩnh viễn đoạn bỏ, Thầy và đệ tử ca ngợi nêu cao công đức chân thật của nhau; không phải là như ngoại đạo bởi vì có keo kiệt bẩn thỉu, cho nên Thầy đối với đệ tử, đệ tử đối với Thầy, hãy còn không muốn nghe người khác ca ngợi, huống gì là tự mình nói ra hay sao?

Lại nữa, Đức Thế Tôn hiển bày về những sự việc mà mình cần làm đều đã hoàn thành, bởi vì buông bỏ gánh nặng dạy dỗ truyền trao cho nên

tự nhiên mà yên ổn.

Lại nữa, muốn hiển bày về Tỳ kheo bởi vì tu gia hạnh đúng đắn, cho nên có nơi trở về chứ không phải là xa xăm mù mịt.

Lại nữa, Đức Thế Tôn muốn làm cho ở trong công đức đã khen ngợi, tùy theo sự yêu thích ấy mà an trú nhiều, bởi vì sinh tâm cung kính tôn trọng, cho nên ý mong muốn được đầy đủ.

Lại nữa, Đức Phật vì khuyến khích hàng Tỳ kheo mới học, khiến cho sinh lòng mong mỏi ưa thích mà chịu khó tu tập."

Đại đức nói rằng: "Do hai nhân duyên cho nên Đức Thế Tôn ghi nhận và nói đến công đức của đệ tử:

1. Hiển bày niềm vui trú trong pháp hiện tại của mình.
2. Thương xót hữu tình ở đời sau.

Lại nữa, Đức Thế Tôn tự mình hiển bày ở trong chín mươi sáu chúng của các ngoại đạo, thì chúng của mình là hơn hẳn.

Lại nữa, Đức Thế Tôn muốn hiển bày Đức Phật xuất hiện ở thế gian có lợi ích to lớn, đó là lúc Đức Phật xuất thế, mới có những cặp Bồ- tát bậc nhất như vậy xuất hiện, chứ không phải là lúc không có Phật.

Lại nữa, Đức Thế Tôn muốn khiến cho ở trong các phần công đức sai biệt, bởi vì ưa thích từng loại riêng biệt, hoan hỷ chịu khó tu tập rời bỏ những sự lười nhác, cho nên mau chóng chứng được những công đức.

Lại nữa, Đức Thế Tôn muốn dùng sự đạt được của đệ tử, để chứng minh cho những điều đã nói là chân thật.

Lại nữa, muốn ngăn chặn sự phỉ báng là trong cách nói pháp khéo léo, không có pháp hiện chứng của bậc Thượng nhân.

Lại nữa, Đức Thế Tôn muốn ngăn chặn những người nhìn thấy hình dung tiều tụy của các Tỳ kheo mà sinh lòng khinh mạn, hiển bày những vị này đều có công đức thù thắng."

Các Luận sư A-tỳ-đạt-ma nói: "Bởi vì thuận theo pháp của chư Phật. Nghĩa là pháp của hằng hà sa số Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác xuất hiện giữa thế gian, đều ghi nhận trong chúng đệ tử vốn có nhiều cặp công đức bậc nhất, Đức Phật hiện tại cũng như vậy.

Lại nữa, muốn khiến cho người thế gian yêu thích các công đức riêng biệt, nghe mà sinh tâm hoan hỷ, bởi vì đối với Chánh pháp của Đức Phật, khởi tâm tôn trọng gieo trồng các căn thiện, cho nên đạt được lợi ích to lớn.

Lại nữa, bởi vì muốn trang nghiêm cho đồ chúng của chư Phật vị lai. Nghĩa là Đức Phật ghi nhận cho các đệ tử rồi, vô lượng hữu tình hoặc là

thấy-hoặc là nghe, đều sinh tâm hoan hỷ phát khởi Chánh nguyện, thuận theo pháp bố thí-trì giới-đa văn-chánh cần-Phạm hạnh đã tu tập, đều đem hồi hướng cho công đức bậc nhất: Nguyện cho con ở đời vị lai, được tham dự vào số các bậc Chánh sĩ như vậy trong giáo pháp của Đức Phật, để làm đồ chúng trang nghiêm của Đức Phật ấy.

Lại nữa, bởi vì muốn làm cho đệ tử đã được ghi nhận, tự mừng cho nguyện của mình được đầy đủ. Nghĩa là năm trăm Tỳ kheo như Nhân Nho Đồng…, đã từng ở nơi năm trăm Đức Phật quá khứ, hoặc là thấy-hoặc là nghe Đức Phật ấy ghi nhận về công đức của đệ tử, hoan hỷ phát nguyện: Tùy theo pháp bố thí-trì giới-đa văn-chánh cần-Phạm hạnh mà con vốn có, nguyện được tham dự vào số Đại đệ tử như vậy, ở trong Chánh pháp của Đức Phật đời vị lai. Nay nguyện đã được đầy đủ, lại nghe Đức Phật ghi nhận, cho nên hoan hỷ vô cùng, tự mừng cho mình hết sức may mắn."

Có người nói như vậy: Chúng Đại đệ tử của mỗi một Như Lai, đều ở nơi năm trăm Đức Phật quá khứ, phát Đại thệ nguyện trang nghiêm mới được thành tựu.

Bởi vì các loại nhân duyên như vậy, cho nên Đức Phật ghi nhận cho đệ tử song song bậc nhất.

Như nói: "Trong đệ tử của Ta thì Nhân Nho Đồng là thông tuệ (hiệp tuệ) bậc nhất, như Bà-tư-ca… là nhanh nhẹn (mẫn tiệp) bậc nhất."

Hỏi: Hai vị này có gì sai biệt?

Đáp: Tôn giả Nhân Nho Đồng thì tâm thẳng thắn-tâm không cong-tâm chất phác tăng thượng, như Tôn giả Bà-tư-ca… thì tâm thấm nhuần-tâm mềm mỏng-tâm hòa thuận tăng thượng, vì vậy đều gọi là bậc nhất.

Trong này, thông tuệ tức là nhanh nhẹn, nhanh nhẹn tức là thông tuệ, mà Đức Phật đều gọi là bậc nhất, cho nên cần phải hỏi về tướng khác nhau của điều ấy.

Tôn giả Nhân Nho Đồng thì tâm thẳng thắn-tâm không cong-tâm chất phác tăng thượng: Tâm thẳng thắn-tâm không cong-tâm chất phác, thì tên gọi khác nhau mà nghĩa chỉ một, như thứ tự ấy lấy loại sau để giải thích loại trước. Hoặc tâm thẳng thắn là câu chung, tâm không cong là câu riêng hiển bày về tâm không có nịnh hót, tâm chất phác là câu riêng hiển bày về tâm không có dối gạt. Như con ngựa thông minh khéo nhận biết ý của người, tuy có lúc giật mình va chạm mà không tổn hại đến người; Tôn giả Nhân Nho Đồng cũng lại như vậy, bởi vì thông tuệ cho nên khéo nhận biết ý của Đức Phật, vào lúc vặn hỏi cứ thuận theo thẳng thắn trả lời.

Sự việc ấy như thế nào? Như trong kinh nói: "Lúc vị ấy còn tại gia,

tiền của châu báu dồi dào, thân thuộc cao quý sang trọng, luôn luôn thờ thần Mặt trời. Vị ấy vào tuổi trưởng thành, lúc sắp lấy vợ, mời nhiều chúng Bà-la-môn ngoại đạo, ở trong nhà mình thiết lễ cúng tế rầm rộ. Đức Phật đối với sự hóa độ không bao giờ để lỡ thời cơ, sáng sớm hôm ấy bởi vì hóa độ vị ấy cho nên khoác y-ôm bát bảo với A-nan-đà: Ông hãy theo Ta đi vào thành khất thực! Nói rồi liền đi vào thành Thất-la- phiệt, đến cổng nhà của Nhân Nho Đồng mà đứng lại. Phạm Chí ngoại đạo từ xa trông thấy mắng rằng: Hôm nay ở nhà này thiết hội tốt lành (cát tường), vật này không tốt lành vì sao lại đến đây?

Đức Phật nghe rồi liền bảo với A-nan-đà: Ông đến nói với các hàng ngoại kia, bậc Đại Sư là điều tốt lành nhất trong ba cõi, các ông không muốn thấy sự việc tốt lành thì lẽ nào thành tựu, Nhân Nho Đồng này nhất định vào hôm nay rời bỏ các ông mà xuất gia theo Ta, tất cả phép thuật của các ông có thể làm cho trở ngại hay không?

Lúc ấy A-nan-đà vâng theo lời dạy của Đức Phật, như Sư tử chúa không hề sợ hãi khó khăn, đi đến giữa chúng ngoại đạo như bầy hươu, nói cho biết rằng: Như Lai khéo thông hiểu về nhân quả, mà nói lời chân thành chính xác với các ông rằng: Bậc Đại Sư là điều tốt lành nhất trong ba cõi, các ông không muốn thấy sự việc tốt lành thì lẽ nào thành tựu, Nhân Nho Đồng này nhất định vào hôm nay rời bỏ các ông mà xuất gia theo Ta, tất cả phép thuật của các ông có thể làm cho trở ngại hay không?

Ngoại đạo nghe rồi nhìn nhau cười mà nói rằng: Sa-môn Kiều- đáp-ma tùy theo ý mình nói lời lừa dối, đâu có ai sắp đến lúc cầu thỉnh chúng ta cúng tế, bà con nội ngoại tụ tập chúc mừng, mà đi theo ông ta xuất gia hay sao, kỳ lạ thay Sa môn nói dối như vậy?

Lúc ấy có ngoại đạo tên là Ngũ Đảnh, đã từng thấy Đức Thế Tôn ghi nhận sự việc không sai lạc, liền nói với chúng ngoại đạo rằng: Nhân Nho Đồng này nhất định sẽ xuất gia, không sinh khởi ý nghĩ nào khác.

Ngoại đạo đều nói: Giả sử có điều này thì chúng tôi nhất định có thể làm cho trở ngại. Liền cùng nhau ngay lập tức vỗ tay, đi quanh nhà của Nhân Nho Đồng bảy lớp mà đứng lại.

Chốc lát mặt trời mọc lên, Nhân Nho Đồng này mặc áo mới sạch sẽ, đến trên lầu cao thắp hương phát nguyện, quỳ lạy mặt trời.

Lúc bấy giờ Đức Thế Tôn biết thời cơ hóa độ đã đến, liền tự hóa làm hình tướng Bà-la-môn, khoác tấm da hươu đen, dây vàng đeo trên thân thể, tay cầm gậy vàng, từ phía mặt trời đi đến trước mặt Nhân Nho Đồng, trải chỗ ngồi mà ngồi, Nhân Nho Đồng cúi đầu cung kính chân thành lễ lạy.

Ngoại đạo vui mừng nói: Nhân Nho Đồng là người phước thiện, cảm đến Đại Phạm Thiên đích thân đến dự lễ tiệc, sự việc nay đã thành tựu, vui sướng thay lời Sa-môn đã nói không có thật!

Lúc ấy Đức Phật liền dùng hình tướng đã hóa hiện nói với Nhân Nho Đồng rằng: Nay làm điều gì mà ồn ào náo loạn như vậy? Nhân Nho Đồng xấu hổ ngượng ngùng cúi đầu trả lời rằng: Hôm nay thuận theo pháp phàm tục, chính là sắp lấy vợ. Đức Phật hỏi đã tiêu tốn bao nhiêu?

Trả lời rằng: Con tiêu tốn ba trăm ngàn tiền vàng. Lại hỏi đã dùng vào việc gì? Trả lời rằng: Một trăm ngàn đưa cho vợ để mua đồ vật trang điểm, một trăm ngàn lo liệu các thức ăn uống cho mọi người, một trăm ngàn dùng để cúng dường các vị Bà-la-môn.

Đức Phật nói: Ông lo liệu đồ ăn thức uống-cúng dường Bà-la-môn mà sử dụng hai trăm ngàn, sẽ đạt được quả yêu thích thì sự việc có lẽ thích hợp như vậy, còn lại một trăm ngàn là dùng để mua vợ chăng? Bởi vì tâm người ấy thẳng thắn cho nên liền trả lời rằng: Dạ, dùng để mua vợ. Đức Phật nói: Vợ ông giá trị bấy nhiêu chăng? Vả lại, tóc của vợ ông là giá trị bao nhiêu? Nhân Nho Đồng trả lời rằng: Vật này không có nhiều giá trị, nếu các ca nhi-vũ nữ-dâm nữ đặt mua thì giá trị khoảng một Ca-yết-ni, hoặc là chỉ có giá trị một nửa. Lại hỏi móng tay-chân của vợ ông là giá trị bao nhiêu? Nhân Nho Đồng trả lời rằng: Vật này không hề có giá trị. Đức Phật lại lần lượt đưa ra ba mươi sáu vật trong thân người ấy, hỏi theo từng loại một; Nhân Nho Đồng cũng theo từng loại một mà trả lời, đều nói vật này không hề có giá trị.

Nhưng Nhân Nho Đồng đã từng ở trong giáo pháp của Phật Ca- diếp-ba thời quá khứ, trải qua mười ngàn năm tu quán phương tiện về thân nam, bởi vì Đức Phật hỏi riêng biệt về vật bất tịnh, cho nên phẩm thiện đã luyện tập ở quá khứ hiện rõ trước mắt, liền điều phục được Dục tham, lìa nhiễm của cõi Dục.

Đức Thế Tôn ngay sau đó trở lại hình tướng của mình, nói về bốn Chân đế cho Nhân Nho Đồng nghe, Nhân Nho Đồng nghe liền chứng được quả Bất hoàn. Lúc ấy Đức Phật liền nắm tay Nhân Nho Đồng bay vút lên giữa hư không, nói bài tụng rằng:

"Tuy rất trang nghiêm mà thực hành theo pháp,
Lặng yên hít thở cốt phải tu Phạm hạnh,
Tất cả ràng buộc của thế gian đều bỏ,
Chính là Phạm Chí, Sa-môn Tăng thanh tịnh."

Vì vậy cho nên biết tâm của vị ấy chất phác thẳng thắn. Nếu không

như vậy thì lúc người biến hóa hỏi, vị ấy sẽ trả lời rằng: Ông là Phạm Chí, đâu cần phải biết về việc tôi lấy vợ, là phép tắc lấy vợ như vậy, tại sao gọi là mua vợ? Bởi vì chất phác thẳng thắn, cho nên thuận theo câu hỏi mà trả lời, phẩm thiện thành thục đạt được quả. Vì thế cho nên Đức Thế Tôn khen ngợi Nhân Nho Đồng là thông tuệ bậc nhất.

-oOo-

LUẬN A TỲ ĐẠT MA ĐẠI TỲ BÀ SA

QUYỂN 180

LUẬN VỀ BẤT HOÀN (Phần 7)

Như Tôn giả Bà-tư-ca… thì tâm thấm nhuần-tâm mềm mỏng-tâm hòa thuận tăng thượng: Nói là Đẳng (…) tức là thâu nhiếp cả Tôn giả Phả-lạc-ca, Tôn giả Chí-lũ-ca.

Trong này, tâm thấm nhuần-tâm mềm mỏng-tâm hòa thuận, thì tên gọi khác nhau mà nghĩa chỉ một, như thứ tự ấy lấy loại sau để giải thích loại trước. Hoặc tâm thấm nhuần là câu chung, tâm mềm mỏng là câu riêng hiển bày về tâm không có kiêu ngạo, tâm hòa thuận là câu riêng hiển bày về tâm không có khinh mạn.

Tại sao biết được Bà-tư-ca… có những sự việc như tâm thấm nhuần…? Từng nghe ba người ấy nghe Đức Phật xuất thế, hỏi thăm biết là Đức Phật ở tại thành Thất-la-phiệt, ba người theo nhau từ thành Vương Xá đi đến thành Thất-la-phiệt. Đức Thế Tôn biết họ trải qua nhiều lần lặp đi lặp lại thì căn thiện mới chín muồi, liền chọn lấy đường khác từ thành Thất-la-phiệt đi đến thành Vương Xá. Bà-tư-ca… đi đến thành Thất-la-phiệt, nghe tin Đức Phật đã đi trở lại thành Vương Xá, liền tiếp tục dẫn nhau quay lại đi đến thành Vương Xá; đến rồi nghe tin Đức Phật đã đi đến nước Chiêm Ba, lại tiếp tục dẫn nhau đi đến nước Chiêm Ba; đến rồi tìm hỏi nghe tin Đức Phật đã đi đến nước Bà-la-ni- tư, ba người lại theo nhau đi đến Bà-la-ni-tư; đến rồi được tin Đức Phật đã đi đến thành Kiếp-tỷ-la-phiệt-suất-đổ, lại cùng nhau đi đến thành Kiếp-tỷ-la-phiệt-suất-đổ; đến rồi được tin Đức Phật đã đi đến thành Phệ-xá-ly. Như vậy, Đức Thế Tôn ở sáu thành lớn đi vòng quanh sáu lần, Bà-tư-ca… cũng luôn luôn tìm theo Đức Phật qua lại sáu lần. Đức Phật biết lúc căn của những người ấy chín muồi, đến tại thành Thất- la-phiệt sẽ cùng họ gặp nhau, Đức Phật mới đi vào thành, họ từ trong thành đi ra, bỗng nhiên từ xa trông thấy Đức Phật, hoan hỷ không sao kể xiết, chân chưa chạm đất đã đạt được quả Dự lưu, sau đó không lâu thành bậc A-la-hán.

Nhưng ba người ấy, nếu không phải là tâm thấm nhuần-mềm mỏng-

hòa thuận, thì sẽ đi đến ở một thành để chờ đợi Đức Phật, lẽ nào có thể tìm theo Đức Phật đi khắp sáu thành lớn vòng quanh sáu lần hay sao? Tâm ban đầu không có một niệm vất vả mệt mỏi, lúc mới trông thấy Đức Phật liền chứng được quả Thánh, cho nên Đức Phật khen ngợi rằng: Bà-tư-ca… là nhanh nhẹn bậc nhất.

Như nói: "Trong đệ tử của Ta thì Tiểu Lộ đối với Tâm quay về thiện, Đại Lộ đối với Tưởng quay về thiện."

Hỏi: Hai vị này có gì sai biệt?

Đáp: Tôn giả Tiểu Lộ phần nhiều trú vào Tâm thuận theo Tâm quán về Niệm trú, Tôn giả Đại Lộ phần nhiều trú vào Pháp thuận theo Pháp quán về Niệm trú.

Hỏi: Vì sao Tôn giả Tiểu Lộ phần nhiều trú vào Tâm niệm trú, Tôn giả Đại Lộ phần nhiều trú vào Pháp niệm trú?

Đáp: Bởi vì ý thích của hai Tôn giả ấy khác nhau.

Lại nữa, Tôn giả Tiểu Lộ là người thuộc về hành Ái, vị ấy do lực của tâm, từ vô thỉ cho đến ngày nay ở trong sinh tử nhận chịu nhiều khổ não, nay thành bậc Vô học thường trách mắng tâm, vì vậy phần nhiều trú vào Tâm niệm trú mà quán xét; Tôn giả Đại Lộ là người thuộc về hành Kiến, vị ấy do lực của tưởng, từ vô thỉ cho đến ngày nay ở trong sinh tử nhận chịu nhiều khổ não, nay thành bậc Vô học thường trách mắng tưởng, vì vậy phần nhiều trú vào Pháp niệm trú mà quán xét.

Hỏi: Hai Tôn giả này vì sao đặt theo tên gọi này?

Đáp: Từng nghe trong thành Thất-la-phiệt có người phụ nữ dòng Bà-la-môn, nhiều lần sinh con trai, sinh rồi liền chết. Người phụ nữ ấy không bao lâu lại sinh một bé trai, lập tức khiến người đem đến bỏ ở con đường lớn, trải qua thời gian không chết, cho nên đặt theo tên gọi này. Người phụ nữ ấy về sau lại sinh một người con, vẫn lập tức khiến người đem bỏ ở con đường nhỏ, cũng trải qua thời gian không chết, vì vậy đặt theo tên gọi này. Tôn giả Đại Lộ là người lợi căn thuộc về hành Kiến, đến tuổi trưởng thành xuất gia theo Đức Phật, tinh tiến tu hành thành vị A-la-hán. Tôn giả Tiểu Lộ là người độn căn thuộc về hành Ái, thích sống ở nhà quấn quýt bảo vệ thân thuộc, làm cho tài sản thêm nhiều, hướng đến địa vị cao quý giàu sang, bà con họ hàng hưng thịnh, hưởng thụ nhiều dục lạc, về sau đều suy giảm. Như bài tụng nói:

"Tài sản tích lũy sau phải hết,
Địa vị cao sang sau phải xuống,
Thân quyến hội tụ sau phải lìa,

Thọ mạng tồn tại sau phải chết.”

Vì vậy, Tiểu Lộ về sau không lâu thì cha mẹ qua đời, tiền của châu báu thất lạc mất mát, địa vị cao sang lui sụt rời bỏ, thân quyến chia lìa, hình dáng tiều tụy. Anh trai là Đại Lộ nhìn thấy mà thương xót cho em, độ cho xuất gia, thọ Cụ túc giới, dạy cho bài tụng Câu-ca-thanh khiến thường đọc tụng cho thuộc lòng:

“Thân-ngữ-ý đừng có gây ra,
Tất cả điều ác của thế gian,
Lìa ham muốn-nghĩ biết đúng đắn,
Không nhận chịu khổ đau vô nghĩa.”

Vị ấy vô cùng tối tăm chậm chạp, tiếp nhận bài tụng này rồi chịu khó chịu khổ luyện tập đọc tụng suốt trong bốn tháng, người chăn trâu- dê ở ven đường nghe đọc tụng đều thông suốt lưu loát, mà vị ấy vẫn chưa đọc thuộc được. Qua bốn tháng mưa, Tỳ kheo khắp nơi trở về thăm hỏi Đức Thế Tôn, cho nên đều tập trung lại với nhau. Mỗi ngày vào sáng sớm, Tỳ kheo mới học đều đi đến nơi Ô-ba-đà-da (thân giáo sư) A-già-lợi-da để tiếp nhận văn từ, thưa hỏi nghĩa lý đã quên mất. Tiểu Lộ lúc bấy giờ cũng bắt chước người khác mà đi, sắp ra khỏi cửa phòng, người anh liền Hỏi: Em muốn đi đâu? Trả lời rằng: Em muốn đi đến nơi Ô-ba-đà-da A-già-lợi-da để tiếp nhận văn từ, thưa hỏi nghĩa lý đã quên mất. Người anh nói rằng: Ta chính là Ô-ba-đà-da của ông, mà ông lại còn đi đến nơi nào? Nhưng Tiểu Lộ ấy, là người cần phải trách mắng đuổi đi mới tiến vào đạo. Đại Lộ ngay lập tức đưa tay nắm gáy người em kéo ra ngoài phòng mắng rằng: Người ngu dốt, Ta dạy cho ông một bài tụng trong bốn tháng trời, người chăn trâu-dê ven đường đọc tụng đều thông suốt lưu loát, ông vẫn chưa đọc thuộc được, mà bây giờ còn nói là muốn đi đến nơi khác tiếp nhận văn từ, thưa hỏi nghĩa lý đã quên mất hay sao? Tiểu Lộ đã bị anh trách mắng đuổi đi rồi, vào trong Thệ- đa-lâm (tinh xá Kỳ Hoàn) mà đứng khóc sụt sùi. Lúc ấy Đức Phật từ bên ngoài đi vào Thệ-đa-lâm, trông thấy bèn hỏi nguyên do sự việc: Đáng thương cho Tiểu Lộ, vì sao mà khóc sụt sùi? Vị ấy đem đầy đủ sự việc trên thưa với Đức Thế Tôn, Đức Phật liền nói rằng: Con có thể đi theo Ta, lý nào mà quên được không? Vị ấy thưa rằng: Con có thể. Lúc bấy giờ Đức Thế Tôn liền dùng thần lực xoay chuyển chướng ngại vốn có trong bài tụng đã học ấy, trở lại giảng giải cho nghe, lập tức tụng được, hơn hẳn công lao đã sử dụng trong bốn tháng trước. Lại dùng bài tụng trừ bụi bẩn(trừ trần cấu) để phân biệt giảng giải mà nói với Tiểu Lộ rằng: Hôm nay Tỳ kheo từ bên ngoài đến thì con đều có thể lau sạch bụi bẩn vốn có trên giày dép cho họ! Tiểu Lộ vâng dạ cung kính, thực hành như lời dạy. Đến lúc

chiều muộn có một Tỳ kheo, giày dép dính đầy bụi bẩn, Tiểu Lộ lau chùi một chiếc thì rất sạch, một chiếc thì chùi mãi mà không có thể sạch được, liền dấy lên nghĩ rằng: Bụi bẩn là vật bên ngoài tạm thời dính vào hãy còn không có thể chùi sạch, huống gì bụi bẩn như tham dục-sân-si…ở bên trong suốt đời dính vào tâm thì do đâu mà có thể làm sạch? Lúc dấy lên ý nghĩ này, thì lúc ấy quán Bất tịnh và Trì tức niệm liền hiện rõ ở trước mắt, theo thứ tự đạt được quả A-la-hán.

Hỏi: Tiểu Lộ vì sao tối tăm chậm chạp như vậy?

Đáp: Tôn giả Tiểu Lộ xưa kia ở trong giáo pháp của Đức Phật Ca-diếp-ba, thọ trì đầy đủ ba Tạng của Đức Phật ấy, bởi vì keo kiệt bẩn thỉu về giáo pháp che lấp tâm tư, không hề trao truyền văn từ-giải thích ý nghĩa và lý lẽ cho người khác mà bỏ quên mất, do nghiệp ấy cho nên nay mang lấy quả báo vô cùng tối tăm chậm chạp như vậy.

Có người nói: Tôn giả ấy đã từng ở tại thành Bà-la-ni-tư làm người buôn heo, buộc miệng của năm trăm con heo chuyển lên trên thuyền chở sang đến bờ bên kia, đến lúc xuống thuyền bởi vì hơi thở không thông cho nên cả bầy heo đều đã chết, do nghiệp lực ấy mà tối tăm chậm chạp như vậy.

Có người nói: Tôn giả ấy xưa kia trong đời khác đã từng bít chặt cửa hang của loài thú Cù-đà, khiến cho không thoát ra được mà chết ở trong hang, do nghiệp ấy mà tối tăm chậm chạp như vậy.

Như Đức Thế Tôn nói: "Tỳ kheo nên biết! Ta không thấy một pháp nào xoay chuyển nhanh chóng giống như tâm. Nguyên cớ thế nào? Bởi vì tâm xoay chuyển nhanh chóng khó mà đưa ra ví dụ. Vì thế cho nên các Thầy cần phải học để khéo léo nhận biết về tâm, khéo léo nhận biết về sự xoay chuyển của tâm."

Hỏi: Đã nói đến tâm xoay chuyển nhanh chóng, đó là bởi vì thời gian hay là bởi vì sở duyên? Giả sử như vậy thì có gì sai? Nếu bởi vì thời gian thì tất cả các pháp hữu vi đều xoay chuyển nhanh chóng đối với thời gian, nếu bởi vì sở duyên thì tất cả tâm - tâm sở pháp đều xoay chuyển nhanh chóng đối với sở duyên, vì sao chỉ nói đến tâm?

Đáp: Cũng bởi vì thời gian-cũng bởi vì sở duyên cho nên nói là tâm xoay chuyển nhanh chóng. Nhưng dựa vào sự nối tiếp nhau chứ không dựa vào sát-na. Nếu dựa vào sát-na mà nói về tâm xoay chuyển nhanh chóng, thì lẽ ra đối với thời gian có phần ít xoay chuyển nhanh chóng, phần ít không xoay chuyển nhanh chóng; cũng không có xoay chuyển nhanh chóng đối với sở duyên, bởi vì nói: Nếu pháp là sở duyên của nó thì pháp này

không có lúc nào không phải là sở duyên của nó.

Vì vậy chỉ dựa vào sự nối tiếp nhau mà nói là tâm xoay chuyển nhanh chóng, nghĩa là tâm trong một thân có lúc là thiện, có lúc là bất thiện, có lúc là vô ký, có lúc dựa vào mắt cho đến có lúc chỉ dựa vào ý, có lúc duyên với sắc cho đến có lúc duyên với pháp, trong mỗi một loại lại tiếp tục chuyển đổi.

Hỏi: Các tâm sở pháp cũng có xoay chuyển nhanh chóng như vậy, vì sao chỉ nói đến tâm?

Đáp: Cũng cần phải nói đến tâm sở mà không nói, thì nên biết là Đức Phật có cách nói khác, cũng là tùy duyên mà nói giản lược.

Có người nói: Trong này đưa ra tâm cũng thâu nhiếp tâm sở, bởi vì cùng một tụ.

Có người nói: Trong này nói đến pháp thù thắng nhất, như nói nhà vua đến.

Có người nói: Tâm sở dựa vào tâm, bởi vì tâm cho nên gọi là tâm sở, bởi vì tâm là mặt đất cho nên tâm sở gọi là vốn có của mặt đất, vì thế nói đến tâm thì cũng nói đến tâm sở.

Có người nói: Tha tâm trí chứng thông-đạo vô gián chỉ duyên với tâm, vì thế cho nên chỉ nói đến tâm.

Có người nói: Trong này, thanh của tâm là nói chung cho tất cả tâm và tâm sở, bởi vì nó đều có nghĩa của sự tích tụ.

Có người nói: Tâm là pháp đi trước dẫn đường cho nên chỉ nói đến tâm, như bài tụng nói: "Ý là pháp đi trước dẫn đường…"

Có người nói: Tâm gọi là đi xa, như bài tụng nói: "Tâm đi xa chỉ đi một mình…"

Có người nói: Tâm gọi là vua, như bài tụng nói: "Thức thứ sáu tăng thượng là vua…"

Lại nữa, tâm gọi là nương tựa, như trong kinh nói: "Nơi hiện hành và cảnh giới của năm căn đều khác, ý thọ dụng đầy đủ nơi hiện hành của năm căn và cảnh giới của năm căn, bởi vì năm căn dựa vào ý."

Lại nữa, tâm gọi chủ thành, như trong kinh nói: "Nói đến chủ thành, tức là có giữ lấy Thức." Bởi vì nghĩa như vậy, cho nên chỉ nói đến tâm.

Lại có người nói: Tâm có thể phát khởi giới thiện-giới ác, vì thế cho nên chỉ nói đến tâm, như trong kinh nói: "Giới thiện-giới ác đều dựa vào tâm mà khởi lên."

Có người nói: Tâm cheo leo sinh vào nẻo ác, tâm bằng phẳng sinh

vào nẻo thiện, cho nên chỉ nói đến tâm, như trong kinh nói: "Nho đồng, Anh vũ, Đô-đề-da-tử, bởi vì ở bên cạnh Đức Phật khởi lên tâm ác, cho nên lúc thân hoại mạng chung, như khoảng thời gian ném vỏ sò, sẽ rơi vào địa ngục; họ lại đối với Đức Phật khởi lên tâm thiện, cho nên lúc thân hoại mạng chung, như khoảng thời gian ném vỏ sò, sẽ sinh trong cõi trời."

Có người nói: Tâm là pháp bên trong, ở khắp tất cả mọi nơi, có thể có sở duyên, vì thế cho nên chỉ nói đến tâm. Tâm là pháp bên trong, bởi vì Xứ bên trong thâu nhiếp; ở khắp tất cả mọi nơi, bởi vì dưới từ địa ngục vô gián, trên đến cõi Hữu Đảnh, khắp nơi đều có; có thể có sở duyên, bởi vì có thể duyên với tất cả các pháp.

Có người nói: Tâm luôn luôn nối tiếp nhau, tâm sở thì không như vậy. Lại nữa, tâm không có tăng-giảm, tâm sở thì không như vậy.

Có người nói: Lúc tâm đối với sở y-sở duyên-hành tướng như vậy mà chuyển, thì tâm sở tùy chuyển; như nơi nào cá đực đi lại, thì cá mái đều đi theo. Vì thế cho nên chỉ nói đến tâm.

Có người nói: Nếu tâm không điều phục-không kín đáo-không bảo vệ-không đề phòng-không tu dưỡng, không điều hòa mềm mại thì sẽ hủy hoại, tâm sở cũng như vậy; nếu tâm điều phục-kín đáo-bảo vệ- đề phòng-tu dưỡng, mà điều hòa mềm mại thì sẽ không hủy hoại, tâm sở cũng như vậy. Vì thế cho nên chỉ nói đến tâm.

Lại nữa, nếu tâm không kềm chế rong ruổi tản mác theo năm cảnh thì tâm sở cũng như vậy; nếu tâm nhờ kềm chế không rong ruổi theo năm cảnh thì tâm sở cũng như vậy; như dùng ống tre lọc nước, phần trên mở ra thì chảy xuống, phần trên đóng lại thì ngừng chảy. Vì thế cho nên chỉ nói đến tâm chứ không phải là tâm sở.

Hỏi: Đức Phật ở nơi khác nói tâm giống như vượn khỉ, vì sao lại nói tâm xoay chuyển nhanh chóng khó mà đưa ra ví dụ?

Đáp: Bởi vì không phải là tùy người-tùy lực-tùy lúc-tùy Tuệ mà có thể đưa ra ví dụ về tâm, cho nên nói là khó đưa ra, chứ không nói là không có ví dụ.

Không phải là tùy người, bởi vì không phải các dị sinh yếu kém về Định hễ nghe liền suy nghĩ mà có thể đưa ra được, chỉ có Đức Phật-Độc giác và đệ tử hàng Thánh, khéo léo nhận biết về tự tướng-cọng tướng của các tâm thì mới có thể đưa ra.

Không phải là tùy lực, bởi vì không phải là không tác ý-không có thực hiện gia hạnh, cần phải do tác ý-gia hạnh thì mới có thể đưa ra.

Không phải là tùy lúc, bởi vì không phải là lúc không có Phật mà có

thể đưa ra, phải là lúc mặt trời của Phật xuất hiện ở thế gian thì mới có thể đưa ra.

Không phải là tùy Tuệ, bởi vì không phải Tuệ thô thiển nông cạn mà có thể đưa ra, chỉ riêng Giác Tuệ sâu xa vi tế thì mới có thể đưa ra.

Có người nói: Nếu có ai đối với tâm khéo léo nhận biết khởi lên, khéo léo nhận biết dừng lại, khéo léo nhận biết rời ra, khéo léo nhận biết tăng thêm, khéo léo nhận biết giảm xuống, khéo léo nhận biết phương tiện, khéo léo nhận biết thời gian, khéo léo nhận biết sở hành, khéo léo nhận biết dẫn phát, thì mới có thể đưa ra ví dụ về tâm, cho nên nói là khó đưa ra.

Có người nói: Ai có thể đưa ra ví dụ về tâm? Đó là Đức Phật. Ai biết có thể đưa ra ví dụ về tâm? Đó chính là Đức Phật. Bởi vì hai điều này không đi cùng, cho nên nói là khó đưa ra.

Có người nói: Ai có thể đưa ra ví dụ về tâm? Đó là người khéo léo nhận biết về tâm sinh diệt không ngừng trong từng sát-na. Ai biết có thể đưa ra ví dụ về tâm? Đó là người khéo léo nhận biết về tâm sinh diệt không ngừng trong từng sát-na. Bởi vì hai điều này không đi cùng, cho nên nói là khó đưa ra.

Có người nói: Ví dụ về tâm, hoặc là như nhau, hoặc là tương tự. Như nhau là như nói về tâm giống như tâm; tương tự là như nói về tâm giống như Thọ… Hai loại này cùng thâu nhiếp ở trong tâm nhanh chóng, vì thế cho nên trước đây nói trong này thanh của tâm là thâu nhiếp chung tất cả tâm và tâm sở, ngoài ra lại không có như nhau và tương tự, cho nên nói là khó đưa ra.

Có người nói: Nếu pháp có thế dụng giữ lấy cảnh như tâm thì có thể làm ví dụ về tâm, nhưng không có pháp như vậy, cho nên nói là khó đưa ra. Tuy trong kinh nói tâm như vượn khỉ, nhưng mà vượn khỉ rời bỏ một cành-nắm lấy một cành, trong khoảnh khắc có trăm ngàn tâm xoay chuyển đối với cảnh, cho nên nói là khó đưa ra.

Có người nói: Đức Thế Tôn chỉ nói là khó đưa ra ví dụ, bởi vì không có người chứng thực nhận biết, chứ không nói là hoàn toàn không có ví dụ. Nghĩa là năng lực của Đức Phật có thể hóa làm cây trong một sát-na để ví dụ cho tâm, nhưng không có ai nhận biết, cho nên nói là khó đưa ra.

Hỏi: Tôn giả Xá-lợi-tử có thể không nhận biết chăng?

Đáp: Có người nói: Không nhận biết, bởi vì vô cùng nhanh chóng.

Có người nói: Có thể nhận biết nhưng không tác ý nhận biết, bởi vì không có tác dụng.

Hiếp Tôn giả nói: "Đức Thế Tôn nói tâm như vượn khỉ, tức là lấy tâm để ví dụ cho tâm, bởi vì vượn khỉ leo trèo nhảy nhót đều là việc làm của tâm."

Hỏi: Đã nói đến khéo léo nhận biết về tâm và khéo léo nhận biết về tâm xoay chuyển, có gì sai biệt?

Đáp: Có người nói: Không có sai biệt, khéo léo nhận biết về tâm tức là khéo léo nhận biết về tâm xoay chuyển.

Có người nói: Cũng có sai biệt, đó là tên gọi chính là sai biệt, gọi là khéo léo nhận biết về tâm và gọi là khéo léo nhận biết về tâm xoay chuyển.

Lại nữa, quán xét tự tánh của tâm gọi là khéo léo nhận biết về tâm, quán xét hành tướng của tâm gọi là khéo léo nhận biết về tâm xoay chuyển.

Lại nữa, quán xét về tánh sai biệt của tâm gọi là khéo léo nhận biết về tâm, quán xét về cảnh hiện hành của tâm gọi là khéo léo nhận biết về tâm xoay chuyển.

Lại nữa, quán xét tự tướng của tâm gọi là khéo léo nhận biết về tâm, quán xét cọng tướng của tâm gọi là khéo léo nhận biết về tâm xoay chuyển.

Có người nói: Quán về Tâm niệm trú gọi là khéo léo nhận biết về tâm, quán về Pháp niệm trú gọi là khéo léo nhận biết về tâm xoay chuyển.

Lại nữa, chỉ quán về Thức thực-Thức uẩn-Ý xứ-bảy Tâm giới thì gọi là khéo léo nhận biết về tâm, quán chung về bốn loại Thực-năm Uẩn-mười hai Xứ-mười tám Giới thì gọi là khéo léo nhận biết về tâm xoay chuyển.

Có người nói: Quán xét về tâm gọi là khéo léo nhận biết về tâm, quán xét về tâm sở gọi là khéo léo nhận biết về tâm xoay chuyển.

Có người nói: Quán xét về Thức gọi là khéo léo nhận biết về tâm, quán xét về Thức trú gọi là khéo léo nhận biết về tâm xoay chuyển.

Hiếp Tôn giả nói: "Quán xét về tâm có tham gọi là khéo léo nhận biết về tâm, quán xét về chuyển tâm có tham là tâm lìa tham gọi là khéo léo nhận biết về tâm xoay chuyển."

Như có tham-lìa tham, nên biết có sân-lìa sân, có si-lìa si, phân tán-hời hợt, xuống thấp-lên cao, nhỏ bé-to lớn, lăng xăng-không lăng xăng, không vắng lặng-vắng lặng, không ổn định-ổn định, không tu tập- tu tập, không giải thoát-giải thoát, nhiễm ô-không nhiễm ô, hữu lậu-vô lậu, ràng buộc-cởi bỏ, hệ thuộc-không hệ thuộc cũng như vậy.

Như nói: "Trong đệ tử của Ta, Xá-lợi-tử có đủ Đại Tuệ biện, Chấp Đại Tạng đạt được Vô ngại giải."

Hỏi: Hai vị này có gì sai biệt?

Đáp: Tôn giả Xá-lợi-tử phần nhiều trú trong Nghĩa vô ngại giải, Tôn giả Chấp Đại Tạng phần nhiều trú trong bốn Vô ngại giải, vì thế cho nên Đức Thế Tôn đều nói là bậc nhất.

Hỏi: Nếu như vậy thì Tôn giả Chấp Đại Tạng hơn hẳn Tôn giả Xá-lợi-tử chăng?

Đáp: Tôn giả Xá-lợi-tử hơn hẳn, bởi vì có thể tự tại trú trong bốn loại, nhưng rời bỏ mà trú trong một loại.

Hỏi: Vì sao Tôn giả Xá-lợi-tử phần nhiều trú trong Nghĩa, Tôn giả Chấp Đại Tạng phần nhiều trú trong bốn loại?

Đáp: Tôn giả Xá-lợi-tử chán ngán lìa bỏ danh ngôn, yêu quý coi trọng đối với nghĩa lý; Tôn giả Chấp Đại Tạng đối với nghĩa lý và danh ngôn đều sinh lòng yêu quý coi trọng.

Có người nói: Tôn giả Xá-lợi-tử đối với bốn Vô ngại giải đều đạt được tự tại, mà tùy theo ý thích trú trong một loại Nghĩa vô ngại giải, bởi vì Tôn giả ấy ở tất cả mọi lúc chỉ mong cầu đối với nghĩa lý; Tôn giả Chấp Đại Tạng đối với bốn Vô ngại giải đều chưa đạt được tự tại, Đức Thế Tôn ghi nhận vị ấy đạt được Vô ngại giải, vị ấy dấy lên ý nghĩ rằng: Đừng cho là mình đối với bốn Vô ngại giải này, tâm tiến vào-an trú-rời ra có điều gì quên mất, không xứng đáng để ghi nhận chăng? Vì thế cho nên đối với bốn loại xoay vòng trú nhiều trong đó. Như có hai Tỳ kheo cùng đọc tụng Tứ A-kiệp-ma (tứ a hàm), một người thì đều thông suốt lưu loát, một người thì sinh ra bế tắc; người thông suốt lưu loát thì tùy theo ý thích đọc tụng một phần, người sinh ra bế tắc thì xoay vòng tất cả bốn phần. Ở đây cũng như vậy, cho nên hai Tôn giả trú vào nhiều-ít đều khác nhau.

Hỏi: Tự tánh của bốn Vô ngại giải là gì?

Đáp: Tự tánh là Tuệ. Vì sao biết như vậy? Như trong luận Phẩm Loại Túc nói: "Pháp vô ngại giải là thế nào? Đó là Trí không thối chuyển đối với Văn-Cú-Danh thân. Nghĩa vô ngại giải là thế nào? Đó là Trí không thối chuyển đối với Thắng nghĩa. Từ vô ngại giải là thế nào? Đó là Trí không thối chuyển đối với ngôn từ. Biện vô ngại giải là thế nào? Đó là Trí không thối chuyển đối với sự giảng giải hợp lý không vướng mắc, và tự tại trong Định-Tuệ." Vì vậy cho nên biết Tuệ là tự tánh, bởi vì Trí tức là Tuệ. Đó gọi là tự tánh của Vô ngại giải, là Ngã, là vật, là tánh, là tướng, là bổn tánh.

Đã nói về tự tánh, nay sẽ nói đến nguyên cớ. Hỏi: Vì sao gọi là Vô ngại giải?

Đáp: Thông hiểu không vướng mắc đối với cảnh đã nhận biết gọi là Vô ngại giải, đó là Pháp vô ngại giải đối với đối với Văn-Cú-Danh thân,

Nghĩa vô ngại giải đối với Thắng nghĩa về Niết-bàn, Từ vô ngại giải đối với ngôn từ của các phương, Biện vô ngại giải đối với Chánh thuyết và đạo, dùng Trí không thối chuyển để giải thích không có gì chướng ngại.

Có người nói: Đối với cảnh đã nhận biết đang thấy mà nhận biết thì gọi là Vô ngại giải, như thế gian ở trong một sự việc đang thấy nói là tôi hiểu biết không có gì ngăn ngại đối với điều này.

Có người nói: Pháp này nên gọi là Thâm mật giải, đó là bởi vì hiểu đến nơi sâu kín của A-tỳ-đạt-ma.

Có người nói: Pháp này nên gọi là Tùy ứng giải, đó là bởi vì hễ ở cảnh nào thì như thích hợp mà hiểu rõ.

Bốn Vô ngại giải này: Nói về Cõi, thì Pháp-Từ vô ngại giải rơi vào cõi Dục-Sắc, Nghĩa-Biện vô ngại giải rơi vào ba cõi và không rơi vào cõi.

Nói về Địa, thì Pháp vô ngại giải, có người nói: Thuộc về hai địa, đó là cõi Dục-Tĩnh lự thứ nhất.

Có người nói: Thuộc về năm địa, đó là cõi Dục và bốn Tĩnh lự.

Có người nói: Thuộc về bảy địa, đó là cõi Dục-Vị chí-Tĩnh lự trung gian và bốn Tĩnh lự.

Nghĩa-Biện vô ngại giải, hữu lậu thì thuộc về mười một địa, đó là cõi Dục-Vị chí-Tĩnh lự trung gian-bốn Tĩnh lự và bốn Vô sắc; vô lậu thì thuộc về chín địa, đó là Vị chí-Tĩnh lự trung gian-bốn Tĩnh lự và ba Vô sắc.

Từ vô ngại giải thuộc về hai địa, đó là cõi Dục-Tĩnh lự thứ nhất. Nói về Sở y, thì bốn Vô ngại giải đều dựa vào cõi Dục.

Nói về Hành tướng, thì Pháp-Từ vô ngại giải là hành tướng không rõ ràng.

Nghĩa vô ngại giải, những người có ý muốn khiến cho chỉ có Niết-bàn là Thắng nghĩa, họ nói làm bốn hành tướng của Diệt và hành tướng không rõ ràng; những người có ý muốn khiến cho tất cả các pháp là Thắng nghĩa, họ nói làm mười sáu hành tướng và hành tướng không rõ ràng.

Biện vô ngại giải, có người nói: Làm mười hai hành tướng và hành tướng không rõ ràng.

Có người nói: Làm bốn hành tướng của Đạo và hành tướng không rõ ràng

Nói về Sở duyên, thì Pháp vô ngại giải duyên với Văn-Cú-Danh thân. Nghĩa vô ngại giải, hoặc có người muốn khiến cho chỉ duyên với Diệt đế, hoặc có người muốn khiến cho duyên với tất cả các pháp. Từ vô ngại giải duyên với ngôn từ. Biện vô ngại giải duyên với đạo và thuyết giảng.

Nói về Niệm trú, thì Pháp vô ngại giải là Pháp niệm trú. Nghĩa vô ngại giải, hoặc có người muốn khiến cho chỉ có Pháp niệm trú, hoặc có người muốn khiến cho đầy đủ bốn Niệm trú.

Từ vô ngại giải là Thân niệm trú. Biện vô ngại giải là bốn Niệm trú.

Nói về Trí, thì Pháp-Từ vô ngại giải là Thế tục trí.

Nghĩa vô ngại giải, những người có ý muốn khiến cho chỉ có Niết-bàn là Thắng nghĩa, có người nói: Tánh thuộc sáu trí, đó là Pháp trí- Loại trí-Thế tục trí-Diệt trí-Tận trí-Vô sinh trí.

Có người nói: Tánh thuộc bốn trí, trừ ra Tận trí-Vô sinh trí, bởi vì Vô ngại giải là tánh Kiến.

Những người có ý muốn khiến cho tất cả các pháp là Thắng nghĩa, có người nói: Tánh thuộc mười trí.

Có người nói: Tánh thuộc tám trí, trừ ra Tận trí-Vô sinh trí.

Biện vô ngại giải, có người nói: Tánh thuộc chín trí, trừ ra Diệt trí.

Có người nói: Tánh thuộc bảy trí, lại trừ ra Tận trí-Vô sinh trí.

Có người nói: Tánh thuộc sáu trí, là Pháp trí-Loại trí-Thế tục trí-Đạo trí-Tận trí-Vô sinh trí.

Có người nói: Tánh thuộc bốn trí, lại trừ ra Tận trí-Vô sinh trí.

Nói về Tam-ma-địa đi cùng, thì Pháp-Từ vô ngại giải không phải là đi cùng với Tam-ma-địa.

Nghĩa vô ngại giải, hoặc có người muốn khiến cho chỉ có Vô tướng và không phải là đi cùng với Tam-ma-địa; hoặc có người muốn khiến cho có đủ ba Tam-ma-địa và không phải là đi cùng với Tam-ma-địa.

Biện vô ngại giải, có người nói: Không-Vô nguyện và không phải là đi cùng với Tam-ma-địa.

Có người nói: Chỉ có Vô nguyện thuộc Đạo và không phải là đi cùng với Tam-ma-địa.

Nói về Căn tương ưng, thì nói chung là tương ưng với ba căn, nhưng cõi Dục thì tương ưng với Hỷ-Xả căn, hai Tĩnh lự đầu tương ưng với Hỷ căn, Tĩnh lự thứ ba tương ưng với Lạc căn, ở địa khác thì chỉ tương ưng với Xả căn.

Nói về Thời gian(thế), thì đều thuộc về ba thời gian. Pháp-Biện vô ngại giải duyên với ba thời gian. Từ vô ngại giải thì quá khứ duyên với quá khứ, hiện tại duyên với hiện tại, vị lai sinh khởi thì duyên với vị lai, không sinh khởi thì duyên với ba thời gian.

Có người nói: Pháp và Từ vô ngại giải giống nhau.

Có người nói: Pháp-Từ-Biện vô ngại giải, quá khứ-hiện tại duyên với quá khứ, vị lai duyên với ba thời gian.

Nghĩa vô ngại giải, hoặc có người muốn khiến cho chỉ duyên với tách lìa thời gian; hoặc có người muốn khiến cho duyên với ba thời gian và tách lìa thời gian.

Nói về thiện-bất thiện-vô ký, thì đều là thiện. Pháp vô ngại giải duyên với vô ký.

Nghĩa vô ngại giải, hoặc có người muốn khiến cho chỉ duyên với thiện; hoặc có người muốn khiến cho duyên với ba loại.

Từ-Biện vô ngại giải duyên với ba loại.

Nói về hệ thuộc ba cõi-không hệ thuộc, thì Pháp-Từ vô ngại giải hệ thuộc cõi Dục-Sắc. Nghĩa-Biện vô ngại giải hệ thuộc ba cõi và không hệ thuộc.

Pháp vô ngại giải, những người có ý muốn khiến cho cõi Vô sắc cũng có Văn-Cú-Danh thân, họ nói là duyên với hệ thuộc ba cõi; những người có ý muốn khiến cho cõi Vô sắc không có Văn-Cú-Danh thân, họ nói là duyên với hệ thuộc cõi Dục-Sắc.

Nghĩa vô ngại giải, hoặc có người muốn khiến cho chỉ duyên với không hệ thuộc; hoặc có người muốn khiến cho duyên với hệ thuộc ba cõi và không hệ thuộc.

Từ vô ngại giải duyên với hệ thuộc cõi Dục-Sắc.

Biện vô ngại giải, có người nói: Duyên với hệ thuộc ba cõi và không hệ thuộc.

Có người nói: Duyên với hệ thuộc cõi Dục-Sắc và không hệ thuộc.

Nói về Học-Vô học và Phi học phi vô học, thì Pháp-Từ vô ngại giải là Phi học phi vô học, duyên cũng như vậy.

Nghĩa-Biện vô ngại giải là Vô học và Phi học phi vô học.

Nghĩa vô ngại giải, hoặc có người muốn khiến cho chỉ duyên với Phi học phi vô học; hoặc có người muốn khiến cho duyên với ba loại. Biện vô ngại giải duyên với ba loại.

Nói về do Kiến mà đoạn-do Tu mà đoạn và không đoạn, thì Pháp- Từ vô ngại giải là do Tu mà đoạn, duyên cũng như vậy.

Nghĩa-Biện vô ngại giải, hữu lậu thì do Tu mà đoạn, vô lậu thì không đoạn.

Nghĩa vô ngại giải, hoặc có người muốn khiến cho chỉ duyên với không đoạn; hoặc có người muốn khiến cho duyên với ba loại. Biện vô ngại

giải duyên với do Tu mà đoạn và không đoạn.

Nói về duyên với danh-duyên với nghĩa, thì Pháp vô ngại giải chỉ duyên với danh.

Nghĩa vô ngại giải, hoặc có người muốn khiến cho chỉ duyên với nghĩa; hoặc có người muốn khiến cho duyên chung với danh và nghĩa.

Từ-Biện vô ngại giải chỉ duyên với nghĩa.

Nói về duyên với Tự tương tục-Tha tương tục và Phi tương tục, thì Pháp-Từ-Biện vô ngại giải duyên với Tự tương tục-Tha tương tục.

Có người nói: Chỉ duyên với Tự tương tục.

Nghĩa vô ngại giải, hoặc có người muốn khiến cho chỉ duyên với Phi tương tục; hoặc có người muốn khiến cho duyên với ba loại.

Nói về gia hạnh đắc-lìa nhiễm đắc, thì gồm chung gia hạnh đắc và lìa nhiễm đắc.

Trong đó có người nói: Đức Phật lìa nhiễm đạt được, bởi vì đạt được lúc Tận trí hiện khởi; Thanh văn-Độc giác do gia hạnh mà đạt được, bởi vì gia hạnh cho nên hiện rõ ở trước mắt.

Có người nói: Đức Phật và Độc giác đều lìa nhiễm đạt được, bởi vì đạt được lúc Tận trí hiện khởi; Thanh văn do gia hạnh mà đạt được, bởi vì gia hạnh cho nên hiện rõ ở trước mắt.

Có người nói: Đức Phật-Độc giác và Thanh văn đến cứu cánh đều lìa nhiễm đạt được, bởi vì đạt được lúc Tận trí hiện khởi; Thanh văn khác do gia hạnh mà đạt được, bởi vì gia hạnh mà hiện rõ ở trước mắt.

Nói như vậy là nếu quyết định có thể đạt được thì đó là lìa nhiễm đạt được, bởi vì đạt được lúc Tận trí hiện khởi, sau khi thực hiện gia hạnh mới hiện rõ ở trước mắt. Đức Phật không do gia hạnh, Độc giác do gia hạnh bậc Hạ, Thanh văn do gia hạnh bậc Trung hoặc là bậc Thượng.

Có lúc Vô ngại giải do gia hạnh mà đạt được, bởi vì gia hạnh mà hiện rõ ở trước mắt.

Hỏi: Bốn Vô ngại giải gia hạnh như thế nào?

Đáp: Có người nói: Pháp vô ngại giải lấy luyện tập về Số luận làm gia hạnh, Nghĩa vô ngại giải lấy luyện tập về lời dạy của Đức Phật làm gia hạnh, Từ vô ngại giải lấy luyện tập về Thanh luận làm gia hạnh, Biện vô ngại giải lấy luyện tập về Nhân luận làm gia hạnh. Đối với bốn điều này, nếu chưa khéo léo tài tình thì chắc chắn không có thể sinh khởi Vô ngại giải.

Có người nói: Pháp-Từ vô ngại giải lấy luyện tập về Ngoại luận làm

gia hạnh, Nghĩa-Biện vô ngại giải lấy luyện tập về Nội luận làm gia hạnh.

Nói như vậy thì bốn Vô ngại giải đều lấy sự luyện tập về lời dạy của Đức Phật làm gia hạnh. Như ở trong một bài tụng, nên nói tên gọi ấy như vậy, luyện tập về nói tên gọi như vậy, là gia hạnh của Pháp vô ngại giải; nên hiểu ý nghĩa ấy như vậy, luyện tập về hiểu ý nghĩa như vậy, là gia hạnh của Nghĩa vô ngại giải; nên giải thích từ ngữ ấy như vậy, luyện tập về giải thích từ ngữ như vậy, là gia hạnh của Từ vô ngại giải; nên giảng nói không vướng mắc như vậy, luyện tập về giảng nói không vướng mắc như vậy, là gia hạnh của Biện vô ngại giải. Vì thế cho nên bốn Vô ngại giải đều lấy sự luyện tập về lời dạy của Đức Phật làm gia hạnh.

Hỏi: Dựa vào đâu dẫn dắt phát khởi Vô ngại giải này?

Đáp: Dựa vào Tuệ thuộc Định Biên tế của Tĩnh lự thứ tư mà dẫn dắt phát khởi.

Hiếp Tôn giả nói: "Dựa vào Tuệ của cả bốn Tĩnh lự dẫn dắt phát khởi."

Hỏi: Nơi nào có thể khởi lên Vô ngại giải này?

Đáp: Chỉ ở cõi Dục có thể khởi lên, trong cõi Dục chỉ có loài người ở ba châu, thân nữ-thân nam đều có thể khởi lên.

Tôn giả Chúng Thế nói rằng: "Chỉ có châu Thiệm Bộ, chỉ có người nam có thể khởi lên."

Nói như vậy thì cách nói trước là hợp lý, bởi vì nam-nữ ở ba châu đều có thể giữ lại thọ mạng và rời bỏ thọ mạng.

Hỏi: Những Bổ-đặc-già-la nào có thể khởi lên Vô ngại giải?

Đáp: Thánh giả chứ không phải là dị sinh. Trong hàng Thánh chỉ có Vô học, không phải là Hữu học. Trong Vô học chỉ có Bất thời giải thoát, không phải là Thời giải thoát. Nguyên cớ thế nào? Bởi vì nếu như trong sự nối tiếp nhau không bị phiền não níu giữ và đạt được Định tự tại, thì có thể khởi lên. Các dị sinh và Tín thắng giải cả hai sự việc đều không có; Kiến chí tuy đối với Định đạt được tự tại, mà trong sự nối tiếp nhau bị phiền não níu giữ; Thời giải thoát tuy sự nối tiếp nhau không bị phiền não níu giữ, mà đối với Định không đạt được tự tại; vì thế cho nên đều không có thể phát khởi. Chỉ có Bất thời giải thoát đối với Định đạt được tự tại, và trong sự nối tiếp nhau không bị phiền não níu giữ, cho nên có thể khởi lên.

Hỏi: Bốn Vô ngại giải theo thứ tự như thế nào, là như giảng nói mà khởi lên, hay là không phải như vậy?

Đáp: Có người nói: Như thuyết mà khởi lên. Như trong kinh trước

tiên nói về Nghĩa vô ngại giải vì thế cho nên khởi lên trước, cho đến sau cùng nói về Biện vô ngại giải vì thế cho nên khởi lên sau. Nghĩa là Sư Du-già bởi vì biết nghĩa cho nên trước khởi lên Nghĩa vô ngại giải; tuy đã biết nghĩa mà đối với các tên gọi chưa khéo sắp xếp, vì thế cho nên tiếp theo khởi lên Pháp vô ngại giải; tuy đối với các tên gọi đã khéo sắp xếp mà đối với ngôn từ chưa có thể giải thích rành mạch, vì thế cho nên tiếp theo khởi lên Từ vô ngại giải; tuy đối với ngôn từ đã có thể giải thích rành mạch mà chưa có thể giảng giải hợp lý không vướng mắc, vì thế cho nên sau cùng khởi lên Biện vô ngại giải.

Có người nói: Như thuyết mà khởi lên. Như trong A-tỳ-đạt-ma trước tiên nói về Pháp vô ngại giải vì thế cho nên khởi lên trước, cho đến sau cùng nói về Biện vô ngại giải, vì thế cho nên khởi lên sau. Nghĩa là Sư Du-già bởi vì biết các tên gọi sắp xếp theo thứ tự, vì thế cho nên trước tiên khởi lên Pháp vô ngại giải; tuy biết các tên gọi sắp xếp theo thứ tự mà chưa hiểu rõ về nghĩa đã giải thích, vì thế cho nên tiếp theo khởi lên Nghĩa vô ngại giải; hai loại sau nói như trước.

Có người nói: Không như thuyết mà khởi lên, nghĩa là trước tiên khởi lên Từ, tiếp theo khởi lên Pháp, tiếp theo khởi lên Nghĩa, sau cùng khởi lên Biện. Nguyên cớ thế nào? Bởi vì hành giả ấy trước phải hiểu rõ ràng về ngôn từ của thế tục, tiếp theo biết các tên gọi dựa vào ngôn từ, tiếp theo biết nghĩa lý dựa vào các tên gọi, biết ba sự việc này rồi mới có thể giảng giải hợp lý không vướng mắc, vì thế cho nên Từ có thể dẫn dắt Pháp, Pháp có thể dẫn dắt Nghĩa, Nghĩa có thể dẫn dắt Biện.

Hỏi: Bốn Vô ngại giải theo từng loại một mà đạt được hay là không phải như vậy?

Đáp: Nếu đạt được cùng lúc thì chắc chắn đạt được đầy đủ bốn loại, như bốn Thánh chủng cùng lúc mà đạt được, tùy theo sự yêu thích lần lượt hiện rõ trước mắt.

Hỏi: Độc giác-Thanh văn đến cứu cánh đạt được Vô ngại giải hay không? Nếu đạt được thì trí không có thối chuyển gọi là Vô ngại giải, do trí này mà nhận biết sẽ không sai lầm, vì sao Tôn giả Đại Mục-kiền-liên ghi nhận người ta sinh con trai mà sau lại sinh con gái, ghi nhận trời sẽ mưa mà cuối cùng lại không mưa, ghi nhận quân của thành Vương Xá sẽ thắng mà lại bị quân của thành Phệ-xá-ly đánh bại? Độc giác vì sao không có thể thuyết pháp? Bài tụng đã nói lại hiểu thế nào?

"Chỉ riêng Đức Phật xưng Vô học,
Là người đạt được Vô ngại giải,

Đến bờ bên kia của công đức,
Vĩnh viễn không có những sai lầm.”

Nếu không đạt được thì tại sao trong kinh nói: “Trong đệ tử của Ta, Ma-ha Câu-sắt-si-la đạt được Vô ngại giải.” Tôn giả ấy căn tánh yếu kém mà Đức Phật còn nói đạt được, Đại Mục-kiền-liên căn tánh mạnh hơn so với vị ấy, vì sao không đạt được?

Đáp: Nên nói Độc giác-Thanh văn đến cứu cánh cũng đạt được Vô ngại giải.

Hỏi: Trí không có thối chuyển gọi là Vô ngại giải, vì sao Tôn giả Đại Mục-kiền-liên đã ghi nhận lại có sai lầm?

Đáp: Trí của vị ấy không có thối chuyển ở trong cảnh đã quán thuộc phần của mình, chứ không phải là ở trong cảnh không quán thuộc phần khác, cho nên không có gì sai. Như vị ấy đã ghi nhận, trước thật sự là con trai sau chuyển làm con gái, lúc ấy trời cũng mưa nhưng vua A-tố-lạc La-hỗ-la đón lấy đưa vào biển lớn; còn hai nước lúc sắp đánh nhau, thì trước đó Dược-xoa Hộ Quốc đánh nhau với Dược-xoa ở thành Vương Xá, đầu thắng-sau bại, người trong nước cũng như vậy, chứ không phải là ban đầu không thắng. Nhưng Tôn giả ấy ở trong các sự việc như ghi nhận về sinh con trai… này, chỉ quán xét phần vị trước mà không quán xét phần vị sau, nếu như quán xét phần vị sau thì sự ghi nhận cũng không có gì sai lầm.

Hỏi: Nếu Độc giác cũng đạt được Vô ngại giải, thì vì sao không có thể thuyết pháp cho người khác?

Đáp: Bởi vì họ yêu quý vắng lặng-thích ở một mình, sợ hãi ồn ào tạp loạn-chán ngán tụ tập đông đúc, thấy rõ công đức của xa lìa-lỗi lầm của ồn náo, tâm rời bỏ đồ chúng lẽ nào có thể thuyết pháp hay sao?

Có người nói: Tất cả Độc giác đều là hành thuộc Xa-ma-tha, phải là hành thuộc Tỳ-bát-xá-na thì mới có thể thuyết pháp.

Có người nói: Bởi vì tất cả Độc giác không thích sắp xếp Danh-Cú-Văn thân.

Có người nói: Họ quán xét kỹ càng giả sử mình thuyết pháp, mà người ấy sẽ có thể tiến vào Chánh tánh ly sinh, đạt được quả-lìa nhiễm và không còn phiền não thì mình cũng nên nói, nhưng không có thể như vậy, mình đâu có thể uổng phí công sức như vậy? Vì thế cho nên không nói.

Có người nói: Tất cả Độc giác có năng lực suy tính kỹ càng, thế gian chỉ có hai loại đã được giáo hóa:

1. Do Đức Phật giáo hóa.
2. Do Thanh văn giáo hóa.

Không có hữu tình nào do Độc giác giáo hóa, cho nên không thuyết pháp.

Có người nói: Nói đến thuyết pháp thì nhờ vào hai nhân duyên:

1. Do Lực mà dẫn dắt phát khởi.

2. Do thuận theo người khác dạy bảo.

Độc giác không có Lực, không thuận theo người khác dạy bảo.

Lại nữa:

1. Vô úy dẫn dắt phát khởi.

2. Do thuận theo người khác dạy bảo.

Độc giác không có Vô úy, không thuận theo người khác dạy bảo.

Lại nữa:

1. Đại Bi dẫn dắt phát khởi.

2. Do thuận theo người khác dạy bảo.

Độc giác không có Đại Bi, không thuận theo người khác dạy bảo, vì thế cho nên họ không có thể thuyết pháp.

Hỏi: Thuyết pháp là do có đủ tất cả pháp của Phật, vì sao chỉ nói đến Lực-Vô úy-Đại Bi chứ không phải là những pháp khác?

Đáp: Lực có thể thành lập vững vàng về luận thuyết của mình, Vô úy có thể phá bỏ luận thuyết của người khác, Đại Bi có thể khởi lên ý muốn thuyết pháp, lại không cần đến pháp nào khác, cho nên chỉ nói đến những pháp này.

Có người nói: Độc giác ấy dấy lên tư duy như vậy: Người có thể thuyết pháp, đó là bậc Pháp Vương và con của bậc Pháp Vương, mình không phải là Pháp Vương cũng không phải là con của bậc Pháp Vương, sao có thể thuyết pháp? Vì thế cho nên không thuyết pháp.

Có người nói: Độc giác ấy dấy lên ý nghĩ như vậy: Mình từ xưa đến nay không hề luyện tập học hỏi các sự việc về thuyết pháp. Vì thế cho nên không thuyết pháp.

Có người nói: Nếu tự mình giác ngộ mà đối với ba loại sự việc điều phục đúng đắn, đạt được khéo léo tài tình thì mới có thể thuyết pháp, Độc giác thì không như vậy.

Có người nói: Tự mình giác ngộ mà có đủ Nhất thiết trí-Nhất thiết chủng trí thì mới có thể thuyết pháp, Độc giác thì không như vậy.

Có người nói: Nói đến thuyết giảng về Chánh pháp thì đều vì phá Ngã, lúc Độc giác xuất thế bởi vì chúng sinh chấp Ngã kiên cố khó phá bỏ, cho nên không thuyết pháp.

Có người nói: Người tự mình giác ngộ thì tâm ở lúc thuyết pháp chắc chắn dựa vào Niết-bàn, nếu lúc Độc giác khởi tâm hướng đến Niết- bàn, thì Sát-na thứ hai liền tiến vào tịch diệt, bởi vì rất thích giải thoát; Như Lai thì không như vậy, tuy ưa thích giải thoát mà vì Đại Bi-Đại Xả đã duy trì, cho nên có thể an trú lâu dài để thuyết pháp.

Có người nói: Tự mình giác ngộ mà có thể thành tựu về pháp không có quên mất thì mới có thể thuyết pháp, Độc giác nếu ở trong rừng vắng lặng trống trải thì có thể dùng Vô ngại giải để sắp xếp về Danh-Cú-Văn thân như Uẩn-Giới-Xứ…, nếu lúc đi vào thôn làng thực hành khất thực thì sự sắp xếp trước đây có lúc quên mất, lúc ấy dấy lên nghĩ rằng: Mình đã không đạt được pháp không có quên mất, thì đâu cần phải thuyết pháp? Vì thế cho nên không thuyết pháp. Có người nói: Pháp của chủng tánh Độc giác thuận theo như vậy,

tuy đạt được Vô ngại giải mà không thích thuyết pháp, muốn làm lợi ích thì chỉ có hiện bày thần thông, hoặc là chỉ truyền trao tám giới Trai cho người khác.

Hỏi: Nếu Thanh văn-Độc giác cũng đạt được Vô ngại giải, thì bài tụng đã nói lại hiểu thế nào?

Đáp: Bởi vì chỉ riêng Đức Phật đã đạt được cứu cánh-viên mãn- thù thắng-tự tại không có gì sai lầm, cho nên nói như vậy, không phải là nói Nhị thừa đều không thành tựu. Nếu không như vậy thì Nhị thừa lẽ ra cũng không đạt được Vô học, bởi vì bài tụng nói chỉ riêng Đức Phật xưng Vô học.

Có Sư khác nói: Tất cả Thanh văn-Độc giác không đạt được bốn Vô ngại giải.

Hỏi: Vì sao trong kinh nói: "Trong đệ tử của Ta, Ma-ha Câu-sắt- si-la đạt được Vô ngại giải." Căn tánh vị ấy không phải là hơn hẳn mà Đức Phật còn nói đạt được, Độc giác-Thanh văn đến cứu cánh thì căn tánh mạnh hơn so với vị ấy, vì sao nói là tất cả không đạt được?

Đáp: Đó là đã nói đến đạt được là căn thiện tương tự Vô ngại giải mà không phải là chân thật. Bởi vì Tôn giả ấy ở trong sinh tử dằng dặc, yêu thích pháp này mà tinh tiến chịu khó tu tập, Đức Phật thuận theo ý đó cho nên nói là đạt được pháp ấy; các vị khác tuy đạt được căn thiện tương tự với pháp này, mà không phải là rất yêu thích tinh tiến chịu khó tu tập, cho nên không nói là đạt được pháp ấy.

Hỏi: Vì sao tất cả Nhị thừa không đạt được Vô ngại giải?

Đáp: Trí không có thối chuyển gọi là Vô ngại giải, trí của Thanh văn-

Độc giác có thối chuyển đối với các cảnh giới, bởi vì đã ghi nhận và nói ra có sai lầm, cho nên không phải là Vô ngại giải.

Nói như vậy thì cách nói trước là hợp lý, bởi vì trí của Thanh văn-Độc giác không có thối chuyển ở trong cảnh thuộc phần của mình.

Trong này, Nguyện trí thâu nhiếp Nguyện trí-Biên tế trí-Vô tranh trí-bốn Vô ngại giải.

Như Nguyện trí, nên biết Nghĩa vô ngại giải cũng như vậy.

Biên tế trí không thâu nhiếp Từ vô ngại giải, còn lại nói như Nguyện trí.

Vô tranh trí thâu nhiếp Vô tranh trí-Nguyện trí-Biên tế trí.

Nghĩa vô ngại giải không thâu nhiếp Pháp-Từ-Biện vô ngại giải. Như Vô tranh, nên biết Pháp-Từ-Biện vô ngại giải cũng như vậy.

Như sự thích hợp của mỗi loại đều nói thâu nhiếp chính mình, trừ ra Vô tranh-Từ vô ngại giải, và không thâu nhiếp Biên tế trí, bởi vì bảy loại này đều dựa vào Định Biên tế mà đạt được, do lực của Định Biên tế mà dẫn dắt phát khởi. Thể của Tĩnh lự Biên tế có sáu loại, đó là bảy loại trừ ra Từ vô ngại giải, bởi vì phẩm cao nhất của Tĩnh lự thứ tư gọi là Biên tế.

Có Sư khác nói: Phẩm cao nhất của bốn Tĩnh lự đều gọi là Biên tế. Vì thế cho nên vị ấy nói Tĩnh lự Biên tế có đủ bảy loại-bảy trí thâu nhiếp lẫn nhau, cũng có sai biệt dựa theo trên nên biết. Nhưng có thể dẫn dắt phát khởi, chỉ là Biên tế của Tĩnh lự thứ tư chứ không phải là pháp nào khác.

-oOo-

LUẬN A TỲ ĐẠT MA ĐẠI TỲ BÀ SA

QUYỂN 181

LUẬN VỀ BẤT HOÀN (Phần 8)

Như nói: "Trong đệ tử của Ta, Đại Ca-diếp-ba ít muốn-vui đủ-đầy đủ hạnh Đầu-đà (đổ đa), Bạc-cử-la ít bệnh-tiết kiệm-đầy đủ giới hạnh thanh tịnh."

Hỏi: Hai vị này có gì sai biệt?

Đáp: Tôn giả Đại Ca-diếp-ba có được đồ ăn thức uống hoặc dở- hoặc ngon, đều lần lượt mà ăn chứ không hề chọn lựa, giống như con ngựa hay tùy theo thức ăn có được mà ăn; Tôn giả Bạc-cử-la có được đồ ăn thức uống hoặc dở-hoặc ngon, chọn bỏ loại ngon mà ăn loại dở.

Hỏi: Vì sao Tôn giả Đại Ca-diếp-ba thì ngon dở đều ăn, mà Tôn giả Bạc-cử-la bỏ ngon-ăn dở?

Đáp: Tôn giả Đại Ca-diếp-ba có đủ niềm vui vi diệu trú trong pháp của Sa-môn, có đủ niềm vui vi diệu cho nên không bỏ thức ăn ngon, trú trong pháp của Sa-môn cho nên không bỏ thức ăn dở, chỉ tùy theo có được lần lượt mà ăn. Tôn giả Bạc-cử-la có đủ niềm vui thô thiển trú trong pháp của Sa-môn, có đủ niềm vui thô thiển cho nên chọn bỏ thức ăn ngon, trú trong pháp của Sa-môn cho nên chọn ăn thức ăn dở.

Lại nữa, Tôn giả Đại Ca-diếp-ba, hiểu biết rộng-phước lớn, dễ có được áo quần-ăn uống-đồ nằm-thuốc thang và các vật dụng sinh hoạt, nhưng không tiếp nhận trước công đức Đầu-đà mà có thể phụng hành. Vị ấy do hai duyên thật là khó làm, đó là dễ có được lợi dưỡng, không tiếp nhận công đức Đầu-đà mà có thể phụng hành. Tôn giả Bạc-cử-la, không phải là hiểu biết rộng-phước lớn, khó có được áo quần-ăn uống- đồ nằm-thuốc thang và các vật dụng sinh hoạt, nhưng tiếp nhận trước công đức Đầu-đà mà cũng có thể phụng hành. Tỳ kheo ít hiểu biết mà tiếp nhận công đức Đầu-đà, ở trong sự tùy chuyển này không phải là khó. Vị ấy do hai duyên không phải là khó làm, đó là khó có được lợi dưỡng, tiếp nhận trước công đức Đầu-đà thuận theo mà phụng hành.

Có người đối với văn này đưa ra cách tụng trái ngược nhau, đó là Tôn

giả Đại Ca-diếp-ba, hiểu biết rộng-phước lớn, dễ có được áo quần-ăn uống-đồ nằm-thuốc thang và các vật dụng sinh hoạt, tiếp nhận trước công đức Đầu-đà thuận theo mà phụng hành. Tôn giả Bạc-cử-la, không phải là hiểu biết rộng-phước lớn, khó có được áo quần-ăn uống- đồ nằm-thuốc thang và các vật dụng sinh hoạt, không tiếp nhận trước công đức Đầu-đà này thuận theo mà phụng hành. Tỳ kheo ít hiểu biết không tiếp nhận công đức Đầu-đà, ở trong sự tùy chuyển này không phải là khó. Vị ấy do hai duyên không phải là khó làm, đó là khó có được lợi dưỡng, không tiếp nhận trước công đức Đầu-đà thuận theo mà phụng hành. Đây là hiển bày về Đại Ca-diếp-ba do ba sự việc cho nên hơn hẳn, đó là có đủ niềm vui vi diệu, dễ có được lợi dưỡng, tiếp nhận phụng hành công đức Đầu-đà.

Hỏi: Vì sao Tôn giả Bạc-cử-la chọn bỏ thức ăn ngon mà lại ăn thức ăn dở?

Đáp: Bởi vì sức mạnh của ý thích, ý thích của hữu tình không giống nhau, tùy theo ý thích của mình mà ăn, không cần phải vặn hỏi về lý do của điều ấy.

Có người nói: Đồ ăn thức uống ngon lành tuyệt vời, phải dùng nhiều công sức để làm thành, không muốn nhọc nhằn tốn kém, vì thế cho nên không ăn.

Có người nói: Đồ ăn thức uống ngon lành tuyệt vời, tăng trưởng tâm lý tham ái, phần nhiều từ đây mà khởi lên tranh chấp, vì thế cho nên không ăn.

Có người nói: Đồ ăn thức uống ngon lành chính là nhà giàu vốn có, bởi vì làm lợi ích cho nhà nghèo, cho nên không ăn.

Có người nói: Thức ăn ngon lành chắc chắn bởi vì giết hại nhiều mạng sống, lấy máu thịt của nhiều thân mạng mà làm thành, bởi vì thương xót hữu tình ấy, cho nên không ăn.

Có người nói: Thức ăn ngon lành phần nhiều sinh ra các loại lỗi lầm tai họa, vì vậy không ăn.

Hỏi: Như đã nói Tôn giả Bạc-cử-la chọn bỏ thức ăn ngon, là ban đầu đã không nhận, hay là nhận rồi vứt bỏ? Giả sử như vậy thì có gì sai? Nếu ban đầu đã không nhận, thì làm sao gọi là người thực hành hạnh Đầu-đà khất thực theo thứ tự mà nhận? Nếu nhận rồi vứt bỏ, thì làm sao không tổn hoại đồ vật cúng dường của thí chủ?

Đáp: Nên nói là ban đầu đã không nhận.

Hỏi: Nếu như vậy thì làm sao gọi là người thực hành hạnh Đầu-đà khất thực theo thứ tự mà nhận?

Đáp: Tôn giả ấy đạt được Nguyện trí và Thiên nhãn, lúc sắp khất thực, trước tiên quán xét ngõ xóm-thành ấp nào, ở phương nào chỉ có thức ăn dở, biết rồi liền đi đến khất thực theo thứ tự.

Như trong kinh nói: "Có bốn Thánh chủng:

1. Thánh chủng dựa vào niềm vui biết đủ tùy theo ăn uống đã có được.

2. Thánh chủng dựa vào niềm vui biết đủ tùy theo áo quần đã có được.

3. Thánh chủng dựa vào niềm vui biết đủ tùy theo đồ nằm đã có được.

4. Thánh chủng dựa vào có-không có vui với Đoạn-vui với Tu."

Hỏi: Vì sao Đức Thế Tôn nói ra kinh này?

Đáp: Bởi vì an lập về sản nghiệp và việc làm cho các đệ tử. Đó là ba loại trước an lập về sản nghiệp, loại thứ tư an lập về việc làm.

Ba loại trước an lập về sản nghiệp, đó là rời bỏ bốn loại nghiệp, thực hành một loại nghiệp.

Rời bỏ bốn loại nghiệp:

1. Lấy ruộng đất làm sự nghiệp.
2. Lấy buôn bán làm sự nghiệp.
3. Lấy thuê mướn làm sự nghiệp.
4. Lấy tự tại làm sự nghiệp.

Đối với những loại này đều rời bỏ.

Thực hành một loại nghiệp, đó là chỉ lấy khất thực làm sự nghiệp.

Có người nói: Bởi vì hiển bày rõ ràng về nghiệp cung cấp không hết và những việc cần làm.

Lại nữa, bởi vì hiển bày rõ ràng về nghiệp cung cấp không có tội và những việc cần làm.

Lại nữa, bởi vì hiển bày rõ ràng về nghiệp cung cấp không có tổn hại và những việc cần làm.

Lại nữa, bởi vì hiển bày rõ ràng về nghiệp cung cấp không giống như ngoại đạo và những việc cần làm.

Trong này, nghiệp cung cấp là ba loại trước, việc cần làm là loại thứ tư.

Có người nói: Bởi vì hiển bày rõ ràng về đạo và tư lương của đạo.

Trong này, ba loại trước là hiển bày về tư lương của đạo, một loại sau

là hiển bày về đạo.

Như đạo và tư lương của đạo, như vậy Sa-môn và tư lương của Sa-môn, Bà-la-môn và tư lương của Bà-la-môn, Phạm hạnh và tư lương của Phạm hạnh, nên biết cũng như vậy.

Bởi vì những nghĩa này, cho nên Đức Phật thuyết ra kinh Thánh Chủng này.

Hỏi: Tự tánh của Thánh chủng là thế nào?

Đáp: Đều lấy căn thiện không tham để làm tự tánh.

Có người nói: Ba loại trước là căn thiện không tham, một loại sau là Tinh tiến.

Nói như vậy thì cách nói trước là hợp lý, bởi vì đều đối trị với tham.

Hỏi: Nếu như vậy thì dựa vào nghĩa đâu khác nhau mà nói là bốn Thánh chủng?

Đáp: Bởi vì đối trị với bốn loại Ái, đó là đối với niềm vui biết đủ về áo quần đối trị với Ái về áo quần, đối với niềm vui biết đủ về ăn uống đối trị với Ái về ăn uống, đối với niềm vui biết đủ về đồ nằm đối trị với Ái về đồ nằm, vui với Đoạn-vui với Tu đối trị với Ái về có-không có.

Vì vậy cho nên nói đều là tánh không tham. Nếu bao gồm Tương ưng-Tùy chuyển, thì cõi Dục-Sắc là tánh thuộc năm uẩn, cõi Vô sắc là tánh thuộc bốn uẩn. Đây là tự tánh của Thánh chủng, là Ngã, là vật, là tánh, là tướng, là bổn tánh.

Đã nói về tự tánh, nay sẽ nói đến nguyên cớ. Hỏi: Vì sao gọi là Thánh chủng?

Đáp: Có người nói: Cũng là Thánh-cũng là chủng cho nên gọi là Thánh chủng, đó là thiện cho nên gọi là Thánh, vô lậu cho nên gọi là Thánh; tức là từ đây có thể sinh ra các pháp công đức nối tiếp nhau không dứt đoạn, cho nên gọi là Thánh chủng.

Có người nói: Chủng tử của Thánh, cho nên gọi là Thánh chủng; Thánh nghĩa là tất cả pháp thiện không có trái ngược, bốn loại này có thể sinh ra mà nối tiếp nhau cho nên gọi là chủng.

Có người nói: Pháp này hiện hành ở trong sự nối tiếp nhau của Thánh giả, làm cho nó không đoạn dứt, cho nên gọi là Thánh chủng.

Có người nói: Pháp này có thể đạt được ở trong sự nối tiếp nhau của Thánh giả, khiến cho nó không đoạn dứt, cho nên gọi là Thánh chủng.

Có người nói: Thánh là quả đáng yêu-đáng mừng-đáng vui-vừa ý, pháp này có thể sinh ra quả ấy nối tiếp nhau không đoạn dứt, cho nên gọi

là Thánh chủng. Đây là dựa vào quả Đẳng lưu mà nói.

Có người nói: Thánh là dị thục đáng yêu-đáng mừng-đáng vui- vừa ý, pháp này có thể dẫn đến dị thục ấy nối tiếp nhau không đoạn dứt, cho nên gọi là Thánh chủng. Đây là dựa vào quả Dị thục mà nói.

Có người nói: Thánh giả tức là Phật-Độc giác-Thanh văn, các bậc ấy từ pháp này sinh ra nối tiếp nhau không đoạn dứt, cho nên gọi là Thánh chủng.

Có người nói: Chánh pháp gọi là Thánh, pháp này có thể duy trì khiến cho nối tiếp nhau lâu dài, cho nên gọi là Thánh chủng. Vì vậy Chánh pháp tồn tại ở thế gian trải qua ngàn năm mà không diệt mất, đều là do năng lực của Thánh chủng; như đòn tay-rui mè duy trì mái nhà khiến cho không rời rã hư hoại, do những duyên này cho nên gọi là Thánh chủng.

Thánh chủng: Nói về Cõi, thì đều rơi vào ba cõi và không rơi vào cõi.

Hỏi: Cõi Sắc không có ăn uống, cõi Vô sắc không có ba loại trước, làm sao ba cõi đều có đủ bốn loại?

Đáp: Ở cõi ấy tuy không có ăn uống… mà có công đức của niềm vui biết đủ thuộc cõi ấy.

Có người nói: Bởi vì cõi dưới có đủ bốn loại, cho nên lần lượt chuyển tiếp dẫn dắt sinh lên cõi trên cũng có đủ bốn loại.

Tôn giả Thế Hữu đưa ra cách nói như vậy: "Cõi trên tuy không có ăn uống… mà có pháp đối trị với các loại ấy, nhưng đối trị có bốn loại, đó là đối trị về đoạn bỏ, đối trị về chán ngán hư hoại, đối trị về nắm giữ, đối trị về phần xa. Cõi Sắc đối với ăn uống… có đủ bốn loại đối trị, cõi Dục có ba loại ngoại trừ đối trị về đoạn bỏ, cõi Vô sắc có hai loại đó là đối trị về nắm giữ và phần xa."

Tôn giả Giác Thiên nói rằng: "Như tuy không có áo quần-ăn uống… thuộc về vô lậu mà có Thánh chủng vô lậu, như vậy tuy không có ăn uống… của cõi Sắc-Vô sắc mà có Thánh chủng của cõi ấy."

Đại đức nói rằng: "Không chú ý đến đồ vật cung cấp cho thân hãy còn gọi là người trú trong Thánh chủng, huống gì người ấy cũng không chú ý đến thân mà cho là không có Thánh chủng sao?"

Nói về Địa, hữu lậu thì thuộc về mười một địa, vô lậu thì thuộc về chín địa.

Nói về Sở y, đều dựa vào ba cõi.

Nói về Hành tướng, đều làm mười sáu hành tướng và hành tướng khác.

Nói về Sở duyên, đều duyên với tất cả các pháp. Nói về Niệm trú, đều là bốn Niệm trú.

Nói về Trí, đều là tám trí, hoặc là mười trí.

Nói về Tam-ma-địa đi cùng, đều đi cùng với ba Tam-ma-địa và không phải là đi cùng.

Nói về Căn tương ưng, nói chung đều tương ưng với ba căn, đó là Lạc-Hỷ-Xả căn.

Nói về Thời gian (thế), đều rơi vào ba thời gian; duyên với ba thời gian và tách lìa thời gian.

Nói về thiện-bất thiện-vô ký, đều là thiện; duyên với ba loại.

Nói về hệ thuộc ba cõi-không hệ thuộc, đều hệ thuộc ba cõi và không hệ thuộc; duyên cũng như vậy.

Hỏi: Nếu như vậy thì luận Thi Thiết nói nên hiểu thế nào? Như nói: "Bốn Thánh chủng đều không bị phiền não làm cho nhiễm ô, làm cho lẫn tạp."

Đáp: Đó là ngăn chặn tương ưng với phiền não chứ không ngăn chặn hữu lậu, cho nên không có lỗi.

Nói về Học-Vô học-Phi học phi vô học, đều bao gồm ba loại; duyên với ba loại.

Nói về do Kiến mà đoạn-do Tu mà đoạn và không đoạn, đều do Tu mà đoạn và không đoạn; duyên với ba loại.

Nói về duyên với danh-duyên với nghĩa, đều duyên với danh- nghĩa.

Nói về duyên với Tự tương tục-Tha tương tục và Phi tương tục, đều duyên với ba loại.

Nói về gia hạnh đắc-lìa nhiễm đắc-sinh đắc, là gia hạnh đắc-lìa nhiễm đắc chứ không phải là sinh đắc.

Có người nói: Cũng là sinh đắc.

Nói như vậy thì cách nói trước là hợp lý. Nếu thiện do sinh mà có được cũng là Thánh chủng, thì kiến mối ruồi muỗi…cũng thành tựu Thánh chủng hay sao? Vì thế cho nên Thánh chủng không thuộc về thiện do sinh mà có được.

Hỏi: Thánh chủng là do Văn-là do Tư hay là do Tu mà thành? Đáp: Thâu nhiếp bao gồm cả ba loại.

Hỏi: Là thuộc về Ý địa, hay là thuộc về năm Thức? Đáp: Chỉ thuộc về Ý địa chứ không phải là năm Thức.

Có người nói: Cũng bao gồm năm Thức.

Lời bình: Không nên đưa ra cách nói ấy. Nguyên cớ thế nào? Bởi vì thiện trong năm Thức chỉ là do sinh mà có được.

Hỏi: Nếu là thiện thuộc về gia hạnh, thì Tĩnh lự-Vô lượng-Vô sắc-Giải thoát-Thắng xứ-Biến xứ… mà ngoại đạo đã đạt được, cũng là Thánh chủng chăng?

Đáp: Đó không phải là Thánh chủng. Nguyên cớ thế nào? Bởi vì nếu mừng vui hướng đến giải thoát mà chán ngán rời xa sinh tử, thì căn thiện ấy là Thánh chủng; sự vui mừng của ngoại đạo đều là sinh tử, cho nên căn thiện ấy không gọi là Thánh chủng.

Lại nữa, đối với quả báo và quả báo vốn có sinh niềm vui biết đủ, thì gọi là Thánh chủng; căn thiện của ngoại đạo cùng với điều này trái ngược nhau, cho nên không phải là Thánh chủng, bởi vì ngoại đạo Ngũ Đảnh… cũng cầu sinh lên cõi trời hưởng thụ dục lạc.

Lại nữa, Thánh chủng đều là căn thiện thuộc phẩm xuất gia, căn thiện của ngoại đạo đều là căn thiện thuộc phẩm tại gia, cho nên không phải là Thánh chủng.

Hỏi: Ít ham muốn-vui biết đủ đều đối trị với tham, lấy không tham làm tánh, vì sao vui biết đủ lập làm Thánh chủng chứ không phải là ít ham muốn?

Đáp: Tên gọi của ít ham muốn có lỗi lầm, có tăng thêm; vui biết đủ thì không như vậy. Có lỗi lầm là bởi vì chỉ nói ít ham muốn chứ không nói là không có ham muốn. Có tăng thêm là bởi vì đối với thật sự không có ham muốn mà gọi là ít ham muốn. Ở trong vui biết đủ không có sự việc như vậy, cho nên lập làm Thánh chủng.

Có người nói: Ít ham muốn đối với sự việc chưa đạt được ở vị lai mà chuyển, vui biết đủ đối với sự việc đã đạt được ở hiện tại mà chuyển. Không giữ lấy một đồng tiền (Ca-lũ-sa-bát-noa) ở hiện tại là khó, chứ không phải là đối với vị lai; địa vị Chuyển Luân Vương bởi vì khó mà vui biết đủ, cho nên lập làm Thánh chủng.

Có người nói: Bởi vì khác với ngoại đạo, cho nên không nói ít ham muốn là Thánh chủng. Nếu nói ít ham muốn là Thánh chủng, thì các hàng ngoại đạo sẽ dấy lên nói rằng: Chúng tôi thật sự là người trú trong Thánh chủng. Nguyên cớ thế nào? Bởi vì các ông hãy còn mặc áo cũ rách mà chúng tôi trần truồng không có áo, các ông hãy còn khất thực để tự nuôi sống mình mà chúng tôi phần nhiều tự nhịn đói không ăn, các ông hãy còn ngồi dưới tán cây mà chúng tôi hoặc là thường đưa tay-co chân để đứng, vì

thế cho nên chúng tôi thật sự gọi là người trú trong Thánh chủng. Bởi vì ngăn chặn điều ấy, cho nên chỉ nói vui biết đủ làm Thánh chủng, ngoại đạo không vui biết đủ đối với quả báo và quả báo vốn có.

Hỏi: Ít ham muốn và vui biết đủ có gì sai biệt?

Đáp: Có người nói: Ít ham muốn chỉ thuộc về Ý địa, vui biết đủ bao gồm sáu Thức thân.

Có người nói: Ít ham muốn chỉ riêng ở cõi Dục, vui biết đủ bao gồm ở cõi Dục-Sắc.

Có người nói: Ít ham muốn chỉ riêng ở cõi Dục-Sắc, vui biết đủ bao gồm ở ba cõi.

Có người nói: Ít ham muốn rơi vào ba cõi, vui biết đủ hệ thuộc ba cõi và không hệ thuộc.

Nói như vậy thì ít ham muốn và vui biết đủ đều bao gồm hệ thuộc ba cõi và không hệ thuộc.

Hỏi: Nếu như vậy thì đâu sai biệt?

Đáp: Ít ham muốn đối với sự việc chưa đạt được ở vị lai mà chuyển, vui biết đủ đối với sự việc đã đạt được ở hiện tại mà chuyển. Đó gọi là sai biệt.

Hỏi: Bệnh duyên-thuốc thang mà sinh niềm vui biết đủ, vì sao không nói là Thánh chủng?

Đáp: Cũng cần phải nói là Thánh chủng mà không nói, thì nên biết là có khác.

Có người nói: Đã thâu nhiếp ở trong phần trước đã nói, đó là bệnh duyên-thuốc thang có hai loại: 1-Có thể ăn; 2-Không có thể ăn. Có thể ăn, là thâu nhiếp trong ăn uống. Không có thể ăn, là thâu nhiếp trong áo quần-đồ nằm.

Có người nói: Bởi vì muốn lợi ích cho Tỳ kheo bệnh tật, cho nên không nói vui biết đủ đối với thuốc thang là Thánh chủng. Nghĩa là có Tỳ kheo tuy thân thể có bệnh tật, mà bởi vì ít làm việc cho nên không mong cầu thuốc thang chữa trị, nếu Đức Phật thiết lập loại này làm Thánh chủng, thì vị ấy giữ lấy bệnh tật không có thể chịu khó tu tập gia hạnh của Thánh đạo, bởi vì làm lợi ích cho vị ấy, khiến chịu khó tu đạo, cho nên không nói loại ấy làm Thánh chủng.

Có người nói: Nếu lúc thọ dụng có thể sinh tâm buông lung, thì vui biết đủ đối với điều ấy lập làm Thánh chủng; bệnh duyên-thuốc thang đối với lúc thọ dụng, chỉ có thể trừ bệnh chứ không tăng thêm buông lung, vì

thế cho nên không nói.

Có người nói: Nếu thọ dụng ở tất cả mọi nơi, tất cả mọi người, tất cả mọi lúc, thì vui biết đủ đối với điều ấy lập làm Thánh chủng; bệnh duyên-thuốc thang không phải là có sự thọ dụng tất cả như vậy, cho nên vui biết đủ đối với điều ấy không lập làm Thánh chủng.

Vì vậy Tôn giả Bạc-cử-la nói: "Tôi xuất gia ở trong Phật pháp hơn tám mươi năm, không hề nhớ thân mình có bệnh tật gì thậm chí là đau đầu, cũng không nhớ thọ dụng thuốc thang bởi vì bệnh duyên thậm chí là quả Ha-lê-đát-kê. Người sinh ở cõi Dục còn như vậy, huống gì sinh ở cõi Sắc-Vô sắc hay sao?"

Hỏi: Vì sao luật nghi Biệt giải thoát chỉ riêng Vô biểu lập làm Thánh chủng chứ không phải là Biểu?

Đáp: Trước đây nói nối tiếp nhau không đoạn dứt gọi là Thánh chủng, Biểu không phải là nối tiếp nhau không đoạn dứt, vì thế cho nên không nói.

Có người nói: Vô biểu có thể đi cùng với Thánh đạo, cho nên lập làm Thánh chủng; Biểu không đi cùng với Thánh đạo, vì thế cho nên không nói.

Người xuất gia có bốn Thánh chủng, người tại gia cũng có bốn Thánh chủng.

Nhưng người xuất gia, bởi vì hai nhân duyên cho nên gọi là có Thánh chủng:

1. Bởi vì ý thích.
2. Bởi vì thọ dụng.

Những người tại gia, bởi vì một nhân duyên cho nên gọi là có Thánh chủng, đó là bởi vì ý thích chứ không phải là bởi vì thọ dụng. Như Thiên Đế Thích ở nơi chỗ ngồi bằng hoa tuyệt diệu, có mười hai Na-dữu-đa Thiên nữ hầu hạ vây quanh, dùng sáu vạn loại âm nhạc để tự mình vui đùa tùy thích, đối với bốn Thánh chủng luôn luôn có ý thích mà không có thọ dụng; các Quốc vương như Tần-tỳ-sa-la…, các Trưởng giả như Tô-đạt-đa…, cũng như vậy.

Hỏi: Vì có mỗi một loại Thánh chủng thì gọi là người trú trong Thánh chủng chăng?

Đáp: Không phải như vậy, cần phải có đủ bốn loại thì mới gọi là người trú trong Thánh chủng. Nhưng lúc đạt được một Thánh chủng, thì chắc chắn đạt được đầy đủ bốn loại; như Vô ngại giải đạt được một loại, thì chắc chắn có đủ bốn loại.

Chư Phật quá khứ đều khen ngợi về y cũ rách (phấn tảo) mà không

cho phép mặc, nay Đức Phật Thích-ca cũng khen ngợi về y cũ rách mà lại cho phép mặc.

Hỏi: Vì sao như vậy?

Đáp: Bởi vì thời quá khứ, tâm tham của con người không nhiều, cho nên tuy có được áo quần trị giá trăm ngàn đồng tiền, mà tâm nhiễm trước không bằng người thời nay nhiễm trước đối với áo quần bình thường.

Có người nói: Bởi vì thời ấy mọi người dồi dào về tiền của châu báu, cho nên các hàng Tỳ kheo mong cầu áo quần trị giá trăm ngàn đồng tiền, còn dễ dàng hơn thời nay cầu áo quần cũ rách.

Tôn giả Thế Hữu nói rằng: "Thời quá khứ, ý thích của con người rộng lớn, thấy các Tỳ kheo cất giữ vật dụng sinh hoạt tuyệt vời bậc nhất, thì sinh tâm hoan hỷ tin tưởng cung kính; thời bây giờ, ý thích của con người nhỏ hẹp, nếu thấy Tỳ kheo cất giữ vật dụng sinh hoạt thô thiển xấu xí, thì mới sinh tâm hoan hỷ tin tưởng cung kính."

Tôn giả Giác Thiên nói rằng: "Thời xưa kia, thân thể con người mịn màng mềm mại, nếu sử dụng đồ vật thô thiển xấu xí thì không có thể tự nhiên tồn tại; thời bây giờ, thân thể con người kệch cỡm cứng cỏi, tuy sử dụng đồ vật thô thiển xấu xí mà có thể tự nhiên tồn tại."

Đại đức nói rằng: "Chư Phật quá khứ khen ngợi về y cũ rách, nên biết chính là cũng cho phép sử dụng. Nếu không như vậy thì tại sao khen ngợi? Bởi vì chư Phật không lấy sự việc không có mà nói cho có."

Như Đức Thế Tôn nói: "Y cũ rách thì ít-dễ có được-không có tội."

Hỏi: Thế nào là ít? Thế nào là dễ có được? Thế nào là không có tội?

Đáp: Tôn giả Thế Hữu nói rằng: "Bởi vì ít dụng công mà làm được, không phải là nhiều người sử dụng, cho nên gọi là ít; tùy theo mọi lúc-mọi nơi đều có thể có được, cho nên gọi là dễ có được; bởi vì Đức Phật đã cho phép, bởi vì người trí sử dụng, cho nên gọi là không có tội."

Đại đức nói rằng: "Ít giá trị cho nên gọi là ít; không mong cầu từ người khác, cho nên gọi là dễ có được; không có thâu nhiếp tiếp nhận, cho nên gọi là không có tội."

Bởi vì hai nhân duyên, cho nên Đức Phật nói vui biết đủ đối với áo quần là Thánh chủng:

1. Bởi vì quở trách không vui biết đủ đối với áo quần, như Nan-đà…

   Bởi vì khen ngợi vui biết đủ đối với áo quần, như Đại Ca-diếp-ba…

2. Bởi vì hai nhân duyên, cho nên Đức Phật nói vui biết đủ đối với ăn uống là Thánh chủng:

1. Bởi vì quở trách không vui biết đủ đối với ăn uống, như Bà-đà-lê…

2. Bởi vì khen ngợi vui biết đủ đối với ăn uống, như Bạc-cử-la…

Bởi vì hai nhân duyên, cho nên Đức Phật nói vui biết đủ đối với đồ nằm là Thánh chủng:

1. Bởi vì quở trách không vui biết đủ đối với đồ nằm, như Tỳ kheo Ngu Vương…, như trong kinh nói: "Tỳ kheo Ngu Vương thưa với Đức Phật rằng: Chỉ mong Đức Thế Tôn nhìn cho giường ghế của con thô thiển xấu xí như vậy!".

2. Bởi vì khen ngợi vui biết đủ đối với đồ nằm, như Hiệt-lệ-phiệt-đa…

Bởi vì hai nhân duyên, cho nên Đức Phật nói vui với Đoạn-vui với Tu là Thánh chủng:

1. Bởi vì quở trách lười nhác, như Xiển-đà…

2. Bởi vì khen ngợi tinh tiến, như Thất-lộ-noa…

Do bốn nhân duyên mà biết đó là Bổ-đặc-già-la an trú trong Thánh chủng:

1. Không thích nghe người khác nói đến có được lợi dưỡng.

2. Không thích gần gũi với người tham thức ăn ngon.

3. Đồ vật sinh hoạt đã cất giữ ít mà thanh tịnh, không sinh tâm nhiễm trước.

4. Đối với những lợi dưỡng có được và không có được, không sinh tâm yêu-ghét.

Như Đức Thế Tôn nói: "Bốn Thánh chủng này là sự nhận biết thù thắng nhất, là sự nhận biết về chủng tánh, là sự nhận biết đáng vui thích, là pháp không có tạp nhiễm, không có thể quở trách. Tất cả thế gian hoặc là Sa-môn, hoặc là Bà-la-môn, hoặc là trời, hoặc là ma, hoặc là Phạm, hoặc là thế gian khác, không có ai có thể như pháp nói về lỗi của Thánh chủng ấy."

Hỏi: Thế nào gọi là sự nhận biết thù thắng nhất?

Đáp: Có người nói: Bởi vì bốn Thánh chủng này có thể dẫn dắt thù thắng nhất, đạt được quả thù thắng nhất, hướng đến nơi thù thắng nhất, tùy thuận thù thắng nhất, cho nên gọi là thù thắng nhất; do Đức Phật đã thi thiết, do Đức Phật đã nhận biết, cho nên gọi là sự nhận biết.

Có người nói: Đức Phật nói năm trăm Thanh văn đều có pháp thù thắng nhất, bốn loại này rơi vào trong pháp thù thắng nhất ấy, cho nên gọi là thù thắng nhất; Đức Phật nhận biết bốn loại này là niềm vui biết đủ chân

thật, cho nên gọi là sự nhận biết.

Có người nói: Đức Phật và đệ tử gọi là những bậc thù thắng nhất, sự khen ngợi rõ ràng của những bậc ấy gọi là sự nhận biết thù thắng nhất.

Có người nói: Đức Phật nhận biết bốn loại này là kho báu thù thắng, có thể khiến cho trú vào đó thì thỏa mãn được ý mong cầu, cho nên gọi là sự nhận biết thù thắng nhất. Nghĩa là các hữu tình phần nhiều không thỏa mãn được ý mong cầu mà chết, chỉ có trú trong Thánh chủng thì không có ai không thỏa mãn được ý mong cầu mà chết.

Có người nói: Đức Phật nhận biết bốn loại này là kho tàng vô tận, giúp cho những người trí sử dụng không hề vơi cạn. Nghĩa là trú trong pháp này thì không cần phải mong cầu nhiều và tích tụ nhiều, cũng không có khóa cửa-cài then-canh giữ, tùy ý sử dụng suốt đời không hề có vơi cạn; như Chuyển Luân Vương làm vua cai quản bốn châu thế giới, tiền của châu báu đã sử dụng có thể mau chóng vơi cạn, sử dụng bốn loại này mà không hề có vơi cạn.

Hỏi: Thế nào gọi là sự nhận biết về chủng tánh?

Đáp: Hằng hà sa số chư Phật và đệ tử của Phật đều từ pháp này sinh ra, cho nên gọi là chủng tánh; người trí đã hiểu rõ về pháp này, cho nên gọi là nhận biết.

Có người nói: Chủng tánh là nghĩa của năng lực duy trì, nghĩa là có năng lực giữ vững Thánh giáo khiến cho lâu dài không diệt mất, cho nên gọi là chủng tánh; là do Đức Phật đã hiểu rõ, cho nên gọi là nhận biết.

Hỏi: Thế nào gọi là sự nhận biết đáng vui thích?

Đáp: Bốn loại này là niềm vui thích của người trí, là sự nhận biết của người trí, cho nên gọi là sự nhận biết đáng vui thích.

Có người nói: Đức Phật nhận biết bốn loại này đều có năng lực hỗ trợ cho vui với Đoạn-vui với Tu, cho nên gọi là sự nhận biết đáng vui thích.

Có người nói: Đức Phật nhận biết bốn loại này là ở trong ngày đêm suốt sáu thời, người trí tùy theo sự yêu thích an trú mà không hề lười nhác mệt mỏi, cho nên gọi là sự nhận biết đáng vui thích.

Có người nói: Đức Phật nhận biết bốn loại này là niềm vui an trú lâu dài của người tu hành, nghĩa là từ đêm khuya hôm nay ngồi xếp bằng tròn, an trú trong đó cho đến buổi sáng hôm sau, duyên khác làm cho mất đi thì mới từ trong đó đứng dậy.

Hỏi: Thế nào gọi là pháp không có tạp nhiễm?

Đáp: Bởi vì bốn Thánh chủng này không bị phiền não-ác nghiệp làm

cho lẫn tạp.

Hỏi: Thế nào gọi là không có thể quở trách?

Đáp: Nếu trú trong bốn loại này, thì luôn luôn được khen ngợi là người trú trong Chánh pháp, chứ chưa hề bị quở trách. Cũng chính vì vậy cho nên tất cả thế gian hoặc là Sa-môn, hoặc là Bà-la-môn, hoặc là trời, hoặc là ma, hoặc là Phạm, hoặc là thế gian khác, không có ai có thể như pháp nói về lỗi của Thánh chủng ấy.

Tôn giả Thế Hữu đưa ra cách nói như vậy: "Đức Phật nhận biết bốn loại này có thể tiến vào Thánh thai, cho nên gọi là sự nhận biết thù thắng nhất. Tất cả Thánh giả đều từ pháp này sinh ra, cho nên gọi là sự nhận biết về chủng tánh. Là niềm vui ngày đêm của người tu hành, cho nên gọi là sự nhận biết đáng vui thích. Xa lìa bốn loại sự nghiệp của thế gian, cho nên gọi là pháp không có tạp nhiễm, bốn loại sự nghiệp đó là ruộng đất-buôn bán-thuê mướn-tự tại. Tất cả công đức nhờ vào đây mà đầy đủ, cho nên gọi là không có thể quở trách. Đối với mình-đối với người đều không có sự tổn hại, cho nên tất cả thế gian hoặc là Sa-môn, hoặc là Bà-la-môn, hoặc là trời, hoặc là ma, hoặc là Phạm, hoặc là thế gian khác, không có ai có thể như pháp nói về lỗi của Thánh chủng ấy."

Như Đức Thế Tôn ở trong kinh nói bài kệ rằng:

"Các hữu tình điều phục yêu-ghét,
Thường xuyên ở bên cạnh đồ nằm,
Luôn luôn an trú không buông lung,
Loại bỏ hết tùy miên Hữu tham."

Hỏi: Trong bài kệ này là phân rõ về nghĩa gì?

Đáp: Yêu gọi là tham ái, ghét gọi là tắng nhuế. Đệ tử hàng Thánh của Đức Phật, nếu điều phục được hai loại này, thì ở bên cạnh đồ nằm, an trú không buông lung, vẫn có thể vĩnh viễn loại bỏ hết tùy miên Hữu tham.

Lại nữa, nếu ở trong Tỳ-nại-da Chánh pháp, thuận theo tâm đắm vào yêu thích (vị trước) đối với pháp có được mà chuyển, thì gọi là Ái; tâm lo buồn đối với pháp chưa có được mà chuyển thì gọi là Tắng. Đệ tử hàng Thánh của Đức Phật không yêu thích đối với pháp đã có được, không lo buồn đối với pháp chưa có được, cho nên có thể điều phục cả hai loại. Bởi vì điều phục cả hai loại, cho nên ở bên cạnh đồ nằm, an trú không buông lung, thì có thể vĩnh viễn loại bỏ hết tùy miên Hữu tham. Lại nữa, nếu đối với áo quần-ăn uống tuyệt vời bậc nhất mà tham lam mong cầu thì gọi là Ái, nếu đối với áo quần-ăn uống thô thiển xấu xí mà ghét bỏ chê bai thì gọi là Tắng. Đệ tử hàng Thánh của Đức Phật có thể điều phục cả hai loại. Câu

này hiển bày rõ ràng về Thánh chủng vui biết đủ đối với áo quần-ăn uống, câu thứ hai hiển bày rõ ràng về Thánh chủng vui biết đủ đối với đồ nằm, hai câu sau hiển bày rõ ràng về Thánh chủng vui với Đoạn-vui với Tu.

Hỏi: Vui với Đoạn-vui với Tu có gì sai biệt?

Đáp: Vui với Đoạn là đoạn bỏ phiền não, vui với Tu là tu tập Thánh đạo.

Lại nữa, đạo vô gián gọi là vui với Đoạn, đạo giải thoát gọi là vui với Tu.

Lại nữa, Kiến đạo gọi là vui với Đoạn, Tu đạo gọi là vui với Tu. Như Kiến đạo-Tu đạo, như vậy Kiến địa-Tu địa, Vị tri đương tri căn-Dĩ tri căn, nên biết cũng như vậy.

Lại nữa, vui với Đoạn là hiển bày về các Nhẫn, vui với Tu là hiển bày về các Trí. Đó gọi là sự sai biệt giữa vui với Đoạn-vui với Tu.

Như nói: "Này Đại Danh, Học trú nhiều trong năm Cái từ từ đoạn..."

Hỏi: Vì sao soạn ra phần luận này?

Đáp: Bởi vì muốn phân biệt nghĩa lý trong kinh. Như trong kinh nói: "Đức Phật bảo với Đại Danh: Học trú nhiều trong năm Cái từ từ đoạn." Trong kinh tuy nói ra điều này mà không phân biệt thế nào là Học, thế nào là Học trú nhiều trong năm Cái từ từ đoạn? Kinh ấy là nơi nương tựa căn bản của luận này, điều gì trong kinh chưa giải thích, thì nay cần phải giải thích, cho nên soạn ra phần luận này.

Như nói: "Này Đại Danh, Học trú nhiều trong năm Cái từ từ đoạn."

Hỏi: Trong này thế nào là Học? Đáp: Dự lưu, hoặc là Nhất lai.

Hỏi: Thế nào là Học trú nhiều trong năm Cái từ từ đoạn? Đáp: Từ từ đoạn, từ từ lìa, từ từ điều phục, từ từ rời bỏ.

Hỏi: Vì sao trong này không nói Tùy tín hành-Tùy pháp hành gọi là Học trú nhiều trong năm Cái từ từ đoạn?

Đáp: Cần phải nói mà không nói, thì nên biết là nghĩa này có khác.

Có người nói: Tùy tín hành-Tùy pháp hành có người trú trong năm

Cái đã đoạn, có người trú trong năm Cái từ từ đoạn, bởi vì không nhất định cho nên không nói; Dự lưu-Nhất lai thì không như vậy, quyết định chỉ có trú trong năm Cái từ từ đoạn, vì vậy nói đến.

Có người nói: Nếu trong thân ấy phiền não của năm Cái có thể hiện hành mà từ từ đoạn, thì trong này nói đến; Tùy tín hành-Tùy pháp hành thì tâm thiện hữu lậu-tâm vô phú vô ký hãy còn không có thể hiện hành, huống gì là phiền não? Vì thế cho nên không nói đến.

Hỏi: Trong thân Dự lưu-Nhất lai thì Cái nghi đã đoạn, Ác tác tuy chưa đoạn mà lại không hiện hành, vì sao nói là Học trú nhiều trong năm Cái từ từ đoạn, mà lại nói là có thể hiện hành?

Đáp: Văn trước nên đưa ra cách nói này: Học trú nhiều trong các Cái từ từ đoạn. Không nên nói là năm, mà nói là năm bởi vì sự việc có năm, đó là Tham dục-Sân nhuế-Thụy miên-Hôn trầm-Trạo cử.

Có người nói: Trước đoạn-nay đoạn, nói chung là đoạn năm loại; như nói đoạn năm kiết thuận phần dưới đạt được quả Bất hoàn. Trú nhiều, đó là thường xuyên trú vào.

Hỏi: Đoạn-lìa-điều phục-rời bỏ, có gì sai biệt?

Đáp: Có người nói: Không có gì sai biệt, bởi vì cùng hiển bày về đoạn.

Có người nói: Cũng có sai biệt, đó là đoạn dứt sự ràng buộc ấy cho nên gọi là đoạn, lìa bỏ sự mang lấy ấy cho nên gọi là lìa, khiến cho không hiện hành cho nên gọi là điều phục, chán ngán trái với điều ấy cho nên gọi là rời bỏ.

Lại nữa, dựa vào đạo vô gián nói là đoạn, dựa vào đạo giải thoát nói là lìa, hai loại này dựa vào vĩnh viễn đoạn mà nói; dựa vào gia hạnh gần nói là điều phục, dựa vào gia hạnh xa nói là rời bỏ, hai loại này dựa vào tạm thời đoạn mà nói.

Lại nữa, dựa vào đạo vô gián nói là đoạn, dựa vào đạo giải thoát nói là lìa, hai loại này dựa vào chính thức đoạn mà nói; dựa vào đạo gia hạnh nói là điều phục, dựa vào đạo thắng tiến nói là rời bỏ, hai loại này dựa vào hỗ trợ đoạn mà nói.

Lại nữa, đoạn là dựa vào đối trị về đoạn dứt mà nói, lìa là dựa vào đối trị về duy trì mà nói, điều phục là dựa vào đối trị về phần xa mà nói, rời bỏ là dựa vào đối trị về chán ngán hư hoại mà nói. Đó gọi là sự sai biệt của đoạn-lìa-điều phục-rời bỏ.

Như nói: "Tỳ kheo bởi vì San-độ-sa đối với Pháp cho nên San- độ-sa đối với Tỳ-nại-da, bởi vì San-độ-sa đối với Tỳ-nại-da cho nên San-độ-sa đối với Pháp…" Cho đến nói rộng ra.

Hỏi: Vì sao soạn ra phần luận này?

Đáp: Bởi vì muốn phân biệt nghĩa lý trong kinh. Như trong kinh nói: "Vị lai có các Tỳ kheo không tu Thân giới-Tâm tuệ, họ không tu Thân giới-Tâm tuệ là bởi vì San-độ-sa đối với Pháp..." Trong kinh tuy nói ra điều này mà không phân biệt, thế nào là Pháp, thế nào là Tỳ-nại- da, thế nào là bởi

vì San-độ-sa đối với Pháp? Cho đến nói rộng ra. Kinh ấy là nơi nương tựa căn bản của luận này, điều gì trong kinh không giải thích, thì nay cần phải giải thích, cho nên soạn ra phần luận này.

Hỏi: Thế nào là Pháp?

Đáp: Tám chi Thánh đạo.

Hỏi: Thế nào là Tỳ-nại-da?

Đáp: Diệt tham-sân-si.

Hỏi: Thế nào là bởi vì San-độ-sa đối với Pháp cho nên San-độ-sa đối với Tỳ-nại-da, bởi vì San-độ-sa đối với Tỳ-nại-da cho nên San-độ- sa đối với Pháp?

Đáp: Nếu lúc không tu tập đối với tám chi Thánh đạo, thì lúc ấy không có thể tác chứng đối với diệt tham-sân-si; nếu lúc không tác chứng đối với diệt tham-sân-si, thì lúc ấy không có thể tu tập đối với tám chi Thánh đạo. Bởi vì nhân duyên này, cho nên đưa ra cách nói này.

Trong này, chữ San-độ-sa, có người nói là hiển bày về vui biết đủ, có người nói là hiển bày về sự hủy hoại.

Nếu nói là hiển bày về vui biết đủ, thì đó là nói: Thế nào là bởi vì San-độ-sa đối với Pháp cho nên San-độ-sa đối với Tỳ-nại-da? Đó là bởi vì sinh ra niềm vui biết đủ đối với Kiến đạo, cho nên sẽ không có thể tu tập đối với Tu đạo; nếu lúc không tu tập đối với Tu đạo thì không có thể tác chứng đối với đoạn phiền não do Tu mà đoạn. Như vậy, bởi vì San-độ-sa đối với Pháp cho nên San-độ-sa đối với Tỳ-nại-da. Thế nào là bởi vì San-độ-sa đối với Tỳ-nại-da cho nên San-độ-sa đối với Pháp? Đó là bởi vì sinh ra niềm vui biết đủ đối với đoạn phiền não do Kiến mà đoạn, cho nên sẽ không có thể tác chứng đối với đoạn phiền não do Tu mà đoạn; nếu lúc không tác chứng đối với đoạn phiền não do Tu mà đoạn, thì không có thể tu tập đối với Tu đạo. Như vậy, bởi vì San-độ-sa đối với Tỳ-nại-da cho nên San-độ-sa đối với Pháp.

Nếu nói là hiển bày về sự hủy hoại, thì đó là nói: Bởi vì hủy hoại Thánh đạo, cho nên không có thể tác chứng đối với diệt tham-sân-si, vì vậy nói là bởi vì San-độ-sa đối với Pháp cho nên San-độ-sa đối với Tỳ- nại-da. Bởi vì hủy hoại về diệt tham-sân-si, cho nên sẽ không có thể tu tập đối với Thánh đạo, vì vậy nói là bởi vì San-độ-sa đối với Tỳ-nại-da cho nên San-độ-sa đối với Pháp.

Hỏi: Thánh đạo và Diệt không có sai lầm, không có thể hủy hoại, làm sao nói là hủy hoại Thánh đạo và Diệt?

Đáp: Hủy hoại sự nối tiếp nhau của pháp ấy mà nói là hủy hoại pháp ấy, không phải là tự Thể của pháp ấy thật sự có thể hủy hoại, nghĩa là do phiền não hiện rõ ở trước mắt mà hủy hoại sự nối tiếp nhau, do hủy hoại sự nối tiếp nhau mà khiến Thánh đạo chuyển ra xa, do Thánh đạo chuyển ra xa cho nên không có thể tác chứng đối với diệt tham-sân- si, vì vậy nói là hủy hoại.

Như trong kinh nói: "Đây là Pháp, đây là Tỳ-nại-da, đây là lời dạy của bậc Đại Sư."

Hỏi: Ba pháp này có gì sai biệt?

Đáp: Pháp gọi là tám chi Thánh đạo, Tỳ-nại-da gọi là diệt tham- sân-si, lời dạy của bậc Đại Sư gọi là lời của Đức Phật.

Có người nói: Pháp gọi là tạng A-tỳ-đạt-ma, Tỳ-nại-da gọi là tạng Tỳ-nại-da, lời dạy của bậc Đại Sư gọi là tạng Tố-đát-lãm. Đó gọi là sự sai biệt của ba pháp này.

Như nói: "Pháp tùy pháp hành…" Cho đến nói rộng ra.

Hỏi: Vì sao soạn ra phần luận này?

Đáp: Bởi vì muốn phân biệt nghĩa lý trong kinh. Như trong kinh nói: "Pháp tùy pháp hành." Trong kinh tuy nói ra điều này mà không phân biệt thế nào là pháp, thế nào là tùy pháp, thế nào là pháp tùy pháp hành? Kinh là nơi nương tựa căn bản của luận này, điều gì trong kinh không giải thích, thì nay cần phải giải thích, cho nên soạn ra phần luận này.

Hỏi: Thế nào là pháp?

Đáp: Tịch diệt Niết-bàn.

Hỏi: Thế nào là tùy pháp?

Đáp: Tám chi Thánh đạo.

Hỏi: Thế nào là pháp tùy pháp hành?

Đáp: Nếu ở trong pháp này thuận theo nghĩa mà thực hành, đó gọi là vì cầu Niết-bàn mà tu tập tám chi Thánh đạo, cho nên gọi là pháp tùy pháp hành; là có thể an trú trong pháp này, thì gọi là pháp tùy pháp hành.

Hỏi: Vì sao chỉ riêng Niết-bàn gọi là pháp, tám chi Thánh đạo gọi là tùy pháp?

Đáp: Bởi vì Niết-bàn là pháp thù thắng ở trong các pháp, sinh- già-bệnh-chết không có thể xâm nhập, cho nên chỉ riêng Niết-bàn được gọi là pháp; tám chi Thánh đạo tiếp theo pháp ấy, thuận theo pháp ấy, như Quốc vương với Đại thần, cho nên gọi là tùy pháp.

Vì vậy trong kinh nói: "Niết-bàn là pháp thù thắng nhất trong tất cả

các pháp, Thánh đạo thù thắng nhất trong pháp hữu vi."

Nhưng trong kinh Xá-lợi-tử Tán Học nói rằng: "Pháp của Tỳ kheo là tùy pháp, đó gọi là Ly hệ." Trong kinh ấy nói Thánh đạo gọi là pháp, Niết-bàn gọi là tùy pháp, bởi vì trước phải đạt được Thánh đạo, sau mới chứng Niết-bàn. Kinh trước dựa vào sự hơn-kém theo thứ tự hiển bày về pháp-tùy pháp, kinh sau dựa vào sự chứng đắc theo thứ tự hiển bày về pháp-tùy pháp.

Lại nữa, Biệt giải thoát gọi là pháp, luật nghi Biệt giải thoát gọi là tùy pháp. Nếu ở trong pháp này thuận theo nghĩa mà thực hành thì gọi là pháp tùy pháp hành, đó là bởi vì cầu Biệt giải thoát cho nên thọ luật nghi Biệt giải thoát, đạt được rồi thuận theo bảo vệ không hề có hủy phạm thì gọi là pháp tùy pháp hành, có thể an trú trong pháp này thì gọi là pháp tùy pháp hành.

Lại nữa, Thân luật nghi-Ngữ luật nghi-Mạng thanh tịnh gọi là pháp, thọ pháp này gọi là tùy pháp. Nếu ở trong pháp này thuận theo nghĩa mà thực hành thì gọi là pháp tùy pháp hành, đó là bởi vì cầu Thân luật nghi-Ngữ luật nghi-Mạng thanh tịnh cho nên thọ, và thọ rồi thuận theo bảo vệ thì gọi là pháp tùy pháp hành, có thể an trú trong pháp này thì gọi là pháp tùy pháp hành.

Hỏi: Thân luật nghi-Ngữ luật nghi-Mạng thanh tịnh tức là do luật nghi Biệt giải thoát thâu nhiếp, vì sao còn nói lại?

Đáp: Trước là nói không phân biệt, nay là nói phân biệt; trước là nói tổng quát, nay là nói riêng biệt.

Có người nói: Trước là do luật nghi thâu nhiếp, do hành diệu thâu nhiếp, không phải là do rời xa luật nghi thâu nhiếp; nay là do luật nghi thâu nhiếp, do hành diệu thâu nhiếp, cũng do rời xa luật nghi thâu nhiếp.

Có người nói: Trước hiển bày rõ ràng về thụ động phát khởi, nay hiển bày rõ ràng về chủ động phát khởi; trước vì bảo vệ thụ động phát khởi cho nên bảo vệ chủ động phát khởi, nay vì bảo vệ chủ động phát khởi cho nên bảo vệ thụ động phát khởi.

Có người nói: Trước vì bảo vệ đối với quả cho nên thuận theo bảo vệ đối với nhân, nay vì bảo vệ đối với nhân cho nên thuận theo bảo vệ đối với quả. Như nhân-quả, chủ động tạo tác-thụ động tạo tác cũng như vậy.

Trong này, Biểu của giới Biệt giải thoát và Vô biểu của niệm đầu tiên, là Thi-la, là luật nghi, là hành diệu, là Bát-la-đề-mộc-xoa, là luật nghi của Bát-la-đề-mộc-xoa, là nghiệp, là nghiệp đạo; sau Vô biểu này là Thi-la, là luật nghi, là hành diệu, là luật nghi của Bát-la-đề-mộc-xoa, không phải là Bát-la-đề-mộc-xoa, bởi vì không phải là giải thoát đầu tiên, là

nghiệp chứ không phải là nghiệp đạo, bởi vì Tư đến cuối cùng không chuyển ở nơi này.

Như nói: "Này Tỳ kheo, nay Ta sẽ nói về Bát-la-để-mộc-xoa, các Thầy lắng nghe kỹ càng!"

Hỏi: Trong này, pháp gì gọi là Bát-la-để-mộc-xoa, là Thi-la, hay là lời nói của người thuyết giới? Nếu là Thi-la thì pháp ấy không có thể nói, vì sao nói là Ta sẽ nói về Bát-la-để-mộc-xoa? Nếu là lời nói của người thuyết giới, thì lúc ấy hoặc là tâm thiện mà nói, hoặc là tâm bất thiện-vô ký mà nói, trong Tỳ-nại-da nói nên hiểu thế nào? Như nói: "Bát-la-để-mộc-xoa là pháp đi trước-đứng đầu-cao nhất trong các pháp thiện."

Đáp: Có người nói: Là Thi-la.

Hỏi: Thi-la là pháp không có thể nói, vì sao nói là Ta sẽ nói?

Đáp: Dựa vào nhân lần lượt chuyển đổi, cho nên gọi là nói; như pháp của con cháu, đó là lời nói có thể phát khởi tên gọi, tên gọi có thể hiển bày ý nghĩa. Có người nói: Là lời nói của người thuyết giới.

Hỏi: Lúc ấy hoặc là tâm thiện mà nói, hoặc là tâm bất thiện-vô ký mà nói, vì sao nói là pháp đi trước-đứng đầu-cao nhất trong các pháp thiện?

Đáp: Đó là Tỳ-nại-da dựa vào nhân không ngăn ngại, cho nên đưa ra cách nói này, nghĩa là người thuyết giới thuận theo tâm nào mà nói, nếu người nghe có thể tu hành như lời nói, thì đều có thể làm nhân không có ngăn ngại cho tất cả công đức ấy, cho nên nói Bát-la-để-mộc- xoa là pháp đi trước-đứng đầu-cao nhất trong các pháp thiện.

-oOo-

LUẬN A TỲ ĐẠT MA ĐẠI TỲ BÀ SA

QUYỂN 182

LUẬN VỀ BẤT HOÀN (Phần 9)

Thế nào là Pháp luân? Cho đến nói rộng ra.

Hỏi: Vì sao soạn ra phần luận này?

Đáp: Bởi vì muốn phân biệt nghĩa lý trong kinh. Như trong kinh nói: "Đức Thế Tôn chuyển Pháp luân, các hàng Sa-môn, Bà-la-môn, trời-ma-Phạm còn lại ở thế gian đều không có ai có năng lực như pháp mà Chuyển." Trong kinh tuy nói ra điều này mà không phân biệt, thế nào là Pháp luân, đến đâu thì nên gọi là chuyển Pháp luân? Kinh là nơi nương tựa căn bản của luận này, điều gì trong kinh không giải thích, thì nay cần phải giải thích, cho nên soạn ra phần luận này.

Hỏi: Thế nào là Pháp luân?

Đáp: Tám chi Thánh đạo. Nếu bao gồm Tương ưng-Tùy chuyển thì tánh thuộc năm Uẩn. Đó là tự tánh của Pháp luân, là Ngã, là vật, là tướng, là tánh, là bổn tánh.

Đã nói về tự tánh, nay sẽ nói đến nguyên cớ. Hỏi: Vì sao gọi là Pháp luân?

Đáp: Luân này là do pháp mà thành, lấy pháp làm tự tánh, cho nên gọi là Pháp luân. Như vòng vàng…của thế gian do vàng…mà làm thành, lấy vàng…làm tánh, gọi là vòng vàng…; ở đây cũng như vậy.

Có người nói: Luân này có thể lựa chọn đến cuối cùng lựa chọn, có thể giác ngộ đến cuối cùng giác ngộ, Hiện quán-tác chứng đối với tánh của các pháp, cho nên gọi là Pháp luân.

Có người nói: Luân này có thể thanh tịnh Pháp nhãn của Thánh tuệ, cho nên gọi là Pháp luân.

Có người nói: Luân này có thể sửa trị pháp luân sai trái, cho nên gọi là Pháp luân; pháp luân sai trái, đó là luân thuộc tám chi Tà do Lục Sư như Bố-lạt noa…đã chuyển.

Hỏi: Vì sao gọi là Luân, Luân là nghĩa gì?

Đáp: Nghĩa về chuyển động không dừng là nghĩa của Luân, nghĩa về rời bỏ nơi này hướng đến nơi kia là nghĩa của Luân, nghĩa về có năng lực làm cho kẻ địch phải khuất phục là nghĩa của Luân.

Như trong kinh Đại Tứ Thập Pháp Môn nói: "Có hai mươi phẩm thiện, hai mươi phẩm bất thiện, đây gọi là Phạm luân…"

Hỏi: Hai mươi phẩm thiện thì có thể như vậy, hai mươi phẩm bất thiện vì sao gọi là Phạm luân?

Đáp: Ý của Đức Phật không nói pháp ấy là Phạm luân, chỉ nói về Luân có Nhẫn-Trí đối với pháp thuộc phẩm thiện-bất thiện gọi là Phạm luân.

Hỏi: Pháp này vì sao gọi là Phạm?

Đáp: Bởi vì rất vắng lặng, xa rời tai họa bất ngờ, không có tội lỗi, không làm não hại, cho nên gọi là Phạm.

Hỏi: Vì sao gọi là Phạm luân?

Đáp: Bởi vì ở cõi Phạm Thế là nơi đầu tiên có thể đạt được và có đủ Thánh đạo, cho nên gọi là Phạm luân. Tĩnh lự thứ hai-thứ ba không phải là nơi đầu tiên đạt được, cũng không có đủ Thánh đạo. Tĩnh lự thứ tư chỉ là thân Phật đầu tiên đạt được mà không có đủ Thánh đạo, cho nên không gọi là Luân. Chỉ có cõi Phạm Thế là nơi đầu tiên có thể đạt được, và cũng đầy đủ Thánh đạo, cho nên gọi là Phạm luân.

Có người nói: Bởi vì có thể đạt được trong sự nối tiếp nhau của người tu Phạm hạnh, cho nên gọi là Phạm luân.

Có người nói: Bởi vì đối trị với phi phạm hạnh, cho nên gọi là Phạm luân.

Có người nói: Bởi vì đối trị với phiền não phi phạm hạnh do Kiến mà đoạn của ba cõi, cho nên gọi là Phạm luân.

Có người nói: Đây là nhờ Phạm Vương khuyến thỉnh mà chuyển, cho nên gọi là Phạm luân.

Có người nói: Đức Phật là bậc Đại Phạm, pháp do Đức Phật đã tuyên thuyết-phân biệt-khai thị, cho nên gọi là Phạm luân.

Có người nói: Pháp được tuyên thuyết bằng Phạm âm, cho nên gọi là Phạm luân.

Có người nói: Chỉ có Thánh đạo của cõi Phạm Thế mới có năng lực đối trị với rất nhiều pháp không phải là Phạm hạnh. Rất nhiều pháp không phải là Phạm hạnh, đó là phiền não do Kiến-Tu mà đoạn của ba cõi, hoặc là phiền não bất thiện-vô ký, hoặc là phiền não có dị thục- không có dị thục,

hoặc là phiền não sinh ra hai quả-sinh ra một quả, hoặc là phiền não tương ưng với không có Tàm-không có Quý, hoặc là phiền não không tương ưng với không có Tàm-không có Quý, hoặc là phiền não có sự-không có sự, hoặc là phiền não do Nhẫn mà đối trị-do Trí mà đối trị. Những phiền não như vậy gọi là rất nhiều pháp không phải là Phạm hạnh.

Có người nói: Bởi vì chỉ riêng cõi Phạm Thế có nhiều quả của Phạm hạnh, cho nên gọi là Phạm luân. Nhiều quả của Phạm hạnh, đó là bốn quả Sa-môn, ba Tĩnh lự trên chỉ có hai quả Sa-môn, Vô sắc chỉ có một quả Sa-môn, chỉ riêng trong cõi Phạm Thế có đủ bốn quả Sa-môn. Hoặc là chín quả Biến tri, ba Tĩnh lự trên chỉ có năm quả Biến tri, Vô sắc chỉ có hai quả Biến tri, chỉ riêng cõi Phạm Thế có đủ chín quả Biến tri. Hoặc là tám mươi chín quả Sa-môn, chỉ riêng cõi Phạm Thế có đủ chứ không phải là ở địa trên. Vì thế cho nên Thánh đạo gọi là Phạm luân.

Hỏi: Vì sao chỉ nói Kiến đạo gọi là Pháp luân chứ không phải là gì khác?

Đáp: Trước đây nói nghĩa về chuyển động không dừng là nghĩa của Luân, Kiến đạo là đạo nhanh chóng, đạo không khởi tâm mong mỏi, là đạo tùy thuận nhất đối với sự chuyển động không dừng, cho nên chỉ có Kiến đạo gọi là Pháp luân.

Có người nói: Trước đây nói nghĩa về rời bỏ nơi này hướng đến nơi kia là nghĩa của Luân, trong Kiến đạo rời bỏ Hiện quán về Khổ hướng đến Hiện quán về Tập, cho đến rời bỏ Hiện quán về Diệt hướng đến Hiện quán về Đạo, vì thế cho nên chỉ có Kiến đạo gọi là Pháp luân.

Có người nói: Bởi vì bốn sự việc cho nên gọi là Luân:

1. Rời bỏ nơi này.
2. Hướng đến nơi kia.
3. Chưa hàng phục thì làm cho hàng phục.
4. Đã hàng phục thì giữ gìn che chở. Trong Kiến đạo cũng như vậy, rời bỏ nơi này là rời bỏ Hiện quán về Khổ, hướng đến nơi kia là hướng đến Hiện quán về Tập, chưa hàng phục thì làm cho hàng phục tức là Hiện quán về Tập, đã hàng phục thì giữ gìn che chở tức là Hiện quán về Khổ, cho đến Diệt-Đạo nói cũng như vậy, cho nên gọi là Pháp luân.

Có người nói: Nghĩa về xoay tròn là nghĩa của Luân, giống như bánh xe xoay tròn liên tục. Như vậy, Nhẫn-Trí trong Kiến đạo xoay tròn liên tục, nghĩa là sau Nhẫn thì Trí hiện rõ ở trước mắt, sau Trí thì Nhẫn hiện rõ ở trước mắt, phẩm Pháp-phẩm Loại xoay tròn liên tục cũng như vậy, cho nên gọi là Pháp luân.

Có người nói: Nghĩa về trên-dưới là nghĩa của Luân, giống như bánh xe lúc phía trên-lúc phía dưới. Như vậy, Kiến đạo duyên với cảnh trên-cảnh dưới, nghĩa là duyên với cõi Dục rồi liền duyên với Hữu Đảnh, duyên với Hữu Đảnh rồi lại duyên với cõi Dục, đối trị trên-dưới nói cũng như vậy, cho nên gọi là Pháp luân.

Có người nói: Kiến đạo giống như pháp của nan hoa-ổ trục-vành bánh xe, cho nên nói là Luân; giống như bánh xe thì ổ trục ở chính giữa, nan hoa dựa vào ổ trục dựng lên, vành bánh xe giữ lấy nan hoa. Như vậy, trong Kiến đạo thì Khổ-Tập nhẫn-trí như nan hoa, Diệt nhẫn-Diệt trí như ổ trục, Đạo nhẫn-Đạo trí như vành bánh xe, bởi vì tất cả duyên với Đạo.

Có người nói: Khổ-Tập-Diệt nhẫn-trí như nan hoa, ba Đế như ổ trục, Đạo đế như vành xe.

Hoặc có người nói: Nhẫn-Trí của ba Đế như nan hoa, Đạo nhẫn- Đạo trí như vành bánh xe, bốn Đế như ổ trục.

Hoặc có người nói: Chánh kiến-Chánh tư duy-Chánh cần như nan hoa, Chánh ngữ-Chánh nghiệp-Chánh mạng như ổ trục, Chánh niệm-Chánh định như vành bánh xe.

Hoặc có người nói: Chánh tư duy-Chánh cần-Chánh niệm-Chánh định như nan hoa, Chánh ngữ-Chánh nghiệp-Chánh mạng như ổ trục, Chánh kiến như vành bánh xe.

Hoặc có người nói: Chỉ có Chánh định như vành bánh xe, còn lại nói như trước.

Có người nói: Nghĩa về hàng phục bốn phương là nghĩa của Luân, như Chuyển Luân Vương vốn có vòng xe báu, hàng phục tất cả kẻ địch khắp bốn châu. Như vậy, hành giả dùng vòng xe Kiến đạo hàng phục tất cả phiền não khắp bốn Đế, cho nên gọi là Pháp luân.

Có người nói: Phiền não do Kiến mà đoạn gọi là pháp luân sai trái, bởi vì có thể khởi lên tám chi Tà; Kiến đạo là đối trị gần của nó, cho nên gọi là Pháp luân.

Tôn giả Diệu Âm nói rằng: "Tám chi Đạo thuộc Học lần lượt chuyển đổi hòa hợp, cùng lúc chuyển đến trong sự nối tiếp nhau của người khác, cho nên gọi là Pháp luân. Tám chi Đạo này thù thắng nhất ở phần vị Kiến đạo, vì thế cho nên chỉ riêng Kiến đạo gọi là Pháp luân."

Hỏi: Đến đâu thì nên gọi là chuyển Pháp luân?

Đáp: Nếu lúc Tỳ kheo A-nhã-đa Kiều-trận-na thấy pháp.

Hỏi: Vì sao lại soạn ra phần luận này?

Đáp: Trước đây tuy hiển bày về tự tánh của Pháp luân mà chưa hiển bày về tác dụng, nay muốn hiển bày về điều đó, cho nên soạn ra phần luận này.

Có người nói: Bởi vì ngăn chặn Bộ phái Ma ha Tăng-kỳ nói rằng Pháp luân lấy lời nói làm tự tánh. Họ đưa ra cách nói này: Tất cả lời nói của Đức Phật đều là Pháp luân, nếu cho rằng Thánh đạo là Pháp luân thì ở dưới cội cây Bồ-đề đã chuyển Pháp luân, tại sao đi đến nước Bà- la-ni-tư mới gọi là chuyển Pháp luân? Bởi vì ngăn chặn ý chấp ấy để hiển bày Thể của Pháp luân chỉ là Thánh đạo, không phải là tánh thuộc lời nói của Đức Phật. Nếu như là lời nói của Đức Phật, thì lẽ ra bên cội cây Bồ-đề thuyết pháp cho người buôn đã gọi là chuyển Pháp luân, tại sao về sau đến nước Bà-la-ni-tư mới nói là chuyển Pháp luân? Vì thế biết rằng lúc bấy giờ khiến cho trong thân người khác có Thánh đạo khởi lên thì mới gọi là chuyển Pháp luân. Bởi vì Pháp luân lấy Thánh đạo làm Thể, cho nên nói đến lúc Tỳ kheo A-nhã-đa Kiều-trận-na thấy pháp, gọi là Đức Phật chuyển Pháp luân.

Hỏi: Nếu như vậy thì Đức Phật ở dưới cội cây Bồ-đề đã chuyển Pháp luân, tại sao ở nước Bà-la-ni-tư mới nói là lần đầu chuyển Pháp luân?

Đáp: Chuyển Pháp luân có hai loại:

1. Chuyển trong sự nối tiếp nhau của mình.
2. Làm cho chuyển trong sự nối tiếp nhau của người khác.

Dưới cội cây Bồ-đề là tự mình chuyển Pháp luân, ở nước Bà-la- ni-tư là làm cho người khác chuyển Pháp luân. Bởi vì Đức Phật lấy sự lợi ích cho người làm sự nghiệp chính, cho nên dựa vào làm cho người khác chuyển, nói là lần đầu chuyển Pháp luân.

Có người nói: Chuyển Pháp luân có hai loại:

1. Giống nhau.
2. Không giống nhau.

Dưới cội cây Bồ-đề đã chuyển Pháp luân là pháp tự lợi mình giống với Nhị thừa, ở nước Bà-la-ni-tư đã chuyển Pháp luân là pháp lợi ích cho người không giống với Nhị thừa, bởi vì dựa vào không giống nhau mà nói, cho nên nói là ở nước ấy lần đầu chuyển Pháp luân.

Có người nói: Trái lại với điều này gọi là giống nhau-không giống nhau, dựa vào giống nhau mà nói là chuyển; như giống nhau-không giống nhau, đã từng-chưa từng cũng như vậy.

Có người nói: Nếu vào lúc chuyển hơn hẳn Độc giác thì mới nói là lần đầu chuyển, nghĩa là bởi vì các vị Độc giác cũng có thể tự mình chuyển,

nhưng không làm cho người khác chuyển, chỉ có Đức Phật cũng có thể làm cho người khác chuyển.

Có người nói: Nếu vào lúc chuyển có người làm chứng thì mới nói là lần đầu chuyển, nghĩa là năm Tỳ kheo chứng lý Vô ngã thì mới là người làm chứng cho Đức Phật chuyển Pháp luân.

Có người nói: Ở nước Bà-la-ni-tư đã chuyển Pháp luân, là quả của công lao ngày xưa Đức Phật đã tu khổ hạnh trải qua ba Vô số kiếp, cho nên nói là lần đầu chuyển. Nguyên cớ thế nào? Bởi vì nếu Đức Phật muốn nhập Niết-bàn thì ở nơi Đức Phật quá khứ đã có thể tùy ý, sở dĩ trải qua ba Vô số kiếp tinh tiến chịu khó tu tập trăm ngàn khổ hạnh, cầu sự thiện xảo đối với Uẩn-Xứ-Giới là đều làm lợi ích cho hữu tình đã được hóa độ, luôn luôn dấy lên nguyện này: Nguyện cho tôi chứng được Vô thượng Bồ-đề, sẽ mở cánh cửa Cam lộ cho hữu tình, khiến cho đều thoát khỏi ngục tù của sinh tử. Vì thế, nay đã chuyển chính là quả của sự khổ hạnh ngày xưa.

Có người nói: Nếu có thể hàng phục được phiền não trong thân người khác, thì mới gọi là tác dụng đích thực của Pháp luân. Như vòng báu của Luân Vương hàng phục nơi khác, không phải là chỉ hàng phục nơi cung điện cư trú của mình; Pháp luân của Như Lai cũng như vậy. Dựa vào điều này cho nên nói là Đức Phật lần đầu chuyển Pháp luân.

Hỏi: Nếu lúc trong thân ấy sinh khởi Thánh đạo thì ngay lúc ấy gọi là chuyển Pháp luân, tại sao nói là Đức Phật chuyển Pháp luân?

Đáp: Dựa vào nhân có thể chuyển, cho nên đưa ra cách nói này. Nghĩa là trong thân ấy vốn có Thánh đạo, nếu Đức Thế Tôn không dùng ngôn thuyết tự mình làm cho chuyển, thì Thánh đạo ấy không biết do đâu có thể sinh khởi. Thánh đạo ấy sinh khởi đều nhờ vào lực của Đức Phật, cho nên nói là Đức Phật lần đầu chuyển Pháp luân. Như Chuyển Luân Vương chưa lấy vòng báu đặt vào tay trái để chuyển sang tay phải, thì các Thiên thần cũng không có thể chuyển, phải là Luân Vương chuyển rồi thì họ mới có thể chuyển được, cho nên nói là Luân Vương có thể chuyển chứ không phải là các Thiên thần; ở đây cũng như vậy.

Có người nói: Dựa vào duyên mở bày giác ngộ, cho nên đưa ra cách nói này. Nghĩa là trong thân ấy tuy có Thánh đạo, thậm chí nếu chưa dùng ánh sáng của lời Đức Phật dạy mà chiếu rọi tiếp xúc, thì Thánh đạo ấy không biết do đâu có thể sinh khởi. Thánh đạo ấy sinh khởi đều nhờ vào lực của Đức Phật, cho nên nói là Đức Phật lần đầu chuyển Pháp luân. Ví như trong hồ có nhiều loại hoa sen như Ốt-bát-la…, thậm chí nếu chưa dùng ánh sáng mặt trời mà chiếu rọi tiếp xúc, thì không nở rộ-không bung

tròn-không tỏa hương, lúc ánh sáng mặt trời chiếu rọi thì nở rộ-bung tròn-tỏa hương; ở đây cũng như vậy.

Có người nói: Dựa vào duyên loại bỏ chướng ngại, cho nên đưa ra cách nói này. Nghĩa là trong thân ấy tuy có Thánh đạo, nếu Đức Phật không dùng Danh-Cú-Văn thân khéo léo tài tình chưa hề có để loại bỏ chướng ngại vốn có trong thân ấy, thì Thánh đạo ấy không biết do đâu có thể sinh khởi. Thánh đạo ấy sinh khởi là nhờ Đức Phật loại bỏ chướng ngại, cho nên nói là Đức Phật lần đầu chuyển Pháp luân.

Có người nói: Dựa vào duyên cung cấp giúp đỡ, cho nên đưa ra cách nói này. Nghĩa là trong thân ấy tuy có Thánh đạo, nếu Đức Phật không dùng làn nước Chánh pháp để tưới mát, thì mầm non Thánh đạo không biết do đâu có thể sinh khởi. Mầm non Thánh đạo ấy sinh khởi là nhờ vào sự cung cấp giúp đỡ của Đức Phật, cho nên nói là Đức Phật lần đầu chuyển Pháp luân. Như hạt giống trong kho bởi vì thiếu đi nhiều duyên, cho nên mầm non sẽ không sinh ra, nên biết mầm non sinh ra là do lực của duyên cung cấp giúp đỡ; ở đây cũng như vậy.

Có người nói: Dựa vào duyên chỉ bày dẫn dắt, cho nên đưa ra cách nói này. Nghĩa là trong thân ấy tuy có Thánh đạo, nếu không có ngôn thuyết của Như Lai chỉ bày dẫn dắt, thì Thánh đạo trong thân ấy không chuyển, Đức Phật mở bày rõ ràng cho nên Thánh đạo ấy chuyển, cho nên nói là Đức Phật lần đầu chuyển Pháp luân. Như trong ngôi nhà tối tăm dùng đèn đuốc chiếu rọi rõ ràng thì nhìn thấy các loại vật dụng có thể lấy ra; ở đây cũng như vậy.

Có người nói: Nhờ hai nhân-hai duyên mà sinh khởi Chánh kiến:

1. Nghe pháp âm của người khác.
2. Tác ý như lý.

Do nghe pháp âm của người khác, cho nên nói là Đức Phật lần đầu chuyển; do tác ý như lý cho nên nói là người ấy tự chuyển.

Có người nói: Nếu người đầy đủ bốn pháp thì gọi là có nhiều việc làm, đó là thân cận bậc Thiện sĩ, lắng nghe Chánh pháp, tác ý như lý, pháp tùy pháp hành. Do thân cận bậc Thiện sĩ, lắng nghe Chánh pháp, cho nên nói là Đức Phật chuyển Pháp luân; do tác ý như lý, pháp tùy pháp hành, cho nên nói là người ấy tự chuyển Pháp luân.

Hỏi: Kiều-trận-na trú trong Khổ pháp trí nhẫn thì nên nói là Đức Phật lần đầu chuyển Pháp luân, vì sao cho đến lúc Đạo loại trí mới gọi là chuyển?

Đáp: Lúc Khổ pháp trí nhẫn tuy có thể gọi là chuyển, mà chưa đến cuối cùng; lúc Đạo loại trí thì đối với chuyển mới đến cuối cùng.

Có người nói: Lúc Đạo loại trí bởi vì có đủ ba nhân duyên, cho nên gọi là chuyển:

1. Rời bỏ đạo đã từng có.
2. Đạt được đạo chưa từng có.
3. Chứng cùng một Vị đoạn kiết.

Có người nói: Lúc Đạo loại trí bởi vì có đủ năm nhân duyên, cho nên gọi là chuyển:

1. Rời bỏ đạo đã từng có.
2. Đạt được đạo chưa từng có.
3. Chứng cùng một Vị đoạn kiết.
4. Lập tức đạt được tám trí.
5. Cùng lúc tu mười sáu hành tướng.

Rời bỏ đạo đã từng có, là rời bỏ Kiến đạo. Đạt được đạo chưa từng có, là đạt được Tu đạo. Chứng cùng một Vị đoạn kiết, là Tập chứng đoạn do Kiến mà đoạn của ba cõi. Lập tức đạt được tám trí, là lập tức đạt được bốn Pháp trí và bốn Loại trí. Cùng lúc tu mười sáu hành tướng, đó là cùng lúc tu bốn hành tướng về Khổ, cho đến bốn hành tướng về Đạo.

Có người nói: Lúc Đạo loại trí bởi vì đã đoạn tất cả phiền não do Kiến mà đoạn, không còn quan hệ của phiền não; phiền não do Nhẫn đã sửa trị, vĩnh viễn hại đến Kiến thuộc tánh Tà, cho nên vào lúc bấy giờ mới nói là chuyển.

Có người nói: Ở đây đã nói đến chuyển, là dựa vào Bổ-đặc-già- la đến quả vị có thể nói ra-có thể tính đếm, pháp có tướng có thể nói được-có thể thi thiết được mà nói, không phải là đối với thời gian trước không gọi là chuyển.

Có người nói: Ở đây đã nói đến chuyển, là dựa theo nơi chốn có thể mạng chung rồi thọ sinh mà nói, không phải là đối với thời gian trước không gọi là chuyển.

Như trong kinh nói: "Lúc Đức Phật nói về pháp môn này, Tỳ kheo Kiều-trận-na và tám vạn chư Thiên, viễn trần-ly cấu, ở trong các pháp sinh ra pháp nhãn thanh tịnh."

Trong này, viễn trần là xa rời tùy miên, ly cấu là lìa bỏ triền cấu, ở trong các pháp là ở trong bốn Thánh đế, sinh ra pháp nhãn thanh tịnh là sinh ra pháp nhãn thanh tịnh thấy rõ bốn Thánh đế.

Hỏi: Lúc Đức Phật nói về pháp môn này, thì năm Tỳ kheo đều thấy pháp, vì sao chỉ nói đến Kiều-trận-na?

Đáp: Bởi vì Kiều-trận-na thấy pháp đầu tiên, nghĩa là Kiều-trận- na

đã tiến vào Kiến đạo, bốn người còn lại hãy còn ở trong phần vị của căn thiện thuận phần quyết trạch.

Có người nói: Bởi vì Đức Thế Tôn có nguyện từ đời trước (túc nguyện) đối với vị ấy, cho nên lấy vị ấy làm đầu tiên mà chuyển Pháp luân, vì thế cho nên chỉ nói đến vị ấy. Vì vậy, Đức Phật bảo với Kiều- trận-na rằng ông đã hiểu chưa? Vị ấy thưa rằng đã hiểu. Lần thứ hai-thứ ba cũng lại như vậy, bởi vì điều này cho nên gọi vị ấy là A-nhã-đa.

Hỏi: Vì sao Đức Thế Tôn ba lần hỏi vị ấy?

Đáp: Lúc ấy Kiều-trận-na thấy Thánh đế rồi, Đức Thế Tôn liền khởi lên trí của đời trước-đời sau (tiền-hậu tế trí) để quán sát như vậy: Vì Kiều-trận-na đã phải nhận chịu nhiều Uẩn-Giới-Xứ nối tiếp nhau của nẻo ác, hay vì mình đã trải qua nhiều Sát-na, Lạp-phược, Mâu-hô- lật-đa trong ba Vô số kiếp quá khứ? Quán sát rồi liền thấy Kiều-trận- na đã phải nhận chịu nhiều Uẩn-Giới-Xứ nối tiếp nhau của địa ngục vô gián, chứ không phải là mình đã trải qua nhiều Sát-na, Lạp-phược, Mâu-hô-lật-đa trong ba Vô số kiếp quá khứ. Thấy rồi liền dấy lên nghĩ rằng: Mình ở trong ba Vô số kiếp tu vô lượng trăm ngàn khổ hạnh khó làm, nay đạt được quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề, chỉ khiến cho Kiều-trận-na trú trong pháp không sinh khởi đối với bấy nhiêu Uẩn- Giới-Xứ nối tiếp nhau của địa ngục vô gián, giả sử mình liền nhập Niết-bàn thì đã làm thỏa mãn kết quả đối với công lao vất vả của mình, huống là làm những việc khác hay sao? Vì vậy ba lần hỏi vị ấy.

Lại nữa, Đức Phật thấy từ vô thỉ cho đến ngày nay, Kiều-trận-na khởi lên phiền não ràng buộc tất cả hữu tình, tất cả hữu tình cũng khởi lên phiền não ràng buộc Kiều-trận-na. Lại thấy Kiều-trận-na thọ thai ở trong sự nối tiếp nhau của tất cả hữu tình, tất cả hữu tình thọ thai ở trong sự nối tiếp nhau của Kiều-trận-na. Trải qua tổn hại lẫn nhau, trải qua ăn nuốt lẫn nhau, nói cũng như vậy. Như thấy đời trước, thấy đời sau cũng như vậy. Đức Phật thấy điều này rồi, liền dấy lên nghĩ rằng: Mình chỉ khiến cho một người như Kiều-trận-na lìa xa những sự việc như vậy đối với tất cả hữu tình, thì đối với khổ hạnh mà mình đã tu trong ba Vô số kiếp đã làm thỏa mãn kết quả, huống là còn lợi ích cho vô lượng hữu tình hay sao? Trong lòng rất vui mừng, vì vậy ba lần hỏi vị ấy.

Có người nói: Bởi vì ngăn chặn sự phỉ báng, cho nên ba lần hỏi vị ấy. Nghĩa là lúc Đức Phật còn làm Bồ-tát, chán ngán cảnh già-bệnh- chết, rời khỏi thành Kiếp-tỷ-la-phiệt-suất-đổ, cầu trí tuệ Vô thượng, lúc ấy vua Tịnh Phạn sai năm người họ Thích đi theo để cung cấp hầu hạ, hai người là bà

con bên mẹ, ba người là bà con bên cha. Hai người bà con bên mẹ thì chấp là hưởng thụ dục lạc đạt được thanh tịnh, ba người bà con bên cha thì chấp là khổ hạnh đạt được thanh tịnh. Lúc ấy Bồ-tát đang tu khổ hạnh, tâm của hai người bà con bên mẹ không thể nào chịu nổi, liền bỏ mà đi. Bồ-tát biết đằng sau khổ hạnh không phải là đạo, liền rời bỏ mà nhận lấy cơm canh-cháo sữa, lấy dầu xoa thân, luyện tập công hạnh Trung đạo (xử trung), ba người bà con bên cha đều nói là Bồ-tát cuồng loạn thất chí, cũng lại bỏ mà đi. Ngay sau đó có hai cô gái, đó là Nan-đà và Nan-đà-bạt-la, cùng đến cung cấp hầu hạ. Lúc bấy giờ Bồ-tát liền dấy lên nghĩ rằng: Nếu năm người ấy không rời bỏ mình thì lẽ nào để cho hai cô gái đến gần gũi với nhau? Bồ-tát nhận ăn cháo sữa mười sáu lần rồi thân lực tăng mạnh lên, từ bên người cắt cỏ tốt bụng nhận lấy bó cỏ rồi đi đến tán cây Bồ-đề, tự trải cỏ làm chỗ ngồi mà ngồi xếp bằng tròn, phát ra lời thề như vậy: Nay tôi sẽ không rời khỏi chỗ ngồi này, vì làm cho quân đội của ma phải hàng phục, vĩnh viễn đoạn trừ các phiền não, chứng được quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề! Phát ra lời thề này rồi lập tức phá tan ba mươi sáu Câu-chi quân đội của ác ma, trong ba mươi bốn tâm đạt được quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề, dùng Phật nhãn quán xét khắp tất cả thế giới, người nào nên nghe Chánh pháp của mình đầu tiên thì mình sẽ nói cho người ấy. Quán xét rồi liền biết Ốt-đạt-lạc-ca-hạt-la-ma-tử nên nghe pháp của mình đầu tiên. Lúc ấy có Thiên thần liền thưa với Đức Phật rằng: Ốt- đạt-lạc-ca-hạt-la-ma-tử đã qua đời hôm qua.

Có người nói: Bảy ngày.

Lúc bấy giờ Đức Thế Tôn cũng khởi lên trí kiến biết là vị ấy đã qua đời, liền thương xót than rằng: Người ấy mất đi lợi ích to lớn, nếu người ấy nghe pháp của mình nói ra thì sẽ có được hiểu biết đúng đắn! Đức Thế Tôn tiếp tục quán xét trừ người ấy ra, người nào nên nghe pháp của mình đầu tiên thì mình sẽ nói cho người ấy. Quán xét rồi liền biết Át-la-đồ-ca-la-ma nên nghe pháp của mình đầu tiên. Thiên thần lại thưa rằng: Át-la-đồ-ca-la-ma qua đời đến nay đã bảy ngày.

Có người nói: Hôm qua.

Lúc bấy giờ Đức Thế Tôn cũng khởi lên trí kiến biết là vị ấy đã qua đời mà thương xót than rằng: Người ấy mất đi lợi ích to lớn, nếu người ấy nghe pháp của mình nói ra thì sẽ có được hiểu biết đúng đắn! Hỏi: Lúc Đức Phật mới đạt được quả vị Vô thượng Chánh đẳng

Bồ-đề, vì sao không nói pháp cho hai người ấy, mà để họ qua đời không được nghe pháp, lẽ nào không phải là lỡ mất thời cơ giáo hóa hay

sao?

Đáp: Có người nói: Lúc Đức Thế Tôn mới thành Phật, chưa khởi tâm nói pháp cho người khác, lại chưa dùng Đại Bi duyên với cảnh giới của hữu tình, cho nên không có lỗi để lỡ mất thời cơ hóa đạo.

Tôn giả Diệu Âm nói rằng: "Lúc Đức Phật mới đạt được quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề, bởi vì quý trọng Chánh pháp cho nên nhiều ngày suy nghĩ, hãy còn không kịp khởi tâm ăn uống, huống là có thể khởi tâm nói pháp cho người khác sao?"

Lại có người nói: Lúc mới thành Phật, chưa kiến lập về ba tụ hữu tình sai biệt, bởi vì chưa biết loại nào thích hợp để hóa đạo và loại nào không phải là thích hợp, cho nên không có sai sót.

Có người nói: Lúc ấy căn thiện của hai người chưa chín muồi, chưa có thể nghe pháp. Nguyên cớ thế nào? Bởi vì Đức Phật thành đạo rồi, lúc ấy người thứ nhất nếu trải qua năm mươi bảy ngày mà còn sống, thì sẽ có thể nghe pháp.

Có người nói: Năm mươi sáu ngày. Có người nói: Bốn mươi chín ngày.

Lúc ấy người thứ hai nếu trải qua năm mươi mốt ngày mà còn sống, thì sẽ có thể nghe pháp.

Có người nói: Năm mươi ngày. Có người nói: Bốn mươi ba ngày.

Vì vậy không phải là Đức Phật để lỡ mất thời cơ giáo hóa. Đức Thế Tôn có lúc giữ lại thọ mạng hiện hành của mình chờ đợi người được hóa độ, như chờ đợi Tô-bạt-đà-la… Nếu có thể giữ lại thọ mạng hiện hành của người khác, thì điều này không hề có.

Hỏi: Vì sao Đức Phật thương xót than thở?

Đáp: Trước đó Đức Phật lấy hai người ấy làm thầy luyện tập về Định thế tục, không đạt được pháp chân thật, nay Đức Phật tự mình chứng được pháp Vô thượng chân thật, muốn giúp cho họ nhận biết về pháp ấy, và muốn dùng pháp mà mình đã chứng làm lợi ích cho họ, nhưng họ đã qua đời, vì vậy cho nên thương xót than thở.

Hỏi: Trước đây nói nếu người ấy nghe pháp của mình nói ra thì sẽ có được hiểu biết đúng đắn, là dựa vào phần vị nào mà nói có được hiểu biết đúng đắn?

Đáp: có người nói: Đây là nói đến phần vị tiến vào Chánh tánh ly sinh.

Có người nói: Phần vị trú trong căn thiện thuận phần quyết trạch. Có

người nói: Phần vị khởi lên căn thiện thuận phần quyết trạch. Nói như vậy thì cho đến khiến họ trừ bỏ tăng thượng mạn về Nhất thiết trí, biết là chỉ riêng Đức Phật Thế Tôn có đủ Nhất thiết trí, lúc bấy giờ gọi là có được hiểu biết đúng đắn.

Đức Thế Tôn tiếp tục quán xét trừ hai người ấy ra, người nào là nên nghe pháp của mình đầu tiên thì mình sẽ nói cho người ấy. Quán xét rồi liền biết năm người như Kiều-trận-na nên nghe pháp của mình đầu tiên, liền dấy lên nghĩ rằng: Họ đều là bà con thân thuộc của cha mẹ mình, trước đây cung kính cung dưỡng cho mình, nay muốn đền đáp thì biết họ ở nơi nào? Thiên thần liền rằng: Nay ở tại vườn Nai của người Tiên thuộc nước Bà-la-ni-tư. Lúc bấy giờ Đức Thế Tôn cũng khởi lên trí kiến biết là họ ở nơi ấy, liền rời cội cây Bồ-đề đi bộ mà đến nước Bà-la-ni-tư.

Hỏi: Đức Phật vốn có Thần túc thù thắng nhất, vì sao đi bộ đến nơi ấy?

Đáp: Bởi vì cung kính tôn trọng đối với pháp, cho nên không dùng Thần túc. Nhưng vào lúc đi thì chân luôn luôn cách mặt đất khoảng chừng bốn ngón tay, mỗi một dấu chân đều có vòng tròn tốt lành đáng yêu, tướng Thiên bức luân (tướng tốt thứ 2) rõ ràng như ban ngày, hình bóng của thân đã tiếp xúc cho đến bảy ngày có thể khiến cho hữu tình nào đến nơi ấy thì các căn cảm được yên lành.

Từ từ đi đến nước Bà-la-ni-tư. Lúc bấy giờ năm người bỗng nhiên từ xa trông thấy Đức Phật, liền cùng nhau đưa ra quy ước: Kiều-đáp- ma kia lười nhác ngạo mạn-mong cầu nhiều, cuồng loạn thất chí, trống rỗng chứ không đạt được gì, bây giờ lại đến đây muốn tự mình kêu gọi dụ dỗ, mỗi người chúng ta không nên chào hỏi cung kính-trò chuyện với ông ta, chỉ trải một chỗ ngồi bình thường để mặc ông ta có ngồi hay không?

Lúc bấy giờ Đức Thế Tôn từ từ đi đến gần, do uy đức của Ngài thúc bách, khiến cho họ rời bỏ quy ước ban đầu, bất giác cùng lúc từ chỗ ngồi mà đứng dậy đi nhanh đến trước đón chào, chắp tay thưa hỏi cung kính. Trong đó có người trải chỗ ngồi sạch sẽ khác, có người đón lấy y của Đức Phật, có người đón lấy bình bát của Đức Phật, có người mang nước đến, có người rửa chân cho Đức Phật, cùng thưa với Đức Phật rằng: Xin mời đến chỗ ngồi! Đức Phật liền dấy lên nghĩ rằng: Người ngu si như vậy, tự mình đưa ra quy ước, trong chốc lát lại phá bỏ.

Lúc ấy Đức Phật đến chỗ ngồi thư thái mà ngồi, uy quang tuyệt diệu như núi Diệu Cao. Lúc này, năm người tuy là cung kính mà hãy còn gọi Đức Phật là Tỳ kheo (cụ thọ), hoặc lại xưng Đức Phật là Kiều- đáp-ma.

Đức Phật liền nói cho biết rằng: Các ông đừng gọi Như Lai là Tỳ kheo, cũng đừng xưng đến họ tên, nếu cố ý như vậy thì sẽ suốt đời mang lấy lợi ích vô nghĩa, nhận chịu các khổ đau khốc liệt. Nguyên cớ thế nào? Bởi và Như Lai đã chứng Vô thượng Bồ-đề, an ổn trong Niết- bàn, vượt qua sinh-già-bệnh-chết, giác ngộ về tánh của tất cả các pháp, cứu giúp cho tất cả, là bậc tôn quý trong ba cõi, thành tựu vô biên pháp công đức.

Lúc ấy năm người nói: Tỳ kheo vẫn là Kiều-đáp-ma ngày xưa, thân hình-việc làm không khác ngày xưa, lười nhác ngạo mạn-mong cầu nhiều, cuồng loạn thất chí, rời bỏ khổ hạnh, nhận lấy đồ ăn thức uống ngon lành, lấy dầu xoa thân, da dẻ hồng hào trơn láng, tuy biết Tỳ kheo tự nói mình chứng được Vô thượng Bồ-đề, an ổn trong Niết-bàn, nhưng ai sẽ tin mà không cho phép chúng tôi xưng đến họ tên? Đức Thế Tôn bảo rằng: Nay các ông nhìn diện mạo-uy quang-các căn và cử chỉ của Ta lẽ nào cùng với ngày xưa giống nhau hay sao? Năm người trả lời rằng: Chúng tôi nhìn Tỳ kheo thật sự khác với ngày xưa.

Đức Phật nói rằng: Nếu Ta không chứng được pháp thì lẽ nào có được như vậy, các ông nên lấy điều này để chứng thực biết rằng Ta chứng được Vô thượng Bồ-đề, vì sao vẫn đối với Như Lai mà sinh lòng không tin tưởng? Ngay sau đó Đức Thế Tôn từ từ giáo hóa dạy dỗ để điều phục họ. Vào thời gian buổi sáng nói pháp-khuyên nhủ-giảng dạy cho hai người, để ba người còn lại đi vào thôn làng khất thực, họ đã khất thực đầy đủ cho sáu người. Vào thời gian buổi chiều nói pháp-khuyên nhủ-giảng dạy cho ba người, để hai người còn lại đi vào thôn làng khất thực, họ đã khất thực đầy đủ cho năm người, bởi vì tánh của Đức Thế Tôn lìa bỏ ăn phi thời. Giáo hóa trải qua ba tháng như vậy. Có người nói: Bốn tháng.

Khiến cho căn thiện của năm người ấy chín muồi rồi, vào ngày mồng tám thuộc nửa sáng của tháng Ca-lật-đế-ca, Như Lai chuyển Pháp luân Chánh giáo (chánh pháp luân) cho họ. Lúc ấy Kiều-trận-na thấy pháp đầu tiên, Đức Phật đã ba lần hỏi ông đã hiểu chưa? Đây là ý hỏi rằng: Nay ông nhìn Ta là lười nhác ngạo mạn-mong cầu nhiều, cuồng loạn thất chí, không chứng được Vô thượng Bồ-đề, an ổn trong Niết-bàn, mà lừa dối ông chăng? Cho nên ba lần hỏi có hiểu hay không? Vị ấy vẫn ba lần trả lời rằng đã hiểu. Đây là ý trả lời rằng: Nay con nhìn Đức Phật thật sự không phải là lười nhác ngạo mạn-mong cầu nhiều, cũng không phải là cuồng loạn thất chí, lại thật sự chứng được Vô thượng Bồ- đề, an ổn trong Niết-bàn mà không phải là lừa dối con, nay con là người làm chứng cho Đức Phật. Cho nên ba lần trả lời là đã hiểu. Vì vậy để ngăn chặn sự phỉ báng, mà Đức Phật ba lần

hỏi vị ấy.

Có người nói: Bởi vì hiển bày về nguyện xưa (bổn nguyện) đã thỏa mãn, cho nên ba lần hỏi.

Sự việc ấy như thế nào? Từng nghe thời quá khứ, trong kiếp Hiền này có vị vua tên gọi Yết-lợi, lúc ấy có vị người Tiên hiệu là Nhẫn Nhục, ở trong một khu rừng chịu khó tu khổ hạnh. Lúc ấy vua Yết-lợi trừ ra những người đàn ông, cùng với quyến thuộc trong cung làm các kỹ nhạc, dạo chơi trong khu rừng, thỏa ý vui chơi trải qua thời gian dài mệt mỏi chán ngán cho nên ngủ say.

Những mỹ nữ trong cung bởi vì hoa trái cho nên đi đến mọi nơi trong khu rừng, từ xa trông thấy người Tiên ở nơi cư trú của mình đang ngồi trang nghiêm suy nghĩ, liền cùng nhau chạy đến tập trung nơi ấy, đến rồi cúi đầu lễ lạy mà ngồi vây quanh. Người Tiên liền vì họ mà nói về lỗi lầm của dục, đó là các dục đều là pháp bất tịnh xấu xa, là pháp đáng quở trách, là pháp đáng chán ngán lo sợ, người nào có trí mà lại thường gần gũi pháp ấy, các chị đều nên sinh lòng chán ngán rời bỏ!

Nhà vua từ giấc ngủ tỉnh dậy, không thấy các mỹ nữ liền dấy lên nghĩ rằng: Mong là không có người nào dụ dỗ cướp đi chăng? Liền rút gươm nhọn đi khắp nơi tìm kiếm, mới thấy các mỹ nữ vây quanh mà ngồi ở bên cạnh người Tiên, trong lòng vô cùng giận dữ, là Đại quỷ nào dụ dỗ các mỹ nữ của Ta?

Lập tức đi đến trước mặt hỏi rằng: Nhà ngươi là ai? Trả lời rằng: Tôi là người Tiên. Lại Hỏi: Ở đây làm chuyện gì? Trả lời rằng: Tu đạo Nhẫn nhục. Nhà vua dấy lên nghĩ rằng: Người này thấy Ta giận dữ cho nên liền nói là tôi tu Nhẫn nhục, nay Ta thử xem. Liền tiếp tục Hỏi: Ông đạt được Định Phi tưởng phi phi tưởng chăng? Trả lời rằng: Không đạt được. Lần lượt vặn hỏi cho đến: Ông đạt được Tĩnh lự thứ nhất chăng? Trả lời rằng: Không đạt được.

Nhà vua càng tức giận hơn nói rằng: Ông là người chưa lìa dục, tại sao tùy ý nhìn ngắm các mỹ nữ của Ta, còn nói tôi là người tu Nhẫn nhục, hãy duỗi một cánh tay thử xem có thể Nhẫn được hay không? Lúc bấy giờ người Tiên liền duỗi một cánh tay, nhà vua dùng gươm sắc chặt đứt, như chặt đứt ngó sen rơi ở trên mặt đất.

Nhà vua lại vặn Hỏi: Nhà ngươi là người nào? Trả lời rằng: Tôi là người tu Nhẫn nhục. Lúc ấy nhà vua lại khiến duỗi một cánh tay còn lại, lập tức tiếp tục chặt đứt, vặn hỏi như trước. Người Tiên cũng như trước trả lời rằng: Tôi là người tu Nhẫn nhục.

Như vậy tiếp đến chặt đứt hai chân, lại cắt hai lỗ tai, còn cắt đứt lỗ mũi, mỗi một lần vặn hỏi và trả lời đều như trước. Làm cho bảy phần thân thể của người Tiên rơi trên mặt đất, làm thành bảy vết thương rồi, tâm nhà vua liền dừng lại. Người Tiên nói rằng: Nay nhà vua vì sao tự mình sinh ra mệt mỏi chán ngán, giả sử chặt đứt tất cả thân thể của tôi nát vụn giống như hạt cải, thậm chí là bụi nhỏ thì tôi cũng không sinh khởi một niệm tức giận, đó nói là Nhẫn nhục rốt cuộc không có gì khác. Lại phát ra nguyện này: Như ông hôm nay, tôi thật sự không có tội, mà chặt đứt thân tôi khiến cho thành bảy phần, làm ra bảy vết thương; tôi ở đời vị lai, lúc đạt được quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề, vì tâm Đại Bi không đợi ông thỉnh cầu, đầu tiên khiến cho ông tu bảy loại đạo, đoạn trừ bảy tùy miên!

Nên biết rằng người Tiên Nhẫn Nhục lúc bấy giờ, nay chính là Đức Thế Tôn Thích-ca Mâu-ni; vua Yết-lợi lúc ấy, nay chính là Tỳ kheo Kiều-trận-na. Vì thế cho nên Kiều-trận-na thấy Thánh đế rồi, Đức Phật dùng thần lực trừ bỏ chướng ngại tối tăm của vị ấy, khiến cho nhớ lại sự việc của đời quá khứ, vị ấy liền tự thấy mình là vua Yết-lợi, Đức Phật là người Tiên, tự mình dùng gươm sắc chặt đứt bảy phần thân thể của Đức Phật làm ra bảy vết thương, Đức Phật không tức giận mà lại dùng thệ nguyện muốn làm lợi ích cho mình. Cho nên Đức Phật Thế Tôn ba lần hỏi có hiểu hay không? Đây là ý hỏi rằng: Ta lẽ nào làm trái với nguyện xưa hay sao, lẽ nào không như thệ nguyện trước kia đã đền đáp đầy đủ hay sao? Lúc ấy trong lòng Kiều-trận-na vô cùng hổ thẹn, chắp tay cung kính, cũng ba lần trả lời là đã hiểu. Đây là ý trả lời rằng: Thật sự biết Đức Thế Tôn không trái với nguyện xưa, như thệ nguyện trước kia đều đã đền đáp đầy đủ, con vốn ngu si gây ra tội ác vô cùng ấy, chỉ mong Đức Thế Tôn thương xót tha cho tội nặng của con. Vì thế cho nên Đức Phật ba lần hỏi vị ấy để làm trọn vẹn nguyện xưa.

Có người nói: Đức Thế Tôn hiển bày về mình có năng lực khéo léo nói pháp, cho nên ba lần hỏi vị ấy. Nghĩa là ý này nói Ta ở trong ba Vô số kiếp, tu vô lượng trăm ngàn khổ hạnh khó làm mà chứng được pháp, bởi vì khéo léo giảng giải khiến cho người ấy trong chốc lát đã đạt được hiểu biết rõ ràng. Vì thế cho nên ba lần hỏi vị ấy.

Có người nói: Đức Thế Tôn khiến cho bốn người còn lại nghe mà sinh tâm dũng mãnh, nối tiếp nhau tiến vào Kiến đạo, cho nên ba lần hỏi vị ấy.

Có người nói: Đức Thế Tôn muốn hiển bày trong cách nói pháp khéo léo, Thầy và đệ tử đối với pháp đã chứng, xem xét tường tận chân thật lìa

xa tăng thượng mạn, không giống như ngoại đạo đối với pháp chưa đạt được, khởi lên tăng thượng mạn nói là đã đạt được, vì vậy ba lần hỏi vị ấy.

Hỏi: Đức Phật lần đầu chuyển Pháp luân thì có tám vạn chư Thiên cũng cùng thấy pháp, tại sao chỉ nói là vì năm người như Kiều-trận-na… mà chuyển Pháp luân?

Đáp: Trong này chỉ nói đến việc làm chính thức, chư Thiên nhờ vào năm người cho nên được nghe chứ không phải là việc làm chính thức, vì vậy không nói đến.

Có người nói: Loài người thấy pháp trước, cho nên chỉ nói đến loài người.

Có người nói: Loài người thấy và đang thấy, chư Thiên không phải là đang thấy.

Có người nói: Thân tướng-oai nghi-việc làm của Đức Phật cùng với loài người chắc chắn giống nhau, chư Thiên thì không như vậy.

Có người nói: Nếu ở nơi này gọi là pháp diệt thì ở nơi này gọi là chuyển Pháp luân, nghĩa là tuy trong loài trời có chứng được Cam lộ, nhưng nếu trong loài người không có thì gọi là pháp diệt, cho nên chỉ nói là vì loài người mà chuyển Pháp luân.

Có người nói: Trong loài người thì đệ tử của Đức Phật có bốn chúng sai biệt, trong loài trời thì không như vậy.

Có người nói: Đức Phật chuyển Pháp luân, lấy loài người làm chứng, chứ không lấy loài trời làm chứng.

Có người nói: Trong loài người có người có thể chuyển và người được chuyển, vì vậy nói đến loài người; trong loài trời chỉ có người được chuyển chứ không có người có thể chuyển, vì thế cho nên không nói.

Có người nói: Trong loài người có thể đạt được các loại công đức thù thắng, trong loài trời thì không như vậy, vì thế cho nên chỉ nói là vì loài người mà chuyển Pháp luân.

-oOo-

LUẬN A TỲ ĐẠT MA ĐẠI TỲ BÀ SA

QUYỂN 183

LUẬN VỀ BẤT HOÀN (Phần 10)

Chuyển Pháp luân rồi, Địa thần xướng lên âm thanh, lần lượt chuyển tiếp đến khắp mọi nơi…

Hỏi: Trong pháp hội cũng có nhiều Thiên thần khác phát ra âm thanh báo tin cho nhau, vì sao chỉ nói là Địa thần xướng lên âm thanh?

Đáp: Bởi vì lúc ấy Địa thần phát ra âm thanh đầu tiên.

Hỏi: Vì sao Địa thần phát ra âm thanh đầu tiên?

Đáp: Bởi vì Địa thần ở rất gần Đức Phật.

Lại nữa, bởi vì Địa thần luôn luôn đi theo Đức Phật mà làm người bảo vệ. Nghĩa là từ lúc Bồ-tát tiến vào thai-mới sinh ra-vượt thành xuất gia và tu khổ hạnh, cho đến lúc thành Phật chuyển Pháp luân, Địa thần luôn luôn đi theo bảo vệ khiến cho không có gì trở ngại, nay thấy Như Lai chuyển Pháp luân rồi, hoan hỷ phấn khởi tự mừng cho công lao của mình đã làm từ trước đến nay, bây giờ có được kết quả trọn vẹn, cho nên xướng lên thông báo đầu tiên.

Lại nữa, lúc ấy pháp hội tuy có nhiều Thiên thần khác, mà bởi vì tánh của Địa thần vội vàng nôn nóng, cho nên xướng lên đầu tiên; như trong chúng bây giờ, người có tánh vội vàng nôn nóng thì vui nhiều mà nói to lên, Địa thần cũng như vậy.

Lại nữa, tánh của Địa thần nhiều vui mừng, thấy sự việc hiếm có này trong lòng rất hoan hỷ, cho nên phát ra âm thanh đầu tiên.

Lại nữa, bởi vì đây là pháp gần-xa theo thứ tự. Nghĩa là Địa thần xướng lên đầu tiên, tiếp theo là thần Hư không, tiếp theo là trời Tứ Đại Vương Chúng, như vậy lần lượt chuyển tiếp trong chốc lát âm thanh lên đến cõi Phạm Thế.

Hỏi: Âm thanh là tánh thuộc sát-na, nếu sinh ra ở nơi này thì chắc chắn diệt đi ở nơi này, làm sao có thể nói là lên đến cõi Phạm Thế?

Đáp: Bởi vì dựa vào nghĩa lần lượt chuyển tiếp, cho nên đưa ra cách

nói này. Nghĩa là Địa thần xướng lên rồi, thần Hư không xướng lên, lần lượt chuyển tiếp đến khắp mọi nơi, cho đến Phạm Thiên; như pháp thắp ngọn đèn lần lượt chuyển tiếp rộng ra.

Có người nói: Lúc chuyển Pháp luân thì vô lượng chư Thiên đều đến tụ hội, đã nghe pháp rồi đều trở về trú xứ của mình, thông báo rộng ra trong Bộ chúng của mình, cho nên nói là âm thanh lần lượt chuyển tiếp lên đến cõi Phạm Thế.

Có người nói: Lúc ấy phát ra âm thanh cũng không có quyết định, trước-sau chỉ là người nói thuật lại theo thứ tự, pháp thuận theo như vậy cho nên đưa ra cách nói này: Địa thần xướng lên đầu tiên…, cho đến nói rộng ra.

Như trong kinh nói: "Lúc Chuyển Luân Vương xuất thế, danh tiếng lên đến cõi trời Tha Hóa Tự Tại; lúc Đức Phật vì Kiều-trận-na… mà chuyển Pháp luân, danh tiếng lên đến cõi Phạm Thế; lúc Đức Phật đạt được quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề, danh tiếng lên đến cõi trời Sắc Cứu Cánh."

Hỏi: Vì sao có ba loại sai biệt như vậy?

Đáp: Lúc Chuyển Luân Vương xuất thế, dùng mười pháp thiện dạy dỗ hữu tình, pháp này chắc chắn nhận lấy quả dị thục ở trong trời cõi Dục, chư Thiên sáu tầng trời cõi Dục đều sinh lòng hoan hỷ, quyến thuộc của chúng ta không bao lâu sẽ thêm nhiều. Vì thế cho nên lúc Luân Vương xuất thế, danh tiếng lên đến cõi trời Tha Hóa Tự Tại. Lúc Phạm Thiên Vương thỉnh cầu Đức Phật chuyển Pháp luân, chư Thiên nghe Đức Phật chuyển Pháp luân thì rất vui mừng tùy hỷ. Vì thế cho nên lúc chuyển Pháp luân, danh tiếng lên đến cõi Phạm Thế. Trời Tịnh Cư giác ngộ Bồ-tát khiến cho vượt thành xuất gia cầu trí Vô thượng, họ nghe Bồ-tát đạt được quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề, trong lòng rất vui mừng. Vì thế cho nên lúc mới thành Phật, danh tiếng lên đến cõi trời Sắc Cứu Cánh.

Lại nữa, Chuyển Luân Vương là người thọ dục, cho nên lúc xuất thế danh tiếng xa nhất đến cõi Dục, chứ không đến địa lìa dục. Lúc Đức Phật chuyển Pháp luân, ở trong một chúng hội có cao thấp-hơn kém, sự việc này chỉ đến cõi Phạm Thế, vì thế cho nên lúc chuyển Pháp luân, danh tiếng lên đến cõi Phạm Thiên. Chỉ có danh tiếng của Như Lai là cao xa, không có nơi nào không đến được, vì thế cho nên lúc Đức Phật đạt được quả vị Vô thượng Bồ-đề, danh tiếng truyền khắp tất cả mọi nơi, cho đến cõi trời Sắc Cứu Cánh. Giả sử hữu tình cõi Hữu Đảnh có

Nhĩ thức thì danh tiếng cũng lên đến cõi ấy. Nguyên cớ thế nào? Bởi vì Như Lai tu về nghiệp danh tiếng từ thuở lâu xa.

Lại nữa, các loài hữu tình tạo tác tăng trưởng về nghiệp danh tiếng to lớn có bậc Thượng-Trung-Hạ, bậc Hạ thì như Chuyển Luân Vương, bậc Trung thì như Kiều-trận-na…, bậc Thượng thì đó là Đức Phật. Vì thế cho nên đối với danh tiếng ấy có xa-có gần.

Lại nữa, các loài hữu tình tạo tác tăng trưởng về nghiệp tôn quý thanh tịnh có bậc Thượng-Trung-Hạ, bậc Hạ thì như Chuyển Luân Vương, bậc Trung thì như Kiều-trận-na…, bậc Thượng thì đó là Đức Phật. Vì thế cho nên danh tiếng đến nơi có xa-có gần.

Tôn giả Thế Hữu nói rằng: "Các loài hữu tình cung kính-ca ngợi đối với cha mẹ-thầy dạy, Sa-môn, Bà-la-môn, Đức Phật, Độc giác, và đệ tử của Đức Phật, nghiệp thân-ngữ-ý có bậc Thượng-Trung-Hạ, bậc Hạ thì như Chuyển Luân Vương, bậc Trung thì như Kiều-trận-na…, bậc Thượng thì đó là Đức Phật. Vì thế cho nên danh tiếng truyền đến ba nơi không giống nhau."

Hỏi: Địa trên cũng có âm thanh, vì sao lúc chuyển Pháp luân thì âm thanh chỉ đến cõi Phạm Thế?

Đáp: Bởi vì nghiệp Biểu của ngữ thì âm thanh chỉ đến cõi ấy.

Lại nữa, hành của ngôn ngữ chỉ đến địa ấy, hành của ngôn ngữ đó gọi là Tầm-Tứ.

Lại nữa, bởi vì ngay cả địa ấy có thể có Nhĩ thức, chứ không phải là địa trên.

Có người nói: Chỉ đến cõi Phạm Thế, bởi vì có thể khởi lên đầy đủ ngữ của thiện-nhiễm ô-vô phú vô ký có âm thanh biểu hiện, chứ không phải là địa trên.

Lại nữa, chỉ đến cõi Phạm Thế, bởi vì có thể khởi lên đầy đủ Nhĩ thức của thiện-nhiễm ô-vô phú vô ký hiện rõ trước mắt, chứ không phải là địa trên.

Có người nói: Nếu nơi nào có chúng sinh sai biệt, thì lúc chuyển Pháp luân sẽ có âm thanh đến nơi ấy.

Lại nữa, nếu nơi nào làm phạm vi của ba ngàn thế giới, thì âm thanh truyền đến nơi ấy.

Có người nói: Cõi Phạm Thế là nơi tôn trọng của hữu tình thế gian, vì thế cho nên lúc chuyển Pháp luân thì âm thanh chỉ đến nơi ấy.

Lại có người nói: Chư Thiên ở địa trên cũng gọi là Phạm, vì thế cho nên lúc chuyển Pháp luân thì âm thanh truyền đến cõi Phạm Thế, chứ không chỉ đến địa Tĩnh lự thứ nhất.

Hỏi: Pháp của Đức Phật đã nói ra đều gọi là Pháp luân chăng?

Đáp: Không phải như vậy, chỉ có pháp khiến cho tiến vào Kiến đạo, mới gọi là Pháp luân.

Hỏi: Nếu như vậy thì nhiều người nghe Đức Phật nói pháp tiến vào Kiến đạo, vì sao không gọi là Pháp luân?

Đáp: Tất cả những người ấy tuy đều là Pháp luân, mà người đầu tiên và người cuối cùng đạt được sự hiểu biết chính xác, mới nói là Pháp luân, đầu tiên đó là Kiều-trận-na…, cuối cùng đó là Tô-bạt-đà-la.

Hỏi: Nơi chuyển Pháp luân của tất cả chư Phật là nhất định hay không nhất định? Nếu nhất định thì Bổn sự của Phật Nhiên Đăng nên hiểu thế nào? Như nói: "Đức Phật Nhiên Đăng chuyển Pháp luân ở núi Hát-lợi-đa-la thuộc thành Đăng Quang…" Nếu không nhất định thì bài tụng mà Đạt-ma-tô-bộ-để đã nói nên hiểu thế nào? Như nói:

"Nên nghĩ đến chư Phật quá khứ,
Cũng lần đầu chuyển vận Diệu pháp,
Trong rừng Thí Lộc-nơi Tiên luận,
Ở tại cung điện Ca-thi này."

Đáp: Có người nói: Nên nói nơi chuyển Pháp luân là nhất định.

Hỏi: Nếu như vậy thì Bổn sự của Phật Nhiên Đăng nên hiểu thế nào?

Đáp: Điều này không cần phải thông hiểu. Nguyên cớ thế nào?

Bởi vì điều này không phải là trong Tố-đát-lãm, Tỳ-nại-da, A-tỳ-đạt-ma đã nói, chỉ là truyện nói ra, mà các truyện đã nói thì có lúc đúng-có lúc không đúng. Nếu nhất định phải thông hiểu, thì nên biết thành Đăng Quang thời quá khứ chính là nước Bà-la-ni-tư bây giờ, núi Hát-lợi-đa-la thời quá khứ chính là Lộc Uyển của người Tiên bây giờ.

Hoặc đưa ra cách nói này: Nơi chuyển Pháp luân của tất cả chư Phật là nhất định, đó là nói có bốn nơi nhất định, hai nơi không nhất định. Bốn nơi nhất định, đó là nơi cội cây Bồ-đề, nơi chuyển Pháp luân, nơi từ trên cõi trời đi xuống, nơi hiện bày nhiều sự thần biến. Hai nơi không nhất định, đó là nơi Đức Phật đản sinh và nơi nhập Niết-bàn.

Hỏi: Vì sao biết được nơi cội cây Bồ-đề là nhất định?

Đáp: Từng nghe thời quá khứ có vị Chuyển Luân Vương, dẫn theo bốn đội quân bay giữa hư không mà vượt qua, đến phía trên cội cây Bồ- đề thì vòng xe báu liền dừng lại, muốn tiến về phía trước không được, nhà vua liền hoảng sợ dấy lên suy nghĩ rằng: Nay mình mong rằng không phải là mất đi ngôi vua, hoặc là tính mạng gặp tai họa gì chăng? Lúc ấy vị thần cây

Bồ-đề liền thưa với nhà vua rằng: Đại Vương đừng sợ hãi, không mất đi ngôi vua, cũng không có tai họa gì đến tính mạng, Đại Vương không thấy phía dưới là cội cây Bồ-đề chăng, trong này có tòa Kim cang, tất cả Bồ-tát đều chứng được quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề ở tại tòa Kim cang này, Đại Vương muốn đi qua thì hãy tránh nơi này theo đường khác mà đi. Lúc ấy nhà vua liền hạ xuống, dùng các loại cúng dường cội cây Bồ-đề rồi theo đường khác mà đi. Bởi vì sự việc này, cho nên biết nơi cội cây Bồ-đề là nhất định. Nơi chuyển Pháp luân là nhất định, thì như trước đã dẫn bài tụng của Pháp Thiện Hiện.

Hỏi: Lại vì sao biết được nơi từ trên cõi trời đi xuống là nhất định?

Đáp: Từng nghe sau khi Đức Phật diệt độ, nơi này có sự cố khó khăn xảy ra, các hàng Tỳ kheo đều cùng nhau bỏ đi, ngoại đạo dị học đến ở trong đó. Thời gian sau các Tỳ kheo đến đòi lại chỗ ấy, nói với ngoại đạo rằng: Đây là nơi mà bậc Thầy của chúng tôi từ trên cõi trời đi xuống, hãy mau chóng tránh đi nơi khác. Các ngoại đạo nói rằng: Đây là nơi mà chúng tôi thường cư trú. Vì vậy hai chúng nhiều phen khởi lên tranh chấp, hàng Trưởng giả-cư sĩ-các quan chức… ở gần trong thành đến giải quyết sự tranh chấp ấy, mà không thể nào giải quyết được, ngay cả nhà vua tự mình giải quyết tranh chấp cũng không thể nào phân định. Lúc ấy các Tỳ kheo nói với ngoại đạo rằng: Nay sẽ cùng với các ông đưa ra lời nói chân thành, phải thuộc về ai thì sẽ có điềm lành xuất hiện. Ngoại đạo nói đúng như vậy. Họ liền cầu thỉnh trước mà không có gì linh nghiệm. Tỳ kheo liền tiếp tục đưa ra lời nói chân thành: Nơi này nếu là nơi tất cả Như Lai đi lên cõi trời Tam Thập Tam vì Từ mẫu thuyết pháp trải qua ba tháng rồi đi xuống, thì sẽ có điềm lành xuất hiện! Lúc ấy trên trụ đá lớn ở trú xứ ấy có con sư tử bằng đá lập tức gầm lên, ngoại đạo kinh hãi liền bỏ đi, từ miệng của sư tử lại nhả ra các vòng hoa quý báu, quấn quanh trụ đá, phủ kín khắp nơi. Lúc ấy mọi người nhìn thấy đều ca ngợi là điều chưa từng có, thế là các Tỳ kheo trở về cùng nhau cư trú. Vì vậy cho nên biết nơi Đức Phật từ trên cõi trời đi xuống là nhất định.

Hỏi: Lại vì sao biết được nơi hiện bày nhiều sự thần biến l a nhất định?

Đáp: Từng nghe ngoại đạo bị Đức Phật truy tìm, ở khắp sáu thành lớn không có nơi nào ẩn náu, liền cùng nhau tụ tập thỉnh cầu thi đấu thần lực với Như Lai, Đức Phật đều không đồng ý. Sau đến thành Thất- la-phiệt-tất-đế mới bắt đầu đồng ý để hiện bày thần biến, vô lượng ngoại đạo quay về xuất gia theo Đức Phật. Vì vậy cho nên biết nơi hiện bày nhiều sự thần

biến là nhất định.

Có người nói: Nơi chư Phật chuyển Pháp luân là không nhất định.

Nguyên cớ thế nào?

Bởi vì nếu Ốt-đạt-lạc-ca-hạt-la-ma-tử và Át-la-đồ-ca-la-ma không mạng chung, thì lẽ nào Đức Phật rời bỏ nước Ma-kiệt-đà để đi đến nước Bà-la-ni-tư hay sao? Cho nên biết là chỉ tùy theo người thích hợp để nghe pháp đầu tiên ở nơi nào thì ở nơi ấy mà chuyển Pháp luân.

Hỏi: Nếu như vậy thì bài tụng của Pháp Thiện Hiện nên hiểu thế nào?

Đáp: Điều này không cần phải thông hiểu. Nguyên cớ thế nào?

Bởi vì điều này không phải là trong Tố-đát-lãm, Tỳ-nại-da, A-tỳ-đạt-ma đã nói, chỉ là văn tụng, mà làm ra văn tụng thì có lúc tăng thêm, có lúc giảm bớt. Nếu nhất định muốn thông hiểu thì quá khứ cũng từng có Đức Phật lần đầu chuyển Pháp luân ở tại nơi này, chứ không phải là nói tất cả, cho nên không phải là quyết định.

Hoặc đưa ra cách nói này: Nơi chuyển Pháp luân là không nhất định, đó là nói có ba nơi nhất định, ba nơi không nhất định. Ba nơi nhất định, đó là nơi cội cây Bồ-đề, nơi từ trên cõi trời đi xuống, nơi hiện bày nhiều sự thần biến. Ba nơi không nhất định, đó là nơi Đức Phật đản sinh, nơi chuyển Pháp luân, và nơi nhập Niết-bàn.

Như đã nói Đức Phật ở trong rừng Thí Lộc, nơi luận bàn của người Tiên, ở nước Bà-la-ni-tư, vì Kiều-trận-na… mà chuyển Pháp luân Chánh giáo.

Hỏi: Vì sao gọi là Bà-la-ni-tư?

Đáp: Đây là tên gọi của dòng sông, Vương thành xây dựng cách đó không xa, vì thế cho nên thành này cũng gọi là Bà-la-ni-tư.

Hỏi: Vì sao gọi là nơi luận bàn của người Tiên?

Đáp: Nếu đưa ra cách nói này: Chư Phật nhất định chuyển Pháp luân ở tại nơi này, thì lúc ấy nói đến chư Phật là người Tiên thù thắng nhất, đều lần đầu chuyển Pháp luân ở tại nơi này, cho nên gọi là nơi luận bàn của người Tiên.

Nếu đưa ra cách nói này: Chư Phật không phải là nhất định chuyển Pháp luân ở tại nơi này, thì lúc ấy nên nói là trú xứ của người Tiên. Nghĩa là lúc Đức Phật xuất thế, thì có vị Đại Tiên Phật và Tiên chúng-đệ tử hàng Thánh cư trú; lúc Đức Phật không xuất thế, thì có Độc giác Tiên cư trú. Nếu lúc không có Độc giác xuất thế, thì có Tiên đầy đủ năm Thông thế tục cư trú. Bởi vì nơi này luôn luôn có các vị Tiên đã cư trú-đang cư trú-sẽ cư

trú, cho nên gọi là nơi luận bàn của người Tiên.

Có người nói: Nên nói là nơi người Tiên rơi xuống, xưa kia có năm trăm người Tiên bay đi giữa hư không, đến nơi này gặp phải nhân duyên lui sụt, cùng lúc mà rơi xuống.

Hỏi: Vì sao gọi là rừng Thí Lộc?

Đáp: Bởi vì khu rừng này luôn luôn có các loài hươu nai đi lại cư trú, cho nên gọi là rừng hươu (Lộc Lâm). Xưa có vị Quốc Vương tên gọi Phạm-đạt-đa, lấy khu rừng này để giúp đỡ bầy hươu, cho nên gọi là rừng Thí Lộc. Như Trưởng giả Yết-lan-đạc-ca, ở trong vườn Trúc Lâm thuộc thành Vương Xá, đào một cái hồ để giúp cho loài chim Yết-lan- đạc-ca, khiến cho loài chim ấy đi lại đùa vui, vì vậy gọi là hồ Thí Yết- lan-đạc-ca. Rừng này cũng như vậy, cho nên gọi là rừng Thí Lộc.

Hỏi: Thế nào là Chánh pháp?

Đáp: Căn-Lực-Giác chi-Đạo chi vô lậu.

Hỏi: Vì sao soạn ra phần luận này?

Đáp: Bởi vì muốn phân biệt nghĩa lý trong kinh.

Như bài tụng nói:

"Hết thảy chư Phật trong ba đời,
Có thể phá tan mọi khổ đau,
Chư Phật đều tôn trọng Chánh pháp,
Luôn luôn an trú trong pháp tánh."

Lại trong kinh nói: "Có hai Bổ-đặc-già-la có thể trú trì Chánh pháp, đó là người thuyết giảng và người thực hành." Trong Tỳ-nại-da nói: "Chánh pháp của Ta sẽ tồn tại một ngàn năm, hoặc là vượt qua số này, bởi vì độ người nữ xuất gia, cho nên đã giảm bớt năm trăm năm." Đức Thế Tôn nói về Chánh pháp ở khắp mọi nơi, mà không phân biệt thế nào là Chánh pháp. Kinh là nơi nương tựa căn bản của luận này, điều gì trong kinh chưa giải thích, thì nay cần phải giải thích, cho nên soạn ra phần luận này.

Hỏi: Căn-Lực-Đạo chi hữu lậu là Chánh pháp hay không phải là Chánh pháp? Nếu là Chánh pháp thì vì sao trong này không nói? Nếu không phải là Chánh pháp thì vì sao vô lậu là Chánh pháp mà hữu lậu lại không phải là Chánh pháp?

Đáp: Có người nói: Hữu lậu cũng là Chánh pháp.

Hỏi: Vì sao trong này không nói?

Đáp: Cần phải nói mà không nói đến, thì nên biết là nghĩa này có khác.

Lại nữa, Căn… hữu lậu là gia hạnh của vô lậu, nếu nói về Căn bản thì đã thâu nhiếp gia hạnh, cho nên không nói riêng biệt.

Lại nữa, Căn… hữu lậu là gia hạnh của vô lậu, cho nên cũng gọi là vô lậu, bởi vì đã thâu nhiếp ở trong phần trước đã nói.

Có người nói: Căn… hữu lậu không phải là Chánh pháp.

Hỏi: Vì sao vô lậu là Chánh pháp mà hữu lậu lại không phải là Chánh pháp?

Đáp: Bởi vì pháp hữu lậu có lỗi lầm tai họa, phải là pháp không có lỗi lầm tai họa thì mới gọi là Chánh pháp.

Lại nữa, pháp là thanh tịnh-là đáng được ca ngợi, thì gọi là Chánh pháp; bởi vì pháp hữu lậu ngược lại với điều này, cho nên không phải là Chánh pháp.

Lại nữa, Chánh pháp là pháp có năng lực vĩnh viễn thoát khỏi sinh tử-được nhập Niết-bàn, pháp hữu lậu thì không như vậy, cho nên không gọi là Chánh pháp.

Hỏi: Niệm trú-Chánh đoạn-Thần túc cũng là Chánh pháp hay không phải là Chánh pháp? Nếu là Chánh pháp thì vì sao trong này không nói? Nếu không phải là Chánh pháp thì vì sao Căn-Lực-Giác chi- Đạo chi là Chánh pháp, mà Niệm trú… lại không phải là Chánh pháp?

Đáp: Niệm trú… cũng là Chánh pháp.

Hỏi: Nếu như vậy thì vì sao trong này không nói?

Đáp: Cần phải nói mà không nói đến, thì nên biết là nghĩa này có khác.

Lại nữa, nếu nói đến Căn… thì tùy thuận đối với văn này, Niệm trú… không phải là thuận với văn này, vì thế cho nên không nói.

Lại nữa, Niệm trú-Chánh đoạn-Thần túc cũng thâu nhiếp ở trong phần trước đã nói, nghĩa là bốn Niệm trú tức là do Tuệ căn-Tuệ lực- Trạch pháp giác chi-Chánh kiến thâu nhiếp, bốn Chánh đoạn tức là do Tinh tiến căn-Tinh tiến lực-Tinh tiến giác chi-Chánh cần thâu nhiếp, bốn Thần túc tức là do Định căn-Định lực-Định giác chi-Chánh định thâu nhiếp.

Hỏi: Đến đâu thì nên nói là Chánh pháp còn trú?

Đáp: Nếu lúc người thực hành giáo pháp còn trú.

Hỏi: Đến đâu thì nên nói là Chánh pháp diệt mất?

Đáp: Nếu lúc người thực hành giáo pháp diệt mất.

Hỏi: Vì sao soạn ra phần luận này?

Đáp: Bởi vì muốn phân biệt nghĩa lý trong kinh. Như trong kinh nói: "Này Ca-diếp-ba! Nên biết rằng pháp và Tỳ-nại-da mà Như Lai đã giác ngộ-đã nói ra, không phải là do Địa giới-Thủy giới-Hỏa giới-Phong giới mà có thể diệt mất, nhưng có một loại Bổ-đặc-già-la sẽ xuất hiện ở thế gian, ham muốn ác-hành động ác, thành tựu pháp ác, không phải pháp nói là pháp, pháp nói là không phải pháp, không phải Tỳ-nại-da nói là Tỳ-nại-da, đối với Tỳ- nại-da nói là không phải Tỳ-nại-da, loại ấy có thể diệt mất Chánh pháp mà Ta đã tích tập trải qua ba Vô số kiếp làm cho không có gì sót lại." Trong kinh tuy nói ra điều này mà không phân biệt đến đâu thì nên nói là Chánh pháp còn trú, đến đâu thì nên nói là Chánh pháp diệt mất. Kinh ấy là nơi nương tựa căn bản của luận này, điều gì trong kinh không giải thích, thì nay cần phải giải thích, cho nên soạn ra phần luận này.

Trong này có hai loại Chánh pháp:

1. Chánh pháp thuộc thế tục.
2. Chánh pháp thuộc thắng nghĩa.

Chánh pháp thuộc thế tục, đó là Danh-Cú-Văn thân, tức là Tố- đát-lãm, Tỳ-nại-da và A-tỳ-đạt-ma. Chánh pháp thuộc thắng nghĩa, đó là Thánh đạo, tức là Căn-Lực-Giác chi-Đạo chi vô lậu.

Người thực hành giáo pháp cũng có hai loại:

1. Duy trì giáo pháp.
2. Duy trì chứng pháp. Duy trì giáo pháp, đó là đọc tụng-giảng giải về Tố-đát-lãm… Duy trì chứng pháp, đó là có năng lực tu chứng Thánh đạo vô lậu. Nếu người duy trì giáo pháp nối tiếp nhau không diệt mất, thì có thể khiến cho Chánh pháp thuộc thế tục tồn tại lâu dài. Nếu người duy trì chứng pháp nối tiếp nhau không diệt mất, thì có thể khiến cho Chánh pháp thuộc thắng nghĩa tồn tại lâu dài, nếu lúc người ấy mất đi thì Chánh pháp sẽ diệt mất. Vì vậy trong kinh nói: "Chánh pháp của Ta không nhờ vào tường vách-cột trụ… mà tồn tại, chỉ nhờ vào hữu tình thực hành giáo pháp nối tiếp nhau mà tồn tại."

Hỏi: Vì sao Đức Thế Tôn không quyết định nói về thời gian tồn tại của pháp?

Đáp: Bởi vì muốn hiển bày về Chánh pháp tùy theo người thực hành giáo pháp tồn tại lâu hay mau. Nghĩa là người thực hành, nếu thực hành Chánh hạnh luôn luôn như lúc Đức Phật còn tại thế, và như lúc Đức Phật diệt độ chưa lâu, thì Chánh pháp của Đức Phật thường trú giữa thế gian chứ không có diệt mất; nếu không có người thực hành Chánh pháp như vậy, thì Chánh pháp ấy sẽ nhanh chóng diệt mất.

Như Đức Phật bảo với A-nan-đà: "Ở trong pháp và Tỳ-nại-da mà Ta đã nói, nếu như không độ người nữ xuất gia, thì Chánh pháp của Ta sẽ tồn tại một ngàn năm, hoặc là vượt qua số này, bởi vì độ người nữ xuất gia, cho nên khiến Chánh pháp của Ta giảm bớt năm trăm năm."

Hỏi: Nếu Chánh pháp tồn tại vẫn đủ một ngàn năm, thì tại sao Đức Thế Tôn nói ra như vậy?

Đáp: Đây là dựa vào ý sâu kín về giải thoát kiên cố mà nói. Nghĩa là nếu không độ người nữ xuất gia thì sẽ trải qua ngàn năm giải thoát kiên cố, mà nay sau năm trăm năm chỉ có Giới-Văn-Đăng trì kiên cố chứ không phải là giải thoát, đều là sai lầm do độ người nữ xuất gia mà thôi.

Có Sư khác nói: Đây là dựa vào ý sâu kín nếu không thực hành tám pháp tôn trọng(bát kính pháp) mà nói. Nghĩa là nếu độ người nữ xuất gia mà không khiến cho thực hành tám pháp tôn trọng thì Chánh pháp của Đức Phật sẽ giảm bớt năm trăm năm tồn tại, bởi vì Đức Phật khiến họ thực hành tám pháp tôn trọng, cho nên Chánh pháp tồn tại giữa thế gian còn đủ một ngàn năm.

Hỏi: Chánh pháp của Như Lai diệt như thế nào?

Đáp: Lúc Chánh pháp của Như Lai sắp diệt thì châu Thiệm Bộ này sẽ có ba vị vua xuất thế, một vị vua có pháp, hai vị vua không có pháp.

Vị vua có pháp thì sinh ở phía Đông, uy đức-nhân từ, điều phục năm vùng Ấn Độ.

Hai vị vua không có pháp thì sinh ở trong vùng Đạt-tự Miệt-lệ-xa, tánh đều ngang bướng, chê bai ghét bỏ Phật pháp, qua lại với nhau hợp sức xâm lấn. Từ phía Tây xâm chiếm dần dần tiến vào Ấn Độ chuyển đến phía Đông, chí hướng gây ra suy tổn nặng nề cho Phật pháp, hễ đến nơi nào thì phá hủy chùa tháp, giết hại chúng Tỳ kheo, người đa văn-trì giới không có ai tránh được, đốt hết kinh điển không còn sót lại gì.

Lúc ấy vị vua ở phía Đông nghe tin hai vua vùng Đạt-tự Miệt-lệ- xa ấy, xâm chiếm Ấn Độ dần dần đến phía Đông, liền dẫn đầu binh lính giao chiến với nhau. Quân đội của hai vua kia lập tức rút chạy tán loạn, bắt được hai vua đều đem giết chết. Lập tức sai sứ giả đi khắp mọi nơi, kêu gọi tất cả Sa-môn Thích tử, mời tất cả tập trung ở trong đất nước của Ta, Ta sẽ luôn luôn cung cấp dâng cúng áo quần-ăn uống-đồ nằm-thuốc thang, và những vật dụng cần thiết khác, khiến cho không có thiếu thốn. Thế là tất cả Tỳ kheo vốn có trong châu Thiệm Bộ đều đến tập trung ở đất nước Kiều-hưởng-di. Lúc ấy nhà vua ngày ngày thiết hội cúng dường đủ loại. Nhưng các Tỳ kheo do có được nhiều lợi dưỡng, và do có nhiều người trước đây

vì mạng sống mà xuất gia, không có thể tinh tiến chịu khó đọc tụng kinh điển, không thích ở một mình vắng lặng để tư duy, ban ngày thì tụ tập bàn tán về chuyện thế gian ồn ào náo loạn, ban đêm thì mệt mỏi lười nhác say mê ngủ nghỉ, không hề có sự thức tỉnh quán sát, vì vậy đối với tất cả những lời khuyên nhủ chỉ dạy của Đức Phật, thảy đều gạt bỏ mà không thực hành.

Lúc này trong châu Thiệm Bộ có hai người thực hành giáo pháp, một người là A-la-hán tên gọi Tô-lạt-đa, một người là Tam tạng tên gọi Thất-sử-ca, cũng gọi là Bàn Chu, mà làm người đứng đầu chúng. Ngay vào ngày hôm ấy Chánh pháp sắp diệt, vào buổi sáng năm trăm Cư sĩ- Trưởng giả trong thành Kiều-hưởng-di do nhà vua làm người đứng đầu, cùng lúc xây dựng năm trăm ngôi chùa, bởi vì trước đó nghe tin Chánh pháp sắp diệt, cho nên đưa tay đề nghị rằng: Lúc Đức Phật nhập Niết- bàn đem giáo pháp gởi gắm cho hai Bộ đệ tử, một là hàng tại gia, hai là hàng xuất gia, đừng nói là bây giờ do đệ tử tại gia, không có khả năng cung cấp giúp cho những người xuất gia, khiến thiếu hụt cho nên Chánh pháp diệt mất, chỉ bởi vì hàng đệ tử xuất gia không có Chánh hạnh cho nên khiến Chánh pháp diệt đi.

Có người nói: Như pháp tiếp đãi khách bạn, lúc đầu và về sau đều lo liệu đầy đủ chu đáo; như vậy Chánh pháp lúc bắt đầu xuất hiện và về sau sắp diệt đi, đều làm cho đầy đủ mọi duyên cung cấp cúng dường.

Có người nói: Họ dấy lên nghĩ rằng ngay cả Phật pháp chưa diệt đi thì ở thế gian hãy còn có vô lượng phước điền, nếu Phật pháp diệt đi thì ở thế gian chỉ có hữu lượng phước điền, chúng ta may mắn nhờ Phật pháp chưa diệt đi, nên cùng nhau kịp thời làm những việc cần làm.

Có người nói: Đức Phật Thích-ca lúc còn làm Bồ-tát thấy chư Phật quá khứ, hoặc bởi vì duyên cung cấp thiếu hụt, hoặc bởi vì gặp phải dịch bệnh, khiến cho Chánh pháp diệt đi, lập tức phát nguyện: Nguyện cho tôi thành Phật đừng bởi vì điều này làm cho giáo pháp diệt hết! Vì vậy tuy giáo pháp diệt đi mà duyên cung cấp đầy đủ, trú xứ tăng thêm nhiều.

Đêm ấy, trong chùa làm lễ Bố-tát (bố sái tha), vô lượng Tỳ kheo đều cùng nhau tụ tập, lúc ấy người Duyệt chúng thỉnh cầu người đứng đầu chúng là Tam tạng Thất-sử-ca, vì chúng mà nói về Bát-la-đề-mộc- xoa. Tam tạng nhận lời mà muốn nói tóm lược. Lúc ấy A-la-hán Tô-lạt- đa từ chỗ ngồi mà đứng dậy, trệch áo bày vai phải, đảnh lễ Tam tạng, chắp tay thưa rằng: Chỉ mong Thượng tọa vì chúng mà nói rộng ra. Tam tạng trả lời rằng: Ở trong chúng này ai có thể thực hành đầy đủ Bát- la-đề-mộc-xoa mà yêu cầu tôi nói rộng ra? A-la-hán nói rằng: Như lúc Đức Phật còn tại thế,

các hàng Tỳ kheo đã thực hành đến giới hạn cuối cùng đối với các Học xứ, tôi đều có thể thực hành, nếu như vậy gọi là người có thể thực hành đầy đủ thì mong hãy nói rộng ra cho!

CHƯƠNG VII: ĐỊNH UẨN (Tiếp Theo)

Phẩm Thứ Năm: LUẬN VỀ NHẤT HÀNH

LUẬN VỀ NHẤT HÀNH (Phần 1)

Ba Tam-ma-địa, đó là Không-Vô nguyện-Vô tướng. Cho đến nói rộng ra.

Hỏi: Vì sao soạn ra phần luận này?

Đáp: Bởi vì muốn phân biệt nghĩa lý trong kinh. Như trong kinh nói: "Có ba Tam-ma-địa, đó là Không-Vô nguyện-Vô tướng." Trong kinh tuy nói ra điều này mà không phân biệt, nếu thành tựu Không thì đó là Vô nguyện chăng? Cho đến nói rộng ra. Kinh ấy là nơi nương tựa căn bản của luận này, điều gì trong kinh không giải thích, thì nay cần phải giải thích, cho nên soạn ra phần luận này.

Lại nữa, bởi vì ngăn chặn gạt bỏ về không có tánh của không thành tựu, nói về tánh của thành tựu chỉ là giả có, muốn hiển bày về tánh của thành tựu-không thành tựu đều là có thật, cho nên soạn ra phần luận này.

Lại nữa, bởi vì ngăn chặn gạt bỏ về không có hai đời quá khứ-vị lai, chấp hiện tại là pháp Vô vi, hiển bày là có hai đời quá khứ-vị lai, hiện tại là pháp hữu vi, cho nên soạn ra phần luận này.

Hỏi: Nếu thành tựu Không thì đó là Vô nguyện chăng? Đáp: Đúng như vậy.

Hỏi: Giả sử thành tựu Vô nguyện thì đó là Không chăng?

Đáp: Đúng như vậy. Bởi vì hai Tam-ma-địa này cùng lúc đạt được, bởi vì cùng chung đối trị.

Cùng lúc đạt được, đó là nếu dựa vào Tam-ma-địa Không, tiến vào Chánh tánh ly sinh, Hiện quán về Khổ trong bốn tâm thì cũng đạt được Vô nguyện; nếu dựa vào Tam-ma-địa Vô nguyện, tiến vào Chánh tánh ly sinh, Hiện quán về Khổ trong bốn tâm thì cũng đạt được Không; và ở trong Tu đạo-đạo Vô học, nếu đạt được một loại thì chắc chắn có đủ hai loại.

Cùng chung đối trị, đó là hai loại ấy đều có thể đối trị phiền não do kiến Khổ mà đoạn và do Tu mà đoạn; tuy đối với kiến Đạo lúc Hiện quán về Tập trong bốn tâm, Hiện quán về Đạo trong ba tâm, đạt được Vô nguyện

chứ không phải là Không, mà trước đây đối với không thành tựu, lúc đạt được thành tựu thì chắc chắn đạt được cả hai, bởi vì luôn luôn cùng thành tựu.

Hỏi: Nếu thành tựu Không thì đó là Vô tướng chăng?

Đáp: Nếu đạt được.

Trong này, đạt được đó là đã đạt được, tức là Diệt pháp trí nhẫn đã sinh, từ đây về sau luôn luôn thành tựu Vô tướng.

Hỏi: Giả sử thành tựu Vô tướng thì đó là Không chăng?

Đáp: Đúng như vậy. Bởi vì lúc thành tựu Vô tướng thì chắc chắn trước đó phải đạt được Không.

Hỏi: Nếu thành tựu Vô nguyện thì đó là Vô tướng chăng?

Đáp: Nếu đạt được.

Hỏi: Giả sử thành tựu Vô tướng thì đó là Vô nguyện chăng?

Đáp: Đúng như vậy. Câu này nói như lấy Không đối với Vô tướng.

Hỏi: Nếu thành tựu Không quá khứ thì đó là vị lai chăng?

Đáp: Đúng như vậy.

Hỏi: Đây là nói đến phần vị nào?

Đáp: Đây là nói dựa vào Tam-ma-địa Không, tiến vào Chánh tánh ly sinh, Hiện quán về Khổ trong ba tâm, Hiện quán về Tập-Diệt đều trong bốn tâm, Hiện quán về Đạo trong ba tâm, và đạt được quả Dự lưu cho đến quả A-la-hán, nếu Tín thắng giải luyện căn làm Kiến chí, A-la-hán Thời giải thoát luyện căn làm Bất động, lúc ấy Tam-ma-địa Không đã khởi-diệt không mất.

Hỏi: Giả sử thành tựu Không vị lai thì đó là quá khứ chăng?

Đáp: Nếu đã diệt không mất thì thành tựu; nếu chưa hẳn đã diệt, giả sử đã diệt mà mất thì không thành tựu.

Hỏi: Đây là nói đến phần vị nào?

Đáp: Nếu đã diệt không mất thì thành tựu, đây là nói đến các phần vị đã nói ngay ở trước. Nếu chưa hẳn đã diệt, giả sử đã diệt mà mất thì không thành tựu, đây là nói nếu dựa vào Tam-ma-địa Không, tiến vào Chánh tánh ly sinh, Hiện quán về Khổ trong một tâm; nếu dựa vào Tam-ma-địa Vô nguyện, tiến vào Chánh tánh ly sinh, Hiện quán về Khổ-Tập-Diệt đều trong bốn tâm, Hiện quán về Đạo trong ba tâm, và đạt được quả Dự lưu cho đến quả A-la-hán, nếu Tín thắng giải luyện căn làm Kiến chí, A-la-hán Thời giải thoát luyện căn làm Bất động, Tam-ma-địa Không chưa hẳn đã khởi-diệt, đã khởi-diệt thì do đạt được quả-chuyển căn cho nên mất.

Hỏi: Nếu thành tựu Không quá khứ thì đó là hiện tại chăng?

Đáp: Nếu hiện rõ ở trước mắt, đó là không khởi lên Vô nguyện, hoặc là Vô tướng, hoặc là tâm hữu lậu, cũng không phải là không có tâm, cho nên nói là nếu hiện rõ ở trước mắt.

Hỏi: Đây là nói đến phần vị nào?

Đáp: Đây là nói dựa vào Tam-ma-địa Không, tiến vào Chánh tánh ly sinh, Hiện quán về Khổ trong ba tâm, và đạt được quả Dự lưu cho đến quả A-la-hán, nếu Tín thắng giải luyện căn làm Kiến chí, A- la-hán Thời giải thoát luyện căn làm Bất động, Tam-ma-địa Không đã khởi-diệt không mất, và hiện rõ ở trước mắt.

Hỏi: Giả sử thành tựu Không hiện tại thì đó là quá khứ chăng?

Đáp: Nếu đã diệt không mất thì thành tựu; nếu chưa hẳn đã diệt, giả sử đã diệt mà mất thì không thành tựu.

Hỏi: Đây là nói đến phần vị nào?

Đáp: Nếu đã diệt không mất thì thành tựu, đây là nói đến các phần vị đã nói ngay ở trước. Nếu chưa hẳn đã diệt, giả sử đã diệt mà mất thì không thành tựu, đây là nói nếu dựa vào Tam-ma-địa Không, tiến vào Chánh tánh ly sinh, Hiện quán về Khổ trong một tâm, và đạt được quả Dự lưu cho đến quả A-la-hán, nếu Tín thắng giải luyện căn làm Kiến chí, A-la-hán Thời giải thoát luyện căn làm Bất động, Tam- ma-địa Không hiện rõ ở trước mắt mà chưa hẳn đã diệt, trước đã diệt thì do đạt được quả-chuyển căn cho nên mất.

Hỏi: Nếu thành tựu Không vị lai thì đó là hiện tại chăng?

Đáp: Nếu hiện rõ ở trước mắt, đó là không khởi lên Vô nguyện, hoặc là Vô tướng, hoặc là tâm hữu lậu, cũng không phải là không có tâm, cho nên nói là nếu hiện rõ ở trước mắt.

Hỏi: Đây là nói đến phần vị nào?

Đáp: Đây là nói dựa vào Tam-ma-địa Không, tiến vào Chánh tánh ly sinh, Hiện quán về Khổ trong bốn tâm, và đạt được quả Dự lưu cho đến quả A-la-hán, nếu Tín thắng giải luyện căn làm Kiến chí, A-la- hán Thời giải thoát luyện căn làm Bất động, Tam-ma-địa Không hiện rõ ở trước mắt.

Hỏi: Giả sử thành tựu Không hiện tại thì đó là vị lai chăng?

Đáp: Đúng như vậy.

Hỏi: Đây là nói đến phần vị nào?

Đáp: Đây là nói đến các phần vị đã nói ngay ở trước.

Hỏi: Nếu thành tựu Không quá khứ thì đó là vị lai-hiện tại chăng?

Đáp: Vị lai thì thành tựu, hiện tại nếu hiện rõ ở trước mắt.

Hỏi: Đây là nói đến phần vị nào?

Đáp: Đây là nói dựa vào Tam-ma-địa Không, tiến vào Chánh tánh ly sinh, Hiện quán về Khổ trong ba tâm, và đạt được quả Dự lưu cho đến quả A-la-hán, nếu Tín thắng giải luyện căn làm Kiến chí, A- la-hán Thời giải thoát luyện căn làm Bất động, Tam-ma-địa Không đã khởi-diệt không mất, cũng hiện rõ ở trước mắt.

Hỏi: Giả sử thành tựu Không vị lai-hiện tại thì đó là quá khứ chăng?

Đáp: Nếu đã diệt không mất thì thành tựu; nếu chưa hẳn đã diệt, giả sử đã diệt mà mất thì không thành tựu.

Hỏi: Đây là nói đến phần vị nào?

Đáp: Nếu đã diệt không mất thì thành tựu, đây là nói đến các phần vị đã nói ngay ở trước. Nếu chưa hẳn đã diệt, giả sử đã diệt mà mất thì không thành tựu, nói như câu hiện tại đối với quá khứ ở trước.

Hỏi: Nếu thành tựu Không vị lai thì đó là quá khứ-hiện tại chăng?

Đáp: Có lúc thành tựu Không vị lai mà không phải là quá khứ- hiện tại, có lúc cùng với quá khứ mà không phải là hiện tại, có lúc cùng với hiện tại mà không phải là quá khứ, có lúc cùng với quá khứ-hiện tại.

Thành tựu Không vị lai mà không phải là quá khứ-hiện tại, đó là đã đạt được Không chưa hẳn đã diệt, giả sử đã diệt mà mất chứ không hiện rõ ở trước mắt.

Hỏi: Đây là nói đến phần vị nào?

Đáp: Đây là nói dựa vào Tam-ma-địa Vô nguyện, tiến vào Chánh tánh ly sinh, Hiện quán về Khổ-Tập-Diệt đều trong bốn tâm, Hiện quán về Đạo trong ba tâm, và đạt được quả Dự lưu cho đến quả A-la-hán, nếu Tín thắng giải luyện căn làm Kiến chí, nếu A-la-hán Thời giải thoát luyện căn làm Bất động, Tam-ma-địa Không chưa hẳn đã khởi- diệt, trước đã khởi-diệt thì do đạt được quả-chuyển căn cho nên mất, cũng không hiện rõ ở trước mắt.

Cùng với quá khứ mà không phải là hiện tại, đó là Không đã diệt không mất, không hiện rõ ở trước mắt.

Hỏi: Đây là nói đến phần vị nào?

Đáp: Đây là nói dựa vào Tam-ma-địa Không, tiến vào Chánh tánh ly sinh, Hiện quán về Khổ-Tập-Diệt đều trong bốn tâm, Hiện quán về Đạo trong ba tâm, và đạt được quả Dự lưu cho đến quả A-la-hán, nếu Tín thắng giải luyện căn làm Kiến chí, nếu A-la-hán Thời giải thoát luyện căn làm

Bất động, Tam-ma-địa Không đã khởi-diệt không mất, không hiện rõ ở trước mắt.

Cùng với hiện tại mà không phải là quá khứ, đó là Không hiện rõ ở trước mắt, chưa hẳn đã diệt, giả sử đã diệt mà mất.

Hỏi: Đây là nói đến phần vị nào?

Đáp: Đây là nói dựa vào Tam-ma-địa Không, tiến vào Chánh tánh ly sinh, Hiện quán về Khổ trong một tâm, và đạt được quả Dự lưu cho đến quả A-la-hán, nếu Tín thắng giải luyện căn làm Kiến chí, A-la- hán Thời giải thoát luyện căn làm Bất động, Tam-ma-địa Không chưa hẳn đã khởi-diệt, trước đã khởi-diệt thì do đạt được quả-chuyển căn cho nên mất mà hiện rõ ở trước mắt.

Cùng với quá khứ-hiện tại, đó là Không đã diệt không mất, hiện rõ ở trước mắt.

Hỏi: Đây là nói đến phần vị nào?

Đáp: Đây là nói dựa vào Tam-ma-địa Không, tiến vào Chánh tánh ly sinh, Hiện quán về Khổ trong ba tâm, và đạt được quả Dự lưu cho đến quả A-la-hán, nếu Tín thắng giải luyện căn làm Kiến chí, A- la-hán Thời giải thoát luyện căn làm Bất động, Tam-ma-địa Không đã khởi-diệt không mất, cũng hiện rõ ở trước mắt.

Hỏi: Giả sử thành tựu Không quá khứ-hiện tại thì đó là vị lai chăng?

Đáp: Đúng như vậy. Đây là nói đến các phần vị đã nói ngay ở trước, bởi vì đối với thành tựu quá khứ-hiện tại thì chắc chắn thành tựu vị lai.

Hỏi: Nếu thành tựu Không hiện tại thì đó là quá khứ-vị lai chăng?

Đáp: Vị lai thì thành tựu, quá khứ nếu đã diệt không mất thì thành tựu; nếu chưa hẳn đã diệt, giả sử đã diệt mà mất thì không thành tựu.

Vị lai thì thành tựu, nói như câu hiện tại đối với vị lai ở trước.

Quá khứ nếu đã diệt không mất…, nói như câu hiện tại đối với quá khứ ở trước.

Hỏi: Giả sử thành tựu Không quá khứ-vị lai thì đó là hiện tại chăng?

Đáp: Hiện tại nếu hiện rõ ở trước mắt, câu này nói như câu vị lai đối với hiện tại ở trước, sai biệt là trong câu này chắc chắn thành tựu quá khứ.

Như Không trải qua làm sáu câu, nên biết Vô nguyện-Vô tướng cũng như vậy, tùy theo sự thích hợp toàn bộ nên biết!

-oOo-

LUẬN A TỲ ĐẠT MA ĐẠI TỲ BÀ SA

QUYỂN 184

LUẬN VỀ NHẤT HÀNH (Phần 2)

Hỏi: Nếu thành tựu Không quá khứ thì đó là Vô nguyện quá khứ chăng?

Đáp: Nếu đã diệt không mất thì thành tựu; nếu chưa hẳn đã diệt, giả sử đã diệt mà mất thì không thành tựu.

Hỏi: Đây là nói đến phần vị nào?

Đáp: Nếu đã diệt không mất thì thành tựu, đây là nói dựa vào Tam-ma-địa Không, tiến vào Chánh tánh ly sinh, Hiện quán về Tập trong ba tâm, Hiện quán về Diệt trong bốn tâm, Hiện quán về Đạo trong ba tâm, và đạt được quả Dự lưu, quả A-la-hán, Thời giải thoát luyện căn làm Bất động, Tam-ma-địa Không đã khởi-đã diệt; nếu đạt được quả Nhất lai-quả Bất hoàn, Tín thắng giải luyện căn làm Kiến chí, Tam-ma-địa Không đã khởi-đã diệt.

Nếu chưa hẳn đã diệt, giả sử đã diệt mà mất thì không thành tựu, đây là nói dựa vào Tam-ma-địa Không, tiến vào Chánh tánh ly sinh, Hiện quán về Khổ trong ba tâm, Hiện quán về Tập trong một tâm, và đạt được quả Nhất lai-quả Bất hoàn, Tín thắng giải luyện căn làm Kiến chí, Tam-ma-địa Không đã khởi-diệt không mất, Tam-ma-địa Vô nguyện chưa hẳn đã khởi-diệt, trước đã khởi-diệt thì do đạt được quả- chuyển căn cho nên mất.

Hỏi: Giả sử thành tựu Vô nguyện quá khứ thì đó là Không quá khứ chăng?

Đáp: Nếu đã diệt không mất thì thành tựu; nếu chưa hẳn đã diệt, giả sử đã diệt mà mất thì không thành tựu.

Hỏi: Đây là nói đến phần vị nào?

Đáp: Nếu đã diệt không mất thì thành tựu, phần vị này nói như trả lời tiếp theo câu hỏi ở trước.

Nếu chưa hẳn đã diệt, giả sử đã diệt mà mất thì không thành tựu, đây là nói dựa vào Tam-ma-địa Vô nguyện, tiến vào Chánh tánh ly sinh, Hiện

quán về Khổ trong ba tâm, Hiện quán về Tập-Diệt đều trong bốn tâm, Hiện quán về Đạo trong ba tâm, và đạt được quả Dự lưu cho đến quả A-la-hán, nếu Tín thắng giải luyện căn làm Kiến chí, Thời giải thoát luyện căn làm Bất động, Tam-ma-địa Vô nguyện đã khởi-diệt không mất, Tam-ma-địa Không chưa hẳn đã khởi-diệt, trước đã khởi- diệt thì do đạt được quả-chuyển căn cho nên mất.

Hỏi: Nếu thành tựu Không quá khứ thì đó là Vô nguyện vị lai chăng?

Đáp: Đúng như vậy, bởi vì hai loại này quyết định cùng lúc đạt được.

Hỏi: Đây là nói đến phần vị nào?

Đáp: Đây là nói dựa vào Tam-ma-địa Không, tiến vào Chánh tánh ly sinh, Hiện quán về Khổ trong ba tâm, Hiện quán về Tập-Diệt đều trong bốn tâm, Hiện quán về Đạo trong ba tâm, nếu đạt được quả Dự lưu cho đến quả A-la-hán, nếu Tín thắng giải luyện căn làm Kiến chí, Thời giải thoát luyện căn làm Bất động, Tam-ma-địa Không đã khởi-diệt không mất.

Hỏi: Giả sử thành tựu Vô nguyện vị lai thì đó là Không quá khứ chăng?

Đáp: Nếu đã diệt không mất thì thành tựu; nếu chưa hẳn đã diệt, giả sử đã diệt mà mất thì không thành tựu.

Hỏi: Đây là nói đến phần vị nào?

Đáp: Nếu đã diệt không mất thì thành tựu, phần vị này nói như trả lời tiếp theo câu hỏi ở trước.

Nếu chưa hẳn đã diệt, giả sử đã diệt mà mất thì không thành tựu, đây là nói dựa vào Tam-ma-địa Không, tiến vào Chánh tánh ly sinh, Hiện quán về Khổ trong một tâm; nếu dựa vào Tam-ma-địa Vô nguyện, tiến vào Chánh tánh ly sinh, Hiện quán về Khổ-Tập-Diệt đều trong bốn tâm, Hiện quán về Đạo trong ba tâm, và đạt được quả Dự lưu cho đến quả A-la-hán, nếu Tín thắng giải luyện căn làm Kiến chí, Thời giải tho- át luyện căn làm Bất động, Tam-ma-địa Không chưa hẳn đã khởi-diệt, trước đã khởi-diệt thì do đạt được quả-chuyển căn cho nên mất.

Hỏi: Nếu thành tựu Không quá khứ thì đó là Vô nguyện hiện tại chăng?

Đáp: Nếu hiện rõ ở trước mắt, đó là nếu không khởi lên Không, hoặc là Vô tướng, hoặc là tâm hữu lậu, cũng không phải là không có tâm, cho nên nói là nếu hiện rõ ở trước mắt.

Hỏi: Đây là nói đến phần vị nào?

Đáp: Đây là nói dựa vào Tam-ma-địa Không, tiến vào Chánh tánh ly

sinh, Hiện quán về Tập trong bốn tâm, Hiện quán về Đạo trong ba tâm, và đạt được quả Dự lưu cho đến quả A-la-hán, nếu Tín thắng giải luyện căn làm Kiến chí, Thời giải thoát luyện căn làm Bất động, Tam-ma-địa Không đã khởi-diệt không mất, Vô nguyện hiện rõ ở trước mắt.

Hỏi: Giả sử thành tựu Vô nguyện hiện tại thì đó là Không quá khứ chăng?

Đáp: Nếu đã diệt không mất thì thành tựu; nếu chưa hẳn đã diệt, giả sử đã diệt mà mất thì không thành tựu.

Hỏi: Đây là nói đến phần vị nào?

Đáp: Nếu đã diệt không mất thì thành tựu, đây là nói đến các phần vị đã nói ngay ở trước.

Nếu chưa hẳn đã diệt, giả sử đã diệt mà mất thì không thành tựu, đây là nói dựa vào Tam-ma-địa Vô nguyện, tiến vào Chánh tánh ly sinh, Hiện quán về Khổ trong một tâm; nếu dựa vào Tam-ma-địa Vô nguyện, tiến vào Chánh tánh ly sinh, Hiện quán về Khổ-Tập đều trong bốn tâm, Hiện quán về Đạo trong ba tâm, và đạt được quả Dự lưu cho đến quả A-la-hán, nếu Tín thắng giải luyện căn làm Kiến chí, Thời giải thoát luyện căn làm Bất động, Tam-ma-địa Không chưa hẳn đã khởi- diệt, trước đã khởi-diệt thì do đạt được quả-chuyển căn cho nên mất, Vô nguyện hiện rõ ở trước mắt.

Hỏi: Nếu thành tựu Không quá khứ thì đó là Vô nguyện quá khứ-hiện tại chăng?

Đáp: Có lúc thành tựu Không quá khứ mà không phải là Vô nguyện quá khứ-hiện tại, có lúc cùng với quá khứ mà không phải là hiện tại, có lúc cùng với hiện tại mà không phải là quá khứ, có lúc cùng với quá khứ-hiện tại.

Thành tựu Không quá khứ mà không phải là Vô nguyện quá khứ-hiện tại, đó là Không đã diệt không mất, Vô nguyện chưa hẳn đã diệt, giả sử đã diệt mà mất chứ không hiện rõ ở trước mắt.

Hỏi: Đây là nói đến phần vị nào?

Đáp: Đây là nói dựa vào Tam-ma-địa Không, tiến vào Chánh tánh ly sinh, Hiện quán về Khổ trong ba tâm, và đạt được quả Nhất lai-quả Bất hoàn, Tín thắng giải luyện căn làm Kiến chí, Tam-ma-địa Không đã khởi-diệt không mất, Vô nguyện chưa hẳn đã khởi-diệt, trước đã khởi-diệt thì do đạt được quả-chuyển căn cho nên mất, cũng không hiện rõ ở trước mắt.

Cùng với quá khứ mà không phải là hiện tại, đó là Không-Vô nguyện đã diệt không mất, Vô nguyện không hiện rõ ở trước mắt.

Hỏi: Đây là nói đến phần vị nào?

Đáp: Đây là nói dựa vào Tam-ma-địa Không, tiến vào Chánh tánh ly sinh, Hiện quán về Diệt trong bốn tâm, và đạt được quả Dự lưu cho đến quả A-la-hán, nếu Tín thắng giải luyện căn làm Kiến chí, Thời giải thoát luyện căn làm Bất động, Tam-ma-địa Không-Vô nguyện đã khởi-diệt không mất, Vô nguyện không hiện rõ ở trước mắt.

Cùng với hiện tại mà không phải là quá khứ, đó là Không đã diệt không mất, Vô nguyện không hiện rõ ở trước mắt, chưa hẳn đã diệt, giả sử đã diệt mà mất.

Hỏi: Đây là nói đến phần vị nào?

Đáp: Đây là nói nếu dựa vào Tam-ma-địa Không, tiến vào Chánh tánh ly sinh, Hiện quán về Tập trong một tâm, và đạt được quả Nhất lai-quả Bất hoàn, Tín thắng giải luyện căn làm Kiến chí, Tam-ma-địa Không đã khởi-diệt không mất, Vô nguyện chưa hẳn đã khởi-diệt, trước đã khởi-diệt thì do đạt được quả-chuyển căn cho nên mất mà hiện rõ ở trước mắt.

Cùng với quá khứ-hiện tại, đó là Không-Vô nguyện đã diệt không mất, Vô nguyện hiện rõ ở trước mắt.

Hỏi: Đây là nói đến phần vị nào?

Đáp: Đây là nói dựa vào Tam-ma-địa Không, tiến vào Chánh tánh ly sinh, Hiện quán về Tập-Đạo đều trong ba tâm, và đạt được quả Dự lưu cho đến quả A-la-hán, nếu Tín thắng giải luyện căn làm Kiến chí, Thời giải thoát luyện căn làm Bất động, Tam-ma-địa Không-Vô nguyện đã khởi-diệt không mất, Vô nguyện hiện rõ ở trước mắt.

Hỏi: Giả sử thành tựu Vô nguyện quá khứ-hiện tại thì đó là Không quá khứ chăng?

Đáp: Nếu đã diệt không mất thì thành tựu; nếu chưa hẳn đã diệt, giả sử đã diệt mà mất thì không thành tựu.

Hỏi: Đây là nói đến phần vị nào?

Đáp: Nếu đã diệt không mất thì thành tựu, đây là nói đến các phần vị đã nói ngay ở trước.

Nếu chưa hẳn đã diệt, giả sử đã diệt mà mất thì không thành tựu, đây là nói dựa vào Tam-ma-địa Vô nguyện, tiến vào Chánh tánh ly sinh, Hiện quán về Khổ trong ba tâm, Hiện quán về Tập trong bốn tâm, Hiện quán về Đạo trong ba tâm, và đạt được quả Dự lưu cho đến quả A- la-hán, nếu Tín thắng giải luyện căn làm Kiến chí, Thời giải thoát luyện căn làm Bất động, Tam-ma-địa Vô nguyện đã khởi-diệt không mất, Tam-ma-địa Không chưa

hẳn đã khởi-diệt, trước đã khởi-diệt thì do đạt được quả-chuyển căn cho nên mất, Vô nguyện hiện rõ ở trước mắt.

Hỏi: Nếu thành tựu Không quá khứ thì đó là Vô nguyện vị lai- hiện tại chăng?

Đáp: Vị lai thì thành tựu, hiện tại nếu hiện rõ ở trước mắt.

Hỏi: Đây là nói đến phần vị nào?

Đáp: Đây là nói dựa vào Tam-ma-địa Không, tiến vào Chánh tánh ly sinh, Hiện quán về Tập trong bốn tâm, Hiện quán về Đạo trong ba tâm, và đạt được quả Dự lưu cho đến quả A-la-hán, nếu Tín thắng giải luyện căn làm Kiến chí, Thời giải thoát luyện căn làm Bất động, Tam-ma-địa Không đã khởi-diệt không mất, Vô nguyện hiện rõ ở trước mắt.

Hỏi: Giả sử thành tựu Vô nguyện vị lai-hiện tại thì đó là Không quá khứ chăng?

Đáp: Nếu đã diệt không mất thì thành tựu; nếu chưa hẳn đã diệt, giả sử đã diệt mà mất thì không thành tựu.

Hỏi: Đây là nói đến phần vị nào?

Đáp: Nếu đã diệt không mất thì thành tựu, đây là nói đến các phần vị đã nói ngay ở trước.

Nếu chưa hẳn đã diệt, giả sử đã diệt mà mất thì không thành tựu, đây là nói dựa vào Tam-ma-địa Vô nguyện, tiến vào Chánh tánh ly sinh, Hiện quán về Khổ-Tập đều trong bốn tâm, Hiện quán về Đạo trong ba tâm, và đạt được quả Dự lưu cho đến quả A-la-hán, nếu Tín thắng giải luyện căn làm Kiến chí, Thời giải thoát luyện căn làm Bất động, Tam- ma-địa Không chưa hẳn đã khởi-diệt, trước đã khởi-diệt thì do đạt được quả-chuyển căn cho nên mất, Vô nguyện hiện rõ ở trước mắt.

Hỏi: Nếu thành tựu Không quá khứ thì đó là Vô nguyện quá khứ- vị lai chăng?

Đáp: Vị lai thì thành tựu, quá khứ nếu đã diệt không mất thì thành tựu; nếu chưa hẳn đã diệt, giả sử đã diệt mà mất thì không thành tựu.

Hỏi: Đây là nói đến phần vị nào?

Đáp: Vị lai thì thành tựu, quá khứ nếu đã diệt không mất thì thành tựu, đây là nói dựa vào Tam-ma-địa Không, tiến vào Chánh tánh ly sinh, Hiện quán về Tập trong ba tâm, Hiện quán về Diệt trong bốn tâm, Hiện quán về Đạo trong ba tâm, và đạt được quả Dự lưu cho đến quả A-la-hán, Thời giải thoát luyện căn làm Bất động, Tam-ma-địa Không đã khởi-diệt không mất; nếu đạt được quả Nhất lai-quả Bất hoàn, Tín thắng giải luyện

căn làm Kiến chí, Tam-ma-địa Không-Vô nguyện đã khởi-diệt không mất.

Nếu chưa hẳn đã diệt, giả sử đã diệt mà mất thì không thành tựu, đây là nói dựa vào Tam-ma-địa Không, tiến vào Chánh tánh ly sinh, Hiện quán về Khổ trong ba tâm, Hiện quán về Tập trong một tâm, và đạt được quả Nhất lai-quả Bất hoàn, Tín thắng giải luyện căn làm Kiến chí, Tam-ma-địa Không đã khởi-diệt không mất, Vô nguyện chưa hẳn đã khởi-diệt, trước đã khởi-diệt thì do đạt được quả-chuyển căn cho nên mất.

Hỏi: Giả sử thành tựu Vô nguyện quá khứ-vị lai thì đó là Không quá khứ chăng?

Đáp: Nếu đã diệt không mất thì thành tựu; nếu chưa hẳn đã diệt, giả sử đã diệt mà mất thì không thành tựu.

Hỏi: Đây là nói đến phần vị nào?

Đáp: Nếu đã diệt không mất thì thành tựu, phần vị này nói như trả lời tiếp theo câu hỏi ở trước.

Nếu chưa hẳn đã diệt, giả sử đã diệt mà mất thì không thành tựu, đây là nói dựa vào Tam-ma-địa Vô nguyện, tiến vào Chánh tánh ly sinh, Hiện quán về Khổ trong ba tâm, Hiện quán về Tập-Diệt đều trong bốn tâm, Hiện quán về Đạo trong ba tâm, và đạt được quả Dự lưu cho đến quả A-la-hán, nếu Tín thắng giải luyện căn làm Kiến chí, Thời giải thoát luyện căn làm Bất động, Tam-ma-địa Vô nguyện đã khởi-diệt không mất, Tam-ma-địa Không chưa hẳn đã khởi-diệt, trước đã khởi- diệt thì do đạt được quả-chuyển căn cho nên mất.

Hỏi: Nếu thành tựu Không quá khứ thì đó là Vô nguyện quá khứ- vị lai-hiện tại chăng?

Đáp: Có lúc thành tựu Không quá khứ và Vô nguyện vị lai mà không phải là quá khứ-hiện tại, có lúc cùng với vị lai-hiện tại mà không phải là quá khứ, có lúc cùng với quá khứ-vị lai mà không phải là hiện tại, có lúc cùng với quá khứ-vị lai-hiện tại.

Thành tựu Không quá khứ và Vô nguyện vị lai mà không phải là quá khứ-hiện tại, đó là Không đã diệt không mất, Vô nguyện chưa hẳn đã diệt, giả sử đã diệt mà mất chứ không hiện rõ ở trước mắt.

Hỏi: Đây là nói đến phần vị nào?

Đáp: Đây là nói dựa vào Tam-ma-địa Không, tiến vào Chánh tánh ly sinh, Hiện quán về Khổ trong ba tâm, và đạt được quả Nhất lai-quả Bất hoàn, Tín thắng giải luyện căn làm Kiến chí, Tam-ma-địa Không đã khởi-diệt không mất, Vô nguyện chưa hẳn đã khởi-diệt, trước đã khởi-diệt thì do

đạt được quả-chuyển căn cho nên mất, cũng không hiện rõ ở trước mắt.

Cùng với vị lai-hiện tại mà không phải là quá khứ, đó là Không đã diệt không mất, Vô nguyện hiện rõ ở trước mắt, không phải là đã diệt, giả sử đã diệt mà mất.

Hỏi: Đây là nói đến phần vị nào?

Đáp: Đây là nói dựa vào Tam-ma-địa Không, tiến vào Chánh tánh ly sinh, Hiện quán về Tập trong một tâm, và đạt được quả Nhất lai-quả Bất hoàn, Tín thắng giải luyện căn làm Kiến chí, Tam-ma-địa Không đã khởi-diệt không mất, Vô nguyện chưa hẳn đã khởi-diệt, trước đã khởi-diệt thì do đạt được quả-chuyển căn cho nên mất mà hiện rõ ở trước mắt.

Cùng với quá khứ-vị lai mà không phải là hiện tại, đó là Không- Vô nguyện đã diệt không mất, Vô nguyện không hiện rõ ở trước mắt.

Hỏi: Đây là nói đến phần vị nào?

Đáp: Đây là nói nếu dựa vào Tam-ma-địa Không, tiến vào Chánh tánh ly sinh, Hiện quán về Diệt trong bốn tâm, và đạt được quả Dự lưu, quả A-la-hán, Thời giải thoát luyện căn làm Bất động, Tam-ma- địa Không đã khởi-diệt không mất, Vô nguyện không hiện rõ ở trước mắt. Nếu đạt được Nhất lai-quả Bất hoàn, Tín thắng giải luyện căn làm Kiến chí, Tam-ma-địa Không-Vô nguyện đã khởi-diệt không mất, Vô nguyện không hiện rõ ở trước mắt.

Cùng với quá khứ-vị lai-hiện tại, đó là Không-Vô nguyện đã diệt không mất, Vô nguyện hiện rõ ở trước mắt.

Hỏi: Đây là nói đến phần vị nào?

Đáp: Đây là nói dựa vào Tam-ma-địa Không, tiến vào Chánh tánh ly sinh, Hiện quán về Tập-Đạo đều trong ba tâm, và đạt được quả Dự lưu, quả A-la-hán, Thời giải thoát luyện căn làm Bất động, Tam- ma-địa Không đã khởi-diệt không mất, Vô nguyện hiện rõ ở trước mắt. Nếu đạt được Nhất lai-quả Bất hoàn, Tín thắng giải luyện căn làm Kiến chí, Tam-ma-địa Không-Vô nguyện đã khởi-diệt không mất, Vô nguyện không hiện rõ ở trước mắt.

Hỏi: Giả sử thành tựu Vô nguyện quá khứ-vị lai-hiện tại thì đó là Không quá khứ chăng?

Đáp: Nếu đã diệt không mất thì thành tựu; nếu chưa hẳn đã diệt, giả sử đã diệt mà mất thì không thành tựu.

Hỏi: Đây là nói đến phần vị nào?

Đáp: Nếu đã diệt không mất thì thành tựu, đây là nói đến các phần vị

đã nói ngay ở trước.

Nếu chưa hẳn đã diệt, giả sử đã diệt mà mất thì không thành tựu, đây là nói dựa vào Tam-ma-địa Vô nguyện, tiến vào Chánh tánh ly sinh, Hiện quán về Khổ trong ba tâm, Hiện quán về Tập trong bốn tâm, hiện quán về Đạo trong ba tâm, và đạt được quả Dự lưu cho đến quả A-la-hán, nếu Tín thắng giải luyện căn làm Kiến chí, Thời giải thoát luyện căn làm Bất động, Tam-ma-địa Vô nguyện đã khởi-diệt không mất, Tam-ma-địa Không chưa hẳn đã khởi-diệt, trước đã khởi-diệt thì do đạt được quả-chuyển căn cho nên mất, Vô nguyện hiện rõ ở trước mắt.

Hỏi: Nếu thành tựu Không quá khứ thì đó là Vô tướng quá khứ chăng?

Đáp: Nếu đã diệt không mất thì thành tựu; nếu chưa hẳn đã diệt, giả sử đã diệt mà mất thì không thành tựu.

Hỏi: Đây là nói đến phần vị nào?

Đáp: Nếu đã diệt không mất thì thành tựu, đây là nói dựa vào Tam-ma-địa Không, tiến vào Chánh tánh ly sinh, Hiện quán Diệt-Đạo đều trong ba tâm, và đạt được quả Dự lưu cho đến quả A-la-hán, nếu Tín thắng giải luyện căn làm Kiến chí, Thời giải thoát luyện căn làm Bất động, Tam-ma-địa Không-Vô tướng đã khởi-diệt không mất.

Nếu chưa hẳn đã diệt, giả sử đã diệt mà mất thì không thành tựu, đây là nói dựa vào Tam-ma-địa Không, tiến vào Chánh tánh ly sinh, Hiện quán về Khổ trong ba tâm, Hiện quán về Tập trong bốn tâm, Hiện quán về Diệt trong một tâm, và đạt được quả Dự lưu cho đến quả A-la- hán, nếu Tín thắng giải luyện căn làm Kiến chí, Thời giải thoát luyện căn làm Bất động, Tam-ma-địa Không đã khởi-diệt không mất, Tam- ma-địa Vô tướng chưa hẳn đã khởi-diệt, trước đã khởi-diệt thì do đạt được quả-chuyển căn cho nên mất.

Hỏi: Giả sử thành tựu Vô tướng quá khứ thì đó là Không quá khứ chăng?

Đáp: Nếu đã diệt không mất thì thành tựu; nếu chưa hẳn đã diệt, giả sử đã diệt mà mất thì không thành tựu.

Hỏi: Đây là nói đến phần vị nào?

Đáp: Nếu đã diệt không mất thì thành tựu, phần vị này nói như trả lời tiếp theo câu hỏi ở trước.

Nếu chưa hẳn đã diệt, giả sử đã diệt mà mất thì không thành tựu, đây là nói dựa vào Tam-ma-địa Vô nguyện, tiến vào Chánh tánh ly sinh, Hiện

quán về Diệt-Đạo đều trong ba tâm, và đạt được quả Dự lưu cho đến quả A-la-hán, nếu Tín thắng giải luyện căn làm Kiến chí, Thời giải thoát luyện căn làm Bất động, Tam-ma-địa Vô tướng đã khởi-diệt không mất, Tam-ma-địa Không chưa hẳn đã khởi-diệt, trước đã khởi- diệt thì do đạt được quả-chuyển căn cho nên mất.

Hỏi: Nếu thành tựu Không quá khứ thì đó là Vô tướng vị lai chăng?

Đáp: Nếu đạt được, đây nói là đã đạt được gọi là đạt được, tức là Diệt pháp trí nhẫn đã sinh.

Hỏi: Đây là nói đến phần vị nào?

Đáp: Đây là nói dựa vào Tam-ma-địa Không, tiến vào Chánh tánh ly sinh, Hiện quán về Diệt trong bốn tâm, Hiện quán về Đạo trong ba tâm, và đạt được quả Dự lưu cho đến quả A-la-hán, nếu Tín thắng giải luyện căn làm Kiến chí, Thời giải thoát luyện căn làm Bất động, Tam-ma-địa Không đã khởi-diệt không mất.

Hỏi: Giả sử thành tựu Vô tướng vị lai thì đó là Không quá khứ chăng?

Đáp: Nếu đã diệt không mất thì thành tựu; nếu chưa hẳn đã diệt, giả sử đã diệt mà mất thì không thành tựu.

Hỏi: Đây là nói đến phần vị nào?

Đáp: Nếu đã diệt không mất thì thành tựu, đây là nói đến các phần vị đã nói ngay ở trước.

Nếu chưa hẳn đã diệt, giả sử đã diệt mà mất thì không thành tựu, đây là nói dựa vào Tam-ma-địa Vô nguyện, tiến vào Chánh tánh ly sinh, Hiện quán về Diệt trong bốn tâm, Hiện quán về Đạo trong ba tâm, và đạt được quả Dự lưu cho đến quả A-la-hán, nếu Tín thắng giải luyện căn làm Kiến chí, Thời giải thoát luyện căn làm Bất động, Tam-ma-địa Không chưa hẳn đã khởi-diệt, trước đã khởi-diệt thì do đạt được quả- chuyển căn cho nên mất.

Hỏi: Nếu thành tựu Không quá khứ thì đó là Vô tướng hiện tại chăng?

Đáp: Nếu hiện rõ ở trước mắt, đó là không khởi lên Không, hoặc là Vô nguyện, hoặc là tâm hữu lậu, cũng không phải là không có tâm, cho nên nói là nếu hiện rõ ở trước mắt.

Hỏi: Đây là nói đến phần vị nào?

Đáp: Đây là nói dựa vào Tam-ma-địa Không, tiến vào Chánh tánh ly sinh, Hiện quán về Diệt trong bốn tâm, và đạt được quả Dự lưu cho đến quả A-la-hán, nếu Tín thắng giải luyện căn làm Kiến chí, Thời giải thoát luyện căn làm Bất động, Tam-ma-địa Không đã khởi-diệt không mất, Vô

tướng hiện rõ ở trước mắt.

Hỏi: Giả sử thành tựu Vô tướng hiện tại thì đó là Không quá khứ chăng?

Đáp: Nếu đã diệt không mất thì thành tựu; nếu chưa hẳn đã diệt, giả sử đã diệt mà mất thì không thành tựu.

Hỏi: Đây là nói đến phần vị nào?

Đáp: Nếu đã diệt không mất thì thành tựu, đây là nói đến các phần vị đã nói ngay ở trước.

Nếu chưa hẳn đã diệt, giả sử đã diệt mà mất thì không thành tựu, đây là nói dựa vào Tam-ma-địa Vô nguyện, tiến vào Chánh tánh ly sinh, Hiện quán về Diệt trong bốn tâm, và đạt được quả Dự lưu cho đến quả A-la-hán, nếu Tín thắng giải luyện căn làm Kiến chí, Thời giải thoát luyện căn làm Bất động, Tam-ma-địa Không chưa hẳn đã khởi- diệt, trước đã khởi-diệt thì do đạt được quả-chuyển căn cho nên mất, Vô tướng hiện rõ ở trước mắt.

Hỏi: Nếu thành tựu Không quá khứ thì đó là Vô tướng quá khứ- hiện tại chăng?

Đáp: Có lúc thành tựu Không quá khứ mà không phải là Vô tướng quá khứ-hiện tại, có lúc cùng với quá khứ mà không phải là hiện tại, có lúc cùng với hiện tại mà không phải là quá khứ, có lúc cùng với quá khứ-hiện tại.

Thành tựu Không quá khứ mà không phải là Vô tướng quá khứ- hiện tại, đó là Không đã diệt không mất, Vô tướng chưa hẳn đã diệt, giả sử đã diệt mà mất chứ không hiện rõ ở trước mắt.

Hỏi: Đây là nói đến phần vị nào?

Đáp: Đây là nói dựa vào Tam-ma-địa Không, tiến vào Chánh tánh ly sinh, Hiện quán về Khổ trong ba tâm, Hiện quán về Tập trong bốn tâm, và đạt được quả Dự lưu cho đến quả A-la-hán, nếu Tín thắng giải luyện căn làm Kiến chí, Tam-ma-địa Không đã khởi-diệt không mất, Vô tướng chưa hẳn đã khởi-diệt, trước đã khởi-diệt thì do đạt được quả-chuyển căn cho nên mất, cũng không hiện rõ ở trước mắt.

Cùng với quá khứ mà không phải là hiện tại, đó là Không-Vô tướng đã diệt không mất, Vô tướng không hiện rõ ở trước mắt.

Hỏi: Đây là nói đến phần vị nào?

Đáp: Đây là nói dựa vào Tam-ma-địa Không, tiến vào Chánh tánh ly sinh, Hiện quán về Đạo trong ba tâm, và đạt được quả Dự lưu cho đến quả A-la-hán, nếu Tín thắng giải luyện căn làm Kiến chí, Thời giải thoát luyện

căn làm Bất động, Tam-ma-địa Không-Vô tướng đã khởi-diệt không mất, Vô tướng không hiện rõ ở trước mắt.

Cùng với hiện tại mà không phải là quá khứ, đó là Không đã diệt không mất, Vô tướng hiện rõ ở trước mắt, chưa hẳn đã diệt, giả sử đã diệt mà mất.

Hỏi: Đây là nói đến phần vị nào?

Đáp: Đây là nói nếu dựa vào Tam-ma-địa Không, tiến vào Chánh tánh ly sinh, Hiện quán về Diệt trong một tâm, và đạt được quả Dự lưu cho đến quả A-la-hán, nếu Tín thắng giải luyện căn làm Kiến chí, Thời giải thoát luyện căn làm Bất động, Tam-ma-địa Không đã khởi-diệt không mất, Vô tướng chưa hẳn đã khởi-diệt, trước đã khởi-diệt thì do đạt được quả-chuyển căn cho nên mất, Vô tướng hiện rõ ở trước mắt.

Cùng với quá khứ-hiện tại, đó là Không-Vô tướng đã diệt không mất, Vô tướng hiện rõ ở trước mắt.

Hỏi: Đây là nói đến phần vị nào?

Đáp: Đây là nói dựa vào Tam-ma-địa Không, tiến vào Chánh tánh ly sinh, Hiện quán về Diệt trong ba tâm, và đạt được quả Dự lưu cho đến quả A-la-hán, nếu Tín thắng giải luyện căn làm Kiến chí, Thời giải thoát luyện căn làm Bất động, Tam-ma-địa Không-Vô tướng đã khởi-diệt không mất, Vô tướng hiện rõ ở trước mắt.

Hỏi: Giả sử thành tựu Vô tướng quá khứ-hiện tại thì đó là Không quá khứ chăng?

Đáp: Nếu đã diệt không mất thì thành tựu; nếu chưa hẳn đã diệt, giả sử đã diệt mà mất thì không thành tựu.

Hỏi: Đây là nói đến phần vị nào?

Đáp: Nếu đã diệt không mất thì thành tựu, đây là nói đến các phần vị đã nói ngay ở trước.

Nếu chưa hẳn đã diệt, giả sử đã diệt mà mất thì không thành tựu, đây là nói dựa vào Tam-ma-địa Vô nguyện, tiến vào Chánh tánh ly sinh, Hiện quán về Diệt trong ba tâm, và đạt được quả Dự lưu cho đến quả A-la-hán, nếu Tín thắng giải luyện căn làm Kiến chí, Thời giải thoát luyện căn làm Bất động, Tam-ma-địa Không chưa hẳn đã khởi- diệt, trước đã khởi-diệt thì do đạt được quả-chuyển căn cho nên mất, Vô tướng đã khởi-diệt không mất cũng hiện rõ ở trước mắt.

Hỏi: Nếu thành tựu Không quá khứ thì đó là Vô tướng vị lai-hiện tại chăng?

Đáp: Có lúc thành tựu Không quá khứ mà không phải là Vô tướng vị lai-hiện tại, có lúc cùng với vị lai mà không phải là hiện tại, có lúc cùng với vị lai-hiện tại.

Thành tựu Không quá khứ mà không phải là Vô tướng vị lai-hiện tại, đó là Không đã diệt không mất, chưa đạt được Vô tướng, trái ngược nhau với đã đạt được cho nên gọi là chưa đạt được, tức là lúc Diệt pháp trí nhẫn chưa hẳn đã sinh.

Hỏi: Đây là nói đến phần vị nào?

Đáp: Đây là nói dựa vào Tam-ma-địa Không, tiến vào Chánh tánh ly sinh, Hiện quán về Khổ trong ba tâm, Hiện quán về Tập trong bốn tâm chứ không phải là phần vị nào khác, bởi vì lúc ấy chắc chắn thành tựu Vô tướng vị lai.

Cùng với vị lai mà không phải là hiện tại, đó là Không đã diệt không mất, đã đạt được Vô tướng mà không hiện rõ ở trước mắt.

Hỏi: Đây là nói đến phần vị nào?

Đáp: Đây là nói dựa vào Tam-ma-địa Không, tiến vào Chánh tánh ly sinh, Hiện quán về Đạo trong ba tâm, và đạt được quả Dự lưu cho đến quả A-la-hán, nếu Tín thắng giải luyện căn làm Kiến chí, Thời giải thoát luyện căn làm Bất động, Tam-ma-địa Không đã khởi-diệt không mất, Vô tướng không hiện rõ ở trước mắt.

Cùng với vị lai-hiện tại, đó là Không đã diệt không mất, Vô tướng hiện rõ ở trước mắt.

Hỏi: Đây là nói đến phần vị nào?

Đáp: Đây là nói nếu dựa vào Tam-ma-địa Không, tiến vào Chánh tánh ly sinh, Hiện quán về Diệt trong bốn tâm, và đạt được quả Dự lưu cho đến quả A-la-hán, nếu Tín thắng giải luyện căn làm Kiến chí, Thời giải thoát luyện căn làm Bất động, Tam-ma-địa Không đã khởi-diệt không mất, Vô tướng hiện rõ ở trước mắt, nhưng thành tựu hiện tại thì nhất định thành tựu vị lai, cho nên không nói riêng biệt.

Hỏi: Giả sử thành tựu Vô tướng vị lai-hiện tại thì đó là Không quá khứ chăng?

Đáp: Nếu đã diệt không mất thì thành tựu; nếu chưa hẳn đã diệt, giả sử đã diệt mà mất thì không thành tựu.

Hỏi: Đây là nói đến phần vị nào?

Đáp: Nếu đã diệt không mất thì thành tựu, đây là nói đến các phần vị đã nói ngay ở trước.

Nếu chưa hẳn đã diệt, giả sử đã diệt mà mất thì không thành tựu, đây là nói dựa vào Tam-ma-địa Vô nguyện, tiến vào Chánh tánh ly sinh, Hiện quán về Diệt trong bốn tâm, và đạt được quả Dự lưu cho đến quả A-la-hán, nếu Tín thắng giải luyện căn làm Kiến chí, Thời giải thoát luyện căn làm Bất động, Tam-ma-địa Không chưa hẳn đã khởi- diệt, trước đã khởi-diệt thì do đạt được quả-chuyển căn cho nên mất, Vô tướng hiện rõ ở trước mắt.

Hỏi: Nếu thành tựu Không quá khứ thì đó là Vô tướng quá khứ-vị lai chăng?

Đáp: Có lúc thành tựu Không quá khứ mà không phải là Vô tướng quá khứ-vị lai, có lúc cùng với vị lai mà không phải là quá khứ, có lúc cùng với quá khứ-vị lai.

Thành tựu Không quá khứ mà không phải là Vô tướng quá khứ-vị lai, đó là Không đã diệt không mất, chưa đạt được Vô tướng.

Hỏi: Đây là nói đến phần vị nào?

Đáp: Đây là nói dựa vào Tam-ma-địa Không, tiến vào Chánh tánh ly sinh, Hiện quán về Khổ trong ba tâm, Hiện quán về Tập trong bốn tâm.

Cùng với vị lai mà không phải là quá khứ, đó là Không đã diệt không mất, đã đạt được Vô tướng chưa hẳn đã diệt, giả sử đã diệt mà mất.

Hỏi: Đây là nói đến phần vị nào?

Đáp: Đây là nói dựa vào Tam-ma-địa Không, tiến vào Chánh tánh ly sinh, Hiện quán về Diệt trong một tâm, và đạt được quả Dự lưu cho đến quả A-la-hán, nếu Tín thắng giải luyện căn làm Kiến chí, Thời giải thoát luyện căn làm Bất động, Tam-ma-địa Không đã khởi-diệt không mất, Vô tướng chưa hẳn đã khởi-diệt, trước đã khởi-diệt thì do đạt được quả-chuyển căn cho nên mất.

Cùng với quá khứ-vị lai, đó là Không-Vô tướng đã diệt không mất.

Hỏi: Đây là nói đến phần vị nào?

Đáp: Đây là nói dựa vào Tam-ma-địa Không, tiến vào Chánh tánh ly sinh, Hiện quán về Diệt-Đạo đều trong ba tâm, và đạt được quả Dự lưu cho đến quả A-la-hán, nếu Tín thắng giải luyện căn làm Kiến chí, Thời giải thoát luyện căn làm Bất động, Tam-ma-địa Không-Vô tướng đã khởi-diệt không mất.

Hỏi: Giả sử thành tựu Vô tướng quá khứ-vị lai thì đó là Không quá khứ chăng?

Đáp: Nếu đã diệt không mất thì thành tựu; nếu chưa hẳn đã diệt, giả sử đã diệt mà mất thì không thành tựu.

Hỏi: Đây là nói đến phần vị nào?

Đáp: Nếu đã diệt không mất thì thành tựu, đây là nói đến các phần vị đã nói ngay ở trước.

Nếu chưa hẳn đã diệt, giả sử đã diệt mà mất thì không thành tựu, đây là nói dựa vào Tam-ma-địa Vô nguyện, tiến vào Chánh tánh ly sinh, Hiện quán về Diệt-Đạo đều trong ba tâm, và đạt được quả Dự lưu cho đến quả A-la-hán, nếu Tín thắng giải luyện căn làm Kiến chí, Thời giải thoát luyện căn làm Bất động, Tam-ma-địa Vô tướng đã khởi-diệt không mất, Tam-ma-địa Không chưa hẳn đã khởi-diệt, trước đã khởi- diệt thì do đạt được quả-chuyển căn cho nên mất.

Hỏi: Nếu thành tựu Không quá khứ thì đó là Vô tướng quá khứ-vị lai-hiện tại chăng?

Đáp: Có lúc thành tựu Không quá khứ mà không phải là Vô tướng quá khứ-vị lai-hiện tại, có lúc cùng với vị lai mà không phải là quá khứ-hiện tại, có lúc cùng với vị lai-hiện tại mà không phải là quá khứ, có lúc cùng với quá khứ-vị lai mà không phải là hiện tại, có lúc cùng với quá khứ-vị lai-hiện tại.

Thành tựu Không quá khứ mà không phải là Vô tướng quá khứ-vị lai-hiện tại, đó là Không đã diệt không mất, chưa đạt được Vô tướng.

Hỏi: Đây là nói đến phần vị nào?

Đáp: Đây là nói dựa vào Tam-ma-địa Không, tiến vào Chánh tánh ly sinh, Hiện quán về Khổ trong ba tâm, Hiện quán về Tập trong bốn tâm.

Cùng với vị lai mà không phải là quá khứ-hiện tại, đó là Không đã diệt không mất, đã đạt được Vô tướng chưa hẳn đã diệt, giả sử đã diệt mà mất không hiện rõ ở trước mắt.

Hỏi: Đây là nói đến phần vị nào?

Đáp: Đây là nói nếu đạt được quả Dự lưu cho đến quả A-la-hán, nếu Tín thắng giải luyện căn làm Kiến chí, Thời giải thoát luyện căn làm Bất động, Tam-ma-địa Không đã khởi-diệt không mất, Tam-ma- địa Vô tướng chưa hẳn đã khởi-diệt, trước đã khởi-diệt thì do đạt được quả-chuyển căn cho nên mất cũng không hiện rõ ở trước mắt.

Cùng với vị lai-hiện tại mà không phải là quá khứ, đó là Không đã diệt không mất, Vô tướng hiện rõ ở trước mắt chưa hẳn đã diệt, giả sử đã diệt mà mất

Hỏi: Đây là nói đến phần vị nào?

Đáp: Đây là nói nếu dựa vào Tam-ma-địa Không, tiến vào Chánh

tánh ly sinh, Hiện quán về Diệt trong một tâm, và đạt được quả Dự lưu cho đến quả A-la-hán, nếu Tín thắng giải luyện căn làm Kiến chí, Thời giải thoát luyện căn làm Bất động, Tam-ma-địa Không đã khởi-diệt không mất, Vô tướng chưa hẳn đã khởi-diệt, trước đã khởi-diệt thì do đạt được quả-chuyển căn cho nên mất mà hiện rõ ở trước mắt.

Cùng với quá khứ-vị lai mà không phải là hiện tại, đó là Không- Vô tướng đã diệt không mất, Vô tướng không hiện rõ ở trước mắt.

Hỏi: Đây là nói đến phần vị nào?

Đáp: Đây là nói dựa vào Tam-ma-địa Không, tiến vào Chánh tánh ly sinh, Hiện quán về Đạo trong ba tâm, và đạt được quả Dự lưu cho đến quả A-la-hán, nếu Tín thắng giải luyện căn làm Kiến chí, Thời giải thoát luyện căn làm Bất động, Tam-ma-địa Không-Vô tướng đã khởi-diệt không mất, Vô tướng không hiện rõ ở trước mắt.

Cùng với quá khứ-vị lai-hiện tại, đó là Không-Vô tướng đã diệt không mất, Vô tướng hiện rõ ở trước mắt.

Hỏi: Đây là nói đến phần vị nào?

Đáp: Đây là nói dựa vào Tam-ma-địa Không, tiến vào Chánh tánh ly sinh, Hiện quán về Diệt trong ba tâm, và đạt được quả Dự lưu cho đến quả A-la-hán, nếu Tín thắng giải luyện căn làm Kiến chí, Thời giải thoát luyện căn làm Bất động, Tam-ma-địa Không-Vô tướng đã khởi-diệt không mất, Vô tướng hiện rõ ở trước mắt.

Hỏi: Giả sử thành tựu Vô tướng quá khứ-vị lai-hiện tại thì đó là Không quá khứ chăng?

Đáp: Nếu đã diệt không mất thì thành tựu; nếu chưa hẳn đã diệt, giả sử đã diệt mà mất thì không thành tựu.

Hỏi: Đây là nói đến phần vị nào?

Đáp: Nếu đã diệt không mất thì thành tựu, đây là nói đến các phần vị đã nói ngay ở trước.

Nếu chưa hẳn đã diệt, giả sử đã diệt mà mất thì không thành tựu, đây là nói nếu dựa vào Tam-ma-địa Vô nguyện, tiến vào Chánh tánh ly sinh, Hiện quán về Diệt trong ba tâm, và đạt được quả Dự lưu cho đến quả A-la-hán, nếu Tín thắng giải luyện căn làm Kiến chí, Thời giải tho- át luyện căn làm Bất động, Tam-ma-địa Vô tướng đã khởi-diệt không mất, cũng hiện rõ ở trước mắt; Tam-ma-địa Không chưa hẳn đã khởi- diệt, trước đã khởi-diệt thì do đạt được quả-chuyển căn cho nên mất.

Như Không đối với Vô tướng làm thành bảy câu, nên biết Vô nguyện

đối với Vô tướng cũng như vậy, tùy theo sự thích hợp toàn bộ nên biết!

Như bảy câu nhỏ, nên biết bảy câu lớn cũng như vậy, sai biệt là dùng hai đối với một, như dùng Không-Vô nguyện quá khứ đối với Vô tướng quá khứ có bảy câu.

Có người nói: Bởi vì đây là bảy chủng tánh lớn, không nên nói là đối với Vô tướng quá khứ. Nguyên cớ thế nào? Bởi vì đây chỉ là một câu, nên đưa ra cách nói này: Như dùng Không-Vô nguyện quá khứ đối với Vô tướng có bảy câu, bởi vì trong này có đủ bảy câu.

Có người nói: Trong này không nên nói là có bảy câu. Nguyên cớ thế nào? Bởi vì đây chỉ là bảy chủng tánh lớn, nên đưa ra cách nói này: Như dùng Không-Vô nguyện quá khứ đối với Vô tướng quá khứ, tiếp theo đối với vị lai, tiếp theo đối với hiện tại, tiếp theo đối với quá khứ- hiện tại, tiếp theo đối với vị lai-hiện tại, tiếp theo đối với quá khứ-vị lai, cuối cùng đối với Vô tướng quá khứ-vị lai-hiện tại là có bảy câu, bởi vì trong này có một lượt bảy câu hỏi, một lượt bảy câu trả lời.

Có người nói: Trong này đã nói tức là hiển bày đối với câu thứ nhất có bảy câu. Nguyên cớ thế nào? Bởi vì trong này có bảy lượt bảy câu hỏi, bảy lượt bảy câu trả lời: Như dùng Không-Vô nguyện quá khứ đối với Vô tướng quá khứ làm câu thứ nhất, tiếp theo đối với vị lai, tiếp theo đối với hiện tại, tiếp theo đối với quá khứ-hiện tại, tiếp theo đối với vị lai-hiện tại, tiếp theo đối với quá khứ-vị lai, cuối cùng đối với Vô tướng quá khứ-vị lai-hiện tại làm câu thứ bảy.

Lại dùng Không-Vô nguyện quá khứ đối với Vô tướng vị lai làm câu thứ nhất, tiếp theo đối với hiện tại, cho đến cuối cùng đối với Vô tướng quá khứ làm câu thứ bảy.

Lại dùng Không-Vô nguyện quá khứ đối với Vô tướng hiện tại làm câu thứ nhất, tiếp theo đối với quá khứ, cho đến cuối cùng đối với Vô tướng vị lai làm câu thứ bảy.

Lại dùng Không-Vô nguyện quá khứ đối với Vô tướng quá khứ- hiện tại làm câu thứ nhất, tiếp theo đối với vị lai-hiện tại, cho đến cuối cùng đối với Vô tướng hiện tại làm câu thứ bảy.

Lại dùng Không-Vô nguyện quá khứ đối với Vô tướng vị lai-hiện tại làm câu thứ nhất, tiếp theo đối với quá khứ-vị lai, cho đến cuối cùng đối với Vô tướng quá khứ-hiện tại làm câu thứ bảy.

Lại dùng Không-Vô nguyện quá khứ đối với Vô tướng quá khứ-vị lai làm câu thứ nhất, tiếp theo đối với quá khứ-vị lai-hiện tại, cho đến cuối cùng đối với Vô tướng vị lai-hiện tại làm câu thứ bảy.

Lại dùng Không-Vô nguyện quá khứ đối với Vô tướng quá khứ-vị lai-hiện tại làm câu thứ nhất, tiếp theo đối với quá khứ, cho đến cuối cùng đối với Vô tướng quá khứ-vị lai làm câu thứ bảy.

Nếu đưa ra cách nói này thì uổng phí công sức, đối với văn không có ích, đối với nghĩa không có ích, cũng không thành bảy lượt bảy câu.

Nếu muốn đối với văn có ích, đối với nghĩa có ích, cũng thành bảy lượt bảy câu, thì nên đưa ra cách nói này: Như dùng Không-Vô nguyện quá khứ đối với Vô tướng quá khứ làm câu thứ nhất, tiếp theo đối với vị lai, tiếp theo đối với hiện tại, tiếp theo đối với quá khứ-hiện tại, tiếp theo đối với vị lai-hiện tại, tiếp theo đối với quá khứ-vị lai, cuối cùng đối với Vô tướng quá khứ-vị lai-hiện tại làm câu thứ bảy.

Lại dùng Không-Vô nguyện vị lai đối với Vô tướng vị lai làm câu thứ nhất, tiếp theo đối với hiện tại, cho đến cuối cùng đối với Vô tướng quá khứ làm câu thứ bảy.

Lại dùng Không-Vô nguyện hiện tại đối với Vô tướng hiện tại làm câu thứ nhất, tiếp theo đối với quá khứ-hiện tại, cho đến cuối cùng đối với Vô tướng vị lai làm câu thứ bảy.

Lại dùng Không-Vô nguyện quá khứ-hiện tại đối với Vô tướng quá khứ-hiện tại làm câu thứ nhất, tiếp theo đối với vị lai-hiện tại, cho đến cuối cùng đối với Vô tướng hiện tại làm câu thứ bảy.

Lại dùng Không-Vô nguyện vị lai-hiện tại đối với Vô tướng vị lai-hiện tại làm câu thứ nhất, tiếp theo đối với quá khứ-vị lai, cho đến cuối cùng đối với Vô tướng quá khứ-hiện tại làm câu thứ bảy.

Lại dùng Không-Vô nguyện quá khứ-vị lai đối với Vô tướng quá khứ-vị lai làm câu thứ nhất, tiếp theo đối với quá khứ-vị lai-hiện tại, cho đến cuối cùng đối với Vô tướng vị lai-hiện tại làm câu thứ bảy.

Lại dùng Không-Vô nguyện quá khứ-vị lai-hiện tại đối với Vô tướng quá khứ-vị lai-hiện tại làm câu thứ nhất, tiếp theo đối với quá khứ, cho đến cuối cùng đối với Vô tướng quá khứ-vị lai làm câu thứ bảy của bảy lượt.

Nếu đưa ra cách nói này thì đối với văn có ích, đối với nghĩa có ích, thành bảy lượt bảy câu, nên biết bảy lượt bảy câu thì nghĩa như vậy.

Hỏi: Trong này, một Hành(nhất hành) trải qua sáu lượt(lịch lục) gồm bảy câu nhỏ (tiểu thất) bảy câu lớn(đại thất), sai biệt thế nào?

Đáp: Tên gọi tức là sai biệt, loại này gọi là một Hành, cho đến loại này gọi là bảy câu lớn.

Lại nữa, dùng nghĩa lý của một Hành làm câu hỏi thì gọi là một Hành;

dùng sáu lượt làm câu hỏi thì gọi là trải qua sáu câu; dùng bảy câu làm câu hỏi, dùng một loại hỏi về một loại thì gọi là bảy câu nhỏ; dùng bảy câu làm câu hỏi, dùng hai loại hỏi về một loại thì gọi là bảy câu lớn.

Lại nữa, hỏi về pháp không tương tự, không dùng Định thế tục thì gọi là một Hành; hỏi về pháp tương tự, dùng Định thế tục thì gọi là trải qua sáu lượt; hỏi về pháp không tương tự, dùng Định thế tục, dùng một loại hỏi về một loại thì gọi là bảy câu nhỏ; hỏi về pháp không tương tự, dùng Định thế tục, dùng hai loại hỏi về một loại thì gọi là bảy câu lớn.

Đó gọi là sự sai biệt giữa một Hành trải qua sáu lượt gồm bảy câu nhỏ-bảy câu lớn (nhất hành, lịch lục, tiểu thất, đại thất).

-oOo-

LUẬN A TỲ ĐẠT MA ĐẠI TỲ BÀ SA

QUYỂN 185

LUẬN VỀ NHẤT HÀNH (Phần 3)

Nếu tu Không thì đó là Vô nguyện chăng? Cho đến nói rộng ra. Hỏi: Vì sao soạn ra phần luận này?

Đáp: Bởi vì ngăn chặn sự gạt bỏ không có hai đời quá khứ-vị lai, và ý nói không có tu thuộc vị lai, muốn hiển bày là có hai đời quá khứ- vị lai, cũng có tu thuộc vị lai, cho nên soạn ra phần luận này.

Tu có bốn loại:

1. Tu đạt được.
2. Tu luyện tập.
3. Tu đối trị.
4. Tu loại bỏ.

Trong này dựa vào hai loại tu mà soạn luận, đó là tu đạt được và tu luyện tập.

Hỏi: Nếu tu Không thì lúc ấy tu Vô nguyện chăng? Giả sử tu Vô nguyện thì lúc ấy tu Không chăng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu phân biệt:

1. Có lúc tu Không mà không phải là tu Vô nguyện, đó là đã đạt được Không hiện rõ ở trước mắt. Bởi vì đây là pháp mà Đức Phật hoặc là Độc giác-Thanh văn dùng làm nơi an trú trong niềm vui của pháp hiện tại, cho nên khởi lên đã đạt được Tam-ma-địa Không hiện rõ ở trước mắt. Lúc bấy giờ thế lực của pháp ấy hãy còn không bằng sát-na không gián đoạn thuộc chủng loại của mình, huống gì có thể tu công đức vị lai nào khác, nhưng mà phần vị hiện rõ trước mắt tức là tu luyện tập.
2. Có lúc tu Vô nguyện mà không phải là tu Không, đó là đã đạt được Vô nguyện hiện rõ ở trước mắt, nếu chưa đạt được Vô nguyện hiện rõ ở trước mắt thì không tu Không.

Đã đạt được Vô nguyện hiện rõ ở trước mắt, giải thích như trước. Chưa đạt được Vô nguyện hiện rõ ở trước mắt thì không tu Không,

đó là trong Kiến đạo thì Hiện quán về Tập trong bốn tâm, Hiện quán

về Đạo trong ba tâm. Bởi vì trong Kiến đạo là đối trị quyết định và đều là đối trị không giống nhau, cho nên không khác với tu về Đế.

3. Có lúc tu cả hai loại, đó là chưa đạt được Không hiện rõ ở trước mắt, nếu chưa đạt được Vô nguyện hiện rõ ở trước mắt thì tu Không, nếu chưa đạt được Vô tướng và chưa đạt được Thế tục trí hiện rõ ở trước mắt thì tu Không-Vô nguyện.

Chưa đạt được Không hiện rõ ở trước mắt, đó là dựa vào Tam- ma-địa Không, tiến vào Chánh tánh ly sinh, Hiện quán về Khổ trong bốn tâm.

Nếu dựa vào Tam-ma-địa Không, lìa nhiễm của cõi Dục cho đến nhiễm của Vô sở hữu xứ, hoặc là dùng Không làm gia hạnh, thì lúc ấy là tất cả đạo gia hạnh-vô gián-giải thoát; và lìa nhiễm của Phi tưởng phi phi tưởng xứ, trừ ra đạo giải thoát cuối cùng.

Nếu dựa vào Tam-ma-địa Không, Tín thắng giải luyện căn làm Kiến chí, hoặc là dùng Không làm gia hạnh, thì lúc ấy là đạo gia hạnh- vô gián-giải thoát; và Thời giải thoát luyện căn làm Bất động, trừ ra đạo giải thoát cuối cùng.

Nếu dựa vào Tam-ma-địa Không, tu xen lẫn Tĩnh lự trong tâm đầu và tâm sau.

Nếu dựa vào Tam-ma-địa Không, khởi lên Niệm trú-Vô sắc-Giải thoát, Nghĩa-Biện vô ngại giải; có người nói: Chỉ riêng Nghĩa vô ngại giải.

Những lúc như vậy, chưa đạt được Không hiện rõ ở trước mắt thì cũng tu Vô nguyện.

Chưa đạt được Vô nguyện hiện rõ ở trước mắt thì tu Không, đó là dựa vào Tam-ma-địa Vô nguyện, tiến vào Chánh tánh ly sinh, Hiện quán về Khổ trong bốn tâm, lúc Đạo loại trí hiện khởi.

Nếu dựa vào Vô nguyện, lìa nhiễm của cõi Dục cho đến nhiễm của Phi tưởng phi phi tưởng xứ, hoặc là Vô nguyện làm gia hạnh, thì lúc ấy là tất cả đạo gia hạnh-vô gián-giải thoát.

Nếu dựa vào Vô nguyện, Tín thắng giải luyện căn làm Kiến chí, Thời giải thoát luyện căn làm Bất động, hoặc là Vô nguyện làm gia hạnh, thì lúc ấy là tất cả đạo gia hạnh-vô gián-giải thoát.

Nếu dựa vào Vô nguyện, tu xen lẫn Tĩnh lự trong tâm đầu và tâm sau.

Nếu khởi lên Tha tâm trí thông vô lậu.

Nếu dựa vào Vô nguyện, khởi lên Niệm trú-Vô sắc-Giải thoát, Nghĩa-Biện vô ngại giải.

Những lúc như vậy, chưa đạt được Vô nguyện hiện rõ ở trước mắt thì

cũng tu Không.

Chưa đạt được Vô tướng hiện rõ ở trước mắt thì tu Không-Vô nguyện, trong Kiến đạo không có, ở trong Tu đạo-đạo Vô học.

Nếu dựa vào Vô tướng, lìa nhiễm của cõi Dục cho đến nhiễm của Vô sở hữu xứ, hoặc là Vô tướng làm gia hạnh, thì lúc ấy là tất cả đạo gia hạnh-vô gián-giải thoát; và lìa nhiễm của Phi tưởng phi phi tưởng xứ, trừ ra đạo giải thoát cuối cùng.

Nếu dựa vào Vô tướng, Tín thắng giải luyện căn làm Kiến chí, hoặc là Vô tướng làm gia hạnh, thì lúc ấy là tất cả đạo gia hạnh-vô gián-giải thoát; và Thời giải thoát luyện căn làm Bất động, trừ ra đạo giải thoát cuối cùng.

Nếu dựa vào Vô tướng, tu xen lẫn Tĩnh lự trong tâm đầu và tâm Vô nguyện, đó là Thánh giả dùng Tuệ do Văn-Tư mà thành, tiến vào Định Diệt tận, tâm Vi vi.

Tất cả dị sinh, đó là trong này đã nói đến ba Tam-ma-địa chỉ riêng vô lậu, bởi vì dị sinh đều không có cho nên không có nghĩa của tu.

Tâm nhiễm ô, đó là bởi vì tâm nhiễm ô là tánh thuận phần lui sụt, tâm tương ưng với nặng nề lười nhác; phải là tánh thuận phần thắng tiến, tâm tương ưng với nhẹ nhàng tinh tiến thì mới có thể tu được.

Tâm vô ký, đó là bởi vì tâm vô ký không vững chắc, không tồn tại, không thật sự, yếu kém như hạt giống mục ruỗng; phải là tâm vững chắc-tồn tại-thật sự-mạnh mẽ, thì mới có thể tu được.

Ở trong Định Vô tưởng-Định Diệt tận, đó là bởi vì hai Định ấy không có tâm, phải là phần vị có tâm thì mới có thể tu được.

Sinh cõi trời Vô Tưởng, có người nói: Sinh ở cõi trời ấy ở tất cả mọi lúc, không khởi lên tâm thiện.

Có người nói: Sinh cõi trời ấy tuy khởi lên tâm thiện mà không phải là nơi nương tựa của tu.

Tuy trước đã ngăn chặn tất cả dị sinh, mà còn ngăn chặn Định Vô tưởng và cõi trời Vô tưởng, bởi vì cõi trời ấy là nơi mà thế tục tôn sùng, cho nên ngỡ rằng là có tu.

Những lúc như vậy, không tu Không và Vô nguyện.

Hỏi: Nếu tu Không thì lúc ấy tu Vô tướng chăng? Giả sử tu Vô tướng thì lúc ấy tu Không chăng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu phân biệt:

1. Có lúc tu Không mà không phải là tu Vô tướng, đó là đã đạt được

Không hiện rõ ở trước mắt, nếu chưa đạt được Không hiện rõ ở trước mắt thì không tu Vô tướng, nếu chưa đạt được Vô nguyện hiện rõ ở trước mắt thì tu Không chứ không phải là Vô tướng.

Đã đạt được Không hiện rõ ở trước mắt, giải thích như trước. Chưa đạt được Không hiện rõ ở trước mắt thì không tu Vô tướng, đó là dựa vào Tam-ma-địa Không, tiến vào Chánh tánh ly sinh, Hiện quán về Khổ trong bốn tâm.

Chưa đạt được Vô nguyện hiện rõ ở trước mắt thì tu Không chứ không phải là Vô tướng, đó là dựa vào Vô nguyện, tiến vào Chánh tánh ly sinh, Hiện quán về Khổ trong bốn tâm.

2. Có lúc tu Vô tướng mà không phải là tu Không, đó là đã đạt được Vô tướng hiện rõ ở trước mắt, nếu chưa đạt được Vô tướng hiện rõ ở trước mắt thì không tu Không.

Đã đạt được Vô tướng hiện rõ ở trước mắt, giải thích như trước. Chưa đạt được Vô tướng hiện rõ ở trước mắt thì không tu Không, đó là trong Kiến đạo thì Hiện quán về Diệt trong bốn tâm.

3. Có lúc tu cả hai loại, đó là chưa đạt được Không hiện rõ ở trước mắt thì tu Vô tướng, nếu chưa đạt được Vô tướng hiện rõ ở trước mắt thì tu Không, nếu chưa đạt được Vô nguyện và chưa đạt được Thế tục trí hiện rõ ở trước mắt thì tu Không-Vô tướng.

Chưa đạt được Không hiện rõ ở trước mắt thì tu Vô tướng, đó là dựa vào Tam-ma-địa Không, lìa nhiễm của cõi Dục cho đến nhiễm của Vô sở hữu xứ, nói rộng ra như gồm tu Vô nguyện ở trước.

Chưa đạt được Vô tướng hiện rõ ở trước mắt thì tu Không, đó là dựa vào Tam-ma-địa Vô tướng, lìa nhiễm của cõi Dục cho đến nhiễm của Vô sở hữu xứ, hoặc là Vô tướng làm gia hạnh, thì lúc ấy là tất cả đạo gia hạnh-vô gián-giải thoát; và lúc lìa nhiễm của Phi tưởng phi phi tưởng xứ, trừ ra đạo giải thoát cuối cùng.

Nếu dựa vào Vô tướng, Tín thắng giải luyện căn làm Kiến chí, dùng Vô tướng làm gia hạnh, thì lúc ấy là đạo gia hạnh-vô gián-giải thoát; và Thời giải thoát luyện căn làm Bất động, trừ ra đạo giải thoát cuối cùng.

Nếu dựa vào Vô tướng, tu xen lẫn Tĩnh lự trong tâm đầu và tâm sau.

Nếu dựa vào Vô tướng, khởi lên Niệm trú-Vô sắc-Giải thoát, Nghĩa vô ngại giải.

Những lúc như vậy, chưa đạt được Vô tướng hiện rõ ở trước mắt thì cũng tu Không.

Chưa đạt được Vô nguyện hiện rõ ở trước mắt thì tu Không-Vô tướng, đó là lúc Đạo loại trí.

Nếu dựa vào Tam-ma-địa Vô nguyện, lìa nhiễm của cõi Dục cho đến nhiễm của Phi tưởng phi phi tưởng xứ, nói rộng ra như gồm tu Không ở trước.

Chưa đạt được Thế tục trí hiện rõ ở trước mắt thì tu Không-Vô tướng, đó là Thánh giả dùng đạo thế tục lìa nhiễm của cõi Dục cho đến nhiễm của Vô sở hữu xứ, nói rộng ra như gồm tu Không-Vô nguyện ở trước.

4. Có lúc không tu cả hai loại, đó là đã đạt được Vô nguyện hiện rõ ở trước mắt, nếu chưa đạt được Vô nguyện hiện rõ ở trước mắt thì không tu Không-Vô tướng, nếu đã đạt được Thế tục trí hiện rõ ở trước mắt, nếu chưa đạt được Thế tục trí hiện rõ ở trước mắt thì không tu Không-Vô tướng, tất cả dị sinh-tâm nhiễm ô-tâm vô ký, ở trong Định Vô tưởng-Định Diệt tận, sinh cõi trời Vô Tưởng.

Đã đạt được Vô nguyện hiện rõ ở trước mắt, giải thích như trước. Chưa đạt được Vô nguyện hiện rõ ở trước mắt thì không tu Không-

Vô tướng, đó là trong Kiến đạo, Hiện quán về Tập trong bốn tâm, Hiện quán về Đạo trong ba tâm.

Đã đạt được Thế tục trí hiện rõ ở trước mắt, giải thích như trước. Chưa đạt được Thế tục trí hiện rõ ở trước mắt thì không tu Không-

Vô tướng, đó là Thánh giả dùng Tuệ do Văn-Tư mà thành, tiến vào Định Diệt tận, tâm Vi vi.

Tất cả dị sinh cho đến sinh cõi trời Vô tưởng, giải thích như trước.

Hỏi: Nếu tu Vô nguyện thì lúc ấy tu Vô tướng chăng? Giả sử tu Vô tướng thì lúc ấy tu Vô nguyện chăng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu phân biệt:

1. Có lúc tu Vô nguyện mà không phải là Vô tướng, đó là đã đạt được Vô nguyện hiện rõ ở trước mắt, nếu chưa đạt được Vô nguyện hiện rõ ở trước mắt và chưa đạt được Không hiện rõ ở trước mắt thì không tu Vô tướng.

Đã đạt được Vô nguyện hiện rõ ở trước mắt, giải thích như trước. Chưa đạt được Vô nguyện hiện rõ ở trước mắt thì không tu Vô tướng, đó là dựa vào Tam-ma-địa Vô nguyện, tiến vào Chánh tánh ly sinh, Hiện quán về Khổ trong bốn tâm, Hiện quán về Tập trong bốn tâm, Hiện quán về Đạo trong ba tâm.

Chưa đạt được Không hiện rõ ở trước mắt thì không tu Vô tướng, đó

là dựa vào Tam-ma-địa Không, tiến vào Chánh tánh ly sinh, Hiện quán về Khổ trong bốn tâm.

2. Có lúc tu Vô tướng mà không phải là Vô nguyện, đó là đã đạt được Vô tướng hiện rõ ở trước mắt, nếu chưa đạt được Vô tướng hiện rõ ở trước mắt thì không tu Vô nguyện.

Đã đạt được Vô tướng hiện rõ ở trước mắt, giải thích như trước.

Chưa đạt được Vô tướng hiện rõ ở trước mắt thì không tu Vô nguyện, đó là trong Kiến đạo, Hiện quán về Diệt trong bốn tâm.

3. Có lúc tu cả hai loại, đó là chưa đạt được Vô nguyện hiện rõ ở trước mắt thì tu Vô tướng, nếu chưa đạt được Vô tướng hiện rõ ở trước mắt thì tu Vô nguyện, nếu chưa đạt được Không và chưa đạt được Thế tục trí hiện rõ ở trước mắt thì tu Vô nguyện-Vô tướng. Câu này tùy theo sự thích hợp, giải thích rộng ra như trước.

4. Có lúc không tu cả hai loại, đó là đã đạt được Không và đã đạt được Thế tục trí hiện rõ ở trước mắt, nếu chưa đạt được Thế tục trí hiện rõ ở trước mắt thì không tu Vô nguyện-Vô tướng, tất cả dị sinh-tâm nhiễm ô-tâm vô ký, ở trong Định Vô tưởng-Định Diệt tận, sinh cõi trời Vô Tưởng. Câu này cũng tùy theo sự thích hợp, giải thích rộng ra như trước.

Có thể có kiết do Không mà đoạn chứ không phải là Vô nguyện- Vô tướng chăng? Cho đến nói rộng ra.

Có hai loại quyết định:

1. Đối trị quyết định.
2. Tác dụng quyết định.

Trong này, dựa vào đối trị quyết định mà soạn luận chứ không phải là tác dụng quyết định. Nguyên cớ thế nào? Bởi vì không có đạo lý về hai Tam-ma-địa có tác dụng cùng lúc, huống gì có ba?

Hỏi: Có thể có kiết do Không mà đoạn chứ không phải là Vô nguyện-Vô tướng chăng?

Đáp: Không có, bởi vì không có chủng loại của kiết chỉ là do Không mà đối trị như vậy.

Hỏi: Có thể có kiết do Vô nguyện mà đoạn chứ không phải là Không-Vô tướng chăng?

Đáp: Có, đó là Vô nguyện đoạn kiết do kiến Tập-kiến Đạo mà đoạn, bởi vì kiết ấy chỉ là do Vô nguyện mà đối trị.

Hỏi: Có thể có kiết do Vô tướng mà đoạn chứ không phải là Không-Vô nguyện chăng?

Đáp: Có, đó là Vô tướng đoạn kiết do kiến Diệt mà đoạn, bởi vì kiết ấy chỉ là do Vô tướng mà đối trị.

Hỏi: Có thể có kiết do Không-Vô nguyện mà đoạn chứ không phải là Vô tướng chăng?

Đáp: Có, đó là Không-Vô nguyện đoạn kiết do kiến Khổ mà đoạn, bởi vì kiết ấy chỉ là do Không-Vô nguyện mà đối trị.

Hỏi: Có thể có kiết do Không-Vô tướng mà đoạn chứ không phải là Vô nguyện chăng?

Đáp: Không có, bởi vì không có chủng loại của kiết chỉ là do Không-Vô tướng mà đối trị chứ không phải là Vô nguyện như vậy.

Hỏi: Có thể có kiết do Vô nguyện-Vô tướng mà đoạn chứ không phải là Không chăng?

Đáp: Không có, bởi vì không có chủng loại của kiết chỉ là do Vô nguyện-Vô tướng mà đối trị chứ không phải là Không như vậy.

Hỏi: Có thể có kiết do Không-Vô nguyện-Vô tướng mà đoạn chăng?

Đáp: Có, đó là Không-Vô nguyện-Vô tướng đoạn kiết do Tu mà đoạn của Học thấy dấu tích, tức là kiết do Tu mà đoạn của ba cõi thuộc phần vị Thánh giả, bởi vì kiết ấy là do ba Tam-ma-địa mà đối trị.

Hỏi: Có thể có kiết không phải là do Không-Vô nguyện-Vô tướng mà đoạn, nhưng là đã đoạn chăng?

Đáp: Có, đó là kiết đã đoạn của dị sinh, tức là kiết do Kiến-Tu mà đoạn của các dị sinh cõi Dục cho đến Vô sở hữu xứ, bởi vì là kiết do đạo thế tục mà đối trị.

Hỏi: Kiết ấy lẽ nào không phải là do Không-Vô nguyện-Vô tướng mà đối trị hay sao?

Đáp: Là do Không-Vô nguyện-Vô tướng mà đối trị, nhưng ở Thánh giả chứ không phải là dị sinh, bởi vì kiết ấy ở dị sinh cho nên nói không phải là do Không-Vô nguyện-Vô tướng mà đoạn.

Có người nói: Trước dựa vào đối trị quyết định mà soạn luận, nay dựa vào tác dụng quyết định để soạn luận, bởi vì trong sự nối tiếp nhau của dị sinh thì ba Tam-ma-địa chắc chắn không có tác dụng, cho nên nói kiết ấy không phải là do Không-Vô nguyện-Vô tướng mà đoạn.

Hỏi: Nếu như vậy thì trong sự nối tiếp nhau của Thánh giả từ cõi Dục cho đến Vô sở hữu xứ, kiết do Tu mà đoạn cũng do đạo thế tục mà đoạn, vì sao chỉ nói là do Không-Vô nguyện-Vô tướng mà đoạn?

Đáp: Văn trước nên nói kiết ấy cũng là do đạo thế tục mà đoạn, nhưng

không nói đến là có ý gì vậy? Nên biết rằng đạo vô lậu do Thánh giả mà hiển bày cho nên không nói đến đạo thế tục, dị sinh không có đạo vô lậu cho nên dựa vào đạo thế tục mà nói, vì vậy trước đây nói không có lỗi.

Thế nào là tác ý tiến vào Chánh tánh lý sinh? Cho đến nói rộng ra.

Hỏi: Vì sao soạn ra phần luận này?

Đáp: Bởi vì muốn ngăn chặn tông chỉ của người khác để hiển bày về nghĩa lý của mình. Đó là hoặc có người nói: Ba Tam-ma-địa tùy theo một loại đều có thể tiến vào Chánh tánh ly sinh. Nay ngăn chặn ý đó để hiển bày chỉ có hai Tam-ma-địa tùy theo một loại có thể tiến vào, mà không phải là Vô tướng, cho nên soạn ra phần luận này.

Hoặc lại có người nói: Chỉ riêng Tam-ma-địa Vô tướng có thể tiến vào Chánh tánh ly sinh. Như cách nói của Bộ phái Đạt-ma-cúc-đa, họ nói dùng Tam-ma-địa Vô tướng đối với Niết-bàn khởi lên tác ý vắng lặng tiến vào Chánh tánh ly sinh. Bởi vì ngăn chặn ý chấp ấy để hiển bày chỉ riêng Tam-ma-địa Vô tướng không có thể tiến vào Chánh tánh ly sinh, cho nên soạn ra phần luận này.

Hỏi: Thế nào là tác ý tiến vào Chánh tánh ly sinh?

Đáp: Hoặc là Vô thường, hoặc là Khổ, hoặc là Không, hoặc là Vô ngã. Bởi vì đây là ngăn chặn ý chấp ba Tam-ma-địa và chỉ riêng Vô tướng có thể tiến vào Chánh tánh ly sinh.

Trong này, tác ý về Vô thường-Khổ tương ưng với Tam-ma-địa Vô nguyện, tác ý về Không-Vô ngã tương ưng với Tam-ma-địa Không.

Hỏi: Vì sao chỉ có hành tướng này tiến vào Chánh tánh ly sinh chứ không phải là hành tướng nào khác?

Đáp: Tiến vào Chánh tánh ly sinh có hai loại:

1. Hành thuộc Ái.
2. Hành thuộc Kiến.

Hành thuộc Ái thì tiến vào nhờ Vô nguyện, hành thuộc Kiến thì tiến vào nhờ Không. Bồ-tát tuy là hành thuộc Ái mà có thể dựa vào Không để tiến vào Chánh tánh ly sinh.

Hành thuộc Ái lại có hai loại, đó là tăng thêm Ngã mạn, tăng thêm lười nhác. Tăng thêm Ngã mạn thì dùng hành tướng Vô thường để tiến vào, tăng thêm lười nhác thì dùng hành tướng Khổ để tiến vào.

Hành thuộc Kiến cũng có hai loại, đó là tăng thêm Ngã kiến, tăng thêm Ngã sở kiến. Tăng thêm Ngã kiến thì dùng hành tướng Vô ngã để tiến vào, tăng thêm Ngã sở kiến thì dùng hành tướng Không để tiến vào. Vì thế

cho nên chỉ đưa ra bốn hành tướng này.

Hỏi: Bốn hành tướng này tương ưng với pháp ở phần vị nào?

Đáp: Có người nói: Tương ưng với Thế đệ nhất pháp, bởi vì nói tiến vào Chánh tánh ly sinh.

Có người nói: Tương ưng với Khổ pháp trí nhẫn. Hỏi: Nếu như vậy thì tại sao nói là tiến vào (nhập)?

Đáp: Đây là nói đã tiến vào gọi là tiến vào, đối với gần mà nói theo thanh xa; như nói Đại Vương từ nơi nào đến, đó là đối với đã đến gọi là đến, ở đây cũng như vậy.

Hỏi: Lúc bấy giờ cũng có tâm sở pháp khác, vì sao chỉ nói đến tác ý?

Đáp: Bởi vì chỉ riêng tác ý mới có thể dẫn dắt phát khởi tâm - tâm sở.

Có người nói: Bởi vì tác ý là tùy thuận nhất đối với tiến vào Chánh tánh ly sinh.

Tư duy về hành hệ thuộc nơi nào để tiến vào Chánh tánh ly sinh?

Cho đến nói rộng ra.

Hỏi: Vì sao soạn ra phần luận này?

Đáp: Cần phải ngăn chặn cách nói của Tôn giả Đạt-ma-đát-la-đa cho rằng cùng lúc tư duy về hành của ba cõi để tiến vào Chánh tánh ly sinh, và bởi vì ngăn chặn ý nói tư duy về Niết-bàn để tiến vào Chánh tánh ly sinh, cho nên soạn ra phần luận này.

Hỏi: Tư duy về hành hệ thuộc nơi nào để tiến vào Chánh tánh ly sinh?

Đáp: Hệ thuộc cõi Dục, bởi vì đây là ngăn chặn hai ý chấp như trước.

Hỏi: Vì sao chỉ tư duy về hành hệ thuộc cõi Dục để tiến vào Chánh tánh ly sinh?

Đáp: Bởi vì khổ của cõi Dục biểu hiện thô thiển, đang thấy, dễ dàng quán sát.

Có người nói: Bởi vì khổ của cõi Dục là sự nối tiếp nhau của nơi ấy đang thành tựu.

Có người nói: Bởi vì hành hệ thuộc cõi Dục có đủ ba loại khổ, là vì A-tỳ-đạt-ma nói quán về các hành thuộc ba loại khổ mà tiến vào Chánh tánh ly sinh, chứ không phải là như phái Thí Dụ chỉ nói quán về các hành thuộc hành khổ mà tiến vào Chánh tánh ly sinh.

Trong này, các hành không vừa ý gọi là Khổ khổ, các hành vừa ý gọi là Hoại khổ, các hành thuận theo buông xả gọi là Hành khổ.

Có người nói: Bởi vì khổ của cõi Dục đang là sự bức não vô cùng

chán ngán đối với người tu hành, cho nên trước phải quán sát điều ấy để tiến vào Chánh tánh ly sinh.

Hỏi: Niết-bàn cũng là sự vui mừng vô cùng, vì sao không quán sát điều ấy để tiến vào Chánh tánh ly sinh?

Đáp: Tâm của các loài hữu tình chán ngán đối với khổ đau mạnh hơn chứ không phải là mừng vui đối với Niết-bàn. Nguyên cớ thế nào? Bởi vì đang bị bức bách phiền muộn, không hiện thấy rõ ràng, như các hữu tình không có ai không sợ khổ đau nhưng có người không ham vui sướng.

Hỏi: Sau khi duyên với Nhẫn thuộc Đế nào thì có thể tiến vào Chánh tánh ly sinh?

Đáp: Có người nói: Duyên với Đạo đế.

Nói như vậy thì duyên với Khổ đế. Nói rộng ra như phẩm thứ nhất trong chương Tạp Uẩn.

Hỏi: Tận trí nên nói là Niệm trú đối với Thân thuận theo Thân quán sát chăng? Cho đến nên nói là Niệm trú đối với Pháp thuận theo Pháp quán sát chăng?

Đáp: Tận trí nên nói hoặc là Niệm trú đối với Thân thuận theo Thân quán sát, hoặc là Niệm trú đối với Thọ-hoặc là đối với Tâm-hoặc là đối với Pháp thuận theo Pháp quán sát. Như Tận trí, Vô sinh trí cũng như vậy.

Hỏi: Vì sao soạn ra phần luận này?

Đáp: Bởi vì làm cho người nghi ngờ có được quyết định. Đó là có người sinh lòng nghi ngờ như vậy: Tận trí-Vô sinh trí bởi vì không phải là tánh thuộc Kiến, cho nên lẽ ra cũng không phải là tánh thuộc Niệm trú? Nay cần phải quyết định trình bày về hai trí này, tuy không phải là tánh thuộc Kiến, mà chính là Niệm trú, cho nên soạn ra phần luận này.

Lại nữa, trong chương Kiến Uẩn phân biệt về Niệm trú thuộc tự tánh của Kiến, trong chương Định Uẩn này phân biệt về Niệm trú thuộc tự tánh không phải là Kiến, cho nên soạn ra phần luận này.

Lại nữa, trong địa gia hạnh nói tu Niệm trú, bởi vì có Nhân này, đó là địa Vô học không có Niệm trú. Nay muốn trình bày trong địa Vô học có Niệm trú, cho nên soạn ra phần luận này.

Lại nữa, trong kinh nói Tận trí-Vô sinh trí, duyên với sinh và thân đời sau làm cảnh, bởi vì có Nhân này, đó là hai trí ấy chỉ duyên với sinh và đời sau. Nay muốn hiển bày hai trí ấy duyên với tất cả các pháp, chỉ trừ ra Hư không và Phi trạch diệt, cho nên soạn ra phần luận này.

Lại nữa, có người chấp Tận trí-Vô sinh trí chỉ duyên chung với năm

uẩn. Nay ngăn chặn ý chấp ấy để hiển bày Tận trí-Vô sinh trí, hoặc là duyên chung với năm uẩn, hoặc là duyên riêng biệt, cho nên soạn ra phần luận này.

Tận trí nên nói hoặc là Niệm trú đối với Thân thuận theo Thân quán sát, đó là duyên với Sắc uẩn; hoặc là Niệm trú đối với Thọ thuận theo Thọ quán sát, đó là duyên với Thọ uẩn; hoặc là Niệm trú đối với Tâm thuận theo Tâm quán sát, đó là duyên với Thức uẩn; hoặc là Niệm trú đối với Pháp thuận theo Pháp quán sát, đó là duyên với Tưởng uẩn- Hành uẩn và Trạch diệt. Đây là nói về Pháp niệm trú duyên không xen tạp.

Nếu Pháp niệm trú duyên xen tạp, thì đối với năm uẩn, hoặc là hai loại duyên với hai loại, hoặc là ba loại duyên với ba loại, hoặc là bốn loại duyên với bốn loại, hoặc là năm loại duyên chung với nhau.

Hai loại duyên với hai loại, đó là Sắc duyên Thọ, Sắc duyên Tưởng, Sắc duyên Hành, Sắc duyên Thức, Thọ duyên Tưởng, Thọ duyên Hành, Thọ duyên Thức, Tưởng duyên Hành, Tưởng duyên Thức, Hành duyên Thức.

Ba loại duyên với ba loại, đó là Sắc-Thọ-Tưởng duyên nhau, Sắc-Thọ-Hành duyên nhau, Sắc-Thọ-Thức duyên nhau, Sắc-Tưởng-Thức duyên nhau, Sắc-Hành-Thức duyên nhau, Thọ-Tưởng-Hành duyên nhau, Thọ-Tưởng-Thức duyên nhau, Thọ-Hành-Thức duyên nhau, Tưởng-Hành-Thức duyên nhau.

Bốn loại duyên với bốn loại, đó là Sắc-Thọ-Tưởng-Hành duyên nhau, Sắc-Thọ-Tưởng-Thức duyên nhau, Sắc-Thọ-Hành-Thức duyên nhau, Sắc-Tưởng-Hành-Thức duyên nhau, Thọ-Tưởng-Hành-Thức duyên nhau.

Năm loại duyên chung với nhau, đó là Sắc-Thọ-Tưởng-Hành- Thức, tất cả duyên chung với nhau.

Trạch diệt-Vô vi ấy nếu là Pháp niệm trú hữu lậu, thì cũng duyên kết hợp với pháp khác như Sắc… Trong này đã nói đều là vô lậu, cho nên chỉ là duyên không xen tạp.

Hỏi: Các niềm vui (lạc) vô lậu của Tĩnh lự thứ nhất, các niềm vui của Khinh an đẳng giác chi, hai loại này có gì sai biệt?

Đáp: Không có sai biệt.

Hỏi: Các niềm vui vô lậu của Tĩnh lự thứ hai, các niềm vui của Khinh an đẳng giác chi, hai loại này có gì sai biệt?

Đáp: Không có sai biệt.

Hỏi: Vì sao soạn ra phần luận này?

Đáp: Bởi vì ngăn chặn ý nói là hai Tĩnh lự đầu có Lạc căn vô lậu, hiển bày về hai địa ấy không có Lạc căn vô lậu, cho nên soạn ra phần luận này.

Nếu có thì không nên trả lời rằng hai loại này không có sai biệt. Nguyên cớ thế nào? Bởi vì niềm vui của Khinh an đẳng giác chi, lấy Khinh an trong pháp Đại thiện địa làm tự tánh; Lạc căn vô lậu lấy Thọ trong pháp Đại địa làm tự tánh. Lại nữa, niềm vui của Khinh an đẳng giác chi thuộc về Hành uẩn, Lạc căn vô lậu thuộc về Thọ uẩn, như vậy hai niềm vui sẽ có sai biệt, mà nói là không có sai biệt, cho nên biết niềm vui vô lậu của hai địa ấy tức là niềm vui Khinh an. Vì thế cho nên Lạc căn vô lậu không phải là địa ấy vốn có.

Nếu từ Đẳng trì rời ra (xuất) thì đó là sở duyên chăng? Cho đến nói rộng ra.

Rời ra có năm loại:

1. Địa.
2. Hành tướng.
3. Sở duyên.
4. Tâm khác loại.
5. Sát na.

Trong này, chỉ dựa vào hai loại rời ra mà soạn luận, đó là địa và sở duyên.

Hỏi: Nếu từ Đẳng trì rời ra thì đó là sở duyên chăng? Giả sử từ sở duyên rời ra thì đó là Đẳng trì chăng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu phân biệt:

1. Có lúc từ Đẳng trì rời ra mà không phải là sở duyên, đó là như có một người tư duy về tướng này tiến vào Tĩnh lự thứ nhất, người ấy lại tư duy về tướng này tiến vào Tĩnh lự thứ hai.

Trong này, sở duyên dùng thanh của Tướng mà nói. Như duyên với Sắc uẩn, Tĩnh lự thứ nhất Đẳng vô gián duyên với Sắc uẩn, Tĩnh lự thứ hai hiện rõ ở trước mắt; duyên với uẩn khác cũng như vậy. Đó gọi là từ Đẳng trì rời ra mà không phải là sở duyên.

Hỏi: Tĩnh lự thứ hai cũng là Đẳng trì, vì sao nói là rời ra?

Đáp: Bởi vì địa khác nhau, vì thế cho nên trước đây nói dựa vào hai loại rời ra mà soạn luận, đó là địa và sở duyên.

2. Có lúc từ sở duyên rời ra mà không phải là Đẳng trì, đó là như có một người tư duy về tướng này tiến vào Tĩnh lự thứ nhất, người ấy không rời ra Tĩnh lự thứ nhất, lại tư duy về tướng khác.

Như duyên với Sắc uẩn, Tĩnh lự thứ nhất Đẳng vô gián duyên với Thọ uẩn, Tĩnh lự thứ nhất hiện rõ ở trước mắt; duyên với uẩn khác cũng như vậy. Đó gọi là từ sở duyên rời ra mà không phải là Đẳng trì.

3. Có lúc từ Đẳng trì rời ra mà cũng là sở duyên, đó là như có một người tư duy về tướng này tiến vào Tĩnh lự thứ nhất, người ấy tư duy về tướng khác tiến vào Tĩnh lự thứ hai.

Như duyên với Sắc uẩn, Tĩnh lự thứ nhất Đẳng vô gián duyên với Thọ uẩn, Tĩnh lự thứ hai hiện rõ ở trước mắt; duyên với uẩn khác cũng như vậy. Đó gọi là từ Đẳng trì rời ra mà cũng là sở duyên.

4. Có lúc không phải là từ Đẳng trì rời ra mà cũng không phải là sở duyên, đó là như có một người tư duy về tướng này tiến vào Tĩnh lự thứ nhất, an trú trải qua thời gian dài.

Như duyên với Sắc uẩn, Tĩnh lự thứ nhất chuyển đổi nối tiếp nhau trải qua thời gian dài hiện rõ trước mắt; duyên với uẩn khác cũng như vậy.

Như uẩn, không phải là uẩn cũng như vậy. Như Tĩnh lự thứ nhất, cho đến Vô sở hữu xứ cũng như vậy.

Lại có nghĩa khác, Hỏi: Nếu từ Đẳng trì rời ra thì đó là hành tướng chăng? Đáp: Nên làm thành bốn câu phân biệt:

1. Có lúc từ Đẳng trì rời ra mà không phải là hành tướng, đó là như có một người dùng hành tướng này tiến vào Tĩnh lự thứ nhất, người ấy lại dùng hành tướng này tiến vào Tĩnh lự thứ hai.

Như hành tướng Vô thường của Tĩnh lự thứ nhất Đẳng vô gián, hành tướng Vô thường của Tĩnh lự thứ hai hiện rõ ở trước mắt; hành tướng khác cũng như vậy.

2. Có lúc từ hành tướng rời ra mà không phải là Đẳng trì, đó là như có một người dùng hành tướng này tiến vào Tĩnh lự thứ nhất, người ấy không rời ra Tĩnh lự thứ nhất, lại dấy lên hành tướng khác.

3. Như hành tướng Vô thường của Tĩnh lự thứ nhất Đẳng vô gián, hành tướng Khổ của Tĩnh lự thứ nhất hiện rõ ở trước mắt; hành tướng khác cũng như vậy.

4. Có lúc từ Đẳng trì rời ra mà cũng là hành tướng, đó là như có một người dùng hành tướng này tiến vào Tĩnh lự thứ nhất, dùng hành tướng khác tiến vào Tĩnh lự thứ hai.

Như hành tướng Vô thường của Tĩnh lự thứ nhất Đẳng vô gián, hành tướng Khổ của Tĩnh lự thứ hai hiện rõ ở trước mắt; hành tướng khác cũng như vậy.

5. Có lúc không phải là từ Đẳng trì rời ra mà cũng không phải là

hành tướng, đó là như có một người dùng hành tướng này tiến vào Tĩnh lự thứ nhất, an trú trải qua thời gian dài.

Như hành tướng Vô thường của Tĩnh lự thứ nhất, chuyển đổi nối tiếp nhau trải qua thời gian dài hiện rõ trước mắt; hành tướng khác cũng như vậy.

Như Tĩnh lự thứ nhất, cho đến Vô sở hữu xứ cũng như vậy.

Lại có nghĩa khác, Hỏi: Nếu từ hành tướng rời ra thì đó là sở duyên chăng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu phân biệt:

1. Có lúc từ hành tướng rời ra mà không phải là sở duyên, đó là như có một người dùng hành tướng này tư duy về tướng này, người ấy không rời bỏ hành tướng này, lại dấy lên hành tướng khác.

Như duyên với Sắc uẩn, hành tướng Vô thường Đẳng vô gián duyên với Sắc uẩn, hành tướng Khổ hiện rõ ở trước mắt; duyên với uẩn khác-hành tướng khác cũng như vậy.

2. Có lúc từ sở duyên rời ra mà không phải là hành tướng, đó là như có một người dùng hành tướng này tư duy về tướng này, người ấy vẫn dùng hành tướng này lại tư duy về tướng khác.

Như duyên với Sắc uẩn, hành tướng Vô thường Đẳng vô gián duyên với Thọ uẩn, hành tướng Vô thường hiện rõ ở trước mắt; duyên với uẩn khác-hành tướng khác cũng như vậy.

3. Có lúc từ hành tướng rời ra mà cũng là sở duyên, đó là như có một người dùng hành tướng này tư duy về tướng này, lại dùng hành tướng khác tư duy về tướng khác.

Như duyên với Sắc uẩn, hành tướng Vô thường Đẳng vô gián duyên với Thọ uẩn, hành tướng Khổ hiện rõ ở trước mắt; duyên với uẩn khác-hành tướng khác cũng như vậy.

4. Có lúc không phải là từ hành tướng rời ra mà cũng không phải là sở duyên, đó là như có một người dùng hành tướng này tư duy về tướng này, an trú trải qua thời gian dài.

Như duyên với Sắc uẩn, hành tướng Vô thường chuyển đổi nối tiếp nhau trải qua thời gian dài hiện rõ trước mắt; duyên với uẩn khác- hành tướng khác cũng như vậy.

Như uẩn, không phải là uẩn cũng như vậy.

Như nói: "Tỳ kheo cho đến Định về Tưởng có thể thông hiểu tôn chỉ của bậc Thánh."

Hỏi: Đệ tử của Đức Thế Tôn sinh đến Phi tưởng phi phi tưởng xứ, ở đó dựa vào Định nào đạt được quả A-la-hán?

Đáp: Vô sở hữu xứ.

Hỏi: Vì sao soạn ra phần luận này?

Đáp: Bởi vì muốn làm cho người nghi ngờ có được quyết định.

Như trong kinh nói: "Có bảy nơi dựa vào Định, Ta nói dựa vào đó có thể trừ hết các lậu, đó là Tĩnh lự thứ nhất cho đến Vô sở hữu xứ." Lại trong kinh nói: "Tỳ kheo cho đến Định về Tưởng có thể thông hiểu tôn chỉ của bậc Thánh. Định về Tưởng, đó là bốn Tĩnh lự và ba Vô sắc; có thể thông hiểu tôn chỉ của bậc Thánh, đó là có thể khởi lên trí-đoạn phiền não, tu đạo-trừ hết lậu." Hoặc có người sinh lòng nghi ngờ như vậy: Phi tưởng phi phi tưởng xứ đã không có Thánh đạo, nếu đệ tử của Đức Thế Tôn sinh đến cõi ấy, thì dựa vào đâu có thể trừ hết các lậu, sẽ không có ai đạt được quả A-la-hán, không nhờ vào Thánh đạo của chủng loại ấy chăng? Bởi vì làm cho mối nghi này được quyết định, cho nên nói là họ dựa vào Vô sở hữu xứ đạt được quả A-la-hán.

Lại nữa, bởi vì ngăn chặn Luận giả Phân Biệt nói là đến cõi Hữu Đảnh có A-la-hán. Vị ấy nói đệ tử của Đức Thế Tôn sinh đến Phi tưởng phi phi tưởng xứ, vào lúc mạng chung thì phiền não-nghiệp-mạng, cả ba sự việc cùng lúc trừ hết, đạt được quả A-la-hán không nhờ vào Thánh đạo. Bởi vì ngăn chặn ý ấy, hiển bày về trừ hết chứ không phải là cùng lúc, nhất định phải nhờ vào Thánh đạo, cho nên soạn ra phần luận này.

Hỏi: Vì sao chỉ nói là dựa vào Vô sở hữu xứ, chứ không phải là nơi khác?

Đáp: Bởi vì nơi này gần gũi nhất với cõi Hữu Đảnh.

Hỏi: Sinh ở các địa dưới cũng có gần gũi với vô lậu của địa dưới, vì sao không nói dựa vào đó trừ hết lậu, mà chỉ nói là sinh ở cõi Hữu Đảnh?

Đáp: Trong các địa dưới có phiền não của địa mình, cho nên Thánh đạo của địa trên có thể dễ dàng hiện rõ trước mắt, chứ không phải là ở địa dưới. Nguyên cớ thế nào? Bởi vì pháp thiện hệ thuộc địa dưới đều đã rời bỏ, cho nên Thánh đạo khó khởi lên, vì vậy không có người nào khởi lên hiện rõ trước mắt; sinh ở cõi Hữu Đảnh thì không như vậy, địa mình không có Thánh đạo, lại không có địa trên có thể nương tựa, không thể nào không do Thánh đạo mà có thể trừ hết lậu. Vì thế cho nên địa dưới tuy khó mà lại khởi lên. Nhưng Thánh đạo ấy do lực của nhân mạnh mẽ chứ không phải là lực của gia hạnh, tạm thời khởi lên hiện rõ trước mắt đoạn phiền não còn lại, đạt được quả A-la-hán rồi, giả sử trú trong thọ lượng trải qua tám vạn

kiếp, rốt cuộc không dấy khởi trở lại, bởi vì không có tác dụng.

Như nói: "Tôn giả Đại Mục-kiền-liên nói: Này các vị, tôi tự nhớ lại lúc trú trong Định của Vô sở hữu xứ, nghe bên hồ Mạn-đà-chỉ-ni có tiếng gầm rống của rất nhiều voi chúa."

Hỏi: Tôn giả ấy là đang còn Định mà nghe, hay là rời khỏi Định?

Đáp: Rời khỏi Định mà nghe, không phải là đang còn Định.

Hỏi: Vì sao soạn ra phần luận này?

Đáp: Bởi vì làm cho người nghi ngờ có được quyết định. Như trong Tỳ-nại-da nói: "Tôn giả Đại Mục-kiền-liên nói với các Tỳ kheo rằng: Này các vị, tôi tự nhớ lại lúc ở núi Thứu Phong trú trong Định của Vô sở hữu xứ, nghe bên hồ Mạn-đà-chỉ-ni có tiếng gầm rống của rất nhiều voi chúa. Lúc ấy các Tỳ kheo cùng nói với nhau rằng: Nay Đại Mục- kiền-liên này tự nói mình đạt được pháp hơn người, chắc chắn không có điều này, cần phải cùng nhau chỉ trích. Nguyên cớ thế nào? Bởi vì người trú trong Tĩnh lự thứ nhất hãy còn không nghe tiếng, huống gì trú trong Định của Vô sở hữu xứ? Liền đem việc này thưa với Đức Phật. Lúc ấy Đức Phật bảo rằng: Các ông không nên chỉ trích Đại Mục-kiền- liên. Nguyên cớ thế nào? Bởi vì Đại Mục-kiền-liên như Tưởng mà nói." Trong Tỳ-nại-da tuy nói ra điều này mà không phân biệt, vì vậy hoặc có người nghi ngờ: Tôn giả ấy đang còn trong Định mà nghe tiếng. Bởi vì muốn làm cho mối nghi này được quyết định, hiển bày về Tôn giả ấy rời khỏi Định mà nghe tiếng, cho nên soạn ra phần luận này.

Hỏi: Các Thanh văn khác cũng biết đang còn trong Định thì không nghe tiếng, cho nên hãy còn không có ai nói đến điều này, huống gì Đại Mục-kiền-liên là Thanh văn thù thắng nhất, vì sao ở giữa chúng Tỳ kheo nói ra điều không nên nói?

Đáp: Có người nói: Điều này không nhất định phải thông hiểu. Nguyên cớ thế nào? Bởi vì đây là Tỳ-nại-da ngụy tạo, nghĩa là sau khi Đức Phật diệt độ có người đưa Tố-đát-lãm ngụy tạo vào trong Tố- đát-lãm, đưa Tỳ-nại-da ngụy tạo vào trong Tỳ-nại-da, đưa A-tỳ-đạt-ma ngụy tạo vào trong A-tỳ-đạt-ma, các văn cú ngụy tạo không cần phải giải thích thông suốt.

Có người nói: Biển Định rất sâu, Thanh văn như Thỏ không đến được đáy biển, chỉ có Đức Phật mới có năng lực thấu hiểu tận cùng, cho nên Tôn giả ấy tuy nói ra điều này mà cũng không có lỗi gì.

Hỏi: Tôn giả ấy lẽ nào không biết đang còn trong Định thì không nghe tiếng hay sao, vì sao nói ra lời nói như vậy?

Đáp: Tôn giả ấy tự tại đối với Định, tiến vào-rời ra vô cùng nhanh chóng, tuy rời khỏi Định mà nghe nhưng dấy lên Tưởng là trong Định. Nghĩa là Tôn giả ấy trước đó từ tâm thiện của cõi Dục tiến vào Tĩnh lự thứ nhất, từ Tĩnh lự thứ nhất tiến vào Tĩnh lự thứ hai, như vậy cho đến tiến vào Vô sở hữu xứ. Từ Vô sở hữu xứ rời ra lại tiến vào Thức xứ, như vậy cho đến tiến vào Tĩnh lự thứ nhất, từ đây tâm thiện của cõi Dục hiện rõ trước mắt, nghe tiếng của voi chúa không khởi lên phân biệt. Lại vẫn từ tâm thiện của cõi Dục tiến vào Tĩnh lự thứ nhất, từ Tĩnh lự thứ nhất tiến vào Tĩnh lự thứ hai, như vậy cho đến tiến vào Vô sở hữu xứ. Từ Vô sở hữu xứ rời ra lại tiến vào Thức xứ, như vậy cho đến tiến vào Tĩnh lự thứ nhất, từ đây tâm thiện của cõi Dục hiện rõ trước mắt, không phân biệt tường tận liền nói ra điều này: "Tôi tự nhớ lại lúc trú trong Định của Vô sở hữu xứ, nghe bên hồ Mạn-đà-chỉ-ni có tiếng gầm rống của rất nhiều voi chúa." Lúc ấy chỉ khởi lên phân biệt nhận biết đối với hai tâm, đó là tâm ban đầu tiến vào Định và tâm sau khi rời khỏi Định, đối với sự nối tiếp của các tâm trung gian ấy, không phân biệt tường tận cho nên nói ra điều này, cũng không có lỗi gì.

-oOo-

A TỲ ĐẠT MA ĐẠI TỲ BÀ SA LUẬN

QUYỂN 186

LUẬN VỀ NHẤT HÀNH (Phần 4)

Các hữu tình là Bất định thì tất cả hữu tình ấy, không phải là thông tuệ hướng đến Vô minh chăng? Cho đến nói rộng ra.

Hỏi: Vì sao soạn ra phần luận này?

Đáp: Bởi vì muốn phân biệt nghĩa lý trong kinh. Như trong kinh nói: "Các loại hữu tình, có loại là Định, có loại là Bất định, có loại thông tuệ hướng đến Minh, có loại không phải là thông tuệ hướng đến Vô minh." Trong kinh tuy nói ra điều này mà không phân biệt về tướng thâu nhiếp sai biệt. Kinh ấy là nơi nương tựa căn bản của luận này, điều gì trong kinh không nói, thì nay đều cần phải nói, cho nên soạn ra phần luận này.

Hỏi: Các hữu tình là Bất định thì tất cả hữu tình ấy, không phải là thông tuệ hướng đến Vô minh chăng?

Đáp: Các hữu tình Bất định thì tất cả hữu tình ấy, không phải là thông tuệ hướng đến Vô minh.

Có hữu tình không phải là thông tuệ hướng đến Vô minh, mà không phải là Bất định, đó là Tà định.

Hỏi: Các hữu tình là Định thì tất cả hữu tình ấy, là thông tuệ hướng đến Minh chăng?

Đáp: Các hữu tình thông tuệ hướng đến Minh, thì tất cả hữu tình ấy là Định.

Có hữu tình là Định mà hữu tình ấy, không phải là thông tuệ hướng đến Minh, đó là Tà định.

Trong này, không phải là thông tuệ, đó là dị sinh ngu dốt, bởi vì không có Thánh tuệ; thông tuệ, đó là các Thánh giả, bởi vì có Thánh tuệ. Vì sao biết như vậy? Bởi vì trong kinh nói.

Như trong kinh nói: "Đức Phật bảo với Tỳ kheo: Ý ông nghĩ thế nào? Các hữu tình nhận biết như thật đối với Khổ thánh đế, nhận biết như thật đối với Khổ-Tập thánh đế, nhận biết như thật đối với Khổ-Diệt thánh đế,

nhận biết như thật đối với hành hướng đến Khổ-Diệt thánh đế, hoặc có hữu tình đối với những điều này không nhận biết như thật, trong này nói loại nào là thông tuệ? Tỳ kheo thưa với Đức Phật: Như con hiểu về nghĩa Đức Phật đã nói, thì các hữu tình nhận biết như thật đối với Khổ thánh đế, cho đến nhận biết như thật đối với hành hướng đến Khổ-Diệt thánh đế thì gọi là người thông tuệ, chứ không phải là không nhận biết như thật.” Vì vậy cho nên biết Thánh giả là thông tuệ, dị sinh không phải là thông tuệ.

Thông tuệ thì hướng đến Minh, bởi vì là sở y của Minh; không phải là thông tuệ thì hướng đến Vô minh, bởi vì là sở y của Vô minh.

Các hữu tình là Bất định thì tất cả hữu tình ấy, không phải là thông tuệ hướng đến Vô minh, nghĩa là các hữu tình Bất định thì chắc chắn là dị sinh, bởi vì tất cả dị sinh đều thuộc về không phải là thông tuệ hướng đến Vô minh.

Có hữu tình không phải là thông tuệ hướng đến Vô minh, mà không phải là Bất định, đó là Tà định, nghĩa là các hữu tình Tà định cũng chắc chắn là dị sinh, bởi vì hữu tình ấy xác định thuộc về tánh Tà, cho nên không gọi là Bất định.

Các hữu tình thông tuệ hướng đến Minh, thì tất cả hữu tình ấy là Định, đó là các Thánh giả, bởi vì xác định thuộc về tánh Chánh, cho nên gọi là Định.

Hỏi: Các hữu tình là Bất định thì tất cả hữu tình ấy không thành tựu Đẳng giác chi chăng?

Đáp: Các hữu tình là Bất định thì tất cả hữu tình ấy không thành tựu Đẳng giác chi.

Có hữu tình không thành tựu Đẳng giác chi mà không phải là Bất định, đó là Tà định, bởi vì là dị sinh, bởi vì xác định thuộc về tánh Tà.

Hỏi: Các hữu tình là Định thì tất cả hữu tình ấy thành tựu Đẳng giác chi chăng?

Đáp: Các hữu tình thành tựu Đẳng giác chi, thì tất cả hữu tình ấy là Định.

Có hữu tình là Định mà không thành tựu Đẳng giác chi, đó là Tà định. Giải thích như trước.

Có ba tụ:

1. Tụ xác định là tánh Tà.
2. Tụ xác định là tánh Chánh.
3. Tụ không xác định.

Tụ xác định là tánh Tà, đó là thành tựu năm nghiệp vô gián. Tụ xác định là tánh Chánh, đó là thành tựu pháp Học-Vô học. Tụ không xác định, đó là chỉ thành tựu những pháp hữu lậu khác và Vô vi. Đó gọi là tự tánh của ba tụ.

Nói về Cõi, tụ xác định là tánh Tà thuộc về phần ít của một cõi, đó là cõi Dục; tụ xác định là tánh Chánh thuộc về phần ít của ba cõi, tụ không xác định cũng như vậy.

Nói về Nẻo, tụ xác định là tánh Tà thuộc về phần ít của một nẻo, đó là nẻo người; tụ xác định là tánh Chánh thuộc về phần ít của hai nẻo, đó là nẻo người và trời; tụ không xác định thuộc về toàn phần của ba nẻo, đó là địa ngục-bàng sinh-ngạ quỷ, phần ít của hai nẻo, đó là nẻo người và trời.

Nói về Sinh, tụ xác định là tánh Tà thuộc về phần ít của một sinh loại, đó là Thai sinh; tụ xác định là tánh Chánh thuộc về phần ít của hai sinh loại, đó là Thai sinh và Hóa sinh; tụ không xác định thuộc về toàn phần của hai sinh loại, đó là Noãn sinh và Thấp sinh, phần ít của hai sinh loại, đó là Thai sinh và Hóa sinh.

Có người nói: Tụ xác định là tánh Tà thuộc về phần ít của ba sinh loại, đó là trừ ra Hóa sinh; tụ xác định là tánh Chánh thuộc về phần ít của bốn sinh loại, tụ không xác định cũng như vậy.

Nói về Xứ, có người nói: Tụ xác định là tánh Tà thuộc về phần ít của ba Xứ; tụ xác định là tánh Chánh thuộc về toàn phần của năm Xứ, phần ít của hai mươi bốn Xứ; tụ không xác định thuộc về toàn phần của năm Xứ, phần ít của hai mươi bốn Xứ.

Nói như vậy thì các Hành có bốn mươi Xứ, tụ không xác định thuộc về toàn phần của mười một Xứ, phần ít của hai mươi bốn Xứ.

Phái Thí Dụ nói: Từ địa ngục vô gián cho đến cõi Hữu Đảnh đều có ba tụ. Họ nói pháp nhập Niết-bàn gọi là tụ xác định là tánh Chánh, pháp không nhập Niết-bàn gọi là tụ xác định là tánh Tà, không quyết định thì gọi là tụ không xác định.

Lời bình: Như cách nói trước là hợp lý.

Đây là dựa vào luận Tập Dị Môn mà nói. Nếu dựa vào luận Thi Thiết mà nói thì Tụ xác định là tánh Tà, đó là năm nghiệp vô gián, nếu Nhân ấy-Quả ấy-Đẳng lưu ấy-Dị thục ấy, và Bổ-đặc-già-la thành tựu pháp ấy. Tụ xác định là tánh Chánh, đó là pháp Học-Vô học, nếu Nhân ấy-Quả ấy-Đẳng lưu ấy, và Bổ-đặc-già-la thành tựu pháp ấy. Tụ không xác định, đó là những pháp khác, nếu Nhân ấy-Quả ấy-Đẳng lưu ấy-Dị thục ấy, và Bổ-đặc-già-la thành tựu pháp ấy. Đó gọi là tự tánh của ba tụ.

Nói về Cõi thì nói như trước.

Nói về Nẻo, tụ xác định là tánh Tà thuộc về phần ít của hai nẻo, đó là địa ngục và người; tụ xác định là tánh Chánh cũng thuộc về phần ít của hai nẻo, đó là người và trời; tụ không xác định thuộc về toàn phần của hai nẻo, đó là bàng sinh-ngạ quỷ, phần ít của ba nẻo, đó là địa ngục-người và trời.

Nói về Sinh, tụ xác định là tánh Tà thuộc về phần ít của hai sinh loại, đó là Thai sinh và Hóa sinh; tụ xác định là tánh Chánh thuộc về phần ít của bốn sinh loại; tụ không xác định cũng như vậy.

Xứ đã phân biệt, như thích hợp nên biết.

Trong Tỳ-nại-da nói: "Đức Thế Tôn ở dưới cội cây Bồ-đề, kiến lập tất cả hữu tình làm ba tụ, đó là đến bấy nhiêu gọi là Tà định tụ, đến bấy nhiêu gọi là Chánh định tụ, đến bấy nhiêu gọi là Bất định tụ."

Hỏi: Là dựa vào phạm vi của hữu tình mà kiến lập, hay là dựa vào phạm vi của pháp mà kiến lập? Nếu dựa vào hữu tình, thì vì sao không phải là đạt được giới hạn của biển rộng hữu tình? Nếu dựa vào pháp, thì Thanh văn cũng có thể kiến lập như vậy, Phật và Thanh văn có gì không giống nhau?

Đáp: Có người nói: Dựa vào hữu tình mà kiến lập.

Hỏi: Nếu như vậy thì vì sao không phải là đạt được giới hạn của biển rộng hữu tình?

Đáp: Đức Phật đạt được giới hạn của biển rộng hữu tình cũng không có lỗi gì, nhưng mà đạt được tướng chung chứ không phải là tướng riêng, nghĩa là tất cả hữu tình không ra ngoài bốn sinh loại như vậy mà đạt được.

Có người nói: Dựa vào pháp mà kiến lập.

Hỏi: Nếu như vậy thì Thanh văn cũng có thể kiến lập như vậy, Phật và Thanh văn có gì không giống nhau?

Đáp: Thanh văn nhờ vào Đức Phật mà nghe biết, Đức Phật không có Thầy mà tự mình có thể kiến lập, đây là điều không giống nhau.

Có người nói: Nếu ba ngàn thế giới và từ một ngàn năm đến nay thì dựa vào hữu tình mà kiến lập, nếu thế giới khác và thời gian khác thì dựa vào pháp mà kiến lập.

Hỏi: Nếu Đức Phật ở dưới cội cây Bồ-đề đã kiến lập hữu tình làm ba tụ, thì tại sao lại nói là ngày đêm sáu thời dùng Phật nhãn quán xét thế gian?

Đáp: Trước đó tuy kiến lập ba tụ mà chưa quán xét về phần vị sai biệt, loại nào ở lúc nào từ Tà định tụ tiến vào Bất định tụ, loại nào ở lúc nào

từ Bất định tụ tiến vào Tà định tụ hoặc là Chánh định tụ, muốn biết về điều này cho nên tiếp tục dùng Phật nhãn để quán sát suốt ngày đêm.

Có người nói: Bởi vì muốn hiển bày Đức Phật ở trong tất cả mọi lúc luôn luôn thích tư duy về việc làm lợi ích cho người khác.

Có người nói: Bởi vì muốn hiển bày về lòng Đại Bi của Đức Thế Tôn xông ướp trong tâm không hề mỏi mệt.

Tôn giả Thế Hữu nói rằng: "Có các hữu tình thường xuyên từ thế giới khác sinh đến cõi này, bởi vì trước đó chưa kiến lập, cho nên nay dùng Phật nhãn quán xét trở lại để kiến lập."

Tôn giả Giác Thiên nói rằng: "Đức Phật lấy pháp làm Thầy, bởi vì cần phải cung kính phụng sự đối với pháp, cho nên ngày đêm sáu thời dùng Phật nhãn để quán sát thế gian."

Tôn giả Diệu Âm nói rằng: "Đức Phật muốn hiển bày về những việc làm tỉ mỉ chính xác của mình, cho nên tuy kiến lập mà vẫn quán sát."

Hỏi: Các hữu tình thành tựu Đẳng giác chi thì hữu tình ấy thành tựu pháp vô lậu chăng?

Đáp: Các hữu tình thành tựu Đẳng giác chi thì hữu tình ấy thành tựu pháp vô lậu, bởi vì Đẳng giác chi là vô lậu.

Có hữu tình thành tựu pháp vô lậu mà không phải là Đẳng giác chi, đó là các dị sinh, bởi vì các dị sinh đều thành tựu Phi trạch diệt, cho nên tùy theo lìa nhiễm thuộc phẩm nào cũng thành tựu Trạch diệt.

Hỏi: Các hữu tình không thành tựu Đẳng giác chi thì hữu tình ấy không thành tựu pháp vô lậu chăng?

Đáp: Không có hữu tình nào không thành tựu pháp vô lậu, bởi vì chắc chắn thánh tựu Phi trạch diệt.

Có hữu tình không thành tựu Đẳng giác chi, đó là các dị sinh, bởi vì các dị sinh chắc chắn không thành tựu pháp hữu vi vô lậu.

Hỏi: Các hữu tình đạt được Đẳng giác chi thì hữu tình ấy đạt được pháp vô lậu chăng?

Đáp: Các hữu tình đạt được Đẳng giác chi thì hữu tình ấy đạt được pháp vô lậu.

Có hữu tình đạt pháp vô lậu mà không phải là Đẳng giác chi, đó là các dị sinh.

Hỏi: Đẳng giác chi nói là đạt được thì điều này có thể như vậy, bởi vì lúc tiến vào Chánh tánh ly sinh thì chưa từng đạt được mà đạt được; pháp vô lậu làm sao nói là đạt được, bởi vì không có hữu tình nào từ trước đến

nay không thành tựu Phi trạch diệt?

Đáp: Có người nói: Văn này chỉ cần nói là đạt được Đẳng giác chi, chứ không cần nói là đạt được pháp vô lậu.

Có người nói: Trong này, pháp vô lậu có hai phẩm, một là Giác chi, hai là Trạch diệt. Lúc tiến vào Chánh tánh ly sinh thì đạt được Giác chi, tùy theo lúc lìa nhiễm thuộc phẩm nào đạt được Trạch diệt, dị sinh đối với nhiễm do Kiến-Tu mà đoạn của tám địa, tùy theo lìa nhiễm thuộc phẩm nào đều đạt được Trạch diệt, cho nên đưa ra cách nói này.

Có người nói: Trong này, pháp vô lậu có ba phẩm, một là Giác chi, hai là Trạch diệt, ba là Phi trạch diệt. Lúc tiến vào Chánh tánh ly sinh thì đạt được Giác chi, tùy theo lúc lìa nhiễm thuộc phẩm nào đạt được Trạch diệt, tùy theo ở lúc nào đạt được Phi trạch diệt.

Hỏi: Lẽ nào không phải dị sinh vốn đều thành tựu Phi trạch diệt, vì sao nói là đạt được?

Đáp: Tuy vốn là thành tựu mà dựa vào trong phần vị thắng tiến cũng có thể nói đạt được; bởi vì như hoặc là dùng bố thí, hoặc là dùng trì giới, hoặc là dùng nghe biết, hoặc là dùng tư duy, hoặc là quán Bất tịnh-Trì tức niệm, hoặc là dùng Noãn-Đảnh-Nhẫn-Thế đệ nhất pháp…, khiến cho pháp của các nẻo ác đạt được Phi trạch diệt.

Lại nữa, nếu dùng chủng loại mà nói thì không nên nói là đạt được, nếu dùng sự việc sai biệt mà nói thì cũng có thể nói là đạt được, bởi vì trong từng sát-na tùy theo những sự việc ấy mà đạt được khác nhau.

Hỏi: Các hữu tình rời bỏ Đẳng giác chi thì hữu tình ấy rời bỏ pháp vô lậu chăng?

Đáp: Không có hoàn toàn rời bỏ Đẳng giác chi, cũng không có hoàn toàn rời bỏ pháp vô lậu, bởi vì chắc chắn không có Thánh giả trở lại làm dị sinh, cũng không có hữu tình nào không thành tựu Phi trạch diệt, nhưng không phải là không có nghĩa rời bỏ tùy theo từng phần, cho nên nói là không có hoàn toàn rời bỏ.

Hỏi: Các hữu tình lui sụt Đẳng giác chi thì hữu tình ấy lui sụt pháp vô lậu chăng?

Đáp: Không có hoàn toàn lui sụt Đẳng giác chi, cũng không có hoàn toàn lui sụt pháp vô lậu, nghĩa giải thích như trước.

Lại nữa, vì ngăn chặn Bộ phái Ma-ha Tăng-kỳ nói là quả Dự lưu có lui sụt, và ngăn chặn phái Thí Dụ không chấp nhận có pháp Phi trạch diệt, cho nên đưa ra cách nói này: Không có hoàn toàn rời bỏ-hoàn toàn lui sụt

Đẳng giác chi và pháp vô lậu.

Các pháp chưa đoạn thì pháp ấy chưa biết khắp chăng? Cho đến nói rộng ra.

Trong này, dựa vào hai loại biết khắp mà soạn luận:

1. Trí biết khắp.
2. Đoạn biết khắp.

Ở trong Trí biết khắp, có người nói: Chỉ là trí vô lậu Có người nói: Bao gồm trí hữu lậu-vô lậu.

Những người nói chỉ là trí vô lậu, đó nói lúc Hiện quán về Khổ, đối với năm pháp đã đoạn, do trí biết khắp cho nên gọi là biết khắp; đối với pháp do kiến Khổ mà đoạn, do đoạn biết khắp cho nên gọi là đoạn. Lúc Hiện quán về Tập cũng như vậy, sai biệt là nói về Đế của mình.

Lúc Hiện quán về Diệt, đối với Diệt đế, do trí biết khắp cho nên gọi là biết khắp; đối với pháp do kiến Diệt mà đoạn, do đoạn biết khắp cho nên gọi là đoạn. Lúc Hiện quán về Đạo cũng như vậy, sai biệt là nói về Đế của mình.

Trong Tu đạo, tùy theo khởi lên trí nào, đối với pháp tùy theo sở duyên nào, do trí biết khắp cho nên gọi là biết khắp; đối với pháp tùy theo sở đoạn nào, do đoạn biết khắp cho nên gọi là đoạn. Đây gọi là Tỳ-bà-sa tóm lược ở nơi này.

Hỏi: Các pháp chưa đoạn thì pháp ấy chưa biết khắp chăng?

Đáp: Các pháp chưa biết khắp thì pháp ấy chưa đoạn, bởi vì cần phải nhờ vào trí nhận biết thì mới có thể đoạn.

Có pháp chưa đoạn mà không phải là chưa biết khắp, đó là Khổ trí biết khắp bởi vì đã biết biết khắp, không phải là đoạn biết khắp bởi vì đã đoạn. Đây là nói Khổ trí đã sinh mà Tập trí chưa sinh, đối với bốn pháp đã đoạn do trí biết khắp bởi vì đã biết khắp, không phải là đoạn biết khắp bởi vì đã đoạn; Tập trí đã sinh mà Diệt trí chưa sinh, đối với ba pháp đã đoạn; Diệt trí đã sinh mà Đạo trí chưa sinh, đối với hai pháp đã đoạn; Đạo trí đã sinh mà chưa lìa nhiễm do Tu mà đoạn, đối với một pháp đã đoạn do trí biết khắp bởi vì đã biết khắp, không phải là đoạn biết khắp bởi vì đã đoạn. Ngay lúc ấy đã lìa nhiễm của cõi Dục mà chưa lìa nhiễm của địa trên, đối với pháp do Tu mà đoạn của cõi Sắc-Vô sắc; đã lìa nhiễm của cõi Sắc mà chưa lìa nhiễm của cõi trên, đối với pháp do Tu mà đoạn của cõi Vô sắc, do trí biết khắp bởi vì đã biết khắp, không phải là đoạn biết khắp bởi vì đã đoạn.

Hỏi: Các pháp đã đoạn thì pháp ấy đã biết khắp chăng?

Đáp: Các pháp đã đoạn thì pháp ấy đã biết khắp, đó là Khổ trí đã sinh mà Tập trí chưa sinh, đối với một pháp đã đoạn do trí biết khắp bởi vì đã biết khắp, đoạn biết khắp bởi vì đã đoạn; Tập trí đã sinh mà Diệt trí chưa sinh, đối với hai pháp đã đoạn; Diệt trí đã sinh mà Đạo trí chưa sinh, đối với ba pháp đã đoạn; Đạo trí đã sinh mà chưa lìa nhiễm do Tu mà đoạn, đối với bốn pháp đã đoạn do trí biết khắp bởi vì đã biết khắp, đoạn biết khắp bởi vì đã đoạn. Ngay lúc ấy đã lìa nhiễm của cõi Dục mà chưa lìa nhiễm của địa trên, đối với pháp do Kiến mà đoạn của ba cõi, và do Tu mà đoạn của cõi Dục; đã lìa nhiễm của cõi Sắc mà chưa lìa nhiễm của cõi trên, đối với pháp do Kiến mà đoạn của ba cõi, và pháp do Tu mà đoạn của cõi Dục-Sắc; Tận trí đã sinh, đối với pháp do Kiến-Tu mà đoạn của ba cõi, do trí biết khắp bởi vì đã biết khắp, đoạn biết khắp bởi vì đã đoạn.

Có pháp đã biết khắp mà không phải là đã đoạn, đó là Khổ trí biết khắp bởi vì đã biết khắp, không phải là đoạn biết khắp bởi vì đã đoạn. Đây là nói Khổ trí đã sinh mà Tập trí chưa sinh, đối với bốn pháp đã đoạn…, nói rộng ra như trên.

Những người nói trí biết khắp bao gồm trí hữu lậu-vô lậu, đó là nói đến phần vị căn thiện thuận phần quyết trạch, đối với năm pháp đã đoạn, do trí biết khắp cho nên gọi là biết khắp; không phải là đoạn biết khắp cho nên gọi là đoạn. Phần vị Kiến đạo-Tu đạo, nói như trước.

Hỏi: Lẽ nào không phải trong phần vị Niệm trú, đối với tất cả các pháp đã gọi là biết khắp hay sao?

Đáp: Tuy cũng gọi là biết khắp mà không phải là thắng tiến. Trong này nói đến thắng tiến, là nếu hành tướng cùng với Thánh đạo giống nhau thì gọi là thắng tiến.

Có người nói: Nếu Tuệ do Văn mà thành-do Tư mà thành-do Tu mà thành, nếu Noãn-Đảnh-Nhẫn-Thế đệ nhất pháp, thì đối với sự hữu lậu bởi vì biết khắp về tự tướng-cọng tướng, cho nên đều gọi là trí biết khắp. Đây gọi là Tỳ-bà-sa tóm lược ở nơi này.

Hỏi: Các pháp chưa đoạn thì pháp ấy chưa biết khắp chăng?

Đáp: Các pháp chưa biết khắp thì pháp ấy chưa đoạn, bởi vì trước phải đối với pháp ấy đạt được trí biết khắp, sau mới đối với pháp ấy đoạn biết khắp.

Có pháp chưa đoạn mà không phải là chưa biết khắp, đó là Khổ trí biết khắp bởi vì đã biết khắp, không phải là đoạn biết khắp bởi vì đã đoạn. Đây là nói đến phần vị căn thiện thuận phần quyết trạch đã sinh mà Kiến đạo chưa sinh, đối với năm pháp đã đoạn, do trí biết khắp bởi vì đã biết

khắp, không phải là đoạn biết khắp bởi vì đã đoạn, còn lại nói rộng ra như trên.

Hỏi: Các pháp đã đoạn thì pháp ấy đã biết khắp chăng?

Đáp: Các pháp đã đoạn thì pháp ấy đã biết khắp, câu này giải thích như trước.

Có pháp đã biết khắp mà không phải là đã đoạn, đó là Khổ trí biết khắp bởi vì đã biết khắp, không phải là đoạn biết khắp bởi vì đã đoạn. Đây là nói đến phần vị căn thiện thuận phần quyết trạch đã sinh…, nói rộng ra như trên.

Dị sinh tuy có đoạn mà không phải là đoạn biết khắp, vì thế cho nên không nói đến. Bởi vì không phải là do trí biết khắp mà chứng, trí biết khắp chỉ là hành tướng Thánh.

Các hữu tình ở đời này mắt không nhìn thấy sắc, người ấy dựa vào pháp nào dẫn dắt phát khởi Thiên nhãn? Cho đến nói rộng ra.

Hỏi: Vì sao soạn ra phần luận này?

Đáp: Bởi vì muốn làm cho người nghi ngờ có được quyết định. Như trong luận Thi Thiết nói: "Tử sinh trí chứng thông là gia hạnh như thế nào, làm sao dẫn dắt phát khởi Tử sinh trí chứng thông? Đó là người bắt đầu sự nghiệp tu tập, đối với Tam-ma-địa thế tục, đã khéo léo tu tập, khéo léo đạt được tự tại, khiến cho khởi lên hiện rõ trước mắt. Bởi vì muốn dẫn dắt phát khởi Thiên nhãn thông, cho nên trước tiên giữ lấy tướng khuôn mặt trong gương sáng, hoặc là các tướng ánh sáng của mặt trời-mặt trăng-tinh tú-cỏ thuốc-đèn đuốc-ngọc ma ni, hoặc là tướng rừng rực bốc lên của đống lửa lớn đốt cháy các thành ấp lan rộng ra nhiều Du-thiện-na. Giữ lấy tướng này rồi, nhờ vào lực tác ý tưởng tượng, ở giai đoạn không nhìn thấy có thể khởi lên ánh sáng, thắng giải nối tiếp nhau dẫn dắt phát khởi Thiên nhãn. Có lúc ngay nơi Nhãn xứ bình thường vốn có đại chủng sở tạo của cõi Sắc, Thiên nhãn thanh tịnh khởi lên có thể nhìn thấy các sắc như đẹp-như xấu…" Hoặc có người sinh lòng nghi ngờ như vậy: Các hữu tình ở đời này mắt không nhìn thấy sắc, người ấy sẽ không có thể dẫn dắt phát khởi Thiên nhãn chăng? Bởi vì muốn làm cho mối nghi này được quyết định, hiển bày tuy ở đời này mắt không nhìn thấy sắc mà người ấy cũng có thể dẫn dắt phát khởi Thiên nhãn, cho nên soạn ra phần luận này.

Lại trong luận Thi Thiết nói: "Thiên nhĩ trí chứng thông là gia hạnh như thế nào, làm sao dẫn dắt phát khởi Thiên nhĩ trí chứng thông? Đó là người bắt đầu sự nghiệp tu tập, đối với Tam-ma-địa thế tục, đã khéo léo tu tập, khéo léo đạt được tự tại, khiến cho khởi lên hiện rõ trước mắt. Bởi vì

muốn dẫn dắt phát khởi Thiên nhĩ thông, cho nên trước tiên giữ lấy âm thanh của voi-ngựa-xe cộ, hoặc là các âm thanh như chuông-trống-tù và-tiêu-địch-ca ngâm-tán tụng, hoặc là âm thanh do tập hợp của bốn Đại va chạm lẫn nhau mà phát ra. Cố gắng giữ lấy tướng của các âm thanh này rồi, nhờ vào lực tác ý tưởng tượng, vào lúc lìa xa tai nghe có thể khởi lên các âm thanh, thắng giải nối tiếp nhau dẫn dắt phát khởi Thiên nhĩ. Có lúc ngay nơi Nhĩ xứ bình thường vốn có đại chủng sở tạo của cõi Sắc, Thiên nhĩ thanh tịnh khởi lên có thể nghe được các âm thanh của loài người hoặc là loài Phi nhân…" Vì vậy lại có người sinh lòng nghi ngờ như vậy: Các hữu tình ở đời này tai không nghe được âm thanh, người ấy sẽ không có thể dẫn dắt phát khởi Thiên nhĩ chăng? Bởi vì muốn làm cho mối nghi này được quyết định, hiển bày tuy ở đời này tai không nghe được âm thanh mà người ấy cũng có thể dẫn dắt phát khởi Thiên nhĩ, cho nên soạn ra phần luận này.

Hỏi: Các hữu tình ở đời này mắt không nhìn thấy sắc, người ấy dựa vào pháp nào dẫn dắt phát khởi Thiên nhãn?

Đáp: Như có một người đạt được tự tánh sinh niệm, trước đây trong đời khác mắt đã từng nhìn thấy sắc, người ấy dựa vào đây cho nên dẫn dắt phát khởi Thiên nhãn.

Hỏi: Các hữu tình ở đời này tai không nghe được âm thanh, người ấy dựa vào pháp nào dẫn dắt phát khởi Thiên nhĩ?

Đáp: Như có một người đạt được tự tánh sinh niệm, trước đây trong đời khác tai đã từng nghe âm thanh, người ấy dựa vào đây cho nên dẫn dắt phát khởi Thiên nhĩ.

Hỏi: Các hữu tình đạt được Túc trú tùy niệm trí, cũng có thể dẫn dắt phát khởi Thiên nhãn-Thiên nhĩ, vì sao trong này không nói?

Đáp: Cần phải nói mà không nói đến, thì nên biết là nghĩa này có khác.

Có người nói: Nếu đối với người sinh ra mù khởi lên Thiên nhãn, người sinh ra điếc khởi lên Thiên nhĩ, cả hai có thể dẫn dắt phát khởi thì trong này nói đến; Túc trú tùy niệm trí, chỉ có thể dẫn dắt phát khởi Thiên nhãn thuộc loại ấy chứ không phải là Thiên nhĩ. Nguyên cớ thế nào? Bởi vì những người sinh ra điếc không có Túc trú tùy niệm trí, bởi vì trí này sinh khởi chủ yếu là nhờ vào người khác chỉ dạy, vì vậy không nói đến.

Hỏi: Vì sao Thiên nhãn chỉ có ở bốn Tĩnh lự Căn bản chứ không phải là địa Cận phần?

Đáp: Bởi vì không phải là ruộng đất của nó, không phải là đồ đựng của nó, cho đến nói rộng ra.

Lại nữa, nếu địa có Tam-ma-địa là sở y của Thông thì có Thiên nhãn, địa Cận phần không có Tam-ma-địa là sở y của Thông cho nên không có Thiên nhãn.

Lại nữa, nếu địa có Tam-ma-địa do Chi thâu nhiếp thì có Thiên nhãn, địa Cận phần thì không như vậy.

Có người nói: Nếu địa có vui thích thần thông mà hành đạo (lạc thông hành đạo) thì có Thiên nhãn, địa Cận phần thì không như vậy.

Như vậy, Thiên nhãn hoặc nói là chỉ có một, đó là Thiên nhãn. Hoặc nói là hai, đó là đã từng đạt được-chưa từng đạt được.

Hoặc nói là ba, đó là Hạ-Trung-Thượng. Hoặc nói là bốn, đó là quả thuộc bốn Tĩnh lự.

Hoặc nói là sáu, đó là Hạ-Trung-Thượng đều có đã từng đạt được-chưa từng đạt được.

Hoặc nói là tám, đó là quả thuộc bốn Tĩnh lự đều có đã từng đạt được-chưa từng đạt được.

Hoặc nói là chín, đó là Hạ Hạ cho đến Thượng Thượng.

Hoặc nói là mười hai, đó là quả thuộc bốn Tĩnh lự đều có Hạ- Trung-Thượng.

Hoặc nói là mười tám, đó là Hạ Hạ cho đến Thượng Thượng đều có đã từng đạt được-chưa từng đạt được.

Hoặc nói là hai mươi bốn, đó là quả thuộc bốn Tĩnh lự đều có sáu loại ở trước.

Hoặc nói là ba mươi hai, đó là mười sáu loại do sinh đạt được, và mười sáu loại do tu đạt được.

Có người nói: Quả thuộc bốn Tĩnh lự đều có Hạ-Trung-Thượng là mười hai, lại đều có quả thuộc về năm phẩm tu xen lẫn Tĩnh lự là hai mươi, thì gọi là ba mươi hai.

Hoặc nói là ba mươi sáu, đó là quả thuộc bốn Tĩnh lự đều có Hạ Hạ cho đến Thượng Thượng.

Hoặc nói là bảy mươi hai, đó là bốn Tĩnh lự đều có mười tám loại ở trước.

Nếu dùng sự nối tiếp nhau và sát-na thì có vô lượng, nay chỉ nói chung về một Thiên nhãn; như Thiên nhãn, Thiên nhĩ cũng như vậy.

Hỏi: Vì sao có Thiên nhãn-Thiên nhĩ không Đồng phần hiện rõ ở trước mắt, mà không có Thiên tỷ-thiệt-thân không Đồng phần hiện rõ ở trước mắt?

Đáp: Nhãn căn-Nhĩ căn giữ lấy cảnh không đến, bởi vì muốn thấy xa-nghe xa cho nên khởi lên Thiên nhãn-Thiên nhĩ không Đồng phần hiện rõ trước mắt, Tỷ-Thiệt-Thân căn chỉ giữ lấy cảnh đến, đối với không Đồng phần không có tác dụng riêng biệt, cho nên không khởi lên hiện rõ trước mắt.

Có người nói: Nếu khởi lên Tỷ căn-Thiệt căn không Đồng phần hiện rõ ở trước mắt, thì bị thế gian giễu cợt: Vì sao người này lại có hai mũi-hai lưỡi? Nếu có Thân căn không Đồng phần hiện rõ ở trước mắt, thì thế gian cũng giễu cợt: Vì sao người này có hai thân như người sinh đôi vậy? Vì thế cho nên Tỷ-Thiệt-Thân căn không có không Đồng phần.

Lại nữa, Thiên nhãn bên trái-bên phải thì phẩm loại mạnh-yếu chắc chắn giống nhau, nghĩa là không phải bên trái yếu-bên phải mạnh…

Lại nữa, lúc hiện rõ trước mắt chắc chắn đều đầy đủ, không có đui-không có chột cũng không có rối loạn và Bỉ đồng phần. Còn lại nói rộng ra như trong phẩm luận về Xúc ở chương Căn Uẩn.

Hỏi: Vì sao lúc dị sinh lui sụt thì tăng thêm kiết do Kiến-Tu mà đoạn, lúc đệ tử của Đức Thế Tôn lui sụt thì chỉ tăng thêm kiết do Tu mà đoạn?

Đáp: Bởi vì dị sinh dùng đạo này để đoạn kiết do Kiến mà đoạn, vẫn dùng đạo này để đoạn kiết do Tu mà đoạn, cho nên lúc họ lui sụt thì hai kiết đều tăng thêm; đệ tử của Đức Thế Tôn dùng đạo này để đoạn kiết do Kiến mà đoạn, họ đối với đạo này nhất định không lui sụt, dùng đạo khác để đoạn kiết do Tu mà đoạn, họ đối với đạo khác có lúc lui sụt-có lúc không lui sụt. Giả sử đệ tử của Đức Thế Tôn dùng đạo này để đoạn kiết do Kiến mà đoạn, vẫn dùng đạo này để đoạn kiết do Tu mà đoạn thì họ cũng không có lui sụt.

Hỏi: Vì sao soạn ra phần luận này?

Đáp: Bởi vì ngăn chặn ý gạt bỏ không có tánh lui sụt, hiển bày thật có lui sụt, cho nên soạn ra phần luận này. Trong này, các pháp đạt được (chư đắc) dùng tên gọi tăng thêm (tăng ích) mà nói đến sự tích tập sinh ra, cho nên có nơi nói đạt được gọi là gần sinh ra (cận sinh), bởi vì gần sinh ra pháp ấy. Như luận Thi Thiết nói: "Dị sinh khởi lên tùy miên Dục tham thì có năm pháp khởi lên:

1. Tùy miên Dục tham.
2. Tùy miên Dục tham gần sinh ra.
3. Tùy miên Vô minh.
4. Tùy miên Vô minh gần sinh ra.
5. Trạo cử."

Trong này, dị sinh dùng đạo này để đoạn kiết do Kiến mà đoạn, vẫn dùng đạo này để đoạn kiết do Tu mà đoạn, đó là dùng đạo thuộc chín phẩm để cùng lúc đoạn kiết do Kiến-Tu mà đoạn, cho nên lúc họ lui sụt thì hai kiết đạt được cùng lúc khởi lên. Đệ tử của Đức Thế Tôn dùng đạo này để đoạn kiết do Kiến mà đoạn, đó là dùng đạo thuộc một phẩm để đoạn kiết do Kiến mà đoạn, họ đối với đạo này nhất định không lui sụt; dùng đạo khác để đoạn kiết do Tu mà đoạn, đó là dùng đạo thuộc chín phẩm để đoạn kiết do Tu mà đoạn, họ đối với đạo khác có lúc lui sụt-có lúc không lui sụt. Giả sử đệ tử của Đức Thế Tôn dùng đạo này để đoạn kiết do Kiến mà đoạn, vẫn dùng đạo này để đoạn kiết do Tu mà đoạn thì họ cũng không có lui sụt, đó là giả sử dùng đạo thuộc một phẩm để cùng lúc đoạn kiết do Kiến-Tu mà đoạn thì họ cũng không có lui sụt, bởi vì đệ tử của Đức Thế Tôn chắc chắn không lui sụt đối với kiết do Kiến mà đoạn, cho nên không có thể cùng lúc đoạn mà lui sụt khác nhau. Vả lại, đệ tử của Đức Phật trước đây là dị sinh thì dùng đạo thuộc chín phẩm để cùng lúc đoạn kiết do Kiến-Tu mà đoạn, nay cũng không lui sụt bởi vì hai đạo đã trấn giữ.

Lại nữa, dị sinh dùng Tu đạo để cùng lúc đoạn kiết do Kiến-Tu mà đoạn, cho nên lúc họ lui sụt thì hai kiết đạt được cùng lúc khởi lên; đệ tử của Đức Thế Tôn dùng Kiến đạo để đoạn kiết do Kiến mà đoạn, họ đối với đạo này chắc chắn không lui sụt, dùng Tu đạo để đoạn kiết do Tu mà đoạn, họ đối với đạo này có lúc lui sụt-có lúc không lui sụt. Phần còn lại nói như trước.

Lại nữa, dị sinh dùng Trí để cùng lúc đoạn kiết do Kiến-Tu mà đoạn, cho nên lúc họ lui sụt thì hai kiết đạt được cùng lúc khởi lên; đệ tử của Đức Thế Tôn dùng Nhẫn để đoạn kiết do Kiến mà đoạn, họ đối với đạo này chắc chắn không lui sụt, dùng Trí để đoạn kiết do Tu mà đoạn, họ đối với đạo này có lúc lui sụt-có lúc không lui sụt. Phần còn lại nói như trước.

Lại nữa, dị sinh không quán về Đế để cùng lúc đoạn kiết do Kiến- Tu mà đoạn, cho nên lúc họ lui sụt thì hai kiết đạt được cùng lúc khởi lên; đệ tử của Đức Thế Tôn quán về Đế để đoạn kiết do Kiến mà đoạn, họ đối với đạo này chắc chắn không lui sụt, hoặc là quán về Đế-hoặc là không quán về Đế để đoạn kiết do Tu mà đoạn, họ đối với đạo này có lúc lui sụt-có lúc không lui sụt. Phần còn lại nói như trước.

Lại nữa, dị sinh dùng đạo khởi lên-không khởi lên để cùng lúc đoạn kiết do Kiến-Tu mà đoạn, cho nên lúc họ lui sụt thì hai kiết đạt được cùng lúc khởi lên; đệ tử của Đức Thế Tôn dùng đạo không khởi lên để đoạn kiết do Kiến mà đoạn, họ đối với đạo này chắc chắn không lui sụt, dùng đạo

khởi lên-không khởi lên để đoạn kiết do Tu mà đoạn, họ đối với đạo này có lúc lui sụt-có lúc không lui sụt. Phần còn lại nói như trước.

Lại nữa, dị sinh dùng đạo không mạnh mẽ sắc bén để cùng lúc đoạn kiết do Kiến-Tu mà đoạn, cho nên lúc họ lui sụt thì hai kiết đạt được cùng lúc khởi lên; đệ tử của Đức Thế Tôn dùng đạo mạnh mẽ sắc bén để đoạn kiết do Kiến mà đoạn, họ đối với đạo này chắc chắn không lui sụt, dùng đạo không mạnh mẽ sắc bén để đoạn kiết do Tu mà đoạn, họ đối với đạo này có lúc lui sụt-có lúc không lui sụt. Phần còn lại nói như trước.

Có người nói: Dị sinh dùng đạo hữu lậu để cùng lúc đoạn kiết do Kiến-Tu mà đoạn, cho nên lúc họ lui sụt thì hai kiết đạt được cùng lúc khởi lên; đệ tử của Đức Thế Tôn dùng đạo vô lậu để đoạn kiết do Kiến mà đoạn, họ đối với đạo này chắc chắn không lui sụt, dùng đạo hữu lậu-vô lậu để đoạn kiết do Tu mà đoạn, họ đối với đạo này có lúc lui sụt-có lúc không lui sụt. Nhưng đó là nói dùng đạo vô lậu để đoạn thì quyết định là không lui sụt.

Hỏi: Nếu như vậy thì lẽ ra không có ai lui sụt quả A-la-hán, bởi vì kiết của cõi Hữu Đảnh chỉ do đạo vô lậu mà đoạn?

Đáp: Nếu A-la-hán trước đây dùng đạo hữu lậu để đoạn kiết do Tu mà đoạn của tám địa dưới, thì họ có thể có lui sụt, bởi vì Căn bản không vững chắc. Nếu trước đây dùng đạo vô lậu để đoạn kiết do Tu mà đoạn của tám địa dưới, thì họ chắc chắn không lui sụt, bởi vì Căn bản vững chắc.

Hỏi: Vì sao không có ai lui sụt Kiến đạo?

Đáp: Bởi vì Căn bản vững chắc. Thế nào là Căn bản? Đó là người cầu giải thoát vốn có hoặc là bố thí, hoặc là trì giới, hoặc là tu tập, hoặc là quản lý sự việc của Phật-Pháp-Tăng, hoặc là chu cấp chăm sóc cho người già-người bệnh, hoặc là đọc tụng Thánh giáo giải thích rõ ràng cho người khác tác ý đúng như lý, hoặc là tu về quán Bất tịnh-Trì tức niệm-Niệm trú, ba Nghĩa quán-bảy Xứ thiện, Noãn-Đảnh-Nhẫn-Thế đệ nhất pháp, như vậy đều gọi là Căn bản của Kiến đạo.

Có người nói: Kiến đạo mạnh mẽ sắc bén nhanh nhạy có thể dùng đạo thuộc một phẩm để đoạn trừ kiết thuộc chín phẩm, vì thế cho nên không lui sụt.

Có người nói: Kiến đạo chỉ có một sát-na Nhẫn-Trí hiện rõ trước mắt, vì thế cho nên không lui sụt.

Có người nói: Nếu Kiến đạo có lui sụt thì Phạm hạnh đã tu không có thể bảo đảm tin tưởng, bởi vì lui sụt Kiến đạo cho nên làm dị sinh.

Hỏi: Đã nói Thánh giả dùng đạo khác để đoạn kiết do Tu mà đoạn,

họ đối với đạo khác có lúc lui sụt-có lúc không lui sụt, thì ai lui sụt-ai không lui sụt?

Đáp: Thời giải thoát thì lui sụt, Bất động pháp thì không lui sụt. Lại nữa, người độn căn thì lui sụt, người lợi căn thì không lui sụt.

Lại nữa, lực của nhân bên trong đoạn thì không lui sụt, lực của duyên bên ngoài đoạn thì lui sụt.

Có người nói: Quán Bất tịnh làm gia hạnh để đoạn thì lui sụt, Trì tức niệm làm gia hạnh để đoạn thì không lui sụt.

Có người nói: Nếu dùng đạo thế tục để đoạn kiết do Tu mà đoạn của tám địa dưới thì có lui sụt, nếu dùng đạo xuất thế để đoạn thì không lui sụt; ví như lầu đài, nền móng không an toàn thì có thể sụp đổ, vững chắc thì không như vậy.

Hỏi: Vì sao ba quả trên có lui sụt chứ không phải là quả Dự lưu?

Đáp: Kiết do Tu mà đoạn, dựa vào sự việc có mà khởi lên, đó là có tướng Tịnh, có tướng Bất tịnh, lúc ấy do tác ý phi lý quán về tướng Tịnh, liền lui sụt đối với Tưởng về Bất tịnh; kiết do Kiến mà đoạn, dựa vào sự việc không có mà khởi lên, không có một pháp nào là Ngã-Ngã sở, có thể làm cho quán ấy lui sụt đối với Kiến về Vô ngã.

Hỏi: Vì sao soạn ra phần luận này?

Đáp: Muốn ngăn chặn Bộ phái Ma-ha Tăng-kỳ nói là quả Dự lưu có lui sụt, hiển bày về quả Dự lưu quyết định không có lui sụt, cho nên soạn ra phần luận này.

Kiết do Tu mà đoạn, dựa vào sự việc có mà khởi lên, đó là do chấp lấy lông-tóc-móng-răng… không phải là không có phần ít tướng Tịnh của thế gian, nếu lúc tác ý phi lý tư duy điều này thì sẽ lui sụt Tưởng về Bất tịnh đã tu, khởi lên kiết do Tu mà đoạn mà trước đây đã đoạn; kiết do Kiến mà đoạn, dựa vào sự việc không có mà khởi lên, đó là do chấp lấy tướng của Ngã-Ngã sở hoàn toàn không có. Như trong kinh nói: "Pháp không có tác dụng cũng không có hữu tình, mạng sống- nuôi dưỡng, Bổ-đặc-già-la, tạo tác-nhận lấy, chỉ là tập hợp trong các hành không có Ngã, như dùng nắm tay trống rỗng gạt gẫm các trẻ thơ, người trí hiểu rõ ràng như trông thấy bàn tay xòe ra, cho nên thấy Vô ngã rồi nhất định không có lui sụt." Vì vậy không có ai lui sụt mất đi quả Dự lưu.

Lúc lui sụt ba quả trên, các Căn-Lực-Giác chi-Đạo chi vô lậu đã đạt được…, cho đến nói rộng ra.

Hỏi: Vì sao soạn ra phần luận này?

Đáp: Bởi vì ngăn chặn Tôn giả Thiết-ma-đạt-đa nói rằng: "Lúc lui sụt quả A-la-hán, chỉ đạt được pháp Học mà trước đây đã rời bỏ thuộc vị lai, chứ không đạt được thuộc quá khứ. Nguyên cớ thế nào? Bởi vì lúc ấy hoàn toàn không hiện rõ trước mắt." Nay muốn hiển bày lúc lui sụt quả A-la-hán, đạt được pháp Học mà trước đây đã rời bỏ thuộc quá khứ-vị lai, quá khứ tuy không có thể hiện rõ trước mắt mà có thể thành tựu. Bởi vì nhân duyên này, cho nên soạn ra phần luận này.

Hỏi: Lúc lui sụt ba quả trên, các Căn-Lực-Giác chi-Đạo chi vô lậu đã đạt được, nên nói đã từng đạt được mà đạt được (tằng đắc đắc), hay là chưa từng đạt được mà đạt được?

Đáp: Nên nói là đã từng đạt được mà đạt được, đó là trước đây đạt được quả thì rời bỏ, cho nên nay lui sụt thì trở lại đạt được, bởi vì các Thánh đạo chưa từng đạt được chỉ đạt được vào lúc thắng tiến.

Lúc ở cõi Vô sắc chết đi-sinh ở cõi Dục, thì các Uẩn-Giới-Xứ đã đạt được…, cho đến nói rộng ra.

Hỏi: Vì sao soạn ra phần luận này?

Đáp: Cũng bởi vì ngăn chặn Tôn giả Thiết-ma-đạt-đa nói rằng: "Lúc ở cõi Vô sắc chết đi-sinh ở cõi Dục, chỉ đạt được pháp mà trước đây đã rời bỏ thuộc vị lai, chứ không đạt được thuộc quá khứ. Nguyên cớ thế nào? Bởi vì lúc ấy hoàn toàn không hiện rõ trước mắt." Nay muốn hiển bày lúc ở cõi Vô sắc chết đi-sinh ở cõi Dục, đạt được pháp mà trước đây đã rời bỏ thuộc quá khứ-vị lai, cho nên soạn ra phần luận này.

Nếu không như vậy, thì từ cõi Vô sắc chết đi-sinh ở cõi Dục, lúc bắt đầu tiến vào thai (kiết sinh), chỉ cần thành tựu sinh tử của hai đời, nhưng không có hữu tình nào chỉ thành tựu sinh tử của hai đời, bởi vì quyết định thành tựu pháp hữu lậu của ba đời.

Hỏi: Lúc ở cõi Vô sắc chết đi-sinh ở cõi Dục, thì các Uẩn-Giới- Xứ, căn thiện-bất thiện-vô ký, kiết-phược-tùy miên-tùy phiền não-triền đã đạt được, nên nói là đã từng đạt được mà đạt được, hay là chưa từng đạt được mà đạt được?

Đáp: Nên nói là pháp thiện-nhiễm ô đã từng đạt được mà đạt được, pháp dị thục chưa từng đạt được mà đạt được.

Pháp thiện-nhiễm ô đã từng đạt được mà đạt được, thiện đó là bốn uẩn thiện do sinh đạt được.

Có người nói: Cũng đạt được bốn uẩn do luyện tập thành thục về Văn-Tư mà thành.

Các pháp thiện này trước đây do vượt qua cõi-địa cho nên rời bỏ, nay trở lại cõi-địa cho nên đạt được. Nhiễm ô, đó là bốn uẩn bất thiện- hữu phú vô ký, pháp nhiễm ô này trước đây do lìa nhiễm cho nên rời bỏ, nay trở lại cõi-địa cho nên đạt được.

Hỏi: Bốn uẩn thuộc Oai nghi lộ-Công xảo xứ luyện tập thành thục thì cũng sẽ đạt được, vì sao không nói?

Đáp: Cần phải nói mà không nói đến thì nên biết là nghĩa này có khác.

Có người nói: Trong pháp vô phú vô ký thì phần nhiều không đạt được, đó là toàn phần của Dị thục sinh-Thông quả và phần ít của pháp khác, cho nên tuy đạt được ít mà cũng không nói đến.

Có Sư khác nói: Luyện tập thành thục cũng không đạt được, bởi vì yếu kém.

Pháp dị thục chưa từng đạt được mà đạt được, đó là từ vô thỉ đến nay chưa từng đạt được, bởi vì chỉ thành tựu hiện tại.

Hỏi: Nuôi lớn các uẩn cũng chưa từng đạt được mà đạt được, vì sao không nói?

Đáp: Cần phải nói mà không nói đến thì nên biết là nghĩa này có khác.

Lại nữa, nếu nói đến dị thục thì nên biết là cũng đã nói đến nuôi lớn, bởi vì nuôi lớn phòng hộ cho dị thục, như người tiếp theo người, như tường tiếp theo tường, nhất định phải theo nhau, cho nên lúc bấy giờ cũng có pháp Đẳng lưu chưa từng đạt được mà đạt được; như tánh dị sinh… bởi vì phần ít cho nên không nói đến.

Hỏi: Lúc ở cõi Vô sắc chết đi-sinh ở cõi Sắc thì các Uẩn-Giới-Xứ, căn thiện-vô ký, kiết-phược-tùy miên-tùy phiền não-triền đã đạt được, nên nói là đã từng đạt được mà đạt được, hay là chưa từng đạt được mà đạt được?

Đáp: Nên nói là pháp thiện-nhiễm ô đã từng đạt được mà đạt được, pháp dị thục chưa từng đạt được mà đạt được.

Pháp thiện-nhiễm ô đã từng đạt được mà đạt được, thiện đó là bốn uẩn thiện do sinh đạt được, năm uẩn thiện do gia hạnh. Các pháp thiện này trước đây do vượt qua cõi-địa cho nên rời bỏ, nay trở lại cõi-địa cho nên đạt được. Nhiễm ô, đó là bốn uẩn hữu phú vô ký, pháp nhiễm ô này trước đây do lìa nhiễm cho nên rời bỏ, nay trở lại cõi-địa cho nên đạt được. Trong pháp vô phú vô ký thì bốn uẩn Thông quả cũng đã từng đạt được mà được, bởi vì phần ít cho nên không nói. Nuôi lớn và Đẳng lưu, giải thích như

trước.

Lúc ở cõi Sắc chết đi-sinh vào cõi Dục thì các Uẩn-Giới-Xứ…đã đạt được, nói như lúc ở cõi Vô sắc chết đi-sinh ở cõi Dục, trong câu này giải thích cũng như trước nên biết!

Hỏi: Dựa vào Tĩnh lự thứ nhất, lúc dẫn dắt phát khởi Thần cảnh thông đạo, lúc ấy đi xa nhất là đến nơi nào?

Đáp: Cho đến cõi Phạm Thế.

Hỏi: Dựa vào Tĩnh lự thứ nhất, lúc dẫn dắt phát khởi Thiên nhĩ thông đạo, lúc ấy nghe xa nhất là âm thanh hệ thuộc nơi nào?

Đáp: Cho đến cõi Phạm Thế.

Hỏi: Dựa vào Tĩnh lự thứ nhất, lúc dẫn dắt phát khởi Tha tâm thông đạo, lúc ấy biết xa nhất là tâm - tâm sở pháp hệ thuộc nơi nào?

Đáp: Cho đến cõi Phạm Thế.

Hỏi: Dựa vào Tĩnh lự thứ nhất, lúc dẫn dắt phát khởi Túc trú tùy niệm thông đạo, lúc ấy nhớ xa nhất là sự việc ở đời trước hệ thuộc nơi nào?

Đáp: Cho đến cõi Phạm Thế.

Hỏi: Dựa vào Tĩnh lự thứ nhất, lúc dẫn dắt phát khởi Thiên nhãn thông đạo, lúc ấy thấy xa nhất là cảnh sắc hệ thuộc nơi nào?

Đáp: Cho đến cõi Phạm Thế.

Như dựa vào Tĩnh lự thứ nhất, cho đến dựa vào Tĩnh lự thứ tư, đều tùy theo nơi chốn của mình nói rộng ra cũng như vậy.

Hỏi: Vì sao soạn ra phần luận này?

Đáp: Bởi vì muốn làm cho người nghi ngờ có được quyết định. Như trong Tố-đát-lãm và Tỳ-nại-da nói: "Đầy đủ thần thông thì thân tự tại di chuyển cho đến cõi Phạm Thế." Hoặc có người sinh lòng nghi ngờ như vậy: Thần thông tự tại chỉ đến cõi Phạm Thế chứ không phải là địa trên? Bởi vì muốn làm cho mối nghi này được quyết định, nói là cho đến dựa vào Tĩnh lự thứ tư mà khởi lên thần thông, thân tự tại di chuyển cho đến cõi Quảng Quả hoặc là cõi trời Sắc Cứu Cánh, cho nên soạn ra phần luận này.

Hỏi: Nếu như vậy thì trong Tố-đát-lãm và Tỳ-nại-da nói nên hiểu thế nào?

Đáp: Nếu nơi nào có Thân biểu của địa mình thì Đức Thế Tôn nói đến, Tĩnh lự thứ hai trở lên không có Thân biểu của địa mình, vì vậy không nói đến.

Có người nói: Trong đó Đức Phật nói đến lúc đầu đã đạt được địa trên chứ không phải là lần đầu đạt được.

Có người nói: Nói cõi Phạm Thế là thâu nhiếp bốn Tĩnh lự, bởi vì đều có Chi đã thâu nhiếp tiếp nhận Tam-ma-địa thanh tịnh.

Hỏi: Ngay cả Tĩnh lự thứ nhất bởi vì có Ngữ biểu, cho nên dựa vào Tĩnh lự thứ nhất phát khởi Thiên nhĩ nghe được âm thanh của địa ấy; địa trên đã không có Ngữ biểu, dựa vào Tĩnh lự thứ hai… dẫn dắt phát khởi Thiên nhĩ thì nghe được những thanh nào?

Đáp: Như người sinh ở Tĩnh lự thứ nhất, dựa vào nghiệp của Ngữ biểu cùng khởi tâm phát ra ngữ; như vậy người sinh ở ba Tĩnh lự trên, cũng dựa vào nghiệp của Ngữ biểu thuộc Tĩnh lự thứ nhất cùng khởi tâm phát ra ngữ, chính là Thiên nhĩ của địa ấy đã nghe.

Có người nói: Địa trên tuy không có thanh của Ngữ biểu mà có thanh khác, là địa ấy đã nghe, cho nên không có gì sai.

Hỏi: Nếu sinh ở cõi Dục, dựa vào Tĩnh lự thứ nhất phát khởi Thiên nhĩ thông, thì có thể nghe thanh thuộc Ngữ biểu của chư Thiên ở ba Tĩnh lự trên hay không?

Đáp: Có người nói không nghe, bởi vì nơi chốn cách xa, hoặc là bởi vì vi tế.

Có người nói: Nếu tác ý cao nhất thì cũng có thể nghe, bởi vì đều là pháp của địa giống nhau.

Hỏi: Dựa theo Tĩnh lự nào phát khởi Thần cảnh thông có thể đi đến nơi nào?

Đáp: Dựa vào Tĩnh lự thứ nhất phát khởi thì có thể đi đến cõi Phạm Thế, cho đến dựa vào Tĩnh lự thứ tư phát khởi thì có thể đi đến cõi Quảng Quả hoặc là cõi trời Sắc Cứu Cánh. Thanh văn không tác ý thì chiều ngang xa nhất là Tiểu thiên thế giới, tác ý thì xa nhất là Trung thiên thế giới; Độc giác không tác ý thì xa nhất là Trung thiên thế giới, tác ý thì xa nhất là Đại thiên thế giới; Đức Phật không tác ý thì xa nhất là Đại thiên thế giới, tác ý thì có thể xa nhất là vô biên thế giới.

Như Thần cảnh thông, bốn Thông còn lại cũng như vậy. Giải thích rộng về sáu Thông như trong chương Đại Chủng Uẩn.

Hỏi: Nếu đối với Khổ tư duy về Khổ, đạt được quả A-la-hán, thì lúc ấy tư duy về Khổ hệ thuộc nơi nào?

Đáp: Khổ hệ thuộc cõi Vô sắc. Đây là tùy theo cõi mà nói chung. Nếu tùy theo địa thì nên nói là Khổ hệ thuộc Phi tưởng phi phi tưởng xứ, tức là Khổ loại trí.

Hỏi: Nếu đối với Tập tư duy về Tập, đạt được quả A-la-hán, thì lúc

ấy tư duy về Tập hệ thuộc nơi nào?

Đáp: Tập hệ thuộc cõi Vô sắc. Đây cũng là tùy theo cõi mà nói chung. Nếu tùy theo địa thì nên nói là Tập hệ thuộc Phi tưởng phi phi tưởng xứ, tức là Tập loại trí.

Hỏi: Nếu đối với Diệt tư duy về Diệt, đạt được quả A-la-hán, thì lúc ấy tư duy về Diệt các hành hệ thuộc nơi nào?

Đáp: Hoặc là hệ thuộc cõi Dục, hoặc là hệ thuộc cõi Sắc-Vô sắc, Diệt các hành tức là Diệt pháp trí-Diệt loại trí.

Hỏi: Nếu đối với Đạo tư duy về Đạo, đạt được quả A-la-hán, thì lúc ấy tư duy về Đạo có thể đoạn các hành hệ thuộc nơi nào?

Đáp: Hoặc là hệ thuộc cõi Dục, hoặc là hệ thuộc cõi Sắc-Vô sắc, Đạo có thể đoạn các hành tức là Đạo pháp trí-Đạo loại trí.

Như vậy, sáu trí đều có bốn hành tướng làm đạo vô gián, đoạn phiền não thuộc phẩm Hạ Hạ của Phi tưởng phi phi tưởng xứ, đi cùng với Tam-ma-địa Kim cang dụ. Tam-ma-địa Kim cang dụ này có thể chứng được quả A-la-hán, nói rộng ra như phẩm thứ ba trong chương Tạp Uẩn.

Lìa nhiễm do Tu mà đoạn của cõi Sắc-Vô sắc đều dùng sáu trí làm đạo vô gián, đó là bốn Loại trí và Diệt-Đạo pháp trí. Đây là nói về đạo vô lậu. Nếu như đạo hữu lậu thì chỉ có Thế tục trí, bởi vì trí ấy không có khắp nơi, cho nên không phải là ở đây nói đến.

Dựa vào Tĩnh lự thứ nhất, lúc khởi lên đạo vô gián thuộc Khổ loại trí, có lúc chỉ duyên với Khổ của địa mình, có lúc chỉ duyên với Khổ của Tĩnh lự thứ hai, cho đến có lúc chỉ duyên với Khổ của Phi tưởng phi phi tưởng xứ, không có kết hợp duyên với hai địa cho đến duyên với tám địa, bởi vì thô-tế khác biệt, bởi vì pháp đoạn của địa khác nhau. Như Khổ loại trí, Tập loại trí cũng như vậy.

Lúc khởi lên đạo vô gián thuộc Diệt loại trí, có lúc chỉ duyên với Diệt các hành của địa mình, có lúc chỉ duyên với Diệt các hành của Tĩnh lự thứ hai, cho đến có lúc chỉ duyên với Diệt các hành của Phi tưởng phi phi tưởng xứ, có lúc kết hợp duyên với hai địa cho đến duyên với tám địa, bởi vì vi diệu như nhau, bởi vì đều trái với nhiễm.

Lúc khởi lên đạo vô gián thuộc Đạo loại trí, đều duyên với đạo thuộc phẩm Loại trí của chín địa, bởi vì làm nhân lẫn nhau, bởi vì chủng loại như nhau.

Lúc khởi lên đạo vô gián thuộc Diệt pháp trí, chỉ duyên với Diệt các hành của cõi Dục.

Lúc khởi lên đạo vô gián thuộc Đạo pháp trí, đều duyên với đạo thuộc phẩm Pháp trí của sáu địa.

Như dựa vào Tĩnh lự thứ nhất, cho đến dựa vào Vô sở hữu xứ cũng như vậy. Sai biệt là dựa vào ba Vô sắc không có hai Pháp trí và không duyên với Diệt của địa dưới. Trong này, tất cả các địa không duyên với Khổ-Tập của địa dưới, bởi vì đã lìa nhiễm của địa dưới, cho nên khởi lên không có tác dụng.

Dựa vào Tĩnh lự thứ nhất, lúc khởi lên đạo vô gián lìa nhiễm của Tĩnh lự thứ nhất, Khổ-Tập loại trí chỉ duyên với Khổ-Tập của Tĩnh lự thứ nhất.

Diệt loại trí có lúc chỉ duyên với Diệt các hành của Tĩnh lự thứ nhất, có lúc duyên với Diệt các hành của hai Tĩnh lự đầu, có lúc duyên với Diệt các hành của Tĩnh lự thứ nhất-thứ hai-thứ ba, có lúc duyên với Diệt các hành của Tĩnh lự thứ nhất-thứ hai-thứ ba-thứ tư, có lúc duyên với Diệt các hành của Tĩnh lự thứ nhất cho đến Diệt các hành của Không vô biên xứ, có lúc duyên với Diệt các hành của Tĩnh lự thứ nhất cho đến Diệt các hành của Thức vô biên xứ, có lúc duyên với Diệt các hành của Tĩnh lự thứ nhất cho đến Diệt các hành của Vô sở hữu xứ, có lúc duyên với Diệt các hành của Tĩnh lự thứ nhất cho đến Diệt các hành của Phi tưởng phi phi tưởng xứ.

Đạo loại trí duyên chung với đạo thuộc phẩm Loại trí của chín địa.

Diệt pháp trí chỉ duyên với Diệt các hành của cõi Dục.

Đạo pháp trí duyên chung với đạo thuộc phẩm Pháp trí của sáu địa.

Dựa vào Tĩnh lự thứ nhất, lúc khởi lên đạo vô gián lìa nhiễm của Tĩnh lự thứ hai, Khổ-Tập loại trí chỉ duyên với Khổ-Tập của Tĩnh lự thứ hai.

Diệt loại trí có lúc chỉ duyên với Diệt các hành của Tĩnh lự thứ nhất, có lúc chỉ duyên với Diệt các hành của Tĩnh lự thứ hai, có lúc duyên với Diệt các hành của hai Tĩnh lự đầu, có lúc duyên với Diệt các hành của Tĩnh lự thứ hai-thứ ba, có lúc duyên với Diệt các hành của Tĩnh lự thứ nhất-thứ hai-thứ ba, có lúc duyên với Diệt các hành của Tĩnh lự thứ hai-thứ ba-thứ tư, có lúc duyên với Diệt các hành của Tĩnh lự thứ nhất-thứ hai-thứ ba-thứ tư, có lúc duyên với Diệt các hành của Tĩnh lự thứ hai cho đến Diệt các hành của Không vô biên xứ, có lúc duyên với Diệt các hành của Tĩnh lự thứ nhất cho đến Diệt các hành của Không vô biên xứ, có lúc duyên với Diệt các hành của Tĩnh lự thứ hai cho đến Diệt các hành của Thức vô biên xứ, có lúc duyên với Diệt các hành của Tĩnh lự thứ nhất cho đến Diệt các hành của Thức vô biên xứ, có lúc duyên với Diệt các hành của Tĩnh lự thứ hai cho đến Diệt các hành của Vô sở hữu xứ, có lúc duyên với Diệt các hành của Tĩnh lự thứ nhất cho đến Diệt các hành của Vô sở hữu xứ, có lúc

duyên với Diệt các hành của Tĩnh lự thứ hai cho đến Diệt các hành của Phi tưởng phi phi tưởng xứ, có lúc duyên với Diệt các hành của Tĩnh lự thứ nhất cho đến Diệt các hành của Phi tưởng phi phi tưởng xứ.

Đạo loại trí và Diệt-Đạo pháp trí, nói như trước.

Dựa vào Tĩnh lự thứ nhất, lúc khởi lên đạo vô gián lìa nhiễm của Tĩnh lự thứ ba, Khổ-Tập loại trí chỉ duyên với Khổ-Tập của Tĩnh lự thứ ba.

Diệt loại trí có lúc chỉ duyên với Diệt các hành của Tĩnh lự thứ nhất, có lúc chỉ duyên với Diệt các hành của Tĩnh lự thứ hai, có lúc chỉ duyên với Diệt các hành của Tĩnh lự thứ ba, có lúc duyên với Diệt các hành của hai Tĩnh lự đầu, có lúc duyên với Diệt các hành của Tĩnh lự thứ hai-thứ ba, có lúc duyên với Diệt các hành của Tĩnh lự thứ ba-thứ tư, có lúc duyên với Diệt các hành của Tĩnh lự thứ nhất-thứ hai-thứ ba, có lúc duyên với Diệt các hành của Tĩnh lự thứ hai-thứ ba-thứ tư, có lúc duyên với Diệt các hành của Tĩnh lự thứ ba-thứ tư và Không vô biên xứ, có lúc duyên với Diệt các hành của Tĩnh lự thứ nhất-thứ hai-thứ ba-thứ tư, có lúc duyên với Diệt các hành của Tĩnh lự thứ hai cho đến Diệt các hành của Không vô biên xứ, có lúc duyên với Diệt các hành của Tĩnh lự thứ ba cho đến Diệt các hành của Thức vô biên xứ, có lúc duyên với Diệt các hành của Tĩnh lự thứ nhất cho đến Diệt các hành của Không vô biên xứ, có lúc duyên với Diệt các hành của Tĩnh lự thứ hai cho đến Diệt các hành của Thức vô biên xứ, có lúc duyên với Diệt các hành của Tĩnh lự thứ ba cho đến Diệt các hành của Vô sở hữu xứ, có lúc duyên với Diệt các hành của Tĩnh lự thứ nhất cho đến Diệt các hành của Thức vô biên xứ, có lúc duyên với Diệt các hành của Tĩnh lự thứ hai cho đến Diệt các hành của Vô sở hữu xứ, có lúc duyên với Diệt các hành của Tĩnh lự thứ ba cho đến Diệt các hành của Phi tưởng phi phi tưởng xứ, có lúc duyên với Diệt các hành của Tĩnh lự thứ nhất cho đến Diệt các hành của Vô sở hữu xứ, có lúc duyên với Diệt các hành của Tĩnh lự thứ hai cho đến Diệt các hành của Phi tưởng phi phi tưởng xứ, có lúc duyên với Diệt các hành của Tĩnh lự thứ nhất cho đến Diệt các hành của Phi tưởng phi phi tưởng xứ.

Đạo loại trí và Diệt-Đạo pháp trí, nói như trước.

Dựa vào Tĩnh lự thứ nhất, lúc khởi lên đạo vô gián lìa nhiễm của Tĩnh lự thứ tư, Khổ-Tập loại trí chỉ duyên với Khổ-Tập của Tĩnh lự thứ tư.

Diệt loại trí có lúc chỉ duyên với Diệt các hành của Tĩnh lự thứ nhất cho đến có lúc chỉ duyên với Diệt các hành của Tĩnh lự thứ tư, có lúc duyên với Diệt các hành của hai Tĩnh lự đầu, có lúc duyên với Diệt các hành của Tĩnh lự thứ hai-thứ ba, có lúc duyên với Diệt các hành của Tĩnh lự thứ ba-

thứ tư, có lúc duyên với Diệt các hành của Tĩnh lự thứ tư và Không vô biên xứ, có lúc duyên với Diệt các hành của Tĩnh lự thứ nhất-thứ hai-thứ ba, có lúc duyên với Diệt các hành của Tĩnh lự thứ hai- thứ ba-thứ tư, có lúc duyên với Diệt các hành của Tĩnh lự thứ ba-thứ tư và Không vô biên xứ, có lúc duyên với Diệt các hành của Tĩnh lự thứ tư và Không-Thức vô biên xứ, có lúc duyên với Diệt các hành của Tĩnh lự thứ nhất cho đến Tĩnh lự thứ tư, có lúc duyên với Diệt các hành của Tĩnh lự thứ hai cho đến Diệt các hành của Không vô biên xứ, có lúc duyên với Diệt các hành của Tĩnh lự thứ ba cho đến Diệt các hành của Thức vô biên xứ, có lúc duyên với Diệt các hành của Tĩnh lự thứ tư cho đến Diệt các hành của Vô sở hữu xứ, năm-sáu-bảy-tám địa kết hợp duyên với nhau, nói như trước.

Đạo loại trí và Diệt-Đạo pháp trí, cũng nói như trước.

Dựa vào Tĩnh lự thứ nhất, lúc khởi lên đạo vô gián lìa nhiễm của Không vô biên xứ, Khổ-Tập loại trí chỉ duyên với Khổ-Tập của Không vô biên xứ.

Diệt loại trí có lúc chỉ duyên với Diệt các hành của Tĩnh lự thứ nhất cho đến có lúc chỉ duyên với Diệt các hành của Không vô biên xứ, có lúc duyên với Diệt các hành của hai Tĩnh lự đầu, có lúc duyên với Diệt các hành của Tĩnh lự thứ hai-thứ ba, có lúc duyên với Diệt các hành của Tĩnh lự thứ ba-thứ tư, có lúc duyên với Diệt các hành của Tĩnh lự thứ tư và Không vô biên xứ, có lúc duyên với Diệt các hành của Không-Thức vô biên xứ, có lúc duyên với Diệt các hành của Tĩnh lự thứ nhất-thứ hai-thứ ba, có lúc duyên với Diệt các hành của Tĩnh lự thứ hai-thứ ba-thứ tư, có lúc duyên với Diệt các hành của Tĩnh lự thứ ba-thứ tư và Không vô biên xứ, có lúc duyên với Diệt các hành của Tĩnh lự thứ tư và Không-Thức vô biên xứ, có lúc duyên với Diệt các hành của Không-Thức vô biên xứ và Vô sở hữu xứ, bốn-năm-sáu-bảy-tám địa kết hợp duyên với nhau, nói như trước.

Đạo loại trí và Diệt-Đạo pháp trí, cũng nói như trước.

Dựa vào Tĩnh lự thứ nhất, lúc khởi lên đạo vô gián lìa nhiễm của Thức vô biên xứ, Khổ-Tập loại trí chỉ duyên với Khổ-Tập của Thức vô biên xứ.

Diệt loại trí có lúc chỉ duyên với Diệt các hành của Tĩnh lự thứ nhất cho đến có lúc chỉ duyên với Diệt các hành của Thức vô biên xứ, có lúc duyên với Diệt các hành của hai Tĩnh lự đầu, có lúc duyên với Diệt các hành của Tĩnh lự thứ hai-thứ ba, có lúc duyên với Diệt các hành của Tĩnh lự thứ ba-thứ tư, có lúc duyên với Diệt các hành của Tĩnh lự thứ tư và Không vô biên xứ, có lúc duyên với Diệt các hành của Không-Thức vô biên

xứ, có lúc duyên với Diệt các hành của Thức vô biên xứ và Vô sở hữu xứ, có lúc duyên với Diệt các hành của Tĩnh lự thứ nhất-thứ hai-thứ ba, có lúc duyên với Diệt các hành của Tĩnh lự thứ hai-thứ ba-thứ tư, có lúc duyên với Diệt các hành của Tĩnh lự thứ ba-thứ tư và Không vô biên xứ, có lúc duyên với Diệt các hành của Tĩnh lự thứ tư và Không-Thức vô biên xứ, có lúc duyên với Diệt các hành của Không-Thức vô biên xứ và Vô sở hữu xứ, có lúc duyên với Diệt các hành của Thức vô biên xứ-Vô sở hữu xứ và Phi tưởng phi phi tưởng xứ, bốn-năm-sáu-bảy-tám địa kết hợp duyên với nhau, nói như trước.

Đạo loại trí và Diệt-Đạo pháp trí, cũng nói như trước.

Dựa vào Tĩnh lự thứ nhất, lúc khởi lên đạo vô gián lìa nhiễm của Vô sở hữu xứ, Khổ-Tập loại trí chỉ duyên với Khổ-Tập của Vô sở hữu xứ.

Diệt loại trí có lúc chỉ duyên với Diệt các hành của Tĩnh lự thứ nhất cho đến có lúc chỉ duyên với Diệt các hành của Vô sở hữu xứ, có lúc duyên với Diệt các hành của hai Tĩnh lự đầu, có lúc duyên với Diệt các hành của Tĩnh lự thứ hai-thứ ba, có lúc duyên với Diệt các hành của Tĩnh lự thứ ba-thứ tư, có lúc duyên với Diệt các hành của Tĩnh lự thứ tư và Không vô biên xứ, có lúc duyên với Diệt các hành của Không- Thức vô biên xứ, có lúc duyên với Diệt các hành của Thức vô biên xứ và Vô sở hữu xứ, có lúc duyên với Diệt các hành của Vô sở hữu xứ và Phi tưởng phi phi tưởng xứ, ba-bốn-năm-sáu-bảy-tám địa kết hợp duyên với nhau, nói như trước.

Đạo loại trí và Diệt-Đạo pháp trí, cũng nói như trước.

Dựa vào Tĩnh lự thứ nhất, lúc khởi lên đạo vô gián lìa nhiễm của Phi tưởng phi phi tưởng xứ, Khổ-Tập loại trí chỉ duyên với Khổ-Tập của Phi tưởng phi phi tưởng xứ.

Diệt loại trí có lúc chỉ duyên với Diệt các hành của Tĩnh lự thứ nhất cho đến có lúc chỉ duyên với Diệt các hành của Phi tưởng phi phi tưởng xứ, hai-ba-bốn-năm-sáu-bảy-tám địa kết hợp duyên với nhau, nói như trước.

Đạo loại trí và Diệt-Đạo pháp trí, cũng nói như trước.

Như vậy, dựa vào Tĩnh lự thứ hai, lúc khởi lên đạo vô gián lìa nhiễm của Tĩnh lự thứ hai cho đến lìa nhiễm của Phi tưởng phi phi tưởng xứ; cho đến dựa vào Vô sở hữu xứ lúc khởi lên đạo vô gián lìa nhiễm của Vô sở hữu xứ và lìa nhiễm của Phi tưởng phi phi tưởng xứ, như sự thích hợp ấy đều nên nói rộng ra. Có điều sai biệt là ba địa Vô sắc trừ ra hai Pháp trí, và không có thể duyên với Diệt của địa dưới. Như vậy chính là nói đến người sinh ở cõi Dục, nếu sinh ở cõi Sắc-Vô sắc thì tất cả Pháp trí đều không hiện khởi, sinh ở địa trên lúc ấy không duyên với Diệt của địa dưới.

Như đạo vô gián, đạo giải thoát cũng như vậy, chỉ trừ ra lúc lìa nhiễm thuộc phẩm Hạ Hạ của Phi tưởng phi phi tưởng xứ là đạo giải thoát, có thể cần phải có Khổ-Tập loại trí.

-oOo-

LUẬN A TỲ ĐẠT MA ĐẠI TỲ BÀ SA

QUYỂN 187

CHƯƠNG VIII: KIẾN UẨN

Phẩm Thứ Nhất: LUẬN VỀ NIỆM TRÚ

LUẬN VỀ NIỆM TRÚ (Phần 1)

Có bốn Niệm trú, đó là Thân-Thọ-Tâm-Pháp niệm trú. Các chương như vậy và giải thích về nghĩa của từng chương đã lĩnh hội rồi, tiếp theo cần phải phân biệt rộng ra.

Hỏi: Vì sao soạn ra phần luận này?

Đáp: Bởi vì muốn giải thích nghĩa lý trong kinh. Như trong kinh nói: "Có bốn Niệm trú, đó là Thân niệm trú cho đến Pháp niệm trú." Trong kinh tuy nói ra điều này mà không phân biệt, nếu tu Thân niệm trú thì đó là Thọ niệm trú chăng? Cho đến nói rộng ra. Kinh ấy là nơi nương tựa căn bản của luận này, điều gì trong kinh không phân biệt, thì nay đều cần phải nói, cho nên soạn ra phần luận này.

Hỏi: Nhưng mà Đức Phật nói có ba loại Niệm trú:

1. Niệm trú thuộc tự tánh.
2. Niệm trú xen lẫn nhau.
3. Niệm trú thuộc sở duyên.

Ở nơi nào nói đến Niệm trú thuộc tự tánh?

Đáp: Như trong kinh nói: "Có một đạo hướng về, có thể làm cho hữu tình thanh tịnh, vượt lên diệt hết buồn khổ, đó là bốn Niệm trú. Như thế nào là bốn? Đó là Niệm trú đối với thân thuận theo thân quán sát, cho đến Niệm trú đối với pháp thuận theo pháp quán sát."

Hỏi: Lại ở nơi nào nói đến Niệm trú xen lẫn nhau?

Đáp: Như trong kinh nói: "Nếu có người nói: Tụ pháp thiện ấy tức là bốn Niệm trú. Đây là cách nói chính xác. Nguyên cớ thế nào? Bởi vì tụ pháp thiện đầy đủ trọn vẹn hoàn toàn thì chỉ có bốn Niệm trú. Như thế nào là bốn? Đó là Niệm trú đối với thân thuận theo thân quán sát, cho đến Niệm trú đối với pháp thuận theo pháp quán sát."

Hỏi: Lại ở nơi nào nói đến Niệm trú thuộc sở duyên?

Đáp: Như trong kinh nói: "Nếu có người nói: Tất cả các pháp tức là bốn Niệm trú. Đây là cách nói chính xác. Nguyên cớ thế nào? Bởi vì thâu nhiếp tiếp nhận đầy đủ tất cả các pháp thì chỉ có bốn Niệm trú. Như thế nào là bốn? Đó là Niệm trú đối với thân thuận theo thân quán sát, cho đến Niệm trú đối với pháp thuận theo pháp quán sát."

Trong này, câu nêu ra của ba kinh thì như thứ tự ấy nói riêng biệt về Niệm trú thuộc tự tánh-xen lẫn-sở duyên, câu giải thích đều nói đến Niệm trú thuộc tự tánh, bởi vì nói thuận theo quán sát đều là thuộc về Tuệ.

Hỏi: Vì sao Đức Thế Tôn ở trong câu nêu ra, có lúc nói đến Niệm trú thuộc tự tánh, có lúc nói đến Niệm trú xen lẫn nhau, có lúc nói đến Niệm trú thuộc sở duyên; ở trong câu giải thích chỉ nói đến Niệm trú thuộc tự tánh?

Đáp: Bởi vì muốn làm cho Thắng nghĩa của Niệm trú không có gì sai lạc. Niệm trú có hai loại:

1. Thắng nghĩa.
2. Thế tục.

Niệm trú thuộc tự tánh là Thắng nghĩa, còn lại là Thế tục. Niệm trú thuộc Thắng nghĩa ở tất cả mọi lúc không có thể sai lạc, cho nên Đức Phật ở trong câu giải thích đều nói đến tự tánh.

Có người nói: Do lực của Niệm trú thuộc tự tánh, cho nên xen lẫn-sở duyên đều gọi là Niệm trú.

Có người nói: Bởi vì muốn hiển bày về ba loại Niệm trú đều dùng Tuệ làm tự tánh, nghĩa là tánh của một Tuệ do pháp vốn có(câu hữu) xen lẫn nhau làm bạn giúp đỡ, có thể có những việc làm thì gọi là Niệm trú xen lẫn nhau; do lực của sở duyên có thể tùy thuận quán sát khắp nơi thì gọi là Niệm trú thuộc sở duyên.

Bởi vì Đức Phật ở trong kinh nói đến ba loại Niệm trú này, cho nên trong A-tỳ-đạt-ma cũng ở mọi nơi dựa vào ba loại Niệm trú mà soạn luận. Làm sao biết như vậy?

Như nói: "Thế nào là Thân niệm trú? Đó là Tuệ duyên với thân. Cho đến thế nào là Pháp niệm trú? Đó là Tuệ duyên với pháp." Đó gọi là nơi nói đến Niệm trú thuộc tự tánh. Đây chính là trong kinh đã nói: "Có một đạo hướng về…"

Như nói: "Thế nào là Thân niệm trú? Đó là thân tăng thượng do đạo mà sinh ra thiện hữu lậu-vô lậu. Cho đến thế nào là Pháp niệm trú? Đó là pháp tăng thượng do đạo mà sinh ra thiện hữu lậu-vô lậu." Đó gọi là nơi

nói đến Niệm trú xen lẫn nhau. Đây chính là trong kinh đã nói: "Tụ pháp thiện ấy tức là bốn Niệm trú…"

Như nói: "Thế nào là Thân niệm trú? Đó là mười Sắc xứ và Sắc do Pháp xứ thâu nhiếp. Thế nào là Thọ niệm trú? Đó là sáu Thọ thân. Thế nào là Tâm niệm trú? Đó là sáu Thức thân. Thế nào là Pháp niệm trú? Đó là Thọ uẩn vốn không thâu nhiếp Pháp xứ thuộc phi Sắc." Đó gọi là nơi nói đến Niệm trú thuộc sở duyên. Đây chính là trong kinh đã nói: "Tất cả các pháp tức là bốn Niệm trú…"

Như vậy, A-tỳ-đạt-ma đã nói tương ưng với kinh, vì thế cho nên trong này cũng dựa vào ba loại Niệm trú mà soạn luận.

Hỏi: Đức Thế Tôn vì những hữu tình nào mà nói đến Niệm trú thuộc tự tánh, cho đến vì những hữu tình nào mà nói đến Niệm trú thuộc sở duyên?

Đáp: Vì chính những hữu tình ngu muội đối với ba loại ấy mà nói đến ba Niệm trú, nghĩa là người ngu muội đối với Niệm trú thuộc tự tánh thì vì họ mà nói đến Niệm trú thuộc tự tánh, cho đến người ngu muội đối với Niệm trú thuộc sở duyên thì vì họ mà nói đến Niệm trú thuộc sở duyên.

Lại nữa, hành của hữu tình có sai biệt, đó là mới bắt đầu sự nghiệp…, vì người mới bắt đầu sự nghiệp thì nói đến Niệm trú thuộc sở duyên, vì người đã luyện tập thực hành thì nói đến Niệm trú xen lẫn nhau, vì người đã vượt lên trên tác ý thì nói đến Niệm trú thuộc tự tánh.

Lại nữa, ý thích của hữu tình có sai biệt, đó là mở rộng-tóm lược và bình thường, vì người thích tóm lược thì nói đến Niệm trú thuộc tự tánh, vì người thích bình thường thì nói đến Niệm trú xen lẫn nhau, vì người thích mở rộng thì nói đến Niệm trú thuộc sở duyên.

Lại nữa, căn cơ của hữu tình có sai biệt, đó là nhanh nhạy-trung bình và chậm chạp, vì người căn cơ nhanh nhạy thì nói đến Niệm trú thuộc tự tánh, vì người căn cơ trung bình thì nói đến Niệm trú xen lẫn nhau, vì người căn cơ chậm chạp thì nói đến Niệm trú thuộc sở duyên. Lại nữa, trí của hữu tình có sai biệt, đó là mở mang sinh ra trí-

phân biệt sinh ra trí và dẫn dắt sinh ra trí, vì người mở mang sinh ra trí thì nói đến Niệm trú thuộc tự tánh, vì người phân biệt sinh ra trí thì nói đến Niệm trú xen lẫn nhau, vì người dẫn dắt sinh ra trí thì nói đến Niệm trú thuộc sở duyên. Vì những loại hữu tình đã hóa độ như vậy, cho nên Đức Phật nói về ba loại Niệm trú này.

Hỏi: Ba loại Niệm trú này thì loại nào đoạn phiền não?

Đáp: Chỉ có Niệm trú xen lẫn nhau có thể đoạn phiền não chứ không

phải là loại nào khác.

Hỏi: Vì sao Niệm trú thuộc tự tánh không có thể đoạn phiền não?

Đáp: Bởi vì nếu lìa bạn giúp đỡ, chỉ riêng Tuệ thì không có thể đoạn phiền não.

Hỏi: Vì sao Niệm trú thuộc sở duyên không có thể đoạn phiền não?

Đáp: Bởi vì tác ý lúc ấy tản mác khắp nơi, chỉ riêng tác ý tổng quát tóm lược sở duyên thì mới có thể đoạn phiền não.

Hỏi: Vì sao Niệm trú xen lẫn nhau có thể đoạn phiền não?

Đáp: Bởi vì có đủ hai duyên, đó là thâu nhiếp tiếp nhận bạn giúp đỡ, và tác ý tổng quát tóm lược sở duyên.

Hỏi: Nếu như vậy thì tu Niệm trú khác sẽ trở thành vô dụng?

Đáp: Những loại ấy có thể dẫn dắt phát khởi Niệm trú xen lẫn nhau chứ không phải là vô dụng.

Có người nói: Đoạn có hai loại:

1. Đoạn trong thời gian ngắn.
2. Đoạn đến cuối cùng.

Bởi vì tu Niệm trú khác có thể đoạn trong thời gian ngắn, cho nên không phải là vô dụng.

Niệm trú xen lẫn nhau lại có ba loại, đó là do Văn-Tư-Tu mà thành sai biệt.

Hỏi: Ba loại này thì loại nào có thể đoạn phiền não?

Đáp: Do Tu mà thành có thể đoạn phiền não chứ không phải là loại nào khác.

Hỏi: Vì sao do Văn mà thành không có thể đoạn phiền não?

Đáp: Bởi vì loại ấy cần phải dựa vào tên gọi mới chuyển đối với nghĩa, chỉ có loại không cần đến tên gọi chuyển đối với nghĩa, thì nói là có thể đoạn phiền não.

Hỏi: Vì sao do Tư mà thành không có thể đoạn phiền não?

Đáp: Bởi vì loại này tác ý là do địa không nhất định thâu nhiếp, chỉ do địa nhất định thâu nhiếp thì nói là có thể đoạn phiền não.

Hỏi: Vì sao do Tu mà thành có thể đoạn phiền não?

Đáp: Bởi vì có đủ hai duyên, đó là không cần đến tên gọi chuyển đối với nghĩa, và do địa nhất định thâu nhiếp.

Hỏi: Nếu như vậy thì tu hai loại còn lại sẽ trở thành vô dụng?

Đáp: Những loại ấy có thể dẫn dắt phát khởi do Tu mà thành, nghĩa

là do Văn mà thành có thể dẫn dắt phát khởi do Tư mà thành, do Tư mà thành có thể dẫn dắt phát khởi do Tu mà thành, do Tu mà thành có thể đoạn phiền não, cho nên không phải là vô dụng.

Có người nói: Đoạn có hai loại, nói rộng ra như trước.

Niệm trú do Tu mà thành lại có bốn loại, đó là Thân-Thọ-Tâm- Pháp.

Hỏi: Bốn loại này thì loại nào có thể đoạn phiền não?

Đáp: Pháp niệm trú có thể đoạn phiền não chứ không phải là loại nào khác.

Hỏi: Vì sao ba Niệm trú trước không có thể đoạn phiền não?

Đáp: Bởi vì những loại ấy là do tác ý thuộc tự tướng thâu nhiếp,

chỉ do tác ý thuộc cọng tướng thâu nhiếp thì nói là có thể đoạn phiền não.

Có người nói: Bởi vì mỗi một uẩn ấy đều duyên riêng biệt, cần phải duyên chung với bốn uẩn-năm uẩn, hoặc là lìa uẩn thì nói là có thể đoạn phiền não.

Hỏi: Nếu như vậy thì tu ba loại trước sẽ trở thành vô dụng?

Đáp: Bởi vì có thể dẫn dắt phát khởi Pháp niệm trú, nghĩa là Thân niệm trú có thể dẫn dắt Thọ niệm trú, Thọ niệm trú có thể dẫn dắt Tâm niệm trú, Tâm niệm trú có thể dẫn dắt Pháp niệm trú, Pháp niệm trú có thể đoạn phiền não, cho nên không phải là vô dụng.

Có người nói: Trước hết cần phải phân biệt về các uẩn, sau đó mới có thể duyên chung mà đoạn phiền não, cho nên không phải là vô dụng.

Có người nói: Đoạn có hai loại, nói rộng ra như trước. Pháp niệm trú lại có hai loại:

1. Duyên xen tạp.
2. Duyên không xen tạp.

Nếu duyên với Tưởng-Hành-Thức uẩn và Vô vi thì gọi là duyên không xen tạp; nếu đối với năm uẩn, hoặc là hai duyên với hai, hoặc là ba duyên với ba, hoặc là bốn duyên với bốn, hoặc là duyên toàn bộ năm uẩn và Vô vi thì gọi là duyên xen tạp.

Hỏi: Trong này Pháp niệm trú loại nào có thể đoạn phiền não?

Đáp: Cả hai loại đều có thể đoạn phiền não, nghĩa là nếu duyên với Khổ-Tập-Đạo đế nói là đoạn phiền não, thì đó là Pháp niệm trú duyên xen tạp; nếu duyên với Diệt đế nói là đoạn phiền não, thì đó là Pháp niệm trú duyên không xen tạp.

Trong này, hoặc nói là chung một Niệm trú, đó là pháp Đại địa, Tuệ

căn, Tuệ lực, Chánh kiến, Trạch pháp giác chi.

Hoặc nói là hai, đó là hữu lậu-vô lậu, ràng buộc-giải thoát, hệ thuộc-không hệ thuộc.

Hoặc nói là ba, đó là phẩm Hạ-Trung-Thượng, hoặc là do Văn- Tư-Tu mà thành.

Hoặc nói là bốn, đó là Thân-Thọ-Tâm-Pháp.

Hoặc nói là năm, đó là hệ thuộc ba cõi-Học-Vô học.

Hoặc nói là sáu, đó là hữu lậu-vô lậu đều có phẩm Hạ-Trung-Thượng.

Hoặc nói là tám, đó là Thân-Thọ-Tâm-Pháp đều có hữu lậu-vô lậu.

Hoặc nói là chín, đó là phẩm Hạ Hạ cho đến Thượng Thượng. Hoặc nói là mười hai, đó là Thân-Thọ-Tâm-Pháp đều có phẩm Hạ-Trung-Thượng.

Lại có nơi khác nói là mười hai, như trong kinh nói: "Trú vào thân bên trong thuận theo thân quán sát, trú vào thân bên ngoài thuận theo thân quán sát, trú vào thân bên trong-bên ngoài thuận theo thân quán sát; như ba loại về thân, cho đến pháp cũng như vậy."

Hoặc nói là mười tám, đó là hữu lậu-vô lậu đều có phẩm Hạ Hạ cho đến Thượng Thượng.

Hoặc nói là hai mươi bốn, đó là Thân-Thọ-Tâm-Pháp thuộc phẩm Hạ-Trung-Thượng đều có hữu lậu-vô lậu.

Hoặc nói là ba mươi sáu, đó là Thân-Thọ-Tâm-Pháp đều có phẩm Hạ Hạ cho đến Thượng Thượng.

Lại có nơi khác nói là ba mươi sáu, như trong kinh nói: "Trú vào thân bên trong tưởng về chán ngán trái ngược, trú vào thân bên trong tưởng về không chán ngán trái ngược, trú vào thân bên trong đều lìa bỏ Chánh niệm-Chánh tri; như đối với thân bên trong, đối với thân bên ngoài, đối với thân bên trong-bên ngoài cũng như vậy. Như đối với thân có chín loại, cho đến đối với pháp cũng như vậy."

Hoặc nói là bảy mươi hai, đó là Thân niệm trú thuộc hữu lậu-vô lậu đều có phẩm Hạ Hạ cho đến Thượng Thượng, như Thân niệm trú có mười tám loại, cho đến Pháp niệm trú cũng như vậy.

Nếu dựa theo sát-na nối tiếp nhau để phân biệt thì có vô lượng Niệm trú.

Hỏi: Nếu như vậy thì tại sao Đức Thế Tôn đối với một loại nói rộng ra là bốn Niệm trú, đối với vô lượng nói tóm lược là bốn Niệm trú?

Đáp: Bởi vì đối trị bốn loại điên đảo, đó là đối trị điên đảo đối với Bất tịnh tưởng là Tịnh cho nên nói về Thân niệm trú, đối trị điên đảo đối với Khổ tưởng là Lạc cho nên nói về Thọ niệm trú, đối trị điên đảo đối với Vô thường tưởng là Thường cho nên nói về Tâm niệm trú, đối trị điên đảo đối với Vô ngã tưởng là Ngã cho nên nói về Pháp niệm trú.

Có người nói: Bởi vì đối trị bốn loại Thực, đó là đối trị Đoàn thực cho nên nói về Thân niệm trú, đối trị Xúc thực cho nên nói về Thọ niệm trú, đối trị Thức thực cho nên nói về Tâm niệm trú, đối trị Ý tư thực cho nên nói về Pháp niệm trú.

Có người nói: Bởi vì đối trị bốn loại Thức trú, đó là đối trị Thức trú hiện hành gần với Sắc cho nên nói về Thân niệm trú, đối trị Thức trú hiện hành gần với Thọ cho nên nói về Thọ niệm trú, đối trị trú vào Thức ấy cho nên nói về Tâm niệm trú, đối trị Thức trú hiện hành gần với Hành-hiện hành gần với Tưởng cho nên nói về Pháp niệm trú.

Có người nói: Bởi vì đối trị năm Uẩn, đó là đối trị Sắc uẩn cho nên nói về Thân niệm trú, đối trị Thọ uẩn cho nên nói về Thọ niệm trú, đối trị Thức uẩn cho nên nói về Tâm niệm trú, đối trị Tưởng uẩn-Hành uẩn cho nên nói về Pháp niệm trú.

Có người nói: Bởi vì đối trị bốn loại không tu, đó là đối trị không tu Thân cho nên nói về Thân niệm trú, đối trị không tu Giới cho nên nói về Thọ niệm trú, đối trị không tu Tâm cho nên nói về Tâm niệm trú, đối trị không tu Tuệ cho nên nói về Pháp niệm trú.

Có người nói: Bởi vì pháp giống nhau với bốn loại tu cho nên nói về bốn Niệm trú, đó là pháp giống nhau với tu Thân cho nên nói về Thân niệm trú, pháp giống nhau với tu Giới cho nên nói về Thọ niệm trú, pháp giống nhau với tu Tâm cho nên nói về Tâm niệm trú, pháp giống nhau với tu Tuệ cho nên nói về Pháp niệm trú.

Hỏi: Niệm trú lấy gì làm tự tánh, là lấy Niệm hay là lấy Tuệ? Nếu lấy Niệm thì ở đây nói nên hiểu thế nào? Như nói: "Đối với thân thuận theo thân quán sát…" Nếu lấy Tuệ thì vì sao gọi là Niệm trú? Lại trong kinh nói nên hiểu thế nào? Như nói: "Nên quán sát Niệm căn ở nơi nào? Đó là đối với bốn Niệm trú."

Đáp: Nên nói lấy Tuệ làm tự tánh.

Hỏi: Nếu như vậy thì vì sao gọi là Niệm trú?

Đáp: Niệm ở nơi này, trú-cùng trú-đều trú, cho nên gọi là Niệm trú; như chỗ ở của voi ngựa… gọi là voi ngựa cùng trú, ở đây cũng như vậy.

Có người nói: Đây là do lực của Niệm có thể đối với sở duyên dấy

khởi tác dụng rộng lớn sai biệt, mà không sai lạc cho nên gọi là Niệm trú.

Có người nói: Do lực của Niệm cho nên Sư Du-già này ghi nhớ rõ ràng sở duyên, đối với cảnh sở duyên quên rồi lại nhớ, cho nên gọi là Niệm trú.

Có người nói: Người tu hành này ở trong sở duyên, trước phải dùng Niệm để an trú, sau đó mới quán sát, lại đối với sở duyên trước phải thông suốt rồi, sau đó dùng Niệm an trú để giữ gìn, như người giữ cổng, cho nên gọi là Niệm trú.

Có người nói: Người tu hành này đối với cảnh sở duyên, trước phải dùng Niệm để thâu nhiếp giữ gìn, sau đó dùng Tuệ quán sát mà đoạn phiền não, ví như người làm ruộng trước dùng tay trái gom lấy cỏ dại, sau dùng tay phải cầm liềm cắt đứt, ở đây cũng như vậy, cho nên gọi là Niệm trú.

Có người nói: Sư Du-già này khoác áo giáp của Niệm, ở trong sự nối tiếp nhau của tâm, cầm dao gậy của Tuệ, ở giữa trận chiến của sinh tử không bị giặc phiền não làm cho khuất phục, mà có thể làm cho giác phiền não phải khuất phục, cho nên gọi là Niệm trú.

Có người nói: Bởi vì ngăn chặn lỗi giữ lấy tự tánh, cho nên gọi là Niệm trú; nếu gọi là Tuệ trú thì sẽ có lỗi lầm giữ lấy tự tánh.

Có người nói: Bởi vì hiển bày không phải là chỉ riêng tự tánh có thể có những việc làm, cho nên gọi là Niệm trú.

Bởi vì những duyên như vậy, cho nên chỉ gọi là Niệm trú chứ không gọi là Tuệ trú.

Hỏi: Trong kinh đã nói lại hiểu thế nào? Như nói: "Nên quán sát Niệm căn ở nơi nào? Đó là đối với bốn Niệm trú."

Đáp: Bởi vì Niệm căn có tác dụng tăng thượng đối với phần vị Niệm trú, cho nên đưa ra cách nói này. Như Tín căn có tác dụng tăng thượng đối với phần vị của bốn Chứng tịnh, cho nên Đức Phật lại nói: "Nên quán sát Tín căn ở nơi nào? Đó là đối với bốn Chứng tịnh." Như vậy, Tinh tiến căn đối với bốn Chánh đoạn, Định căn đối với bốn Tĩnh lự, Tuệ căn đối với bốn Thánh đế cũng như vậy. Vì vậy, Đức Thế Tôn cho đến lại nói: "Nên quán sát Tuệ căn ở nơi nào? Đó là đối với bốn Thánh đế." Ở đây cũng như vậy. Đó gọi là tự tánh của Niệm trú.

Đã nói về tự tánh, nay sẽ nói đến nguyên cớ.

Hỏi: Vì sao gọi là Niệm trú, Niệm trú là nghĩa gì?

Đáp: Niệm ở nơi này, trú-cùng trú-đều trú, nói rộng ra như trước.

Đã nói chung về nguyên cớ của Niệm trú, nay sẽ nói đến nguyên cớ

của từng loại một.

Hỏi: Vì sao gọi là Thân niệm trú?

Đáp: Niệm trú này duyên với thân cho nên gọi là Thân niệm trú. Hỏi: Niệm trú khác cũng duyên với thân, đó là Thọ niệm trú duyên với sáu Thọ thân, Tâm niệm trú duyên với sáu Thức thân, Pháp niệm trú duyên với sáu Tưởng thân-sáu Tư thân…, vì sao không cùng

gọi là Thân niệm trú?

Đáp: Trong này đã nói duyên với thân, đó là duyên với Sắc thân, Niệm trú khác bởi vì duyên với thân không phải là Sắc, cho nên không gọi là Thân niệm trú.

Có người nói: Nếu duyên với thân hiện bày thô thiển-dễ thấy- đang thấy thì gọi là Thân niệm trú, Niệm trú khác bởi vì duyên với thân sâu kín vi tế-khó thấy-khó hiểu-không hiện thấy, cho nên không gọi là Thân niệm trú.

Có người nói: Nếu thân sở duyên là do cực vi tích tụ mà thành thì thân ấy gọi là Thân niệm trú, thân sở duyên khác không phải là do cực vi tích tụ mà thành, cho nên thân ấy không gọi là Thân niệm trú.

Có người nói: Nếu duyên với thân mà chủ thể nhận biết-pháp đã nhận biết (năng tri-sở tri) cùng lúc sinh khởi thì gọi là Thân niệm trú, Niệm trú khác tuy duyên với thân chủ thể nhận biết-pháp đã nhận biết không cùng lúc sinh khởi, cho nên không gọi là Thân niệm trú; tuy trong Pháp niệm trú có cùng lúc sinh khởi, mà bởi vì số ít cho nên không nói.

Như duyên với thân cho nên gọi là Thân niệm trú, như vậy duyên với thọ cho nên gọi là Thọ niệm trú, duyên với tâm cho nên gọi là Tâm niệm trú, duyên với pháp cho nên gọi là Pháp niệm trú.

Hỏi: Tất cả đều là pháp, tất cả đều chỉ có pháp, vì sao chỉ riêng một loại gọi là Pháp niệm trú chứ không phải là những loại khác?

Đáp: Tuy tất cả đều là pháp, mà chỉ thiết lập một loại là Pháp niệm trú. Như mười tám Giới đều là pháp, mà chỉ thiết lập một loại là Pháp giới; mười hai Xứ đều là pháp, mà chỉ thiết lập một loại là Pháp xứ. Như Pháp giới-Pháp xứ, như vậy Pháp trí, Trạch pháp giác chi, Pháp tùy niệm, Pháp chứng tịnh, Pháp vô ngại giải, Pháp bảo, Pháp quy cũng như vậy.

Có người nói: Pháp niệm trú có một tên gọi, Niệm trú khác có hai tên gọi.

Có người nói: Pháp niệm trú có tên gọi chung, Niệm trú khác có tên gọi chung-không chung.

Có người nói: Tất cả pháp hữu vi do sinh mà khởi lên, sinh là sở duyên của nó, cho nên gọi là Pháp niệm trú.

Có người nói: Tất cả pháp do tên gọi mà hiển bày, tên gọi là sở duyên của nó, cho nên gọi là Pháp niệm trú.

Có người nói: Các tướng hữu vi là dấu hiệu của tất cả pháp hữu vi, tức là các tướng này rơi vào ở trong sở duyên của nó, cho nên gọi là Pháp niệm trú.

Có người nói: Không giải thoát môn nhận hiểu về pháp tánh của các pháp, Không này thâu nhiếp ở trong sở duyên của nó, cho nên gọi là Pháp niệm trú.

Hỏi: Nếu như vậy thì Tát-ca-da kiến cũng nhận hiểu về tánh Bổ- đặc-già-la của các pháp, vì sao không dựa vào đó để thiết lập tên gọi?

Đáp: Đó không phải là sự nhận hiểu chân thật, đây là sự nhận hiểu chân thật, cho nên không có lỗi gì.

Có người nói: Tuệ có thể phân biệt về tự tướng-cọng tướng của các pháp, an lập về tự tướng-cọng tướng của các pháp, ngu muội về sự tổn hại và ngu muội về sở duyên, ở trong các pháp thay đổi không tăng giảm, Tuệ này rơi vào trong sở duyên của nó, cho nên gọi là Pháp niệm trú.

Có người nói: Diệt đế Niết-bàn là pháp Thắng nghĩa thường trú không thay đổi, pháp này thâu nhiếp ở trong sở duyên của nó, cho nên gọi là Pháp niệm trú.

Có người nói: Niệm trú này có thể duyên với nhiều pháp, đó là Sắc-không phải Sắc, tương ưng-không tương ưng, có sở y-không có sở y, có hành tướng-không có hành tướng, có sở duyên-không có sở duyên, có cảnh giác-không có cảnh giác, vì thế cho nên gọi là Pháp niệm trú. Có người nói: Thân niệm trú duyên với thân chứ không duyên với

Tuệ duyên với thân, Thọ niệm trú duyên với thọ chứ không duyên với Tuệ duyên với thọ, Tâm niệm trú duyên với tâm chứ không duyên với Tuệ duyên với tâm, Pháp niệm trú duyên với thân cũng duyên với Tuệ duyên với thân, duyên với Thọ-Tâm-Pháp cũng duyên với Tuệ duyên với Thọ-Tâm-Pháp, vì thế cho nên chỉ riêng loại này gọi là Pháp niệm trú.

Có người nói: Thân niệm trú duyên với thân chứ không duyên với sinh-lão-vô thường của thân, Thọ niệm trú duyên với thọ chứ không duyên với sinh-lão-vô thường của thọ, Tâm niệm trú duyên với tâm chứ không duyên với sinh-lão-vô thường của tâm, Pháp niệm trú duyên với thân cũng duyên với sinh-lão-vô thường của thân, duyên với Thọ-Tâm- Pháp cũng duyên với sinh-lão-vô thường của Thọ-Tâm-Pháp, vì thế cho nên chỉ riêng

loại này gọi là Pháp niệm trú.

Có người nói: Đến đây các Sư Du-già tưởng về Ngã-tưởng về một tập hợp đều được dừng lại, tu tập đầy đủ trọn vẹn tưởng về Pháp-tưởng về sai biệt, cho nên gọi là Pháp niệm trú. Nghĩa là Sư Du-già phân tích về Thân rồi liền cho rằng Thọ là Ngã, phân tích về Thọ rồi liền cho rằng Tâm là Ngã, phân tích về Tâm rồi liền cho rằng pháp là Ngã, phân tích về Pháp rồi thì biết tất cả không phải là Ngã, hữu tình chỉ là tập hợp của hành trống rỗng. Vì thế cho nên đến đây tưởng về Pháp đầy đủ trọn vẹn, gọi là Pháp niệm trú.

Đã nói về nguyên cớ của từng loại Niệm trú, nay sẽ nói đến thứ tự của nó.

Hỏi: Vì sao Đức Thế Tôn trước tiên nói đến Thân niệm trú, cho đến cuối cùng mới nói đến Pháp niệm trú?

Đáp: Bởi vì biểu hiện rõ ràng về sự tùy thuận. Nghĩa là nếu biểu hiện rõ ràng theo thứ tự như vậy, thì tùy thuận đối với văn tự-ngôn thuyết.

Có người nói: Bởi vì tùy thuận với người thuyết giảng-người tiếp nhận. Nghĩa là nếu đưa ra theo thứ tự như vậy, thì đối với thầy thuyết giảng và đệ tử tiếp nhận đều được tùy thuận.

Có người nói: Bởi vì đây là dựa vào sinh khởi theo thứ tự. Thứ tự có ba loại:

1. Sinh khởi theo thứ tự.
2. Biểu hiện rõ rằng theo thứ tự.
3. Hiện quán theo thứ tự.

Sinh khởi theo thứ tự, là như Niệm trú này, và Tĩnh lự-Vô lượng- Vô sắc-Giải thoát-Thắng xứ-Biến xứ… Biểu hiện rõ rằng theo thứ tự, đó là Chánh đoạn-Thần túc-Căn-Lực-Giác chi-Đạo chi… Hiện quán theo thứ tự, đó là bốn Thánh đế. Bởi vì Sư Du-già đầu tiên khởi lên Thân niệm trú, cho nên Đức Phật nói đến trước; cho đến cuối cùng khởi lên Pháp niệm trú, cho nên Đức Phật nói đến sau.

Hỏi: Dựa vào luận mà sinh ra luận, vì sao các Sư Du-già đầu tiên khởi lên Thân niệm trú, cho đến cuối cùng khởi lên Pháp niệm trú?

Đáp: Bởi vì dựa vào thô-tế theo thứ tự. Nghĩa là trong năm uẩn thì Sắc uẩn là thô thiển nhất, cho nên đầu tiên quán sát khởi lên Thân niệm trú; trong bốn uẩn không có Sắc thì Thọ uẩn là thô thiển nhất, cho nên tiếp theo quán sát khởi lên Thọ niệm trú.

Hỏi: Thọ… không có nơi chốn, làm sao có thể thi thiết thô-tế?

Đáp: Tuy không có nơi chốn thô-tế mà có hành tướng thô-tế, cho nên cũng có thể thi thiết. Trong này, hành tướng thô của Thọ, như nói tay chân của tôi đau nhức, lại nói tôi nhận chịu khổ sở như vậy-như vậy. Các uẩn như Thọ… tuy không phải Sắc mà thi thiết thô-tế như Sắc.

Trong bốn uẩn không có Sắc thì Thức uẩn là vi tế nhất, mà đầu tiên quán sát về Tưởng-Hành uẩn khởi lên Tâm niệm trú, bởi vì kết hợp thi thiết Tưởng-Hành uẩn và Niết-bàn là pháp vi tế nhất, cho nên cuối cùng quán sát về pháp ấy khởi lên Pháp niệm trú.

Có người nói: Từ vô thỉ cho đến ngày nay, nam vì sắc của nữ, nữ vì sắc của nam, là nơi sinh ra nhiễm ô, cho nên đầu tiên quán sát về Sắc khởi lên Thân niệm trú; đắm trước Sắc này bởi vì tham cảm thọ vui thú, cho nên tiếp theo quán sát về Thọ khởi lên Thọ niệm trú; tham cảm thọ vui thú bởi vì không điều phục đối với tâm, cho nên tiếp theo quán sát về Tâm khởi lên Tâm niệm trú; không điều phục đối với tâm bởi vì phiền não chưa đoạn, cho nên cuối cùng quán sát về Pháp khởi lên Pháp niệm trú.

Có người nói: Bởi vì Sắc có thể thi thiết có tăng-giảm, có lấy-bỏ, nối tiếp nhau tương tự, cho nên đầu tiên quán sát về Sắc khởi lên Thân niệm trú. Vào lúc quán sát về Sắc, khởi lên thân Khinh an và tâm Khinh an, từ đây làm đầu tiên dẫn dắt khởi lên cảm thọ vui vẻ, cho nên tiếp theo quán sát về Thọ khởi lên Thọ niệm trú. Vào lúc quán sát về Thọ, dẫn dắt khởi lên Thắng nghĩa phân biệt rõ ràng về cảnh giới, cho nên tiếp theo quán sát về Thức khởi lên Tâm niệm trú. Lúc ấy dấy lên ý niệm này: Nếu nơi nào khởi tâm thì cũng khởi tâm sở. Cho nên cuối cùng quán sát về Pháp khởi lên Pháp niệm trú.

Có người nói: Thân ngu có thể giữ lấy Thọ ngu, cho đến Tâm ngu có thể giữ lấy Pháp ngu; không phải là Thân ngu không chuyển mà có thể chuyển Thọ ngu, cho đến không phải là Tâm ngu không chuyển mà có thể chuyển Pháp ngu, cho nên bốn Niệm trú khởi lên theo thứ tự như vậy.

Có người nói: Thân không ngu có thể dẫn dắt Thọ không ngu, cho đến Tâm không ngu có thể dẫn dắt Pháp không ngu; không phải là Thân không ngu không khởi lên mà có thể khởi lên Thọ không ngu, cho đến không phải là Tâm không ngu không khởi lên mà có thể khởi lên Pháp không ngu, cho nên bốn Niệm trú khởi lên theo thứ tự như vậy.

Có người nói: Thân quán sát có thể dẫn dắt Thọ quán sát, cho đến Tâm quán sát có thể dẫn dắt Pháp quán sát; không phải là Thân quán sát không khởi lên mà có thể khởi lên Thọ quán sát, nói rộng ra như trên.

Có người nói: Thân quán sát cùng với Thọ quán sát làm nhân-làm

căn-làm mắt-làm đạo-làm từng bước-làm năng tác-làm duyên sinh-làm khởi tập-làm đẳng khởi, Thọ quán sát cùng với Tâm quán sát, Tâm quán sát cùng với Pháp quán sát cũng như vậy, còn lại nói như trước.

Có người nói: Thân quán sát cùng với Thọ quán sát làm gia hạnh-làm cửa ngõ-làm nơi nương tựa, cho đến Tâm quán sát cùng với Pháp quán sát cũng như vậy, còn lại nói như trước.

Có người nói: Thân quán sát cùng với Thọ quán sát làm nơi nương tựa-làm dấu tích để lại, cho đến Tâm quán sát cùng với Pháp quán sát cũng như vậy, còn lại nói như trước.

Hỏi: Nếu như vậy thì Thân quán sát lại dùng pháp nào làm nơi nương tựa-làm dấu tích để lại?

Đáp: Dùng tướng Xa-ma-tha đã đạt được trước đây làm nơi nương tựa-làm dấu tích để lại, như nói: Bởi vì trước đây đạt được Xa-ma-tha bất động, cho nên tướng của thân nhẹ nhàng mềm mại, tích tụ khắp nơi từ chân đến đầu, vì vậy có thể khởi lên Thân niệm trú cho đến Pháp niệm trú.

Có người nói: Lúc ấy phân biệt về các Xứ ở trong sự nối tiếp nhau khởi lên bốn Niệm trú, đó là Sư Du-già đầu tiên muốn biết về các Sắc xứ, cho nên trước phải phân biệt về mười Sắc xứ và Sắc do Niệm xứ thâu nhiếp, vì thế cho nên trước tiên khởi lên Thân niệm trú. Tiếp theo ngay nơi Pháp xứ phân biệt về các Thọ, cho nên tiếp theo khởi lên Thọ niệm trú. Tiếp theo ngay nơi Pháp xứ phân biệt về Tưởng-Hành uẩn và ba Vô vi, cho nên tiếp theo khởi lên Pháp niệm trú. Lúc ấy lại dấy lên ý niệm này: Trừ pháp này ra còn có pháp nào? Liền biết như thật còn có Ý xứ, vì vậy liền phân biệt về Ý xứ, cho nên cuối cùng khởi lên Tâm niệm trú. Các Sư Du-già nếu dựa vào tự tướng để quán sát, thì trước tiên khởi lên Pháp niệm trú, sau cùng khởi lên Tâm niệm trú; nếu dựa vào cọng tướng để quán sát, thì trước tiên khởi lên Tâm niệm trú, sau cùng khởi lên Pháp niệm trú, cho nên bốn Niệm trú khởi lên theo thứ tự như vậy.

Hỏi: Là trước tiên khởi lên Niệm trú duyên với bên trong, hay là trước tiên khởi lên Niệm trú duyên với bên ngoài? Nếu như vậy thì có gì sai? Nếu trước tiên khởi lên Niệm trú duyên với bên trong, thì kinh nói nên hiểu thế nào? Như nói: "Tỳ kheo mới học vốn có Thi-la thanh tịnh, ý thích đầy đủ trọn vẹn, muốn nhanh chóng đoạn trừ dục-tham-sân, nên hướng về con đường vắng vẻ hiu quạnh, đi đến nơi đặt xác chết, cố gắng giữ lấy tướng ấy, hoặc là bầm xanh, hoặc là nát rữa…" Nếu trước tiên khởi lên Niệm trú duyên với bên ngoài, thì kinh khác nói lại hiểu thế nào? Như nói: "Trước tiên trú vào thân bên trong thuận theo thân quán sát, tiếp theo trú vào thân

bên ngoài…”

Đáp: Nên đưa ra cách nói này: Trước tiên khởi lên Niệm trú duyên với bên trong. Nguyên cớ thế nào? Bởi vì có Ngã cho nên có Ngã sở, có Ngã chấp cho nên có Ngã sở chấp, có Ngã kiến cho nên có Ngã sở kiến, có năm Ngã kiến cho nên có mười lăm Ngã sở kiến, có Ngã ngu cho nên có Ngã sở ngu, có Ngã ái cho nên có nhiều vật dụng yêu quý, vì nuôi lớn Ngã bên trong cho nên cầu mong vật dụng cung cấp bên ngoài.

Hỏi: Nếu như vậy thì kinh đã dẫn ra trước đó nên hiểu thế nào?

Đáp: Đó là Niệm trú gia hạnh chứ không phải là Niệm trú căn bản. Vì sao biết như vậy? Bởi vì ngay kinh ấy nói: “Cố gắng giữ lấy tướng rồi nhanh chóng trở về nơi của mình, nhớ lại tướng đã giữ lấy trước đây. Nếu có thể nhớ lại thì tốt, nếu không có thể nhớ lại thì tiếp tục đi đến nơi đặt xác chết, lại cố gắng giữ lấy tướng chạy nhanh về nơi của mình, rửa tay chân sạch sẽ, đi vào phòng trải chỗ ngồi mà ngồi, dùng tác ý thắng giải khiến cho tướng đã giữ lấy trước đây hiện rõ trước mắt.” Đó gọi là Niệm trú gia hạnh. Nếu lúc dùng tướng đã giữ lấy bên ngoài, đặt vào thân bên trong mà quán sát, thì mới gọi là tiến vào Niệm trú căn bản.

Có người nói: Kinh ấy nói đến quả thuộc tác ý thắng giải chứ không phải là phần vị Niệm trú. Vì sao biết như vậy? Bởi vì ngay kinh ấy nói: “Lúc ấy Tỳ kheo mới học đạt được ý về Học rồi, nếu muốn hướng về con đường vắng vẻ hiu quạnh, thì tùy theo ý muốn mà đi đến.” Trong này, Tỳ kheo mới học tức là hàng Dự lưu và hàng Nhất lai, cho nên biết kinh ấy nói đến quả thuộc tác ý thắng giải chứ không phải là phần vị Niệm trú.

Như trong kinh nói: “Trú vào thân bên trong thuận theo thân quán sát, trú vào thân bên ngoài thuận theo thân quán sát, trú vào thân bên trong-bên ngoài thuận theo thân quán sát...”

Hỏi: Trong này, loại nào gọi là Thân bên trong…, loại nào gọi là Thân bên ngoài…?

Đáp: Sắc do sự nối tiếp nhau của mình thâu nhiếp, gọi là Thân bên trong; Sắc do sự nối tiếp nhau nơi khác, và Sắc thuộc số phi hữu tình, gọi là Thân bên ngoài. Pháp bên trong-Pháp bên ngoài, nói cũng như vậy. Thọ do sự nối tiếp nhau của mình thâu nhiếp, gọi là Thọ bên trong; Thọ do sự nối tiếp nhau nơi khác, gọi là Thọ bên ngoài. Tâm bên trong-Tâm bên ngoài, nói cũng như vậy.

Có Sư khác nói: Sắc thuộc số hữu tình gọi là Thân bên trong, Sắc thuộc số phi hữu tình gọi là Thân bên ngoài; Pháp bên trong-Pháp bên ngoài, nói cũng như vậy. Tâm-Thọ nói như trước.

Hiếp Tôn giả nói: "Hiện tại gọi là bên trong, quá khứ-vị lai và Vô vi gọi là bên ngoài."

Hỏi: Vì sao hiện tại gọi là bên trong, quá khứ-vị lai và Vô vi gọi là bên ngoài?

Đáp: Bởi vì pháp hiện tại phần nhiều làm cho hữu tình thâu nhiếp tiếp nhận tham trước, chứ không phải là quá khứ-vị lai và Vô vi.

Trong này, trú vào thân bên trong thuận theo thân quán sát, là trú vào thân bên trong quán sát về tự tướng; trú vào thân bên ngoài thuận theo thân quán sát, là trú vào thân bên ngoài quán sát về tự tướng; trú vào thân bên trong-bên ngoài thuận theo thân quán sát, là trú vào thân bên trong-bên ngoài quán sát về cọng tướng. Cho đến Pháp cũng như vậy.

Có người nói: Trú vào thân bên trong thuận theo thân quán sát, là trú vào thân bên trong quán sát rộng ra; trú vào thân bên ngoài thuận theo thân quán sát, là trú vào thân bên ngoài quán sát rộng ra; trú vào thân bên trong-bên ngoài thuận theo thân quán sát, là trú vào thân bên trong-bên ngoài quán sát tóm lược. Cho đến Pháp cũng như vậy.

Có người nói: Trú vào thân bên trong thuận theo thân quán sát, là đối trị về Ngã chấp; trú vào thân bên ngoài thuận theo thân quán sát, là đối trị về Ngã sở chấp; trú vào thân bên trong-bên ngoài thuận theo thân quán sát, là đối trị về Ngã chấp-Ngã sở chấp. Cho đến Pháp cũng như vậy. Như Ngã chấp-Ngã sở chấp, Ngã kiến-Ngã sở kiến nói cũng như vậy.

Có người nói: Trú vào thân bên trong thuận theo thân quán sát, là đối trị về năm Ngã kiến; trú vào thân bên ngoài thuận theo thân quán sát, là đối trị về mười lăm Ngã sở kiến; trú vào thân bên trong-bên ngoài thuận theo thân quán sát, là đối trị về hai mươi loại Tát-ca-da kiến. Cho đến Pháp cũng như vậy. Như Ngã kiến-Ngã sở kiến, như vậy Ngã ngu-Ngã sở ngu nói cũng như vậy.

Có người nói: Trú vào thân bên trong thuận theo thân quán sát, là đối trị về Ngã ái; trú vào thân bên ngoài thuận theo thân quán sát, là đối trị về nhiều vật dụng yêu quý; trú vào thân bên trong-bên ngoài thuận theo thân quán sát, là đối trị cả hai loại ái. Cho đến Pháp cũng như vậy.

Hỏi: Đến đâu thì nên nói là Thân niệm trú đầy đủ trọn vẹn, cho đến Pháp niệm trú đầy đủ trọn vẹn?

Đáp: Dựa vào hai duyên cho nên biết là đầy đủ trọn vẹn:

1. Phân biệt sở duyên.
2. Căn thiện tăng lên.

Phân biệt sở duyên, đó là nếu lúc có thể dùng cực vi và sát-na để phân

biệt về sở duyên, hoặc là chỉ dùng sát-na để phân biệt về sở duyên. Căn thiện tăng lên, đó là dựa vào phẩm Hạ sinh ra phẩm Trung, dựa vào phẩm Trung sinh ra phẩm Thượng. Đến đây thì nên biết là Niệm trú đầy đủ trọn vẹn.

Có người nói: Dựa vào chuyển đổi gia hạnh cho nên biết là đầy đủ trọn vẹn, đó là Sư Du-già trước tiên phân biệt về Thân, phân biệt về Thân rồi chuyển sang Tuệ nhận hiểu về Thân; tiếp theo phân biệt về Thọ, phân biệt về Thọ rồi chuyển sang Tuệ nhận hiểu về Thọ; tiếp theo phân biệt về Tâm, phân biệt về Tâm rồi chuyển sang Tuệ nhận hiểu về Tâm, phân biệt đối với Pháp. Ví như nông phu dẫn nước tưới ruộng, thửa ruộng thứ nhất đầy rồi dẫn sang tưới cho thửa ruộng thứ hai, thửa ruộng thứ hai đầy rồi dẫn sang tưới cho thửa ruộng thứ ba, thửa ruộng thứ ba đầy rồi dẫn sang tưới cho thửa ruộng thứ tư; ở đây cũng như vậy.

Có người nói: Đến lúc tướng oán hại thành tựu thì nên biết là đầy đủ trọn vẹn. Tướng oán hại có hai loại:

1. Khiến cho không vui mừng.
2. Khiến cho sinh ra tức giận.

Trong này chỉ nói khiến cho không vui mừng gọi là tướng oán hại, đó là Sư Du-già phân biệt về Thân rồi liền đối với Thân không sinh ra vui mừng, mà vui mừng đối với Thọ…; phân biệt về Thọ rồi lại đối với Thọ không sinh ra vui mừng, mà vui mừng đối với Tâm…; phân biệt về Tâm rồi lại đối với Tâm không sinh ra vui mừng, mà vui mừng đối với Pháp; phân biệt về Pháp rồi thì đối với tất cả cảnh giới không sinh ra vui mừng. Nên biết lúc bấy giờ là Niệm trú đầy đủ trọn vẹn.

-oOo-

LUẬN A TỲ ĐẠT MA ĐẠI TỲ BÀ SA

QUYỂN 188

LUẬN VỀ NIỆM TRU (Phần 2)

Lại nữa, có ba loại Niệm trú, đó là do Văn-Tư-Tu mà thành sai biệt.

Trong này, có người nói: Đối với mười hai phần giáo mà Đức Phật đã nói ra, thọ trì-đọc tụng-suy nghĩ-phân biệt, gọi là Niệm trú do Văn mà thành, dựa vào Văn khởi lên Tư, dựa vào Tư khởi lên Tu, dựa vào Tu có thể đoạn phiền não; như dựa vào quặng vàng chế ra vàng, dựa vào vàng chế ra kim cương, dựa vào kim cương có thể cắt đứt vật cứng như sắt-đá…

Hiếp Tôn giả nói: "Đối với mười hai phần giáo mà Đức Phật đã nói ra, thọ trì-đọc tụng-suy nghĩ-phân biệt, là Tuệ thuộc sinh đắc, dựa vào Tuệ thuộc sinh đắc khởi lên Niệm trú do Văn mà thành, dựa vào Văn khởi lên Tư, dựa vào Tư khởi lên Tu, dựa vào Tu có thể đoạn phiền não; như dựa vào hạt giống sinh ra mầm non, dựa vào mầm non sinh ra thân cây, dựa vào thân cây sinh ra cành-lá, dựa vào cành lá sinh ra hoa quả."

Hỏi: Ba Niệm trú này có gì sai biệt?

Đáp: Có người nói: Tên gọi tức là sai biệt, đó là loại này gọi là Niệm trí do Văn mà thành, cho đến loại này gọi là Niệm trú do Tu mà thành.

Có người nói: Niệm trú do Văn mà thành ở tất cả mọi lúc dựa vào tên gọi mà chuyển đối với nghĩa, nghĩa là Tố-đát-lãm nói có nghĩa gì, Tỳ-nại-da nói có nghĩa gì, A-tỳ-đạt-ma nói có nghĩa gì, Ô-ba-đà-da nói có nghĩa gì, A-già-lợi-da nói có nghĩa gì, sách luận khác nói có nghĩa gì? Niệm trú do Tư mà thành hoặc là dựa vào tên gọi, hoặc là không dựa vào tên gọi mà chuyển đối với nghĩa. Niệm trú do Tu mà thành ở tất cả mọi lúc lìa tên gọi mà chuyển đối với nghĩa; ví như ba người cùng tắm gội ở hồ nước, người thứ nhất chưa học cách bơi, người thứ hai học chưa thành thạo, người thứ ba học đã thành thạo. Người chưa học cách bơi thì tất cả mọi lúc dựa vào ven bờ mà tắm gội; người học chưa thành thạo thì có lúc dựa vào ven bờ, có lúc rời xa bờ mà tắm gội; người học đã thành thạo thì luôn luôn rời xa bờ, ở giữa hồ nước mà tắm gội. Như người thứ nhất, do Văn mà thành cũng như vậy; như người thứ hai, do Tư mà thành cũng như vậy; như người thứ ba, do Tu mà thành cũng như vậy. Đó gọi là sự sai biệt của ba loại Niệm

trú này.

Hỏi: Niệm trú do Văn-Tư-Tu mà thành này, cõi nào có mấy loại?

Đáp: Cõi Dục có hai loại, đó là do Văn-Tư mà thành chứ không phải là do Tu. Nguyên cớ thế nào? Bởi vì cõi Dục là cõi không nhất định, không phải là địa của tu, không phải là địa của lìa nhiễm, cho nên lúc tác ý về Tu thì rơi vào trong Tư. Cõi Sắc có hai loại, đó là do Văn-Tu mà thành chứ không phải là do Tư. Nguyên cớ thế nào? Bởi vì cõi Sắc là cõi nhất định, là địa của tu, là địa của lìa nhiễm, cho nên lúc tác ý về Tư thì rơi vào trong Tu. Cõi Vô sắc có một loại, đó là do Tu mà thành, nhưng do Tu mà thành cũng không rơi vào cõi.

Có Sư khác nói: Cõi Dục có đủ ba loại, còn lại nói như trước.

Có người nói: Cõi Dục-Sắc đều có đủ ba loại, còn lại nói như trước.

Có người nói: Ba cõi đều có đủ ba loại, chỉ riêng do Tu mà thành cũng không rơi vào cõi.

Lời bình: Cách nói thứ nhất là hợp lý.

Hỏi: Các Niệm trú này, loại nào làm nhân của loại nào?

Đáp: Văn làm nhân của ba loại. Tư chỉ làm nhân của Tư chứ không phải là nhân của Văn, bởi vì kém hơn loại ấy; không phải là nhân của Tu, bởi vì cõi khác nhau. Tu chỉ làm nhân của Tu chứ không phải là nhân của Văn, bởi vì kém hơn loại ấy; không phải là nhân của Tư, bởi vì kém hơn loại ấy và cõi khác nhau.

Hỏi: Loại nào làm quả của loại nào?

Đáp: Văn chỉ là quả của Văn, Tư là quả của Văn-Tư chứ không phải là Tu, Tu là quả của Văn-Tu chứ không phải là Tư.

Hỏi: Ba Niệm trú này, loại nào hiện rõ trước mắt thì tu mấy loại?

Đáp: Lúc do Văn mà thành hiện rõ trước mắt thì chỉ tu về Văn chứ không phải là Tư-Tu, lúc do Tư mà thành hiện rõ trước mắt thì chỉ tu về Tư chứ không phải là Văn-Tu.

Trong này, lúc sát-na thuộc Văn-Tư hiện rõ trước mắt, bởi vì tu luyện tập cho nên gọi là tu; không phải là tu thuộc vị lai, bởi vì thế lực yếu kém. Bởi vì như vậy cho nên chỉ tu về loại của mình chứ không tu về loại khác. Lúc do Tu mà thành hiện rõ trước mắt, có thể tu cả ba loại. Lực của Văn-Tư tuy không có thể tu thuộc vị lai, mà nhờ vào lực khác cho nên có nghĩa của tu thuộc vị lai.

Hỏi: Niệm trú do Văn-Tư-Tu mà thành, Phật-Độc giác và Thanh văn đều có mấy loại?

Đáp: Phật có đủ ba loại nhưng do Tu mà thành là hơn hẳn, bởi vì tự nhiên Giác ngộ và đầy đủ các công đức Lực-Vô úy… Độc giác cũng có đủ ba loại nhưng do Tư mà thành là hơn hẳn, bởi vì tự mình tư duy Giác ngộ mà không có các công đức Lực-Vô úy… Thanh văn cũng có đủ ba loại nhưng do Văn mà thành là hơn hẳn, bởi vì thuận theo nghe âm thanh của người khác mà tiến vào Thánh đạo. Như nói: "Đệ tử bậc Thánh của Ta, đầy đủ đa văn, đoạn pháp bất thiện, tu tập pháp thiện."

Lại có ba loại Niệm trú, đó là Niệm trú thuộc ngôn thuyết cứu cánh, Niệm trú thuộc tư duy cứu cánh, Niệm trú thuộc xuất ly cứu cánh. Nên biết ba loại này tức là Niệm trú do Văn-Tư-Tu mà thành, như thứ tự ấy. Nhưng ba loại Niệm trú như Văn…, tất cả đều có thể gọi là do Văn mà thành, như nói:

"Đa văn có thể nhận biết pháp,
Đa văn có thể lìa tội lỗi,
Đa văn rời bỏ pháp vô nghĩa,
Đa văn đạt được pháp Niết-bàn."

Tất cả đều có thể gọi là do Tư mà thành, như nói: "Tư ấy là nghiệp, Lự ấy là Tuệ." Lự đã nói đến ấy tức là do Tư mà thành. Tất cả đều có thể gọi là do Tu mà thành, như nói: "Pháp cần phải tu, đó là tất cả pháp thiện hữu vi."

Hỏi: Thế nào gọi là Niệm trú gia hạnh, thế nào là tự tướng-chủng tánh duyên xen tạp, và Niệm trú do Văn-Tư-Tu mà thành sinh khởi theo thứ tự?

Đáp: Quán Bất tịnh-Trì tức niệm-Tác ý về Giới, đó gọi là Niệm trú gia hạnh.

Ngay pháp này làm đầu tiên tiến vào tự tướng-chủng tánh của Thân niệm trú, ngay Thân niệm trú làm đầu tiên tiến vào tự tướng- chủng tánh của Thọ niệm trú, ngay Thọ niệm trú làm đầu tiên tiến vào tự tướng-chủng tánh của Tâm niệm trú, ngay Tâm niệm trú làm đầu tiên tiến vào tự tướng-chủng tánh của Pháp niệm trú.

Từ tự tướng-chủng tánh của Pháp niệm trú khởi lên Pháp niệm trú duyên xen tạp, từ Pháp niệm trú duyên xen tạp khởi lên ba Nghĩa quán.

Từ ba Nghĩa quán có Thân niệm trú do Văn mà thành, đầu tiên khởi lên duyên với Khổ đế làm hành tướng Vô thường cho đến hành tướng Vô ngã, tiếp theo khởi lên duyên với Tập đế làm hành tướng Nhân cho đến hành tướng Duyên, tiếp theo khởi lên duyên với Đạo đế làm hành tướng Đạo cho đến hành tướng Xuất.

Từ đây không gián đoạn có Thọ niệm trú-Tâm niệm trú do Văn mà

thành, đều khởi lên duyên với ba Đế làm mười hai hành tướng cũng như vậy.

Từ đây không gián đoạn có Pháp niệm trú do Văn mà thành, đầu tiên khởi lên duyên với Khổ đế làm hành tướng Vô thường cho đến hành tướng Vô ngã, tiếp theo khởi lên duyên với Tập đế làm hành tướng Nhân cho đến hành tướng Duyên, tiếp theo khởi lên duyên với Diệt đế làm hành tướng Diệt cho đến hành tướng Ly, tiếp theo khởi lên duyên với Đạo đế làm hành tướng Đạo cho đến hành tướng Xuất.

Từ Pháp niệm trú do Văn mà thành không gián đoạn, có Thân niệm trú do Tư mà thành khởi lên duyên với ba Đế làm mười hai hành tướng. Từ đây không gián đoạn có Thọ niệm trú khởi lên duyên với ba Đế làm mười hai hành tướng. Từ đây không gián đoạn có Tâm niệm trú khởi lên duyên với ba Đế làm mười hai hành tướng. Từ đây không gián đoạn có Pháp niệm trú khởi lên duyên với bốn Đế làm mười sáu hành tướng.

Từ Pháp niệm trú do Tư mà thành, có Pháp niệm trú do Tu mà thành, đầu tiên khởi lên duyên với Khổ đế làm hành tướng Vô thường cho đến hành tướng Vô ngã, tiếp theo khởi lên duyên với Tập đế làm hành tướng Nhân cho đến hành tướng Duyên, tiếp theo khởi lên duyên với Diệt đế làm hành tướng Diệt cho đến hành tướng Ly, tiếp theo khởi lên duyên với Đạo đế làm hành tướng Đạo cho đến hành tướng Xuất.

Như vậy, Pháp niệm trú duyên với bốn Đế làm mười sáu hành tướng, gọi là Nhẫn ban đầu. Đó gọi là do Niệm trú gia hạnh đã dẫn dắt tự tướng-chủng tánh duyên xen tạp, và Niệm trú do Văn-Tư-Tu mà thành sinh khởi theo thứ tự.

Hỏi: Vì sao Niệm trú do Văn-Tư đều đầu tiên khởi lên Thân niệm trú duyên với ba Đế làm mười hai hành tướng, sau mới khởi lên Niệm trú khác, nhưng Niệm trú do Tu mà thành thì đầu tiên đã khởi lên Pháp niệm trú duyên với bốn Đế làm mười sáu hành tướng?

Đáp: Bởi vì chủng tánh chưa từng đạt được, bởi vì hành tướng từng bước đạt được, cho nên đầu tiên quán sát về uẩn thô thiển, sau đó quán sát về uẩn vi tế. Ở trong năm uẩn thì Sắc uẩn là thô thiển nhất, bởi vì đầu tiên quán sát về uẩn ấy, cho nên đầu tiên khởi lên Thân niệm trú. Nhưng Thân-Thọ-Tâm đều thâu nhiếp ba Đế, cho nên Thân niệm trú duyên với ba Đế làm mười hai hành tướng. Như vậy, Thân niệm trú do Văn mà thành dẫn dắt khởi lên Thọ niệm trú do Văn mà thành, Thọ niệm trú do Văn mà thành dẫn dắt khởi lên Tâm niệm trú do Văn mà thành, Tâm niệm trú do Văn mà thành dẫn dắt khởi lên Pháp niệm trú do Văn mà thành. Pháp niệm trú do

Văn mà thành này duyên với bốn Đế làm mười sáu hành tướng. Bốn niệm trú do Văn mà thành dần dần đầy đủ trọn vẹn rồi, thì có thể dẫn dắt khởi lên bốn niệm trú do Tư mà thành. Bốn niệm trú do Tư mà thành dần dần đầy đủ trọn vẹn rồi, lại có thể dẫn dắt khởi lên Pháp niệm trú do Tu mà thành. Bởi vì chủng tánh này chưa từng đạt được, hành tướng tồn tại vững chắc đối với tất cả các uẩn, cho nên đầu tiên đã khởi lên Pháp niệm trú, trước phải duyên với Khổ đế làm bốn hành tướng, cho đến sau đó duyên với Đạo đế làm bốn hành tướng.

Như trong kinh nói: "Như vậy, tu chân chánh nguyện Niệm trú, có thể phá tan Vô minh, phát khởi đối với Minh."

Hỏi: Trong này nói pháp nào gọi là tu chân chánh nguyện Niệm trú?

Đáp: Có người đưa ra cách nói này: Trong này nói đến Khổ pháp trí nhẫn, bởi vì pháp này có thể phá tan Vô minh, tức là mười tùy miên do kiến Khổ mà đoạn của cõi Dục; phát khởi đối với Minh, tức là Khổ pháp trí.

Có người nói: Trong này nói đến Đạo loại trí nhẫn, bởi vì pháp này có thể phá tan Vô minh, tức là mười bốn tùy miên do kiến Đạo mà đoạn của cõi Sắc-Vô sắc; phát khởi đối với Minh, tức là Đạo loại trí.

Có người nói: Trong này nói đến Định Kim cang dụ, bởi vì pháp này có thể phá tan Vô minh, tức là phiền não thuộc phẩm Hạ Hạ của Phi tưởng phi phi tưởng xứ; phát khởi đối với Minh, tức là Tận trí.

Có người nói: Trong này nói tất cả đạo vô gián, bởi vì pháp này có thể phá tan Vô minh, tức là phẩm phiền não do đạo ấy mà đoạn; phát khởi đối với Minh, tức là đạo giải thoát thuộc phẩm ấy.

Hiếp Tôn giả nói: "Trong này nói đến Tuệ thiện do phương tiện thiện xảo mà thâu nhiếp tiếp nhận, gọi là tu chân chánh nguyện Niệm trú, bởi vì pháp này có thể phá tan Vô minh, tức là ba căn bất thiện; phát khởi đối với Minh, tức là ba căn thiện." Như Đức Thế Tôn nói bài tụng rằng:

"Nếu mạng lưới dày thì vướng mắc,
Không có Ái người nào giữ được,
Sở hành của Phật là vô biên,
Không dấu tích-dấu nào dẫn lối?"

Trong này, sở hành của Phật, đó là bốn Niệm trú.

Hỏi: Đức Phật là đạt được giới hạn (biên tế) của Niệm trú mà nhập Niết-bàn, hay là không đạt được giới hạn của Niệm trú mà đã nhập Niết-bàn? Giả sử như vậy thì có gì sai? Nếu nói là đạt được, thì vì sao nói sở hành của Phật là vô biên? Nếu không đạt được, thì vì sao nói lúc Đức Phật đạt được Tận trí thì việc làm viên mãn cứu cánh?

Đáp: Có nhân duyên cho nên có thể nói là đạt được giới hạn, có nhân duyên cho nên có thể nói là không đạt được giới hạn. Đó là dựa vào dẫn dắt cho nên có thể nói là đạt được giới hạn, dựa vào thọ dụng cho nên có thể nói là không đạt được giới hạn.

Lại nữa, dựa vào đạt được cho nên có thể nói là đạt được giới hạn, dựa vào thân tướng cho nên có thể nói là không đạt được giới hạn.

Lại nữa, dựa vào thành tựu cho nên có thể nói là đạt được giới hạn, dựa vào hiện tiền cho nên có thể nói là không đạt được giới hạn.

Như trong kinh nói: "Thế nào gọi là không phải nơi thực hành của Tỳ kheo? Nên nói chính là năm dục tuyệt vời (Diệu dục). Thế nào gọi là nơi thực hành của Tỳ kheo? Nên nói chính là bốn Niệm trú."

Hỏi: Năm dục tuyệt vời cũng thuận theo đưa vào trong Niệm trú, vì sao nói không phải là nơi thực hành?

Đáp: Dựa vào người chủ động quán sát, cho nên đưa ra cách nói này. Đó là nếu quán sát không như lý thì gọi là không phải nơi thực hành, nếu quán sát như lý thì gọi là nơi thực hành.

Như trong kinh nói: "Có ba loại Niệm trú, Thánh giả nên luyện tập. Nếu có Thánh giả khéo léo luyện tập, thì lúc này mới thích hợp để điều khiển mọi người.

Thế nào là ba loại? Đó là lúc Như Lai thuyết pháp cho đệ tử, khởi lòng thương xót sâu sắc, tâm Bi hợp với lợi ích mà nói cho biết rằng: Đây là lợi ích, đây là an lạc, đây là lợi ích an lạc. Nếu chúng đệ tử cung kính, tập trung lắng nghe, trú trong tâm vâng theo lời dạy, thực hành giáo pháp-tùy thuận giáo pháp, không vượt bỏ Thánh giáo, tiếp nhận học hỏi các Học xứ, thì Như Lai đối với chúng ấy cũng không vui mừng, tâm không hớn hở, chỉ an trú trong Chánh xả-Chánh niệm-Chánh tri.

Đó gọi là Niệm trú thứ nhất. Nếu có Thánh giả khéo léo luyện tập, thì lúc này mới thích hợp để điều khiển mọi người.

Lại nữa, lúc Như Lai thuyết pháp cho đệ tử, khởi lòng thương xót sâu sắc, tâm Bi hợp với lợi ích mà nói cho biết rằng: Đây là lợi ích, đây là an lạc, đây là lợi ích an lạc. Nếu chúng đệ tử không cung kính, không tập trung lắng nghe, không trú trong tâm vâng theo lời dạy, không thực hành giáo pháp-tùy thuận giáo pháp, vượt bỏ Thánh giáo, không tiếp nhận học hỏi các Học xứ, thì Như Lai đối với chúng ấy cũng không tức giận, tâm không buồn phiền, chỉ an trú trong Chánh xả-Chánh niệm- Chánh tri. Đó gọi là Niệm trú thứ hai. Nếu có Thánh giả khéo léo luyện tập, thì lúc này mới thích hợp để điều khiển mọi người.

Lại nữa, lúc Như Lai thuyết pháp cho đệ tử, khởi lòng thương xót sâu sắc, tâm Bi hợp với lợi ích mà nói cho biết rằng: Đây là lợi ích, đây là an lạc, đây là lợi ích an lạc. Nếu một phần chúng đệ tử cung kính, tập trung lắng nghe, cho đến tiếp nhận học hỏi các Học xứ; một phần chúng đệ tử không cung kính, không tập trung lắng nghe, cho đến cũng không tiếp nhận học hỏi các Học xứ. Lúc bấy giờ Như Lai đối với người cung kính tiếp nhận, cũng không vui mừng, tâm không hớn hở; đối với người không cung kính tiếp nhận, cũng không tức giận, tâm không buồn phiền, chỉ an trú trong Chánh xả-Chánh niệm-Chánh tri. Đó gọi là Niệm trú thứ ba. Nếu có Thánh giả khéo léo luyện tập, thì lúc này mới thích hợp để điều khiển mọi người."

Hỏi: Nếu như vậy thì chỉ cần có hai loại Niệm trú, đó là đối với người cung kính tiếp nhận và đối với người không cung kính tiếp nhận, vì sao phải nói đến ba loại?

Đáp: Bởi vì thuận theo chúng hội có ba loại, cho nên nói đến ba loại. Đó là có chúng hội mà tất cả đều cung kính tiếp nhận, có chúng hội mà tất cả đều không cung kính tiếp nhận, có chúng hội thì một phần cung kính tiếp nhận và một phần không cung kính tiếp nhận, vì thế cho nên thuận theo điều ấy mà nói đến ba loại Niệm trú.

Hỏi: Nếu như vậy thì phải nói đến bảy loại Niệm trú, đó là bốn loại trước đây và ba loại này?

Đáp: Trong này, ba loại tức là đưa vào trong bốn loại trước đây, bởi vì đều là do Pháp niệm trú bên ngoài duyên xen tạp trước đây thâu nhiếp.

Hỏi: Lúc Đức Phật thuyết pháp, nếu tất cả đều cung kính tiếp nhận, thì lẽ ra không có ba loại Niệm trú; nếu có người không cung kính tiếp nhận, thì Đức Thế Tôn sẽ không rưới làn mưa Chánh pháp ở nơi không phải là ruộng đất, không phải là đồ đựng. Như vậy, Đức Phật thuyết pháp sẽ trở thành uổng phí?

Đáp: Đức Thế Tôn thuyết pháp cho mọi người, muốn làm cho mọi người hiểu biết; nếu như mọi người không hiểu biết, thì cũng có chư Thiên có thể hiểu biết. Như vậy Niệm trú có ba loại, cũng không phải là Đức Phật thuyết pháp uổng phí. Nguyên cớ thế nào? Bởi vì mọi người không hiểu biết, cho nên Niệm trú có ba loại; bởi vì chư Thiên có thể hiểu biết, cho nên không phải ở nơi không phải là ruộng đất, không phải là đồ đựng mà rưới làn mưa Chánh pháp.

Có người nói: Lúc Đức Phật thuyết pháp thì muốn làm cho tất cả hữu tình đạt được quả A-la-hán, họ không đạt được quả A-la-hán mà đạt được quả Bất hoàn, cho nên Niệm trú có ba loại, cũng không phải là Đức Phật

thuyết pháp uổng phí. Nguyên cớ thế nào? Bởi vì không đạt được quả A-la-hán, cho nên Niệm trú có ba loại; bởi vì đạt được quả Bất hoàn, cho nên không phải là thuyết pháp uổng phí.

Lại nữa, lúc Đức Phật thuyết pháp thì muốn làm cho tất cả hữu tình đạt được quả Bất hoàn, họ không đạt được quả Bất hoàn mà đạt được quả Nhất lai, nói rộng ra như trước. Như vậy muốn làm cho đạt được quả Nhất lai, quả Dự lưu, căn thiện thuận phần Quyết trạch, căn thiện thuận phần Giải thoát, căn thiện thuận phần Phước, lần lượt chuyển tiếp theo thứ tự nói rộng ra cũng như vậy.

Lại nữa, lúc Đức Phật thuyết pháp thì muốn làm cho tất cả hữu tình đạt được quả trong pháp hiện tại, họ không đạt được quả trong pháp hiện tại mà có thể gieo trồng căn thiện cho tương lai, cho nên Niệm trú có ba loại, cũng không phải là Đức Phật thuyết pháp uổng phí, nói rộng ra như trước.

Hỏi: Vì sao lúc đệ tử cung kính tiếp nhận, Đức Phật không sinh lòng vui mừng; lúc đệ tử không cung kính tiếp nhận, Đức Phật không sinh lòng buồn phiền?

Đáp: Đức Phật biết rõ hữu tình có chủng tánh sai biệt như vậy, người ý thích xấu ác thì làm điều xấu ác, người ý thích tốt đẹp thì làm điều tốt đẹp. Nếu như người ý thích xấu ác mà làm điều tốt đẹp thì nên sinh lòng vui mừng đối với họ, người ý thích tốt đẹp mà làm điều xấu ác thì nên sinh lòng buồn phiền đối với họ, nhưng mà không phải như vậy, bởi vì chủng tánh khác biệt. Như biết rõ chủng tánh sai biệt của mọi vật bên ngoài, quặng sắt thì sản xuất ra sắt, quặng vàng thì sản xuất ra vàng, vì thế cho nên lúc nấu chảy, từ quặng sắt có được sắt mà tâm không sinh buồn phiền, từ quặng vàng có được vàng mà tâm không sinh vui mừng. Nếu như có được trái ngược với điều này thì có thể sinh lòng buồn phiền-vui mừng, nhưng mà không có điều này, bởi vì chủng tánh khác nhau. Đức Thế Tôn cũng như vậy, biết rõ các chủng tánh sai biệt của hữu tình, cho nên không sinh lòng buồn phiền-vui mừng.

Có người đưa ra cách nói này: Bởi vì Đức Phật đã khéo đoạn các pháp yêu-ghét. Đó là vui mừng tựa như yêu, buồn phiền tựa như ghét, Đức Phật đối với yêu-ghét đều đã khéo đoạn, cho nên không có buồn phiền-vui mừng.

Lại có người nói: Đức Phật đã khéo tu pháp Không làm căn bản mà dấy lên nghĩ rằng: Ai là người cung kính, ai là người không cung kính, chỉ là tập hợp của hành trống rỗng? Vì thế đối với chúng hội không sinh lòng

buồn phiền-vui mừng.

Như trong kinh nói: "Có một đạo hướng về, có thể làm cho hữu tình thanh tịnh, đó là bốn Niệm trú…"

Hỏi: Vì sao gọi là một đạo hướng về, là bởi vì có thể vượt lên trên một cõi cho nên gọi là một đạo hướng về, là bởi vì có thể vượt lên trên một nẻo cho nên gọi là một đạo hướng về, là bởi vì có thể vượt lên trên một sinh loại cho nên gọi là một đạo hướng về, là bởi vì có thể thông đạt một Đế cho nên gọi là một đạo hướng về, là bởi vì có thể hướng đến một nơi cuối cùng cho nên gọi là một đạo hướng về, hay là bởi vì chỉ có một đạo cho nên gọi là một đạo hướng về? Giả sử như vậy thì có gì sai? Nếu bởi vì có thể vượt lên trên một cõi cho nên gọi là một đạo hướng về, thì không phải là một đạo hướng về, bởi vì có ba cõi? Nếu bởi vì có thể vượt lên trên một nẻo cho nên gọi là một đạo hướng về, thì cũng không phải là một đạo hướng về, bởi vì có năm nẻo? Nếu bởi vì có thể vượt lên trên một sinh loại cho nên gọi là một đạo hướng về, thì cũng không phải là một đạo hướng về, bởi vì có bốn sinh loại? Nếu bởi vì có thể thông đạt một Đế cho nên gọi là một đạo hướng về, thì cũng không phải là một đạo hướng về, bởi vì có bốn Đế? Nếu bởi vì có thể hướng đến một nơi cuối cùng cho nên gọi là một đạo hướng về, thì cũng không phải là một đạo hướng về, bởi vì nơi cuối cùng có hai loại, một là việc làm đến nơi cuối cùng, hai là công dụng đến nơi cuối cùng? Nếu bởi vì chỉ có một đạo cho nên gọi là một đạo hướng về, thì cũng không phải là một đạo hướng về, bởi vì đạo có nhiều loại, đó là đạo của Tùy tín hành, đạo của Tùy pháp hành, đạo của Tín thắng giải, đạo của Kiến chí, đạo của Thời giải thoát, đạo của Bất thời giải thoát? Vì sao nói là có một đạo hướng về?

Đáp: Tức là dựa vào duyên mà trước đây đã nói và duyên khác, cho nên gọi là một đạo hướng về.

Dựa vào duyên mà trước đây đã nói, nghĩa là bởi vì có thể vượt lên trên một cõi cho nên gọi là một đạo hướng về, tức là cõi Vô sắc; bởi vì vượt lên trên cõi này, cho nên không còn sinh vào ba cõi. Cũng bởi vì có thể vượt lên trên một nẻo cho nên gọi là một đạo hướng về, tức là nẻo Trời; bởi vì vượt lên trên nẻo này, cho nên không còn đi đến năm nẻo. Cũng bởi vì có thể vượt lên trên một sinh loại cho nên gọi là một đạo hướng về, tức là Hóa sinh; bởi vì vượt lên trên sinh loại này, cho nên không còn nhận chịu bốn sinh loại. Cũng bởi vì có thể thông đạt một Đế cho nên gọi là một đạo hướng về, tức là Đạo đế; bởi vì Đế này từ vô thỉ cho đến ngày nay chưa từng đạt được, và bởi vì chưa từng thông đạt. Cũng bởi vì có thể hướng đến một nơi cuối cùng cho nên gọi là một đạo hướng về, tức là việc làm đến

nơi cuối cùng; bởi vì tu tập công dụng đến nơi cuối cùng, đều là vì đạt được việc làm đến nơi cuối cùng. Cũng bởi vì chỉ có một đạo cho nên gọi là một đạo hướng về, tức là Thánh đạo.

Hỏi: Lẽ nào không phải là có đạo của Tùy tín hành cho đến đạo của Bất thời giải thoát, như vậy thì sẽ có nhiều đạo?

Đáp: Bởi vì tất cả đều là hướng đến hành diệt Khổ, cho nên gọi là một đạo. Như hướng đến hành diệt Khổ, như vậy hướng đến hành diệt quả báo, diệt thế gian, diệt sinh tử, diệt lưu chuyển, diệt sinh-già-bệnh- chết cũng như vậy. Đó gọi là dựa vào duyên mà trước đây đã nói, cho nên gọi là một đạo hướng về.

Và dựa vào duyên khác, đó là bởi vì không có hướng về nơi khác, bởi vì không lui sụt trở lại, bởi vì đến giải thoát không lui sụt, bởi vì đến một nẻo rời xa năm nẻo, như nói Niết-bàn là nơi A-la-hán hướng đến. Bởi vì nghĩa như vậy, cho nên gọi là một đạo hướng về.

Lại có người nói: Bởi vì có thể đối trị với đạo khác, cho nên gọi là một đạo hướng về. Đó là các ngoại đạo, hoặc chấp không ăn là đạo, hoặc là chấp xoay chuyển theo mặt trời là đạo, hoặc chấp nằm trên tro-hít hơi gió-uống nước lã-ăn rau cỏ-ăn trái cây-thân hình lõa lồ-áo vải thô-nằm không bằng…, tất cả đều cho là đạo. Đức Phật vì đối trị với các ngoại đạo ấy, cho nên nói một đạo hướng về. Ý nghĩa này nói: Các loại đạo ấy đều không phải là đạo thật sự mà chỉ là đạo tà ác hư vọng, là đạo mà hạng người bất thiện đã luyện tập gần gũi, chứ không phải là đạo của các bậc Thiện sĩ đã luyện tập gần gũi. Nguyên cớ thế nào? Bởi vì đạo thật sự chỉ có một, đó là bốn Niệm trú.

Hoặc có người nói: Có thể hướng đến một cửa của cung điện giải thoát, cho nên gọi là một đạo hướng về. Trong này nên dẫn ra thí dụ trong kinh Ốt-để-ca đã nói, như kinh ấy nói: "Đức Phật bảo với Ốt-để- ca: Như khu thành ở biên giới quốc gia, tường thành dày chắc đẩy lùi quân địch, lầu cao quan sát canh gác nghiêm ngặt, cửa lớn-cửa nhỏ thảy đều trang bị cẩn thận, chỉ có một cổng ra vào giao cho một người canh gác. Người ấy thông minh hiểu biết nhiều lại khéo léo luyện tập, người nào nên đi vào thì cho phép đi vào, người nào không nên đi vào thì ngăn lại. Người ấy luôn luôn đi tuần tra quanh khu thành xem xét, thậm chí không thấy nơi nào có thú vật qua lại, huống là có cổng nào khác ư? Này Ốt-để-ca nên biết, người gác cổng ấy tuy không biết hàng ngày có bao nhiêu hữu tình đi vào khu thành-đi ra khu thành, nhưng người ấy chắc chắn biết các hữu tình ra-vào đều đi qua cổng này chứ không từ cổng nào khác. Như vậy, Như Lai tuy không

tác ý biết rõ bao nhiêu hữu tình đã nhập Niết-bàn, bao nhiêu hữu tình sẽ nhập Niết-bàn, nhưng mà chắc chắn biết các loại hữu tình đã nhập Niết-bàn-chưa nhập Niết-bàn, đều do đạo này chứ không dựa vào đạo nào khác." Do đó, bởi vì có thể hướng đến một cửa của cung điện giải thoát, cho nên gọi là một đạo hướng về.

Hỏi: Chánh đoạn-Thần túc-Căn-Lực-Giác chi-Đạo chi đều là một đạo hướng về chăng? Nếu là một đạo hướng về, thì tại sao kinh ấy chỉ nói Niệm trú gọi là một đạo hướng về, chứ không nói đến pháp khác? Nếu không phải là một đạo hướng về, thì tại sao chỉ riêng Niệm trú là một đạo hướng về, chứ không phải là pháp khác?

Đáp: Nên nói những pháp ấy cũng là một đạo hướng về. Hỏi: Nếu như vậy thì tại sao kinh ấy lại không nói đến?

Đáp: Cần phải nói mà không nói đến, thì nên biết là nghĩa này có khác.

Có người nói: Nếu nói đến Niệm trú thì nên biết là cũng đã nói đến Chánh đoạn…

Có người nói: Niệm trú là một hướng về cũng là đạo, Chánh đoạn… là một hướng về mà không phải là đạo, bởi vì không phải tất cả đều là Tuệ.

Có người nói: Niệm trú từ địa bắt đầu sự nghiệp cho đến Tận trí- Vô sinh trí đều có tác dụng luôn luôn thù thắng, Chánh đoạn… thì không như vậy.

Có người nói: Niệm trú có thể phân biệt về tự tướng-cọng tướng của các pháp, có thể kiến lập về tự tướng-cọng tướng của các pháp, có thể làm hại cái ngu về sự và cái ngu về sở duyên, ở trong các pháp chuyển đổi không tăng-giảm, Chánh đoạn… thì không như vậy.

Có người nói: Niệm trú như pháp có mắt có thể dẫn dắt những pháp phần Bồ-đề khác như mù hướng đến cung điện Niết-bàn mà không có hướng về nơi khác, như người mắt sáng dẫn dắt những người mù khiến cho đi theo con đường ngay thẳng chứ không đi vào con đường sai trái; Niệm trú cũng như vậy, vì thế cho nên kinh ấy chỉ nói Niệm trú gọi là một đạo hướng về mà không nói đến pháp nào khác.

Như trong kinh nói: "Có một đạo hướng về, có thể làm cho hữu tình thanh tịnh, vượt lên diệt hết buồn khổ, cho đến có thể chứng được pháp thuận theo Chánh lý, đó là Thánh Chánh Tam-ma-địa và nhân duyên của pháp ấy, những vật dụng của pháp ấy."

Hỏi: Vì sao Đức Thế Tôn có lúc nói Bát-nhã là một đạo hướng về, có lúc nói Đẳng trì là một đạo hướng về?

Đáp: Bởi vì tùy theo hữu tình đã được hóa độ, có điều gì chưa đầy đủ mà nói. Nghĩa là hữu tình đã được hóa độ, hoặc có người thiếu về Xa-ma-tha, hoặc có người thiếu về Tỳ-bát-xá-na. Nếu người thiếu về Xa-ma-tha thì vì họ nói Đẳng trì là một đạo hướng về, nếu người thiếu về Tỳ-bát-xá-na thì vì họ nói Bát-nhã là một đạo hướng về. Bát-nhã tức là Niệm trú đã nói trước đây, bởi vì Niệm trú lấy Tuệ làm tánh.

Như trong kinh nói: "Nếu có người có thể biện giải về bốn Niệm trú thì có thể biện giải về Chánh như lý, nếu có thể biện giải về Chánh như lý thì có thể biện giải về Thánh đạo, nếu có thể biện giải về Thánh đạo thì có thể biện giải về Cam lộ, nếu có thể biện giải về Cam lộ thì có thể thoát khỏi các pháp bức bách phiền muộn như sinh-già-bệnh-chết- sầu than-buồn khổ."

Hỏi: Niệm trú-Chánh như lý-Thánh đạo-Cam lộ sai biệt thế nào?

Đáp: Tên gọi tức là sai biệt, đó là tên gọi Niệm trú cho đến tên gọi Cam lộ.

Có người nói: Niệm trú tức là hiển bày về Niệm trú, Chánh như lý hiển bày về Chánh đoạn-Thần túc-Căn-Lực-Giác chi, Thánh đạo hiển bày về Đạo chi, Cam lộ hiển bày về quả của pháp ấy.

Có người nói: Niệm trú hiển bày về Niệm trú thuộc sở duyên, Chánh như lý hiển bày về Niệm trú xen tạp nhau, Thánh đạo hiển bày về Niệm trú thuộc tự tánh, Cam lộ hiển bày về quả của pháp ấy.

Có người nói: Niệm trú hiển bày về Niệm trú do Văn mà thành, Chánh như lý hiển bày về Niệm trú do Tư mà thành, Thánh đạo hiển bày về Niệm trú do Tu mà thành, Cam lộ hiển bày về quả của pháp ấy.

Có người nói: Niệm trú hiển bày về Niệm trú thuộc ngôn thuyết cứu cánh, Chánh như lý hiển bày về Niệm trú thuộc tư duy cứu cánh, Thánh đạo hiển bày về Niệm trú thuộc xuất ly cứu cánh, Cam lộ hiển bày về quả của pháp ấy.

Có người nói: Niệm trú hiển bày về Kiến đạo, Chánh như lý hiển bày về Tu đạo, Thánh đạo hiển bày về đạo Vô học, Kiến địa-Tu địa-địa Vô học nói cũng như vậy, Cam lộ hiển bày về quả của pháp ấy.

Có người nói: Niệm trú hiển bày về Vị tri đương căn, Chánh như lý hiển bày về Dĩ tri căn, Thánh đạo hiển bày về Cụ tri căn, Cam lộ hiển bày về quả của pháp ấy.

Đó gọi là sự sai biệt của Niệm trú-Chánh như lý-Thánh đạo-Cam lộ.

Nếu tu Thân niệm trú thì lúc ấy tu Thọ niệm trú chăng? Cho đến nói

rộng ra.

Tu có bốn loại, đó là tu đạt được-tu luyện tập-tu đối trị-tu loại bỏ. Tu đạt được-tu luyện tập, đó là tất cả pháp thiện hữu vi; tu đối trị-tu loại bỏ, đó là tất cả pháp hữu lậu.

Các Sư phương Tây nói: "Tu có sáu loại, đó là bốn loại trước và tu phòng hộ-tu phân biệt. Tu phòng hộ, đó là tu về Căn, như nói: Sáu căn như vậy khéo điều phục-khéo bảo vệ-khéo giữ gìn-khéo ngăn ngừa thì có thể cảm đến dị thục Lạc thọ ở tương lai. Tu phân biệt, đó là tu về Thân, như nói: Thân này là tóc-lông-răng-móng…"

Các Sư nước Ca-thấp-di-la nói: "Hai loại tu sau này tức là thuộc về tu đối trị-loại bỏ ở trước."

Nghĩa về bốn loại tu nói rộng ra như chương Trí Uẩn…

Trong này, dựa vào hai loại tu mà soạn luận, đó là tu đạt được-tu luyện tập. Dựa vào hai loại tu này, ở trong các phần vị tu về Niệm trú có sai biệt. Đó là trong phần vị Noãn ban đầu duyên với ba Đế, Pháp niệm trú là tu hiện tại, vị lai tu bốn loại, một hành tướng là tu hiện tại, vị lai tu bốn hành tướng, tu đồng phần chứ không phải là không đồng phần; duyên với Diệt đế, Pháp niệm trú là tu hiện tại, ngay loại này tu ở vị lai, một hành tướng là tu hiện tại, vị lai tu bốn hành tướng, cũng tu đồng phần chứ không phải là không đồng phần, bởi vì không phải là ban đầu quán về uẩn diệt đi mà có thể tu về đạo duyên với uẩn. Phần vị Noãn tăng trưởng duyên với ba Đế, bốn Niệm trú tùy theo một loại là tu hiện tại, vị lai tu bốn loại, tu đồng phần và không đồng phần, một hành tướng là tu hiện tại, vị lai tu mười sáu hành tướng; duyên với Diệt đế, Pháp niệm trú là tu hiện tại, vị lai tu bốn loại, một hành tướng là tu hiện tại, vị lai tu mười sáu hành tướng.

Hỏi: Vì sao Noãn ban đầu chỉ tu đồng phần chứ không phải là không đồng phần, Noãn tăng trưởng thì tu đồng phần và không đồng phần?

Đáp: Noãn ban đầu là chủng tánh chưa từng đạt được, ban đầu duyên với Đế khởi lên hành tướng, bởi vì thế lực yếu kém cho nên chỉ tu đồng phần chứ không phải là không đồng phần; Noãn tăng trưởng là chủng tánh đã từng đạt được, đã duyên với Đế khởi lên hành tướng, bởi vì thế lực mạnh mẽ cho nên có thể tu đồng phần và không đồng phần.

Trong phần vị Đảnh ban đầu duyên với bốn Đế, Pháp niệm trú là tu hiện tại, vị lai tu bốn loại, tu đồng phần và không đồng phần, một hành tướng là tu hiện tại, vị lai tu mười sáu hành tướng. Phần vị Đảnh tăng trưởng duyên với ba Đế, bốn Niệm trú tùy theo một loại là tu hiện tại, vị lai tu bốn loại, tu đồng phần và không đồng phần, một hành tướng là tu hiện tại, vị

lai tu mười sáu hành tướng; duyên với Diệt đế, Pháp niệm trú là tu hiện tại, vị lai tu bốn loại, một hành tướng là tu hiện tại, vị lai tu mười sáu hành tướng.

Phần vị Nhẫn ban đầu và tăng trưởng đều duyên với bốn Đế, Pháp niệm trú là tu hiện tại, vị lai tu bốn loại, tu đồng phần và không đồng phần, một hành tướng là tu hiện tại, vị lai tu mười sáu hành tướng.

Hỏi: Vì sao phần vị Nhẫn ban đầu và tăng trưởng đều chỉ có Pháp niệm trú là tu hiện tại?

Đáp: Bởi vì Nhẫn gần với Kiến đạo cho nên tương tự với Kiến đạo, như trong Kiến đạo chỉ có Pháp niệm trú là tu hiện tại, Nhẫn cũng như vậy.

Tôn giả Diệu Âm nói rằng: "Căn thiện thuận phần quyết trạch, hai loại ở cõi Dục đó là Noãn-Đảnh, hai loại ở cõi Sắc đó là Nhẫn-Thế đệ nhất pháp."

Nếu dựa vào cách nói ấy thì Nhẫn ban đầu duyên với ba Đế, Pháp niệm trú là tu hiện tại, vị lai tu bốn loại, một hành tướng tu ở hiện tại, vị lai tu bốn hành tướng, tu đồng phần chứ không phải là không đồng phần; duyên với Diệt đế, Pháp niệm trú là tu hiện tại, ngay loại này tu ở vị lai, bởi vì không phải là ban đầu quán về uẩn diệt đi mà có thể tu về đạo duyên với uẩn, cho nên một hành tướng là tu hiện tại, vị lai tu bốn hành tướng, tu đồng phần chứ không phải là không đồng phần. Phần vị Nhẫn tăng trưởng duyên với ba Đế, bốn Niệm trú tùy theo một loại là tu hiện tại, vị lai tu bốn loại, tu đồng phần và không đồng phần, một hành tướng là tu hiện tại, vị lai tu mười sáu hành tướng; duyên với Diệt đế, Pháp niệm trú là tu hiện tại, vị lai tu bốn loại, một hành tướng là tu hiện tại, vị lai tu mười sáu hành tướng.

Hỏi: Vì sao Nhẫn ban đầu chỉ tu đồng phần, Nhẫn tăng trưởng cũng tu không đồng phần?

Đáp: Nói rộng ra như trước.

Lời bình: Cách nói trước là hợp lý. Nhưng căn thiện thuận phần quyết trạch, bởi vì thuận với Kiến đạo, cho nên trong phần vị ban đầu khởi lên, hiện tại đều chỉ tu về Pháp niệm trú; ở phần vị tăng trưởng có bốn Niệm trú tùy theo một loại hiện rõ trước mắt. Từ phần vị Nhẫn ban đầu bởi vì gần với Kiến đạo, cho nên ở tất cả mọi lúc thì hiện tại chỉ tu về Pháp niệm trú. Phần vị Thế đệ nhất pháp cũng chỉ là Pháp niệm trú tu ở hiện tại, vị lai tu bốn loại, một hành tướng tu ở hiện tại, vị lai tu bốn hành tướng, tu đồng phần chứ không phải là không đồng phần.

Hỏi: Thế đệ nhất pháp cũng là chủng tánh đã từng đạt được, đã duyên với Đế khởi lên hành tướng, vì sao chỉ tu đồng phần chứ không phải là

không đồng phần?

Đáp: Thế đệ nhất pháp là căn thiện rất gần gũi với Kiến đạo, rất tương tự với Kiến đạo, như trong Kiến đạo chỉ có tu đồng phần chứ không phải là không đồng phần, Thế đệ nhất pháp cũng như vậy.

Có người nói: Bởi vì Thế đệ nhất pháp là căn thiện đi trước Kiến đạo, thuộc về tu đối trị, cho nên như Kiến đạo chỉ có tu đồng phần.

Có người nói: Thế đệ nhất pháp chỉ có bấy nhiêu hành tướng có thể tu, như người trần truồng không có áo quần có thể làm mất đi, nên biết Nhẫn tăng thượng cũng như vậy. Trong phần vị Nhẫn còn lại tùy theo sở duyên giảm bớt, thì không tu về hành tướng của Niệm trú ấy, như thích hợp nên biết!

-oOo-

LUẬN A TỲ ĐẠT MA ĐẠI TỲ BÀ SA

QUYỂN 189

LUẬN VỀ NIỆM TRU (Phần 3)

Nếu tiến vào Chánh tánh ly sinh, Hiện quán về Khổ-Tập đều trong bốn tâm, Hiện quán về Đạo trong ba tâm, thì Pháp niệm trú là tu hiện tại, vị lai tu bốn loại, một hành tướng tu ở hiện tại, vị lai tu bốn hành tướng, tu đồng phần chứ không phải là không đồng phần; Hiện quán về Diệt trong bốn tâm, Pháp niệm trú là tu hiện tại, ngay loại này tu ở vị lai, không phải là ban đầu quán về uẩn vô lậu diệt đi mà có thể tu về đạo duyên với uẩn, cho nên một hành tướng là tu hiện tại, vị lai tu bốn hành tướng, tu đồng phần chứ không phải là không đồng phần, bởi vì ban đầu đạt được chủng tánh vô lậu, cho nên thế lực chưa mở rộng.

Đạo loại trí thì Pháp niệm trú là tu hiện tại, vị lai tu bốn loại, tu đồng phần và không đồng phần, một hành tướng tu ở hiện tại, vị lai tu mười sáu hành tướng, bởi vì đã đạt được chủng tánh vô lậu, cho nên thế lực mở rộng hơn. Từ đây trở lên tất cả Thánh giả lúc khởi lên căn thiện chưa từng đạt được hiện rõ ở trước mắt, thì vị lai đều tu mười sáu hành tướng của bốn Niệm trú, chỉ trừ ra Tuệ do Văn-Tư mà thành, và lúc tâm Vi vi tiến vào Định Diệt tận, còn lại tất cả dị sinh cũng không có hành tướng Thánh. Vì thế cho nên từ đây về sau chỉ nói đến tu Niệm trú nhiều ít chứ không nói đến hành tướng.

Nếu các dị sinh lúc lìa nhiễm của cõi Dục là đạo gia hạnh, thì bốn Niệm trú tùy theo một loại là tu hiện tại, vị lai tu bốn loại; lúc chín đạo vô gián-chín đạo giải thoát, thì Pháp niệm trú là tu hiện tại, vị lai tu bốn loại.

Như lìa nhiễm của cõi Dục, cho đến lìa nhiễm của Tĩnh lự thứ ba cũng như vậy.

Lìa nhiễm của Tĩnh lự thứ tư, nếu vẫn dùng Tĩnh lự thứ tư làm gia hạnh, thì lúc ấy là đạo gia hạnh, bốn Niệm trú tùy theo một loại là tu hiện tại, vị lai tu bốn loại.

Nếu dùng Cận phần của Không vô biên xứ làm gia hạnh:

Có những người muốn làm cho địa Cận phần ấy có duyên riêng biệt,

thì lúc ấy là đạo gia hạnh, bốn Niệm trú tùy theo một loại là tu hiện tại, vị lai tu bốn loại; lúc chín đạo vô gián-tám đạo giải thoát, thì Pháp niệm trú là tu hiện tại, vị lai tu bốn loại; lúc đạo giải thoát thứ chín, thì Pháp niệm trú là tu hiện tại, vị lai tu ba loại, trừ ra Thân niệm trú.

Có những người muốn làm cho địa Cận phần ấy chỉ là duyên tổng quát, thì lúc ấy là đạo gia hạnh-chín đạo vô gián-tám đạo giải thoát, Pháp niệm trú là tu hiện tại, ngay loại này tu ở vị lai; lúc đạo giải thoát thứ chín, thì Pháp niệm trú là tu hiện tại, vị lai tu ba loại, trừ ra Thân niệm trú.

Như lìa nhiễm của Tĩnh lự thứ tư, cho đến lìa nhiễm của Vô sở hữu xứ cũng như vậy. Sai biệt là trừ ra Thân niệm trú.

Ngay các dị sinh khởi lên quán Bất tịnh-Trì tức niệm-Thân niệm trú, ba Giải thoát đầu-tám Thắng xứ-tám Biến xứ trước, và lúc dẫn dắt phát khởi Thần cảnh-Thiên nhãn-Thiên nhĩ thông, Thân niệm trú là tu hiện tại, vị lai tu bốn loại; khởi lên ba Niệm trú sau, tùy theo một loại là tu hiện tại, vị lai tu bốn loại. Lúc khởi lên bốn Vô lượng, dẫn dắt phát khởi Túc trú tùy niệm thông, thì Pháp niệm trú là tu hiện tại, vị lai tu bốn loại. Lúc dẫn dắt phát khởi Tha tâm thông, thì Tâm niệm trú hoặc là Thọ-Tâm-Pháp niệm trú tùy theo một loại là tu hiện tại, vị lai tu bốn loại.

Nếu lúc khởi lên Vô sắc-Giải thoát và ba Niệm trú sau, thì ba Niệm trú sau tùy theo một loại là tu hiện tại, vị lai tu ba loại, trừ ra Thân niệm trú.

Nếu lúc khởi lên Biến xứ của Không vô biên xứ-Thức vô biên xứ, thì Pháp niệm trú là tu hiện tại, vị lai tu ba loại, trừ ra Thân niệm trú.

Đó gọi là sự tu tập sai biệt ở phần vị dị sinh.

Nếu các Thánh giả lúc lìa nhiễm của cõi Dục cho đến nhiễm của Phi tưởng phi phi tưởng xứ, thì tất cả là đạo gia hạnh, bốn Niệm trú tùy theo một loại là tu hiện tại, vị lai tu bốn loại; lúc tất cả là đạo vô gián- giải thoát, thì Pháp niệm trú là tu hiện tại, vị lai tu bốn loại.

Tín thắng giải luyện căn làm Kiến chí, Thời giải thoát luyện căn làm Bất động, lúc tất cả là đạo gia hạnh, bốn Niệm trú tùy theo một loại là tu hiện tại, vị lai tu bốn loại; lúc tất cả là đạo vô gián-giải thoát, thì Pháp niệm trú là tu hiện tại, vị lai tu bốn loại.

Nếu các Thánh giả khởi lên quán Bất tịnh-Trì tức niệm-Thân niệm trú, ba Giải thoát đầu-tám Thắng xứ-tám Biến xứ trước, và lúc dẫn dắt phát khởi Thần cảnh-Thiên nhãn-Thiên nhĩ thông, và lúc khởi lên Từ vô ngại giải, thì Thân niệm trú là tu hiện tại, vị lai tu bốn loại.

Nếu tu xen lẫn Tĩnh lự, và có những người muốn làm cho tất cả pháp đều là Thắng nghĩa, lúc khởi lên Nghĩa vô ngại giải-Biện vô ngại giải,

Nguyện trí-Định Biên tế, Vô sắc-Giải thoát, tiến vào Định Diệt tận, Tưởng-Tâm vi tế, thì bốn Niệm trú tùy theo một loại là tu hiện tại, vị lai tu bốn loại.

Nếu khởi lên bốn Vô lượng-Túc trú tùy niệm thông, và có những người muốn làm cho chỉ riêng Niết-bàn là Thắng nghĩa, lúc khởi lên Nghĩa vô ngại giải-Pháp vô ngại giải, Vô tranh-hai Biến xứ sau, Không Không, Vô nguyện Vô nguyện, Vô tướng Vô tướng, thì Pháp niệm trú là tu hiện tại, vị lai tu bốn loại.

Nếu lúc dẫn dắt phát khởi Tha tâm thông, thì Tâm niệm trú hoặc là Thọ-Tâm-Pháp niệm trú, và lúc khởi lên ba Niệm trú sau, tùy theo một loại là tu hiện tại, vị lai tu bốn loại.

Đây gọi là Tỳ-bà-sa tóm lược ở nơi này.

Hỏi: Nếu tu Thân niệm trú thì lúc ấy tu Thọ niệm trú chăng, giả sử tu Thọ niệm trú thì lúc ấy tu Thân niệm trú chăng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu phân biệt:

1. Có lúc tu Thân niệm trú mà không phải là Thọ niệm trú, đó là đã đạt được Thân niệm trú hiện rõ ở trước mắt, bởi vì lúc pháp đã từng đạt được hiện rõ ở trước mắt, không có năng lực và thuộc vị lai, cho nên không tu Thọ niệm trú. Nhưng hiện rõ trước mắt là tu luyện tập, cho nên nói là tu Thân niệm trú.

Hỏi: Cũng có lúc chưa đạt được Thân niệm trú hiện rõ ở trước mắt mà không tu Thọ niệm trú, như lúc chưa từng đạt được Thân niệm trú do Văn-Tư mà thành hiện rõ ở trước mắt, vì sao trong này không nói đến?

Đáp: Cần phải nói mà không nói đến, thì nên biết là nghĩa này có khác.

Có người nói: Trong này dựa vào Niệm trú do Tu mà thành để soạn luận, không có lúc nào chưa đạt được Thân niệm trú do Tu mà thành hiện rõ ở trước mắt nhưng không tu Thọ niệm trú, vì thế cho nên không nói đến.

2. Có lúc tu Thọ niệm trú mà không phải là Thân niệm trú, đó là đã đạt được Thọ niệm trú hiện rõ ở trước mắt, nếu chưa đạt được Thọ niệm trú hiện rõ ở trước mắt thì không tu Thân niệm trú, nếu chưa đạt được Tâm-Pháp niệm trú hiện rõ ở trước mắt thì tu Thọ niệm trú chứ không phải là Thân niệm trú.

Đã đạt được Thọ niệm trú hiện rõ ở trước mắt, giải thích như trước.

Chưa đạt được Thọ niệm trú hiện rõ ở trước mắt thì không tu Thân niệm trú, đó là các dị sinh lìa nhiễm của Không vô biên xứ nhiễm của Vô

sở hữu xứ, nếu dùng Thọ niệm trú làm gia hạnh, thì lúc ấy là đạo gia hạnh.

Nếu các dị sinh lúc khởi lên Thọ niệm trú, Vô sắc-Giải thoát.

Những lúc như vậy, chưa đạt được Thọ niệm trú hiện rõ ở trước mắt thì không tu Thân niệm trú.

Chưa đạt được Tâm niệm trú hiện rõ ở trước mắt thì tu Thọ niệm trú chứ không phải là Thân niệm trú, đó là các dị sinh lìa nhiễm của Không vô biên xứ cho đến nhiễm của Vô sở hữu xứ, nếu dùng Tâm niệm trú làm gia hạnh, thì lúc ấy là đạo gia hạnh.

Nếu các dị sinh lúc khởi lên Tâm niệm trú, Vô sắc-Giải thoát.

Những lúc như vậy, chưa đạt được Tâm niệm trú hiện rõ ở trước mắt thì tu Thọ niệm trú chứ không phải là Thân niệm trú.

Chưa đạt được Pháp niệm trú hiện rõ ở trước mắt thì tu Thọ niệm trú chứ không phải là Thân niệm trú, đó là các dị sinh lìa nhiễm của Tĩnh lự thứ tư, lúc ấy là đạo giải thoát cuối cùng. Lìa nhiễm của Không vô biên xứ cho đến nhiễm của Vô sở hữu xứ, nếu dựa vào địa Căn bản dưới, khởi lên Pháp niệm trú làm gia hạnh, thì lúc ấy là đạo gia hạnh.

Nếu dựa vào địa Cận phần trên làm gia hạnh: Có những người muốn làm cho Cận phần của Vô sắc có duyên riêng biệt, nếu dùng Pháp niệm trú làm gia hạnh, thì lúc ấy là đạo gia hạnh-chín đạo vô gián-chín đạo giải thoát. Có những người muốn làm cho Cận phần của Vô sắc chỉ là duyên tổng quát, thì lúc ấy chỉ là đạo giải thoát thứ chín.

Nếu các dị sinh lúc khởi lên Pháp niệm trú, Vô sắc-Giải thoát, và lúc khởi lên hai Biến xứ sau.

Những lúc như vậy, chưa đạt được Pháp niệm trú hiện rõ ở trước mắt thì tu Thọ niệm trú chứ không phải là Thân niệm trú.

3. Có lúc tu cả hai loại, đó là chưa đạt được Thân niệm trú hiện rõ ở trước mắt, nếu chưa đạt được Thọ niệm trú hiện rõ ở trước mắt thì tu Thân niệm trú, nếu chưa đạt được Tâm-Pháp niệm trú hiện rõ ở trước mắt thì tu Thân-Thọ niệm trú.

Chưa đạt được Thân niệm trú hiện rõ ở trước mắt, đó là phần vị Noãn-Đảnh tăng trưởng, Thân niệm trú hiện rõ ở trước mắt, nếu lìa nhiễm của cõi Dục cho đến nhiễm của Phi tưởng phi phi tưởng xứ, Thân niệm trú làm gia hạnh, thì lúc ấy là đạo gia hạnh.

Nếu Tín thắng giải luyện căn làm Kiến chí, Thời giải thoát luyện căn làm Bất động, Thân niệm trú làm gia hạnh, thì lúc ấy là đạo gia hạnh.

Nếu lúc khởi lên quán Bất tịnh-Trì tức niệm-Thân niệm trú, ba Giải

thoát đầu-tám Thắng xứ-tám Biến xứ trước, dẫn dắt phát khởi Thần cảnh-Thiên nhãn-Thiên nhĩ thông, khởi lên Từ vô ngại giải.

Nếu lúc dùng Thân niệm trú tu xen lẫn Tĩnh lự: Có những người muốn làm cho tất cả pháp là Thắng nghĩa, thì lúc ấy khởi lên Thân niệm trú-Nghĩa vô ngại giải, và Thân niệm trú-Biện vô ngại giải, Nguyện trí-Định Biên tế, Vô sắc-Giải thoát, tiến vào Định Diệt tận, Tưởng-Tâm vi tế.

Những lúc như vậy, chưa đạt được Thân niệm trú hiện rõ ở trước mắt thì tu Thân-Thọ niệm trú.

Chưa đạt được Thọ niệm trú hiện rõ ở trước mắt thì tu Thân niệm trú, đó là phần vị Noãn-Đảnh tăng trưởng, lúc Thọ niệm trú hiện rõ ở trước mắt, nếu lìa nhiễm của cõi Dục cho đến nhiễm của Phi tưởng phi phi tưởng xứ, Thọ niệm trú làm gia hạnh, thì lúc ấy là đạo gia hạnh.

Nếu Tín thắng giải luyện căn làm Kiến chí, Thời giải thoát luyện căn làm Bất động, Thọ niệm trú làm gia hạnh, thì lúc ấy là đạo gia hạnh.

Nếu lúc dẫn dắt phát khởi Tha tâm thông, Thọ niệm trú hiện rõ ở trước mắt.

Nếu lúc dùng Thọ niệm trú tu xen lẫn Tĩnh lự: Có những người muốn làm cho tất cả pháp là Thắng nghĩa, thì lúc ấy khởi lên Thọ niệm trú-Nghĩa vô ngại giải, và Thọ niệm trú-Biện vô ngại giải, Nguyện trí- Định Biên tế, Vô sắc-Giải thoát, tiến vào Định Diệt tận, Tưởng-Tâm vi tế.

Những lúc như vậy, chưa đạt được Thọ niệm trú hiện rõ ở trước mắt thì tu Thân-Thọ niệm trú.

Chưa đạt được Tâm niệm trú hiện rõ ở trước mắt thì tu Thân-Thọ niệm trú, đó là phần vị Noãn-Đảnh tăng trưởng, lúc Tâm niệm trú hiện rõ ở trước mắt, nếu lìa nhiễm của cõi Dục cho đến nhiễm của Phi tưởng phi phi tưởng xứ, Tâm niệm trú làm gia hạnh, thì lúc ấy là đạo gia hạnh.

Nếu Tín thắng giải luyện căn làm Kiến chí, Thời giải thoát luyện căn làm Bất động, Tâm niệm trú làm gia hạnh, thì lúc ấy là đạo gia hạnh.

Nếu lúc dẫn dắt phát khởi Tha tâm thông, Tâm niệm trú hiện rõ ở trước mắt.

Nếu lúc dùng Tâm niệm trú tu xen lẫn Tĩnh lự: Có những người muốn làm cho tất cả pháp là Thắng nghĩa, thì lúc ấy khởi lên Tâm niệm trú-Nghĩa vô ngại giải, và Tâm niệm trú-Biện vô ngại giải, Nguyện trí- Định Biên tế, Vô sắc-Giải thoát, tiến vào Định Diệt tận, Tưởng-Tâm vi tế.

Những lúc như vậy, chưa đạt được Tâm niệm trú hiện rõ ở trước mắt thì tu Thân-Thọ niệm trú.

Chưa đạt được Pháp niệm trú hiện rõ ở trước mắt thì tu Thân-Thọ niệm trú, đó là phần vị Noãn ban đầu duyên với ba Đế, phần vị Noãn tăng trưởng duyên với bốn Đế, lúc Pháp niệm trú hiện rõ ở trước mắt.

Nếu phần vị Đảnh ban đầu và tăng trưởng duyên với bốn Đế, lúc Pháp niệm trú hiện rõ ở trước mắt.

Nếu lúc tất cả Nhẫn và Thế đệ nhất pháp.

Nếu tiến vào Chánh tánh ly sinh, Hiện quán về Khổ-Tập đều trong bốn tâm.

Nếu lìa nhiễm của cõi Dục cho đến nhiễm của Phi tưởng phi phi tưởng xứ, Pháp niệm trú làm gia hạnh, lúc ấy là tất cả đạo gia hạnh-vô gián-giải thoát.

Nếu Tín thắng giải luyện căn làm Kiến chí, Thời giải thoát luyện căn làm Bất động, Pháp niệm trú làm gia hạnh, thì lúc ấy là tất cả đạo gia hạnh-vô gián-giải thoát.

Nếu dẫn dắt phát khởi Tha tâm thông, Pháp niệm trú hiện rõ ở trước mắt, và dẫn dắt phát khởi Túc trú tùy niệm thông. Lúc khởi lên bốn Vô lượng.

Nếu lúc dùng Pháp niệm trú tu xen lẫn Tĩnh lự: Có những người muốn làm cho tất cả pháp là Thắng nghĩa, thì lúc ấy khởi lên Pháp niệm trú-Nghĩa vô ngại giải. Có những người muốn làm cho chỉ riêng Niết- bàn là Tháng nghĩa, thì lúc ấy khởi lên Nghĩa vô ngại giải-Pháp vô ngại giải, Vô tranh-hai Biến xứ sau, Không Không, Vô nguyện Vô nguyện, Vô tướng Vô tướng.

Nếu lúc khởi lên Pháp niệm trú-Biện vô ngại giải, Nguyện trí- Định Biên tế, Vô sắc-Giải thoát, tiến vào Định Diệt tận, Tưởng-Tâm vi tế.

Những lúc như vậy, chưa đạt được Pháp niệm trú hiện rõ ở trước mắt thì tu Thân-Thọ niệm trú.

1. Có lúc không tu cả hai loại, đó là đã đạt được Tâm-Pháp niệm trú hiện rõ ở trước mắt, nếu chưa đạt được Pháp niệm trú hiện rõ ở trước mắt thì không tu Thân-Thọ niệm trú, tất cả tâm nhiễm ô-tâm vô ký, ở Định Vô tưởng-Định Diệt tận, sinh ở cõi trời Vô Tưởng.

Đã đạt được Tâm-Pháp niệm trú hiện rõ ở trước mắt, giải thích như trước.

Chưa đạt được Pháp niệm trú hiện rõ ở trước mắt thì không tu Thân-Thọ niệm trú, đó là phần vị Noãn ban đầu duyên với Diệt đế.

Nếu tiến vào Chánh tánh ly sinh, Hiện quán về Diệt trong bốn tâm.

Nếu các dị sinh lìa nhiễm của Tĩnh lự thứ tư cho đến nhiễm của Vô sở hữu xứ: Có những người muốn làm cho Cận phần của Vô sắc chỉ là duyên tổng quát, nếu Cận phần của địa trên làm gia hạnh, thì lúc ấy là tất cả đạo gia hạnh-chín đạo vô gián-tám đạo giải thoát.

Những lúc như vậy, chưa đạt được Pháp niệm trú hiện rõ ở trước mắt thì không tu Thân-Thọ niệm trú.

Tất cả tâm nhiễm ô, đó là bởi vì tất cả tâm nhiễm ô đều là tánh thuận phần lui sụt tương ưng với nặng nề lười nhác, phải là tánh thuận phần thắng tiến tương ưng với tâm nhẹ nhàng tinh tiến thì mới có thể tu được.

Tâm vô ký, đó là bởi vì tâm vô ký thì tánh yếu kém-mục ruỗng- khô héo, cần phải trú trong tâm mạnh mẽ-vững chắc-thù thắng thì mới có thể tu được.

Ở Định Vô tưởng-Định Diệt tận, đó là những phần vị không có tâm, cần phải ở phần vị có tâm thì mới có thể tu được.

Sinh ở cõi trời Vô Tưởng, có người nói: Sinh đến cõi trời ấy thì căn thiện không khởi lên ở tất cả mọi lúc.

Có người nói: Tuy khởi lên mà không phải là nơi nương tựa của tu, bởi vì không có thể tu pháp thuộc vị lai.

Những lúc như vậy, không tu Thân-Thọ niệm trú.

Hỏi: Cũng có lúc chưa đạt được Tâm niệm trú hiện rõ ở trước mắt mà không tu Thân-Thọ niệm trú, như lúc chưa từng đạt được Tâm niệm trú do Văn-Tư mà thành hiện rõ ở trước mắt, vì sao trong này không nói đến?

Đáp: Cần phải nói mà không nói đến, thì nên biết là nghĩa này có khác.

Có người nói: Trong này nói lúc Tâm niệm trú chưa từng đạt được hiện rõ ở trước mắt, có thể tu vị lai mà không tu Thân-Thọ niệm trú, là bởi vì không có lúc nào Tâm niệm trú chưa từng đạt được hiện rõ ở trước mắt, có thể tu vị lai mà không tu Thân-Thọ niệm trú, vì thế cho nên không nói đến.

Hỏi: Nếu như vậy thì cũng nên nói tất cả tâm thiện phân tán, vì sao chỉ nói đến tâm nhiễm ô và tâm vô ký?

Đáp: Cần phải nói mà không nói đến, thì nên biết là nghĩa này có khác.

Có người nói: Điều ấy không quyết định, khó mà nói phù hợp với tác dụng. Nghĩa là nếu bởi vì tu mà nói thì pháp ấy không có sức lực có thể tu vị lai, nếu bởi vì không tu mà nói thì lúc hiện rõ trước mắt là thuộc về tu

luyện tập. Vì thế cho nên ở trong này đều không nói đến tu-không tu.

Như Thân niệm trú-Thọ niệm trú, nên biết Thân niệm trú-Tâm niệm trú cũng như vậy, bởi vì Thọ niệm trú-Tâm niệm trú ở vị lai thì tu-không tu nhất định phải đi cùng.

Hỏi: Nếu tu Thân niệm trú thì lúc ấy tu Pháp niệm trú chăng, giả sử tu Pháp niệm trú thì lúc ấy tu Thân niệm trú chăng? Đáp: Nên làm thành bốn câu phân biệt:

1. Có lúc tu Thân niệm trú mà không phải là Pháp niệm trú, đó là đã đạt được Thân niệm trú hiện rõ ở trước mắt, câu này giải thích như trước.

2. Có lúc tu Pháp niệm trú mà không phải là Thân niệm trú, đó là đã đạt được Pháp niệm trú hiện rõ ở trước mắt, nếu chưa đạt được Pháp niệm trú hiện rõ ở trước mắt thì không tu Thân niệm trú, nếu chưa đạt được Thọ-Tâm niệm trú hiện rõ ở trước mắt thì tu Pháp niệm trú chứ không phải là Thân niệm trú.

Đã đạt được Pháp niệm trú hiện rõ ở trước mắt, giải thích như trước.

Chưa đạt được Pháp niệm trú hiện rõ ở trước mắt thì không tu Thân niệm trú, đó là phần vị Noãn ban đầu duyên với Diệt đế.

Nếu tiến vào Chánh tánh ly sinh, Hiện quán về Diệt trong bốn tâm.

Nếu các dị sinh lìa nhiễm của Tĩnh lự thứ tư: Có những người muốn làm cho Cận phần của Không vô biên xứ chỉ là duyên tổng quát, nếu dùng địa ấy làm gia hạnh, thì lúc ấy là tất cả đạo gia hạnh-chín đạo vô gián-chín đạo giải thoát.

Nếu các dị sinh lìa nhiễm của Không vô biên xứ cho đến nhiễm của Vô sở hữu xứ, dùng Pháp niệm trú làm gia hạnh, thì lúc ấy là tất cả đạo gia hạnh-vô gián-giải thoát.

Nếu các dị sinh lúc khởi lên Pháp niệm trú, Vô sắc-Giải thoát, và lúc khởi lên hai Biến xứ sau.

Những lúc như vậy, chưa đạt được Pháp niệm trú hiện rõ ở trước mắt thì không tu Thân niệm trú.

Chưa đạt được Thọ niệm trú hiện rõ ở trước mắt thì tu Pháp niệm trú chứ không phải là Thân niệm trú, nói như phần chưa đạt được Thọ niệm trú hiện rõ ở trước mắt thì không tu Thân niệm trú ở trước.

Chưa đạt được Tâm niệm trú hiện rõ ở trước mắt thì tu Pháp niệm trú chứ không phải là Thân niệm trú, tức là nói như phần Thọ niệm trú.

3. Có lúc tu cả hai loại, đó là chưa đạt được Thân niệm trú hiện rõ ở trước mắt, nếu chưa đạt được Pháp niệm trú hiện rõ ở trước mắt thì tu Thân

niệm trú, nếu chưa đạt được Thọ-Tâm niệm trú hiện rõ ở trước mắt thì tu Thân-Pháp niệm trú.

Chưa đạt được Thân niệm trú hiện rõ ở trước mắt, nói như phần chưa đạt được Thân niệm trú hiện rõ ở trước mắt thì tu Thọ-Tâm niệm trú ở trước đây.

Chưa đạt được Pháp niệm trú hiện rõ ở trước mắt thì tu Thân niệm trú, nói như phần chưa đạt được Pháp niệm trú hiện rõ ở trước mắt thì tu Thân-Thọ niệm trú ở trước đây.

Chưa đạt được Thọ-Tâm niệm trú hiện rõ ở trước mắt thì tu Thân-Pháp niệm trú, đó là phần vị Noãn-Đảnh tăng trưởng, lúc Thọ-Tâm niệm trú hiện rõ ở trước mắt, nếu lìa nhiễm của cõi Dục cho đến nhiễm của Phi tưởng phi phi tưởng xứ, Thọ-Tâm niệm trú làm gia hạnh, thì lúc ấy là đạo gia hạnh.

Nếu Tín thắng giải luyện căn làm Kiến chí, Thời giải thoát luyện căn làm Bất động, Thọ-Tâm niệm trú làm gia hạnh, thì lúc ấy là đạo gia hạnh.

Nếu lúc dẫn dắt phát khởi Tha tâm thông, Thọ-Tâm niệm trú hiện rõ ở trước mắt.

Nếu lúc dùng Thọ-Tâm niệm trú tu xen lẫn Tĩnh lự: Có những người muốn làm cho tất cả pháp là Thắng nghĩa, thì lúc ấy khởi lên Thọ-Tâm niệm trú-Nghĩa vô ngại giải, và Thọ-Tâm niệm trú-Biện vô ngại giải, Nguyện trí-Định Biên tế, Vô sắc-Giải thoát, tiến vào Định Diệt tận, Tưởng-Tâm vi tế.

Những lúc như vậy, chưa đạt được Thọ-Tâm niệm trú hiện rõ ở trước mắt thì tu Thân-Pháp niệm trú.

4. Có lúc không tu cả hai loại, đó là đã đạt được Thọ-Tâm niệm trú hiện rõ ở trước mắt, tất cả tâm nhiễm ô-tâm vô ký, ở Định Vô tưởng- Định Diệt tận, sinh ở cõi trời Vô Tưởng, đều giải thích như trước.

Hỏi: Nếu tu Thọ niệm trú thì lúc ấy tu Tâm niệm trú chăng, giả sử tu Tâm niệm trú thì lúc ấy tu Thọ niệm trú chăng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu phân biệt:

1. Có lúc tu Thọ niệm trú mà không phải là Tâm niệm trú, đó là đã đạt được Thọ niệm trú hiện rõ ở trước mắt. Giải thích như trước.

2. Có lúc tu Tâm niệm trú mà không phải là Thọ niệm trú, đó là đã đạt được Tâm niệm trú hiện rõ ở trước mắt. Giải thích như trước.

3. Có lúc tu cả hai loại, đó là chưa đạt được Thân-Thọ-Tâm niệm trú hiện rõ ở trước mắt, nếu chưa đạt được Pháp niệm trú hiện rõ ở trước mắt

thì tu Thọ-Tâm niệm trú.

Chưa đạt được Thân niệm trú hiện rõ ở trước mắt, nói như các phần chưa đạt được Thân niệm trú hiện rõ ở trước mắt, trước đây.

Chưa đạt được Thọ-Tâm niệm trú hiện rõ ở trước mắt, nói như các phần chưa đạt được Thọ-Tâm niệm trú hiện rõ ở trước mắt, trước đây.

Chưa đạt được Pháp niệm trú hiện rõ ở trước mắt thì tu Thọ-Tâm niệm trú, nói như các phần chưa đạt được Pháp niệm trú hiện rõ ở trước mắt thì tu niệm trú khác, trước đây.

4. Có lúc không tu cả hai loại, đó là đã đạt được Thân-Pháp niệm trú hiện rõ ở trước mắt, nếu chưa đạt được Pháp niệm trú hiện rõ ở trước mắt thì không tu Thọ-Tâm niệm trú, tất cả tâm nhiễm ô-tâm vô ký, ở Định Vô tưởng-Định Diệt tận, sinh ở cõi trời Vô Tưởng.

Chưa đạt được Pháp niệm trú hiện rõ ở trước mắt thì không tu Thọ-Tâm niệm trú, nói như các phần chưa đạt được Pháp niệm trú hiện rõ ở trước mắt thì không tu niệm trú khác, trước đây. Còn lại giải thích như trước.

Hỏi: Nếu tu Thọ niệm trú thì lúc ấy tu Pháp niệm trú chăng, giả sử tu Pháp niệm trú thì lúc ấy tu Thọ niệm trú chăng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu phân biệt:

1. Có lúc tu Thọ niệm trú mà không phải là Pháp niệm trú, đó là đã đạt được Thọ niệm trú hiện rõ ở trước mắt. Câu này giải thích như trước.

2. Có lúc tu Pháp niệm trú mà không phải là Thọ niệm trú, đó là đã đạt được Pháp niệm trú hiện rõ ở trước mắt, nếu chưa đạt được Pháp niệm trú hiện rõ ở trước mắt thì không tu Thọ niệm trú.

Đã đạt được Pháp niệm trú hiện rõ ở trước mắt, giải thích như trước.

Chưa đạt được Pháp niệm trú hiện rõ ở trước mắt thì không tu Thọ niệm trú, nói như các phần chưa đạt được Pháp niệm trú hiện rõ ở trước mắt thì không tu niệm trú khác, trước đây.

3. Có lúc tu cả hai loại, đó là chưa đạt được Thân-Thọ-Tâm niệm trú hiện rõ ở trước mắt, nếu chưa đạt được Pháp niệm trú hiện rõ ở trước mắt thì tu Thọ niệm trú.

Chưa đạt được Thân niệm trú hiện rõ ở trước mắt, nói như các phần chưa đạt được Thân niệm trú hiện rõ ở trước mắt, trước đây.

Chưa đạt được Thọ-Tâm niệm trú hiện rõ ở trước mắt, nói như các phần chưa đạt được Thọ-Tâm niệm trú hiện rõ ở trước mắt, trước đây.

Chưa đạt được Pháp niệm trú hiện rõ ở trước mắt thì tu Thọ niệm trú,

nói như các phần chưa đạt được Pháp niệm trú hiện rõ ở trước mắt thì tu niệm trú khác, trước đây.

4. Có lúc không tu cả hai loại, đó là đã đạt được Thân-Tâm niệm trú hiện rõ ở trước mắt, tất cả tâm nhiễm ô-tâm vô ký, ở Định Vô tưởng- Định Diệt tận, sinh ở cõi trời Vô Tưởng, đều giải thích như trước.

Như Thọ niệm trú-Pháp niệm trú, nên biết Tâm niệm trú-Pháp niệm trú cũng như vậy, bởi vì Thọ niệm trú-Tâm niệm trú ở vị lai thì tu-không tu nhất định phải đi cùng.

Đối với Thân thuận theo Thân quán sát, thì Niệm trú nên nói là Pháp trí, cho đến nói rộng ra.

Hỏi: Văn này lẽ ra phải nói trước phần tu. Nguyên cớ thế nào? Bởi vì có tự tánh thì mới có thể tu, mà không nói đến trước là có ý gì?

Đáp: A-tỳ-đạt-ma nên dùng tướng để tìm hiểu chứ không dùng thứ tự, bởi vì A-tỳ-đạt-ma chính là muốn phân biệt về tánh tướng của các pháp nhưng không trái với nghĩa của nó, nếu nói trước hay sau thì cũng không có sai lầm.

Có Sư khác nói: Bởi vì muốn hiển bày trong này chỉ phân biệt về Niệm trú do Tu mà thành chứ không phải là Niệm trú do Văn-Tư mà thành, cho nên trước nói đến tu-sau trình bày về tự tánh.

Đối với Thân thuận theo Thân quán sát thì Niệm trú nên nói là Pháp trí, đó là nhận biết hệ thuộc cõi Dục và một phần Sắc vô lậu.

Nên nói là Loại trí, đó là nhận biết hệ thuộc cõi Sắc và một phần Sắc vô lậu.

Không nên nói là Tha tâm trí, bởi vì Tha tâm trí nhận biết tâm- tâm sở pháp, mà Thân niệm trú chỉ nhận biết Sắc pháp.

Nên nói là Thế tục trí, đó là nhận biết tất cả các Sắc.

Nên nói là Khổ trí, đó là nhận biết Sắc hữu lậu làm hành tướng Vô thường-Khổ-Không-Vô ngã.

Nên nói là Tập trí, đó là nhận biết Sắc hữu lậu làm hành tướng Nhân-Tập-Sinh-Duyên.

Không nói là Diệt trí, bởi vì Diệt trí chỉ nhận biết về pháp Vô vi, mà Thân niệm trú nhận biết về pháp hữu vi.

Nên nói là Đạo trí, đó là nhận biết Sắc vô lậu làm hành tướng Đạo-Như-Hành-Xuất.

Trong này không nói đến Tận trí-Vô sinh trí, bởi vì chương này là Kiến Uẩn, chỉ nói đến các trí thuộc tánh Kiến, hai trí ấy không phải là tánh

Kiến, vì thế cho nên không nói đến.

Hiển bày về Tự tánh rồi, nên hiển bày về Địa.

Nên nói là có Tầm-có Tứ, đó là dựa vào Vị chí-Tĩnh lự thứ nhất. Nên nói là không có Tầm-chỉ có Tứ, đó là dựa vào Tĩnh lự trung gian.

Nên nói là không có Tầm-không có Tứ, đó là dựa vào ba Tĩnh lự trên và bốn Vô sắc.

Hiển bày về Địa rồi, nên hiển bày về Tương ưng.

Nên nói là tương ưng với Lạc căn, đó là dựa vào Tĩnh lự thứ ba.

Nên nói là tương ưng với Hỷ căn, đó là dựa vào Tĩnh lự thứ nhất và Tĩnh lự thứ hai.

Nên nói là tương ưng với Xả căn, đó là dựa vào Vị chí-Tĩnh lự trung gian-Tĩnh lự thứ tư và bốn Vô sắc.

Hiển bày về Tương ưng rồi, nên hiển bày về Hành tướng.

Nên nói là đi cùng với Tam-ma-địa Không, đó là hai hành tướng.

Nên nói là đi cùng với Tam-ma-địa Vô nguyện, đó là mười hành tướng.

Không nói đi cùng với Tam-ma-địa Vô tướng, nói như không nói đến Diệt trí.

Hiển bày về Hành tướng rồi, nên hiển bày về Sở duyên.

Nên nói là duyên với hệ thuộc cõi Dục-Sắc, đó là duyên với Khổ-Tập.

Nên nói là duyên với không hệ thuộc, đó là duyên với Đạo.

Đối với Thọ thuận theo Thọ quán sát thì Niệm trú nên nói là Pháp trí, đó là nhận biết hệ thuộc cõi Dục và một phần Thọ vô lậu.

Nên nói là Loại trí, đó là nhận biết hệ thuộc cõi Sắc-Vô sắc và một phần Thọ vô lậu.

Nên nói là Tha tâm trí, đó là nhận biết hệ thuộc cõi Dục-Sắc và một phần Thọ vô lậu nối tiếp nhau nơi khác hiện rõ ở trước mắt.

Nên nói là Thế tục trí, đó là nhận biết tất cả các Thọ.

Nên nói là Khổ trí, đó là nhận biết Thọ hữu lậu làm bốn hành tướng Vô thường-Khổ-Không-Vô ngã.

Nên nói là Tập trí, đó là nhận biết Thọ hữu lậu làm hành tướng Nhân-Tập-Sinh-Duyên.

Không nói là Diệt trí, bởi vì Thọ niệm trú chỉ nhận biết về pháp hữu vi.

Nên nói là Đạo trí, đó là nhận biết Thọ vô lậu làm hành tướng Đạo-Như-Hành-Xuất.

Không nói đến trí khác, giải thích như trước.

Hiển bày về Tự tánh rồi, Địa-Tương ưng-Hành tướng đều nói như trước, nên hiển bày về Sở duyên.

Nên nói là duyên với hệ thuộc ba cõi, đó là duyên với Khổ-Tập. Nên nói là duyên với không hệ thuộc, đó là duyên với Đạo.

Như đối với Thọ niệm trú, đối với Tâm niệm trú cũng như vậy, bởi vì Sở duyên của hai loại này thường tương ưng với nhau.

Đối với Pháp thuận theo Pháp quán sát thì Niệm trú nên nói là Pháp trí, đó là nhận biết các hành hệ thuộc cõi Dục và nhân của nó-diệt của nó-tất cả phẩm Pháp trí của nó.

Nên nói là Loại trí, đó là nhận biết các hành hệ thuộc cõi Sắc-Vô sắc và nhân của nó-diệt của nó-tất cả phẩm Loại trí của nó.

Nên nói là Tha tâm trí, nhận biết hệ thuộc cõi Dục-Sắc và một phần vô lậu nối tiếp nhau nơi khác hiện rõ ở trước mắt, trừ ra Thọ và Tâm, còn lại tâm sở pháp.

Nên nói là Thế tục trí, đó là nhận biết tất cả các pháp.

Nên nói là Khổ trí, đó là nhận biết năm Thủ uẩn làm hành tướng Vô thường-Khổ-Không-Vô ngã.

Nên nói là Tập trí, đó là nhận biết nhân hữu lậu làm hành tướng Nhân-Tập-Sinh-Duyên.

Nên nói là Diệt trí, đó là nhận biết Trạch diệt làm bốn hành tướng Diệt-Tĩnh-Diệu-Ly.

Nên nói là Đạo trí, đó là nhận biết năm uẩn vô lậu làm hành tướng Đạo-Như-Hành-Xuất.

Không nói đến trí khác, cũng giải thích như trước.

Hiển bày về Tự tánh rồi, Địa-Tương ưng đều nói như trước, nên hiển bày về Hành tướng.

Nên nói là đi cùng với Tam-ma-địa Không và Vô nguyện, cũng giải thích như trước.

Nên nói là đi cùng với Tam-ma-địa Vô tướng, đó là bốn hành tướng.

Hiển bày về Hành tướng rồi, nên hiển bày về Sở duyên.

Nên nói là duyên với hệ thuộc ba cõi, đó là duyên với Khổ-Tập. Nên nói là duyên với không hệ thuộc, đó là duyên với Diệt-Đạo. Như nói lúc

cảm thọ Lạc thọ, nhận biết như thật là mình cảm thọ

Lạc thọ, đây là bốn trí. Cho đến nói rộng ra.

Hỏi: Vì sao trong này nhiều lần phân biệt về Thọ-Tâm-Pháp niệm trú, mà chỉ một lần phân biệt về Thân niệm trú?

Đáp: Bởi vì đó là ý của người soạn luận muốn như vậy, cho đến nói rộng ra.

Có người nói: Trong này Đức Thế Tôn cũng cần phải đưa ra cách nói này: Lúc ấy đi đứng… nhận biết như thật là mình đi đứng…, đây là bốn trí, cho đến nói rộng ra. Nhưng mà không nói là có ý gì? Trả lời rằng nếu pháp vi tế khó thấy-khó hiểu, không rõ ràng thì trở lại phân biệt; Thân niệm trú hiển bày thô thiển cho đến hiện thấy, cho nên không nói lại.

Có người nói: Nếu dựa vào pháp ấy khởi lên các loại không tương tự, văn cú khác nhau và trí khác nhau, thì trở lại phân biệt; Thân niệm trú nếu lúc phân biệt thì văn cú không khác nhau, trí cũng không khác nhau, cho nên không nói lại.

Hỏi: Lúc cảm thọ Lạc thọ thì không nhận biết như thật, lúc nhận biết như thật thì không cảm thọ Lạc thọ. Nguyên cớ thế nào? Bởi vì lúc cảm thọ Lạc thọ thì cảm thọ ấy ở hiện tại, không phải là lúc bấy giờ có thể nhận biết như thật, vì tương ưng với không nhận biết, vì không có hai phẩm tâm cùng đi với nhau. Lúc nhận biết như thật thì cảm thọ ấy ở quá khứ-vị lai, không phải là lúc bấy giờ gọi là cảm thọ Lạc thọ, bởi vì không có tác dụng. Khổ thọ và không khổ không lạc thọ, nói cũng như vậy. Vì sao Đức Phật nói lúc cảm thọ Lạc thọ, nhận biết như thật là mình cảm thọ Lạc thọ…?

Đáp: Có người nói: Trong này nên đưa ra cách nói này: Cảm thọ Lạc thọ rồi nhận biết như thật là mình đã cảm thọ Lạc thọ, cảm thọ Khổ thọ và không khổ không lạc thọ rồi nhận biết như thật là mình đã cảm thọ Khổ thọ và không khổ không lạc thọ. Nhưng mà không đưa ra cách nói này là có ý gì? Nên biết rằng trong này nói đã cảm thọ gọi là cảm thọ, đối với quá khứ mà nói theo thanh hiện tại; như nói Đại Vương từ phương nào đến, đây là nói đã đến gọi là đến. Lại như nói lúc Bồ-tát tiến vào Chánh tánh ly sinh đạt được Thế tục trí Hiện quán biên, đây là nói đã tiến vào gọi là tiến vào; điều ấy cũng như vậy.

Tôn giả Thế Hữu nói rằng: "Các cảm thọ lúc ở quá khứ-vị lai thì không có thể cảm thọ, lúc ở hiện tại chỉ do tự tánh mà chuyển cũng không có thể cảm thọ, vì sao nói là cảm thọ về Lạc-cảm thọ về Khổ? Nên biết rằng đó là quán sát về những khổ vui vốn có nối tiếp nhau mà nói, đó là quán sát về niềm vui vốn có nối tiếp nhau nói là mình cảm thọ niềm vui, quán sát về

nỗi khổ vốn có nối tiếp nhau nói là mình cảm thọ nỗi khổ.

Lại nữa, lúc ấy quán sát về nhân duyên của niềm vui-nỗi khổ nối tiếp nhau mà nói, đó là quán sát về nhân duyên nối tiếp nhau thâu nhiếp tiếp nhận nói là mình cảm thọ niềm vui, quán sát về nhân duyên nối tiếp nhau làm cho tổn hại nói là mình cảm thọ nỗi khổ.

Lại nữa, lúc ấy ở trong thời gian chuyển biến nối tiếp nhau của các cảm thọ liên tục khởi lên ý thức về cảnh ấy, liền cho rằng đây là có ích-là có hại đối với sở y, cho nên nói là mình đang cảm thọ niềm vui-cảm thọ nỗi khổ."

Đại đức nói rằng: "Lúc ấy ở trong sự chuyển biến nối tiếp nhau của đại chủng sở y mà cảm thọ niềm vui-nỗi khổ, cho rằng là cảm thọ, cho nên nói là mình đang cảm thọ niềm vui-cảm thọ nỗi khổ."

Như nói lúc cảm thọ Lạc thọ, nhận biết như thật là mình cảm thọ Lạc thọ, đây là bốn trí, đó là Pháp-Loại-Thế tục và Đạo trí.

Hỏi: Vì sao trong này không nói đến Tha tâm trí?

Đáp: Tha tâm trí nhận biết tâm - tâm sở pháp nối tiếp nhau của người khác, trong này nói đến trí như thật nhận biết về tâm - tâm sở pháp nối tiếp nhau của mình, vì thế cho nên không nói.

Lại nữa, Tha tâm trí nhận biết tâm - tâm sở pháp hiện tại, trong này nói đến trí như thật nhận biết về tâm - tâm sở pháp quá khứ.

Lại nữa, Tha tâm trí chỉ nhận biết tâm - tâm sở pháp, trong này nói đến trí như thật cũng nhận biết về sở y và sở duyên của tâm - tâm sở pháp.

Lại nữa, Tha tâm trí duyên với từng pháp một, trong này nói đến trí như thật cũng duyên chung với nhiều pháp, vì thế cho nên không nói đến Tha tâm trí.

Hỏi: Vì sao trong này lại không nói đến Khổ-Tập trí?

Đáp: Có người nói: Trong này cũng cần phải nói đến Khổ-Tập trí, mà không nói đến thì nên biết là nghĩa này có khác.

Có người nói: Khổ-Tập trí là trí thuộc hành tướng chán ngán, trong này nói đến trí như thật là trí thuộc hành tướng vui mừng, vì thế cho nên không nói.

Có người nói: Khổ-Tập trí duyên với sự việc mà chán ngán, trong này nói đến trí như thật duyên với sự việc mà vui mừng.

Có người nói: Khổ-Tập trí chán ghét sở duyên mà chuyển, trong này nói đến trí như thật yêu thích sở duyên mà chuyển.

Có người nói: Trong này nói nhận biết như thật về tâm - tâm sở pháp

hữu lậu-vô lậu. Nhưng mà tâm - tâm sở pháp hữu lậu từ vô thỉ đến nay thường xuyên nhận biết, lại thô thiển gần gũi dễ dàng biết rõ, khởi lên trí Thế tục thì có thể nhận biết rõ ràng, không cần phải khởi lên trí vô lậu, vì thế cho nên không có ai rời bỏ trí Thế tục mà dùng Khổ-Tập trí để nhận biết. Tâm-tâm sở pháp vô lậu từ xưa đến nay chưa hề nhận biết, lại vi tế khó hiểu, khởi lên trí vô lậu thì mới có thể nhận biết. Vì thế cho nên trong này nhận biết về tâm - tâm sở pháp hữu lậu chỉ là trí Thế tục, nhận biết như thật về tâm - tâm sở pháp vô lậu đó là ba trí còn lại. Do đó không nói là có Khổ-Tập trí.

Có người nói: Trong này nói nhận biết như thật về sự sai biệt của tâm - tâm sở pháp hữu lậu-vô lậu. Tướng hữu lậu ấy, khởi lên trí Thế tục thì nhận biết, lại không khởi lên Khổ-Tập trí bởi vì khó khởi lên, và bởi vì lúc khởi lên chỉ nhận biết về tướng chung. Tướng vô lậu ấy, khởi lên trí Thế tục thì không có thể nhận biết, cho nên liền khởi lên Đạo trí, nhưng Đạo trí sinh khởi tuy không như trước mà chỉ nhận biết sai biệt. Nhưng bởi vì tướng chung mà nhận biết về sự sai biệt, cho nên có Đạo trí chứ không có Khổ-Tập trí.

Có người nói: Trong này nói nhận biết như thật về hành tướng sai biệt của tâm - tâm sở pháp hữu lậu-vô lậu. Nhưng tâm - tâm sở pháp hữu lậu phần nhiều không phải là hành tướng duyên với Đế, giả sử vốn có thì cũng chưa dễ dàng thành tựu, cho nên chỉ dùng trí Thế tục làm hành tướng không phải là Đế, để nhận biết như thật về hành tướng sai biệt ấy; tâm - tâm sở pháp vô lậu đều là hành tướng duyên với Đế, bởi vì rất dễ dàng thành tựu, cho nên vẫn dùng Đạo trí làm hành tướng của Đế, để nhận biết như thật về hành tướng sai biệt ấy. Vì thế cho nên trong này không có Khổ-Tập trí.

Không nói đến Tận trí-Vô sinh trí, bởi vì chương này là Kiến Uẩn, chỉ nói đến các trí thuộc tánh Kiến, hai trí ấy không phải là trí thuộc tánh Kiến, vì thế cho nên không nói đến.

Trong này, Pháp trí đó là nhận biết về Lạc thọ thuộc phẩm Pháp trí; Loại trí đó là nhận biết về Lạc thọ thuộc phẩm Loại trí; Thế tục trí đó là nhận biết về Lạc thọ hữu lậu; Đạo trí đó là nhận biết về Lạc thọ vô lậu. Tuy không có một Lạc thọ do bốn trí nhận biết, đó là hữu lậu thì một trí nhận biết, vô lậu thì ba trí nhận biết, nhưng mà bởi vì nói chung cho nên nói là bốn trí nhận biết như thật về Lạc thọ.

Có người nói: Lạc thọ vô lậu do bốn trí nhận biết.

Lúc cảm thọ Khổ thọ, nhận biết như thật là cảm thọ Khổ thọ, đây là

một trí, đó là Thế tục trí, bởi vì Khổ thọ chỉ là hữu lậu, cho nên Thế tục trí nhận biết.

Lúc cảm thọ không khổ không lạc thọ thọ, nhận biết như thật là cảm thọ không khổ không lạc thọ, đây là bốn trí, đó là Pháp-Loại-Thế tục và Đạo trí; nói như nhận biết về Lạc thọ.

-oOo-

LUẬN A TỲ ĐẠT MA ĐẠI TỲ BÀ SA

QUYỂN 190

LUẬN VỀ NIỆM TRÚ (Phần 4)

Lúc cảm thọ về Lạc của thân thọ-Khổ của thân thọ-không khổ không lạc của thân thọ, và Khổ của tâm thọ thì nhận biết như thật, đây là một trí, đó là Thế tục trí, bởi vì tất cả thân thọ và Khổ của tâm thọ chỉ là hữu lậu, cho nên khởi lên Thế tục trí thì nhận biết như thật.

Lúc cảm thọ về Lạc của tâm thọ-không khổ không lạc của tâm thọ thì nhận biết như thật, đây là bốn trí, đó là Pháp-Loại-Thế tục và Đạo trí, bởi vì hai tâm thọ này bao gồm hữu lậu-vô lậu, cho nên dùng bốn trí nhận biết, giải thích rộng ra như trên.

Hỏi: Trong này thế nào gọi là thân thọ, thế nào gọi là tâm thọ? Đáp: Nếu cảm thọ thuộc về năm Thức thân thì gọi là thân thọ,

thuộc về Ý địa thì gọi là tâm thọ.

Lại nữa, nếu cảm thọ không có phân biệt thì gọi là thân thọ, có phân biệt thì gọi là tâm thọ.

Lại nữa, nếu cảm thọ giữ lấy cảnh của tự tướng thì gọi là thân thọ, giữ lấy cảnh của tự tướng-cọng tướng thì gọi là tâm thọ.

Lại nữa, nếu cảm thọ giữ lấy cảnh hiện tại thì gọi là thân thọ, giữ lấy cảnh của ba đời và cảnh không thuộc về đời kiếp thì gọi là tâm thọ.

Lại nữa, nếu cảm thọ giữ lấy cảnh riêng biệt của sự thì gọi là thân thọ, giữ lấy cảnh riêng biệt của sự và cảnh hòa hợp thì gọi là tâm thọ.

Lại nữa, nếu cảm thọ một lần rơi vào cảnh ấy thì gọi là thân thọ, nhiều lần rơi vào cảnh ấy thì gọi là tâm thọ.

Lại nữa, nếu cảm thọ đối với cảnh sơ suất mà chuyển thì gọi là thân thọ, suy đoán mà chuyển thì gọi là tâm thọ.

Lại nữa, nếu cảm thọ dùng Sắc làm sở y-Sắc làm sở duyên thì gọi là thân thọ, dùng phi Sắc làm sở y-Sắc và phi Sắc làm sở duyên thì gọi là tâm thọ.

Như Sắc-phi Sắc, như vậy có đối-không có đối, tích tụ-không phải là

tích tụ, hòa hợp-không hòa hợp, nói rộng ra cũng như vậy.

Tôn giả Thế Hữu nói rằng: "Như Đức Phật đã nói: Người ấy vào lúc bấy giờ cảm thọ đối với hai thọ, đó là thân thọ và tâm thọ. Thế nào là thân thọ? Thế nào là tâm thọ? Trả lời: Không có cảm thọ nào là thân thọ, tất cả cảm thọ đều là tâm thọ. Nguyên cớ thế nào? Bởi vì tương ưng với tâm. Nhưng các cảm thọ nếu dựa vào năm căn mà chuyển thì cảm thọ này gọi là thân thọ, bởi vì luôn luôn dùng thân làm tăng thượng; nếu dựa vào Ý căn mà chuyển thì cảm thọ này gọi là tâm thọ, bởi vì luôn luôn dùng tâm làm tăng thượng."

Lại đưa ra cách nói này: "Không có cảm thọ nào là thân thọ, tất cả cảm thọ đều là tâm thọ. Bởi vì tương ưng với tâm. Nhưng các cảm thọ dựa vào ba căn giữ lấy cảnh đến mà chuyển thì cảm thọ này gọi là thân thọ, bởi vì luôn luôn dấy lên Tưởng; dựa vào ba căn giữ lấy cảnh không đến mà chuyển thì cảm thọ này gọi là tâm thọ, bởi vì không luôn luôn dấy lên Tưởng."

Đại đức nói rằng: "Nếu là thân thọ thì đó cũng là tâm thọ chăng? Trả lời: Nếu là thân thọ thì đó cũng là tâm thọ. Có lúc là tâm thọ mà không phải là thân thọ, đó là nếu suy nghĩ về sự bên ngoài, ở bên trong giữ lấy tướng và đối với sự giữ lấy tướng của Bổ-đặc-già-la, cùng với tướng của Sắc do Pháp xứ thâu nhiếp, tướng của tâm bất tương ưng hành, tướng Vô vi. Những loại cảm thọ như vậy đều gọi là tâm thọ, bởi vì phân biệt mà chuyển đối với cảnh không phải là có thật."

Đó gọi là sự sai biệt của thân thọ và tâm thọ.

Lúc cảm thọ về Lạc có vị của thọ, Khổ có vị của thọ, không khổ không lạc có vị của thọ, và Khổ không có vị của thọ thì nhận biết như thật, đây là một trí, đó là Thế tục trí, bởi vì tất cả có vị của thọ và Khổ không có vị của thọ đều là hữu lậu, cho nên khởi lên Thế tục trí thì nhận biết như thật.

Lúc cảm thọ về Lạc không có vị của thọ-không khổ không lạc không có vị của thọ thì nhận biết như thật, đây là bốn trí, đó là Pháp- Loại-Thế tục và Đạo trí, bởi vì hai loại không có vị của thọ này bao gồm hữu lậu-vô lậu, cho nên dùng bốn trí nhận biết, giải thích rộng ra như trên.

Trong này, Vị gọi là Ái, bởi vì tánh đắm theo Vị. Nếu thọ làm nơi dừng chân cho pháp ấy thì gọi là có vị của thọ.

Có người nói: Vị là gọi cho tất cả phiền não, bởi vì tánh đắm theo Thủ. Nếu thọ làm nơi dừng chân cho pháp ấy thì gọi là có vị của thọ. Nếu thọ không làm nơi dừng chân cho Ái, hoặc là tất cả phiền não thì gọi là

không có vị của thọ.

Hỏi: Nếu như vậy thì tất cả Khổ thọ đều gọi là có vị, bởi vì đều có thể làm nơi dừng chân cho Ái, hoặc là tất cả phiền não. Lại như luận Phẩm Loại Túc nói: "Thế nào là có vị của pháp? Đó là pháp hữu lậu. Thế nào là không có vị của pháp? Đó là pháp vô lậu." Vì sao trong này nói có Khổ không có vị của thọ?

Đáp: Khổ thọ tuy là hữu lậu mà có phần ít không có vị dựa vào tánh, dựa vào đó cho nên nói là Khổ không có vị của thọ, nghĩa là pháp ấy có tánh không trái ngược với phiền não và không xen tạp với phiền não.

Có Sư khác nói: Khổ thọ tuy đều là hữu lậu mà có lúc có thể dẫn dắt phát khởi thọ vô lậu không có vị tùy thuận với Thắng nghĩa, dựa vào đó cho nên nói là Khổ không có vị của thọ, bởi vì có thể tạm thời điều phục các Vị.

Cảm thọ về Lạc ham thích dựa vào thọ, Khổ ham thích dựa vào thọ, không khổ không lạc ham thích dựa vào thọ, và Khổ rời xa dựa vào thọ thì nhận biết như thật, đây là một trí, đó là Thế tục trí, bởi vì tất cả ham thích dựa vào thọ và Khổ rời xa dựa vào thọ đều là hữu lậu, cho nên khởi lên Thế tục trí thì nhận biết như thật.

Cảm thọ về Lạc rời xa dựa vào thọ-không khổ không lạc rời xa dựa vào thọ thì nhận biết như thật, đây là bốn trí, đó là Pháp-Loại-Thế tục và Đạo trí, giải thích như trước.

Trong này, ham thích(đam thị) gọi là Ái, bởi vì tánh thuộc đắm trước. Nếu thọ làm nơi dừng chân cho pháp ấy thì gọi là ham thích dựa vào thọ.

Có người nói: Ham thích là gọi cho tất cả phiền não, bởi vì tánh thuộc chấp trước. Nếu thọ làm nơi dừng chân cho pháp ấy thì gọi là ham thích dựa vào thọ. Nếu thọ không làm nơi dừng chân cho Ái, hoặc là tất cả phiền não thì gọi là rời xa dựa vào thọ.

Hỏi: Nếu như vậy thì tất cả Khổ thọ đều gọi là ham thích dựa vào, bởi vì đều có thể làm nơi dừng chân cho Ái, hoặc là tất cả phiền não. Lại như luận Phẩm Loại Túc nói: "Thế nào là ham thích dựa vào pháp? Đó là pháp hữu lậu. Thế nào là rời xa dựa vào pháp? Đó là pháp vô lậu." Vì sao trong này nói có Khổ rời xa dựa vào thọ?

Đáp: Khổ thọ tuy là hữu lậu mà có phần ít rời xa dựa vào tánh, dựa vào đó cho nên nói là Khổ rời xa dựa vào thọ, nghĩa là pháp ấy có tánh không trái ngược với phiền não và không xen tạp với phiền não.

Có Sư khác nói: Khổ thọ tuy đều là hữu lậu mà có lúc có thể dẫn dắt phát khởi thọ vô lậu dựa vào rời xa tùy thuận với Thắng nghĩa, dựa vào đó

cho nên nói là Khổ rời xa dựa vào thọ, bởi vì có thể tạm thời điều phục các ham thích.

Như nói: Tâm có tham thì nhận biết như thật là tâm có tham…, cho đến nói rộng ra.

Bởi vì có hai nghĩa cho nên tâm gọi là có tham:

1. Xen tạp với tham.
2. Do tham ràng buộc.

Có người nói: Trong này dựa vào xen tạp với có tham mà soạn luận.

Có người nói: Trong này dựa vào hai loại có tham mà soạn luận.

Nguyên cớ thế nào? Bởi vì nếu chỉ dựa vào xen tạp với có tham mà soạn luận, thì tâm thiện hữu lậu và tâm vô phú vô ký…, lẽ ra cũng gọi là tâm lìa tham; nhưng loại ấy cũng là tâm có tham, bởi vì tham mà ràng buộc.

Như tâm có tham, nên biết tâm có sân… cũng như vậy.

Trong này, bởi vì tham mà ràng buộc cho nên gọi là tâm có tham, bởi vì đối trị với tham cho nên gọi là tâm lìa tham.

Nói như vậy là hợp lý, nghĩa là bởi vì tham mà ràng buộc cho nên gọi là tâm có tham, bởi vì đối trị với tham cho nên gọi là tâm lìa tham.

Nếu nói tương ưng với tham cho nên gọi là tâm có tham, không tương ưng với tham cho nên gọi là tâm lìa tham, thì tâm không tương ưng với tham mà tương ưng với những phiền não khác nên gọi là tâm lìa tham; nhưng loại ấy cũng là tâm có tham, bởi vì tham mà ràng buộc.

Nếu nói tương ưng với tham cho nên gọi là tâm có tham, bởi vì đối trị với tham cho nên gọi là tâm lìa tham, thì tâm nhiễm ô và tâm vô phú vô ký-một phần tâm thiện không tương ưng với tham, lẽ ra không phải là tâm có tham, cũng không phải là tâm lìa tham; nhưng loại ấy cũng là tâm có tham, bởi vì tham mà ràng buộc.

Tâm có tham thì nhận biết như thật là tâm có tham, đây là một trí, đó là Thế tục trí; giải thích như trước.

Tâm lìa tham thì nhận biết như thật là tâm lìa tham, đây là bốn trí, đó là Pháp-Loại-Thế tục và Đạo trí; giải thích như trước.

Bởi vì sân mà ràng buộc cho nên gọi là tâm có sân, bởi vì đối trị với sân cho nên gọi là tâm lìa sân, nói rộng ra như tham.

Tâm có sân thì nhận biết như thật là tâm có sân, đây là một trí, đó là Thế tục trí; giải thích như trước.

Tâm lìa sân thì nhận biết như thật là tâm lìa sân, đây là ba trí, đó là Pháp-Thế tục và Đạo trí.

Trong này, dựa vào đối trị gần mà nói, cho nên không nói đến Loại trí, bởi vì đạo thuộc phẩm Loại trí không phải là đối trị gần của cõi Dục; còn lại giải thích như trước.

Bởi vì si mà ràng buộc cho nên gọi là tâm có si, bởi vì đối trị với si cho nên gọi là tâm lìa si.

Nói như vậy là hợp lý, nghĩa là bởi vì si mà ràng buộc cho nên gọi là tâm có si, bởi vì đối trị với si cho nên gọi là tâm lìa si.

Nếu nói tương ưng với si cho nên gọi là tâm có si, bởi vì đối trị với si cho nên gọi là tâm lìa si, thì tâm vô phú vô ký-một phần tâm thiện, cũng nên gọi là tâm lìa si; nhưng loại ấy cũng gọi là tâm có si, bởi vì si mà ràng buộc.

Nếu nói tương ưng với si cho nên gọi là tâm có si, bởi vì đối trị với si cho nên gọi là tâm lìa si, thì tâm vô phú vô ký-một phần tâm thiện, lẽ ra không phải là tâm có si, cũng không phải là tâm lìa si; nhưng loại ấy cũng là tâm có si, bởi vì si mà ràng buộc.

Tâm có si thì nhận biết như thật là tâm có si, đây là một trí, đó là Thế tục trí; giải thích như trước.

Tâm lìa si thì nhận biết như thật là tâm lìa si, đây là bốn trí, đó là Pháp-Loại-Thế tục và Đạo trí; giải thích như trước.

Tâm nhiễm, đó là tâm nhiễm ô, bởi vì tương ưng với phiền não. Tâm không nhiễm, đó là tâm thiện, bởi vì trái ngược với phiền não.

Có người nói: Tâm thiện-tâm vô phú vô ký đều gọi là tâm không nhiễm, bởi vì không tương ưng với phiền não.

Tâm nhiễm thì nhận biết như thật là tâm nhiễm, đây là một trí, đó là Thế tục trí.

Tâm không nhiễm thì nhận biết như thật là tâm không nhiễm, đây là bốn trí, đó là Pháp-Loại-Thế tục và Đạo trí; giải thích như tâm có si-lìa si trước đây.

Tâm hời hợt, đó là tâm thiện, bởi vì thâu nhiếp hời hợt đối với sở duyên.

Tâm phân tán, đó là tâm nhiễm ô, bởi vì phân tán rong ruổi đối với sở duyên.

Tâm hời hợt thì nhận biết như thật là tâm hời hợt, đây là bốn trí, đó là Pháp-Loại-Thế tục và Đạo trí.

Tâm phân tán thì nhận biết như thật là tâm phân tán, đây là một trí, đó là Thế tục trí. Câu này tùy theo thích hợp, giải thích như trước.

Các Sư ở ngoài nước Ca-thấp-di-la nói: "Tâm hời hợt, đó là tâm tương ưng với ngủ, bởi vì nói tâm hời hợt gọi là ngủ. Như nói: Ngủ là thế nào? Đó là lúc ngủ vốn có mơ ngủ không có thể giữ được thân tâm, lấy hời hợt làm tánh."

Hỏi: Nếu như vậy thì trong này đã nói nên hiểu thế nào? Như nói:

"Tâm hời hợt nhận biết như thật là tâm hời hợt, đây là bốn trí…"

Đáp: Văn này nên đưa ra cách nói này: Tâm hời hợt-tâm phân tán-tâm xuống thấp nhận biết như thật là tâm hời hợt-tâm phân tán-tâm xuống thấp, đây là một trí, đó là Thế tục trí; tâm lên cao nhận biết như thật là tâm lên cao, đây là bốn trí, nói như trước."

Lời bình: Người ấy không nên đưa ra cách nói này. Nếu đưa ra cách nói này thì tâm nhiễm ô tương ưng với ngủ, lẽ ra cũng gọi là tâm hời hợt bởi vì tương ưng với ngủ, cũng gọi là tâm phân tán bởi vì nhiễm ô. Vì vậy nên biết cách nói trước là hợp lý.

Tâm xuống thấp, đó là tâm nhiễm ô, bởi vì tương ưng với lười nhác.

Tâm lên cao, đó là tâm thiện, bởi vì tương ưng với tinh tiến.

Tâm xuống thấp thì nhận biết như thật là tâm xuống thấp, đây là một trí, đó là Thế tục trí.

Tâm lên cao thì nhận biết như thật là tâm lên cao, đây là bốn trí, đó là Pháp-Loại-Thế tục và Đạo trí. Giải thích như trước.

Tâm nhỏ bé, đó là tâm nhiễm ô, bởi vì nhỏ bé do thói quen mà sinh ra.

Tâm to lớn, đó là tâm thiện, bởi vì to lớn do thói quen mà sinh ra.

Hỏi: Nay hiện thấy vô lượng hữu tình làm điều ác, rất ít hữu tình làm điều thiện, vì sao tâm nhiễm nhỏ bé do thói quen mà sinh ra?

Đáp: Trong này không vì chủng loại ít mà gọi là nhỏ bé, chỉ vì pháp thanh tịnh ít ỏi cho nên gọi là nhỏ bé, nghĩa là nếu pháp thanh tịnh ít ỏi do thói quen mà sinh ra thì gọi là tâm nhỏ bé, nếu pháp thanh tịnh phần nhiều do thói quen mà sinh ra thì gọi là tâm to lớn. Vì thế cho nên khắp trong biển rộng sinh tử chỉ có Đức Phật tu nhiều pháp thiện mà gọi là to lớn, chứ không phải là tất cả hữu tình.

Có người nói: Tâm nhiễm ô đạt được giá trị nhỏ bé cho nên gọi là nhỏ bé, tâm thiện đạt được giá trị to lớn cho nên gọi là to lớn. Bởi vì tâm nhiễm ô dựa vào một ít việc đã làm liền khởi lên vô lượng tác ý phi lý, khiến cho phiền não ác hạnh dấy lên như dòng sông tuôn chảy; tâm thiện thì không như vậy, tuy bỏ ra trăm ngàn châu báu nhưng hoặc có người có

thể khởi lên, hoặc có người không có thể khởi lên.

Có người nói: Tâm nhiễm ô bởi vì ít căn cho nên gọi là nhỏ bé, tâm thiện bởi vì nhiều căn cho nên gọi là to lớn. Nghĩa là tâm nhiễm ô thì hoặc là chỉ có một căn, hoặc là đến hai căn; tâm thiện thì tất cả đều có đủ ba căn.

Có người nói: Tâm nhiễm ô bởi vì ít tùy chuyển cho nên gọi là nhỏ bé, tâm thiện bởi vì nhiều tùy chuyển cho nên gọi là to lớn. Nghĩa là tâm nhiễm ô thì chỉ có ba uẩn tùy chuyển, tâm thiện thì hoặc là ba uẩn-hoặc là bốn uẩn tùy chuyển.

Có người nói: Tâm nhiễm ô bởi vì ít quyến thuộc cho nên gọi là nhỏ bé, tâm thiện bởi vì nhiều quyến thuộc cho nên gọi là to lớn. Nghĩa là bởi vì tâm nhiễm ô thì không có tu thuộc vị lai, tâm thiện thì có tu thuộc vị lai.

Có người nói: Tâm nhiễm ô bởi vì ít đối trị cho nên gọi là nhỏ bé, tâm thiện bởi vì nhiều đối trị cho nên gọi là to lớn.

Như Khổ pháp trí nhẫn sinh khởi trong một sát-na, có thể lập tức vĩnh viễn đoạn mười tùy miên do kiến Khổ mà đoạn của cõi Dục, một lực này hơn hẳn chứ không phải là tất cả lực kia, như một lực sĩ có thể làm cho ngàn người khuất phục; mà không có tâm nhiễm ô sinh khởi trong một sát-na, có thế lực như vậy.

Lại nữa, trong tâm nhiễm ô vốn có pháp đứng đầu thiếu mất mắt và chân, pháp đứng đầu ấy tức là Vô minh. Như nói: Vô minh là pháp đứng đầu, là nhân tố đi trước, cho nên sinh ra vô lượng chủng loại pháp ác bất thiện, và chủng loại không có Tàm-không có Quý của nó. Trong tâm thiện vốn có pháp đứng đầu có đủ mắt và chân, pháp đứng đầu ấy tức là Minh. Như nói: Minh là pháp đứng đầu, là nhân tố đi trước, cho nên sinh ra vô lượng chủng loại pháp thiện, và chủng loại có Tàm-có Quý của nó.

Lại nữa, từ vô thỉ đến nay đã quen theo pháp bất thiện, tạm thời luyện tập pháp thiện thì làm cho vĩnh viễn đoạn trừ; giống như trong ngôi nhà trải qua thời gian dài tối tăm u ám, ngọn đèn sáng vừa chiếu vào thì lập tức trừ hết bóng tối; như trải qua thời gian dài quen theo ý nghĩ là không có muối, lúc vừa nếm vị muối thì ý nghĩ ấy liền từ bỏ, ở đây cũng như vậy, pháp bất thiện đoạn dứt pháp thiện thì không có sự việc như vậy.

Lại nữa, pháp thiện đối với pháp bất thiện có thể điều phục hoàn toàn, hoặc là đoạn trừ hoàn toàn; pháp bất thiện đối với pháp thiện thì không như vậy. Bởi vì những duyên này, cho nên tâm nhiễm ô gọi là nhỏ bé, tâm thiện gọi là to lớn.

Tâm nhỏ bé thì nhận biết như thật là tâm nhỏ bé, đây là một trí, đó là Thế tục trí. Giải thích như trước.

Tâm to lớn thì nhận biết như thật là tâm to lớn, đây là bốn trí, đó là Pháp-Loại-Thế tục và Đạo trí. Giải thích như trước.

Tâm lăng xăng, đó là tâm nhiễm ô, bởi vì tương ưng với trạo cử. Tâm không lăng xăng, đó là tâm thiện, bởi vì tương ưng với Xa-ma-tha.

Tâm lăng xăng thì nhận biết như thật là tâm lăng xăng, đây là một trí, đó là Thế tục trí. Giải thích như trước.

Tâm không lăng xăng thì nhận biết như thật là tâm không lăng xăng, đây là bốn trí, đó là Pháp-Loại-Thế tục và Đạo trí. Giải thích như trước.

Tâm không vắng lặng, đó là tâm nhiễm ô, bởi vì luôn luôn náo động.

Tâm vắng lặng, đó là tâm thiện, bởi vì rời xa náo động.

Tâm không vắng lặng thì nhận biết như thật là tâm không vắng lặng, đây là một trí, đó là Thế tục trí. Giải thích như trước.

Tâm vắng lặng thì nhận biết như thật là tâm vắng lặng, đây là bốn trí, đó là Pháp-Loại-Thế tục và Đạo trí. Giải thích như trước.

Tâm không định, đó là tâm nhiễm ô, bởi vì tương ưng với tán loạn.

Tâm định, đó là tâm thiện, bởi vì rời xa tán loạn.

Tâm không định thì nhận biết như thật là tâm không định, đây là một trí, đó là Thế tục trí. Giải thích như trước.

Tâm định thì nhận biết như thật là tâm định, đây là bốn trí, đó là Pháp-Loại-Thế tục và Đạo trí. Giải thích như trước.

Tâm không tu, đó là tâm đối với tu đạt được-tu luyện tập, cả hai loại đều không tu.

Tâm tu, đó là tâm đối với tu đạt được-tu luyện tập, hoặc là tu cả hai loại, hoặc là tu tùy theo một loại.

Tâm không tu thì nhận biết như thật là tâm không tu, đây là một trí, đó là Thế tục trí. Giải thích như trước.

Tâm tu thì nhận biết như thật là tâm tu, đây là bốn trí, đó là Pháp-Loại-Thế tục và Đạo trí. Giải thích như trước.

Tâm không giải thoát, đó là tâm đối với giải thoát thuộc tự tánh-giải thoát nối tiếp nhau, cả hai loại đều không giải thoát.

Tâm giải thoát, đó là tâm đối với giải thoát thuộc tự tánh-giải thoát nối tiếp nhau, hoặc là giải thoát cả hai loại, hoặc là giải thoát tùy theo một loại.

Tâm không giải thoát thì nhận biết như thật là tâm không giải thoát, đây là một trí, đó là Thế tục trí. Giải thích như trước.

Tâm giải thoát thì nhận biết như thật là tâm giải thoát, đây là bốn trí, đó là Pháp-Loại-Thế tục và Đạo trí. Giải thích như trước.

Như nói: Có Cái tham dục bên trong…, cho đến nói rộng ra. Trong Thánh giáo này, bên trong(nội) có hai loại:

1. Xứ bên trong thâu nhiếp cho nên gọi là bên trong, như nói: Sáu Xứ bên trong này…
2. Sự nối tiếp nhau của mình thâu nhiếp cho nên gọi là bên trong, như nói: Trú vào thân bên trong thuận theo thân quán sát…

Trong này, dựa vào sự nối tiếp nhau bên trong mà soạn luận, không dựa vào Xứ bên trong. Nguyên cớ thế nào? Nếu dựa vào Xứ bên trong mà soạn luận, thì không nên nói là có Cái tham dục bên trong…, bởi vì Cái tham dục… bên trong đều là Pháp xứ bên ngoài thâu nhiếp. Nhưng pháp ấy tuy là Xứ bên ngoài mà bởi vì sự nối tiếp nhau của mình thâu nhiếp, cho nên gọi là bên trong.

Như nói: Có Cái tham dục bên trong thì nhận biết như thật là có Cái tham dục bên trong, đây là một trí, đó là Thế tục trí.

Trong này, Có đó là Cái tham dục hiện hành có thể đạt được trong sự nối tiếp nhau của mình, hoặc là chưa lìa sự thành tựu đạt được nó, hoặc là đạo đối trị với nó chưa sinh. Đây là một trí, bởi vì hữu lậu cho nên khởi lên trí Thế tục thì nhận biết như thật.

Không có Cái tham dục bên trong thì nhận biết như thật là không có Cái tham dục bên trong, đây là ba trí, đó là Pháp-Thế tục và Đạo trí.

Trong này, Không có đó là Cái tham dục không phải là hiện hành có thể đạt được trong sự nối tiếp nhau của mình, hoặc là đã lìa sự thành tựu đạt được nó, hoặc là đạo đối trị với nó đã sinh. Đây là ba trí, đó là bởi vì Cái tham dục chỉ ở cõi Dục, cho nên đối trị gần của nó không phải là Loại trí.

Như nói: Cái tham dục bên trong chưa sinh mà sinh thì nhận biết như thật, đây là một trí, đó là Thế tục trí.

Trong này, chưa sinh mà sinh, đó là do rất nhiều nhân-rất nhiều duyên sinh ra Cái tham dục bên trong. Đây là một trí, giải thích như trước.

Sinh rồi liền đoạn, đoạn rồi về sau không còn sinh nữa thì nhận biết như thật, đây là ba trí, đó là Pháp-Thế tục và Đạo trí.

Trong này, sinh rồi liền đoạn, đó là đạo đối trị với nó đã sinh mà đoạn trừ Cái tham dục. Đoạn rồi về sau không còn sinh nữa, đó là hoặc hoàn toàn không sinh, hoặc là cho đến lúc chưa lui sụt đạo đối trị với nó. Đây là ba

trí, giải thích như trước.

Như Cái tham dục, nên biết Cái sân nhuế-hôn trầm-thụy miên- trạo cử-ác tác-nghi cũng như vậy, bởi vì những loại ấy đều là hệ thuộc cõi Dục.

Như nói: Có kiết của Nhãn bên trong thì nhận biết như thật là có kiết của Nhãn bên trong, đây là một trí, đó là Thế tục trí.

Trong này, cũng dựa vào sự nối tiếp nhau bên trong mà soạn luận, không dựa vào Xứ bên trong, nói rộng ra như trước đã nói.

Có cũng gọi là kiết Nhãn hiện hành có thể đạt được trong sự nối tiếp nhau của mình, hoặc là chưa lìa sự thành tựu đạt được nó, hoặc là đạo đối trị với nó chưa sinh. Đây là một trí, giải thích như trước.

Không có kiết của Nhãn bên trong thì nhận biết như thật là không có kiết của Nhãn bên trong, đây là bốn trí, đó là Pháp-Loại-Thế tục và Đạo trí.

Trong này, Không có cũng gọi là kiết của Nhãn không phải là hiện hành có thể đạt được trong sự nối tiếp nhau của mình, hoặc là đã lìa sự thành tựu đạt được nó, hoặc là đạo đối trị với nó đã sinh. Đây là bốn trí, đó là bởi vì kiết của Nhãn bên trong hệ thuộc cõi Dục-Sắc, cho nên đối trị gần của nó bao gồm phẩm Pháp-Loại trí.

Như nói: Kiết của Nhãn bên trong chưa sinh mà sinh thì nhận biết như thật, đây là một trí, đó là Thế tục trí.

Trong này, chưa sinh mà sinh, đó là do rất nhiều nhân-rất nhiều duyên sinh ra Kiết của Nhãn bên trong. Đây là một trí, giải thích như trước.

Sinh rồi liền đoạn, đoạn rồi về sau không còn sinh nữa thì nhận biết như thật, đây là bốn trí, đó là Pháp-Loại-Thế tục và Đạo trí.

Trong này, sinh rồi liền đoạn, đó là đạo đối trị với nó đã sinh mà đoạn trừ kiết của Nhãn bên trong. Đoạn rồi về sau không còn sinh nữa, đó là hoặc hoàn toàn không sinh, hoặc là cho đến lúc chưa lui sụt đạo đối trị với nó. Đây là bốn trí, giải thích như trước.

Như kiết của Nhãn, nên biết kiết của Nhĩ-Thân-Ý cũng như vậy, bởi vì đối trị gần của những loại ấy đều bao gồm phẩm Pháp-Loại trí.

Kiết của Tỷ-Thiệt nói như Cái, bởi vì đều chỉ là hệ thuộc cõi Dục.

Như nói: Có Niệm đẳng giác chi bên trong thì nhận biết như thật là có Niệm đẳng giác chi bên trong, đây là bốn trí, đó là Pháp-Loại-Thế tục và Đạo trí.

Trong này, Có đó là Niệm đẳng giác chi hiện hành có thể đạt được trong sự nối tiếp nhau của mình, hoặc là đã có sự thành tựu đạt được pháp ấy, hoặc là chướng ngại do pháp ấy đối trị đã đoạn. Đây là bốn trí, có người

nói: Trong này, Niệm đẳng giác chi chân thật do ba trí nhận biết, đó là Pháp-Loại-Đạo trí; Niệm đẳng giác chi tương tự do một trí nhận biết, đó là Thế tục trí.

Có người nói: Trong này, chỉ nói đến Niệm đẳng giác chi chân thật, tức là loại này do bốn trí nhận biết, đó là Thế tục trí nhận biết không rõ ràng, Pháp-Loại-Đạo trí nhận biết rõ ràng.

Không có Niệm đẳng giác chi bên trong thì nhận biết như thật là không có Niệm đẳng giác chi bên trong, đây là một trí, đó là Thế tục trí.

Trong này, Không có đó là Niệm đẳng giác chi không phải là hiện hành có thể đạt được trong sự nối tiếp nhau của mình, hoặc là chưa có sự thành tựu đạt được pháp ấy, hoặc là chướng ngại do pháp ấy đối trị chưa đoạn. Đây là một trí, nói như trước.

Như nói: Niệm đẳng giác chi chưa sinh mà sinh, sinh rồi trú vững không quên, làm cho đầy đủ trọn vẹn, tăng thêm nhiều trí tác chứng, đây là bốn trí, đó là Pháp-Loại-Thế tục và Đạo trí.

Trong này, chưa sinh mà sinh, đó là do rất nhiều nhân-rất nhiều duyên sinh ra Niệm đẳng giác chi bên trong. Sinh rồi trú vững không quên…

Hỏi: Như sinh bấy nhiêu thì diệt bấy nhiêu, sát-na sau chắc chắn không dừng lại, làm sao có thể nói là sinh rồi trú vững không quên…?

Đáp: Trong này nói đến hai loại căn thiện, đó là thuận phần an trú và thuận phần thắng tiến. Sinh rồi trú vững không quên là nói đến căn thiện thuận phần an trú, sinh rồi làm cho đầy đủ trọn vẹn tăng thêm nhiều là nói đến căn thiện thuận phần thắng tiến. Đây là bốn trí, giải thích như trước.

Như Niệm đẳng giác chi, nên biết Trạch pháp-Tinh tiến-Hỷ-An-Định-Xả đẳng giác chi, cũng như vậy, bởi vì chủng loại giống nhau.

Hỏi: Hỷ đẳng giác chi tức là Thọ, trong Thọ niệm trú trước đây đã quán sát, nay vì sao trở lại quán sát?

Đáp: Trước dùng môn Thọ niệm trú để quán sát, nay dùng môn Pháp niệm trú để quán sát.

Lại nữa, trước quán sát một mình, nay quán sát cùng với Giác chi khác.

Lại nữa, trước quán sát về tự tướng của pháp ấy, nay quán sát về cọng tướng của pháp ấy.

Lại nữa, trước quán sát về hữu lậu-vô lậu, nay quán sát về vô lậu.

Có người nói: Trong này cũng quán sát về hữu lậu-vô lậu, bởi vì bao gồm quán sát về Giác chi chân thật và tương tự.

Như nói: Đều thuận theo quán sát về tham-sân-si của mình tăng lên, cho đến nói rộng ra.

Hỏi: Vì sao soạn ra phần luận này?

Đáp: Bởi vì muốn phân biệt nghĩa lý trong kinh. Như trong kinh nói: "Các Tỳ kheo-Tỳ kheo Ni đều thuận theo quán sát lúc tham của mình tăng lên, lúc ấy nên biết là lui sụt các pháp thiện, Đức Phật nói đó là lui sụt. Sân-si cũng như vậy." Trong kinh tuy nói ra điều này mà không phân biệt rộng ra, thế nào là tham tăng lên cho đến si tăng lên? Kinh ấy là nơi nương tựa căn bản của luận này, điều gì mà kinh không phân biệt thì nay cần phải phân biệt, cho nên soạn ra phần luận này.

Hỏi: Thế nào là tham-sân-si tăng lên?

Đáp: Có tham-sân-si phẩm Hạ cho nên có phẩm Trung, có phẩm Trung cho nên có phẩm Thượng, đó gọi là tăng lên.

Có người nói: Trong này, dựa vào tham-sân-si tăng lên mà thế gian hiện thấy để soạn luận.

Tham tăng lên là như những người đàn ông, ở giai đoạn trẻ thơ khởi lên tham ràng buộc phẩm Hạ, ở giai đoạn trưởng thành khởi lên tham ràng buộc phẩm Trung, ở giai đoạn tuổi trẻ khởi lên tham ràng buộc phẩm Thượng; đối với vợ của họ cũng như vậy.

Sân tăng lên là như những người đàn ông lần lượt thay đổi đánh nhau, chưa phát ra lời nói cộc cằn thì khởi lên sân ràng buộc phẩm Hạ, lúc phát ra lời nói cộc cằn thì khởi lên sân ràng buộc phẩm Trung, kết thúc thất bại mưu toan làm hại thì khởi lên sân ràng buộc phẩm Thượng.

Si tăng lên là như có người đàn ông sinh trong nhà ngoại đạo, chưa học sách luận của ngoại đạo thì khởi lên si ràng buộc phẩm Hạ, học mà chưa thông hiểu nghĩa lý ấy thì khởi lên si ràng buộc phẩm Trung, nếu đến cuối cùng thông hiểu thì khởi lên si ràng buộc phẩm Thượng.

Có người nói: Trong này, dựa vào đạo lý quán sát đối đãi mà soạn luận, đó là quán sát tham ràng buộc phẩm Hạ cho nên thi thiết phẩm Trung, quán sát phẩm Trung cho nên thi thiết phẩm Thượng; sân-si cũng như vậy.

Có người nói: Trong này, dựa vào lui sụt mà soạn luận, đó là từ tham ràng buộc phẩm Hạ cho nên thành phẩm Trung, từ phẩm Trung lui sụt cho nên thành phẩm Thượng; sân-si cũng như vậy.

Như nói: Đều thuận theo quán sát về tham-sân-si của mình giảm xuống, cho đến nói rộng ra.

Hỏi: Vì sao lại soạn ra phần luận này?

Đáp: Bởi vì muốn phân biệt về nghĩa lý còn lại ngay trong kinh trước đã nói. Như trong kinh ấy nói: "Các Tỳ kheo-Tỳ kheo Ni đều thuận theo quán sát lúc tham của mình giảm xuống, lúc ấy nên biết là không lui sụt các pháp thiện, Đức Phật nói đó là không lui sụt. Sân-si cũng như vậy." Trong kinh tuy nói ra điều này mà không phân biệt rộng ra, thế nào là tham giảm xuống cho đến si giảm xuống? Kinh ấy là nơi nương tựa căn bản của luận này, điều gì mà kinh không phân biệt thì nay cần phải phân biệt, cho nên soạn ra phần luận này.

Hỏi: Thế nào là tham-sân-si giảm xuống?

Đáp: Không có tham-sân-si phẩm Thượng cho nên thành phẩm Trung, không có phẩm Trung cho nên thành phẩm Hạ, đó gọi là giảm xuống.

Có người nói: Trong này, dựa vào tham-sân-si giảm xuống mà thế gian hiện thấy để soạn luận.

Tham giảm xuống là như những người đàn ông, ở giai đoạn tuổi trẻ khởi lên tham ràng buộc phẩm Thượng, ở giai đoạn đứng tuổi khởi lên tham ràng buộc phẩm Trung, ở giai đoạn tuổi già khởi lên tham ràng buộc phẩm Hạ; đối với vợ của họ cũng như vậy.

Sân giảm xuống là như những người đàn ông lần lượt thay đổi đánh nhau, kết thúc thất bại mưu toan làm hại lẫn nhau thì khởi lên sân ràng buộc phẩm Thượng, vì phát động đánh nhau mà sai sứ giả qua lại thương tuyết thì khởi lên sân ràng buộc phẩm Trung, lúc chính thức đánh nhau thì khởi lên sân ràng buộc phẩm Hạ.

Si giảm xuống là như những người đàn ông sinh trong nhà ngoại đạo, học sách luận của ngoại đạo ấy đã thông hiểu thì khởi lên si ràng buộc phẩm Thượng, nếu lúc nghe lời Đức Phật dạy còn giữ lại trong tâm thì khởi lên si ràng buộc phẩm Trung, nếu lúc đối với lời Đức Phật dạy sinh ra một chút tin tưởng thì khởi lên si ràng buộc phẩm Hạ.

Có người nói: Trong này, dựa vào đạo lý quán sát đối đãi mà soạn luận, đó là quán sát tham ràng buộc phẩm Thượng cho nên thi thiết phẩm Trung, quán sát phẩm Trung cho nên thi thiết phẩm Hạ; sân-si cũng như vậy.

Có người nói: Trong này, dựa vào lìa nhiễm mà soạn luận, đó là từ tham ràng buộc phẩm Thượng giảm xuống cho nên trở thành phẩm Trung, từ phẩm Trung giảm xuống cho nên trở thành phẩm Hạ; sân-si cũng như vậy.

Thế nào là cảm thọ cuối cùng về cái chết(tử biên tế thọ)? Cho đến nói

rộng ra.

Hỏi: Vì sao soạn ra phần luận này?

Đáp: Bởi vì muốn giải thích về nghĩa trong kinh. Như trong kinh nói: "Này A-nan-đà nên biết! Xưa có vị Chuyển Luân Vương tên gọi Thiện Kiến, có cảm thọ cuối cùng về cái chết thuộc loại như vậy, giống như tráng sĩ ăn nhiều thức ăn ngon, trong chốc lát mê man bất tỉnh." Lại trong kinh nói: "Nay Ta đã sinh ra cảm thọ cuối cùng về cái chết làm cho tổn hại nhanh chóng." Trong kinh tuy nói ra điều này mà không phân biệt rộng ra, thế nào là cảm thọ cuối cùng về cái chết? Đến đâu thì nên nói là cảm thọ cuối cùng về cái chết? Kinh ấy là nơi nương tựa căn bản của luận này, điều gì mà kinh không giải thích thì nay cần phải giải thích, cho nên soạn ra phần luận này.

Có người nói: Nguyên cớ soạn luận là bởi vì ngăn chặn thế gian đối với lúc không phải là cảm thọ cuối cùng về cái chết, khởi lên ý tưởng cảm thọ cuối cùng về cái chết. Như thế gian nói: Tôi đã nhận lấy cảm thọ cuối cùng về cái chết, nay cảm thọ và đang cảm thọ. Đó là đối với lúc không phải là cảm thọ cuối cùng về cái chết, khởi lên ý tưởng cảm thọ cuối cùng về cái chết. Nguyên cớ thế nào? Bởi vì nếu nhận lấy cảm thọ này thì không bao lâu sẽ mạng chung, mới gọi là cảm thọ cuối cùng về cái chết.

Hỏi: Thế nào là cảm thọ cuối cùng về cái chết?

Đáp: Bởi vì Mạt-ma(tử huyệt) này đoạn dứt thì Mạng căn diệt đi.

Hỏi: Cảm thọ này vì sao gọi là cuối cùng về cái chết?

Đáp: Từ đây dẫn đến phần vị cuối cùng của cái chết, cho nên gọi là cảm thọ cuối cùng về cái chết.

Hỏi: Nếu như vậy thì nên nói cảm thọ cuối cùng gọi là cảm thọ cuối cùng về cái chết, không nên nói là bởi vì Mạt-ma này đoạn dứt. Nguyên cớ thế nào? Bởi vì Mạt-ma đoạn dứt rồi có lúc trải qua một ngày đêm mới mạng chung.

Đáp: Ngay lúc cảm thọ Mạt-ma đoạn dứt cũng gọi là cảm thọ cuối cùng, bởi vì sau khi Mạt-ma đoạn dứt thì không bao lâu nhất định phải mạng chung.

Có người nói: Trong một Chúng đồng phần có hai loại cảm thọ:

1. Cảm thọ của thân.
2. Cảm thọ của tâm.

Cảm thọ Mạt-ma đoạn dứt là cảm thọ cuối cùng của thân, cảm thọ mạng căn diệt đi là cảm thọ cuối cùng của tâm.

Hỏi: Đến đâu thì nên nói là cảm thọ cuối cùng về cái chết? Đáp: Đến

lúc Mạt-ma này đoạn dứt, mạng căn diệt đi.

Hỏi: Vì sao lại soạn ra phần luận này?

Đáp: Trước đây nói về tự tánh của cảm thọ cuối cùng về cái chết, mà chưa hiển bày về phần vị, nay muốn hiển bày điều ấy cho nên soạn ra phần luận này.

Hỏi: Cảm thọ cuối cùng về cái chết do Xứ nào thâu nhiếp? Đáp: Pháp xứ.

Hỏi: Có mấy Thức tương ưng?

Đáp: Thân thức và Ý thức, đó là đầu tiên cảm thọ về Mạt-ma đoạn dứt tương ưng với Thân thức, cảm thọ cuối cùng tương ưng với Ý thức.

Hỏi: Mấy đại chủng có thể đoạn dứt Mạt-ma? Đáp: Ba, đó là Thủy-Hỏa và Phong.

Hỏi: Vì sao đại chủng Địa không có thể đoạn dứt Mạt-ma? Đáp: Bởi vì không phải là ruộng đất, không phải là đồ chứa…

Có người nói: Đại chủng mạnh mẽ nhanh nhạy có thể đoạn dứt Mạt-ma, đại chủng Địa thì không mạnh mẽ nhanh nhạy.

Có người nói: Nếu các đại chủng có thể hủy hoại phần bên ngoài, có thể gây ra tai họa bên ngoài, thì đại chủng ấy cũng có thể hủy hoại phần bên trong, có thể đoạn dứt Mạt-ma; bởi vì đại chủng Địa không có thể hủy hoại phần bên ngoài, không có thể gây ra tai họa bên ngoài, cho nên cũng không có thể hủy hoại phần bên trong, không có thể đoạn dứt Mạt-ma.

Trong này, đại chủng Thủy đoạn dứt Mạt-ma, đó là lúc sắp chết, Thủy giới tăng mạnh ở trong thân bên trong, bởi vì sự ngâm ướt này khiến cho tất cả gân cơ rữa nát, bởi vì các gân cơ rữa nát cho nên các bộ phận rời ra, bởi vì các bộ phận rời ra cho nên không bao lâu sẽ mạng chung.

Đại chủng Hỏa đoạn dứt Mạt-ma, đó là lúc sắp chết, Hỏa giới tăng mạnh ở trong thân bên trong, bởi vì sự nung đốt bức bách này khiến cho tất cả gân cơ cháy khô, bởi vì các gân cơ cháy khô cho nên các bộ phận rời ra, bởi vì các bộ phận rời ra cho nên không bao lâu sẽ mạng chung.

Đại chủng Phong đoạn dứt Mạt-ma, đó là lúc sắp chết, Phong giới tăng mạnh ở trong thân bên trong, bởi vì sự lay động va chạm này khiến cho tất cả gân cơ vỡ nát, bởi vì các gân cơ vỡ nát cho nên các bộ phận rời ra, bởi vì các bộ phận rời ra cho nên không bao lâu sẽ mạng chung. Cũng có người muốn làm cho đại chủng Địa có thể đoạn dứt Mạt-

ma, người ấy đưa ra cách nói này: Lúc sắp mạng chung, Địa giới trong thân tăng mạng, có thể làm cho tất cả huyệt đạo bế tắc, bởi vì các

huyệt đạo bế tắc cho nên các bộ phận rời ra, bởi vì các bộ phận rời ra cho nên không bao lâu thì mạng chung.

Hỏi: Nơi nào có đoạn dứt Mạt-ma?

Đáp: Ở cõi Dục chứ không phải là cõi Sắc-Vô sắc. Ở trong cõi Dục thì địa ngục không có đoạn dứt Mạt-ma, bởi vì luôn luôn đoạn dứt; bàng sinh-ngạ quỷ có đoạn dứt Mạt-ma. Trong loài người thì ba châu chứ không phải là châu Bắc Câu-lô. Chư Thiên cõi Dục cũng không có đoạn dứt Mạt-ma, bởi vì ở nơi ấy không phải là quả của nghiệp não loạn.

Hỏi: Những Bổ-đặc-già-la nào có đoạn dứt Mạt-ma?

Đáp: Dị sinh-Thánh giả đều có. Ở trong Thánh giả thì Dự lưu, Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán, Độc giác đều có, chỉ ngoại trừ Đức Thế Tôn, bởi vì không có nghiệp não loạn. Chư Phật Thế Tôn không có đoạn dứt Mạt-ma, thanh âm không hư hoại, không có từ từ mạng chung, bởi vì các căn của Phật Thế Tôn nhanh chóng diệt đi. Hoặc là A-la-hán có đoạn dứt Mạt-ma, chứ không phải là hạng người giết mổ trâu dê, bởi vì đoạn dứt Mạt-ma là quả của nghiệp não loạn. Nếu có nghiệp não loạn thì tuy là A-la-hán mà đoạn dứt Mạt-ma, nếu không có nghiệp não loạn thì tuy là hạng người giết mổ trâu dê mà cũng không có sự việc đoạn dứt Mạt-ma.

Hỏi: Phần giữa Mạt-ma phân bố như thế nào?

Đáp: Phần giữa Mạt-ma của những loài thú có nhiều sức mạnh như voi-ngựa-trâu…, các đốt xương chồng vào nhau mà lại kiên cố; Đại Nặc-kiện-na thì các đốt xương nối liền nhau, giống như những tấm ván ghép lại; Bát-la-tắc-kiến-đề thì các đốt xương móc vào nhau, như những móc sắt móc lấy nhau; thân Na-la-diên thì các đốt xương nối liền nhau thành vòng tròn, giống như xích sắt. Thân Phật thì các đốt xương lần lượt xoay tròn chồng lên nhau mà kết lại, giống như rồng cuộn tròn. Các hữu tình khác thì đốt xương tách rời nhau mà không kiên cố, vì thế cho nên sức lực của những loại ấy là yếu nhất.

-oOo-

LUẬN A TỲ ĐẠT MA ĐẠI TỲ BÀ SA

QUYỂN 191

LUẬN VỀ NIỆM TRU (Phần 5)

Hỏi: A-la-hán nhập Niết-bàn thì tâm nên nói là thiện hay là vô ký?

Đáp: Nên nói là vô ký.

Hỏi: Vì sao soạn ra phần luận này?

Đáp: Bởi vì muốn làm cho người nghi ngờ có được quyết định.

Đó là A-la-hán đã đoạn pháp bất thiện-thành tựu pháp thiện, hoặc có người liền nghi ngờ: Nếu như vậy thì A-la-hán phải trú trong tâm thiện mà nhập Niết-bàn. Bởi vì muốn làm cho mối nghi này được quyết định, cho nên trình bày về A-la-hán tuy đoạn pháp bất thiện-thành tựu pháp thiện, nhưng trú trong tâm vô ký mà nhập Niết-bàn chứ không phải là tâm thiện. Nếu trước đây không soạn ra phần luận này thì cho đến bây giờ nếu đưa ra câu Hỏi: A-la-hán nhập Niết-bàn thì tâm nên nói là thiện hay là vô ký? Bởi vì không hiểu điều ấy, cho nên có lẽ đưa ra câu trả lời này: Là thiện chứ không phải là vô ký, bởi vì A-la-hán đã đoạn tất cả pháp bất thiện-thành tựu pháp thiện. Do trước đây đã soạn ra phần luận này, cho nên đến bây giờ đều có được cách hiểu chính xác. Bởi vì nhân duyên này, cho nên soạn ra phần luận này.

Hỏi: Vì sao A-la-hán chỉ trú trong tâm vô ký mà nhập Niết-bàn?

Đáp: Bởi vì chỉ có tâm vô ký thuận với đoạn tâm. Nghĩa là tâm thiện mạnh mẽ, tồn tại vững vàng, khó mà hủy hoại, có thể làm cho tâm khác trải qua thời gian dài nối tiếp nhau khởi lên, không thuận với đoạn tâm; tâm vô ký yếu kém, giống như hạt giống mục ruỗng, không tồn tại vững vàng, dễ bị hủy hoại, không có thể làm cho tâm khác trải qua thời gian dài nối tiếp nhau khởi lên, là tùy thuận nhất đối với đoạn tâm.

Có người nói: Bởi vì tâm vô ký ít khởi lên lỗi lầm. Nghĩa là tâm thiện-bất thiện do hai Môn mà ở trong sinh tử khởi lên nhiều lỗi lầm:

1. Do Môn thuộc quả Dị thục.
2. Do Môn thuộc quả Đẳng lưu.

Tâm vô ký chỉ do Môn thuộc quả Đẳng lưu mà khởi lên lỗi lầm chứ

không phải là quả Dị thục.

Có người nói: Bởi vì A-la-hán rời bỏ tất cả mọi đời kiếp. Nghĩa là những hữu tình khác lúc sắp mạng chung, bởi vì đời sau cho nên cố gắng tác ý cao nhất, khiến cho tâm thiện khởi lên, đừng để cho mình sẽ rơi vào những nẻo không phải là yêu thích; A-la-hán rời bỏ tất cả mọi đời kiếp cho nên không còn tác ý, chỉ trú trong tâm vô ký mà nhập Niết-bàn.

Có người nói: Bởi vì A-la-hán không mong cầu hướng về nơi dị thục. Nghĩa là những hữu tình khác mong cầu hướng về nơi dị thục của tương lai, cho nên lúc sắp mạng chung dùng gia hạnh cao nhất khiến cho tâm thiện khởi lên; A-la-hán không mong cầu hướng về nơi dị thục như vậy, cho nên chỉ trú trong tâm vô ký mà nhập Niết-bàn.

Có người nói: A-la-hán trú trong tâm thuộc tự tánh mà tiến vào Niết-bàn. Tâm thuộc tự tánh tức là tâm vô ký, bởi vì trong mọi đời kiếp chưa hề không có. Hoặc có người trong một Chúng đồng phần không có tâm thiện khởi lên, đó là người đã đoạn căn thiện chưa nối tiếp nhau. Hoặc có người trong một Chúng đồng phần không có tâm bất thiện khởi lên, đó là người đã lìa nhiễm của cõi Dục. Không có người nào trong một Chúng đồng phần không khởi lên tâm vô ký. Vì vậy nói tâm vô ký gọi là tâm thuộc tự tánh, chỉ trú trong tâm này mà tiến vào Niết-bàn.

Có người nói: Bởi vì A-la-hán cần phải trú trong tâm như bạn thân bậc Thượng mà nhập Niết-bàn. Như người sắp đi đến nơi khác, bạn thân đưa tiễn người ấy thì bạn thân bậc Hạ đưa đến cổng làng mà quay về, bạn thân bậc Trung thì đưa đến ranh giới thôn làng, bạn thân bậc Thượng thì đưa đến biên giới quốc gia. Như vậy, lúc A-la-hán hướng về Niết-bàn thì tâm nhiễm ô-bất thiện như bạn thân bậc Hạ, vào lúc lìa nhiễm của cõi Dục cho đến nhiễm của Phi tưởng phi phi tưởng xứ thì liền rời bỏ; tâm thiện như bạn thân bậc Trung, vào lúc khởi lên tâm vô ký mà liền rời bỏ; tâm vô ký như bạn thân bậc Thượng, vào lúc nhập Niết-bàn mới liền rời bỏ.

Có người nói: Bởi vì đây là A-la-hán từ từ rời bỏ pháp sinh tử. Nghĩa là lúc lìa nhiễm của cõi Dục thì rời bỏ tất cả tâm bất thiện, lúc lìa nhiễm của Phi tưởng phi phi tưởng xứ thì rời bỏ tất cả tâm nhiễm ô, lúc khởi lên tâm vô ký thì rời bỏ tất cả tâm thiện, lúc tiến vào Niết-bàn Vô dư y thì rời bỏ tất cả tâm vô ký.

Tôn giả Diệu Âm nói rằng: "Tất cả tâm thiện đều là thực hiện khởi lên công dụng, lúc sắp mạng chung thì không có thể tiếp tục thực hiện công dụng, vì thế cho nên chỉ trú trong tâm vô ký mà nhập Niết-bàn."

Hỏi: Tâm cuối cùng của A-la-hán là duyên vào nơi nào?

Đáp: Có người nói: Duyên với đại chủng các căn trong thân của mình.

Có người nói: Duyên với sáu Xứ bên trong. Có người nói: Duyên với sáu Xứ bên ngoài. Có người nói: Duyên với mười hai Xứ.

Tôn giả nói rằng: "Tâm cuối cùng của A-la-hán là duyên vào nơi nào?

Đáp: Duyên với thân của mình, lúc ấy đối với thân của mình dấy lên Tưởng về không có mạng-lìa bỏ mạng, Không giải thoát môn hiện rõ ở trước mắt mà nhập Niết-bàn."

Có người nói: Lúc ấy tâm duyên với tất cả các hành, bởi vì thấy rõ ràng về sai lầm đối với các hành, Vô nguyện giải thoát môn hiện rõ ở trước mắt mà nhập Niết-bàn.

Có người nói: Lúc ấy tâm duyên với Niết-bàn, bởi vì quán sát về công đức vắng lặng đối với Niết-bàn, Vô tướng giải thoát môn hiện rõ ở trước mắt mà nhập Niết-bàn.

Nên biết trong này dựa vào tâm mạng chung nối tiếp nhau của A-la-hán mà nói, không phải là tâm trong sát-na cuối cùng, bởi vì lúc ấy tâm chỉ là vô ký.

Đại đức nói rằng: "Tâm cuối cùng của A-la-hán duyên vào cảnh đã thấy-nghe-hiểu-biết, bởi vì lúc ấy tâm là do tự Thể dị thục sinh thâu nhiếp, do hành của nghiệp trước đây không còn cho nên tự nhiên đoạn diệt, như vòng xoay của thợ gốm đến cuối cùng thì dừng lại."

Hỏi: Vì sao hai đệ tử bậc Hiền nhập Niết-bàn trước mà Đức Phật thì nhập Niết-bàn sau?

Đáp: Bởi vì hai Tôn giả ấy trước đây trong sinh tử dằng dặc, tạo tác tăng trưởng về nghiệp cảm không có gián đoạn, đừng cho rằng trống rỗng không có quả dị thục. Bởi vì hai nhân duyên cho nên hai Tôn giả ấy cầu mong như vậy để phát khởi nghiệp này:

1. Bởi vì thấy làm nguyên cớ trước tiên.
2. Bởi vì nghe làm nguyên cớ trước tiên.

Bởi vì thấy làm nguyên cớ trước tiên, hai Tôn giả ấy trong quá khứ đã từng thấy hai đệ tử bậc Hiền của Tam miệu Tam-phật-đà trước kia nhập Niết-bàn trước mà Đức Phật ấy thì nhập Niết-bàn sau. Bởi vì nghe làm nguyên cớ trước tiên, hai Tôn giả ấy trong quá khứ đã từng nghe hai đệ tử bậc Hiền của Tam miệu Tam-phật-đà trước kia nhập Niết-bàn trước mà Đức Phật ấy thì nhập Niết-bàn sau. Đã thấy-nghe rồi mà liền dẫn dắt khởi lên tùy thuận với nhân ấy: Các công hạnh của mình như Trì giới-như Khổ hạnh-như Phạm hạnh, tất cả đều hồi hướng, nguyện cho mình ở đời vị lai được làm các loại công hạnh như bậc Thiện sĩ ấy, luôn luôn cùng với bậc

Đại Sư cảm thọ niềm vui của pháp hiện tại mà không có gián đoạn. Nếu Đức Phật nhập Niết-bàn trước mà hai đệ tử bậc Hiền nhập Niết-bàn sau, thì họ đã tạo tác tăng trưởng về nghiệp cảm không có gián đoạn, sẽ trống rỗng không có quả dị thục.

Hỏi: Tất cả sự tạo tác tăng trưởng về nghiệp cảm không có gián đoạn, không có ai như Đức Phật, nếu hai đệ tử bậc Hiền nhập Niết-bàn trước thì nghiệp cảm không có gián đoạn của Đức Phật sẽ trống rỗng không có quả dị thục, lẽ nào nghiệp cảm không có gián đoạn của hai đệ tử bậc Hiền là hơn hẳn so với Đức Phật hay sao?

Đáp: Đệ tử có hai loại thọ dụng hơn hẳn so với Thầy:

1. Thọ dụng về tài sản.
2. Thọ dụng về giáo pháp.

Thầy có một thọ dụng hơn hẳn so với đệ tử, đó là tài sản chứ không phải là giáo pháp. Nhưng tạo tác tăng trưởng về nghiệp cảm không có gián đoạn, chỉ bởi vì giáo pháp chứ không phải là bởi vì tài sản, cho nên không có sai lầm trước đây.

Hỏi: Trong hai đệ tử bậc Hiền thì người có Bát-nhã hơn hẳn lại Niết-bàn trước chứ không phải là người có Thần thông hơn hẳn, người có Thần thông hơn hẳn đối với điều ấy đã mất đi nghĩa thọ dụng về giáo pháp, làm sao không phải là nghiệp cảm không có gián đoạn trống rỗng không có quả dị thục?

Đáp: Người có Bát-nhã hơn hẳn không có ai như Đức Phật, vị ấy tuy Niết-bàn mà bởi vì Đức Thế Tôn đang còn, cho nên đối với sự thọ dụng về giáo pháp không phải là trống rỗng không có quả.

Lại nữa, bởi vì pháp vốn như vậy, cho nên hai đệ tử bậc Hiền nhập Niết-bàn trước Đức Phật. Nghĩa là pháp thuận theo như vậy không có thể thay đổi, không có thể nêu ra vặn hỏi, là nghĩa của pháp vốn như vậy. Đây là hiển bày về hai đệ tử bậc Hiền của hết thảy chư Phật, pháp thuận theo mà nhập Niết-bàn trước Đức Phật, lý này không có gì khác. Có người nói: Bởi vì pháp tương tự với Chuyển Luân Vương. Như Chuyển Luân Vương sắp đi đến tất cả mọi nơi chốn chưa đến, nhất định phải trước tiên truyền cho quân tướng dũng mãnh đi trước dẫn đường mà đến; như vậy bậc Thập Lực Pháp Chuyển Luân Vương sắp đi đến cảnh giới Niết-bàn Vô dư y, cũng truyền cho hai đệ tử bậc Hiền như quân tướng dũng mãnh đi trước dẫn đường mà đến.

Có người nói: Bởi vì muốn làm cho hữu tình đã được hóa độ tiến vào Phật pháp. Nghĩa là có hữu tình đã được hóa độ, tuy ở gần bên Đức Phật

mà đến hết Chúng đồng phần, không muốn đi đến nơi Đức Phật tiếp nhận thực hành Phật pháp, nếu lúc thấy hai đệ tử bậc Hiền nhập Niết-bàn thì sẽ lo sợ chán ngán đối với sinh tử, đi đến nơi Đức Phật tiếp nhận thực hành Phật pháp.

Có người nói: Bởi vì trừ bỏ tâm buồn lo của hữu tình đã được hóa độ. Nghĩa là nếu Đức Phật nhập Niết-bàn trước thì không có ai có thể trừ bỏ tâm buồn lo của hữu tình đã được hóa độ; nếu hai đệ tử bậc Hiền nhập Niết-bàn trước thì có Như Lai có thể ở trong bốn tháng mùa mưa, dựa vào điều ấy và tự mình nói về giáo pháp Vô thường, trừ bỏ tâm lý buồn lo của họ khiến cho tu tập công hạnh thù thắng.

Có người nói: Bởi vì muốn làm cho hữu tình đã được hóa độ, trú trong ý niệm biết trước Đức Phật sẽ nhập Niết-bàn. Nghĩa là bởi vì hai đệ tử bậc Hiền nhập Niết-bàn trước, hữu tình đã được hóa độ sẽ dấy lên nghĩ rằng: Đức Phật cũng không bao lâu sẽ nhập Niết-bàn, bởi vì hai đệ tử bậc Hiền đã nhập Niết-bàn, như trời sắp nổi sấm sét thì nhất định phải chớp lóe trước, nếu không vì chớp lóe làm trước mà sấm sét chấn động thì khiến cho hữu tình khiếp sợ, nghe thấy kinh hãi run rẩy hoặc là khiến cho sợ quá mà chết; vì thế cho nên lúc trời sắp nổi sấm sét, vì thương xót hữu tình cho nên trước tiên phát ra chớp lóe, họ đã biết rồi yên tâm mà chờ đợi, tuy nghe sấm sét chấn động nhưng vẫn không có gì kinh hãi. Như vậy, nếu Đức Phật nhập Niết-bàn trước thì khiến cho một loại hữu tình, tôn kính ngưỡng mộ đối với Đức Phật sẽ kinh hãi muộn phiền vô cùng; nếu hai đệ tử bậc Hiền nhập Niết-bàn trước, thì khiến cho loại ấy biết trước khởi lên ý nghĩ Như Lai nhập Niết-bàn, cho nên đến lúc Đức Phật nhập Niết-bàn sẽ không có gì kinh hãi muộn phiền. Có bài tụng nói:

"Luôn luôn dấy lên tưởng Vô thường,
Biến hoại thì không có buồn lo,
Như thấy chớp lóe làm đầu tiên,
Nghe sấm sét không hề kinh sợ."

Có người nói: Bởi vì chấm dứt sự phỉ báng. Nghĩa là có ngoại đạo luôn luôn phỉ báng Đức Phật rằng: Sa-môn Kiều-đáp-ma thâu nhiếp tiếp nhận Ô-ba-đề-sa và Câu-lữ-đa, cho nên ban đêm đi theo hỏi han thâu nhận-ban ngày nói cho người khác. Nếu hai người ấy nhập Niết- bàn rồi, Đức Thế Tôn thuyết pháp không khác thời gian trước đây, thì sự phỉ báng của các ngoại đạo đều chấm dứt.

Có người nói: Bởi vì hiển bày Đức Thế Tôn không tồn tại lâu dài ở thế gian. Như lúc thế giới sắp sửa hủy hoại, núi Tô-mê-lô thường xuyên bị

hai Đại Long vương là Nan-đà và Ô-ba-nan-đà quấn quanh bỏ đi, chư Thiên nhìn thấy rồi thì biết là thế giới không bao lâu sẽ hủy hoại. Như vậy, hai Tôn giả Xá-lợi-tử và Đại Mục-kiền-liên nhập Niết-bàn trước, thế gian liền biết là Đức Phật không bao lâu sẽ diệt độ.

Bởi vì các loại nhân duyên như vậy, cho nên hai đệ tử bậc Hiền nhập Niết-bàn trước, sau đó Đức Phật mới diệt độ.

Hỏi: Vì sao Tỳ kheo (cụ thọ) Tô-bạt-đà-la nhập Niết-bàn trước, sau đó Đức Phật mới diệt độ?

Đáp: Cũng bởi vì pháp vốn như vậy. Nghĩa là pháp của chư Phật vốn như vậy, đệ tử cuối cùng nhập Niết-bàn trước, sau đó Đức Phật mới diệt độ.

Hỏi: Thế nào là pháp vốn như vậy (pháp nhĩ)?

Đáp: Pháp thuận theo như vậy không có thể thay đổi, cho nên gọi là pháp vốn như vậy. Đây là hiển bày về pháp của hết thảy chư Phật thuận theo mà nhập Niết-bàn sau đệ tử cuối cùng, lý này không có gì khác.

Có người nói: Bởi vì pháp tương tự với Chuyển Luân Vương. Như Chuyển Luân Vương sắp đi vào dạo chơi trong khu vườn có nhiều cảnh đẹp, nhất định phải dùng các đồ vật trang nghiêm để trang điểm cho Vương tử nhỏ nhất, khiến Vương tử ấy đi vào trước, sau đó mới tự mình đi đến; như vậy bậc Thập Lực Vô Thượng Pháp Vương sắp sửa đi vào cảnh giới Niết-bàn Vô dư y, như khu vườn có nhiều cảnh đẹp, cũng trước tiên dùng pháp phần Bồ-đề để trang nghiêm cho đệ tử cuối cùng, khiến nhập Niết-bàn trước, sau đó tự mình mới diệt độ.

Có người nói: Tôn giả Tô-bạt-đà-la dấy lên nghĩ rằng: Tất cả những người đồng Phạm hạnh đều tiến vào cảnh giới Niết-bàn Hữu dư y ở trước mình, mình nên tiếp tục tiến vào cảnh giới Niết-bàn Vô dư y ở trước tất cả người đồng Phạm hạnh. Bởi vì chí nguyện ấy, cho nên Tôn giả ấy nhập Niết-bàn trước Đức Phật.

Có người nói: Tôn giả ấy dấy lên nghĩ rằng: Như tiếp nhận bao nhiêu công đức của Thánh giáo, trở lại tiếp nhận bấy nhiêu lỗi lầm của sinh tử, mình đã không có thể nhận lấy rất nhiều công đức của Thánh giáo, thì đâu cần phải tồn tại lâu dài để nhận lấy rất nhiều lỗi lầm của sinh tử? Vì vậy Tôn giả ấy nhập Niết-bàn trước Đức Phật.

Có người nói: Bởi vì Tôn giả ấy sợ hãi tiếp nhận nhiều sự lợi dưỡng cung kính. Nghĩa là các vị Đại lực sĩ trong thành Câu-thi trước đây khởi lên ý tưởng Đại Sư đối với Tôn giả ấy, lại biết vị ấy đạt được quả A-la-hán, Tôn giả ấy dấy lên nghĩ rằng: Nếu nhập Niết-bàn sau Đức Phật thì họ nhất

định tìm cách cúng dường nhiều đối với mình, may mắn nhờ Đức Phật chưa Niết-bàn mà các vị Đại lực sĩ cúng dường Đức Thế Tôn, chưa rảnh rỗi để đến với nhau, mình nên nhập Niết-bàn trước Đức Phật.

Có người nói: Bởi vì vị ấy muốn đoạn dứt nguồn gốc của sự tranh cãi. Nghĩa là Tôn giả ấy dấy lên ý nghĩ như vậy: Nếu mình nhập Niết- bàn sau Đức Phật, thì ngoại đạo cho rằng mình là đồng loại với họ, các Tỳ kheo lại nói là đồng loại với mình, vì vậy sẽ dấy khởi đủ loại tranh chấp. Vị ấy quán xét ở vị lai có sự việc như vậy, vì thế cho nên nhập Niết-bàn trước Đức Phật.

Có người nói: Bởi vì muốn hiển bày về công đức giáo hóa của Đức Thế Tôn ở giai đoạn cuối cùng cũng không có gì giảm sút. Nghĩa là hoặc có người dấy lên nghĩ rằng: Bởi vì lui sụt công đức mà Đức Thế Tôn nhập Niết-bàn. Tôn giả ấy muốn hiển bày về Đức Thế Tôn ở giai đoạn cuối cùng cũng có thể giáo hóa hữu tình, khiến cho công đức đầy đủ trọn vẹn, đó là khiến cho tiến vào cảnh giới Niết-bàn Vô dư y.

Bởi vì các loại nhân duyên như vậy, cho nên Tôn giả ấy nhập Niết-bàn trước Đức Phật.

Như nói: "Đức Thế Tôn dựa vào Định Bất động tịch tĩnh mà nhập Niết-bàn, ánh mắt của thế gian mất đi."

Hỏi: Đây là ở trong Định hay là rời khỏi Định?

Đáp: Rời khỏi Định.

Hỏi: Vì sao soạn ra phần luận này?

Đáp: Bởi vì muốn làm cho người nghi ngờ có được quyết định. Nghĩa là trong kinh nói: "Đức Thế Tôn dựa vào Định Bất động tịch tĩnh mà nhập Niết-bàn, ánh mắt của thế gian mất đi." Hoặc có người nghi rằng: Đức Phật ở trong Định mà nhập Niết-bàn. Bởi vì muốn làm cho mối nghi này có được quyết định, trình bày về Đức Phật rời khỏi Định mà nhập Niết-bàn, cho nên soạn ra phần luận này.

Trong này, Định Bất động tịch tĩnh, đó là có Định tương ưng với tâm vô phú vô ký của cõi Dục, tựa như Tĩnh lự thứ tư cho nên gọi là Bất động tịch tĩnh. Đức Phật dựa vào Định này mà nhập Niết-bàn.

Các Sư nước Kiện-đà-la ở phương Tây đưa ra cách nói như vậy:

"Như nói: Đức Thế Tôn tiến vào Tĩnh lự thứ tư mà nhập Niết-bàn, ánh mắt của thế gian mất đi.

Hỏi: Đây là ở trong Định hay là rời khỏi Định? Đáp: Rời khỏi Định."

Hỏi: Đức Phật tiến vào đầy đủ bốn Tĩnh lự mà nhập Niết-bàn, vì sao

chỉ nói là tiến vào Tĩnh lự thứ tư?

Đáp: Tuy cũng tiến vào ba Tĩnh lự trước mà không phải là vững bền, nếu tiến vào Tĩnh lự thứ tư thì sẽ vững bền, cho nên chỉ nói đến Tĩnh lự thứ tư.

Có người nói: Bởi vì tiến vào Tĩnh lự thứ tư cho nên tiến vào ba Tĩnh lự trước, vì vậy chỉ nói đến Tĩnh lự thứ tư.

Có người nói: Ba Tĩnh lự trước giống như ở trên đường đi, Tĩnh lự thứ tư là nơi đích thực đi đến, vì vậy chỉ nói đến Tĩnh lự thứ tư.

Có người nói: Lúc Đức Phật sắp nhập Niết-bàn, từ Tĩnh lự thứ tư rời ra rồi tiến vào Cận phần của Tĩnh lự thứ ba, từ Cận phần của Tĩnh lự thứ ba rời ra rồi tiến vào Cận phần của Tĩnh lự thứ hai, từ Cận phần của Tĩnh lự thứ hai rời ra rồi tiến vào Cận phần của Tĩnh lự thứ nhất, từ Cận phần của Tĩnh lự thứ nhất khởi lên tâm thiện của cõi Dục hiện rõ ở trước mắt, tâm thiện của cõi Dục không gián đoạn, tâm vô phú vô ký của cõi Dục hiện rõ ở trước mắt, liền trú trong tâm này mà nhập Niết- bàn. Bởi vì ba Tĩnh lự trước chỉ là tiến vào-rời ra Cận phần chứ không phải là Căn bản, Tĩnh lự thứ tư thì tiến vào-rời ra Căn bản, vì thế cho nên chỉ nói đến Tĩnh lự thứ tư.

Tôn giả Diệu Âm nói rằng: "Lúc Đức Phật sắp nhập Niết-bàn, Tĩnh lự thứ tư không gián đoạn, tâm thiện của cõi Dục hiện rõ ở trước mắt, tâm thiện của cõi Dục không gián đoạn, tâm vô phú vô ký của cõi Dục hiện rõ ở trước mắt, liền trú trong tâm này mà nhập Niết-bàn."

Hỏi: Lẽ nào có người có thể từ Tĩnh lự thứ tư không gián đoạn liền khởi lên tâm thiện của cõi Dục chăng?

Đáp: Có, đó là Đức Phật chứ không phải là ai khác.

Hỏi: Vì sao lúc Đức Phật nhập Niết-bàn thì cuối cùng là tiến vào Tĩnh lự thứ tư?

Đáp: Pháp của hằng hà sa số Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác đều như vậy, theo thứ tự tiến vào Định mà nhập Niết-bàn. Nghĩa là tất cả chư Phật lúc nhập Niết-bàn thì pháp cuối cùng vốn như vậy, tiến vào Tĩnh lự thứ tư, từ đó rời ra rồi mà nhập Niết-bàn.

Có người nói: Bởi vì muốn hiển bày Đức Phật đối với Định ấy vô cùng tự tại, tuy sắp nhập Niết-bàn mà vẫn ngay lúc ấy tiến vào, nếu không như vậy thì sẽ không có thể hiện rõ trước mắt.

Có người nói: Bởi vì Đức Phật thương xót chúng sinh ở đời sau. Nghĩa là sau khi Đức Phật diệt độ có các chúng sinh sẽ dấy lên nghĩ rằng: Đức Thế Tôn đầy đủ Nhất thiết trí, lúc sắp Niết-bàn hãy còn tiến vào Tĩnh

lự thứ tư, huống gì chúng ta không ở trong các Đẳng chí chịu khó thực hiện gia hạnh hay sao? Vì vậy mà chịu khó tu tập tất cả Đẳng chí.

Có người nói: Bởi vì pháp tương tự với Chuyển Luân Vương. Như Chuyển Luân Vương, nếu trước đây ở nơi này làm lễ Quán Đảnh mà tiếp nhận Vương vị, thì về sau ở ngay nơi này mà mạng chung; như vậy bậc Thập Lực Vô Thượng Pháp Vương, trước kia dựa vào Tĩnh lự thứ tư mà tiếp nhận ngôi vị Pháp Vương, sau vẫn dựa vào nơi này mà nhập Niết-bàn.

Có người nói: Bởi vì pháp tương tự với chủ buôn rất giàu có. Như người chủ buôn giàu có, cuối cùng trao đổi châu báu rất giá trị mà không có gì luyến tiếc; như vậy Đức Thế Tôn cuối cùng rời bỏ Tĩnh lự thứ tư thù thắng mà không có gì luyến tiếc.

Lúc Đức Thế Tôn sắp nhập Niết-bàn, trước tiên khởi lên tâm thiện của cõi Dục, từ đây không gián đoạn tiến vào Tĩnh lự thứ nhất, từ Tĩnh lự thứ nhất tiến vào Tĩnh lự thứ hai, như vậy theo thứ tự cho đến từ Vô sở hữu xứ tiến vào Phi tưởng phi phi tưởng xứ.

Từ Phi tưởng phi phi tưởng xứ không gián đoạn tiến vào Định Diệt thọ-tưởng, từ Định Diệt thọ-tưởng không gián đoạn tiến vào Vô sở hữu xứ.

Từ Vô sở hữu xứ tiến vào Phi tưởng phi phi tưởng xứ, từ Phi tưởng phi phi tưởng xứ tiến vào Thức vô biên xứ.

Từ Thức vô biên xứ tiến vào Vô sở hữu xứ, từ Vô sở hữu xứ tiến vào Không vô biên xứ.

Từ Không vô biên xứ tiến vào Thức vô biên xứ, từ Thức vô biên xứ tiến vào Tĩnh lự thứ tư.

Từ Tĩnh lự thứ tư tiến vào Không vô biên xứ, từ Không vô biên xứ tiến vào Tĩnh lự thứ ba.

Từ Tĩnh lự thứ ba tiến vào Tĩnh lự thứ tư, từ Tĩnh lự thứ tư tiến vào Tĩnh lự thứ hai.

Từ Tĩnh lự thứ hai tiến vào Tĩnh lự thứ ba, từ Tĩnh lự thứ ba tiến vào Tĩnh lự thứ nhất.

Từ Tĩnh lự thứ nhất tiến vào Tĩnh lự thứ hai, từ Tĩnh lự thứ hai tiến vào Tĩnh lự thứ ba.

Từ Tĩnh lự thứ ba tiến vào Tĩnh lự thứ tư, từ Tĩnh lự thứ tư rời ra liền nhập Niết-bàn.

Như vậy, lúc Đức Thế Tôn sắp nhập Niết-bàn, bốn lần tiến vào Tĩnh lự thứ tư, ba lần trước tiến vào thì chưa gọi là Định Bất động tịch tĩnh, lần thứ tư tiến vào thì mới gọi là Định Bất động tịch tĩnh. Nguyên cớ thế nào?

Bởi vì ba lần trước tiến vào thì không duyên với Niết-bàn, lần thứ tư tiến vào thì mới duyên với Niết-bàn.

Hỏi: Vì sao lúc Đức Thế Tôn sắp nhập Niết-bàn không thuận theo vượt lên trên (thuận siêu) tiến vào các Định mà chỉ ngược lại vượt lên trên (nghịch siêu) để tiến vào?

Đáp: Pháp của hằng hà sa số Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác đều như vậy, vượt lên trên để tiến vào các Định.

Có người nói: Bởi vì muốn hiển bày Đức Thế Tôn đạt được tự tại đối với các Định. Nguyên cớ thế nào? Bởi vì nếu có đạt được tự tại đối với Định, thì mới có năng lực không dựa vào thuận theo vượt lên trên tiến vào mà vẫn ngược lại vượt lên trên để tiến vào; nếu không tự tại đối với các Định, thì hãy còn không có thể thuận theo vượt lên trên, huống gì có thể ngược lại vượt lên trên mà tiến vào các Định hay sao?

Có người nói: Bởi vì muốn hiển bày Đức Thế Tôn có năng lực làm điều khó làm. Nghĩa là không thuận theo vượt lên trên mà có thể ngược lại vượt lên trên để tiến vào các Định, thì điều nào là khó, không phải là như thuận theo vượt lên trên tiến vào rồi mới ngược lại vượt lên trên.

Có người nói: Bởi vì muốn hiển bày Đức Thế Tôn có uy lực to lớn. Nghĩa là uy lực của Đức Thế Tôn mới có năng lực không thuận theo vượt lên trên mà ngược lại vượt lên trên, Thanh văn-Độc giác nếu không thuận theo vượt lên trên thì không có thể ngược lại vượt lên trên mà tiến vào các Định.

Có người nói: Bởi vì muốn tiến vào đủ cả Định Diệt tận. Nghĩa là lúc bấy giờ nếu Đức Phật thuận theo vượt lên trên tiến vào các Định, thì không có thể tiến vào Định Diệt tận. Nguyên cớ thế nào? Bởi vì Định Diệt tận cần phải thuận theo tâm của Phi tưởng phi phi tưởng xứ từ từ không gián đoạn hiện rõ ở trước mắt, như vậy lúc Đức Phật nhập Niết- bàn thì không cần phải ngay lúc ấy tiến vào tất cả Tĩnh lự-Giải thoát- Đẳng trì-Đẳng chí. Nhưng lúc Đức Phật nhập Niết-bàn thì quyết định ngay lúc ấy tiến vào tất cả Tĩnh lự-Giải thoát-Đẳng trì-Đẳng chí, vì thế cho nên không thuận theo vượt lên trên tiến vào các Định mà ngược lại vượt lên trên để tiến vào các Định.

Hỏi: Vì sao lúc Đức Thế Tôn sắp nhập Niết-bàn thì ngay lúc ấy tiến vào tất cả Tĩnh lự-Giải thoát-Đẳng trì-Đẳng chí?

Đáp: Bởi vì pháp của hằng hà sa số Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác đều như vậy. Nghĩa là pháp của hết thảy chư Phật sắp nhập Niết- bàn đều ngay lúc ấy tiến vào tất cả Tĩnh lự-Giải thoát-Đẳng trì-Đẳng chí.

Có người nói: Bởi vì muốn hiển bày Đức Thế Tôn đạt được tự tại đối với các Định. Nghĩa là nếu đạt được tự tại đối với các Định, thì lúc sắp nhập Niết-bàn vẫn có năng lực ngay lúc ấy tiến vào; nếu không đạt được tự tại đối với các Định, thì những lúc khác hãy còn không có thể ngay lúc ấy tiến vào, huống gì sắp nhập Niết-bàn hay sao?

Có người nói: Bởi vì Đức Phật thương xót các hữu tình ở đời sau. Nghĩa là sau khi Đức Phật nhập Niết-bàn có các hữu tình sẽ dấy lên nghĩ rằng: Đức Thế Tôn đầy đủ Nhất thiết trí, lúc sắp Niết-bàn hãy còn ngay lúc ấy tiến vào tất cả Tĩnh lự-Giải thoát-Đẳng trì-Đẳng chí, huống gì chúng ta đối với những pháp ấy không chịu khó thực hiện gia hạnh hay sao? Vì vậy mà chịu khó tu tập Tĩnh lự-Giải thoát-Đẳng trì-Đẳng chí.

Có người nói: Bởi vì muốn tiếp tục tu tập để lưu lại xá-lợi (thiết- lợi-la). Lại bởi vì cung cấp nuôi dưỡng thân thể gầy yếu. Lại bởi vì mở rộng ruộng phước cho người khéo léo như Chuẩn Đà. Lại bởi vì ngăn chặn nhân duyên tan vỡ của thân mà sinh ra các cảm thọ khổ đau trong thân.

Có người nói: Bởi vì pháp tương tự với chủ buôn rất giàu có. Như người chủ buôn giàu có, lúc sắp mạng chung mở toang các kho tàng nhìn xem tài sản châu báu, dặn dò gởi gắm cho con cháu, rồi sau đó nhắm mắt ra đi; như vậy Đức Thế Tôn là vị chủ buôn Vô thượng trong Chánh pháp, lúc sắp Niết-bàn mở toang kho tàng công đức, nhìn xem các pháp như tài sản châu báu, là tất cả Tĩnh lự-Giải thoát-Đẳng trì- Đẳng chí, dặn dò gởi gắm cho đệ tử, sau đó mới nhập Niết-bàn.

Tôn giả Diệu Âm nói rằng: "Bởi vì Đức Thế Tôn tự mình hiển bày về pháp không lui sụt. Nghĩa là Đức Phật thành tựu tất cả công đức, đạt được tự tại đối với tất cả các cảnh của trí, sắp nhập Niết-bàn vẫn có năng lực ngay lúc ấy khởi lên tất cả Tĩnh lự-Giải thoát-Đẳng trì-Đẳng chí."

Như trong kinh nói: "Đức Thế Tôn ở trong khu rừng giữa hai cây Sa-la, nơi sinh sống của các Lực sĩ thuộc thành Câu-thi mà nhập Niết- bàn."

Hỏi: Vì sao Đức Thế Tôn nhập Niết-bàn ở thành Câu-thi?

Đáp: Bởi vì muốn hóa độ các Lực sĩ trong thành Câu-thi. Lại bởi vì thâu nhiếp hóa độ ngoại đạo Tô-bạt-đà-la. Lại bởi vì làm cho Đại lực sĩ Bổ-yết-sa gieo trồng chủng tử Bồ-đề của Độc giác. Lại bởi vì làm cho vợ của người ấy gieo trồng chủng tử Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề.

Có người nói: Bởi vì ngăn chặn các hàng Lực sĩ trong thành Câu thi gặp phải sự khinh miệt. Nghĩa là nếu Đức Phật nhập Niết-bàn ở trong các thành rộng lớn khác, thì các hàng Lực sĩ trong thành nhỏ bé này sẽ bị khinh miệt, không có được một phần thân để lại của Như Lai, cho nên Đức Phật

ở tại thành này mà nhập Niết-bàn.

Có người nói: Bởi vì lưu truyền thân để lại của Đức Phật rộng ra khắp nơi. Nghĩa là nếu Đức Phật nhập Niết-bàn ở trong các thành rộng lớn khác, thì nhân dân trong các thành ấy đông đúc khó có thể khuất phục, đối với thân để lại của Đức Phật chắc là sinh lòng keo kiệt giữ gìn thì không có thể phân bố khắp nơi; nếu nhập Niết-bàn ở thành Câu-thi, các Lực sĩ đều có thân tâm dũng mãnh, tâm dũng mãnh cho nên vui vẻ để phân bố, thân dũng mãnh cho nên không bị người khác hàng phục mà vui vẻ phân bố, thì làm cho thân để lại của Đức Phật được lưu truyền rộng ra khắp nơi.

Có người nói: Bởi vì muốn hiển bày Đức Phật tuy sắp nhập Niết- bàn mà đối với thế gian vẫn còn thọ nhận quả giàu sang tăng thượng. Nghĩa là nếu Đức Phật nhập Niết-bàn ở các thành rộng lớn khác, thì sự thọ nhận cúng dường tuy nhiều hơn Luân Vương gấp trăm ngàn lần mà chưa phải là kỳ lạ; nếu nhập Niết-bàn tuy ở tại thành xa xôi nhỏ bé này, mà sự thọ nhận cúng dường hãy còn nhiều hơn Luân Vương gấp trăm ngàn lần, thì mới là kỳ lạ.

Có người nói: Bởi vì Đức Phật đã từng nhiều lần xả thân mạng ở nơi này. Như trong kinh nói: "Đức Phật bảo với A-nan: Ngay cả khu rừng Sa-la bên bờ sông Kim-sa, nơi các Lực sĩ đứng đầu tăng thêm phạm vi tháp thờ, xung quanh bốn phía đều mười hai Du-thiện-na, Như Lai ở nơi này đã sáu lần xả thân mạng Chuyển Luân Vương, lần thứ bảy này xả thân mạng Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác. Này A-nan! Nên biết Ta không thấy nơi nào ở vùng này, hoặc là Đông-Nam-Tây-Bắc, Như Lai lại xả thân mạng thứ tám. Nguyên cớ thế nào? Bởi vì Như Lai đoạn dứt con đường của các cõi, sinh tử vĩnh viễn không còn, không có thân đời sau."

Như nói: "Đức Phật bảo với A-nan: Ông hãy đi đến hai cây Sa-la giữa khu rừng, bố trí giường nằm đầu hướng về Bắc cho Đức Phật, Như Lai vào giữa đêm nay sẽ ở cảnh giới Niết-bàn Vô dư y mà nhập Niết-bàn…"

Hỏi: Vì sao Đức Thế Tôn khiến bố trí giường nằm đầu hướng về Bắc mà nằm?

Đáp: Bởi vì muốn hiển bày về pháp của Luận Sư ở nước ấy cần phải như vậy. Nghĩa là Luận Sư ở nước ấy đều bố trí giường nằm đầu hướng về Bắc mà nằm, Đức Thế Tôn cũng như vậy; bởi vì Đức Phật có năng lực điều phục các Luận Sư, chính là vị Luận Sư bậc nhất Vô thượng, cho nên khiến bố trí thuận theo pháp ấy mà nằm.

Có người nói: Bởi vì muốn hiển bày lìa xa sự tốt lành mà thế gian chấp trước hư vọng. Nghĩa là tục lệ ở nước ấy, người chết mới để nằm trên

giường mà đầu hướng về Bắc, Đức Phật vì phá bỏ sự chấp trước tốt lành hư vọng ấy, cho nên chưa nhập Niết-bàn vẫn khiến bố trí giường nằm đầu hướng về Bắc mà nằm.

Có người nói: Bởi vì muốn ngăn chặn tâm tưởng bất tịnh của các hàng Lực sĩ trong thành Câu-thi. Nghĩa là tục lệ ở nước ấy xây dựng đền thờ Thiên thần đều hướng về phương Bắc, nếu Đức Phật xoay chân về Bắc mà nằm, thì các Lực sĩ sẽ sinh tâm tưởng bất tịnh: Vì sao khinh miệt sự tôn thờ của chúng ta, xoay chân về Bắc mà nằm?

Có người nói: Bởi vì muốn hiển bày Đức Phật cung kính đối với Chánh pháp. Nghĩa là Đức Phật biết trước, sau khi nhập Niết-bàn thì ngọn đuốc của pháp Vô thượng sẽ rực cháy ở phương Bắc lâu dài không tắt đi, cho nên nằm trên giường mà đầu hướng về Bắc.

Có người nói: Bởi vì Đức Phật muốn hiển bày những việc làm của mình ở tất cả mọi lúc đều từ từ thù thắng. Nghĩa là Đức Phật từ ba Vô số kiếp đến nay đã khởi lên căn thiện, từ từ tăng thêm thù thắng chứ không hề có lụi tàn, cho nên để đầu hướng về phương thù thắng mà nằm, vì phương Bắc là phương thù thắng.

Có người nói: Bởi vì Đức Phật muốn hiển bày dân chúng ở phương Bắc từ từ tăng lên nhiều. Nghĩa là Đức Phật biết trước, sau khi nhập Niết-bàn thì dân chúng ở phương Bắc từ từ tăng lên nhiều, cho nên khiến bố trí giường nằm đầu hướng về Bắc mà nằm.

Như nói: "Lúc bấy giờ Đức Thế Tôn đi đến chiếc giường đã bố trí, hông bên phải ở dưới, chân chồng lên nhau, mặt hướng về Tây, đầu hướng về Bắc mà nằm, trú trong Tưởng về ánh sáng, đầy đủ niệm Chánh tri…"

Hỏi: Vì sao Đức Thế Tôn nghiêng hông bên phải mà nằm?

Đáp: Bởi vì muốn hiển bày Đức Phật như Sư tử chúa mà nằm. Như trong kinh nói: "Nằm có bốn loại, đó là Sư tử chúa nằm-chư Thiên nằm-Quỷ nằm-người đam mê dục lạc nằm. Sư tử chúa nghiêng hông bên phải mà nằm, chư Thiên thì ngửa mặt mà nằm, Quỷ thì úp mặt mà nằm, người đam mê dục lạc thì nghiêng hông bên trái mà nằm." Đức Phật là đấng Vô thượng, là Sư tử giữa loài người, cho nên nghiêng hông bên phải mà nằm.

Có người nói: Bởi vì muốn hiển bày Đức Thế Tôn như lời nói mà thực hành. Nghĩa là trong kinh nói: "Đức Phật bảo với A-nan: Các ông nên học theo cách nằm của Sư tử chúa." Đức Phật là vị như lời nói mà thực hành, bởi vì đã khuyên người khác nghiêng hông bên phải mà nằm, cho nên tự mình cũng làm như vậy.

Hỏi: Vì sao Đức Thế Tôn nằm mà nhập Niết-bàn chứ không ngồi?

Đáp: Bởi vì muốn làm cho Đại chúng dễ dàng nhận biết rõ ràng đối với toàn bộ thân thể của Đức Phật.

Có người nói: Nếu Đức Phật nằm mà nhập Niết-bàn, thì mức lượng thân thể hiện bày có thể nhận biết rõ ràng, không cần phải phân biệt.

Có người nói: Bởi vì muốn hiển bày Như Lai lìa xa sự kiêu ngạo lừa dối. Nếu Đức Phật ngồi mà nhập Niết-bàn, thì người không tin sẽ nói ra điều này: Đây là sự kiêu ngạo lừa dối, làm sao có người chết mà có thể ngồi ngay thẳng?

Có người nói: Bởi vì ngăn chặn ở đời vị lai sinh lòng phỉ báng đối với các Thánh giả. Nếu ngồi mà nhập Niết-bàn, thì vào lúc này các A- la-hán bởi vì thân lực yếu kém, cho nên nằm mà nhập Niết-bàn, người thế gian sẽ phỉ báng rằng không phải là A-la-hán, nếu đúng là A-la-hán thì vì sao không giống như Đức Phật ngồi mà nhập Niết-bàn?

Có người nói: Bởi vì đoạn tâm kiêu mạn của người cậy vào sức lực. Nghĩa là họ thấy Đức Phật nằm mà nhập Niết-bàn, đều dấy lên nghĩ rằng: Mỗi một phần thân thể của Đức Thế Tôn đều có đủ sức mạnh của Na-la-diên, hãy còn bị Vô thường bức bách, không có thể ngồi ngay thẳng, huống gì chúng ta là hạng phàm tục thấp hèn yếu kém mà cậy vào chút sức mạnh sinh lòng kiêu mạn sao?

Hỏi: Vì sao Đức Thế Tôn ở thời gian giữa đêm mà nhập Niết-bàn?

Đáp: Bởi vì lúc này là lúc vắng lặng nhất. Nghĩa là ở vùng ấy lúc ban ngày nắng nóng không thể nào làm việc được, làm mọi công việc phần nhiều ở trong thời gian chiều muộn và sáng sớm, chỉ có thời gian giữa đêm thì tất cả đều vắng lặng. Như Lai luôn luôn yêu thích sự vắng lặng, ca ngợi sự vắng lặng, cho nên ở giữa đêm mà nhập Niết-bàn.

Có người nói: Bởi vì muốn hiển bày Đức Phật ở trong sự tăng- giảm khéo léo điều tiết thích hợp chứ không rời bỏ trong chốc lát. Nghĩa là Đức Phật giữ lại thân mạng trong thời gian đầu đêm, xả bỏ thọ lượng trong thời gian cuối đêm; lại ở trong thời gian giữa đêm, giữ lại phần trước-xả bỏ phần sau, ở thời gian phần giữa mà nhập Niết-bàn.

Có người nói: Bởi vì Đức Phật muốn làm cho Đại chúng khởi tâm rất sợ hãi đối với bóng đen sinh tử. Nghĩa là Đức Phật ở giữa đêm của ngày mồng tám thuộc tháng Ca-lật-để-ca mà nhập Niết-bàn, lúc bấy giờ vầng trăng lặn ở trên đỉnh núi; như vậy vầng trăng Chánh Biến Tri của Đức Phật cũng ẩn đi trên đỉnh núi Đại Niết-bàn của Tĩnh lự, ngay lúc ấy hai loại bóng đen cùng lúc nổi lên, đó là bóng đen của Sắc tánh và bóng đen của Vô minh. Lúc ấy các Đại chúng nhìn thấy sự việc này rồi, liền khởi tâm rất sợ hãi đối

với sinh tử, cho nên ở giữa đêm mà nhập Niết-bàn.

Có người nói: Bởi vì Đức Phật luôn luôn vui thích thực hành Trung đạo (xử trung). Nghĩa là xưa kia lúc Đức Phật còn làm Bồ-tát, ở trong đời loài trời cuối cùng sinh vào trong cõi trời Đổ-sử-đa; ở trong đời loài người cuối cùng sinh vào thành Kiếp-tỷ-la-phiệt-suất-đổ thuộc Trung Ấn Độ; ở thời gian nửa đêm vượt thành xuất gia, luyện tập công hạnh Trung đạo, chứng quả vị Vô Thượng Giác, vì lợi ích cho hữu tình, nói về pháp Trung đạo vi diệu lìa xa Hữu-Vô; ở thời gian giữa đêm mà nhập Niết-bàn.

Như nói: "Lúc bấy giờ A-nan thưa với Đức Phật rằng: Thưa Đức Thế Tôn! Trong thành Câu-thi này có Lực sĩ như vậy-như vậy, cùng với nam nữ lớn nhỏ-tôi tớ hầu hạ-bạn bè quyến thuộc, tất cả đều quy y Đức Thế Tôn và Pháp cùng với Tỳ kheo Tăng, thọ các Học xứ…"

Hỏi: Luật nghi Biệt giải thoát do chính mình biểu hiện mà đạt được, làm sao các Lực sĩ ấy đã thọ giới do người khác biểu hiện mà đạt được?

Đáp: Bởi vì thần lực của Đức Phật. Nghĩa là giới đều do chính mình biểu hiện mà đạt được, nhưng lúc Đức Phật sắp nhập Niết-bàn, nhờ uy lực của Đức Phật khiến cho giới của các Lực sĩ cũng do người khác biểu hiện mà đạt được.

Có người nói: Tôn giả A-nan trước đây từng đi vào thành Câu-thi, đã trao truyền Học xứ Tam quy cho các Lực sĩ, nay chỉ thưa với Đức Phật để Đức Phật biết, muốn hiển bày các Lực sĩ đều là đệ tử chân thật của Đức Phật, và hiển bày Như Lai ở giai đoạn cuối cùng vẫn có năng lực thâu nhiếp tiếp nhận các thế hệ mới học. Vì thế cho nên đệ tử của Đức Thế Tôn đầy đủ, chứ không phải là như ngoại đạo đến lúc sắp mạng chung thì đệ tử phân tán rời xa.

Có người nói: Luật nghi Biệt giải thoát cũng còn có loại khác, từ người khác biểu hiện mà đạt được, như người nữ Bán-ca-thi… tuy tự mình biểu hiện không rõ ràng lắm, mà do lực của người khác biểu hiện cho nên cũng đạt được luật nghi Biệt giải thoát.

Như nói: "Đức Phật bảo với Tỳ kheo: Từ nay trở đi và sau khi Ta diệt độ, không nên vội vàng độ cho ngoại đạo xuất gia-cho thọ Cụ túc giới, chỉ ngoại trừ người họ Thích và ngoại đạo Đa Phát thờ lửa. Nếu có người họ Thích mang y phục ngoại đạo đến cầu xin xuất gia, thì các ông hãy độ để cho xuất gia và cho thọ Cụ túc giới. Nguyên cớ thế nào? Bởi vì quyến thuộc của Ta, cho nên khai mở cho phép…"

Hỏi: Đức Thế Tôn thành tựu Đại Bi hiện hành khắp nơi, vì sao chỉ khiến khai mở cho phép đối với quyến thuộc của mình?

Đáp: Có những người họ Thích trước đây quy y ngoại đạo mà chưa quy y với Đức Phật, nay phương tiện thâu nhiếp tiếp nhận cho nên nói ra lời này. Nghĩa là vì vua ác Tỳ-lô Thích-ca giết hại những người họ Thích trong thành Kiếp-tỷ-la-phiệt-suất-đổ, có những người họ Thích nơi khác, bởi vì sợ hãi cho nên dựa vào ngoại đạo xuất gia để bảo toàn thân mạng. Đức Phật bởi vì điều ấy cho nên nói rằng: Các ông bởi vì sợ hãi, cho nên dựa vào ngoại đạo xuất gia, tiếp nhận pháp phục của họ, nay không còn sợ hãi kéo dài, nhất định phải trở về quy y với Phật pháp, vì vậy Ta dặn dò các đệ tử giữ gìn khiến độ cho họ. Do đó, rất nhiều ngoại đạo họ Thích đến quy y với Phật pháp.

Có người nói: Bởi vì muốn khuyên bảo dẫn dắt người họ Thích tăng thượng mạn, chưa tiến vào Phật pháp khiến cho tiến vào Phật pháp. Nghĩa là có những người họ Thích bởi vì tăng thượng mạn ràng buộc trong tâm, cho nên suốt dời không đến gặp Đức Phật, Như Lai nói lời này rồi liền nhập Niết-bàn. Những người ấy về sau nghe được dấy lên nghĩ rằng: Đức Phật lẽ nào không vì mình là quyến thuộc, mà lúc sắp nhập Niết-bàn hãy còn rủ lòng thương xót hay sao? Vì vậy không có ai không phát tâm thuần tịnh mà đến quy y với Phật pháp, xuất gia thọ giới.

Tôn giả Thế Hữu nói rằng: "Như Lai vì khiến cho quyến thuộc dòng họ Thích tích tập thêm nhiều căn thiện thù thắng, cho nên lúc sắp nhập Niết-bàn, đem điều này để dặn dò gởi gắm."

Như trong kinh nói: "Lúc bấy giờ Đức Thế Tôn để lộ phần thân trên, bảo với chúng Tỳ kheo rằng: Các ông nên quan sát Ta, các ông nên xem xét Ta! Nguyên cớ thế nào? Bởi vì Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, khó có thể xuất hiện, khó có thể gặp được, hơn cả hoa Âu-đàm- bát-la."

Hỏi: Vì sao Đức Thế Tôn để lộ phần thân trên, bảo với chúng Tỳ kheo rằng: Các ông nên quan sát Ta, các ông nên xem xét Ta…?

Đáp: Giả như có người luyện tập Xa-ma-tha tròn mười hai năm, phẩm thiện đã sinh ra không bằng công đức đã đạt được ở trong chốc lát quán sát thân tướng tốt đẹp của Đức Phật.

Trong này, ý nghĩa của lời Đức Phật nói rằng: Tụ phước mà Ta đã tích lũy từ ba Vô số kiếp thậm chí chưa làm một đống tro đến nay, các ông hãy ngước nhìn quán sát tỉ mỉ để cầu mong pháp kiên cố!

Hỏi: Các ông nên quan sát Ta, các ông nên xem xét Ta, có gì sai biệt?

Đáp: Các ông nên quan sát Ta, đó là dùng Nhãn thức; các ông nên xem xét Ta, đó là dùng Ý thức.

Lại nữa, nên quan sát Ta, đó là dùng tâm không có phân biệt; nên

xem xét Ta, đó là dùng tâm có phân biệt.

Lại nữa, nên quan sát Ta, đó là đối với hiện tại; nên xem xét Ta, đó là đối với vị lai.

Lại nữa, nên quan sát Ta, đó là đối với Sinh thân; nên xem xét Ta, đó là đối với Pháp thân.

Lại nữa, quan sát Ta, đó là quán sát mà tích tập; xem xét Ta, đó là xem xét mà chứng được. Lại nữa, quan sát Ta, đó là quán sát mà chán ngán; xem xét Ta, đó là xem xét mà mừng vui.

Lại nữa, quan sát Ta, đó là quán sát về tướng tốt; xem xét Ta, đó là xem xét về công đức.

Đó gọi là sự sai biệt giữa Quan sát và Xem xét (quán-sát).

Như trong kinh nói: "Các thầy Tỳ kheo tạm thời có thể im lặng để so sánh, nên quán sát các hành đều là pháp tận diệt! Đây là lời dạy cuối cùng của Đức Thế Tôn."

Hỏi: Vì sao Đức Thế Tôn nói ra lời này?

Đáp: Các vị Tỳ kheo đều vì Đức Phật sắp nhập Niết-bàn, lòng dạ vô cùng buồn bã, lần lượt thay nhau khóc lóc đau thương, Đức Phật muốn ngăn chặn sự đau thương xót xa của họ, khiến sinh tâm quán sát về các hành, cho nên nói ra lời này.

Trong này, các thầy Tỳ kheo tạm thời có thể im lặng để so sánh, là khiến cho trú trong Chánh niệm; nên quán sát các hành đều là pháp tận diệt, là khiến cho khởi lên Chánh tri.

Lại nữa, có thể im lặng để so sánh, là khiến tu tập Xa-ma-tha; quán sát các hành, là khiến tu tập Tỳ-bát-xá-na.

Lại nữa, có thể im lặng để so sánh, là khiến chấm dứt đau thương buồn bã; quán sát các hành, là khiến khởi tâm quán sát về các hành.

Tôn giả Diệu Âm nói rằng: "Các thầy Tỳ kheo tạm thời có thể im lặng để so sánh, là muốn ngăn chặn sự đau thương xót xa của người khác; nên quán sát các hành đều là pháp tận diệt, là hiển bày chính mình thành tựu về pháp không có quên mất."

Trong này, ý nghĩa của lời Đức Phật nói rằng: Ta thành Phật chưa lâu đã nói ra điều này:

"Các hành đều là pháp Vô thường,
Có sinh ra thì có diệt đi,
Vì khởi lên cho nên không còn,
Pháp ấy vắng lặng là niềm vui."

Nay lại dựa vào điều ấy mà nói các hành đều là pháp tận diệt, lẽ nào không phải là Ta thành tựu về pháp không có quên mất hay sao?

-oOo-

LUẬN A TỲ ĐẠT MA ĐẠI TỲ BÀ SA

QUYỂN 192

LUẬN VỀ NIỆM TRU (Phần 6)

"Lúc bấy giờ Đức Thế Tôn nói lời này xong liền tiến vào Tĩnh lự thứ nhất, theo thứ tự cho đến tiến vào Định Diệt tận. Lúc ấy, Tôn giả A- nan liền hỏi Tôn giả A-nê-luật-đà rằng: Đức Thế Tôn bây giờ đã nhập Niết-bàn chăng? Trả lời rằng: Chưa đâu, chỉ là tiến vào Định Diệt tận mà thôi. Lại Hỏi: Vì sao biết vậy? Trả lời rằng: Tôi đích thân nghe được từ Đức Phật, Đức Thế Tôn tiến vào Tĩnh lự thứ tư dựa vào Định Bất động tịch tĩnh mà nhập Niết-bàn, ánh mắt của thế gian mất đi."

Hỏi: Tôn giả A-nan là biết mà hỏi, hay là không biết? Nếu biết thì vì sao lại hỏi? Nếu không biết thì làm sao gọi là nhận biết tâm của Đức Phật?

Đáp: Có người nói: Tôn giả ấy biết rõ điều đó. Hỏi: Nếu như vậy thì vì sao lại hỏi?

Đáp: Cũng có lúc biết mà cố ý hỏi để làm phát khởi ngôn luận, như nói: Đức Thế Tôn biết mà cố ý hỏi.

Lại nữa, Tôn giả A-nan muốn nêu rõ Tôn giả A-nê-luật-đà có công đức thù thắng, cho nên tuy biết mà vẫn hỏi. Nghĩa là Tôn giả ấy tuy có công đức thù thắng mà Đại chúng không biết, muốn khiến cho Đại chúng biết rõ điều ấy, vì vậy mà cố ý hỏi.

Có người nói: Tôn giả ấy không biết.

Hỏi: Nếu như vậy thì làm sao gọi là nhận biết tâm của Đức Phật?

Đáp: Đức Phật xuất Định rồi A-nan nhận biết tâm trước đây, mà lúc ấy không nhận biết là bởi vì Đức Phật còn ở trong Định.

Lại nữa, Tôn giả ấy nếu lúc trú trong tâm thuộc tánh thường hằng thì có thể nhận biết tâm của Đức Phật, lúc bấy giờ tâm ấy do hai điều buồn lo phiền muộn mà che khuất, cho nên không nhận biết tâm của Đức Phật:

1. Buồn lo phiền muộn vì mất đi quyến thuộc.
2. Buồn lo phiền muộn vì mất đi bậc Đại Sư.

Hỏi: Tôn giả A-nê-luật-đà vì sao biết vậy?

Đáp: Có người nói: Lúc Đức Thế Tôn sắp nhập Niết-bàn, tiến vào Đẳng chí giống như Thanh văn, cho nên vị ấy biết được.

Lời bình: Người ấy không nên đưa ra cách nói này, bởi vì lúc bấy giờ Đức Phật ngay lúc ấy tiến vào tất cả Tĩnh lự-Giải thoát-Đẳng trì- Đẳng chí không giống như Thanh văn-Độc giác.

Hỏi: Nếu như vậy thì vị ấy làm sao biết được?

Đáp: Lúc bấy giờ Đức Thế Tôn khởi tâm tiến vào-rời ra Định giống như Thanh văn-Độc giác, vị ấy nhờ đó biết được bởi vì là cảnh của vị ấy, giống như lúc voi chúa vượt qua sông sâu, nếu đang ở giữa sông thì loài người không có ai biết, chỉ quan sát dấu vết tiến vào-rời ra khỏi dòng nước thì biết nơi vo chúa đã tiến vào-rời ra; như vậy Đức Thế Tôn nếu lúc trú trong dòng sông của Đẳng chí rất sâu, thì tất cả Thanh văn-Độc giác không có thể ngay lúc ấy nhìn thấy, chỉ quan sát tâm tiến vào-rời ra Định như dấu vết tiến vào-rời ra khỏi dòng nước, thì biết tiến vào Định như vậy-rời ra từ Định như vậy.

Như nói: "Lúc bấy giờ Tôn giả Đại Ca-diếp-ba dấy lên nghĩ rằng: Mình nên lấy gì để dập tắt ngọn lửa thiêu cháy thân thể của Như Lai? Lập tức dấy lên nghĩ rằng: Nay mình nên dùng sữa thơm để dập tắt ngọn lửa! Ngay lúc khởi tâm thì có bốn dòng sữa thơm từ hư không mà rưới xuống, vì vậy khiến cho ngọn lửa thiêu cháy thân thể của Như Lai cùng lúc mà tắt ngấm."

Hỏi: Vì sao cần phải dùng sữa thơm để dập tắt ngọn lửa thiêu cháy thân thể của Như Lai?

Đáp: Bởi vì muốn hiển bày về pháp tương tự với những người Tiên. Nghĩa là tục lệ ở nước ấy, nếu người Tiên mạng chung thì dùng sữa thơm để dập tắt ngọn lửa thiêu cháy thân thể, nếu người hưởng thụ dục lạc mạng chung thì dùng rượu để dập tắt ngọn lửa thiêu cháy thân thể; Đức Phật là bậc thù thắng ở trong những người Tiên, tức là vị người Tiên bậc nhất, cho nên nay cũng dùng sữa thơm để dập tắt ngọn lửa.

Lại nữa, muốn làm cho Xá-lợi của Đức Phật vô cùng thanh tịnh, cho nên dùng sữa thơm để rưới vào.

Lại nữa, sinh thân của Đức Phật là do sữa mà nuôi lớn, cho nên nay Xá-lợi cũng dùng sữa để rửa sạch.

Lại nữa, tánh của sữa là béo mà có thể dập tắt ngọn lửa; hoặc có vật tuy là tánh béo mà không có thể dập tắt ngọn lửa, lại khiến cho ngọn lửa rực lên, như các loại bơ-dầu…; có vật tuy có thể dập tắt ngọn lửa mà tánh không béo, như nước-rượu…; chỉ có sữa là tánh béo lại có thể dập tắt ngọn

lửa, cho nên chỉ dùng sữa.

Bởi vì nghĩa này, cho nên Tôn giả Đại Ca-diếp-ba, hiện bày bốn dòng sữa thơm dùng để dập tắt ngọn lửa thiêu cháy thân của Như Lai.

Như nói: Lúc bấy giờ Tôn giả A-nan, sau khi Đức Phật nhập Niết-bàn đã trải qua bảy ngày đêm, đi vòng về phía tay phải quanh đống lửa thiêu cháy thân của Như Lai, nói bài tụng rằng:

"Ngàn lớp y Trà-tỳ Đức Phật,
Chỉ có hai lớp y không cháy,
Là y ngoài và y lót thân,
Đây là điều kỳ lạ vô cùng."

Hỏi: Vì sao Đức Thế Tôn chỉ có hai lớp y không cháy?

Đáp: Bởi vì có uy lực của các hàng Thiên thần tín kính Đức Phật đã giữ gìn làm cho không cháy.

Có người nói: Là do nguyện lực của Đức Phật đã giữ gìn làm cho trong-ngoài thanh tịnh, đó là một lớp y ở bên trong giữ gìn Xá-lợi (đà- đô) của Như Lai khiến cho không phân tán nhiễm bẩn, một lớp y ở bên ngoài giữ gìn tất cả tro tàn khiến cho không bị gió cuốn mất.

Có người nói: Đây là biểu thị cho Chánh pháp của Như Lai có hai loại bảo vệ trong-ngoài, bảo vệ bên trong đó là những Tỳ kheo-Tỳ kheo Ni… thanh tịnh, bảo vệ bên ngoài đó là hàng Quốc vương-Đại thần… có niềm tin thanh tịnh, đây là uy lực của Chánh pháp khiến cho hai lớp y ấy không cháy.

Có người nói: Đây là biểu thị cho trong tâm-ngoài thân của Như Lai đều thanh tịnh, tâm thanh tịnh đó là bởi vì đã vĩnh viễn lìa xa tất cả phiền não và tập khí, thân thanh tịnh đó là bởi vì từ nghiệp dị thục của tướng thù thắng nhất đã dẫn dắt sinh ra.

Như nói: Bốn Hữu, đó là Bổn hữu-Tử hữu-Trung hữu-Sinh hữu.

Thanh của Hữu thì có nhiều nghĩa, nói rộng ra như trước. Trong này, thanh của Hữu nói đến năm Uẩn thuộc Chúng đồng phần của số hữu tình gọi là Hữu.

Hỏi: Thế nào là Bổn hữu?

Đáp: Trừ ra các uẩn thuộc phần Sinh-phần Tử, còn lại các Hữu trung gian, đây chính là lấy năm uẩn-bốn uẩn trong một thời kỳ làm tánh.

Hỏi: Vì sao Hữu này gọi là Bổn hữu?

Đáp: Đây là do lúc trước đã tạo nghiệp mà sinh ra, cho nên gọi là Bổn hữu.

Hỏi: Nếu như vậy thì những Hữu khác cũng là Bổn hữu, bởi vì đều do lúc trước đã tạo nghiệp mà sinh ra?

Đáp: Nếu là do lúc trước đã tạo nghiệp mà sinh ra, thô thiển-hiển bày dễ hiểu-hiện thấy rõ ràng thì gọi là Bổn hữu; những Hữu còn lại tuy là do lúc trước đã tạo nghiệp mà sinh ra, nhưng vi tế-ẩn kín khó hiểu- không phải là hiện thấy rõ ràng, vì vậy không nói đến.

Hỏi: Thế nào là Tử hữu?

Đáp: Các uẩn thuộc phần Tử, tức là lấy năm uẩn-bốn uẩn lúc mạng chung làm tánh.

Hỏi: Thế nào là Trung hữu?

Đáp: Trừ ra các uẩn thuộc phần Sinh-phần Tử, còn lại các Hữu trung gian, tức là lấy năm uẩn của hai Hữu trung gian làm tánh.

Hỏi: Vì sao Hữu này gọi là gọi là Trung hữu?

Đáp: Đây là sinh ra ở khoảng giữa của hai Hữu, cho nên gọi là Trung hữu.

Hỏi: Nếu như vậy thì những Hữu khác cũng là Trung hữu, bởi vì đều sinh ra ở khoảng giữa của hai Hữu?

Đáp: Nếu sinh ra ở khoảng giữa của hai Hữu mà không phải là do nẻo thâu nhiếp, thì gọi là Trung hữu; những Hữu còn lại tuy sinh ra ở khoảng giữa của hai Hữu, mà là nẻo thâu nhiếp cho nên không gọi là Trung hữu.

Hỏi: Thế nào là Sinh hữu?

Đáp: Các uẩn thuộc phần Sinh, tức là lấy năm uẩn-bốn uẩn lúc tiến vào thai (kiết sinh) làm tánh.

Hỏi: Bốn Hữu này mấy loại là sát-na, mấy loại là nối tiếp nhau?

Đáp: Hai loại là sát-na, đó là Tử hữu-Sinh hữu; hai loại là nối tiếp nhau, đó là Bổn hữu-Trung hữu.

Hỏi: Bốn Hữu này mấy loại là nhiễm ô, mấy loại là không nhiễm ô?

Đáp: Đều gồm chung cả hai loại.

Hỏi: Bốn Hữu này mấy loại là tâm nhiễm ô, mấy loại là không nhiễm ô?

Đáp: Sinh hữu là tâm chỉ có nhiễm ô, ba Hữu còn lại là tâm nhiễm ô và không nhiễm ô.

Hỏi: Bốn Hữu này mấy loại là hữu lậu, mấy loại là vô lậu? Đáp: Đều chỉ là hữu lậu.

Hỏi: Bốn Hữu này về Thời và Tâm thì mấy loại là hữu lậu, mấy loại là vô lậu?

Đáp: Hai loại chỉ là hữu lậu, đó là Thời và Tâm của Tử hữu-Sinh hữu; hai loại gồm chung hữu lậu-vô lậu, đó là Thời và Tâm của Bổn hữu-Trung hữu.

Hỏi: Bốn Hữu này về Thời thì mấy loại khởi tâm Đồng phần, mấy loại khởi tâm không Đồng phần?

Đáp: Hai loại khởi tâm Đồng phần, đó là Thời của Tử hữu-Sinh hữu; hai loại khởi tâm Đồng phần-không Đồng phần, đó là Thời của Bổn hữu-Trung hữu.

Các Dục hữu thì tất cả Hữu ấy là năm Hành chăng? Cho đến nói rộng ra.

Trong này, các Uẩn dùng thanh của Hành mà nói. Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác quá khứ nói Uẩn là Hành, Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác Thích-ca Mâu-ni hiện tại nói Hành là Uẩn. Bởi vì Đức Phật trước kia nói năm Hành, Đức Phật bây giờ nói năm Thủ uẩn, cho nên trong A-tỳ-đạt-ma này nói năm Hành nói đến năm Hành, là muốn hiển bày Đức Phật bây giờ nói năm Uẩn tức là năm Hành mà Đức Phật trước kia đã nói.

Hỏi: Vì sao Đức Phật trước kia nói Uẩn là Hành, Đức Phật bây giờ nói Hành là Uẩn?

Đáp: Bởi vì Đức Phật quán xét hữu tình đã được hóa độ, cho nên tùy theo sự thích hợp mà nói. Nghĩa là hữu tình do Đức Phật trước kia hóa độ thuận theo nghe nói về Hành mà đạt được hiểu biết chính xác, hữu tình do Đức Phật bây giờ hóa độ thuận theo nghe nói về Uẩn mà đạt được hiểu biết chính xác(Chánh giải).

Hỏi: Vì sao gọi là Hành?

Đáp: Bởi vì lưu chuyển cho nên gọi là Hành. Nghĩa là các Uẩn đời trước do các Uẩn đời sau cho nên lưu chuyển, hoặc là các Uẩn đời sau do các Uẩn đời trước cho nên lưu chuyển. Nếu sinh ở cõi Dục, thì dùng tâm của cõi Dục làm tâm Đồng phần, làm Đồng phần cho Mạng căn Chúng đồng phần ấy; dùng tâm của cõi Sắc-Vô sắc và tâm vô lậu làm tâm không Đồng phần, không làm Đồng phần cho Mạng căn Chúng đồng phần ấy. Nếu sinh ở cõi Sắc, thì dùng tâm của cõi Sắc làm tâm Đồng phần, dùng tâm của cõi Dục-Vô sắc và tâm vô lậu làm tâm không Đồng phần. Nếu sinh ở cõi Vô sắc, thì dùng tâm của cõi Vô sắc làm tâm Đồng phần, dùng vô lậu làm tâm không Đồng phần.

Hỏi: Các Dục hữu thì tất cả Hữu ấy là năm Hành chăng? Giả sử năm

Hành thì tất cả Hành ấy là Dục hữu chăng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu phân biệt:

1. Có lúc Dục hữu mà không phải là năm Hành, đó là hữu tình cõi Dục trú trong tâm không Đồng phần, và trú trong Định Vô tưởng-Diệt tận, bởi vì lúc ấy Dục hữu chỉ có hai Hành.

2. Có lúc năm Hành mà không phải là Dục hữu, đó là trời Vô tưởng ở cõi Sắc trú trong tâm Đồng phần; nếu trời Vô tưởng không đạt được Vô tưởng, thì lúc bấy giờ đều có đủ năm Hành, bởi vì trời Vô tưởng ấy ở phần vị có tâm, cho nên nhất định không khởi lên tâm không Đồng phần, mà Hành ấy không phải là Dục hữu.

3. Có lúc Dục hữu cũng là năm Hành, đó là hữu tình cõi Dục trú trong tâm Đồng phần, bởi vì lúc ấy Dục hữu có đủ năm Hành.

4. Có lúc không phải là Dục hữu cũng không phải là năm Hành, đó là trời Vô tưởng ở cõi Sắc trú trong tâm không Đồng phần và trú trong Định Vô tưởng-Diệt tận; nếu trời Vô tưởng đạt được Vô tưởng, nếu sinh ở cõi Vô sắc, thì lúc bấy giờ chỉ có hai Hành, hoặc là bốn Hành, hoặc là một Hành, mà Hành ấy lại không phải là Dục hữu.

Hỏi: Các Sắc hữu-trời Hữu tưởng thì tất cả Hữu ấy là năm Hành chăng? Giả sử năm Hành thì tất cả Hành ấy là Sắc hữu-trời Hữu tưởng chăng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu phân biệt:

1. Có lúc Sắc hữu-trời Hữu tưởng mà không phải là năm Hành, đó là Sắc hữu-trời Hữu tưởng trú trong tâm không Đồng phần, và trú trong Định Vô tưởng-Diệt tận, bởi vì lúc bấy giờ Sắc hữu-trời Hữu tưởng đều chỉ có hai Hành.

2. Có lúc năm Hành mà không phải là Sắc hữu-trời Hữu tưởng, đó là hữu tình cõi Dục trú trong tâm Đồng phần; nếu trời Vô tưởng không đạt được Vô tưởng, thì lúc bấy giờ tuy đều có đủ năm Hành, mà Hành ấy không phải là Sắc hữu-trời Hữu tưởng.

3. Có lúc Sắc hữu-trời Hữu tưởng cũng là năm Hành, đó là Sắc hữu-trời Hữu tưởng trú trong tâm Đồng phần, bởi vì lúc bấy giờ Sắc hữu-trời Hữu tưởng có đủ năm Hành.

4. Có lúc không phải là Sắc hữu-trời Hữu tưởng cũng không phải là năm Hành, đó là hữu tình cõi Dục trú trong tâm không Đồng phần, và trú trong Định Vô tưởng-Diệt tận; nếu trời Vô tưởng đạt được Vô tưởng, nếu sinh ở cõi Vô sắc, thì lúc bấy giờ chỉ có hai Hành, hoặc là bốn Hành, hoặc là một Hành, mà Hành ấy lại không phải là Sắc hữu- trời Hữu tưởng.

Hỏi: Các Sắc hữu-trời Vô tưởng thì tất cả Hữu ấy là hai Hành chăng? Giả sử hai Hành thì tất cả Hành ấy là Sắc hữu-trời Vô tưởng chăng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu phân biệt:

1. Có lúc Sắc hữu-trời Vô tưởng mà không phải là hai Hành, đó là trời Vô tưởng không đạt được Vô tưởng, bởi vì lúc bấy giờ Sắc hữu-trời Vô tưởng ấy có đủ năm Hành, nguyên cớ như trước.

2. Có lúc hai Hành mà không phải là Sắc hữu-trời Vô tưởng, đó là hữu tình cõi Dục trú trong tâm không Đồng phần, và trú trong Định Vô tưởng-Diệt tận; nếu Sắc hữu-trời Hữu tưởng trú trong tâm không Đồng phần, và trú trong Định Vô tưởng-Diệt tận, thì lúc bấy giờ tuy đều là hai Hành, mà Hành ấy không phải là Sắc hữu-trời Vô tưởng.

3. Có lúc Sắc hữu-trời Vô tưởng cũng là hai Hành, đó là trời Vô tưởng đạt được Vô tưởng, bởi vì lúc bấy giờ Sắc hữu-trời Vô tưởng ấy chỉ có hai Hành.

4. Có lúc không phải là Sắc hữu-trời Vô tưởng cũng không phải là hai Hành, đó là hữu tình cõi Dục và trời Hữu tưởng ở cõi Sắc trú trong tâm Đồng phần, nếu sinh ở cõi Vô sắc, thì lúc bấy giờ mới có năm Hành, hoặc là bốn Hành, hoặc là một Hành, mà Hành ấy lại không phải là Sắc hữu-trời Vô tưởng.

Hỏi: Các Vô sắc hữu thì tất cả Hữu ấy là bốn Hành chăng? Giả sử bốn Hành thì tất cả Hành ấy là Vô sắc hữu chăng?

Đáp: Các Hữu là bốn Hành thì tất cả Hành ấy là Vô sắc hữu, không phải là hữu tình cõi Dục-Sắc mà có bốn Hành.

Có lúc Vô sắc hữu mà không phải là bốn Hành, đó là hữu tình cõi Vô sắc trú trong tâm không Đồng phần, bởi vì lúc bấy giờ Vô sắc hữu ấy chỉ có một Hành.

Có thể có Hữu là năm Hành chăng? Cho đến nói rộng ra. Hỏi: Vì sao lại soạn ra phần luận này?

Đáp: Văn trước tuy thành lập có Hữu là hai Hành mà chưa ngăn chặn có Hữu là ba Hành, cũng chưa thành lập có Hữu là một Hành, nay bởi vì ngăn chặn có Hữu là ba Hành, và muốn thành lập có Hữu là một Hành, cho nên soạn ra phần luận này.

Hỏi: Có thể có Hữu là năm Hành chăng?

Đáp: Có, đó là hữu tình cõi Dục và Sắc hữu-trời Hữu tưởng trú trong tâm Đồng phần, nếu trời Vô tưởng không đạt được Vô tưởng, bởi vì lúc ấy chắc chắn có năm Hành hiện tại của địa mình.

Hỏi: Có thể có Hữu là bốn Hành chăng?

Đáp: Có, đó là hữu tình cõi Vô sắc trú trong tâm Đồng phần. Hỏi: Có thể có Hữu là ba Hành chăng?

Đáp: Không có, bởi vì không có hữu tình nào thành tựu ba Uẩn. Nguyên cớ thế nào? Bởi vì tâm - tâm sở pháp chắc chắn không tách rời nhau, bởi vì Thọ-Tưởng-Tư luôn luôn tương ưng với nhau.

Hỏi: Có thể có Hữu là hai Hành chăng?

Đáp: Có, đó là hữu tình cõi Dục và trời Hữu tưởng ở cõi Sắc trú trong tâm không Đồng phần, nếu trú trong Định Vô tưởng-Diệt tận, nếu trời Vô tưởng đạt được Vô tưởng, bởi vì lúc ấy chỉ có hai Hành.

Hỏi: Có thể có Hữu là một Hành chăng?

Đáp: Có, đó là hữu tình cõi Vô sắc trú trong tâm không Đồng phần, bởi vì lúc ấy chỉ có một Hành.

Hỏi: Có thể có Hữu không có Hành chăng?

Đáp: Không có, bởi vì không có hữu tình nào không phải là do Uẩn tạo thành, bởi vì tất cả hữu tình chắc chắn có Mạng căn…của địa mình.

CHƯƠNG VIII: KIẾN UẨN (Tiếp Theo)

Phẩm Thứ Hai: LUẬN VỀ TAM HỮU

LUẬN VỀ TAM HỮU (Phần 1)

Vào lúc rời bỏ (xả) Dục hữu-Dục hữu nối tiếp nhau, lúc ấy tất cả pháp của cõi Dục diệt đi, pháp của cõi Dục hiện rõ ở trước mắt chăng? Các chương như vậy và giải thích về nghĩa của từng chương đã lĩnh hội rồi, tiếp theo cần phải phân biệt rộng ra.

Nhưng thanh của Hữu thì có nhiều nghĩa, trong này nói đến năm Uẩn thuộc Chúng đồng phần của số hữu tình gọi là Hữu, như nói: Chết ở cõi Dục-sinh ở cõi Dục, lúc ấy tất cả Dục hữu nối tiếp nhau chăng? Cho đến nói rộng ra.

Đó cũng là nói đến năm Uẩn thuộc Chúng đồng phần của số hữu tình gọi là Hữu, như nói: Do các phiền não mà ràng buộc (triền-sở triền) Hữu địa ngục nối tiếp nhau, lúc ấy bắt đầu đã có được đại chủng các căn làm một Tăng thượng cho tâm - tâm sở pháp này. Cho đến nói rộng ra.

Lại nữa, như nói: Lúc Dục hữu nối tiếp nhau, ban đầu có được mấy nghiệp mà sinh căn? Cho đến nói rộng ra.

Lại như nói: Bốn Hữu, đó là Bổn hữu-Tử hữu-Trung hữu-Sinh hữu.

Nên biết văn ấy đều nói đến năm Uẩn thuộc Chúng đồng phần của số hữu tình gọi là Hữu.

Như nói: Pha-lặc-lũ-na do Thức thực mà dẫn dắt có thể cảm đến thân đời sau (hậu hữu) làm cho hiện rõ trước mắt. Đó là nói đến tâm quyến thuộc lúc tiếp tục sinh ra gọi là Hữu.

Như nói: A-nan-đà, nghiệp hữu như vậy có thể dẫn đến thân đời sau. Đó là nói về Tư dẫn đến thân đời sau gọi là Hữu.

Như nói: Thủ duyên Hữu. Đó là nói đến phần vị năm Uẩn gọi là Hữu.

Tôn giả Diệu Âm nói rằng: "Đó là nói đến nghiệp dẫn đến thân đời sau gọi là Hữu."

Như nói: Thế nào là pháp có? Đó là tất cả hữu lậu. Đó là nói đến các pháp hữu lậu gọi là Hữu.

Như nói: Bảy Hữu, đó là Địa ngục hữu-Bàng sinh hữu-Ngạ quỷ hữu-Nhân hữu-Thiên hữu-Nghiệp hữu-Trung hữu. Đó là nói đến năm nẻo-nhân của năm nẻo-phương tiện của năm nẻo gọi là Hữu.

Như nói: Dục hữu là thế nào? Đó là nghiệp có thể cảm đến thân đời sau của cõi Dục. Cho đến nói rộng ra. Đó là nói đến nghiệp và dị thục gọi là Hữu, không nói là do Thủ mà duyên Hữu.

Hỏi: Nếu như vậy thì phần sau nói đến điều ấy nên hiểu thế nào? Như nói: Dục hữu là tất cả tùy miên tùy tăng của cõi Dục, cho đến nói rộng ra. Dục hữu là nghiệp thuộc năm Bộ đều có thể cảm đến dị thục thì có thể nói là tất cả tùy miên tùy tăng của cõi Dục, Sắc hữu-Vô sắc hữu chỉ là nghiệp có thể cảm đến dị thục do Tu mà đoạn, làm sao có thể nói là tất cả tùy miên tùy tăng của cõi Sắc-Vô sắc?

Đáp: Văn sau nên đưa ra cách nói này: Dục hữu là tất cả tùy miên tùy tăng của cõi Dục, Sắc hữu-Vô sắc hữu là biến hành của cõi Sắc-Vô sắc, và tùy miên tùy tăng do Tu mà đoạn. Nên đưa ra cách nói này mà không nói đến thì phải biết rằng đó là nói đến Hữu và quyến thuộc đều gọi là Hữu, bởi vì pháp có hòa hợp cũng gọi là Hữu.

Có Sư khác nói: Trước nói về nghiệp và dị thục gọi là Hữu, chứ không nói là do Thủ mà duyên Hữu; sau nói về nghiệp và dị thục gọi là Hữu, mà cũng nói là do Thủ mà duyên Hữu.

Vị ấy không nên đưa ra cách nói này, bởi vì những người soạn luận

dựa vào chương mục lập ra môn loại, chứ không có thể do chương mục mà nói khác, do môn loại mà nói khác. Vì thế cho nên như trước đã nói là hợp lý.

Hỏi: Vì sao gọi là Hữu?

Đáp: Có thể có-có thể không phải là có, cho nên gọi là Hữu.

Hỏi: Nếu như vậy thì Thánh đạo nên gọi là Hữu, bởi vì Thánh đạo cũng là có thể có-có thể không phải là có?

Đáp: Nếu có thể có-có thể không phải là có, luôn luôn nuôi lớn, thâu nhiếp thêm nhiều, duy trì các nghiệp nhân-quả báo thì gọi là Hữu; Thánh đạo tuy có thể có-có thể không phải là có, mà làm tổn hoại chia lìa đối với các nghiệp nhân-quả báo, cho nên không gọi là Hữu.

Lại nữa, nếu có thể có-có thể không phải là có, luôn luôn làm cho các nghiệp nhân-quả báo nối tiếp nhau lưu chuyển, khiến cho con đường già-chết không đoạn dứt thì gọi là Hữu; Thánh đạo tuy có thể có- có thể không phải là có, mà làm cho các nghiệp nhân-quả báo không nối tiếp nhau, không lưu chuyển, đoạn dứt con đường già-chết, cho nên không gọi là Hữu.

Lại nữa, nếu có thể có-có thể không phải là có, là hành hướng đến Khổ-Tập, hành hướng đến Tập của quả báo ở thế gian, lưu chuyển trong sinh tử, lão tử thì gọi là Hữu; Thánh đạo tuy có thể có-có thể không phải là có, mà là hành hướng đến Diệt-Khổ, hành hướng đến Diệt quả báo ở thế gian, lưu chuyển trong sinh tử, lão tử cho nên không gọi là Hữu.

Lại nữa, nếu có thể có-có thể không phải là có, là quan hệ của Hữu thân kiến, là quan hệ của điên đảo, là quan hệ của tùy miên, là quan hệ của ái, nơi dừng chân của tham-sân-si, có vết bẩn-có chất độc, do các quả báo thâu nhiếp, rơi vào Khổ-Tập đế thì gọi là Hữu; Thánh đạo tuy có thể có-có thể không phải là có, mà không phải là quan hệ của Hữu thân kiến cho đến quan hệ của ái, không phải là nơi dừng chân của tham-sân-si, không có vết bẩn-không có chất độc, không phải là các quả báo thâu nhiếp, không rơi vào Khổ-Tập đế cho nên không gọi là Hữu.

Có Sư khác nói: Là đồ chứa của khổ đau cho nên gọi là Hữu.

Hỏi: Nếu như vậy thì ở đây cũng là đồ chứa của vui sướng, như nói: "Này Đại Danh! Nếu Sắc luôn luôn là khổ đau, không phải là vui sướng, không phải là tùy thuận với vui sướng, không tăng trưởng vui sướng, chỉ là nhân lìa xa vui sướng, thì các hữu tình không nên đối với Sắc khởi lên tham đắm-khởi lên nhiễm trước. Này Đại Danh! Bởi vì Sắc không phải là luôn luôn khổ đau, mà cũng là vui sướng, cũng tùy thuận với vui sướng, cũng tăng trưởng vui sướng, không phải chỉ là nhân lìa xa vui sướng, cho nên

hữu tình đối với Sắc khởi lên tham đắm-khởi lên nhiễm trước." Vả lại, Đức Phật quyết định kiến lập ba Thọ không tạp loạn lẫn nhau, đó là Lạc thọ, Khổ thọ, không khổ-không lạc thọ, như vậy pháp hữu vi cũng là đồ chứa của vui sướng, tại sao chỉ nói là đồ chứa của khổ đau cho nên gọi là Hữu?

Đáp: Bởi vì khổ đau nhiều, đó là trong sinh tử thì khổ đau nhiều- vui sướng ít, pháp thuận với khổ đau thì nhiều, pháp thuận với vui sướng thì ít, bởi vì vui sướng ít cho nên đưa vào phẩm khổ đau; như một giọt mật ngọt rơi vào trong bình đựng thuốc độc thì không gọi là bình đựng mật ngọt, mà vẫn gọi là bình đựng thuốc độc, bởi vì thuốc độc nhiều. Ở đây cũng như vậy.

Lại có người nói: Bởi vì đáng sợ hãi cho nên gọi là Hữu.

Hỏi: Nếu như vậy thì Niết-bàn lẽ ra cũng gọi là Hữu, như nói: "Này Tỳ kheo! Những loại người ngu không hề nghe dị sinh ở trong Niết-bàn, thì sinh lòng sợ hãi vô cùng, nói là Ngã không có, Ngã sở không có, Ngã sẽ không có, Ngã sở sẽ không có." Họ đối với Niết-bàn đã sinh lòng sợ hãi, vậy thì Niết-bàn cũng nên gọi là Hữu?

Đáp: Đối với Hữu sinh lòng sợ hãi thì vậy là Chánh, đối với Niết-bàn mà sinh lòng sợ hãi thì vậy là Tà, bởi vì Niết-bàn không phải là đáng sợ hãi, vì vậy không gọi là Hữu.

Lại nữa, nếu khiến cho dị sinh và Thánh giả đều sinh lòng sợ hãi thì mới gọi là Hữu, Niết-bàn chỉ khiến cho dị sinh sinh lòng sợ hãi, cho nên không gọi là Hữu.

Nối tiếp nhau (tương tục) có năm loại:

1. Trung hữu nối tiếp nhau.
2. Sinh hữu nối tiếp nhau.
3. Phần vị nối tiếp nhau.
4. Pháp nối tiếp nhau.
5. Sát na nối tiếp nhau.

Trung hữu nối tiếp nhau, đó là uẩn Tử hữu diệt đi, uẩn Trung hữu sinh ra, các uẩn Tử hữu do các uẩn Trung hữu mà nói là nối tiếp nhau, cho nên gọi là Trung hữu nối tiếp nhau.

Sinh hữu nối tiếp nhau, đó là uẩn Trung hữu diệt đi, uẩn Sinh hữu sinh ra, các uẩn Trung hữu do các uẩn Sinh hữu mà nói là nối tiếp nhau, cho nên gọi là Sinh hữu nối tiếp nhau.

Phần vị nối tiếp nhau, đó là phần vị Yết-la-lam diệt đi, phần vị Át-bộ-đàm sinh ra, phần vị Yết-la-lam do phần vị Át-bộ-đàm mà nói là nối tiếp nhau; cho đến phần vị Tráng niên diệt đi, phần vị Lão niên sinh ra,

phần vị Tráng niên do phần vị Lão niên mà nói là nối tiếp nhau, cho nên gọi là phần vị nối tiếp nhau.

Pháp nối tiếp nhau, đó là pháp thiện không gián đoạn, pháp nhiễm-hoặc là pháp vô ký hiện rõ ở trước mắt, pháp thiện do pháp nhiễm-hoặc là pháp vô ký mà nói là nối tiếp nhau; pháp nhiễm-pháp vô ký không gián đoạn, một trong hai pháp hiện rõ trước mắt, nói rộng ra cũng như vậy, cho nên gọi là pháp nối tiếp nhau.

Sát-na nối tiếp nhau, đó là sát-na trước không gián đoạn, sát-na sau hiện rõ ở trước mắt, sát-na trước do sát-na sau mà nói là nối tiếp nhau, cho nên gọi là sát-na nối tiếp nhau.

Năm loại nối tiếp nhau này đều thâu nhiếp trong hai sự nối tiếp nhau, đó là pháp nối tiếp nhau và sát-na nối tiếp nhau, bởi vì phần vị Trung hữu-Sinh hữu nối tiếp nhau đều gọi là pháp và sát-na. Cõi Dục có đủ năm loại nối tiếp nhau; cõi Sắc có bốn loại, trừ ra phần vị; cõi Vô sắc có ba loại, trừ ra Trung hữu và phần vị. Chư Thiên, Na-lạc-ca và Hóa sinh có bốn loại, trừ ra phần vị; còn lại đều có đủ năm loại.

Có người nói: Chư Thiên và Hóa sinh cũng có đủ năm loại nối tiếp nhau.

Ở trong năm loại nối tiếp nhau, trong này dựa vào hai loại nối tiếp nhau mà soạn luận, đó là Trung hữu và Sinh hữu.

Hỏi: Vào lúc rời bỏ (xả) Dục hữu-Dục hữu nối tiếp nhau, lúc ấy tất cả pháp của cõi Dục diệt đi, pháp của cõi Dục hiện rõ ở trước mắt chăng?

Đáp: Vào lúc rời bỏ Dục hữu-Dục hữu nối tiếp nhau, lúc ấy tất cả pháp của cõi Dục diệt đi, pháp của cõi Dục hiện rõ ở trước mắt, nghĩa là ở cõi Dục mạng chung-sinh trở lại cõi Dục, lúc từ Tử hữu hướng đến Trung hữu, thì rời bỏ Dục hữu, đó là Tử hữu của cõi Dục; Dục hữu nối tiếp nhau, đó là Trung hữu của cõi Dục, pháp của cõi Dục diệt đi, đó là các uẩn Tử hữu của cõi Dục; pháp của cõi Dục hiện rõ ở trước mắt, đó là các uẩn Trung hữu của cõi Dục. Nếu lúc từ Trung hữu hướng đến Sinh hữu, thì rời bỏ Dục hữu, đó là Trung hữu của cõi Dục; Dục hữu nối tiếp nhau, đó là Sinh hữu của cõi Dục, pháp của cõi Dục diệt đi, đó là các uẩn Trung hữu của cõi Dục; pháp của cõi Dục hiện rõ ở trước mắt, đó là các uẩn Sinh hữu của cõi Dục.

Hỏi: Nếu trú trong tâm vô phú vô ký của cõi Dục mà mạng chung, lúc trú trong Trung hữu thì không thành tựu Tử hữu, lúc trú trong Sinh hữu thì không thành tựu Trung hữu, có thể gọi là rời bỏ; nếu trú trong tâm thiện hoặc là tâm nhiễm mà mạng chung, lúc trú trong Trung hữu thì thành tựu

Tử hữu, lúc trú trong Sinh hữu thì thành tựu Trung hữu, làm sao gọi là rời bỏ?

Đáp: Có người nói: Trong này chỉ dựa vào phần vị trú trong tâm vô phú vô ký mà mạng chung để nói, vì thế cho nên không có lỗi.

Có người nói: Trong này dựa vào rời bỏ hiện hành mà nói, tuy trú trong Trung hữu thành tựu Tử hữu, trú trong Sinh hữu thành tựu Trung hữu, mà không hiện hành cho nên nói là rời bỏ.

Có người nói: Trong này nói rời bỏ Uẩn trước đây gọi là rời bỏ, không nói đến nghĩa thành tựu hay không thành tựu.

Có lúc pháp của cõi Dục diệt đi, pháp của cõi Dục hiện rõ ở trước mắt, mà không phải là rời bỏ Dục hữu-Dục hữu nối tiếp nhau, đó là không mạng chung mà pháp của cõi Dục diệt đi, pháp của cõi Dục hiện rõ ở trước mắt. Sự việc ấy thế nào? Đó là phần vị Yết-la-lam không gián đoạn, phần vị Át-bộ-đàm hiện rõ ở trước mắt, cho đến phần vị Tráng niên không gián đoạn, phần vị Lão niên hiện rõ ở trước mắt; pháp thiện không gián đoạn, pháp nhiễm-hoặc là pháp vô ký hiện rõ ở trước mắt, pháp nhiễm không gián đoạn, pháp thiện-hoặc pháp vô ký hiện rõ trước mắt, pháp vô ký không gián đoạn, pháp thiện và pháp nhiễm hiện rõ ở trước mắt; sát-na trước không gián đoạn, sát-na sau hiện rõ ở trước mắt.

Hỏi: Vào lúc rời bỏ (xả) Dục hữu-Sắc hữu nối tiếp nhau, lúc ấy tất cả pháp của cõi Dục diệt đi, pháp của cõi Sắc hiện rõ ở trước mắt chăng?

Đáp: Vào lúc rời bỏ Dục hữu-Sắc hữu nối tiếp nhau, lúc ấy tất cả pháp của cõi Dục diệt đi, pháp của cõi Sắc hiện rõ ở trước mắt, nghĩa là ở cõi Dục mạng chung-sinh đến cõi Sắc, lúc từ Tử hữu hướng đến Trung hữu, thì rời bỏ Dục hữu, đó là Tử hữu của cõi Dục; Sắc hữu nối tiếp nhau, đó là Trung hữu của cõi Sắc, pháp của cõi Dục diệt đi, đó là các uẩn Tử hữu của cõi Dục; pháp của cõi Sắc hiện rõ ở trước mắt, đó là các uẩn Trung hữu của cõi Sắc.

Có lúc pháp của cõi Dục diệt đi, pháp của cõi Sắc hiện rõ ở trước mắt, mà không phải là rời bỏ Dục hữu-Sắc hữu nối tiếp nhau, đó là không mạng chung mà pháp của cõi Dục diệt đi, pháp của cõi Sắc hiện rõ ở trước mắt. Sự việc ấy thế nào? Trong này có người nói: Tâm thiện của cõi Dục không gián đoạn, Định Vị chí hiện rõ ở trước mắt.

Có người nói: Tâm thiện của cõi Dục không gián đoạn, Định Vị chí-Tĩnh lự thứ nhất hiện rõ ở trước mắt.

Có người nói: Tâm thiện của cõi Dục không gián đoạn, Định Vị chí-Tĩnh lự thứ nhất-Tĩnh lự trung gian hiện rõ ở trước mắt.

Tôn giả Diệu Âm nói rằng: "Tâm thiện của cõi Dục không gián đoạn, Định Vị chí-Tĩnh lự thứ nhất-Tĩnh lự trung gian-Tĩnh lự thứ hai hiện rõ ở trước mắt. Nguyên cớ thế nào? Bởi vì như lúc vượt qua Định, Tĩnh lự thứ nhất không gián đoạn, Tĩnh lự thứ ba hiện rõ ở trước mắt, ở đây cũng thuận theo như vậy. Vả lại, cõi Dục có bốn loại tâm biến hóa, đó là thuộc quả Tĩnh lự thứ nhất cho đến thuộc quả Tĩnh lự thứ tư. Tâm biến hóa của cõi Dục thuộc quả Tĩnh lự thứ nhất không gián đoạn, Tịnh của Tĩnh lự thứ nhất hiện rõ ở trước mắt, cho đến tâm biến hóa của cõi Dục thuộc quả Tĩnh lự thứ tư không gián đoạn, Tịnh của Tĩnh lự thứ tư hiện rõ ở trước mắt."

Hỏi: Vào lúc rời bỏ (xả) Dục hữu-Vô sắc hữu nối tiếp nhau, lúc ấy tất cả pháp của cõi Dục diệt đi, pháp của cõi Vô sắc hiện rõ ở trước mắt chăng?

Đáp: Đúng như vậy.

Hỏi: Giả sử pháp của cõi Dục diệt đi, pháp của cõi Vô sắc hiện rõ ở trước mắt, thì lúc ấy tất cả là rời bỏ Dục hữu-Vô sắc hữu nối tiếp nhau chăng?

Đáp: Đúng như vậy.

Hỏi: Trong này vì sao không nói về không mạng chung mà pháp của cõi Dục diệt đi, pháp của cõi Vô sắc hiện rõ ở trước mắt?

Đáp: Bởi vì lý chắc chắn không có ở cõi Vô sắc không mạng chung mà có pháp của cõi Dục diệt đi, pháp của cõi Vô sắc hiện rõ ở trước mắt.

Hỏi: Lẽ nào không có thể có ở cõi Dục không mạng chung, mà pháp đạt được của cõi Dục diệt đi, pháp đạt được của cõi Vô sắc hiện rõ ở trước mắt chăng?

Đáp: Trong này nói về pháp đồng loại diệt đi, pháp đồng loại hiện rõ ở trước mắt; không hề có ở cõi Dục không mạng chung mà pháp đồng loại đạt được của cõi Dục diệt đi, pháp đồng loại đạt được của cõi Vô sắc hiện rõ ở trước mắt, vì thế cho nên không nói đến.

Có người nói: Trong này nói đến tâm - tâm sở pháp diệt đi, tâm- tâm sở pháp hiện rõ ở trước mắt, không hề có ở cõi Dục không mạng chung mà tâm - tâm sở pháp của cõi Dục diệt đi, tâm - tâm sở pháp của cõi Vô sắc hiện rõ ở trước mắt, vì thế cho nên không nói đến.

Hỏi: Vào lúc rời bỏ (xả) Sắc hữu-Sắc hữu nối tiếp nhau, lúc ấy tất cả pháp của cõi Sắc diệt đi, pháp của cõi Sắc hiện rõ ở trước mắt chăng?

Đáp: Vào lúc rời bỏ Sắc hữu-Sắc hữu nối tiếp nhau, lúc ấy tất cả pháp của cõi Sắc diệt đi, pháp của cõi Sắc hiện rõ ở trước mắt, nghĩa là ở cõi Sắc

mạng chung-sinh trở lại cõi Sắc, lúc từ Tử hữu hướng đến Trung hữu, thì rời bỏ Sắc hữu, đó là Tử hữu của cõi Sắc; Sắc hữu nối tiếp nhau, đó là Trung hữu của cõi Sắc, pháp của cõi Sắc diệt đi, đó là các uẩn Tử hữu của cõi Sắc; pháp của cõi Sắc hiện rõ ở trước mắt, đó là các uẩn Trung hữu của cõi Sắc. Lúc từ Trung hữu hướng đến Sinh hữu, thì rời bỏ Sắc hữu, đó là Trung hữu của cõi Sắc; Sắc hữu nối tiếp nhau, đó là Sinh hữu của cõi Sắc, pháp của cõi Sắc diệt đi, đó là các uẩn Trung hữu của cõi Sắc; pháp của cõi Sắc hiện rõ ở trước mắt, đó là các uẩn Sinh hữu của cõi Sắc.

Trong này, nếu trú trong tâm vô phú vô ký mà mạng chung, và lúc trú trong tâm thiện-hoặc là tâm nhiễm mà mạng chung, thì đều gọi là rời bỏ Sắc hữu; hỏi-đáp phân biệt như trước nên biết!

Có lúc pháp của cõi Sắc diệt đi, pháp của cõi Sắc hiện rõ ở trước mắt, mà không phải là rời bỏ Sắc hữu-Sắc hữu nối tiếp nhau, đó là không mạng chung mà pháp của cõi Sắc diệt đi, pháp của cõi Sắc hiện rõ ở trước mắt. Sự việc ấy thế nào? Đó là Tĩnh lự thứ nhất không gián đoạn, Tĩnh lự thứ hai-thứ ba hiện rõ ở trước mắt; Tĩnh lự thứ hai không gián đoạn, Tĩnh lự thứ nhất-thứ ba-thứ tư hiện rõ ở trước mắt; Tĩnh lự thứ ba không gián đoạn, Tĩnh lự thứ nhất-thứ hai-thứ tư hiện rõ ở trước mắt; Tĩnh lự thứ tư không gián đoạn, Tĩnh lự thứ hai-thứ ba hiện rõ ở trước mắt; pháp thiện không gián đoạn, pháp nhiễm-hoặc là pháp vô ký hiện rõ ở trước mắt, pháp nhiễm-pháp vô ký nói cũng như vậy; sát-na trước không gián đoạn, sát-na sau hiện rõ ở trước mắt.

Hỏi: Vào lúc rời bỏ (xả) Sắc hữu-Dục hữu nối tiếp nhau, lúc ấy tất cả pháp của cõi Sắc diệt đi, pháp của cõi Dục hiện rõ ở trước mắt chăng?

Đáp: Vào lúc rời bỏ Sắc hữu-Dục hữu nối tiếp nhau, lúc ấy tất cả pháp của cõi Sắc diệt đi, pháp của cõi Dục hiện rõ ở trước mắt, nghĩa là ở cõi Sắc mạng chung-sinh đến cõi Dục, lúc từ Tử hữu hướng đến Trung hữu, thì rời bỏ Sắc hữu, đó là Tử hữu của cõi Sắc; Dục hữu nối tiếp nhau, đó là Trung hữu của cõi Dục, pháp của cõi Sắc diệt đi, đó là các uẩn Tử hữu của cõi Sắc; pháp của cõi Dục hiện rõ ở trước mắt, đó là các uẩn Trung hữu của cõi Dục.

Có lúc pháp của cõi Sắc diệt đi, pháp của cõi Dục hiện rõ ở trước mắt, mà không phải là rời bỏ Sắc hữu-Dục hữu nối tiếp nhau, đó là không mạng chung mà pháp của cõi Sắc diệt đi, pháp của cõi Dục hiện rõ ở trước mắt. Sự việc ấy thế nào? Trong này có người nói: Định Vị chí không gián đoạn, tâm thiện của cõi Dục hiện rõ ở trước mắt.

Có người nói: Định Vị chí-Tĩnh lự thứ nhất không gián đoạn, tâm

thiện của cõi Dục hiện rõ ở trước mắt.

Có người nói: Định Vị chí-Tĩnh lự thứ nhất-Tĩnh lự trung gian không gián đoạn, tâm thiện của cõi Dục hiện rõ ở trước mắt.

Tôn giả Diệu Âm nói rằng: "Định Vị chí-Tĩnh lự thứ nhất-Tĩnh lự trung gian-Tĩnh lự thứ hai không gián đoạn, tâm thiện của cõi Dục hiện rõ ở trước mắt. Nguyên cớ thế nào? Bởi vì như lúc vượt qua Định, Tĩnh lự thứ ba không gián đoạn, Tĩnh lự thứ nhất hiện rõ ở trước mắt, ở đây cũng thuận theo như vậy. Vả lại, cõi Dục có bốn loại tâm biến hóa, đó là thuộc quả Tĩnh lự thứ nhất cho đến thuộc quả Tĩnh lự thứ tư. Tịnh của Tĩnh lự thứ nhất không gián đoạn, tâm biến hóa của cõi Dục thuộc quả Tĩnh lự thứ nhất hiện rõ ở trước mắt, cho đến Tịnh của Tĩnh lự thứ tư không gián đoạn, tâm biến hóa của cõi Dục thuộc quả Tĩnh lự thứ tư hiện rõ ở trước mắt."

Hỏi: Vào lúc rời bỏ (xả) Sắc hữu-Vô sắc hữu nối tiếp nhau, lúc ấy tất cả pháp của cõi Sắc diệt đi, pháp của cõi Vô sắc hiện rõ ở trước mắt chăng?

Đáp: Vào lúc rời bỏ Sắc hữu-Vô sắc hữu nối tiếp nhau, lúc ấy tất cả pháp của cõi Sắc diệt đi, pháp của cõi Vô sắc hiện rõ ở trước mắt, nghĩa là ở cõi Sắc mạng chung-sinh đến cõi Vô sắc, lúc từ Tử hữu hướng đến Sinh hữu, thì rời bỏ Sắc hữu, đó là Tử hữu của cõi Sắc; Vô sắc hữu nối tiếp nhau, đó là Sinh hữu của cõi Vô sắc, pháp của cõi Sắc diệt đi, đó là các uẩn Tử hữu của cõi Sắc; pháp của cõi Vô sắc hiện rõ ở trước mắt, đó là các uẩn Sinh hữu của cõi Vô sắc.

Có lúc pháp của cõi Sắc diệt đi, pháp của cõi Vô sắc hiện rõ ở trước mắt, mà không phải là rời bỏ Sắc hữu-Vô sắc hữu nối tiếp nhau, đó là không mạng chung mà pháp của cõi Sắc diệt đi, pháp của cõi Vô sắc hiện rõ ở trước mắt. Sự việc ấy thế nào? Đó là Tĩnh lự thứ ba không gián đoạn, Không vô biên xứ hiện rõ ở trước mắt; Tĩnh lự thứ tư không gián đoạn, Không-Thức vô biên xứ hiện rõ ở trước mắt**.**

Hỏi: Vào lúc rời bỏ (xả) Vô sắc hữu-Vô sắc hữu nối tiếp nhau, lúc ấy tất cả pháp của cõi Vô sắc diệt đi, pháp của cõi Vô sắc hiện rõ ở trước mắt chăng?

Đáp: Vào lúc rời bỏ Vô sắc hữu-Vô sắc hữu nối tiếp nhau, lúc ấy tất cả pháp của cõi Vô sắc diệt đi, pháp của cõi Vô sắc hiện rõ ở trước mắt, nghĩa là ở cõi Vô sắc mạng chung-sinh đến cõi Vô sắc, lúc từ Tử hữu hướng đến Sinh hữu, thì rời bỏ Vô sắc hữu, đó là Tử hữu của cõi Vô sắc; Vô sắc hữu nối tiếp nhau, đó là Sinh hữu của cõi Vô sắc, pháp của cõi Vô sắc diệt đi, đó là các uẩn Tử hữu của cõi Vô sắc; pháp của cõi Vô sắc hiện rõ ở trước mắt, đó là các uẩn Sinh hữu của cõi Vô sắc.

Có lúc pháp của cõi Vô sắc diệt đi, pháp của cõi Vô sắc hiện rõ ở trước mắt, mà không phải là rời bỏ Vô sắc hữu-Vô sắc hữu nối tiếp nhau, đó là không mạng chung mà pháp của cõi Vô sắc diệt đi, pháp của cõi Vô sắc hiện rõ ở trước mắt. Sự việc ấy thế nào? Đó là Không vô biên xứ không gián đoạn, Thức vô biên xứ-Vô sở hữu xứ hiện rõ ở trước mắt; Thức vô biên xứ không gián đoạn, Không vô biên xứ-Vô sở hữu xứ-Phi tưởng phi phi tưởng xứ hiện rõ ở trước mắt; Vô sở hữu xứ không gián đoạn, Không-Thức vô biên xứ-Phi tưởng phi phi tưởng xứ hiện rõ ở trước mắt; Phi tưởng phi phi tưởng xứ không gián đoạn, Thức vô biên xứ-Vô sở hữu xứ hiện rõ ở trước mắt; pháp thiện không gián đoạn, pháp nhiễm-hoặc là pháp vô ký hiện rõ ở trước mắt, pháp nhiễm- pháp vô ký nói cũng như vậy; sát-na trước không gián đoạn, sát-na sau hiện rõ ở trước mắt.

Hỏi: Vào lúc rời bỏ (xả) Vô sắc hữu-Dục hữu nối tiếp nhau, lúc ấy tất cả pháp của cõi Vô sắc diệt đi, pháp của cõi Dục hiện rõ ở trước mắt chăng?

Đáp: Đúng như vậy.

Hỏi: Giả sử pháp của cõi Vô sắc diệt đi, pháp của cõi Dục hiện rõ ở trước mắt, thì lúc ấy tất cả là rời bỏ Vô sắc hữu-Dục hữu nối tiếp nhau chăng?

Đáp: Đúng như vậy.

Hỏi: Trong này vì sao không nói về không mạng chung mà pháp của cõi Vô sắc diệt đi, pháp của cõi Dục hiện rõ ở trước mắt?

Đáp: Bởi vì lý chắc chắn không có ở cõi Vô sắc không mạng chung mà có pháp của cõi Vô sắc diệt đi, pháp của cõi Dục hiện rõ ở trước mắt. Phần còn lại hỏi-đáp như trước.

Hỏi: Vào lúc rời bỏ(xả) Vô sắc hữu-Sắc hữu nối tiếp nhau, lúc ấy tất cả pháp của cõi Vô sắc diệt đi, pháp của cõi Sắc hiện rõ ở trước mắt chăng?

Đáp: Vào lúc rời bỏ Vô sắc hữu-Sắc hữu nối tiếp nhau, lúc ấy tất cả pháp của cõi Vô sắc diệt đi, pháp của cõi Sắc hiện rõ ở trước mắt, nghĩa là ở cõi Vô sắc mạng chung-sinh đến cõi Sắc, lúc từ Tử hữu hướng đến Trung hữu, thì rời bỏ Vô sắc hữu, đó là Tử hữu của cõi Vô sắc; Sắc hữu nối tiếp nhau, đó là Trung hữu của cõi Sắc, pháp của cõi Vô sắc diệt đi, đó là các uẩn Tử hữu của cõi Vô sắc; pháp của cõi Sắc hiện rõ ở trước mắt, đó là các uẩn Trung hữu của cõi Sắc.

Có lúc pháp của cõi Vô sắc diệt đi, pháp của cõi Sắc hiện rõ ở trước mắt, mà không phải là rời bỏ Vô sắc hữu-Sắc hữu nối tiếp nhau, đó là không mạng chung mà pháp của cõi Vô sắc diệt đi, pháp của cõi Sắc hiện rõ ở

trước mắt. Sự việc ấy thế nào? Đó là Thức vô biên xứ không gián đoạn, Tĩnh lự thứ tư hiện rõ ở trước mắt; Không vô biên xứ không gián đoạn, Tĩnh lự thứ ba-thứ tư hiện rõ ở trước mắt.

Tạm thời tùy theo bản văn phân biệt về nghĩa rồi, nên tùy theo nghĩa ấy tiếp tục phân biệt rộng ra.

Hỏi: Nếu ở cõi Dục mạng chung-sinh trở lại cõi Dục, thì lúc ấy rời bỏ những gì, đạt được những gì, pháp nào diệt đi, pháp nào hiện rõ ở trước mắt; cho đến nếu ở cõi Vô sắc mạng chung-sinh đến cõi Sắc, thì lúc ấy rời bỏ những gì, đạt được những gì, pháp nào diệt đi, pháp nào hiện rõ ở trước mắt?

Đáp: Những người ở cõi Dục mạng chung-sinh trở lại cõi Dục:

Nếu vốn trú trong luật nghi Biệt giải thoát, không có Biểu của thân-ngữ bất thiện, giả sử có đã mất: Nếu trú trong tâm thiện mà mạng chung, thì lúc ấy rời bỏ hai uẩn thiện-hai uẩn vô ký, đạt được hai uẩn vô ký, ngay lúc ấy năm uẩn thiện-một uẩn nhiễm-hai uẩn vô ký diệt đi, một uẩn thiện-bốn uẩn nhiễm-hai uẩn vô ký hiện rõ ở trước mắt.

Nếu trú trong tâm nhiễm mà mạng chung, thì lúc ấy rời bỏ hai uẩn thiện-hai uẩn vô ký, đạt được hai uẩn vô ký, ngay lúc ấy hai uẩn thiện- bốn uẩn nhiễm-hai uẩn vô ký diệt đi, một uẩn thiện-bốn uẩn nhiễm-hai uẩn vô ký hiện rõ ở trước mắt.

Nếu trú trong tâm vô ký mà mạng chung, thì lúc ấy rời bỏ hai uẩn thiện-năm uẩn vô ký, đạt được hai uẩn vô ký, ngay lúc ấy hai uẩn thiện-một uẩn nhiễm-năm uẩn vô ký diệt đi, một uẩn thiện-bốn uẩn nhiễm-hai uẩn vô ký hiện rõ ở trước mắt.

Chính người ấy nếu có Biểu của thân-ngữ bất thiện không mất: Nếu trú trong tâm thiện mà mạng chung, thì lúc ấy rời bỏ hai uẩn thiện- hai uẩn nhiễm-hai uẩn vô ký, đạt được hai uẩn vô ký, ngay lúc ấy năm uẩn thiện-hai uẩn nhiễm-hai uẩn vô ký diệt đi, một uẩn thiện-bốn uẩn nhiễm-hai uẩn vô ký hiện rõ ở trước mắt.

Nếu trú trong tâm nhiễm mà mạng chung, thì lúc ấy rời bỏ hai uẩn thiện-hai uẩn nhiễm-hai uẩn vô ký, đạt được hai uẩn vô ký, ngay lúc ấy hai uẩn thiện-năm uẩn nhiễm-hai uẩn vô ký diệt đi, một uẩn thiện-bốn uẩn nhiễm-hai uẩn vô ký hiện rõ ở trước mắt.

Nếu trú trong tâm vô ký mà mạng chung, thì lúc ấy rời bỏ hai uẩn thiện-hai uẩn nhiễm-năm uẩn vô ký, đạt được hai uẩn vô ký, ngay lúc ấy hai uẩn thiện-hai uẩn nhiễm-năm uẩn vô ký diệt đi, một uẩn thiện- bốn uẩn nhiễm-hai uẩn vô ký hiện rõ ở trước mắt.

Nếu vốn trú trong không luật nghi, không có Biểu của thân-ngữ thiện, giả sử có đã mất: Nếu trú trong tâm thiện mà mạng chung, thì lúc ấy rời bỏ hai uẩn nhiễm-hai uẩn vô ký, đạt được hai uẩn vô ký, ngay lúc ấy bốn uẩn thiện-hai uẩn nhiễm-hai uẩn vô ký diệt đi, một uẩn thiện- bốn uẩn nhiễm-hai uẩn vô ký hiện rõ ở trước mắt.

Nếu trú trong tâm nhiễm mà mạng chung, thì lúc ấy rời bỏ hai uẩn nhiễm-hai uẩn vô ký, đạt được hai uẩn vô ký, ngay lúc ấy một uẩn thiện-năm uẩn nhiễm-hai uẩn vô ký diệt đi, một uẩn thiện-bốn uẩn nhiễm-hai uẩn vô ký hiện rõ ở trước mắt.

Nếu trú trong tâm vô ký mà mạng chung, thì lúc ấy rời bỏ hai uẩn nhiễm-năm uẩn vô ký, đạt được hai uẩn vô ký, ngay lúc ấy một uẩn thiện-hai uẩn nhiễm-năm uẩn vô ký diệt đi, một uẩn thiện-bốn uẩn nhiễm-hai uẩn vô ký hiện rõ ở trước mắt.

Chính người ấy nếu có Biểu của thân-ngữ thiện không mất: Nếu trú trong tâm thiện mà mạng chung…, thì nói rộng ra như phần trú trong luật nghi Biệt giải thoát, có Biểu của thân-ngữ bất thiện.

Nếu vốn trú trong phi luật nghi phi bất luật nghi, không có Biểu của thân-ngữ thiện-bất thiện, giả sử có đã mất: Nếu trú trong tâm thiện mà mạng chung, thì lúc ấy rời bỏ hai uẩn vô ký, đạt được hai uẩn vô ký, ngay lúc ấy bốn uẩn thiện-một uẩn nhiễm-hai uẩn vô ký diệt đi, một uẩn thiện-bốn uẩn nhiễm-hai uẩn vô ký hiện rõ ở trước mắt.

Nếu trú trong tâm nhiễm mà mạng chung, thì lúc ấy rời bỏ hai uẩn vô ký, đạt được hai uẩn vô ký, ngay lúc ấy một uẩn thiện-bốn uẩn nhiễm-hai uẩn vô ký diệt đi, một uẩn thiện-bốn uẩn nhiễm-hai uẩn vô ký hiện rõ ở trước mắt.

Nếu trú trong tâm vô ký mà mạng chung, thì lúc ấy rời bỏ năm uẩn vô ký, đạt được hai uẩn vô ký, ngay lúc ấy một uẩn thiện-một uẩn nhiễm-năm uẩn vô ký diệt đi, một uẩn thiện-bốn uẩn nhiễm-hai uẩn vô ký hiện rõ ở trước mắt.

Chính người ấy nếu có Biểu của thân-ngữ thiện không mất, không có Biểu của thân-ngữ bất thiện, giả sử có đã mất, nếu trú trong tâm thiện-nhiễm-vô ký mà mạng chung, thì nói rộng ra như phần trú trong luật nghi Biệt giải thoát, không có Biểu của thân-ngữ bất thiện, giả sử có đã mất, trú trong ba loại tâm mà mạng chung.

Chính người ấy nếu có Biểu của thân-ngữ bất thiện không mất, không có Biểu của thân-ngữ thiện, giả sử có đã mất, nếu trú trong tâm thiện-nhiễm-vô ký mà mạng chung, thì nói rộng ra như phần trú trong không luật

nghi, không có Biểu của thân-ngữ thiện, giả sử có đã mất, trú trong ba loại tâm mà mạng chung.

Chính người ấy nếu có Biểu của thân-ngữ thiện-bất thiện không mất, nếu trú trong tâm thiện-nhiễm-vô ký mà mạng chung, thì nói rộng ra như phần trú trong luật nghi Biệt giải thoát có Biểu của thân-ngữ bất thiện không mất, và trú trong không luật nghi có Biểu của thân-ngữ thiện không mất, trú trong ba loại tâm mà mạng chung.

-oOo-

LUẬN A TỲ ĐẠT MA ĐẠI TỲ BÀ SA

QUYỂN 193

LUẬN VỀ TAM HỮU (Phần 2)

Những người ở cõi Dục mạng chung-sinh đến Tĩnh lự thứ nhất:

Nếu vốn trú trong luật nghi Biệt giải thoát, hoặc là không trú trong luật nghi Biệt giải thoát, có Biểu của thân-ngữ thiện không mất: Nếu trú trong tâm thiện mà mạng chung, thì lúc ấy rời bỏ năm uẩn thiện-hai uẩn vô ký, có người nói năm uẩn vô ký, đạt được bốn uẩn thiện-hai uẩn vô ký, ngay lúc ấy năm uẩn thiện-một uẩn nhiễm-hai uẩn vô ký diệt đi, một uẩn thiện-bốn uẩn nhiễm-hai uẩn vô ký hiện rõ ở trước mắt.

Nếu trú trong tâm vô ký mà mạng chung, thì lúc ấy rời bỏ năm uẩn thiện-năm uẩn vô ký, đạt được bốn uẩn thiện-hai uẩn vô ký, ngay lúc ấy hai uẩn thiện-một uẩn nhiễm-năm uẩn vô ký diệt đi, một uẩn thiện-bốn uẩn nhiễm-hai uẩn vô ký hiện rõ ở trước mắt.

Nếu vốn không trú trong luật nghi Biệt giải thoát, không có Biểu của thân-ngữ thiện, giả sử có đã mất: Nếu trú trong tâm thiện mà mạng chung, thì lúc ấy rời bỏ bốn uẩn thiện-hai uẩn vô ký, có người nói năm uẩn vô ký, đạt được bốn uẩn thiện-hai uẩn vô ký, ngay lúc ấy bốn uẩn thiện-một uẩn nhiễm-hai uẩn vô ký diệt đi, một uẩn thiện-bốn uẩn nhiễm-hai uẩn vô ký hiện rõ ở trước mắt.

Nếu trú trong tâm vô ký mà mạng chung, thì lúc ấy rời bỏ bốn uẩn thiện-năm uẩn vô ký, đạt được bốn uẩn thiện-hai uẩn vô ký, ngay lúc ấy một uẩn thiện-một uẩn nhiễm-năm uẩn vô ký diệt đi, một uẩn thiện- bốn uẩn nhiễm-hai uẩn vô ký hiện rõ ở trước mắt.

Những người ở cõi Dục mạng chung-sinh đến Tĩnh lự thứ hai-thứ ba-thứ tư:

Nếu vốn trú trong luật nghi Biệt giải thoát, hoặc là không trú trong luật nghi Biệt giải thoát, có Biểu của thân-ngữ thiện không mất: Nếu trú trong tâm thiện mà mạng chung, thì lúc ấy rời bỏ năm uẩn thiện-năm uẩn vô ký, đạt được bốn uẩn thiện-hai uẩn vô ký, ngay lúc ấy năm uẩn thiện-một uẩn nhiễm-hai uẩn vô ký diệt đi, một uẩn thiện-bốn uẩn nhiễm-hai uẩn

vô ký hiện rõ ở trước mắt.

Nếu trú trong tâm vô ký mà mạng chung, thì lúc ấy rời bỏ năm uẩn thiện-năm uẩn vô ký, đạt được bốn uẩn thiện-hai uẩn vô ký, ngay lúc ấy hai uẩn thiện-một uẩn nhiễm-năm uẩn vô ký diệt đi, một uẩn thiện-bốn uẩn nhiễm-hai uẩn vô ký hiện rõ ở trước mắt.

Nếu vốn không trú trong luật nghi Biệt giải thoát, không có Biểu của thân-ngữ thiện, giả sử có đã mất: Nếu trú trong tâm thiện mà mạng chung, thì lúc ấy rời bỏ năm uẩn thiện-năm uẩn vô ký, đạt được bốn uẩn thiện-hai uẩn vô ký, ngay lúc ấy bốn uẩn thiện-một uẩn nhiễm-hai uẩn vô ký diệt đi, một uẩn thiện-bốn uẩn nhiễm-hai uẩn vô ký hiện rõ ở trước mắt.

Nếu trú trong tâm vô ký mà mạng chung, thì lúc ấy rời bỏ năm uẩn thiện-năm uẩn vô ký, đạt được bốn uẩn thiện-hai uẩn vô ký, ngay lúc ấy một uẩn thiện-một uẩn nhiễm-năm uẩn vô ký diệt đi, một uẩn thiện-bốn uẩn nhiễm-hai uẩn vô ký hiện rõ ở trước mắt.

Những người ở cõi Dục mạng chung-sinh đến cõi Vô sắc:

Nếu vốn trú trong luật nghi Biệt giải thoát, hoặc là không trú trong luật nghi Biệt giải thoát, có Biểu của thân-ngữ thiện không mất: Nếu trú trong tâm thiện mà mạng chung, thì lúc ấy rời bỏ năm uẩn thiện-năm uẩn vô ký, đạt được bốn uẩn thiện-một uẩn vô ký, ngay lúc ấy năm uẩn thiện-một uẩn nhiễm-hai uẩn vô ký diệt đi, một uẩn thiện- bốn uẩn nhiễm-một uẩn vô ký hiện rõ ở trước mắt.

Nếu trú trong tâm vô ký mà mạng chung, thì lúc ấy rời bỏ năm uẩn thiện-năm uẩn vô ký, đạt được bốn uẩn thiện-một uẩn vô ký, ngay lúc ấy hai uẩn thiện-một uẩn nhiễm-năm uẩn vô ký diệt đi, một uẩn thiện-bốn uẩn nhiễm-một uẩn vô ký hiện rõ ở trước mắt.

Nếu vốn không trú trong luật nghi Biệt giải thoát, không có Biểu của thân-ngữ thiện, giả sử có đã mất: Nếu trú trong tâm thiện mà mạng chung, thì lúc ấy rời bỏ năm uẩn thiện-năm uẩn vô ký, đạt được bốn uẩn thiện-một uẩn vô ký, ngay lúc ấy bốn uẩn thiện-một uẩn nhiễm-hai uẩn vô ký diệt đi, một uẩn thiện-bốn uẩn nhiễm-một uẩn vô ký hiện rõ ở trước mắt.

Nếu trú trong tâm vô ký mà mạng chung, thì lúc ấy rời bỏ năm uẩn thiện-năm uẩn vô ký, đạt được bốn uẩn thiện-một uẩn vô ký, ngay lúc ấy một uẩn thiện-một uẩn nhiễm-năm uẩn vô ký diệt đi, một uẩn thiện-bốn uẩn nhiễm-một uẩn vô ký hiện rõ ở trước mắt.

Những người ở cõi Sắc mạng chung-sinh trở lại cõi Sắc, ngay địa này chết đi sinh trở lại địa này:

Nếu trú trong tâm thiện mà mạng chung, thì lúc ấy rời bỏ hai uẩn vô

ký, đạt được hai uẩn vô ký, ngay lúc ấy bốn uẩn thiện-một uẩn nhiễm-hai uẩn vô ký diệt đi, một uẩn thiện-bốn uẩn nhiễm-hai uẩn vô ký hiện rõ ở trước mắt.

Nếu trú trong tâm nhiễm mà mạng chung, thì lúc ấy rời bỏ hai uẩn vô ký, đạt được hai uẩn vô ký, ngay lúc ấy một uẩn thiện-bốn uẩn nhiễm-hai uẩn vô ký diệt đi, một uẩn thiện-bốn uẩn nhiễm-hai uẩn vô ký hiện rõ ở trước mắt.

Nếu trú trong tâm vô ký mà mạng chung, thì lúc ấy rời bỏ năm uẩn vô ký, đạt được hai uẩn vô ký, ngay lúc ấy một uẩn thiện-một uẩn nhiễm-năm uẩn vô ký diệt đi, một uẩn thiện-bốn uẩn nhiễm-hai uẩn vô ký hiện rõ ở trước mắt.

Ở cõi Sắc, từ địa dưới mạng chung-sinh lên địa trên:

Nếu trú trong tâm thiện mà mạng chung, thì lúc ấy rời bỏ năm uẩn thiện-năm uẩn vô ký, đạt được bốn uẩn thiện-hai uẩn vô ký, ngay lúc ấy bốn uẩn thiện-một uẩn nhiễm-hai uẩn vô ký diệt đi, một uẩn thiện-bốn uẩn nhiễm-hai uẩn vô ký hiện rõ ở trước mắt.

Nếu trú trong tâm vô ký mà mạng chung, thì lúc ấy rời bỏ năm uẩn thiện-năm uẩn vô ký, đạt được bốn uẩn thiện-hai uẩn vô ký, ngay lúc ấy một uẩn thiện-một uẩn nhiễm-năm uẩn vô ký diệt đi, một uẩn thiện-bốn uẩn nhiễm-hai uẩn vô ký hiện rõ ở trước mắt.

Ở cõi Sắc, từ địa trên mạng chung-sinh xuống địa dưới:

Nếu trú trong tâm thiện mà mạng chung, thì lúc ấy rời bỏ năm uẩn thiện-năm uẩn vô ký, đạt được năm uẩn thiện-bốn uẩn nhiễm-năm uẩn vô ký, ngay lúc ấy bốn uẩn thiện-một uẩn nhiễm-hai uẩn vô ký diệt đi, một uẩn thiện-bốn uẩn nhiễm-hai uẩn vô ký hiện rõ ở trước mắt.

Nếu trú trong tâm nhiễm mà mạng chung, thì lúc ấy rời bỏ năm uẩn thiện-năm uẩn vô ký, đạt được năm uẩn thiện-bốn uẩn nhiễm-năm uẩn vô ký, ngay lúc ấy một uẩn thiện-bốn uẩn nhiễm-hai uẩn vô ký diệt đi, một uẩn thiện-bốn uẩn nhiễm-hai uẩn vô ký hiện rõ ở trước mắt.

Nếu trú trong tâm vô ký mà mạng chung, thì lúc ấy rời bỏ năm uẩn thiện-năm uẩn vô ký, đạt được năm uẩn thiện-bốn uẩn nhiễm-năm uẩn vô ký, ngay lúc ấy một uẩn thiện-một uẩn nhiễm-năm uẩn vô ký diệt đi, một uẩn thiện-bốn uẩn nhiễm-hai uẩn vô ký hiện rõ ở trước mắt.

Những người ở cõi Sắc mạng chung-sinh đến cõi Dục:

Nếu trú trong tâm thiện mà mạng chung, thì lúc ấy rời bỏ năm uẩn thiện-năm uẩn vô ký, đạt được bốn uẩn thiện-bốn uẩn nhiễm-hai uẩn vô ký,

có người nói năm uẩn vô ký, ngay lúc ấy bốn uẩn thiện-một uẩn nhiễm-hai uẩn vô ký diệt đi, một uẩn thiện-bốn uẩn nhiễm-hai uẩn vô ký hiện rõ ở trước mắt.

Nếu trú trong tâm nhiễm mà mạng chung, thì lúc ấy rời bỏ năm uẩn thiện-năm uẩn vô ký, đạt được bốn uẩn thiện-bốn uẩn nhiễm-hai uẩn vô ký, có người nói năm uẩn vô ký, ngay lúc ấy một uẩn thiện-bốn uẩn nhiễm-hai uẩn vô ký diệt đi, một uẩn thiện-bốn uẩn nhiễm-hai uẩn vô ký hiện rõ ở trước mắt.

Nếu trú trong tâm vô ký mà mạng chung, thì lúc ấy rời bỏ năm uẩn thiện-năm uẩn vô ký, đạt được bốn uẩn thiện-bốn uẩn nhiễm-hai uẩn vô ký, có người nói năm uẩn vô ký, ngay lúc ấy một uẩn thiện-một uẩn nhiễm-năm uẩn vô ký diệt đi, một uẩn thiện-bốn uẩn nhiễm-hai uẩn vô ký hiện rõ ở trước mắt.

Những người ở cõi Sắc mạng chung-sinh đến cõi Vô sắc:

Nếu trú trong tâm thiện mà mạng chung, thì lúc ấy rời bỏ năm uẩn thiện-năm uẩn vô ký, đạt được bốn uẩn thiện-một uẩn vô ký, ngay lúc ấy bốn uẩn thiện-một uẩn nhiễm-hai uẩn vô ký diệt đi, một uẩn thiện- bốn uẩn nhiễm-một uẩn vô ký hiện rõ ở trước mắt.

Nếu trú trong tâm vô ký mà mạng chung, thì lúc ấy rời bỏ năm uẩn thiện-năm uẩn vô ký, đạt được bốn uẩn thiện-một uẩn vô ký, ngay lúc ấy một uẩn thiện-một uẩn nhiễm-năm uẩn vô ký diệt đi, một uẩn thiện-bốn uẩn nhiễm-một uẩn vô ký hiện rõ ở trước mắt.

Những người ở cõi Vô sắc mạng chung-sinh trở lại cõi Vô sắc, ngay địa này chết đi sinh trở lại địa này:

Nếu trú trong tâm thiện mà mạng chung, thì lúc ấy rời bỏ một uẩn vô ký, đạt được một uẩn vô ký, ngay lúc ấy bốn uẩn thiện-một uẩn nhiễm-một uẩn vô ký diệt đi, một uẩn thiện-bốn uẩn nhiễm-một uẩn vô ký hiện rõ ở trước mắt.

Nếu trú trong tâm nhiễm mà mạng chung, thì lúc ấy rời bỏ một uẩn vô ký, đạt được một uẩn vô ký, ngay lúc ấy một uẩn thiện-bốn uẩn nhiễm-một uẩn vô ký diệt đi, một uẩn thiện-bốn uẩn nhiễm-một uẩn vô ký hiện rõ ở trước mắt.

Nếu trú trong tâm vô ký mà mạng chung, thì lúc ấy rời bỏ bốn uẩn vô ký, đạt được một uẩn vô ký, ngay lúc ấy một uẩn thiện-một uẩn nhiễm-bốn uẩn vô ký diệt đi, một uẩn thiện-bốn uẩn nhiễm-một uẩn vô ký hiện rõ ở trước mắt.

Ở cõi Vô sắc, từ địa dưới mạng chung-sinh lên địa trên:

Nếu trú trong tâm thiện mà mạng chung, thì lúc ấy rời bỏ bốn uẩn thiện-một uẩn vô ký, đạt được bốn uẩn thiện-một uẩn vô ký, ngay lúc ấy bốn uẩn thiện-một uẩn nhiễm-một uẩn vô ký diệt đi, một uẩn thiện- bốn uẩn nhiễm-một uẩn vô ký hiện rõ ở trước mắt.

Nếu trú trong tâm vô ký mà mạng chung, thì lúc ấy rời bỏ bốn uẩn thiện-bốn uẩn vô ký, đạt được bốn uẩn thiện-một uẩn vô ký, ngay lúc ấy một uẩn thiện-một uẩn nhiễm-bốn uẩn vô ký diệt đi, một uẩn thiện- bốn uẩn nhiễm-một uẩn vô ký hiện rõ ở trước mắt.

Ở cõi Vô sắc, từ địa trên mạng chung-sinh xuống địa dưới:

Nếu trú trong tâm thiện mà mạng chung, thì lúc ấy rời bỏ bốn uẩn thiện-một uẩn vô ký, đạt được bốn uẩn thiện-bốn uẩn nhiễm-một uẩn vô ký, ngay lúc ấy bốn uẩn thiện-một uẩn nhiễm-một uẩn vô ký diệt đi, một uẩn thiện-bốn uẩn nhiễm-một uẩn vô ký hiện rõ ở trước mắt.

Nếu trú trong tâm nhiễm mà mạng chung, thì lúc ấy rời bỏ bốn uẩn thiện-một uẩn vô ký, đạt được bốn uẩn thiện-bốn uẩn nhiễm-một uẩn vô ký, ngay lúc ấy một uẩn thiện-bốn uẩn nhiễm-một uẩn vô ký diệt đi, một uẩn thiện-bốn uẩn nhiễm-một uẩn vô ký hiện rõ ở trước mắt.

Nếu trú trong tâm vô ký mà mạng chung, thì lúc ấy rời bỏ bốn uẩn thiện-bốn uẩn vô ký, đạt được bốn uẩn thiện-bốn uẩn nhiễm-một uẩn vô ký, ngay lúc ấy một uẩn thiện-một uẩn nhiễm-bốn uẩn vô ký diệt đi, một uẩn thiện-bốn uẩn nhiễm-một uẩn vô ký hiện rõ ở trước mắt.

Những người ở cõi Vô sắc mạng chung-sinh đến cõi Dục:

Nếu trú trong tâm thiện mà mạng chung, thì lúc ấy rời bỏ bốn uẩn thiện-một uẩn vô ký, đạt được bốn uẩn thiện-bốn uẩn nhiễm-hai uẩn vô ký, có người nói năm uẩn vô ký, ngay lúc ấy bốn uẩn thiện-một uẩn nhiễm-một uẩn vô ký diệt đi, một uẩn thiện-bốn uẩn nhiễm-hai uẩn vô ký hiện rõ ở trước mắt.

Nếu trú trong tâm nhiễm mà mạng chung, thì lúc ấy rời bỏ bốn uẩn thiện-một uẩn vô ký, đạt được bốn uẩn thiện-bốn uẩn nhiễm-hai uẩn vô ký, có người nói năm uẩn vô ký, ngay lúc ấy một uẩn thiện-bốn uẩn nhiễm-một uẩn vô ký diệt đi, một uẩn thiện-bốn uẩn nhiễm-hai uẩn vô ký hiện rõ ở trước mắt.

Nếu trú trong tâm vô ký mà mạng chung, thì lúc ấy rời bỏ bốn uẩn thiện-bốn uẩn vô ký, đạt được bốn uẩn thiện-bốn uẩn nhiễm-hai uẩn vô ký, có người nói năm uẩn vô ký, ngay lúc ấy một uẩn thiện-một uẩn nhiễm-bốn uẩn vô ký diệt đi, một uẩn thiện-bốn uẩn nhiễm-hai uẩn vô ký hiện rõ ở trước mắt.

Những người ở cõi Vô sắc mạng chung-sinh đến cõi Sắc:

Nếu trú trong tâm thiện mà mạng chung, thì lúc ấy rời bỏ bốn uẩn thiện-một uẩn vô ký, đạt được năm uẩn thiện-bốn uẩn nhiễm-năm uẩn vô ký, ngay lúc ấy bốn uẩn thiện-một uẩn nhiễm-một uẩn vô ký diệt đi, một uẩn thiện-bốn uẩn nhiễm-hai uẩn vô ký hiện rõ ở trước mắt.

Nếu trú trong tâm nhiễm mà mạng chung, thì lúc ấy rời bỏ bốn uẩn thiện-một uẩn vô ký, đạt được năm uẩn thiện-bốn uẩn nhiễm-năm uẩn vô ký, ngay lúc ấy một uẩn thiện-bốn uẩn nhiễm-một uẩn vô ký diệt đi, một uẩn thiện-bốn uẩn nhiễm-hai uẩn vô ký hiện rõ ở trước mắt.

Nếu trú trong tâm vô ký mà mạng chung, thì lúc ấy rời bỏ bốn uẩn thiện-bốn uẩn vô ký, đạt được năm uẩn thiện-bốn uẩn nhiễm-năm uẩn vô ký, ngay lúc ấy một uẩn thiện-một uẩn nhiễm-bốn uẩn vô ký diệt đi, một uẩn thiện-bốn uẩn nhiễm-hai uẩn vô ký hiện rõ ở trước mắt.

Vì sao tùy miên của cõi Dục không tùy tăng đối với pháp của cõi Sắc? Cho đến nói rộng ra.

Hỏi: Vì sao soạn ra phần luận này?

Đáp: Bởi vì muốn làm cho người nghi ngờ có được quyết định. Đó là trong phẩm luận về Hữu Tình ở chương Kiết Uẩn trước đây nói: "Dị sinh cõi Dục có chín mươi tám tùy miên tùy tăng và chín kiết hệ thuộc, dị sinh cõi Sắc có sáu mươi hai tùy miên tùy tăng và sáu kiết hệ thuộc, dị sinh cõi Vô sắc có ba mươi mốt tùy miên tùy tăng và sáu kiết hệ thuộc." Hoặc có người sinh lòng nghi ngờ: Dị sinh cõi Dục làm tùy miên của cõi Sắc-Vô sắc tùy tăng, dị sinh cõi Sắc làm tùy miên của cõi Vô sắc tùy tăng. Bởi vì muốn làm cho mối nghi này được quyết định, hiển bày về thành tựu của cõi ấy không phải là tùy tăng của cõi ấy, nghĩa là dị sinh cõi Dục chỉ làm tùy miên của cõi Dục tùy tăng chứ không phải là cõi Sắc-Vô sắc, dị sinh cõi Sắc chỉ làm tùy miên của cõi Sắc tùy tăng chứ không phải là cõi Vô sắc. Bởi vì nhân duyên này, cho nên soạn ra phần luận này.

Hỏi: Vì sao tùy miên của cõi Dục không tùy tăng đối với pháp của cõi Sắc?

Đáp: Bởi vì cõi sẽ tạp loạn và không có thể thi thiết về lìa nhiễm cõi Dục. Cõi tạp loạn, đó là cõi ấy cũng là cõi Dục cũng là cõi Sắc, thì không có thể nói là cõi Dục-Sắc khác nhau; và không có thể thi thiết về lìa nhiễm cõi Dục, đó là lúc lìa tham của cõi Dục thì không gọi là lìa nhiễm của cõi Dục, lúc lìa tham của cõi Sắc mới gọi là lìa nhiễm của cõi Dục. Điều này thì không hợp lý.

Hỏi: Vì sao tùy miên của cõi Dục không tùy tăng đối với pháp của

cõi Vô sắc?

Đáp: Bởi vì cõi sẽ tạp loạn và không có thể thi thiết về lìa nhiễm cõi Dục. Cõi tạp loạn, đó là cõi ấy cũng là cõi Dục cũng là cõi Vô sắc, thì không có thể nói là cõi Dục-Vô sắc khác nhau; và không có thể thi thiết về lìa nhiễm cõi Dục, đó là lúc lìa tham của cõi Dục thì không gọi là lìa nhiễm của cõi Dục, lúc lìa tham của cõi Vô sắc mới gọi là lìa nhiễm của cõi Dục. Điều này thì không hợp lý.

Hỏi: Vì sao tùy miên của cõi Sắc không tùy tăng đối với pháp của cõi Dục?

Đáp: Bởi vì cõi sẽ tạp loạn và pháp ở cõi ấy không phải là sở duyên của pháp ở cõi này. Cõi tạp loạn, đó là cõi ấy cũng là cõi Sắc cũng là cõi Dục, thì không có thể nói là cõi Sắc-Dục khác nhau; và pháp ở cõi ấy không phải là sở duyên của pháp ở cõi này, đó là bởi vì không có phiền não của địa trên duyên với pháp của địa dưới.

Hỏi: Vì sao tùy miên của cõi Sắc không tùy tăng đối với pháp của cõi Vô sắc?

Đáp: Bởi vì cõi sẽ tạp loạn và không có thể thi thiết về lìa nhiễm cõi Sắc. Cõi tạp loạn, đó là cõi ấy cũng là cõi Sắc cũng là cõi Vô sắc, thì không có thể nói là cõi Sắc-Vô sắc khác nhau; và không có thể thi thiết về lìa nhiễm cõi Sắc, đó là lúc lìa tham của cõi Sắc thì không gọi là lìa nhiễm của cõi Sắc, lúc lìa tham của cõi Vô sắc mới gọi là lìa nhiễm của cõi Sắc. Điều này thì không hợp lý.

Hỏi: Vì sao tùy miên của cõi Vô sắc không tùy tăng đối với pháp của cõi Dục?

Đáp: Bởi vì cõi sẽ tạp loạn và pháp ở cõi ấy không phải là sở duyên của pháp ở cõi này. Như trước nên biết!

Hỏi: Vì sao tùy miên của cõi Vô sắc không tùy tăng đối với pháp của cõi Sắc?

Đáp: Bởi vì cõi sẽ tạp loạn và pháp ở cõi ấy không phải là sở duyên của pháp ở cõi này. Như trước nên biết!

Hỏi: Đã nói về ba cõi thì sự kiến lập như thế nào, là bởi vì địa-là bởi vì xứ hay là bởi vì đoạn ái? Nếu như vậy thì có gì sai? Nếu bởi vì địa thì phải nói là chín cõi, bởi vì có chín địa, đó là cõi Dục-bốn Tĩnh lự-bốn Vô sắc. Nếu bởi vì xứ thì phải nói là bốn mươi cõi, bởi vì có bốn mươi xứ, đó là hai mươi xứ ở cõi Dục, mười sáu xứ ở cõi Sắc, bốn xứ ở cõi Vô sắc. Nếu bởi vì đoạn ái thì cũng phải nói là chín cõi, đó là bởi vì ái của cõi Dục cho đến ái của Phi tưởng phi phi tưởng xứ, đều có phạm vi khác nhau?

Đáp: Nên nói là bởi vì đoạn ái cho nên kiến lập ba cõi. Hỏi: Nếu như vậy thì phải thiết lập chín cõi?

Đáp: Bởi vì đoạn ái cùng loại cho nên chỉ thiết lập ba cõi, đó là từ địa ngục vô gián cho đến cõi trời Tha Hóa Tự Tại, đều do ái Dục mà có sai biệt, cho nên kiến lập cõi Dục; từ cõi trời Phạm Chúng cho đến cõi trời Sắc Cứu Cánh, đều do ái Sắc mà sai biệt, cho nên kiến lập cõi Sắc; từ Không vô biên xứ cho đến Phi tưởng phi phi tưởng xứ, đều do ái Vô sắc mà có sai biệt, cho nên kiến lập cõi Vô sắc.

Lại nữa, nếu nơi nào có Sắc-có Dục thì kiến lập cõi Dục, có Sắc-không có Dục thì kiến lập cõi Sắc, không có Sắc-không có Dục thì kiến lập cõi Vô sắc.

Lại nữa, nếu nơi nào có Sắc-có thứ hai thì kiến lập cõi Dục, có Sắc-không có thứ hai thì kiến lập cõi Sắc, không có Sắc-không có thứ hai thì kiến lập cõi Vô sắc.

Lại nữa, nếu nơi nào có Sắc-có cảnh thì kiến lập cõi Dục, có Sắc-không có cảnh thì kiến lập cõi Sắc, không có Sắc-không có cảnh thì kiến lập cõi Vô sắc.

Lại nữa, nếu nơi nào có Sắc-có nhiều đồ vật thì kiến lập cõi Dục, có Sắc-không có nhiều đồ vật thì kiến lập cõi Sắc, không có Sắc-không có nhiều đồ vật thì kiến lập cõi Vô sắc.

Lại nữa, nếu nơi nào có Sắc-có Dục-có Ngã chấp thì kiến lập cõi Dục, có Sắc-không có Dục-có Ngã chấp thì kiến lập cõi Sắc, không có Sắc-không có Dục-có Ngã chấp thì kiến lập cõi Vô sắc.

Lại nữa, nếu nơi nào có Sắc-có thứ hai-có Ngã chấp thì kiến lập cõi Dục, có Sắc-không có thứ hai-có Ngã chấp thì kiến lập cõi Sắc, không có Sắc-không có thứ hai-có Ngã chấp thì kiến lập cõi Vô sắc; cảnh và nhiều đồ vật nói cũng như vậy.

Lại nữa, nếu nơi nào có Sắc-tương ưng với không có Tàm-không có Quý thì kiến lập cõi Dục, có Sắc-không tương ưng với không có Tàm-không có Quý thì kiến lập cõi Sắc, không có Sắc-không tương ưng với không có Tàm-không có Quý thì kiến lập cõi Vô sắc.

Lại nữa, nếu nơi nào có Sắc-tương ưng với keo kiệt-ganh ghét thì kiến lập cõi Dục, có Sắc-không tương ưng với keo kiệt-ganh ghét thì kiến lập cõi Sắc, không có Sắc-không tương ưng với keo kiệt-ganh ghét thì kiến lập cõi Vô sắc.

Lại nữa, nếu nơi nào có Sắc-tương ưng với Ưu căn-Khổ căn thì kiến lập cõi Dục, có Sắc-không tương ưng với Ưu căn-Khổ căn thì kiến lập cõi

Sắc, không có Sắc-không tương ưng với Ưu căn-Khổ căn thì kiến lập cõi Vô sắc.

Lại nữa, nếu nơi nào có Sắc-tương ưng với Đoàn thực-Dâm-Ái thì kiến lập cõi Dục, có Sắc-không tương ưng với Đoàn thực-Dâm-Ái thì kiến lập cõi Sắc, không có Sắc-không tương ưng với Đoàn thực-Dâm- Ái thì kiến lập cõi Vô sắc.

Lại nữa, nếu nơi nào có nhân dị thục của năm uẩn-quả dị thục của năm uẩn và tùy miên bất thiện-vô ký tùy tăng thì kiến lập cõi Dục, có nhân dị thục của năm uẩn-quả dị thục của năm uẩn và chỉ có tùy miên vô ký tùy tăng thì kiến lập cõi Sắc, có nhân dị thục của bốn uẩn-quả dị thục của bốn uẩn và chỉ có tùy miên vô ký tùy tăng thì kiến lập cõi Vô sắc.

Lại nữa, nếu nơi nào có nhân dị thục của bốn uẩn đạt được một quả và tùy miên bất thiện-vô ký tùy tăng thì kiến lập cõi Dục, có nhân dị thục của năm uẩn đạt được một quả và chỉ có tùy miên vô ký tùy tăng thì kiến lập cõi Sắc, có nhân dị thục của bốn uẩn đạt được một quả và chỉ có tùy miên vô ký tùy tăng thì kiến lập cõi Vô sắc.

Lại nữa, nếu nơi nào có nhân dị thục của ba Thọ-quả dị thục của ba Thọ và tùy miên bất thiện-vô ký tùy tăng thì kiến lập cõi Dục, có nhân dị thục của hai Thọ-quả dị thục của hai Thọ và chỉ có tùy miên vô ký tùy tăng thì kiến lập cõi Sắc, có nhân dị thục của một Thọ-quả dị thục của một Thọ và chỉ có tùy miên vô ký tùy tăng thì kiến lập cõi Vô sắc.

Lại nữa, nếu nơi nào có nhân dị thục của bốn Thọ-quả dị thục của bốn Thọ và tùy miên bất thiện-vô ký tùy tăng thì kiến lập cõi Dục, có nhân dị thục của ba Thọ-quả dị thục của ba Thọ và chỉ có tùy miên vô ký tùy tăng thì kiến lập cõi Sắc, có nhân dị thục của một Thọ-quả dị thục của một Thọ và chỉ có tùy miên vô ký tùy tăng thì kiến lập cõi Vô sắc.

Lại nữa, nếu nơi nào có nhân dị thục của có Sắc-không có Sắc, quả dị thục của có Sắc-không có Sắc, và tùy miên bất thiện-vô ký tùy tăng thì kiến lập cõi Dục; có nhân dị thục của có Sắc-không có Sắc, quả dị thục của có Sắc-không có Sắc, và chỉ có tùy miên vô ký tùy tăng thì kiến lập cõi Sắc; có nhân dị thục của không có Sắc-quả dị thục của không có Sắc, và chỉ có tùy miên vô ký tùy tăng thì kiến lập cõi Vô sắc.

Như có Sắc-không có Sắc, như vậy có thấy-không có thấy, có đối-không có đối, nói cũng như vậy.

Hỏi: Đã nói về ba cõi thì sự an lập như thế nào, là trên dưới trùng điệp, hay là nối tiếp nhau theo chiều ngang? Nếu trên dưới trùng điệp, thì làm sao thi thiết lìa tất cả nhiễm của những nơi ấy, làm sao thần thông có

thể đến khắp những nơi ấy? Nếu nối tiếp nhau theo chiều ngang, thì Đà-la-đạt-đa đã nói nên hiểu thế nào? Như nói: "Vô biên thế giới ở phương dưới, vô biên thế giới ở phương trên."

Đáp: Trong này có người nói: Trên dưới trùng điệp, nghĩa là từ bầu hư không xa xăm ở phía dưới tầng Phong luân của cõi này, có cõi trời Sắc Cứu Cánh của phương dưới, dưới đó lần lượt chuyển tiếp cho đến tầng Phong luân, tiếp theo phía dưới lại có cõi trời Sắc Cứu Cánh, lần lượt chuyển tiếp hướng về phía dưới cho đến tầng Phong luân, như vậy thế giới phương dưới lần lượt chuyển tiếp cho đến vô biên. Lại từ bầu hư không xa xăm phía trên cõi trời Sắc Cứu Cánh của cõi này, có tầng Phong luân của phương trên, phía trên đó lần lượt chuyển tiếp cho đến cõi trời Sắc Cứu Cánh, tiếp theo phía trên lại có tầng Phong luân, lần lượt chuyển tiếp hướng lên phía trên cho đến cõi trời Sắc Cứu Cánh, như vậy thế giới phương trên lần lượt chuyển tiếp cho đến vô biên.

Hỏi: Nếu như vậy thì làm sao thi thiết lìa tất cả nhiễm của những nơi ấy, làm sao thần thông có thể đến khắp những nơi ấy?

Đáp: Nếu lúc có người lìa nhiễm của một cõi Dục, thì gọi là lìa nhiễm của tất cả cõi Dục, bởi vì giống nhau. Nhưng dựa vào Định thứ nhất mà phát khởi thần thông, thì chỉ có thể đi đến cõi Phạm Thế của một cõi Dục chứ không phải là nơi nào khác, bởi vì nơi chốn khác nhau. Như vậy, lìa nhiễm của cõi Sắc và dựa vào Định khác mà phát khởi thần thông, tùy theo thích hợp cũng như vậy.

Có Sư khác nói: Nối tiếp nhau theo chiều ngang.

Hỏi: Nếu như vậy thì Đà-la-đạt-đa đã nói nên hiểu thế nào?

Đáp: Điều ấy nên đưa ra cách nói này: Vô biên cõi Dục ở phương dưới, vô biên cõi Sắc ở phương trên.

Trong này, cõi Dục ở các nơi cùng chung một tùy miên, cõi Sắc- Vô sắc tùy theo địa sai biệt đều có tùy miên khác nhau.

Hỏi: Vì sao cõi Dục ở các nơi cùng chung một tùy miên, cõi Sắc- Vô sắc tùy theo địa sai biệt đều có tùy miên khác nhau?

Đáp: Cõi Dục là cõi không nhất định, không phải là địa của tu, không phải là địa của lìa nhiễm, phiền não trong cõi này như con ngựa không có cương, tự do rong ruổi tùy thích, cho nên tất cả mọi nơi cùng chung một tùy miên; cõi Sắc-Vô sắc là cõi nhất định, là địa của tu, là địa của lìa nhiễm, phiền não trong cõi này như con ngựa có cương, không tự do chuyển động, cho nên địa trên-địa dưới đều có tùy miên khác nhau.

Lại nữa, cõi Dục thì căn bất thiện mạnh mẽ mà căn thiện thì yếu kém,

cho nên tất cả mọi nơi cùng chung một tùy miên; cõi Sắc-Vô sắc thì không có căn bất thiện mà căn thiện thì mạnh mẽ, cho nên địa trên- địa dưới đều có tùy miên khác nhau.

Lại nữa, cõi Dục thì pháp bất thiện tăng lên mà pháp thiện thì sút giảm; cõi Sắc-Vô sắc thì không có pháp bất thiện mà pháp thiện thì tăng lên.

Lại nữa, cõi Dục thì pháp bất thiện như chủ mà căn thiện thì như khách; cõi Sắc-Vô sắc thì không có pháp bất thiện mà pháp thiện thì như chủ.

Lại nữa, cõi Dục có căn bất thiện có thể đoạn mất căn thiện; cõi Sắc-Vô sắc không có căn bất thiện có thể đoạn mất căn thiện.

Lại nữa, cõi Dục thì lễ nghi không có kiêng kỵ giống như vợ chồng, cho nên tất cả mọi nơi cùng chung một tùy miên; cõi Sắc-Vô sắc thì lễ nghi có ngăn cách giống như mẹ con, cho nên địa trên-địa dưới đều có tùy miên khác nhau.

Lại nữa, cõi Dục thì pháp thiện-oai nghi có xen tạp, giống như người dòng vua chúa và người dòng Chiên-đồ-la cùng giam một ngục, cho nên tất cả mọi nơi cùng chung một tùy miên; cõi Sắc-Vô sắc thì pháp thiện-oai nghi không có xen tạp, giống như người dòng vua chúa và người dòng Trưởng giả cùng giam một ngục, cho nên địa trên-địa dưới đều có tùy miên khác nhau.

Hỏi: Khoảng giữa ba cõi có vật ngăn cách hay không? Nếu có thì ở đó có hai vật, cõi sẽ trở thành năm; ngay khoảng giữa của năm lại có bốn vật, thì cõi sẽ trở thành chín; như vậy lần lượt chuyển tiếp thì trở thành vô cùng tận? Nếu không có thì làm sao ba cõi không hợp lại thành một?

Đáp: Nên nói là ở khoảng giữa của ba cõi lại không có vật gì ngăn cách.

Hỏi: Nếu như vậy thì ba cõi làm sao không hợp thành một?

Đáp: Ở khoảng giữa của ba cõi tuy không có vật gì ngăn cách mà không hợp thành một; như mười tám Giới-mười hai Xứ-năm Uẩn-ba đời-bốn đại chủng…, tuy không có vật ngăn cách mà không hợp thành một, ở đây cũng như vậy.

Lại nữa, bởi vì tánh tướng khác nhau, bởi vì vật loại khác nhau, cho nên tuy không có vật ngăn cách mà không hợp thành một.

Hỏi: Nếu như vậy thì trên là cõi trời Tha Hóa Tự Tại, dưới là Tĩnh lự thứ nhất, khoảng giữa xa xăm mù mịt, có vô lượng sắc của cõi hư không,

làm sao có thể biết phạm vi sai biệt đây là cõi Dục, đây là cõi Sắc?

Đáp: Vòng quanh phạm vi của hai cõi đều có màng lưới ánh sáng, phạm vi của hai ánh sáng thô thiển-vi tế không như nhau, vì vậy biết rõ ràng đây là cõi Dục, đây là cõi Sắc.

Lại nữa, nếu ở cõi Dục sinh ra đạt được Thiên nhãn, nơi đã có thể nhìn thấy là cõi Dục, nơi không có thể nhìn thấy là cõi Sắc.

Lại nữa, nếu ở cõi Dục sinh ra đạt được thần thông, nơi đã có thể đi đến là cõi Dục, nơi không có thể đi đến là cõi Sắc.

Lại nữa, nếu nơi nào do Ái của cõi Dục mà duyên vào là cõi Dục, do Ái của cõi Sắc mà duyên vào là cõi Sắc.

Đó gọi là phạm vi sai biệt của hai cõi.

Hỏi: Vì sao tùy miên không biến hành của cõi Dục, không tùy tăng khắp nơi đối với pháp của cõi Dục?

Đáp: Loại này sẽ trở thành biến hành, và bởi vì pháp ấy không phải là sở duyên của pháp này. Loại này sẽ trở thành biến hành, nghĩa là tùy miên không biến hành của cõi Dục này, nếu tùy tăng khắp nơi đối với pháp của cõi Dục, cũng sẽ thở thành biến hành, thì không có thể thi thiết về tướng dụng sai biệt của tùy miên biến hành và tùy miên không biến hành; và bởi vì pháp ấy không phải là sở duyên của pháp này, nghĩa là các pháp khác Bộ ấy không phải là sở duyên của tùy miên không biến hành này, bởi vì loại này chỉ dùng pháp thuộc Bộ mình làm sở duyên. Nguyên cớ thế nào? Bởi vì dựa vào thế lực của tùy miên không biến hành mà kiến lập các pháp thuộc năm Bộ có khác nhau, nếu tùy miên không biến hành cũng duyên với tất cả năm Bộ, thì sẽ tùy tăng khắp nơi đối với năm Bộ, như vậy sẽ làm cho năm Bộ trở thành tạp loạn, năm Bộ tạp loạn thì đối trị tạp loạn, đối trị tạp loạn thì Hiện quán tạp loạn, Hiện quán tạp loạn thì không có thể thi thiết sai biệt về biết khắp, sai biệt về quả Sa-môn. Muốn làm cho không có lỗi như vậy, vì thế cho nên tùy miên không biến hành của cõi Dục, không tùy tăng khắp nơi đối với pháp của cõi Dục.

Hỏi: Vì sao tùy miên không biến hành của cõi Sắc, không tùy tăng khắp nơi đối với pháp của cõi Sắc?

Đáp: Loại này sẽ trở thành biến hành, và bởi vì pháp ấy không phải là sở duyên của pháp này. Giải thích như trước.

Hỏi: Vì sao tùy miên không biến hành của cõi Vô sắc, không tùy tăng khắp nơi đối với pháp của cõi Vô sắc?

Đáp: Loại này sẽ trở thành biến hành, và bởi vì pháp ấy không phải

là sở duyên của pháp này. Giải thích như trước.

Nghĩa về nhân Biến hành nói rộng ra như phẩm luận về Trí trong chương Tạp Uẩn, và phẩm luận về Bất Thiện trong chương Kiết Uẩn.

Có mười Tưởng, đó là Tưởng về Vô thường cho đến Tưởng về Diệt, phần này như phẩm luận về Nhiếp trong chương Định Uẩn đã phân biệt rộng ra.

Nếu tu Tưởng về Vô thường thì lúc ấy tư duy Tưởng về Vô thường chăng? Cho đến nói rộng.

Tu có bốn loại, đó là tu đạt được-tu luyện tập-tu đối trị-tu loại bỏ. Nghĩa về bốn loại tu nói rộng ra như trong phẩm luận về Tha Tâm Trí ở chương Trí Uẩn.

Trong này có người nói: Chỉ dựa vào tu luyện tập mà soạn luận. Có người nói: Cùng dựa vào tu đạt được-tu luyện tập mà soạn luận.

Có những người muốn làm cho trong này chỉ dựa vào tu luyện tập mà soạn luận, họ nói nếu tu Tưởng về Vô thường, thì đó là Tưởng về Vô thường hiện rõ ở trước mắt; lúc ấy tư duy Tưởng về Vô thường, đó là dùng Tưởng về Vô thường làm sở duyên, tức là lúc Tưởng về Vô thường hiện rõ ở trước mắt duyên với nghĩa của Tưởng về Vô thường.

Hỏi: Nếu tu Tưởng về Vô thường thì lúc ấy tư duy Tưởng về Vô thường chăng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu phân biệt:

1. Có lúc tu Tưởng về Vô thường mà không tư duy Tưởng về Vô thường, đó là duyên với pháp khác mà tu Tưởng về Vô thường, như duyên với Sắc-Thọ-Hành-Thức uẩn, trừ ra Tưởng về Vô thường duyên với Tưởng uẩn khác khởi lên Tưởng về Vô thường.

Hỏi: Đây là nói đến phần vị nào?

Đáp: Ở phần vị Noãn-Đảnh tăng trưởng khởi lên Thân-Thọ-Tâm niệm trú thuộc hành tướng Vô thường, và Pháp niệm trú duyên với pháp khác.

Nếu lìa nhiễm cõi Dục cho đến Phi tưởng phi phi tưởng xứ, khởi lên Thân-Thọ-Tâm niệm trú thuộc hành tướng Vô thường, và Pháp niệm trú duyên với pháp khác làm gia hạnh, thì lúc ấy là đạo gia hạnh.

Nếu Tín thắng giải luyện căn làm Kiến chí, Thời giải thoát luyện căn làm Bất động, khởi lên Thân-Thọ-Tâm niệm trú thuộc hành tướng Vô thường, và Pháp niệm trú duyên với pháp khác làm gia hạnh, thì lúc ấy là đạo gia hạnh.

Nếu lúc khởi lên Thân-Thọ-Tâm niệm trú thuộc hành tướng Vô thường, và Pháp niệm trú duyên với pháp khác.

Nếu vẫn dùng Niệm trú loại này, lúc tu xen lẫn Tĩnh lự.

Có những người muốn làm cho tất cả các pháp đều là Thắng nghĩa, ngay lúc ấy khởi lên Nghĩa vô ngại giải thuộc Niệm trú loại này, và lúc khởi lên Biện vô ngại giải thuộc Niệm trú loại này, Nguyện trí-Định Biên tế-Vô sắc-Giải thoát, tiến vào Định Diệt tận, Tưởng-Tâm vi tế.

Những lúc như vậy, tu Tưởng về Vô thường, bởi vì Tưởng về Vô thường hiện rõ ở trước mắt; không tư duy Tưởng về Vô thường, bởi vì duyên với pháp khác.

2. Có lúc tư duy Tưởng về Vô thường mà không tu Tưởng về Vô thường, đó là duyên với Tưởng về Vô thường mà tu Tưởng khác.

Tưởng khác, đó là Tưởng về Vô thường-Khổ, Tưởng về Khổ-Vô ngã và Tưởng thiện-nhiễm-vô ký khác.

Trong này, Tưởng thiện đó là Tưởng thiện thuộc gia hạnh, và Tưởng thiện thuộc sinh đắc.

Tưởng thiện thuộc gia hạnh, đó là do Văn-Tư-Tu mà thành.

Do Văn mà thành, đó là duyên với Tưởng về Vô thường khởi lên hành tướng không phải là Vô thường, do Văn mà thành Tưởng.

Do Tư mà thành, đó là duyên với Tưởng về Vô thường khởi lên hành tướng không phải là Vô thường, do Tư mà thành Tưởng.

Do Tu mà thành, đó là duyên với Tưởng về Vô thường khởi lên hành tướng không phải là Vô thường, do Tu mà thành Tưởng.

Hỏi: Đây là nói đến phần vị nào?

Đáp: Ở phần vị Noãn-Đảnh-Nhẫn ban đầu và tăng trưởng, duyên với Tưởng về Vô thường, khởi lên Pháp niệm trú thuộc hành tướng không phải là Vô thường.

Nếu phần vị Thế đệ nhất pháp khởi lên Pháp niệm trú thuộc ba hành tướng.

Nếu đã tiến vào Chánh tánh ly sinh, Hiện quán về Khổ trong bốn tâm, khởi lên Pháp niệm trú thuộc ba hành tướng; Hiện quán về Tập- Đạo đều trong bốn tâm, khởi lên Pháp niệm trú thuộc bốn hành tướng. Nếu dùng Pháp niệm trú thuộc hành tướng không phải là Vô thường duyên với Tưởng về Vô thường, lìa nhiễm cõi Dục cho đến Phi tưởng phi phi tưởng xứ. Nếu vẫn dùng loại này làm gia hạnh, thì lúc ấy là tất cả đạo gia hạnh-vô gián-giải thoát.

Nếu dùng Pháp niệm trú thuộc hành tướng không phải là Vô thường duyên với Tưởng về Vô thường, Tín thắng giải luyện căn làm Kiến chí, Thời giải thoát luyện căn làm Bất động. Nếu vẫn dùng loại này làm gia hạnh, thì lúc ấy là tất cả đạo gia hạnh-vô gián-giải thoát.

Nếu dùng Pháp niệm trú thuộc hành tướng không phải là Vô thường duyên với Tưởng về Vô thường, lúc tu xen lẫn Tĩnh lự và lúc khởi lên Tha tâm trí thông-Túc trú tùy niệm trí thông, lúc khởi lên Pháp niệm trú thuộc hành tướng không phải là Vô thường duyên với Tưởng về Vô thường, lúc khởi lên bốn Vô lượng.

Có những người muốn làm cho tất cả các pháp đều là Thắng nghĩa, thì ngay lúc khởi lên Nghĩa vô ngại giải thuộc Pháp niệm trú loại này, và lúc khởi lên Biện vô ngại giải thuộc Pháp niệm trú loại này, Nguyện trí-Định Biên tế, Vô sắc-Giải thoát, Biến xứ của Không- Thức vô biên xứ, tiến vào Định Diệt tận, Tưởng-Tâm vi tế. Đây gọi là Tưởng thiện.

Tưởng nhiễm, đó là duyên với Tưởng về Vô thường, khởi lên Tát-ca-da kiến, chấp Ngã-Ngã sở; khởi lên Biên chấp kiến, chấp Đoạn-chấp Thường; khởi lên Tà kiến, chấp không có nhân-không có tạo tác và sút giảm; khởi lên Kiến thủ, chấp thượng diệu thù thắng bậc nhất; khởi lên Giới cấm thủ, chấp thanh tịnh giải thoát rời xa; khởi lên Nghi ngờ phân vân không quyết định; khởi lên Vô minh không có trí tuệ tối tăm ngu si; khởi lên Tham ưa thích vừa ý; khởi lên Sân không ưa thích-không vừa ý; khởi lên Mạn tự hào ngạo nghễ. Đây gọi là Tưởng nhiễm.

Tưởng vô ký, đó là duyên với Tưởng về Vô thường, khởi lên Tưởng không phải là như lý-không phải là không như lý. Đây gọi là Tưởng vô ký.

Những lúc như vậy, tư duy Tưởng về Vô thường, bởi vì duyên với Tưởng về Vô thường; không tu Tưởng về Vô thường, bởi vì khởi lên Tưởng khác.

3. Có lúc tu Tưởng về Vô thường mà cũng tư duy Tưởng về Vô thường, đó là duyên với Tưởng về Vô thường mà tu Tưởng về Vô thường, như lúc Tưởng về Vô thường trải qua thời gian dài nối tiếp nhau hiện rõ ở trước mắt, duyên với Tưởng về Vô thường trong sự nối tiếp nhau của mình ở quá khứ-vị lai, và trong sự nối tiếp của người khác ở ba đời.

Hỏi: Đây là nói đến phần vị nào?

Đáp: Ở phần vị Noãn-Đảnh-Nhẫn ban đầu và tăng trưởng, duyên với Tưởng về Vô thường, khởi lên Pháp niệm trú thuộc hành tướng Vô thường.

Nếu phần vị Thế đệ nhất pháp, khởi lên Pháp niệm trú thuộc hành tướng Vô thường.

Nếu đã tiến vào Chánh tánh ly sinh, Hiện quán về Khổ trong bốn tâm, khởi lên Pháp niệm trú thuộc hành tướng Vô thường.

Nếu dùng Pháp niệm trú thuộc hành tướng Vô thường duyên với Tưởng về Vô thường, lìa nhiễm cõi Dục cho đến Phi tưởng phi phi tưởng xứ. Nếu vẫn dùng loại này làm gia hạnh, thì lúc ấy là tất cả đạo gia hạnh-vô gián-giải thoát.

Nếu dùng Pháp niệm trú loại này, Tín thắng giải luyện căn làm Kiến chí, Thời giải thoát luyện căn làm Bất động. Nếu vẫn dùng loại này làm gia hạnh, thì lúc ấy là tất cả đạo gia hạnh-vô gián-giải thoát.

Nếu vẫn dùng Pháp niệm trú loại này, lúc tu xen lẫn Tĩnh lự.

Và có những người muốn làm cho tất cả các pháp đều là Thắng nghĩa, thì khởi lên Nghĩa vô ngại giải, và lúc khởi lên Nguyện trí-Định Biên tế-Vô sắc-Giải thoát, tiến vào Định Diệt tận, Tưởng-Tâm vi tế.

Có người nói: Và lúc khởi lên Tam-ma-địa Vô nguyện-Vô nguyện.

Những lúc như vậy, tu Tưởng về Vô thường, bởi vì Tưởng về Vô thường hiện rõ ở trước mắt; cũng tư duy Tưởng về Vô thường, bởi vì duyên với Tưởng về Vô thường.

4. Có lúc không tu Tưởng về Vô thường mà cũng không tư duy Tưởng về Vô thường, đó là trừ ra những tướng trước.

Hỏi: Đây là nói đến phần vị nào?

Đáp: Ở phần vị Noãn-Đảnh-Nhẫn ban đầu và phần vị Nhẫn tăng trưởng, khởi lên Pháp niệm trú duyên với Diệt đế.

Nếu phần vị Noãn-Đảnh tăng trưởng, không duyên với Tưởng về Vô thường khởi lên các Niệm trú thuộc hành tướng không phải là Vô thường.

Nếu đã tiến vào Chánh tánh ly sinh, Hiện quán về Diệt trong bốn tâm.

Nếu ở trong phần vị Tu-phần vị Vô học, lúc khởi lên tất cả Niệm trú thuộc hành tướng không phải là Vô thường không duyên với Tưởng về Vô thường.

Những lúc như vậy, không tu Tưởng về Vô thường, bởi vì Tưởng về Vô thường không hiện rõ trước mắt; cũng không tư duy Tưởng về Vô thường, bởi vì không duyên với Tưởng về Vô thường.

Các Sư ở ngoài nước Ca-thấp-di-la đưa ra cách nói như vậy: "Có lúc không tu Tưởng về Vô thường mà cũng không tư duy Tưởng về Vô thường, đó là duyên với pháp khác-tu về Tưởng khác; như duyên với Sắc-Thọ-Hành-Thức uẩn, trừ ra Tưởng về Vô thường, còn lại Tưởng uẩn khởi lên Tưởng khác, duyên với Vô vi khởi lên Tưởng khác."

Tưởng khác, đó là Tưởng về Vô thường-Khổ, Tưởng về Khổ-Vô ngã, và tất cả Tưởng khác không phải là Tưởng về Vô thường, nói rộng ra nên biết.

Như Tưởng về Vô thường, Tưởng về Vô thường-Khổ, Tưởng về Khổ-Vô ngã, cũng như vậy. Sai biệt là nói đến tên gọi của mình, và trong câu thứ ba đều trừ ra Vô nguyện-Vô nguyện.

Tưởng về Bất tịnh, Tưởng về Chán ăn, Tưởng về Tất cả thế gian không đáng vui, Tưởng về Chết, Tưởng về Đoạn, Tưởng về Lìa, Tưởng về Diệt, tùy theo thích hợp nên biết! Nghĩa là nếu tu Tưởng về Bất tịnh, thì lúc ấy không tư duy Tưởng về Bất tịnh, bởi vì lúc Tưởng về Bất tịnh hiện rõ ở trước mắt thì duyên với hình sắc hiển hiện; nếu tư duy Tưởng về Bất tịnh, thì lúc ấy không tu Tưởng về Bất tịnh, bởi vì lúc duyên với Tưởng về Bất tịnh thì Tưởng khác hiện rõ ở trước mắt. Tưởng khác, đó là Tưởng về Vô thường, Tưởng về Vô thường-Khổ, Tưởng về Khổ-Vô ngã, và Tưởng thiện-nhiễm-vô ký khác.

Như Tưởng về Bất tịnh, Tưởng về Chán ăn, Tưởng về Tất cả thế gian không đáng vui, Tưởng về Chết, Tưởng về Đoạn, Tưởng về Lìa, Tưởng về Diệt cũng như vậy. Sai biệt là nói đến sở duyên của mình, nghĩa là nếu tu Tưởng về Chán ăn, thì lúc ấy không tư duy Tưởng về Chán ăn, bởi vì lúc Tưởng ấy hiện rõ ở trước mắt thì duyên với Hương- Vị-Xúc; nếu tư duy Tưởng về Chán ăn, thì lúc ấy không tu Tưởng về Chán ăn, bởi vì lúc duyên với Tưởng ấy thì Tưởng khác hiện rõ ở trước mắt. Tưởng khác, nói như trước.

Nếu tu Tưởng về Tất cả thế gian không đáng vui, thì lúc ấy không tư duy Tưởng về Tất cả thế gian không đáng vui, bởi vì lúc Tưởng về Tất cả thế gian không đáng vui hiện rõ ở trước mắt thì duyên với các sự việc đáng yêu của thế gian; nếu tư duy Tưởng về Tất cả thế gian không đáng vui, thì lúc ấy không tu Tưởng về Tất cả thế gian không đáng vui, bởi vì lúc duyên với Tưởng về Tất cả thế gian không đáng vui thì Tưởng khác hiện rõ ở trước mắt. Tưởng khác, nói như trước.

Nếu tu Tưởng về Chết, thì lúc ấy không tư duy Tưởng về Chết, bởi vì lúc Tưởng về Chết hiện rõ ở trước mắt thì duyên với Mạng căn và tánh Vô thường câu sinh của Mạng căn; nếu tư duy Tưởng về Chết, thì lúc ấy không tu Tưởng về Chết, bởi vì lúc duyên với Tưởng về Chết thì Tưởng khác hiện rõ ở trước mắt. Tưởng khác, nói như trước.

Nếu tu Tưởng về Đoạn, thì lúc ấy không tư duy Tưởng về Đoạn, bởi vì lúc Tưởng về Đoạn hiện rõ ở trước mắt thì duyên với Niết-bàn; nếu tư

duy Tưởng về Đoạn, thì lúc ấy không tu Tưởng về Đoạn, bởi vì lúc duyên với Tưởng về Đoạn thì Tưởng khác hiện rõ ở trước mắt. Tưởng khác, nói như trước.

Như Tưởng về Đoạn, Tưởng về Lìa, Tưởng về Diệt cũng như vậy.

-oOo-

LUẬN A TỲ ĐẠT MA ĐẠI TỲ BÀ SA

QUYỂN 194

LUẬN VỀ TAM HỮU (Phần 3)

Có những người muốn làm cho trong này cùng dựa vào tu đạt được-tu luyện tập mà soạn luận, họ nói nếu tu Tưởng về Vô thường, thì đó là Tưởng về Vô thường nếu hiện rõ trước mắt hay là không hiện rõ trước mắt mà tu; lúc ấy tư duy Tưởng về Vô thường, đó là dùng Tưởng về Vô thường làm sở duyên, tức là Tưởng về Vô thường, lúc tu thì duyên với nghĩa của Tưởng về Vô thường.

Hỏi: Nếu tu Tưởng về Vô thường thì lúc ấy tư duy Tưởng về Vô thường chăng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu phân biệt:

1. Có lúc tu Tưởng về Vô thường mà không tư duy Tưởng về Vô thường, đó là duyên với pháp khác mà tu Tưởng về Vô thường, như duyên với Sắc-Thọ-Hành-Thức uẩn, trừ ra Tưởng về Vô thường, còn lại Tưởng uẩn tu Tưởng về Vô thường, duyên với Vô vi tu Tưởng về Vô thường.

Hỏi: Đây là nói đến phần vị nào?

Đáp: Ở phần vị Noãn-Đảnh tăng trưởng khởi lên Thân-Thọ-Tâm niệm trú, và Pháp niệm trú duyên với pháp khác.

Nếu phần vị Đảnh-Nhẫn ban đầu và phần vị Nhẫn tăng trưởng, khởi lên Pháp niệm trú duyên với Diệt đế.

Nếu dùng Diệt trí lìa nhiễm cõi Dục cho đến Vô sở hữu xứ, dùng Thân-Thọ-Tâm niệm trú, và Pháp niệm trú duyên với pháp khác làm gia hạnh, thì lúc ấy là tất cả đạo gia hạnh-vô gián-giải thoát.

Lìa nhiễm của Phi tưởng phi phi tưởng xứ, nói cũng như vậy, chỉ trừ ra lúc đạo giải thoát thứ chín.

Nếu dùng Pháp niệm trú duyên với Diệt đế, Tín thắng giải luyện căn làm Kiến chí, nếu dùng Thân-Thọ-Tâm niệm trú, và Pháp niệm trú duyên với pháp khác làm gia hạnh, thì lúc ấy là đạo gia hạnh-vô gián- giải thoát.

Vô học luyện căn, nói cũng như vậy, chỉ trừ ra đạo giải thoát thứ chín.

Nếu dùng Thân-Thọ-Tâm niệm trú, và Pháp niệm trú duyên với pháp khác, lúc tu xen lẫn Tĩnh lự.

Nếu lúc dẫn dắt phát khởi Thần cảnh Thiên nhãn-Thiên nhĩ thông.

Nếu dùng Thọ-Tâm niệm trú, và Pháp niệm trú duyên với pháp khác, lúc khởi lên Tha tâm trí thông.

Nếu lúc khởi lên quán Bất tịnh-Trì tức niệm, ba Giải thoát đầu, tám Thắng xứ, tám Biến xứ trước, Pháp-Từ vô ngại giải; lúc khởi lên Vô tranh, Không Không, Vô nguyện Vô nguyện, Vô tướng Vô tướng.

Có người nói: Trừ ra lúc khởi lên Vô nguyện Vô nguyện.

Lúc khởi lên Thân-Thọ-Tâm niệm trú, và Pháp niệm trú duyên với pháp khác.

Có những người muốn làm cho tất cả các pháp đều là Thắng nghĩa, thì khởi lên Thân-Thọ-Tâm niệm trú, và Nghĩa vô ngại giải thuộc Pháp niệm trú duyên với pháp khác; và có người muốn làm cho chỉ riêng Niết-bàn là Thắng nghĩa, thì lúc khởi lên Nghĩa vô ngại giải, khởi lên Thân-Thọ-Tâm niệm trú, và Biện vô ngại giải thuộc Pháp niệm trú duyên với pháp khác, Nguyện trí-Định Biên tế-Vô sắc-Giải thoát, tiến vào Định Diệt tận, Tưởng-Tâm vi tế.

Những lúc như vậy, tu Tưởng về Vô thường, không tư duy Tưởng về Vô thường.

2. Có lúc tư duy Tưởng về Vô thường mà không tu Tưởng về Vô thường, đó là duyên với Tưởng về Vô thường mà tu Tưởng khác.

Tưởng khác, đó là Tưởng về Vô thường-Khổ, Tưởng về Khổ-Vô ngã và Tưởng thiện-nhiễm-vô ký khác.

Trong này, Tưởng thiện đó là Tưởng thiện thuộc gia hạnh, và Tưởng thiện thuộc sinh đắc.

Tưởng thiện thuộc gia hạnh, đó là do Văn-Tư-Tu mà thành. Do Văn mà thành và do Tư mà thành, nói như trước.

Do Tu mà thành, đó là duyên với Tưởng về Vô thường khởi lên hành tướng không phải là Vô thường, do Tu mà thành Tưởng nhưng không tu Tưởng về Vô thường.

Hỏi: Đây là nói đến phần vị nào?

Đáp: Ở phần vị Noãn ban đầu, lúc duyên với Tập-Đạo đế.

Nếu phần vị Thế đệ nhất pháp khởi lên Pháp niệm trú thuộc ba hành tướng.

Nếu đã tiến vào Chánh tánh ly sinh, Hiện quán về Tập trong bốn tâm,

Hiện quán về Đạo trong ba tâm.

Nếu dị sinh lìa nhiễm của cõi Dục cho đến Vô sở hữu xứ, nếu dùng Pháp niệm trú duyên với Tưởng về Vô thường làm gia hạnh, thì lúc ấy là tất cả đạo gia hạnh-vô gián-giải thoát.

Ngay lúc dị sinh dẫn dắt phát khởi Tha tâm trí thông-Túc trú tùy niệm trí thông và Pháp niệm trú duyên với Tưởng về Vô thường.

Ngay lúc dị sinh khởi lên bốn Vô lượng và Pháp niệm trú duyên với Tưởng về Vô thường.

Ngay lúc dị sinh khởi lên Pháp niệm trú duyên với Tưởng về Vô thường, Giải thoát của Vô sắc, và lúc khởi lên Biến xứ của Không-Thức vô biên xứ. Đây gọi là Tưởng thiện.

Tưởng nhiễm và Tưởng vô ký, nói như trước.

Những lúc như vậy, tư duy Tưởng về Vô thường mà không tu Tưởng về Vô thường.

3. Có lúc tu Tưởng về Vô thường mà cũng tư duy Tưởng về Vô thường, đó là duyên với Tưởng về Vô thường mà tu Tưởng về Vô thường, như lúc Tưởng về Vô thường trải qua thời gian dài nối tiếp nhau hiện rõ ở trước mắt, duyên với Tưởng về Vô thường trong sự nối tiếp nhau của mình ở quá khứ-vị lai, và trong sự nối tiếp của người khác ở ba đời.

Hỏi: Đây là nói đến phần vị nào?

Đáp: Đây là nói ở phần vị Noãn ban đầu, khởi lên Pháp niệm trú duyên với Khổ đế; phần vị Noãn-Đảnh tăng trưởng, khởi lên Pháp niệm trú duyên với Tưởng về Vô thường; phần vị Đảnh-Nhẫn ban đầu và phần vị Nhẫn tăng trưởng, khởi lên Pháp niệm trú duyên với ba Đế.

Nếu khởi lên Thế đệ nhất pháp.

Nếu đã tiến vào Chánh tánh ly sinh, Hiện quán về Khổ trong bốn tâm, và lúc Đạo loại trí hiện khởi.

Nếu dùng Pháp niệm trú duyên với Tưởng về Vô thường, lìa nhiễm cõi Dục cho đến Phi tưởng phi phi tưởng xứ. Nếu vẫn dùng loại này làm gia hạnh, thì lúc ấy là tất cả đạo gia hạnh-vô gián-giải thoát.

Nếu dùng Pháp niệm trú duyên với Tưởng về Vô thường, Tín thắng giải luyện căn làm Kiến chí, Thời giải thoát luyện căn làm Bất động. Nếu vẫn dùng loại này làm gia hạnh, thì lúc ấy là tất cả đạo gia hạnh-vô gián-giải thoát.

Nếu dùng Pháp niệm trú duyên với Tưởng về Vô thường, lúc tu xen lẫn Tĩnh lự; nếu lúc khởi lên Tha tâm trí thông-Túc trú tùy niệm trí thông

duyên với Tưởng về Vô thường, lúc khởi lên bốn Vô lượng.

Có những người muốn làm cho tất cả các pháp đều là Thắng nghĩa, thì lúc khởi lên Nghĩa vô ngại giải duyên với Tưởng về Vô thường, và Biện vô ngại giải, Nguyện trí-Định Biên tế-Vô sắc-Giải thoát, tiến vào Định Diệt tận, Tưởng-Tâm vi tế; lúc khởi lên Biến xứ của Không-Thức vô biên xứ.

Có người nói: Và lúc khởi lên Tam-ma-địa Vô nguyện-Vô nguyện.

Những lúc như vậy, tu Tưởng về Vô thường, cũng tư duy Tưởng về Vô thường.

4. Có lúc không tu Tưởng về Vô thường mà cũng không tư duy Tưởng về Vô thường, đó là trừ ra những tướng trước.

Hỏi: Đây là nói đến phần vị nào?

Đáp: Đây là nói ở phần vị Noãn ban đầu, lúc khởi lên Pháp niệm trú duyên với Diệt đế.

Nếu đã tiến vào Chánh tánh ly sinh, Hiện quán về Diệt trong bốn tâm, và tất cả phần vị khác không duyên với Tưởng về Vô thường, cũng không tu Tưởng về Vô thường.

Như sự thích hợp ấy đều cần phải biết! Các Sư nước ngoài tụng, cũng như trước nên biết.

Như Tưởng về Vô thường, Tưởng về Vô thường-Khổ, Tưởng về Khổ-Vô ngã, cũng như vậy. Sai biệt là nói đến tên gọi của mình, và trong câu thứ ba trừ ra có người nói Vô nguyện-Vô nguyện.

Tưởng về Bất tịnh, Tưởng về Chán ăn, Tưởng về Tất cả thế gian không đáng vui, Tưởng về Chết, Tưởng về Đoạn, Tưởng về Lìa, Tưởng về Diệt, tùy theo thích hợp nên biết!

Nghĩa là Tưởng về Bất tịnh… cũng nên làm thành bốn câu phân biệt.

Nhưng mà có sai biệt, đó là Hỏi: Nếu tu Tưởng về Bất tịnh thì lúc ấy tư duy Tưởng về Bất tịnh chăng? Đáp: Nên làm thành bốn câu phân biệt:

1. Có lúc tu Tưởng về Bất tịnh mà lúc ấy không tư duy Tưởng về Bất tịnh, đó là duyên với pháp khác mà tu Tưởng về Bất tịnh.

Hỏi: Đây là nói đến phần vị nào?

Đáp: Đây là nói nếu dùng Diệt-Đạo trí, lìa nhiễm của cõi Dục cho đến lìa nhiễm của Tĩnh lự thứ hai, nếu dùng Thân-Thọ-Tâm niệm trú và Pháp niệm trú duyên với pháp khác làm gia hạnh, thì lúc ấy là tất cả đạo gia hạnh và đạo giải thoát cuối cùng.

Có người nói: Lúc ấy là tất cả đạo giải thoát.

Nếu dựa vào Định Hữu sắc, lìa nhiễm của Tĩnh lự thứ tư cho đến

nhiễm của Phi tưởng phi phi tưởng xứ, nếu dùng Thân-Thọ-Tâm niệm trú và Pháp niệm trú duyên với pháp khác làm gia hạnh, thì lúc ấy là tất cả đạo gia hạnh.

Nếu sinh ở cõi Dục-Sắc đạt được quả A-la-hán, thì cuối cùng là đạo giải thoát.

Nếu dùng Diệt-Đạo trí, Tín thắng giải luyện căn làm Kiến chí, dùng Thân-Thọ-Tâm niệm trú và Pháp niệm trú duyên với pháp khác làm gia hạnh, thì lúc ấy là tất cả đạo gia hạnh; đạo giải thoát thì không nhất định, nói như trước.

Thời giải thoát luyện căn làm Bất động, nếu dựa vào Định Hữu sắc, dùng Thân-Thọ-Tâm niệm trú và Pháp niệm trú duyên với pháp khác làm gia hạnh, thì lúc ấy là đạo gia hạnh và đạo giải thoát cuối cùng.

Nếu dùng Thân-Thọ-Tâm niệm trú và Pháp niệm trú duyên với pháp khác, lúc tu xen lẫn Tĩnh lự; nếu dẫn dắt phát khởi Thần cảnh- Thiên nhãn- Thiên nhĩ-Tha tâm trí thông, thì lúc ấy là bốn đạo vô gián- một đạo giải thoát, và Tha tâm trí thông duyên với pháp khác thì lúc ấy là đạo giải thoát.

Nếu lúc khởi lên quán Bất tịnh-Trì tức niệm, ba Giải thoát đầu- tám Thắng xứ, tám Biến xứ trước, Pháp-Từ vô ngại giải.

Nếu dựa vào Định Hữu sắc, lúc khởi lên Thân-Thọ-Tâm niệm trú và Pháp niệm trú duyên với pháp khác.

Có những người muốn làm cho tất cả các pháp đều là Thắng nghĩa, thì dựa vào Định Hữu sắc khởi lên Thân-Thọ-Tâm niệm trú, và Nghĩa vô ngại giải thuộc Pháp niệm trú duyên với pháp khác; và có người muốn làm cho chỉ riêng Niết-bàn là Thắng nghĩa, thì lúc khởi lên Nghĩa vô ngại giải, nếu dựa vào Định Hữu sắc khởi lên Biện vô ngại giải, và khởi lên Thân-Thọ-Tâm niệm trú và Pháp niệm trú duyên với pháp khác, Nguyện trí-Định Biên tế.

Nếu lúc khởi lên Vô tranh, nếu dựa vào Định Hữu sắc, lúc khởi lên Không Không, Vô nguyện Vô nguyện, Vô tướng Vô tướng.

Những lúc như vậy, tu Tưởng về Bất tịnh, không tư duy Tưởng về Bất tịnh.

2. Có lúc tư duy Tưởng về Bất tịnh mà không tu Tưởng về Bất tịnh, đó là duyên với Tưởng về Bất tịnh mà tu Tưởng khác.

Tưởng khác, đó là Tưởng về Vô thường, Tưởng về Vô thường- Khổ, Tưởng về Khổ-Vô ngã và Tưởng thiện-nhiễm-vô ký khác.

Trong này, Tưởng thiện đó là Tưởng thiện thuộc gia hạnh, và Tưởng

thiện thuộc sinh đắc.

Tưởng thiện thuộc gia hạnh, đó là do Văn-Tư-Tu mà thành.

Do Văn mà thành, đó là duyên với Tưởng về Bất tịnh, khởi lên Tưởng do Văn mà thành.

Do Tư mà thành, đó là duyên với Tưởng về Bất tịnh, khởi lên Tưởng do Tư mà thành.

Do Tu mà thành, đó là duyên với Tưởng về Bất tịnh, khởi lên Tưởng do Tu mà thành, nhưng không tu Tưởng về Bất tịnh.

Hỏi: Đây là nói đến phần vị nào?

Đáp: Đây là nói ở phần vị Noãn-Đảnh-Nhẫn ban đầu và phần vị Nhẫn tăng trưởng duyên với Khổ-Tập đế, phần vị Noãn-Đảnh khởi lên Pháp niệm trú duyên với Tưởng về Bất tịnh.

Nếu khởi lên Thế đệ nhất pháp.

Nếu đã tiến vào Chánh tánh ly sinh, Hiện quán về Khổ-Tập đều trong bốn tâm.

Nếu dùng đạo thế tục, hoặc là Khổ-Tập trí, lìa nhiễm của cõi Dục cho đến nhiễm của Tĩnh lự thứ ba, thì lúc ấy là tất cả chín đạo vô gián- tám đạo giải thoát.

Có người nói: Lúc ấy chỉ là đạo vô gián.

Nếu dùng đạo thế tục lìa nhiễm của Tĩnh lự thứ tư, dùng Pháp niệm trú duyên với Tưởng về Bất tịnh thuộc Cận phần của Không vô biên xứ làm gia hạnh, thì lúc ấy là tất cả đạo gia hạnh-vô gián.

Nếu dùng Khổ-Tập trí lìa nhiễm của Tĩnh lự thứ tư, thì lúc ấy là chín đạo vô gián-chín đạo giải thoát.

Nếu dùng Khổ-Tập trí, Tín thắng giải luyện căn làm Kiến chí, thì lúc ấy là đạo vô gián; đạo giải thoát thì không nhất định, nói như trước.

Nếu dựa vào Cận phần của Không vô biên xứ, lúc khởi lên Pháp niệm trú duyên với Tưởng về Bất tịnh. Đây gọi là Tưởng thiện.

Tưởng nhiễm và Tưởng vô ký, nói như trước. Sai biệt là duyên với Tưởng về Bất tịnh.

Những lúc như vậy, tư duy Tưởng về Bất tịnh mà không tu Tưởng về Bất tịnh.

3. Có lúc tu Tưởng về Bất tịnh mà cũng tư duy Tưởng về Bất tịnh, đó là duyên với Tưởng về Bất tịnh mà tu Tưởng về Bất tịnh.

Hỏi: Đây là nói đến phần vị nào?

Đáp: Đây là nói nếu dùng đạo thế tục, hoặc là Khổ-Tập trí, lìa nhiễm của cõi Dục cho đến lìa nhiễm của Tĩnh lự thứ ba, dùng Pháp niệm trú duyên với Tưởng về Bất tịnh làm gia hạnh, thì lúc ấy là tất cả đạo gia hạnh và đạo giải thoát cuối cùng.

Có người nói: Và lúc ấy là tất cả đạo giải thoát.

Nếu dựa vào Định Hữu sắc, lìa nhiễm của Tĩnh lự thứ tư cho đến nhiễm của Phi tưởng phi phi tưởng xứ, nếu vẫn dựa vào Định này dùng Pháp niệm trú duyên với Tưởng về Bất tịnh làm gia hạnh, thì lúc ấy là tất cả đạo gia hạnh.

Nếu dùng Pháp niệm trú duyên với Khổ-Tập đế, Tín thắng giải luyện căn làm Kiến chí, dùng Pháp niệm trú duyên với Tưởng về Bất tịnh làm gia hạnh, thì lúc ấy là đạo gia hạnh; đạo giải thoát thì không nhất định, nói như trước.

Nếu dựa vào Định Hữu sắc, Thời giải thoát luyện căn làm Bất động, dùng Pháp niệm trú duyên với Tưởng về Bất tịnh làm gia hạnh, thì lúc ấy là đạo gia hạnh.

Nếu dùng Pháp niệm trú duyên với Tưởng về Bất tịnh, lúc tu xen lẫn Tĩnh lự; nếu lúc khởi lên Tha tâm trí thông duyên với Tưởng về Bất tịnh; nếu khởi lên Túc trú tùy niệm trí thông; nếu lúc khởi lên bốn Vô lượng.

Nếu dựa vào Định Hữu sắc, lúc khởi lên Pháp niệm trú duyên với Tưởng về Bất tịnh.

Có những người muốn làm cho tất cả các pháp đều là Thắng nghĩa, thì dựa vào Định Hữu sắc lúc khởi lên Nghĩa vô ngại giải thuộc Pháp niệm trú duyên với Tưởng về Bất tịnh; nếu lúc khởi lên Nguyện trí-Định Biên tế duyên với Tưởng về Bất tịnh.

Những lúc như vậy, tu Tưởng về Bất tịnh, cũng tư duy Tưởng về Bất tịnh.

4. Có lúc không tu Tưởng về Bất tịnh mà cũng không tư duy Tưởng về Bất tịnh, đó là trừ ra những tướng trước.

Hỏi: Đây là nói đến phần vị nào?

Đáp: Đây là nói ở phần vị Noãn-Đảnh-Nhẫn ban đầu, và phần vị Nhẫn tăng trưởng, khởi lên Pháp niệm trú duyên với Diệt-Đạo đế; nếu phần vị Noãn-Đảnh tăng trưởng, khởi lên Thân-Thọ-Tâm niệm trú, và Pháp niệm trú duyên với pháp khác.

Nếu đã tiến vào Chánh tánh ly sinh, Hiện quán về Diệt-Đạo đều trong bốn tâm.

Nếu dùng Diệt-Đạo trí, lìa nhiễm của cõi Dục cho đến nhiễm của Tĩnh lự thứ ba, thì lúc ấy là tất cả chín đạo vô gián-tám đạo giải thoát.

Có người nói: Lúc ấy chỉ là đạo vô gián.

Nếu dùng Diệt-Đạo trí, lìa nhiễm của Tĩnh lự thứ tư, thì lúc ấy là chín đạo vô gián-chín đạo giải thoát.

Nếu dùng đạo thế tục, lìa nhiễm của Tĩnh lự thứ tư, vẫn dựa vào Cận phần của Không vô biên xứ, dùng Thân-Thọ-Tâm niệm trú, và Pháp niệm trú duyên với pháp khác làm gia hạnh, thì lúc ấy là đạo gia hạnh-chín đạo giải thoát.

Nếu dựa vào Định Hữu sắc, lìa nhiễm của Không vô biên xứ cho đến nhiễm của Phi tưởng phi phi tưởng xứ, thì lúc ấy là tất cả đạo vô gián-giải thoát; chỉ trừ lúc lìa nhiễm của Phi tưởng phi phi tưởng xứ, là đạo giải thoát cuối cùng.

Nếu dựa vào Định Vô sắc, lìa nhiễm của Không vô biên xứ, dùng Thân-Thọ-Tâm niệm trú, và Pháp niệm trú duyên với pháp khác làm gia hạnh, thì lúc ấy là tất cả đạo gia hạnh-vô gián-giải thoát.

Nếu dựa vào Định Vô sắc, lìa nhiễm của ba Vô sắc trên, thì lúc ấy là tất cả đạo gia hạnh-vô gián-giải thoát; chỉ trừ ra lúc sinh ở cõi Dục-Sắc lìa nhiễm của Phi tưởng phi phi tưởng xứ, là đạo giải thoát cuối cùng.

Nếu dùng Pháp niệm trú duyên với Diệt-Đạo đế, Tín thắng giải luyện căn làm Kiến chí, thì lúc ấy là đạo vô gián; đạo giải thoát thì không nhất định, nói như trước.

Thời giải thoát luyện căn làm Bất động, nếu dựa vào Định Vô sắc, dùng Thân-Thọ-Tâm niệm trú, và Pháp niệm trú duyên với pháp khác làm gia hạnh, thì lúc ấy là tất cả đạo gia hạnh-vô gián-giải thoát; chỉ trừ ra đạo giải thoát cuối cùng.

Nếu lúc khởi lên Vô sắc-Giải thoát, hai Biến xứ sau.

Nếu dựa vào Định Vô sắc, lúc khởi lên Thân-Thọ-Tâm niệm trú, và Pháp niệm trú duyên với pháp khác.

Nếu dựa vào Định Vô sắc, lúc khởi lên Nghĩa vô ngại giải-Biện vô ngại giải, Không Không, Vô nguyện Vô nguyện, Vô tướng Vô tướng, và lúc khởi lên Tưởng-Tâm vi tế, tiến vào Định Diệt tận. Phần vị thiện như vậy.

Nếu phần vị nhiễm ô và vô ký thì không duyên với Tưởng về Bất tịnh, cùng với tất cả phần vị không có tâm.

Những lúc như vậy, không tu Tưởng về Bất tịnh, cũng không tư duy

Tưởng về Bất tịnh.

Như Tưởng về Bất tịnh, Tưởng về Chán ăn cho đến Tưởng về Diệt cũng như vậy, đều làm thành bốn câu phân biệt, trong đó sai biệt như lý cần phải suy nghĩ!

Hỏi: Nếu khởi lên Tầm dục, thì lúc ấy tư duy về Tầm dục chăng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu phân biệt:

1. Có lúc khởi lên Tầm dục mà không tư duy về Tầm dục, đó là duyên với pháp khác mà khởi lên Tầm dục; như duyên với Sắc-Thọ- Tưởng-Thức uẩn, trừ ra Tầm dục, còn lại Hành uẩn khởi lên Tầm dục. Đó gọi là khởi lên Tầm dục mà không tư duy về Tầm dục, bởi vì duyên với pháp khác.

2. Có lúc tư duy về Tầm dục mà không khởi lên Tầm dục, đó là duyên với Tầm dục mà khởi lên Tầm khác.

Ở đây có ba loại, đó là thiện-nhiễm-vô ký.

Thiện, đó là thiện thuộc gia hạnh và thiện thuộc sinh đắc. Trong thiện thuộc gia hạnh bao gồm do Văn-Tư-Tu mà thành.

Do Văn mà thành, đó là duyên với Tầm dục khởi lên do Văn mà thành.

Do Tư mà thành, đó là duyên với Tầm dục khởi lên do Tư mà thành.

Do Tu mà thành, đó là duyên với Tầm dục khởi lên do Tu mà thành.

Hỏi: Đây là nói đến phần vị nào?

Đáp: Đây là nói ở phần vị Noãn-Đảnh-Nhẫn ban đầu và phần vị Nhẫn tăng trưởng, khởi lên Pháp niệm trú duyên với cõi Dục; nếu phần vị Noãn-Đảnh tăng trưởng, khởi lên Pháp niệm trú duyên với cõi Dục.

Nếu khởi lên Thế đệ nhất pháp.

Nếu đã tiến vào Chánh tánh ly sinh, Hiện quán về Khổ trong hai tâm, đó là Khổ pháp trí nhẫn và Khổ pháp trí; Hiện quán về Tập trong hai tâm, đó là Tập pháp trí nhẫn và Tập pháp trí.

Nếu dùng Khổ-Tập trí, lìa nhiễm của cõi Dục, dùng Pháp niệm trú duyên với Tầm dục làm gia hạnh, thì lúc ấy là đạo gia hạnh-chín đạo vô gián-chín đạo giải thoát.

Nếu dùng Thế tục trí, lìa nhiễm của cõi Dục, dùng Pháp niệm trú duyên với Tầm dục làm gia hạnh, thì lúc ấy là đạo gia hạnh-chín đạo vô gián.

Nếu dựa vào Định Vị chí để lìa nhiễm của Tĩnh lự thứ nhất cho đến nhiễm của Phi tưởng phi phi tưởng xứ, dùng Pháp niệm trú duyên với Tầm dục làm gia hạnh, thì lúc ấy là tất cả đạo gia hạnh; cho đến nếu dựa vào

Tĩnh lự thứ tư để lìa nhiễm của Tĩnh lự thứ nhất cho đến nhiễm của Phi tưởng phi phi tưởng xứ, dùng Pháp niệm trú duyên với Tầm dục làm gia hạnh, thì lúc ấy là tất cả đạo gia hạnh.

Nếu dùng Khổ-Tập pháp trí, Tín thắng giải luyện căn làm Kiến chí, dùng Pháp niệm trú duyên với Tầm dục làm gia hạnh, thì lúc ấy là đạo gia hạnh-vô gián-giải thoát.

Nếu Thời giải thoát luyện căn làm Bất động, nếu dùng Pháp niệm trú duyên với Tầm dục làm gia hạnh, thì lúc ấy là đạo gia hạnh.

Nếu dùng Pháp niệm trú duyên với Tầm dục, lúc tu xen lẫn Tĩnh lự, lúc khởi lên Tha tâm trí thông duyên với Tầm dục, lúc khởi lên Túc trú tùy niệm trí thông duyên với cõi Dục, lúc khởi lên bốn Vô lượng, lúc khởi lên Pháp niệm trú duyên với Tầm dục.

Có những người muốn làm cho tất cả các pháp đều là Thắng nghĩa, lúc khởi lên Nghĩa vô ngại giải thuộc Pháp niệm trú duyên với Tầm dục.

Nếu lúc khởi lên Vô tranh-Nguyện trí-Định Biên tế thuộc Pháp niệm trú duyên với Tầm dục. Đây gọi là thiện.

Nhiễm ô, đó là duyên với Tầm dục mà khởi lên Tát-ca-da kiến, chấp Ngã-Ngã sở; nói rộng ra như trước.

Vô ký, đó là duyên với Tầm dục mà khởi lên tác ý không phải là như lý, không phải là không như lý.

Những lúc như vậy, tư duy về Tầm dục mà không khởi lên Tầm dục.

3. Có lúc khởi lên Tầm dục mà cũng tư duy về Tầm dục, đó là duyên với Tầm dục mà khởi lên Tầm dục; như lúc Tầm dục trải qua thời gian dài nối tiếp nhau hiện rõ ở trước mắt, duyên với Tầm dục trong sự nối tiếp nhau của mình ở quá khứ-vị lai, và trong sự nối tiếp của người khác ở ba đời.

4. Có lúc không khởi lên Tầm dục mà cũng không tư duy về Tầm dục, đó là trừ ra những tướng trước.

Sư nước ngoài tụng: "Đó là duyên với pháp khác mà khởi lên Tầm khác."

Trong này, như duyên với Sắc-Thọ-Tưởng-Thức uẩn, trừ ra Tầm dục, còn lại Hành uẩn khởi lên Tầm dục; duyên với Vô vi mà khởi lên các Tầm, và còn lại tất cả các phần vị không khởi lên Tầm dục, không tư duy về Tầm dục.

Như Tầm dục, Tầm nhuế-Tầm hại cũng như vậy, sai biệt là nói đến tên gọi của mình.

Hỏi: Nếu khởi lên Tầm xuất ly, thì lúc ấy tư duy về Tầm xuất ly

chăng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu phân biệt:

1. Có lúc khởi lên Tầm xuất ly mà không tư duy về Tầm xuất ly, đó là duyên với pháp khác mà khởi lên Tầm xuất ly; như duyên với Sắc-Thọ-Tưởng-Thức uẩn, trừ ra Tầm xuất ly, còn lại Hành uẩn khởi lên Tầm xuất ly; duyên với Vô vi mà khởi lên Tầm xuất ly.

Hỏi: Đây là nói đến phần vị nào?

Đáp: Đây là nói dựa vào Vị chí-Tĩnh lự thứ nhất, phần vị Noãn-Đảnh-Nhẫn ban đầu và phần vị Nhẫn tăng trưởng, khởi lên Pháp niệm trú duyên với Diệt đế.

Nếu phần vị Noãn-Đảnh tăng trưởng, khởi lên Thân-Thọ-Tâm niệm trú, và Pháp niệm trú duyên với pháp khác.

Nếu đã tiến vào Chánh tánh ly sinh, Hiện quán về Diệt trong bốn tâm.

Nếu dựa vào Định Vị chí, dùng Diệt trí lìa nhiễm của cõi Dục và nhiễm của Tĩnh lự thứ nhất; và dựa vào Tĩnh lự thứ nhất, dùng Diệt trí lìa nhiễm của Tĩnh lự thứ nhất. Nếu dùng Thân-Thọ-Tâm niệm trú, và Pháp niệm trú duyên với pháp khác làm gia hạnh, thì lúc ấy là tất cả đạo gia hạnh-vô gián-giải thoát.

Vẫn dựa vào hai địa này, dùng Khổ-Tập-Diệt trí lìa nhiễm của Tĩnh lự thứ hai cho đến nhiễm của Phi tưởng phi phi tưởng xứ. Nếu dùng Thân-Thọ-Tâm niệm trú, và Pháp niệm trú duyên với pháp khác làm gia hạnh, thì lúc ấy là tất cả đạo gia hạnh-vô gián-giải thoát.

Vẫn dựa vào địa ấy, dùng Diệt trí, Tín thắng giải luyện căn làm Kiến chí, nếu dùng Thân-Thọ-Tâm niệm trú, và Pháp niệm trú duyên với pháp khác làm gia hạnh, thì lúc ấy là đạo gia hạnh-vô gián-giải thoát.

Vẫn dựa vào địa ấy, dùng Khổ-Tập-Diệt trí, Thời giải thoát luyện căn làm Bất động, nếu dùng Thân-Thọ-Tâm niệm trú, và Pháp niệm trú duyên với pháp khác làm gia hạnh, thì lúc ấy là tất cả đạo gia hạnh-vô gián-giải thoát.

Nếu dùng Thân-Thọ-Tâm niệm trú, và Pháp niệm trú duyên với pháp khác, lúc tu xen lẫn Tĩnh lự thứ nhất, nếu dựa vào Tĩnh lự thứ nhất dẫn dắt phát khởi Thần cảnh-Thiên nhãn-Thiên nhĩ-Tha tâm trí thông, thì lúc ấy là bốn đạo vô gián-một đạo giải thoát, và lúc Tha tâm trí thông duyên với pháp khác là đạo giải thoát.

Nếu dựa vào Định Vị chí, lúc khởi lên Trì tức niệm.

Nếu dựa vào Định Vị chí-Tĩnh lự thứ nhất, khởi lên hai Giải thoát

đầu-bốn Thắng xứ trước, quán Bất tịnh, Thân-Thọ-Tâm niệm trú, và Pháp niệm trú duyên với pháp khác.

Có những người muốn làm cho tất cả các pháp đều là Thắng nghĩa, khởi lên Thân-Thọ-Tâm niệm trú, và Nghĩa vô ngại giải thuộc Pháp niệm trú duyên với pháp khác; và có người muốn làm cho chỉ riêng Niết-bàn là Thắng nghĩa, lúc khởi lên Nghĩa vô ngại giải. Vẫn dựa vào hai địa ấy, khởi lên Pháp vô ngại giải và Từ vô ngại giải.

Nếu lúc Thân-Thọ-Tâm niệm trú, và Biện vô ngại biện thuộc Pháp niệm trú duyên với pháp khác. Vẫn dựa vào hai địa ấy, lúc khởi lên Không Không, Vô nguyện Vô nguyện, Vô tướng Vô tướng.

Có người nói: Chỉ riêng lúc khởi lên Vô tướng Vô tướng.

Những lúc như vậy, khởi lên Tầm xuất ly mà không tư duy về Tầm xuất ly, bởi vì duyên với pháp khác.

2. Có lúc tư duy về Tầm xuất ly mà không khởi lên Tầm xuất ly, đó là duyên với Tầm xuất ly mà khởi lên Tầm khác.

Ở đây có ba loại, đó là thiện-nhiễm-vô ký.

Thiện, đó là trừ ra do Tư mà thành, còn lại nói như trước.

Hỏi: Ở trong phần do Tu mà thành, đây là nói đến phần vị nào?

Đáp: Đây là nói dựa vào Tĩnh lự trung gian, và ba Tĩnh lự trên, ở phần vị Noãn-Đảnh-Nhẫn ban đầu và phần vị Nhẫn tăng trưởng, khởi lên Pháp niệm trú duyên với ba Đế; nếu phần vị Noãn-Đảnh tăng trưởng, khởi lên Pháp niệm trú duyên với Tầm xuất ly.

Nếu khởi lên Thế đệ nhất pháp.

Nếu đã tiến vào Chánh tánh ly sinh, Hiện quán về Khổ-Tập-Đạo đều trong bốn tâm.

Nếu dựa vào Tĩnh lự trung gian, dùng Khổ-Tập-Đạo trí lìa nhiễm của Tĩnh lự thứ nhất. Nếu vẫn dùng loại này và Pháp niệm trú thế tục duyên với Tầm xuất ly làm gia hạnh, thì lúc ấy là tất cả đạo gia hạnh-vô gián-giải thoát.

Vẫn dựa vào Tĩnh lự trung gian, dùng Đạo trí lìa nhiễm của Tĩnh lự thứ hai cho đến nhiễm của Phi tưởng phi phi tưởng xứ. Nếu vẫn dùng loại này và Pháp niệm trú thế tục thuộc Khổ-Tập trí duyên với Tầm xuất ly làm gia hạnh, thì lúc ấy là tất cả đạo gia hạnh-vô gián- giải thoát; chỉ trừ ra lìa nhiễm của Hữu Đảnh là đạo giải thoát cuối cùng.

Nếu dựa vào Cận phần của Tĩnh lự thứ hai, lìa nhiễm của Tĩnh lự thứ nhất. Nếu vẫn dựa vào đây, dùng Pháp niệm trú duyên với Tầm xuất ly làm

gia hạnh, thì lúc ấy là tất cả đạo gia hạnh-vô gián.

Nếu dựa vào Tĩnh lự thứ hai, dùng Đạo trí lìa nhiễm của Tĩnh lự thứ hai cho đến nhiễm của Phi tưởng phi phi tưởng xứ. Nếu vẫn dùng loại này và Pháp niệm trú thế tục thuộc Khổ-Tập trí duyên với Tầm xuất ly làm gia hạnh, thì lúc ấy là tất cả đạo gia hạnh-vô gián-giải thoát; chỉ trừ ra lìa nhiễm của Hữu Đảnh là đạo giải thoát cuối cùng.

Như dựa vào Tĩnh lự thứ hai, dựa vào Tĩnh lự thứ ba-thứ tư cũng như vậy.

Nếu dựa vào Không vô biến xứ, dùng Đạo trí lìa nhiễm của Không vô biên xứ cho đến nhiễm của Phi tưởng phi phi tưởng xứ. Nếu vẫn dùng loại này và Pháp niệm trú thế tục duyên với Tầm xuất ly làm gia hạnh, thì lúc ấy là tất cả đạo gia hạnh-vô gián-giải thoát; chỉ trừ ra lìa nhiễm của Hữu Đảnh là đạo giải thoát cuối cùng.

Như dựa vào Không vô biên xứ, dựa vào Thức vô biên xứ-Vô sở hữu xứ cũng như vậy.

Nếu dựa vào Phi tưởng phi phi tưởng xứ để lìa nhiễm của địa ấy, dùng Pháp niệm trú duyên với Tầm xuất ly làm gia hạnh, thì lúc ấy là đạo gia hạnh.

Nếu dựa vào Tĩnh lự trung gian cho đến Tĩnh lự thứ tư, dùng Khổ-Tập-Đạo trí, Tín thắng giải luyện căn làm Kiến chí. Nếu vẫn dùng loại này và Pháp niệm trú thế tục duyên với Tầm xuất ly làm gia hạnh, thì lúc ấy là đạo gia hạnh-vô gián-giải thoát.

Vẫn dựa vào các địa ấy, dùng Đạo trí, Thời giải thoát luyện căn làm Bất động, nếu vẫn dùng loại này và Pháp niệm trú thế tục thuộc Khổ-Tập trí duyên với Tầm xuất ly làm gia hạnh, thì lúc ấy là đạo gia hạnh-chín đạo vô gián-tám đạo giải thoát.

Nếu dựa vào Định Vô sắc, dùng Đạo trí, Thời giải thoát luyện căn làm Bất động, nếu vẫn dùng loại này và Pháp niệm trú thế tục duyên với Tầm xuất ly làm gia hạnh, thì lúc ấy là đạo gia hạnh-chín đạo vô gián-tám đạo giải thoát.

Nếu dùng Pháp niệm trú thế tục thuộc Khổ-Tập-Đạo trí duyên với Tầm xuất ly, lúc tu xen lẫn ba Tĩnh lự trên.

Nếu dựa vào ba tĩnh lự trên, lúc dẫn dắt phát khởi Tha tâm trí thông-Túc trú tùy niệm trí thông duyên với Tầm xuất ly.

Nếu dựa vào Tĩnh lự trung gian cho đến Tĩnh lự thứ tư, lúc khởi lên Vô lượng.

Nếu lúc khởi lên Vô sắc-Giải thoát duyên với Tầm xuất ly.

Nếu dựa vào Tĩnh lự trung gian cho đến Phi tưởng phi phi tưởng xứ, lúc khởi lên Pháp niệm trú duyên với Tầm xuất ly.

Có những người muốn làm cho tất cả các pháp đều là Thắng nghĩa, dựa vào Tĩnh lự trung gian cho đến Tĩnh lự thứ tư, lúc khởi lên Nghĩa vô ngại giải thuộc Pháp niệm trú thế tục do Khổ-Tập-Đạo trí duyên với Tầm xuất ly.

Dựa vào Định Vô sắc, lúc khởi lên Nghĩa vô ngại giải thuộc Pháp niệm trú thế tục do Đạo trí duyên với Tầm xuất ly.

Nếu dựa vào Tĩnh lự trung gian cho đến Phi tưởng phi phi tưởng xứ, lúc khởi lên Biện vô ngại giải duyên với Tầm xuất ly.

Nếu lúc khởi lên Nguyện trí-Định Biên tế duyên với Tầm xuất ly, và lúc tiến vào Định Diệt tận, Tưởng-Tâm vi tế. Đây gọi là thiện.

Nhiễm ô, đó là duyên với Tầm xuất ly mà khởi lên Tát-ca-da kiến, chấp Ngã-Ngã sở; nói rộng ra như trước.

Vô ký, đó là duyên với Tầm xuất ly mà khởi lên tác ý không phải là như lý, không phải là không như lý.

Những lúc như vậy, tư duy về Tầm xuất ly mà không khởi lên Tầm xuất ly.

3. Có lúc khởi lên Tầm xuất ly mà cũng tư duy về Tầm xuất ly, đó là duyên với Tầm xuất ly mà khởi lên Tầm xuất ly; như lúc Tầm xuất ly trải qua thời gian dài nối tiếp nhau hiện rõ ở trước mắt, duyên với Tầm xuất ly trong sự nối tiếp nhau của mình ở quá khứ-vị lai, và trong sự nối tiếp của người khác ở ba đời.

Hỏi: Đây là nói đến phần vị nào?

Đáp: Đây là nói dựa vào Vị chí-Tĩnh lự thứ nhất, phần vị Noãn-Đảnh-Nhẫn ban đầu và phần vị Nhẫn tăng trưởng, khởi lên Pháp niệm trú duyên với ba Đế.

Nếu phần vị Noãn-Đảnh tăng trưởng, khởi lên Pháp niệm trú duyên với Tầm xuất ly.

Nếu khởi lên Thế đệ nhất pháp.

Nếu đã tiến vào Chánh tánh ly sinh, Hiện quán về Khổ-Tập-Đạo đều trong bốn tâm.

Nếu dùng đạo thế tục, Khổ-Tập-Đạo trí lìa nhiễm của cõi Dục. Nếu vẫn dựa vào loại này làm gia hạnh, thì lúc ấy là tất cả đạo gia hạnh-vô gián-giải thoát.

Nếu dựa vào Vị chí-Tĩnh lự thứ nhất, dùng Khổ-Tập-Diệt trí lìa nhiễm của Tĩnh lự thứ nhất. Nếu vẫn dựa vào loại này và Pháp niệm trú thế tục duyên với Tầm xuất ly làm gia hạnh, thì lúc ấy là tất cả đạo gia hạnh-vô gián-giải thoát.

Vẫn dựa vào hai địa ấy, dùng Đạo trí, lìa nhiễm của Tĩnh lự thứ hai cho đến nhiễm của Phi tưởng phi phi tưởng xứ. Nếu vẫn dựa vào loại này và Pháp niệm trú thế tục thuộc Khổ-Tập trí duyên với Tầm xuất ly làm gia hạnh, thì lúc ấy là tất cả đạo gia hạnh-vô gián-giải thoát; chỉ trừ ra lúc lìa nhiễm của hữu Đảnh là đạo giải thoát cuối cùng.

Vẫn dựa vào hai địa ấy, dùng Khổ-Tập-Đạo trí, Tín thắng giải luyện căn làm Kiến chí, nếu vẫn dựa vào loại này, và Pháp niệm trú thế tục duyên với Tầm xuất ly làm gia hạnh, thì lúc ấy là đạo gia hạnh-vô gián-giải thoát.

Vẫn dựa vào hai địa ấy, dùng Đạo trí, Thời giải thoát luyện căn làm Bất động, nếu vẫn dựa vào loại này, và Pháp niệm trú thế tục thuộc Khổ-Tập trí duyên với Tầm xuất ly làm gia hạnh, thì lúc ấy là đạo gia hạnh-chín đạo vô gián-tám đạo giải thoát.

Nếu Pháp niệm trú thế tục thuộc Khổ-Tập-Đạo trí duyên với Tầm xuất ly, lúc tu xen lẫn Tĩnh lự thứ nhất.

Nếu dựa vào Tĩnh lự thứ nhất lúc dẫn dắt phát khởi Tha tâm trí- Túc trú tùy niệm trí thông duyên với Tầm xuất ly.

Nếu dựa vào Định Vị chí-Tĩnh lự thứ nhất, lúc khởi lên Vô lượng, và lúc khởi lên Pháp niệm trú duyên với Tầm xuất ly.

Có những người muốn làm cho tất cả các pháp đều là Thắng nghĩa, dựa vào Định Vị chí-Tĩnh lự thứ nhất, lúc khởi lên Nghĩa vô ngại giải thuộc Pháp niệm trú thế tục do Khổ-Tập-Đạo trí duyên với Tầm xuất ly; vẫn dựa vào hai địa ấy, lúc khởi lên Biện vô ngại giải duyên với Tầm xuất ly.

Có người nói: Vẫn dựa vào hai địa ấy, lúc khởi lên Không Không, Vô nguyện Vô nguyện.

Những lúc như vậy, khởi lên Tầm xuất ly mà cũng tư duy về Tầm xuất ly.

4. Có lúc không khởi lên Tầm xuất ly mà cũng không tư duy về Tầm xuất ly, đó là trừ ra những tướng trước.

Hỏi: Đây là nói đến phần vị nào?

Đáp: Đây là nói dựa vào Tĩnh lự trung gian cho đến Tĩnh lự thứ tư, phần vị Noãn-Đảnh-Nhẫn ban đầu và phần vị Nhẫn tăng trưởng, khởi lên Pháp niệm trú duyên với Diệt đế.

Nếu phần vị Noãn-Đảnh tăng trưởng, khởi lên Thân-Thọ-Tâm niệm trú và Pháp niệm trú duyên với Tầm xuất ly.

Nếu đã tiến vào Chánh tánh ly sinh, Hiện quán về Diệt trong bốn tâm.

Nếu dựa vào Tĩnh lự trung gian, dùng Diệt trí lìa nhiễm của Tĩnh lự thứ nhất, dùng Thân-Thọ-Tâm niệm trú, và Pháp niệm trú duyên với pháp khác làm gia hạnh, thì lúc ấy là tất cả đạo gia hạnh-vô gián-giải thoát.

Vẫn dựa vào Tĩnh lự trung gian, dùng Khổ-Tập-Diệt trí lìa nhiễm của Tĩnh lự thứ hai cho đến nhiễm của Phi tưởng phi phi tưởng xứ, dùng Thân-Thọ-Tâm niệm trú, và Pháp niệm trú duyên với pháp khác làm gia hạnh, thì lúc ấy là tất cả đạo gia hạnh-vô gián-giải thoát.

Nếu dựa vào Cận phần của Tĩnh lự thứ hai, lìa nhiễm của Tĩnh lự thứ nhất, dùng Thân-Thọ-Tâm niệm trú, và Pháp niệm trú duyên với pháp khác làm gia hạnh, thì lúc ấy là đạo gia hạnh-đạo giải thoát.

Nếu dựa vào Tĩnh lự thứ hai, dùng Khổ-Tập-Diệt trí, lìa nhiễm của Tĩnh lự thứ hai cho đến nhiễm của Phi tưởng phi phi tưởng xứ, dùng Thân-Thọ-Tâm niệm trú, và Pháp niệm trú duyên với pháp khác làm gia hạnh, thì lúc ấy là tất cả đạo gia hạnh-vô gián-giải thoát.

Như dựa vào Tĩnh lự thứ hai, cho đến dựa vào Vô sở hữu xứ cũng như vậy.

Nếu dựa vào Cận phần của Tĩnh lự thứ ba, lìa nhiễm của Tĩnh lự thứ hai, nếu vẫn dựa vào loại này dùng Thân-Thọ-Tâm niệm trú, và Pháp niệm trú duyên với pháp khác làm gia hạnh, thì lúc ấy là tất cả đạo gia hạnh-vô gián-giải thoát.

Như dựa vào Cận phần của Tĩnh lự thứ ba, dựa vào Cận phần của Tĩnh lự thứ tư cũng như vậy.

Nếu dựa vào Cận phần của Không vô biên xứ, lìa nhiễm của Tĩnh lự thứ tư:

Những người nói Cận phần của Vô sắc có duyên khác, đó là nói nếu vẫn dựa vào loại này dùng Thân-Thọ-Tâm niệm trú, và Pháp niệm trú duyên với pháp khác làm gia hạnh.

Những người nói Cận phần của Vô sắc không có duyên khác, đó là nói nếu vẫn dựa vào loại này dùng Pháp niệm trú duyên với pháp khác làm gia hạnh, thì lúc ấy là tất cả đạo gia hạnh-vô gián-giải thoát. Như dựa vào Cận phần của Không vô biên xứ, cho đến dựa vào

Cận phần của Phi tưởng phi phi tưởng xứ cũng như vậy.

Nếu dựa vào Phi tưởng phi phi tưởng xứ để lìa nhiễm của địa ấy, thì

lúc khởi lên Thân-Thọ-Tâm niệm trú, và Pháp niệm trú duyên với pháp khác làm gia hạnh, lúc ấy là đạo gia hạnh. Nếu dựa vào Tĩnh lự trung gian cho đến Tĩnh lự thứ tư, dùng Diệt trí, Tín thắng giải luyện căn làm Kiến chí, dùng Thân-Thọ-Tâm niệm trú, và Pháp niệm trú duyên với pháp khác làm gia hạnh, thì lúc ấy là đạo gia hạnh-vô gián-giải thoát.

Nếu dựa vào Tĩnh lự trung gian cho đến Vô sở hữu xứ, dùng Khổ-Tập-Diệt trí, Thời giải thoát luyện căn làm Bất động, dùng Thân-Thọ- Tâm niệm trú, và Pháp niệm trú duyên với pháp khác làm gia hạnh, thì lúc ấy là tất cả đạo gia hạnh-vô gián-giải thoát.

Nếu dựa vào Phi tưởng phi phi tưởng xứ, Thời giải thoát vì luyện căn làm Bất động, dùng Thân-Thọ-Tâm niệm trú, và Pháp niệm trú duyên với pháp khác làm gia hạnh, thì lúc ấy là đạo gia hạnh

Nếu dùng Thân-Thọ-Tâm niệm trú, và Pháp niệm trú duyên với pháp khác, lúc tu xen lẫn ba Tĩnh lự trên, nếu dựa vào ba Tĩnh lự trên dẫn dắt phát khởi Thần cảnh-Thiên nhãn-Thiên nhĩ, và Tha tâm trí-Túc trú tùy niệm trí thông duyên với pháp khác.

Nếu dựa vào Tĩnh lự trung gian-Tĩnh lự thứ hai, lúc khởi lên hai Giải thoát đầu-bốn Thắng xứ trước.

Nếu lúc khởi lên Giải thoát thứ ba-thứ tám, bốn Thắng xứ sau- mười Biến xứ.

Nếu lúc khởi lên Thân-Thọ-Tâm niệm trú, và bốn Vô sắc-Giải thoát thuộc Pháp niệm trú duyên với pháp khác.

Nếu dựa vào Tĩnh lự trung gian cho đến Tĩnh lự thứ tư khởi lên quán Bất tịnh, và dựa vào Tĩnh lự trung gian-Cận phần của Tĩnh lự thứ hai-thứ ba lúc khởi lên Trì tức niệm.

Nếu dựa vào Tĩnh lự trung gian cho đến Phi tưởng phi phi tưởng xứ, lúc khởi lên Thân-Thọ-Tâm niệm trú, và Pháp niệm trú duyên với pháp khác.

Có những người muốn làm cho tất cả các pháp đều là Thắng nghĩa, dựa vào Tĩnh lự trung gian cho đến Phi tưởng phi phi tưởng xứ, khởi lên Thân-Thọ-Tâm niệm trú, và Nghĩa vô ngại giải thuộc Pháp niệm trú duyên với pháp khác; và có người muốn làm cho chỉ riêng Niết-bàn là Thắng nghĩa, vẫn dựa vào các địa ấy lúc khởi lên Nghĩa vô ngại giải. Vẫn dựa vào các địa ấy, lúc khởi lên Thân-Thọ-Tâm niệm trú, và Biện vô ngại giải thuộc Pháp niệm trú duyên với pháp khác.

Dựa vào Tĩnh lự trung gian cho đến Tĩnh lự thứ tư, lúc khởi lên Pháp vô ngại giải.

Có người nói: Và dựa vào Tĩnh lự trung gian, lúc khởi lên Từ vô ngại giải.

Nếu lúc khởi lên Thân-Thọ-Tâm niệm trú, và Nguyện trí-Định Biên tế thuộc Pháp niệm trú duyên với pháp khác, và lúc tiến vào Định Diệt tận, Tưởng-Tâm vi tế.

Nếu lúc khởi lên Vô tranh.

Nếu dựa vào Tĩnh lự trung gian cho đến Phi tưởng phi phi tưởng xứ, lúc khởi lên Không Không, Vô nguyện Vô nguyện, Vô tướng Vô tướng.

Những lúc như vậy, không khởi lên Tầm xuất ly mà cũng không tư duy về Tầm xuất ly.

Như Tầm xuất ly, Tầm vô nhuế-Tầm vô hại cũng như vậy. Ba Tầm ác-ba Tầm thiện, nói rộng ra như phẩm luận về Tư trong chương Tạp Uẩn.

-oOo-

LUẬN A TỲ ĐẠT MA ĐẠI TỲ BÀ SA

QUYỂN 195

LUẬN VỀ TAM HỮU (Phần 4)

Các pháp có nhân là Vô minh thì pháp này duyên với Vô minh chăng? Cho đến nói rộng ra.

Hỏi: Vì sao trong này dựa vào Minh-Vô minh mà soạn luận?

Đáp: Bởi vì đó là ý của người soạn luận muốn như vậy, cho đến nói rộng ra.

Có người nói: Bởi vì hai loại này là căn bản của pháp tạp nhiễm và thanh tịnh, nghĩa là tất cả pháp tạp nhiễm lấy Vô minh làm căn bản, như nói: "Các loại pháp ác bất thiện vốn có, nếu sinh ra hoặc là lớn lên, đều lấy Vô minh làm gốc rễ, làm nhân tố, làm chủng loại, làm đẳng khởi." Tất cả pháp thanh tịnh lấy Minh làm căn bản, như nói: "Các loại pháp thiện vốn có, nếu sinh ra hoặc là lớn lên, đều lấy Minh làm gốc rễ, làm nhân tố, làm chủng loại, làm đẳng khởi."

Có người nói: Bởi vì hai loại này là đều là pháp đứng đầu, nghĩa là như Đức Thế Tôn ở trong các kinh nói hai loại này là pháp đứng đầu, như nói: "Này Tỳ kheo! Vô minh là pháp đứng đầu, Vô minh là tướng đầu tiên, các loại pháp ác bất thiện đều được sinh khởi, lại dựa vào pháp này mà trở thành người không có Tàm-Quý. Minh là pháp đứng đầu, Minh là tướng đầu tiên, các loại pháp thiện đều được sinh khởi, lại dựa vào pháp này mà trở thành người có Tàm-Quý."

Có người nói: Bởi vì hai loại này là đều là pháp đối trị-chướng ngại gần với nhau, nghĩa là Vô minh là chướng ngại gần của Minh, Minh là đối trị gần của Vô minh.

Có người nói: Bởi vì hai loại này là đều là pháp trái ngược nhau, nghĩa là Vô minh trái ngược với Minh, Minh trái ngược với Vô minh.

Có người nói: Bởi vì hai loại này cùng duyên với bốn Đế thâu nhiếp lẫn nhau-không thâu nhiếp lẫn nhau, cùng duyên với pháp hữu lậu-vô lậu không thâu nhiếp lẫn nhau, cùng duyên với pháp hữu vi-vô vi không thâu nhiếp lẫn nhau.

Bởi vì các loại nhân duyên như vậy, cho nên người soạn luận dựa vào Minh-Vô minh mà soạn ra phần luận này.

Nhưng Minh-Vô minh là pháp Nhân Duyên, phẩm loại sai biệt có mười một loại, pháp hệ thuộc cõi Dục có bốn loại, đó là thiện-bất thiện-hữu phú vô ký và vô phú vô ký; pháp hệ thuộc cõi Sắc có ba loại, trừ ra bất thiện; pháp hệ thuộc cõi Vô sắc cũng như vậy, và pháp vô lậu.

Trong này, pháp thiện hệ thuộc cõi Dục, thì Minh-Vô minh đều không phải là Nhân của nó, cùng làm ba Duyên đó là Đẳng vô gián-Sở duyên-Tăng thượng.

Pháp bất thiện hệ thuộc cõi Dục, thì Vô minh làm bốn Nhân của nó, đó là Tương ưng-Câu hữu-Đồng loại-Biến hành, mà cũng làm bốn Duyên; Minh không phải là Nhân của nó, mà làm hai Duyên đó là Sở duyên-Tăng thượng.

Pháp hữu phú vô ký hệ thuộc cõi Dục, thì Vô minh làm bốn Nhân của nó, đó là Tương ưng-Câu hữu-Đồng loại-Biến hành, mà cũng làm bốn Duyên; Minh không phải là Nhân của nó, mà làm một Duyên đó là Tăng thượng.

Pháp vô phú vô ký hệ thuộc cõi Dục, thì trừ ra Vô minh dị thục, Vô minh không phải là Nhân của nó, mà làm ba Duyên đó là Đẳng vô gián-Sở duyên-Tăng thượng; Minh không phải là Nhân của nó, mà làm một Duyên đó là Tăng thượng.

Vô minh dị thục thì Vô minh làm một Nhân đó là Dị thục, làm ba Duyên đó là Nhân-Đẳng vô gián-Tăng thượng, không phải là Sở duyên bởi vì dị thục ấy thuộc về năm Thức; Minh không phải là Nhân của nó, mà làm một Duyên đó là Tăng thượng.

Pháp thiện hệ thuộc cõi Sắc, thì Minh-Vô minh đều không phải là Nhân của nó, cùng làm ba Duyên đó là Đẳng vô gián-Sở duyên-Tăng thượng.

Pháp hữu phú vô ký hệ thuộc cõi Sắc, thì Vô minh làm bốn Nhân của nó, đó là Tương ưng-Câu hữu-Đồng loại-Biến hành, mà cũng làm bốn Duyên; Minh không phải là Nhân của nó, mà làm hai Duyên đó là Sở duyên-Tăng thượng.

Pháp vô phú vô ký hệ thuộc cõi Sắc, thì Vô minh không phải là Nhân của nó, mà làm ba Duyên đó là Đẳng vô gián-Sở duyên-Tăng thượng; Minh không phải là Nhân của nó, mà làm một Duyên đó là Tăng thượng.

Như ba loại của cõi Sắc, ba loại của cõi Vô sắc cũng như vậy. Pháp vô lậu, thì Vô minh không phải là Nhân của nó, mà làm hai

Duyên đó là Sở duyên-Tăng thượng. Trừ ra vô lậu ban đầu, còn lại pháp vô lậu, thì Minh làm ba Nhân của nó, đó là Tương ưng-Câu hữu-Đồng loại, mà làm bốn Duyên. Trừ ra Minh ban đầu, còn lại pháp vô lậu ban đầu, thì Minh làm hai Nhân của nó, đó là Tương ưng-Câu hữu, hoặc là làm một Nhân đó là Câu hữu, mà làm hai Duyên đó là Nhân và Tăng thượng. Minh ban đầu thì Minh không phải là Nhân của nó, mà làm một Duyên đó là Tăng thượng. Đây gọi là Tỳ-bà sa tóm lược ở nơi này.

Hỏi: Các pháp có nhân là Vô minh thì pháp ấy duyên với Vô minh chăng?

Đáp: Nếu pháp có nhân là Vô minh thì pháp ấy duyên với Vô minh.

Trong này, các pháp có Nhân là Vô minh thì dùng chủng loại mà nói, pháp ấy lấy Vô minh làm năm Nhân, đó là Tương ưng-Câu hữu- Đồng loại-Biến hành-Dị thục. Duyên với Vô minh, tức là pháp có Nhân là Vô minh thì dùng chủng loại mà nói, Vô minh làm bốn Duyên của nó.

Có pháp Duyên với Vô minh mà không phải Nhân là Vô minh, đó là trừ ra Vô minh dị thục, còn lại các hành vô phú vô ký và hành thiện, Vô minh đối với pháp ấy hoặc làm ba Duyên, hoặc làm hai Duyên, hoặc làm một Duyên mà không phải là Nhân của nó.

Hỏi: Các pháp có nhân là Minh thì pháp ấy duyên với Minh chăng?

Đáp: Nếu pháp có nhân là Minh thì pháp ấy duyên với Minh. Trong này, các pháp có Nhân là Minh thì dùng chủng loại mà nói,

pháp ấy lấy Minh làm ba Nhân, đó là Tương ưng-Câu hữu-Đồng loại. Duyên với Minh, tức là pháp có Nhân là Minh thì dùng chủng loại mà nói, Minh làm bốn Duyên của nó.

Có pháp Duyên với Minh mà không phải Nhân là Minh, đó là Minh ban đầu và các hành hữu lậu, Minh đối với pháp ấy hoặc làm ba Duyên, hoặc làm hai Duyên, hoặc làm một Duyên mà không phải là Nhân của nó.

Hỏi: Các pháp có nhân là Vô minh thì pháp ấy duyên với Minh chăng?

Đáp: Nếu pháp có nhân là Vô minh thì pháp ấy duyên với Minh.

Trong này, các pháp có Nhân là Vô minh thì dùng chủng loại mà nói, pháp ấy lấy Vô minh làm năm Nhân, nói như trước. Duyên với Minh, tức là pháp có Nhân là Vô minh thì dùng chủng loại mà nói, Minh làm hai Duyên của nó, đó là Sở duyên-Tăng thượng.

Có pháp Duyên với Minh mà không phải Nhân là Vô minh, đó là trừ ra Vô minh dị thục, còn lại các hành vô phú vô ký và hành thiện, Minh đối

với pháp ấy hoặc làm bốn Duyên, hoặc làm ba Duyên, hoặc làm hai Duyên, hoặc làm một Duyên, Vô minh không phải là Nhân của nó.

Hỏi: Các pháp có nhân là Minh thì pháp ấy duyên với Vô minh chăng?

Đáp: Nếu pháp có nhân là Minh thì pháp ấy duyên với Vô minh. Trong này, các pháp có Nhân là Minh thì dùng chủng loại mà nói,

pháp ấy lấy Minh làm ba Nhân, đó là Tương ưng-Câu hữu-Đồng loại. Duyên với Vô minh, tức là pháp có Nhân là Minh thì dùng chủng loại mà nói, Vô minh làm hai Duyên của nó, đó là Sở duyên-Tăng thượng. Có pháp Duyên với Vô minh mà không phải Nhân là Minh, đó là

Minh ban đầu và các hành hữu lậu, Vô minh đối với pháp ấy hoặc làm bốn Duyên, hoặc làm ba Duyên, hoặc làm hai Duyên, hoặc làm một Duyên, Minh không phải là Nhân của nó.

Hỏi: Các pháp có nhân là Vô minh thì pháp ấy là bất thiện chăng?

Đáp: Nếu pháp là bất thiện thì pháp ấy có nhân là Vô minh.

Trong này, các pháp bất thiện có Nhân là Vô minh thì dùng chủng loại mà nói, pháp ấy lấy Vô minh làm bốn Nhân, đó là Tương ưng-Câu hữu-Đồng loại-Biến hành.

Có pháp có Nhân là Vô minh mà không phải là bất thiện, đó là Vô minh dị thục và các hành vô phú vô ký.

Trong này, Vô minh dị thục lấy Vô minh làm một Nhân, đó là Dị thục. Hành hữu phú vô ký là nói theo chủng loại, lấy Vô minh làm bốn Nhân, đó là Tương ưng-Câu hữu-Đồng loại-Biến hành; mà pháp ấy không phải là bất thiện, bởi vì vô ký.

Hỏi: Các pháp có nhân là Minh thì pháp ấy là thiện chăng? Đáp: Nếu pháp có nhân là Minh thì pháp ấy là thiện

Trong này, các pháp thiện có Nhân là Minh thì dùng chủng loại mà nói, pháp ấy lấy Minh làm ba Nhân, đó là Tương ưng-Câu hữu- Đồng loại.

Có pháp thiện mà không có Nhân là Vô minh, đó là Minh ban đầu và các hành hữu lậu thiện. Trong này, Minh ban đầu là thiện mà không lấy Minh làm Nhân, bởi vì không có Minh trước và Minh cùng lúc. Hành hữu lậu thiện cũng không lấy Minh làm Nhân, bởi vì không có nghĩa của Nhân.

Hỏi: Có thể có pháp không phải Nhân là Minh, không phải Nhân là Vô minh mà pháp ấy không phải là không có Nhân chăng?

Đáp: Có, đó là trừ ra Vô minh dị thục, còn lại các hành vô phú vô ký và Minh ban đầu-hành hữu lậu thiện, các pháp như vậy không phải Nhân

là Minh, không phải Nhân là Vô minh mà pháp ấy không phải là không có Nhân.

Trong đó, trừ ra Vô minh dị thục, còn lại các hành vô phú vô ký, thì dùng chủng loại mà nói nói có bốn Nhân, đó là Tương ưng-Câu hữu- Đồng loại-Dị thục; Minh ban đầu có hai Nhân, đó là Tương ưng-Câu hữu; hành hữu lậu thiện thì dùng chủng loại mà nói có ba Nhân, đó là Tương ưng-Câu hữu-Đồng loại.

Hỏi: Minh ban đầu đều là vô lậu đạt được cũng không phải Nhân là Minh, không phải Nhân là Vô minh mà không phải là không có Nhân, vì sao trong này không nói đến?

Đáp: Văn này nên đưa ra cách nói nói này "Và Minh ban đầu thì pháp ấy đều là vô lậu đạt được", mà không nói thì phải biết là nghĩa này có khác.

Có người nói: Pháp đạt được này thâu nhiếp ở trong nhân Câu hữu của Minh ban đầu, vì vậy không nói đến.

Người ấy không nên đưa ra cách nói này, bởi vì pháp đạt được không phải là nhân Câu hữu của Minh ban đầu. Nên nói là thâu nhiếp ở trong phẩm của Minh ban đầu, nếu nói đến Minh ban đầu thì nên biết là đã nói tụ của nó. Nghĩa về các pháp Minh-Vô minh nói rộng ra như phẩm luận về Duyên Khởi trong chương Tạp Uẩn.

CHƯƠNG VIII: KIẾN UẨN (Tiếp Theo)

Phẩm Thứ Ba: LUẬN VỀ TƯỞNG

LUẬN VỀ TƯỞNG (Phần 1)

Các pháp do Tưởng về Vô thường sinh ra thì pháp ấy tương ưng với Tưởng về Vô thường chăng? Các chương như vậy và giải thích về nghĩa của từng chương đã lĩnh hội rồi, tiếp theo cần phải phân biệt rộng ra.

Hỏi: Vì sao soạn ra phần luận này?

Đáp: Vì ngăn chặn ý của người ngu về pháp tương ưng chấp rằng pháp tương ưng không phải là có thật, hiển bày về pháp tương ưng quyết định có thật, cho nên soạn ra phần luận này.

Hỏi: Các pháp do Tưởng về Vô thường sinh ra thì pháp ấy tương ưng với Tưởng về Vô thường chăng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu phân biệt:

1. Có pháp do Tưởng về Vô thường sinh ra mà không phải là tương ưng với Tưởng về Vô thường, đó là Tưởng về Vô thường hiện rõ trước mắt chắc chắn diệt đi, Tưởng khác hiện rõ trước mắt chắc chắn sinh ra pháp tương ưng với Tưởng ấy.

Trong này, nói Tưởng về Vô thường không gián đoạn thì Tưởng về Vô thường-Khổ cho đến Tưởng về Diệt, tùy theo một loại hiện rõ ở trước mắt. Pháp tương ưng với Tưởng ấy, đó là trừ ra Tưởng, còn lại chín pháp Đại địa, mười pháp Đại thiện địa, địa có Tầm-có Tứ, địa không có Tầm-không có Tứ, địa không có Tầm-chỉ có Tứ, Tứ và tâm. Như vậy, các pháp do Tưởng về Vô thường sinh ra, bởi vì Tưởng về Vô thường làm Đẳng vô gián duyên mà khởi lên; không phải là Tưởng về Vô thường tương ưng với Tưởng về Khổ-Vô ngã cho đến Tưởng về Diệt, bởi vì tương ưng tùy theo một loại.

2. Có pháp tương ưng với Tưởng về Vô thường mà không phải là do Tưởng về Vô thường sinh ra, đó là Tưởng khác hiện rõ trước mắt chắc chắn diệt đi, Tưởng về Vô thường hiện rõ trước mắt chắc chắn sinh ra pháp tương ưng với Tưởng ấy.

Trong này, nói Tưởng về Vô thường-Khổ cho đến Tưởng về Diệt, tùy theo một loại không gián đoạn thì Tưởng về Vô thường hiện rõ ở trước mắt. Pháp tương ưng với Tưởng ấy, đó là trừ ra Tưởng, còn lại chín pháp Đại địa..., nói rộng ra như trên. Như vậy, các pháp tương ưng với Tưởng về Vô thường không phải là do Tưởng về Vô thường sinh ra, bởi vì Tưởng về Vô thường-Khổ cho đến Tưởng về Diệt tùy theo một loại làm Đẳng vô gián duyên mà khởi lên.

3. Có pháp do Tưởng về Vô thường sinh ra mà cũng tương ưng với Tưởng về Vô thường, đó là Tưởng về Vô thường hiện rõ trước mắt chắc chắn diệt đi, Tưởng về Vô thường hiện rõ trước mắt chắc chắn sinh ra pháp tương ưng với Tưởng ấy.

Trong này, nói trong tụ thuộc Tưởng về Vô thường sau, trừ ra Tưởng về Vô thường còn lại tâm - tâm sở pháp, nói rộng ra như trên. Như vậy, các pháp do Tưởng về Vô thường sinh ra, bởi vì Tưởng về Vô thường làm Đẳng vô gián duyên mà khởi lên; cũng tương ưng với Tưởng về Vô thường, bởi vì có trong tụ ấy. Tưởng về Vô thường tuy sinh ra từ Tưởng về Vô thường, mà không phải là tương ưng với Tưởng về Vô thường, bởi vì tự tánh đối với tự tánh do ba nhân duyên cho nên không tương ưng, nói như trước.

4. Có pháp không phải là do Tưởng về Vô thường sinh ra, cũng không phải là tương ưng với Tưởng về Vô thường, đó là Tưởng khác hiện rõ trước

mắt chắc chắn diệt đi, Tưởng khác hiện rõ trước mắt chắc chắn sinh ra pháp tương ưng với Tưởng ấy.

Trong này, nói Tưởng về Vô thường-Khổ cho đến Tưởng về Diệt, tùy theo một loại không gián đoạn, tùy theo một loại hiện rõ ở trước mắt. Pháp tương ưng với các Tưởng ấy, nói rộng ra như trên. Như vậy, các pháp không phải là do Tưởng về Vô thường sinh ra, bởi vì Tưởng khác làm Đẳng vô gián duyên mà khởi lên; cũng không phải là tương ưng với Tưởng về Vô thường, bởi vì tương ưng với Tưởng khác.

Như Tưởng về Vô thường, cho đến Tưởng về Diệt cũng như vậy, tùy theo sự thích hợp đều làm thành bốn câu phân biệt, như vậy thì có mười loại bốn câu phân biệt.

Các pháp do Tưởng về Vô thường sinh ra thì pháp ấy cùng một duyên với Tưởng về Vô thường chăng? Cho đến nói rộng ra.

Hỏi: Vì sao soạn ra phần luận này?

Đáp: Vì ngăn chặn ý của người ngu đối với Thể tánh của sở duyên chấp rằng tánh của sở duyên không phải là pháp có thật, hiển bày về tánh của sở duyên quyết định có thật, cho nên soạn ra phần luận này.

Hỏi: Các pháp do Tưởng về Vô thường sinh ra thì pháp ấy cùng một duyên với Tưởng về Vô thường chăng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu phân biệt:

1. Có pháp do Tưởng về Vô thường sinh ra mà không phải là cùng một duyên với Tưởng về Vô thường, đó là Tưởng về Vô thường hiện rõ trước mắt chắc chắn diệt đi, Tưởng khác hiện rõ trước mắt chắc chắn sinh ra, pháp ấy có duyên khác.

Trong này, nói duyên với Sắc uẩn, Tưởng về Vô thường không gián đoạn duyên với Thọ uẩn…, Tưởng về Vô thường-Khổ và Tưởng về Khổ-Vô ngã tùy theo một loại hiện rõ ở trước mắt; duyên với Uẩn khác và Giới-Xứ, nói cũng như vậy. Pháp ấy sinh ra từ Tưởng về Vô thường mà không phải là cùng một duyên với Tưởng về Vô thường, bởi vì duyên với pháp khác.

2. Có pháp cùng một duyên với Tưởng về Vô thường mà không phải là do Tưởng về Vô thường sinh ra, đó là Tưởng khác hiện rõ trước mắt chắc chắn diệt đi, Tưởng về Vô thường hiện rõ trước mắt chắc chắn sinh ra, pháp ấy có duyên này.

Trong này, nói duyên với Sắc uẩn…, Tưởng về Vô thường-Khổ và Tưởng về Khổ-Vô ngã tùy theo một loại không gián đoạn thì duyên với Uẩn ấy, Tưởng về Vô thường hiện rõ ở trước mắt; Giới-Xứ, nói cũng như

vậy. Pháp ấy cùng một duyên với Tưởng về Vô thường mà không sinh ra từ Tưởng về Vô thường, bởi vì Tưởng về Vô thường-Khổ và Tưởng về Khổ-Vô ngã tùy theo một loại làm Đẳng vô gián duyên mà khởi lên.

Hỏi: Trong này nói Tưởng nào cùng chung một duyên với Tưởng nào, là nói Tưởng về Vô thường cùng chung một duyên với Tưởng về Vô thường, hay là nói Tưởng về Vô thường cùng chung một duyên với Tưởng khác? Giả sử như vậy thì có gì sai? Cả hai đều có lỗi. Bởi vì nếu nói Tưởng về Vô thường cùng chung một duyên với Tưởng về Vô thường, thì văn này nên hiểu thế nào? Như nói: "Pháp ấy có duyên này." Nếu nói Tưởng về Vô thường cùng chung một duyên với Tưởng khác, thì văn này lại hiểu thế nào? Như nói: "Pháp ấy không phải là do Tưởng về Vô thường sinh ra." Bởi vì có lúc Tưởng ấy sinh ra từ Tưởng về Vô thường?

Đáp: Trong này nói Tưởng về Vô thường cùng chung một duyên với Tưởng về Vô thường, cho nên nói là cùng một duyên với Tưởng về Vô thường.

Hỏi: Nếu như vậy thì văn này nên hiểu thế nào? Như nói: "Pháp ấy có duyên này."

Đáp: Có người nói: Văn này nên đưa ra cách nói này: Đó là Tưởng khác hiện rõ trước mắt chắc chắn diệt đi, Tưởng về Vô thường hiện rõ trước mắt chắc chắn sinh ra, pháp tương ưng với Tưởng ấy. Đây là nói về pháp tương ưng với Tưởng về Vô thường tương ưng với Tưởng về Vô thường.

Nói như vậy thì trong này thâu nhiếp ba Tưởng, đó là sau Tưởng về Vô thường khởi lên Tưởng khác, sau Tưởng khác lại khởi lên Tưởng về Vô thường. Trong đó nói Tưởng về Vô thường khởi lên sau cùng duyên với Tưởng về Vô thường trước, cho nên nói là cùng một duyên với Tưởng về Vô thường. Như vậy thì hai văn dễ dàng thông hiểu.

Hoặc có người đối với điều này đưa ra câu hỏi như vậy, nay cần phải suy nghĩ chọn lựa!

Hỏi: Trong này nói Tưởng nào cùng chung một duyên với Tưởng nào, là nói Tưởng về Vô thường cùng chung một duyên với Tưởng khác, hay là nói Tưởng khác cùng chung một duyên với Tưởng về Vô thường? Hai điều này có gì sai biệt? Bởi vì nếu nói Tưởng về Vô thường cùng chung một duyên với Tưởng khác, thì văn này nên hiểu thế nào? Như nói: "Có pháp cùng một duyên với Tưởng về Vô thường, nếu Tưởng về Khổ-Vô ngã không gián đoạn sinh ra Tưởng về Vô thường, thì pháp ấy cùng chung một duyên với Tưởng về Khổ-Vô ngã, không phải là Tưởng về Vô thường." Nếu nói Tưởng khác cùng chung một duyên với Tưởng về Vô thường, là

có lúc pháp ấy sinh ra từ Tưởng về Vô thường, thì không nên nói không phải là Tưởng về Vô thường sinh ra?

Đáp: Có người nói: Trong này nói Tưởng về Vô thường cùng chung một duyên với Tưởng khác.

Hỏi: Nếu như vậy thì văn này nên hiểu thế nào? Như nói: "Có pháp cùng một duyên với Tưởng về Vô thường."

Đáp: Nên đưa ra cách nói này: Đó là Tưởng khác hiện rõ trước mắt chắc chắn diệt đi, Tưởng về Vô thường hiện rõ trước mắt chắc chắn sinh ra, pháp tương ưng với Tưởng ấy. Nếu như vậy thì pháp ấy phải sinh ra từ Tưởng về Vô thường, cũng cùng chung một duyên với Tưởng về Vô thường.

Nói như vậy thì trong này nên nói Tưởng về Vô thường cùng chung một duyên với Tưởng về Vô thường. Vì thế cho nên trong này thâu nhiếp chung ba Tưởng, đó là đầu tiên Tưởng về Vô thường, tiếp đến khởi lên Tưởng khác, Tưởng khác không gián đoạn lại khởi lên Tưởng về Vô thường. Trong này nói Tưởng về Vô thường sinh ra sau cùng chung một duyên với Tưởng về Vô thường sinh ra trước. Như vậy thì hai lỗi đều lìa bỏ.

3. Có pháp do Tưởng về Vô thường sinh ra cùng một duyên với Tưởng về Vô thường, đó là Tưởng về Vô thường hiện rõ trước mắt chắc chắn diệt đi, Tưởng về Vô thường hiện rõ trước mắt chắc chắn sinh ra, pháp ấy có duyên này.

Trong này, nói duyên với Sắc uẩn…, Tưởng về Vô thường không gián đoạn thì duyên với Uẩn ấy, Tưởng về Vô thường hiện rõ ở trước mắt; Giới-Xứ, nói cũng như vậy. Pháp ấy sinh ra từ Tưởng về Vô thường cũng cùng một duyên với Tưởng về Vô thường.

4. Có pháp không phải là do Tưởng về Vô thường sinh ra cũng không phải là cùng một duyên với Tưởng về Vô thường, đó là Tưởng khác hiện rõ trước mắt chắc chắn diệt đi, Tưởng khác hiện rõ trước mắt chắc chắn sinh ra, pháp ấy có duyên khác.

Trong này, nói duyên với Uẩn khác, Tưởng về Vô thường-Khổ và Tưởng về Khổ-Vô ngã tùy theo một loại không gián đoạn duyên với Uẩn khác, Tưởng về Vô thường-Khổ và Tưởng về Khổ-Vô ngã tùy theo một loại hiện rõ ở trước mắt; Giới-Xứ, nói cũng như vậy. Pháp ấy không phải là Tưởng về Vô thường sinh ra, bởi vì Tưởng khác làm Đẳng vô gián duyên mà khởi lên; cũng không phải là cùng một duyên với Tưởng về Vô thường, bởi vì Tưởng khác-duyên khác.

Như Tưởng về Vô thường, cho đến Tưởng về Diệt cũng như vậy. Hỏi: Trong này đã nói Tưởng khác thì có thể như vậy, Tưởng về

Bất tịnh-Tưởng về Chán ăn thì quá khứ duyên với quá khứ, hiện tại duyên với hiện tại, vị lai sinh khởi thì duyên với vị lai, làm sao có thể làm thành câu thứ ba?

Đáp: Dựa vào tương tự mà nói cũng không có lỗi gì, đó là Tưởng về Bất tịnh trước duyên với bộ xương mà diệt đi, Tưởng về Bất tịnh sau lại duyên với bộ xương mà sinh ra, bởi vì cảnh tướng tương tự cho nên cũng gọi là một, Tưởng về Chán ăn cũng như vậy.

Các pháp do tâm khởi lên không phải là không do tâm…, cho đến nói rộng ra.

Trong chương Nghiệp Uẩn trước đây biểu hiện rõ ràng về phần vị sai biệt của quả yêu thích-không phải là yêu thích do tâm mà khởi lên, trong phần này biểu hiện rõ ràng về phần vị sai biệt của hai nghiệp thân- ngữ do tâm mà khởi lên. Tâm có hai loại, đó là Chuyển và Tùy chuyển. Chuyển đó là có thể dẫn dắt khởi lên hai nghiệp thân-ngữ ở trước nó, Tùy chuyển đó là giúp đỡ hai nghiệp thân-ngữ cùng lúc sinh khởi với nó. Trong này nói đến Chuyển chứ không nói đến Tùy chuyển.

Hỏi: Đã nói các pháp thì đó là pháp gì?

Đáp: Hoặc có người nói: Là luật nghi Biệt giải thoát. Như đưa ra cách nói này: Các pháp là luật nghi Biệt giải thoát, thì đó là nói về các pháp do tâm khởi lên. Nghĩa là luật nghi Biệt giải thoát do lực của tâm mà dẫn dắt khởi lên; không phải là không do tâm, là không có người nào lìa bỏ lực của tâm mà đạt được luật nghi ấy.

Hỏi: Nếu lúc tâm khởi lên thì lúc bấy giờ là pháp ấy chăng?

Đáp: Tâm khởi lên trước, pháp ấy khởi lên sau. Nghĩa là trước tiên khởi tâm như vậy: Mình sẽ thọ luật nghi Biệt giải thoát. Sau đó liền chính thức khởi lên nghiệp Biểu của luật nghi.

Hỏi: Nếu lúc tâm diệt mất thì lúc bấy giờ là pháp ấy chăng?

Đáp: Tâm diệt mất trước, pháp ấy diệt mất sau. Nghĩa là tâm ấy sinh ra trước rồi diệt mất, nghiệp Biểu của luật nghi sinh ra sau rồi lại diệt mất. Nguyên cớ thế nào? Bởi vì các hành Vô thường đã nuốt mất, sinh ra rồi không có khả năng tạm thời dừng lại, sát-na không gián đoạn thì nhất định phải diệt mất.

Hỏi: Nếu lúc tâm đạt được thì lúc bấy giờ là pháp ấy chăng?

Đáp: Tâm đạt được trước, pháp ấy đạt được sau. Nghĩa là tâm thiện

ấy do hai duyên cho nên đạt được, một là tâm thiện nối tiếp nhau, hai là trở lại cõi-địa; luật nghi ấy do biểu hiện cho nên đạt được.

Hỏi: Nếu lúc tâm rời bỏ thì lúc bấy giờ là pháp ấy chăng?

Đáp: Pháp ấy rời bỏ trước, sau mới đến tâm. Nghĩa là luật nghi ấy do bốn duyên cho nên rời bỏ:

1. Rời bỏ Học xứ.
2. Hai hình thể sinh khởi.
3. Đoạn mất căn thiện.
4. Rời bỏ Chúng đồng phần.

Có người nói: Lúc phạm vào tội căn bản thì cũng rời bỏ. Tâm ấy do hai duyên mà rời bỏ:

1. Đoạn mất căn thiện.
2. Vượt qua cõi-địa.

Hỏi: Nếu ở cõi Dục mạng chung sinh trở lại cõi Dục, thì có thể rời bỏ pháp ấy trước, sau mới đến tâm; nếu ở cõi Dục mạng chung sinh đến cõi Sắc-Vô sắc và nhập Niết-bàn, thì pháp ấy và tâm cùng lúc mà rời bỏ, làm sao có thể nói là pháp ấy rời bỏ trước, sau mới đến tâm?

Đáp: Trong này chỉ nói ở cõi Dục mạng chung sinh trở lại cõi Dục, lúc ấy mạng chung thì rời bỏ Chúng đồng phần cho nên luật nghi Biệt giải thoát cũng rời bỏ, tuy rời bỏ Chúng đồng phần mà không rời bỏ tâm.

Có người nói: Ở cõi Dục mạng chung sinh đến cõi Sắc-Vô sắc và nhập Niết-bàn, cũng là trong này đã nói, bởi vì lúc ấy sắp chết thì thân lực yếu kém, hoặc là đoạn dứt Mạt-ma tiếp xúc với sự khổ sở, cho nên liền mất đi luật nghi thân-ngữ đã thọ, sau lúc mạng chung thì tâm ấy mới rời bỏ.

Hỏi: Nếu như vậy thì làm sao có thể là Tỳ kheo ấy mạng chung?

Đáp: Vẫn là tên gọi ban đầu cho nên không có lỗi, như vua mất đi ngôi vị mà vẫn gọi là vua.

Hỏi: Y bát… của người ấy, những người xuất gia làm sao có thể phân chia?

Đáp: Người ấy ở lúc trước đây cũng đã từng phân chia vật dụng tài sản như vậy của người khác, lúc này mạng chung thì người khác trở lại phân chia vật dụng tài sản của họ. Lại bởi vì trước đây do thưa trình chuyển giao đã được cho phép. Từng nghe xưa kia có người Tiên mạng chung, người cùng chung Phạm hạnh thu xếp vật dụng tài sản của vị ấy đem giao nộp cho nhà vua mà nói lời như vậy: Đây là vật dụng tài sản vốn có của vị Tiên ấy, vị ấy không có người thừa kế, nay mang đến giao cho nhà vua, mong nhà vua thâu nhận cho! Nhà vua khiến mang về mà nói rằng: Vật

dụng của những người xuất gia đã tiếp nhận sử dụng, người bình thường như chúng tôi không nên tiếp nhận sử dụng, từ nay về sau những người xuất gia nếu đã mạng chung, thì vật dụng tài sản vốn có của họ, người cùng chung Phạm hạnh nên cùng nhau phân chia. Do sự cho phép này, cho nên không có lỗi.

Lời bình: Như trước đã nói là hợp lý. Nguyên cớ thế nào? Bởi vì tiếp xúc với khổ sở không phải là duyên rời bỏ giới, ban đầu đã kỳ hạn cho đến mạng chung chứ không phải là mạng chưa kết thúc, ngoại trừ đoạn mất căn thiện… mà khiến cho rời bỏ giới. Vì thế cho nên sát-na mạng chung cuối cùng thì tâm và luật nghi cùng lúc mất đi.

Hỏi: Nếu lúc tâm nhận lấy dị thục thì lúc bấy giờ là pháp ấy chăng?

Đáp: Hoặc là lúc bấy giờ, hoặc là lúc khác. Lúc bấy giờ, đó là một sát-na, hoặc là một sự nối tiếp nhau, hoặc là một phần vị, hoặc là một Chúng đồng phần. Lúc khác, đó là sát-na khác, hoặc là sự nối tiếp nhau khác, hoặc là phần vị khác, hoặc là Chúng đồng phần khác, bởi vì thời gian hiện tại có bốn loại.

Lại có người nói: Các pháp đó là không luật nghi. Như đưa ra cách nói này: Các pháp là không luật nghi, thì đó là nói về các pháp do tâm khởi lên. Nghĩa là không luật nghi do lực của tâm mà dẫn dắt khởi lên; không phải là không do tâm, là không có người nào lìa bỏ lực của tâm mà có được không luật nghi.

Hỏi: Nếu lúc tâm khởi lên thì lúc bấy giờ là pháp ấy chăng?

Đáp: Tâm khởi lên trước, pháp ấy khởi lên sau. Nghĩa là trước tiên khởi tâm như vậy: Mình sẽ nhận làm sự nghiệp như vậy. Sau đó liền chính thức khởi lên nghiệp Biểu của không luật nghi.

Hỏi: Nếu lúc tâm diệt mất thì lúc bấy giờ là pháp ấy chăng?

Đáp: Tâm diệt mất trước, pháp ấy diệt mất sau. Nghĩa là tâm ấy sinh ra trước rồi diệt mất, không luật nghi sinh ra sau rồi lại diệt mất. Như trước đã giải thích.

Hoi: Nếu lúc tâm đạt được thì lúc bấy giờ là pháp ấy chăng?

Đáp: Tâm đạt được trước, pháp ấy đạt được sau. Nghĩa là tâm bất thiện ấy do hai duyên cho nên đạt được, một là từ lìa dục mà lui sụt, hai là trở lại cõi-địa; không luật nghi ấy do biểu hiện cho nên đạt được.

Hỏi: Nếu lúc tâm rời bỏ thì lúc bấy giờ là pháp ấy chăng?

Đáp: Pháp ấy rời bỏ trước, sau mới đến tâm. Nghĩa là không luật nghi ấy do bốn duyên cho nên rời bỏ:

1. Thọ nhận luật nghi.
2. Đạt được Tĩnh lự.
3. Hai hình thể sinh khởi.
4. Rời bỏ Chúng đồng phần.

Tâm bất thiện ấy do một duyên mà rời bỏ, đó là lúc lìa nhiễm cõi Dục.

Hỏi: Nếu lúc tâm nhận lấy dị thục thì lúc bấy giờ là pháp ấy chăng?

Đáp: Hoặc là lúc bấy giờ, hoặc là lúc khác. Giải thích như trước.

Lại có người nói: Các pháp đó là phi luật nghi phi bất luật nghi, tất cả hành diệu-hành ác của thân-ngữ. Như đưa ra cách nói này: Các pháp là phi luật nghi phi bất luật nghi, tất cả hành diệu-hành ác của thân-ngữ, thì đó là nói về các pháp do tâm khởi lên. Nghĩa là hành diệu-hành ác của thân-ngữ ấy do lực của tâm mà dẫn dắt khởi lên; không phải là không do tâm, là không có người nào lìa bỏ lực của tâm mà có được hành diệu-hành ác của thân-ngữ ấy.

Hỏi: Nếu lúc tâm khởi lên thì lúc bấy giờ là pháp ấy chăng?

Đáp: Tâm khởi lên trước, pháp ấy khởi lên sau. Nghĩa là trước tiên khởi tâm như vậy: Mình sẽ làm sự nghiệp như vậy-như vậy. Sau đó liền chính thức khởi lên nghiệp Biểu của thân-ngữ ấy.

Hỏi: Nếu lúc tâm diệt mất thì lúc bấy giờ là pháp ấy chăng?

Đáp: Tâm diệt mất trước, pháp ấy diệt mất sau. Như trước đã giải thích.

Hỏi: Nếu lúc tâm đạt được thì lúc bấy giờ là pháp ấy chăng?

Đáp: Tâm đạt được trước, pháp ấy đạt được sau. Nghĩa là tâm thiện ấy do hai duyên cho nên đạt được, một là căn thiện nối tiếp nhau, hai là trở lại cõi-địa; tâm bất thiện ấy cũng do hai duyên cho nên đạt được, từ lìa dục mà lui sụt, hai là trở lại cõi-địa; hành diệu-hành ác của thân-ngữ ấy do biểu hiện cho nên đạt được.

Hỏi: Nếu lúc tâm rời bỏ thì lúc bấy giờ là pháp ấy chăng?

Đáp: Pháp ấy rời bỏ trước, sau mới đến tâm. Nghĩa là hành diệu- hành ác của thân-ngữ ấy do ba duyên cho nên rời bỏ:

1. Ý thích dừng lại.
2. Rời bỏ gia hạnh.
3. Thế lực không còn.

Tâm bất thiện do một duyên cho nên rời bỏ, đều nói như trước.

Hỏi: Nếu lúc tâm nhận lấy dị thục thì lúc bấy giờ là pháp ấy chăng?

Đáp: Hoặc là lúc bấy giờ, hoặc là lúc khác. Giải thích như trước. Có thể có pháp là đã thông đạt-đã biết khắp…, cho đến nói rộng ra.

Hỏi: Vì sao soạn ra phần luận này?

Đáp: Bởi vì muốn ngăn chặn tông chỉ của người khác để hiển bày về nghĩa lý của mình. Đó là hoặc có người nói: Đã thông đạt-đã biết khắp, không phải là pháp có thật.

Hoặc lại có người nói: Hữu vi vô lậu cũng là đã đoạn.

Hoặc lại có người nói: Gia hạnh đã khởi lên vô phú vô ký cũng là đã tu.

Hoặc lại có người nói: Chỉ có Niết-bàn là đã tác chứng.

Bởi vì muốn ngăn chặn những ý chấp như vậy, để trình bày về đã thông đạt-đã biết khắp là pháp có thật, đã đoạn chỉ là hữu lậu, đã tu chỉ là thiện hữu vi, đã chứng bao gồm tất cả các thiện, và dựa vào Định mà khởi lên vô phú vô ký, cho nên soạn ra phần luận này.

Đã thông đạt, đó là tất cả các pháp đều là do Tuệ thiện mà thông đạt. Đã biết khắp, đó là tất cả các pháp do Trí biết khắp mà biết khắp. Như nói: "Đã thông đạt là thế nào? Đó là tất cả các pháp. Đã biết khắp là thế nào? Đó là tất cả các pháp."

Đã đoạn, đó là tất cả pháp hữu lậu, là do đạo đối trị mà cần phải đoạn. Như nói: "Pháp đã đoạn là thế nào? Đó là tất cả pháp hữu lậu."

Đã tu, đó là tất cả pháp thiện hữu vi, là tu đạt được-tu luyện tập, tùy theo một loại hoặc là cả hai loại. Như nói: "Pháp đã tu là thế nào?

Đó là tất cả pháp thiện hữu vi."

Đã tác chứng, đó là tất cả thiện và dựa vào Định đã khởi lên vô phú vô ký, là pháp đáng vui mừng tôn trọng cầu mong đạt được. Như nói: "Pháp đã tác chứng là thế nào? Đó là tất cả pháp thiện và dựa vào Tam-ma-bát-đề đã khởi lên Thiên nhãn-Thiên nhĩ vô phú vô ký."

Hỏi: Có thể có pháp là đã thông đạt-đã biết khắp, không phải là đã đoạn, không phải là đã tu, không phải là đã tác chứng chăng?

Đáp: Có, đó là Hư không-Phi trạch diệt, hai pháp như vậy là đã thông đạt, bởi vì là do Tuệ thiện mà thông đạt; cũng là đã biết khắp, bởi vì là do Trí biết khắp mà biết khắp; không phải là đã đoạn, bởi vì vô lậu; không phải là đã tu, bởi vì vô vi; không phải là đã tác chứng, bởi vì không phải là pháp đáng vui mừng tôn trọng cầu mong đạt được.

Hỏi: Có thể có pháp là đã thông đạt-đã biết khắp, không phải là đã đoạn, không phải là đã tu, mà là đã tác chứng chăng?

Đáp: Có, đó là Trạch diệt, đây là pháp đã tác chứng, bởi vì là pháp đáng vui mừng tôn trọng cầu mong đạt được. Còn lại giải thích như trước.

Hỏi: Có thể có pháp là đã thông đạt-đã biết khắp, không phải là đã đoạn, mà là đã tu, là đã tác chứng chăng?

Đáp: Có, đó là pháp hữu vi vô lậu, bởi vì đây là pháp thiện hữu vi đã tu. Còn lại giải thích như trước.

Hỏi: Có thể có pháp là đã thông đạt-đã biết khắp, mà là đã đoạn, là đã tu, là đã tác chứng chăng?

Đáp: Có, đó là hành thiện hữu lậu, bởi vì đây là pháp hữu lậu đã đoạn. Còn lại giải thích như trước.

Hỏi: Có thể có pháp là đã thông đạt-đã biết khắp, là đã đoạn, không phải là đã tu, mà là đã tác chứng chăng?

Đáp: Có, đó là do Định mà khởi lên Thiên nhãn-Thiên nhĩ, bởi vì đây là pháp hữu lậu đã đoạn; không phải là đã tu, bởi vì vô ký; mà là đã tác chứng, bởi vì dựa vào Định mà khởi lên mong cầu đạt được pháp ấy. Còn lại giải thích như trước.

Hỏi: Có thể có pháp là đã thông đạt-đã biết khắp, là đã đoạn, không phải là đã tu, mà làm đã tác chứng chăng?

Đáp: Có, đó là trừ ra do Định mà khởi lên Thiên nhãn-Thiên nhĩ, còn lại hành vô ký và pháp bất thiện, nghĩa giải thích như trước.

Hỏi: Các Sư nước ngoài nói: Pháp vô phú vô ký đã tác chứng có tám loại, đó là dựa vào Định mà khởi lên Thiên nhãn-Thiên nhĩ, và hai Thức vô phú vô ký ấy, Pháp-Từ vô ngại giải, Nguyện trí-tâm biến hóa.

Vì sao trong này chỉ nói đến Thiên nhãn-Thiên nhĩ, chứ không phải là pháp nào khác?

Đáp: Văn cú đã tụng của các Sư nước ngoài đưa ra cách nói như vậy: "Pháp đã tác chứng là thế nào? Đó là tất cả pháp thiện và dựa vào Tam-ma-bát-để đã khởi lên pháp vô phú vô ký."

Các Sư ở nước Ca-thấp-di-la cũng đưa ra cách nói này mà không nói đến, là có ý khác, đó là dựa vào Định mà khởi lên Thiên nhãn thức- Thiên nhĩ thức, thâu nhiếp ở trong Thiên nhãn-Thiên nhĩ đã nói, nếu nói đến sở y thì nên biết là đã nói đến năng y; Pháp-Từ vô ngại giải và Nguyện trí đều chỉ là thiện, cũng là đã tu, không phải là do pháp này thâu nhiếp, cho nên không cần phải vặn hỏi; tâm biến hóa tựa như xoay chuyển khéo léo, không phải là pháp vui mừng tôn trọng quá mức, cho nên trong này không nói đến. Vì thế cho nên không tùy theo văn ấy đã nói.

Lại nữa, nếu dựa vào gia hạnh đích thực mà mong cầu đạt được, thì bởi vì là tăng thượng, cho nên trong này nói đến; Thiên nhãn thức- Thiên nhĩ thức không có gia hạnh riêng biệt, chỉ nhờ vào sự mong cầu đạt được Thiên nhãn-Thiên nhĩ, các tâm biến hóa nhờ vào phát khởi gia hạnh cầu mong đạt được lìa nhiễm, đều không phải là tăng thượng, cho nên ở đây không nói đến.

Lại nữa, Thiên nhãn-Thiên nhĩ thực hiện nhiều gia hạnh, thành tựu trong thời gian ngắn thì điều này là ít có, cho nên ở đây nói đến; Thức ấy và tâm biến hóa nhờ vào lìa nhiễm cõi Dục, hoặc là lúc trở lại cõi-địa, không dụng công mà đạt được, đạt được rồi luôn luôn thành tựu trong ba đời, không phải là điều ít có, cho nên ở đây không nói đến.

Lại nữa, bởi vì Thiên nhãn-Thiên nhĩ là quả của tu, là quả của chi Định thâu nhiếp tiếp nhận, sau khi lìa nhiễm cõi Dục có thể hiện rõ trước mắt, ở tất cả mọi lúc Thức không trống rỗng, khởi lên chắc chắn không có Bỉ đồng phần, chỉ thành tựu thì nhất định có tác dụng, là nơi nương tựa chung của Nhãn-Nhĩ, là căn bản thù thắng chán ngán sinh tử, cho nên trong này nói đến; pháp khác thì không như vậy, vì thế cho nên không nói đến.

Trong này, đã nói đến Phi trạch diệt, đó là Diệt không phải là do lìa ràng buộc, không phải là do chọn lựa pháp mà đạt được, lúc các Bổ- đặc-già-la đạt được thì không lìa ràng buộc. Đã nói đến Trạch diệt, đó là Diệt chính là do lìa ràng buộc, chính là do chọn lựa pháp mà đạt được, lúc các Bổ-đặc-già-la đạt được thì liền lìa ràng buộc. Hai pháp Diệt này nói rộng ra như phẩm luận về Ái Kính trong chương Tạp Uẩn.

Có thể có pháp không có duyên của Nhân duyên, không có duyên của Pháp duyên, không có duyên của pháp câu sinh…, cho đến nói rộng ra.

Hỏi: Vì sao soạn ra phần luận này?

Đáp: Bởi vì muốn ngăn chặn tông chỉ của người khác để hiển bày về nghĩa lý của mình. Đó là hoặc có người nói: Các tướng hữu vi không có Thể tánh thật sự. Như phái Thí Dụ đã nói. Nguyên cớ thế nào? Bởi vì họ nói các tướng hữu vi là bất tương ưng hành, do Hành uẩn thâu nhiếp, các bất tương ưng hành đều không có Thể thật sự.

Hoặc lại có người nói: Các tướng hữu vi là pháp vô vi. Như Luận giả Phân Biệt đã nói. Nguyên cớ thế nào? Vị ấy đưa ra cách nói này: Nếu tướng hữu vi là hữu vi, thì lực của nó yếu kém làm sao có thể sinh khởi pháp khác, ngay cả làm cho hủy diệt? Bởi vì là vô vi cho nên mới có thể sinh khởi pháp khác, cho đến hủy diệt.

Hoặc lại có người nói: Trong tướng hữu vi thì sinh-lão-trú là hữu vi,

diệt là vô vi. Nguyên cớ thế nào? Bởi vì họ nói các pháp làm cho sinh-lão-trú thì dễ, làm cho diệt thì khó. Nếu tướng Vô thường là hữu vi, thì tánh ấy yếu kém làm sao có thể hủy diệt pháp khác? Bởi vì là vô vi cho nên tánh ấy mạnh mẽ, mới có thể hủy diệt các pháp.

Hoặc lại có người nói: Sắc pháp sinh-lão-trú-vô thường thì Thể tức là Sắc.

Hoặc lại có người nói: Các tướng hữu vi là pháp tương ưng.

Bởi vì ngăn chặn các loại chấp trước lạ lùng như vậy, hiển bày về tướng hữu vi là tánh có thật, không phải là pháp vô vi, không phải tức là Sắc, đều là bất tương ưng, cho nên soạn ra phần luận này.

Hỏi: Có thể có pháp không có duyên của Nhân duyên, không có duyên của Pháp duyên, không có duyên của pháp câu sinh; là có, là tánh có; không phải là không có, không phải là tánh không có; khác với Sắc, khác với Thọ-Tưởng-Thức, khác với tương ưng hành chăng?

Đáp: Có, đó là năm Thức thân-pháp tương ưng của năm Thức thân và duyên với Sắc-vô vi-tâm-bất tương ưng hành, Ý thức thân-pháp tương ưng của Ý thức thân vốn có sinh-lão-trú-vô thường; đây là pháp không có duyên, bởi vì là bất tương ưng hành cho nên không có sở duyên; đây là Nhân duyên, không có duyên của Pháp duyên, không có duyên của pháp câu sinh, bởi vì dùng sáu Thức thân đã nói trước đây và pháp tương ưng để làm Nhân, tức là cùng với pháp ấy câu sinh. Vì vậy đã ngăn chặn ý chấp về tướng hữu vi là vô vi. Không phải là pháp vô vi, bởi vì từ nhân mà sinh ra; đây là có, bởi vì không phải là pháp không có; là tánh có, bởi vì không phải là pháp vay mượn; không phải là không có, không phải là tánh không có. Đây là quyết định về nghĩa đã nói ở trước.

Lại nữa, hai câu trước thành lập về luận thuyết của mình, hai câu sau ngăn chặn và phá bỏ luận thuyết của người khác.

Thành lập về luận thuyết của mình, như người nói pháp thiện thì thành lập tông chỉ về nói pháp thiện, người nói pháp ác thì thành lập tông chỉ về nói pháp ác; Luận giả Ứng Lý thì thành lập tông chỉ về luận Ứng Lý, Luận giả Phân Biệt thì thành lập tông chỉ về luận Phân Biệt.

Ngăn chặn và phá bỏ luận thuyết của người khác, như người nói pháp thiện thì ngăn chặn và phá bỏ tông chỉ về nói pháp ác, người nói pháp ác thì ngăn chặn và phá bỏ tông chỉ về nói pháp thiện; Luận giả Ứng Lý thì ngăn chặn và phá bỏ tông chỉ về luận Phân Biệt, Luận giả Phân Biệt thì ngăn chặn và phá bỏ tông chỉ về luận Ứng Lý.

Nay ở đây cũng như vậy, hai câu trước thành lập về tông chỉ của

mình, hai câu sau ngăn chặn và phá bỏ tông chỉ của người khác. Nếu không thành lập về tông chỉ của mình mà phá bỏ tông chỉ của người khác, thì trở thành luận bàn trống rỗng, bởi vì không có chỗ dựa. Nếu chỉ thành lập tông chỉ của mình mà không phá bỏ tông chỉ của người khác, thì đối với tông chỉ của mình không phải là khéo thành lập. Vì thế cho nên trước phải thành lập tông chỉ của mình, sau mới phá bỏ luận thuyết của người khác.

Nghĩa nói rằng pháp này là sinh-lão-trú-vô thường, có lý lẽ như vậy, pháp vốn như vậy, là có-là tánh có, không phải là không có-không phải là tánh không có. Vì vậy đã ngăn chặn ý chấp về tướng hữu vi không phải là có thật.

Pháp này khác với Sắc, bởi vì không phải là pháp thuộc Sắc; khác với Thọ-Tưởng-Thức, bởi vì không phải là pháp thuộc Thọ-Tưởng- Thức. Vì vậy đã ngăn chặn ý chấp về tướng của Sắc… tức là Sắc…

Pháp này khác với tương ưng hành, bởi vì là pháp bất tương ưng.

Vì vậy đã ngăn chặn ý chấp về tướng hữu vi là pháp tương ưng.

Hỏi: Pháp này đối với pháp kia, nên nói là Nhân hay nên nói là Duyên?

Đáp: Nên nói là Nhân, nên nói là Duyên.

Hỏi: Trong này, loại nào gọi là pháp này, loại nào gọi là pháp kia?

Đáp: Có người đưa ra cách nói này: Sinh-lão-trú-vô thường là pháp này, loại này đi cùng với sáu Thức thân và pháp tương ưng là pháp kia.

Nếu đưa ra cách nói này thì đó là nói: Nếu pháp này đối với pháp kia khởi lên cùng lúc, thì nên nói là Nhân, nên nói là Duyên. Nhân là một nhân, đó là nhân Câu hữu. Duyên là hai duyên, đó là Nhân và Tăng thượng. Nếu pháp này đối với pháp kia khởi lên sau, thì cũng nên nói là Nhân, nên nói là Duyên. Nhân là ba nhân, đó là nhân Đồng loại-Biến hành-Dị thục. Duyên là ba duyên, đó là trừ ra Đẳng vô gián. Nếu pháp này đối với pháp kia khởi lên trước, thì nên nói là Duyên chứ không nên nói là Nhân. Duyên là hai duyên, đó là trừ ra Sở duyên và Tăng thượng. Nếu pháp này đứng đầu đối với pháp kia, thì nên nói là Nhân, nên nói là Duyên. Nhân là bốn nhân, đó là nhân Câu hữu-Đồng loại-Biến hành- Dị thục. Duyên là ba duyên, đó là trừ ra Đẳng vô gián.

Lại có người nói: Trước đã nói sáu Thức thân và pháp tương ưng là pháp này, loại này đi cùng với sinh-lão-trú-vô thường là pháp kia.

Nếu đưa ra cách nói này thì đó là nói: Nếu pháp này đối với pháp kia khởi lên cùng lúc, thì nên nói là Nhân, nên nói là Duyên. Nhân là một nhân,

đó là nhân Câu hữu. Duyên là hai duyên, đó là Nhân và Tăng thượng. Nếu pháp này đối với pháp kia khởi lên sau, thì nên nói là Nhân, nên nói là Duyên. Nhân là ba nhân, đó là nhân Đồng loại- Biến hành-Dị thục. Duyên là hai duyên, đó là Nhân và Tăng thượng. Nếu pháp này đối với pháp kia khởi lên trước, thì nên nói là Duyên chứ không nên nói là Nhân. Duyên là một duyên, đó là Tăng thượng. Nếu pháp này đứng đầu đối với pháp kia, thì nên nói là Nhân, nên nói là Duyên. Nhân là bốn nhân, đó là nhân Câu hữu-Đồng loại-Biến hành-Dị thục. Duyên là hai duyên, đó là Nhân và Tăng thượng.

Lại có người nói: Ngay trước đã nói sinh-lão-trú-vô thường là pháp này, đồng loại của sinh-lão-trú-vô thường này là pháp kia.

Nếu đưa ra cách nói này thì đó là nói: Nếu pháp này đối với pháp kia khởi lên cùng lúc, thì nên nói là Nhân, nên nói là Duyên. Nhân là một nhân, đó là nhân Câu hữu. Duyên là hai duyên, đó là Nhân và Tăng thượng. Nếu pháp này đối với pháp kia khởi lên sau, thì nên nói là Nhân, nên nói là Duyên. Nhân là ba nhân, đó là nhân Đồng loại- Biến hành-Dị thục. Duyên là hai duyên, đó là Nhân và Tăng thượng. Nếu pháp này đối với pháp kia khởi lên trước, thì nên nói là Duyên chứ không nên nói là Nhân. Duyên là một duyên, đó là Tăng thượng. Nếu pháp này đứng đầu đối với pháp kia, thì nên nói là Nhân, nên nói là Duyên. Nhân là bốn nhân, đó là nhân Câu hữu-Đồng loại-Biến hành-Dị thục. Duyên là hai duyên, đó là Nhân và Tăng thượng.

Lại có người nói: Ngay trước đã nói sinh-lão-trú-vô thường là pháp này, sinh này đồng loại với sinh cho đến vô thường này đồng loại với vô thường là pháp kia.

Nếu đưa ra cách nói này thì đó là nói: Nếu pháp này đối với pháp kia khởi lên cùng lúc, thì nên nói là Nhân, nên nói là Duyên. Nhân là một nhân, đó là nhân Câu hữu. Duyên là hai duyên, đó là Nhân và Tăng thượng. Nếu pháp này đối với pháp kia khởi lên sau, thì nên nói là Nhân, nên nói là Duyên. Nhân là ba nhân, đó là nhân Đồng loại- Biến hành-Dị thục. Duyên là hai duyên, đó là Nhân và Tăng thượng. Nếu pháp này đối với pháp kia khởi lên trước, thì nên nói là Duyên chứ không nên nói là Nhân. Duyên là một duyên, đó là Tăng thượng. Nếu pháp này đứng đầu đối với pháp kia, thì nên nói là Nhân, nên nói là Duyên. Nhân là bốn nhân, đó là nhân Câu hữu-Đồng loại-Biến hành-Dị thục. Duyên là hai duyên, đó là Nhân và Tăng thượng.

Hỏi: Pháp này nên nói là thiện, là bất thiện hay là vô ký?

Đáp: Đối với pháp thiện thì nên nói là thiện, đối với pháp bất thiện thì nên nói là bất thiện, đối với pháp vô ký thì nên nói là vô ký, bởi vì tánh loại do sinh mà sinh cho đến do diệt mà diệt nhất định phải giống nhau.

Hỏi: Pháp này có mấy tùy miên tùy tăng, có mấy kiết hệ thuộc?

Đáp: Tùy miên duyên hữu lậu của ba cõi tùy tăng, chín kiết hệ thuộc.

Hỏi: Vì sao không nói tùy miên duyên vô lậu của pháp này tùy tăng?

Đáp: Do hai duyên cho nên tùy miên tùy tăng, một là vì sở duyên, hai là vì tương ưng. Tùy miên duyên vô lậu bởi vì không có sở duyên, tùy tăng là cảnh giải thoát, tuy có tương ưng cho nên tùy tăng mà đối với loại này không có gì không tương ưng với loại này.

Trong này, dựa vào chủng loại mà nói tổng quát, cho nên nói là tùy miên duyên hữu lậu của ba cõi tùy tăng, chín kiết hệ thuộc. Nếu nói riêng biệt thì cõi Dục đối với cõi Dục, cho đến cõi Vô sắc đối với cõi Vô sắc; tất cả tùy miên do kiến Khổ mà đoạn và biến hành do kiến Tập mà đoạn đối với kiến Khổ mà đoạn, tất cả tùy miên do kiến Tập mà đoạn và biến hành do kiến Khổ mà đoạn đối với kiến Tập mà đoạn, tùy miên duyên hữu lậu và biến hành do kiến Diệt mà đoạn đối với kiến Diệt mà đoạn, tùy miên duyên hữu lậu và biến hành do kiến Đạo mà đoạn đối với kiến Đạo mà đoạn, tất cả tùy miên và biến hành do Tu mà đoạn đối với do Tu mà đoạn. Chín kiết của cõi Dục đối với cõi Dục, sáu kiết của cõi Sắc đối với cõi Sắc, sáu kiết của cõi Vô sắc đối với cõi Vô sắc. Như vậy, tùy miên duyên hữu lậu của ba cõi và chín kiết, đối với pháp này đều do sở duyên cho nên tùy tăng và hệ thuộc chứ không phải là bởi vì tương ưng. Các tướng hữu vi nói rộng ra như phẩm luận về Sắc trong chương Tạp Uẩn.

-oOo-

LUẬN A TỲ ĐẠT MA ĐẠI TỲ BÀ SA

QUYỂN 196

LUẬN VỀ TƯỞNG (Phần 2)

Kiến tương ưng với Thọ có mấy tùy miên tùy tăng? Cho đến nói rộng ra.

Hỏi: Vì sao soạn ra phần luận này?

Đáp: Bởi vì ngăn chặn ý gạt bỏ không có Chánh kiến thế tục, hiển bày thật sự có Chánh kiến thế tục là tùy tăng của tùy miên do Tu mà đoạn và tùy tăng của tùy miên biến hành; vả lại, ngăn chặn ý nói là có tùy miên Nghi do Tu mà đoạn, hiển bày về tùy miên Nghi chỉ là do Kiến mà đoạn, cho nên soạn ra phần luận này.

Hỏi: Như ban đêm trông thấy vật, hoài nghi là cây cột chăng, hay là người chăng? Nghi này lẽ nào không phải là do Tu mà đoạn hay sao?

Đáp: Lúc này đối với sự việc ấy chưa rõ ràng cho nên nghi ngờ, lúc rõ ràng thì đoạn mất chứ không phải là tánh thuộc tùy miên.

Hỏi: Trong này vì sao chỉ dựa vào Kiến-Nghi mà soạn luận?

Đáp: Bởi vì đó là ý của người soạn luận muốn như vậy, cho đến nói rộng ra.

Lại nữa, chỉ có hai loại này không tương ưng với nhau mà cùng duyên với bốn Đế, cùng bao gồm biến hành, cùng duyên với hữu lậu-vô lậu, cùng duyên với hữu vi-vô vi, đối với phiền não khác là hơn hẳn. Tham-Sân-Mạn tuy không tương ưng với nhau, mà không có thể cùng duyên với bốn Đế, chỉ là không biến hành, chỉ duyên với hữu lậu, chỉ duyên với hữu vi. Vô minh tuy duyên với bốn Đế, cũng là biến hành cùng duyên với hữu vi-vô vi, hữu lậu-vô lậu, mà tương ưng với tất cả phiền não; đều không phải là tăng mạnh hơn hẳn, vì thế cho nên trong này chỉ dựa vào Kiến-Nghi mà soạn luận.

Hỏi: Kiến tương ưng với Thọ có mấy tùy miên tùy tăng?

Đáp: Tùy miên duyên hữu lậu của ba cõi và Kiến duyên vô lậu, Kiến ấy tương ưng với tùy miên Vô minh tùy tăng. Đây là nói tổng quát. Nếu

nói riêng biệt thì Kiến tương ưng với Thọ sai biệt có năm, đó là do kiến Khổ mà đoạn cho đến do Tu mà đoạn.

Trong này, Kiến tương ưng với Thọ do kiến Khổ mà đoạn, là tất cả tùy miên do kiến Khổ mà đoạn, và tùy miên biến hành tùy tăng do kiến Tập mà đoạn; Kiến tương ưng với Thọ do kiến Tập mà đoạn, là tất cả tùy miên do kiến Tập mà đoạn, và tùy miên biến hành tùy tăng do kiến Khổ mà đoạn; Kiến tương ưng với Thọ do kiến Diệt mà đoạn, là Kiến duyên vô lậu do kiến Diệt mà đoạn, Kiến ấy tương ưng với Vô minh, tất cả tùy miên duyên hữu lậu, và tùy miên biến hành tùy tăng do kiến Diệt mà đoạn; Kiến tương ưng với Thọ do kiến Đạo mà đoạn, là Kiến duyên vô lậu do kiến Đạo mà đoạn, Kiến ấy tương ưng với Vô minh, tất cả tùy miên duyên hữu lậu, và tùy miên biến hành tùy tăng do kiến Đạo mà đoạn; Kiến tương ưng với Thọ do Tu mà đoạn, là tất cả tùy miên và tùy miên biến hành tùy tăng do Tu mà đoạn.

Trong này, tùy tăng sai biệt nên làm thành bốn câu phân biệt:

1. Hoặc có tùy miên đối với Kiến tương ưng với Thọ, bởi vì sở duyên cho nên tùy tăng chứ không phải là bởi vì tương ưng.

2. Hoặc có tùy miên đối với Kiến tương ưng với Thọ, bởi vì tương ưng cho nên tùy tăng chứ không phải là bởi vì sở duyên.

3. Hoặc có tùy miên đối với Kiến tương ưng với Thọ, bởi vì sở duyên cho nên tùy tăng mà cũng là bởi vì tương ưng.

4. Hoặc có tùy miên đối với Kiến tương ưng với Thọ, không phải là bởi vì sở duyên cho nên tùy tăng cũng không phải là bởi vì tương ưng.

Câu thứ nhất, đó là trừ ra Kiến duyên hữu lậu, Kiến ấy tương ưng với Vô minh, còn lại các tùy miên duyên hữu lậu.

Câu thứ hai, đó là Kiến duyên vô lậu, Kiến ấy tương ưng với Vô minh.

Câu thứ ba, đó là Kiến duyên hữu lậu, Kiến ấy tương ưng với minh.

Vô Câu thứ tư, đó là trừ ra Kiến duyên vô lậu, Kiến ấy tương ưng với Vô minh, còn lại các tùy miên duyên vô lậu.

Hỏi: Kiến không tương ưng với Thọ có mấy tùy miên tùy tăng?

Đáp: Trừ ra Kiến duyên vô lậu, Kiến ấy tương ưng với Vô minh,

còn lại các tùy miên tùy tăng. Đây là nói tổng quát. Nếu nói riêng biệt thì Kiến không tương ưng với Thọ sai biệt có năm, đó là do kiến Khổ mà đoạn cho đến do Tu mà đoạn.

Trong này, Kiến không tương ưng với Thọ do kiến Khổ mà đoạn, là tất cả tùy miên do kiến Khổ mà đoạn, và tùy miên biến hành tùy tăng do

kiến Tập mà đoạn; Kiến không tương ưng với Thọ do kiến Tập mà đoạn, là tất cả tùy miên do kiến Tập mà đoạn, và tùy miên biến hành tùy tăng do kiến Khổ mà đoạn; Kiến không tương ưng với Thọ do kiến Diệt mà đoạn, là trừ ra Tà kiến do kiến Diệt mà đoạn, Tà kiến ấy tương ưng với Vô minh, còn lại các tùy miên, và tùy miên biến hành tùy tăng do kiến Diệt mà đoạn; Kiến không tương ưng với Thọ do kiến Đạo mà đoạn, là Tà kiến do kiến Đạo mà đoạn, Tà kiến ấy tương ưng với Vô minh, còn lại các tùy miên, và tùy miên biến hành tùy tăng do kiến Đạo mà đoạn; Kiến không tương ưng với Thọ do Tu mà đoạn, là tất cả tùy miên và tùy miên biến hành tùy tăng do Tu mà đoạn.

Trong này, tùy tăng sai biệt cũng làm thành bốn câu phân biệt:

1. Hoặc có tùy miên đối với Kiến không tương ưng với Thọ, bởi vì sở duyên cho nên tùy tăng chứ không phải là bởi vì tương ưng.

2. Hoặc có tùy miên đối với Kiến không tương ưng với Thọ, bởi vì tương ưng cho nên tùy tăng chứ không phải là bởi vì sở duyên.

3. Hoặc có tùy miên đối với Kiến không tương ưng với Thọ, bởi vì sở duyên cho nên tùy tăng mà cũng là bởi vì tương ưng.

4. Hoặc có tùy miên đối với Kiến không tương ưng với Thọ, không phải là bởi vì sở duyên cho nên tùy tăng cũng không phải là bởi vì tương ưng.

Câu thứ nhất, đó là Kiến duyên hữu lậu, Kiến ấy tương ưng với Vô minh.

Câu thứ hai, đó là trừ ra Kiến duyên vô lậu, Kiến ấy tương ưng với Vô minh, còn lại các tùy miên duyên vô lậu.

Câu thứ ba, đó là trừ ra Kiến duyên hữu lậu, Kiến ấy tương ưng với Vô minh, còn lại các tùy miên duyên hữu lậu.

Câu thứ tư, đó là Kiến duyên vô lậu, Kiến ấy tương ưng với Vô minh.

Hỏi: Nghi tương ưng với Thọ có mấy tùy miên tùy tăng?

Đáp: Tùy miên duyên hữu lậu do kiến Khổ mà đoạn của ba cõi và Nghi duyên vô lậu, Nghi ấy tương ưng với tùy miên Vô minh tùy tăng. Đây là nói tổng quát. Nếu nói riêng biệt thì Nghi tương ưng với Thọ sai biệt có bốn, đó là do kiến Khổ-Tập-Diệt-Đạo mà đoạn.

Trong này, Nghi tương ưng với Thọ do kiến Khổ mà đoạn và do kiến Tập mà đoạn, nói như trước; Nghi tương ưng với Thọ do kiến Diệt mà đoạn, là Nghi do kiến Diệt mà đoạn, Nghi ấy tương ưng với Vô minh, tất cả tùy miên duyên hữu lậu, và tùy miên biến hành tùy tăng do kiến Diệt mà đoạn; Nghi tương ưng với Thọ do kiến Đạo mà đoạn, là Nghi do kiến Đạo mà

đoạn, Nghi ấy tương ưng với Vô minh, tất cả tùy miên duyên hữu lậu, và tùy miên biến hành tùy tăng do kiến Đạo mà đoạn.

Trong này, tùy tăng sai biệt cũng làm thành bốn câu phân biệt:

1. Hoặc có tùy miên đối với Nghi tương ưng với Thọ, bởi vì sở duyên cho nên tùy tăng chứ không phải là bởi vì tương ưng.

2. Hoặc có tùy miên đối với Nghi tương ưng với Thọ, bởi vì tương ưng cho nên tùy tăng chứ không phải là bởi vì sở duyên.

3. Hoặc có tùy miên đối với Nghi tương ưng với Thọ, bởi vì sở duyên cho nên tùy tăng mà cũng là bởi vì tương ưng.

4. Hoặc có tùy miên đối với Nghi tương ưng với Thọ, không phải là bởi vì sở duyên cho nên tùy tăng cũng không phải là bởi vì tương ưng.

Câu thứ nhất, đó là trừ ra Nghi duyên hữu lậu, Nghi ấy tương ưng với Vô minh, còn lại các tùy miên duyên hữu lậu do Kiến mà đoạn.

Câu thứ hai, đó là Nghi duyên vô lậu, Nghi ấy tương ưng với Vô minh.

Câu thứ ba, đó là Nghi duyên hữu lậu, Nghi ấy tương ưng với minh.

Vô Câu thứ tư, đó là trừ ra Nghi duyên vô lậu, Nghi ấy tương ưng với Vô minh, còn lại các tùy miên duyên vô lậu.

Hỏi: Nghi không tương ưng với Thọ có mấy tùy miên tùy tăng? Đáp: Trừ ra Nghi duyên vô lậu, Nghi ấy tương ưng với Vô minh,

còn lại các tùy miên tùy tăng. Đây là nói tổng quát. Nếu nói riêng biệt thì Nghi không tương ưng với Thọ sai biệt có năm, đó là do kiến Khổ mà đoạn cho đến do Tu mà đoạn.

Trong này, Nghi không tương ưng với Thọ do kiến Khổ mà đoạn và do kiến Tập mà đoạn, nói như trước; Nghi không tương ưng với Thọ do kiến Diệt mà đoạn, là trừ ra Nghi do kiến Diệt mà đoạn, Nghi ấy tương ưng với Vô minh, còn lại các tùy miên, và tùy miên biến hành tùy tăng do kiến Diệt mà đoạn; Nghi không tương ưng với Thọ do kiến Đạo mà đoạn, là trừ ra Nghi do kiến Đạo mà đoạn, Nghi ấy tương ưng với Vô minh, còn lại các tùy miên, và tùy miên biến hành tùy tăng do kiến Đạo mà đoạn; Nghi không tương ưng với Thọ do Tu mà đoạn, là tất cả tùy miên và tùy miên biến hành tùy tăng do Tu mà đoạn.

Trong này, tùy tăng sai biệt cũng làm thành bốn câu phân biệt:

1. Hoặc có tùy miên đối với Nghi không tương ưng với Thọ, bởi vì sở duyên cho nên tùy tăng chứ không phải là bởi vì tương ưng.
2. Hoặc có tùy miên đối với Nghi không tương ưng với Thọ, bởi vì tương ưng cho nên tùy tăng chứ không phải là bởi vì sở duyên.

3. Hoặc có tùy miên đối với Nghi không tương ưng với Thọ, bởi vì sở duyên cho nên tùy tăng mà cũng là bởi vì tương ưng.
4. Hoặc có tùy miên đối với Nghi không tương ưng với Thọ, không phải là bởi vì sở duyên cho nên tùy tăng cũng không phải là bởi vì tương ưng.

Câu thứ nhất, đó là Nghi duyên hữu lậu, Nghi ấy tương ưng với Vô minh.

Câu thứ hai, đó là trừ ra Nghi duyên vô lậu, Nghi ấy tương ưng với Vô minh, còn lại các tùy miên duyên vô lậu.

Câu thứ ba, đó là trừ ra Nghi duyên hữu lậu, Nghi ấy tương ưng với Vô minh, còn lại các tùy miên duyên hữu lậu.

Câu thứ tư, đó là Nghi duyên vô lậu, Nghi ấy tương ưng với Vô minh.

Hỏi: Pháp thuộc Nhân-Đạo-Duyên khởi thâu nhiếp mấy Giới-mấy Xứ-mấy Uẩn?

Đáp: Mười tám Giới-mười hai Xứ-năm Uẩn.

Trong này, Nhân là sáu nhân, đó là Tương ưng cho đến Năng tác; Đạo là tám chi Thánh đạo, đó là Chánh kiến cho đến Chánh định; Duyên khởi là mười hai chi Duyên khởi, đó là Vô minh cho đến Lão-tử. Nhân-Đạo-Duyên khởi này thâu nhiếp đầy đủ tất cả Giới-Xứ-Uẩn.

Hỏi: Nhân và Duyên khởi thì có thể như vậy, Đạo thì tại sao cũng thâu nhiếp đầy đủ?

Đáp: Văn này nên đưa ra ra cách nói này: Nhân và Duyên khởi thâu nhiếp mười tám Giới-mười hai Xứ-năm Uẩn, Đạo thâu nhiếp ba Giới-hai Xứ-năm Uẩn. Nhưng mà không đưa ra cách nói này, thì nên biết là trong này nói tổng quát Nhân-Đạo-Duyên khởi thâu nhiếp tất cả Giới-Xứ-Uẩn chứ không phải là thâu nhiếp từng loại một.

Lại có người nói: Pháp thuộc Nhân-Đạo-Duyên khởi đều nói là sáu Nhân, bởi vì đây đều là tên gọi sai biệt của Nhân, như luận Thi Thiết nói: "Nhân-Đạo lộ… đều cùng chung một nghĩa, vì vậy đều thâu nhiếp mười tám Giới…"

Có người đưa ra cách nói này: Nhân đó là tất cả pháp hữu vi, như luận Phẩm Loại Túc nói: "Pháp thuộc Nhân là thế nào? Đó là tất cả pháp hữu vi, vì vậy thâu nhiếp đầy đủ mười tám Giới… Đạo tức là Nhân, Nhân này cùng với pháp nào làm Đạo mang lại quả đã đạt được? Vì vậy cũng thâu nhiếp mười tám Giới…" Duyên khởi cũng là tất cả pháp hữu vi, như luận Phẩm Loại Túc nói: "Pháp thuộc Duyên khởi là thế nào? Đó là tất cả pháp hữu vi, vì vậy cũng thâu nhiếp mười tám Giới…"

Hỏi: Trừ ra Nhãn xúc cùng khởi lên pháp tương ưng với Tưởng- Thọ-Tâm, và Nhĩ xúc cùng khởi lên pháp không tương ưng với Tưởng- Thọ-Tâm, pháp còn lại thâu nhiếp mấy Giới-mấy Xứ-mấy Uẩn?

Đáp: Mười tám Giới-mười hai Xứ-năm Uẩn.

Cùng khởi lên(đẳng khởi) có hai loại, đó là nhân và sát-na. Trong này chỉ nói đến sát-na cùng khởi lên, bởi vì nói về tương ưng và không tương ưng.

Hỏi: Trong này đã nói trừ ra pháp tương ưng-không tương ưng nào, chọn lấy pháp còn lại nào thâu nhiếp Giới-Xứ-Uẩn?

Đáp: Trong này trừ ra không phải là Xúc-Tưởng-Thọ-Tâm trong tụ Nhãn xúc, còn lại pháp tương ưng, và sinh-lão-trú-vô thường trong tụ Nhĩ xúc, chọn lấy những pháp còn lại thâu nhiếp Giới-Xứ-Uẩn. Nguyên cớ thế nào? Bởi vì trong này đã nói nếu pháp là Nhãn xúc cùng khởi lên tương ưng với Tưởng-Thọ-Tâm, và Nhĩ xúc cùng khởi lên không tương ưng với Tưởng-Thọ-Tâm, là những pháp đã trừ ra.

Trong tụ Nhãn xúc ấy, Xúc tuy tương ưng với Tưởng-Thọ-Tâm mà không phải là Nhãn xúc cùng khởi lên, bởi vì tự Thể đối với tự Thể không có nghĩa cùng khởi lên; Tưởng tuy là Nhãn xúc cùng khởi lên và tương ưng với Thọ-Tâm, mà không phải là tương ưng với Tưởng, bởi vì tự Thể đối với tự Thể không có nghĩa tương ưng; Thọ-Tâm nói cũng như vậy. Vì thế cho nên trong tụ Nhãn xúc, Xúc-Tưởng-Thọ-Tâm đều không phải là những pháp đã trừ ra, còn lại pháp tương ưng, bởi vì Nhãn xúc cùng khởi lên và tương ưng với Tưởng-Thọ-Tâm, chính là những pháp đã trừ ra.

Trong tụ Nhĩ xúc, Xúc không phải là Nhĩ xúc cùng khởi lên, cũng không phải là không tương ưng với Tưởng-Thọ-Tâm; Tưởng tuy là Nhĩ xúc cùng khởi lên và không tương ưng với Tưởng, mà tương ưng với Thọ-Tâm; Thọ-Tâm nói cũng như vậy. Còn lại tâm sở pháp tuy là Nhĩ xúc cùng khởi lên, mà tương ưng với Tưởng-Thọ-Tâm. Vì thế cho nên trong tụ Nhĩ xúc, tâm - tâm sở pháp đều không phải là những pháp đã trừ ra, bởi vì pháp ấy cùng lúc khởi lên sinh-lão-trú-vô thường; Nhĩ xúc cùng khởi lên và tương ưng với Tưởng-Thọ-Tâm, chính là những pháp đã trừ ra.

Pháp còn lại là thế nào? Đó là sáu Xúc thân-sáu Tưởng thân-sáu Thọ thân-sáu Thức thân, và Hành uẩn tương ưng khác trong tụ Nhĩ-Tỷ- Thiệt-Thân-Ý xúc, trừ ra sinh-lão-trú-vô thường trong tụ Nhĩ xúc, còn lại Hành uẩn không tương ưng, tất cả Sắc-Vô vi. Như vậy, pháp còn lại thâu nhiếp mười tám Giới-mười hai Xứ-năm Uẩn.

Hỏi: Cho đến trừ ra Thân xúc cùng khởi lên pháp tương ưng với

Tưởng-Thọ-Tâm, và Ý xúc cùng khởi lên pháp không tương ưng với Tưởng-Thọ-Tâm, pháp còn lại thâu nhiếp mấy Giới-mấy Xứ-mấy Uẩn?

Đáp: Mười tám Giới-mười hai Xứ-năm Uẩn.

Trong này, lần lượt chuyển tiếp hướng về với nhau đã trừ ra-đã chọn lấy, dựa theo trước nên giải thích rộng ra.

Có người khác đối với điều này đưa ra cách nói sai biệt, đó là trừ ra Nhãn xúc cùng khởi lên pháp không tương ưng với Tưởng-Thọ-Tâm, và Nhĩ xúc cùng khởi lên pháp tương ưng với Tưởng-Thọ-Tâm, pháp còn lại thâu nhiếp mười tám Giới-mười hai Xứ-năm Uẩn; cho đến trừ ra Thân xúc cùng khởi lên pháp không tương ưng với Tưởng-Thọ-Tâm, và Ý xúc cùng khởi lên pháp tương ưng với Tưởng-Thọ-Tâm, pháp còn lại thâu nhiếp mười tám Giới-mười hai Xứ-năm Uẩn.

Lại có người đối với điều này đưa ra cách nói sai biệt, đó là trừ ra Nhãn xúc cùng khởi lên pháp tương ưng với Tưởng-Thọ-Tâm, và Nhĩ xúc cùng khởi lên pháp tương ưng với Tưởng-Thọ-Tâm, pháp còn lại thâu nhiếp mười tám Giới-mười hai Xứ-năm Uẩn; cho đến trừ ra Thân xúc cùng khởi lên pháp tương ưng với Tưởng-Thọ-Tâm, và Ý xúc cùng khởi lên pháp tương ưng với Tưởng-Thọ-Tâm, pháp còn lại thâu nhiếp mười tám Giới-mười hai Xứ-năm Uẩn.

Lại có người đối với điều này đưa ra cách nói sai biệt, đó là trừ ra Nhãn xúc cùng khởi lên pháp không tương ưng với Tưởng-Thọ-Tâm, và Nhĩ xúc cùng khởi lên pháp không tương ưng với Tưởng-Thọ-Tâm, pháp còn lại thâu nhiếp mười tám Giới-mười hai Xứ-năm Uẩn; cho đến trừ ra Thân xúc cùng khởi lên pháp không tương ưng với Tưởng-Thọ-Tâm, và Ý xúc cùng khởi lên pháp không tương ưng với Tưởng-Thọ-Tâm, pháp còn lại thâu nhiếp mười tám Giới-mười hai Xứ-năm Uẩn.

CHƯƠNG VIII: KIẾN UẨN (Tiếp Theo)

Phẩm Thứ Tư: LUẬN VỀ TRÍ

LUẬN VỀ TRÍ (Phần 1)

Nếu Sự có thể thông đạt thì Sự ấy có thể biết khắp chăng? Các chương như vậy và giải thích về nghĩa của từng chương đã lĩnh hội rồi, tiếp theo nên giải thích rộng ra.

Hỏi: Vì sao soạn ra phần luận này?

Đáp: Bởi vì cần phải ngăn chặn về ý của người khác nói Nhẫn tức là

tánh thuộc Trí, hiển bày rõ ràng về các Nhẫn đạt được sinh khởi cùng lúc với Nghi do mình đã đoạn, nhưng chưa thẩm định trở lại thì không được gọi là Trí, cho nên soạn ra phần luận này.

Sự có năm loại:

1. Sự thuộc tự tánh.
2. Sự thuộc ràng buộc.
3. Sự thuộc sở duyên.
4. Sự thuộc về Nhân.
5. Sự thuộc nhiếp thọ.

Sự thuộc tự tánh, như Đức Thế Tôn nói: "Ta sẽ vì ông mà nói về Sự của bốn mươi bốn Trí, và Sự của bảy mươi bảy Trí." Đó là Trí duyên với chi Hữu dùng thanh Sự mà nói.

Tôn giả Diệu Âm đưa ra cách nói như vậy: "Kinh ấy nói Sự thuộc sở duyên, đó là bởi vì các chi Hữu là sở duyên của Trí, cho nên gọi là Sự."

Nhưng kinh ấy nói Trí là Sự chứ không phải là các chi Hữu, bởi vì trong phần giải thích sau chỉ nói về Trí.

Sự thuộc ràng buộc, nói như trong phần Nhất Hành trước đây: Nếu Sự do kiết Ái ràng buộc thì Sự ấy cũng do kiết Nhuế ràng buộc chăng? Đó là phiền não thuộc năm Bộ đối với pháp thuộc năm Bộ, hoặc bởi vì sở duyên cho nên ràng buộc, hoặc bởi vì tương ưng cho nên ràng buộc, pháp thuộc năm Bộ ấy dùng thanh Sự mà nói.

Sự thuộc sở duyên, như luận Phẩm Loại Túc nói: "Tất cả các pháp đều do Trí nhận biết tùy theo Sự của nó. Thế nào là tùy theo Sự của nó? Đó là tùy theo sở hành của nó, tùy theo cảnh giới của nó, tùy theo sở duyên của nó." Các Trí sở hành-cảnh giới-sở duyên dùng thanh Sự mà nói.

Sự thuộc về Nhân, như luận Phẩm Loại Túc nói: "Pháp có Sự- pháp không có Sự, tức là pháp có nhân-pháp không có nhân." Lại như Đức Thế Tôn nói trong bài tụng:

"Tỳ kheo tâm yên lặng vắng vẻ,
Có thể vĩnh viễn đoạn mọi Sự,
Sinh tử đến cuối cùng diệt hết,
Không còn thọ nhận các quả báo."

Trong này, các nhân dùng thanh Sự mà nói, tất cả sinh tử không có pháp nào không dựa vào nhân, các nhân nếu đoạn thì sinh tử không còn, không thọ nhận các quả báo, được nhập Niết-bàn.

Sự thuộc nhiếp thọ, như trong kinh nói: "Rời bỏ các Sự đã nhiếp thọ như ruộng đất-nhà cửa-tiền bạc châu báu…" Lại như Đức Thế Tôn nói

trong bài tụng:

"Người đối với ruộng đất-tài sản, Trâu-ngựa cùng tôi tớ hầu hạ,

Bà con thân thích và nam nữ,

Ham muốn khác nhau mà đắm trước."

Vả lại, người tại gia dấy lên nói như vậy: Mình đã giữ lấy bao nhiêu việc của họ, họ hãy còn thua bấy nhiêu việc của mình. Những loại như vậy gọi là Sự thuộc nhiếp thọ.

Lại có năm loại Sự:

1. Sự thuộc về Giới.
2. Sự thuộc về Xứ.
3. Sự thuộc về Uẩn.
4. Sự thuộc về Thế.
5. Sự thuộc về Sát-na.

Ở trong mười loại Sự, trong này dựa vào Sự thuộc tự tánh mà soạn luận, đó là tự tánh của các Nhẫn-Trí dùng tên gọi về Sự mà nói.

Hỏi: Nếu Sự có thể thông đạt (thông đạt) thì Sự ấy có thể biết khắp (biến tri) chăng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu phân biệt. Trong này, có thể thông đạt là dựa vào Trí biết khắp về đạo vô lậu mà nói, bởi vì có thể biết như thật; có thể biết khắp là dựa vào chứng đoạn biết khắp về đạo vô lậu mà nói, bởi vì có thể vĩnh viễn đoạn phiền não. Bởi vì hai loại này cùng có dài-ngắn, cho nên làm thành bốn câu phân biệt:

1. Có Sự có thể thông đạt mà không phải là có thể biết khắp, đó là Khổ-Tập-Diệt-Đạo trí không đoạn các phiền não. Đây là các Trí vốn có trong Kiến đạo, và trong Tu đạo…trừ ra đạo đích thực đoạn phiền não, còn lại Trí thuộc bốn Đế. Như vậy các Trí là có thể thông đạt, bởi vì tánh thuộc Trí như thật; không phải là biết khắp, bởi vì không đoạn phiền não.

2. Có Sự có thể biết khắp mà không phải là có thể thông đạt, đó là Khổ-Tập-Diệt-Đạo nhẫn đoạn các phiền não. Đây là các Nhẫn đoạn phiền não trong Kiến đạo, nếu chưa lìa nhiễm cõi Dục thì bao gồm Pháp nhẫn-Loại nhẫn, nếu đã lìa nhiễm cõi Dục thì chỉ có Loại nhẫn. Như vậy các Nhẫn là có thể biết khắp, bởi vì vĩnh viễn đoạn phiền não; không phải là có thể thông đạt, bởi vì không phải là tánh thuộc Trí như thật.

Hỏi: Nếu các Nhẫn không phải là có thể thông đạt, thì luận Phẩm Loại Túc nói nên hiểu thế nào? Như luận ấy nói: "Có thể thông đạt là thế nào? Đó là Tuệ thiện. Đã được thông đạt là thế nào? Đó là tất cả các Pháp

nhẫn, là tự tánh của Tuệ thiện.” Vì sao trong này nói không phải là có thể thông đạt?

Đáp: Văn ấy nên đưa ra cách nói này: “Nếu Sự là có thể thông đạt thì Sự ấy cũng là có thể biết khắp, nếu Sự là có thể biết khắp thì Sự ấy cũng là có thể thông đạt.” Nhưng mà không đưa ra cách nói này là có ý nghĩa khác, đó là trong này dựa vào Trí biết khắp mà nói là có thể thông đạt, dựa vào có thể chứng đoạn biết khắp mà nói là có thể biết khắp, cho nên không cần phải vặn hỏi.

3. Có Sự có thể thông đạt mà cũng có thể biết khắp, đó là Khổ- Tập-Diệt-Đạo trí đoạn các phiền não. Đây là đạo đích thực đoạn phiền não trong Tu đạo, bốn Trí như Khổ... là có thể thông đạt, bởi vì tánh thuộc Trí như thật; cũng có thể biết khắp, bởi vì vĩnh viễn đoạn phiền não.

4. Có Sự không phải là có thể thông đạt mà cũng không phải là có thể biết khắp, đó là Khổ-Tập-Diệt-Đạo nhẫn không đoạn các phiền não. Đây là đã lìa nhiễm cõi Dục, bốn Pháp nhẫn ở trong Kiến đạo không phải là có thể thông đạt, bởi vì không phải là tánh thuộc Trí như thật; cũng không phải là có thể biết khắp, bởi vì không vĩnh viễn đoạn các phiền não, bởi vì phiền não do pháp ấy đối trị đã đoạn trước rồi.

Hỏi: Nếu Sự có thể chán ngán (yếm) thì Sự ấy có thể lìa bỏ (ly) chăng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu phân biệt. Trong này, chán ngán là đối với pháp hữu lậu do hành tướng chán ngán mà chuyển, lìa bỏ là có thể lìa bỏ phiền não đã đoạn. Bởi vì hai loại này cùng có dài-ngắn, cho nên làm thành bốn câu phân biệt: Có Sự có thể chán ngán mà không phải là có thể lìa bỏ, đó là Khổ-Tập nhẫn trí không đoạn các phiền não. Đây là đã lìa nhiễm cõi Dục tiến vào Kiến đạo, Khổ-Tập pháp nhẫn và tất cả Khổ-Tập trí ở trong Kiến đạo, ở trong Tu đạo… trừ ra đạo đích thực đoạn phiền não, còn lại Khổ-Tập trí là có thể chán ngán, bởi vì duyên với sự đáng chán ngán mà chuyển; không phải là có thể lìa bỏ, bởi vì không đoạn phiền não.

1. Có Sự có thể lìa bỏ mà không phải là có thể chán ngán, đó là Diệt-Đạo nhẫn trí đoạn các phiền não. Đây là chưa lìa nhiễm cõi Dục, Diệt-Đạo pháp nhẫn và tất cả Diệt-Đạo loại nhẫn trong Kiến đạo, Diệt trí-Đạo trí đích thực đoạn phiền não ở trong Tu đạo. Như vậy Nhẫn trí là có thể lìa bỏ, bởi vì có thể đoạn phiền não; không phải là có thể chán ngán, bởi vì duyên với sự đáng vui mừng mà chuyển.

2. Có Sự có thể chán ngán mà cũng có thể lìa bỏ, đó là Khổ-Tập nhẫn trí đoạn các phiền não. Đây là chưa lìa nhiễm cõi Dục, Khổ-Tập

pháp nhẫn và tất cả Khổ-Tập loại nhẫn ở trong Kiến đạo, ở trong Tu đạo là đạo đích thực đoạn phiền não, Khổ trí-Tập trí. Như vậy Nhẫn trí là có thể chán ngán, bởi vì duyên với sự đáng chán ngán mà chuyển; cũng có thể lìa bỏ, bởi vì đoạn các phiền não.

3. Có Sự không phải là có thể chán ngán mà cũng không phải là có thể lìa bỏ, đó là Diệt-Đạo nhẫn trí không đoạn các phiền não. Đây là đã lìa nhiễm cõi Dục, Diệt-Đạo pháp nhẫn và tất cả Diệt-Đạo trí ở trong Kiến đạo, ở trong Tu đạo… trừ ra đạo đích thực đoạn phiền não, còn lại Diệt-Đạo trí. Như vậy Nhẫn trí không phải là có thể chán ngán, bởi vì duyên với sự đáng vui mừng mà chuyển; cũng không phải là có thể lìa bỏ, bởi vì không đoạn phiền não.

Hỏi: Nếu Sự có thể chán ngán thì Sự ấy là Tu chán ngán chăng? Đáp: Nếu Sự có thể chán ngán thì Sự ấy cũng là Tu chán ngán.

Trong này, Tu là tu đạt được và tu luyện tập, ở trong Kiến đạo là Khổ- Tập nhẫn trí, ở trong Tu đạo…thì chỉ có Khổ-Tập trí. Như vậy Nhẫn trí là có thể chán ngán, bởi vì duyên với sự đáng chán ngán mà chuyển; cũng có thể Tu chán ngán, bởi vì hành tướng chán ngán ở hiện tại-vị lai, hoặc là tu một loại, hoặc là tu cả hai loại.

Có Sự là Tu chán ngán mà không phải là có thể chán ngán, đó là Diệt-Đạo trí đoạn các phiền não. Đây là ở trong Tu đạo lúc dùng Diệt- Đạo trí lìa nhiễm của ba cõi, tu Khổ-Tập trí thuộc hành tướng chán ngán ở đời vị lai, cho nên gọi là Tu chán ngán; duyên với Diệt-Đạo đế là sự đáng vui mừng mà chuyển, cho nên không gọi là có thể chán ngán.

Hỏi: Có lúc Diệt-Đạo trí hiện rõ ở trước mắt, không đoạn phiền não mà cũng có thể Tu chán ngán, như ở trong Tu đạo-đạo Vô học, lúc Diệt trí-Đạo trí lìa nhiễm thì tất cả là đạo gia hạnh-giải thoát-thắng tiến, và ngay lúc ấy dùng hai trí này luyện căn-tu xen lẫn Tĩnh lự, lúc dẫn dắt phát khởi các Thông, các Vô ngại giải, Vô sắc-Giải thoát, và các công đức như Niệm trú…, cũng có thể Tu chán ngán mà không phải là có thể chán ngán, vì sao trong này không nói?

Đáp: Cũng cần phải nói mà không nói đến thì nên biết là nghĩa này có khác.

Có người nói: Trong này nói đến nghĩa quyết định, đó là Diệt trí- Đạo trí đoạn các phiền não, lúc đạo vô gián thì quyết định có thể có thể tu Khổ trí-Tập trí, chỉ là chưa từng đạt được mà hiện rõ trước mắt; lúc khác thì không nhất định, hoặc là đã từng đạt được, hoặc là chưa từng đạt được, nếu là đã từng đạt được thì không có thể tu, vì thế cho nên không nói.

Có người nói: Trong này nói đến phần vị đầu tiên chứ không nói đến những phần vị khác.

Có người nói: Trong này tùy theo tướng hiển bày của phần vị ấy để nói đến điều chủ yếu của nó, vì thế cho nên không nói đến tu chán ngán của những phần vị khác.

Hỏi: Nếu Sự có thể lìa bỏ thì đó là Tu chán ngán chăng? Đáp: Nên làm thành bốn câu phân biệt:

1. Có Sự có thể lìa bỏ mà không phải là Tu chán ngán, đó là Diệt-Đạo nhẫn đoạn các phiền não. Đây là chưa lìa nhiễm cõi Dục, Diệt-Đạo pháp nhẫn và tất cả Diệt-Đạo loại nhẫn ở trong Kiến đạo. Như vậy các Nhẫn là có thể lìa bỏ, bởi vì đoạn phiền não; không phải là Tu chán ngán, bởi vì lúc bấy giờ chỉ tu về hành tướng vui mừng.

2. Có Sự là Tu chán ngán mà không phải là có thể lìa bỏ, đó là Khổ-Tập nhẫn trí không đoạn các phiền não. Đây là đã lìa nhiễm cõi Dục, Khổ-Tập pháp nhẫn và tất cả Khổ-Tập trí trong Kiến đạo, ở trong Tu đạo…trừ ra đạo đích thực đoạn phiền não, còn lại Khổ-Tập trí. Như vậy Nhẫn trí là Tu chán ngán, bởi vì lúc bấy giờ có thể tu về hành tướng chán ngán; không phải là có thể lìa bỏ, bởi vì không đoạn phiền não.

Hỏi: Có lúc Diệt-Đạo trí hiện rõ ở trước mắt, không đoạn phiền não, cũng Tu chán ngán mà không phải là lìa bỏ, như ở trong Tu đạo- đạo Vô học, lúc Diệt trí-Đạo trí lìa nhiễm thì tất cả là đạo gia hạnh-giải thoát-thắng tiến, và ngay lúc ấy dùng hai trí này luyện căn-tu xen lẫn Tĩnh lự, lúc dẫn dắt phát khởi các Thông, các Vô ngại giải, Vô sắc-Giải thoát, và các công đức như Niệm trú…, cũng Tu chán ngán mà không phải là lìa bỏ, vì sao trong này không nói?

Đáp: Cũng cần phải nói mà không nói đến thì nên biết là nghĩa này có khác.

Có người nói: Trong này nói đến nghĩa quyết định, đó là các phần vị ấy thì Khổ trí-Tập trí quyết định Tu chán ngán, Diệt trí-Đạo trí thì không quyết định, bởi vì lúc đã từng đạt được hiện rõ ở trước mắt thì không Tu chán ngán.

3. Có Sự có thể lìa bỏ mà cũng Tu chán ngán, đó là Khổ-Tập nhẫn trí và Diệt trí-Đạo trí đoạn các phiền não. Đây là chưa lìa nhiễm cõi Dục, Khổ-Tập pháp nhẫn và tất cả Khổ-Tập loại nhẫn ở trong Kiến đạo, ở trong Tu đạo là đạo đích thực đoạn phiền não, và Khổ-Tập-Diệt- Đạo trí. Như vậy Nhẫn trí là có thể lìa bỏ, bởi vì đoạn các phiền não; cũng Tu chán ngán, bởi vì lúc bấy giờ có thể tu về hành tướng chán ngán.

4. Có Sự không phải là có thể lìa bỏ mà cũng không phải là Tu chán ngán, đó là Diệt-Đạo nhẫn trí không đoạn các phiền não. Đây là đã lìa nhiễm cõi Dục, Diệt-Đạo pháp nhẫn và tất cả Diệt-Đạo trí ở trong Kiến đạo, ở trong Tu đạo… lúc Diệt-Đạo trí đã từng đạt được hiện rõ ở trước mắt. Như vậy Nhẫn trí không phải là có thể lìa bỏ, bởi vì không đoạn phiền não; cũng không phải là Tu chán ngán, bởi vì lúc bấy giờ không tu về hành tướng chán ngán.

Từ trước đến đây đã nói đến các câu sai biệt chán ngán-lìa bỏ và Tu, đều dựa vào phần vị sai biệt của Pháp-Loại-Nhẫn-Trí vô lậu, không dựa vào pháp nào khác là bởi vì tiếp theo Sự thông đạt-biết khắp ở phần trước, bởi vì thông đạt-biết khắp chỉ là vô lậu.

Hỏi: Như đã nói thì Thể tánh của chán ngán là gì, là không có tham hay là Tuệ? Giả sử như vậy thì có gì sai? Nếu là không có tham thì văn này đã nói nên hiểu thế nào? Như nói: "Có Sự có thể chán ngán mà cũng có thể lìa bỏ, đó là Khổ-Tập nhẫn trí đoạn các phiền não." Trong chương Tạp Uẩn đã nói lại hiểu thế nào? Như nói: "Thế nào là luyện tập chán ngán lìa bỏ tham? Đó là Vô học chán ngán tương ưng với không có tham-không có sân-không có si." Không phải là không có tham cùng với không có tham mà có thể nói là tương ưng, bởi vì tự tánh không tương ưng với tự tánh. Nếu là Tuệ thì ngay trên đây đã nói lại hiểu thế nào? Như nói: "Thế nào là luyện tập chán ngán lìa bỏ tham? Đó là Vô học chán ngán tương ưng với không có tham-không có sân- không có si." Không có si tức là Tuệ, không phải là Tuệ cùng với Tuệ mà có thể nói là tương ưng, nguyên cớ như trước.

Đáp: Trong này có người nói: Thể tánh của chán ngán là không có tham.

Hỏi: Nếu như vậy thì văn này đã nói nên hiểu thế nào? Như nói: "Có Sự có thể chán ngán mà cũng có thể lìa bỏ..."

Đáp: Trong đó nói đến pháp xen tạp với chán ngán gọi là chán ngán, nghĩa là không có tham tương ưng với Nhẫn trí nói là Nhẫn trí.

Hỏi: Trong chương Tạp Uẩn đã nói lại hiểu thế nào? Như nói: "Thế nào là luyện tập chán ngán lìa bỏ tham?..."

Đáp: Văn ấy nên đưa ra cách nói này, chán ngán tương ưng với căn thiện không có sân-không có si, không cần phải nói là không có tham mà nói đến thì nên biết là người tụng thuận theo xu thế tăng thêm của ngôn từ.

Có người đưa ra cách nói này: Thể tánh của chán ngán là Tuệ.

Hỏi: Nếu như vậy thì ngay trong chương Tạp Uẩn đã nói lại hiểu thế nào? Như nói: "Thế nào là luyện tập chán ngán lìa bỏ tham?..."

Đáp: Văn ấy nên đưa ra cách nói này, chán ngán tương ưng với căn thiện không có tham-không có sân, không cần phải nói là không có si mà nói đến thì nên biết là người tụng thuận theo xu thế tăng thêm của ngôn từ.

Lời bình: Nên nói Thể tánh của chán ngán khác biệt, không phải là không có tham, không phải là Tuệ.

Có tâm sở pháp riêng biệt gọi là chán ngán tương ưng với tâm, ngay loại này thâu nhiếp ở trong đó lại có những tâm sở pháp khác. Trong này nói đến chán ngán thuộc vô lậu, nhưng cũng có chán ngán thuộc hữu lậu, đó là tương ưng với quán Bất tịnh-Trì tức niệm, Niệm trú-ba Nghĩa quán-bảy Xứ thiện, Noãn-Đảnh-Nhẫn-Thế đệ nhất pháp, Thế tục trí Hiện quán biên trong Kiến đạo, hành tướng như bệnh hoạn- như ung nhọt-như mũi tên trong Tu đạo…, Tĩnh lự-Vô lượng-Vô sắc-Giải thoát-Thắng xứ-Biến xứ… Nói rộng ra vượt quá bốn biển lớn, nay nói tóm lược bấy nhiêu mà thôi. Như vậy, Sự chán ngán-đã chán ngán, nên làm thành bốn câu phân biệt:

1. Có lúc chán ngán mà không phải là đã chán ngán, đó là chán ngán thuộc vô lậu.
2. Có lúc đã chán ngán mà không phải là chán ngán, đó là trừ ra chán ngán thuộc hữu lậu, còn lại pháp hữu lậu.
3. Có lúc chán ngán cũng đã chán ngán, đó là chán ngán thuộc thế tục.
4. Có lúc không phải là chán ngán cũng không phải là đã chán ngán, đó là trừ ra chán ngán thuộc vô lậu, còn lại pháp vô lậu.

Hỏi: Nếu duyên với tất cả các pháp làm hành tướng Vô ngã, thì nên nói là tác ý thuộc tướng vui mừng, hay là tác ý thuộc tướng chán ngán? Giả sử như vậy thì có gì sai? Nếu là tác ý thuộc tướng vui mừng, thì tại sao cũng duyên với sự chán ngán mà chuyển? Nếu là tác ý thuộc tướng chán ngán, thì tại sao cũng duyên với sự vui mừng mà chuyển?

Đáp: Nên đưa ra cách nói như vậy: Là tác ý thuộc tướng vui mừng.

Hỏi: Nếu như vậy thì tại sao cũng duyên với sự chán ngán mà chuyển?

Đáp: Lúc ấy người tu Quán hành rất thích quán sát đối với sự đáng vui mừng, tuy duyên với vô lượng sự đáng chán ngán mà sinh ra vui mừng như cũ; như ở trên đống tiền bằng đồng đặt vào một đồng tiền vàng, bởi vì đồng tiền vàng mà đối với đống tiền bằng đồng ấy vẫn sinh tâm vui thích, ở đây cũng như vậy.

Hỏi: Nếu pháp làm Nhân cho pháp ấy, thì có lúc pháp này không làm Nhân cho pháp ấy chăng?

Đáp: Không có lúc nào không phải là Nhân. Hỏi: Vì sao soạn ra phần luận này?

Đáp: Vì ngăn chặn ý của người ngu đối với pháp Nhân duyên chấp rằng tánh của Nhân duyên không phải là có thật, hiển bày về Thể tánh của pháp Nhân duyên là có thật, cho nên soạn ra phần luận này.

Có người nói: Trong này dựa vào một Nhân mà soạn luận, đó là nhân Tương ưng, bởi vì nhân Tương ưng và các tâm - tâm sở pháp cùng giữ lấy một duyên luôn luôn không tách rời nhau, và bao gồm cả ba đời.

Có người nói: Trong này dựa vào hai Nhân mà soạn luận, đó là nhân Tương ưng-Câu hữu, bởi vì hai Nhân này cùng bao gồm cả ba đời và không tách rời nhau.

Có người nói: Trong này dựa vào ba Nhân mà soạn luận, đó là nhân Tương ưng-Câu hữu-Dị thục, bởi vì ba Nhân này có công năng thù thắng đối với quả và bao gồm cả ba đời.

Có người nói: Trong này dựa vào bốn Nhân mà soạn luận, đó là nhân Tương ưng-Câu hữu-Dị thục-Năng tác, bởi vì bốn Nhân này bao gồm cả ba đời.

Có người nói: Trong này dựa vào năm Nhân mà soạn luận, đó là trừ ra nhân Biến hành.

Có người nói: Trong này dựa vào sáu Nhân mà soạn luận.

Hỏi: Nếu pháp chưa đến phần vị đã sinh thì không có thể làm nhân Đồng loại-Biến hành, đến phần vị đã sinh thì mới có thể làm Nhân, làm sao dựa vào sáu Nhân mà soạn luận, lại nói là không có lúc nào không phải là Nhân?

Đáp: Đây là dựa vào phần vị cuối cùng mà nói, nghĩa là pháp vị lai đến phần vị đang sinh nhất định có thể làm Nhân, từ đây về sau không có lúc nào không phải là Nhân, cho nên đưa ra cách nói này.

Hỏi: Nếu như vậy thì Đẳng vô gián duyên vì sao không đưa ra cách nói này, như nói: Nếu pháp làm Đẳng vô gián cho pháp ấy, thì có lúc pháp này không làm Đẳng vô gián cho pháp ấy chăng?

Đáp: Nếu lúc pháp này chưa đến đã sinh.

Hỏi: Nhưng tâm - tâm sở pháp thuận theo làm Đẳng vô gián duyên, đến phần vị đang sinh nhất định có thể làm duyên, vì sao không nói không có lúc nào không phải là Đẳng vô gián?

Đáp: Điều ấy cũng cần phải đưa ra cách nói này mà không nói đến, thì nên biết là muốn hiển bày các loại văn từ-các loại giải thích, để chỉnh lý

đối với nghĩa khiến cho dễ dàng hiểu được.

Lại nữa, muốn nêu rõ hai môn loại-hai phương thức-hai tầng bậc- hai hình ảnh-hai ánh sáng-hai ngọn đuốc hiển bày rõ ràng lẫn nhau, bởi vì như pháp này-pháp ấy cũng như vậy, như pháp ấy-pháp này cũng như vậy. Nghĩa còn lại nói rộng ra như phẩm luận về Trí trong chương Tạp Uẩn.

Hỏi: Nếu pháp làm Đẳng vô gián cho pháp ấy, thì có lúc pháp này không làm Đẳng vô gián cho pháp ấy chăng?

Đáp: Nếu lúc pháp này chưa đến đã sinh. Hỏi: Vì sao soạn ra phần luận này?

Đáp: Vì ngăn chặn ý của người ngu đối với pháp Đẳng vô gián duyên chấp rằng pháp Đẳng vô gián duyên không phải là có thật, hiển bày về Thể của pháp Đẳng vô gián duyên là có thật, cho nên soạn ra phần luận này.

Hỏi: Nếu lúc pháp này chưa đến đã sinh thì pháp này là gì, là trước hay là sau? Hay là pháp trước chưa đến phần vị đã sinh, thì không làm Đẳng vô gián cho pháp sau, nếu đến thì làm Đẳng vô gián chăng? Hay là pháp sau chưa đến phần vị đã sinh, thì không làm Đẳng vô gián cho pháp trước, nếu đến thì làm Đẳng vô gián chăng? Như Thế đệ nhất pháp sinh khởi Khổ pháp trí nhẫn, vì Thế đệ nhất pháp chưa đến phần vị đã sinh, thì không làm Đẳng vô gián cho Khổ pháp trí nhẫn, nếu đến thì làm Đẳng vô gián chăng? Hay vì Khổ pháp trí nhẫn chưa đến phần vị đã sinh, thì không làm Đẳng vô gián cho Thế đệ nhất pháp, nếu đến thì làm Đẳng vô gián chăng? Nếu pháp trước chưa đến phần vị đã sinh, thì không làm Đẳng vô gián cho pháp sau, nếu đến thì làm Đẳng vô gián, phần vị có tâm thì có thể như vậy, phần vị không có tâm thì làm sao có thể như vậy? Như tiến vào Định Vô tưởng, hoặc là Định Diệt tận trải qua bảy ngày đêm, hoặc là trải qua thời gian dài; nếu tâm tiến vào Định đến phần vị đã sinh, lập tức làm Đẳng vô gián cho tâm rời khỏi Định, thì lẽ ra tâm rời khỏi Định ở sát-na thứ hai đã sinh. Nguyên cớ thế nào? Bởi vì nếu pháp làm Đẳng vô gián duyên cho pháp ấy mà giữ lấy pháp ấy làm quả, thì chắc chắn không có pháp nào, hoặc là các hữu tình nếu dùng cỏ thuốc-hoặc là chú thuật, hoặc là Phật-hoặc là Độc giác, hoặc là Thanh văn đến bậc cuối cùng, có thể có năng lực ngăn cản pháp ấy khiến cho sát-na thứ hai không được sinh khởi, vậy thì hai Định không có tâm sẽ vĩnh viễn không dấy khởi. Nếu pháp sau chưa đến phần vị đã sinh, thì không làm Đẳng vô gián cho pháp trước, nếu đến thì làm Đẳng vô gián, lẽ nào không phải Khổ pháp trí nhẫn chưa đến phần vị đã sinh, cũng làm Đẳng vô gián cho Thế đệ nhất pháp hay sao?

Đáp: Trong này có người nói: Nếu pháp trước chưa đến phần vị đã

sinh, thì không làm Đẳng vô gián cho pháp sau, nếu đến thì làm Đẳng vô gián.

Hỏi: Nếu như vậy thì phần vị có tâm thì có thể như vậy, phần vị không có tâm thì làm sao có thể như vậy?

Đáp: Trong này nói đến phần vị có tâm chứ không nói đến phần vị nào khác.

Có người nói: Giả sử dựa vào phần vị không có tâm mà nói thì cũng không có lỗi, nghĩa là lúc tâm tiến vào Định hiện rõ ở trước mắt, cùng lúc chọn lấy quả của các Định và quả của tâm rời khỏi Định, cũng mang lại quả của Định trong sát-na đầu tiên, các Định trong sát-na sau và lúc tâm rời khỏi Định sinh khởi, mang lại quả chứ không phải là chọn lấy quả, bởi vì trước đã chọn lấy.

Lời bình: Người ấy không nên đưa ra cách nói này. Nguyên cớ thế nào? Bởi vì không có Đẳng vô gián duyên lúc khác chọn lấy quả mà lúc khác mang lại quả, cho nên nếu lúc này chọn lấy quả thì ngay lúc này mang lại quả.

Có người đưa ra cách nói này: Nếu pháp sau chưa đến phần vị đã sinh, thì không làm Đẳng vô gián cho pháp trước, nếu đến thì làm Đẳng vô gián.

Hỏi: Lẽ nào không phải Khổ pháp trí nhẫn chưa đến phần vị đã sinh, cũng làm Đẳng vô gián cho Thế đệ nhất pháp hay sao?

Đáp: Lúc bấy giờ tuy làm Đẳng vô gián cho Thế đệ nhất pháp mà không phải là Đẳng vô gián duyên, nếu đến phần vị đã sinh thì cũng gọi là Đẳng vô gián, cũng gọi là Đẳng vô gián duyên.

Như Đẳng vô gián và Đẳng vô gián duyên, như vậy Đẳng vô gián có Đẳng vô gián, Tương tục có Tương tục cũng như vậy. Nghĩa còn lại nói rộng ra như phẩm luận về Trí trong chương Tạp Uẩn.

-oOo-

LUẬN A TỲ ĐẠT MA ĐẠI TỲ BÀ SA

QUYỂN 197

LUẬN VỀ TRÍ (Phần 2)

Hỏi: Nếu pháp làm Sở duyên cho pháp ấy, thì có lúc pháp này không phải là Sở duyên cho pháp ấy chăng?

Đáp: Không có lúc nào không phải là Sở duyên. Hỏi: Vì sao soạn ra phần luận này?

Đáp: Vì ngăn chặn ý của người ngu đối với pháp Sở duyên duyên chấp rằng pháp Sở duyên duyên không có Thể tánh thật sự, hiển bày về Sở duyên duyên là pháp có thật, cho nên soạn ra phần luận này.

Trong này, không có lúc nào không phải là Sở duyên, bởi vì tâm- tâm sở pháp xác định đối với sở duyên.

Hỏi: Thế nào là tâm - tâm sở pháp xác định đối với sở duyên, là xác định đối với nơi chốn, hay là xác định đối với màu sắc xanh-vàng…, hay là xác định đối với sát-na?

Đáp: Trong này có người nói: Tâm-tâm sở pháp chỉ xác định đối với nơi chốn, không phải là xác định đối với màu sắc xanh-vàng… và sát-na. Nguyên cớ thế nào? Bởi vì nếu xác định đối với màu sắc xanh- vàng… và sát-na, thì vô lượng tâm - tâm sở pháp trú trong pháp không sinh khởi, muốn làm cho không có lỗi như vậy, cho nên chỉ xác định đối với nơi chốn.

Hỏi: Nếu chỉ xác định đối với nơi chốn thì trong Sắc xứ ấy có nhiều loại Sắc tánh như xanh-vàng…; nếu đối với loại này không xác định, lúc ấy rõ ràng màu xanh thì nhận biết vẫn rõ ràng, đỏ-vàng…còn lại cũng như vậy. Không có thể cùng một sự nhận biết mà có nhiều tánh rõ ràng, bởi vì không có hai quyết định?

Đáp: Có người nói: Tâm-tâm sở pháp xác định đối với nơi chốn, cũng xác định đối với màu sắc xanh-vàng…, chứ không phải là xác định đối với sát-na. Nguyên cớ thế nào? Bởi vì nếu xác định đối với sát-na thì vô lượng tâm - tâm sở pháp trú trong pháp không sinh khởi, đừng có lỗi này cho nên không nói là xác định đối với sát-na.

Hỏi: Nếu như vậy thì như trong màu xanh có nhiều loại xanh, đó là

gốc xanh-thân xanh-cành xanh-lá xanh-hoa xanh-quả xanh; nếu đối với loại này không nói xác định, lúc ấy rõ ràng là gốc thì nhận biết vẫn rõ ràng, thân-cành…còn lại cũng như vậy. Không có thể cùng một sự nhận biết mà có nhiều tánh rõ ràng, bởi vì không có hai quyết định?

Nói như vậy thì tâm - tâm sở pháp xác định đối với ba loại.

Hỏi: Nếu như vậy thì vô lượng tâm - tâm sở pháp trú trong pháp không sinh khởi?

Đáp: Cho dù vô lượng tâm - tâm sở pháp trú trong pháp không sinh khởi thì đâu có lỗi gì, đời vị lai rộng rãi không có nơi dung nạp hay sao? Nhưng mà pháp ấy trước đây đã có nơi tồn tại.

Hỏi: Tâm-tâm sở pháp nếu như xác định đối với sở duyên thì cũng xác định đối với sở y chăng?

Đáp: Đối với sở y cũng xác định, đó là năm Thức như Nhãn… và pháp tương ưng, ở đời vị lai cách xa với sở y, hiện tại thì cùng với quá khứ lại cách xa.

Có người nói: Vị lai cách xa với sở y, hiện tại-quá khứ cùng chung với sở y.

Nghĩa còn lại nói rộng ra như phẩm luận về Trí trong chương Tạp Uẩn.

Hỏi: Nếu pháp làm Tăng thượng cho pháp ấy, thì có lúc pháp này không phải là Tăng thượng cho pháp ấy chăng?

Đáp: Không có lúc nào không phải là Tăng thượng. Hỏi: Vì sao soạn ra phần luận này?

Đáp: Vì ngăn chặn ý của người ngu đối với tánh của Tăng thượng duyên chấp rằng Tăng thượng duyên không phải là có thật, hiển bày về Thể tánh của Tăng thượng duyên là có thật, cho nên soạn ra phần luận này.

Hỏi: Duyên hòa hợp cho nên các pháp sinh diệt, duyên này không có lúc nào không hòa hợp, tại sao các pháp không luôn luôn sinh diệt?

Đáp: Tôn giả Thế Hữu đưa ra cách nói như vậy: "Các pháp sinh diệt hòa hợp khác nhau, nghĩa là duyên khác hòa hợp cho nên các pháp sinh ra, duyên khác hòa hợp cho nên các pháp diệt đi, vì thế cho nên không luôn luôn sinh diệt."

Lại nữa, pháp này sinh rồi thì pháp khác sinh theo, có nhiều sát-na lần lượt áp sát nhau, vì thế cho nên không có công năng sinh khởi trở lại; như người rơi xuống vách núi, do đất đá sụt lở đè ép mà sắp đứng lên lại bị đè xuống, người ấy lúc bấy giờ còn không có thể cử động được, huống gì

đứng dậy được? Các pháp cũng như vậy, vì thế cho nên không có lỗi luôn luôn sinh diệt.

Nghĩa còn lại nói rộng ra như phẩm luận về Trí trong chương Tạp Uẩn.

Các Ý xúc thì lúc ấy tất cả các Xúc là do ba hòa hợp chăng? Cho đến nói rộng ra.

Hỏi: Vì sao soạn ra phần luận này?

Đáp: Vì muốn ngăn chặn tông chỉ của người khác để hiển bày nghĩa lý của mình. Đó là hoặc có người chấp: Tâm sở tức là tâm. Hoặc có người nói: Xúc tức là Căn-Cảnh-Thức. Vì ngăn chặn ý chấp ấy, hiển bày về tâm sở không phải là tâm, mà có Thể của Xúc riêng biệt tương ưng với tâm.

Lại vì ngăn chặn sự nghi ngờ của người khác, đó là hoặc có người nghi rằng Nhãn xúc cho đến Thân xúc gọi là ba hòa hợp thì nghĩa có thể như vậy, bởi vì Căn-Cảnh-Thức ấy cùng lúc sinh khởi, Ý xúc cũng gọi là Xúc do ba hòa hợp thì làm sao có thể như vậy? Nguyên cớ thế nào? Bởi vì Ý căn là quá khứ, Ý thức là pháp hiện tại, hoặc là ba đời, hoặc là tách rời thời gian. Nay muốn quyết định hiển bày về Ý xúc cũng gọi là Xúc do ba hòa hợp, bởi vì không trái ngược lẫn nhau, cùng sinh ra một quả gọi là hòa hợp, chứ không phải là chỉ cùng lúc khởi lên gọi là hòa hợp.

Bởi vì nhân duyên này, cho nên soạn ra phần luận này.

Hỏi: Các Ý xúc thì lúc ấy tất cả các Xúc là do ba hòa hợp chăng?

Đáp: Các Ý xúc thì lúc ấy tất cả các Xúc là do ba hòa hợp, bởi vì không có Xúc nào không do ba hòa hợp.

Có Xúc do ba hòa hợp mà không phải là Ý xúc, đó là năm Thức thân tương ưng với Xúc. Vì vậy Đức Thế Tôn nói rằng: "Tỳ kheo nên biết! Có Ý giới, có Pháp giới, có Vô minh giới, Vô minh do Xúc mà sinh ra Thọ, do Thọ mà Xúc, cho nên người ngu không có hiểu biết liền chấp có, chấp không có, hoặc là chấp có-không có."

Trong này, có Ý giới, đó là Ý giới quá khứ; có Pháp giới, đó là Pháp giới ba đời; có Vô minh giới, đó là Vô minh giới hiện tại; Vô minh do Xúc…, đó là ngu muội đối với Sự thuộc về Vô ngã; liền chấp có, đó là khởi lên Thường kiến; liền chấp không có, đó là khởi lên Đoạn kiến; hoặc là chấp có-không có, đó là khởi lên Đoạn kiến-Thường kiến.

Hiếp Tôn giả nói: "Trong này ý nói: Ngu muội đối với tự Thể gọi là Vô minh giới, sáu Thức thân ấy không ngừng diệt đi gọi là Ý giới, lúc bấy giờ do tâm - tâm sở pháp mà chuyển gọi là Pháp giới, Vô minh do Xúc…

nói như trước."

Hỏi: Năm Thức tương ưng với Xúc do Căn-Cảnh-Thức hiện tại mà có, gọi là Xúc do ba hòa hợp thì nghĩa này có thể như vậy; Ý thức tương ưng với Xúc thì Căn ở quá khứ, Cảnh hoặc là vị lai, Thức ở hiện tại, làm sao gọi là Xúc do ba hòa hợp? Đáp: Hòa hợp có hai loại: 1- Cùng lúc khởi lên không tách rời nhau thì gọi là hòa hợp; 2-Cùng làm một việc không trái ngược nhau thì gọi là hòa hợp. Năm Thức tương ưng với Xúc do hai loại hòa hợp cho nên gọi là hòa hợp, Ý thức tương ưng với Xúc do hòa hợp cùng làm một việc cho nên gọi là hòa hợp. Nguyên cớ thế nào? Bởi vì như năm Thức, Căn-Cảnh hiện tại vốn có tác dụng như vậy, Căn-Cảnh của Ý thức khác nhau về đời, cho nên tác dụng cũng khác nhau.

Vì thế cho nên Tôn giả Diệu Âm đưa ra cách nói như vậy: "Bởi vì Căn-Cảnh-Thức cùng làm một việc cho nên gọi là hòa hợp, không phải là bởi vì cùng lúc khởi lên không tách rời nhau cho nên gọi là hòa hợp. Như ba pháp này hễ ở bất cứ lúc nào, cũng đều có thể lần lượt chuyển đổi cùng làm một việc, cho nên đều gọi là hòa hợp."

Có người khác đối với điều này đưa ra văn thêm nhiều:

Hỏi: "Các Nhãn xúc cho đến Thân xúc thì lúc ấy tất cả các Xúc là do ba hòa hợp chăng?

Đáp: Các Nhãn xúc cho đến Thân xúc thì lúc ấy tất cả các Xúc là do ba hòa hợp. Có Xúc do ba hòa hợp mà không phải là Nhãn xúc cho đến Thân xúc, đó là Ý thức thân tương ưng với Xúc."

Nhưng nay không đưa ra cách nói này là có ý gì? Bởi vì muốn hiển bày trong này chỉ thành lập về nghĩa thành tựu không đến mức cuối cùng, Nhãn xúc cho đến Thân xúc gọi là Xúc do ba hòa hợp, nghĩa tự nhiên thành lập cho nên không nói đến; Ý xúc gọi là Xúc do ba hòa hợp, nghĩa không phải là thành tựu đến mức cuối cùng, vì vậy cho nên nói đến. Do đó như trước đã tụng là hợp lý.

Các Mạn thì tất cả Mạn ấy là tự mình chấp hay sao? Cho đến nói rộng ra.

Hỏi: Trong chương Kiến Uẩn này chỉ cần phân biệt về Kiến, tại sao phân biệt về Mạn?

Đáp: Bởi vì đó là ý của người soạn luận muốn như vậy, cho đến nói rộng ra.

Có người nói: Bởi vì tương tự, nghĩa là trong tất cả phiền não không có phiền não nào không phải là tự tánh thuộc Kiến, mà tựa như Kiến chuyển đổi thì giống như Mạn.

Có người nói: Trước đã nói trong mỗi một Uẩn phân biệt về tất cả các pháp, nếu trong Uẩn này không phân biệt về Mạn thì làm sao gọi là mỗi một Uẩn phân biệt về tất cả các pháp? Vì thế cho nên trong này cũng phân biệt về Mạn.

Hỏi: Các Mạn thì tất cả Mạn ấy là tự mình chấp hay sao?

Đáp: Các Mạn thì tất cả Mạn ấy là tự mình chấp, bởi vì Mạn là pháp tự mình đưa ra, tự mình dựa vào mà tranh chấp với nhau.

Có lúc tự mình chấp mà không phải là Mạn, đó là các kiến chấp. Vì vậy Đức Thế Tôn nói rằng: "Tỳ kheo nên biết! Tự mình chấp có Ngã, tự mình chấp có Ngã sở."

Trong này, tự mình chấp có Ngã, là biểu hiện rõ ràng về Ngã kiến; tự mình chấp có Ngã sở, là biểu hiện rõ ràng về Ngã sở kiến.

Lại nữa, tự mình chấp có Ngã, là biểu hiện rõ ràng về năm Ngã kiến; tự mình chấp có Ngã sở, là biểu hiện rõ ràng về mười lăm Ngã sở kiến.

Lại nữa, tự mình chấp có Ngã, là biểu hiện rõ ràng về hành tướng của chấp Ngã; tự mình chấp có Ngã sở, là biểu hiện rõ ràng về hành tướng của chấp Ngã sở.

Có người đưa ra cách nói này: Tự mình chấp có Ngã, là biểu hiện rõ ràng về Ngã ái; tự mình chấp có Ngã sở, là biểu hiện rõ ràng về Ngã sở ái.

Có Sư khác nói: Tự mình chấp có Ngã, là biểu hiện rõ ràng về Ngã ngu; tự mình chấp có Ngã sở, là biểu hiện rõ ràng về Ngã sở ngu. Lại có người nói: Tự mình chấp có Ngã, là biểu hiện rõ ràng về

Tát-ca-da kiến không có phân biệt sự việc nào khác; tự mình chấp có Ngã sở, là biểu hiện rõ ràng về Tát-ca-da kiến có phân biệt các sự việc khác.

Trong tất cả phiền não không có phiền não nào không phải là tự tánh thuộc Mạn, mà tựa như Mạn chuyển đổi thì giống như Kiến, cho nên nói kiến chấp là tự mình chấp chứ không phải là Mạn.

Các Mạn thì tất cả Mạn ấy là không vắng lặng hay sao? Hỏi: Vì sao lại soạn ra phần luận này?

Đáp: Trước đây chỉ phân biệt về hành tướng tương tự của Mạn và Kiến, chưa phân biệt về hành tướng tương tự với tất cả phiền não, nay muốn phân biệt cho nên soạn ra phần luận này.

Hỏi: Các Mạn thì tất cả Mạn ấy là không vắng lặng hay sao?

Đáp: Các Mạn thì tất cả Mạn ấy là không vắng lặng, bởi vì Mạn là pháp tự mình đưa ra, tự mình dựa vào mà tranh chấp với nhau.

Có lúc không vắng lặng mà không phải là Mạn, đó là các phiền não

khác hiện rõ ở trước mắt. Vì vậy Đức Thế Tôn nói rằng: "Tỳ kheo nên biết! Động là bị ma ràng buộc, không động thì thoát khỏi hành ác."

Trong này, các phiền não khác, đó là Kiến-Nghi-Vô minh-Tham-Sân-Triền-Cấu; hiện rõ ở trước mắt, là biểu hiện về tướng không vắng lặng.

Hỏi: Vì sao phiền não hiện tại có tướng không vắng lặng chứ không phải là quá khứ-vị lai?

Đáp: Phiền não hiện tại làm chướng ngại Thánh đạo và gia hạnh của Thánh đạo ở trong thân của mình; phiền não quá khứ và vị lai thì không như vậy.

Lại nữa, phiền não hiện tại có thể chọn lấy quả, mang lại quả ở trong thân của mình; phiền não quá khứ và vị lai thì không như vậy.

Lại nữa, phiền não hiện tại có thể giữ lấy quả Đẳng lưu, quả Dị thục ở trong thân của mình; phiền não quá khứ và vị lai thì không như vậy.

Lại nữa, phiền não hiện tại có thể làm cho thân của mình trở thành đáng chê trách, đáng ghét bỏ, đáng xa lìa; phiền não quá khứ và vị lai thì không như vậy.

Lại nữa, phiền não hiện tại đốt cháy thân của mình, tổn hoại thân của mình, bức não thân của mình; phiền não quá khứ và vị lai thì không như vậy.

Lại nữa, phiền não hiện tại làm hại mình, làm hại người, hoặc là làm hại cả hai; phiền não quá khứ và vị lai thì không như vậy.

Lại nữa, phiền não hiện tại là tánh không vắng lặng, có tác dụng không vắng lặng, vì thế cho nên nói đến; phiền não quá khứ và vị lai là tánh không vắng lặng, mà không có tác dụng không vắng lặng, cho nên không nói đến.

Động là bị ma ràng buộc, không động thì thoát khỏi hành ác, trong này câu đầu là hiển bày về không vắng lặng thì bị ma phiền não ràng buộc, câu sau là hiển bày về vắng lặng thì thoát khỏi tánh của Thiên ma, bởi vì xấu xa hiểm ác thì chỉ có Thiên ma.

Có Sư khác nói: Trong này cả hai câu đều biểu hiện rõ ràng về tánh của ma phiền não, bởi vì các phiền não làm hại pháp thiện, cho nên gọi là ma; bởi vì khởi lên nghiệp ác cho nên lại gọi là ác. Nếu các hữu tình không vắng lặng thì bị phiền não ràng buộc, nếu có thể vắng lặng tu tập đối trị thì sẽ được thoát khỏi sự ràng buộc của phiền não.

Hỏi: Các nghiệp thì nghiệp ấy là không luật nghi chăng? Đáp: Nên làm thành bốn câu phân biệt:

1. Có lúc là nghiệp mà không phải là không luật nghi, đó là luật nghi của thân-ngữ.

2. Có lúc là không luật nghi mà không phải là nghiệp, đó là căn không luật nghi.

3. Có lúc là nghiệp mà cũng là không luật nghi, đó là thân-ngữ không luật nghi.

4. Có lúc không phải là nghiệp mà cũng không phải là không luật nghi, đó là căn luật nghi.

Hỏi: Các nghiệp thì nghiệp ấy là luật nghi chăng? Đáp: Nên làm thành bốn câu phân biệt:

1. Có lúc là nghiệp mà không phải là luật nghi, đó là thân-ngữ không luật nghi.
2. Có lúc là luật nghi mà không phải là nghiệp, đó là căn luật nghi.
3. Có lúc là nghiệp mà cũng là luật nghi, đó là thân-ngữ luật nghi.
4. Có lúc không phải là nghiệp mà cũng không phải là luật nghi, đó là căn không luật nghi.

Hỏi: Trong này, căn luật nghi và căn không luật nghi lấy gì làm tự tánh?

Đáp: Có người đưa ra cách nói này: Căn luật nghi dùng ý niệm nhận biết đúng đắn (niệm chánh tri) làm tự tánh, căn không luật nghi dùng ý niệm quên mất không nhận biết đúng đắn (vong niệm bất chánh tri) làm tự tánh.

Tại sao biết như vậy? Bởi vì lấy kinh làm lượng. Như trong kinh nói: "Lúc ấy có Thiên thần nói với Tỳ kheo rằng: Này Tỳ kheo! Tỳ kheo đừng để lộ mụt nhọt lở loét. Tỳ kheo trả lời rằng: Tôi sẽ che lại. Thiên thần lại hỏi rằng: Mụt nhọt lở loét đã lớn thì lấy gì có thể che kín? Tỳ kheo trả lời rằng: Tôi sẽ dùng ý niệm nhận biết đúng đắn để che kín. Thiên thần liền khen rằng: Khéo thay, khéo thay! Có thể che kín như vậy thì đúng là khéo che kín."

Vì vậy cho nên biết căn luật nghi dùng ý niệm nhận biết đúng đắn làm tự tánh, căn không luật nghi dùng ý niệm quên mất không nhận biết đúng đắn làm tự tánh.

Hỏi: Nếu như vậy thì trong kinh nói nên hiểu thế nào? Như trong kinh nói: "Đầy đủ niệm và nhận biết đúng đắn cho nên có thể đầy đủ căn luật nghi." Lẽ nào dùng tự tánh để làm đầy đủ tự tánh hay sao?

Đáp: Niệm và nhận biết đúng đắn có tánh của nhân, có tánh của quả. Tánh của nhân thì dùng tên gọi về ý niệm nhận biết đúng đắn mà nói, tánh của quả thì dùng tên gọi của luật nghi mà nói, bởi vì nhân đầy đủ làm cho quả đầy đủ trọn vẹn, vì thế cho nên không có gì sai.

Có người nói: Căn luật nghi lấy không phóng túng làm tự tánh, căn không luật nghi lấy phóng túng làm tự tánh.

Có người nói: Căn luật nghi lấy sáu pháp luôn luôn an trú (hằng trú) làm tự tánh, căn không luật nghi bởi vì dựa vào sáu căn sinh ra các phiền não để làm tự tánh.

Có người nói: Căn luật nghi lấy căn vĩnh viễn đoạn-biết khắp- các hành diệu và căn thiện làm tự tánh, căn không luật nghi lấy căn không vĩnh viễn đoạn-không biết khắp-các phiền não-hành ác và căn bất thiện làm tự tánh. Như vậy thì dùng hành diệu-hành ác làm Thể của căn luật nghi và căn không luật nghi.

Có người nói: Căn luật nghi dùng căn không thành tựu-không vĩnh viễn đoạn-không biết khắp và thành tựu đạo đối trị của nó làm tự tánh, căn không luật nghi dùng căn thành tựu-không vĩnh viễn đoạn-không biết khắp và không thành tựu đạo đối trị của nó làm tự tánh. Như vậy căn luật nghi-căn không luật nghi đều dùng sự thành tựu-không thành tựu làm Thể.

Có người nói: Căn luật nghi dùng pháp không nhiễm ô làm tự tánh, căn không luật nghi dùng pháp nhiễm ô làm tự tánh. Như vậy căn luật nghi-căn không luật nghi đều dùng năm Uẩn làm Thể tánh của mình.

Xưa trong chùa Chiêu Cát Tường ở nước Ca-thấp-di-la có anh em hai vị A-la-hán, cả hai đều là Pháp sư, thế gian gọi là Nan-địa-ca-tử. Họ nói căn luật nghi-căn không luật nghi, đều dùng căn luật nghi-căn không luật nghi trong Hành uẩn bất tương ưng vô phú vô ký làm tự tánh. Thành lập tự tánh này gọi là Thể, là có thật. Đây là thâu nhiếp ở trong tâm bất tương ưng hành lại có loại khác.

Hỏi: Nếu căn luật nghi-căn không luật nghi, đều dùng Hành uẩn vô phú vô ký làm tự tánh, thì điều này có gì sai biệt?

Đáp: Hành uẩn vô phú vô ký này có lúc tùy thuận phẩm thiện, có lúc tùy thuận phẩm phiền não. Tùy thuận phẩm thiện thì gọi là căn luật nghi, tùy thuận phẩm phiền não thì gọi là căn không luật nghi.

Nếu Sự chưa đạt được thì Sự ấy không thành tựu chăng? Cho đến nói rộng ra.

Ở trong năm loại Sự-mười loại Sự đã nói trước đây, trong này dựa vào Sự thuộc tự tánh mà soạn luận, bởi vì muốn ngăn chặn ý nói là không

có tánh thành tựu-không thành tựu, để hiển bày về tánh thành tựu-không thành tựu là có thật.

Hỏi: Nếu Sự chưa đạt được thì Sự ấy không thành tựu chăng? Đáp: Nếu Sự chưa đạt được thì Sự ấy không thành tựu, đó là quán

Bất tịnh-Trì tức niệm, Niệm trú-ba Nghĩa quán-bảy Xứ thiện, Noãn-Đảnh-Nhẫn-Thế đệ nhất pháp, Kiến đạo-Tu đạo và đạo Vô học. Những Sự như vậy nếu chưa đạt được thì Sự ấy không thành tựu.

Có Sự không thành tựu mà không phải là chưa đạt được, đó là đạt được rồi mất, đây là nói đến quán Bất tịnh…trước đây, không phải là chưa đạt được mà không thành tựu.

Hỏi: Nếu Sự đã đạt được thì Sự ấy thành tựu chăng?

Đáp: Nếu Sự thành tựu thì Sự ấy đã đạt được, đó chính là quán Bất tịnh... trước đây, đạt được rồi không mất.

Có Sự đã đạt được mà không thành tựu, đó là đạt được rồi mất, đây là nói đến quán Bất tịnh… trước đây, đã đạt được mà mất.

Trừ ra Khổ thánh đế và Pháp xứ…, cho đến nói rộng ra. Hỏi: Vì sao lại soạn ra phần luận này?

Đáp: Bởi vì ngăn chặn tông chỉ của người khác để hiển bày về nghĩa lý của mình. Đó là hoặc có người nói: Các pháp thâu nhiếp tánh khác chứ không thâu nhiếp tự tánh, Tập đế chỉ là Ái, Đạo đế chỉ là tám chi Thánh đạo.

Hoặc có người nói: Pháp xứ thâu nhiếp tất cả các pháp. Hoặc có người nói: Pháp xứ chỉ là phi sắc.

Hoặc có người nói: Không có hai đời quá khứ-vị lai. Hoặc có người nói: Năm Thức chỉ là tánh vô ký.

Bởi vì ngăn chặn các loại chấp trước lạ lùng như vậy, và hiển bày về nghĩa tương ưng của pháp tướng, cho nên soạn ra phần luận này.

Nói "Trừ ra" là có hai ý nghĩa, một là muốn thiết lập vững vàng, hai là muốn ngăn chặn loại bỏ. Trong này nói "Trừ ra" là muốn ngăn chặn loại bỏ.

Trừ ra Khổ thánh đế và Pháp xứ, pháp còn lại thâu nhiếp hai Giới-một Xứ-một Uẩn. Trong này Khổ thánh đế, đó là tất cả các pháp hữu lậu, tức là mười lăm Giới-phần ít của ba Giới, mười Xứ-phần ít của hai Xứ, phần ít của năm Uẩn. Pháp xứ, đó là bảy loại pháp, tức là Tưởng- Thọ-Hành uẩn, Vô biểu sắc và ba Vô vi. Pháp còn lại, đó là tâm vô lậu. Vì thế cho nên pháp này thâu nhiếp hai Giới đó là Ý giới-Ý thức giới, một Xứ đó

là Ý xứ, một Uẩn đó là Thức uẩn.

Trừ ra Tập thánh đế và Pháp xứ, nói cũng như vậy. Bởi vì Khổ- Tập có nghĩa khác nhau mà Thể không khác nhau.

Trừ ra Diệt thánh đế và Pháp xứ, pháp còn lại thâu nhiếp mười bảy Giới-mười một Xứ-hai Uẩn. Trong này Diệt Thánh đế, đó là Trạch diệt-Vô vi, tức là Pháp giới và phần ít của Pháp xứ. Pháp xứ, đó là bảy loại pháp nói như trước. Pháp còn lại, đó là Sắc có đối và tất cả các tâm. Vì thế cho nên pháp này thâu nhiếp mười bảy Giới-mười một Xứ-hai Uẩn.

Trừ ra Đạo thánh đế và Pháp xứ, nói cũng như vậy. Trong này, bởi vì sự thâu nhiếp giống nhau về số lượng, cho nên nói là cũng như vậy. Nhưng Đạo thánh đế, đó là pháp hữu vi vô lậu, gồm ba Giới tức là Ý giới-Ý thức giới-Pháp giới, hai Xứ tức là Ý xứ-Pháp xứ, phần ít của năm Uẩn. Pháp xứ, nói như trước. Pháp còn lại, đó là Sắc có đối và tâm hữu lậu. Vì thế cho nên pháp này thâu nhiếp mười bảy Giới-mười một Xứ-hai Uẩn.

Trừ ra pháp có Sắc và Pháp xứ, pháp còn lại thâu nhiếp bảy Giới-một Xứ-một Uẩn. Trong này pháp có Sắc, đó là bốn đại chủng và sở tạo, tức là mười Giới-phần ít của một Giới, mười Xứ-phần ít của một Xứ, một Uẩn. Pháp xứ, nói như trước. Pháp còn lại, đó là tất cả các tâm. Vì thế cho nên pháp này thâu nhiếp bảy tâm Giới-một Xứ-một Uẩn.

Trừ ra pháp không có Sắc và Pháp xứ, pháp còn lại thâu nhiếp mười Giới-mười Xứ-một Uẩn. Trong này pháp không có Sắc, đó là tâm- tâm sở pháp, bất tương ưng hành và vô vi, tức là bảy tâm Giới-phần ít của một Giới, một Xứ-phần ít của một Xứ, bốn Uẩn trừ ra Sắc uẩn. Pháp xứ, nói như trước. Pháp còn lại, đó là tất cả Sắc có đối. Vì thế cho nên pháp này thâu nhiếp mười Giới-mười Xứ-một Uẩn.

Trừ ra pháp có thấy và Pháp xứ, pháp còn lại thâu nhiếp mười sáu Giới-mười Xứ-hai Uẩn. Trong này pháp có thấy, đó là hiện hành của Nhãn, tức là một Giới-một Xứ và phần ít của một Uẩn. Pháp xứ, nói như trước. Pháp còn lại, đó là Sắc có đối-không có thấy. Vì thế cho nên pháp này thâu nhiếp mười sáu Giới trừ ra Sắc giới và Pháp giới, mười Xứ trừ ra Sắc xứ và Pháp xứ, do hai Uẩn thâu nhiếp là Sắc uẩn và Thức uẩn.

Trừ ra pháp không có thấy và Pháp xứ, pháp còn lại thâu nhiếp một Giới-một Xứ-một Uẩn. Trong này pháp không có thấy, đó là trừ ra hiện hành của Nhãn, còn lại tất cả các pháp, tức là mười bảy Giới-mười một Xứ-bốn Uẩn và phần ít của một Uẩn. Pháp xứ, nói như trước. Pháp còn lại, đó là hiện hành của Nhãn. Vì thế cho nên pháp này thâu nhiếp một Giới-một Xứ-một Uẩn.

Trừ ra pháp có đối và Pháp xứ, pháp còn lại thâu nhiếp bảy Giới- một Xứ-một Uẩn. Trong này pháp có đối, đó là trừ ra Vô biểu, còn lại tất cả các Sắc, tức là mười Giới-mười Xứ và phần ít của một Uẩn. Pháp xứ, nói như trước. Pháp còn lại, đó là tất cả các tâm. Vì thế cho nên pháp này thâu nhiếp bảy tâm Giới-một Xứ-một Uẩn.

Trừ ra pháp không có đối và Pháp xứ, pháp còn lại thâu nhiếp mười Giới-mười Xứ-một Uẩn. Trong này pháp không có đối, đó là trừ ra Sắc có đối, còn lại tất cả các pháp, tức là tám Giới-hai Xứ-bốn Uẩn và phần ít của một Uẩn. Pháp xứ, nói như trước. Pháp còn lại, đó là tất cả Sắc có đối. Vì thế cho nên pháp này thâu nhiếp mười Giới-mười Xứ- một Uẩn.

Trừ ra pháp hữu lậu và Pháp xứ, pháp còn lại thâu nhiếp hai Giới-một Xứ-một Uẩn. Trong này pháp hữu lậu, đó là Khổ-Tập đế, tức là mười lăm Giới-phần ít của ba Giới, mười Xứ-phần ít của hai Xứ và phần ít của năm Uẩn. Pháp xứ, nói như trước. Pháp còn lại, đó là tâm vô lậu. Vì thế cho nên pháp này thâu nhiếp hai Giới-một Xứ-một Uẩn.

Trừ ra pháp vô lậu và Pháp xứ, pháp còn lại thâu nhiếp mười bảy Giới-mười một Xứ-hai Uẩn. Trong này pháp vô lậu, đó là Diệt-Đạo đế và hai Vô vi, tức là ba Giới-hai Xứ-phần ít của năm Uẩn. Pháp xứ, nói như trước. Pháp còn lại, đó là Sắc có đối và tâm hữu lậu. Vì thế cho nên pháp này thâu nhiếp mười bảy Giới-mười một Xứ-hai Uẩn.

Trừ ra pháp hữu vi và Pháp xứ, đây là trừ ra tất cả các pháp mà hỏi về pháp khác, là vô cớ luận bàn trống không. Trong này pháp hữu vi, đó là Khổ-Tập-Đạo đế, tức là mười bảy Giới-phần ít của một Giới, mười một Xứ-phần ít của một Xứ và năm Uẩn. Pháp xứ, nói như trước. Trừ pháp này ra lại không có pháp nào khác có thể thâu nhiếp, vì thế cho nên ở đây gọi là vô cớ luận bàn trống không.

Trừ ra pháp vô vi và Pháp xứ, pháp còn lại thâu nhiếp mười bảy Giới-mười một Xứ-hai Uẩn. Trong này pháp vô vi, đó là Hư không Trạch diệt và Phi trạch diệt, tức là một Giới và phần ít của một Xứ. Pháp xứ, nói như trước. Pháp còn lại, đó là Sắc có đối và tất cả các tâm. Vì thế cho nên pháp này thâu nhiếp mười bảy Giới-mười một Xứ-hai Uẩn.

Trừ ra pháp quá khứ và Pháp xứ, pháp còn lại thâu nhiếp mười bảy Giới-mười một Xứ-hai Uẩn. Trong này pháp quá khứ, đó là các pháp đã sinh-đã diệt, tức là mười tám Giới-mười hai Xứ-phần ít của năm Uẩn. Pháp xứ, nói như trước. Pháp còn lại, đó là Sắc có đối và tâm thuộc vị lai-hiện tại. Vì thế cho nên pháp này thâu nhiếp mười bảy Giới-mười một Xứ-hai Uẩn.

Trừ ra pháp vị lai-pháp hiện tại và Pháp xứ, nói cũng như vậy; bởi vì thời gian khác biệt mà chủng loại không khác nhau.

Trừ ra pháp thiện và Pháp xứ, pháp còn lại thâu nhiếp mười bảy Giới-mười một Xứ-hai Uẩn. Trong này pháp thiện, đó là pháp có thể đạt được quả yêu thích và tự tánh an ổn, tức là mười Giới-bốn Xứ-phần ít của năm Uẩn. Pháp xứ, nói như trước. Pháp còn lại, đó là Sắc có đối và tâm thuộc bất thiện-vô ký. Vì thế cho nên pháp này thâu nhiếp mười bảy Giới-mười một Xứ-hai Uẩn.

Trừ ra pháp bất thiện và Pháp xứ, nói cũng như vậy; bởi vì chủng loại khác biệt mà thâu nhiếp không khác nhau.

Trừ ra pháp vô ký và Pháp xứ, pháp còn lại thâu nhiếp chín Giới- ba Xứ-hai Uẩn. Trong này pháp vô ký, đó là pháp không đạt được quả yêu thích-không yêu thích và không phải là tự tánh an ổn, tức là tám Giới-phần ít của mười Giới, tám Xứ-phần ít của bốn Xứ và phần ít của năm Uẩn. Pháp xứ, nói như trước. Pháp còn lại, đó là Sắc có đối và tâm thuộc thiện-bất thiện. Vì thế cho nên pháp này thâu nhiếp chín Giới-ba Xứ-hai Uẩn.

Trừ ra pháp hệ thuộc cõi Dục và Pháp xứ, pháp còn lại thâu nhiếp mười ba Giới-chín Xứ-hai Uẩn. Trong này pháp hệ thuộc cõi Dục, đó là do Ái của cõi Dục mà tùy tăng, tức là bốn Giới-phần ít của mười bốn Giới, hai Xứ-phần ít của mười Xứ và phần ít của năm Uẩn. Pháp xứ, nói như trước. Pháp còn lại, đó là Sắc có đối hệ thuộc cõi Sắc và tâm hệ thuộc cõi Sắc-Vô sắc cùng với không hệ thuộc. Vì thế cho nên pháp này thâu nhiếp mười ba Giới-chín Xứ-hai Uẩn.

Trừ ra pháp hệ thuộc cõi Sắc và Pháp xứ, pháp còn lại thâu nhiếp mười bảy Giới-mười một Xứ-hai Uẩn. Trong này pháp hệ thuộc cõi Sắc, đó là do Ái của cõi Sắc mà tùy tăng, tức là mười bốn Giới-mười Xứ và phần ít của năm Uẩn. Pháp xứ, nói như trước. Pháp còn lại, đó là Sắc có đối hệ thuộc cõi Dục và tâm hệ thuộc cõi Dục-Vô sắc cùng với không hệ thuộc. Vì thế cho nên pháp này thâu nhiếp mười bảy Giới-mười một Xứ-hai Uẩn.

Trừ ra pháp hệ thuộc cõi Vô sắc-pháp Học-pháp Vô học và Pháp xứ, nói cũng như vậy; đây là bởi vì sự thâu nhiếp giống nhau về số lượng.

Trừ ra pháp Phi học phi vô học và Pháp xứ, pháp còn lại thâu nhiếp hai Giới-một Xứ-một Uẩn. Trong này pháp Phi học phi vô học, đó là tất cả pháp hữu lậu và vô vi, tức là mười lăm Giới-phần ít của ba Giới, mười Xứ-phần ít của hai Xứ và phần ít của năm Uẩn. Pháp xứ, nói như trước. Pháp còn lại, đó là tâm vô lậu. Vì thế cho nên pháp này thâu nhiếp hai Giới-một

Xứ-một Uẩn.

Trừ ra pháp do Kiến mà đoạn và Pháp xứ, pháp còn lại thâu nhiếp mười bảy Giới-mười một Xứ-hai Uẩn. Trong này pháp do Kiến mà đoạn, đó là do Nhẫn mà đối trị, tức là ba Giới-hai Xứ và phần ít của bốn Uẩn. Pháp xứ, nói như trước. Pháp còn lại, đó là tất cả Sắc có đối và tâm do Tu mà đoạn cùng với không đoạn. Vì thế cho nên pháp này thâu nhiếp mười bảy Giới-mười một Xứ-hai Uẩn.

Trừ ra pháp do Tu mà đoạn và Pháp xứ, pháp còn lại thâu nhiếp hai Giới-một Xứ-một Uẩn. Trong này pháp do Tu mà đoạn, đó là do Trí mà đối trị, tức là mười lăm Giới-phần ít của ba Giới, mười Xứ-phần ít của hai Xứ và phần ít của năm Uẩn. Pháp xứ, nói như trước. Pháp còn lại, đó là tâm do Kiến mà đoạn và không đoạn. Vì thế cho nên pháp này thâu nhiếp hai Giới-một Xứ-một Uẩn.

Trừ ra pháp không đoạn và Pháp xứ, pháp còn lại thâu nhiếp mười bảy Giới-mười một Xứ-hai Uẩn. Trong này pháp không đoạn, đó là tất cả pháp vô lậu, tức là ba Giới-hai Xứ và phần ít của năm Uẩn. Pháp xứ, nói như trước. Pháp còn lại, đó là tất cả Sắc có đối và tâm hữu lậu. Vì thế cho nên pháp này thâu nhiếp mười bảy Giới-mười một Xứ-hai Uẩn.

Trừ ra pháp đã sinh và pháp nhất định không sinh, pháp còn lại thâu nhiếp mười tám Giới-mười hai Xứ-năm Uẩn. Trong này pháp đã sinh, đó là pháp quá khứ-hiện tại, tức là mười tám Giới-mười hai Xứ- phần ít của năm Uẩn; pháp nhất định không sinh, đó là pháp quá khứ- hiện tại, và pháp nhất định không sinh thuộc vị lai, cùng với vô vi bởi vì đã sinh cho nên đạt được, bởi vì không sinh cho nên không có sinh. Quyết định không sinh thì pháp này cũng là mười tám Giới-mười hai Xứ-phần ít của năm Uẩn. Pháp còn lại, đó là pháp đang sinh và có thể sinh. Vì thế cho nên pháp này cũng thâu nhiếp mười tám Giới-mười hai Xứ-năm Uẩn.

Trừ ra pháp không phải là đã sinh và pháp nhất định không sinh, đây là trừ ra tất cả các pháp mà hỏi về pháp khác, là vô cớ luận bàn trống không. Trong này pháp không phải là đã sinh, đó là pháp vị lai và vô vi, tức là mười tám Giới-mười hai Xứ-phần ít của năm Uẩn. Pháp nhất định không sinh, nói như trước. Trừ pháp này ra lại không có pháp nào khác có thể thâu nhiếp, vì thế cho nên nói là vô cớ luận bàn trống không.

Trừ ra pháp có Sắc và pháp nhất định không sinh, pháp còn lại thâu nhiếp tám Giới-hai Xứ-bốn Uẩn. Trong này pháp có Sắc và pháp nhất định không sinh, nói như trước. Pháp còn lại, đó là pháp đang sinh- có thể sinh, các tâm - tâm sở và tâm bất tương ưng hành. Vì thế cho nên pháp này thâu

nhiếp tám Giới-hai Xứ-bốn Uẩn.

Trừ ra pháp không có Sắc và pháp nhất định không sinh, pháp còn lại thâu nhiếp mười một Giới-mười một Xứ-một Uẩn. Trong này pháp không có Sắc và pháp nhất định không sinh, nói như trước. Pháp còn lại, đó là các pháp có Sắc đang sinh-có thể sinh. Vì thế cho nên pháp này thâu nhiếp mười một Giới-mười một Xứ-một Uẩn.

Trừ ra pháp có thấy và pháp nhất định không sinh, pháp còn lại thâu nhiếp mười bảy Giới-mười một Xứ-năm Uẩn. Trong này pháp có thấy và pháp nhất định không sinh, nói như trước. Pháp còn lại, đó là các pháp không có thấy đang sinh-có thể sinh. Vì thế cho nên pháp này thâu nhiếp mười bảy Giới-mười một Xứ-năm Uẩn.

Trừ ra pháp không có thấy và pháp nhất định không sinh, pháp còn lại thâu nhiếp một Giới-một Xứ-một Uẩn. Trong này pháp không có thấy và pháp nhất định không sinh, nói như trước. Pháp còn lại, đó là các Sắc có thấy đang sinh-có thể sinh. Vì thế cho nên pháp này thâu nhiếp một Giới-một Xứ-một Uẩn.

Trừ ra pháp có đối và pháp nhất định không sinh, pháp còn lại thâu nhiếp tám Giới-hai Xứ-năm Uẩn. Trong này pháp có đối và pháp nhất định không sinh, nói như trước. Pháp còn lại, đó là các pháp không có đối đang sinh-có thể sinh. Vì thế cho nên pháp này thâu nhiếp tám Giới-hai Xứ-bốn Uẩn.

Trừ ra pháp không có đối và pháp nhất định không sinh, pháp còn lại thâu nhiếp mười Giới-mười Xứ-một Uẩn. Trong này pháp không có đối và pháp nhất định không sinh, nói như trước. Pháp còn lại, đó là các Sắc có đối đang sinh-có thể sinh. Vì thế cho nên pháp này thâu nhiếp mười Giới-mười Xứ-một Uẩn.

Trừ ra pháp hữu lậu và pháp nhất định không sinh, pháp còn lại thâu nhiếp ba Giới-hai Xứ-năm Uẩn. Trong này pháp hữu lậu và pháp nhất định không sinh, nói như trước. Pháp còn lại, đó là các pháp vô lậu đang sinh-có thể sinh. Vì thế cho nên pháp này thâu nhiếp ba Giới-hai Xứ-năm Uẩn.

Trừ ra pháp vô lậu và pháp nhất định không sinh, pháp còn lại thâu nhiếp mười tám Giới-mười hai Xứ-năm Uẩn. Trong này pháp vô lậu và pháp nhất định không sinh, nói như trước. Pháp còn lại, đó là các pháp hữu lậu đang sinh-có thể sinh. Vì thế cho nên pháp này thâu nhiếp mười tám Giới-mười hai Xứ-năm Uẩn.

Trừ ra pháp hữu vi và pháp nhất định không sinh, đây là trừ ra tất cả các pháp mà hỏi về pháp khác, là vô cớ luận bàn trống không. Trong này

pháp hữu vi và pháp nhất định không sinh, nói như trước. Trừ pháp này ra lại không có pháp nào khác có thể thâu nhiếp, vì thế cho nên nói là vô cớ luận bàn trống không.

Trừ ra pháp vô vi và pháp nhất định không sinh, pháp còn lại thâu nhiếp mười tám Giới-mười hai Xứ-năm Uẩn. Trong này pháp vô vi và pháp nhất định không sinh, nói như trước. Pháp còn lại, đó là các pháp hữu vi đang sinh-có thể sinh. Vì thế cho nên pháp này thâu nhiếp mười tám Giới-mười hai Xứ-năm Uẩn.

Trừ ra pháp quá khứ-pháp hiện tại và pháp nhất định không sinh, nói cũng như vậy. Trong này, pháp còn lại đều nói là các pháp hữu vi đang sinh-có thể sinh, vì thế cho nên pháp này đều thâu nhiếp mười tám Giới-mười hai Xứ-năm Uẩn.

Trừ ra pháp vị lai và pháp nhất định không sinh, đây là trừ ra tất cả các pháp mà hỏi về pháp khác, là vô cớ luận bàn trống không. Trong này pháp vị lai và pháp nhất định không sinh, thâu nhiếp đầy đủ tất cả pháp hữu vi-vô vi. Trừ pháp này ra lại không có pháp nào khác có thể thâu nhiếp, vì thế cho nên nói là vô cớ luận bàn trống không.

Trừ ra pháp thiện và pháp nhất định không sinh, pháp còn lại thâu nhiếp mười tám Giới-mười hai Xứ-năm Uẩn. Trong này pháp thiện và pháp nhất định không sinh, nói như trước. Pháp còn lại, đó là các pháp bất thiện-vô ký đang sinh-có thể sinh. Vì thế cho nên pháp này thâu nhiếp mười tám Giới-mười hai Xứ-năm Uẩn.

Trừ ra pháp bất thiện và pháp nhất định không sinh, nói cũng như vậy; bởi vì đối với pháp còn lại đã thâu nhiếp giống nhau.

Trừ ra pháp vô ký và pháp nhất định không sinh, pháp còn lại thâu nhiếp mười Giới-bốn Xứ-năm Uẩn. Trong này pháp vô ký và pháp nhất định không sinh, nói như trước. Pháp còn lại, đó là pháp thiện-bất thiện đang sinh-có thể sinh. Vì thế cho nên pháp này thâu nhiếp mười Giới- bốn Xứ-năm Uẩn.

Trừ ra pháp hệ thuộc cõi Dục và pháp nhất định không sinh, pháp còn lại thâu nhiếp mười bốn Giới-mười Xứ-năm Uẩn. Trong này pháp hệ thuộc cõi Dục và pháp nhất định không sinh, nói như trước. Pháp còn lại, đó là pháp hệ thuộc cõi Sắc-Vô sắc và pháp không hệ thuộc đang sinh-có thể sinh. Vì thế cho nên pháp này thâu nhiếp mười bốn Giới- mười Xứ-năm Uẩn.

Trừ ra pháp hệ thuộc cõi Sắc và pháp nhất định không sinh, pháp còn lại thâu nhiếp mười tám Giới-mười hai Xứ-năm Uẩn. Trong này pháp hệ

thuộc cõi Sắc và pháp nhất định không sinh, nói như trước. Pháp còn lại, đó là các pháp hệ thuộc cõi Dục-Vô sắc và pháp không hệ thuộc đang sinh-có thể sinh. Vì thế cho nên pháp này thâu nhiếp mười tám Giới-mười hai Xứ-năm Uẩn.

Trừ ra pháp hệ thuộc cõi Vô sắc-pháp Học-pháp Vô học và nhất định không sinh, nói cũng như vậy; bởi vì đối với pháp còn lại thâu nhiếp giống nhau về số lượng.

Trừ ra pháp Phi học phi vô học và pháp nhất định không sinh, pháp còn lại thâu nhiếp ba Giới-hai Xứ-năm Uẩn. Trong này pháp Phi học phi vô học và pháp nhất định không sinh, nói như trước. Pháp còn lại, đó là pháp Học-Vô học đang sinh-có thể sinh. Vì thế cho nên pháp này thâu nhiếp ba Giới-hai Xứ-năm Uẩn.

Trừ ra pháp do Kiến mà đoạn và pháp nhất định không sinh, pháp còn lại thâu nhiếp mười tám Giới-mười hai Xứ-năm Uẩn. Trong này pháp do Kiến mà đoạn và pháp nhất định không sinh, nói như trước. Pháp còn lại, đó là pháp do Tu mà đoạn và không đoạn đang sinh-có thể sinh. Vì thế cho nên pháp này thâu nhiếp mười tám Giới-mười hai Xứ-năm Uẩn.

Trừ ra pháp do Tu mà đoạn và pháp nhất định không sinh, pháp còn lại thâu nhiếp ba Giới-hai Xứ-năm Uẩn. Trong này pháp do Tu mà đoạn và pháp nhất định không sinh, nói như trước. Pháp còn lại, đó là pháp do Kiến mà đoạn và không đoạn đang sinh-có thể sinh. Vì thế cho nên pháp này thâu nhiếp ba Giới-hai Xứ-năm Uẩn.

Trừ ra pháp không đoạn và Pháp xứ, pháp còn lại thâu nhiếp mười bảy Giới-mười một Xứ-hai Uẩn. Trong này pháp không đoạn, đó là tất cả pháp vô lậu, tức là ba Giới-hai Xứ và phần ít của năm Uẩn. Pháp xứ, nói như trước. Pháp còn lại, đó là tất cả Sắc có đối và tâm hữu lậu. Vì thế cho nên pháp này thâu nhiếp mười bảy Giới-mười một Xứ-hai Uẩn.

Trừ ra pháp không có đối và pháp nhất định không sinh, pháp còn lại thâu nhiếp mười Giới-mười Xứ-một Uẩn. Trong này pháp không có đối và pháp nhất định không sinh, nói như trước. Pháp còn lại, đó là các Sắc có đối đang sinh-có thể sinh. Vì thế cho nên pháp này thâu nhiếp mười Giới-mười Xứ-một Uẩn.

Trừ ra pháp hữu lậu và pháp nhất định không sinh, pháp còn lại thâu nhiếp ba Giới-hai Xứ-năm Uẩn. Trong này pháp hữu lậu và pháp nhất định không sinh, nói như trước. Pháp còn lại, đó là các pháp vô lậu đang sinh-có thể sinh. Vì thế cho nên pháp này thâu nhiếp ba Giới-hai Xứ-năm Uẩn.

Trừ ra pháp không đoạn và pháp nhất định không sinh, pháp còn lại

thâu nhiếp mười tám Giới-mười hai Xứ-năm Uẩn. Trong này pháp không đoạn và pháp nhất định không sinh, nói như trước. Pháp còn lại, đó là pháp do Kiến-Tu mà đoạn đang sinh-có thể sinh. Vì thế cho nên pháp này thâu nhiếp mười tám Giới-mười hai Xứ-năm Uẩn.

Hỏi: Có thể có một Giới-một Xứ-một Uẩn thâu nhiếp tất cả các pháp chăng?

Đáp: Có, một Giới đó là Pháp Giới, một Xứ đó là Ý xứ, một Uẩn đó là Sắc uẩn, như vậy thì thâu nhiếp hết tất cả các pháp. Nguyên cớ thế nào? Bởi vì tất cả các pháp không ra ngoài năm Sự, đó là Sắc-Tâm- Tâm sở pháp-Bất tương ưng hành và Vô vi, Sắc uẩn thâu nhiếp Sắc, Ý xứ thâu nhiếp Tâm, Pháp xứ thâu nhiếp những loại còn lại, vì thế cho nên thâu nhiếp tất cả các pháp.

Lại nữa, tất cả các pháp không ra ngoài mười tám Giới, trong đó Sắc uẩn thâu nhiếp mười Sắc giới, Ý xứ thâu nhiếp bảy Tâm giới, Pháp giới thâu nhiếp Pháp giới, cho nên thâu nhiếp tất cả các pháp.

Lại nữa, tất cả các pháp đều quy vào trong Uẩn-Giới-Xứ, ba loại này lần lượt chuyển đổi thâu nhiếp lẫn nhau, đó là Sắc uẩn thâu nhiếp mười Sắc giới, mười Sắc xứ, Pháp giới và phần ít của Pháp xứ; Ý xứ thâu nhiếp bảy Tâm giới và Thức uẩn; Pháp giới thâu nhiếp Pháp xứ, Thọ-Tưởng-Hành uẩn và phần ít của Sắc uẩn. Vì thế cho nên ba loại này thâu nhiếp tất cả các pháp.

-oOo-

LUẬN A TỲ ĐẠT MA ĐẠI TỲ BÀ SA

QUYỂN 198

CHƯƠNG VIII: KIẾN UẨN (Tiếp Theo)

Phẩm Thứ Năm: LUẬN VỀ KIẾN

LUẬN VỀ KIẾN (Phần 1)

Có những kiến chấp như vậy: Không có bố thí… Cho đến nói rộng ra.

Hỏi: Vì sao soạn ra phần luận này?

Đáp: Bởi vì muốn giải thích nghĩa lý trong kinh đã nói về kiến chấp khiến cho đoạn trừ. Nguyên cớ thế nào? Bởi vì ở trong sinh tử khởi lên nhiều chấp trước, dẫn đến nhiều sự vô nghĩa, làm chỗ dựa cho Ái (thủ) thì không có gì bằng kiến chấp. Những điều này nói rộng ra như trong phẩm luận về Ngũ Sự ở chương Trí Uẩn.

Có những kiến chấp như vậy: Không có bố thí, không có yêu thương, không có thờ cúng, không có hành diệu-hành ác; đây là Tà kiến bài bác về Nhân, do kiến Tập mà đoạn.

Không có bố thí…, giải thích như trên. Đây là Tà kiến, là hiển bày về tự tánh của nó; do kiến Tập mà đoạn, là hiển bày về đối trị của nó. Nghĩa là vào lúc Tập đế đã sinh Nhẫn trí, thì tất cả sự suy xét không đúng đắn, phân biệt không đúng đắn, nhận thức điên đảo, giữ lấy không bình đẳng ấy liền vĩnh viễn đoạn trừ.

Lại nữa, kiến chấp này dựa vào nơi chốn của Tập mà chuyển, cho nên lúc thấy Tập thì đoạn trừ; như hạt sương đầu ngọn cỏ, mặt trời xuất hiện thì khô mất. Kiến chấp này cũng như vậy.

Không có quả của hành diệu-hành ác; đây là Tà kiến bài bác về Quả, do kiến Khổ mà đoạn.

Đây là Tà kiến, là hiển bày về tự tánh của nó; do kiến Khổ mà đoạn, là hiển bày về đối trị của nó. Nghĩa là vào lúc Khổ đế đã sinh

Nhẫn trí, thì tất cả sự suy xét không đúng đắn, phân biệt không đúng

đắn, nhận thức điên đảo, giữ lấy không bình đẳng ấy liền vĩnh viễn đoạn trừ không còn.

Lại nữa, kiến chấp này dựa vào nơi chốn của Khổ mà chuyển, cho nên lúc thấy Khổ thì đoạn trừ; như hạt sương đầu ngọn cỏ, mặt trời xuất hiện thì khô mất. Kiến chấp này cũng như vậy.

Nhưng ở đây chỉ nói đến tự tánh và đối trị của kiến chấp ấy, chứ không nói đến cùng dấy khởi (đẳng khởi).

Đẳng khởi của kiến chấp ấy như thế nào? Tôn giả Thế Hữu nói rằng: "Có các ngoại đạo hiện thấy ở thế gian, có người sát sinh mà sống thọ, có người lìa bỏ sát sinh mà chết yểu; có người trộm cắp mà dồi dào, có người lìa bỏ trộm cắp mà thiếu thốn; có người keo kiệt mà giàu sang, có người ưa thích bố thí mà nghèo khổ; có người làm hại người khác mà yên vui không có bệnh hoạn, có người không làm hại người khác mà khổ đau nhiều tật bệnh. Thấy những sự việc trái ngược nhau như vậy rồi, liền dấy lên nghĩ rằng: Không có bố thí, không có yêu thương cho đến không có quả của hành diệu-hành ác, nếu có thì lẽ ra tất cả những người sát sinh phải chết yểu, cho đến người không làm hại người khác sẽ yên vui không có bệnh hoạn, hiện thấy trái ngược nhau như vậy cho nên biết quyết định không có bố thí, cho đến nói rộng ra. Nhưng ngoại đạo ấy không khéo léo nhận biết rõ ràng bởi vì quả của hành diệu-hành ác có xa-gần, cho nên ở trong sự việc hiện thấy không suy xét như lý mà khởi lên kiến chấp này."

Có người nói: Ngoại đạo đạt được Định thế tục, thấy trong một phần thời gian, không biết nhân quả sai biệt trước sau, thấy làm điều ác thì có người được sinh lên cõi trời, thấy làm điều thiện thì có người rơi vào nẻo ác, liền dấy lên nghĩ rằng: Không có bố thí, không có yêu thương cho đến không có quả của hành diệu-hành ác.

Hoặc có người nói: Có các ngoại đạo, không dựa vào sự việc hiện thấy, cũng không dựa vào Định, nhưng bởi vì thuận theo bạn ác dạy bảo, cho nên nói là không có bố thí, cho đến nói rộng ra.

Không có dời này, không có đời khác, không có hữu tình hóa sinh; đây là Tà kiến bài bác về Nhân, hoặc do kiến Tập mà đoạn; hoặc là Tà kiến bài bác về Quả, do kiến Khổ mà đoạn.

Hỏi: Đời khác là không hiện thấy mà nói là không có thì có thể như vậy, đời này hiện thấy thì vì sao nói là không có?

Đáp: Các ngoại đạo ấy do Vô minh làm cho mù lòa, cho nên đối với sự việc hiện thấy cũng còn gạt bỏ sai trái, vì vậy không cần phải vặn hỏi, Vô minh thì ngu si, mù lòa thì rơi xuống hầm hố.

Lại có người nói: Các ngoại đạo ấy chỉ bài bác về nhân quả chứ không bài bác về Thể của pháp. Không có đời này, nghĩa là không có đời này làm nhân cho đời khác; hoặc là không có đời này làm quả của đời khác. Không có đời khác, nghĩa là không có đời khác làm nhân cho đời này, hoặc là không có đời khác làm quả của đời này. Không có hữu tình hóa sinh, có các ngoại đạo đưa ra cách nói như vậy: Các hữu tình sinh ra đều là nhờ vào quan hệ của tinh huyết…hiện tại, không có loài nào không có duyên mà bỗng nhiên sinh ra; ví như mầm non sinh ra chắc chắn nhờ vào hạt giống-nước-đất-thời tiết, không có mầm non nào không có duyên mà được sinh ra, cho nên chắc chắn không có hữu tình hóa sinh. Loại này hoặc là gạt bỏ không có nghiệp cảm đến hóa sinh, hoặc là gạt bở không có hóa sinh đã cảm đến.

Hoặc có người nói: Hữu tình hóa sinh, đó gọi là Trung hữu. Không có đời này-đời khác, là bài bác không có Sinh hữu. Không có hữu tình hóa sinh, là bài bác không có Trung hữu. Có các ngoại đạo nói là không Trung hữu, họ nói chỉ thuận theo từ thế gian này đến thế gian khác, lại không có thế gian thứ ba có thể đạt được. Loại này hoặc là gạt bỏ không có nghiệp cảm đến Trung hữu, hoặc là gạt bỏ không có cảm đến Trung hữu, hoặc là gạt bỏ Trung hữu là quả của Tử hữu.

Đây là Tà kiến, là hiển bày về tự tánh của nó; hoặc do kiến Tập mà đoạn, hoặc do kiến Khổ mà đoạn, là hiển bày về đối trị của nó, nói rộng ra như trước.

Không có cha, không có mẹ; đây là Tà kiến bài bác về Nhân, do kiến Tập mà đoạn.

Hỏi: Cha mẹ ở thế gian đều là những sự việc hiện thấy, vì sao mà họ bài bác nói là không có?

Đáp: Các ngoại đạo ấy do Vô minh làm cho mù lòa, cho đến nói rộng ra.

Có người nói: Các ngoại đạo ấy bài bác về nghiệp cảm của con không có cha mẹ, chứ không bài bác về Thể của cha mẹ. Họ đưa ra cách nói như vậy: Cha mẹ bởi vì tâm ái nhiễm của mình chứ không vì con. Nhưng bởi vì duyên hòa hợp của tinh huyết cho nên loại ấy tự nhiên sinh ra, chứ không phải là cho rằng cha mẹ có nghiệp cảm đến con; như nhờ vào lá-phân-đất… ẩm ướt cho nên có các loài sâu bọ sinh ra, không phải là lá-phân-đất… ẩm ướt có nghiệp cảm đến sâu bọ, điều này cũng như vậy. Vì thế, ngoại đạo ấy có bài tụng như vậy:

"Tâm nhiễm của nam nữ hòa hợp,

Gặp lúc người nữ không có bệnh,
Mình từ nơi này tự nhiên có,
Họ đối với mình đâu làm gì?"

Hoặc có người nói: Các ngoại đạo ấy bài bác về nghĩa của cha mẹ, chứ không bài bác về Thể của cha mẹ; như nhờ vào lá-phân-đất… ẩm ướt sinh ra sâu bọ, lá-phân-đất… đối với sâu bọ không phải là cha, không phải là mẹ. Như vậy nhờ vào vật bất tịnh ấy mà sinh ra, vật ấy lại vì sao tự nhiên đối với sinh ra có ân đức sâu nặng mà gọi là cha mẹ? Vì thế cho nên loại ấy nói là không có cha mẹ.

Đây là Tà kiến, là hiển bày về tự tánh của nó; do kiến Tập mà đoạn, là hiển bày về đối trị của nó, nói rộng ra như trước.

Trong này chỉ nói đến tự tánh và đối trị của kiến chấp ấy, chứ không nói đến cùng dấy khởi (đẳng khởi).

Đẳng khởi của kiến chấp ấy như thế nào? Tôn giả Thế Hữu nói rằng: "Có các ngoại đạo, lúc trời mưa lớn, thấy các bọt nước trôi nổi, liền dấy lên nghĩ rằng: Bọt nước này từ đâu đến, diệt rồi đến nơi nào, chỉ nhờ vào nước mưa mà chợt nổi lên-chợt mất đi, như vậy hữu tình bởi vì duyên hòa hợp mà sinh ra, duyên tách lìa mà chết đi, không từ đời trước mà đến đời này, cũng không phải là từ đời này hướng về đời sau. Liền quyết định nói là không có đời này, không có đời khác. Lại thấy ở thế gian, cha mẹ sinh con, nước-đất sinh ra mầm non, đã thấy đều từ duyên hòa hợp mà có, liền dấy lên nghĩ rằng: Nơi nào là có hữu tình hóa sinh? Lại thấy sâu bọ sinh ra nhờ vào lá-phân-đất… ẩm ướt, nói rộng ra như trước. Nhưng ngoại đạo ấy không biết chủng loại sinh của tình và phi tình có bốn Sinh loại sai khác, hữu tình nhờ vào duyên không như nhau, tánh và duyên của pháp bên trong-pháp bên ngoài đều khác nhau, cho nên ở trong sự việc tương tự phần ít, suy xét không đúng đắn mà khởi lên những kiến chấp này."

Lại có người nói: Các ngoại đạo ấy đạt được Định thế tục, thấy có các hữu tình từ địa trên và thế giới khác chết đi-sinh đến nơi này, hoặc là từ nơi này chết đi-sinh đến địa trên và thế giới khác, họ quán xét loại này không thấy nơi ban đầu và nơi hướng đến, liền khởi lên kiến chấp này: Không có đời này, không có đời khác.

Lại nữa, bởi vì họ đạt được Định thế tục thô thiển, cho nên lúc quán xét đời vị lai-quá khứ chỉ thấy Sinh hữu, không thấy thân Trung hữu trong thời gian ấy, bởi vì rất vi tế. Vì vậy liền nói là không có hữu tình hóa sinh.

Lại nữa, nhờ vào lực của Định quán xét các hữu tình, hoặc là từ kẻ thù đến làm cha mẹ, hoặc là từ vợ con-anh em-chị em đến làm cha mẹ, cho

đến hoặc là từ đủ loại thân hình của các loài lừa ngựa heo chó… đến làm cha mẹ, lại từ cha mẹ làm các loại thân hình ấy, liền dấy lên nghĩ rằng: Thân này như nhà khách có gì quyết định đâu? Vì vậy liền nói là không có cha, không có mẹ.

Lại có người nói: Các ngoại đạo ấy không dựa vào sự việc hiện thấy, cũng không dựa vào Định, nhưng bởi vì thuận theo bạn ác dạy bảo, cho nên nói là không có đời này, cho đến nói rộng ra.

Có những kiến chấp như vậy: Thế gian không có A-la-hán; đây là Tà kiến bài bác về Đạo, do kiến Đạo mà đoạn.

Đây là Tà kiến, là hiển bày về tự tánh của nó; hoặc do kiến Đạo mà đoạn, là hiển bày về đối trị của nó, đó là vào lúc Đạo đế đã sinh Nhẫn trí, thì tất cả sự suy xét không đúng đắn, phân biệt không đúng đắn, nhận thức điên đảo, giữ lấy không bình đẳng ấy, liền vĩnh viễn đoạn trừ không còn.

Lại nữa, kiến chấp này dựa vào nơi chốn của Đạo mà chuyển, cho nên lúc thấy Đạo thì đoạn trừ; như hạt sương đầu ngọn cỏ, mặt trời xuất hiện thì khô mất. Kiến chấp này cũng như vậy.

Không có nơi đến đích thực (chánh chí); đây là Tà kiến bài bác về Diệt, do kiến Diệt mà đoạn. Chánh chí gọi là Niết-bàn, là nơi cần phải đến của đạo vô lậu.

Đây là Tà kiến bài bác về Diệt, là hiển bày về tự tánh của nó; do kiến Diệt mà đoạn, là hiển bày về đối trị của nó, đó là vào lúc Diệt đế đã sinh Nhẫn trí, thì tất cả sự suy xét không đúng đắn, phân biệt không đúng đắn, nhận thức điên đảo, giữ lấy không bình đẳng ấy, liền vĩnh viễn đoạn trừ không còn.

Lại nữa, kiến chấp này dựa vào nơi chốn của Diệt mà chuyển, cho nên lúc thấy Diệt thì đoạn trừ; như hạt sương đầu ngọn cỏ, mặt trời xuất hiện thì khô mất. Kiến chấp này cũng như vậy.

Đời này-đời khác không có Chánh hạnh, bởi vì đối với pháp hiện tại biết tự mình thông suốt-tác chứng-trú đầy đủ, biết như thật đời sống của mình đã hết, Phạm hạnh đã lập, việc làm đã xong, không nhận lấy thân đời sau; đây là Tà kiến bài bác về Đạo, do kiến Đạo mà đoạn.

Đời này-đời khác không có Chánh hạnh, đó là gạt bỏ không có bốn Chánh hạnh, tức là Khổ Trì Thông…, đây là bài bác về đạo Hữu học, còn lại là bài bác về đạo Vô học.

Đây là Tà kiến bài bác về Đạo, là hiển bày về tự tánh của nó; do kiến Đạo mà đoạn, là hiển bày về đối trị của nó, nói rộng ra như trước.

Trong này chỉ nói đến tự tánh và đối trị của kiến chấp ấy, chứ không nói đến cùng dấy khởi (đẳng khởi).

Đẳng khởi của kiến chấp ấy như thế nào? Tôn giả Thế Hữu nói rằng: "Có các ngoại đạo, thấy A-la-hán có già-bệnh-chết và nhận chịu các khổ đau giống như hữu tình khác, liền nói là thế gian không có A-la- hán, tức là bài bác không có pháp của A-la-hán. Lại nghe Niết-bàn là các căn vĩnh viễn diệt mất, liền dấy lên nghĩ rằng: Pháp ấy phải là khổ. Lại nghe Niết-bàn là các hành vắng lặng, liền dấy lên nghĩ rằng: Pháp ấy phải là không có. Lại thấy hình dáng-cử chỉ-ăn uống của Thánh giả giống như hữu tình khác, liền nói là họ không có tất cả Thánh đạo. Nhưng ngoại đạo ấy không biết Thánh giả thì thân hữu lậu khác, thân vô lậu khác, vui với Niết-bàn vắng lặng, không phải là khổ, không phải là không có, cho nên khởi lên Tà kiến sai biệt như vậy.

Có người nói: Ngoại đạo đạt được Định thế tục, không có thể nhìn thấy Thánh đạo và Niết-bàn, liền dấy lên nói rằng: Không có A-la-hán, cho đến nói rộng ra.

Có người nói: Ngoại đạo không dựa vào sự việc hiện thấy, cũng không dựa vào Định, nhưng bởi vì thuận theo bạn ác dạy bảo, liền nói là thế gian không có A-la-hán, cho đến nói rộng ra.

Có người nói: Trong này nên nói đến sự việc nắm giữ bay bổng ban đầu (thỉ hiên trì sự), sự việc ấy tức là Đẳng khởi của kiến chấp này.

Có những kiến chấp như vậy: Ngay cả sống có thân mạng chết rồi đoạn hoại, không có thân sĩ phu trong bốn đại chủng này, cho đến nói rộng ra; đây là Biên chấp kiến, thuộc về Đoạn kiến, do kiến Khổ mà đoạn.

Trong này, ngay cả sống có thân mạng chết rồi đoạn hoại không có, đó là chấp có Ngã gọi là thân mạng, thân mạng này ngay cả đời này chưa chết thì luôn luôn có, chết rồi không còn nối tiếp nhau thì gọi là đoạn hoại không có.

Không có thân sĩ phu trong bốn đại chủng này, đó là nói thân sĩ phu cũng do pháp khác tạo thành mà chỉ nói đến bốn đại chủng, bởi vì hiển bày thô thiển. Lúc chết thì thân của đất trả về cho đất, thân của nước trả về cho nước, thân của lửa trả về cho lửa, thân của gió trả về cho gió.

Căn thuận theo hư không mà chuyển, đó là nói lúc chúng sinh chết đi thì thân của đại chủng bên trong trả về cho đất… bên ngoài, căn không có đại chủng làm sở y cho nên liền thuận theo hư không mà chuyển, ví như cây ngã thì chim bay vào bầu trời. Đây là Biên chấp kiến, thuộc về Thường kiến, do kiến Khổ mà đoạn, bởi vì chấp Ngã sở là thường tồn tại.

Kiệu khiêng làm thứ năm, đó là kiệu khiêng dài bốn khuỷu tay rưỡi, do bốn người khiêng để đưa thây xác đi, cho nên nói kiệu khiêng làm thứ năm. Mang thây xác ấy đưa đến đặt trong bãi tha ma, tức là nơi bố thí thây xác hoặc là nơi thiêu đốt thây xác, gọi là trong bãi tha ma.

Chưa đốt cháy thì có thể nhận biết, đó là ngay cả lúc chưa đốt cháy thì sai biệt có thể nhìn thấy, lúc đốt cháy rồi thành ra tro tàn.

Còn lại xương màu đen xám, đó là nếu đốt cháy rồi thì trở thành tro bụi. Trong này, nói đốt cháy nếu cho rằng củi khô… đốt cháy, thì đây là Chánh kiến; nếu cho rằng chính là ngọn lửa đốt cháy, thì đây là tà trí chứ không phải là kiến; nếu cho rằng nghiệp hữu lậu đốt cháy, thì đây là Tà kiến bài bác về Nhân, do kiến Tập mà đoạn; nếu cho rằng nghiệp Vô lậu đốt cháy, thì đây là Tà kiến bài bác về Đạo, do kiến Đạo mà đoạn.

Người ngu ca ngợi bố thí, người trí ca ngợi thọ nhận, ngu đó là người không có trí hoặc là Tuệ ác, trí đó là người có trí và Tuệ thiện. Ngoại đạo ấy nói những người ngu si khen ngợi thực hành bố thí, những người trí tuệ khen ngợi thọ nhận. Nhưng Phật-Độc giác và đệ tử hàng Thánh, là những người có trí tuệ đều ca ngợi thực hành bố thí, họ gạt bỏ cho là ngu, đây chính là bài bác không có pháp thành tựu về trí. Đây là Tà kiến bài bác về Đạo, do kiến Đạo mà đoạn.

Những luận thuyết về Có thì tất cả đều là lời nói hư vọng trống rỗng, ngay cả người sống có ngu-trí chết rồi đoạn hoại không có. Nói là có đời sau gọi là luận thuyết về Có, thì họ đều bài bác đó là lời nói hư vọng trống rỗng, cho rằng ngay cả người sống có ngu-trí chết rồi tất cả đoạn hoại không có. Nhưng Phật-Độc giác và đệ tử hàng Thánh nói có đời sau, họ gạt bỏ cho là hư vọng, đây chính là bài bác không có pháp của lời nói chân thật. Đây là Tà kiến bài bác về Đạo, do kiến Đạo mà đoạn.

Đây là Biên chấp kiến, thuộc về Đoạn kiến, là hiển bày về tự tánh của nó. Trong này tuy có những Tà kiến khác, mà chỉ hiển bày rõ ràng về đoạn hoại không có, cho nên thuộc về Đoạn kiến. Do kiến Khổ mà đoạn, là hiển bày về đối trị của nó, nói rộng ra như trước.

Trong này chỉ nói đến tự tánh và đối trị của kiến chấp ấy, chứ không nói đến cùng dấy khởi (đẳng khởi).

Đẳng khởi của kiến chấp ấy như thế nào? Tôn giả Thế Hữu nói rằng: "Có các ngoại đạo, không nhớ lại đời trước, không nhìn thấy đời sau, cho rằng các hữu tình đều lấy đời này được đầu thai làm ban đầu, chết đi làm cuối cùng, và những người mạng chung không có ai trở về, cho nên nói ngay cả sống có thân mạng, chết rồi đoạn hoại không có, giống như cỏ cây

không có đời sau.”

Có người nói: Ngoại đạo ấy đạt được Định thế tục, hoặc có chúng sinh từ nơi này chết đi-sinh đến địa trên và thế giới khác, họ quán xét loại này không biết nơi hướng đến, liền dấy lên nói rằng: Ngay cả sống có thân mạng, cho đến nói rộng ra.

Có người nói: Ngoại đạo ấy không dựa vào những sự việc khác, chỉ bởi vì sự giảng dạy tà vạy của bạn ác, cho nên liền dấy lên nói rằng: Ngay cả sống có thân mạng, cho đến nói rộng ra.

Có những kiến chấp như vậy: Không có nhân, không có duyên khiến cho hữu tình tạp nhiễm; không phải là nhân, không phải là duyên mà hữu tình tạp nhiễm. Đây là Tà kiến bài bác về Nhân, do kiến Tập mà đoạn.

Đây là Tà kiến bài bác về Nhân, là hiển bày về tự tánh của nó; do kiến Tập mà đoạn, là hiển bày về đối trị của nó, nói rộng ra như trước.

Đẳng khởi của kiến chấp ấy như thế nào? Tôn giả Thế Hữu nói rằng: “Có các ngoại đạo hiện thấy ở thế gian, có người ở trong chốn A-luyện-nhã mà sinh ra tạp nhiễm, có người ở trong thành ấp mà không khởi lên tạp nhiễm, liền dấy lên nghĩ rằng: Không có nhân, không có duyên khiến cho hữu tình tạp nhiễm; không phải là nhân, không phải là duyên mà hữu tình tạp nhiễm. Nếu có thì lẽ ra người ở trong chốn A- luyện-nhã thì không sinh ra tạp nhiễm, người ở trong thành ấp đều sinh ra tạp nhiễm? Hiện thấy trái ngược nhau, vì thế cho nên quyết định là không có nhân, không có duyên…, cho đến nói rộng ra. Nhưng mà do ba sự việc cho nên hữu tình tạp nhiễm:

1. Do lực của nhân.
2. Do lực của gia hạnh.
3. Do lực của cảnh giới.

Người ở trong chốn A-luyện-nhã, tuy không có cảnh giới mà do lực của nhân và lực của gia hạnh, cho nên sinh ra các tạp nhiễm; người ở trong thành ấp, tuy có nhân và cảnh giới, nhưng bởi vì không có lực của gia hạnh, cho nên không sinh ra tạp nhiễm. Họ đối với sự việc này không có thể thông hiểu, liền khởi lên kiến chấp này: Không có nhân, không có duyên…, cho đến nói rộng ra.”

Có người nói: Ngoại đạo nhờ đạt được Định thế tục thô thiển, cho nên nhìn thấy hữu tình khởi lên các tạp nhiễm, mà không thấy nhân duyên sai biệt của điều ấy, liền khởi lên kiến chấp này: Không có nhân, không có duyên…, cho đến nói rộng ra.

Có người nói: Ngoại đạo không dựa vào sự việc hiện thấy, cũng không dựa vào Định, chỉ bởi vì thuận theo bạn ác dạy bảo mà khởi lên kiến

chấp này.

Không có nhân, không có duyên khiến cho hữu tình thanh tịnh; không phải là nhân, không phải là duyên mà hữu tình thanh tịnh. Đây là Tà kiến bài bác về Đạo, do kiến Đạo mà đoạn.

Đây là Tà kiến bài bác về Đạo, là hiển bày về tự tánh của nó; do kiến Đạo mà đoạn, là hiển bày về đối trị của nó, nói rộng ra như trước.

Đẳng khởi của kiến chấp ấy như thế nào? Tôn giả Thế Hữu nói rằng: "Có các ngoại đạo hiện thấy ở thế gian, có người ở trong thành ấp mà được thanh tịnh, có người ở trong chốn A-luyện-nhã mà không thanh tịnh, liền dấy lên nghĩ rằng: Không có nhân, không có duyên khiến cho hữu tình thanh tịnh; không phải là nhân, không phải là duyên mà hữu tình thanh tịnh. Nếu có thì lẽ ra người ở trong chốn A-luyện-nhã ấy đều thanh tịnh, người ở trong thành ấp đều không thanh tịnh? Hiện thấy trái ngược nhau, vì thế cho nên quyết định là không có nhân, không có duyên…, cho đến nói rộng ra. Nhưng mà do ba sự việc cho nên hữu tình thanh tịnh:

1. Do lực của nhân.
2. Do lực của gia hạnh.
3. Do lực của duyên.

Người ở trong chốn A-luyện-nhã, tuy có nhân-duyên, hoặc là do thiếu gia hạnh, cho nên không được thanh tịnh; người ở trong thành ấp, tuy có lúc thiếu duyên mà do lực của nhân và lực của gia hạnh, cho nên vẫn được thanh tịnh. Họ đối với sự việc này không có thể thông hiểu, liền khởi lên kiến chấp này: Không có nhân, không có duyên…, cho đến nói rộng ra."

Có người nói: Ngoại đạo nhờ đạt được Định thế tục thô thiển, cho nên nhìn thấy hữu tình chứng được thanh tịnh, mà không thấy nhân duyên đạt được thanh tịnh của họ, liền khởi lên kiến chấp này: Không có nhân, không có duyên…, cho đến nói rộng ra.

Có người nói: Ngoại đạo không dựa vào sự việc hiện thấy, cũng không dựa vào Định, chỉ bởi vì thuận theo bạn ác dạy bảo mà khởi lên kiến chấp này.

Không có nhân, không có duyên khiến cho hữu tình không có trí tuệ, không có nhận thức; không phải là nhân, không phải là duyên mà hữu tình không có trí tuệ, không có nhận thức. Đây là Tà kiến bài bác về Nhân, do kiến Tập mà đoạn.

Đây là Tà kiến bài bác về Nhân, là hiển bày về tự tánh của nó; do kiến Tập mà đoạn, là hiển bày về đối trị của nó, nói rộng ra như trước.

Đẳng khởi của kiến chấp ấy như thế nào? Tôn giả Thế Hữu nói rằng:

"Có các ngoại đạo hiện thấy ở thế gian, không ai bởi vì cầu không có trí tuệ, không có nhận thức cho nên khởi lên các gia hạnh, mà hữu tình ấy tự nhiên không có trí tuệ, không có nhận thức, liền dấy lên nghĩ rằng: Không có nhân, không có duyên…, cho đến nói rộng ra. Nếu có thì lẽ ra thực hiện gia hạnh cầu mong không có trí tuệ-nhận thức sẽ khởi lên không có trí tuệ-nhận thức, không cầu mong thì không khởi lên? Hiện thấy trái ngược nhau, cho nên biết quyết định là không có nhân, không có duyên…, cho đến nói rộng ra. Nhưng mà do ba sự việc cho nên hữu tình không có trí tuệ, không có nhận thức:

1. Do ý thích bám chặt trong A-lại-da;
2. Do có nhiều nghi hoặc đối với những việc làm;
3. Do không khiêm nhường tôn trọng đối với hữu tình."

Có người nói: Do năm sự việc, ba sự việc nói như trước, bốn là do không chịu khó cầu mong, năm là do không có phương tiện. Họ đối với sự việc này không khéo léo nhận biết rõ ràng, liền khởi lên kiến chấp này: Không có nhân, không có duyên…, cho đến nói rộng ra.

Có người nói: Ngoại đạo đạt được Định thế tục thô thiển, nhìn thấy hữu tình không có trí tuệ, không có nhận thức, mà không thấy nhân duyên sai biệt của họ, liền khởi lên kiến chấp này: Không có nhân, không có duyên…, cho đến nói rộng ra.

Có người nói: Ngoại đạo không dựa vào sự việc hiện thấy, cũng không dựa vào Định, chỉ bởi vì thuận theo bạn ác dạy bảo mà khởi lên kiến chấp này.

Không có nhân, không có duyên khiến cho hữu tình có trí tuệ- nhận thức; không phải là nhân, không phải là duyên mà hữu tình có trí tuệ-nhận thức. Đây là Tà kiến bài bác về Đạo, do kiến Đạo mà đoạn.

Đây là Tà kiến bài bác về Đạo, là hiển bày về tự tánh của nó; do kiến Đạo mà đoạn, là hiển bày về đối trị của nó, nói rộng ra như trước.

Đẳng khởi của kiến chấp ấy như thế nào? Tôn giả Thế Hữu nói rằng: "Có các ngoại đạo hiện thấy ở thế gian, có người cầu có trí tuệ- nhận thức cho nên khởi lên nhiều gia hạnh, mà không sinh khởi trí tuệ- nhận thức, có người không khởi lên gia hạnh mà sinh khởi trí tuệ-nhận thức, liền dấy lên nghĩ rằng: Không có nhân, không có duyên…, cho đến nói rộng ra. Nếu có thì lẽ ra bởi vì cầu mong có trí tuệ-nhận thức mà khởi lên gia hạnh thì sẽ sinh ra trí tuệ-nhận thức, không khởi lên gia hạnh thì không sinh ra trí tuệ-nhận thức? Hiện thấy trái ngược nhau, cho nên biết quyết định là không có nhân, không có duyên…, cho đến nói rộng ra. Nhưng mà do bốn sự việc

cho nên hữu tình có trí tuệ-nhận thức:

1. Khéo léo chọn lấy tên gọi ấy.
2. Khéo léo chọn lấy nghĩa lý ấy.
3. Thích suy xét tìm tòi nhiều.
4. Thích chọn lựa đúng lý-không đúng lý.

Họ đối với sự việc này không khéo léo nhận biết rõ ràng, liền khởi lên kiến chấp này: Không có nhân, không có duyên…, cho đến nói rộng ra."

Có người nói: Ngoại đạo đạt được Định thế tục thô thiển, nhìn thấy hữu tình đạt được trí tuệ-nhận thức thù thắng, mà không thấy nhân duyên sai biệt của họ, liền khởi lên kiến chấp này: Không có nhân, không có duyên…, cho đến nói rộng ra.

Có người nói: Ngoại đạo không dựa vào sự việc hiện thấy, cũng không dựa vào Định, chỉ bởi vì thuận theo bạn ác dạy bảo mà khởi lên kiến chấp này.

Có những kiến chấp như vậy: Không có lực, không có tinh tiến, không có lực-tinh tiến; không có sĩ, không có uy thế, không có sĩ-uy thế; không có tự mình làm, không có người khác làm, không có tự mình- người khác làm. Tất cả hữu tình, tất cả sinh loại, tất cả chủng loại, không có lực, không có tự tại, không có tinh tiến, không có uy thế, nhất định hòa hợp với tánh mà biến đổi, đối với sáu sinh loại hơn hẳn thọ nhận các điều khổ-vui. Loại này nếu bài bác về Lực-Tinh tiến… hữu lậu, thì đó là Tà kiến bài bác về Nhân, do kiến Tập mà đoạn; nếu bài bác về Lực-Tinh tiến… vô lậu, thì đó là Tà kiến bài bác về Đạo, do kiến Đạo mà đoạn.

Trong này, Lực-Tinh tiến-Sĩ-Uy thế, Thể như nhau mà nghĩa khác nhau, đều nói đến công năng sai biệt của các pháp. Lực đó là thế lực, là nghĩa của khó làm cho khuất phục. Tinh tiến đó là nghĩa của sự phát khởi hướng về. Sĩ đó là sĩ dụng, là nghĩa của sự mạnh mẽ. Uy thế đó là nghĩa của năng lực làm cho người khác phải hàng phục. Họ nói các pháp không có nghĩa như vậy, tức là bài bác toàn bộ công năng của các pháp.

Không có tự mình làm, đó là bài bác công năng của các pháp trong sự nối tiếp nhau của mình. Không có người khác làm, đó là bài bác công năng của các pháp trong sự nối tiếp nhau của người khác. Không có tự mình-người khác làm, đó là bài bác cả hai loại; đây là kiến chấp của Vô y Ca-diếp-ba, như phần sau sẽ nói. Tất cả hữu tình, đó là loại có Thức. Tất cả sinh loại, đó là chính hữu tình gọi là chúng sinh. Tất cả chủng loại, đó là chinh chúng sinh làm nối tiếp nhau về chủng loại.

Lực-Tự tại… cũng là Thể như nhau mà nghĩa khác nhau, tức là công năng sai biệt của các hữu tình. Tự tại đó là nghĩa có thể sai khiến người khác. Lực… giải thích như trước. Họ nói hữu tình không có công năng sai biệt như vậy.

Nhất định đó là quyết định, là nghĩa của pháp vốn như vậy. Hòa hợp đó là sự hòa hợp, là nghĩa của duyên hội tụ. Tánh đó là tánh vốn có. Biến đổi đó là chuyển biến. Họ nói hữu tình có nghĩa lý như vậy, pháp vốn như vậy, duyên hội tụ thì tánh vốn có chuyển biến.

Đối với sáu sinh loại hơn hẳn thọ nhận các điều khổ-vui, không phải là do loại ấy có Lực-Tự tại… mà có thể thọ nhận các điều khổ-vui. Sáu sinh loại hơn hẳn, phần sau sẽ nói.

Đây là Tà kiến bài bác về Nhân, hoặc là bài bác về Đạo, là hiển bày về tự tánh của nó; do kiến Tập mà đoạn, hoặc là do kiến Đạo mà đoạn, là hiển bày về đối trị của nó, nói rộng ra như trước.

Đẳng khởi của kiến chấp ấy như thế nào? Tôn giả Thế Hữu nói rằng: "Có các ngoại đạo hiện thấy ở thế gian, có người bởi vì cầu giàu sang cho nên tận dụng nhiều công sức mà không có thể đạt được, có người không mong cầu mà tự nhiên có được, liền dấy lên nghĩ rằng: Không có lực, không có tinh tiến…, cho đến nói rộng ra. Nếu có thì lẽ ra cầu mong mới đạt được, không cầu mong thì không đạt được? Hiện thấy trái ngược nhau, cho nên biết là không có. Nhưng mà phước đức vui sướng của cuộc đời cần phải do nghiệp quyết định-không quyết định trong đời trước, có người tốn nhiều công sức mà không đạt được là bởi vì không có nghiệp của đời trước, có người không tốn công sức mà vẫn đạt được là bởi vì có nhân quyết định của đời trước. Họ đối với sự việc này không khéo léo nhận biết rõ ràng, liền khởi lên kiến chấp này: Không có lực, không có tinh tiến…, cho đến nói rộng ra."

Dựa vào Định và do bạn ác, thuận theo nói như trước.

Trong chương Tạp Uẩn trước đây nói về nơi điên đảo, chỉ trình bày về gạt bỏ nhân hữu lậu, cho nên do kiến Tập mà đoạn; trong phần này bao gồm trình bày về bài bác nhân hữu lậu-vô lậu, cho nên do kiến Khổ-kiến Đạo mà đoạn.

Có những kiến chấp như vậy: Tạo tác-dạy bảo tạo tác, nấu nướng-dạy bảo nấu nướng, làm hại-dạy bảo làm hại, giết hại các chúng sinh, không cho mà lấy, ham muốn tà hạnh, biết mà nói dối, cố tình uống các thứ rượu, đục tường-bẻ khóa lấy hết tất cả, chặn đường-ngăn lối, làm hại thôn xóm, làm hại thành ấp, làm hại đất nước, làm hại sinh mạng, dùng dao-dùng

vòng, vây kín khắp nơi, chém chặt cắt xẻ tất cả chúng sinh, tập trung dồn lại chất làm một đống thịt, nên biết vì vậy không có ác-không có duyên ác; ở bờ Nam sông Hằng chém chặt-đánh đập, ở bờ Bắc sông Hằng bố thí-tu phước, nên biết vì vậy không có tội-phước, cũng không có duyên của tội-phước; bố thí-ái ngữ-lợi hành-đồng sự thâu nhiếp các hữu tình đều không có phước. Đây là Tà kiến bài bác về Nhân, do kiến Tập mà đoạn.

Trong này, không có ác là không có tự tánh của ác, không có duyên ác là không có thể cảm đến quả ác; không có tội-phước, cũng không có duyên của tội-phước, nên biết cũng như vậy.

Ở bờ Nam sông Hằng chém chặt-đánh đập, bởi vì bờ Nam sông Hằng có nhiều đền thờ Dược-xoa, cho nên giết hại chúng sinh ở trong đó; ở bờ Bắc sông Hằng bố thí-tu phước, bởi vì bờ Bắc sông Hằng có nhiều đền thờ Thiên thần, cho nên bố thí tu phước ở trong đó.

Đây là Tà kiến bài bác về Nhân, là hiển bày về tự tánh của nó; do kiến Tập mà đoạn, là hiển bày về đối trị của nó, nói rộng ra như trước.

Đẳng khởi của kiến chấp ấy như thế nào? Tôn giả Thế Hữu nói rằng: "Có các ngoại đạo hiện thấy ở thế gian, có người làm việc ác mà thọ nhận mọi điều vui sướng, có người tu điều thiện mà gặp phải buồn lo khổ sở, liền dấy lên nghĩ rằng: Tạo tác-dạy bảo tạo tác…, cho đến nói rộng ra, đều không có phước. Nếu có thì lẽ ra tạo tác điều ác sẽ nhận chịu khổ đau, tu thiện sẽ có được vui sướng? Hiện thấy trái ngược nhau, cho nên biết chắc chắn là tạo tác-dạy bảo tạo tác…, cho đến nói rộng ra, đều không có phước. Nhưng mà quả của nghiệp thiện ác có xa-gần. Họ đối với sự việc này không khéo léo nhận biết rõ ràng, liền khởi lên kiến chấp này."

Dựa vào Định và do bạn ác, thuận theo nói như trước.

Có những kiến chấp như vậy: Thân bảy sĩ này không làm mà làm, không hóa mà hóa, không có thể làm hại, thường an trú, như Y-sư-ca an trú không lay động, không có chuyển biến, không xúc chạm lẫn nhau. Những gì là bảy? Đó là Địa-Thủy-Hỏa-Phong và Khổ-Lạc-Mạng. Thân bảy sĩ này không phải là làm cho đến như Y-sư-ca an trú không lay động. Hoặc là tội, hoặc là phước, hoặc là tội-phước; hoặc là khổ, hoặc là vui, hoặc là khổ-vui, không có thể chuyển biến, cũng không có thể khiến cho xúc chạm ngăn cản lẫn nhau. Giả sử có sĩ phu chặt đầu của sĩ phu, cũng không gọi là làm hại mạng sống thế gian. Hoặc là đi, hoặc là đứng, khoảng giữa bảy thân tuy có dao sắc xoay vòng mà không làm hại tính mạng.

Trong này, không có chủ động làm hại, không có thụ động làm hại, không có chủ động đánh đập, không có thụ động đánh đập, không có biểu

hiện, không có nơi biểu hiện. Đây là Biên chấp kiến, thuộc về Thường kiến, do kiến Khổ mà đoạn.

Thân bảy sĩ, đó là sự nắm giữ của Ngã sở. Thân bảy sĩ phu không làm, nghĩa là không có; làm, nghĩa là có thể làm; thân này làm, nghĩa là tuy không làm mà tựa như làm cho hiển hiện. Không hóa, nghĩa là không có hóa; hóa, nghĩa là có thể hóa; thân này hóa nghĩa là tuy không hóa mà tựa như hóa ra hiển hiện. Như Y-sư-ca, nghĩa là như cây Y-sư-ca, hoặc là như núi Y-sư-ca kiên cố khó mà hủy hoại. Không có biến chuyển, nghĩa là Ngã thường tồn tại, tuy có ẩn hiện mà không có chuyển biến. Không xúc chạm lẫn nhau, nghĩa là không có gì có thể làm cho xúc chạm ngăn cản lẫn nhau. Hoặc là đi, hoặc là đứng, đi nghĩa là loài người, đứng nghĩa là loài cây. Họ nói loài cây cũng gọi là sĩ phu, bởi vì chấp trong chủng loại ấy có mạng sống. Khoảng giữa bảy thân tuy có kẽ hở dao sắc có thể xoay vòng, mà không làm hại tính mạng bởi vì thường tồn tại, Ngã sở duy trì tính mạng cho nên không có thể làm hại. Không có biểu hiện, đó là bởi vì không có nghiệp chủ động làm hại, không có nghiệp chủ động đánh đập. Không có nơi biểu hiện, đó là bởi vì không có cảnh thụ động làm hại, không có cảnh thụ động đánh đập.

Đây là Biên chấp kiến, thuộc về Thường kiến, là hiển bày về tự tánh của nó; do kiến Khổ mà đoạn, là hiển bày về đối trị của nó, nói rộng ra như trước.

Đẳng khởi của kiến chấp ấy như thế nào? Tôn giả Thế Hữu nói rằng: "Có các ngoại đạo không khéo nhận biết rõ ràng đối với sự nối tiếp nhau của bốn đại chủng và Khổ-Lạc-Mạng, dựa vào nhân-dựa vào duyên hòa hợp mà có, không dừng lại trong sát-na, liền chấp rằng có Ngã duy trì trong đó khiến cho không có tổn hại. Họ đã nói là mạng, đó là sự nối tiếp nhau của Thức. Nhưng họ không thấy thân tâm nối tiếp nhau qua từng sát-na sát-na, trong sự chuyển đổi của nhân quả vốn có kẽ hở, liền chấp là có Ngã duy trì khiến cho thường tồn tại, lúc rời bỏ thân này rồi nhận lấy thân khác, như lúc cây ngã thì chim tụ tập ở cây khác, cho nên nói thân bảy sĩ này…, cho đến nói rộng ra."

Dựa vào Định và do bạn ác, thuận theo nói như trước.

Có những kiến chấp như vậy: Có mười bốn ức-sáu vạn-sáu trăm Sinh môn, năm nghiệp-ba nghiệp-hai nghiệp-nghiệp và nửa nghiệp, sáu mươi hai Hành tích, sáu mươi hai Trung kiếp, một trăm ba mươi sáu địa ngục, một trăm hai mươi Căn, ba mươi sáu Trần giới, bốn vạn chín ngàn loài Rồng, bốn vạn chín ngàn loài chim Diệu sí, bốn vạn chín ngàn loại Dị học,

bốn vạn chín ngàn loại Hoạt mạng, bảy tạng Hữu tưởng, bảy tạng Vô tưởng, bảy tạng Ly hệ, bảy A-tố-lạc, bảy Tất-xá-già, bảy trời- bảy người, bảy mộng-bảy trăm mộng, bảy giác-bảy trăm giác, bảy hồ- bảy trăm hồ, bảy đèo cao-bảy trăm đèo cao, bảy giảm-bảy trăm giảm, bảy tăng-bảy trăm tăng, sáu Sinh loại hơn hẳn, tám nơi của Đại sĩ. Trải qua tám vạn bốn ngàn Đại kiếp ở những nơi như vậy, hoặc là ngu-hoặc là trí lưu chuyển qua lại, mới quyết định có thể làm thành phạm vi giới hạn của khổ, như ném cuộn tơ, tơ hết thì dừng lại. Trong này không có Sa-môn hay Bà-la-môn nào, có thể nói ra lời này: Tôi dùng Thi-la, hoặc là dùng Tinh tiến, hoặc là dùng Phạm hạnh khiến cho tất cả nghiệp chưa chín muồi thì sẽ chín muồi, chín muồi thì tiếp xúc rồi lập tức làm cho thay đổi. Dùng dụng cụ như vậy để đong lường phạm vi giới hạn khổ vui của sinh tử, không có thể thi thiết có tăng-có giảm, cũng không có thể nói hoặc là đúng hay là không đúng. Đây là Giới cấm thủ, không phải là Nhân mà chấp làm Nhân, do kiến Khổ mà đoạn.

Mười bốn ức-sáu vạn-sáu trăm Sinh môn, như trong Chánh pháp nói có bốn Sinh môn, đó là Thai-Noãn-Thấp-Hóa, là nơi mà các hữu tình cùng nhau trải qua nhận chịu, số lượng ấy quyết định không vượt quá-không giảm bớt. Như vậy, ngoại đạo Vô Thắng Phát Hạt cho rằng có bấy nhiêu Sinh môn tạp loại, mỗi một hữu tình trải qua khắp nơi, số lượng quyết định cũng không tăng giảm.

Năm nghiệp cho đến nghiệp và nửa nghiệp, như trong Chánh pháp nói cảm đến bốn Sinh môn, và đối với Sinh môn đã tạo không ra ngoài các nghiệp như năm nghiệp… Như vậy, ngoại đạo đã nói cảm đến bấy nhiêu Sinh môn, và đối với bấy nhiêu Sinh môn đã tạo, cũng không vượt quá đối với các nghiệp như năm nghiệp…

Năm nghiệp, như trong Chánh pháp nói cảm đến năm nẻo, gia hạnh của năm nẻo, xứ sở của năm nẻo. Như vậy, ngoại đạo đã nói năm nghiệp, đó là cao-thấp-co-duỗi và hành động làm thứ năm, hoặc là năm loại như lời nói-tay-chân-đại tiện-tiểu tiện.

Ba nghiệp, như trong Chánh pháp nói nghiệp thân-ngữ-ý, họ nói cũng như vậy nhưng lời nói làm thứ nhất.

Hai nghiệp, như trong Chánh pháp nói nghiệp suy nghĩ và suy nghĩ rồi (tư), họ nói đó là nghiệp ác và nghiệp thiện (hắc-bạch).

Nghiệp và nửa nghiệp, như trong Chánh pháp nói nghiệp lôi kéo dẫn dắt gọi là nghiệp, nghiệp đầy đủ trọn vẹn gọi là nửa nghiệp; hoặc là có đủ hai loại thì gọi là nghiệp, hễ chỉ có một loại thì gọi là nửa nghiệp. Như vậy,

ngoại đạo nói có hai nghiệp, một là nghiệp đôi, hai là nghiệp lẻ, nghiệp lôi kéo dẫn dắt gọi là nghiệp đôi, nghiệp đầy đủ trọn vẹn gọi là nghiệp lẻ; hoặc là có đủ hai loại thì gọi là nghiệp đôi, hễ chỉ có một loại thì gọi là nghiệp lẻ, các đôi gọi là nghiệp, lẻ thì gọi là nửa nghiệp. Lại nữa, ngoại đạo ấy nói có hai nghiệp, đó là nghiệp rơi vào và nghiệp sắp rơi vào, nếu làm hại Bà-la-môn, hoặc là làm hại cha mẹ-thầy bạn-người nữ, trộm vàng-uống rượu thì gọi là nghiệp rơi vào, những nghiệp ác còn lại thì gọi là nghiệp sắp rơi vào; loại đầu gọi là nghiệp, loại sau gọi là nửa nghiệp. Lại nói nghiệp thân-ngữ gọi là nghiệp bởi vì có lợi và hại cho mình lẫn người khác, nghiệp ý gọi là nửa nghiệp bởi vì chỉ có hại và lợi cho chính mình. Lại nói nghiệp cảm đến Sinh hữu gọi là nghiệp, nghiệp cảm đến Trung hữu gọi là nửa nghiệp. Lại nói đối với nghiệp cảm đến Chúng đồng phần chưa sinh thì gọi là nghiệp, đối với nghiệp sinh rồi nhận lấy dị thục thì gọi là nửa nghiệp. Lại nói đối với nghiệp tạo tác đầy đủ thì gọi là nghiệp, tạo tác phần ít thì gọi là nửa nghiệp.

Sáu mươi hai Hành tích, như trong Chánh pháp nói bốn Hành tích gọi là đạo thanh tịnh. Như vậy, ngoại đạo nói sáu mươi hai Hành tích gọi là đạo thanh tịnh.

Sáu mươi hai Trung kiếp, như trong Chánh pháp nói tám mươi Trung kiếp làm một phạm vi. Như vậy, ngoại đạo nói sáu mươi hai Trung kiếp làm một phạm vi, ở trong thời gian này tu sáu mươi hai Hành tích làm thành phạm vi giới hạn của khổ.

Một trăm ba mươi sáu địa ngục, như trong Chánh pháp nói tám địa ngục lớn, mỗi một địa ngục đều có mười sáu địa ngục phụ thuộc. Như vậy, ngoại đạo đã nói cũng như vậy, nhưng nói hữu tình sinh khắp nơi trong đó, sau đó mới giải thoát.

Một trăm hai mươi Căn, như trong Chánh pháp nói có hai mươi căn. Như vậy, ngoại đạo nói có một trăm hai mươi căn, đó là Nhãn-Nhĩ- Tỷ đều có hai là sáu, Thiệt-Thân-Ý-Mạng và năm Thọ căn, năm căn như Tín…, tổng cọng là hai mươi sáu, nẻo đều có hai mươi là một trăm hai mươi sáu. Nẻo đó là A-tố-lạc làm thứ sáu. Họ nói hữu tình cần phải ở sáu nẻo nhận lấy bấy nhiêu căn, không vượt quá-không giảm bớt.

Có người nói: Căn là nghĩa của tăng thượng, hữu tình cần phải làm chủ ở một trăm hai mươi chỗ rồi sau đó mới giải thoát.

Ba mươi sáu Trần giới, như trong Chánh pháp nói có chín mươi tám tùy miên làm nơi nương tựa cho tất cả tạp nhiễm. Như vậy, ngoại đạo nói có ba mươi sáu Trần giới làm nơi nương tựa cho tạp nhiễm.

Bốn vạn chín ngàn loài Rồng, Gia có nghĩa là dòng họ-chủng loại, như trong Chánh pháp nói có bốn chủng loại tức là Thai-Noãn-Thấp- Hóa. Như vậy, ngoại đạo nói có bốn vạn chín ngàn loài Rồng, mỗi một hữu tình đối với dòng họ-chủng loại ấy, không có loài nào không trải qua thọ nhận.

Bốn vạn chín ngàn loài chim Diệu sí, như trong Chánh pháp nói chim Diệu sí có bốn chủng loại đó là Thai-Noãn-Thấp-Hóa. Như vậy, ngoại đạo nói có bốn vạn chín ngàn loài chim Diệu sí, mỗi một hữu tình đối với dòng họ-chủng loại ấy, không có loài nào không trải qua thọ nhận.

Bốn vạn chín ngàn loại Dị học, đó là ngoại đạo xuất gia có bấy nhiêu loại, họ nói mỗi một hữu tình đối với dòng họ-chủng loại ấy, cần phải xuất gia khắp nơi.

Bốn vạn chín ngàn loại Hoạt mạng, đó là luyện tập Công xảo xứ để tự nuôi sống thân mạng có bấy nhiêu loại, họ nói hữu tình đối với xứ sở ấy đều cần phải học tất cả.

Bảy tạng Hữu tưởng, đó là họ nói có bảy Định Hữu tưởng.

Bảy tạng Vô tưởng, đó là họ nói có bảy Định Vô tưởng, các Định như vậy mỗi một hữu tình đều cần phải khởi lên tất cả.

Bảy tạng Ly hệ, tức là trước đây đã nói gia hạnh của các Định. Họ nói hữu tình đối với gia hạnh ấy cần phải thâu nhiếp tâm ý tu tập, lìa các sự ràng buộc.

Bảy A-tố-lạc và bảy Tất-xá-già, họ nói hữu tình qua lại bảy lần ở nơi A-tố-lạc và bảy Tất-xá-già mới được giải thoát.

Bảy trời-bảy người, họ nói hữu tình qua lại bảy lần ở loài trời và loài người mới được giải thoát.

Bảy mộng-bảy trăm mộng, họ nói nơi sinh của hữu tình sai biệt, mộng lớn có bảy loại, mộng nhỏ có bảy trăm, đã trải qua-đã nhìn thấy tất cả đều không giống nhau, mỗi một hữu tình đều trải qua đầy đủ.

Bảy giác-bảy trăm giác, họ nói nơi sinh của hữu tình sai biệt, tùy theo bấy nhiêu mộng lớn nhỏ, lại có bấy nhiêu giác lớn nhỏ, đã trải qua- đã nhìn thấy cũng đều không giống nhau, mỗi một hữu tình đều trải qua đầy đủ.

Bảy hồ-bảy trăm hồ, họ nói suối hồ diệt tội ở thế gian, lớn thì có bảy loại, nhỏ thì có bảy trăm, mỗi một hữu tình đều tắm gội khắp nơi mới được giải thoát.

Bảy đèo cao-bảy trăm đèo cao, đèo cao đó là hang hốc-vách núi- bờ sông, họ nói nơi đèo cao diệt tội như vậy, lớn thì có bảy loại, nhỏ thì có bảy trăm, mỗi một hữu tình trải qua xả bỏ thân mạng ở khắp nơi trong đó mới

được giải thoát.

Bảy giảm-bảy trăm giảm, giảm có nghĩa là lui sụt mất đi công đức, họ nói nơi hữu tình lui sụt công đức, lớn thì có bảy loại, nhỏ thì có bảy trăm, mỗi một hữu tình đều cần phải ở trong đó lui sụt mất đi công đức.

Bảy tăng-bảy trăm tăng, tăng có nghĩa là tăng thêm công đức, họ nói nơi hữu tình tăng thêm công đức, lớn thì có bảy loại, nhỏ thì có bảy trăm, mỗi một hữu tình ở khắp nơi ấy hễ lui sụt thì trở lại tăng thêm mới được giải thoát.

Sáu Sinh loại hơn hẳn, đó là ngoại đạo Mãn Ca-diếp-ba thi thiết sáu Sinh loại hơn hẳn, nghĩa là Sinh loại sai biệt thuộc về đen-xanh- vàng-đỏ-trắng và rất trắng. Sinh loại hơn hẳn thuộc về màu đen, đó là nghiệp tạp uế, tức là hạng làm nghề giết mổ… Sinh loại hơn hẳn thuộc về màu xanh, đó là những hạng tại gia khác nuôi sống thân mạng. Sinh loại hơn hẳn thuộc về màu vàng, đó là những hạng xuất gia khác nuôi sống thân mạng. Sinh loại hơn hẳn thuộc về màu đỏ, đó là Thích tử Sa- môn. Sinh loại hơn hẳn thuộc về màu trắng, đó là những người Ly hệ. Sinh loại hơn hẳn thuộc về màu rất trắng, đó là Nan-đà Phạt-sa, Mạt- tắc Yết-lợi, Cù-xa Lợi-tử… Họ nói hữu tình đối với sáu chủng loại này, đều cần phải tiếp nhận đầy đủ rồi sau đó mới giải thoát.

Đức Phật cũng thi thiết sáu Sinh loại hơn hẳn:

1. Có Bổ-đặc-già-la thuộc Sinh loại hơn hẳn về màu đen, sinh trưởng pháp ác.
2. Có Bổ-đặc-già-la thuộc Sinh loại hơn hẳn về màu đen, sinh trưởng pháp thiện.
3. Có Bổ-đặc-già-la thuộc Sinh loại hơn hẳn về màu đen, sinh trưởng pháp không thiện-không ác đạt được Niết-bàn.
4. Có Bổ-đặc-già-la thuộc Sinh loại hơn hẳn về màu trắng, sinh trưởng pháp thiện.
5. Có Bổ-đặc-già-la thuộc Sinh loại hơn hẳn về màu trắng, sinh trưởng pháp ác.
6. Có Bổ-đặc-già-la thuộc Sinh loại hơn hẳn về màu trắng, sinh trưởng pháp không thiện-không ác đạt được Niết-bàn.

Tám nơi của Đại sĩ, như trong Chánh pháp nói có bốn Tĩnh lự-bốn Vô sắc là nơi đầy đủ công đức. Như vậy, ngoại đạo nói có tám nơi Phạm hạnh thù thắng, gọi là tám nơi của Đại sĩ, hữu tình ở trong đó đều cần phải đạt được tất cả.

Trải qua tám vạn bốn ngàn Đại kiếp ở những nơi như vậy, hoặc là ngu-hoặc là trí lưu chuyển qua lại, mới quyết định có thể làm thành phạm vi giới hạn của khổ, họ nói Sinh loại hơn hẳn về màu đen trải qua mười bốn ngàn Đại kiếp lưu chuyển qua lại, sau đó được tiến vào Sinh loại hơn hẳn thuộc về màu xanh; ngay Sinh loại hơn hẳn về màu xanh trải qua mười bốn ngàn Đại kiếp lưu chuyển qua lại, sau đó được tiến vào Sinh loại hơn hẳn thuộc về màu vàng; ngay Sinh loại hơn hẳn về màu vàng lại trải qua mười bốn ngàn Đại kiếp lưu chuyển qua lại, sau đó được tiến vào Sinh loại hơn hẳn thuộc về màu đỏ; ngay Sinh loại hơn hẳn về màu đỏ lại trải qua mười bốn ngàn Đại kiếp lưu chuyển qua lại, sau đó được tiến vào Sinh loại hơn hẳn thuộc về màu trắng; ngay Sinh loại hơn hẳn về màu trắng lại trải qua mười bốn ngàn Đại kiếp lưu chuyển qua lại, sau đó được tiến vào Sinh loại hơn hẳn thuộc về màu rất trắng; ngay Sinh loại hơn hẳn thuộc về màu rất trắng lại trải qua mười bốn ngàn Đại kiếp lưu chuyển qua lại, sau đó mới có thể làm thành phạm vi giới hạn của khổ.

Như ném cuộn tơ, tơ hết thì dừng lại, như ở trên núi cao ném cuộn tơ lớn cho đến lúc tơ hết sau đó mới dừng lại. Như vậy, hữu tình trải qua tám vạn bốn ngàn Đại kiếp lưu chuyển qua lại trong các nơi sinh nói trên, sau đó mới có thể làm thành phạm vi giới hạn của khổ.

Dùng dụng cụ như vậy để đong lường phạm vi giới hạn khổ vui của sinh tử, không có thể thi thiết có tăng-có giảm, cũng không có thể nói hoặc là đúng hay là không đúng, như dùng Hộc-Đấu đong lường thóc lúa…, biết số lượng rồi không có thể tăng giảm, cũng không sinh lòng nghi ngờ. Như vậy, họ nói hữu tình trải qua tám vạn bốn ngàn Đại kiếp lưu chuyển qua lại ở các nơi sinh đã nói như trên, sau đó mới giải thoát chứ không vượt quá-không giảm bớt, cũng không cần phải nghi ngờ.

Có người nói: Gấp bội số lượng đã nói ở đây, lưu chuyển qua lại trong đó mới được giải thoát, bởi vì họ nói có qua lại.

Đây là Giới cấm thủ, không phải là Nhân mà chấp làm Nhân, là hiển bày về tự tánh của nó; do kiến Khổ mà đoạn, là hiển bày về đối trị của nó, nói rộng ra như trước.

Đẳng khởi của kiến chấp ấy như thế nào? Đó là có ngoại đạo, hoặc vì suy xét không đúng đắn, hoặc vì đạt được Định thế tục, hoặc vì gần gũi bạn ác mà khởi lên kiến chấp này. Như trước nên biết!

Có những kiến chấp như vậy: Tất cả sĩ phu, Bổ-đặc-già-la có những sự cảm thọ, tất cả đều lấy sự việc của đời trước làm nhân. Đây là Giới cấm thủ, không phải là Nhân mà chấp làm Nhân, do kiến Khổ mà đoạn.

Có những sự cảm thọ, đó là tất cả khổ-vui đã cảm thọ ở hiện tại. Tất cả đều lấy sự việc của đời trước làm nhân, đó là loại này đều lấy nghiệp quá khứ làm nhân.

Hỏi: Loại này trong Chánh pháp cũng nói khổ-vui đã cảm thọ lấy nghiệp quá khứ làm nhân mà không phải là ác kiến, ngoại đạo ấy cũng đưa ra cách nói này tại sao lại gọi là ác kiến?

Đáp: Loại này trong Chánh pháp nói đã cảm thọ ở hiện tại, có lúc lấy nghiệp quá khứ làm nhân, có lúc là quả sĩ dụng của hiện tại; họ nói tất cả đều lấy nghiệp đã làm ở quá khứ để làm nhân, không nói hiện tại có quả sĩ dụng, cho nên gọi là ác kiến.

Hỏi: Họ đã bài bác không có nhân quả hiện tại, nên gọi là Tà kiến tại sao lại gọi là Giới cấm thủ?

Đáp: Nay không nói họ bài bác về nhân quả hiện tại gọi là Giới cấm thủ, chỉ nói họ chấp nhân khác đã sinh ra pháp, bởi vì dùng pháp khác làm nhân là thuộc về Giới cấm thủ.

Đây là Giới cấm thủ, không phải là Nhân mà chấp làm Nhân, là hiển bày về tự tánh của nó; do kiến Khổ mà đoạn, là hiển bày về đối trị của nó, nói rộng ra như trước.

Đẳng khởi của kiến chấp ấy như thế nào? Đó là ngoại đạo ấy hiện thấy ở thế gian, có người tìm mọi cách dụng công mà không đạt được kết quả, có người không mong cầu mà tự nhiên có được, liền dấy lên nghĩ rằng: Nên biết đều là sự việc đời trước làm nhân, không phải là công sức hiện tại. Nhưng họ không biết sự sai biệt của nghiệp loại thiện ác có quyết định và không quyết định, cho đến sai biệt về thời gian, cho nên khởi lên kiến chấp này.

Có người nói: Ngoại đạo đạt được Định thế tục, nhớ biết các nghiệp đã khởi lên ở quá khứ, liền cho rằng tất cả đều do sự việc đời trước.

Có người nói: Ngoại đạo chỉ bởi vì bạn ác, nói rộng ra như trước.

-oOo-

LUẬN A TỲ ĐẠT MA ĐẠI TỲ BÀ SA

QUYỂN 199

LUẬN VỀ KIẾN (Phần 2)

Có những kiến chấp như vậy: Tất cả sĩ phu, Bổ-đặc-già-la có những sự cảm thọ, tất cả đều lấy sự biến hóa tự tại làm nhân. Đây là Giới cấm thủ, không phải là Nhân mà chấp làm Nhân, do kiến Khổ mà đoạn.

Đây là Giới cấm thủ, không phải là Nhân mà chấp làm Nhân, là hiển bày về tự tánh của nó; do kiến Khổ mà đoạn, là hiển bày về đối trị của nó, nói rộng ra như trước.

Đẳng khởi của kiến chấp ấy như thế nào? Đó là có ngoại đạo, hoặc vì sự suy xét không đúng đắn, hoặc vì đạt được Định, hoặc vì bạn ác mà khởi lên kiến chấp này, như trước nên biết.

Nhưng các pháp sinh khởi không phải là nhờ vào tự tại mà dần dần sinh khởi. Nghĩa là các thế gian, nếu nhờ vào biến hóa tự tại mà sinh khởi, thì lẽ ra tất cả cùng lúc mà sinh khởi, bởi vì nhân ấy đều có, không có gì có thể chướng ngại làm cho không sinh khởi? Nếu cho rằng tự tại lại còn chờ đợi nhân khác mới có thể sinh khởi, thì không phải là tự tại, bởi vì giống như nhân khác? Nếu cho rằng các pháp đều từ ý thích tự tại mà sinh khởi, cho nên không lập tức khởi lên, thì ý thích tự tại vì sao không lập tức sinh khởi, bởi vì ý thích sinh khởi tự tại ấy luôn luôn có, không có gì có thể ngăn cản? Nếu cho rằng tự tại lại còn chờ đợi nhân khác mới sinh khởi, thì ý thích không phải là tự tại? Lại là vô cùng tận, bởi vì nhân ấy còn chờ đợi nhân khác sinh khởi. Vả lại, nếu các pháp sinh khởi tự tại, thì nhân không có gì khác biệt, cho nên pháp sẽ không có gì khác biệt. Nếu cho rằng tự tại sinh khởi một pháp ban đầu, về sau từ pháp ấy chuyển đổi lại sinh khởi nhiều pháp khác, thì pháp ấy làm sao có thể sinh khởi nhiều pháp cũng như tự tại, bởi vì Thể là một? Lại nữa, pháp đã sinh cũng sẽ là thường còn, bởi vì quả tựa như nhân? Lại nữa, Thể của tự tại lẽ ra không có thể sinh khởi, bởi vì Thể ấy là thường còn giống như hư không?

Có những kiến chấp như vậy: Tất cả sĩ phu, Bổ-đặc-già-la đã cảm thọ đều là không có nhân, không có duyên. Đây là Tà kiến bài bác về Nhân, do kiến Tập mà đoạn.

Đây là Tà kiến bài bác về Nhân, là hiển bày về tự tánh của nó; do kiến Tập mà đoạn, là hiển bày về đối trị của nó, nói rộng ra như trước.

Đẳng khởi của kiến chấp ấy như thế nào? Đó là có ngoại đạo, thấy

các hình tướng nhân quả của thế gian không phải là nhất định tương tự, có những người tìm cầu hoặc là không được kết quả vừa ý, liền gạt bỏ mọi sự cảm thọ là không có nhân-không có duyên. Nhưng mọi sự cảm thọ không phải là không có nhân duyên, bởi vì hiện thấy các pháp do nhân duyên sinh khởi, chứ không phải là tất cả các pháp cùng lúc sinh khởi. Nếu không có nhân duyên thì lẽ ra đều cùng lúc sinh khởi, lẽ ra tất cả các pháp không có gì sai biệt. Nếu không có nhân duyên thì do đâu mà sai biệt? Vì vậy, mọi sự cảm thọ không phải là không có nhân duyên.

Có những kiến chấp như vậy: Tự mình làm khổ-vui, người khác làm khổ-vui, tự mình và người khác làm khổ-vui. Đây là Giới cấm thủ, không phải là Nhân mà chấp làm Nhân, do kiến Khổ mà đoạn.

Có những kiến chấp như vậy: Khổ-vui đã cảm thọ không phải là tự mình làm ra, không phải là người khác làm ra, không có nhân mà sinh. Đây là Tà kiến bài bác về Nhân, do kiến Tập mà đoạn.

Đây là Giới cấm thủ, không phải là Nhân mà chấp làm Nhân, và Tà kiến bài bác về Nhân, là hiển bày về tự tánh của nó; do kiến Khổ mà đoạn và do kiến Tập mà đoạn, là hiển bày về đối trị của nó, nói rộng ra như trước.

Đẳng khởi của kiến chấp ấy như thế nào? Đó là nhân duyên của Vô y Ca-diếp-ba là Đẳng khởi của kiến chấp này. Vô y Ca-diếp-ba kia lúc xưa còn là tại gia, đã từng làm chủ buôn, nhiều lần đi vào biển thu thập vật báu. Lần đầu tiên đi vào biển thì gặp phải các nạn của biển, gian khổ lắm mới được thoát nạn, liền dấy lên nghĩ rằng: Nạn khổ này là tự mình gây ra, bởi vì lúc đi vào biển không tắm gội sạch sẽ. Lúc đi vào biển lần thứ hai thì người ấy liền tự mình tắm gội sạch sẽ, đã đi vào biển rồi gặp phải nạn như trước, gian khổ lắm mới được trở về, lại dấy lên nghĩ rằng: Nạn khổ này là do người khác gây ra, bởi vì lúc đi vào biển không cúng tế Thiên thần. Lúc đi vào biển lần thứ ba thì người ấy tự mình tắm gội sạch sẽ, và cũng cúng tế Thiên thần, đã đến giữa biển gặp phải nạn như trước, gian khổ lắm mới được thoát nạn, liền dấy lên nghĩ rằng: Gian khổ như vậy là tự mình và người khác gây ra, bởi vì lúc đi vào biển tuy tắm gội-cúng tế Thiên thần mà không thiết tha sâu nặng. Lần cuối cùng thì người ấy vô cùng thiết tha sâu nặng, tắm gội và cúng tế Thiên thần, sau đó mới đi vào biển, vào biển rồi gặp phải nạn cũng lại như trước, chỉ mong được trở về, lại dấy lên nghĩ rằng: Lần này đã gặp phải khốn đốn không do mình và người khác, chỉ là không có nhân mà mắc phải. Người ấy bởi vì điều này cho nên đã nhìn thấy đời sống tại gia thâu nhiếp những sai lầm, liền đến xuất gia trong giáo pháp của ngoại đạo Vô Y, sau đó ở tại thành Vương Xá được gặp Đức Phật bèn

hỏi về khổ do ai gây ra? Lúc bấy giờ Đức Thế Tôn dùng bốn pháp ghi nhớ luận bàn (tứ ký luận pháp) mà điều phục người ấy, nói rộng như trong kinh Vô Y Ca-diếp-ba. Cho nên nhân duyên ấy là Đẳng khởi của kiến chấp này.

Từ trước đến đây đã nói về các Giới cấm thủ đều do kiến Khổ mà đoạn, là dựa vào Ngã mà khởi lên điên đảo về Thường, bởi vì chuyển ở nơi quả, cho nên tuy không phải là Nhân mà chấp là Nhân, nhưng do kiến Khổ mà đoạn. Nghĩa là Giới cấm thủ tổng quát có hai loại:

1. Không phải là Nhân mà chấp là Nhân.
2. Không phải là Đạo mà chấp là Đạo.

Không phải là Nhân mà chấp là Nhân, lại có hai loại:

1. Do mê lầm chấp Ngã mà khởi lên chấp pháp là Thường.
2. Do mê lầm việc làm đời trước mà khởi lên các loại khổ hạnh.

Loại trước là dựa vào Ngã mà khởi lên điên đảo về Thường, bởi vì chuyển ở nơi quả, cho nên tùy theo hai kiến chấp điên đảo do kiến Khổ mà đoạn; loại sau chỉ chuyển ở nơi quả, bởi vì tướng của quả hiện bày thô thiển có thể dễ dàng nhìn thấy, cho nên chấp Nhân làm Nhân không phải là hoàn toàn tà vạy, đã mê lầm về tướng của quả cho nên cũng do kiến Khổ mà đoạn.

Không phải là Đạo mà chấp là Đạo, cũng có hai loại:

1. Chấp các giới hữu lậu đều là Đạo, đây là mê lầm về tướng của quả hiện bày thô thiển mà khởi lên, cho nên lúc thấy rõ Khổ đế thì có thể vĩnh viễn đoạn trừ.
2. Chấp các loại Tà kiến bài bác về Đạo đều là Đạo, đây là chính mình trái ngược với Đạo mà chấp trước mê lầm, không phân biệt đối với tướng của nhân quả, cho nên lúc thấy rõ Đạo đế mới có thể đoạn trừ.

Lúc bài bác về Tập-Diệt, đã gạt bỏ tướng của pháp đã đoạn-đã chứng, nếu chấp là Đạo thì trở thành vô dụng, cho nên nhất định dựa vào pháp đã đoạn và pháp đã chứng mà lập làm Đạo.

Vả lại, do họ gạt bỏ cùng với Đạo khác nhau, nhất định không có Đạo không gián đoạn mà chấp vào đó làm Đạo. Nếu như về sau chấp vào đó làm Đạo, nhất định ở nơi quả mà khởi lên chấp về Đạo, cho nên lúc thấy rõ Khổ đế, thì kiến chấp này liền đoạn trừ. Không có Giới cấm thủ do kiến Tập-Diệt mà đoạn, bởi vì Kiến thủ đã chấp không có gì đối đãi nhưng chấp làm hơn hẳn, các Tà kiến sau đều có thể hiện rõ trước mắt, cho nên bao gồm bốn Bộ.

Trong này, các Giới cấm thủ đã nói chỉ riêng không phải là Nhân mà chấp là Nhân, cho nên do kiến Khổ mà đoạn.

Có những kiến chấp như vậy: Ngã và thế gian là pháp thường hằng, tồn tại vững chắc, không có biến dịch, đang an trú như vậy. Đây là Biên chấp kiến, thuộc về Thường kiến, do kiến Khổ mà đoạn.

Đây là Biên chấp kiến, thuộc về Thường kiến, là hiển bày về tự tánh của nó; do kiến Khổ mà đoạn, là hiển bày về đối trị của nó, nói rộng ra như trước.

Đẳng khởi của kiến chấp ấy như thế nào? Đó là có ngoại đạo, hoặc vì sự suy xét không đúng đắn, hoặc vì đạt được Định, hoặc vì bạn ác mà khởi lên kiến chấp này, như trước nên biết.

Nhưng Ngã và thế gian mà họ đã chấp đều không phải là thường tồn tại, bởi vì thật sự thì Ngã và Ngã sở không có thể đạt được. Hiện thấy tất cả hữu tình thế gian và mọi vật trên thế gian, bởi vì có chuyển biến, do nhân duyên mà sinh, các quả báo sinh khởi, tất cả đều sẽ có hủy diệt, vì vậy không nên chấp Ngã và thế gian là pháp thường hằng, tồn tại vững chắc…, đều là hiển bày về nghĩa Thường.

Có những kiến chấp như vậy: Vốn là Đế, vốn là tồn tại cho nên Ngã có Ngã. Đây là Biên chấp kiến, thuộc về Thường kiến, do kiến Khổ mà đoạn.

Vốn là Đế, đó là bởi vì nghĩa chân thật. Vốn là tồn tại, đó là bởi vì pháp vốn như vậy. Ngã có Ngã, đó là Ngã luôn luôn có. Đây là Biên chấp kiến, thuộc về Thường kiến, là hiển bày về tự tánh của nó; do kiến Khổ mà đoạn, là hiển bày về đối trị của nó, nói rộng ra như trước.

Đẳng khởi của kiến chấp ấy như thế nào? Đó là có ngoại đạo, hoặc vì sự suy xét không đúng đắn, hoặc vì đạt được Định, hoặc vì bạn ác mà khởi lên kiến chấp này, như trước nên biết.

Có những kiến chấp như vậy: Vốn là Đế, vốn là tồn tại cho nên Ngã không có Ngã. Đây là Biên chấp kiến, thuộc về Đoạn kiến, do kiến Khổ mà đoạn.

Vốn là Đế, vốn là tồn tại, giải thích như trước. Ngã không có Ngã, đó là Ngã là không có.

Hỏi: Điều này trong Chánh pháp cũng nói là không có Ngã mà không phải là ác kiến, ngoại đạo ấy cũng nói không có Ngã, tại sao lại gọi là ác kiến?

Đáp: Điều này trong Chánh pháp đối với tập hợp trống rỗng của Hành là không có Ngã, thấy trống rỗng là không có Ngã mà nói là không có Ngã, cho nên không phải là ác kiến; ngoại đạo kia ở trong tập hợp trống rỗng của Hành là không có Ngã, tùy tiện nói là có Ngã, nhưng nói Ngã ấy về sau sẽ

không có, cho nên chính là ác kiến.

Đây là Biên chấp kiến, thuộc về Đoạn kiến, là hiển bày về tự tánh của nó; do kiến Khổ mà đoạn, là hiển bày về đối trị của nó, nói rộng ra như trước.

Đẳng khởi của kiến chấp ấy như thế nào? Đó là có ngoại đạo, hoặc vì sự suy xét không đúng đắn, hoặc vì đạt được Định, hoặc vì bạn ác mà khởi lên kiến chấp này, như trước nên biết.

Có những kiến chấp như vậy: Ngã quán xét Ngã, Nhãn-sắc tức là Ngã. Đây là Hữu thân kiến, do kiến Khổ mà đoạn.

Ngã quán xét Ngã, đó là bởi vì có ngoại đạo chấp rằng Ngã ở khắp nơi các pháp trong-ngoài, lúc Nhãn nhìn thấy Sắc thì nói là Ngã quán xét Ngã, Nhãn căn và Sắc đều chính là Ngã.

Có những kiến chấp như vậy: Ngã quán xét không có Ngã, Nhãn tức là Ngã, Sắc là những đồ vật của Ngã. Đây là Hữu thân kiến, do kiến Khổ mà đoạn.

Ngã quán xét không có Ngã, đó là có ngoại đạo cho rằng Nhãn là không chung, lại là pháp bên trong cho nên chấp vào đó làm Ngã, Sắc cùng với pháp này trái ngược nhau, bởi vì chỉ là những đồ vật của Ngã, cho nên lúc Nhãn nhìn thấy Sắc thì nói là Ngã quán xét đối với không có Ngã.

Có những kiến chấp như vậy: Không có Ngã quán xét Ngã, Sắc tức là Ngã, Nhãn là những đồ vật của Ngã. Đây là Hữu thân kiến, do kiến Khổ mà đoạn.

Không có Ngã quán xét Ngã, đó là có ngoại đạo hiện thấy mặt đất-núi non ở thế gian trải qua thời gian dài không thay đổi, cho rằng tương ưng với lý về Ngã, liền chấp làm Ngã; Nhãn cùng với pháp này trái ngược nhau, bởi vì chỉ là những đồ vật của Ngã, cho nên lúc Nhãn nhìn thấy Sắc thì nói là không có Ngã quán xét Ngã.

Hỏi: Vì sao không nói là không có Ngã quán xét không có Ngã?

Đáp: Bởi vì tất cả các pháp thật sự là không có Ngã, nếu nói không có Ngã quán xét không có Ngã thì chính là Chánh kiến, cho nên ở đây không nói.

Hỏi: Nếu có ngoại đạo chấp Nhĩ-thanh… là Ngã chứ không phải là gì khác, cho nên lúc Nhãn nhìn thấy Sắc nói là không có Ngã quán xét không có Ngã, thì lẽ nào điều này là Chánh kiến hay sao?

Đáp: Họ chấp Nhĩ-thanh… là Ngã, tuy là ác kiến nhưng nếu nói là không có Ngã quán xét không có Ngã, thì tức là Chánh kiến, vì vậy cho

nên không nói.

Trong này, các Hữu thân kiến, là hiển bày về tự tánh của nó; do kiến Khổ mà đoạn, là hiển bày về đối trị của nó, nói rộng ra như trước.

Đẳng khởi sai biệt của kiến chấp ấy, cũng như trước nên biết!

Có những kiến chấp như vậy: Đây là Ngã, là hữu tình, là mạng sống, là sinh ra, là nuôi dưỡng; Bổ-đặc-già-la, ý sinh nho đồng, tạo tác, dạy dỗ, sinh ra-cùng sinh ra, khởi lên-cùng khởi lên, nói năng, hiểu biết, cùng lãnh thọ, không phải là không hề có, không phải là không hiện có, ở khắp mọi nơi chốn tạo ra nghiệp thiện ác, ở khắp mọi nơi chốn nhận lấy quả dị thục, rời bỏ uẩn này nối tiếp uẩn kia. Đây là Biên chấp kiến, thuộc về Thường kiến, do kiến Khổ mà đoạn.

Đây là Biên chấp kiến, thuộc về Thường kiến, là hiển bày về tự tánh của nó; do kiến Khổ mà đoạn, là hiển bày về đối trị của nó, nói rộng ra như trước.

Đẳng khởi sai biệt của kiến chấp ấy, cũng như trước nên biết!

Hỏi: Phần đầu đã nói đến luận về Thường cùng với phần này đã nói, có gì sai biệt?

Đáp: Có người nói: Phần đầu là dựa vào Định, phần này là dựa vào Tầm-Tứ.

Có người nói: Phần đầu là thầy, phần sau là đệ tử.

Có người nói: Phần đầu là quỹ phạm, phần sau là cận trú. Có người nói: Phần đầu là tôn trọng, phần sau là học theo.

Có người nói: Phần đầu là người chứng cũng là người nói, phần sau là người chứng mà không phải là người nói.

Có người nói: Phần đầu là chấp Ngã từ đời trước đến đời này luôn luôn có, phần sau là chấp Ngã từ đời này đến đời sau luôn luôn có.

Đây gọi là sự sai biệt của luận về Thường ở phần trước và phần sau.

Hỏi: Tại sao kiến lập sáu kiến chấp như vậy, là vì tự tánh hay là vì sở y-sở duyên? Giả sử như vậy thì có gì sai? Nếu vì tự tánh thì chỉ cần có hai, đó là Hữu thân kiến và biên chấp kiến. Nếu vì sở y-sở duyên thì phải có mười tám, đó là dựa vào Nhãn-sắc có ba, cho đến dựa vào Ý- pháp cũng có ba; hoặc là thành ra ba mươi sáu, đó là dựa vào Nhãn-sắc có sáu, cho đến dựa vào Ý-pháp cũng có sáu?

Đáp: Trong này bởi vì sở y-sở duyên cho nên kiến lập sáu loại.

Hỏi: Lẽ nào không phải đã nói là thành ra mười tám loại, hoặc là ba mươi sáu loại hay sao?

Đáp: Không phải như vậy. Nguyên cớ thế nào? Bởi vì trong này dựa vào hành tướng sai biệt của chủ động hiểu biết-thụ động hiểu biết, căn-nghĩa của căn, có cảnh giới-không có cảnh giới mà kiến lập. Nếu dựa vào sát-na nối tiếp nhau sai biệt thì có vô lượng, nay chỉ nói tóm lược bấy nhiêu mà thôi.

Có những kiến chấp như vậy: Thọ nhận năm dục vi diệu gọi là đạt được Niết-bàn bậc nhất trong pháp hiện tại. Đây là chọn lấy pháp thấp kém làm hơn hẳn, thuộc về Kiến thủ, do kiến Khổ mà đoạn.

Có những kiến chấp như vậy: Lìa pháp ham muốn xấu ác bất thiện, có Tầm-có Tứ, Ly sinh hỷ lạc, tiến vào Tĩnh lự thứ nhất an trú đầy đủ, gọi là đạt được Niết-bàn bậc nhất trong pháp hiện tại. Tầm- Tứ vắng lặng, bên trong đều thanh tịnh, tâm luôn luôn hướng về tánh, không có Tầm-không có Tứ, Định sinh hỷ lạc, tiến vào Tĩnh lự thứ hai an trú đầy đủ, gọi là đạt được Niết-bàn bậc nhất trong pháp hiện tại. Ly hỷ trú Xả, Chánh niệm-Chánh tri, thân cảm thọ niềm vui, ngôn thuyết bậc Thánh có thể buông xả, Cụ niệm lạc trú, tiến vào Tĩnh lự thứ ba an trú đầy đủ, gọi là đạt được Niết-bàn bậc nhất trong pháp hiện tại. Đoạn vui-đoạn khổ, vui-buồn trước kia không còn, không khổ-không vui, Xả niệm thanh tịnh, tiến vào Tĩnh lự thứ tư an trú đầy đủ, gọi là đạt được Niết-bàn bậc nhất trong pháp hiện tại. Đây là chọn lấy pháp thấp kém làm hơn hẳn, thuộc về Kiến thủ, do kiến Khổ mà đoạn.

Thọ nhận năm dục vi diệu, đó là người và trời cõi Dục.

Có người nói: Chỉ riêng trời cõi Dục, bởi vì năm dục ở đó thù thắng vi diệu vô cùng.

Niết-bàn trong pháp hiện tại, đó là đối với thân hiện tại mà đạt được Niết-bàn.

Hỏi: Điều này vì sao trở thành Kiến thủ?

Đáp: Năm dục vi diệu là pháp thô lậu thấp kém, có vết bẩn-có xấu xa-có chất độc-có hỗn loạn, vì họ chấp là giống như niềm vui của các pháp xuất ly, hoặc là niềm vui của Niết-bàn, cho nên trở thành Kiến thủ.

Hỏi: Tiến vào bốn Tĩnh lự an trú đầy đủ là công đức thù thắng, vì sao chọn lấy làm Niết-bàn trong pháp hiện tại cũng gọi là Kiến thủ?

Đáp: Tĩnh lự thế tục là pháp thô lậu thấp kém, có vết bẩn-có xấu xa-có chất độc-có hỗn loạn, vì họ chấp là giống như niềm vui lìa bỏ vết bẩn-xấu xa, hoặc là niềm vui của Niết-bàn, cho nên trở thành Kiến thủ.

Hỏi: Cũng có ngoại đạo chấp Định Vô sắc làm Niết-bàn, tại sao trong này không nói?

Đáp: Bởi vì các ngoại đạo ấy phần nhiều chấp Tĩnh lự làm Niết- bàn, phần ít chấp Vô sắc; trong này dựa vào phần nhiều mà nói, vì vậy không có lỗi.

Lại nữa, họ chấp Vô sắc làm Niết-bàn cứu cánh, trong này nói đến Niết-bàn trong pháp hiện tại, cho nên không nói đến điều ấy.

Lại nữa, bởi vì bốn Tĩnh lự Căn bản là do Đạo của niềm vui thâu nhiếp, cho nên các ngoại đạo chấp làm Niết-bàn trong pháp hiện tại; bốn Vô sắc là do Đạo của nỗi khổ thâu nhiếp, cho nên họ không chấp làm Niết-bàn trong pháp hiện tại.

Lại nữa, bởi vì Định Vô sắc vi tế, cho nên các ngoại đạo không hiểu rõ ràng đối với Định ấy, cho rằng là đoạn diệt, sinh lòng vô cùng sợ hãi, vì vậy không nói đến; là Niết-bàn trong pháp hiện tại, vì thế cho nên không nói đến Vô sắc.

Đây là chọn lấy pháp thấp kém làm hơn hẳn, thuộc về Kiến thủ, là hiển bày về tự tánh của nó; do kiến Khổ mà đoạn, là hiển bày về đối trị của nó, nói rộng ra như trước.

Đẳng khởi của kiến chấp ấy như thế nào? Đó là có ngoại đạo nghe nói Niết-bàn là niềm vui vi diệu thù thắng, liền cho rằng nếu đạt được niềm vui của năm địa thuộc cõi Dục-cõi Sắc, thì gọi là đã đạt được Niết-bàn trong pháp hiện tại, cho nên khởi lên kiến chấp này.

Có người nói: Ngoại đạo đạt được Định thế tục, nhìn thấy các loài hữu tình trong năm địa thọ nhận những điều vui sướng, liền nói là đạt được Niết-bàn trong pháp hiện tại, cho nên khởi lên kiến chấp này.

Có người nói: Ngoại đạo do gần gũi bạn ác, cho nên khởi lên kiến chấp này.

Hỏi: Vì sao Kiến thủ này lại do kiến Khổ mà đoạn?

Đáp: Bởi vì kiến chấp này dựa vào Ngã kiến mà chuyển, cho nên chấp có Thể của Ngã thọ nhận niềm vui Niết-bàn.

Lại nữa, bởi vì kiến chấp này chuyển ở nơi quả, cho nên chấp quả hữu lậu làm Niết-bàn.

Lại nữa, bởi vì kiến chấp này mê lầm về Khổ đế, cho nên lấy pháp khổ làm vui.

Có chín loại Mạn, cho đến nói rộng ra.

Hỏi: Vì sao soạn ra phần luận này?

Đáp: Bởi vì muốn phân biệt nghĩa lý trong kinh. Nghĩa là trong kinh nói đến chín loại Mạn mà không phân biệt rộng ra, nay muốn phân biệt cho

nên soạn ra phần luận này.

Hỏi: Trong phẩm luận về Kiến này chỉ cần phân biệt về các Kiến, vì sao lại phân biệt về các loại Mạn?

Đáp: Trước đây đã nói trong mỗi một uẩn nói đến tất cả các pháp, vì thế cho nên trong mỗi một phẩm cũng nói đến nhiều pháp mà không có gì sai lầm.

Tôn giả Thế Hữu nói rằng: "Trong phẩm này chủ yếu phân biệt về các ác kiến, cũng phân biệt về pháp tựa như ác kiến, trong các phiền não không có pháp nào tựa như ác kiến bằng các Mạn, cho nên ở trong phẩm này cũng phân biệt về Mạn."

Đại đức nói rằng: "Bởi vì các loại Mạn dựa vào Hữu thân kiến, là do Hữu thân kiến nuôi lớn, mà hiện rõ ở trước mắt sau Hữu thân kiến, đã thấy Đế thì không khởi lên nữa, vì vậy trong phẩm này chủ yếu phân biệt về Kiến, cũng phân biệt về Mạn."

Tôn giả Giác Thiên nói rằng: "Các loại Kiến-Mạn đều khiến cho hữu tình khó tiến vào Phật pháp, vì vậy đều nói đến, nghĩa là các hữu tình nếu không có ác kiến và các loại Mạn, thì có thể quy y Chánh pháp của Như Lai, tu tập Phạm hạnh, thoát khỏi nỗi khổ sinh tử, đạt được niềm vui Niết-bàn; bởi vì có Kiến-Mạn cho nên sẽ không quy y Chánh pháp của Như Lai, mất đi lợi ích thù thắng."

Tôn giả Diệu Âm nói rằng: "Các loại ác kiến và Mạn đều ngăn cản hữu tình thân cận bậc Thiện sĩ, lắng nghe Chánh pháp, tác ý như lý, pháp tùy theo pháp thực hành, sai lầm rất nặng nề, vì vậy nói đến cả hai loại."

Mình hơn người, đó là đối với người bằng mình cho là mình hơn, là dựa vào Kiến mà khởi lên Quá mạn; là dựa vào Hữu thân kiến mà khởi lên Quá mạn, cho nên đối với người bằng mình cho là mình hơn người, là thuộc về Quá mạn.

Mình bằng người, đó là đối với người bằng mình cho là mình bằng người, là dựa vào Kiến mà khởi lên Mạn; là dựa vào Hữu thân kiến mà khởi lên Mạn, cho nên đối với người bằng mình cho là người bằng mình mà cao ngạo, là thuộc về Mạn.

Mình thua người, đó là đối với người hơn mình cho là mình thua người, là dựa vào Kiến mà khởi lên Ty mạn; là dựa vào Hữu thân kiến mà khởi lên Ty mạn, cho nên đối với người hơn mình nhiều cho là mình thua ít, là thuộc về Ty mạn.

Có người hơn mình, đó là nói có người hơn mình, tức thì đối với người hơn mình nói là người thua mình, còn lại nói như trước.

Có người bằng mình, đó là nói có người bằng mình, tức thì đối với người bằng mình nói là người bằng mình, còn lại nói như trước.

Có người thua mình, đó là nói có người thua mình, tức thì đối với người bằng mình nói là mình hơn người, còn lại nói như trước.

Không có người hơn mình, đó là nói không có người hơn mình, tức thì đối với người bằng mình nói là người bằng mình, còn lại nói như trước.

Không có người bằng mình, đó là nói không có người bằng mình, tức thì đối với người bằng mình nói là mình hơn người, còn lại nói như trước.

Không có người thua mình, đó là nói không có người thua mình, tức thì đối với người hơn mình nói là người thua mình, còn lại nói như trước.

Chín loại Mạn này tức là thuộc về ba loại Mạn trong bảy loại Mạn, đó gọi là Mạn-Quá mạn-Ty mạn. Dựa vào bản luận này mà giải thích như vậy. Dựa vào luận Phẩm Loại Túc thì trong loại Mạn là mình hơn người thâu nhiếp ba loại Mạn, nếu đối với thua mình mà nói là mình hơn thì chính là Mạn, nếu đối với bằng mình mà nói là mình hơn thì chính là Quá mạn, nếu đối với hơn mình mà nói là mình hơn thì chính là Mạn-Quá mạn. Tám loại Mạn còn lại, như lý cần phải nói.

Chín loại Mạn này đều bao gồm do Kiến-Tu mà đoạn, nhưng trong này không nói đến, có người nói: Bởi vì là luận phụ thuộc. Có người nói: Bởi vì loại ấy không phải là tương tự với Kiến.

Có những kiến chấp như vậy: Gió không thổi, sông không chảy, lửa không cháy, sữa không đông, thai không mang, mặt trời-mặt trăng không mọc không lặn, tự tánh tạp nhiễm-thanh tịnh an trú không tăng- không giảm. Đây là Biên chấp kiến, thuộc về Thường kiến, do kiến Khổ mà đoạn.

Đây là Biên chấp kiến, thuộc về Thường kiến, là hiển bày về tự tánh của nó; do kiến Khổ mà đoạn, là hiển bày về đối trị của nó, nói rộng ra như trước.

Đẳng khởi của kiến chấp ấy như thế nào? Tôn giả Thế Hữu nói rằng: "Có các ngoại đạo bởi vì suy xét không đúng đắn, chấp là có Ngã thật sự, thường tồn tại vi tế khắp tất cả mọi nơi, ẩn kín sâu xa ở trong các pháp, lúc tác động thấy gió thổi-sông chảy…thì nói là do Ngã tạo ra, chứ không phải là gió-sông… có thể như vậy; như thấy cây lay động thì biết là do gió tạo ra, lúc thân thể cử động thì biết là do con người tạo ra."

Đại đức nói rằng: "Có các ngoại đạo bởi vì sự suy xét tà vạy, chấp là có Ngã thật sự, thường tồn tại vi tế, có tác dụng thù thắng, làm chuyển biến các pháp, lúc thấy gió thổi-sông chảy…, nói là Ngã khiến cho các pháp hiện bày tướng trạng như vậy; như cây… lay động thấy bóng cũng lay động,

lúc hóa chủ nói năng thì hóa thân cũng nói năng.”

Có người nói: Ngoại đạo đạt được Định thế tục, thấy các hữu tình lưu chuyển khắp các nẻo nối tiếp nhau không gián đoạn, thấy gió-sông… tùy theo nơi chốn-tùy theo thời gian có và không có chẳng hề nhất định, liền nói là có Ngã thường tồn tại vi tế, có tác dụng thù thắng, khiến cho các loại gió-sông… chuyển biến, hoặc là có-hoặc là không có.

Có người nói: Ngoại đạo gần gũi bạn ác, thuận theo bạn ác dạy bảo, cho nên phát khởi kiến chấp như vậy.

Chúng sinh chấp do Ngã làm ra…, cho đến nói rộng ra.

Trong này, giải thích tóm lược về nghĩa của bài tụng chỉ trích ác kiến trong các kinh đã nói.

Chấp Ngã có năng lực làm ra…, đó là chấp trong thân bên trong có nghĩa thù thắng của Ngã chủ động làm ra, chủ động sinh ra, chủ động hóa ra các vật.

Chấp người khác có thể làm ra…, đó là chấp trong thân bên ngoài có nghĩa thù thắng của Ngã chủ động làm ra, chủ động sinh ra, chủ động hóa ra các vật.

Chủ động làm ra, là làm ra pháp luôn luôn có bên trong; chủ động sinh ra, là sinh ra pháp luôn luôn có bên ngoài; chủ động hóa ra, là hóa làm trong-ngoài, không phải là pháp luôn luôn có.

Lại nữa, chủ động làm ra, là làm ra các pháp của thân mình; chủ động sinh ra, là sinh ra các pháp của thân khác; chủ động hóa ra, là hóa làm các pháp thuộc về loài phi tình.

Tất cả, đó là mỗi một chứ không phải là tất cả, là hiển bày về các ngoại đạo chấp riêng biệt từng loại một chứ không phải là tất cả.

Giống như mũi tên, đó là bởi vì ác kiến có thể làm cho bị tổn thương, là hiển bày về hành tướng của ác kiến này mạnh mẽ sắc bén, từ xa có thể làm cho tổn thương, giống như mũi tên độc; các ngoại đạo ấy do Vô minh làm cho đui mù, không có thể quán xét nhận biết lỗi lầm tai họa đúng như thật.

Nên quán xét đây là mũi tên…, cho đến nói rộng ra.

Trong này, khuyên nhủ họ nên quán xét ác kiến là mũi tên độc thật sự, bởi vì làm kẻ đi trước dẫn đường cho già-bệnh-chết, như mũi tên độc của thế gian làm cho chúng sinh đau khổ. Như vậy, ác kiến dẫn đến các loại khổ đau phiền muộn như già-bệnh…

Chúng sinh có đủ các loại Mạn…, cho đến nói rộng ra.

Trong này, hiển bày rõ ràng có đủ bảy loại Mạn, là do Mạn mà ràng buộc-vướng mắc, chống đối trái ngược lẫn nhau đối với Đoạn kiến- Thường kiến, không có thể vượt qua biển rộng sinh tử vô bờ bến. Bảy loại Mạn nói như trên.

Vướng mắc là vướng mắc phần ít; nhiều vướng mắc là vướng mắc phần nhiều; vướng mắc khắp nơi là vướng mắc tất cả mọi nơi. Ràng buộc…, cũng như vậy.

Hỏi: Vướng mắc và ràng buộc sai biệt thế nào?

Đáp: Tên gọi tức là sai biệt.

Lại nữa, nghĩa cũng có sai biệt, vướng mắc đó là dính chặt, là nghĩa về khó trừ sạch; ràng buộc đó là quấn chặt, là nghĩa về khó cởi bỏ.

Lại nữa, vướng mắc là ràng buộc về tương ưng, ràng buộc là ràng buộc về sở duyên, đó là bởi vì bảy loại Mạn có đủ hai loại ràng buộc, cho nên luôn luôn vướng mắc-luôn luôn ràng buộc đối với chúng sinh ấy.

Lại nữa, vướng mắc đó là vướng mắc về tâm ấy, ràng buộc đó là ràng buộc về thân ấy. Đó gọi là sự sai biệt giữa hai nghĩa của ràng buộc và vướng mắc.

Chống đối trái ngược lẫn nhau đối với Đoạn kiến-Thường kiến, như người tại gia do tham ràng buộc-vướng mắc, cho nên chống đối trái ngược lẫn nhau đối với sự thâu nhiếp tiếp nhận; những người xuất gia do Mạn ràng buộc, cho nên chống đối trái ngược lẫn nhau đối với Đoạn kiến-Thường kiến.

Biển rộng sinh tử vô bờ bến, không ngừng lưu chuyển trong các nẻo-các sinh loại là nghĩa của sinh tử. Như vậy, sinh tử không có đời trước, bởi vì không có thể biết được. Có nhân trước mà có đời sau, bởi vì nhập Niết-bàn là giới hạn cuối cùng.

Lại nữa, số lượng của sinh tử lâu xa, không biết đến lúc nào được giải thoát, cho nên gọi là vô bờ bến.

Được-sẽ được đều là bụi bẩn…, cho đến nói rộng ra.

Đây là hiển bày về các ngoại đạo ở trong Uẩn-Giới-Xứ đã được- sẽ được, bởi vì bụi bặm của tham-sân-si làm cho vấy bẩn, cho nên không thấy đúng như thật đối với sai lầm thuộc giới hạn của hai hành khổ-vui, bởi vì không thấy cho nên chìm đắm đến cùng-chạy theo đến cùng. Chìm đắm, đó là quá chậm chạp không có thể tiến lên hướng về; chạy theo, đó là quá vội vàng không có thể thông suốt đến nơi. Nghĩa còn lại trong tụng, như luận giải thích đầy đủ.

Như trong kinh nói: "Có những hàng Sa-môn và Bà-la-môn, đều dựa vào thắng giải khởi lên những sự tranh luận, tất cả đều đối với năm chốn mà chuyển. Những gì là năm? Đó là:

1. Chấp là Ngã sau khi chết có Tưởng, chỉ điều này là chân lý thật sự, còn lại đều ngu dốt hư vọng.
2. Chấp là Ngã sau khi chết không có Tưởng.
3. Chấp là Ngã sau khi chết không phải là có Tưởng-không phải là không có Tưởng.
4. Chấp là Ngã sau khi chết đoạn diệt.
5. Nói là có Niết-bàn trong pháp hiện tại."

Năm loại ở kinh ấy tức là ba loại ở đây, ba loại ở đây tức là năm loại ở kinh ấy. Năm loại ở kinh ấy tức là ba loại ở đây, nghĩa là luận về có Tưởng, luận về không có Tưởng, luận về không phải là có Tưởng- không phải là không có Tưởng ở kinh ấy, tức là Thường kiến ở đây; luận về đoạn diệt ở kinh ấy, tức là Đoạn kiến ở đây; luận về Niết-bàn trong pháp hiện tại ở kinh ấy, tức là Kiến thủ ở đây. Ba loại ở đây tức là năm loại ở kinh ấy, nghĩa là Thường kiến ở đây tức là luận về có Tưởng, luận về không có Tưởng, luận về không phải là có Tưởng-không phải là không có Tưởng ở kinh ấy; Đoạn kiến ở đây tức là luận về đoạn diệt ở kinh ấy; Kiến thủ ở đây tức là luận về Niết-bàn trong pháp hiện tại ở kinh ấy.

Lại trong kinh Phạm Võng nói: "Sáu mươi hai loại ác kiến, đều lấy Hữu thân kiến làm gốc. Sáu mươi hai kiến chấp, đó là kiến chấp phân biệt về đời trước có mười tám loại, kiến chấp phân biệt về đời sau có bốn mươi bốn loại. Kiến chấp phân biệt về đời trước có mười tám loại, đó là bốn luận về Biến Thường, bốn luận về Nhất Phần Thường, hai luận về Vô Nhân Sinh, bốn luận về Hữu Biên Đẳng, bốn luận về Bất Tử Kiểu Loạn. Kiến chấp phân biệt về đời sau có bốn mươi bốn loại, đó là mười sáu luận về Hữu Tưởng, tám luận về Vô Tưởng, tám luận về Phi Hữu Tưởng-Phi Vô Tưởng, bảy luận về Đoạn Diệt, năm luận về Hiện Pháp Niết-Bàn.

Trong này, dựa vào quá khứ khởi lên kiến chấp phân biệt thì gọi là kiến chấp phân biệt về đời trước, dựa vào vị lai khởi lên kiến chấp phân biệt thì gọi là kiến chấp phân biệt về đời sau. Nếu dựa vào hiện tại khởi lên kiến chấp phân biệt thì loại này không nhất định, hoặc gọi là kiến chấp phân biệt về đời trước, hoặc gọi là kiến chấp phân biệt về đời sau, bởi vì đời hiện tại là trước vị lai-sau quá khứ, hoặc là nhân của vị lai-quả của quá khứ.

Trong kiến chấp phân biệt về đời trước, bốn luận về Biến Thường:

1. Do có thể nhớ lại một kiếp Hoại-Thành, hoặc là hai-hoặc là

ba cho đến tám mươi, họ liền chấp là Ngã và thế gian, cả hai đều thường còn.

Hỏi: Vì sao họ dấy lên kiến chấp này?

Đáp: Bởi vì họ cho rằng chuyển biến hoặc là ẩn hiện.

Người luận về chuyển biến, dấy lên kiến chấp như vậy: Sữa biến đổi thành sữa đặc, hạt giống thay đổi thành mầm non, củi khô thay đổi thành tro tàn. Những loại như vậy, nếu nối tiếp pháp ấy mà có thì đều là do pháp ấy mà chuyển biến, không phải là pháp ấy diệt đi có pháp này sinh ra, cho nên tự tánh của tất cả các pháp là thường tồn tại.

Người luận về ẩn hiện, dấy lên kiến chấp như vậy: Tự tánh của các pháp hoặc là ẩn-hoặc là hiện. Họ thấy nơi này trước đây có hình dáng hiển bày, phạm vi số lượng, mặt đất-châu bãi, núi chúa Diệu Cao, núi non-biển rộng-cây cối…như vậy đều hủy hoại; về sau ở nơi này lại có hình dáng hiển bày, phạm vi số lượng, mặt đất-châu bãi…như vậy đều thành lập, liền dấy lên nghĩ rằng: Pháp ấy ở khoảng giữa không có thể nhìn thấy, không phải là tánh hoại diệt, như vậy lúc kiếp hủy hoại thì tánh ấy ẩn kín, đến lúc kiếp thành lập thì tánh ấy lại hiện ra. Vả lại, thân bảy sĩ thường còn, không có chuyển động, không xúc chạm lẫn nhau, mạng không có thể làm hại, cho nên dấy lên nghĩ rằng: Ngã và sự nhớ lại, cả hai đều là thường còn. Vì vậy vẫn thấy Ngã và thế gian đều là thường tồn tại.

2. Do có thể nhớ lại sự việc một đời, hoặc là hai-hoặc là ba cho đến trăm ngàn đời, họ liền chấp là Ngã và thế gian, cả hai đều thường còn.

Bởi vì cho rằng chuyển biến hoặc là ẩn hiện. Nếu họ có thể nhớ lại sự Hoại-Thành của thế giới bên ngoài, do thấy nơi này trước đây có hình dáng hiển bày, phạm vi số lượng, mặt đất-châu bãi…như vậy, như trước cho đến mạng không có thể làm hại; nếu không có thể nhớ lại sự Hoại-Thành của thế giới bên ngoài, chấp thế gian thường còn thì lý không cần phải nói, cho nên dấy lên nghĩ rằng: Ngã và sự nhớ lại, cả hai đều là thường còn. Vì vậy vẫn thấy Ngã và thế gian đều là thường tồn tại.

Hỏi: Nghĩa này và nghĩa thứ nhất có gì khác nhau?

Đáp: Trước tuy nhớ nhiều mà đối với năng lực nhớ lại các đời không gián đoạn chưa đạt được tự tại, nay tuy nhớ ít mà đối với năng lực nhớ lại các đời không gián đoạn đã đạt được tự tại.

3. Do Thiên nhãn nhìn thấy các uẩn của các hữu tình nối tiếp nhau lúc chết-lúc sinh, đó là thấy các uẩn Tử hữu không gián đoạn-Trung hữu hiện rõ trước mắt, lại thấy các uẩn Trung hữu không gián đoạn-Sinh hữu hiện rõ trước mắt, lại thấy các uẩn Sinh hữu không gián đoạn-Bổn

hữu hiện rõ trước mắt, các uẩn ở phần vị Bổn hữu nối tiếp nhau cho đến Tử hữu, ví như nước chảy-đèn cháy nối tiếp nhau. Bởi vì không hiểu biết về sự sinh diệt vi tế, ở trong các uẩn liền khởi lên tưởng là thường còn, cho nên đã chấp là Ngã và thế gian đều là thường còn.

Bởi vì cho rằng chuyển biến hoặc là ẩn hiện, như dao ở trong vỏ, như rắn ở trong hang, như người ở trong nhà tối tăm, vào ra ẩn hiện không nhất định, cho nên dấy lên nghĩ rằng: Ngã và sự nhìn thấy, cả hai đều là thường còn. Vì vậy vẫn thấy Ngã và thế gian đều là thường tồn tại.

4. Do suy xét tìm tòi không nhận biết đúng như thật, đó là Ngã và thế gian đều là thường tồn tại, họ dấy lên nghĩ rằng: Có pháp thường xuyên có, không có pháp luôn luôn không có, không có pháp nào không có thể sinh ra, có pháp không có thể diệt đi. Bởi vì họ chấp là tánh của nhân quả từ vô thỉ đến nay chỉ là một, không có diệt đi-không có khởi lên, cho nên đều thuộc kiến chấp phân biệt về đời trước. Nếu họ chấp Sắc dùng làm Ngã, thì bởi vì thấy hình dáng hiện bày luôn luôn tương tự, cho nên liền chấp là thường còn. Nếu chấp tâm… dùng làm Ngã, thì bởi vì pháp của tâm… không ngừng sinh khởi, tương tự sinh khởi, luôn luôn sinh khởi, không có thể nhận biết rõ ràng về sự sinh diệt vi tế, có thể nhớ lại sự việc đã trải qua xưa kia, việc làm trước sau tương tự lẫn nhau, pháp khác không ngăn ngại, cho nên liền chấp là thường còn. Bởi vì họ suy xét tìm tòi hư vọng như vậy, cho nên chấp Ngã và thế gian đều là thường tồn tại.

Như vậy, bốn loại luận về Biến Thường là kiến chấp phân biệt thuộc đời trước, dựa vào bốn sự việc là Kiếp và Sinh-Tử sinh-suy xét tìm tòi mà khởi lên.

Bốn luận về Nhất Phần Thường:

1. Từ cõi Phạm Thế chết đi-sinh đến nơi này, do đạt được Túc trú tùy niệm thông, cho nên dấy lên kiến chấp như vậy: Chúng ta đều là do Đại Phạm Thiên Vương mà hóa ra, Phạm Vương chủ động biến hóa thường tồn tại ở cõi ấy, chúng ta thụ động biến hóa cho nên là không thường còn.

2. Nghe Phạm Vương có cách nhìn như vậy, lập ra luận thuyết như vậy: Đại chủng là không thường còn, tâm là thường tồn tại. Hoặc nói đảo lại điều này: Tâm là không thường còn, đại chủng là thường tồn tại. Người cùng tiếp nhận điều ấy, hoặc là ở cõi Phạm Thế, hoặc là sinh đến nơi này, hoặc là lần lượt chuyển tiếp nghe đến đạo lý như vậy, liền dấy lên kiến chấp như vậy: Ngã dùng Đại Phạm Thiên Vương làm hạn lượng,

vì vậy cho nên thế gian một phần là thường tồn tại, một phần là không thường còn.

3. Có người trước kia từ cõi trời Hý Vong chết đi-sinh đến nơi này, do đạt được Túc trú tùy niệm thông, cho nên liền dấy lên kiến chấp như vậy: Cõi trời ấy có những người không mãi vui đùa dạo chơi quên mất ý niệm, thì thường tồn tại ở cõi ấy; chúng ta trước kia bởi vì mãi vui đùa dạo chơi quên mất ý niệm, từ cõi ấy chết đi cho nên là không thường còn.

4. Có người trước kia từ cõi trời Ý Phẫn chết đi-sinh đến nơi này, do đạt được Túc trú tùy niệm thông, cho nên liền dấy lên kiến chấp như vậy: Cõi trời ấy có những người ý không quá giận dữ, liếc mắt nhìn nhau, thì thường tồn tại ở cõi ấy; chúng ta trước kia bởi vì ý rất giận nhau, liếc mắt nhìn nhau, từ cõi ấy chết đi cho nên là không thường còn.

Hỏi: Chư Thiên như vậy trú ở nơi nào?

Đáp: Có người nói: Họ trú từng bậc ở núi Diệu Cao. Có người nói: Đó là cõi trời Tam Thập Tam.

Như vậy, bốn loại luận về Nhất Phần Thường là kiến chấp phân biệt thuộc đời trước, do chấp bốn sự việc là Đại Phạm-Đại chủng hoặc là Tâm-vui đùa quên mất và giận dữ mà khởi lên.

Hai luận về Vô Nhân Sinh:

1. Từ hữu tình cõi trời Vô Tưởng chết đi-sinh đến nơi này, do đạt được Túc trú tùy niệm thông, cho nên tuy có thể nhớ lại tâm Vô tưởng rời khỏi cõi ấy và các phần vị sau, mà không có thể nhớ lại các phần vị vốn có trước khi rời khỏi tâm, liền dấy lên nghĩ rằng: Ngã ở lúc ấy vốn không có mà khởi lên, các pháp như Ngã cũng thuận theo tất cả vốn không có mà sinh ra. Vì vậy liền chấp là Ngã và thế gian đều không có nhân mà tự nhiên sinh khởi.

2. Do suy xét tìm tòi hư vọng, suy xét tìm tòi những gì thân này đã trải qua đều có thể nhớ lại, thân trước nếu có sự việc đã trải qua lúc ấy, thì nay trong thân này cũng sẽ có thể nhớ lại, đã không có thể nhớ lại cho nên biết thân ấy không có.

Lại dấy lên nghĩ rằng: Nếu dựa vào pháp ấy sinh ra thì các loại hữu tình nhất định vẫn tựa như pháp ấy, như sâu bọ trong sữa đặc vẫn tựa như sữa đặc, sâu bọ trong phân trâu vẫn tựa như phân trâu, sâu bọ trong lá xanh vẫn tựa như lá xanh, cha mẹ sinh con vẫn tựa như cha mẹ, không phải là ngay nơi sữa đặc… là nhân của sâu bọ… Vì vậy biết tất cả các thân và các pháp như Căn-Giác-Tuệ… đều không có nhân mà khởi lên.

Lại dấy lên nghĩ rằng: Hiện thấy các loài Khổng tước-Loan-Phượng…, các loại núi đá-cỏ cây-hoa trái-gai góc…, màu sắc-hình dáng sai biệt đều không nhờ vào nhân mà tự nhiên có. Họ đưa ra cách nói này: Ai mài nhọn gai góc, ai vẽ ra chim thú, ai chất thành núi cao, ai khoét ra hang hốc, ai lại dệt thành cỏ cây hoa trái? Như vậy tất cả đều không nhờ vào nhân, tạo ra thế gian là từ không có mà tự nhiên có. Vì vậy liền chấp là Ngã và thế gian đều không có nhân sinh khởi mà tự nhiên có.

Như vậy, hai loại luận về Vô Nhân Sinh là kiến chấp phân biệt thuộc đời trước, do hai sự việc là cõi trời Vô Tưởng và suy xét tìm tòi hư vọng mà khởi lên.

Bốn luận về Hữu Biên Đẳng:

1. Do Thiên nhãn nhìn thấy phía dưới chỉ đến địa ngục vô gián, nhìn thấy phía trên chỉ đến cõi trời Tĩnh lự thứ nhất, chấp là Ngã ở trong đó thảy đều đầy khắp. Họ dấy lên nghĩ rằng: Vượt quá nơi này nếu có Ngã và thế gian thì mình cũng phải nhìn thấy, đã không còn thấy nữa cho nên biết không phải là có. Vì vậy liền chấp là Ngã và thế gian, cả hai đều có giới hạn. Tức là hai loại này có nghĩa về phạm vi hạn định.

2. Do dựa vào Tĩnh lự thuộc phần thù thắng, phát khởi Thiên nhãn thanh tịnh, nhìn thấy theo chiều ngang không có giới hạn, cho nên chấp là Ngã ở trong đó thảy đều đầy khắp. Vì vậy liền chấp là Ngã và thế gian, cả hai đều không có giới hạn. Tức là hai loại này không có nghĩa về phạm vi hạn định.

3. Do Thiên nhãn và Thần cảnh thông. Do Thiên nhãn thông nhìn thấy phía dưới chỉ đến địa ngục vô gián, nhìn thấy phía trên chỉ đến cõi trời Tĩnh lự thứ nhất; do Thần cảnh thông chuyển thân đi theo chiều ngang không đạt được giới hạn, liền đối với phía trên-phía dưới khởi lên tưởng là có giới hạn, đối với thế giới theo chiều ngang khởi lên tưởng là không có giới hạn, cho nên chấp là Ngã ở trong đó thảy đều đầy khắp. Vì vậy liền chấp là Ngã và thế gian, cũng có giới hạn-cũng không có giới hạn. Tức là hai loại này cùng có nghĩa về có phạm vi hạn định- không có phạm vi hạn định.

4. Không phải là có giới hạn-không phải là không có giới hạn, tức là ngăn chặn loại thứ ba mà làm thành loại thứ tư này. Họ dấy lên nghĩ rằng: Ngã và thế gian đều không có thể nói nhất định là có giới hạn- nhất định là không có giới hạn, nhưng đều là có thật.

Hoặc có người nói: Bởi vì họ thấy thế gian theo chiều ngang không có giới hạn, cho nên chấp Ngã và thế gian, cả hai đều không phải là có giới

hạn; bởi vì họ thấy thế gian theo chiều dọc có giới hạn, cho nên chấp Ngã và thế gian, cả hai đều không phải là không có giới hạn, tuy không có quyết định mà thật sự có Ngã.

Lại có người nói: Họ chấp là Thể của Ngã hoặc tản ra-hoặc tụ vào không có thể nói nhất định, tản ra thì không có giới hạn cho nên nói không phải là có giới hạn, tụ vào thì có giới hạn cho nên nói không phải là không có giới hạn.

Hỏi: Như vậy bốn loại đã duyên với hiện tại, vì sao nói là phân biệt về đời trước?

Đáp: Đó là chờ đến vị lai cũng gọi là đời trước.

Lại có người nói: Bốn loại này bởi vì nhớ lại kiếp Thành-kiếp Hoại mà kiến lập, cho nên đều có thể nói là phân biệt về đời trước, nghĩa là luận thứ nhất do nhớ lại lúc kiếp Thành ở quá khứ, Ngã và thế gian theo chiều dọc thì có phạm vi hạn định, cho nên liền khởi lên tưởng là có giới hạn; nếu luận thứ hai do nhớ lại lúc kiếp Thành ở quá khứ, Ngã và thế gian theo chiều ngang thì không có phạm vi hạn định, cho nên liền khởi lên tưởng là không có giới hạn; nếu luận thứ ba do nhớ lại lúc kiếp Thành ở quá khứ, Ngã và thế gian theo chiều dọc thì có phạm vi hạn định, theo chiều ngang thì không có phạm vi hạn định, cho nên khởi lên tưởng là cũng có giới hạn-cũng không có giới hạn; nếu luận thứ tư do nhớ lại lúc kiếp Hoại ở quá khứ, Ngã và thế gian tuy không có thể đạt được phạm vi số lượng rộng hẹp, mà đều là có thật, cho nên khởi lên tưởng không phải là có giới hạn-cũng không phải là không có giới hạn.

Có người đưa ra cách nói này: Chấp có giới hạn tức là Đoạn kiến; chấp không có giới hạn tức là Thường kiến; chấp cũng có giới hạn-cũng không có giới hạn, tức là một phần Đoạn kiến-một phần Thường kiến; chấp không phải là có giới hạn-không phải là không có giới hạn, tức là chỉ khởi lên Tát-ca-da kiến.

Như vậy, bốn loại luận về Hữu Biên Đẳng là kiến chấp phân biệt thuộc đời trước, phần nhiều dựa vào bốn sự việc đã nói ở trước mà khởi lên.

Bốn luận về Bất Tử Kiểu Loạn, bất tử gọi là trời, bởi vì ngoại đạo chấp rằng cõi trời Trường Thọ là thường tồn tại không chết. Có các ngoại đạo cầu sinh đến cõi trời ấy, nghe ngoại đạo luận bàn đưa ra cách nói như vậy: "Nếu có ai có thể trả lời về cõi trời bất tử ấy, người hỏi không có gì lẫn lộn thì được sinh đến cõi trời ấy; nếu không có thể trả lời về cõi trời bất tử ấy, người hỏi không có gì lẫn lộn thì không có nghĩa được sinh đến."

Nhưng không có gì lẫn lộn có hai loại:

1. Có tướng có phân biệt.
2. Không có tướng không có phân biệt.

Có sự nhìn nhận chân thật thì không có tướng không có phân biệt, bởi vì không có sở y; không có sự nhìn nhận chân thật thì có tướng có phân biệt, bởi vì có sở y. Các hạng ngoại đạo kia ở trong các câu hỏi về bất tử không có gì lẫn lộn, dùng lời nói làm cho lẫn lộn.

1. Dấy lên nghĩ rằng: Mình không biết như thật, hoặc là thiện-hoặc là bất thiện và bốn Thánh đế, có những Sa-môn và Bà-la-môn khác cầu mong biết như thật đối với nghĩa như vậy, nếu họ hỏi mình về nghĩa như vậy, nếu mình trả lời quyết định về câu hỏi của họ, thì trở thành nói dối, bởi vì nói dối cho nên mình sẽ không được sinh đến cõi trời ấy. Bởi vì họ sợ nói dối, cho nên ở trong câu hỏi về bất tử không có gì lẫn lộn, dùng lời nói làm cho lẫn lộn, nghĩa là đưa ra cách nói này: Tôi ở trong nghĩa bí mật của chư Thiên không nên nói ra tất cả, hoặc là sự chứng đạt của mình, hoặc là đạo thanh tịnh.

2. Dấy lên nghĩ rằng: Mình không biết như thật, hoặc là thiện-hoặc là bất thiện và bốn Thánh đế, có những Sa-môn và Bà-la-môn khác cầu mong biết như thật đối với nghĩa như vậy, nếu họ hỏi mình về nghĩa như vậy, nếu mình gạt bỏ không có nghĩa về câu hỏi của họ, thì trở thành tà kiến, bởi vì tà kiến cho nên mình sẽ không được sinh đến cõi trời ấy. Bởi vì họ sợ tà kiến, cho nên ở trong câu hỏi về bất tử không có gì lẫn lộn, dùng lời nói làm cho lẫn lộn; còn lại nói như trước.

3. Dấy lên nghĩ rằng: Mình không biết như thật, hoặc là thiện-hoặc là bất thiện và bốn Thánh đế, có những Sa-môn và Bà-la-môn khác cầu mong biết như thật đối với nghĩa như vậy, nếu họ hỏi mình về nghĩa như vậy, nếu mình không thật sự phù hợp với câu hỏi của họ, thì chắc là họ sẽ vặn hỏi, mình sẽ không biết, bởi vì không biết cho nên mình sẽ không được sinh đến cõi trời ấy. Bởi vì họ sợ không biết, cho nên ở trong câu hỏi về bất tử không có gì lẫn lộn, dùng lời nói làm cho lẫn lộn; còn lại nói như trước.

4. Dấy lên nghĩ rằng: Tánh mình mù mờ kém cỏi, không có thể tập hợp ngôn từ làm cho lẫn lộn. Lại dấy lên nghĩ rằng: Nếu luôn luôn chấp sai trái làm tốt lành tuyệt vời, bởi vì luôn luôn chấp sai trái thì đều phù hợp với tâm của các hữu tình. Nếu có điều gì trái ngược đối với tâm người khác, thì mình sẽ không được sinh đến cõi trời ấy, cho nên mình phải dựa vào lý không trái ngược nhau. Nếu có người hỏi mình là có đời sau hay không, thì cần phải hỏi vặn lại rằng ông muốn thế nào? Nếu nói

là muốn có đời sau, thì nên nói hợp với họ rằng: Tôi đối với đời sau cũng chấp nhận là có. Như vậy, hỏi về không có, cũng có-cũng không có, không phải là có-không phải là không có; hoặc là hỏi như vậy, hoặc là không như vậy, hoặc là khác, hoặc là không khác, đều cần phải hỏi vặn lại, tùy theo ý muốn của họ thì mình sẽ hợp với họ. Lại dấy lên nghĩ rằng: Tánh mình ngu si, nếu chống đối người khác thì họ sẽ rời xa mình. Bởi vì họ sợ ngu si, cho nên ở trong các câu hỏi về bất tử không có gì lẫn lộn, dùng lời nói làm cho lẫn lộn.

Hỏi: Bốn loại như vậy thì thuộc về kiến nào?

Đáp: Bốn loại ấy đối với cõi trời khởi lên tưởng là bất tử, đều thuộc về Thường kiến; cho rằng trả lời câu hỏi của người khác làm nhân sinh đến cõi trời, là thuộc về Giới cấm thủ.

Hỏi: Bốn loại này lẽ nào là phân biệt về đời trước?

Đáp: Bởi vì bốn loại này đều đối với sự việc hiện tại mà chuyển, chờ đến vị lai cho nên lập thành tên gọi là đời trước.

Hoặc có người nói: Bốn loại này đều duyên với sự chỉ dạy đã nghe trước đây, nghĩa là ngoại đạo ấy trước đây nghe sự chỉ dạy cao nhất mà thầy mình đã nói, cần phải dựa vào như vậy để trả lời câu hỏi của người khác về việc sinh đến cõi trời bất tử, cõi trời bất tử ấy cần phải dựa vào như vậy để trả lời câu hỏi mà đạt được. Vì vậy bốn loại này đều là thuộc về kiến chấp phân biệt đời trước.

Như vậy, bốn loại luận về Bất Tử Kiểu Loạn là kiến chấp phân biệt thuộc đời trước, dựa vào sự sợ hãi nói dối-tà kiến-không hiểu biết- ngu độn mà khởi lên.

-oOo-

LUẬN A TỲ ĐẠT MA ĐẠI TỲ BÀ SA

QUYỂN 200

LUẬN VỀ KIẾN (Phần 3)

Mười sáu luận về Hữu Tưởng trong kiến chấp phân biệt thuộc đời sau: Đó là bốn loại đầu dựa vào ba Kiến mà kiến lập, như nói: "Một loại Bổ-đặc-già-la, khởi lên kiến chấp như vậy, lập ra luận thuyết như vậy: Mạng ấy tức là thân. Lại có một loại Bổ-đặc-già-la, khởi lên kiến chấp như vậy, lập ra luận thuyết như vậy: Mạng ấy tức là thân khác. Lại có một loại Bổ-đặc-già-la, khởi lên kiến chấp như vậy, lập ra luận thuyết như vậy: Toàn bộ thân này là Ngã, đầy đủ khắp nơi không có hai, không có khác, không có thiếu hụt."

Dựa vào kiến chấp thứ nhất kiến lập về luận thứ nhất là Ngã có Sắc, sau khi chết có Tưởng: Đó là ngoại đạo ấy chấp Sắc làm Ngã, chấp bốn uẩn còn lại lấy làm Ngã sở. Do họ chấp Ngã lấy Sắc làm tánh, cho nên gọi là có Sắc; giữ lấy tướng của các pháp, cho nên gọi là Tưởng. Ngã có Sắc này có Tưởng kia, cho nên gọi là có Tưởng. Bởi vì chấp bốn uẩn làm Ngã sở, cho nên họ dấy lên nghĩ rằng: Ngã có Sắc này sau khi chết có Tưởng, Ngã này toàn phần thuộc về cõi Dục, một phần thuộc về cõi Sắc, trừ ra cõi trời Vô Tưởng.

Chấp nhận cõi Vô sắc cũng có Sắc, thì Ngã này cũng thuộc về ba Vô sắc trước của cõi ấy, có Tưởng này cho nên không thuộc về một Vô sắc sau.

Dựa vào kiến chấp thứ hai kiến lập về luận thứ hai là Ngã không có Sắc, sau khi chết có Tưởng: Đó là ngoại đạo ấy chấp không có Sắc làm Ngã, chấp Sắc uẩn hoặc là bốn uẩn còn lại lấy làm Ngã sở. Nghĩa là nếu trừ ra Tưởng uẩn, chấp ba uẩn còn lại chung hoặc là riêng làm Ngã, thì chấp Tưởng uẩn-Sắc uẩn làm Ngã sở. Nếu chấp Tưởng uẩn làm Ngã, thì chấp bốn uẩn còn lại làm Ngã sở. Do họ chấp Ngã không có Sắc làm tánh, cho nên gọi là không có Sắc; giữ lấy tướng của các pháp, cho nên gọi là Tưởng. Ngã không có Sắc này hoặc là Tưởng làm tánh, hoặc bởi vì có Tưởng cho nên gọi là có Tưởng, hoặc có Tưởng kia cho nên gọi là có Tưởng. Bởi vì

chấp Tưởng uẩn làm Ngã sở, cho nên họ dấy lên nghĩ rằng: Ngã không có Sắc này, sau khi chết có Tưởng, Ngã này thuộc về cõi Dục cho đến Vô sở hữu xứ, trừ ra cõi trời Vô Tưởng.

Dựa vào kiến chấp thứ ba kiến lập về luận thứ ba là Ngã cũng có Sắc-cũng không có Sắc, sau khi chết có Tưởng: Đó là ngoại đạo ấy chấp có Sắc-không có Sắc làm Ngã, như ngoại đạo Đế Ngữ… đối với toàn bộ năm uẩn khởi lên một Tưởng về Ngã, bởi vì họ phân biệt các uẩn đều khác nhau không có được Ngã thật sự, giống như phân biệt ngọt-chua-mặn-nhạt-cay-đắng đều khác nhau, không có một vị thật sự chung có thể đạt được. Họ đối với các uẩn khởi lên một Tưởng rồi chấp chung làm Ngã. Do họ chấp Ngã lấy có Sắc-không có Sắc làm tánh, cho nên gọi là cũng có Sắc cũng không có Sắc; giữ lấy tướng của các pháp, cho nên gọi là Tưởng. Ngã cũng có Sắc cũng không có Sắc này, hoặc lấy Tưởng làm tánh, hoặc bởi vì có Tưởng cho nên gọi là có Tưởng, hoặc có Tưởng kia cho nên gọi là có Tưởng. Bởi vì chấp các uẩn của tự thân làm Ngã, cho nên chấp các uẩn của thân khác làm Ngã sở.

Có ngoại đạo khác, đối với Ngã có Sắc nhìn thấy lỗi lầm rồi, dựa vào Ngã không có Sắc mà trú; đối với Ngã không có Sắc nhìn thấy lỗi lầm rồi, lại dựa vào Ngã có Sắc mà trú. Các ngoại đạo ấy chưa đoạn Ngã kiến, tuy chấp có Ngã mà không quyết định, nói Ngã đã chấp chỉ là có Sắc, hoặc chỉ là không có Sắc, nhưng dấy lên nghĩ rằng: Ngã cũng có Sắc-cũng không có Sắc này, sau khi chết có Tưởng, Ngã này toàn phần thuộc về cõi Dục tùy theo sự thích hợp, cho đến nói rộng ra.

Thứ tư, luận về Ngã không phải là có Sắc-không phải là không có Sắc, sau khi chết có Tưởng: Tức là ngăn chặn loại thứ ba dựa vào kiến chấp không có riêng biệt. Họ dấy lên nghĩ rằng: Ngã tuy thật có mà không có thể nói quyết định là cũng có Sắc-cũng không có Sắc, bởi vì kiến chấp về Ngã thật sự ấy quyết định là cũng có Sắc-cũng không có Sắc, đều có lỗi lầm. Họ đưa ra cách nói này: Ngã này không phải là có Sắc-không phải là không có Sắc, sau khi chết có Tưởng. Còn lại nói như trước.

Bốn loại như vậy, hoặc là dựa vào Tầm-Tứ, hoặc là dựa vào Đẳng chí đều có thể khởi lên.

Luận về chấp Ngã có giới hạn, sau khi chết có Tưởng:

Nếu chấp Sắc làm Ngã, thì đó là chấp Thể của Ngã có phạm vi hạn định, hoặc ở trong tâm, lượng bằng lóng tay, sáng ngời rực rỡ; hoặc ở trong thân, xứng với hình lượng của thân, trong-ngoài sáng rực; như nói Ngã của Ngã có hình tướng đoan nghiêm, sáng ngời rực rỡ, thanh tịnh bậc nhất,

Kiều-đáp-ma tôn quý lẽ nào nói là không có Ngã?

Nếu chấp phi Sắc làm Ngã, thì đó là chấp Ngã cũng có phạm vi hạn định, bởi vì sở y-sở duyên của pháp phi Sắc có phạm vi hạn định, cho nên cũng gọi là có giới hạn. Đó là dựa vào Tầm-Tứ khởi lên kiến chấp như vậy, nếu dựa vào Đẳng chí khởi lên kiến chấp này thì chắc chắn chưa đạt được Định Biến xứ.

Hai loại như vậy, đều dấy lên nghĩ rằng: Ngã chắc chắn có giới hạn, sau khi chết có Tưởng, Ngã này toàn phần thuộc về cõi Dục, một phần thuộc về cõi Sắc, trừ ra cõi trời Vô Tưởng.

Chấp nhận cõi Vô sắc cũng có Sắc, thì Ngã này cũng thuộc về ba Vô sắc trước của cõi ấy.

Luận về chấp Ngã không có giới hạn, sau khi chết có Tưởng: Nếu chấp Sắc làm Ngã, thì đó là chấp Ngã có khắp tất cả mọi nơi.

Như trong Minh Luận nói: "Có Ngã sĩ phu, lượng ấy to lớn, phạm vi giới hạn khó lường, màu sắc ánh sáng như mặt trời, những sự u ám tối tăm tuy ở phía trước mà không có thể nhìn thấy, cần phải biết rằng Ngã này mới có thể vượt qua sinh-già-bệnh-chết, khác với Ngã này lại không có lý của sự vượt qua."

Lại như có người nói: Mặt đất tức là Ngã, Ngã tức là mặt đất, lượng ấy không có giới hạn.

Nếu chấp Vô sắc làm Ngã, thì họ dấy lên nghĩ rằng: Nếu không đến gần lửa thì cuối cùng không có thể cháy được, nếu không cầm đến dao thì cuối cùng không có thể cắt được, nếu không đi vào nước thì cuối cùng không có thể ướt được. Như vậy, nếu có người không đến được Ngã thì cuối cùng không có thể giữ lấy phần lượng không có giới hạn. Đó là dựa vào Tầm-Tứ khởi lên kiến chấp như vậy, nếu dựa vào Đẳng chí khởi lên kiến chấp này thì chắc chắn đã đạt được Định Biến xứ.

Hai loại như vậy, đều dấy lên nghĩ rằng: Ngã chắc chắn không có giới hạn, sau khi chết có Tưởng, Ngã này toàn phần thuộc về cõi Dục tùy theo sự thích hợp, cho đến nói rộng ra.

Luận về chấp Ngã cũng có giới hạn-cũng không có giới hạn, sau khi chết có Tưởng:

Nếu chấp Sắc làm Ngã, thì đó là chấp Ngã tùy theo thân sở y, hoặc tụ vào-hoặc tản ra, lượng ấy không nhất định. Họ dấy lên nghĩ rằng: Thân nếu có hạn lượng thì Ngã có giới hạn, thân nếu không có hạn lượng thì Ngã không có giới hạn.

Nếu chấp Vô sắc làm Ngã, thì họ dấy lên nghĩ rằng: Nếu tùy theo sở y-sở duyên có hạn lượng thì Ngã có giới hạn, nếu tùy theo sở y-sở duyên không có hạn lượng thì Ngã không có giới hạn,

Hai loại như vậy, đều dấy lên nghĩ rằng: Ngã cũng có giới hạn- cũng không có giới hạn sau khi chết có Tưởng, Ngã này toàn phần thuộc về cõi Dục tùy theo sự thích hợp, cho đến nói rộng ra.

Luận về chấp Ngã không phải là có giới hạn-không phải là không có giới hạn, sau khi chết có Tưởng: Tức là ngăn chặn loại thứ ba làm thành loại thứ tư này. Ba phần nói khác nhau như trước nên biết!

Bốn loại như vậy, hoặc là dựa vào Tầm-Tứ, hoặc là dựa vào Đẳng chí, đều có thể khởi lên.

Dựa vào Tưởng-Thọ khác nhau cho nên đưa ra cách nói này: Ngã có một Tưởng, Ngã có các loại Tưởng, Ngã có Tưởng nhỏ, Ngã có Tưởng vô lượng, Ngã chỉ có Lạc, Ngã chỉ có Khổ, Ngã có Khổ-có Lạc, Ngã không có Khổ-không có Lạc, sau khi chết có Tưởng.

Trong này, Ngã có một Tưởng, đó là thuộc về ba Vô sắc trước, bởi vì các Tưởng ấy cùng một môn mà chuyển, cho nên nói là một Tưởng. Ngã có các loại Tưởng, đó là thuộc cõi Dục-Sắc, trừ ra cõi trời Vô Tưởng, bởi vì các Tưởng ấy do sáu môn-bốn môn mà chuyển, và duyên

với các loại cảnh, cho nên gọi là các loại Tưởng.

Dựa vào Tầm-Tứ thì Ngã cũng có sai biệt, đó là có một loại Công xảo trí thì gọi là có một Tưởng, nếu có các loại Công xảo trí thì gọi là có các loại Tưởng.

Ngã có Tưởng nhỏ, đó là chấp một ít Sắc làm Ngã, hoặc là chấp một ít Vô sắc làm Ngã.

Nếu chấp một ít Sắc làm Ngã, thì đó là chấp Sắc làm Ngã với lượng nhỏ bé, lượng bằng lóng tay…, lúc ấy chấp Tưởng làm Ngã sở, bởi vì dựa vào thân nhỏ bé duyên với một ít cảnh, cho nên nói là Tưởng nhỏ. Ngã và Tưởng ấy hòa hợp gọi là có Tưởng nhỏ. Ngã này toàn phần thuộc về cõi Dục, một phần thuộc về cõi Sắc, trừ ra cõi trời Vô Tưởng. Chấp nhận cõi Vô sắc cũng có Sắc, thì Ngã này cũng thuộc về ba

Vô sắc trước của cõi ấy.

Nếu chấp một ít Vô sắc làm Ngã, thì lúc ấy hoặc là chấp Thọ làm Ngã, Tưởng làm Ngã sở, bởi vì dựa vào thân nhỏ bé duyên với một ít cảnh, cho nên nói là Tưởng nhỏ. Ngã và Tưởng ấy hòa hợp gọi là có Tưởng nhỏ; chấp Hành làm Ngã, chấp Thức làm Ngã, nói rộng ra cũng như vậy.

Nếu chấp Tưởng làm Ngã, thì Tưởng ấy dựa vào thân nhỏ bé duyên với một ít cảnh, cho nên nói là Tưởng nhỏ, đó là chấp Tưởng nhỏ làm tánh của Ngã. Hoặc là có dụng của Tưởng cho nên gọi là có Tưởng nhỏ. Ngã này thuộc về cõi Dục cho đến Vô sở hữu xứ, trừ ra cõi trời Vô Tưởng.

Ngã có Tưởng vô lượng, đó là chấp vô lượng Sắc làm Ngã, hoặc là chấp vô lượng Vô sắc làm Ngã. Nếu chấp vô lượng Sắc làm Ngã, thì đó là chấp Sắc làm Ngã có khắp tất cả mọi nơi, lúc ấy chấp Tưởng làm Ngã sở, bởi vì dựa vào thân vô lượng duyên với vô lượng cảnh, cho nên gọi là Tưởng vô lượng. Ngã và Tưởng ấy hòa hợp gọi là có Tưởng vô lượng. Ngã này toàn phần thuộc về cõi Dục, một phần thuộc về cõi Sắc, trừ ra cõi trời Vô Tưởng.

Chấp nhận cõi Vô sắc cũng có Sắc, thì Ngã này cũng thuộc về ba Vô sắc trước của cõi ấy.

Nếu chấp vô lượng Vô sắc làm Ngã, thì lúc ấy hoặc là chấp Thọ làm Ngã, Tưởng làm Ngã sở, bởi vì Tưởng ấy dựa vào thân vô lượng duyên với vô lượng cảnh, cho nên gọi là Tưởng vô lượng. Ngã và Tưởng ấy hòa hợp gọi là có Tưởng vô lượng; chấp Hành làm Ngã, chấp Thức làm Ngã, nói rộng ra cũng như vậy.

Nếu chấp Tưởng làm Ngã, thì Tưởng ấy dựa vào thân vô lượng duyên với vô lượng cảnh, cho nên gọi là Tưởng vô lượng, đó là chấp Tưởng vô lượng làm tánh của Ngã. Hoặc là có dụng của Tưởng cho nên gọi là có Tưởng vô lượng. Ngã này thuộc về cõi Dục cho đến Vô sở hữu xứ, trừ ra cõi trời Vô Tưởng.

Bốn loại như vậy, hoặc là dựa vào Tầm-Tứ, hoặc là dựa vào Đẳng chí, đều có thể khởi lên.

Ngã chỉ có Lạc, đó là thuộc về ba Tĩnh lự trước. Những người đạt được Định dùng Thiên nhãn thông nhìn thấy ba Tĩnh lự luôn luôn thọ nhận vui vẻ, sau từ địa ấy chết đi-sinh đến nơi này, liền dấy lên nghĩ rằng: Ngã chỉ có Lạc. Những người Tầm-Tứ nhìn thấy các hữu tình ở tất cả mọi lúc hòa hợp đầy đủ cùng với Lạc, liền dấy lên nghĩ rằng: Ngã chỉ có Lạc; như ở đời này, đời khác cũng như vậy.

Ngã chỉ có Khổ, đó là thuộc về địa ngục. Những người đạt được Định dùng Thiên nhãn thông nhìn thấy ở địa ngục luôn luôn nhận chịu đau khổ, sau từ địa ấy chết đi-sinh đến nơi này, liền dấy lên nghĩ rằng: Ngã chỉ có Khổ. Những người Tầm-Tứ nhìn thấy các hữu tình ở tất cả mọi lúc hòa hợp đầy đủ cùng với Khổ, liền dấy lên nghĩ rằng: Ngã chỉ có Khổ; như ở đời này, đời khác cũng như vậy.

Ngã có Khổ-có Lạc, đó là thuộc về bàng sinh-ngạ quỷ-loài người và trời cõi Dục. Những người đạt được Định dùng Thiên nhãn thông nhìn thấy những hữu tình ấy thọ nhận xen lẫn khổ-vui, sau từ địa ấy chết đi-sinh đến nơi này, liền dấy lên nghĩ rằng: Ngã có Khổ-có Lạc. Những người Tầm-Tứ nhìn thấy các hữu tình có lúc hòa hợp đầy đủ cùng với Khổ, có lúc hòa hợp đầy đủ cùng với Lạc, liền dấy lên nghĩ rằng: Ngã có Khổ-có Lạc; như ở đời này, đời khác cũng như vậy.

Ngã không có Khổ-không có Lạc, đó là thuộc Tĩnh lự thứ tư cho đến Vô sở hữu xứ. Những người đạt được Định nhận biết những hữu tình ấy không có Khổ-không có Lạc, sau từ địa ấy chết đi-sinh đến nơi này, liền dấy lên nghĩ rằng: Ngã không có Khổ-không có Lạc. Những người Tầm-Tứ dấy lên nghĩ như vậy: Thể của Ngã là Thường, chuyển biến không rõ ràng, tuy có lúc tạm thời tương ưng với Khổ-Lạc, mà pháp ấy là khách, Ngã không phải là có pháp ấy.

Mười sáu loại này là kiến chấp phân biệt về đời sau, các luận về Hữu Tưởng dựa vào mười sáu sự việc đã nói ở trước mà khởi lên.

Tám luận về Vô Tưởng: Đó là bốn loại về có Sắc (hữu sắc)…, bốn loại về có giới hạn (hữu biên)…

Bốn loại về có Sắc:

1. Chấp Ngã có Sắc, sau khi chết không có Tưởng, đó là họ chấp Sắc làm Ngã đạt được Định Vô tưởng, và thấy người khác đạt được Định ấy sinh làm hữu tình ở cõi trời Vô tưởng, liền dấy lên nghĩ rằng: Ngã có Sắc, sau khi chết không có Tưởng, bởi vì sẽ sinh làm hữu tình trong cõi trời Vô tưởng, cho nên Tưởng không khởi lên. Những người Tầm-Tứ chấp Sắc làm Ngã, thấy có người gặp làn gió độc mà mê man bất tỉnh, không còn cảm thọ khổ đau bức bách, tựa như hoàn toàn không có ý tưởng, liền dấy lên nghĩ rằng: Ngã tuy có Sắc mà không có Tưởng; như ở đời này, đời khác cũng như vậy.

2. Chấp Ngã không có Sắc, sau khi chết không có Tưởng, đó là họ chấp Mạng căn làm Ngã đạt được Định Vô tưởng, và thấy người khác đạt được Định ấy sinh làm hữu tình ở cõi trời Vô tưởng, liền dấy lên nghĩ rằng: Ngã không có Sắc, sau khi chết không có Tưởng, bởi vì sẽ sinh làm hữu tình trong cõi trời Vô tưởng, cho nên Tưởng không khởi lên. Những người Tầm-Tứ chấp Mạng căn làm Ngã, thấy có người gặp làn gió độc mà mê man bất tỉnh, không còn cảm thọ khổ đau bức bách, tựa như hoàn toàn không có ý tưởng, liền dấy lên nghĩ rằng: Ngã không có Sắc cũng không có Tưởng; như ở đời này, đời khác cũng như vậy. Người có Tầm-

Tứ trừ ra Tưởng, chấp ba uẩn còn lại làm Ngã, cũng có thể chấp Ngã không có Sắc sau khi chết không có Tưởng.

3. Chấp Ngã cũng có Sắc-cũng không có Sắc, sau khi chết không có Tưởng, đó là họ chấp Sắc và Mạng căn làm Ngã, họ đối với hai loại này khởi lên một Tưởng về Ngã, bởi vì họ phân biệt hai loại này đều khác nhau, không có được Ngã thật sự, giống như phân biệt ngọt-chua… đều khác nhau, không có được vị chung. Họ chấp hai loại này làm một Ngã rồi đạt được Định Vô tưởng, và thấy người khác đạt được Định ấy sinh làm hữu tình ở cõi trời Vô tưởng, liền dấy lên nghĩ rằng: Ngã cũng có Sắc-cũng không có Sắc, sau khi chết không có Tưởng, bởi vì sẽ sinh làm hữu tình trong cõi trời Vô tưởng, cho nên Tưởng không khởi lên. Những người Tầm-Tứ chấp Sắc và Mạng căn làm Ngã, thấy có người gặp làn gió độc mà mê man bất tỉnh, không còn cảm thọ khổ đau bức bách, tựa như hoàn toàn không có ý tưởng, liền dấy lên nghĩ rằng: Ngã cũng có Sắc-cũng không có Sắc mà hoàn toàn không có Tưởng; như ở đời này, đời khác cũng như vậy. Người có Tầm-Tứ trừ ra Tưởng, chấp bốn uẩn còn lại làm Ngã, cũng có thể chấp Ngã cũng có Sắc-cũng không có Sắc sau khi chết không có Tưởng.

4. Chấp Ngã không phải là có Sắc-không phải là không có Sắc, sau khi chết không có Tưởng, tức là ngăn chặn loại thứ ba làm thành loại thứ tư này. Ba phần nói khác nhau như trước nên biết!

Bốn loại về có giới hạn:

1. Chấp Ngã có giới hạn, sau khi chết không có Tưởng, đó là nếu chấp Sắc làm Ngã, thì đó là chấp Sắc của Ngã với lượng nhỏ bé, lượng bằng lóng tay… Nếu chấp Vô sắc làm Ngã, thì đó là chấp Mạng căn làm Ngã, ở khắp nơi trong thân, xứng với hình lượng của thân. Như vậy chấp rồi đạt được Định Vô tưởng, và thấy người khác đạt được Định ấy sinh làm hữu tình ở cõi trời Vô tưởng, liền dấy lên nghĩ rằng: Ngã có giới hạn sau khi chết không có Tưởng, bởi vì sẽ sinh làm hữu tình trong cõi trời Vô tưởng, cho nên Tưởng không khởi lên. Những người Tầm-Tứ cũng chấp loại ấy làm Ngã, thấy có người gặp làn gió độc mà mê man bất tỉnh, tùy theo sự thích hợp, nói rộng ra như trước.

2. Chấp Ngã không có giới hạn, sau khi chết không có Tưởng, đó là nếu chấp Sắc làm Ngã, thì đó là chấp Sắc của Ngã ở khắp tất cả mọi nơi. Nếu chấp Vô sắc làm Ngã, thì đó là chấp Mạng căn làm Ngã, cũng ở khắp tất cả mọi nơi. Như vậy chấp rồi đạt được Định Vô tưởng, và thấy người khác đạt được Định ấy sinh làm hữu tình ở cõi trời Vô tưởng, liền

dấy lên nghĩ rằng: Ngã không có giới hạn sau khi chết không có Tưởng, bởi vì sẽ sinh làm hữu tình trong cõi trời Vô tưởng, cho nên Tưởng không khởi lên. Những người Tầm-Tứ cũng chấp loại ấy làm

Ngã, thấy có người gặp làn gió độc mà mê man bất tỉnh, tùy theo sự thích hợp, nói rộng ra như trước.

3. Chấp Ngã cũng có giới hạn-cũng không có giới hạn, sau khi chết không có Tưởng, đó là nếu chấp Sắc làm Ngã, thì đó là chấp Sắc của Ngã hoặc tụ vào-hoặc tản ra. Nếu chấp Vô sắc làm Ngã, thì đó là chấp Mạng căn làm Ngã, cũng như Sắc của thân hoặc tụ vào-hoặc tản ra. Như vậy chấp rồi đạt được Định Vô tưởng, và thấy người khác đạt được Định ấy sinh làm hữu tình ở cõi trời Vô tưởng, liền dấy lên nghĩ rằng: Ngã cũng có giới hạn-cũng không có giới hạn sau khi chết không có Tưởng, bởi vì sẽ sinh làm hữu tình trong cõi trời Vô tưởng, cho nên Tưởng không khởi lên. Những người Tầm-Tứ cũng chấp loại ấy làm Ngã, tùy theo sự thích hợp, nói rộng ra như trước.

4. Chấp Ngã không phải là có giới hạn-không phải là không có giới hạn, sau khi chết không có Tưởng, tức là ngăn chặn loại thứ ba làm thành loại thứ tư này. Ba phần nói khác nhau như trước nên biết!

Tám loại như vậy là kiến chấp phân biệt về đời sau, các luận về Vô Tưởng dựa vào tám loại sự việc đã nói ở trước mà khởi lên.

Tám luận về Phi Hữu Tưởng-Phi Vô Tưởng: Đó là bốn loại về có Sắc (hữu sắc)…, bốn loại về có giới hạn (hữu biên)…

Bốn loại về có Sắc:

1. Chấp Ngã có Sắc, sau khi chết không phải là có Tưởng-không phải là không có Tưởng, đó là người Tầm-Tứ chấp Sắc làm Ngã, họ thấy ý nghĩ của hữu tình không rõ ràng, liền dấy lên nghĩ rằng: Ngã có Sắc không phải là có Tưởng-không phải là không có Tưởng; như ở đời này, đời khác cũng như vậy. Không phải là đạt được Định ấy có thể có kiến chấp này. Nguyên cớ thế nào? Bởi vì phải là người đã lìa nhiễm của Vô sở hữu xứ, mới có thể chấp các uẩn của Phi tưởng phi phi tưởng xứ làm Ngã, cõi ấy đã Vô sắc thì lý chấp này không có nghĩa nào khác để căn cứ vào mà nói. Đạt được Định ấy cũng có kiến chấp này, đó là người sinh ở cõi Dục-Sắc đã lìa nhiễm của Vô sở hữu xứ, chấp các uẩn của Phi tưởng phi phi tưởng xứ làm Ngã, họ đã chấp Thể của Ngã tuy không phải là Sắc, mà cùng với Sắc hòa hợp gọi là có Sắc của Ngã; như nói có búi tóc của người mà Thể của người không phải là búi tóc. Bởi vì họ tuy không chấp Sắc làm Ngã sở, mà đã chấp Ngã chưa lìa Sắc của thân, cho đến mạng

chung hãy còn đi theo thân, cho nên nói là Ngã có Sắc. Họ đã tiến vào Định của Phi tưởng phi phi tưởng xứ, bởi vì Tưởng không rõ ràng, cho nên chấp Ngã hiện tại không phải là có Tưởng- không phải là không có Tưởng, sau khi chết cũng như vậy.

Chấp nhận cõi Vô sắc cũng có Sắc, thì họ chấp nhận là có chấp Ngã của Phi tưởng phi phi tưởng xứ thật sự có Sắc, mà không phải là có Tưởng cũng không phải là không có Tưởng.

2. Chấp Ngã không có Sắc, sau khi chết không phải là có Tưởng-không phải là không có Tưởng, đó là người đạt được Định ấy chấp các uẩn Vô sắc của Phi tưởng phi phi tưởng xứ làm Ngã, hoặc là làm Ngã sở. Họ đã chấp Ngã dùng Vô sắc làm tánh, hoặc là có Vô sắc cho nên gọi là Ngã không có Sắc. Họ đã tiến vào Định của Phi tưởng phi phi tưởng xứ, bởi vì Tưởng không rõ ràng, cho nên chấp Ngã hiện tại không phải là có Tưởng-không phải là không có Tưởng, sau khi chết cũng như vậy. Những người Tầm-Tứ chấp Vô sắc làm Ngã, họ thấy ý nghĩ của hữu tình không rõ ràng, liền dấy lên nghĩ rằng: Ngã không có Sắc không phải là có Tưởng-không phải là không có Tưởng; như ở đời này, đời khác cũng như vậy.

3. Chấp Ngã cũng có Sắc-cũng không có Sắc, sau khi chết không phải là có Tưởng-không phải là không có Tưởng, đó là người Tầm-Tứ chấp Sắc-Vô sắc làm Ngã, họ thấy ý nghĩ của hữu tình không rõ ràng, liền dấy lên nghĩ rằng: Ngã cũng có Sắc-cũng không có Sắc không phải là có Tưởng-không phải là không có Tưởng; như ở đời này, đời khác cũng như vậy. Không phải là đạt được Định ấy có thể có kiến chấp này. Nguyên cớ thế nào? Bởi vì phải là người đã lìa nhiễm của Vô sở hữu xứ, mới có thể chấp các uẩn của Phi tưởng phi phi tưởng xứ làm Ngã, cõi ấy đã Vô sắc thì lý chấp này không có nghĩa nào khác để căn cứ vào mà nói. Đạt được Định ấy cũng có kiến chấp này, đó là người sinh ở cõi Dục-Sắc đã lìa nhiễm của Vô sở hữu xứ, chấp các uẩn của Phi tưởng phi phi tưởng xứ làm Ngã, họ đã chấp Thể của Ngã tuy không phải là Sắc, mà cùng với Sắc hòa hợp gọi là có Sắc của Ngã; như nói có búi tóc của người mà Thể của người không phải là búi tóc. Bởi vì họ tuy không chấp Sắc làm Ngã sở, mà đã chấp Ngã chưa lìa Sắc của thân, cho đến mạng chung hãy còn đi theo thân, cho nên nói là Ngã cũng có Sắc; chấp Vô sắc làm Ngã, cho nên nói là Ngã cũng không có Sắc. Họ đã tiến vào Định của Phi tưởng phi phi tưởng xứ, bởi vì Tưởng không rõ ràng, cho nên chấp Ngã hiện tại không phải là có Tưởng-không phải là không có Tưởng, sau khi chết cũng như vậy.

Chấp nhận cõi Vô sắc cũng có Sắc, thì họ chấp nhận là có chấp Ngã của Phi tưởng phi phi tưởng xứ thật sự cũng có Sắc-cũng không có Sắc, mà không phải là có Tưởng cũng không phải là không có Tưởng.

4. Chấp Ngã không phải là có Sắc-không phải là không có Sắc, sau khi chết không phải là có Tưởng cũng không phải là không có Tưởng, tức là ngăn chặn loại thứ ba làm thành loại thứ tư này. Ba phần nói khác nhau như trước nên biết!

Bốn loại về có giới hạn:

1. Chấp Ngã có giới hạn, sau khi chết không phải là có Tưởng-không phải là không có Tưởng.

2. Chấp Ngã không có giới hạn, sau khi chết không phải là có Tưởng-không phải là không có Tưởng.

3. Chấp Ngã cũng có giới hạn-cũng không có giới hạn, sau khi chết không phải là có Tưởng-không phải là không có Tưởng.

4. Chấp Ngã không phải là có giới hạn-không phải là không có giới hạn, sau khi chết không phải là có Tưởng-không phải là không có Tưởng.

Như vậy, tất cả đều chấp Vô sắc làm Ngã, đã đạt được Định của Phi tưởng phi phi tưởng xứ thì đều có thể có kiến chấp này. Vả lại, tất cả loại này đều có thể chấp bốn uẩn Vô sắc của Phi tưởng phi phi tưởng xứ làm Ngã-Ngã sở:

1. Bởi vì thời gian của Định ấy ngắn ngủi, dùng mỗi một uẩn làm sở duyên, cho nên chấp là Ngã có giới hạn.

2. Bởi vì thời gian của Định ấy lâu dài, dùng toàn bộ bốn uẩn làm sở duyên, cho nên chấp là Ngã không có giới hạn.

3. Bởi vì thời gian của Định ấy hoặc là ngắn ngủi-hoặc là lâu dài, hoặc là mỗi một uẩn-hoặc là toàn bộ bốn uẩn làm sở duyên, cho nên chấp là Ngã cũng có giới hạn-cũng không có giới hạn, tức là ngăn chặn loại thứ ba làm thành loại thứ tư này. Ba phần nói khác nhau như trước nên biết!

Trong này, tất cả đều đã tiến vào Định của Phi tưởng phi phi tưởng xứ, bởi vì Tưởng không rõ ràng, cho nên chấp Ngã hiện tại không phải là có Tưởng-không phải là không có Tưởng, sau khi chết cũng như vậy. Những người Tầm-Tứ và người chấp nhận cõi Vô sắc cũng có Sắc, chấp Sắc-Vô sắc làm Ngã, tùy theo sự thích hợp, nói rộng ra như trước.

Tám loại như vậy là kiến chấp phân biệt về đời sau, các luận về Phi Hữu Tưởng-Phi Vô Tưởng dựa vào tám loại sự việc đã nói ở trước mà khởi

lên.

Hỏi: Vì sao trong luận về Vô Tưởng và luận về Phi Hữu Tưởng- Phi Vô Tưởng, không nói đến tám loại như Ngã có một Tưởng…?

Đáp: Nếu cũng nói đến thì tất cả đều phải gọi là luận về Hữu Tưởng, bởi vì có Tưởng-Thọ thì không phải là không có Tưởng… Như vậy, tất cả các luận về Hữu Tưởng…, bởi vì nói đến sau khi chết, cho nên đều là thuộc kiến chấp phân biệt về đời sau.

Bảy luận về Đoạn Diệt:

1. Dấy lên nghĩ rằng: Ngã này có Sắc thô thiển do bốn đại chủng sở tạo làm tánh, sau khi chết thì đoạn diệt, hoàn toàn không có gì, đến đây gọi là Ngã đích thực đoạn diệt. Họ thấy đời này thọ thai làm đầu tiên, lúc chết làm cuối cùng, liền dấy lên nghĩ rằng: Lúc Ngã thọ thai vốn không có mà có, nếu đến phần vị chết đi thì có rồi trở về không có, gọi là khéo đoạn diệt.

2. Dấy lên nghĩ rằng: Ngã này ở trời cõi Dục, sau khi chết thì đoạn diệt, hoàn toàn không có gì, đến đây gọi là Ngã đích thực đoạn diệt. Họ dấy lên nghĩ rằng: Ngã đã không nhờ vào cửa mình của mẹ (sản môn) mà sinh ra, vốn không có mà có, có rồi trở về không có, như sao Chổi… gọi là khéo đoạn diệt.

3. Dấy lên nghĩ rằng: Ngã này ở trời cõi Sắc, sau khi chết thì đoạn diệt, hoàn toàn không có gì, đến đây gọi là Ngã đích thực đoạn diệt. Họ dấy lên nghĩ rằng: Ngã đã không nhờ vào cửa mình của mẹ(sản môn) mà sinh ra, vốn không có mà có, do lực của Đẳng chí, có rồi trở về không có, gọi là khéo đoạn diệt.

Hoặc có người nói: Ba Đoạn kiến này đều duyên với hữu tình đã lìa nhiễm của Tĩnh lự thứ nhất mà khởi lên. Người Đoạn kiến ấy tuy đã đạt được Định mà chưa có thể lìa nhiễm của Tĩnh lự thứ nhất, đã phát khởi Thiên nhãn chỉ nhìn thấy địa dưới, ba hữu tình trước đã mạng chung rồi đều sinh lên địa trên, đã thọ các thân như Trung hữu-Sinh hữu…, không phải là cảnh giới của người ấy, liền dấy lên nghĩ rằng: Người đạt được Tĩnh lự đã mạng chung rồi thảy đều đoạn diệt.

4. Dấy lên nghĩ rằng: Ngã này ở trời Không vô biên xứ, sau khi chết thì đoạn diệt, hoàn toàn không có gì, đến đây gọi là Ngã đích thực đoạn diệt.

5. Dấy lên nghĩ rằng: Ngã này ở trời Thức vô biên xứ, sau khi chết thì đoạn diệt, hoàn toàn không có gì, đến đây gọi là Ngã đích thực đoạn diệt.

6. Dấy lên nghĩ rằng: Ngã này ở trời Vô sở hữu xứ, sau khi chết thì đoạn diệt, hoàn toàn không có gì, đến đây gọi là Ngã đích thực đoạn diệt.

7. Dấy lên nghĩ rằng: Ngã này ở trời Phi tưởng phi phi tưởng xứ, sau khi chết thì đoạn diệt, hoàn toàn không có gì, đến đây gọi là Ngã đích thực đoạn diệt.

Trong này, bốn loại sau có chấp Không vô biên xứ làm đỉnh cao của sinh tử, cho đến có chấp Phi tưởng phi phi tưởng xứ làm đỉnh cao của sinh tử. Nếu chấp Không vô biên xứ làm đỉnh cao của sinh tử, thì đó là chấp Không vô biên xứ, sau khi chết không có gì, gọi là khéo đoạn diệt; cho đến nếu chấp Phi tưởng phi phi tưởng xứ làm đỉnh cao của sinh tử, thì đó là chấp Phi tưởng phi phi tưởng xứ, sau khi chết không có gì, gọi là khéo đoạn diệt.

Bảy loại như vậy là kiến chấp phân biệt về đời sau, các luận về Đoạn Diệt dựa vào bảy loại sự việc đã nói ở trước mà khởi lên. Bảy loại như vậy đều nói đến sau khi chết, cho nên đều thuộc kiến chấp phân biệt về đời sau.

Năm luận về Hiện Pháp Niết-Bàn: Đó là ngoại đạo chấp nếu ở hiện tại mà Ngã cảm thọ an lạc thì gọi là đạt được Niết-bàn; nếu Ngã có khổ đau thì lúc bấy giờ không gọi là đạt được Niết-bàn, bởi vì không an lạc.

Thứ nhất, dấy lên nghĩ rằng: Ngã này thanh tịnh giải thoát, rời xa tất cả tai họa bất ngờ, nghĩa là hiện tại thọ dụng năm dục lạc tuyệt vời, lúc bấy giờ gọi là đạt được Niết-bàn trong pháp hiện tại.

Thứ hai, có thể thấy sai lầm của các dục, họ dấy lên nghĩ rằng: Do ham muốn mà sinh ra vui vẻ; do những khổ đau mà kèm theo nhiều sự oán hại; do Định mà sinh ra niềm vui tĩnh lặng vi diệu, không có những khổ đau kèm theo, lìa mọi sự oán hại. Lại dấy lên nghĩ rằng: Ngã này thanh tịnh giải thoát, rời xa tất cả tai họa bất ngờ, nghĩa là hiện tại an trú trong Tĩnh lự thứ nhất, lúc bấy giờ gọi là đạt được Niết-bàn trong pháp hiện tại.

Thứ ba, có thể thấy các ham muốn Tầm-Tứ đều có sai lầm, họ dấy lên nghĩ rằng: Ngã này thanh tịnh giải thoát, rời xa tất cả tai họa bất ngờ, nghĩa là hiện tại an trú trong Tĩnh lự thứ hai, lúc bấy giờ gọi là đạt được Niết-bàn trong pháp hiện tại.

Thứ tư, có thể thấy sai lầm của các ham muốn Tầm-Tứ và Hỷ, họ dấy lên nghĩ rằng: Ngã này thanh tịnh giải thoát, rời xa tất cả tai họa bất ngờ, nghĩa là hiện tại an trú trong Tĩnh lự thứ ba, lúc bấy giờ gọi là đạt được Niết-bàn trong pháp hiện tại.

Thứ năm, có thể thấy các ham muốn Tầm-Tứ-Hỷ và hơi thở ra vào

đều có sai lầm, họ dấy lên nghĩ rằng: Ngã này thanh tịnh giải thoát, rời xa tất cả tai họa bất ngờ, nghĩa là hiện tại an trú trong Tĩnh lự thứ tư, lúc bấy giờ gọi là đạt được Niết-bàn trong pháp hiện tại.

Hỏi: Vì sao năm luận về Hiện Pháp Niết-Bàn này đều là thuộc kiến chấp phân biệt về đời sau?

Đáp: Năm loại này tuy duyên với hiện tại mà chờ đến quá khứ gọi là sau, vì thế cho nên nói là phân biệt về đời sau.

Lại có người nói: Bởi vì năm loại này chấp là Ngã hiện tại đã có niềm vui, sau cũng có niềm vui, cho nên đều là thuộc kiến chấp phân biệt về đời sau.

Hỏi: Nếu như vậy thì tại sao nói là luận về Hiện Pháp Niết-Bàn?

Đáp: Niềm vui hiện tại là trước mà chấp là niềm vui sau, hiện tại ở trước cho nên dùng để nêu rõ tên gọi của luận.

Năm loại như vậy là kiến chấp phân biệt về đời sau, các luận về Hiện Pháp Niết-Bàn dựa vào năm sự việc đã nói ở trước mà khởi lên.

Như trong kinh nói: "Tỳ kheo nên biết! Các kiến chấp mà hàng Sa-môn và Bà-la-môn ở thế gian dựa vào, đều đưa vào hai kiến chấp, đó là kiến chấp về có và kiến chấp về không có." Nay cần phải phân biệt.

Hỏi: Vì sao tất cả các kiến chấp đều đưa vào trong hai kiến chấp này?

Đáp: Nói đưa vào đây không phải là hiển bày về thâu nhiếp Thể ấy, mà chỉ hiển bày về loại ấy đưa vào trong phẩm loại của hai kiến chấp này. Nguyên cớ thế nào? Bởi vì kiến chấp về có tức là Thường kiến, kiến chấp về không có tức là Đoạn kiến, các loại ác kiến tuy có nhiều loại, nhưng tất cả đều đưa vào hai phẩm loại này. Như đầu phẩm này, Bổ-lạt-noa nói không có bố thí…, năm loại Tà kiến đưa vào phẩm Đoạn kiến, bởi vì chấp không có.

Có người nói: Đưa vào hai phẩm, bởi vì chấp Ngã thường còn, bài bác về Nhân…

Tiếp theo nói ngay cả sống có thân mạng sau khi chết thì đoạn hoại không còn…, thuộc về Đoạn kiến, cho nên tức là phẩm Đoạn kiến.

Có người đưa ra cách nói này: Thân sĩ phu trong bốn đại chủng này cho đến người trí ca ngợi thọ nhận, đưa vào trong hai phẩm.

Tiếp theo nói không có nhân-không có duyên…, là kiến chấp của Mạt-tắc-yết-lợi.

Tiếp theo nói tạo tác-dạy bảo tạo tác…, là kiến chấp của San-xà-di.

Hai loại này đều đưa vào phẩm có.

Đoạn kiến, bởi vì chấp không Có người nói: Đưa vào hai phẩm, bởi vì chấp Ngã thường còn, bài bác về Nhân…

Tiếp theo nói thân bảy sĩ này…, thuộc về Thường kiến, cho nên tức là phẩm Thường kiến.

Tiếp theo nói có mười bốn ức…, là kiến chấp của Vô Thắng Phát Hạt.

Tiếp theo nói tất cả sĩ phu, Bổ-đặc-già-la có những sự cảm thọ, tất cả đều lấy sự việc của đời trước làm nhân…, là kiến chấp của Ly Hệ Thân Tử.

Hai loại này cùng đưa vào hai phẩm, bởi vì chấp có Ngã về sau đoạn diệt.

Tiếp theo nói tất cả sĩ phu, Bổ-đặc-già-la đã cảm thọ đều không có nhân, không có duyên…, là kiến chấp của Phong-ca-đa-diễn-na, đưa vào phẩm Đoạn kiến, bởi vì chấp không có.

Có người nói: Đưa vào hai phẩm, bởi vì chấp Ngã thường còn, bài bác về không có Nhân.

Tiếp theo nói tự mình làm khổ-vui…, loại này đưa vào hai phẩm, bởi vì chấp có Ngã về sau đoạn diệt.

Tiếp theo nói khổ-vui đã cảm thọ không phải là tự mình làm ra…, đưa vào phẩm Đoạn kiến, bởi vì chấp không có.

Có người nói: Đưa vào hai phẩm, bởi vì chấp Ngã thường còn, bài bác về không có Nhân.

Tiếp theo nói Ngã và thế gian là pháp thường hằng…, thuộc về Thường kiến, cho nên tức là phẩm Thường kiến.

Tiếp theo nói vốn là Đế, vốn là tồn tại cho nên Ngã có Ngã…, thuộc về Thường kiến, cho nên tức là phẩm Thường kiến.

Tiếp theo nói vốn là Đế, vốn là tồn tại cho nên Ngã có Ngã…, thuộc về Đoạn kiến, cho nên tức là phẩm Đoạn kiến.

Tiếp theo nói Ngã quán xét Ngã…, đưa vào phẩm Thường kiến.

Tiếp theo nói thọ nhận năm dục vi diệu…, đưa vào phẩm Thường kiến, bởi vì chấp có Ngã thường đạt được Niết-bàn.

Có người nói: Đưa vào hai phẩm, bởi vì chấp có Ngã về sau đoạn diệt.

Tiếp theo nói gió không thổi…, thuộc về Thường kiến, cho nên tức là phẩm Thường kiến.

Tiếp theo nói chúng sinh chấp do Ngã làm ra…, đưa vào hai phẩm, bởi vì chấp có Ngã về sau đoạn diệt.

Sau cùng nói thọ dụng các dục thanh tịnh tuyệt diệu vừa ý mà không có lỗi lầm…, đưa vào phẩm Thường kiến, bởi vì chấp có Ngã thường thọ nhận các dục hơn hẳn.

Có người nói: Đưa vào hai phẩm, bởi vì chấp có Ngã về sau đoạn diệt.

Như trong kinh nói: "Kiến chấp về Ngã có Tưởng, kiến chấp về Ngã không có Tưởng, kiến chấp về Ngã không phải là có Tưởng-không phải là không có Tưởng, kiến chấp về Đoạn Diệt, kiến chấp về Hiện Pháp Niết-Bàn."

Năm loại này đưa vào hai phẩm, đó là ba loại trước đưa vào phẩm Thường kiến, loại thứ tư đưa vào phẩm Đoạn kiến, loại thứ năm thì có người nói đưa vào phẩm Thường kiến, có người nói đưa vào hai phẩm.

Sáu mươi hai kiến chấp đã nói trong kinh Phạm Võng, toàn bộ cũng đưa vào trong phẩm loại của hai kiến chấp này.

Đó là: Trong kiến chấp phân biệt về đời trước, bốn luận về Biến Thường đưa vào phẩm Thường kiến; bốn luận về Nhất Phần Thường, có người nói đưa vào phẩm Thường kiến, có người nói đưa vào hai phẩm bởi vì chấp có Thường-có không Thường; hai luận về Vô Nhân Sinh đưa vào phẩm Đoạn kiến, có người nói đưa vào hai phẩm, bởi vì chấp Ngã thường còn, bài bác về không có Nhân; bốn luận về Hữu Biên Đẳng và bốn luận về Bất Tử Kiểu Loạn đưa vào phẩm Thường kiến, có người nói đưa vào hai phẩm, bởi vì chấp Ngã thường còn về sau cũng đoạn. Trong kiến chấp phân biệt về đời sau, luận về Hữu Tưởng-Vô Tưởng và Phi Hữu Tưởng-Phi Vô Tưởng, đều thuộc về Thường kiến, cho nên tức là phẩm Thường kiến; bảy luận về Đoạn Diệt, thuộc về Đoạn kiến, cho nên tức là phẩm Đoạn kiến; năm luận về Hiện Pháp Niết-Bàn đưa vào phẩm Thường kiến, bởi vì chấp có Ngã thường đạt được Niết-bàn, có người nói đưa vào hai phẩm, bởi vì chấp có Ngã hiện tại đạt được Niết-bàn về sau đoạn diệt.

Trong kinh Ca-đa-diễn-na nói: "Thế gian có hai kiến chấp, một là kiến chấp về có, hai là kiến chấp về không có." Như thứ tự thâu nhiếp đưa vào phẩm Thường kiến-Đoạn kiến.

Trong kinh Sư Tử Hống nói: "Tất cả các kiến chấp đều dựa vào hai kiến chấp, đó là kiến chấp về có, kiến chấp về không có."

Người dựa vào kiến chấp về có thì đam mê theo kiến chấp về có, ghét bỏ kiến chấp về không có; người dựa vào kiến chấp về không có thì đam mê theo kiến chấp về không có, ghét bỏ kiến chấp về có. Hai loại này như thứ tự cũng thâu nhiếp đưa vào phẩm Thường kiến-Đoạn kiến.

Như trong kinh nói: "Ngoại đạo Thường kiến, hoặc là chấp về chuyển biến, hoặc là chấp về ẩn hiện, hoặc là chấp Ý giới thường xuyên qua lại…" Như vậy, tất cả thuộc về Thường kiến, cho nên tức là phẩm Thường kiến.

Như trong kinh nói: "Có ngoại đạo chấp Mạng ấy tức là thân, Mạng ấy là khác thân, Mạng ấy không phải tức là thân, Mạng ấy không phải là khác thân."

Hỏi: Vì sao ngoại đạo chấp Mạng ấy tức là thân?

Đáp: Tôn giả Thế Hữu đưa ra cách nói như vậy: "Bởi vì họ thấy ở thế gian, lúc thân sinh ra thì nói là hữu tình sinh ra, lúc thân hoại diệt thì nói là hữu tình chết đi.

Lại nữa, bởi vì họ thấy ở thế gian, đối với thân căn có Sắc thì nói là có Mạng, đối với thân căn không có Sắc thì nói là không có Mạng.

Lại nữa, bởi vì họ thấy ở thế gian, đối với thân tướng sai biệt mà khởi lên tưởng là nam-nữ.

Lại nữa, bởi vì họ thấy ở thế gian, đối với thân lực có mạnh-yếu thì nói là người mạnh-yếu.

Lại nữa, bởi vì họ thấy ở thế gian, thân hình cao thấp, thô tế, mập ốm, trắng đen… thì nói là người cao thấp…

Lại nữa, bởi vì họ thấy ở thế gian, có bị tổn hại đối với một phần thân, thì toàn thân đều cảm thọ khổ đau không yên ổn.

Lại nữa, bởi vì họ thấy ở thế gian, lúc buồn và lúc vui thì chảy nước mắt-nổi gai ốc, sắc mặt rạng rỡ vui vẻ.

Lại nữa, bởi vì họ thấy ở thế gian, đều đối với thân mà khởi lên Ngã gọi là Tưởng."

Có Sư khác nói: Bởi vì họ thấy ở thế gian, đuôi của các loài sâu bọ côn trùng, nếu đứt mất thì đều có thể chuyển động.

Đại đức nói rằng: "Bởi vì họ thấy ở thế gian, đối với thân căn có Sắc thì nói là hình tướng của hữu tình, giọng nói của hữu tình, vẻ đẹp xấu của hữu tình, oai nghi của hữu tình, việc làm của hữu tình…"

Bởi vì các loại nhân duyên như vậy, cho nên các ngoại đạo nói Mạng ấy tức là thân.

Hỏi: Vì sao ngoại đạo chấp Mạng ấy là khác thân?

Đáp: Tôn giả Thế Hữu đưa ra cách nói như vậy: "Các ngoại đạo ấy chấp Sắc làm thân, chấp tâm - tâm sở dùng làm Mạng, Sắc và tâm- tâm sở nối tiếp nhau đều khác biệt, họ hiểu được sự chuyển biến trước sau của Sắc thân, nhưng không hiểu về tướng sai khác trước sau của tâm - tâm sở, cho

nên khởi lên kiến chấp này.

Lại nữa, bởi vì họ thấy thân thô thiển, tâm - tâm sở vi tế, Mạng là vi tế cho nên khác với thân.

Lại nữa, bởi vì họ thấy oai nghi tùy theo ý muốn mà chuyển, liền chấp ý muốn cho là Mạng, oai nghi tức là sự chuyển biến sai biệt của thân.

Lại nữa, bởi vì họ thấy người chết thì thân tướng không có gì khác, liền dấy lên nghĩ rằng: Mạng lìa bỏ thân thì nói là chết, cho nên cùng với thân khác nhau.

Lại nữa, bởi vì họ thấy phần vị của Sắc thân và tâm - tâm sở chuyển biến trước sau đều khác, họ chấp tâm - tâm sở tức là Mạng cho nên khác với thân.

Lại nữa, bởi vì họ thấy Sắc thân có nhiều phần, mà Mạng thì chỉ một cho nên khác với thân.

Lại nữa, các ngoại đạo ấy thấy rời bỏ thân có trước đây mà nhận lấy thân Trung hữu, lại rời bỏ thân Trung hữu mà nhận lấy thân có bây giờ. Như vậy lần lượt chuyển đổi, thân tuy có khác mà Mạng thì chỉ một, cho nên khác với thân."

Có Sư khác nói: Bởi vì họ thấy lúc ngủ, thân cũng có chuyển động, cho nên biết trong đó có Mạng riêng biệt.

Lại nữa, họ thấy lúc mộng, thân ở nơi ban đầu mà có Mạng đi qua mọi nơi khác, cho nên biết khác thân, có Mạng riêng biệt.

Lại có người nói: Họ thấy dựa vào Định có thể nhớ lại quá khứ, và biết nhiều thân sai biệt ở vị lai, liền dấy lên nghĩ rằng: Thân tuy có nhiều mà Mạng thì chỉ một, cho nên biết là khác nhau.

Lại nữa, họ thấy ở thế gian, thân không có chuyển động, có thể nhớ lại quá khứ và biết được vị lai, cho nên biết lìa thân ra có Mạng riêng biệt.

Có người đưa ra cách nói này: Họ thấy thế gian, nhớ việc đã làm trước đây và việc đã trải qua, mà thân không chuyển động, cho nên biết lìa thân ra có Mạng riêng biệt.

Hoặc có người nói: Họ thấy phần vị trước sau của thân hình khác nhau, chuyển theo các trí Công xảo không có gì khác biệt, cho nên biết lìa thân ra có Mạng riêng biệt.

Đại đức nói rằng: "Họ thấy ở thế gian, người không tự tại và người tự tại, thân đều lay động, cho nên biết thân ấy do Mạng mà chuyển động."

Hỏi: Vì sao ngoại đạo chấp Mạng ấy không phải tức là thân?

Đáp: Tôn giả Thế Hữu đưa ra cách nói như vậy: "Họ thấy ở thế gian,

thân có nhiều phần khác nhau, Mạng thì không khác, cho nên không phải tức là thân.

Lại nữa, họ thấy ở thế gian, thân tùy theo duyên mà chuyển, Mạng thì không như vậy, cho nên không phải tức là thân.

Lại nữa, họ thấy ở thế gian, thân có tăng giảm-lợi hại đều khác nhau, Mạng thì không như vậy, cho nên không phải tức là thân."

Đại đức nói rằng: "Họ thấy ở thế gian, một thân mà có các loại tướng khác nhau, Mạng thì không như vậy, cho nên không phải tức là thân."

Hỏi: Vì sao ngoại đạo chấp Mạng ấy không phải là khác thân?

Đáp: Tôn giả Thế Hữu đưa ra cách nói như vậy: "Họ thấy khác với thân không có vật thật sự riêng biệt mà Mạng có thể đạt được, cho nên chấp Mạng ấy không phải là khác với thân, còn lại nói như trong phần tức là thân ở trước."

Đại đức nói rằng: "Họ thấy ở thế gian, đối với thân của mình mà khởi lên Ngã ái, chứ không đối với pháp khác, cho nên chấp Mạng ấy không phải là khác với thân, còn lại nói như trong phần tức là thân ở trước."

Nhưng những người ngu đối với sắc-tâm… nối tiếp nhau trong sát-na, không dễ dàng nhận biết rõ ràng, nói là có Mạng tức là thân-khác với thân… Nếu nói tức là thân và không phải là khác với thân, thì đưa vào phẩm Đoạn kiến. Nếu nói khác với thân và không phải tức là thân, thì đưa vào phẩm Thường kiến. Vì vậy, tất cả các ác kiến của các ngoại đạo đều đưa vào trong phẩm Thường kiến-Đoạn kiến. Tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác bởi vì đối trị điều ấy cho nên tuyên thuyết về Trung đạo, đó là sắc-tâm…không phải là Đoạn-không phải là Thường.

Hỏi: Thế nào là nên biết sau khi chết không phải là đoạn dứt?

Đáp: Tôn giả Thế Hữu đưa ra cách nói như vậy: "Thấy tâm lúc này nhiều niệm nối tiếp nhau, bởi vì những niệm trước diệt đi, có những niệm sau sinh ra, tâm sau nhất định phải dựa vào tâm trước mà khởi lên, tâm trước có năng lực nhất định sẽ dẫn đến tâm sau, gặp phải duyên rất chán ngán thì sau mới không khởi lên. Vì vậy, đời này bắt đầu thọ sinh thì tâm chắc chắn có tâm trước làm nhân dẫn dắt khởi lên, phần vị sắp mạng chung không có duyên rất chán ngán, lúc đang chết thì tâm chắc chắn có thể dẫn đến đời sau. Thân trước đã có thể dẫn dắt thân này khởi lên, thì thân này vì sao không dẫn đến thân sau? Vì vậy nên biết sau khi chết không phải là đoạn dứt.

Lại nữa, thấy căn hiểu biết hiện tại dựa vào căn đã khởi lên, lại có thể làm nhân dẫn dắt ý hiểu biết khởi lên, cho nên biết ý hiểu biết đầu tiên trong

thai chắc chắn nhờ vào căn hiểu biết của quá khứ dẫn dắt sinh ra. Đời trước đã có thể dẫn dắt đời này khởi lên, thì đời này vì sao không dẫn đến đời sau? Vì vậy nên biết sau khi chết không phải là đoạn dứt."

Đại đức nói rằng: "Không phải là lìa tâm khác, có tâm khác chuyển đổi, cũng thấy có sắc tùy theo tâm mà sinh ra, lại thấy có tâm dựa vào sắc mà khởi lên, bởi vì phiền não cho nên có sắc-tâm sinh ra. Vì vậy nên biết sau khi chết không phải là đoạn dứt.

Lại nữa, hiện thấy niệm trước trong thân có phiền não, chắc chắn có thể dẫn dắt sinh ra sắc-tâm của niệm sau, biết phần vị mạng chung có phiền não thì chắc chắn có thể dẫn dắt sắc-tâm sau khiến cho sinh khởi. Vì vậy nên biết sau khi chết không phải là đoạn dứt."

Hỏi: Các sắc-tâm… vì sao không phải là thường còn?

Đáp: Chuyển biến không phải là luôn luôn, lẽ nào là thường tồn tại hay sao?

Hỏi: Lẽ nào biết chuyển biến không do ẩn hiện mà chấp Thể ấy là có sinh diệt chăng?

Đáp: Tôn giả Thế Hữu đưa ra cách nói như vậy: "Nếu sự chuyển biến ấy chỉ do ẩn hiện, thì các phần vị đang ở thai tạng-hài nhi-trẻ thơ- còn trẻ-đứng tuổi-già yếu, đều phải cùng lúc khởi lên, nhưng mà dần dần khởi lên, cho nên biết Thể của chuyển biến có sinh diệt không do ẩn hiện.

Lại nữa, nếu sự chuyển biến ấy chỉ do ẩn hiện, thì các phần vị đang ở thai tạng-hài nhi-trẻ thơ-còn trẻ-đứng tuổi-già yếu, đều phải có gián đoạn, nhưng mà không có gián đoạn, cho nên biết Thể của chuyển biến có sinh diệt không do ẩn hiện."

Đại đức nói rằng: "Thế gian hiện thấy lúc các duyên hòa hợp thì có các pháp khởi lên, nếu duyên chia lìa thì các pháp sẽ hoại diệt, không phải là ẩn hiện mà có sự sai biệt bày, cho nên biết chuyển biến không do ẩn hiện, mà chỉ do Thể ấy có sinh-có diệt.

Lại nữa, lúc pháp chuyển biến thì tướng trước sau khác nhau, Thể cũng sẽ khác nhau, bởi vì tướng và Thể là một. Nếu pháp thường tồn tại tuy có phần vị ẩn hiện sai biệt, mà tướng không có gì khác nhau, cho nên biết Thể của chuyển biến có sinh diệt."

Phẩm luận về Già Tha vốn có nghĩa lý, như văn dễ hiểu cho nên không giải thích lại.

Tam tạng Pháp sư Huyền Trang dịch luận này xong nói bài tụng rằng:

"Sau khi Đức Phật Niết-bàn bốn trăm năm,

Vua Ca-nị-sắc-ca ở châu Thiệm Bộ,
Triệu tập tất cả năm trăm A-la-hán,
Giải thích ba Tạng ở Ca-thấp-di-la,
Trong đó A-tỳ-đạt-ma Tỳ-bà-sa,
Có được bản văn đầy đủ nay dịch xong,
Nguyện đem công đức hồi hướng cho hàm thức,
Mau chứng được Bồ-đề viên mãn tịch diệu.”

-oOo-